Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập I – 1887-1932

Quyển hai

Nhà xuất bản TP. HỒ CHÍ MINH

Nhà xuất bản VĂN HÓA SÀI GÒN



Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM

1887 – 2000

Tập I – 1887-1932

Quyển hai

Sưu tầm, tuyển chọn:

HỮU NHUẬN *(Chủ biên)* – HOÀNG LẠI GIANG

CAO THỊ XUÂN MỸ – TRẦN THỊ MAI NHÂN

Biên tập kỹ thuật, tổ chức và đầu tư bản thảo:

NGUYỄN VĂN ĐƯỢC ©



* Chúng tôi thành thật xin lỗi tất cả các tác giả và gia đình các tác giả (nếu tác giả đã qua đời) khi chưa có điều kiện tiếp cận với tác giả và gia đình tác giả để xin phép đưa tác phẩm của quí bác, anh và chị vào trong bộ tuyển này. Xin quí bác và anh chị cho chúng tôi địa chỉ hoặc điện thoại để tiện liên lạc.

Địa chỉ liên lạc: Nhà Xuất bản Văn hóa Sài Gòn – 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. ĐT: 8376585 *hoặc* Nhà Xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh – 60-62 Nguyễn Thị Minh Khai. ĐT: 8223637.

Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập I – 1887-1932
Quyển hai

Nhà xuất bản TP. HỒ CHÍ MINH | VHSG Nhà xuất bản VĂN HÓA SÀI GÒN

LỜI DẪN
Tập I
(1887-1932)

Chúng tôi coi đây là giai đoạn sơ khai của nền Văn học chữ Quốc ngữ, trong đó có dòng văn học lãng mạn. Cho đến hôm nay đã có không ít người cho rằng *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách (1925) là cái mốc thời kỳ bắt đầu của dòng văn học lãng mạn Việt Nam viết bằng chữ Quốc ngữ. Nhưng qua những gì chúng tôi tiếp cận được gần đây nhất, chúng tôi thấy GS Nguyễn Văn Trung có lý khi cho rằng dòng văn học viết bằng chữ Quốc ngữ, trong đó có dòng văn học lãng mạn được bắt đầu vào cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX.

Hoàn cảnh xã hội Việt Nam vào thời kỳ trên chịu tác động không nhỏ trước nạn xâm lăng của thực dân Pháp. Cuộc xâm lăng ấy đã khởi đầu ở miền Trung rồi sau đó là ở Nam Kỳ. Đi cùng với cái họa mất nước này, người dân lục tỉnh buộc lòng phải thích nghi với cuộc sống mới của chế độ thuộc địa. Trong sự bóc lột tàn nhẫn của chế độ thực dân Pháp, kinh tế đặc biệt là văn hóa ở Nam Kỳ đã dần thay đổi. Nền văn hóa Pháp và phương Tây bằng nhiều con đường cũng đã đến Nam Kỳ sớm hơn. Nền văn học ấy có những đỉnh cao như A. Dumas, V. Hugo, G. San, C. Dickens... Ảnh hưởng của Nho giáo ở Nam Kỳ - vốn không đậm bằng Trung Kỳ, Bắc Kỳ, nay lại chịu tác động bởi nền văn hóa phương Tây - càng ngày càng trở nên mờ nhạt.

Cùng với văn hóa là ngôn ngữ, là chữ viết. Vai trò của chữ Quốc ngữ được Trương Vĩnh Ký và các học trò của ông dày công phổ biến và từng bước được khẳng định trong xã hội. Chữ Hán và nền văn hóa Trung Hoa không còn độc tôn như trước. Không ít những lễ giáo tôn nghêm suốt hàng ngàn năm đô hộ của giặc Tàu không còn phù hợp với trào lưu mới nữa. Nó dần trở nên lạc hậu, trở thành vật cản trong khi hợp lưu với dòng văn hóa châu Âu.

Hơn ai hết, những nhà văn Việt Nam đã nhạy cảm dự báo được khá sâu sắc cuộc đấu tranh này và bắt đầu dùng ngòi bút sắt để sáng tạo ra những tác phẩm phản ảnh tâm lý xã hội thời kỳ đầu cuộc đô hộ của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Những chuyện tình éo le thời kỳ này bắt nguồn từ xã hội Việt Nam, hoàn cảnh Việt Nam, tính cách Việt Nam, mặt dù nó có chịu tác động bởi những tác phẩm của những văn hào châu Âu nói chung và Pháp nói riêng.

Nếu Nguyễn Trọng Quản chịu ảnh hưởng của văn hào người Áo Stefan Sweig khi viết *Thầy Lazaro Phiền* thì Hoàng Ngọc Phách cũng thừa nhận ảnh hưởng của các nhà văn, nhà thơ Pháp khi viết Tố Tâm như Rousseau, Chateaubriand... Chúng tôi coi đây là cuộc giao lưu văn hóa giữa Đông và Tây.

Như trong lời giới thiệu chúng tôi đã nói, nền văn học Việt Nam viết bàng chữ Quốc ngữ nói chung và dòng văn học lãng mạn nói riêng của chúng ta không hề bị gãy khúc, bị đứt đoạn mà được thừa kế và phát triển liên tục. Việc chia giai đoạn của chúng tôi chỉ là việc tương đối khi dựa vào những cái mốc văn học, những cái mốc xã hội, chính trị...

Nếu Nguyễn Trọng Quản là nhà văn mở đầu cho nền văn học chữ Quốc ngữ thì Hồ Biểu Chánh là một hiện tượng văn học đặc biệt. Không phải không có người coi thường văn chương Hồ Biểu Chánh. Nhưng suy cho cùng người đọc vẫn có lý của mình khi, cho tới hôm nay, ở thế kỷ 21, thế kỷ của tin học sách ông vẫn được tái bản và bán chạy. Cái gì đã làm cho Hồ Biểu Chánh vượt qua thời gian, sống cùng bạn đọc suốt hơn một thế kỷ. Tôi nghĩ những nhà văn học sử nếu có cái nhìn khách quan và tôn trọng sự thật sẽ ngẫm suy để trả lời thỏa đáng câu hỏi trên.

Tôi nghĩ, trước tiên Hồ Biểu Chánh là nhà văn xứ Nam Kỳ, nhà văn của những lưu dân đi mở cõi, coi nhẹ tiền bạc và công danh mà lại nặng về tình nghĩa. Trong tác phẩm của Hồ Biểu Chánh, chủ đề này được lặp đi lặp lại ở nhiều dạng khác nhau, cùng với một ngôn ngữ hết sức giản dị, gần với lời ăn tiếng nói đời thường của dân chúng, đặc biệt là dân chúng Nam Kỳ và một lối dẫn chuyện rất nghệ thuật, luôn buộc người xem phải tiếp tục cho đến khi hết truyện để tìm một kết thúc... Và kết thúc truyện của ông bao giờ cũng thỏa mãn tâm trạng người đọc, đó là một kết thúc có hậu.

Theo nhà nghiên cứu Bằng Giang và GS. Nguyễn Văn Trung thì thời kỳ này, ngoài Hồ Biểu Chánh, ở Nam Kỳ còn có mấy chục tiểu thuyết ái tình khác đã được xuất bản. Đấy chính là những dấu hiệu tích cực cho dòng văn học lãng mạn Việt Nam.

Hòa vào dòng văn học lãng mạn ở Nam Kỳ, ở Bắc Kỳ *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách, *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật đã xuất hiện. Đây chính là những tên tuổi tiêu biểu cho dòng văn học lãng mạn ở cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Mỗi người một phong cách và tài năng đã xây đắp cho gia tài văn học Việt Nam nói chung và dòng văn học lãng mạn nói riêng những diện mạo văn học khác nhau, rất phong phú và đa dạng để bùng phát thành dòng thơ mới và Tự lực văn đoàn với những tên tuổi mới như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam... Đấy chính là cái gạch nối của năm 1932 và 1933.

5-2005
Hoàng Lại Giang

TẢN ĐÀ – NGUYỄN KHẮC HIẾU
(1889–1939)

Nguyễn Khắc Hiếu bút hiệu Tản Đà sinh ngày 8-5-1888 tại làng Khê Thượng, Bất Bạt, Sơn Tây – nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Tây, trong một gia đình nho học. Thân sinh từng làm Ngự sử triều đình Huế nên ông được tập Ấm từ bé – thường gọi là Ấm Hiếu.

Mấy lần thi không đỗ, ông chuyển sang nghề làm báo viết văn. Ông từng chủ trương tạp chí Hữu thanh, *báo* An Nam tạp chí, *từng vào Nam giúp Diệp Văn Kỳ làm* Đông Pháp thời báo. *Ông cũng từng cộng tác với tờ* Tiểu thuyết tuần san *và tờ* Tiếng chuông sớm *của Phật giáo. Tản Đà cũng từng dịch thơ Đường cho báo* Ngày nay, *mở lớp Quốc văn hàm thụ, Hán văn diễn giảng và cả xem số Hà Lạc. Nhưng trước sau, ông vẫn sống cuộc đời nghèo túng.*

Tản Đà mất ngày 7-6-1939 tại Hà Nội.

Ngoài vai trò là người bắc cầu giữa thơ cũ và thơ mới, Tản Đà còn là người khởi đầu cho bút pháp lãng mạn trong văn xuôi với Giấc mộng con *(I và II) từ 1916 đến 1932 và sau này là* Giấc mộng lớn *(1928) là một thứ truyện hóa, mộng hóa những ý tưởng của tác giả, các sự kiện được viết xen lẫn nhau giữa thực và mộng.*

Chúng tôi tuyển chọn của Tản Đà tiểu thuyết Giấc mộng con.

*

GIẤC MỘNG CON

(tiểu thuyết)

LỜI TỰA
của Hán Thu Nguyễn Tiến Lãng

Nhà xuất bản ***Hương Sơn*** *góp sức với bà quả phụ của nhà văn sĩ và thi sĩ Tản Đà, mà sưu tập những di cảo của danh nhân ấy, và tái bản những tác phẩm nào của ông Tản Đà mà ngày nay đã hết đi hoặc khó tìm kiếm ra.*

In đến quyển ***Giấc Mộng Con*** *này, là đã bắt đầu xuất bản đến loại tản văn của Tản Đà*[1].

Nhân dịp này chúng tôi là một người học trò rất ngu hèn của nhà danh văn quá cố, muốn có vài lời để làm cho tỏ rõ một vài điều quan trọng trong những đặc sắc văn chương Tản Đà, mà những điều ấy hình như nhiều nhà phê bình hay viết lịch sử Tản Đà, chưa ai chịu khảo cứu tường tận.

Người ta thường nói: "Tản Đà chỉ là một nhà thi sĩ". Khi nói câu ấy tức là người ta đã phụ bạc biết bao nhiêu công phụ của Tản Đà trong nền văn xuôi Việt Nam cận đại.

Lược chép lại nhan đề những tập văn xuôi của Tản Đà đã có in thành sách, tôi nhớ phỏng chừng đã có đến mười bốn tập:

1. ***Giấc mộng con thứ nhất***[2] *(1916)*
2. ***Khối tình*** *(bản chính)* *(1918)*
3. ***Khối tinh*** *(bản phụ)* *(1918)*
   (hai quyển này, sau in làm một tập, nhan đề ***Tản Đà tản văn****).*
4. ***Đài gương*** *(truyện dịch) nguyên đề là* ***Đàn bà Tầu*** *(1919)*
6. ***Thần Tiền*** *(1921)*
7. ***Thề non Nước*** *(1922)*
8. ***Trần ai tri kỷ***
9. ***Tản Đà tùng văn*** *(1922)*
10. ***Truyện thế gian*** *(thứ nhất)* *(1927)*
11. ***Truyện thế gian*** *(thứ nhì)* *(1927)*
    Hai quyển này có cả những bài của một vài nhà văn khác, cùng in góp vào với những bài của Tản Đà.
12. ***Quốc sử huấn mông*** *(1924)*
13. ***Giấc mộng con thứ hai*** *(1932)*

---

1. Tiếp theo với cuốn Thề non nước của Tản Đà.
2. Cuốn tiểu thuyết trường thiên thứ nhất trong văn đàn quốc ngữ (H.S).

14. ***Giấc mộng lớn*** *(1932)*

Nếu ta giở lại tập ***Hữu Thanh Tạp chí*** *mà Tản Đà đã làm Chủ bút trong sáu tháng, và toàn tập* ***An Nam tạp chí*** *là tờ tạp chí trải ba chìm bảy nổi cùng đã sống được trong hai năm (nếu trí nhớ tôi không nhầm) thì ta còn có thể tìm ra hàng trăm bài văn xuôi của Tản Đà, văn soạn ra hay văn dịch, mà Tản Đà chưa kịp góp lại thành sách.*

Ta lại không nên quên những tập văn dịch thuộc loại văn xuôi của Tản Đà, như ***Đại học*** *hay* ***Liêu trai.***

Đó là cái lượng (quanlité) của ông văn xuôi ấy, ta nhận thấy nó chẳng nhỏ, nhưng cái phẩm (qualité) thì sao?

Tôi dám quả quyết mà đáp rằng: giá trị văn xuôi của Tản Đà cũng không kém gì giá trị văn vần của Tản Đà.

Sở dĩ người ta nhiều khi phê bình văn xuôi Tản Đà, hay có những lời thiên lệch, ấy chỉ vì những nhà văn phê bình thấy nhời văn của Tản Đà nhiều khi quá chải chuốt, điệu văn của Tản Đà nhiều khi gần biến sang điệu thi ca, rồi người ta vội tưởng nhầm ngay rằng: Tản Đà làm văn vẫn theo một cái mục đích với Tản Đà làm thơ, nghĩa là lay động tâm hồn, gợi những mối tình hoài man mác chứ không thật có ý tưởng muốn đem truyền bá, không thật có quan niệm muốn đem phô rãi [giãi], để tìm con đường đi tới cõi đời tư tưởng của độc giả.

Kỳ thực, Tản Đà làm văn xuôi rất dụng công mà văn xuôi của Tản Đà rất rồi rào [dồi dào] tư tưởng nhưng nhà văn muốn tự tình cảm mà đi tới tri thức. Tôi thường nghĩ tới những lý thuyết Bergson khi đọc văn xuôi của Tản Đà: không đọc tới Bergson mà Tản Đà đã đem thực hành những lý thuyết của Bergson khi Tản Đà viết văn xuôi. Theo Bergson và theo Tản Đà, tư tưởng không bao giờ rời xa tình cảm của độc giả rồi bởi sự rung động ấy sẽ đưa độc giả tới sự trực giác (intuition) cái lý thuyết, cái quan niệm, cái tư tưởng mà tác giả muốn cho độc giả đi theo.

Tôi vẫn ước ao rằng sau này sẽ có một ngày tôi có được cái vinh hạnh phân giải những điều ấy một cách rõ ràng hơn trong mấy

lời vắn tắt nay – cũng như tôi sẽ phân giải nhiều cái nhầm khác của mấy nhà viết lịch sử Tản Đà hay phê bình thi văn Tản Đà. Trong bài tựa này tôi hãy xin nói vài cái yếu điểm mà độc giả hai ***Giấc mộng con*** *này chớ nên quên, trong khi đọc tập văn này.*

Năm 1916, ***Giấc mộng con*** *thứ nhất ra đời, vậy có lẽ đấy là quyển tiểu thuyết thứ nhất soạn ra và xuất bản trong nền quốc văn cận đại?*

Giấc mộng con *là một cuộc thử thoát ly (une tentalive d'évasion) của một nhà văn thiếu niên nho sĩ, mơ được những sự viễn du, mà chỉ được du lịch bằng trí tưởng tượng sau khi đọc những sách tân thư của người Tầu xuất bản để mô tả những cảnh vật, phong thổ, chủng loại, văn minh của các nước trong hoàn cầu. Ngồi ru rú trong xó nhà, mà chỉ ước mơ những phong vị núi tuyết rừng bàng, châu Âu, châu Mỹ, ấy một cái gốc quyển* ***Giấc mộng con thứ nhất*** *là ở một cái mâu thuẫn ấy.*

Nhưng ***Giấc mộng con*** *lại còn là một tiếng gọi của nhà thiếu niên văn sĩ muốn đem cái văn tài ra mà làm những việc vì dân vì nước, nhưng luống nặng một khối tình thi sĩ, cho nên luống ước ao gặp tri kỷ, vì có gặp tri kỷ, thì mới có can đảm mà đem cái chương trình của mình ra mà thực hành. Vì một sự khiêm nhượng và e lệ (pudeur), cái chương trình hành động về văn chương và xã hội của Tản Đà, Tản Đà không dám trắng trợn mà phô bày ra. Phải mượn chuyện mộng mị và tự vẽ ra một hình ảnh cô Chu Kiều Oanh, người ý trung nhân rất thông minh và rất đa cảm, để nhờ ý trung nhân ấy thổ lộ giúp cho cái mộng muốn làm "nhà văn học kiêm triết học ở Đông Dương" để nhờ chính phủ Bảo hộ giúp sức mà làm cho "nước tổ Hồng Lạc nghìn vạn năm" mà danh vọng của Tản Đà cũng "nghìn vạn năm".*

Thì Tản Đà đem mượn chuyện mộng mị mà phô bày những ý kiến như câu chuyện nói cùng nhà bác sĩ ở Mỹ châu ***Giấc mộng con*** *(VI Điếm chủ), nói chuyện cùng viên Thống trưởng ở "Cõi đời mới" (VII Tiêu diêu du A), và những lời ước vọng trong "Cố nhân thư", tôi nhận thấy hình như một người đứng trước xã hội, muốn vì xã hội mà ra tay, nhưng còn cần ướm hỏi xã hội xem tiền lộ rồi có ai tri kỷ?*

Thế cho nên đọc kỹ ***Giấc mộng con****, và hiểu* ***Giấc mộng con****, thì ta không có chi là lạ nữa, khi ta sẽ thấy Tản Đà bước chân vào làng báo và long đong vì tạp chí* ***An Nam****. Đấy cái mộng con lúc xưa nó hóa ra sự thực đó thôi!*

Giấc mộng con thứ hai *là một cuộc tự an ủi của nhà văn sĩ và thi sĩ sau khi đã lăn lộn trong làng báo, đã khổ cực vì muốn đem ý tưởng hưng quốc mục dân của mình mà dung hòa với những thực hiện trong thời thế.*

Tôi lại muốn nói đến lời văn trong ***Giấc mộng con thứ nhất.*** *Tác giả tuy lãng mạn, nhưng tả chân. Vậy cho nên theo đúng những cái "mốt" lúc bấy giờ, năm 1916 có những sự thật thà hoi quê mùa nhưng rất có chân vị như những tiếng khởi đầu bức thư cho bà vợ: "Ma chère Femme", bức thư Kiều Oanh cho Tản Đà: "Mon cher Tản Đà" và lời tự xưng ở cuối thơ "Ton amie: Kiều Oanh" – Bây giờ, năm 1941, ta đọc những chữ tây ấy xen lẫn vào những trang văn xuôi Việt Nam cực kỳ mỹ lệ, thì ta lấy làm lạ: Nhưng ta phải nhớ rằng năm 1916 thì những sách viết như vậy là thông thường, mà Tản Đà đã cố ý giữ cái vẻ tự nhiên trong tập tiểu thuyết này.*

Tập văn này, ý tưởng ly kỳ, lập luận ly kỳ, tưởng tượng ly kỳ, nhưng nhời văn thì khúc triết minh bạch, nhiều đoạn thì hùng hồn, nhiều đoạn thì lâm li réo rắt như nhạc như đàn, theo ý tôi, không có áng văn xuôi Việt Nam nào, từ năm 1916 đến nay, đẹp nhời như văn này được.

Tập này có phụ thêm cả một ***Bức thư cho Kiều Oanh*** *của Tản Đà in vào trong tập thơ văn đề là* ***Còn Chơi.***

Ai ơi, xem văn xin hãy nhận lấy cái tâm sự, cái công lao của nhà văn, mà thắp vài nén hương, nhỏ vài giọt lệ.

HÁN THU

Huế, đêm 13-6-1941

TỰA CỦA TÁC GIẢ

Người là một giống có ý thức. Có ý thức, cho nên có mộng. Trăm năm trong cõi người ta, nhiều cảnh thân thể chưa trải biết mà ý thức đã đi trước. Ý thức đi trước mà không đến, thời là tưởng; ý thức đi trước mà đến thời thành mộng. Hoảng hoảng hốt hốt, mơ mơ mòng mòng, như thực như có, như hư như không, như qua địa ngục, như chơi non Bồng, kỳ kỳ quái quái, xinh xinh lạ lùng. Nay nói mộng.

Mộng là một quãng đời hiện thấy trong giấc ngủ. Các cảnh ngộ trong mộng, tỉnh dậy thời thành không. Vậy thời đó là một sự con Tạo hóa dối mình, thời có thú gì mà nói? Lại còn có thú gì mà chép? Dẫu thế, người đời xưa có nói: "Các việc đã qua, nhiều cái như mộng" và "ở đời như giấc mộng to". Học thấy thế cho nên ngồi mà nghĩ, thời: Các việc năm trước đến năm nay đã thành không: các việc tháng trước đến tháng này đã thành không; cả như việc mới ngày hôm trước sang hôm nay đã thành không. Các việc năm trước, tháng trước, ngày hôm trước mà còn vướng lại năm sau, tháng sau, ngày hôm sau, cùng có chó không không, nhưng thực là rất ít. Nghĩ thấy thế cho nên lại ngồi mà xét thời cảnh ngộ trong mộng cùng cảnh ngộ ở đời có khác nhau mấy nhẽ: Cảnh ngộ ở đời dài, cảnh ngộ trong mộng ngắn, cảnh đời nhiều về phần ngày, cảnh ngộ mộng thường về phần đêm; cảnh ngộ đời nhiều người cùng biết cho nên có chứng; cảnh ngộ đời mở mắt mà thấy, cảnh ngộ mộng nhắm mắt mà thấy. Cảnh ngộ mộng mở mắt thời mất, cảnh ngộ đời chắc cũng nhắm mắt mà thành không. Vậy thời mộng là cái mộng con, đời là cái mộng nhớn. Mộng con mình đã tỉnh, cho nên biết là mộng; mộng nhớn mình chưa tỉnh, cho nên chưa biết là mộng. Cũng là mộng cả, mà người đời có chép sử, chép chuyện, chép ký, chép hành trạng, thời mình cũng nên chép. Nay đã tỉnh cái mộng con thời chép lấy; còn cái mộng nhớn, đợi lúc tỉnh rồi sẽ hay...

1916

NGƯỜI MỘNG

THIÊN MỤC

1. *Anh kiều* – Affinités éleetives.
2. *Thư ký* – Emploe de commerce.
3. *Ách* – Période d'adversité.
4. *Sầu thành* – Dans la cité de trislesse.
5. *Toàn phong* – Au milieu du tourbilton.
6. *Điếm chủ* – Géraut d'un comptoir.
7. *Tiêu diêu du* A – Pérégrinations poétiquesl.
8. *Tiêu diêu du* B – Pérégrinations poétiquesll.
9. *Cố hương* – Au village natal.
10. *Cố nhân thư* – Lettre d'une amie d'antan.

*

1. ANH KIỀU

Đêm hôm 28 tháng giêng năm Bính thìn là năm Duy Tân thứ 10, lịch tây 1916, Nguyễn Khắc Hiếu hiện thân ở Cố lý mà tinh thần trí giác man mác tại tha hương.

Thời thấy:

Cùng hai người bạn thân: Lệ Trùng và Thu Thủy, cùng chơi núi Sài Sơn, lên chợ Giời. Ngó xuống chân núi thì lom khom đá mọc, hớn hở huê cười, các người đi chơi xuân nối nhau một giải như con rắn lượn lối quanh đường. Trông ra bên giời thời một ngàn mây bạc, mấy vệt rừng xanh. Giang sơn một thú hữu tình, bức tranh xuân sắc, như gần như xa.

Lệ Trùng – Giời mỗi năm một lần xuân, thời giang sơn cũng mỗi năm một lần xuân thì trăm năm trăm lần xuân; nghìn, vạn, ức, triệu, Hàng hà sa số[1] năm thời nghìn, vạn, ức, triệu Hàng hà sa số

1. Số hạt cát ở sông Hàng hà, không biết đếm thế nào cho hết. (chữ kinh Phật). H.S.

xuân. Mà tiếc cho thân thế con người ta, tuổi đã đi không bao giờ lại, tóc đã bạc bao giờ lại xanh! Cho nên người đời xưa vui chơi non nước mà hay sinh một tấm cảm tình, thời như chúng mình ngày nay, cũng sao được, không có mỗi người một tư tưởng riêng?

Thu Thủy. – Vui chơi non nước mà hay sinh một tấm cảm tình, thời dẫu người đời xưa hay chúng ta, cũng chẳng qua muốn đem thân danh cùng giang sơn cùng lưu truyền thời cũng là một hứng thú chung của các người đi chơi trong lúc chơi thưởng thế thôi.

Lệ Trùng – Giang sơn to nhớn như thế, trông như hữu tình, mà thực là một vật vô tình, cho nên thọ. Thân hình con người ta rất nhỏ mọn, lại các cái lo, thương, phiền não lần hồi chuyển tiếp trong ngày đêm. Người đời xưa dám mong hai chữ "tài đức". Nhưng tôi thấy lắm người tài cũng không hèn, đức cũng không bạc, mà sau lúc thân đã khuất, hình đã tiêu, thời tên tuổi sự nghiệp cũng mây tan đá chìm trong thế gian.

Hiếu – Ấy bởi thế, cho nên tôi mỗi bận đi chơi, trước thì hứng, sau ra cảm, rồi sinh sầu. Không biết người sầu chăng? Giang sơn sinh sầu chăng?

Thu Thủy – Không! Cứ ý tôi xem ra thời vật đổi sao rời, đá mòn sông cạn, giời đất có lúc bể dâu, mà các người danh nhân thực thiên cổ. Núi Thú Dương có ngày cũng lở, mà tiếng Di, Tề ở Trung Quốc, biết đời nào quên[1]. Sông Bạch Đằng khô lấp có phen, mà ông Trần Hưng Đạo tại nhân gian, ai làm cho mất. Vật chỉ có hình thôi tất hủy... Giang sơn dẫu thọ, sẽ với danh nhân còn chết non, cũng chỉ thua hai chữ tài đức là giống vật vô tình mà người là vật hữu tình. Nếu như ý nói là anh Lệ Trùng thời không những sai nhầm, lại dễ làm cho người ta ngã lòng lắm. Còn như anh Tản Đà thời nguyên là một người đa tình cho nên nhiều sự sầu cảm. Cái đó coi như thường mà thực rất có hại đến sự học thức.

---

1. Ông Di, ông Tề là hai anh em ruột, là trung thần đời nhà Thương bên Tàu, giữ trung khái mà chết đói ở núi Thú Dương. Đức thánh Khổng cũng có khen, người đời sau rất trọng.

Lệ Trùng – Phải! Nhân tôi lại nghĩ rằng: con người ta ở đời, cũng chỉ nên nuôi cái tài sức, theo cái lý thú, để làm xong cái phận sự mình. Còn như lưu truyền hay không, cái đó về phần sau lúc tri giác đã thụ tiêu, không cần phải tính đến. Ông Bá Di có tính đâu sự lưu truyền mà mới có cao tiết núi Thú Dương? Ông Hưng Đạo có tính đâu sự lưu truyền mà mới có trận đánh sông Bạch Đằng? Thời can chi phải cùng giang sơn tranh thọ mà nay sầu mai cảm, không những vô ích, thêm hại cho sinh ý tự nhiên.

Hiếu – Phải! Chúng ta bàn luận trước, cũng chẳng qua cảm hứng trong một lúc đi chơi thế này thôi. Như mấy câu nói anh Lệ Trùng mới rồi ý tưởng thật bình thường mà cao hơn. Ừ, nhưng tài sức con người ta có hạn mà phận sự không biết đâu là bờ. Nếu không có riêng một ý thú, không định được một đích hạn, thời như đội chiếc thuyền nan ra đứng trông cửa bể, hồ dễ mà không ngán? (!) Ngán, hồ dễ mà không sầu? (!...)

Lệ Trùng – Giời sinh vạn vật trong thế gian, vị khác nhau, phận khác nhau, tài khác nhau, cho nên ý thú cũng nhân mà khác nhau. Ý thú của hổ, báo ở rừng xanh, ý thú của côn, kềnh ở bể rộng; con ve có ý thú của con ve, con kiến có ý thú của con kiến. Đều là những cái tài, cái phận, cái vị mà đều có một ý thú riêng. Trong đầu người, giời lại lựa chia làm vạn vật. Nay tôi không là anh, biết đâu anh là con hổ hay con kềnh, con ve hay con kiến. Kiến hay ve, kềnh hay hổ, anh tự hiểu, thời tự có một ý thú. Cái đó không hợp đem bàn định với người ngoài.

Hiếu – Ừ, cái đó không thể phiền các anh bàn giúp thật. Nhưng người ta muốn làm xong một phận sự, phải nhờ có tài; tài, phải nhờ có học; học, quyết không phải một ngọn đèn xanh, năm xe sách cổ đã là đủ. Vậy thời tính sao?

Lệ Trùng cười mà không nói được.

Thu Thủy đương ngồi, tay cầm một bông hoa, buông hoa đứng dậy nói rằng:

– Như ý anh thời phải đi Sài Gòn tìm anh Phạm Huy Tâm, tất nhiên có một nhẽ rất tiện ích.

Hiếu – Phải.

Lệ Trùng – Ừ! phải.

Câu chuyện vừa tàn, chiều giời cũng chuyển. Phong cảnh Sài Sơn chưa chớp mắt, đã thành ra một cuộc tiễn biệt ở nhà ga.

Đường ngoài ga Hàng Cỏ, lờ mờ sáng, có một người hành khách sắp bộ đi đường xa, đồ hành trang một cái va-li, là ai? Thiếu niên Ấm sinh ở Sơn Tây: Nguyễn Khắc Hiếu đó. Khi ấy, các bậc tương thức, các chỗ thân bằng, nhiều ông cùng ra tiễn. Lại một người thiếu phụ đứng riêng tại một chỗ, thủy chung không có một tiếng nói, lệ hai hàng lâm dâm như cành hoa lê: hạt mưa điểm; thời là tân hôn, 16 tuổi, quê ở tại chùa Hương sông Hát, mới cưới rằm tháng chạp năm thứ 9 Duy Tân. Sau lúc đã bái biệt mà đi, đến Hải Phòng còi tầu ba tiếng, sóng bể muôn trùng, là bắt đầu Nguyễn Khắc Hiếu lìa xa cố thổ.

Đến Sài Gòn tìm đến ông Phạm Duy Tâm. Quả nhiên, nhân ông Tâm được tiếp hầu một ông quan Tây Vinailles. Ở Sài Gòn ít lâu, rồi theo ông Vinailles sang Đại Pháp.

2. THƯ KÝ

Khi còn ở nhà quê, nghe nói nhiều người ở làng cạnh, suốt đời chân không bước đến tỉnh, lấy làm buồn cười. Đến lúc, từ Sài Gòn xuống tàu thủy sang Marseille, từ Marseille lên xe hỏa về Saint-Étienne, thời nghĩ lại mấy người làng cạnh nói có lý, mới thật là đáng thương! đáng buồn cười!

Đến Saint-Étienne, độ vào 6 giờ chiều, theo ông Vinailles vào một cửa hàng nhớn, tên hiệu là Drayon, bán toàn đồ vàng, ánh đèn điện bật lên, như hiện thân tại hoàng kim thế giới. Chủ nhân chạy ra tiếp, trông người trọng hậu khác thường. Khi hai ông lên gác nói chuyện thời mình ngồi riêng lại một chỗ. Trưa hôm sau, ông Vinailles về nhà ở Lyon, mình theo tiễn ra ga, rồi quay lại cửa hàng, thuộc về chủ nhân đấy bảo dưỡng.

Nguyên ông chủ hiệu tên Dravine, một người buôn bán to, các cửa hàng tại các nơi còn nhiều, mà hiệu bán đồ vàng đấy là một. Người có danh giá, có đức lượng, nhiều kẻ được nhờ ơn gây dựng mà thành thân. Hiếu ở đấy ít lâu, công việc cũng quen biết, chức

trách ngày một thận trọng. Rồi ngày thời coi sóc công việc, đêm được đi học một ông thầy dạy tư, chữ francais và chữ anglais.

Thành tòa như gấm, ngựa xe như dệt; ngày, cây râm như mái lợp, đêm, đèn sáng như giăng treo. Các hạng người các châu, người ở làm ăn, kẻ đến du thưởng, ngày đêm đi lại bất tuyệt. Ai ngờ cậu Ấm Hiếu vẫn nằm co xó rừng ở tỉnh Sơn Tây, xứ Bắc Kỳ, nước Nam Việt, mà cũng có lúc theo chân chen bóng miền đại bang! Nguyền xưa mới bén, đường trước còn dài, tưởng như ngày xem *Tây sương*, xem *Liêu trai*, xem *Tình sử*, tâm tình ấy đã gác cả ngoài bụng. Nhưng mà cái giống đa tình, giời không để cho quên, đất đến đâu cũng gặp. Thoi oanh tơ liễu đã thêu nên một bức xuân tình. Quê người hồng tử đua tranh, trong trăm hoa lại một cành cố hương.

Trong thành Saint-Étienne, gần công viên[1], có một cửa hàng bậc trung, cũng bán đồ vàng bạc, chủ nhân là Chu Văn Lập, người Sài Gòn, sang làm ăn buôn bán ở Đại Pháp đã 20 năm. Người giai trưởng có vợ con, coi một cơ nghiệp tại Gia Định. Cùng ở cửa hàng đấy, ngoài bà vợ và cậu bé lên 6, có một cô con gái 17 tuổi thời không biết: bởi nhân sự sinh ra chăng? bởi cầu tự sinh ra chăng? (!). Cô con gái, tên gọi là Kiều Oanh, giòng giống Lạc Hồng mà sinh trưởng đất Đại Pháp; chữ tây đã biết nhiều, còn đương học chữ nho, cũng thông hiểu điển tịch. Ông bà có một cô ấy là con gái, cho nên yêu chuộng khác thường. Mỗi bảy giờ tối, Hiếu đi học qua, thường thấy dắt em bé chơi trước cửa. Tiếng guốc nhẹ sẽ chạy rền trên gạch lát, nghe lâu đã quen tai. Sau vì sự hàng hóa giao dịch, tiền nong tính toán, lễ ý đi lại, ân tình thăm hỏi, làm cho một cô con gái con ông chủ một hiệu với một cậu thư ký thân ái của ông chủ một hiệu, nguyên người một nước, cùng ngụ một thành, lại cùng phải vương víu, lăng líu, dắc díu nhau; mà chỗ vườn công viên, thành Saint-Étienne, đã thường có hai người cùng nói chuyện tiếng An Nam vậy.

Bóng cây rậm, thưa; ánh đèn tỏ, khuất. Tiếng nói nhẹ bao nhiêu, dáng người mềm bao nhiêu; mềm bao nhiêu, chín bấy nhiêu; chín bao nhiêu, tươi bấy nhiêu; tươi bao nhiêu, tình bấy nhiêu. Như

1. Là chỗ vườn chơi của nhà nước, như trại Hàng hoa ở Hà Nội.

ghét, như yêu, như chiều, như ngượng, lông mày ngài, con mắt phượng, cô nhìn ai! Xuân đi hạ tới, thu lại đông qua, mỗi đêm chỗ góc vườn công viên, dù mưa phùn, dù gió lạnh, thường cùng nhau họp chuyện trong nửa giờ. Hết câu chuyện tình ý, đến câu chuyện văn chương; hết câu chuyện văn chương, ra câu chuyện lý tưởng; hết câu chuyện lý tưởng, đến câu chuyện điển cố; hết câu chuyện điển cố, ra thế thái nhân tình; hết thế thái nhân tình, đến tha hương cố quốc. Một hôm Oanh nói:

– "Tôi dẫu gọi là người Việt Nam, mà sinh trưởng ở bên này, thỉnh thoảng có về quê Gia Định thôi; chớ như ngoài Bắc Kỳ, chưa bận nào ra đến...

(Kiểm duyệt bỏ 16 dòng)

Một hôm Oanh cười hỏi: "Uyên ương cửu biệt, lâu nay có tin tức gì về không?"

Hiếu – Độ hai tháng trước có gửi về được một ít tiền và một bức thư.

– Thư có nhớ không?

– Nhớ!

– Thử đọc xem.

– Không đọc!

– Đọc đi.

– Không!

– Vợ chồng xa cách lâu, thời phải lấy mảnh thư để thông tình, việc gì mà giấu. Thử đọc lên, xem nhời nhẽ có được văn chương không?

– Hễ đọc cấm cười nhé.

– Ừ.

Đọc rằng:

"Ma chère femme,"

Quan hà xa cách, thấm thoát đã 2 năm. Độ nọ tiếp thư anh Ấm Cả gửi sang, biết Mẹ già vẫn thường được khang kiện, cả nhà bình an và số tiền gửi về năm ngoái, Hiền khanh đã nhận lĩnh, tôi lấy làm yên lòng. Bóng dâu đã xế ngang đầu, nhờ Hiền khanh thay chữ *hôm mai* cho, thời người ngoài bể khơi cũng như về đến phần hương vậy.

Đêm đông canh dài, giăng mờ sương lạnh, nghĩ đến nỗi ly cách, thời các người khuê các cũng không may mà không lấy được anh chồng ngu! Nhưng biết thế thời đành, mà phận sự người nam nhi không phải hai chữ "chung tình" đã là hết. Thôi! Càng nhớ đến chồng bao nhiêu, càng nên chiều lấy mẹ bấy nhiêu. Ngày tháng thoi đưa, không mấy chốc mà đôi ta lại họp mặt. Mấy lời chân trọng, ngàn dặm nước mây."

Oanh. – Thế có việc gì mà buồn cười. Văn cũng giản mà có vị.

Ở Saint-Étienne hơn 2 năm, học chữ francais đã rộng thêm, chữ anglais cũng thông hiểu, giao tiếp nhiều, nghe biết rộng, tự xét trình độ học vấn đã lên được vài phân. Nghĩ giá gặp các ông bạn cùng chơi chợ Giời mấy năm xưa mà lại cùng nhau đứng nói chuyện thời chắc có một câu kinh ngạc rằng: "Anh" bây giờ thật không phải Ấm Hiếu ở Sơn Tây. Tiếc cho! Con chim xanh vừa đương chắp cánh bay chuyền, ánh trúc mới thông, cành mai chửa bén, mà vườn hồng chi đã ngăn rào ấy ai?! Thời trong thành Saint-Étienne, hiệu Drayon, xẩy sinh ra một sự rất đáng kinh, đáng nghi, đáng thương giận cho người thiếu niên thư ký sản Nam Việt.

3. ÁCH

Ông chủ Dravine có việc cần đi xa một tuần lễ. Trong hiệu Drayon, một đêm, mất người thư ký không thấy về. Sáng hôm sau, chủ nhân về tới nhà, mới vẽ ra một sự mất trộm đến ức, triệu.

Lạ thay! Cho cậu thiếu niên thư ký Nguyễn Khắc Hiếu ấy thời đi đâu?

Nguyên mấy hôm ông chủ đi vắng, Hiếu xin phép nghỉ học, nhưng tối vẫn ra họp ở công viên, lưu luyến thường đến hai ba giờ. Một hôm vội đi quá, các chìa khóa trọng yếu phần mình giữ, bỏ rơi chung quanh nhà; hơn 12 giờ đêm mới về, sực nhớ đến, tức thời soi riêng mấy tủ xem, nhất thiết rỗng không cả! Sợ thay! – Nếu gặp phải sự này mà tỉnh mất thời quyển mộng của ta không thành. May được khi ấy cũng vững dạ. – Rồi suốt ngày hôm sau chưa ai biết. Bảy giờ tối, rẽ ra nơi công viên để bàn sự nguy cấp. Cùng một chỗ

công viên, cùng hai người tình nhân, cùng bảy, tám giờ tối, mà phong cảnh tiêu sơ, tinh thần thảm đạm, cho biết sự vui thú trong thiên hạ dễ mấy khi mà trọn! An, nguy, vinh nhục trên thân Nguyễn Khắc Hiếu lúc ấy, đã trông cả vào trong tay một người nhi nữ Kiều Oanh. Có đến lúc vô khả nại hà, mà cõi tình lại biết ra một cảnh rất bí mật, rất gian hùng, rất hiểm quái!

Chung một vách với hiệu buôn ông Chu Văn Lập có cái nhà bỏ không, cũng của ông ấy để cho thuê mà chưa có người ở. Nhà có một cửa ngang thông với hiệu thường vẫn có khóa. Bàn định xong, Hiếu y nhời dặn, đến 12 giờ đêm, theo quanh đường ngõ hẹp lại đằng sau nhà không ấy. Đến nơi, thời đã như có người hé cánh cửa đứng đợi. "Công viên a? – Phải". Nhân theo vào, cùng lên tầng gác trên, mở một cửa kính lấy không khí. Từ đấy, các thức ăn dùng, Oanh cứ đêm khuya thường mang sang. Mỗi bận Oanh sang lại cùng nhau pha chè nói chuyện chơi. Gió xuân mặt giời hạ! nước thu mà sương động! Tình tương thân, lệ tương trọng, lý thú tương đáo trong các bạn cùng giao hiệp sĩ trong thiên hạ dễ ai mà với ai?! Một đêm Oanh cầm sang một bao chè, nói là của một người Tàu buôn bán quen mới làm quà cho một thạp. Đem pha uống. Tuyệt thanh lương! Hiếu ta sinh bình thích chè ngon, thích người đẹp, thích cảnh trí thanh tĩnh, đến bận ấy được cả ba cái hợp một. Nhân hứng vui nói chuyện rằng:

– Lòng thích của người ta thật khác nhau mà nhiều cái rất vơ vẩn. Nếu không nói, chắc không ai đoán hết bụng thích ai. Như tôi xem sử chuyện đời xưa, bao những cái công danh to, lâu đài lớn, chơi bời sướng, quyền chức sang, đều cho là một cảnh mộng vô tình của người đời xưa. Người đời xưa có cảnh mộng của người đời xưa; mình sinh sau có cảnh mộng của mình. Đời đã qua, người đã khuất, thời mộng, cũng đã mất, như đống tiền giấy đốt thành gio, khách qua đường can chi có hệ luyến? Đã nghĩ thế, mà lại chỉ tưởng riêng một chén rượu trong màn ông Hạng Vương lúc Cai Hạ[1] và cung đàn

1. Ông Hạng Vương, tên Tịch, cũng gọi Hạng Vũ, một người anh hùng bên Tàu thời trước; mình cao 8 thước, mỗi con mắt hai con ngươi, sức khỏe nhấc nổi cái vạc, đánh nhau 72 trận chưa từng thua, tự xưng làm Tây Sở Bá Vương. Đến sau bị vây ở Cai Hạ, đương đêm, cùng nàng phi tên Ngu Cơ cùng dậy uống rượu ở trong màn, hát mấy câu khảng khái, rồi nàng Ngu cầm guơm tự vẫn chết.

trong hàng rượu ông Tương Như ở Thành đô[1]. Lấy làm một cái trầm hùng, một cái thanh thú, là khí anh hùng, điệu tài tử, đều trong lúc cùng quẫn mà lại đều được cái hương phách người mỹ nhân làm màu. Cho nên cách ngàn thu đến nay, còn như có hương rơi, tiếng thừa phảng phất ở nhân thế.

Oanh. – Câu chuyện cũng đã thú, nhưng kể chưa được sành. Nàng Ngu Cơ nghe mấy câu bi ca mà cầm gươm tự vẫn, thời cái hiệp khí ấy thực đáng làm một người vợ ông Bá Vương. Nàng Văn Quân hai lông mày như vệt núi mùa xuân, má như hoa phù dung, người vừa đẹp, vừa thẩm âm, vừa chung tình, lại nhất xem như lúc cùng nhau nấu rượu ở Thành Đô thời hiền đức cũng không kém gì nàng Mạnh Quang[2]. Hai người ấy, như thế là giai nhân sao gọi là mỹ nhân? Nếu mỹ nhân thời chỉ gọi là một người đàn bà đẹp thời các chỗ phồn hoa, nơi phú quý, có lấy gì làm thiếu; mà thiên hạ, hàng tài tử cũng không ít, sao không thấy điệu thừa hương sót ở nhân gian.

*

H. – Phải, thế nhân hôm nay tôi mới biết hai chữ ấy lại có khác nhau. Cô cũng là một người giai nhân, cho nên mới hiểu nghĩa chữ giai nhân được như thế. Thời ấm chè đêm hôm nay lại được cái hương phách người giai nhân làm mầu. Vậy biết con người ta thích cái gì, giời tất có lúc cũng cho được.

O. cười nói: – Chính thế.

H. – Không. Xem trong áng thoa quần, có dung nhan, có học thức, có chung tình, có hiệp khí, như có kể với người các nước

---

1. Ông Tương Như, tức chuyện Kiều gọi là Tràng Khanh họ Tư Mã cũng người Tàu. Người rất tài tình mà nhà nghèo; bạn thân với một quan Tri huyện Lâm Cùng. Hạt Lâm Cùng có một nhà hào phú, họ Trác, có người gái hóa Văn Quân người rất đẹp mà thích đàn. Một hôm quan huyện đưa Tương Như xuống chơi, đánh chơi một khúc đàn Cầu hoàng. Văn Quân ta ngồi trong nhà nghe mê quá. Đến nhà thời chỉ có bốn bức vách. Sau nhờ anh em được cái vốn nhỏ; mở hàng rượu ở chợ Thành Đô cùng nhau nấu rượu bán. Tương Như đóng khố để cọ nồi. Văn Quân thời vào việc đun bếp. Lúc nào nhàn lại đánh đàn cùng chơi. Hai vợ chồng về sau rất sang trọng.
2. Mạnh Quang một người đàn bà hiền. Chồng là Lương Hồng có tài đức mà gặp thời loạn, ẩn náu không làm quan, đi giã gạo thuê để qua ngày, mỗi bận chồng đi giã gạo về, đến bữa ăn, Mạnh Quang bưng mâm cơm ngang mày.

không dám biết, nhưng cứ trong một nước An Nam thực đáng là tuyệt thế giai nhân. Nhớ bài thơ "Tây hồ vọng nguyệt" của tôi có hai câu tam tứ rằng:

Mảnh tình sẻ nửa ngày vì nước,
Tri kỷ trông lên đứng tận giời.

Cũng chỉ là theo nghĩa đề mà thôi, mà không ngờ đến nay chị Hằng đã quá gót bước chơi xuống trần thế! Vậy biết con người ta tưởng cái gì, giời cũng tất có lúc cho được.

O. cười: – Có đâu dám đến thế! Nhưng dẫu thế, thời cũng bởi *liên tài* hóa mới thế.

H. cười: – Chữ *liên* thời hay! Nhưng chữ *tài* thời chị Hằng phê điểm khí rộng quá!

O. – Không. Xem bài văn "Đánh bạc", bài "Cái chứa trong bụng người" và mấy đoạn về thiên thứ nhất bài "Thiên lương", kể với văn các nước không dám biết, nhưng cứ trong văn chương quốc âm ta thực cũng là một áng văn có số hạn.

H. cười: – Có đâu dám đến thế! Nhưng dẫu thế thời một bụng liên tài cũng tuyệt thế!

Câu chuyện chưa hết hứng, kim đồng hồ đã trỏ chữ số IV, Oanh vội dậy cáo biệt. Tiêu hồn lúc ấy nào ai biết! Một bước bên đường một dặm khơi!

Lạ cho! Thân thế con người ta có khi hai cảnh ngộ cái lo và cái vui, trùng nhau trong một lúc hiện tại. Gác thanh, đêm thanh, người giai nhân, chuyện tri kỷ, tức đương khi phụ án tại đào. Đi trong quãng đường nắng mà được một bóng cây, thời cái râm mát xem với khi thường lại bội giá. Cho nên mỗi lần sáng một lần tiễn biệt, mỗi sau lúc biệt một lần tiếc, tiếc cho một đời Nguyễn Khắc Hiếu không được cả như cảnh tượng đêm trong gác kín ở thành Saint-Étienne! Người si tình, lúc si tình, có cái si tưởng ấy. Nhưng tưởng thời tưởng, sao được si mà si? Một đêm, nghe tiếng giày lên thang như không phải một người trong bụng đã nghi ngại. Oanh lên xong, quả thấy một người nữa thời cũng là con gái. Sau lúc đã chào tiếp, nhận ra là người bạn của Kiều Oanh là Woallak. Nguyên Woallak là người nước Mỹ cũng có nhà tại Saint-Étienne, với Oanh từ bé cùng bạn học. Kể từ cuộc công viên biến ra ở gác kín, Hiếu

lắm lúc si tưởng mà Oanh vẫn ngày đêm lo nghĩ không yên lòng. Sau, Liễu đem ngỏ chuyện với người bạn gái ấy, nhân mời đến đấy cùng định mưu để cậy đưa Hiếu về Mỹ châu. Than ôi! Đời đã có Kiều Oanh cũng nên có Woallak! Sự thể đã tính xong, một đêm, ba giờ sáng, ba người cùng tự từng dưới nhà, gần cửa trước. Mình thu hình vào một cái hòm có các lỗ khía thông hơi, trong lót nệm và để mấy bầu sữa. Gần 5 giờ, hai người con gái khẽ mở cửa cùng khiêng ra, đặt sang trước cửa hiệu. Oanh vào xong, Woallak đợi xe đến liền thuê ra ga, đi Paris rồi Havre. Suốt ngày hôm ấy nằm trong hòm, nghĩ về phần tự do, không bằng các con lợn hàng hóa khi ở nhà thường gặp trên xe lửa! Lúc đã xuống tàu thủy, có buồng thuê, đêm được ở ngoài. Năm canh dưới đèn sáng, ngồi đối người giai nhân. Tấm riêng kết cỏ ngậm vành! Trông hoa mà lại nặng tình với hoa!

Tám ngày đến New York (Nữu-ước), lên nhà hàng, đêm ở trong hẻm ra, như người Đại Từ, Võ Nhai vậy! Tính từ đêm hôm vào gác kín đến đêm hôm ấy ở Mỹ châu, không trông thấy mặt trời đã gần ráp [giáp] hai tháng. Hay cũng bởi một tính sinh bình thích u tịch, nên tạo hóa cho một bữa no chán, làm cho hết ao ước, cho xoay lòng yếm thế mà vui lòng ăn ở với nhân quần chăng? Một lúc, Woallak cáo biệt đi, hỏi nhà ở về đâu thời cười mà không bảo; có đưa lại cho một món tiền là của Kiều Oanh gửi cầm sang để làm phí lữ ngụ.

4. SẦU THÀNH

Bốn phương non nước quê người.
Chân mây, mặt bể, bên giời một ai!
Ngọn trào lên xuống hôm mai,
Sớm khuya ai cũng đầy vơi dạ sầu!

Từ lúc lên nhà hàng, rồi ở trọ luôn đấy. Ngày mười hai giờ đồng hồ, đêm mười hai giờ đồng hồ, phần nhớ nhà, phần nhớ bạn, nhớ người ở Saint-Étienne, nhớ người quanh quất ở Mỹ châu. Lại thương nỗi sơ tình vô ý, mang tội ngờ mà đi, tên tuổi đăng tại các nhật trình; chỗ trọ hàng cơm ở New York, chậu cá, lồng chim, thế cũng không được mấy ngày tháng. Con đường thân thế, hoặc đến thế là hết? Mà nào người đưa tiễn ở ga Hàng Cỏ mấy năm trước, những mòn con mắt phương trời đăm đăm! Tấc lòng trăm mối, hai

hàng khôn ngăn, nào phải đâu giọt lệ anh hùng mà từ đâu đầm đìa tuôn rơi mãi ?! Một hôm, cơm sáng xong thơ thẩn đi ra chơi, không định rằng đi đâu, theo con đường râm bước chân mãi. Đến một chỗ mặt tường chạy thẳng 200 thước, các cây hoa cao bên trong tường, muôn tử ngàn hồng, tranh tươi đua nở; mà trên đầu cổng xây có hai chữ đề nhớn, nghĩa định là "Sầu Thành" (là một cái thành sầu). Đứng một lúc lâu, lấy làm quái. Sau hỏi một người ở bên trong đi ra, thời đó là một sự rất văn minh; mà cũng là trong lúc mình đương sầu, cho nên lại xui ra đi gặp chỗ sầu thành thế.

Nguyên các thanh lâu trong xứ ấy thuộc cả về một người chủ trương. Các bạn lũ son phấn cùng ở một chỗ khác, gọi là "Phong nguyệt thành". Trong Phong nguyệt thành ai đến 30 tuổi, thời lại thiên ra chỗ đó ở. Giá mua cười rẻ hơn, các làng chơi ít xu thường hay vào đấy thưởng. Tình cảnh không được vui lắm, cho nên đề hiệu là "Sầu thành". Thoạt mới nghe thời buồn cười, sau nghĩ mà thương ai, rồi mà cảm. Đương lúc cũng ít xu mà sầu, nhân vào chơi Sầu thành.

Trong thành ở chia làm nhiều khu, lấy vé xong, vào dạo qua một đôi chỗ, quả toàn những người từ 30 giở lên cả! Có người ngồi một mình đánh đàn; có người nằm ngâm; có người đứng tựa cửa thổi sáo; cũng có chỗ ba bốn người cùng đánh bài không tiền. Khách chơi cũng vắng vẻ. Thấy có một ông lão, ước ngoại 50 tuổi, đương ngồi gục lưng cho một cô đấm hộ, rồi ho loạng khoạng mãi. Trông không biết là người nước nào. Nhân hỏi một cô ở bên cạnh thời ông cụ là người Tây Ấn Độ (Antilles), hình như mê cô kia, thường hay đi lại luôn, mà bận nào đến cũng chỉ thế rồi về. Lạ cho thiên hạ có sự không tham được mà cứ tham! Người trong cuộc lấy làm thích ý, mà tự mắt người ngoài coi thấy, nỗi thê thảm là nhường bao! Quanh quẩn một lúc lâu, rồi vào chơi một cô để uống nước, nhân hỏi chuyện rằng:

– Các cô ở trong này, trừ những khi có khách đến chơi, tiếng cười câu chuyện, được đôi lúc vui vẻ, còn những lúc như mưa phùn chiều hôm, giăng thanh tiếng dế, thời nỗi sầu biết tỏ cùng ai?

Đáp. – Tự các ngài xem ra thời tưởng hình như thế. Nhưng người ở trong Sầu thành này, thực tình cảnh tâm sự lại có khác. Có lúc sầu mà sầu; nhiều lúc vui mà là sầu. Trong lúc vui mà sầu thời thực là thái sầu. Mưa phùn chiều hôm, giăng thanh tiếng dế mà sầu, còn được phát tiết ra ngâm vịnh; nhất là những lúc trong bụng

đương nghĩ nỗi gia hương, tình cốt nhục, sự thân thế, mà lúc có khách đến chơi giở câu chuyện hoa nguyệt, thời trong một lúc ấy, bụng nghĩ một nơi, tai nghe đi một chiều; miệng, có câu muốn nói không được nói, câu không nói mà phải nói, cho nên cũng mặt phấn son, nhời hoa nguyệt, mà ruột tầm đã thắt như ngày ươm tơ! Nói tóm lại thời chẳng lúc nào không sầu, cho nên gọi Sầu thành cũng phải.

– Đều thế nữa, những các người đến chơi miền thanh sắc là đi cầu lấy vui, mà trên cổn để hai chữ như thế, chẳng làm cho người ta tiêu hứng ư?

– Thế thời ngài cũng lại chưa xét kỹ. Nhân tình trong lúc vui thường thích chơi chỗ vui; trong lúc buồn, cũng chơi chỗ buồn. Cầu chỗ chơi vui, dễ; cầu chỗ chơi buồn, khó. Nếu ngài có lúc nào trong bụng sầu thương, nỗi riêng không tỏ cùng ai được mà ngẫu nhiên tìm đến chỗ Sầu thành này, thời mới biết là thú.

Nghe đến câu chuyện ấy, như bắn hột nước đá vào bụng. Lại thêm trọng trình độ người nước nhớn, trong bạn hương phấn, câu nói cũng có ý vị hay. Nhân cầu cho nghe một khúc hát. Ngón tay trắng bắt đàn thời môi đào cất tiếng, trong cao, ai oán, như giọng ve sầu trong gió thu. Hát rằng:

(Nguyên khúc điệu và từ ý rất hay. Nay dịch ra tiếng nước ta theo điệu hát xẩm, mười phần may còn được một, hai).

"Bên thì giời, chị em ai lẩn đẩn bên thì giời, non cao nước chảy ấy ai người tri âm? Lúc đêm thanh ngồi dậy (có) ôm cầm, lòng tơ tơ tưởng âm thầm tiếng tơ. Khúc đàn này vẫn khúc ngày xưa, mà người đoái khúc[1] bây giờ đâu xa? Nhớ đầu xanh (còn) đương độ mười ba, cười giăng bóng xế, thương hoa thu tàn. Thế mà cái phận hồng nhan!..."

Nghe hết khúc hát xong, tiêu hồn, vội đứng dậy cáo biệt.

Từ lúc vào Sầu thành, tất cả ước trong bốn năm giờ. Lúc sắp ra, đến gương soi để rẽ tóc, trông thấy nhan sắc ở trong gương đã như đã mất một, đôi phân. Rồi bước trong thành ra, đi bộ một cột

---

1. Ông Chu Du sành nghề đàn, ngồi nghe ai đánh lỗi một tiếng nào, tất ngoảnh mặt trông lại. Nhiều người muốn được ông ấy ngoảnh mặt lại, thời giả cách đánh nhầm. Cho nên đây dẫn dùng chữ (đoái khúc) tức là nghĩa tri âm.

giây, ngoảnh lại cảnh sắc chung quanh thành: Bóng tà dương soi ngang, gió chiều hiu hiu thổi, trên mấy cành cây thưa đàn chim con réo rắt, đìu hiu thảm đạm, thực hai chữ Sầu thành. Sực nhớ đến các bạn đồng bối bên cố hương, chắc cũng có nhiều người, tuổi đã ngoài 30, râu ria đứng đắn, mà con đường công danh đứng trông vút mắt, như giời chiều tối, cánh đồng chiêm. Nếu ba, bốn năm nữa, mình cũng không ra gì mà về, cùng ở chung nhau lại một chỗ, cũng đề chữ là Sầu thành, thời chưa biết thành nào sầu hơn?

5. TOÀN PHONG

Người ta ở trên đời như hạt cát ở mặt bãi: Có lúc quang nhàn như giời cao giăng sáng; có lúc u sầu như mưa dầm đêm đen; có lúc lại xoay chuyển quanh vần như gặp cơn gió lốc. Muốn thế không được thế, không muốn thế mà phải thế, không mong thế mà cũng được thế, không tính thế mà thế. Trước xem truyện Kiều đến câu: *Cất mình qua ngọn tường hoa*, đã giật mình thay cho các con người khuê các. Nhưng lối học biết về sau chưa thành một chuyên khoa giáo dục, thời đã sinh trong cõi nhân gian thế, cũng đành chịu ở trong cơ tạo hóa mà nổi chìm như mặc lúc nào rủi, may. Cậu thư ký ta ở New York, quanh quẩn đã ba tháng, tiền tiêu hết, áo mặc rách, cố nhân xa cách, âm thư đoạn tuyệt, làm cho các đức tính nương nhờ người từ thủa bé đến đấy không ai cắt mà đứt, mà nào cái phong lưu, cái phong nhã, cái phong cách, bắt phong trần cũng phong trần như ai! Khi ấy, trên thân còn một cái đồng hồ con bằng vàng, tính dùng về sự ăn cũng không đãi được mấy ngày nữa. Nhân gặp lúc ở San Francisco có khai mỏ, các phu thuê người Trung Hoa từ New York đi nhiều, cùng đường mới phải quyết đường, bán cái đồng hồ vàng lấy tiền hành phí, theo các bọn lũ phu thuê lên đường xe lửa Bắc Thái Bình cùng đi, Đến nơi làm vừa được một tháng, lương mỗi tuần lễ được 17 dollars[1], kể cũng vừa đủ ăn; nhưng sức vóc hèn yếu không bằng người, lại bị các cai dịch ốp trị lắm, nhân thế mà đến bệnh. May được trong các bạn làm có mấy người cảm tình đồng bệnh, thuốc thang trông nom hộ, dăm bảy hôm rồi

1. Dollar là đồng bạc tiêu của nước Mỹ, mỗi Dollar vào 5fr40.

lại khỏi, bỏ đi tìm việc khác. Càng ở đất văn minh bao nhiêu, cách kiếm ăn càng khó. Vơ vẩn mãi không xoay được việc gì. Sau tìm được một ông chủ mục súc, người Portugais, rồi xin theo ông ấy về Nam Mỹ (Amérique du Sud).

Đất rộng giời cao, trong cõi nhớn có đi thời mới biết. Bèo trôi sóng vỗ, tấm thân hèn riêng nghĩ lại càng thêm! Theo ông chủ nhân mới về đến nhà tại Ba Tây (Brésil) được nhận một việc chăn dê[1]. Ngày ngày đánh đàn dê theo một người cùng chức nghiệp ra đồng cỏ. Có hôm ngồi ngủ gật trên cái mô đất cao. Lúc tỉnh dậy trông ra: đột đồng cỏ non, trâu dê ăn tản mác, chỗ năm con, chỗ ba con, có đàn có lũ, khiến cho kẻ quê người chiếc bóng thương hai chữ ly quần. Xa trông một dải núi: đầu non tuyết trắng, như giật kẻ tuổi xanh tóc mài, không bao lúc nữa mà bạc phơ. Trông lên trên từng không, thời, con chim công đà nhi[2] đề làn mây bạc, thẳng cánh cao bay, tưởng như ý khí kẻ tài nhàn, xa tuyệt bụi hồng, năm Nhâm tuất con thuyền sông Xích Bích. Rồi mà, bóng tà về tây, các tiếng êm lặng, giời đất tịch mịch, cảm tình bao nhiêu của tạo hóa mà sóng bằng, trào lui. Trong tấc dạ khi ấy như một hồ nước xuân lúc tan sương trong xanh không chút gợn.

Cả bao những cái nghĩ vui, cái nghĩ buồn, cái nghĩ mừng, cái nghĩ lo, cái nghĩ yêu, cái nghĩ ghét, cái nghĩ thương, cái nghĩ giận, cái nghĩ ham, cái nghĩ tiếc trên thế gian lúc bình nhật, đã như không từng đi lại quen biết với tri giác mà như lúc mới nhận hình, nhận khí của tạo hóa, nguyên không có bảy tình. Than ôi! Con người ta suốt đời chìm nổi trong bể khổ, nhọc hình nhọc dạ, mà nếu không được có một đôi lúc như thế ấy, thời các thần kinh trong cơ thể mấy lúc mà đứt giây? Cảnh ngộ con người ta, nhiều cái, đương trải coi làm thường, hoặc có lấy làm buồn, mà lầm khi sau này tưởng nhớ

---

1. Một thứ dê ở Nam Mỹ, mình bé mà chạy nhanh, thường dùng để mang các đồ vật đi qua núi. Lông dệt làm chiên rất bóng mỡ.
2. Thứ chim này, chữ tây là Condor, xòe cánh ra, rộng 1 trượng 4 thước, thường đậu trên các mỏm núi cao, sà xuống bắt hươu nai tha đi ăn như con diều hâu với con chuột vậy. – Ở Nam Mỹ về khoảng nước Bế-lu (Péron) ở các cù lao, có nhiều cứt chim chứa nhiều chỗ cao lên thành gò làm một thứ phân bón rất tốt. Mỗi năm đem bán ra các nơi làm một thứ hàng hóa rất trọng.

lại rất có vị. Than ôi! Bên trời mặt bể, kẽ nước chân mây, đã đều là những cái nhà học rất cao đẳng không cần thầy của các người du tử; mà đồng cỏ giời mây, sông băng núi tuyết, lại là những nhà hát rất to nhớn không cần phí cho các khách tao nhân, mà ngày đi tháng qua, gần quên hẳn thân bảy thước từ đâu đến.

Thiên hạ có sự hèn mọn, kẻ dúng mình vào lấy làm bất đắc dĩ, mà trong vòng đã thấy thói ghen tuông. Lắm khi muốn khóc mà nghĩ cũng nên cười. Lạ gì thói đời, nói gì trò đời, chẳng qua các nhà thiên nhiên còn nhiều, ông thầy tạo hóa cũng phải chia cho trải qua mỗi nơi một đôi chút thời khắc. Kể từ lúc nhận việc chăn dắt đã tạm lấy làm yên; chủ nhân cũng có bụng yêu hơn trong cả các bọn lũ. Vì có một ông chủ nhân yêu, mà ngoài ông chủ nhân, dưới ông chủ nhân, không biết bao kẻ ghét, làm cho không thể ở được nữa, lại phải bỏ việc chăn mà đi. Đến Para, nấn ná mới một vài tuần lễ, tiền lưng lại hết, việc làm chưa có, lại phải theo nhập vào bọn phu thuê khuân đồ lên xuống tàu để kiếm ăn cho qua ngày. Lầm than lại có thứ này! Hỡi người tri kỷ bấy chầy biết chăng? Một hôm, chuyến tàu khuân vừa xong, đến ngồi nghỉ một mình dưới gốc cây, thấy một người con gái lạ, trước mặt hỏi rằng: "Anh không phải là người ở trong gác tối ở thành Saint-Éliene như? Sao lưu lạc đến thế?". Thoạt mới nhìn, hơi ngợ! Nhưng mà quen. Lạ cho đất lạ gặp người quen, mà ai khiến bụng mừng thua bụng thẹn. Khi đã nhận rõ là một người ân nhân là Woallak, mà miệng vẫn chưa nói được một tiếng, như một cô con gái đã lấy phải chồng hèn mà gặp người tình nhân. Woallak nhân cười mà hỏi rằng:

"Miếng phong trần lắm chất gân xương, kể là một thức ăn rất ngon cho những người nam nhi lúc niên thiếu. Cho nên các người nam nhi sinh ở đời, có trải vị phong trần, thường lo tiếc đến khi già cả sau này không lại hưởng thú được. Nay anh mới nếm biết có thế, đã lấy làm bận lòng ư?"

Nguyên Woallak đi thăm một người chú có hiệu buôn ở xứ đấy, nhân được gặp mà lại được biết rằng: Việc trộm ở Saint-Étienne trước, mật thám đã xét ra, tòa án tra thẩm xong, bao tang vật bắt được đã gọi người chủ mất đến nhận lĩnh. Hiện các nhật trình francais có đăng cả, tên mình vô can. Woallak kể hết sự tình đầu đuôi xong, nhân bàn giúp phương cách để xoay về; lại cấp cho một ít tiền để

làm hành phí, và may vá quần áo. Về đến France, đi ngay Lyon, tìm ông Vinailles, kêu ông ấy đưa sang xin lại với ông chủ. Ông chủ vốn là người có lượng, lại được ông Vinailles nói hộ, cho nên giận dữ một lúc mà phần tin yêu vẫn như thường. Hiếu từ khi đã về, tự mình ngày đêm phải kiểm thúc. Sự học cũng tạm nghỉ. Thỉnh thoảng qua trước cửa ông Chu Văn Lập, sợ thay! Mà lại cười thầm với ai.

Đương trong lúc biến ách, các tình hình bí mật, ngoài Kiều Oanh, Woallak và Hiếu, không một người nào biết. Nhưng các sự đi lại họp chuyện ở công viên cũng đã hở lộ và phảng phất đến tai ông Dravine, e rằng để Hiếu ở Saint-Élienne thời vì một sự tình tứ miên man, không những công việc trong hiệu buôn còn sinh ra lắm sự bất ý, mà chí nghiệp rồi cũng đến hoang đản. Khi ấy sẩy gặp có giấy ở Washington đánh về, là tin người con chủ hiệu bên ấy đã bệnh thác. Ngài nhân cho sang đấy để coi việc. Kỳ đi đã nghe rõ, mới lại cùng hẹn nhau chỗ cũ để tạm hội. Đó là một cuộc họp sau khi cửu biệt mà lại sắp trường ly; mà chỗ vườn công viên trong thành Saint-Élienne từ đấy mà về sau, không lại có hai người cùng nói chuyện tiếng An Nam vậy.

Sáng hôm sau, đi ra ga, qua nhà ông Chu Văn Lập, cửa còn đóng. Mối sầu từ đấy sang Mỹ châu.

6. ĐIẾM CHỦ

Đến Washington, nhận chức trách, công việc đã quen biết, nghiễm nhiên một ông chủ hiệu buôn nhớn ở đất nước văn minh. Tấm thân rầy đã nhẹ nhàng, lắm khi ngồi nhớ đến Woallak man mác ngàn mây, ngậm ngùi tấc dạ. Than ôi! Con người ta có một chút mong ân chưa đưa giả mà trong bụng áy náy có như thế, thời không biết bao nhiêu hiếu tử trong thiên hạ, tơ lòng đôi đoạn ra làm sao?

Đất khách canh khuya, gối dài chăn rộng, nằm một mình không ngủ sực tưởng khi còn học ở Quảng Uy, ở Vĩnh Tường, ở Vĩnh Yên mành thưa lọt gió, ngọn đèn bóng lay, trú chân đôi ba người câu Quốc phong, quẻ Chu dịch, thời cảnh tượng đã hoảng như giấc mộng cả. Cách năm mây bạc xa xa, đoạn tràng lúc ấy nghĩ mà buồn tênh!

Nhân gặp ngày 17 tháng giêng Âm lịch là ngày hý nhật của anh, sửa mâm cơm cúng và làm văn ngắn bằng chữ nho để đọc.

Từ ngày trùng lai nơi Mỹ châu, buôn bán cũng phát đạt. Lắm khi thanh nhàn, lấy thời giờ xem sách, học thêm chữ Anh và rộng thêm một đôi thứ chữ nước ngoài, đi lại chơi bời với các sĩ phu trong danh đô, học vấn ngày một tấn ích. Sau được tiếp một ông quan bác sĩ nước ấy mà cái thang thân thế lại bước lên một bậc cao.

Quan bác sĩ tuổi đã ngoại 50, cáo hưu về nhà để làm sách. Ngài với ông chủ Dravine cũng có quen biết thân. Hiếu từ khi được tiếp, lúc nhàn thường sang hầu. Một hôm, Ngài hỏi rằng:

– Từ có nhà nước Pháp sang bảo hộ bên An Nam đến nay ra làm sao?

Hiếu: – Bẩm quan lớn, An Nam chúng tôi tiếng rằng mở nước hơn 4000 năm nay, nhưng tiến hóa chậm lắm. Từ có nước Pháp sang bảo hộ, nay đã 50 năm, xem thể thế trong nước hơn trước nhiều. Việc chính trị chia làm 3 khu, đại khái có khác nhau. Đường xe lửa tính tất cả được 1063 kilômètres. Có một cái cầu sắt mới làm xong trong năm 1902, công trình cũng tốn phí; còn các cầu cống đường xá, phần nhiều đương sửa sang. Các sở công việc to, các nhà dậy nghề nghiệp, các nhà máy để chế tạo, đại lược cũng đủ cả. Người An Nam bây giờ, các sĩ phu phần nhiều đã biết lấy thực nghiệp làm trọng. Các thực nghiệp đều tấn tới hơn trước mà một việc buôn bán mạnh hơn cả: có một cái công ty An Nam gần được 20 chiếc tàu nhỏ để vào việc chở khách, kể cũng đã gọi có thể cách người, Thái tây. Khi tôi còn ở nhà, hình trạng trong nước độ như thế; đến đầu năm 1916 sang bên Pháp để làm ăn và du học, mới rồi có thư riêng ở bản quốc gửi sang, nghe nói sự tiến hóa lại có hơn.

– Dân tục bên ấy thế nào?

– Bẩm: Dân tục bên An Nam tôi thời còn nhiều cái mọi rợ lắm! Ngay như một sự chế đồ giấy mã làm hình người và tiền của để đốt cúng là truyền từ ở nước Tàu sang, đến nay thành một cái hại nhớn ở trong nước. Các đàn bà quê do gặp một sự gì cũng bói, thầy bói lắm đứa thông nhau với thầy cúng, xui ra đồng cốt cúng cấp luôn luôn, mỗi năm làm phí tổn cho dân ngu không biết mấy nghìn vạn.

Còn như tệ ăn uống, nết kiện cáo, sự cả lẽ, thói chửi rủa, không thể kể cho xiết.

– Thế còn một việc học thế nào?

– Bẩm: An Nam tôi từ khi trước năm đầu lịch tây, đã có chữ Tàu truyền sang; luân lý tẩm bổ thực có nhiều công phu, mà học thức tư tưởng chưa khá mấy. Nay nhà nước Pháp muốn mở rộng đường tây học, hiện các nhà học dạy chữ Pháp và theo dùng cách thức mới, tỉnh nào cũng có cả. Nhưng sự đó còn đương ở trong lúc canh trương, vả cũng khó biết hơn, cho nên chưa dám thưa hẳn rõ.

– Sự học của An Nam, sau này có nhẽ rồi khá lắm. Nho giáo truyền sang đã hai ngàn năm nay, nay lại được nước Pháp đem cái tư tưởng Âu châu sang hợp vào, thời xem như động vật học, giống lừa ở Mỹ châu hợp với giống ngựa ở Âu châu, sản loại sinh ra lại tốt hơn giống nguyên.

– Bẩm: Tôi tưởng cái ao bé thời con cá không nhớn được đến đâu, mặt đất có bấy nhiêu thời khí lực của giang sơn có hạn; nếu ông Montesquieu bên nước Pháp, ông Charles Robert Darwin bên nước Anh mà sinh vào An Nam, chắc cũng không được có cái học thức như thế.

Nhẽ động thực vật sinh trưởng thời thế, mà sự học của người ta có khác. Các nhà học vấn nhớn, ở khí lực của giang sơn hoặc cũng có; nhưng suy xét pha luyện, công phu tự mình nhiều. Vả lại, dẫu lấy đất sinh trưởng mà nói anh nhận mình là một người An Nam, thời là một người An Nam; nhận là một người ở xứ Đông Dương, thời là một người ở xứ Đông Dương; nhận là một người ở Á châu, thời cũng là một người ở Á châu. Chỗ sinh sản gọi là có khác nhau, nhưng cũng cùng là một con người trên thế giới, cùng hưởng thụ lý nghĩa của nhân gian, thời cùng có thể làm một người có dấu vết ở trong một thế kỷ. Cho nên người ta chỉ sợ không có chí, còn như địa vị khí lực, không đủ hạn được mình; nếu mình trước nghĩ lấy cái đó để tự hạn, thời cái giới hạn ấy thực tự mình làm ra.

– Bẩm: Thế, An Nam tôi có nước hơn 4000 năm nay, mà sao không thấy có một người nào có cái học nghiệp nhớn như người Âu, Mỹ và Trung Hoa?

– Ấy thế, cho nên tôi nói trọng về nghĩa pha luyện mà cũng là nhờ nước Pháp đem thêm cái tư tưởng Âu châu sang. Nguyên An Nam là một nước nhỏ, ở chệch về một mé đông nam phương Á châu; các nước gần láng giềng như Tiêm La, Diến Diện, Ai Lao, Cao Man đều không có tư ích gì cả; phía bắc được một nước Tàu là nhớn và có văn minh khai hóa sớm, nhưng rừng núi cách trở, khi trước tàu xe đi lại chưa thông; An Nam dẫu có lúc thuộc về sự cai trị của nước Tàu, cũng là một cách ràng giữ thôi, chớ nước Tàu cũng không lấy thuộc địa làm trọng. Quan cai trị phái sang, cẩu thả dùng người, rồi lắm kẻ tham tàn làm theo bụng lợi riêng, thực cũng không phải chính kiến của một nước, cho nên giao thiệp mấy nghìn năm mà chỉ nhờ chữ nho được một sự luân lý. Trình độ của quốc dân không tấn tới như thế, thời sao được có người học nghiệp to? Nay nước Pháp nếu đã có lòng tốt mà khai hóa cho Đông Dương, nhân được tiếp thêm cái tư tưởng văn minh của Âu châu, thời từ nay về sau, các sĩ phu bên An Nam chắc cũng có một phần mong về giá trị trong học thuật. Dẫu thế con nhà học vấn, tai mắt không rộng thời kiến thức không sinh, kiến thức không sinh thời sự học không tới. Phàm vật đã không tới thời tất lui, lui thời dễ sinh chán, chán thời càng suy, suy thời đến phải kiệt. Nếu chỉ nằm yên mãi một nơi, thời dẫu cho có tư chất, có công phu mà học vấn được bao nhiêu, lâu cũng co rụt lại, chỉ để mấy con vi trùng trong bụng biết".

Hiếu nghe xong, chưa thưa lại sao, đứa hầu khác pha thêm lượt nước nữa, quan Bác sĩ lại nói:

– Tôi thấy anh có chí về sự học tôi cũng lấy làm tiếc. Độ một tháng nữa, tôi sắp đi xa chơi các nơi. Nếu anh có vui lòng muốn theo, thời tôi viết cho ông Dravine một bức thư để cắt người khác sang đây coi mà cho anh đi chơi với tôi một ít lâu; giá được thế, học nghiệp của anh sau này cũng mới có hy vọng.

– Bẩm: Quan lớn có bụng thương như thế, xin ngài cứ làm ơn viết cho".

Ở Washington thấm thoắt gần hai năm. Đến khi tiếp được giấy của ông chủ và có người sang thay, thời thu chỉnh hành trang, theo hầu quan Bác sĩ.

Phụ dịch bài văn tế anh của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu

Trèo lên trái núi chừ trông ngóng anh ta chừ[1]*. Than ôi! Đau đớn lòng em thay!*

Kể từ đạo giáo Khổng Phu tử đem sang nước Nam ta cho đến bây giờ, cái đạo hiếu dạy ta lấy sự phụng dưỡng mẹ cha, cái đạo hữu dạy ta lấy sự hòa thuận với anh em, đều đã lan khắp thấm nhuần vào xã hội ta lâu rồi vậy.

Anh ta, lấy tư cách một con nhà có danh vọng lớn ở Nam châu, tiến thân ra đời bằng con đường học vấn văn chương, trải làm quan bên chính giới, sau đổi sang nhận chức giáo dục có đến 16 năm. Một chức quan suông nhạt, thế mà trên phụng dưỡng mẹ già, dưới nuôi dạy một lũ em bé cùng bao dung cho cả họ nội, họ ngoại. Cái lòng hiếu hữu đã thành ra một thiên tình tự nhiên. Sau khi anh từ giã cõi đời, hết thảy mọi người trong nước, trong họ, ai nấy cũng đều hâm mộ phong thanh lòng còn nhớ tiếc không nguôi chẳng là một tên em út ở chốn chân trời góc biển này, tình có thể thôi đi không nhớ tưởng đến anh được ư?

Khắc Hiếu em vừa lên ba tuổi, cha đã bỏ lại ở đời mà đi chơi Thế giới khác. Em nương tựa vào anh đã hai mươi năm lẻ. Anh nâng ẵm em anh giúp bõ em, anh là anh mà thật là cha, là thầy em. Lòng em những mong đem làm cho nức tài bộ nhổ mọn ra đời để anh còn được trông thấy cái kết quả của tấm lòng anh mong đợi ở em. Thế mà! Anh tôi đã chợt một cái như con chim Hoàng hạc bay đi mất rồi! Ngày đi tháng qua, anh không còn ở đời này đã sáu năm nay! Dẫu em muốn lại được nhìn thấy mặt, thấy người anh để nghe những lời vàng tiếng ngọc của anh, song không còn biết theo vào đường nào cho được như nguyện!

Ôi thôi! thu định tâm hồn lại, em trông về phương Đông, giọt lệ em đầm đìa ướt áo, em khóc anh đây cũng biết là vô ích, nhớ đến anh thì lòng đau thương của em lại thêm! Thôi thôi! Nước chảy mây

---

1. Hai câu thơ ở Kinh thi.

trôi, sao dời vật đổi, danh vọng và đạo đức của anh đã nên bất hủ, nhưng cái thân thể và hình mạo của anh một khi đi biết bao giờ về.

Nguyễn Mạnh Bổng dịch

Nói thêm – Nguyên văn bài này lần xuất bản thứ nhất, Tản Đà tiên sinh không dịch ra Quốc ngữ là cái ý tiên sinh muốn giãi bày riêng với cùng anh, để các bạn nho học đồng thời hiểu tâm sự. Ngày nay chữ nho ngày ít đi, muốn độc giả chỉ biết Quốc văn được thỏa lòng muốn hiểu, nên tôi xin trực dịch ra in phụ vào đây (N.M.B)

Từ ngày trùng lai nơi Mỹ Châu, buôn bán cũng phát đạt. Lắm khi thanh nhàn, lấy thời giờ xem sách, học rộng thêm chữ Anh và thêm một đôi chữ nước ngoài. Đi lại chơi bời với các sĩ phu trong danh đô, học vấn ngày một tấn ích. Sau được tiếp một bác sĩ nước ấy mà cái thang thân thế lại bước lên một bậc cao.

Bác sĩ, tuổi đã ngoài 50, cáo hưu về nhà để làm sách. Ngài với ông chủ Dravine cũng có quen biết thân. Hiếu từ khi được tiếp, lúc nhàn thường sang hầu.

Một hôm ngài hỏi rằng:

(Kiểm duyệt bỏ 41 giòng)

– Thế còn một việc học thế nào?

– Bẩm nước tôi từ khi trước năm đầu lịch tây đã có chữ Nho truyền sang. Luân lý tẩm bổ thật có nhiều công phu, mà học thức tư tưởng chưa khá mấy.

(Kiểm duyệt bỏ 91 giòng)

7. TIÊU DIÊU DU (A)

Ngày tháng Janvier 1922, từ Kinh đô Washington đứng dậy đi, qua mấy tỉnh to, đến một chỗ, nước hồ mênh mông, là đã giáp giới với thuộc địa của nước Anh (Angleterre) là Canada. Năm cái hồ nhớn chẩy thông nhau, buồm tàu ngày đêm không rút bóng. Một hôm, tàu đi trong hồ Erié, đứng lắng tai xa nghe, có tiếng ầm ầm như thiên binh vạn mã ở mặt trước. Đi tới một ít nữa, trông về mạn đông bắc, một làn trắng xóa, dài đến ba,

bốn trăm thước tây, từ trên khoảng cao buông dài xuống, tựa như thể sông Ngân Hà tức vỡ, chảy trút xuống nhân gian, thời là cái trênh nước[1] Niagara cao ước 50 mètres[2]. Khi tàu đã đỗ bến, đi theo đường bộ đến tận nơi, thời giữa cái trênh nước ấy có cái đèo nhỏ bằng đá, chân cái đèo đá ấy có một cái đường hang. Đi ở trong đường hang, như sét đánh trên đầu, như bão lộng ngoài tai, như mưa táp xuống mặt, là một chỗ vừa mưa, vừa bão, vừa sấm suốt quanh năm, kẻ hèn người yếu không thể kham, nhưng thực là một cảnh chơi riêng bất kỳ thú cho những các con nhà thích mạo hiểm. Cái trênh nước nhớn ấy, không những là một cảnh trí lạ đẹp, mà lại là một kho sức mạnh vô cùng. Người nước mỹ (États Unis) có đem dụng cái nhà máy gần đấy, lợi dụng sức nước để chạy các máy. Kể thực ích về trên sự văn minh cho một nước cũng nhiều, nhưng tình cảnh thiên nhiên cũng có. Vì thế bớt một đôi phần phong phú. Xong. Qua cõi đất Canada, sang đến Alaska lại là một địa hạt riêng của nước Mỹ. Đường đất dần thuộc về giải lạnh, khí hậu mỗi ngày lạnh hơn. Đến mạn bắc xứ ấy, ngày đêm đều 20 giờ đồng hồ. Ở chơi năm, ba hôm, rồi theo mấy nhà thám hiểm lên bể Bắc Băng Dương thẳng tiến về mặt bắc. Tàu đến một chỗ, băng cứng quá, không đi được, nhân cùng đeo vật dụng, lương thực xuống đi bộ. Từ đấy mà đi, thời giờ toàn thuộc về phần ngày. Đi mệt quá, thời gian mấy lần chiên trên mặt băng, cắt canh nhau để coi lang (loup) rồi ngủ. Ngủ dậy, ăn xong lại đi. Mãi đến một chỗ, xét ra thấy có đất. Mặt đất cũng toàn băng. Rét cắt da thấu xương, ống hàn thử xuống dưới 0 độ đã hơn 10 độ. Kể từ lúc mới xuống tàu cùng đi, tất cả 23 người. Trước sau đã chết mất 7 người, đến đấy chỉ còn 16 người, đều không ai biết là nơi nào, ý tất là một cái cù lao mới chưa ai đến. Sau khi đã lên đất, lấy kính thiên lý trông đằng xa, tựa như có rừng cây. Đến nơi, quả là một rừng thông, cành lá lơ thơ, như cảnh sắc các thứ cây về mùa đông dưới giải ấm. Đi trong rừng thông ấy, băng tuyết ít thấy, khí giời dần dần càng ấm hơn. Rừng gần hết, băng tuyết hết. Hết rừng, lộ ra một chàn hoa, trăm sắc hoa tranh tươi, cái khí

---

1. Cataracte.
2. Bởi chỗ đó hai cái hồ. Hồ trên là Oatario, hồ dưới là Erié, chảy thông nhau, mặt nước cao thấp cách nhau như thế.

tượng mênh mông như một cánh đồng mùa của các nhà hầu vương nước chuyên chế. Chốn ấy nếu không có người ở, chẳng cũng là một nước hoa? Trong chàn hoa, thấy có nhiều cột sắt như cột giây thép dưới ta mà cao đến gấp hai. Mỗi độ trong 100 mètres carrés thời 10 cột như thế, trên có chằng lưới thưa bằng sắt; lưới nọ sang lưới kia truyền như mạng dện [nhện]. Dưới mỗi lưới, hoa chia làm mỗi khu, có đường đi. Đi ở đường hoa, khí hòa, hương ngát, hồn thanh, cốt nhẹ dẫu cho bụng đầy chứa bỉ tục, đến đấy cũng tuyết tán băng tiêu. Đi khỏi một chàn hoa thời ruộng, nương, lúa, mạ đủ cả. Thôn lạc cũng không xa. Cột sắt, lưới sắt, khắp mọi nơi, chỗ thấp chỗ cao. Khí hậu toàn như ở Bắc kỳ ta trong mấy tháng về mùa xuân. Nhớ khi ở nhà còn trẻ con, thường nghe nói nhiều truyện thần tiên. Quả có? Thời, tất khoảng này hẳn? Suốt các người cùng đi đều mừng, sướng, ngờ lạ, phân minh thân đến chỗ Bồng đảo. Một lúc thấy thôn dân kéo nhau ra xem đông, trông cũng về giống người trắng, mà lắm người mặt mũi rất anh tú, nghe nói cũng là tiếng Anglais mà nói hơi khó nghe. Trong có một ông già, ăn mặc ra một bực tôn trọng, đứng hỏi rằng:

– Các ông từ đâu đến?

Khách:[1] – Chúng tôi từ Alaska.

– Đấy có là về đất Mỹ châu?

– Phải.

Ông già nhân mời cả về chỗ ở. Đến thôn, trong thôn không có một cây gì, nhà ở theo nhau có hàng ngũ. Qua mấy thôn, đến một chỗ, dinh thự mênh mông, lâu đài cao nhớn, có mấy người đàn bà, con gái ra đứng xem, nước da trắng đẹp lạ thường, thần thái phong độ đều khác tuyệt trần thế. Đến đấy, ông già mời cả bọn vào, các người theo xem cũng vào đông cả. Ngồi xong, pha nước uống; chủ nhân[2] nói:

– Tôi là Thống trưởng ở nơi này, nhận chức đã hơn hai mươi năm nay.

---

1. Đây giở xuống chép chủ "khách" hoặc là người khác trong bọn đi, hoặc là cả bọn.
2. Đây về sau chép "chủ nhân" hoặc "Thống trưởng", đều tức là ông già ấy.

Khách: – Chúng tôi thật chưa được biết đây là nơi nào?

– Thế các ngài người Âu châu? Mỹ châu?

– Trong bọn chúng tôi có mấy người Âu, mấy người Mỹ, còn mấy người ở xứ khác.

Bác sĩ lại nói: – Tôi là người ở Hoa Kỳ (États Unis) tức là nước Mỹ.

Thống trưởng nghe xong, tựa như không hiểu, ngây mặt nói:

– Hoa Kỳ!... Về nơi nào?

– Ở một phần phía nam châu Bắc Mỹ.

Ngài cũng vẫn như thể không hiểu, rồi nói:

Chúng tôi, tổ tích nguyên cũng là người ở Mỹ châu. Lịch cũ, 1770, tổ tiên chúng tôi giận nước Anh xử đãi một cách hà khắc, nhân rủ nhau hơn 100 người và đem thêm người giống đỏ hơn 200 cùng đi. Lạ thay! Sự đi ấy không hướng định là đi đâu, rồi đưa nhau lên bể Bắc Băng Dương, chống nhau với khí lạnh, đánh nhau với thú dữ, trăm nguy vạn khổ, mà mới tìm được đến chỗ cù lao này. Sau nhân lấy chỗ cù lao này làm "Cõi đời mới", còn các phương đất khác trong thế gian gọi là "Cõi đời cũ". Lịch cũng theo lịch mới, tính từ năm ở Mỹ châu đứng dậy đi đến nay là năm thứ 153. Các sự thế công việc trong thế gian từ lịch cũ 1770 giở về trước, tổ tiên có làm ra sử ký để lại cả. Còn từ nửa năm ấy về sau đến nay, không biết tình trạng Cõi đời cũ ra làm sao?

Khách nghe xong, cùng trông nhau lấy làm một sự rất mới lạ. Bác sĩ nhân lược kể từ khi ông Georges Washington đến nay, công việc địa vị của nước Mỹ và tình trạng trong doanh hoàn. Thống trưởng và đông khắp mọi người đứng xem cùng lắng tai nghe xong, cũng lại đều cùng nhau ngậm ngùi, ngẩn ngơ, như bừng qua một giấc chiêm bao vậy! Một lúc lâu, các người xem lui tan, chủ nhân mời khách đến buồng ăn. Trong bữa ăn, đại lược như dưới ta. Đồ ăn thịt thời lấy một vị vịt giời làm nhất, rồi đến cầy, dúi và mấy thứ cá; còn như gà, lợn, bò, dê, nhất thiết không có cả. Ăn xong, khách mới lại hỏi rằng:

– Dưới chúng tôi vẫn cho là ở giải lạnh gần hai cực thời băng tuyết quanh năm, không có cây cỏ gì mọc được, cho nên không có

người ở. Không ngờ ngày nay lên đến đây, không khác dưới kia mấy, không hiểu là vì sao?

Thống trưởng – Dưới các ngài cho thế, là lấy vì trên này xa mặt giời cho nên không có khí nóng tiếp đến chăng?

– Phải.

– Phải, vẫn thế. Nhưng các ngài lại phải biết rằng: phàm giống sinh vật gì đã sinh sản ra ở đâu, thời tất tự chỗ ấy phải có đủ các nhẽ cho có thể sinh sản. Nguyên tổ tiên chúng tôi mới đến đây khi trước, tiếng rằng tìm được chỗ có đất, nhưng suốt một cái cù lao bằng đất ấy, chỉ tuyết cùng băng! Khi ấy phải đào hầm để ở, nhờ sự săn bắn mới có ăn. Vẫn có mang nhiều thức hột giống giữ kín không khí ở trong các hòm sắt, nhưng chưa tính được thể giồng. Đành chịu khốn khổ hơn 20 năm, hết sức óc mà sau mới nghĩ được một cách lấy khí nóng ở tim đất. Từ lúc đã nghĩ được cách lấy khí nóng ấy, lại mất công trình 10 năm nữa mới thành hiệu. Khi đã thành hiệu thời khí hậu ấm, băng tuyết tan, gieo lúa mạ và các thứ cây quả, sinh trưởng như ý cả. Từ đấy mới xoay làm nhà lên đất ở. Sau, các thứ cây cối, rau, cỏ, không giồng mà tự mọc cũng nhiều. Nay những cái cột sắt, lưới sắt, chằng khắp mọi nơi, đều là những vật để truyền khí nóng cả. Vậy thời trong một quả đất đã đủ hết các nhẽ cho vạn vật đủ sinh nở; trong vạn vật, giống người là chủ tể, phải nên xét hết các nhẽ sinh nở ấy mà gây nên cõi đời. Nếu chỉ trông nhờ vào một cái mặt giời xa tuyệt ấy, thời cái mặt giời ấy hoặc lạnh đi, hoặc rơi mất, chẳng cũng nguy lắm thay?

– Ừ, một sự lấy khí nóng ở tim đất, chúng tôi thật đã chịu. Nhưng ngài bảo muốn toàn không nhờ đến mặt giời thời ánh sáng làm sao cho đủ dùng?

– Đó là ngài đã quen một cái tính nương nhờ, cho nên nghĩ thấy thế. Chớ cái ấy cũng chưa đã là khó. Ở chúng tôi trên này, nửa năm về phần ngày, nửa năm về phần đêm. Nửa năm về phần ngày thời sẵn có ánh sáng của mặt giời thật; còn nửa năm về phần đêm, mặt giời đâu mà nhờ? Vì thế, phải hết lòng suy nghĩ, chế được một thứ kính, đeo lên mắt thời trông đêm như sáng giăng, nghĩa là sức sáng bằng mặt giăng. Nhân gọi là "kính giăng" trông xa rõ được 1 mille (1.600m). Chẳng thế thời trong mấy tháng Nam cực quay

hướng về mặt giời, người chỗ cù lao này dẫu có tức nữa mà kiện ai. Nay chúng tôi còn nghĩ chế một thứ kính sức sáng gấp hơn nữa, sao cho trông đêm như ban ngày, thời gọi là "kính mặt giời". Nhưng chưa biết có thể đến lúc nào xuất hiện được không? Nếu có thể đến lúc nào xuất hiện được, thời khi ấy thật không phải phiền lụy đến mặt giời chút nào, mà một vừng thái dương, ánh sáng và khí nóng, xin nhường cho cả cho người ở dưới Cõi đời cũ.

Các ông khách khi còn ở nhà, đâu không là tự phụ, thật cũng đều để mình vào một áng người văn minh. Nay chợt nghe mấy câu truyện của chủ nhân, mới như Hà bá đến bể! Nhân nhiều ông ngỏ ý muốn ở lại để học các sự tiến hóa mới. Chủ nhân nói:

– Phàm nhẽ tiến hóa trong đàn người, sự gì một người đã nghĩ đến, tất người khác cũng có thể nghĩ đến. Nay cũng hãng để các ông phải dùng đến sức óc ít nhiều, tự mình có công phu, lúc hưởng thụ mới có vị. Vậy xin khi nào các ông về, sẽ biếu mỗi ông một đôi kính giăng, gọi là của đi chơi đem về từ nơi "Cõi đời mới".

Thống trưởng nói xong, thân đứng dậy đưa khách đến nhà nghỉ. Qua mấy rẫy hành lang, đến một cái nhà lầu, thoạt mới trông, kỳ tuyệt! Thân nhà thuần một chất pha lê, như một khối pha lê tạc thành một hình động trăm sắc. Bước vào trong đi lên, có nhiều từng; mỗi từng có nhiều phòng; mỗi phòng một sắc riêng. Đứng trong một phòng nào, toàn hình hiện sắc ấy. Không không mà sắc sắc, sắc sắc hay không không? Khuất khúc, mê ly, hồn tiêu, mắt loạn. Đi qua các phòng khắp một lượt rồi lên sân đỉnh chơi, đứng trông xuống chung quanh, thu toàn cù lao vào gương mắt. Thôn lạc ngói đỏ, ruộng nương nước bạc, cây rừng lá xanh, tròn ba vòng bọc quanh, như mặt quả dưa hấu bổ nửa. Lại lấy kính xa trông phóng ra ngoài cái cù lao ấy, trên giời xanh, dưới băng trắng, hết tầm mắt không chút bụi trần. Than ôi! Tiếc cho các anh em nơi cố hương, không được có cái hạnh phúc mà cùng nhau chơi, xem cảnh trí ấy! Đứng chơi một lúc lâu, chủ nhân mời xuống nghỉ. Trước hết đưa cả đến một cái phòng rộng, có bàn, ghế, bày toàn cốc con đủ số uống và hai chai rượu nhớn, sắc xanh, chủ nhân hỏi:

– Các ngài, mỗi ngài định ngủ trong mấy giờ đồng hồ?

Khách không hiểu là sao, không một người nào giả nhời, chủ nhân lại nói:

– Đây là thứ thuốc ngủ. Cái cốc này 3 ngấn rưỡi, mỗi ngấn là liều cho 1 giờ. Ai định ngủ mấy giờ, thời tùy ý dùng bấy nhiêu ngấn.

Rồi người định ngủ 3 giờ, người 4 giờ rưỡi, mình xin 5 giờ. Uống xong, chủ nhân lui, khách đều tới mỗi người một phòng riêng. Khi đặt mình xuống thời ngủ ngay. Lúc tỉnh dậy, hoảng nhiên! Dầu chưa phải thần tiên, thật cũng có như câu thơ Đào nguyên của ông Hàn Chào Châu rằng: *Cốt lãnh hồn thanh vô mộng mị*[1]! Dậy, mở cửa buồng để đi ra, đã thấy một người hầu đứng bên cửa đợi sẵn. Hỏi các ông khách kia thời đã xuống trước cả dưới thềm đứng chơi đợi. Nhân theo xuống, lại cùng về nhà thường.

Bữa ăn xong, ngài bảo sắp nhiều xe cùng đi chơi. Xe toàn nai kéo, đều không dùng giây cương. Đến chỗ ngã ba, đường quặt nào, thấy ngài nói mấy tiếng gì (...), tự nhiên các nai đều rẽ theo như ý. Khách lại lấy làm quái, tranh hỏi về sự không hiểu ấy. Chủ nhân nói:

– Ở đây hiếm người lắm, mà vật súc ở trong nhà chỉ có một giống này, sai dùng đến luôn. Cho nên tổ tiên chúng tôi cố xét ra tiếng của nó, rồi dạy khắp mọi người, thời thấy tiện lợi lắm. Không những một sợi kéo xe không dùng cương, mà muốn sai đi đâu, bảo việc gì, nhất thiết được như ý. Từ đấy, các trẻ con sinh sau tự nhiên quen hiểu. Đến nay, đứa trẻ mười tuổi giở lên, tiếng nai đều biết cả. Giống súc là vật để sai khiến, nếu không thông tiếng, sao cho được tiện dùng? Cõi đời cũ ở về những giải đất ấm, nực, các động vật rất nhiều, tôi tưởng chắc đã có nhiều nhà học chuyên khoa giảng về tiếng thú, súc; mà không ngờ đến nay các ngài còn lấy sự đó làm câu hỏi!

Nghe xong, khách ai nấy lại đều sợ và thẹn. Đi mãi, qua nhiều thôn. Bao ngoài các thôn là ruộng; bao ngoài ruộng là các rừng cây. Đi chơi đến một rừng. Rừng, chia làm nhiều khu; mỗi khu giồng một thứ cây. Chỗ hai khu cách nhau đều có đường đi xe; ngã tư đường có nhiều ghế ngồi nghỉ. Qua khu lê, một bên thời là cam, nghe có đông nhiều tiếng trẻ hát. Thống trưởng nói:

---

1. Xương mát lạnh, hồn thanh không, không mơ màng chút đỉnh.

– Đây các rừng cây như nhau cả, mỗi rừng là thuộc về một thôn. Tiếng hát đấy là những các trẻ con gái ở trong thôn đem thuốc đi trừ các sâu cam.

Ngài nói xong thì vừa đến ngã tư đấy cùng nghỉ. Khách nhân hỏi:

– À! Còn như cách dân cư, việc cai trị thế nào?

Thống trưởng – Cái cù lao này tính tất cả phần mặt được 2.400 milles carrés. Hiện số dân, giai, gái, già, trẻ, cộng 2.213 người, cùng ở đông cả về phần giữa thời đều có lưới khí. Nay, các chỗ không ở đến chưa có đặt lưới thời còn vẫn băng tuyết không kể, cứ đất ở hiện chia làm 20 khu, mỗi khu là phận của một thôn. Mỗi thôn đến 15 nóc nhà giở lại, đều có một người để coi sóc, là Thôn trưởng. Thống trưởng thời coi cả trong cù lao, cũng là tự trong hàng thôn trưởng bầu cử lên. Còn khi bầu thôn trưởng thời toàn dân trong thôn giai 13 tuổi, gái 16 tuổi giở lên, đều có quyền được bỏ vé. Một vé chính bằng hai vé phụ. Bầu xong, mời các thôn trưởng khác đến công nhận, rồi lên trình Thống trưởng y định. Thống trưởng và Thôn trưởng, trừ phi có lỗi công, thời làm mãi suốt đời.

– Vé chính vé phụ là thế nào?

– Dân đây, chia 5 thời 2 phần giống người trắng, 3 phần giống người đỏ, các thôn ở san sẻ đều nhau. Sự bầu cử thời người giống trắng là vé chính, người giống đỏ là vé phụ, Thống trưởng và Thôn trưởng đều về người giống trắng đứng làm. Nhưng cũng chỉ một sự đó có chia khác; còn như làm ăn hàng ngày trong một thôn thời phần khó nhọc, phần vui sướng đều nhau cả.

– Như thế nào?

– Mỗi năm, các việc mùa màng, hoa quả, than củi, săn bắn... các Thôn trưởng liệu xuất dân trong thôn ra làm, giai, gái, già, trẻ, hạng nào đi hạng ấy, tùy sức mà cắt việc. Lại như một đôi khi có việc công trong cù lao như làm nhà học, nhà máy, khai mỏ hay lập thêm thôn nào, các Thôn trưởng, đều phải xuất hết tráng đinh trong thôn dân lên tại sở Thống trưởng để ứng dịch. Kể đại lược về phần phải khó nhọc độ như thế. Còn cách ăn ở thời giản lắm: mỗi thôn có một sở bếp và nhà ăn. Đến bữa, trừ hai vợ chồng ông Thôn trưởng, còn thời suốt dân trong thôn, giai, gái, già, trẻ, đều đến tại nhà ăn,

cũng hạng nào ngồi theo đi hạng ấy. Cho nên mỗi thôn 15 nóc, chỉ là chỗ đoàn tụ riêng của bố mẹ, vợ chồng, con cái mà không nhà nào có của riêng.

– Vậy thế, không có chợ búa gì cả?

– Phải, thôn nào cũng thế cả, không có sự mua bán thời còn có chợ búa gì!

– Nếu thế, cũng không có tiền bạc gì cả!

– Phải, chỉ bởi có học sách thời biết rằng ở cõi đời cũ có đặt ra một vật gọi là tiền dùng để mua bán. Nhưng cũng chỉ biết qua thế thôi, thường không nói đến. Cho nên những trẻ con và một đôi người đàn bà kém học, nói đến tiền không biết là vật gì. Nhiều người dẫu có học mà giảng cho hiểu được nghĩa đồng tiền cũng khó lắm.

Hết câu chuyện ấy, 16 người khách đều vỗ tay đứng dậy mà cười, lấy làm một tình cảnh rất có thú. Rồi về.

Khi khác, nhân bữa ăn, khách lại hỏi: "Ở đây xem với Cõi đời cũ thật hơn nhiều, nhưng động vật, thực vật còn thiếu quá. Sao ngài không cho thông đi lại mua bán để đem các giống vật dưới ấy lên; chẳng tiện đủ hơn ư?"

Thống trưởng – Nguyên tổ tiên chúng tôi có để lại một câu ước chung cho người sau ở cái cù lao này rằng: "Thiết không nên tự mình giao thông với người Cõi đời cũ mà làm mất cái tinh thần thiên nhiên ở cái cù lao này". Vì thế, chúng tôi đến nay vẫn biết ở cõi đời cũ nhiều các giống động, thực, mà phải giữ câu ước của Tiên tổ làm một cái then khóa rất hệ trọng không khi nào dám buông. Cũng chỉ là tham tiếc cái tự do trong sạch, cái độc lập thanh nhàn là cái phúc riêng cho người ở Cõi đời mới. Kể từ ngày tổ tiên mới đến đây đến nay, không có sự thiên tai, không có sự địa biến, không có sự trộm cướp, không có sự an tù, không có sự kiện cáo, không có sự buôn danh bán lợi, không có câu thế thái nhân tình. Ngoài sự lo ăn lo dùng, chỉ chuyên ý suy cầu nhẽ tiến hóa. Lắm khi xem sử ký của tổ tiên để lại nói về tình trạng Cõi đời cũ, thời tưởng cho các người sinh vào trong chỗ túi bụi ấy, ngày đêm hết sức óc để che chống ứng tiếp với việc đời chưa chắc đủ, còn đâu có thời giờ nhàn rỗi, tư tưởng trong sạch, mà khơi nguồn đắp nấm trong tính linh? Cho hay, hơn cái ấy phải kém cái khác, nghĩ cũng là nhẽ thường.

Vả lại phàm cái vật dụng của người ta, nguyên không có thời không là thiếu. Như các ngài ngày nay mới đến đây hoặc nhiều cái thấy thiếu; còn như thân chúng tôi sinh trưởng ở đất này, con mọt ăn cây, con dun ăn đất cũng tự lấy làm đủ, cần chi dám tham muốn những các vật xa lạ mà bỏ nhời ước cũ để làm mất cái thế sản truyền lại 153 năm.

– Ngài nói cái ý không muốn giao thông với người ở Cõi đời cũ thời xem ra lý thế hoặc có thế. Còn như bảo người Cõi đời cũ sinh vào chỗ túi bụi mà không học vấn được tiến hóa, câu ấy chưa dám nhận làm phải. Dưới chúng tôi vẫn cho là có đua tranh, mới tấn tới. Cho nên so với các ngài trên này thật có thua kém nhiều, nhưng cũng không phải là toàn nhiên không tiến hóa, thời cái công phát minh, sức tham tán ấy của một đôi người hiền kiệt, bảo chẳng được ở trong tính linh mà từ đâu?

Khách, một ông nói xong, nhân nhiều ông cùng kể các hình tích tiến hóa mới 150 năm giở lại, như các cái tầu bay, tầu chìm, điện không giây, ống truyền nói và các sự chính trị, pháp luật, văn học, kỹ nghệ, canh nông, thương mại...

Ở vào chỗ túi bụi mà không có thời giờ nhàn, tư tưởng sạch, để khơi nguồn đắp nấm trong tính linh, là tôi tưởng tình thế hoặc nên có như thế. Chớ có dám thật bảo là người ở Cõi đời cũ không học vấn được tiến hóa đâu. Nay cứ sử cũ của tổ tiên mà xét, từ lúc mới khai lịch cho đến năm đầu lịch cũ, từ năm đầu lịch cũ cho đến năm 1770, trình độ tiến hóa, còn trông thấy dấu vết: thời lại từ năm ấy đến nay, sử ký dẫu không có, các ngài dẫu không nói, chúng tôi cũng đã lượng hiểu rằng tất nhiên hơn trước nhiều. Dẫu thế, *tiến hóa có hai thể*: 1) Tiến hóa thiên nhiên, là sự tiến hóa đó thuộc về nhẽ tự nhiên của giời làm; 2) Tiến hóa nhân công, là sự tiến hóa đó có công người. Nay xem ví như có hai cái trái đồi. Một trái đồi có mít, có sấu, có sim, có dứa, có gỗ đinh, có gỗ trắc, có sa nhân, có củ nâu, đều ngày một sinh trưởng. Như thế là tiến hóa thiên nhiên. Một trái đồi kia, cũng có đủ mít, sấu, sim, dứa, gỗ đinh, gỗ trắc, sa nhân, củ nâu, lại có thêm chè, cà phê, ngô, sắn đao, đều ngày một sinh trưởng; mà không thấy có móc diều, không thấy có lá ban, không thấy có cỏ gianh, không thấy có giây bìm. Như thế là tiến hóa có nhân công. Vậy mà xem như ở dưới Cõi đời cũ thời: sự chính

trị tiến hóa bao nhiêu, sự xỏ xiên tiến hóa cũng bấy nhiêu; sự vệ sinh tiến hóa bao nhiêu, sự giết người tiến hóa cũng bấy nhiêu; sự lễ nghi tiến hóa bao nhiêu, sự tàn bội tiến hóa cũng bấy nhiêu; sự công nghệ tiến hóa bao nhiêu, sự giả dối tiến hóa cũng bấy nhiêu; sự thương mại tiến hóa bao nhiêu, sự lừa đảo tiến hóa cũng bấy nhiêu; sự nông tang tiến hóa bao nhiêu, sự dâm đãng tiến hóa cũng bấy nhiêu. Lại trong khoảng 150 năm nay, bao cái hay càng tiến hóa lên bao nhiêu, bao các cái không hay càng tiến hóa lên tất cũng bấy nhiêu. Có khác chi như một trái đồi rậm, cây dứa lên một gang, cây cỏ cũng một gang; cây sim lên một thước; cây sấu cao một trượng, giây bìm cũng một trượng. Người sinh trưởng ở Cõi đời cũ, như suốt đời đi trong trái đồi rậm ấy, chui, luồn, chen, lách, mà không tự biết. Nếu người ở trên này bây giờ qua xuống, tất chung quanh toàn thân như chông, gai. Nói tóm lại thời mọi sự tiến hóa đó là tiến hóa thiên nhiên. Tiến hóa thiên nhiên, thời bao nhất thiết các sự vật ở trong vòng tiến hóa ấy đều theo nhẽ thiên nhiên mà tiến hóa. Nhất thiết các sự vật đã theo nhẽ thiên nhiên mà tiến hóa, mà ai là tham tán với Hóa công?!

Hết câu chuyện ấy xong mà có một sự đến sau này nghĩ lại rất buồn cười: Các ông khách từng vùng xuôi chơi miền Bắc Băng Dương, mà không biết bồ hôi đâu từ thái dương, hàng hàng lả tả! Hết câu chuyện ấy xong, mà một đôi ông khách đã có bụng nhớ nhà.

Ở chơi đấy, trước sau ước vào hai tuần lễ, xem khắp mọi nơi. Xem ra: Một chỗ cù lao ấy, có vết chân người mới 153 năm. Trừ đi 33 năm còn vào thời giờ ở hang; còn trong 120 năm, ngày giờ là bao, mà được thần biến quỉ hóa đến như thế?! Lại như: Người giống da đỏ ở Mỹ châu, tiêu mòn đến hết, ai ngờ một chỗ hiếm người thế mà cả ba phần năm (3/5)! Cái mặt mũi tinh anh, cái tư cách đĩnh đạt, ai bảo là giống thổ dân phương Bắc Mỹ khi trước! Ai hay một giống người rất thua kém trong thế giới, mà đâu cũng trèo nhanh chen trước bước văn minh! Sự chính tục dưới ta, không cứ nước nào, thường chia nhân dân làm 4 hạng, là sĩ, nông, công, thương. Nay xem như ở đấy, thời ai cũng là sĩ, là nông, là công, mà không có dân thương. Thống trưởng đối với các bình dân, tinh thần lễ giáo, có giống như thiên Mân phong trong Kinh thi nói khí tượng vua và dân nước Mân. Các con gái 17, 18 tuổi, nước da và phong cách đều tuyệt trần; mà

trí khôn thời so với người Hà Nội ta hạng 13, 14, còn kém xa. Trong khoảng bấy nhiêu lâu, dù ngồi nhà, dù ra đường, tai không nghe thấy ai có một tiếng than buồn, mắt không thấy ai có một hột lệ. Ruộng không có sổ, mỗi thôn có một giới hạn riêng. Sổ đinh thời giai, gái chia ra làm hai, mỗi bên lại chia làm 5 hạng. Từ 12 tuổi giở xuống, là một hạng, 13 đến 20 là một hạng. 21 đến 40 là một hạng. 41 đến 50 là một hạng, 51 giở lên là một hạng. Chia như thế là để tiện cho lúc cắt việc mà không hạng nào có thuế thân. Lạ thay! Muốn gọi là một nước, không phải rõ một nước; muốn gọi là một nhà, không rõ một nhà. Kể cũng chỉ gọi được ba tiếng Cõi đời mới. Nay muốn chép cho kỹ thời dẫu vài, ba mươi tờ giấy không đủ; chép lược quá thời lại tiếc cho cái tinh thần thể cách chỗ Bồng Lai tiên đảo ấy không toàn nhiên hiển hiện ở nhân gian. Nói rút lại một câu thời là: Trình độ văn minh đã như đến cuối quãng đời thứ 21 giở về sau, mà phong vị uyển nhiên ngày thái cổ. Nổi chìm bể khổ, ấy ai cánh bèo! Yêu nhau cũng muốn mà theo, nợ trần lụy thế còn nhiều chưa xong!

Khi sắp về, Thống trưởng lấy cho mỗi người một đôi kính và tự nói mấy câu chuyện rằng:

"Kể từ tổ tôn lên ở đây, con cháu đến nay không được biết chỗ quê cha đất tổ ra làm sao? Dẫu ăn yên ở vui, cũng lắm khi trông đầu về phương nam, tấc lòng ngùi nhớ! Nay không ngờ lại được các ngài từ đất nước cũ lên chơi như thế này thật là một sự đoàn tụ cùng nhau trong giấc mộng! Duy hơi e lo cho một phương cù lao này từ nay mà về sau, chắc không lại giữ được cái tinh thần cảnh tượng như từ nay giở về trước. Nhưng thôi cũng là cơ giời đến lúc đã mở ngõ, thời ý người cũng khó thể lại che đậy, thời tôi dám phiền dặn các ông đừng đem nói chuyện với người ngoài."

Lúc đứng dậy ra đi, ngài đã bảo trước sắp nhiều xe cùng ra tiễn. Thống trưởng, các Thôn trưởng, các bình dân, người giống trắng, người giống đỏ, đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con, cùng đi đông. Số xe không biết là bao nhiêu. Đi hết cánh rừng thông, chủ nhân giở lại cả. Từ đấy, Lưu Nguyễn về trần; Thai, Bồng xa cách, chẳng hay du khách, sau này có ai?

8. TIÊU DIÊU DU (B)

Về đến Cõi đời cũ, tương biệt với các bọn lũ cùng đi, rồi đi vòng theo mé Bắc Băng Dương đi sang đường Âu châu. Qua Kinh thành nước Anh, sang Na uy (Norvège), Thụy điển (Suède), đến địa phận Nga (Russie). Lại từ Kinh đô Nga đi 10 ngày xe lửa[1] đến Vladivostok (Hải Sâm Uy), sang Nhật Bản. Chơi Đại Bản, Hoành Tân, rồi quay về Thượng Hải đất Tàu.

Thượng Hải nguyên là đất một huyện, thuộc phủ Tùng Giang, tỉnh Giang Tô, từ đời Đạo Quang cắt chia cho các nước ngoài làm tô địa[2], đến nay thành một chỗ đô hội nhớn nhất ở Đông Á. Tại bờ sông Hoàng Phố, người Thái tây có một cái vườn chơi, nghìn bóng cây râm, bốn mùa hoa nở, duy cấm người Tàu không cho vào. Vậy thời xoay khách làm chủ, mà chủ té ra khách. Nghĩ cho Tàu là một nước to nhớn và khai hóa sớm nhất ở bên phương Á châu, mà sao đến nay các nước ngoài được đến chiếm hiếp như thế? Nhân xét xem lịch sử cũ nước Tàu, từ đời nhà Chu đã có giặc Hiểm doãn, đời Hán có Hung nô, đời Tấn có năm rợ Hồ, đời Đường có Khiết đan, đời Tống có Liêu, Kim. Sức xâm nhiễu bên ngoài càng ngày càng mạnh. Đến Nguyên thời là người giống khác vào cai trị Trung Quốc mà Nguyên ở Mông Cổ thời so với Kim, Liêu lại xa hơn. Vua Minh tổ trừ được Nguyên, người Trung Quốc khôi phục Trung Quốc, tự chủ được 279 năm. Đến Thanh lại là người giống khác vào cai trị Trung Quốc mà Thanh ở Mãn Châu thời so với Nguyên lại xa hơn. Nay trừ được Thanh mà Dân quốc nổi lên, người Trung Quốc lại khôi phục Trung Quốc. Nếu dịp này không hết sức tấn tới chen vào hạng liệt cường, thời e rằng trong khoảng 200 năm nữa, lại có người giống nào ở xứ khác, ở xa hơn Mãn Thanh vào cai trị Trung Quốc. Sợ thay! Cứ tình trạng nước Tàu ngày nay, tất được như ông Câu Tiễn làm vua, thời một phần mặt bể Thái Bình Dương họa mới có êm sóng. Chẳng thế mà nay dân quyền, mai hiến chính, càng thêu dệt

---

1. Đường sắt Sibérie (Tây bá lợi á) của nước Nga dài gần 8.000 kilomètres, là con đường sắt lớn nhất.
2. Nước Tàu cắt đất cho các nước ngoài, hạn trong bao nhiêu năm lại giả về. Gọi là tô địa.

bao nhiêu, càng rách nát bấy nhiêu, 4 vạn con người giống da vàng, họ Hiên Viên, chưa biết rõ họa phúc. Tiếc thay! Giang sơn còn đó, mà nào người cửu nguyên!!

Lên chơi Sơn Đông, đến Khúc Phụ, tiến yết miếu thờ đức Thánh Khổng. Miếu ở chính giữa thành Khúc phu. Ngoài cửa Đại thành có nhiều các bia của các nhà Đường, Tống, Kim, Nguyên, Minh. Trong cửa, đến Hạnh đàn, nền đất đó chính là chỗ ngài ngồi giảng học trước. Trong Hạnh đàn, đến Chính điện, từ đời vua Huy Tôn nhà Tống gọi là Đại thành điện. Bên tả cửa điện Đại thành có một cây cối chính tay ngài giồng trước, trải mấy lần khô, mấy lần tươi, đến năm thứ 12 hiệu Hoằng Trị đời Minh lại bị cháy, cành lá mất hết, nay không khô không tươi, trông như sắt. Tục gọi là cây sắt. Thực đủ vẽ ra câu "như hữu sở lập trác nhĩ"[1]. Xem xong đến miếu ông Nhan Hồi, cũng ở góc Đông bắc thành. Có một cây thông trắng, 5 người giang tay ôm vừa kín, cao 20 trượng, đẹp một cách hùng tuyệt! Mộ đức Khổng thời ở trên sông Tứ, nhiều các cây của các học trò phương xa đem đến giồng và có mọc nhiều cỏ thi.

Từ Sơn Đông lên chơi Bắc Kinh, từ Bắc Kinh đi thẳng xe lửa về Hàn Khẩu, qua hồ Động Đình, chơi Hồ Nam. Một buổi chiều mát một mình đi chân ra chơi chốn thôn dã. Núi biếc bóng vàng, ánh giời xanh, cò trắng bay, phong cảnh tuyệt đẹp. Cách một mặt ruộng về bên tay hữu đường, có một lão tiều phu ngồi nghỉ, tựa lưng vào một cái bia đá trước cái mô đất con, đánh dịp chân mà hát rằng: *Hoang phần hề mạn thảo, cổ thạch hề thương đài, cố nhất thế chi cuồng dã, nhi kim an tại tai*[2]?! Tiếng trong mà cao, ngọn gió chiều đưa đến tai như rót. Nhân chạy đến bia xem thời vết chữ đã mờ khuyết, chiều hôm càng khó coi. Chỉ một dòng cuối có mấy chữ hơi rõ ràng, thời là hiệu năm vua Thái Tôn đời nhà Tống. Hỏi chuyện ông lão ấy thời đó truyền lại là mả ông Tiếp Dư đời nhà Chu. Lạ thay!

---

1. Câu này ở trong sách *Luận ngữ*, nói đạo đức Thánh Khổng thường đứng cao vòi vọi trước mặt người.
2. Mấy câu này là nói cái cảnh mả cũ bia tàn lại ngậm ngùi cho người nằm dưới chỗ suối vàng ấy, thật cũng là một người cuồng sĩ trong một đời mà bây giờ là đâu.

Qua Tứ Xuyên, sang Tây Tạng, quay đến Ấn Độ, xem núi Himalaya (Hi-mã-lạp-sơn). Từ chân núi lên đến đỉnh, từng lớp trông khác nhau. Cứ Bác sĩ nói rõ ràng: chân núi nhiều rừng to; từ khoảng 7.000 đến 12.000 thước Anh thời không có cây nhớn, lại lên đến 15.000 thước, chỉ có rêu; lên nữa thời bốn mùa đều băng tuyết cả. Thật đáng là một ngọn núi cao nhất trong thế gian. Người Thái tây có nói rằng: "Người Ấn Độ sinh trưởng ở dưới bóng núi ấy, đời đời trông thấy cái cảnh tượng cao nhớn, in vào tri thức trong óc, cho nên sinh được nhiều cái cảm tưởng cũng cao nhớn, như đạo Phật, đạo Bà la môn". Giang sơn có hệ đến nhân vật, đông tây có nói cả. Sách nho nói, về nghĩa hun đúc, thời lấy về bên khí; người tây nói về nghĩa xem cảm, thời lấy về bên tượng. Mỗi đàng đều có một nhẽ riêng. Nhưng đem thi vào trong trường thi Triết học thời câu nói người Tây dương có phần hơn.

Xứ Ấn Độ, tại thành Agra có một cái đều Taj-mahal là cái lăng của một bà vợ một ông vua Ấn Độ về quãng đời thứ 16. Đền toàn xây bằng đá hoa trắng, trong chạm lồng, dát kim cương ngọc thạch các sắc. Người ở đấy nói rằng: "Đêm sáng giăng thời thật là cái cảnh đẹp có một". Đêm hôm ấy, ước vào ngày 19 trong tháng lịch âm, đeo kính giăng mà ra chơi. Giá chưa biết đấy là cái đền Taj-mahal của một bà vợ vua nước Ấn Độ thời có nhẽ tự ngờ mình là ông vua Minh Hoàng bên Tàu đi chơi cung Quảng Hàn. Vào trong đền mà xem, tưởng như bao các vị đinh tinh trong bầu giời cùng nhau hội họp trong một cái nhà bé nhỏ ấy. Bước chân từ trong đền ra, một lúc lâu, giăng lên, bỏ kính đi, bầu giời quang sáng, mặt đá lóng lánh, cảnh sắc càng đáng yêu, hoảng như khi còn ở nhà được xem ở dưới lòng nước sâu cái bóng người con gái 18 tuổi rất trắng đẹp, đêm, tay đeo toàn đồ vàng, cầm đuốc sáng đứng ngang trên bờ ao. Nay đem cái đền này mà xem với cái quạt nước[1] ở miền sông Madison

1. Chữ tây là Geysers, ở nước Hoa Kỳ miền thượng lưu sông Madison có nhiều. Cái to nhất gọi là la geaute, nguyên là một cái hốc núi, hai bên bờ dặt những thạch nhũ, nước dưới đất đùn lên đầy cái hốc, rồi phun lên một đám cao 40 thước, khoát 10 thước. Từ dặm nước ấy lại bắn vọt lên 5 cái cột nước nữa, cao đến 200 thước; rồi tỏa ra rơi xuống như hình cái quạt. Mỗi bận phun như thế, trong 20 phút thời thôi. Có khi một ngày phun đến ba bận. Trong lúc nước phun, thời tiếng gầm tiếng rít vang lừng một

nước Hoa Kỳ, thời: Một cái thợ giỏi làm, một cái thợ người làm, mà sức đẹp gần ngang nhau. Lạ thay! Cũng cùng là một tấm thân con người ta, có người thác đi thờ hình thể chứa vào trong chỗ quý báu ấy, mà sau cũng lại có nhiều kẻ bỏ nát, phơi khô, vùi nóng, chôn lấp quãng đồng không?! Dẫu thế, sau lúc đã tạ biệt cái làng ấy mà lùi đi, giăng mờ mây ám, mọi nơi, ngoảnh mặt lại mà thu lấy cảnh tượng ấy vào gương mắt, đã như trút cả lấy cái khí u ám ưu uất vào trong lòng. Cho nên, xem như bao nhiêu người đời xưa, anh hùng như ông Ngụy Vũ, công nghiệp như ông Dương Công, mà bờ sông Chương thủy, ngọn núi Nghiễn Sơn, mả cũ bia tàn, chỉ để cho người đời sau vẩy hai hàng lệ trắng[1]. Rồi nữa, thỏ lặn ác tà, bể dâu biến đổi, cái trí tưởng lâu xa, cái công trình to nhớn ấy, còn đâu ở mãi chốn nhân gian? Than ôi! Người là một giống vật có tình, ngọc đá chỉ có hình. Cái vật có tình ấy đã tự mình không thể giữ lấy được, mà lại muốn nhờ mượn cái vật chỉ có hình ấy để truyền lưu vô cùng, thời trí tưởng dẫu xa, công trình dẫu to, nhưng kiến thức thật bé.

Ở Ấn Độ, ra chơi Pondichéry (thuộc địa nước Đại Pháp), rồi đi Úc châu (Océanie). Châu đó cũng là một phần đất nhớn trong năm phương thế gian, mà giống dân mường, mán, mọi, rợ, không thể xét cho hết. Từ có người Âu, Mỹ sang đấy ở, người thổ ngày một tiêu mòn. Nay như một cái cù lao lớn nhất là Australie là thuộc địa của nước Anh, thời giống người thổ đã gần hết. Chỉ những chốn hang cùng rừng rậm, thỉnh thoảng một đôi chòm gianh, nứa, để làm cái ghi nhớ đáng thương trong loài người. Dẫu ai bảo là nhẽ vật đua tranh, giời dãi lọc, nhưng con tạo hóa kia đã bày ra một phương đất rộng, nhớn, tốt, đẹp ấy, thời sinh ra một giống dân ngu, xuẩn, hèn, dại ở đấy mà làm chi?...

(Kiểm duyệt bỏ 5 giòng)

---

góc giời; ánh mặt giời chiếu vào, lấp loáng như mấy trăm mấy ngàn cái cầu vồng: đứng đằng xa mà coi, cũng tưởng tượng như một cái cột rất to bằng châu báu đụng nổi giời xanh với đất biếc.

1. Ngụy Vũ là ông Tào Tháo. Dương Công là ông Dương Hựu, đều là người Tàu. Mả ông Tào Tháo ở bờ sông Chương Thủy. Ông Dương Hựu có dựng một cái bia ký công ở núi Nghiễn Sơn, người sau cảm thương, gọi là cái bia rớt nước mắt.

Úc châu đã trải qua, lại quay về Phi châu (Afrique), chơi Ai Cập (Égypte); ở thành Caire. Thành ở bờ sông Nil, gần thành nhiều các cái cổ tích. Như cái tháp Kim Tự là lăng những ông vua Ai Cập khi trước, công trình to lớn, cách thức kỳ cổ. Trong lăng làm như cái thành nhỏ, có bày đủ cả những đồ cần dùng của ông vua ấy lúc bình sinh. Nghe người ta nói rằng: "Đến nay đào trong lăng, còn thấy nhiều hột thóc rất to đã để từ hơn 2.000 năm đến giờ. Những hột thóc ấy, không có không khí vào, không mọc mầm được, cũng không thối ra được, đem ra gieo xuống đất, lại thành cây mạ to. Thây các ông vua trước đều ướp bằng một thứ thuốc riêng cho không thể thối nát được, lâu cũng chỉ đét đi mà thôi". Xem thế, biết trình độ lúc ấy đã cao lắm. Ai Cập là một nước văn minh thời xưa, mà từ đời trung cổ giở về sau đến nay, ngày một hèn kém. Nghĩ cho một nước như một người. Thấy nhiều người từ lúc còn trẻ con, thông minh rất sớm, mà đến sau không thành một người hay. Vậy thời khai hóa trước, văn minh sớm, cũng không chắc là cái hay cho một nước ru! Quả có như thế thời giời đất còn dài, cuộc đời còn xoay vần, các nước gọi là văn minh ngày nay có nhẽ cũng chưa chắc.

Từ Ai Cập đáp tầu bay qua bãi cát Sahara (Tân cáp tạp sa mạc)[1] sang phía tây châu ấy. Sang đến phiá tây châu Phi, mà mới

---

1. Sahara là một bãi cát to nhất trong thế gian. Bề mặt so với bể Địa Trung Hải còn rộng hơn, ở vào chính giữa dải đất nóng, cho nên nóng nực lạ thường, cứ mỗi bốn năm năm mới có một lần mưa, duy có giống lạc đà tài nhịn khát đi qua được, các khách buôn qua đấy tất phải dùng nó mang đồ vật, gọi là cái thuyền trong bể cát. Gió nổi lên thời cát bay rầm giời, chỗ thời chứa cao lên thành gò, chỗ thời hoắm xuống như đầm. Gió to thời những cái cột cát quấn lên cao đến từng 100 thước, hành khách đi gặp phải thường bị vùi lấp vào đấy, người và súc vật đều mất hẳn tung tích. Lại có một thứ gió nóng không thể kham, ống khí hậu cao đến 122 độ, nước uống đựng ở trong túi da có thể sủi thành hơi bay đi hết, người và súc vật đều vì thế khát, nóng mà chết. Trong cái bãi cát to nhớn khô nóng ấy, nhờ được có những chỗ có mạch nước chảy vọt lên, có cây dâm, có cỏ chẹn, có dân ở; những khách buôn phải mang lương thực, nước, tính đường đi vừa đúng đến những chỗ ấy để nghỉ mát và lấy nước uống. Nhưng cũng nhiều khi lại bị lạc đường mà khát chết. Lắm sự nguy hiểm thế, cho nên chỉ những người Arabes buôn bán đi lại nhiều, còn các hành khách khác ít thấy. Vì thế, có mấy nhà buôn to người FranÇais và người Égyptiens đứng chung nhau lập ra một cái công ty tàu bay để chở khách qua đó. Từ

biết thế lực nước Đại Pháp ở trong doanh hoàn rất mạnh nhớn. Trừ cái cù lao Madagascar ở riêng về một mặt đông nam châu ấy không kể; còn từ bờ bên hữu sông Congo, một dải sông Niger, một phần tây bãi cát Sahara, cho đến hết phía bắc giáp bể Địa Trung Hải (Mer Méditerranée), ngọn cờ ba sắc, xa xa đối nhau, như người ta cắm những cái quạt văn minh cho dân các xứ ấy. Chơi qua mỗi nơi, khắp một lượt, vì khí giời nóng nực quá, lại chuyển về ngay thành Alger. Thành đó là kinh đô của xứ Algérie, việc buôn bán rất thịnh vượng, khí giời êm hòa, người nước Anh đến mùa đông thường hay sang đấy để lánh rét. Trong thành có một cái tháp nhớn, có bia, là của nhà nước Đại Pháp bảo hộ mới lập lên để kỷ công cho những các quân lính xứ ấy. Rồi từ Algérie sang qua Tunis, về Marseille, lại về Sainước Étienne.

Về đến Saint-Etienne, quan Bác sĩ tiện đường vào chơi thăm ông Dravine. Cách một hôm, ngài lại Mỹ. Kiều Oanh khi ấy cũng về thăm quê Gia Định vắng. Trệnh [chạnh] niềm nhớ cảnh gia hương, Hiếu mới xin phép về quê nhà. Ông chủ có cho một ít tiền mang về để làm vốn buôn bán.

9. CỐ HƯƠNG

Bể rộng cá nhảy, giời cao chim bay, đất khách tám thu, buồm về một lá. Vừng Thái dương lặn, mọc chưa mấy đã y nhiên phong cảnh cố hương. Đến Sài Gòn, hỏi thăm tin Kiều Oanh, lại vừa mới đáp tàu khác sang Đại Pháp. Giận thay! Từ Sài Gòn đánh giây thép trước về ngoài Bắc, rồi đi thẳng đường sắt ra Tourane, ra Huế, nghỉ một hôm, lại thẳng đường sắt ra Hà Nội. Xe về đến Hàng Cỏ, trông thấy nhiều ông hình quen biết cả mà ngờ vì có râu; lúc xuống xe đến gần thời chính là những ông vẫn quen biết thân thiết cả mà mới có râu. Nghỉ Hà Nội ba hôm, chơi cùng các anh em, thời ra: Có người trước mới đỗ Admis, nay đã chức Tri huyện, có người bỏ học về canh nông, có người Thừa phái đã được đến Bát

---

khi có công ty ấy thời từ Égypte sang Sénégal, Niger và các xứ phía Tây châu Phi, hành khách đã đông vui hơn trước. Vậy biết sự buôn bán có tô điểm cho xã hội cũng nhiều.

phẩm. Đường xe lửa từ Hà Nội đã làm qua Sơn Tây. Phố Sơn Tây đông vui hơn trước nhiều, cũng đèn điện, cũng xe điện, buôn bán rất thịnh vượng. Núi Tản dương xanh, sông Đà chưa cạn, giang sơn phong cảnh, nhìn kỹ còn như xưa. Về đến làng, đàn bà, trẻ con cùng trông lên xe để chỉ trỏ. Đến cổng dàn, các bà con ra xem chào hỏi đông: vợ cũng quấn tóc rối, đi chân mà chạy ra, dáng điệu đã đứng đắn hơn trước. Đến cổng nhà, mẹ già 80 tuổi, phơ hai mái tóc, đứng tựa cổng mà mong con. Bước lên thềm, trông vào trong buồng, một cái khung cửi đương mắc sợi, là của vợ mới học nghề dệt vải đã ba năm. Tan một cuộc hàn huyên, dạo xem các nhà trong họ mạc và lân lý chung quanh, cây cối, rào giậu, cửa nhà, cổng ngõ, đại lược thấy khác cả. Các trẻ con mới sinh sau lố nhố, trông không biết là con ai. Lạ thay! Trong khoảng 8 năm giời mà cố quốc, tha hương, tình cảnh khác nhau thế!

Từ khi về ở nhà, mưu tính sự sinh lý. Dựng một cái nhà lá, 5 gian, có vườn, ao. Tháng năm bỏ ít tiền đong ngô, đậu, đến tháng tám thời bán; tháng mười lại đong thóc, tháng hai, tháng ba bán; từ tháng bảy đến tháng chín, cất vải trắng về giãi nâu, tháng một tháng chạp bán; từ tháng một đến tháng tư, làm gạo bán cho những người ăn buôn. Trong nhà vẫn để khung cửi, vợ lúc nào nhàn thời dệt thêm. Tháng dài ngày rộng, chơi về nghiệp văn chương, chia đại lược làm mấy loại:

Vận văn *(Thơ, ca, từ khúc)*
Thuyết văn *(Tiểu thuyết)*
Kịch văn *(Tuồng, chèo)*
Tản văn *(Văn xuôi)* { Thể chính / Thể ngoại
Dịch văn *(Văn dịch)*
Dật văn *(Các văn không hợp vào thể gì)*
Ngụ văn *(Chuyện đặt chơi)*

mà tinh tư, học lực, phần nhiều ở vào tản văn cả. Chiếc võng đào, đôi giày xanh, cành lê sương, khóm trúc chỉ, người Hy, Hoàng trong cõi văn minh. Than ôi! Giàu sang một giấc Hoàng lương! Nhân sinh được thế cũng chân thú! Phần hương nhạn, én, thấm thoắt đã hai đông. Một hôm đương trưa, một mình ngồi trong cái buồng sách, rượu quả dâu rót cốc bạch thạch, ngọn thu phong lay động dáng

người vàng[1], thời sực tiếp một phong thư dán hai tem gửi từ Saint-Étienne đến.

10. CỐ NHÂN THƯ

Cầm lấy bức thư xong, biết là âm tín của cố nhân giai nhân là Chu Kiều Oanh. Ngoài đề:

Monsieur NGUYỄN KHẮC HIẾU
au Tonkin
Indo-chine Française.

Mở ra xem thời thấy trong thư viết rằng:

"Saint-Étienne, le 11 September 1925.

Mon cher Tản Đà,

Giời gần, cố nhân xa! Nhưng cánh tem không gửi đến giời thời đưa về cố hương để cố nhân biết vậy.

Trong bức thư tôi trả lời cố nhân năm ngoái, có nói qua đến sự duyên phận mình! Hại thay! Không ngờ đến cuối năm mà người Fiancé của tôi ấy vội đã rứt giây cầm. Sang năm nay, tháng Juin, mẫu thân là Hoàng thị cũng về tiên. Tôi, hơn năm trời nay: ngày, một bàn giấy viết; đêm, một ngọn treo; cành tùng ba đông, ruột tằm trăm đoạn. Nhớ ngày nào cùng nhau câu chuyện trong gác kín, cố nhân có bình nghị cho tôi mấy điều. Trong mấy điều đó, chỉ có học thức và hiệp khí là quý hơn. Mà, vào thân con gái thời tôi cũng không biết có là quý. Cho nên thấy những người thiếu niên nam nhi, hồng bay bốn bể, thời lại tự thương thân tủi phận, giận thay cho tạo hóa sinh thành. Cố nhân ơi! Cậy ai lên đến thiên đình, sổ quần thoa thấy tên mình xóa cho?

Khi trước cố nhân có viết cho tôi một cái thư nói: mới làm thêm được nhiều văn. Tôi bên này, văn chữ tây và chữ nho xem nhiều, còn văn chương quốc âm thời không có. Nếu có thể chép gửi cho

---

1. Đêm hôm thảm biệt ở công viên, Kiều Oanh có cầm cho một cái cốc con, chế bằng một thứ đá trắng rất quý, quang phóng cũng gần như thủy tinh. Bên trong cốc có chạm mỏng một hình mỹ nhân bằng vàng, thật tinh khéo, phảng phất như hình Kiều Oanh vậy. Mỗi bận đem ra uống, hơi có gió đến rượu thời người vàng lưu động, kể cũng phong nhã mà tình.

được, thời đồ làm quà ở cố quốc, thật không gì quý hơn. Vả lại, chơi văn như chơi diều. Làm được cái diều tốt mà không đem ra thả, tưởng không có thú hứng gì cả. Cứ như ý cố nhân nói chuyện trước, muốn cuốn lại bỏ hòm để chơi riêng, rồi sau này tự có người tri âm thời tôi lấy làm không phải lắm. Mình còn muốn tìm người tri âm, ở trăm năm về sau thời sao bằng tìm ngay người tri âm ở cùng thời? Con người ta ở đời, thường hay lấy ít tri âm làm giận, mà không biết thực tự mình đã phụ biết bao người tri âm. Không những thế, văn chương có bài theo thời nghi, bây giờ nghe ngay thời hay, mà năm sau đọc đến đã vô vị. Vậy cố nhân nên nghe nhời tôi khuyên, đem tất cả các tập văn về các lối, in ra một lượt chơi, cũng để làm một đồ chơi chung, rồi xem ý kiến của nhiều người bàn nói, thời nghĩa nào sai, câu nào kém, bây giờ còn mình, mình mới có thể chữa đi được. Sự hứng thú của con người ta lúc còn sống, sao cho đến suối vàng ít hối hận thời là hơn! Tôi, trong mấy năm nay, chữ nho cũng rộng thêm được ít nhiều. Độ đầu xuân, qua chỗ công viên, thấy người chơi xuân rất nhiều, cảnh tượng vui vẻ vẫn như cũ; mà sao chỉ một gốc liễu chúng ta cùng đứng nói chuyện với nhau trước thời trông ra mặt ủ mày rầu! Nhân cảm thế, tôi có làm chơi mấy câu thơ chữ nho, xin biên về để cố nhân chữa cho:

Cá cá hưu oanh điểm thụ hoàng
Nộ hồng tranh phóng loạn xuân quang
Khả liên tối thị cựu thời liễu,
Chung nhật sầu my ức Nguyễn Lang[1]

Cố nhân bây giờ ở nhà trong có thú gia đình, ngoài có vui chúng bạn, không biết có lúc nào nhớ đến người cũ ở Saint-Étienne

---

1. Bài thơ nói cái phong cảnh vườn công ấy một làn cây xanh, mấy con chim oanh đậu bay bay đậu, coi ra lốm đốm từng chấm vàng. Các sắc hoa gặp thời, tranh nhau đua nở, làm sặc sỡ cái phong quang chiều xuân. Chỉ thương riêng cho một cây liễu thời xưa, suốt ngày rủ lông mày buồn rầu, nhớ anh chàng họ Nguyễn.
– Bài thơ này không lấy gì làm hay lắm; nhưng văn bút của một người con gái mà được thế, kể cũng là đáng yêu. Tôi muốn dịch làm bốn câu thơ quốc âm mà tài dịch không nổi. Vậy xin nhờ các bậc văn nhân, ông nào có hào hứng nghĩ chơi mà dịch cho, thực quý hóa vô chừng (hoặc bốn câu lục bát cũng được). Ai dịch cho, xin cứ gửi về hiệu in Đ.K, Hà Nội. – Hiếu cẩn bạch.

nữa không? Mà, tôi thời nhớ đến cố nhân luôn, suốt ngày thường như cây liễu vậy. Không biết tại tôi ở trong lúc buồn rầu mà thế? Hay tính chất người con gái về âm loại, cho nên dễ cảm tình hơn người đàn ông mà thế chăng? Tiếc cho! Không được là một bạn nam nhi với cố nhân, để cùng nhau lúc giang hồ, khi phần tử, khi sơn thủy, lúc phòng văn, cùng theo một sự nghiệp học vấn. Nhưng, cũng còn may cho! Được một người bạn nam nhi là cố nhân, để những khi lá hồng gió thu, đêm đông đèn biếc, thời lại mượn tờ giấy trắng, giọt mực đen, chiếc tem đỏ, để tả tấm gan vàng, mà đưa người mắt xanh. Bể lòng lai láng mông mênh, dặm ngàn nước cũ năm canh ngọn trào! Nay muốn vì cố nhân khuyên giải một đôi lời, trước hết muốn cho cảm tình của cố nhân dễ truyền nhiệt như loài kim thiết. Kể từ ngày được tiếp mày chi ở công viên đến nay, một hai yêu đương, nghìn vạn trân trọng. Nhưng, trong khi cố nhân ở New York, tôi có xem lại bộ tứ thư đến câu trầm, tiềm, cương, nghị, túc dĩ hữu vi giả[1] *và xem thấy một câu nói của ông Gia Cát Lượng rằng:* ninh tĩnh túc dĩ trí viễn[2] *thời biết con người ta gánh được một việc to nhớn, theo đuổi được một đích xa thẳm, là tất phải có mấy đức ấy ở trong mình. Mà, xem như cố nhân ta thật thiếu kém. Cố nhân nay đã là một người có học vấn thời phải nên biết rằng: Văn chương có trọng giá, không phải là một sự chơi riêng trong ý thú, không phải là một sự đua vui trong phẩm bình, mà phải có bóng mây hơi nước đến dân xã. Cố nhân nay đã là một người có tư tưởng, càng phải nên biết rằng: một tấm thân người nam nhi, không phải của riêng một mình mình, mà là của nước tổ Hồng Lạc hơn 4.000 năm, của xã hội 25 triệu người, của giang sơn 34 vạn lý*[3]*. Nghĩ cho thực cũng nên nhường, hai vai gánh nặng con đường thời xa!*

---

1. Trầm là không nông nổi, tiềm là không bộc lộ, cương là các vật người không đè nén lay đổ được, nghị là không ngã lòng. Có mấy đức ấy thời đủ làm được công việc hay.
2. Ninh là thường yên thư, tĩnh là tự tĩnh mịch. Có thế mới đủ đến được đường lối xa.
3. Lý, mỗi nước mỗi khác. Ta trước vẫn tính theo lý Tàu, nhưng cũng là một cách hồ đồ. Từ có nhà nước Bảo hộ, lại theo kilomètres. Nay cứ "lý" nói ở trong thư này, hợp với số kilomètre carré, làm một lý. Nếu như thế cũng không tiện. T.Đ.

Xem như một tập vận văn của cố nhân đưa tôi trước, đầu đề bài "Muốn làm thằng cuội", là vì nhân tư tưởng chán đời mà sinh ra làm văn; nhưng lại có một câu "Dặm đò" đứng kết sau, thời cõi đời rút lại không chán được. Cố nhân cũng đã biết. Đã nhiều duyên nợ ba sinh, trăm năm để một "khối tình" mặc ai?! Vậy thế xin kính khuyên cố nhân thể nhận lấy 4 chữ "trầm, nghị, cương, tĩnh", theo lấy câu "Đứng mũi chịu sào". Ba Vì ngọn núi còn cao! Hắc Giang một giải biết bao nhiêu nguồn! Sao cho nhân tâm, phong tục được thuần chính, dân trí, tư tưởng được khai minh, là chức trách của ngòi bút đại văn gia trước phải đối đáp với xã hội; mà cốt phải hiểu cáo cho lòng dân An Nam biết thân đái nhà nước bảo hộ, thời sự tiến hóa mới có phần trông mong; rồi gia công về trên sự học vấn suy cầu tinh lý, làm một nhà văn học kiêm triết học *ở Đông Dương. Sự nghiệp tôi chúc mong cho cố nhân có bấy nhiêu. Còn như giàu sang, vinh hoa, ái ân, tình dục trên thế gian, lâu cũng thành ra giấc mộng cả! Đêm đông tấc dạ, trời Nam ngàn mây...*

Kính chúc nhà nước Bảo hộ ta nghìn vạn năm!

Kính chúc nước tổ Hồng Lạc ta nghìn vạn năm!

Kính chúc danh vọng của cố nhân ta nghìn vạn năm!

Ton amie,
Chu Kiều Oanh bái."

Từ khi về cố quốc, mê thiết sự văn chương, cho nên con hỏa ân tình đi lại trong bụng cũng thưa cách. Không ngờ đến khi xem bức thư của người cố nhân, giai nhân, rất thân, yêu, quý, trọng, đáng tưởng nhớ, là Chu Kiều Oanh xong, nhân tưởng lại tình cảnh cùng ai trong bao năm, mà cảm tình lại sóng gió trong tấc dạ. Người đâu gặp gỡ làm chi? Trăm năm biết có? Sự hoặc mơ màng chăng tá? Một phút thành không!

1917

GIẤC MỘNG CON
II

Chiều hôm bóng lặn, một mình thơ thẩn đi chơi ở cánh đồng làng Xa La, trông ra con đường cái Thanh Trì lên Hà Đông thời mấy cái xe ô tô chạy đuổi nhau, cát bay khói trắng; trông xa ra con đường ở Hà Đông lên Hà Nội thời một cái xe điện cũng đương chạy, người đứng chen vai. Đi bách bộ trở lại, đứng mà trông lên thời một con chim diều hâu lượn ở trên từng cao, không biết là đi đâu, càng trông theo, càng thấy nhỏ! Trông theo cho đến hết sức mắt thời chỉ thấy con chim đó càng nhỏ tít mà như đi tít vào mây xanh.

Nghĩ cho con người ta có cái thân ở đời mà nếu không làm được nên sự nghiệp gì; thứ thút lại sinh làm người con trai An Nam đương buổi đời nay, như vẫn có một cái sự nghiệp rất vĩ đại để dành cho, mà nếu chỉ lờ lững ở dưới bóng tà dương, hay chen vai nhau ở trong cái xe điện, thời chẳng thà được như con diều hâu đó, đem cái thân mà làm bạn với trời xanh. Tinh thần đương chú tưởng, thấy một anh chàng dắt con trâu đi qua, hình dung mặt mũi thật là tuấn tú, trông khác hẳn những người bình dân ở thôn quê, nhân thế mà để mắt nhìn mãi. Anh chàng đó cũng vừa đi vừa ngoảnh cổ lại mình mà nhìn. Một lúc bỗng thấy hắn gọi to lên rằng:

– Nguyễn Khắc Hiếu lại lên đấy ư?

Quái lạ! không biết anh này là ai, và sao mà biết mình, mà câu hỏi rất là đột ngột. Bụng đương nghi hoặc, miệng chưa kịp trả lời, thời thấy hắn ta dắt trâu đi trở lại, đến vỗ tay vào vai mình mà nói rằng:

"Anh lên chuyến này hay lắm!"

Khi đó, mình mới nhận kỹ anh chàng dắt trâu đó thời thật có quen biết, mà nhận kỹ ra nữa thời tức là chàng Khiên Ngưu. Khi đó mình mới hoảng nhiên tự biết rằng cái thân đã lên đến Thiên giới! Nhưng vì sao bỗng dưng mà lên được thời thật là không hiểu. Ngoảnh mặt trông chung quanh chỉ thấy đồng ruộng mênh mông, ngoài anh chàng Khiên Ngưu với mình có cỏ xanh vô tận. Bồi hồi cảm tưởng nhân nói chuyện cùng anh Khiên Ngưu rằng:

– Từ khi trước tôi lên hầu Trời mà Trời cho bác đưa tôi về hạ giới; sau đấy nhiều lúc thật nhớ trên này quá mà không sao lên được! Thật lần này cũng không biết tại sao mà tự nhiên lên tới đây. Bây giờ tôi lên đến đây thời nhờ bác giới thiệu cho tôi đến những chỗ chư tiên, ai là có cảm tình với tôi thời tôi ơn bác quá.

– Anh lên trên này thời chư tiên cảm tình nhiều lắm. Nhân lần trước anh lên hầu Trời đọc văn mà chỉ có ở một đêm, các tiên phần nhiều chưa được tiếp, sau rồi họ cứ đến hỏi tôi.

– Những ai?

– Nhiều lắm! Mà phần nhiều là những người ở hạ giới trước, sau lên đây thành tiên.

– Như những ai?

– Như các ông Tử Cống, Tử Lộ, Lư Thoa, Hách Tư Lê, lại như Dương Quý Phi, Tây Thi; mà có cả một cô là Chu Kiều Oanh nữa, ai cũng cứ đến hỏi thăm anh mãi.

– Chu Kiều Oanh bây giờ cũng ở trên này ư?

– Có.

Chết thật! Mừng bao nhiêu mà lại tủi bấy nhiêu. Cái thân luân lạc ở hạ giới bao năm nay mà bao nhiêu tri kỷ ở cả chốn thiên đình. Khi ấy mới lại hỏi bác Khiên Ngưu rằng:

– Thế bây giờ bác đánh trâu về chớ?

– Phải, bây giờ tôi đánh trâu qua sông Ngân để về. Anh cùng đi về với tôi.

Theo anh Khiên Ngưu đi đến sông Ngân Hà cùng ngồi lên mình trâu sang qua mặt nước như gương, lòng sông không cát. Sang tới bên kia sông, thấy có một người đàn ông đương đứng tắm. Hỏi ra thời là ông Đông Phương Sóc. Mình nhờ anh Khiên Ngưu đến giới thiệu. Ông Đông Phương Sóc vội vàng thôi tắm, lên mặc quần áo, đi đến cùng chào nhau. Ông nắm tay tôi mà hỏi rằng:

– Ông lên đây bao giờ?

– Thưa ông, tôi vừa mới lên.

– Thôi bây giờ ông chào ông Khiên Ngưu rồi cùng đi về với tôi.

Khi đó từ tạ bác Khiên Ngưu rồi cùng đi về với ông Đông Phương Sóc.

Đến chỗ ông Đông ở, thoạt ngồi xong, nước pha chưa kịp uống, thấy hai vị tiên nữ từ ngoài vào, ăn mặc thật là lộng lẫy, trông vào khoảng người hạ giới mình trạc ngoài ba mươi tuổi. Hai vị tiên đó đã ngồi ghế, ông Đông mới trỏ vào mình mà hỏi rằng:

– Chư bà có biết ai đây không?

– Thưa không.

– Nguyễn Khắc Hiếu!

– Đó là ông Nguyễn Khắc Hiếu ở hạ giới mới lên đó ư?

– Phải, chính ông ấy...

Lúc ấy mình đứng dậy chắp tay chào. Hai vị tiên cũng chào lại mà nói rằng:

– Mời ông ngồi.

Ông Đông lại hướng vào mình, hỏi rằng:

– Ông có biết chư bà đây là những ai?

– Bẩm không.

– Đây một bà là Dương Quý Phi, bà này là Tây Thi.

Lúc ấy mình thấy trong bụng nó lạ quá! Tỉnh không ra tỉnh, mộng không ra mộng. Ngồi nhìn người nọ, rồi lại nhìn người kia, nhìn người kia, lại nhìn người nọ. Hai vị tiên đó cũng đều để mắt cùng nhìn mình.

Ông Đông Phương Sóc cười mà nói rằng:

– Sự học của nhà nho hạ giới ta thật là đáng cười! Mình học biết tên người ta, biết thân thế người ta, lại lấy tên của người ta, thân thế của người ta để đem làm văn, làm tuồng hát; đến lúc gặp người ta thời hỏi ra không biết! Như thế mà các ông vẫn tự lấy làm uyên bác lắm!

Khi đó mình cũng hơi xấu hổ, nhưng trong bụng tự thấy khoái hoạt quá, cho nên cũng chẳng đáp lại sao. Rồi Dương Quý Phi nói chuyện với mình rằng:

– Ông có diễn tích tuồng thân thế của tôi, như trong cảnh Bồng Lai, khi tôi đối đáp nói chuyện với sứ giả nhà Đường, có câu: *"Bồng Lai ngày tháng thanh nhàn; cố cung tưởng lại muôn vàn ái ân"*. Câu đó, tôi thiệt chịu là hay, mà sao đúng được tâm sự tôi đến như thế!

Tây Thi cũng lại nói chuyện rằng:

– Trong vở tuồng ông diễn về thân thế tôi, lúc Cô Tô sắp bị tàn phá mà tôi dâng rượu cho Ngô vương, có câu: *"Chén quỳnh pha vị máu tanh, Quân vương ơi, làm cho đổ nước nghiêng thành bởi ai?"* Câu đó, tôi cũng thật chịu là hay. Tâm sự tôi lúc bấy giờ, vẫn biết rằng cái thân mình sang Ngô, là tự vua Việt và Phạm Lãi sai sang để cổ hoặc; nhưng trông thấy Phù Sai trong lúc ấy thời vô hạn ái ngại, mà nghĩ mình thật là một tội nhân. Quái sao ông không là chúng tôi mà ông tả được cái tâm sự của chúng tôi đúng đến như thế.

Ông Đông Phương Sóc lại nói rằng:

– Như các vở tuồng của ông Hiếu, kể câu hát thời nhiều câu hay, nhưng về cách xếp đặt thời tôi chỉ lấy có một cảnh *Cô Tô tàn phá* làm xứng ý.

Khi đó, mình chỉ cứ ngồi im, nghe chư tiên bình luận. Rồi hai vị tiên khách đứng dậy từ biệt; lúc trở ra, cùng có lời nói rằng:

– Nếu ông còn ở trên này lâu, lúc nào rỗi, qua lại chúng tôi chơi.

– Xin vâng.

Khách đã ra về. Ông Đông Phương Sóc bảo bưng rượu lên uống. Trước khi chưa uống rượu, mình lại hỏi ông Đông rằng:

– Hai vị khách mới rồi đó, bây giờ ở trên này làm việc gì?

– Thanh nhàn thế thôi, không có việc gì cả. Nguyên những người ở hạ giới mà lên đây làm tiên, cũng có chia mấy hạng; thứ nhất là hạng người đạo đức, luân lý; thứ hai là những người nghĩa liệt; thứ ba mới đến những các người tài hoa. Hạng tài hoa ở trong đám chư tiên, kể là kém giá trị hơn hết mà trong một hạng lại có nhiều thứ người, có người có việc, có người không có việc. Như hai người mới rồi đó thời thật thanh nhàn vô sự, thỉnh thoảng họ lại đến chơi chỗ tôi.

– Vậy như ông ở trên này thời bây giờ làm gì?

– Tôi cũng là vào hạng tài hoa, nhân tôi có cái tài khôi hài mà trong sự khôi hài của tôi thường có ý phúng gián, cho nên lên đây được đức Thượng Đế cho coi về bộ Nhạc.

– Sự nhạc ca ở trên này thế nào?

– Nói về các khúc điệu thời ông không thể biết được. Còn như con hát thời nam linh (kép) một ngàn, nữ linh (đào) một ngàn. Để bây giờ uống rượu, tôi bảo nó đi gọi mươi người đến múa hát cho ông coi.

Khi rượu bưng lên, vừa mới cất chén uống, thời thấy có đến hai mươi người cả nam lẫn nữ, chia hàng sắp lượt cùng ra chào; rồi nhất tề các âm nhạc nổi tiếng, hai ban nam nữ, vừa múa vừa hát, thanh thanh sắc sắc, khách không cốt tục cũng hồn tiên. Xong một cuộc ca vũ đó, mình hỏi ông Đông về trong sự diễn kịch như thế nào là hay. Ông trả lời rằng:

– Phàm đã là người văn sĩ mà nếu không biết đến kịch văn thời thật là không đủ tư cách. Tuy vậy, như hiện tình nước An Nam ông ngày nay, các việc cần thiết chính còn nhiều, sự diễn kịch ông cũng nên biết qua mà thôi, không nên lưu tâm lắm là phải.

Nghe câu nói nghiêm chính, mình cũng không dám lại hỏi nữa. Rồi ông Đông lại nói rằng:

– Hôm nay ông mới lên, chắc mệt. Thôi uống rượu xong, ta đi nghỉ, để đến mai tôi sẽ đưa ông đi chơi đến các nơi.

Sáng hôm sau, ngủ dậy, cùng đi chơi với ông Đông Phương Sóc. Tới một nơi cung điện, linh lung bóng lộn, xa trông phảng phất như nhà ông Thống trưởng ở nơi "Cõi đời mới" thấy trong *Giấc mộng con* khi xưa. Mình bèn hỏi ông Đông rằng:

– Cung điện này là thế nào?

– Cung điện này tức là cung Quảng Hàn chỗ của Hằng Nga ở.

– Có thể vào coi được không?

– Nếu ông muốn ở lâu dưới hạ giới thì vào coi cũng được; nhưng mời ông vào một mình, tôi đây thì không dám.

– Thế là sao?

– Để tôi nói cho ông nghe.

Khi đó cùng đi đến một chỗ gốc đa ngồi, rồi ông Đông thuật chuyện rằng:

– Nguyên xưa ông ở trên này là một vị Khuê tinh. Thượng Đế có lòng yêu lắm. Một khi ông dám làm thơ liệng sang cung Quảng Hàn, bị thằng Cuội bắt được đem trình Thượng Đế. Ngài giận, mới đày ông xuống hạ giới. Ông đã bị xuống ở hạ giới mà lại còn làm thơ, làm bài hát nói láo, như vẫn có ý bờm sơm với Hằng Nga, làm cho Thượng Đế càng giận, tăng thêm cái hạn đày ông hai mươi năm nữa. Nếu bây giờ ông lại vào coi cung Quảng Hàn thì không biết tới bao giờ mới được thoát hạ giới mà trở về cõi tiên?

– Thế như các ông trên này thời thế nào?

– Nguyên trước chỉ có cấm cái chỗ Hằng Nga ở mà thôi; còn như các vườn cảnh chung quanh, thời vào coi cũng được, từ khi ông làm bậy như thế, thành ra bây giờ rất nghiêm cấm.

Đương nói chuyện thời có một anh chàng nho nhỏ đi tới. Ông Đông bảo tôi rằng:

– Đây là anh Cuội đây.

Cuội cũng hỏi lại mình, xong rồi cùng ngồi cả ở gốc đa nói chuyện.

Cuội nói:

– Ông bây giờ đã bớt ngông chưa?

– Tôi ngông đã bằng anh nói dối đâu!

– Các anh ở hạ giới chỉ bậy! Các anh có nghe thấy tôi nói một câu nào, mà dám bảo là tôi nói dối. Tôi thời thấy ở dưới ấy anh làm báo nói láo, anh buôn bán thời quảng cáo điêu ngoa, rút lại toàn là nói dối cả! Như thế mà lại dám đem cái tiếng "nói dối" để đổ cho người ta!

Ông Đông nói:

– Thôi, đi chơi.

Hôm ấy lại là phiên chợ Trời, nhân từ giã chú Cuội rồi cùng đi ra chợ chơi. Buổi chợ nhóm đương đông, quần tiên mây họp, chen vai nhau mà đi. Nhiều các cô tiên thật xinh, đi chạm vai vào mình

thời họ tất cả mỉm cười. Ông Đông Phương Sóc cũng cười mà hỏi tôi rằng:

– Ông có biết tại sao những cô tiên đó hay cười ông? Mà các cô khác không chạm vai ông thời họ không cười?

Mình trong bụng hồ nghi, có lẽ là những cô tiên đó yêu mình chăng? Nhưng có đâu được cái hạnh phúc đến như thế? Nhân cũng cười mà nói rằng:

– Tôi không hiểu.

– Các cô tiên khác không chạm vai vào ông thời họ không biết ông là ai, cũng tưởng như chư tiên ở trên này; còn ai chạm vai ông mà họ cười, là họ thấy ông có *trần cốt.*

Nghe câu đó, thẹn quá! Nhưng thôi, được một cái cười của người tiên cũng là quý!

Vào chợ, đi tới chỗ bán hoa, như cái rừng hoa; chỗ bán quả, như cái rừng quả; chỗ bán rượu, như cái rừng rượu; chỗ bán sách, như cái rừng sách. Các sách như *Khối tình con, Giấc mộng con, Đài gương kinh, Đài gương truyện, Lên sáu, Lên tám...* có đủ cả. Bụng nghĩ các sách của mình bây giờ lưu hành lên đến đây, không biết vì sao buôn được lên, chớ thật mình cũng chưa từng có gánh lên bao giờ. Sau nghe ông Đông Phương Sóc và chư tiên nói chuyện thời mới hiểu ra rằng:

Chợ trời không phải là chỗ để buôn bán, mà ở nơi tiên giới có dùng chi đến tiền. Vậy thời sao? Nguyên sự thể ở Thiên đình, mỗi người mỗi việc cũng có phần ít người không có việc, thời đối với chư tiên có phần kém giá trị mà các vật cần dùng thời chỗ chợ đó là của chung cho khắp cả ai ai. Rượu, ai muốn uống, tha hồ uống; hoa, ai muốn lấy tha hồ lấy; quả, ai muốn ăn, tha hồ ăn; sách, ai muốn coi, tha hồ coi. Những các cô tiên mà mình thấy là bán rượu, bán hoa, bán sách, bán quả, đó đều là người giữ về các chức việc ấy. Phiên chợ thường hàng ngày thì chỉ có hoa quả; đến phiên chính thời mới có sách với rượu. Cho nên mỗi phiên chợ chính, chư tiên đến thật đông. Chợ rộng không biết là bao nhiêu, mà các vật bày ra đó thời chỉ có ba thứ: Nhiều nhất là hoa quả, thứ hai đến sách, thứ ba là rượu. Ngoài ra chỉ có nước uống mà thôi. Ba thứ đó, chư tiên nhất thiết bình đẳng, cho nên có bày ra ở chợ, để cho ai nấy

đều được hưởng tự do. Còn như về sự mặc thời mỗi người có khác; tuy là đồ mặc thường, nhưng ai nên mặc thế nào, ai được mặc thế nào, đều có nhất định không lộn xộn được, cho nên không có bày ra ở chợ mà do một nơi ban bố riêng. Than ôi! Chợ như thế mới là chợ! Trời như thế mới là Trời! thật là *"thủ chi bất cấm, dụng chi bất kiệt!"*[1] Thật là *"chí công vô tư"!*[2] Nghĩ cho cái tư tưởng *đại đồng* ở hạ giới mà có ngày được thực hiện như thế chăng, thời thật là hạnh phúc cho nhân loại biết bao!

Đương nói về chuyện sách. Phàm các sách ở hạ giới, trên Thiên đình muốn có thứ nào thời Trời bảo lấy lên, mà sự kén lên đó, có nhiều người chức trưởng. Như các sách truyện của An Nam thời giữ việc kén đó là ông Hàn Thuyên; mà coi về sự phát hành thời cô Xuân Hương với bà Thị Điểm. Chợ trời có đủ các thứ, sách của An Nam ta thời lơ thơ ít lắm, chỉ có mươi thứ như *Đài gương, Lên sáu...* đó mà thôi.

Đi chơi chợ hôm ấy suốt ngày, mãi đến chiều hôm mới trở về. Khi đó, chợ đã tan, thấy các người quét chợ, ăn mặc tiều tụy, hình mạo quái ác, mà ai nấy đều có đeo một cái phiếu như bằng một thứ xương ở trước ngực. Không hiểu ra làm sao, mình mới hỏi ông Đông Phương Sóc.

Ông nói rằng:

– Đây là những người tù ở Địa ngục dẫn lên. Mỗi người có đeo một cái phiến xương là để yết tên và cái tội vào đó, cho công chúng cùng biết. An Nam ông cũng có nhiều người ở bọn đó, để tôi liệu trỏ cho ông coi.

Đi lại gần những người quét chợ, theo ông Đông Phương Sóc trỏ mà nhận ra, thời thấy có những người, đeo cái phiến yết tên là *Lương Như Hốt, Nguyễn Văn Tường* gì *Nguyễn Thân!* Trên chữ tên lại đều có hai chữ nhỏ trông kỹ mãi mới thấy, thời như là hai chữ "phản quốc".

Ông Đông Phương Sóc lại nói chuyện với mình rằng:

---

1. Nghĩa là: "Tha hồ lấy, không ai cấm; tha hồ dùng, không bao giờ hết."
2. Nghĩa là: "Rất công bằng không thiên tư".

– Cứ tôi nghe các ông tòa án ở trên này nói chuyện thời nước An Nam ông lại sẽ có mấy người xung vào số tù đó. Thiên cơ bí mật, không thể tuyên tiết được, cho nên họ không dám nói rõ nhưng nghe đâu có một người họ Hoàng.

Do ông Đông Phương Sóc giới thiệu mà biết rộng chư tiên; lại do chư tiên giới thiệu mà biết rộng ra dần mãi. Nay hãy nói về trong khi đến thăm cụ Hàn Thuyên.

Thoạt mới đến thấy cụ mừng rỡ mà nói rằng:

– Ông lên trên này chơi, thật là may cho tôi quá. Một mình tôi phải coi một cuốn báo, làm suốt ngày suốt đêm.

– Thưa cụ ở trên này cũng có làm báo?

– Nguyên trước thời không có; tại gần đây các việc hạ giới rất là phân phồn, đức Thượng Đế ngài bắt làm báo để chư tiên ở xa đều được rõ. Báo ở trên này gọi là *"Thiên triều nhật báo"*, mỗi ngày ra một kỳ; trong có đủ các chữ và các việc của vạn quốc ở hạ giới. Trên này có ông Nguyễn Sĩ Cố giúp về phần hài đàm, cô Chu Kiều Oanh giúp việc dịch báo Pháp; ngoài nữa thời cô Xuân Hương với bà Thị Điểm thỉnh thoảng có lai cảo ít nhiều bài Văn uyển mà thôi; còn thời một mình tôi phải viết cả. Bây giờ ông lên đây thời ông ở lâu lại chơi để giúp tôi.

– Thưa cụ, tôi ở dưới ấy cũng còn việc *An Nam tạp chí*, có lẽ không ở lâu trên này được.

– Ừ, thời ông hãy ở giúp tôi ít lâu.

– Thưa cụ, sự thể làm báo cùng là cách viết văn ở trên này, tôi chưa được hiểu, sợ viết ra không hợp chăng?

– Để tôi bảo lấy một trương cho ông coi.

Cụ bảo rồi, một lát, thấy có bốn thằng nhỏ khiêng một tập báo ra, rộng vuông bằng một chiếc chiếu mà bề cao ước đến một thước tây. Bụng nghĩ: Cụ bảo lấy làm gì nhiều thế? Đến lúc tập báo đem tới thấy Cụ giở mãi, thời mới rõ chỗ báo đó tức là một trương gấp lại mà đến như thế. Cụ kiếm khu báo An Nam mãi mới thấy, bảo

mấy đứa nhỏ mở ra cho mình coi. Bài xã thuyết in chữ thật to, đứng xa có thể coi được. Mình coi bài xã thuyết trong số báo ấy, viết rằng:

Chiến tranh và hòa bình.

Từ khi hạ giới có Âu châu đại chiến, nhiều người xướng lên cái chủ nghĩa hòa bình. Nghĩ như cái chủ nghĩa hòa bình há chẳng là hạnh phúc cho nhân loại! Song, nếu muốn hòa bình thời phải công bình trước. – Thiên triều từ nay giở về trước, cách khu xử về địa cầu hạ giới thực rất là không công! Nghĩa là sao? Giời đã sinh ra các dân tộc ở địa cầu, cũng đều cho cái hình thể đầu đội trời, chân đạp đất, mà sao lại có dân tộc này thời khôn, dân tộc kia thời dại, dân tộc kia thời sướng, dân tộc kia thời hèn? Nếu cái chỗ lộn xộn ấy mà không sửa lại cho công bình thời chưa nên cho hạ giới hòa bình, cứ còn phải có nhiều phen tranh chiến.

Đức Thượng Đế nghĩ sao?

Các Nam Tào, Bắc Đẩu nghĩ sao?

Hàn Thuyên

Đọc xong, mình thưa rằng:

– Cứ như bài văn của cụ đây, thật là giản kính hùng hồn, các quốc văn ở hạ giới bây giờ chẳng bài nào có thể sánh kịp. Nhưng xin cụ cho phép hỏi: sao bài xã thuyết mà cụ viết ngắn như thế?

– Đấy, ông cứ xem tờ báo như thế mà mỗi ngày ra một kỳ, mỗi kỳ lại bao nhiêu bài xã thuyết của vạn quốc, nếu mình mà viết dài thời ai có thì giờ coi. Như bài này, tôi còn hiềm rằng dài quá, nếu ông có viết thời viết ngắn hơn nữa càng hay.

Xem xong bài xã thuyết, xem xuống cho đến hết. Về mục thời đàm, Cụ cũng có nói đến *An Nam tạp chí;* câu cuối, Cụ viết rằng:

"Than ôi! "An Nam tạp chí" mà đến nỗi phải tạm đình bản, thời còn gì là An Nam!"

Ở ít lâu với cụ Hàn Thuyên, cũng viết giúp Cụ được nhiều bài báo: xã thuyết, văn uyển, thời sự, tiểu thuyết mình đều có viết cả. Văn của mình thời không thể sánh với văn Cụ được, nhưng cũng nhớ đại ý về mấy bài xã thuyết như sau:

Một bài nói về việc *Nữ công ở Thiên đình* đại ý rằng:

"Ở trên này bây giờ trong nữ lưu bao nhiêu người ngồi không, như Dương Quý Phi, Tây Thi, mà để một mình Chức Nữ dệt, thời không đủ thức mặc cho chư tiên. Huống chi mỗi ngày ở hạ giới các người thành tiên lên còn nhiều, thời cái vấn đề "mặc" rất là nguy hiểm. Vậy mong đức Thượng Đế lập ra một sở dệt để cho Chức Nữ dạy các tiên bà tiên cô...".

Những bài nói về việc thủy hạn và việc hôn giá ở hạ giới, thời đại ý rằng:

"Nên đem Thủy Thần, Hạn Bạt và Nguyệt Lão, đánh trượng mỗi kẻ một trăm, để hả lòng nhân dân ở hạ giới và trừng giới về tương lai...".

Một hôm thấy cụ Hàn Thuyên đi chầu về, có vẻ vui mừng mà nói rằng:

– Trời khen phần báo An Nam tấn tới lắm. Tôi tâu là có ông mới lên chơi viết giúp. Trời truyền mấy hôm nữa nhân có kỳ đại trào thời bảo ông theo tôi cùng vào chầu.

Buổi đại trào ở Thiên đình mình theo ông Hàn Thuyên cùng vào. Chuyến nầy hầu Trời khác hẳn như chuyến trước. Chốn Thiên đình uy nghiêm lộng lẫy, đức Thượng Đế ngồi ngai giữa, hai bên chư tiên đều có ban thứ: Ban đạo đức, ban triết học, ban khoa học, ban văn chương, nhiều lắm, không thể nhận cho hết. Một lát, thấy có lịnh truyền đòi Nguyễn Khắc Hiếu lên bệ kiến. Khi ấy mình theo sứ giả lên, quỳ ở trước thiên nhan.

Ngài hỏi rằng:

– Việc *"thiên lương"* ta sai con làm, đã xong được ít nào chưa?

– Dạ, tâu Thượng Đế, con ở hạ giới thực bận quá, việc "thiên lương" con mới làm được có mấy đoạn, có tạm đăng ở tạp chí "An Nam."

– Vậy sao không thấy Hàn Thuyên tâu? Ta sai con xuống trần giới, chỉ cốt có một việc đó; còn như các việc làm văn khác, chẳng qua là ta cho con có cái sinh kế ở dưới trần. Vậy từ nay con phải để thì giờ mà làm dần việc "thiên lương" đó đi, thời con sẽ được sớm trở về tiên giới.

Tôi cúi đầu vâng dạ, rồi Trời truyền cho ra. Lúc quay ra, thoáng trông hai bên thấy cụ Khổng, ông Mạnh, ông Hoa Thịnh Đốn, ông Lư Thoa... đều có cả; ai ngồi ghế nào thì đã có tên đề rõ ở chỗ ấy.

Sau buổi đại trào ở Thiên đình hôm ấy, mà mình mới đi chơi thêm nhiều nơi.

Buổi sáng mai hôm sau đến hầu đức Khổng. Vừa đến cửa, gặp ông Tử Cống cùng đưa vào.

Các ông Nhan Tử, Tử Lộ, Nhiễm Cầu tất cả chừng đến hai mươi ông đã ở đấy trước. Khi đó, Ngài đang giảng về nghĩa kinh Dịch. Thấy ngài giảng rằng:

– Hai chữ *"tùy thời",* nghĩa là *theo thời,* nhưng không phải là tự lấy mình mà chiều theo thời thế, chính là tựa theo thời thế mà liệu việc của mình. Như ta trong khi Công Sơn Phất Nhiễu, Bật Mật họ tìm, đón, ta thật muốn đi lắm; nhưng xét ra mấy người ấy không đủ cùng làm việc, cho nên ta lại thôi. Nếu mấy người ấy mà đủ làm nên công việc để cứu dân thời ta cũng muốn được như các ông Thái Công, Y Doãn. Đó là *thời* nên làm mà cái *thế* riêng không làm được, cho nên phải chịu thôi. Có cả *thời* mà có cả *thế,* thời như ông Thái Công gặp vua Võ, ông Y Doãn giúp vua Thang; như thế mà tùy thời để cứu dân, thật là thuận tiện. Chữ *tùy thời* mà nói cho thật đúng nghĩa thời chỉ như hai vua Thang, Võ khi xưa. Các ngài thấy cái đời Kiệt, Trụ, nhân dân lầm than, mà các ngài đành phạm tội phóng thí để cứu dân, là trong bụng các ngài nghĩ rằng: Thời như thế, phải làm như thế. Như thế mới thật là "tùy thời". Gần đây ta nghe các học giả phương Nam, nhiều người hiểu lầm hai chữ *"tùy thời"* là nghĩa *tùy theo thời thế: thời thế nào thời mình phải theo thế.* Tiếc không có ai giảng dụ cho chúng, để cái nghĩa *tùy thời* ở kinh Dịch thành ra làm hại cho một phần dân tộc ở Á đông. Ta mỗi khi nghĩ đến, thực buồn quá!

Ngài giảng xong, các ông đều im cả, không ai có câu gì dám thưa. Nhân trong lúc tĩnh mịch, mình nhờ ông Tử Cống đứng dậy bẩm Ngài rằng:

– Có Nguyễn Khắc Hiếu ở An Nam mới lên vào hầu. Ngài cho gọi tới gần Ngài mà nói rằng:

– Nho giáo mỗi ngày càng suy đồi, ở Trung Quốc bây giờ luân lý cũng kém lắm! Có trách gì dân tộc Annam. Rồi sau đây có lẽ cái thế lực văn minh phương Tây làm cho đến đổ hết nhưng giữ được ngày nào thì cũng hay ngày ấy. Hoặc giả sau này Thượng Đế có thương lại, thời Nho giáo lại chấn hưng cũng nên. Song hiện nay nếu không có người duy trì, thời còn đợi đâu đến khi đó. Ở nước An Nam, ta nghe có anh là người chân tâm với Nho học, vậy anh cũng nên nhận lấy cái việc đó làm việc mình.

– Dạ, chúng con cũng mong muốn như thế lắm, nhưng tự liệu tài sức không đủ.

– Việc gì nghĩ là nên làm thì cứ làm, được đến đâu hẵng hay đến đấy! còn nếu như nói về tài sức thời dầu ở Trung Quốc bây giờ nghĩ cũng không có ai.

– Dạ.

Tan buổi học, cùng lui ra. Mình từ biệt các ông, rồi đến thăm hầu cụ Nguyễn Trãi.

Chỗ cụ Nguyễn Trãi ở rất là thâm nghiêm. Mình mới tới cửa, xưng danh, anh gác cửa không cho vào, nói là: Cụ ít khi có tiếp khách. Sau phải bảo anh rằng:

– Tôi là người nước nhà ở hạ giới không mấy khi lên tới đây. Bác cứ vào bẩm giúp, chắc thế nào Cụ cũng tiếp tôi.

Anh ta có vẻ bất đắc dĩ mà vào, một lát trở ra, thời quả nhiên là Cụ cho gọi.

Theo anh canh cửa vào, thấy đưa thẳng ra vườn hoa phía sau; nói rằng Cụ đang ngồi đợi. Mình thấy Cụ bắt hai tay ra đằng sau, đương đi bách bộ, vẻ mặt coi thật là buồn rầu, mà như ý trầm tư lắm lắm. Mình đến giáp trước mặt Cụ, cúi đầu chấp tay chào.

– Anh Hiếu. Tôi đương buồn, anh đến chơi cũng hay.

Rồi đó Cụ sai lấy bàn, ghế và rượu, quả ra uống. Mình từ tạ không dám ngồi.

Cụ nói:

– Ở trên này không như dưới hạ giới, ai đã lên tới đây thời coi nhau là tiên cả. Huống chi tôi với anh lại là anh em trong một nhà, thời anh đừng nệ.

Cụ bảo mãi, mình không dám từ chối quá, phải bắc lệch cái ghế, rồi ngồi.

Cụ cầm ve rượu rót cho mình và nói rằng:

– Cái này, tôi cũng không uống được mấy, nhưng buồn quá thời mượn nó để tiêu sầu. Anh có uống được, cứ uống.

– Dạ.

Uống một hai chén rượu, không thấy Cụ nói chuyện gì, sắc mặt cụ thì chỉ thấy cứ như thể buồn rầu nghĩ ngợi.

Mình mới thưa rằng:

– Bẩm như Cụ công nghiệp như thế, mà cái cảnh ngộ về sau không ra sao; người nước ta sau này đọc sử đến chỗ đó, ai cũng phải lấy làm buồn.

– Cái cảm giác của người đọc sử thế nào thời tôi không biết; còn như tôi mà buồn, không phải là buồn về sự dĩ vãng của tôi, mà chỉ là buồn về vận hội sau này của nước nhà. Đời không có hào kiệt thời chẳng thà nước đừng có giang sơn. Tôi thường khi ngồi hầu chuyện đức Thái Tổ mà cùng nói đến lúc nào, chỉ tiếc rằng cái thân con người ta không mỗi lúc mà được tái sinh ở trần thế!

Nói đến đây, thấy Cụ như muốn sa nước mắt. Mình cũng vừa buồn vừa thẹn, không biết dám nói lại ra làm sao!

Lúc ấy Cụ uống như đã say, càng hiện vẻ lâm ly cảm khái, mà từ đấy Cụ uống lại càng nhiều. Mình nguyên uống được nhiều nhưng ngồi hầu Cụ thời dẫu Cụ có nhắc, cũng chỉ uống cầm chừng mà thôi: đến lúc ấy bất giác cũng uống những hớp rượu thật to, như không uống thời không qua được cái thời khắc.

Trong khi đã cùng say cùng uống, Cụ nói chuyện với mình nhiều câu: có câu như Cụ khuyên, có nhiều câu như Cụ dạy, có câu như Cụ khen, lại có lắm câu như Cụ gắt. Mình thời chỉ hoặc dạ, hoặc ngồi im; dẫu có muốn nói một câu rằng *con tự liệu không có tài* thời cũng không dám nói, vì sợ Cụ bao nhiêu thương Cụ bấy

nhiêu. Vườn cây u uất, tiệc rượu trầm sầu, một tia bóng tà dương soi xế ở gốc cây, thoạt nhìn thấy, tưởng như thể một nhà trinh thám. Trong một đời biết bao lúc cùng ai uống rượu, cùng ai uống rượu như cùng ai !

Việc lớn ở trong đời không có thể làm được, người đời xưa lấy làm một sự đáng khóc thứ nhất. Không làm được mà lại có người trông cậy vào mình thời đáng khóc lại biết là bao nhiêu! Luôn trong hai ba hôm hầu Trời, hầu đức Khổng, hầu cụ Nguyễn Trãi, nghe mỗi câu chuyện toàn là những việc sức mình không đủ làm. Lại sực nghĩ đến ở trần thế đối với các độc giả của *An Nam tạp chí* biết tính sao cho khỏi phụ cảm tình? Đối với mấy chủ nhà in cùng các anh em thân thiện, cho vay cho lụy, tất cả còn đến hai ngàn bạc nợ: biết bao giờ trả được cho ai? Lại như vợ dại con thơ, sự sinh hoạt trông nhờ một ngọn bút; nay đây mai đó, bình thủy tương tùy! Lại những anh em bầu bạn ở nơi xa, không có thì giờ mà âm tín! Bao nhiêu việc lớn không làm nổi, bao nhiêu việc nhỏ lại lụy hơn; thân cảnh tiên mà bụng ở cõi trần, trần lụy theo nhau chi quá vậy!

Nghĩ cho kiếp người đã là phù sinh thời cái sự nghiệp ở trong cuộc phù sinh còn có chút chi là giá trị! Vậy mà tự cổ bao nhiêu những thánh hiền hào kiệt, chắc không phải là ngu dại, mà sao cứ tận tâm kiệt lực, nhận lấy cái công việc ở đời mà gánh vác, thời chỗ đó ý là làm sao?

Một mình suy nghĩ, giải quyết không xong vấn vít tơ lòng, trời đông đã sáng. Ngồi trông xuống bàn giấy thời mấy bài văn báo viết chưa đoạn. Đứng dậy đi ra ngõ để tiêu khiển, gặp một người bạn đồng sự rất thân thiết là cô Chu Kiều Oanh.

Nguyên từ khi mình ở giúp việc cụ Hàn Thuyên, cùng với Kiều Oanh cùng chung một phòng giấy, hai cái bàn giấy ngồi đối nhau. Nhớ ngày nào cùng tục đến nay đã cùng tiên, yêu nhau ít, quý nhau nhiều, cái tình tự trong bấy lâu không thể thuật lại cùng ai nơi hạ giới.

Sáng hôm ấy, Kiều Oanh thấy mình sắc mặt có hơi khác, ân cần hỏi thăm. Mình đem hết các câu chuyện từ lúc hầu Trời, hầu đức Khổng, và hầu cụ Nguyễn Trãi, cả những cái cảm tưởng trong một đêm mới qua đó, tường thuật cho Oanh nghe. Kiều Oanh cúi đầu nghĩ một lát, rồi ngẩng mặt lên, cười mà nói chuyện rằng:

– Hôm nay thua với cụ Hàn, rồi tôi với cố nhân cùng đi thuyền chơi trên sông Ngân Hà, chắc có thể vì cố nhân giải muộn.

Một giải nước trong không đáy, hai thuyền con nhẹ nhẹ cùng bơi; ra đến giữa giòng sông, thật là *"thu thủy trường thiên nhất sắc"*[1]! Khi đó, gác rầm cùng buông thuyền cho trôi xuôi.

Trông xuống lòng sông, lại ngợ nghĩa *"Ngân Hà vô đế"*. Mình hỏi Kiều Oanh rằng:

– Tôi nghe nói sông Ngân Hà không có đáy, sao hôm nay trông xuống, lại thấy rõ các vật dưới đáy sông?

– Cố nhân trông thấy những các vật như thế nào?

– Tôi thấy có những hình như đá tiêu thạch, như cỏ cây, như con dun, như con dạ tràng, vô số như lũ kiến. Những con sinh vật bò chạy cựa quậy rất là phân minh.

– Các vật mà cố nhân trông thấy đó, chính có thể làm cho Cố nhân giải buồn.

– Thế là sao?

– Nay tôi nói để cố nhân nghe: Như tiêu thạch, đó là những núi ở hạ giới, như cây cỏ, đó là rừng; như con dun, là cái xe lửa; như con dạ tràng là cái xe hơi; vô số như con kiến, tức là các thứ người ở thế gian đi đi chạy chạy. Bởi Ngân Hà không có đáy, cho nên chúng ta trông suốt xuống hạ giới mà các vật trần gian phân minh ở mắt; giang sơn còn cũng nhỏ, thời còn có nhân vật nào là to?...

Nghe Chu Kiều Oanh nói, mình nghĩ riêng trong bụng một hồi, đáp chuyện lại với người cố nhân giai nhân đó rằng:

– Như lời cố nhân nói, vẫn là đúng sự thực và có chân lý; song tôi lấy ý riêng trộm xét thời câu nói của cố nhân như chẳng qua chỉ

---

1. Nghĩa là: Nước mùa thu in trời một màu.

vì tôi mà cho một phương thuốc giải phiền. Chớ quả như trần thế vật gì cũng là nhỏ, thời cái ý tượng *"chán đời"* của tôi khi xưa đã phải lắm, can chi mà trong bức thư cố nhân viết cho tôi trong năm 1925 trước, lại hết lời khuyên bảo, bảo rằng nên gánh vác với non sông? Cứ tôi nghĩ, người ta sinh ra ở cõi trần, thực là bất hạnh; song cái bất hạnh ấy cũng không mỗi lúc mà mong có lần thứ hai. Như hôm qua tôi mới ngồi hầu cụ Nguyễn Trãi, cụ cũng tiếc không được tái sinh ở trần thế, Người ước tái sinh mà không được; nay mình đương hiện thế mà nỡ bỏ qua đi hay sao. Cho nên tôi nhiều lúc cảm tưởng, giận rằng đức Thượng đế đã bắt có cái thân sinh ở trần giới, mà lại không cho mình có tài.

Oanh lại nói:

– Người ta xem như cái cây, công nghiệp của mình thời ví như hoa quả; tài thời là cái chúa tể ở trong sự phát vinh tư tưởng mà làm cho khai hoa kết quả đó. Nay mình là cái cây, chưa đến lúc khai hoa mà muốn rằng có hoa, chưa đến lúc kết quả mà buồn rằng không có quả, rồi trách thân giận trời, thật chỉ là tự mang lấy cái sầu, lại làm mất thì giờ vô ích; mà nói quá ra nữa thời tựa hồ như cái thói nữ nhi! Cố nhân từ nay trở về trước, mới chỉ là có nửa đời người, từ nay trở về sau, mới là như cái cây đến lúc khai hoa rồi kết quả. Sự kết quả của cố nhân có lẽ không chỉ là một người văn sĩ; nhưng trong lúc hiện tại, hãy cứ biết công việc hiện tại, rồi đến đâu sẽ hay. Cái phận Trời cho mình, nếu có tài lớn ra thời đến lúc phát lộ cũng mới biết; nếu như Trời không cho mình có, thời dẫu trách trời mà ích chi!

Tôi khi đó trông Kiều Oanh mà cười, vì nghe câu nói như có lý mà lại ngờ vẫn chỉ là câu chuyện khuyên giải. Đương muốn nói chuyện nữa thời trông thấy ở đằng xa có một chiếc thuyền bơi lại thật nhanh tới nơi, là người nhà cụ Hàn Thuyên cho đi tìm, nói là Cụ cần lắm.

Về đến nhà, chưa dám giáp mặt cụ Hàn Thuyên, đi lén vào phòng giấy, viết vội những bài chưa xong. Cả Kiều Oanh cũng hết sức dịch vội những thời sự. Một lát, thấy Cụ ấn cửa vào, sắc mặt có hơi giận, rồi Cụ nói rằng:

– Kỳ báo này, mình chậm quá! Tôi chỉ lo các nơi người ta không đợi, thời về phần An Nam chỉ còn có cái tên không!

Khi đó, may vừa viết xong các bài vở, đưa ra. Cụ cũng chẳng kịp xem lại cầm tất cả đem đi.

Cụ Hàn Thuyên đi xong, Kiều Oanh cũng về chỗ riêng; mình thời vào buồng ngủ, đóng cửa lại để ngủ.

Nguyên một ngày hôm trước, buổi sáng đi hầu đức Khổng nghe giảng sách; sau rồi đến cụ Nguyễn Trãi, ngồi uống rượu hầu Cụ mãi đến chiều; khi đã về nhà thì bồi hồi nghĩ ngợi suốt một đêm không ngủ; đến buổi sáng lại đi chơi Ngân Hà với Chu Kiều Oanh; đến lúc về lại phải viết vội những bài báo. Thành ra một ngày một đêm và một nửa ngày nữa chưa được ngủ, cho nên lúc ấy đặt mình nằm xuống thời ngủ ngay thật say.

Trong giấc ngủ, mơ thấy rằng:

An Nam tạp chí vì sự không có tiền đủ làm, tự phải tạm đình bản; rồi mình bỏ liều cả tòa báo ở Hà Nội, định đi chơi cho khắp xứ Đông Dương. Theo đường bộ từ Bắc vô Nam, qua Trung kỳ, la đà các nơi, hơn hai mươi ngày mới vô tới Sài Gòn. Ở Sài Gòn ít lâu, rồi không đi được rộng hơn nữa, mà lại trở về Bắc. Trở về Bắc không ra nổi Tạp chí mà lại trở vào Nam. Lần sau vô Nam thời thành ra ở luôn tại Sài Gòn, làm trợ bút cho *Đông Pháp thời báo*. Chỗ nhà mướn để ở, phía sau liền với một sở chữa xe hơi, ngày hai buổi những thợ đập sắt làm cho rất khó chịu. Đương bực mình về cái tiếng đập sắt làm mất ngủ, tỉnh dậy, thời không phải là tiếng đập sắt, mà chính là tiếng đập cửa kêu ở ngoài phòng.

Khi đó hoảng nhiên biết là mộng. Đứng dậy, mở cửa đi ra, thấy người kêu cửa đó nói rằng:

– Cụ Hàn về đã lâu. Cụ bảo kêu ông dậy, kẻo để ông ngủ mãi nhiều quá.

Rửa mặt xong, ra phòng giấy, thấy Chu Kiều Oanh đương ngồi làm việc, thời ra trời đã chiều hôm.

Cảm tưởng hồi lâu, rồi đem các tình sự trong mộng thuật truyện với Kiều Oanh. Lại nhớ cả trong lúc viết báo ở Sài Gòn, về những bài *"địa đồ rách"* có những câu:

"Còn núi còn sông nhìn vẫn rõ,
"Non sông ơi hỡi đợi chờ ai?"

Về bài nói *"VĂN HAY"*, có những câu:

"Không đàn mà to, không sáo mà thúc, không chiến trận mà cò bay trống giục, không pháp trường mà gươm tuốt, chiêng kêu".

Lại hai câu cảm tác:

"Ngô thị tiếng tiêu người chí sĩ;
"Kinh châu giọt lệ khách anh hùng!"

Đọc hết cho Oanh nghe.

Chu Kiều Oanh mỉm cười mà nói rằng:

– Vị tất đã là mộng!

– Phần mình tôi ngủ ngày hôm nay, có mơ thấy như thế.

– Cố nhân thật là người có học thức, mà sao một điều kiến giải đó chưa thoát tục chút nào! Con người ta ở trong vũ trụ, hình thể có giới hạn mà tinh thần không có giới hạn. Cho nên lấy hình thể mà nói thời ngoài các sự vật hiện tại ở trước mắt, đều là không có; lấy tinh thần mà nói thời phàm cảm giác còn đi tới, tức không phải giả mà là chân. Nay cố nhân hiện ngồi ở đây mà nếu như tưởng nhớ đến vợ con, thời sự vợ con đó là giả? hay là chân? Vậy thời như câu chuyện cố nhân mới cùng nói đây, đợi khi nào về hạ giới, cố nhân thử hỏi những người có gặp gỡ giao tiếp trong cái thời cảnh đó, xem những người ấy nói chuyện lại ra làm sao?

Đương lúc đã buồn, gặp phải cảnh chiêm bao lại buồn; nghe câu chuyện của Kiều Oanh càng thêm tức nữa. Vô liêu đến cực điểm, nghĩ không biết kiếm ai cùng nói chuyện; sau sực nhớ một nhà Triết học bên Âu tây, sinh bình vẫn ngưỡng mộ, bèn một mình đi kiếm Lư Thoa (J. J. Rousseau).

Lúc ở nhà ra đi, hỏi thăm cụ Hàn Thuyên dặn đường cho, rồi theo hữu ngạn sông Ngân Hà đi lên mãi. Đằng trước mặt, xa thấy một cái trái đồi con sắc cây xanh tốt; đến gần, nghe tiếng chim kêu hay. Theo con đường nhỏ ở vệ đường đi mãi lên, tới một chỗ nhà lợp đỏ, mấy cái cửa xanh trông ra sông, biết chỗ đó là nhà cụ Lư

Thoa. Vừa tới nơi, thấy cụ ở đằng kia đi về, tay cầm một nắm cây cỏ. Mình chắp tay chào. Cụ cũng đáp lễ lại. Xong rồi cụ mời vào nhà chơi.

Trong nhà bốn mặt đều có cửa trông ra, ngoài sách vở không có vật gì quí lạ. Cùng ngồi xong, uống nước, rồi cụ hỏi tôi rằng:

– Ông lên trên này thường ở đâu ?

– Thưa cụ, tôi vẫn ở với cụ Hàn Thuyên tôi.

– Nếu ông còn ở trên này lâu, thời thường năng đi lại chơi, tôi cũng muốn nói chuyện với ông lắm. Như ở hạ giới thời còn chia ra người giống này, người nước nọ; chớ lên đây thời những cái ấy vướch (vứt) đi hết. Tôi từ khi lên đến đây, mới hơi thấy dễ chịu. Nhưng trong bạn chơi cũng ít người đồng ý; tôi chỉ thường hay đi lại với ông Mạnh Kha mà thôi.

– Thưa cụ xem cụ Mạnh Kha thế nào?

– Ông cụ ấy, người có tư tưởng, lại có khí; nhưng thức sát[1] chưa tinh. Ông ấy đã nói rằng: *"dân là quý, vua là khinh"*. Thế mà đem cái tư tưởng ấy để đi đến với các chư hầu mà nói chuyện nhân chánh, thời kẻ nào là vua mà họ còn dùng mình! mà dẫu chúng có dùng mình nữa, thời sự thực hành của mình đối với tư tưởng ra làm sao? Tôi chỉ nghĩ cụ Mạnh, sinh trước tôi đến hai nghìn năm, mà lúc đó cụ đã nói đến *"dân là quý"*, thời thật có tư tưởng trác việt. Cho nên tuy rằng cái sự nghiệp học vấn của cụ không ra sao, mà tôi vẫn coi cụ như bực anh. Hồi sau các nước ở hạ giới thịnh hành dân quyền, đều cho là tự tôi xướng khởi, mà không biết cái tư tưởng ấy đã phát nguyên từ ông Mạnh Kha.

– Thưa cụ, từ nay trở về trước không nói nữa; từ nay trở về sau, cụ liệu cái tình thế nhân loại ở hạ giới ra làm sao?

– Cứ ý tôi thời cái thế giới ở dưới ta, như thể một *nồi xúp lớn,* cái thì giờ sôi còn lâu; bao giờ sôi hết góc này, sôi đến góc nọ, sôi cho đến hòa đồng các tinh chất, không chỗ nào khác chỗ nào nữa, đến lúc đó hoặc có nghỉ cũng mới tạm nghỉ. Cho nên nhân loại muốn hòa bình thì phải đợi sau khi đại đồng; muốn đại đồng thời phải đợi

---

1. *Thức* là sự biết, *sát* là sự xét.

sau khi hòa đồng. Nghĩa là chủng tộc không phân biệt lắm, trí thức không cao hạ lắm; khi đó thời tự nhiên đại đồng. Đã đại đồng thời cũng có lẽ hòa bình. Cái đó nghĩ thuộc về số vận, mà không thể hiện nay, chính như nồi xúp đương sôi mạnh, thời vô luận học thuyết nào, chủ nghĩa gì của ai xướng lên đó, đều chỉ là ngọn lửa thêm cho nó sôi đó mà thôi.

– Thưa cụ, như nghĩa *"hòa đồng"* của cụ nói thời gần giống như hai chữ *đồng hóa*. Nếu như thế thời rồi các dân tộc hèn kém ở hạ giới, có lẽ đến tiêu diệt hết chăng?

– Không phải toàn nhiên như thế, song cũng có một phần thế. Giống nào hèn kém quá thời phải đến tiêu diệt. Giống nào đã không tiêu diệt thời trí thức phải lên đến bình đẳng, thế là một lẽ. Lại mỗi ngày vì việc chiến tranh, vì việc thương mại, vì việc học vấn, người chỗ nọ sang ở chỗ kia, lấy vợ đẻ con, giao thông chủng loại. Hãy nói ngay như nước Pháp với nước An Nam: người đàn ông Pháp sang An Nam mà lấy vợ An Nam, sinh con đẻ cái, đó đã đành; người An Nam tùng chinh sang Pháp mới rồi, cũng có người lấy vợ Pháp mà đẻ con. Vậy thời chủng loại giao thông, thực trời làm ra thế. Sau này có lẽ càng pha càng rộng, mà không mấy giống còn giống nguyên. Đến khi đó thời cái giới hạn chủng tộc đã phá bỏ, mà cái trình độ trí thức cùng ngang nhau, tức tôi nghĩ là *hòa đồng* là như thế. Ông thử nghĩ lại xem sao.

– Thưa cụ, cái kiến thức của chúng tôi không thể suy nghĩ được đến những chỗ cao xa như thế. Nay chỉ muốn hỏi để cụ bảo cho rằng: Như người An Nam chúng tôi thời rồi sau đây ra làm sao?

Tôi hỏi đến câu đó, thấy cụ chống tay vào trán, nghĩ một lúc, rồi cụ trả lời rằng:

– Chỗ đó, ông tự nghĩ lấy, hơn, tôi thực cũng không dám biết được rõ.

Nghe xong câu trả lời ấy, ngồi im một lát, rồi mình chào cụ xin đi ra.

Ở nhà ông Lư Thoa đi ra, cảm tưởng bồi hồi, lại gấp mười sau lúc ngồi hầu ông Nguyễn Trãi. rượu thật không uống mà như

say, trời chẳng biết là trưa hay tối; con đường hữu ngạn sông Ngân lại cứ trở về theo lối cũ. Đến nhà, trông thấy công việc báo, như không hứng viết nữa. Sáng hôm sau, xin phép cụ Hàn Thuyên để đi chơi ít lâu.

Khi đó chỉ thấy buồn thời muốn rằng đi chơi, thực cũng không tính được đi chơi đâu cho khỏi buồn. Sực nhớ đến Dương Quý Phi và Tây Thi có dặn mình đến chơi, bèn hỏi thăm đi kiếm các người ấy.

Hỏi thăm mãi mới biết, thời ra những người ấy ở riêng tại một nơi, thật xa chỗ Đế đô, nơi đó gọi là *Bồng Lai,* các tiên thanh nhàn phần nhiều ở đấy cả. Ra tới nơi, chỉ thấy non xanh nước biếc, cỏ lục hoa hồng; sau hỏi ra, không có một vị tiên nào là tiên ông, chỉ toàn là những mỹ nhân ở hạ giới lên, mà quái lạ toàn là những mỹ nhân trong khi quốc phá quân vong cả. Hoặc cũng có người không phải là đương cái cảnh ngộ ấy, thì cũng tình cảnh ai oán, như Chiêu Quân. Còn nhiều người vô danh, thời đại khái như Tần cung phụ nữ vậy. Khi đó mới biết *Bồng Lai* là cảnh buồn. Lại nhớ ngày nào nghe người trong Sầu thành ở Mỹ châu có nói: *"Trong khi buồn, tìm chỗ chơi vui dễ, tìm chỗ chơi buồn khó".* Vậy mà càng mến cảnh Bồng Lai.

Sau lúc đã tìm đến chỗ ở Dương Quý Phi rồi, Tây Thi, Chiêu Quân cùng đến. Quý Phi đặt rượu uống. Dự tiệc có hơn trăm người mà chỉ có một mình mình không phải là mỹ nhân! Nói về rượu thời cũng chỉ có mình cùng Quý Phi, Tây Thi ba người uống hơn cả. Trong lúc uống rượu, Chiêu Quân có nói trách mình rằng:

– Tôi thật là oán ông! Sao như mấy chị em ở đây, bà Dương Phi cùng bà Tây Thi ông đều có đặt ra vở tuồng cả; ông khinh ghét gì tôi mà ông không làm ra thành tuồng?

– Bà không ơn tôi thời thôi; chớ lại còn oán gì?

– Ơn làm sao?

– Bà không nhớ ngày nào tôi ở chơi núi Non Tiên, tôi có sửa lễ vật và có bài văn tế bà hay sao?

– À có! Khi ấy vì xa quá, tôi không về được. Tôi thường nghĩ vẫn lấy làm cảm. Bây giờ ông nói ra, mới lại nhớ đến.

Quý Phi nói:

– Thôi, chẳng nói những chuyện cũ. Chúng tôi ở trên này hiện bây giờ thật buồn, không mấy khi được ông là một người văn nhân lên tới đây, hôm nay lại đông đủ chúng bạn, vậy xin ông đặt cho một bài hát để chị em hát chơi.

– Bài hát đại ý thế nào?

– Ông cứ xem như tình cảnh nhà Đường trong lúc An Lộc Sơn vào Trường An và tình cảnh nước Ngô trong lúc quân Việt vào Cô Tô hợp với cái tình cảnh chúng tôi hiện bây giờ ở đây, đại khái như thế mà đặt.

– Vậy thời đặt điệu gì?

– Ông muốn đặt điệu gì cũng được, cốt là hát được hay thời thôi.

– Nếu tôi đặt xong ngay, thời ai là người hát?

Tây Thi nói:

– Tôi hát.

Mình khi đó đã thừa tửu hứng, lại nghe để ý có xúc cảm, lại là mạng lệnh của mỹ nhân, bèn bảo lấy bút giấy, liền đọc cho một người Tần cung đứng chép luôn. Chép xong, đưa các vị mỹ nhân xem kỹ một lượt. Rồi Chiêu Quân đánh tỳ bà, Dương Phi say rượu đứng dậy múa. Tây Thi hát.

Hát rằng:

Non xanh xanh.
Nước xanh xanh,
Nước non như vẽ bức tranh tình!
Non nước tan tành,
Gió lụy tràn năm canh!
Đêm năm canh,
Lụy năm canh,
Nỗi niềm non nước,
Đố ai quên cho đành?
Quên sao đành?
Nhớ sao đành?
Trần hoàn xa cách.
Bồng Lai non nước xanh xanh!

Hết một khúc hát xong, ai nấy lại ngồi lại cùng uống rượu. Từ đấy trong tiệc rượu, cấm không được ai nói đến câu chuyện buồn: chỉ thấy tiếng vui cười hòa với các tiếng âm nhạc mà thôi. Mình riêng nghĩ trong bụng: như cuộc chơi hôm nay có lẽ thanh thú hơn những lúc chơi vui của vua Minh Hoàng ở Trường An và vua Phù Sai ở Ngô cung, mà lại thú không có ai bình luận. Sau đấy rồi thành ra mình cứ liên miên mãi ở chỗ Bồng Lai; có khi cùng các người ngồi thuyền quanh non câu cá chơi; có khi đi riêng với Tây Thi, tới trên sông Ngân Hà, cùng trông xuống hà sơn cố quốc; có khi hai người đối ẩm, cùng nói chuyện hưng vong; có khi kết đôi bên trăng, cùng vui chơi phong nguyệt. Ai về không ruớch (rút)! những ai dễ ai về cũng không ruớch[1]! Về không ruớch (rút), càng liên miên !

Một buổi chiều hôm, sau khi chơi câu về, đại đa số mỹ nhân họp tại nhà Chiêu Quân để uống rượu. Rượu quả vừa bưng lên, thấy có một thị tỳ ở ngoài về, đến cạnh Chiêu Quân nói chuyện nhỏ. Câu chuyện ấy tuyên bá, mà thôi tan cuộc rượu Bồng Lai!

THƯ GIẢ LỜI CÔ CHU KIỀU OANH

*(Nguyên thư của cô Chu Kiều Oanh ở thiên thứ X trong **Giấc Mộng con**)*

Chu Kiều Oanh cố nhân.

Giời gần, cố nhân xa; phục thư không gửi đến cố nhân thời in vào tập văn, hoặc cố nhân biết vậy.

Giở xem bức thư của cố nhân đưa cho tôi thấy đề ngày 11 Septembrer 1925, mà nay tôi cầm bút để giả lời, trông lên lịch thời là ngày 16 Juillet 1920. Lạ thay! Không biết sự phục thư này có là sự thực không, hay lại vẫn còn trong giấc mộng? Mộng hay không mộng, cốt mong được cố nhân biết cho.

---

1. Vần *uớch* (để dịch những tiếng *rút* mực, đường *mứt*) do Tản Đà chế tác ra ở cuốn *Lên Sáu*. (B.T)

Trong thư cố nhân viết cho tôi, đầu nói đến các sự gia biến; cứ lẽ thời tôi phải có văn kính viếng; nhưng nay tính ngày tháng, thời các sự biến đó còn chưa đến, nếu tôi làm văn viếng thời là dự hung sự. Dự hung sự *là phi lễ. Xin cố nhân xét mà thứ cho. Lễ chưa nên viếng mà tình đã chia sầu, cũng mong ở cố nhân biết cho là hết. Còn như cố nhân riêng cảm đến thân thế mà tự lấy sinh ra phận quần thoa làm phiền; bụng nghĩ đó thực cao hơn hết trong nữ lưu, nhưng thực vẫn là người trong mộng giới. Hiện nay xem các người thiếu niên nam nhi cùng đều sang du học bên Đại Pháp như cố nhân là một hạng người lanh lợi nhất trong nước, còn các người hèn mọn khác như tôi thời chân lại không bước ra đến ngoài. Hồng bay bốn bể là ai? Nào người niên thiếu? Nào người nam nhi? Mày râu nào có ra chi! Quần thoa ai chớ giận gì thiên công.*

Cố nhân, tây học đã tinh hiểu, lại lưu tình đến Hán văn, cái chí thú về sự học, bọn nam nhi chưa đã mấy người. Xem bài thơ choi công viên nhời ý tao nhã, khiến cho kẻ đa tình đa cảm lại vì ai khêu gợi mối sầu. Tôi muốn họa mà không thể dịch nổi, chỉ nhớ lại bài thơ ***Choi trại Hàng hoa*** *ở Hà Nội của tôi năm xưa làm bằng quốc văn. Kết có hai câu rằng:* "Cây xanh, nước biếc, hồng tung bụi; ngao ngán tình riêng nhớ nhớ ai" *thần tình phảng phất hoặc cùng được một hai phần trong thơ của cố nhân, mà cũng nhân biết rằng bao là người đa tình đa cảm xưa nay, càng choi cảnh xuân hoa, lại nhiều phần thu tứ. Tôi nay ở nhà quê, trong thời việc nhà lo nghĩ nhiều, ngoài thời bạn hữu cũng không được bao nhiêu, mà thường xa cách cả. Suốt ngày như cây liễu, tôi thường chính như cố nhân; tôi biết cố nhân mà cố nhân không biết. Tiếc thay! Không được thêm một người bạn ở đời như cố nhân, để cùng nhau câu văn chương, nghĩa triết lý, lúc luận cổ, khi đàm kim, cùng theo một sự nghiệp học vấn; nhưng cũng còn may thay! Được một người bạn trong mộng là cố nhân để những khi bước đường chông gai mùi đời chua chát, thời lại chỉ về chốn phòng văn, pha ấm chè ngon, khêu ngọn đèn sáng, mở quyển "giấc mộng" mà xem thư cố nhân. Năm canh luống những tần ngần, trăm năm trần thế mấy lần chiêm bao!*

Trong thư cố nhân viết cho tôi có dẫn câu "Trầm, tiềm, cương, nghị, túc dĩ hữu vi dã" *và câu* "ninh tĩnh túc dĩ trí viễn", *mà bảo tôi mấy đức ấy thực thiếu kém, thời người xét đức tính của tôi ở trên*

đời có chăng chưa ai như cố nhân. Cố nhân bảo tôi "...Phải nên biết rằng: Văn chương có trọng giá, không phải là một sự chơi riêng trong ý thú, không phải là một sự đua vui trong phẩm bình, mà phải có bóng mây hơi nước đến dân xã. Lại phải nên biết rằng: Một tấm thân người nam nhi, không phải của riêng một mình mình mà là của nước tổ Hồng Lạc hơn bốn nghìn năm, của xã hội hai mươi nhăm triệu người, của giang sơn ba mươi tư vạn lý..." *thời người đánh thức cho ở trong đời, có chăng chưa ai như cố nhân. Cố nhân biết cho tôi có câu* "nghĩ cho thật cũng nên nhường, hai vai gánh nặng con đường thời xa" *thời người thương tôi ở trên đời chăng chưa ai như cố nhân. Cố nhân xem tập vận văn của tôi mà bảo rằng:* "Đầu đề bài *Muốn làm thằng cuội*, là vì nhân tư tưởng chán đời mà sinh ra làm văn, nhưng lại có một câu "dậm đò" đứng kết sau, thời cõi đời rút lại không chán được, cố nhân cũng đã biết", *thời có người xem văn chương của tôi ở trong đời chăng chưa ai như cố nhân. Cố nhân viết cho tôi có câu* "Ba Vì ngọn núi còn cao, Hắc Giang một giải biết bao nhiêu nguồn" *thời người yêu tôi ở trong đời có chăng chưa ai như cố nhân. Lại xem hết một đoạn sau cùng trong bức thư, mấy điều của cố nhân khuyên tôi, chúc cho tôi thời cái tình trân trọng của cố nhân lâm ly trên mặt giấy. Cố nhân ơi! nhời thư còn đó, mặt người đã không; nhớ ai ai biết cho cùng? Tìm ai trong giấy mơ màng được chăng?*

Cái cảm tình của tôi đối với cố nhân nay, chỉ cố hết sức theo những điều của cố nhân đã khuyên dạy. Từ sau khi tôi được cố nhân khuyên dạy, từ kịch văn và dật văn chưa in, còn thời các văn đã in cả. Tính đã in ra được bấy nhiêu quyển: Giấc mộng con, Khối tình con thứ hai. Khối tình bản chính và bản phụ, Đài gương, Lên sáu, Đàn bà Tàu, Thần Tiền, Lên tám. *Trong mấy quyển văn đó, trừ quyển* Giấc mộng con *là chép lại giấc mộng mười năm mà trong mộng được gặp cố nhân, quyển* Khối tình con *thời là văn làm trước khi mộng, còn từ quyển* Đài gương *cho đến quyển* Lên tám *thời đều theo ý cố nhân cả. Tôi chỉ biết việc làm văn, chỉ biết theo ý cố nhân mà làm văn; còn như văn của tôi in ra có "bóng mây hơi nước đến dân xã" được chút nào thời cũng là nhờ ở cảm tình của quốc dân mà không ở sức tôi có thể đến. Tôi thường riêng nghĩ những lúc đêm khuya ngồi làm văn, cùng những lúc đi lại chỗ nhà in, vào ra cửa hàng sách, thật là "con cò lặn lội bờ sông, gánh gạo đưa chồng tiếng*

khóc nỉ non." Lại những lúc ở nhà quê, chiều đi chơi một mình ở trên con đường đê cao, mặt trời chìm tây, áng mây về lối, cái tình cảnh vô hạn tiêu điều ảm đạm ấy như đã bảo cho tôi cái thân thế văn chương cũng gần tựa đó mà suy cùng. Song tôi ngoảnh mặt vào trong đê, trông lên trên ngọn núi Tản Viên, lại quay mặt ra ngoài đê, nhìn xem một giải Hắc Giang, tưởng nhớ đến hai câu của cố nhân viết cho tôi trong bức thư thời cái hứng tưởng của tôi về văn chương lại có như đá vọt, như nước tuôn mà muốn buồn lại không buồn, muốn chán lại không chán. Nay tôi nghĩ giang sơn chưa thực đã hữu tình, hoặc vì hai câu văn hữu tình của cố nhân mà làm cho giang sơn ra hữu tình. Giang sơn đã ra hữu tình mà tự nhiên có sức cảm động giúp cho cái thân thế văn chương của tôi, vậy thời câu văn hữu tình của cố nhân có giúp cho tôi lắm lắm. Nay tôi muốn chấn chỉnh nghiệp văn cho tấn tới hơn trước, cho khỏi phụ giang sơn, cho khỏi phụ cố nhân. Tôi định về sự in từ nay họp cả các thứ văn in làm một tập, đề là Tập văn Tản Đà, *làm được bao nhiêu, in ra bấy nhiêu, in luôn ra được thời hay lắm. Các quyển văn của tôi đã in ra mấy năm trước, nhiều người xem cho là trúc rắc; vậy từ nay tôi muốn đổi cả cái tính chất văn chương toàn theo một cách ruớch (rút) [rất] bình dị, minh bạch; song lại nghĩ đã gọi là văn nếu không có khuất khúc, không có khởi phục, không có tiêm tế, không có hàm súc thời như câu nói và viết vào giấy, sao cho là lại nhớ đến mộng, nhớ mộng thời lại nhớ cố nhân, nhớ cố nhân thời lại nhớ những nhời của cố nhân khuyên dạy, nhớ nhời của cố nhân khuyên dạy thời bao cái tư tưởng chán đời lại toàn tiêu. Cố nhân đã đem mấy chữ "Trầm, tiềm, cương, nghị, ninh, tĩnh" mà dẫn ở trong thư để dạy cho tôi về đức tính cùng là cách ở đời, tôi dẫu không thể nhận được toàn, cũng không dám toàn nhiên không thể nhận. Chỉ e tài sơ đức bạc, "nhân tâm phong tục sao cho được thuần chính, dân trí tư tưởng sao cho được khai minh, thật là "đường xa gánh nặng" nghĩ mà lo thay!*

Lại đến như hai chữ Triết học, *nghĩ như, không khó mà thực cũng không dễ. Xem các người danh triết ở Âu châu khi xưa, như ông Darwin; ông Montesquieu, dẫu thiên tư thật đã có hơn người, nhưng cũng đều phải có học rộng, có đi rộng, lại đều phải có dùng cái thì giờ rộng đến vài ba mươi năm nhàn tĩnh mà nghiên cứu, mới nên được một cái học nghiệp. Nay hiện sự học của tôi xem với người xưa bên Âu châu có chăng chỉ được 1 phần 100; sự đi của tôi xem*

với hành trình trong giấc mộng, thực lại không được 1 phần 1000, thì giờ của tôi nay về sau, tính rộng ra cũng còn được 30 năm nữa, nhưng số mệnh không biết ra làm sao! Cảnh ngộ cũng không biết ra làm sao! Nếu cứ toàn như trong mấy năm giời nay thời dẫu cho sống đến một trăm năm, có nhẽ cũng toàn nhiên vô vị. "Thời lai đồ điếu thành công dị, sự khứ anh hùng ẩm hận đa". *Tôi mỗi khi ngâm đến hai câu thơ ấy mà riêng tự nghĩ về công việc học vấn của mình thời không biết bao nhiêu nỗi cảm tiếc và lo buồn! Lo rằng những điều của cố nhân chúc mong cho tôi trong cuối bức thư đó, chẳng lại chỉ là những câu nói trong mộng, mà là, cho tôi thêm một mối thương tâm. Tôi nói đến câu chuyện về cảnh ngộ, liệu tất cố nhân lấy làm khinh, vì làm người mà sợ cảnh ngộ, mà để cho cảnh ngộ đè lấn được, thời còn làm được việc gì nữa, còn nói chi đến chữ anh hùng nữa. Tôi cũng biết như thế lắm, phàm các sự nghiệp đều không sợ cảnh ngộ mà nghĩ triết học thời cảnh ngộ có sức làm hại nhiều. Các sự nghiệp lấy nghị lực mà làm, việc triết học thời lấy tinh tư mà làm; cho nên công việc về triết học như mò kim ở đáy nước. Cái chân lý tinh vi mà uẩn khúc ở nhân gian chính như cái kim nhỏ, còn chìm sâu ở đáy nước, nếu cảnh ngộ ở đời lao đao bất định thời như nước sóng sánh, khó thay tìm thấy kim! cố nhân biết qua. Nhưng cố nhân đã có tình, tôi cũng không có ý. Cho nên từ khi tỉnh giấc mộng đến nay, được lúc nào hơi thư nhàn tôi vẫn dụng công vào sự đó. Cũng đã tìm thấy ít giường mối. Nay công việc văn học chưa làm được mấy hột, mà thân gia tạp lụy bời rối trong trí khôn, vậy xin để sau ba, bốn năm nữa, văn học làm thêm được ít nhiều, thu xếp được một cái cảnh thế nhàn tĩnh và tìm kiếm được một ít sách vở thời sự xếp đặt về triết học sẽ liệu xin bắt đầu. Cố nhân đã vì tôi mà chúc mong, cố nhân cũng vì tôi mà thể lượng.*

Tôi viết xong thư này, muốn đưa cố nhân, không biết nơi mà đưa; muốn chúc cố nhân không có câu mà chúc, cũng lại chỉ có lời xin kính thăm đại gia và nhờ cố nhân đạo đạt đến Melle Woallack rằng tôi có lời cám ơn vạn vạn.

Ngọn đèn khêu cạn, giấy không hết nhời, ngày tháng còn dài, âm thư chưa ruớch (rứt).

Nguyễn Khắc Hiếu
Ngày 16 Juin 1920

LỜI SAU SÁCH

Đời người đã là "giấc mộng lớn", trong giấc mộng lớn lại có giấc mộng con: "giấc mộng con" thứ nhất, lại có "giấc mộng con" thứ hai; trong "giấc mộng con thứ hai, lại gặp người ở "giấc mộng con" thứ nhất. Kỳ thay!

Cô Chu Kiều Oanh, hiện nay, không biết có còn ở lại trên Thiên đình không? Hay cũng lại đã trở về nơi Hạ giới? Xin hẹn sẽ có lần gặp nhau ở "giấc mộng con" thứ ba.

Hanoi, le 5 Mai 1932,
NGUYỄN KHẮC HIẾU

BỬU ĐÌNH (1903–1931?) *Nguyễn Phúc Bửu Đình sinh ngày 15-6-1903 tại Vĩ Dạ thành phố Huế, bút hiệu là Bửu Đình, Hà Trì, Liên Chiểu hoặc B.Đ. Xuất thân hoàng tộc nhưng Bửu Đình sớm ôm mộng văn chương và giàu lòng yêu nước. Do tiếp xúc với nhà cách mạng Phan Bội Châu và tham gia các phong trào yêu nước, Bửu Đình bị bắt, bị đày đi Lao Bảo rồi Côn Đảo, (1927). Ông đã mất tích cùng các bạn bè, trong lần thứ hai vượt Côn Đảo, cuối năm 1931.*

Bửu Đình có thơ văn đăng báo khá sớm lúc 20 tuổi. Ông đặc biệt thành công ở thể loại tiểu thuyết, tiêu biểu là các bộ Cười ra nước mắt *(1923),* Nỗi mẹ... tình con *(1924),* Tấm lòng vàng đá *(1926),* Một thiên tuyệt bút trường hận *(1926),* Mảnh trăng thu *(in trên* Phụ nữ tân văn *năm 1930 và in thành sách năm 1931),* Cậu Tám Lọ *(1931),* Đám cưới cậu Tám Lọ *(1934)... Phần lớn tiểu thuyết của ông chỉ được đăng nhiều kỳ trên các báo nên gây được sự chú ý của độc giả song không được lưu giữ vì chưa được in thành sách.*

Mảnh trăng thu *là tiểu thuyết được xếp thứ 6 trong lần bình chọn các tiểu thuyết hay do tạp chí* Kim Lai *(ở Huế) tổ chức năm 1932. Độc giả đương thời hoan nghênh tác phẩm bởi tính ly kỳ pha màu sắc tiểu thuyết nghĩa hiệp trinh thám của tác phẩm, một kết cấu đặc sắc so với các tiểu thuyết đương thời.*

*

MẢNH TRĂNG THU

(tiểu thuyết)

Trong một căn phòng ở cái nhà lầu nơi đường Espagne, một chàng tác độ hai mươi tuổi, mặt trắng, lông mày xanh, mũi thẳng, miệng rộng, tai hơi lớn, ngồi dựa lưng nơi ghế, xem một bức thơ... Ngọn đèn điện chiếu sáng, trong cái phòng ấy chưng dọn rất gọn: Hai bên có hai tủ đựng đầy sách để giữa một cái bàn lớn, trên trải nỉ xanh; một bên để cái ghế xích đu, một bên có cái máy đánh chữ. Phía ngoài để một cái ghế dài bằng mun láng bóng, và bốn cái ghế trắc rất đẹp... Đứng trong, dòm bên vách tay trái có cái

hình thánh Gandhi, bên tay mặt có hình Tôn Dật Tiên, ở giữa thì treo một bức họa đồ rất lớn và tấm hình Phan Tây Hồ.

Chàng vừa xem thơ vừa suy nghĩ... Nét mặt coi rất nghiêm nghị, trầm tịnh. Xem xong, xếp thơ lại để trên bàn, chàng chống tay vào gò má ngồi suy nghĩ. Một lát rồi thở ra mà rằng: "Ta quyết không tin rằng em ta làm sự ghê gớm này, mà ta cũng quyết rằng em ta chưa chết. Uổng quá, ta không được nhớ hình dạng em ta cho đúng, nếu nhớ thì ta... mà quyết rằng em ta sẽ tìm thấy. Trong câu chuyện này tất có một sự gì lạ lùng lắm, mà chưa ai hiểu thấu được. Ta sẽ tìm cho ra chuyện ấy. Nếu có anh Minh Châu đây thì có lẽ ảnh giúp ta được một tay".

Chàng đứng dậy, đi qua đi lại, ngẫm nghĩ rồi lại ngồi xuống, đập tay lên bàn mà rằng: "Có lẽ nào mà em ta chết! Ta quyết không tin". Rồi liền lấy một tờ giấy trắng mỏng, cầm bút viết thơ trả lời cho bạn.

Anh Minh Châu,

"Em vừa tiếp được thơ anh; đọc đến những đoạn tả cảnh sông Hương trong lúc trăng thu và cái tình của anh đối với chị Nguyệt Hương trên mặt nước, lúc bấy giờ... em cũng mừng cho anh lắm. Cái thú ấy thật đã thanh cao cho những người biết thọ hưởng. Câu văn của anh cũng xuất sắc thêm được mấy phần, khiến cho em ngâm đi ngâm lại mà không biết chán. Chính như câu:

Trăng vàng thấp thoáng đàng xa,
Nhìn quanh lại thấy bóng hoa gần mình...
Thuyền trôi lơ lửng bồng bình,
Nước sao nhấp nháng đèn xanh lờ mờ...

"Ấy, em tưởng tượng như là em thấy trước mắt một mảnh trăng vàng từ từ đi đến gần bên chị Nguyệt Hương, cùng ngồi trong một chiếc thuyền với anh, cùng ngắm cái cảnh đêm rất êm đềm ấy... Thú vị thật! Thần tiên thật! Anh khéo gợi tấm lòng em quá; em phải xếp bức thơ anh lại mà ngồi mơ màng để xuất hồn ra chốn đế kinh... Bên anh thì trăng vàng thấp thoáng, bóng hoa gần mình; mà em thì ngọn đèn mờ tỏ, chồng sách gần mình; cái thú anh là thú thần tiên mà cái thú em là thú của học sanh đang còn cặm cụi trên cái biển học vô hạn này. Đôi bên thật khác nhau xa.

"Em nhớ khi cùng đi dạo cảnh với anh, cùng đi quan sát với anh mấy tháng ở Xuân Thành rồi em lại tưởng đến lúc này mà ngậm ngùi... mà mong nhớ...

"Hôm trước em về đến nhà thì má em đã mạnh; em qua hầu thăm hai bác thì hai bác mừng quá, hỏi anh ngày nay ra thế nào, và biểu em viết thơ hối anh về, kẻo hai bác trông, nhưng em kiếm lời thưa cho hai bác yên lòng rằng anh đang viết bộ sách chưa xong. Em cũng biết rằng anh chưa về được! Câu thơ vịnh nguyệt, nét bút truyền thần, đứng trong cái cảnh êm đềm ân ái ấy, mấy ai mà dứt tình cho được! Phải vậy không anh? Em không trách anh, nhưng em tưởng rằng bỏ phí thì giờ quí hóa, mà chỉ ngâm thơ thưởng nguyệt với khách tri âm, thì vui riêng vẫn có, song lẽ nào lại chẳng buồn chung. Cái nghĩa vụ của ta lúc này buộc ta phải bay, phải nhảy, phải chạy khắp bầu trời, chớ không phải lúc làm người ẩn dật, vui thú điền viên được. Nhớ câu thơ của cụ Nguyễn Công Trứ:

Rắp mượn điền viên vui tuế nguyệt,
Dám đem thân thế hẹn tang bồng.

mà thêm thương đời, thương thân. Em xin anh một điều này, yêu nhau nên yêu vì nết, trọng nhau nên trọng vì tài; rồi cánh hồng bay bổng tuyệt vời, lấy sự nghiệp anh hùng mà đáp ơn tri ngộ cho bạn phòng khuê, thì anh đã được tiếng làm trai biết xử nghĩa, mà chị Nguyệt Hương cũng được tiếng làm gái biết chọn người. Nay anh chỉ ngồi ngắm cái nhan sắc bạn, khen cái tài hoa bạn, còn những sự đáng làm ở đời thì bỏ liều cho người khác gánh, như thế phỏng một ngày kia chị Nguyệt Hương nghĩ chín ra, thì chắc anh chẳng khỏi bị khinh khi.

"Anh ôi, thôi anh mau mau đáp tàu về ngay, rồi em sẽ thương lượng với anh một việc; xin đừng diên trì.

"Ngàn trùng non nước, một tấm lòng son, xin anh tha thứ cho em nặng lời khuyên bảo.

Nay thơ.
Sài Gòn ngày 15 tháng 7 năm 1920.
TRẦN THÀNH TRAI.

T.B. Ờ, em còn có một điều này muốn nói cho anh rõ: từ khi anh nói chuyện ấy với em, em rất quan tâm. Ngày nay là ngày

phăng mối dây rối rắm ấy. Xin anh chớ tin rằng sự ấy là thật; giọt máu của cánh họ em, không đến nỗi thế bao giờ! Một ngày kia anh sẽ hối hận rằng anh đã trách lỡ lời, vì em quyết tìm cho ra sự thật mà cứu danh giá cho cánh họ em. T.T.T."

Trần Thành Trai ký tên xong, đọc lại một lượt nữa rồi xếp bỏ vào bao đề:

Monsieur Phạm Minh Châu
Chez M. Lê Trường Khánh
5, Rue Paul-Bert-Huế

Chàng bỏ thơ vào túi áo, bước vào phòng tắm chải tóc và nói lầm thầm rằng: "Ủa, bây giờ đã gần chín giờ rồi, sao Tuyết Sĩ chưa đến kìa! Ta đã gặp dịp trao tiểu thuyết "Mảnh trăng thu" cho va rồi. Nếu tiểu thuyết ấy đăng vào "Nông Cổ" thì tất nhiên ta sẽ dọ được tin".

Chàng bước ra thì nghe tiếng người lên thang lầu; chàng đón bắt tay, cười mà rằng: "Tôi đợi ông từ hồi tám giờ đến bây giờ... Vậy ông hãy ngồi chơi một chút rồi ta cùng đi".

Ông khách ấy chừng dưới ba mươi tuổi, mắt đeo kính trắng gọng vàng, đội nón nỉ, mặc áo quần tuýt-so, đi giày đen, thắt nơ đen. Mặt hơi đen, bên cằm có nút ruồi nhỏ nhỏ, vóc người cao... Ông ấy chính là Tổng lý báo "Nông Cổ", tên là Lương Vị Minh hiệu là Tuyết Sĩ, mới quen với Thành Trai chừng bốn năm hôm... Tuyết Sĩ ngồi ngó Thành Trai mà rằng: "Mấy hôm nay có nhiều người trong làng báo muốn đến nhà tôi để thiết tiệc mời ông, nhưng vì tôi nói ông bận việc, nên họ hẹn đến bữa khác. Vậy ông có thì giờ rảnh đến dự tiệc chơi một bữa được không?".

Thành Trai mỉm cười đáp rằng: "Đáng lẽ tôi phải đi thăm các ngài, nhưng tôi còn có chút việc nhà chưa yên, nên chưa có thể đi được, vậy xin để khi nào xong rồi tôi sẽ mời tất cả các ngài lại nhà tôi chơi một bữa... À, hôm trước tôi có hứa đưa cho ông một pho tiểu thuyết, vậy để khuya về ghé lại đây tôi sẽ đưa".

Tuyết Sĩ vui mừng... Nhìn vào mấy tập giấy viết rồi nói: "Tôi rất cám ơn ông, nếu được một pho tiểu thuyết của ông, thì báo tôi tất thêm giá trị nhiều".

Thành Trai không nói gì, liền cùng Tuyết Sĩ đi xem chớp bóng. Hôm ấy chớp tuồng "Tiền căn báo hậu", có kép Léon Mathol đóng vai công tước, nên người đến xem đông, chật cứng cả Casino. Thành Trai và Tuyết Sĩ vào ngồi thì chuông đã rung lần chót. Hôm ấy trong mình Thành Trai hơi mệt nhưng vì nể lòng Tuyết Sĩ, nên chỉ ngồi đó cho có vị, chớ không chủ ý coi chút nào cả. Tuyết Sĩ thì chăm chỉ lắm, mắt để cả vào trong tấm vải, thỉnh thoảng cười, thỉnh thoảng gật đầu, thỉnh thoảng lại vỗ tay. Thành Trai dựa ghế, mắt xem mà không để ý, trong trí nghĩ chuyện đâu đâu... Trong lúc tắt đèn, nghe sau lưng có tiếng hỏi rất dịu dàng, chàng giựt mình xoay lưng lại ngó thì thấy một người đàn bà trùm khăn đen, mặc áo quần đen vịn tay trên lưng ghế sau, dòm vào trong lô (loge). Người đàn bà ấy thấy Thành Trai thì ra dáng e lệ, không hỏi nữa, lật đật lui ra, dường như hỏi lầm ai.

Thành Trai không thấy rõ mặt, mà cũng không hiểu người ấy muốn hỏi gì... nhưng khi không chàng bỗng giựt mình, dường như cái hình dạng người đàn bà ấy làm cho chàng nhớ... Nhớ một người nào đó, chàng toan đứng dậy, theo xem cho tận mặt, nhưng Tuyết Sĩ vùng xoay lại nói: "Tôi có mời một người đến xem, sao bây giờ chưa thấy kìa!" Thành Trai liền hỏi: "Có phải ông mời một người đàn bà mặc sắc phục đen không?"

Tuyết Sĩ gật đầu: "Phải, phải. Chính là cô ta rồi. Cô có hứa lại xem, cũng vì có ông, nên tôi mới mời cô ta đến, để chuyện trò với ông cho vui... Vậy ông có gặp cô ấy lần nào chưa?"

Thành Trai lắc đầu đáp rằng: "Tôi chưa được gặp cô ấy lần nào. Mới rồi cô ấy có đến đây, dường như muốn tìm ai mà khi thấy tôi thì lật đật trở ra ngay".

Tuyết Sĩ chắc lưỡi rằng: "Uổng quá! Mấy lâu mới được một ngày mà lại rủi thật! Cô ấy vốn là người có học mà rất khôn ngoan!"

Thành Trai xưa nay vẫn không ưa những câu chuyện hảo, tán tụng gái giang hồ. Chàng thường hay cười những ai mắc chơn vào lưới tình, chỉ tin rằng chàng không bao giờ nghe một người đàn bà nào nói mà mê được, mà cũng không bao giờ cái nhan sắc trầm ngư lạc nhạn của cô má phấn nào có thể làm cho chàng say đắm được. Nhưng lạ thay, khi chàng nghe Tuyết Sĩ khen cô lạ mặt ấy, thì

chàng lại càng chú ý lắm, chàng hỏi nho nhỏ rằng: "Cô ấy là người thế nào, mà ông lại quá khen như thế?"

Tuyết Sĩ đáp một cách thành thật rằng: "Nói về lịch sử cô ấy thì mơ hồ lắm, tôi không thể nói được, vì chẳng ai biết cô tự đâu mà đến, và nhà cửa cô ra thể nào. Tôi chỉ biết rằng: hiện nay cô đang ở trong cảnh nhà của một tay phú hộ; cô có cái tên hiệu riêng là Nguyệt Thanh. Cô giao thiệp với nhiều nhà sang trọng nhưng ai cũng phải kiêng nể và kính mến cô".

Thành Trai lại càng thêm chú ý vào câu nói ấy, nhưng không tiện hỏi thêm, chàng để Tuyết Sĩ xem... Đến lúc nghỉ 10 phút, Tuyết Sĩ mời Thành Trai ra dùng rượu mát và nói: "Tôi mong rằng ông chấp chưởng giùm mục Văn uyển cho, vì trong tòa soạn ít ai đỡm đương cho xứng được. Hôm trước tôi đọc các khúc ca của ông, tôi thích quá".

Thành Trai lắc đầu mà rằng: "Về mục Văn uyển thì tôi không thể đương được, vì tôi còn bận việc nhà quá, nhưng nếu tôi có làm bài nào thì tôi xin gởi đến... Tôi bây giờ có một tập tiểu thuyết, nhan là *"Mảnh trăng thu"*, tôi xin dâng cho ông làm quà tiên kiến đã".

Tuyết Sĩ xưa nay vẫn là một người trống ruột rỗng đầu, văn chương không, mà tư tưởng cũng chẳng có, chỉ có hễ nghe có ai viết được năm ba câu sáo, ít bài thơ suông, thì đã đến làm quen, lúc tiệc rượu, lúc chén trà, kết giao để mưu lợi cho mình, vì tờ báo tức là cái kế sanh nhai, mà cũng là con đàng cầu danh của va vậy. Hôm trước Thành Trai đi Trung Kỳ về, ghé ngay lại báo quán, chẳng muốn cầu danh như Tuyết Sĩ, nhưng vì một việc bắt buộc chàng đưa bài cho Tuyết Sĩ, nên chàng phải đến; Tuyết Sĩ đọc văn của chàng lấy làm kiệt tác, nên quyến luyến chàng ngay.

Thế là Tuyết Sĩ và Thành Trai quen nhau, mà bắt đầu đi xem chớp bóng với nhau đó...

Mười một giờ ra về, Tuyết Sĩ mời Thành Trai về phòng Nam Việt thì đã có một tiệc dọn sẵn, có hai người mặc áo sơ-mi lụa cũng một trang với Tuyết Sĩ và một mâm đèn thuốc phiện.

Tuyết Sĩ giới thiệu cho Thành Trai biết hai người là tay viết báo Pháp – Việt cả, một người là Lê Thành Tượng, một người là Cao Hải Tâm...

Lê Thành Tượng nói: "Anh em tôi vừa đi Thủ Đức về, mới cởi áo ngoài thì hai ông đến, thật cũng kỳ phùng. Vậy thì cái tiệc hôm nay ta đổi ra làm tiệc tương kiến cũng hay". Cao Hải Tâm nói rõ với Tuyết Sĩ rằng: "Anh em tôi có đem một cái *hoa sống* về mà bỗng có khách tình cờ, nên phải nhốt ngoài kia". Tuyết Sĩ mỉm cười mà rằng: "Có hại gì, cứ kêu vào đây cho vui". Và nói và sửa kiếng lại.

Cao Hải Tâm bước ra ngoài một lát thì có một cô tuy không lấy gì làm nghiêng nước nghiêng thành nhưng nhan sắc trông cũng có vẻ mặn... Cô mặc áo cẩm nhung trắng, mặc quần lãnh đen, choàng khăn màu hường, đi giày nhung xanh, đeo dây chuyền có nhận hột xoàn anh ánh. Cô cúi chào mọi người, rồi ghé ngồi trên ván, miệng chúm chím cười, mắt liếc ngó Thành Trai... Thành Trai bỗng run rẩy cả mình, cầm chén rượu sững chừng, trong lòng lấy làm nôn nao.

Tuyết Sĩ nói: "Thôi, ta hãy dùng rượu rồi sẽ thưởng hương yên thì mới thú vị". Cùng nhau chuốc chén, Cao Hải Tâm kêu cô nọ mà rằng: "Em Tám, em hãy cầm một ly rượu, mà mời ông Thành Trai, ông là người sơ ngộ, đừng nên để ông buồn". Cô Tám liền rót một ly rượu chát trắng, rồi hai tay đưa cho Thành Trai, cười chúm chím mời rằng: "Xin ông dùng cùng em gọi là gặp gỡ nhau lần đầu". Thành Trai biết mấy tay viết báo cố làm cho mình thành ra một trò cười để họ xem, nên vạn bất đắc dĩ, mới tiếp lấy rượu, gượng cười mà rằng: "Cám ơn cô em lắm, tuy là mới gặp lần đầu, nhưng tôi xem dường như đã biết nhau lâu rồi". Cô Tám liếc mắt đưa tình, miệng vẫn mỉm cười. Cô cứ ngó vào hai con mắt Thành Trai, mà Thành Trai thì không ngó ngàng gì cô, dẫu khi nói với cô, chàng cũng ngó đâu đâu; cô lấy làm lạ... Cô ngó nghiêng thấy Tuyết Sĩ nháy cô bảo nói chuyện với Thành Trai, nhưng không biết vì cớ gì đang vui vẻ nói cười, thình lình cô lại lộ ra vẻ buồn bã. Cái buồn ấy không rõ phát sanh ra bởi đâu, mà tự xưa đến nay cô chưa từng có, chỉ hôm nay mới có là lần đầu.

Cô cũng gắng gượng nói cười cho tới khi tan tiệc rượu. Bấy giờ cô lại nằm gần mâm hút, tay cầm cái tiêm lăn vào hộp thuốc, rồi đưa lên ngọn đèn mà suy nghĩ đâu đâu... Lê Thành Tượng, Cao Hải Tâm và Tuyết Sĩ đều mời Thành Trai lên ván nằm quanh cái mâm hút ấy. Cái bàn tay trắng trẻo mềm mại, mấy ngón tròn như mấy cái móng măng non, lăn cái tiêm một cách rất dịu dàng, trông thật

dễ thương. Cô tiêm một điếu thuốc nho nhỏ, lấy tay nhận xuống, xoi một lỗ, rồi cầm cái ống nâng hai tay, mắt nhìn cả các ông khách mà chưa biết trao cho ai. Tuyết Sĩ vội vàng đỡ lấy đưa cho Thành Trai mà rằng: "Mời ông kéo một điếu cho khỏe, rồi sẽ thức mà chuyện trò chơi đêm nay". Thành Trai đáp rằng: "Chuyện gì thì tôi xin vâng, chớ còn sự này tôi không dám, vì lúc nào tôi cũng vẫn tự nghiêm cấm lắm".

Lê Thành Tượng cười rằng: Dùng một điếu chơi cho khỏe, kẻo thức khuya lắm mệt. Bữa nay tôi vào Chợ Lớn ghé nhà ông Bang Hên, ổng có cho một cục long diên hương, tôi trộn chung với thuốc, hút vào khỏe lắm". Cao Hải Tâm kéo tay cô Tám mà rằng: "Tại em không chịu đưa tận tay nên ông Thành Trai buồn. Em làm sao cho ông nhận điếu thuốc ấy thì qua sẽ thưởng".

Cô Tám thưa nhỏ nhẻ rằng: "Mời ăn mời uống thì em dám, chớ còn mời hút thì em chẳng dám ép ai. Nếu thiệt vì em mà ông phải phiền lòng thì em không vui chút nào hết". Thành Trai nghe cô Tám nói câu ấy lại càng lấy làm lạ hơn nữa. Chẳng bao giờ một người gái giang hồ lại nói được như vậy, hay là cô có chút tình riêng gì với chàng chăng? Chàng cười thầm cho chàng khéo nghĩ vẩn vơ; đã gọi là gái giang hồ thì bao giờ có tình với ai, họ chỉ trau chuốt lời nói để mua lòng khách làng chơi mà thôi, chớ hạng *đưa rước* thì còn tính gì nữa!

Chàng cười rằng: "Cô nói phải lắm, thú chơi tùy thích mỗi người mới vui, chớ ép quá thì hết vui rồi; xin các ông cứ cho tự ý thì hơn". Lê Thành Tượng nói: "Nếu vậy thì *nhơn sanh quí thích chí*, tự ý mỗi người, ai ưa thú gì thì theo thú ấy". Và nói và kê miệng vào, kéo một hơi nghe rò rò, rồi phì phà thở khói, mùi thơm ngạt ngào.

Thành Trai đứng dậy ra ngoài lan can, ngó mong xuống xa xa, thì chỉ còn thấy cái xe kéo đi lơi rơi và vài ba cái xe hơi chạy qua lại... Đêm đã khuya, trong phòng mấy ông viết báo thở vài ba khói, cười nói như pháo ran...

(Cái thú của mấy nhà viết báo nhiều khi lạ đời thật! Các ngài thường công kích rượu công ty, những thuốc á phiện, những cờ bạc, những đĩ điếm, thế mà chính các ngài trong đêm tối lại giở ra những

trò hư tệ hơn người thường nhiều! Mỗi ngài đều miệt mài vào cả thú chơi, mà những nhà luân lý thường lấy làm lo sợ. Các ngài thông thạo những nghề chơi ấy lắm, nên bỏ vào cuộc nào các ngài cũng sở trường)... Tuyết Sĩ khen cô Tám tiêm thuốc khéo, nên hút vừa miệng lắm... Thỉnh thoảng cô lại ngâm một hai câu Kiều, ca một vài bản hành vân lưu thủy để giúp vui cho các ông.

Cô ngâm:

Chém cha cái số hoa đào,
Cổi ra rồi lại buộc vào như chơi!

Tuyết Sĩ lại ngâm:

Hoa tàn mà lại thêm tươi.
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.

Thành Tượng và Hải Tâm đều vỗ tay cười sằng sặc.

Đến ba giờ khuya, Tuyết Sĩ và Thành Trai kiếu Cao Hải Tâm, Lê Thành Tượng. Cô Tám cũng ra về. Khi bắt tay hai ông viết báo rồi thì cô bước đến nói với Thành Trai: "Hôm nay em xem ông có dáng buồn... Em không được hầu chuyện với ông, em cũng không vui chút nào, nhưng vì cái số phận đào hoa của em làm cho em không tự chủ được, mà phải hầu hạ tùy theo ý từng người. Xin ông tha lỗi cho em, nếu hôm nào ông có chút thì giờ rảnh xin mời ông lên Bá Lạc Viên chơi... em ở đó".

Thành Trai gật đầu, cám ơn rồi lên xe về... Đến nhà, Tuyết Sĩ nói với Thành Trai rằng: "Tôi xem bộ ông mệt lắm, nếu hồi nãy kéo một hai điếu thì khỏe liền. À, ông đưa cho tôi bộ tiểu thuyết để cho ra kỳ báo mai".

Thành Trai dắt Tuyết Sĩ lên lầu, mời ngồi rồi lấy tập thảo "Mảnh trăng thu" đưa ra mà rằng: "Bộ tiểu thuyết này tôi soạn trong lúc tôi đi chơi Huế, vậy ông đem về xem thử, nếu đăng được thì đăng".

Tuyết Sĩ đọc hai ba trương, khen lấy khen để rằng: "Hay lắm! Hay lắm! Chính là một pho tiểu thuyết có giá trị, đáng đem công bố cho thiên hạ biết".

Thành Trai nói cách nghiêm nghị rằng: "Câu chuyện ấy lắm sự thảm thiết vô cùng, ấy là cái lịch sử của một cô con gái ngộ biến

đấy, vậy ông chớ để tên tôi, xin để cái hiệu Thanh Thủy là đủ". Tuyết Sĩ gật đầu từ giã ra về. Thành Trai đưa xuống thang lầu.

Một chiều chúa nhựt lối sáu giờ, Thành Trai mặc áo đen dài, đi dạo quanh đàng Charner rồi ghé vào nhà hàng Lương Hữu dùng nước chanh giải khát. Chàng ngồi một cái ghế phía ngoài cửa, đang ngó bọn con nít rao nhựt trình, thình lình nghe ai nói sau lưng, dường như tiếng người quen. Chàng xoay lại thì thấy nơi bàn bên kia có một người đàn bà trạc chừng hai mươi ba, hai mươi bốn tuổi, gương mặt hơi tròn, khóe mắt rất đen, mà trông sáng lóng lánh, mũi nhỏ mà ngay thẳng như nét kẽ, hai má hơi tóp, miệng nhỏ mà hai cái môi đỏ tươi như son, trùm khăn đen, mặc áo quần đen, đi giày nhung đen, giống in người gặp ở Casino hôm trước. Người đẹp mà đẹp một cách khó tả, đẹp một cách khác thiên hạ. Cái vẻ đẹp ấy dường như một bức tranh chiều hôm, nửa còn ánh mặt trời chói xuống hồng hồng, nửa còn bóng mặt trăng soi vào vàng vàng, chứa chan cả muôn mối tình cảm, muôn vẻ sầu tư. Càng trông lại càng thấy cái vẻ đẹp, mà đẹp một cách sâu sắc, một cách đậm đà. Trong vẻ đẹp ấy trông có hơi lộ ra sự áo não, nỗi thương sầu của người trong cuộc. Một bên người đàn bà ấy, thì một người chừng ba mươi tuổi, mặt hơi dài mà trắng mét, con mắt nhỏ, hai má bầu, lại có râu mép đen rậm, mặc áo nỉ màu tím, mặc quần flanelle, đi giày hai màu da, tay cầm điếu thuốc xì-gà, xem dáng rất hào phóng.

Thành Trai xoay lưng ngó mong nhưng vẫn lóng tai nghe, nghe một cách rất chăm chỉ.

Người đàn bà nói nho nhỏ rằng: "Hôm qua em đọc tiểu thuyết "Mảnh trăng thu" trong báo Nông Cổ, em lấy làm lạ vô cùng. Không biết làm sao những nỗi éo le trong tiểu thuyết ấy làm cho em phút chốc đau đớn như dần. Em lấy làm lạ: cái người trong tiểu thuyết sao lại giống cái thân bạc mạng này".

Người đàn ông thở ra mà rằng: "Lúc nào em cũng không vui, lúc nào em cũng kiếm được cớ mà nói rằng em buồn. Em đa cảm đa sầu, nên hễ em đọc tiểu thuyết, thấy ai lâm cảnh hoạn nạn, thì em đã đau đớn thay cho người ta rồi... Cái bịnh sầu của em thật là khó giải, nhưng em không nên như thế, rủi hại cho thân thể thì

sao? Em phải lo tịnh dưỡng thì mới khỏi phụ lòng của qua... Thôi, mai ta sẽ ra Ba Ngòi chơi ít ngày, trước là tránh sự náo nhiệt, sau là đổi gió cho khỏe".

Người đàn bà lại nói rất nhỏ rằng: "Vậy thì là phiền ông lắm... Em vẫn biết ông ưa nơi phiền hoa náo nhiệt, nay đành ra chốn thanh tịnh u nhàn, thì rõ là ông vì em quá... Em đâu nỡ!".

Lại nghe tiếng người đàn ông nói: "Ở như vậy mới hết lòng với nhau, chớ biết sao bây giờ? Em thường hay nói ở Sài Gòn ồn ào quá, em không thích, mà biểu đi về miệt lục tỉnh tìm nơi tịch mịch, thì em lại không chịu. Vậy nên qua tưởng đi tránh nơi đô hội một ít lâu, thì chắc em bằng lòng...".

Vừa lúc ấy, người vào nhà hàng đông quá, nên Thành Trai không nghe được gì nữa, mà ly nước chanh chàng cũng chưa uống hớp nào. Chàng liền uống cạn, dùng vài ba cái bánh ngọt, trả tiền rồi đi ra ngoài phía mé sông, và đi và suy nghĩ... Chàng lại ngồi trên một viên đá lớn, dưới gốc một cây cao mà ngẫm nghĩ về người đàn bà kia. Lạ thật! Người có vẻ trầm tịnh mà nét mặt rất âu sầu... Con người ấy ai trông thấy một lần rồi thì không làm sao mà quên được, vì nét mặt in sâu vào óc ngay.. Đẹp thì thật đẹp, mà đẹp một vẻ riêng, ít có người đàn bà nào giống. Đẹp một cách mơ màng không trông thấy rõ, chỉ phưởng phất như những hình dung trong óc đã tưởng tượng nên. Cái hình bề ngoài như thế, tất nhiên cái lòng bề trong cũng chẳng khác gì, rõ ràng là một khối sầu đúc nên vậy.

Thành Trai từ lúc ra khỏi trường học đến nay, để ý về hình dạng tâm tánh một người đàn bà, lần này là lần đầu, mà cũng vì có lắm duyên cớ làm cho chàng phải để ý vậy. Cái hình dung ấy vẫn hiển hiện ra trước mặt chàng luôn... Chàng nghĩ thầm rằng: "Lạ quá sao ta lại phải nghĩ đến người này mãi kìa? Người đàn bà này hẳn có một nỗi gì riêng mà chưa ai rõ thấu... Ta phải dò xét xem sao. Hay là... Nếu thật thì trước sau gì rồi ta cũng biết. Hồi nãy, ta nghe người đàn ông kia nói nàng thường kiếm cớ bảo rằng buồn mãi, vậy thì sự ấy có lợi ích gì cho nàng không? Bảo rằng nàng không ưa nơi phiền hoa náo nhiệt để làm gì? Điều ấy là một điều ta cần phải biết, phải khám phá cho ra sự bí mật này".

Chàng liền đứng dậy, lên xe kéo mà lại nhà Tuyết Sĩ, Tuyết Sĩ vội vàng mời vào hỏi:

"Hôm nay ông định đi chơi đâu mà mặc áo dài, hay là đi bái yết miễu chùa nào chăng?"

Thành Trai đáp: "Nhơn có việc cần, nên tôi không kíp thay âu phục; tôi đến để mượn cái xe hơi của ông ít hôm, ông có vui lòng chăng?".

Tuyết Sĩ cười mà rằng: "Ông cứ lấy đi, tôi cũng không cần gì lắm". Tuyết Sĩ liền kêu sớp phơ bảo đổ dầu vào xe và hỏi: "Ông đi xa hay gần, và có cần dùng gì nữa không?".

Thành Trai nói: "Đi xa nhưng không cần dùng gì nữa, miễn sớp phơ chắc chắn là đủ". Nói rồi cám ơn Tuyết Sĩ, bước lên xe bảo chạy về nhà. Chàng liền thay âu phục, bảo bồi xếp áo quần để vào hai cái va-ly da, dặn coi sóc nhà cửa rồi ra đi. Xe mở máy chạy hơn một đêm mới tới Ba Ngòi... Cảnh Ba Ngòi thật là tịch mịch, chỉ có mấy dãy nhà lơ thơ. Phía sau thì cây cao rừng rậm; phía trước thì đá dựng sóng xao, thật là một nơi có thú vị cho những tao nhơn mặc khách. Chàng vào nhà hàng Lâm An Bình mướn phòng rồi cho xe về.

Lúc ấy vào khoảng tám giờ sáng mai, chuyến xe ở ngã ba về, hành khách không đông, chỉ có mấy người Tàu, ít người Tây, cùng mấy gánh hàng vặt mà thôi. Chàng bước thủng thẳng ra ngoài cầu tàu đúc bằng ciment, dài gần một ngàn thước, đứng ngó mong ra xa xa... Cửa biển Ba Ngòi này thật là kín đáo, ba bên non bọc, tiện bề cư hiểm đồn binh có thể làm một nơi rất lợi cho sự dùng binh, mưu được sự tiến thủ trên mặt Thái Bình Dương...

Chàng đứng lặng giờ lâu mà nghĩ ngợi. Nước Nhựt Bổn mấy mươi năm về trước chẳng qua là một nước bé nhỏ, lễ nghi tuy có khác nước ta chút đỉnh, mà về đàng văn minh tiến hóa thì có hơn nước ta bao nhiêu đâu; thế mà mới tỉnh giấc trong ba mươi năm, đã nổi tiếng khắp hoàn cầu. Cũng nhờ những bực chí sĩ vững chí bền gan như Voto, Veddo mà nước Nhựt ngày nay được như thế. Trong một trận đánh với Trung Hoa mà được giữ lợi quyền ở Mông Cổ, Măn Châu, thâu được Đài Loan, lấy được Cao Ly, oai lực lẫy lừng; trong một phen cự cùng Nga-la-tư mà giựt ngay Lữ-thuận-khẩu,

tiếng tăm vang động. Nghĩ vơ nghĩ vẩn, phút nhớ lại câu chuyện riêng của chàng, chàng thở ra mà rằng: "Làm gì ta cũng phải lo khám phá bí mật nầy rồi ta sẽ tính... Ta suy nghiệm đã đủ lẽ rồi, ta không còn phải nghi ngờ..." Chàng rớt nước mắt, lui về phòng, mà trong trí vẫn còn phân vân...

Chiều bữa ấy có một cái xe hơi đến, chàng ngồi trong cửa sổ dòm ra, thì quả thấy người đàn bà và người đàn ông hôm qua. Người đàn ông đỡ người yêu xuống rồi vào mướn một cái phòng gần bên phòng của chàng, sau lưng có một đứa bồi xách ba cái va-ly da theo... Chàng xem nét mặt người đàn bà ấy không khác hôm trước chút nào, cũng âu sầu, cũng áo não, cũng ngơ ngẩn sững sờ. Lúc ra dùng cơm chàng ngồi xa và vì mặc đồ mát nên hai người kia không để ý. Chàng nghe người đàn ông hỏi người đàn bà rằng: "Em đã vui lòng chưa! Cái cảnh trí ở đây có lẽ hạp với sự mơ ước của em lắm hả? Để chút nữa qua sẽ đem em ra cầu tàu xem trăng mọc chơi".

Người đàn bà trả lời nhỏ quá nên Thành Trai không nghe rõ. Một lát nghe tiếng người đàn ông nói: "Sao em ăn ít quá, hay là em mệt? Nếu mệt thì vào ngồi nghỉ, rồi biểu nhà bếp nấu một ít xúp macaroni, khuya ăn cho khỏe". Bấy giờ nghe tiếng người đàn bà nói: "Vậy cũng được".

Chàng dùng bữa rồi vô phòng kêu bồi biểu lấy cho chàng một cây cần câu và một gói mồi. Chàng thay áo quần đen đi giày rơm, nhơn lúc trăng chưa mọc đi thẳng ra cầu tàu, xuống ngồi dưới cột trụ mà buông câu. Được một lát thì hai người kia cũng đến; người đàn bà vẫn mặc đồ đen, ngoài choàng thêm một cái áo nhung đen; người đàn ông cũng mặc đồ nỉ đen, cùng nhau ngồi chờ trăng mọc... Lúc bấy giờ mặt nước nhấp nháng như sao băng, bỗng chốc vàng ửng cả tư bề, gương nga lấp ló đầu non, cảnh tượng trông có vẻ đẹp như thơ, như mộng... Người đàn bà đối cảnh không thể cầm lòng, bỗng nói lớn lên rằng: Ông ôi! Cái cảnh này tuy đẹp, nhưng em lại thêm buồn, em không biết vì cớ nào mà em như con người đã chết. Em chẳng biết sự sung sướng, sự vui vẻ là gì. Lắm lúc em muốn quên những sự đau đớn, nhưng khổ quá, không làm sao quên được! Hễ em thấy người vui vẻ bao nhiêu thì em lại càng âu sầu bấy nhiêu. Ông ôi! Chẳng biết làm sao mà mua được sự vui vẻ lại?

Người đàn ông cười mà rằng: "Chỉ non thề biển, chính là lúc này... Có mặt trăng kia chứng cho lòng qua, nếu em mà vui được trong giây lát thì dầu cho tốn bao nhiêu qua cũng không kể, em đừng nghi ngờ lòng qua mà tội nghiệp; em nói rằng em không biết làm sao mà mua được sự vui vẻ lại, vậy cái vui vẻ của em giá bao nhiêu, có mất ngàn vàng thì qua cũng xin mua lại cho em."

Bấy giờ người đàn bà mỉm cười một cách rất chua cay mà nói rằng: "Em đội ơn ông lắm, em biết ông không có chút gì tiếc, em chỉ tiếc vì mua cái vui này không phải là dùng vàng mà được, phải dùng công phu, trí não thì họa may. Bao giờ em mua được sự vui vẻ ấy thì em sẽ liệu cách mà đền ơn ông".

Người đàn ông đáp rằng: "Tuy qua là một người ham chơi, thuở nay không kể gì đến sự hao tốn, miễn là mua cho được một đôi giờ mộng xuân mà thôi; nhưng nay đối với em thì qua lại khác hẳn lúc xưa. Lúc này qua chỉ muốn làm sao cho vừa ý em, cho em khỏi buồn là đủ, chớ có thiết đến sự gì khác đâu mà em nói như thế. Em nên tỏ cho qua biết phải làm cách nào để cho em vui, qua sẽ hết lòng vì em mà tính cho bằng được".

Người đàn bà lắc đầu thở ra mà rằng: "Nếu mà dễ như lời nói thì em tính đã lâu rồi, ngặt vì khó khăn lắm cần phải lâu ngày... Xin ông cứ để cho em tự liệu".

Hai người ngồi trên cầu, trăng soi vằng vặc, ngỡ rằng chẳng ai biết đến câu chuyện mình, có dè đâu ông câu kia đã nghe rõ hết đầu đuôi.

Gió khuya hơi lạnh, hai người dắt nhau về. Thành Trai cũng cuốn chỉ và vác cần câu leo lên. Chàng bỗng nhiên hớn hở nói thầm rằng: "Ta đi dò, quả không uổng công phu chút nào; người đàn bà này có tâm sự ấy quyết chẳng khác gì tâm sự của em ta. Nàng quả có một mối thù, nàng quyết sống để trả thù, nàng vốn ưa nơi thanh tịnh, mà lại phải ép mình ở chốn phồn hoa, chắc là quyết chí trả thù chi đây... Thôi thôi, ta đã cầm mối dây rồi, ta phải cần gặp nàng để hỏi dò cho rõ. Tuyết Sĩ có nói rằng lai lịch của nàng mơ hồ lắm, thế thì nàng là ai? Có phải..."

Chàng tuy chưa biết rõ ràng, nhưng sự thông minh của chàng đã giúp chàng đoán mượn tượng được câu chuyện của nàng. Lòng

chàng nóng như lửa, muốn tìm đến gặp nàng để hỏi nàng cho khỏi con nghi ngại.

Chàng về đến phòng, thì đã mười hai giờ khuya, bên phòng kia vẫn còn ăn uống chuyện vãn. Chàng thay đồ, nằm trên ghế dài ngẫm nghĩ mãi, đến hai ba giờ khuya mà chưa yên giấc, trằn trọc thao thức như là sắp có chuyện gì xảy ra. Lúc đang nửa mê nửa tỉnh, bỗng nghe có tiếng ngâm rất thâm trầm ai oán:

Một mảnh trăng thu một khối sầu,
Nhìn trăng thêm nỗi chạnh lòng đau!
Gớm đời gian hiểm say rồi tỉnh,
Ai khéo bày trò biển hóa dâu?

*

Bãi biển nương dâu ấy lẽ trời,
Vừng trăng kia cũng khéo trêu ngươi!
Nghĩ đời luống những bâng khuâng dạ,
Để khách khuê phòng giọt lụy rơi.

Chàng nghe giọng ngâm ấy mà bỗng buồn bực, dường như ai khêu gợi nỗi lòng. Nếu mà một người đàn ông ngâm mấy câu ấy thì quả là một người nhiệt thành, đang uất ức về thời thế. Nhưng mấy câu này lại tự lòng một người đàn bà mà phát ra, thì quả là có sự uất ức về nỗi đời, mà chính là người trong cuộc chưa gặp dịp để tiết hận được. Chàng ngơ ngẩn suốt đêm về mấy câu ngâm đó, chỉ nghĩ cách để dò xét cho ra tông tích người đàn bà kia. Nhiều điều ngổn ngang: phần thì việc nhà, phần thì việc nước, mấy câu thơ ai thiệt đã cảm động lòng ai...!

Tiếng đâu ai oán não nùng?
Nghe qua bỗng chốc động lòng trượng phu!

Chàng nằm nhắm mắt mơ màng, ngủ quên hồi nào không hay...

Ánh sáng mặt trời đã soi vào cửa, ngọn gió đưa phơ phất bức mành; Thành Trai giựt mình tỉnh giấc, xem đồng hồ đã quá bảy giờ. Chàng vùng dậy súc miệng rửa mặt, thay đổi áo quần rồi mới ra dùng đồ điểm tâm. Chuyến này chàng quyết làm quen với hai người kia, để họa may có nhơn trong câu chuyện mà dò ra được chút manh mối gì chăng... Chàng bước thủng thẳng vào phòng ăn thì đã thấy

hai người ngồi đấy rồi; chàng cúi chào, hai người lật đật đáp lễ, mà người đàn bà lại nhìn chàng một cách lạ lùng... Chàng lại ngồi gần đấy, dùng bánh và uống nước trà... Và ăn và ngó bức địa đồ treo trên vách, cố nghĩ kiếm một câu gì để nói với người kia mà làm quen, nhưng nghĩ còn chưa ra thì người kia đã hỏi:

– Ông ở đâu đến chơi hay là vẫn ở đây?

Chàng liền xoay qua đáp rằng: "Thưa, tôi ở Sài Gòn đến đây đổi gió ít ngày rồi trở về. Ông bà cũng ở Sài Gòn thì phải".

– Phải, tôi cũng ở Sài Gòn... Vậy ông ở đường nào?

– Tôi ở đường Espagne... Ông làm việc ở đâu mà hôm nay lại nghỉ được?

– Không, tôi không làm việc với ai cả, tôi là chủ điền hạt Rạch Giá nhưng thường ở chơi Sài Gòn; tôi ở Sài Gòn thường lắm mà sao ít khi gặp ông?

– Thưa, tôi vừa mới về Sài Gòn được ba tháng nay. Tôi cũng ít đi đâu nên không được biết ông. Ông cho tôi biết quí danh để phòng khi về Sài Gòn có dịp tôi sẽ lại hầu chuyện.

– Tôi họ Trần tên Thiện Tâm, ở đường Roland Garros, còn ông?

– Tôi cũng họ Trần mà tên là Thành Trai.

Người đàn bà nghe đến hai chữ Thành Trai tức thì ngước mặt lên ngó rồi lại cúi xuống ngẫm nghĩ...

Thành Trai lại nói: "Ông bà ra đây chơi đã có gặp gì vui chưa? Hôm nay tôi định mướn ghe qua Cam Ranh chơi, nếu ông bà muốn đi thì xin mời cùng đi".

Thiện Tâm vốn là người hay ngó bề ngoài nên thấy Thành Trai mặc y phục đúng kiểu mà lại sang trọng thì vừa lòng lắm, đáp rằng: "Nếu được vậy thì hay lắm... Tiện đây tôi cũng xin nói để ông rõ rằng cô Nguyệt Thanh đây là bạn của tôi chớ không phải vợ..."

Thành Trai lật đật xin lỗi rằng: "Nãy giờ tôi lầm, xin thứ lỗi cho".

Nguyệt Thanh bấy giờ mới thỏ thẻ rằng: "Không có lỗi gì đâu. Dường như em đã có gặp ông một lần ở Casino thì phải".

Thiện Tâm thấy Nguyệt Thanh nhìn Thành Trai chăm chỉ thì lấy làm lạ... Nhưng Thành Trai vẫn cứ tự nhiên, ung dung trả lời

cô rằng: "Có một lần tôi thấy người mặc đồ đen, nhưng tôi không biết có phải là cô không?"

Nguyệt Thanh đáp: "Chính là em đó, hôm ấy ông Tổng lý báo Nông Cổ mời em đi xem chớp bóng, nhưng khi em đến thấy có ông, em ngỡ là lầm, sau em hỏi rõ lại thì té ra là ông cùng đi với ông Tuyết Sĩ. Vậy thì ông ở Pháp đã mấy năm, mà về đây được bao lâu rồi?".

– Tôi ở Pháp tám năm, và tôi mới về. Sao cô biết rằng tôi có qua Pháp?

– Ông Tuyết Sĩ có thuật sơ cái lịch sử của ông cho em nghe. Mà ông Tuyết Sĩ có nói rằng ông giúp cho tờ Nông Cổ, vậy thì tiểu thuyết *Mảnh Trăng Thu* có phải của ông viết chăng?

Thành Trai nghe hỏi đến tiểu thuyết ấy, thì trong lòng mừng lắm, nhưng không để lộ ra mặt, đáp rằng: "Tôi có hứa giúp ông Tuyết Sĩ nhưng chưa viết gì cả. Tôi có đọc *Mảnh Trăng Thu*, lấy làm cảm động quá, vì nếu ở đời mà đã có một người đàn bà chịu cái cảnh ngộ ấy thì tất nhiên những người đàn ông là đồ vô dụng hết".

Nguyệt Thanh cúi mặt xuống để che bớt vẻ âu sầu, mà có xen nét mừng vui, còn Thành Trai thì nói qua chuyện khác.

– Nếu ông và cô nhứt định đi chơi Cam Ranh thì xin sửa soạn, để tôi sai người đi hỏi mướn ghe.

Thiện Tâm gật đầu đáp rằng: "Vậy thì ông sai người mướn ghe đi, chúng tôi xin về sửa soạn".

Thành Trai chào hai người rồi trở ra. Nguyệt Thanh đứng dậy, chưn bước về phòng mà mắt còn ngó theo Thành Trai.

Nàng vừa đi vừa nghĩ thầm rằng: "Vì sao mà ta gặp người này hoài kia? Thành Trai. À, hay là... thiệt là giống lắm, nhưng không chắc có phải không? Thôi, để sẽ dò xem".

... Một chiếc ghe nhỏ nhỏ lượn lên lượn xuống theo làn sóng bạc, Nguyệt Thanh ngồi nhìn cảnh ở trước mắt, Thành Trai đứng trước mũi ngó mong ra xa xa thấy khoảng xanh xanh biếc biếc tít mù kia mà ngùi ngùi nhớ những chuyện đâu đâu. Nghĩ đến thân phù thế, đến nợ tang bồng, rồi thấy mình còn đứng trên chiếc ghe cỏn con, linh đinh mặt biển thì lại càng thêm buồn. Chiếc ghe nhỏ

kia đã không được vững vàng, phải lung lay nghiêng ngửa, mà cái thân mình lại nương vào nó mà mong đến bến đến bờ thì chẳng là mơ màng lắm ru?... Chàng đang sững sờ thì Thiện Tâm kêu chàng vào dùng rượu bọt, chàng vừa xoay lưng thì nghe ọc một tiếng, Nguyệt Thanh té sấp vào mình Thiện Tâm mà mửa ra lai láng. Cái bộ áo quần tuýt so đẹp đẽ kia phút chốc đã hóa ra lem ố dơ bẩn. Mấy chai rượu cũng đổ đầy trên mình Thiện Tâm mà mặt Nguyệt Thanh bấy giờ như gà cắt tiết, nàng nằm mê man. Thành Trai lật đật bước lại đỡ nàng cho Thiện Tâm đi chùi áo quần, và biểu quày ghe trở về. Ghe xoay lại thì gió ùn ùn thổi mạnh, sóng lớn như non, làm cho mọi người trong ghe đứng không vững, ngồi chẳng yên.

Thành Trai bảo Thiện Tâm ngồi xuống, để Nguyệt Thanh nằm trên chơn, đặng giữ vững lấy nàng, rồi tự chàng ra đứng chỉ bảo bạn ghe chèo. Chàng bấy giờ chỉ mặc có một cái áo sơ-mi mà thôi. Sóng càng theo gió mà lớn dần, ghe thì còn xa bờ, nên Thiện Tâm có ý sợ. Chàng thấy thế thì nói: "Không đến nỗi gì đâu, sóng như vầy là thường lắm, chỉ lo vì cô Nguyệt Thanh yếu tì vị mà bị say nhiều. Ông cứ ngồi yên, giữ cho cô khỏi lúc lắc thì không sao". Chàng lại lấy chai dầu măng mà đưa cho Thiện Tâm, bảo thoa hai bên màng tang cô Nguyệt Thanh để kị gió.

Chiếc ghe nhảy lơn tơn một hồi thì vào đến cầu tàu. Thành Trai và Thiện Tâm đem nàng về tới phòng, mà nàng vẫn mê man, miệng ngậm cứng lại; Thiện Tâm cả kinh, cầm tay kêu một hồi mà nàng cứ trơ trơ.

Thành Trai nói: "Bây giờ phải mau mau ra Nha Trang mời thầy thuốc vào mới được, vậy thì ông ngồi đây với nàng, để tôi đi".

Thiện Tâm kéo Thành Trai lại mà rằng: "Thôi để tôi đi rước thầy thuốc cho, chớ tôi vụng về lắm, mà thấy như vầy thì không an tâm được. Nhờ ông coi chừng nàng thay tôi".

Nói rồi kêu sớp phơ đem xe ra, không kịp mặc áo, chỉ giựt một cái áo mưa vắt tay rồi đi. Thành Trai kéo ghế ngồi một bên Nguyệt Thanh, thấy mặt nàng tái mét, hai con mắt nhắm lại, hơi thở như sợi tơ, thì chàng bảo bồi đem một ít nước gừng, cạy miệng đổ vào cho nàng, lại lấy khăn xát vào tay. Một lát thì tay nàng đã nóng lại, mà hai mi con mắt thấy giựt; chàng mừng quá kêu mấy tiếng

thì Nguyệt Thanh mở hé mắt ra rồi lại nhắm lại mà nằm thiêm thiếp. Chàng lấy mền đắp kín mình nàng, rồi cứ ngồi xát tay nàng. Được một lát nữa nàng thở ra, trở mình rồi mở mắt, chàng vội vàng buông tay mà ngó nàng.

Bấy giờ lặng lẽ như cảnh đêm, Nguyệt Thanh muốn hỏi thì chàng cản rằng: "Cô cứ nằm nghỉ cho yên, ông Thiện Tâm đã đi Nha Trang rước thầy thuốc rồi, chừng trưa nay thì trở về. Cô muốn dùng thứ gì thì cứ biểu tôi. Chỗ này không có thầy thuốc, nên cô phải mê man trong một lúc, nhưng tưởng không đến nỗi nguy".

Nguyệt Thanh gật đầu, nằm yên được một lát lại gượng nói: "Cũng vì em không tự lượng sức em, nên mới đến đổi thế; em muốn đi chơi chút đỉnh cho khuây, chẳng dè lại thêm mệt".

Thành Trai nói: "Cô cứ nằm yên một lúc cho khỏe, đợi khi nào mạnh mẽ hay, bây giờ cô nói lắm thì e bịnh sẽ tăng lên".

Nguyệt Thanh nói: "Bây giờ trong mình em đã khỏe nhiều, có lẽ cũng không can gì đến tánh mạng. Em muốn nói chuyện, kẻo nằm thì sợ lại mê man đi".

Gặp được dịp ấy, là sự tình cờ, Thành Trai cố ý hỏi dọ cho ra tâm sự nàng; chàng thủng thẳng, nói một cách rất ôn tồn rằng: "Nếu vậy thì tôi mới dám nói. Nhưng xin cô tha lỗi cho tôi, nếu tôi có nói câu gì đường đột quá. Tôi thấy cô khác hẳn mọi người vì cô có vẻ âu sầu thường hiện ra nơi mặt, thì tôi tưởng thầm là cô có sự uất ức gì trong lòng. Nếu quả có vậy thì xin cô cứ tỏ thật cho tôi biết, họa may tôi có thể giúp cô được ít nhiều chăng?"

Nguyệt Thanh nín lặng một hồi, nhìn Thành Trai chăm chỉ, rồi liếc mắt ngó chung quanh, Thành Trai hiểu ý, bước ra ngoài dòm rồi trở vào nói rằng: "Không có ai cả". Bấy giờ nàng mới hỏi nhỏ rằng: "Chẳng hay ông có phải là con ông Phủ Trần ở Cần Đước không?".

Thành Trai nghe hỏi, liền ngó vào mặt Nguyệt Thanh rồi nói: "Nếu vậy thì quả là em đây sao? Nếu vậy thì công phu của anh tìm kiếm em không uổng. Nếu vậy thì anh sẽ biết được sự thật! Chính là anh đây!?.

Nguyệt Thanh nghe mấy lời lấy khăn úp lên mặt mà khóc. Thành Trai đứng dậy bước lại hỏi rằng: "Nếu thật là em thì em hãy

tỏ hết câu chuyện của em lại cho anh biết, kẻo anh rất làm rối rắm trong lòng".

Nguyệt Thanh lau nước mắt thở dài mà rằng: "Anh ôi! Trong năm năm trời, em chịu biết bao là nỗi đắng cay! Cái hình dung em ngày nay tiều tụy đến thế này, cũng chỉ vì sự đau đớn ấy mà sanh ra. Anh quên em là phải, vì anh em xa cách nhau đã mười mấy năm trời. Anh về nhà hai bác không dạy chuyện nhà em cho anh biết sao?"

Thành Trai lắc đầu mà rằng: "Không, thầy mẹ em không dạy gì hết, chỉ nói sơ sơ mà thôi, nhưng anh Minh Châu có thuật câu chuyện của em. Ôi! Em Kiều Tiên! Sao em đến nỗi như thế? Vậy thì việc trước ra sao, em tỏ hết cho anh nghe, kẻo bấy lâu nay cái tên của em, trong bà con ai ai cũng đều khinh bỉ, không hề nói đến, xem em như là chết rồi".

Nguyệt Thanh gật đầu mà rằng: "Phải, anh dạy phải. Cái thân của em sống là sống sót mà thôi, chớ kỳ thật thì em như đã chết rồi. Vậy chớ anh không biết em ngày nay chỉ là Kiều Tiên trong lòng, mà lại là Nguyệt Thanh ngoài mặt đó sao? Nhưng xin anh xét lại mà thương em, kẻo tội nghiệp. Em thật là vô tội, anh ôi! Nếu em dối anh, em xin quỉ thần hành phạt em một cách ghê gớm. Anh đừng khinh bỉ em là gái giết chồng; dầu sao đi nữa, em cũng có học hỏi ít nhiều, có giáo dục ít nhiều, lẽ nào lại làm điều tội lỗi đến như thế? Học hỏi cũng không đủ chứng rằng em vô tội, nhưng anh thử nghĩ đến giọt máu của cánh họ ta từ xưa đến nay có thế bao giờ không? Em đọc *Mảnh trăng thu* em biết anh muốn tìm em, muốn biết rõ sự thật; mà quả vậy, chỉ có một mình em là nói được sự thật của em mà thôi. Em rất đau đớn là còn đứng trên đời mà chưa trả được thù chồng! Cái giận của em là giận chung thiên, khổ vì chưa tiết được, nên em còn phải sống sót đến ngày nay, chớ không thì em đã chết tự bao giờ rồi! Em trông ngày trông đêm cho anh về, để nhờ anh sự báo thù, vì em biết anh thương em và trọng danh dự lắm. Nếu em hư, nếu em phạm tội lỗi ghê gớm ấy thì cánh họ ta không phải không mang tiếng, mà anh không phải không đau đớn về cái nhục chung; nhưng em xin anh cứ tự đắc rằng em vẫn trong sạch, em vẫn bấm gan chịu đau đớn mà đợi ngày minh oan. Em hỏi dò mãi, nghe rằng anh và anh Minh Châu đi Huế chơi. Em muốn đi

theo, nhưng vì có lắm sự trở ngại cho nên em phải ở nán lại. Sau em nghe ông Tuyết Sĩ nói anh đã vào Sài Gòn, nhưng em chẳng rõ có đích thật hay không. Vậy anh ra đây tức là đi tìm em phải chăng?"

Thành Trai đáp: "Anh vẫn biết em còn sống, mà về sự trước thì anh không nghi ngờ gì cho em. Anh chưa biết em lưu lạc vào đâu, nên lập tâm viết *Mảnh trăng thu* để dò xem tin tức. Nay đã tìm thấy em rồi, vậy em thuật lại sự trước thể nào cho anh hay, anh sẽ truy cứu cho ra lẽ".

Nguyệt Thanh nói: "Nếu vậy thì quả là trời sắp đặt cho em đó. Em chẳng bao giờ ngỡ rằng ngày hôm nay lại gặp được anh; mà cũng may cho cánh họ nhà ta lắm, nên anh mới không nghi ngờ cho em. Em thế này mà lại là một đứa ác phụ sao? Anh ơi, thế mà ai ai cũng đổ trút cái tội lỗi ấy cho em cả; nghĩ đã đáng chết chưa? Bây giờ em không thể thuật tường tận cho anh nghe được, vậy thì em về phòng mà xem; anh xem cho kỹ từ câu chuyện, khi anh đã rõ thấu hết nguồn cơn rồi mà đoái hoài đến cái thân bạc hạnh này, không nỡ bỏ ra ngoài vòng máu thịt, thì bây giờ em mới có thể nhờ anh giúp em được".

Nói rồi nàng gượng dậy mở va ly lấy một quyển sách đóng bìa da màu đen, trao cho Thành Trai và dặn rằng: "Xin anh cất cho kỹ lưỡng, đừng cho ai xem đến mà lậu chuyện".

Thành Trai vừa tiếp lấy sách thì xe hơi Thiện Tâm cũng vừa về đến nơi. Chàng lật đật bước qua quăng sách vào phòng rồi ra đón, thì thấy Thiện Tâm đã rước thầy thuốc vào. Thiện Tâm lật đật hỏi: "Nguyệt Thanh có bớt chút nào không? Sao mà êm lặng quá, làm cho tôi sợ toát mồ hôi". Thành Trai đáp rằng: "Đã hơi tỉnh, và cũng có uống một ít nước trà".

Thầy thuốc vào thăm rồi nói: "Không hề gì, chỉ vì trong mình yếu mà gặp phải ngọn gió mạnh, nên mê man trong một lúc mà thôi, nhưng bây giờ phải tịnh dưỡng, và uống thuốc bổ". Thầy thuốc chích một mũi dầu long não (huile camphrée) rồi lấy một chai thuốc nhỏ, dặn cứ mỗi buổi sáng phải uống hai muỗng cà phê thì tự nhiên sẽ khỏi. Thiện Tâm mừng quýnh, mời thầy thuốc ra dùng cơm, tạ ơn bốn chục bạc rồi cho xe đưa về".

Thành Trai về phòng kéo ghế nằm, mở quyển nhựt ký của Nguyệt Thanh ra xem:

Ngày mồng 4 tháng 3 năm 1915

Tám giờ tối. – "Ngày hôm nay là ngày tôi phải từ giã bạn bè, từ giã trường học mà trở về nhà. Tôi từ giã trường học lần này là lần cuối cùng, vì tôi vâng theo lời mẹ già, về ở nhà để chăm lo việc tề gia nội trợ. Mẹ tôi đã dạy rằng: *Cho con học để cho biết lẽ khôn dại, phải trái xưa nay, để tạo thành con ra một người đàn bà tốt; chớ không phải mong cho con làm cô giáo, bà đốc, cô mụ, bà thầy đâu. Mẹ chỉ ao ước cho con học đòi theo gương trinh phụ hiền nữ của các bà xưa. Mẹ chỉ mong cho con được chừng ấy là đủ".*

"Lời mẹ tôi dạy như thế, thật hạp với lòng tôi, vì bản tâm tôi chẳng muốn chen chân vào hàng cô giáo, bà đốc, cô mụ, bà thầy bao giờ. Vậy thì hôm nay trở về nhà để thờ mẹ, dạy em, tôi thật là thỏa vọng".

"Chị em đưa ra đến bến tàu đông lắm, ai cầm đến tay tôi đều bịn rịn, biết rằng ngày nay tôi về theo thú điền viên, thì ít khi trở lại mà gặp nhau nữa. Tuy về nhà vui vẻ, nhưng xa chị em cũng buồn trong lòng, nhưng tôi không sao cầm nước mắt được. Tàu chạy, chạy lần lần, kẻ trông theo, người ngoái lại, mối thương tình đã xẻ chia đôi!

"Khi trông không còn thấy bóng chị em nữa, bấy giờ tôi mới vào phòng hạng nhì. Rủi quá! Có một người cũng một trang lứa với tôi, cùng mua giấy hạng nhì mà lại cũng vào một phòng ấy. Người ra thế nào tôi không cầm bút tả rõ ra được, nhưng dáng diệu rất phong nhã, cử chỉ rất đoan trang. Cậu đang nằm xem sách, nghe tiếng giày tôi đi vào thì để sách xuống mà ngó ra. Thấy tôi thì cậu vội đứng dậy chào, mà xem bộ e lệ. Lúc bấy giờ, tôi sượng sùng, mặt đỏ ửng lên, hai chơn lính quýnh, rụt rè không dám bước vô, mà cũng khó nỗi bước ra.

"Cậu ấy thấy vậy thì hỏi: "Cô cũng vào phòng này sao? Mời cô cứ vào, để tôi đi đổi giấy qua phòng khác". Cậu nói rồi đi liền, không đợi tôi trả lời. Tôi vào ngồi một hồi lâu, cậu mới trở lại lấy va ly, chào tôi để đi qua phòng khác, tôi thấy vậy thì nói: "Thật tôi làm phiền cậu quá. Chỉ vì tôi không ngờ, xin cậu miễn chấp".

"Cậu đáp mà không ngó tôi: "Lẽ phải như vậy, chớ có phiền gì đâu. Thôi, xin chào cô".

"Cậu đi rồi thì tôi khóa cửa nằm nghỉ. Sáng ngày ra dùng đồ điểm tâm, tôi thấy cậu ấy cũng ngồi gần đấy, lại có hơn hai mươi người và Tây và Nam. Có một cậu học sanh, tác lối hai mươi tuổi, thấy tôi thì nói bằng tiếng Pháp với một người bạn rằng: "Coi bộ con kia đi một mình là phải. Có lẽ là tay chơi đã thạo đời. Nếu phải đi kiếm tiền thì lát nữa mình lại phòng nói phá chơi". Nói vậy rồi thì mủm mỉm cười, gặt đầu gặt cổ, coi bộ rất khả ố. Tôi nghe câu nói vô lễ ấy thì giận lắm, nhưng không muốn cãi cọ làm gì, nên tôi giả đò không hiểu. Chẳng dè cậu hồi hôm nhường phòng cho tôi, nghe cậu nọ nói vậy thì tức giận thay cho tôi, liền can thiệp nói một cách rất nghiêm rằng: "Sao anh lại dám nói như thế? Dẫu thế nào, anh cũng không nên dùng những câu nói bất nhã ấy mà nói trước mặt hành khách; anh có biết rằng nói thế là vô phép không?" Cậu kia nghe lời nói phải, muốn nín im, nhưng hiềm vì ở giữa chỗ đông người cậu mắc cỡ, nên mới nói lại: "Tôi nói vậy mà can gì tới anh? Và sao lại kêu là vô lễ! Anh binh con này mà làm chi tôi?

Cậu nọ cười một cách khinh bỉ mà rằng: "Thôi anh không biết lỗi thì dẫu có mệt hơi với anh cũng vô ích". Nói rồi cậu đứng dậy đi ra, mấy hành khách đều cười. Tôi lui về phòng, nhớ mấy lời nói của cậu mãi. Tôi muốn tạ ơn cậu, nhưng sợ họ dị nghị, nên giả đui giả điếc cho xong. "Mười giờ rưỡi, tàu đến Vĩnh Long, tôi xách va ly lên, thì thấy cậu ngồi trên một cái ghế bố trên boong, tay cầm tờ nhựt trình, đang ngắm cảnh Vĩnh Long. Cậu thấy tôi thì đứng dậy chào, tôi cũng chào lại. Bấy giờ mới biết hồi hôm phòng hạng nhì chật, nên phải mướn ghế mà nằm".

*

Ngày mồng 9 tháng 3 năm 1915

Vào khoảng 8 giờ mai. – "Cảnh đồng bái lúc bấy giờ đẹp mà có vẻ êm đềm lặng lẽ: quen nơi ruộng rẫy, vui thú trong sạch ở chốn thôn quê, thì chẳng còn ai muốn ở nơi thành thị làm gì; đã ngựa xe rộn rực, lại lắm sự cạnh tranh. Lúc vào khoảng tám giờ mai, tôi lại nhà một người chị em bạn ở làng Long Châu để lấy nhựt trình, thình lình thấy cậu gặp ở tàu hôm trước, lững thững trên đường.

Tôi vội vàng chào, cậu chào lại, rồi cũng cứ đi qua đi lại, đi lên đi xuống dường như đợi xe, hay là đợi bạn gì đó. Tôi vào nhà cô giáo Lang ngồi một lát thì đã thấy cậu lên xe. Gặp gỡ lạ lùng!". Cô giáo Lang đưa nhựt trình cho tôi xem. Dở ra thấy có một bài thời sự in chữ lớn. Cô giáo nói: "Chị thấy bài thời sự ấy mà thương cho phụ nữ ta quá, chỉ vì quê dốt dại dột, nên thường để cho bọn đàn ông con trai khinh khi. Nếu tất cả đàn bà mà như chị em mình hết, thì các cậu mới hết làm phách".

"Tôi không biết trong bài thời sự ấy nói những gì mà làm cho cô giáo phải than thở, nên tôi vội đọc:

GIỮA ĐƯỜNG THẤY SỰ BẤT BÌNH

"Thấy những sự ngang tai chướng mắt, dầu là nhỏ nhặt, nhưng mà có quan hệ đến danh giáo chung, nếu không nêu ra, ấy là không làm tròn bổn phận. Vì lẽ đó mà cực chẳng đã tôi phải thuật lại chuyện nầy, để cho mấy cậu công tử bột coi, rồi lo mà sửa tánh xấu đi.

Hôm kia nhơn về Cần Thơ thăm bạn, vì mệt không muốn đi xe hơi, nên tôi mới đi tàu. Lúc khách ngồi đông, có một cô gái nhỏ, chừng mười bẩy, mười tám tuổi, cũng đến bàn ăn dùng điểm tâm. Những con mắt chung quanh bàn ăn đều nhìn vào cô làm cho cô phải thẹn thuồng cúi mặt. Cách điệu con nhà coi có giáo dục mà không hiểu vì sao lại đi tàu một mình. Người xinh thì cũng như đóa hoa tươi; ai có mắt mà lại không nhìn? Nhưng nếu cứ nhìn không mà thôi, đừng xúc phạm tới ai hết, thì phải nói làm chi cho dông dài vô ích. Chỉ vì bọn vô giáo dục, nhìn rồi mà lại nói lắm lời thô bỉ, bất lịch sự, hại tới danh giá người con gái, thì tưởng khó mà dung.

Có một cậu học sanh nghe đâu là con ông Cai tổng Trần ở Rạch Giá, vùng nói tiếng Pháp với một cậu khác là cháu của bà phủ Phạm ở Bến Tre rằng: *"Con nhỏ kia chắc là bọn đi kiếm tiền, nên mới xuống tàu một mình, để lát nữa ta sẽ lại phá nó chơi"*.

Tôi nghe vậy lấy làm bất bình, vừa muốn cho cậu một bài học xứng đáng, thì có ngay một cậu học sanh khác, mặt mũi sáng sủa, vẻ người phong nhã, bước lại mắng cậu nọ một cách rất đau đớn, làm cho cậu nọ phải xấu hổ. Thấy cử chỉ người còn thiếu niên mà khí khái như thế, tôi rất phục, bèn hỏi cho biết, thì té ra cậu là con

ông Cai tổng Tạ ở Cầu Ngang, tên là Minh Đường, còn cô con gái kia là ai thì không ai biết.

Ôi! Cũng cùng ôm sách đi học, cũng là con nhà thi lễ, mà một người mở miệng ra thì có người muốn đánh, còn một người thì lại khiến cho người ta phải phục, thiệt là một trời một vực khác nhau xa".

"Tôi đọc xong, để nhựt trình lên bàn, nghĩ đến cậu Minh Đường mà sanh ra cảm tình, rồi bỗng tưởng đến sự chung thân. Cảm tưởng phát hiện rất mau mà rất tự nhiên. Cô giáo Lang thấy tôi ngẫm nghĩ thì hỏi: "Câu nói của thằng đó có đáng ghét không? Thật là tội nghiệp cho cô nào đó quá". Tôi cũng ừ cho qua rồi về, mà trong trí vẫn nghĩ đến sự ấy mãi".

*

Ngày mồng 9 tháng 3 năm 1915

Tám giờ tối. – "Đôi ngọn đèn con, ngồi trong phòng học một mình, bỗng nhớ đến cậu Minh Đường. Lạ lùng quá. Sao người ấy lại làm cho tôi phải ngơ ngẩn lòng thế này? Mở Kiều ra xem thì gặp ngay câu:

"Người đâu gặp gỡ làm chi.
Trăm năm biết có duyên gì hay không?"

"Tôi nghĩ hối hận, xếp quyển Kiều lại rồi tự trách mình. Tuổi mới bằng này, mà sao đã dám vương mang lấy điều tình ái? Sao cho khỏi buồn lòng mẹ mà lại thêm thẹn với em. Học trường bảy tám năm trời, trong giá, trắng ngần, chẳng hề có một chút gì bận lòng; thế mà lúc ra về lại sanh lắm chuyện. Trời xanh cay nghiệt làm chi. Hay là ông muốn cột tôi vào mối khổ. Tôi đang sững sờ thì em Kiều Nga bước đến đứng dựa vào trong lòng tôi, ngước mặt ngó tôi mà hỏi nhỏ rằng: "Sao coi bộ chị buồn vậy chị? Hay là chị nhớ trên trường; má nói gởi em lên học mà sao chưa gởi, hay là má không muốn cho em học?".

"Tôi nghe em tôi hỏi câu ấy thì lại càng thêm ngẩn ngơ, nhưng tôi giả cười đáp rằng: "Chị có buồn gì đâu. Chị đang suy nghĩ. Em ráng học với chị ít lâu, lúc nào khá sẽ lên trường. Em muốn đi học trường lắm sao?"

"Em Kiều Nga gặt đầu rằng: "Chị thường nói ở trường vui lắm, có nhiều bạn rất tử tế, nên em muốn đi học trường, mà có chị ở nhà thì em lại muốn ở nhà với chị. Thôi để em đi ngủ". Em Kiều Nga đi vào phòng rồi, tôi ngồi một mình buồn quá, cầm mấy tờ nhựt trình xem, tự nhiên rơi vài ba giọt nước mắt, mà không hiểu tự đâu. Bấy giờ tôi mới bắt đầu biết đau đớn. Nếu không có bài lai cảo trong nhựt trình thì tôi có thể quên câu chuyện dưới tàu rồi. Người Đồng Chu Khánh kia, can gì mà tìm tòi cho ra tên họ cậu học sanh ấy, để cho tôi phải bâng khuâng. Hay là ông Xanh tráo chác, khiến ra sự gặp gỡ bất kỳ. Thấy người nghĩa khí, ai lại không kính, nhưng sao tôi kính mà lại như còn có... Phải làm sao mà đền đáp tấm lòng trượng nghĩa?

Bấy giờ tôi mới nghĩ viết cho cậu một cái thơ để tạ ơn. Tôi giấu chỗ ở không cho cậu biết thì chắc là cậu không thể nào tìm tôi được. Tôi liền viết... Cái thơ này là cái thơ thứ nhứt trong đời tôi".

"Thưa cậu

Em chính là người đã nhờ được tấm lòng trượng nghĩa của cậu mà khỏi bị đứa thất giáo làm nhục ở dưới tàu bữa nọ.

Xin cậu biết cho, người làm ơn không bao giờ trông trả, song kẻ chịu ơn nếu mà không nhớ thì thiệt không phải là người. Bởi vậy từ bữa đó trở về nhà, em thường chẳng an tâm, vì không biết làm sao mà tạ ơn cậu được.

Thời may, nhờ bữa nay đọc bài của ông Đồng Chu Khánh đăng trên báo mà biết được chỗ ở của cậu, em vội viết bức thư này để tạ lòng ơn nhơn.

Cứ theo lễ giáo của ta, thấy con gái dám tự do viết thơ như vầy chắc là cậu cười; em đây cũng hiểu lẽ ấy lắm; song chỉ vì trong bài báo, ông Đồng Chu Khánh tuồng như có ý trách em là kẻ không biết ơn, vậy cực chẳng đã em phải mạo muội xin cậu lượng cho.

Kính thơ"

*

Ngày 25 tháng 3 năm 1915

Tám giờ mai. – Con Liễu ra nhà cô giáo Lang đem nhựt trình về, tôi dở ra xem thì thấy ở mục bố cáo việc riêng có một bài đề: "MƯỢN BÁO ĐÁP LỜI" tôi liền để ý đọc:

"Giữa đường thấy sự bất bình chẳng bỏ qua, đó là phận sự kẻ làm trai. Vậy thì trong việc xảy ra ở dưới tàu bữa đó, tôi chẳng qua là làm trọn phận sự mà thôi; có ơn nghĩa chi đâu mà cô hòng phải quan tâm về sự đền đáp.

"Câu chuyện chỉ có chút đỉnh bấy nhiêu mà không biết ai khéo thêu dệt nên văn, làm cho lòng tôi phải hổ, vì e rằng cô không rõ, lại nghi là tự tôi bày đặt ra.

"Xin cô tin cho rằng Minh Đường nầy không bao giờ có gan làm những sự như vậy được".

"Đọc xong bài ấy, tôi nghĩ đến bức thơ của tôi viết, thì ra có một câu dường như là nghi cho cậu viết bài lai cảo gởi đăng báo. Cơ khổ cho tôi thật thà quá! Câu văn tình thật mà hóa ra lanh xảo, trách người một cách rất êm. Nếu không viết thơ nói rõ cho cậu biết thì có lẽ vì tôi mà cậu phải buồn lòng. Tôi liền viết một bức thơ khác để tỏ nỗi vụng về của tôi.

"Thưa cậu

Ý em nghĩ một đàng mà vì lời văn vụng, nên khiến cho cậu hiểu ra một lối. Em đâu dám nghi là cậu đặt bày ra chuyện. Người đứng đắn như cậu, đời nào có cái cử chỉ tầm thường như vậy được?

Em nghĩ ơn cậu em chưa đền, nay lại còn làm cho cậu phải buồn, nên lòng rất lấy làm áy náy.

Xin cậu lượng xét mà tha thứ cho em".

Kính thơ"

*

Ngày mồng 7 tháng tư năm 1915

"Hôm nay má tôi nhơn muốn mua một ít hàng lụa của người Việt Nam ta mới chế ra, nên sai tôi đi Sài Gòn. Thiệt là một dịp cho tôi được đi thăm chị em ở trường học. Tôi vui lòng lắm, lên xe hơi đi; vào hồi ba giờ chiều đã tới chợ Bến Thành. Thấy lại cái cảnh náo nhiệt ở chốn phồn hoa, tôi nhức óc đinh tai lấy làm khó chịu. Lâu nay ở nơi cảnh đồng ruộng êm đềm đã quen rồi. Tôi còn đang đứng ở đường Espagne, chưa biết ghé lại nhà ai thì bỗng trông thấy cậu Minh Đường ở trong một cửa tiệm kia. Tôi lấy làm lạ quá vì chẳng biết tại đâu mà cứ gặp cậu hoài. Tôi chưa bước đi thì cậu đã

ở trong tiệm đó bước ra. Cậu thấy tôi thì mặt ửng đỏ mà tôi thì lại thẹn, phải cúi đầu... Cậu xoay lưng đã muốn đi, sau lại xoay lại cất nón chào tôi và hỏi: "Cô ở trên này sao?" Tôi nghe giọng cậu hỏi dường như có hơi nghi ngờ cái nhơn cách của tôi, nên tôi đáp một cách nghiêm nghị rằng: "Thưa em vừa mới xuống xe, em đi mua hàng, hôm nay cậu cũng lên chơi?".

"Cậu nói: "Tôi lên đón một người bạn học ở Hà Nội vào".

"Cậu nói rồi chào tôi, bước lên xe kéo. Tôi cũng lên xe về nhà chị Lý. Chị em gặp nhau, vui mừng không sao kể cho xiết. Tôi nhờ chị dắt đi mua hàng và đi thăm chị em trong trường.

"Lúc trở về thì tôi lại thấy cậu Minh Đường ngồi với ông thân chị Lý. Tôi chào rồi đi thẳng vào trong, trái tim tôi bấy giờ đập như máy chạy ở trong ngực.

"Chị Lý mừng quá, chạy lại gần cậu Minh Đường mà rằng: "Hôm này anh đi chơi đâu mà làm cho tôi chờ hết hơi? Hay là anh xuống hãng tàu? Nghe đâu chiều nay tàu mới đến mà! Rồi anh mời bạn anh về đây chơ nghe..."

"Cậu Minh Đường nói: "Được, để rồi anh mời về. Hôm nay vì đi lựa dây nịt mà lựa hoài không vừa ý, nên mới về chậm. Vậy chớ em đi đâu về đó?" Chị Lý nói: "Không thấy sao mà anh còn hỏi? Đi mua hàng giùm cho chị em. Thôi, để bữa nay tôi ra tay nấu mì cho anh ăn. Mà anh phải đem tôi đi coi chớp bóng với".

Ông thân chị Lý thấy chị phá cậu Minh Đường thì rầy rằng: "Con gái mà hí hước quá, giỡn hoài. Để cho anh mày nói chuyện, chiều tối rồi sẽ đi coi".

"Chị Lý cười, rồi vào nhà trong nói rõ với tôi rằng: "Thôi, không mấy khi chị lên chơi, vậy tối nay đi coi Cinéma với tôi. Tối nay hay lắm có Mary Pickford và Sessua Hayakawa".

"Tôi ừ, rồi muốn hỏi thăm cậu Minh Đường nhưng còn ngợ ngàng lắm, nên cứ ngồi cúi mặt. Chị Lý lại cười, kéo tay tôi mà rằng: "Chị lo nghĩ sự gì đó?".

"Tôi đánh bạo hỏi: "Cậu đó là người chi của chị?"

"– Con cô ruột tôi! Anh thông minh lắm, người còn nhỏ vậy mà rất đứng đắn, ít nói, nên tôi theo chọc hoài. Anh hay rầy tôi lắm,

mà hễ khi nào anh ngồi suy nghĩ là tôi phá cho anh phải cười rồi tôi mới tha. Ảnh thường dắt tôi đi coi chớp bóng. Hôm trước tôi đưa đơn xin làm cô giáo thì ảnh ngăn cản không cho; ảnh lại nói tánh tôi như vậy mà ra làm cô giáo thì *trổ trời*, chắc sau không coi chồng ra gì. Tôi ghét nên xé đơn. Nói vậy, chớ làm cô giáo mà vinh vang gì, đến nỗi phải khinh chồng. Mình có chồng thì mình trọng, mình thương lắm chớ, phải không chị? Chỉ có những đứa ngu ngốc, thất giáo, thì mới khinh khi chồng... Mà chị, nếu ai gặp được chồng như anh Minh Đường, người ấy thiệt là có phước. Ôi, mà tôi lảng quá. Ăn thua gì chị mà tôi nói chuyện bông lông ấy".

"Chị Lý thường như vậy, chị vui vẻ lắm, mà tình hơn ai hết. Tối hôm ấy vì chị Lý rủ quá, nên tôi phải đi xem chớp bóng với chị cùng cậu Minh Đường. Tôi ngồi nghe hai người bình phẩm khen cái tài của người kép hát Nhựt Bổn.

"Nghe hai đàng nói thì tôi chỉ ngồi im, vì không rành, bởi tôi ít coi. Cậu Minh Đường thấy tôi ngồi im thì hỏi: "Cô có thường coi Cinéma không?"

"Tôi đáp rằng: "Không, lúc còn đi học có xem vài lần, đến khi về quê nhà rồi thì không còn muốn đi xem gì nữa hết".

"– Cô học đến lớp nào mới thôi?

"Tôi chưa kịp trả lời thì chị Lý đã nói hớt rằng:

"– Thì một lớp với tôi chớ lớp nào... Chị Kiều Tiên đây cũng đã đậu Brevet élémentaire rồi! Lúc học thì chị giỏi *Francais* hơn tôi nhiều".

"Cậu nghe câu trả lời ấy thì chăm chỉ ngó tôi, được một lát mới hỏi nhỏ rằng: "Nếu vậy thì hôm ở dưới tàu cô hiểu; sao mà cô lại không nói gì hết?" Tôi bất đắc dĩ phải đáp rằng: "Cậu nghĩ như em lúc ấy đáng trả lời hay là không đáng? Em chỉ nghĩ rằng với những con người ấy thì không nên đối đáp làm gì, thà là nín đi cho im câu chuyện. Huống chi em là thân gái mà đi tàu lại có một mình, đó là sự để cho họ đàm tiếu được; nhưng vì hôm ấy em lật đật về nên không thể ở lại đợi xe".

"Cậu gật đầu mà rằng: "Tôi cũng đã nghĩ đến sự đó. Hôm ấy tôi mắng nó lỡ lời, sau ăn năn thì đã muộn".

"Chị Lý nghe cậu Minh Đường và tôi nói chuyện bí mật thì vùng cười, rồi lấy tay chỉ mặt chúng tôi mà rằng: "Vậy mà còn che mắt tôi! Quen nhau biết nhau lâu rồi mà còn làm bộ với tôi! Thôi, để tôi đi ngồi chỗ khác cho mà nói chuyện". Tôi vội vàng kéo áo chị lại, rồi thuật sơ câu chuyện dưới tàu cho chị nghe. Chị nói: "Nếu vậy thì cũng là tình cờ lắm, trời khéo xui thiệt! Thôi để tôi làm mai cho".

"Chị và nói và cầm tay tôi đặt vào tay của Minh Đường, tôi muốn giựt ra, nhưng tôi đã bị tay cậu nắm chắc quá, tôi run cả người, nhưng ráng giựt ra được. Trong lòng tôi bấy giờ bối rối lạ thường. Tôi đứng dậy xô cửa lô đi tuốt ra ngoài. Tôi đi thẳng ra cửa, rồi bước luôn ra bồn kèn... Cậu Minh Đường đi theo sau lưng tôi mà nói nhỏ rằng: "Tôi lỗi lắm, xin cô tha thứ cho tôi, xin cô lại ngồi nơi ghế dài dưới bóng cây kia cho tôi được nói vài lời... Dầu thế nào, dầu có hờn giận tôi bao nhiêu, tôi cũng xin cô cho tôi phân hết mấy lời, rồi tự ý cô muốn tha thứ hay không, tôi không dám cưỡng".

"Tôi nghĩ sự đã lỡ ra rồi, bây giờ biết trách ai. Tôi biết cậu Minh Đường không phải là hạng người tầm bậy, cậu cầm tay tôi có lẽ là trong lúc tâm thần không định mà thôi. Nếu tôi đi luôn về thì có lẽ làm cho cậu phải hối hận lắm; tôi đâu nỡ. Huống gì cậu là ơn nhơn của tôi, tôi đành phải để cho cậu phân trần mấy lời, tự nghĩ là lòng mình mình tự chủ, có ai giựt được mà sợ. Tôi ngồi xuống ghế, cậu cũng xin lỗi tôi rồi ngồi xuống một bên mà rằng: "Xin cô chớ giận tôi để tôi phải ăn năn. Trong lúc ấy tôi bỗng dưng như đứa điên, cầm lấy tay cô, quên cả điều lễ nghĩa. Tự tôi, tôi cũng không hiểu vì sao mà hôm nay tôi liều lĩnh đến thế! Hay là tôi bị ma ám?... Tôi tự biết rằng tôi lỗi lắm; nếu cô dạy một lời rằng cô tha thứ cho thì tôi mới có thể yên tâm được".

"Tôi thấy cậu ăn năn mà coi có ý hối hận lắm, hai mắt cậu không dám ngó ngay tôi, nên tôi động lòng. Hèn chi lời tục nói đàn bà hay nhẹ dạ cũng phải; nhưng tôi động lòng chớ không nhẹ dạ, vì tôi đã xét rồi. Tôi nghĩ thầm rằng thân tôi là gái, thế nào cũng phải có chồng. Nếu lỡ không xứng lứa vừa đôi thì thiệt là khổ một đời, nhưng coi cậu Minh Đường là người có tư cách và lại ơn nhơn, vậy cái thân này tôi tính nên trao cho cậu. Đem tấm thân mà đáp ơn tri kỷ, lại nhân dịp nâng cao chí khí người nam nhi lên thì có lẽ cũng là trọn đạo kẻ nhi nữ... Nhưng tôi quyết một điều là giữ giá

trong tuyết sạch cho đến lúc vu qui. Bấy giờ tôi mới đáp rằng: "Em chỉ buồn là vì sự éo le ở đời đã làm cho em vội quên lời mẹ... Má em thường dạy phải tránh điều người khinh kẻ bỉ, nay em lại để tay vào lòng cậu, dầu lòng em có trong sạch bao nhiêu đi nữa, cũng không đủ che được miệng thế gian. Xin cậu biết cho rằng em không giận cậu được, em chỉ giận em mà thôi. Cậu cứ an lòng".

"Cậu nói: "Tôi cũng biết cô không nỡ giận tôi, ấy là cô có độ lượng, song sự ấy cũng không đủ làm cho tôi an lòng vì tôi vẫn còn hối hận... Nay tôi đã lỡ làm liều, vậy tôi xin cô một điều này: Nếu cô không nỡ chê thì xin cô hứa cho một lời để tôi được có hy vọng và có như vậy thì sự hối hận của tôi họa may mới hết hẳn... Nếu cô không đoái tưởng thì có lẽ suốt đời tôi còn phải ăn năn".

"Câu nói ấy rõ thiệt là cái chơn tình của cậu, mà cũng vì câu nói ấy trúng vào sự liệu tưởng của tôi nên tôi đáp rằng: "Cậu dạy như vậy em rất cảm động, nhưng em là phận gái, không có lời mẹ cha, em đâu dám tự ý; vả em còn ngại lắm nỗi... Em không dám không vâng lời cậu, vì em biết rằng được như thế là em có phước, nhưng em xin cậu một điều; kể từ ngày hôm nay em hãy xin làm bạn với cậu mà thôi. Cậu hiện đang lúc tuổi bay nhảy, vậy trước nên trọng sự nghiệp đã, kẻ nữ nhi này không nỡ làm bận gót người trượng phu. Sau này khi cậu đã thành tài đạt đức rồi, bấy giờ ta sẽ tính cuộc trăm năm. Nhưng có một ngày em nghe rằng cậu trái với lời ước, không giữ tròn phận sự làm trai thì em tất phải phụ cậu. Ấy là lời em thưa thiệt đó".

Cậu nghe rồi mừng quá liền nói: "Nếu được như vậy thì thật là may mắn lắm... Từ rày xin cô cho phép tôi xưng với cô bằng anh em cho tiện".

"Tôi bằng lòng".

Thành Trai đọc đến đây lại thấy viết mấy hàng chữ lớn:

"Tấm thân lưu lạc đã mấy năm trời nay, mà chẳng có một ngày nào là tôi không đọc lại khúc này... Dầu đau đớn đắng cay đến thế nào khi đọc tới đây nhớ lại cảnh đêm ấy thì cũng thấy khuây khỏa được vài phần. Minh Đường ơi! Minh Đường ơi! Anh có biết cho tấm lòng em chăng? Anh có biết ngày nay anh ra thế nào chăng? Tuy là

em sống đây, tuy ngày nào em cũng nhớ anh, nhưng thiệt chẳng khác nào em đã chết, em có dám nhìn anh đâu... Anh ơi, anh ơi!"

*

Ngày 12 tháng 4 năm 1915

"Từ ngày tôi đã trao lời với cậu Minh Đường rồi thì tự nhiên tâm tánh tôi thấy đổi khác. Tôi tưởng như tôi đã là người trưởng thành rồi, trong trí chỉ nghĩ tới sự gầy dựng gia đình và chỉ lo ăn ở làm sao cho xứng đáng với cái "tình thương" của cậu.

"Tôi đang ngồi thêu cái khăn choàng, thì con Liễu đem vô một cái thơ, đóng dấu giây thép Cầu Ngang. Tôi lật đật dở ra xem:

Em Kiều Tiên!

"Mấy hôm nay anh bâng khuâng ngơ ngẩn như người mất hồn. Anh chắc là vì nhớ em...

"Anh cũng biết làm trai mà trí đoản như anh thế này là đáng chê, và chắc em đọc thơ em sẽ cười anh, song cái tình thiệt của anh như vậy, anh không thể dối em; em có cười anh cũng cam chịu.

"Làm trai trước nên trọng sự nghiệp, mấy lời vàng ngọc đó của em đã in sâu vào trí của anh rồi, và làm cho anh có đủ nghị lực mà phấn đấu với cái tình trường nhi nữ.

"Anh hứa chắc với em rằng em sẽ không phải hối hận về sự đã trao lời cùng anh, anh xin hết lòng để đền ơn tri ngộ.

"Cho được tỏ chí quả quyết của anh, ngay bây giờ đây anh cho em hay rằng anh đã xin với nhà, để cho anh xuất dương du học, và ba với má anh đều đã bằng lòng. Anh chỉ còn chờ em hồi âm cái thơ này để coi ý em nghĩ sao".

Tôi coi xong thơ rồi lật đật viết trả lời ngay cho cậu.

"Thưa anh,

Tiếp thơ anh, em vừa mừng vừa cảm động. Thiệt là em có phước quá, nên mới gặp được người như anh.

Em rất phục cái chí khí của anh và hết sức tán thành sự anh tính đi ra ngoài du học.

Vậy mới đáng là trai, chớ nếu cứ giữ thói thường: ôm lấy cái hư danh và quanh quẩn trong vòng tình ái, thì thôi còn chi nữa mà mong!

Phải xa cách anh, em đau đớn lòng lắm, song nghĩ tới cái sự nghiệp của anh sau này, thì em chứa chan hy vọng; cái đau đớn kia có kể vào đâu!...

Xin anh cứ an tâm mà đi; một lời đã ước với nhau rồi, dầu cho sông cạn đá mòn, em cũng nguyện một niềm trước sao sau vậy.

Kiều Tiên"

*

Ngày 20 tháng 6 năm 1915

"Lạ lùng quá! Từ khi tôi trả lời thơ cho cậu Minh Đường đến nay, đã hơn hai tháng rồi mà sao chẳng thấy hồi âm. Cậu Minh Đường nay ra thế nào? Có đi học không, hay là không xin được? Mà dẫu đi hay không đi, cũng phải cho tôi hay, chớ có sao lại nín thinh? Hay là chàng đã quên lời hẹn ước? Không, không bao giờ chàng lại như thế!...

"Tôi ngồi chống tay vào gò má, ngó mong ra sân, đang nghĩ ngợi thì em Kiều Nga bước vào đưa xấp nhựt trình và thơ cho tôi. Tôi dở ra thấy hai cái thơ: một cái đóng dấu Marseille, một cái đóng dấu Paris. Tôi mừng quá ôm em Kiều Nga lên hun mấy cái, rồi lựa một bài trong sách Quốc Sử Huấn Mông cho học. Khi em Kiều Nga đem sách đi qua bên phòng học rồi thì tôi xé thơ ra coi:

"Marseille, 16-6-15

Trót hai tháng nay vắng bặt tin tức, chắc là em trông mong và phiền anh lắm.

Khi bước xuống tàu, khi ở trên mặt biển, cho tới nay đang ngồi ở Marseille, không có một lúc nào mà lòng anh không canh cánh về nỗi em ở nhà.

Tội nghiệp, chắc là em buồn lắm! Anh không muốn cho em hay khi anh ra đi, là vì sợ em bịn rịn sụt sùi, làm cho anh phải mủi lòng thối chí.

Nay anh đã đến Marseille rồi, anh còn lo sắm sửa y phục ngự hàn, vài ngày nữa anh sẽ lên Paris. Anh lật đật viết mấy hàng cho em rõ, chừng ở yên chỗ rồi anh sẽ viết dài hơn.

Minh Đường"

Tôi đọc luôn cái thơ thứ hai:

Paris 22-5-15

Em Kiều Tiên,

Anh đã tới Paris bữa hôm qua, hồi 10 giờ sáng.

Một người Việt Nam mới bước chưn lên đất nầy, không thể nào mà không lấy làm lạ lùng, kinh ngạc; đường rộng, nhà lớn, người lúc nào cũng đông, nhứt là các thứ xe cộ, nhộn nhịp suốt ngày, trông thấy mà hoa cả mắt!

Thuở nay tưởng tỉnh Sài Gòn là đẹp, là hơn lắm rồi, vì thường nghe người Tây họ kêu là Viên Ngọc Á Đông.

Nay tới đây mới biết rằng nếu đem Viên Ngọc Á Đông mà so sánh với Paris thì Viên Ngọc chỉ còn là hột cát.

Có một điều này, anh lấy làm lạ nhứt, sao Tây ở Paris này phần nhiều họ lễ phép và cách cử chỉ của họ lịch sự lắm.

Anh mới tới nơi, đang lạ lùng bợ ngợ, thì may sao lại gặp được anh T.L. chỉ dẫn cho mọi điều cần, nên đã kiếm được chỗ ở chỗ ăn rất tử tế.

Chỗ anh ở đây là một nhà tư gia có nền nếp chớ không phải là nhà hàng cơm. Bà chủ nhà góa chồng, người đã lớn tuổi là phước hậu lắm. Bà có một người con gái hiện nay đang dạy học ở trường Đại Học. Số học sanh du học cùng ở nhà này với anh có tới 20 người.

Vậy là anh tạm an được một bề, nói để em mừng. Bây giờ anh chỉ còn lo về việc học mà thôi.

Người thương nhớ em ở ngoài ngàn dặm.

Minh Đường"

*

Ngày 22 tháng 6 năm 1915

Tôi mới thêu xong một cái khăn, tính để làm kỷ niệm. Vừa mở rương bỏ khăn vô, thì thấy má tôi bước vào. Hôm nay sắc mặt má tôi coi vui vẻ kêu tôi mà dạy rằng: "Này con, con hãy nghe má biểu. Bấy lâu má không cho con biết đến việc hôn nhơn của con là vì má không muốn làm cho con phải nghĩ ngợi mà bỏ học. Nay con đã về

nhà, đã được như lời má ước ao, nên má muốn tính bề gia thất cho con cho xong đi, đặng khỏi trái lời cha con đã dặn lại.

"Tôi thất sắc... Má tôi nói tiếp rằng: "Con đừng e lệ chi, chỗ này xứng đáng lắm. Số là lúc còn sanh tiền, cha con có hứa với ông huyện Lê rằng khi thằng Thuần Phong đậu tốt nghiệp rồi thì sẽ cho cưới con. Cha con thương nó lắm, nhưng từ lúc cha con mãn phần đến nay, nó phải ra Hà Nội học, nên không tới hầu mà đặng. Nay nó đậu com– mi rồi, hồi hôm má gặp bà thân nó bên nhà bà phủ Thọ, có nhắc chuyện ấy lại, và tính ngày mai sẽ dắt nó qua đây. Thế là má vui lòng, má chắc vong hồn cha con cũng được thỏa.

"Tôi nghe như sét đánh ngang tai, đứng cúi mặt không biết nói sao. Trái lời mẹ, bỏ lòng cha, thì đạo làm con sao phải? Vả lại đã có lời giao ước cùng nhà trai rồi, có lẽ nào mình nỡ để cho cha mẹ phải chịu tiếng không phải?

"Tôi đang bối rối, chưa kịp nói chi, má tôi tưởng là tôi mắc cỡ nên lại nói tiếp rằng: "Con gái tới tuổi thì lấy chồng, sự thế phải như vậy, can gì mà mắc cỡ con".

"Tôi không phải là mắc cỡ mà thiệt là chết trong lòng; má tôi đâu có biết, và tôi đâu có dám nói ra?

"Nếu má tôi mà biết rằng tôi đã có viết thơ cho trai thì chắc là tôi không còn được ở trong nhà một phút! Ôi, khổ tâm! Cực chẳng đã tôi phải thưa rằng: Thưa má, thiệt tình con chưa muốn xuất giá, con còn muốn ở nhà hầu má cho tới khi em con trưởng thành rồi sẽ hay".

"Má tôi mỉm cười mà rằng: Con nghĩ vậy cũng là phải, song con gái chỉ có một thì mà thôi, má vì thương con, nên mong cho con sớm an phận và má mau có cháu ẵm; nhưng con cứ an lòng, má cũng để chậm chậm năm ba tháng nữa sẽ cho cưới cũng được".

"Má tôi lui ra rồi thì nước mắt tôi cũng theo chơn má tôi tràn ra như mưa. Tôi liền lấy giấy mực viết thơ tạ tình.

"Anh Minh Đường,

Thơ này em viết cho anh đây là viết bằng nước mắt; xa xôi biết anh có thấu nỗi lòng cho em không?

Nghĩ mà thương cho phận, giận cho thân, lại thêm trách ông Xanh kia sao khéo cợt cầu độc địa!

Thôi còn chi nữa mà mong, anh Minh Đường ơi! Em sắp phải lấy chồng rồi! Nghĩ đã đau đớn chưa? Mà không lấy thì không được! Không lẽ em dám cãi lời mẹ, nhứt là lời di ngôn của cha em trong lúc lâm chung. Từ trước tới giờ em có ngờ đâu, nay nghe má em nói thì em mới hay rằng lúc sanh tiền, cha em đã có hứa gả em cho Lê Thuần Phong, con ông Lê Thuần Hậu ở Sa Đéc và trước khi nhắm mắt cha em còn dặn lại hai ba lần. Nay bên nhà trai người ta qua xin cưới, phận em là con, bên tình bên hiếu em biết tính làm sao cho vẹn toàn? Em đã toan một chết cho xong, nhưng còn nỗi mẹ già em dại, biết bỏ cho ai?

Em cực muôn ngàn nỗi mà phải vâng lời kết hôn, song em xin nguyện rằng: Thân này tuy sẽ về tay người khác, mà lòng này thì không khi nào lại chịu lìa anh.

Kiều Tiên"

*

Ngày 23 tháng 6 năm 1915

"Trọn một đêm tôi không nhắm mắt chút nào, trằn trọc hoài, trong lòng ngổn ngang trăm mối.

"Trời sáng đã lâu, bóng nắng chiếu ngang vô cửa sổ, mà tôi vẫn còn nằm, đầu nặng, người mỏi mệt, thần trí vẩn vơ, không thế trở dậy mà cũng không muốn trở dậy.

"Em Kiều Nga vào đứng bên giường tôi ngó tôi mà rằng: "Chị, má biểu ra. Sao chị nằm hoài vậy? Bữa nay nghe nói anh Hai qua phải không chị?". Tôi ôm em tôi hun rồi ráng dậy rửa sơ cái mặt, bới tóc xong dắt em ra. Má tôi thấy liền rầy: "Má biểu con sửa soạn đặng bữa nay có mẹ chồng và chồng của con đến, sao con lại không sửa soạn gì hết vậy; con muốn nằm vạ ai sao? Bộ con muốn làm núng làm níu với mẹ chồng con phải không? Về nhà họ thì chết chớ phải chơi đâu. Làm dâu có phải được như ở nhà với má sao? Ừ, cứ tập ngủ đến tám giờ hãy dậy, rồi để mẹ chồng nấu nước cho mà uống con".

"Tôi đi luôn xuống bếp, thấy mấy đứa ở cười chúm chím với nhau tôi tức mình đỏ mặt... Tám giờ nghe tiếng kèn xe hơi bóp... Con Liễu kêu tôi mà cười: "Chị Hai, xe, xe đến đó rồi... Sao chị không bới đầu tóc lại, để coi không ngộ chị à".

"Tôi nạt nó, biểu nó làm việc. Ai vào thì cứ vào, tôi ngồi cứ ngồi... Ai nói gì thì nói tôi cũng chẳng nghe. Một lát nghe kêu: "Hai, bưng cái hộp trầu lên đây cho má!". Tôi không biết làm thế nào mà tránh đi được, tôi phải vuốt tóc, bới đầu lại rồi bưng hộp trầu lên. Tôi không sợ ai, mà hai chơn cứ lính quýnh. Bước cao bước thấp. Tôi để hộp trầu lên ghế, chào mau như chớp, rồi bước xuống luôn. Hết hồi hộp trong lòng, tôi ngồi nghĩ vừa buồn mà vừa tức cười... Mẹ chồng là ai? Chồng là ai? Tôi không thấy ai hết!".

*

Ngày 20 tháng 8 năm 1915

"Em Kiều Tiên

Nhận được thơ em, anh mừng quá, lật đật dở ra coi thì than ôi, càng coi càng điếng hồn, càng như đứt từng khúc ruột.

Anh vẫn tưởng sự tình cờ khiến cho anh được gặp em là một cái duyên may, chớ có dè đâu đất bằng mà nay bỗng dưng lại nổi sóng!

Đọc hết cái thơ, lòng anh nóng như lửa đốt, đã tính xuống Marseille ngay, để gặp tàu nào thì đáp liền mà về; song nghĩ lại, dầu anh có về cũng không ích gì, mà e khi lại còn thêm rối chuyện: tưởng đâu xa lạ kìa, chớ anh Thuần Phong thì vốn là bạn học với anh; anh thật khó bề xử trí.

Em vâng lời kết hôn là phải lắm, (anh nói đây là nói chí tình, chớ không có ý hờn trách em mà nói cay đâu), vì làm con trước hết phải nhớ ơn sanh thành, không nên trái lời cha mẹ.

Vả lại anh Thuần Phong cũng là con nhà danh giá, có học thức mà tính tình lại dễ thương, sánh duyên với em thật là xứng đôi phải lứa, vậy em không nên buồn.

Thôi, trí anh đang tối, không thể viết được nữa, chỉ mong rằng em hiểu lòng cho anh, và từ nay cứ coi anh như người bạn thiết, vậy là anh mãn nguyện.

Minh Đường"

"Cái thơ trên nầy là thơ cậu Minh Đường hồi âm cho tôi, sau khi đã nhận được thơ tạ tình của tôi gởi cho cậu.

"Tôi vẫn biết cậu người đúng đắn, biết nghĩ. Những lời cậu khuyên tôi, tôi cho là phải lắm; nhưng tự đối với lương tâm, tôi

không sao khỏi hổ thẹn được, vì đã giao ước với Minh Đường rồi, nay lại về với Thuần Phong thì... ôi! Khổ tâm! Khó xử!".

*

Ngày 25 tháng 8 năm 1915

"Tôi buồn rầu ngơ ngẩn như người mất hồn vậy; suốt ngày chỉ khóc thầm nơi vắng, gượng cười chỗ đông. Thấy thì giờ đi mau ngày cưới càng gần, tôi càng tuyệt vọng không biết liệu làm sao... Nghe cậu Minh Đường nói cậu Thuần Phong là người có học mà tánh tốt, nên tôi tính khi gặp cậu thì sẽ đánh liều nói hết sự tình, để may ra cậu có vì cậu Minh Đường mà lo sao cho được ngoài êm trong ấm. Nếu cậu Thuần Phong là người tốt thì có lẽ nào lại không nghĩ tới bạn?"

*

Ngày mồng 3 tháng 9 năm 1915

"Hôm nay là ngày cưới tôi. Hai họ và xóm làng tới đông, ăn uống vui mừng; kẻ ra, người vô, trong nhà tấp nập. Tôi buồn như chết mà phải gắng gượng tươi cười... Tới tối, sau khi tôi đã cất kỹ các thơ từ, và cuốn nhật ký để sau này đưa cho cậu Minh Đường coi, thì thấy trong mình hơi mỏi mệt, tôi liền nằm nghỉ trên cái ghế dài. Nằm được một chút thì chồng tôi ở ngoài bước vô. Tôi vội ngồi dậy, nhưng lạ quá, dậy không nổi, đầu nặng như đá đeo, mà mặt mày thì choáng váng... Chồng tôi bước lại chỗ bàn giấy, ngồi dựa vô bàn, chống tay vào trán, coi ra bộ cũng mỏi mệt. Tôi chỉ thấy có bấy nhiêu rồi thì mê man ngủ đi lúc nào không biết. Khi mở mắt tỉnh dậy, thì thấy chồng tôi nằm gục ở trên vũng máu. Tôi hoảng hồn vùng dậy toan la lên, song trông trong cái kiếng ở tủ áo, thấy áo quần tôi cũng vấy đầy cả máu. Tôi càng kinh sợ, không hiểu ra làm sao. Trong lúc tôi đang lính quýnh hồn vía không còn thì văng vẳng nghe bên tai, như có tiếng kêu mà biểu tôi rằng: *"Kiều Tiên! Không thừa canh khuya đêm vắng này mà trốn đi, thì mai đây tránh sao cho khỏi ngục hình về tội giết chồng?"* Tôi rụng rời té xỉu xuống ghế... Một lát hơi hoàn hồn, tôi lật đật lấy một ít áo quần và thơ từ, nhựt ký bỏ vô một cái va ly, thay bận một bộ độ thường rồi lén ra ngõ sau.

"Thương thay! Canh khuya đường vắng, thân gái dặm trường, lại thêm lòng đang lo sợ về cái án ngờ kia; tôi không biết đi đâu, cứ bước liều, vừa bước, chưn vừa run lập cập.

"Thuần Phong có thù oán chi với ai không? Ai giết Thuần Phong? Giết đâu sao không giết, lại nhè ngay ở nhà tôi, giữa đêm huê chúc mà giết, để lụy đến thân tôi? Chưn tôi thì bước mà trí tôi vẫn suy nghĩ, song nghĩ mà nghĩ không ra. Tôi không biết tính sao, lấy làm đau đớn thất vọng quá, muốn tự tử... Tự tử thì được, nhưng còn cái tiếng là gái giết chồng, làm nhục cho cha mẹ, họ hàng; còn cái thù chồng bị giết là cái nỗi oan của tôi kia thì sao?... Tôi không thể chết được, phải sống đặng minh oan, đặng báo thù chồng, đặng cứu vớt danh dự cho dòng họ.

"Tôi liền lấy những quần áo vấy máu liệng xuống sông rồi cứ theo đường bờ ruộng mà đi lên lối Tân Ngãi. Đi mãi đến lúc gần sáng thì tới một cái nhà nho nhỏ ở giữa cánh đồng. Tôi mệt hết hơi, nhắm bề không thể gì đi được nữa, nên đành phải vào kêu cửa. Một bà già ước chừng 60 tuổi ra mở cửa, thấy tôi thì hỏi: "Cô ở đâu? Có việc chi mà đến đây sớm vậy? Mời cô vào nhà".

"Tôi bước vào thấy trong nhà có một bộ ván nhỏ, một cái giường tre và hai ba cái ghế. Tôi ngồi trên ván ngó quanh, chẳng thấy có ai nữa, trong nhà chỉ có một mình bà già. Bà lấy nước mời tôi uống và hỏi: "Cô đi đâu khuya khoắt một mình vậy?".

"Tôi không đáp mà lại hỏi: "Bà có con cái chi không?".

"– Tôi có một đứa con trai lớn, nay đi ở làm bạn ghe cho nhà giàu. Tôi ở nhà chỉ có một mình mà thôi".

"Tôi mừng quá, nghĩ thầm rằng có thể tạm trú trong cái nhà nầy được, tôi nói với bà già nầy rằng: "Tôi vốn con nhà tử tế nhưng rủi phải mẹ ghẻ độc ác, tôi không thể ở được; tôi tính qua nhà cậu tôi mà ở, nhưng không may đi tới đây thì bị cảm, tôi mệt quá; nếu bà nhủ lòng thương cho tôi ở lại đây ít bữa đặng nghỉ, thì tôi đội ơn bà lắm; tôi không dám bận đến bà đâu. Tôi có đem theo một ít tiền để tiêu dùng, bà đừng sợ phải thiếu thốn".

"Bà già nghe tôi nói vậy thì đem lòng thương mà chịu ngay, chẳng hỏi gì nữa. Tôi liền lấy tiền nhờ bà đi mua cho mấy thước vải đen, để may đỡ ít cặp áo quần, mà mặc theo người quê mùa.

*

Ngày 7 tháng 9 năm 1945

Tám giờ tối. – Bà già nằm trên ván, tôi ngồi trên cái ghế dài mới đóng, đang may áo và nói chuyện. Bỗng nghe chó sủa một tiếng rồi nín, tôi cả kinh hồn vì từ hôm trước đến nay chẳng hề có một ai léo hánh đến. Tôi bước lại cửa dòm thì thấy một người cao lớn gánh một gánh đồ, chăm chỉ đi vào nhà. Con chó vàng nhảy lên nhảy xuống coi bộ mừng rỡ. Tôi chắc là con trai bà già nên bớt sợ. Người ấy để gánh xuống trước cửa, miệng thì hỏi: "Má đi đâu rồi? Con đã về đây". Bà già mừng quá, vùng ngồi dậy nói: "Con đã về đó sao? Gánh giống gì vậy con?".

"Người ấy bước vào thấy tôi thì đứng ngó sững. Bà cười rằng: "Con không biết ai đó sao mà ngó dữ vậy?".

"Người này tác trên ba mươi tuổi, vẻ mặt coi thiệt thà hiền lành; mặc áo vải đen quần vải trắng. Bà già biểu ngồi rồi lại dở thúng coi thì thấy gạo nếp, một miếng thịt bò chừng ba kí lô, và một gói bánh. Người ấy nói: "Bữa nay con xin phép ông Cai về thăm má và nhơn dịp trong nhà có làm tuần, nên bà Cai biểu con đem thịt và bánh về cho má. Cô này ở đâu lại chơi má?" Bà già cười rằng: "Cháu, kêu má bằng dì mà con không biết sao? Em nó ở chơi ít ngày rồi về".

"Người ấy đứng suy nghĩ, ngó tôi rồi lắc đầu: "Nếu phải là cháu má thì sao con lại không biết. Đã mấy mươi năm nay con có thấy ai kêu má bằng dì đâu. Thôi, con biết rồi".

"Tôi nghe nói biết rồi thì tôi kinh hãi mà hỏi: "Anh nói rằng anh biết rồi là biết sự gì đó?".

"– Tôi biết rằng cô ẩn mặt ở đây cho khỏi bị bắt. Tôi biết rằng hiện bây giờ lính kín đang rão cùng các nơi các chốn để tìm bắt cô. Tôi biết rằng cô là con bà Phán ở Thiền Đức. Tôi biết rằng cô tên là Kiều Tiên. Tôi biết mà!".

"Tôi không để cho người ấy nói dứt lời, tôi tiếp hỏi rằng: "Vậy thì anh tính làm gì tôi bây giờ?".

"Bà già đứng sững, con bà nói: "Xin cô chớ lo sợ, má con tôi vốn là người lương thiện, chẳng bao giờ trông làm hại ai. Nhưng tôi chưa biết rõ sự thực hư ra sao, xin cô nói lại đầu đuôi cho tôi biết, đặng tôi coi có thế gì giúp giùm cho cô".

"Tôi liền đem chuyện đã xảy ra, thuật lại cho người ấy nghe rồi nói: "Tôi là con nhà nề nếp, có giáo dục, chẳng bao giờ làm những sự ghê gớm ấy được. Nhưng trong lúc hoảng hốt, tôi chẳng suy nghĩ, vội trốn đi, bây giờ chắc cái tiếng giết chồng đã về tôi phải chịu rồi..., nếu anh cứu tôi lúc này, để sau tôi báo được thù cho chồng tôi thì cái ơn của anh tôi xin ghi lòng tạc dạ".

"Bà già thấy tôi khóc thì bà cũng động lòng mà rằng: "Con à, má chắc là cô không giết chồng đâu, người như vậy không phải là hạng người hung ác; không lẽ nào dám cầm dao mà đâm chồng. Con ráng tính sao mà cứu cô, không thôi tội nghiệp lắm mà. Lập trăm kiển chùa không bằng cứu một mạng người, con nên cẩn thận đừng để lậu chuyện này cho ai biết".

"Người ấy dạ dạ mà rằng: "Má đừng sợ, để thủng thẳng con lo. Thưa cô tôi quê mùa, ăn nói vụng về lắm, nếu có xúc phạm đến cô xin cô chớ chấp. Nay sự đã lỡ ra như vầy rồi, dầu có nói làm sao đi nữa cũng không làm sao được. Bây giờ cô hãy ở đây ẩn mặt ít lâu, công chuyện lần lần rồi sẽ tính. Hôm trước tôi có nghe chủ tôi về than thở mãi, phần thì trách cô, phần thì thương chồng cô... Tuy vậy mà hai cô tôi vẫn không tin chút nào. Hai cô tôi nói cô là người hiền, có học mà con nhà danh giá, tử tế quyết chẳng bao giờ dám giết chồng! Hai cô tôi nghe cô đi đâu mất thì hai cô tôi thương lắm".

"Tôi nghe vậy thì khóc òa... Bà già thấy tôi khóc, bà cũng khóc... Người ấy thở ra...

*

Ngày 25 tháng 9 năm 1915

"Bữa nay anh Hai Dần (tên con trai bà chủ nhà tôi ở) đem về đưa tôi mấy tờ báo, có thuật rõ vụ án mạng đã xảy ra ở nhà tôi. Tôi dở ra mắt chưa coi mà tay đã run, trong lòng hồi hộp. Ráng cầm trí coi hết một lượt; thấy tờ nào cũng đăng bằng chữ thiệt lớn ở ngay trương nhứt, những là *"Gái giết chồng" – "Đàn bà độc ác" – "Con gái khốn nạn" – "Nhà vô phước sanh ra đồ yêu nghiệt" v.v.*.

"Ôi! Thiệt là nhơ nhuốc xấu hổ! Còn chi là danh giá nhà tôi?

"Trong mấy tờ báo tôi coi, chỉ duy có một tờ là đăng việc tôi ở trương thứ ba bằng chữ thường, thuật rõ đầu đuôi và sau rốt có bàn mấy lời như vầy:

"Vụ nầy thật là bí mật! Ai là thủ phạm? Đặt câu hỏi như vậy thì hầu hết đều cho là Kiều Tiên chớ ai?

Chúng tôi không dám hấp tấp mà quả quyết như vậy được, vì có nhiều lẽ: Một là ai có gì Kiều Tiên lại giết T.P? Nếu bảo rằng trước khi cưới chắc T.P. đã có tình nhơn nên không bằng lòng T.P. mà giết chàng đi, thì xét ra không có lý. Nếu K.T. có tình nhơn thì trước khi cưới chỉ có việc trốn phứt đi là xong, cần chi mà phải giết T.P để cho thêm rối chuyện và đeo tội vào mình? Hai là K.T. thuở nay đã có tiếng là con nhà hiền hiếu, có nết na mà lại học thức khá; còn bà Phán Trần sanh ra K.T. thì cả trong quận đều biết là người nhơn đức; một cái gia đình như vậy, không lẽ lại làm cái sự đại ác dường kia?

Trong vụ nầy chắc là T.P. có kẻ thù oán chi, chớ chẳng không. Chúng tôi còn đang dò xét, nếu biết được tin tức gì xin sẽ đăng sau.

TIN SAU CÙNG

Người ta mới vớt được ở dưới sông lên một cái áo cachemir có bông. Đem về cho bà Phán Trần coi thì bà "nhìn là phải áo của K.T. Như vậy có lẽ K.T. đã đâm đầu xuống sông mà tự tử rồi.

"Ôi! Hồng nhan bạc phận thiệt là uổng công cha mẹ, thiệt đời xuân xanh. Thảm thay!"

*

Ngày 28 tháng 9 năm 1915

"Ở tại nhà bà già hơn hai mươi ngày, vẫn được vô sự. Bà thấy tôi siêng năng, dọn dẹp trong nhà rất vẻn vang thì bà càng thương tôi lắm. Hôm nay đang ngồi chơi thì bỗng có một người bước vào... tôi lật đật đi ra sân sau. Người ấy chừng ba mươi tuổi, hỏi bà già rằng: "Nhà bà có nuôi heo không? Tôi muốn mua một con". Bà nói thật rằng không có; người ấy đi quanh ra sau thấy tôi thì chăm chỉ ngó. Tôi bỏ đi vào trong; người ấy ra đi thẳng. Được một lát thì anh Hai Dần chạy về hơ hãi, kêu tôi mà rằng: "Cô phải mau mau đi theo tôi, kẻo lát nữa có người ta đến làm khó dễ cho cô".

"Bà già và tôi biến sắc, anh nói tiếp: "Bây giờ trời đang tối, cô phải đi mau mới được. Tôi thấy người lính kín đi thẳng lại nhà xã trưởng; chắc là để kêu bắt cô, tôi lật đật về đây, có đem theo chiếc ghe để đưa cô đi".

"Tôi nói: Nếu lính kín đến đây nữa mà không có tôi thì sao khỏi khó dễ cho má anh? Vì họ đã thấy tôi rồi".

"– Không sao, tôi đã liệu trước rồi: có con gái quen ở gần bên nhà chủ tôi đi theo tôi, tôi đã dặn nó ở lại đây, và nếu thấy có ai hỏi thì nó sẽ nói chỉ có nó ở nhà này với bà già mà thôi, không có ai khác hết".

"Nói dứt lời thì một người gái cũng trạc tuổi tôi bước vào chào tôi rồi nói với anh Hai Dần: "Mau đi... tôi thấy rộn ràng lắm. Anh hãy dắt cô đi cho mau!".

"Anh Hai Dần thúc hối quá, tôi lật đật bỏ đồ vào va ly từ giã bà già và người con gái ấy. Hai người đều khóc tôi cũng không cầm nước mắt được. Tôi theo anh Hai Dần đi xuống lạch, lần ra sông rồi xuống ghe. Anh đạp ghe ra thì may gặp gió thuận và nước xuôi dòng nên ghe đi mau lắm. Tôi mừng thầm. Ghe lên đến Mỹ Thuận thì đã ba giờ khuya. Anh Hai Dần xách va ly của tôi lên rồi nói rằng: "Bây giờ không sợ gì nữa, nhưng không nên ở đây, để tôi hỏi ghe cho cô quá giang đi Trà Vinh rồi lên Sài Gòn; cô đừng đi xe hơi, e họ biết". Tôi đứng đợi. Anh đi một hồi trở lại thì có một chiếc ghe lớn ghé vô, ảnh đem đồ xuống, rồi từ giã tôi, chúc tôi đi bình an vô sự. Tôi muốn nói cám ơn nhưng mà nước mắt tôi tràn trề, không nói gì được".

*

Ngày 29 tháng 9 năm 1915

"Đến Trà Vinh, tôi không dám vào nhà ngủ vì sợ có người để ý nên phải đi ghe mà vô trong đồng. Tôi đang ngơ ngẩn thì có một ông già bịt khăn ngang, chống gậy đi đến, thấy ông tôi hỏi: "Tôi tính đi Cầu Ngang, nhưng vì trong mình mệt quá, nên muốn tìm chỗ đặng nghỉ một lát rồi sẽ đi".

"Ông ấy ngó tôi một hồi rồi nói: "Thôi cô vô nhà tôi, nhà tôi gần bên kia; nếu có xe chạy ngang qua, tôi sẽ cho trẻ nó kêu ghé lại đặng cô đi"

"Tôi theo ông vào một cái nhà lá rộng lớn, ông kêu bà vợ ông ra nói chuyện với tôi. Hai ông bà rất niềm nở. Tôi muốn ở lại đó nên giả đau. Bà già hỏi: "Cô ở đâu? Nếu cô chưa đi được thì cứ ở lại đây nghỉ, lúc nào khỏe sẽ đi; tôi coi bộ cô mệt mà sắc mặt mét

lắm". Tôi cám ơn. Sau tôi mới biết ông già là ông Hương sư Được; ông rất hiền hậu mà bà Hương cũng nhơn đức lắm. Ở đó được ba ngày, coi ra ông có ý trìu mến tôi, đãi tôi như con, nên tôi cũng hết lòng cung kính ông bà.

"Hôm qua nhơn lúc đêm khuya, người nhà đều ngủ hết, bà Hương nhỏ nhẹ hỏi tôi rằng: "Dì xem dường như cháu có sự gì buồn bực, cháu cứ tỏ thiệt cho dì hay. Dì không con, dì coi cháu cũng như con vậy, cháu đừng e lệ chi".

"Tôi thấy bà thật tình nên tôi khóc mà rằng: "Thưa dì, quả là dì đoán không lầm, cháu buồn về việc nhà lắm. Cháu quê ở Cần Thơ, má cháu mất sớm, mất hồi cháu mới nên mười tuổi, cha cháu cưới vợ bé cũng người trong làng, song rủi gặp người không tốt, hay sanh sự với cháu, và hay xúi giục cha cháu, làm cho cháu thường bị đòn, bị chưởi... Bảy tám năm trời nay, cháu chịu khổ sở nhiều bề, không biết than thở với ai. Nhà cháu cũng có của cải ít nhiều, nên mẹ ghẻ cháu quyết tính bề hại cháu. Hai ba phen cháu tránh khỏi cái chết là nhờ một người vú già, nhưng nay mẹ ghẻ cháu lại sanh tâm ác độc, nói với cha cháu đánh đuổi cháu đi. Cháu không thể kêu ai được, nên đành phải đi xứ người kiếm cách dung thân. Ngày nào cha cháu hồi tâm cháu sẽ trở về. Nay cháu muốn xuống nhà ông Cai tổng Tạ ở Cầu Ngang, vì hôm trước có nghe nói bà Cai tổng cần một người giúp việc trong nhà".

"Bà Hương nghe tôi nói như thế thì sa nước mắt mà rằng: "Nếu vậy thì thiệt là tội nghiệp cho cháu quá. Có thứ đàn bà gì mà độc ác đến thế? Sao họ không sợ trời đất quỉ thần? Ai chớ bà Cai tổng Tạ thì dì biết... Bà rất nhơn đức... Nhưng thôi, cháu cứ ở lại đây với dì ít lâu khi nào cháu muốn về thì về, dì không có ép. Mà nếu cháu muốn qua bên nhà bà Cai thì cũng nên đợi ít ngày nữa, vì lúc này bên nhà bà nhiều việc lắm. Nghe đâu bà muốn mượn một người con gái biết chữ quốc ngữ để đọc truyện cho bà nghe. Cháu có biết chữ không?"

"Thưa dì, cháu cũng có biết chút đỉnh, đọc truyện được".

"Từ ấy tôi ở lại nhà bà hương sư Được; nhưng trong ý tôi chỉ muốn qua Cầu Ngang, thay mặt Minh Đường mà phụng sự hai thân cậu, để cho khỏi sự nghi ngờ sau này".

*

Ngày 30 tháng 9 năm 1915

"Trong làng nhiều người thấy tôi lạ thì đều hỏi bà Hương. Bà đáp rằng tôi là cháu kêu bà bằng dì nhưng bấy lâu nay em gái bà đi lấy chồng xa nên ít về. Tôi thường theo bà ra đồng coi ruộng, cũng lam lũ làm lụng như bà.

"Chiều hôm nay lối bốn giờ, có cái xe hơi ngừng ở trước nhà, bà Hương kêu tôi mà rằng: "Cháu, bà Cai đã lên đó. Hôm qua cháu mới nói với dì thì bữa nay tình cờ bà Cai đến, thật cũng là may". Bà nói chưa dứt lời thì thấy một bà lối bốn mươi lăm, bốn mươi sáu tuổi, người tầm thước, tóc còn đen, mặt còn đẹp, đi với một đứa gái nhỏ bước vào. Tôi đứng bên tủ nhìn bà mà trong lòng sanh ra muôn mối cảm; bà Hương chấp tay xá chào rất cung kính, rồi mới ngồi và hỏi: "Bà đi đâu mà ghé lại đây? Hôm nay nghe nói bên nhà bà có nhiều việc lắm mà. Tôi cũng tính ít bữa nữa sẽ qua hầu bà thăm bà".

"Bà Hương lại bồng con nhỏ hun nó và hỏi: Cháu Ngọc Liên, sao mấy lúc này không qua thăm dì?" Con nhỏ ngước mặt ngó bà mà cười, trông rất dễ thương. Bà Cai nói: "Bữa nay tôi lên nhà ông Tổng Tín có chút việc nhơn tiện ghé thăm chị, vậy chớ anh Hương đâu rồi? Ủa, cháu nào đây, phải con của chị không?"

"Bà Hương kêu tôi bảo lại chào bà Cai mà rằng: "Nó là cháu của tôi, mấy lâu nay đi xa nên ít đến. Nay vì mẹ nó mới qua đời, ba nó cho về ở với tôi. Tôi tính đem nó qua bên nhà bà mà chưa đi được. Còn Minh Đường có gởi thơ về không?" Tôi chào bà Cai và đứng một bên têm trầu. Bà Cai mắt thì ngó tôi mà miệng thì đáp rằng: "Có, nó có gởi thơ về. À, tôi đi ngang nhà dây thép có lấy thơ nó mà chưa xem, cháu có biết chữ không, đọc giùm bức thơ cho dì".

"Tôi tiếp lấy bức thơ, trong lòng bồi hồi cảm động quá, xé ra đọc cho bà nghe.

"Cái thơ cậu Minh Đường viết tuy dài, song ngoài việc học và hỏi thăm việc nhà ra, thì không có chuyện chi lạ.

"Tôi đọc xong thì thấy ở sau thơ có dính theo một tấm hình, tôi lấy ra đưa cho bà Cai mà tay tôi run, trong lòng bùi ngùi... Bà Cai cầm tấm hình xem rồi cười rằng: "Tôi coi bộ nó bây giờ khác trước nhiều... Chị coi nó ra sao? Nó viết thơ về mỗi lần thì mỗi lần tôi vui lắm... Tôi nhớ nó quá, song mình làm mẹ, phải lo cho con nó

nên thân chớ, giữ nó ở nhà với mình ấy là làm hại nó. Tháng trước nhơn giá bạc lên, ba nó gởi cho nó sáu ngàn quan, chắc nó nhận được mà không muốn... Tánh nó kỳ khôi lắm".

"Bà Hương gật đầu: "Tánh nó tôi biết, nó không ưa phá tiền. Coi như con hội đồng Mão kia, mỗi năm tốn hơn mười ngàn mà còn la thiếu hoài... Nó cứ kể tiền sách, tiền thầy, tiền hội, tiền hàng gì không biết mà xin thêm luôn... Chà, Minh Đường bây giờ coi khác há! Hơi mập, miệng lại mỉm cười... Cầu cho nó học mau mau mà về, đi xa thì nhớ, nhưng nói như bà vậy mới phải. Thương con phải lo cho nó bằng thiên hạ.

"Này Ngọc Liên, cháu coi anh cháu ra sao?"

"Ngọc Liên cầm coi rồi kéo tôi lại cửa sổ đưa tấm hình ấy cho tôi... Tôi thấy cậu Minh Đường cười mà nước mắt tôi chảy dài, muốn cầm lại không được. Tôi đau đớn lạ lùng... Em Ngọc Liên thấy tôi chảy nước mắt thì cầm tay tôi, hỏi nho nhỏ rằng: "Sao chị khóc vậy? Má em thấy ai khóc thì má em rầy lắm... À chị, chị về nhà em chơi, em còn hình nhiều lắm".

"Tôi bồng em lên hun trên trán một cái, rồi nói với em rằng: "Chị nhớ nhà nên chị khóc. Em muốn chị về với em sao?"

"Em cười, gật đầu: "Muốn lắm. Chị đọc chữ giỏi lắm, chị về dạy em học với". Tôi càng nghe giọng nói thỏ thẻ của em, thì tôi càng nhớ cậu Minh Đường, càng nhớ cậu Minh Đường tôi lại càng đau đớn cho cái thân tôi... Khi dắt em vào, không biết bà Hương nói với bà Cai chuyện gì mà bà ngó tôi chăm chỉ... Em Ngọc Liên nói với bà rằng: "Má ơi, chị này dễ thương quá, má đem chị về nhà dạy con học nghe không má!".

"Bà Cai lại còn ngó tôi chăm chỉ hơn nữa, bà nói với bà Hương rằng: "Chị nói rằng cháu đây là con mồ côi mẹ phải không? Cháu coi bộ hiền hậu lắm, thôi chị làm ơn để cho cháu qua bên tôi đặng dạy con Ngọc Liên học, tôi đang kiếm mướn một cô giáo mà chưa có".

"Bà Hương nói: "Tôi tính để cháu nó ở đây cho vui, nhưng nếu bà muốn thì tôi xin vâng theo".

"Cháu, vậy cháu hãy sắm sửa đặng về bên nhà bà đây mà dạy cho em nó học..."

"Tôi vâng lời, sắp đặt áo quần vào va ly, từ giã bà Hương rồi theo bà Cai về Cầu Ngang".

*

Ngày 2 tháng 10 năm 1915

"Nhà bà Cai thật là một nhà có nề nếp. Ông Cai cũng một tuổi với bà, nhưng tóc đã điểm bạc. Ai ai cũng kính sợ ông lắm; ông ít nói và nghiêm. Ông thấy bà đem tôi về tỏ chuyện cho ông biết thì ông mừng lắm, khuyên lơn tôi và biểu trẻ dọn phòng cho tôi ở một bên phòng em Ngọc Liên, rồi lấy cái phòng sách của cậu Minh Đường làm phòng học cho em Ngọc Liên...

"Tôi lấy tên là Tiểu Loan, nên trong nhà cứ kêu tôi là cô giáo Loan. Bà Cai thấy tôi mặc áo vải thì rầy, bảo tôi may nhiều hàng mà mặc; nhưng tôi cũng không may. Tôi chỉ mặc mấy cái áo cũ của tôi đem theo mà thôi. Mỗi ngày tôi thường dạy em Ngọc Liên học chữ và học may. Khi rảnh tôi lại đem em ra sau bến chơi, nói chuyện và cắt nghĩa những điều lễ nghi. Em thương tôi và trìu mến tôi lắm. Mỗi một lời nói mỗi một việc làm của tôi đều hạp với ý của bà Cai, nên bà tỏ lòng thương tôi như con.

"Mỗi bữa tôi ngồi trong phòng học, nhìn mấy chồng sách của cậu Minh Đường, ngó tấm hình của cậu Minh Đường thì lòng tôi lại càng thổn thức. Anh Minh Đường ôi! Anh có biết ngày nay em ở trong nhà anh, hết lòng dạy dỗ em anh, hết đạo thờ hai thân của anh không? Anh ơi! Em tuy đã chết rồi, nhưng em không bao giờ đổi lòng, em vẫn yêu quí anh luôn... Cái thơ của anh gởi cho hai thân, em đọc suốt, em mừng cho anh rồi nghĩ lại thương cho phần em quá. Hễ ngày nào anh về thì ngày ấy em lại phải đi, mà có lẽ em đi trước.

"Nhưng trước khi đi báo thù rửa nhục, em phải ở đây để đền ơn tri ngộ cho anh, vì sợ đã đi rồi thì khó mà trở lại được nữa".

"Tôi trông cái hình cậu Minh Đường tôi lại càng nhớ càng tưởng. Có khi ngồi suốt hai ba giờ, tay vẫn cầm mũi kim mà không thêu được đàng chỉ nào cả.

"Em Ngọc Liên rất thông minh, hễ dạy qua một lần thì hiểu liền. Em ít khi ngủ một mình, em thường hay ngủ với tôi, mà không bao giờ rời tôi".

Ngày 4 tháng 1 năm 1916

Sáu giờ tối. – Ba tháng nay không có sự gì lạ đáng chép vào nhựt ký. Em Ngọc Liên đã đọc thông chữ quốc ngữ, đã viết được thơ, đã thêu được chỉ lòng một rồi. Ba tháng có luôn ba bức thư của cậu Minh Đường gởi về. Mỗi bức đều nói về sự học và khuyên bảo em Ngọc Liên. Lần này cậu lại gởi về một tấm hình, coi mặt có vẻ buồn, hai má hơi lóp.

"Tôi đang dắt em Ngọc Liên đi dạo mát ở trước cửa, em Ngọc Liên đang thỏ thẻ nói chuyện thì vùng lấy tay chỉ phía trước mà rằng: "Này chị, có chị Huệ lại chơi kia kìa". Tôi ngó theo ngón tay em thì thấy một cô mặc áo cẩm nhung trắng, trùm khăn màu hường vi cẩm, dù màu hường đang đi tới. Coi gần thì thấy mặt cô hơi vuông, mắt nhỏ, mày thưa, miệng rộng; người chừng lối mười tám, mười chín tuổi... Cô mỉm cười chào tôi, rồi cầm tay em Ngọc Liên hỏi: "Có chuyện chi lạ không em? Sao, mấy lâu nay anh Minh Đường có gởi thơ về không? Ba má có ở nhà không?" Em Ngọc Liên nói: "Anh em gởi thơ về luôn luôn. Ba má em có ở nhà. Chị đi đâu vậy?"

"– Chị lại thăm em chớ đi đâu. Sao đã lâu em không lại nhà chị chơi? Chị không đi học nữa. Bây giờ chị ở nhà. Anh Minh Đường gởi thơ mà có gởi hình về không?"

"– Có gởi, chị muốn coi thì lại nhà, má em đưa cho. Hồi này em mắc học, nên không lại nhà chị được. Cô Huệ nhìn tôi rồi hỏi: "Cô có phải là cô giáo Loan không?" Tôi gật đầu. Cô Huệ lại hỏi tôi học trường nào. Tôi đáp rằng: "Tôi học nhà Trắng ở Cholon và lúc này tôi không học nữa".

"Cô chào tôi rồi đi thẳng. Tôi hỏi em Ngọc Liên rằng: "Cô Huệ con ai vậy? Có bà con gì với em không?" Em đáp rằng: "Chị Huệ là con ông Hội đồng Ngưu ở bên kia. Chị thường hay lại chơi nhà em lắm. Lúc còn anh em ở nhà, hễ mỗi lần nghỉ thì chỉ lại".

"Tôi đứng trông theo cô Huệ mà trong lòng tự nhiên thấy xôn xao, tôi không hiểu vì đâu. Khi trở về thì thấy cô Huệ đang hầu chuyện bà Cai.

"Ông Cai cũng ngồi bên ghế, ông thấy tôi thì nói với cô Huệ rằng: "Đã lâu nay cháu không lại chơi, nên không biết bác mới nuôi

cô giáo này dạy cho con Ngọc Liên học đó. Cháu nên lại chơi thường với cô cho có bạn".

"Cô Huệ thưa· "Cháu mới gặp cô ở trước cửa. Không biết em Ngọc Liên lâu nay học ra sao?"

– "Nó đọc chữ quốc ngữ đã thông và đã viết được thơ thăm anh nó. Chữ nó viết tốt song còn non."

"Em Ngọc Liên chạy vào phòng lấy vở đem cho cô Huệ xem. Cô mỉm cười vò đầu em mà rằng "Mới ba tháng trước chị lại thăm, chưa thấy em học gì hết, nay đã viết được rồi, thật thông minh quá. Để rồi mai chị thưởng cho em một quyển sách hình thật đẹp".

"Bà Cai kêu tôi, chỉ cô Huệ cho tôi mà rằng: "Cháu này là con của ông Hội đồng ở gần đây. Nó học đã giỏi lắm. Nội ở đây không có con gái ai học bằng nó. Cháu nên làm quen cho có bạn".

"Cô Huệ nói với tôi: "Cô ít khi đi đâu nên không biết tôi, tôi về đã một tuần nay rồi, nhưng tôi mắc sắp đặt nhà cửa, chưa kịp lại đây ngay. Cô có rảnh thì cứ lại nhà tôi chơi. Có sách nhiều mà phần nhiều là chữ Tây cả". Bà Cai dạy rằng: "Sách của cháu bằng chữ Tây hết ai mà đọc được. Bác muốn nghe truyện lắm nên hôm trước đã có gởi mua nhiều thứ. Vậy cháu có thứ nào không?"

"– Thưa bác, cháu có mấy bộ truyện Mạnh Lệ Quân, Nhạc Phi và Bắc Tống. Để mai cháu xin đưa cho bác xem. Cô giáo có ưa truyện không? Nếu cô đọc được chữ Tây thì thú lắm, vì văn Tây rất thâm thúy. Tôi có nhiều tiểu thuyết hay như là Attala, Graziella, v.v."

"Tôi giả không biết mà nói rằng: "Tôi có đọc được chút ít chữ Tây, nhưng những thứ sách ấy tôi chưa thấy bao giờ".

"Bà Cai biểu tôi đem cô vào phòng chơi. Tôi phải miễn cưỡng vâng lời.

"Tôi đi cùng cô vào phòng học, cô đứng ngó hình cậu Minh Đường rồi nói: "Té ra phòng khách của cậu Minh Đường nay hóa ra cái phòng riêng của cô rồi sao?".

"Tôi đáp: "Cái phòng này vẫn là phòng của con trai ông Cai, chớ không phải là phòng riêng của tôi. Tôi chỉ mượn đỡ để cho Ngọc Liên ngồi học mà thôi".

"Tôi mời cô Huệ ngồi. Cô cầm bức tranh tôi thêu một cảnh đêm trăng, có chiếc thuyền nhỏ đậu dưới cội trúc, gần bên cái tháp và có đề hai câu:

"Gió đưa cành trúc la đà,
"Tiếng chuông Thiên Mộ, canh gà Thọ Xương".

"Cô xem rồi ngó tôi một cách lạ lùng. Cô hỏi nho nhỏ rằng: "Sao cô biết câu ca dao này? Câu này nguyên tự ở Huế, tôi thường có nghe nhiều người đọc lắm. Vậy cô có đi Huế lần nào chưa?" Tôi lắc đầu đáp rằng: "Tôi chưa đi Huế lần nào, nhưng mỗi khi tôi đọc đến câu ca này thì tôi tưởng tượng ra cái cảnh rất êm đềm. Nay ở không, ít có việc gì làm, nên tôi tính thêu bức tranh này để biếu bà Cai".

"Cô xem từ nét chỉ, từ đường kim, rồi khen rằng: "Cô thêu không thua gì những bức tranh Tàu. Ai dạy cô thế?".

"– Tôi có rước mấy cô giáo về dạy một năm và tôi thường bắt chước cách thêu của Tàu, và có chế biến đi chút đỉnh".

"Tối ấy cô Huệ về, có hẹn đến sáng mai sẽ lại chơi nữa.

*

Ngày 5 tháng 1 năm 1916

Tám giờ rưỡi mai. – "Huệ đem cho em Ngọc Liên một quyển sách hình như lời cô đã hứa hôm qua. Em Ngọc Liên mở xem, nhưng chỉ xem qua một lượt, rồi xếp cất đi. Em lấy vở, lại bàn ngồi tập viết một mình, không nói gì hết!

"Cô Huệ ngó em rồi cười mà nói với tôi: "Em Ngọc Liên lúc này ham học lắm, em có mến cô không?".

– Em mến cô lắm.

– Hôm qua bác gái nói chuyện với tôi, có nhắc chuyện cô và khen cô lắm. Bác cứ biểu tôi qua làm bạn với cô, xem ý trong nhà ai ai cũng thương cô cả.

"Cô nói câu ấy mà hai con mắt ngó ngay vào tôi. Dường như muốn rõ tâm sự tôi. Tôi đáp rằng: "Bà Cai thương tôi là vì tôi mồ côi không có mẹ. Bà vốn có tánh nhơn đức và lại biết rõ cái cảnh đáng thương của tôi, nên đem lòng thương tôi".

– Nếu vậy thì cô mới biết bà Cai đây?

– Phải, mới được ba tháng nay.

– Cô muốn ở luôn đây không? Bà Cai hiền từ lắm, nếu cô ở cho vừa lòng bà thì tất nhiên bà sẽ thương như con, cô không cần phải đi đâu làm gì nữa.

– Tôi cũng muốn ở đây một ít lâu rồi sẽ về với ba tôi. Ba tôi lúc này chưa thương tôi nhưng có lẽ một ngày khác sẽ nghĩ lại mà không bỏ tôi. Nếu bà Cai thương tôi thì tôi rất có phước, nhưng tôi không thể ở lâu đây được.

– Sao vậy? Cô ở được lắm chớ, vì bà Cai có nói rằng cô có người mẹ ghẻ độc ác lắm. Nếu cô trở về, chi cho khỏi lại sanh ra chuyện nọ chuyện kia, khổ cực cho thân cô lắm. Cô đã có nhan sắc, lại thêm bà Cai thương, chắc sẽ lấy được chồng khá.

"Tôi mỉm cười: "Cô nói như vậy cũng phải, nhưng dầu thế nào tôi không bỏ cha tôi được. Nếu một ngày kia cha tôi biết rõ những sự độc ác của mẹ ghẻ tôi thì cha tôi chắc phải thương tôi, vì lúc xưa cha tôi thương má tôi lắm. Ngày ấy tức là ngày tôi được vui vẻ hơn hết; đến như sự chồng con thì tôi chưa gấp gì mà phải lo".

– Nếu vậy thì cô ở đây chỉ là đỡ trong một lúc mà thôi sao?

– Phải, chưa biết ngày nào tôi sẽ đi, vì hễ có thơ gởi đến cho tôi hay rằng cha tôi đã hồi tâm thì tôi trở về liền.

"Cô Huệ ngồi ngó tôi một hồi rồi lại tủ sách mở lấy một quyển xem. Từ hồi nào tôi vẫn chưa hề dám động tới những quyển sách của người yêu, nay thấy cô Huệ lục lại thì tôi gai mắt khó chịu. Cô giở ra từ trương rồi bỗng thấy rớt xuống một mảnh giấy, ở trong đó không biết có viết những gì, mà cô coi rồi mặt biến sắc. Tôi muốn giựt xem song nghĩ không tiện. Cô lật qua lật lại hai ba lần, tỏ ra ý tức giận, hai con mắt cô đỏ ngầu. Tôi hỏi nhỏ cô rằng: "Sao vậy cô? nếu cô đau thì vào phòng nghỉ một lát".

"Cô lắc đầu, gượng cười đáp rằng: "Không, tôi có đau đớn gì đâu".

"Cô xếp mảnh giấy ấy bỏ vào sách, đem cất đi rồi lại ngồi nói chuyện với tôi nữa. Cô hai ba lần như muốn hỏi tôi sự gì nhưng lại nín, coi ra bộ ngần ngại. Khi cô về rồi thì tôi lật đật lấy quyển sách ra coi ở mảnh giấy có viết những chi mà làm cho cô Huệ đến phải động lòng như thế. Coi thì té ra không phải là thơ từ gì, chỉ là mấy câu viết chơi những là:

Người đâu gặp gỡ làm chi?
Trăm năm biết có duyên gì hay không?

*

Từ phen đá biết tuổi vàng,
Tình càng thấm thía, dạ càng ngẩn ngơ!

"Không phải duyên phải kiếp chắc là khó thành vợ thành chồng; ấy là tôi với cô Huệ. Không hiểu sao cô không vừa ý tôi? Tôi không thể thương cô được. Vậy mà đã mấy lần má tôi cứ muốn đi nói. Lần nào tôi cũng kiếm cớ "thoái thác".

Té ra bà Cai muốn cưới cô Huệ cho cậu Minh Đường mà cậu thì không thương cô Huệ.

*

Ngày 8 tháng 1 năm 1916.

Bốn giờ chiều. – "Mấy hôm nay bữa nào cô Huệ cũng lại chơi với tôi, xem ra ý thân mật lắm. Cô cũng đem đồ thêu lại cùng thêu với tôi và thường giải nghĩa chữ tây cho tôi nghe. Cô hay hỏi tôi về thân thế; tôi chỉ lựa lời mà đáp cho qua, chớ không ngỏ một ý kiến gì hết. Nhứt là tôi chỉ than thở về nỗi mẹ ghẻ con chồng, ít gặp được người tử tế.

"Đang nói chuyện bỗng có em Ngọc Liên chạy vào kêu: "Chị giáo, dì Hương sư lên thăm, chị ra cho dì hỏi việc gì đó". Em nói chưa hết lời thì đã thấy bà Hương bước vào. Cô Huệ và tôi đều đứng dậy cả. Bà ngó cô Huệ một cách lãnh đạm rồi hỏi tôi: "Cháu ở đây bấy lâu nay có sự gì lạ không? Hôm qua dì được thơ cháu dì mừng quá. Bà Cai vừa mới nói với dì rằng cháu buồn hoài; bà biểu dì khuyên lơn cháu. Cháu nghĩ sao mà buồn mãi vậy cháu à?".

"Tôi kiếm lời thưa: "Thân cháu ra đến nỗi nầy, dì bảo cháu đừng buồn sao được. Nhưng nay cháu đã nguôi nhiều rồi. Cũng nhờ có cô Hai đây thường hay tới chơi có bạn và nhứt là được ông Cai bà Cai có lòng thương như con".

"Cô Huệ nói: "Dì Hương, mấy lâu nay cháu mắc học nên không đến hầu thăm dì dượng được, xin dì dượng miễn chấp cho cháu. Mấy hôm gặp cô giáo đây cháu vui lòng lắm, vì cháu ưa cái tánh tình của cô".

"Bà Hương ngó tôi mà cười. Bà ngồi vuốt ve em Ngọc Liên một lát rồi ra nói chuyện với bà Cai. Khi cô Huệ về rồi bà Hương kêu tôi ra vườn sau, đứng dưới bóng dừa, nói một cách rất ân cần với tôi rằng: "Cháu ơi, dì thương cháu lắm nên nói cháu biết, cháu phải coi chừng để có ngày cháu ăn năn không kịp. Cháu có biết Huệ không? Nó vốn là một đứa rất sâu độc mà lại muốn Minh Đường lắm, nên hễ thấy bất kỳ ai có nhan sắc mà đến đây, thì nó đều kiếm cách làm nhục. Tuy là ai cũng biết vậy, nhưng người ta không nói ra. Nó khôn xảo lắm cháu à. Nó thấy bà Cai thương cháu, và trong nhà ai ai cũng đều thương cháu thì nó sanh ra lòng ganh ghét rồi; huống gì trăm vẻ nó lại đều thua không bằng cháu. Mà nó càng ganh ghét thì lại càng làm ra cách thân mật, để cho người ta dễ lầm. Ba nó là ông Hội đồng Ngưu muốn gả nó cho Minh Đường lắm, nên thường lên gởi tiền qua cho Minh Đường, mà Minh Đường không nhận. Minh Đường gởi thơ về nói không cần dùng bao nhiêu, tiền nhà cho cũng đủ xài rồi, và nó trả lại một cách hay lắm; nó lấy tiền của ông gởi cho nó mà mua nỉ, mua các thứ đồ tây, rồi gởi về cho ông. Cháu chưa biết con Huệ, vậy cháu phải đề phòng mới được. Nó thấy cháu ở trong phòng sách Minh Đường thì nó tức, sau rồi nó cũng hại cháu".

"Tôi vẫn biết cô Huệ có ẩn tình với Minh Đường, song sự cô ganh ghét ấy, thiệt tôi không nghĩ đến, vì tôi không có ý gì ganh ghét cô ta chút nào. Tôi thưa với bà Hương rằng: "Xin dì cứ an tâm, để mặc cháu liệu cách xử trí. Cháu cũng muốn đi cho khỏi chỗ này trước khi có chuyện, nhưng nghĩ cái ơn nặng của bà Cai cháu chưa trả đặng, nhứt là vì tình quyến luyến của em Liên, nên cháu không nỡ dứt... Cháu rất đội ơn dì đã chỉ điều dại khôn cho cháu; thật dì là một bà mẹ thứ hai của cháu. Dì nghĩ coi, cháu chưa biết cậu Hai con bà Cai mà cô Huệ ganh ghét nỗi gì? Thôi cháu vâng lời dì, lo đề phòng trước là hơn...".

"Bà Hương còn căn dặn tôi hai, ba lần nữa rồi mới về".

*

Ngày 12 tháng 1 năm 1916

"Mấy hôm nay tối nào tôi cũng đọc truyện cho bà Cai nghe đến chín mười giờ mới đi ngủ... Hồi hôm đọc đến mười một giờ... Khi

tôi về phòng thì mệt quá, mà nằm thì lại không ngủ được, đến gần hai giờ khuya vẫn chưa nhắm mắt... Nằm trằn trọc mãi... Trong trí vẩn vơ suy nghĩ những sự đâu đâu. Tôi ngồi dậy lấy nhựt ký ra đọc lại, đọc đến mỗi đoạn là nước mắt tuôn ra như mưa... Tôi lại ráng ngủ, nhưng không sao ngủ được, trong lòng nóng như lửa thiêu... Sáng ngày tôi không dậy nổi, nằm thiêm thiếp... Em Ngọc Liên vào kêu tôi, tôi gắng ngồi dậy, nhưng cái đầu nặng như trái cân. Tôi lại nằm xuống và bảo em rằng: "Hôm nay chị đau đầu quá, vậy thì em ra nghỉ, nhưng đừng đi đâu mà má rầy. Em lấy sách xem tốt hơn là đi chơi".

"Tội nghiệp em Ngọc Liên, em thấy tôi đau thì em bước lại cầm tay tôi và ngó tôi mà khóc. Em mếu máo mà rằng: "Chị đừng đau, chị đau em sợ lắm. Tay chị nóng quá, chị đau làm sao?"

"Tôi gượng cười nói với em: "Chị hơi mệt thôi, không sao đâu, em cứ ra ngoài nghỉ. Má đã đi qua nhà ông hội đồng chưa?".

"Em lắc đầu: "Má mới đi ngoài vườn vô má biểu em đi học. Ba biểu quây xe lên Trà Vinh có việc gì đó không biết".

Em nói rồi chạy ra ngoài, một lát thì ông Cai bà Cai đều vào. Tôi lật đật ngồi dậy, nhưng ông đưa tay biểu nằm và hỏi: "Sao? Cháu đau sao?".

"Tôi thưa: "Thưa, trong mình cháu nóng lắm và nặng đầu. Cháu muốn ngồi dậy thì mặt mày choáng váng, cháu không hiểu vì sao".

"Bà Cai bước lại rờ trán tôi rồi nói với ông rằng: "Ông đi Trà Vinh ghé mời ông Gia Lạc xuống thăm mạch cho cháu và bổ thuốc cho nó uống, nó nóng lắm".

"Ông Cai đi liền. Bà ngồi một bên tôi, khuyên dỗ tôi, dường như một bà mẹ vậy.

"Bà Cai thở ra, lại vuốt trán tôi mà an ủi rằng: "Cháu đừng lo phiền gì hết, nếu cháu có điều gì uất ức, cháu cứ tỏ thiệt. Cháu muốn dì đánh dây thép cho ba cháu không? Cháu nói chỗ ở cho dì biết".

"Tôi thấy cái tình bà đối đãi với tôi như vậy thì tôi muốn đứng ngay dậy mà thưa với bà rằng: "Thưa má con không đau. Mỗi lời của má thật như mỗi chén thuốc bổ cho con, con lành rồi". Tôi muốn nói như thế nhưng nói không được, vì trong mình mệt quá. Tôi muốn

gượng dậy thì bà không cho và lại khuyên rằng: "Cháu nằm yên đừng lo gì hết, cháu phải biết rằng dì và ông Cai đều thương cháu hết lòng. Vợ chồng dì thương con Ngọc Liên bao nhiêu thì cũng thương cháu bấy nhiêu, lại còn muốn thương hơn nữa. Cháu cứ nghỉ cho khỏe và có muốn mời ba cháu qua đây thì dì sẽ cho mời".

"Tôi thưa rằng: "Thưa bà, xin đừng cho ba cháu hay, nếu ba cháu đến thì có lẽ cháu phải chết, vì chứng bịnh của cháu sanh ra là tự ở gia đình. Cháu vâng lời bà, cháu xin tĩnh dưỡng cho mau mạnh, cháu đội ơn ông bà lắm, không biết làm sao mà đền cho được".

"Bà xoay lưng ngó ra ngoài, mà tay bà đưa khăn lên chặm nước mắt, rồi bà kêu em Ngọc Liên lại với tôi.

" Em Ngọc Liên cứ ngó tôi mà khóc. Cô Huệ cũng đến thăm, cô ngồi với tôi gần đến mười hai giờ mà không đi ngủ. Cô hỏi thăm từng chút và khuyên tôi nhiều lời. Hễ tôi ngó cô thì cô kiếm chuyện nói cho tôi khuây lãng. Cô nói hay lắm. Tôi xin cô đi ngủ kẻo mệt, cô không chịu, cứ ngồi mãi, đến khi tôi nằm yên giả ngủ cô mới lui ra".

*

Ngày 14 tháng 1 năm 1916

Chín giờ sáng. – "Tôi nằm mê man... Khi mở mắt ra thì thấy bà Hương ngồi một bên tôi, mặt buồn rã rượi. Bà ngó tôi một cách rất âu yếm. Bà thấy tôi tỉnh thì bà hỏi: "Sao, trong mình cháu ra sao? Uống thuốc vô rồi cháu nằm mê man nói sảng làm cho dì sợ hết hồn".

"Tôi thưa: "Cháu nằm mê man không biết gì cả... Vậy thì dì đến hồi nào?".

"Hồi hôm dì được tin thì dì đi liền. Không biết chừng trưa nay thì dượng cháu cũng lên nữa, cháu ráng quên hết những nỗi buồn đi, thầy thuốc nói vì cháu buồn bực thái quá nên mới sanh ra chứng bịnh này... Lúc cháu mê man cháu có nói sảng nhiều tiếng lạ lùng làm cho con Huệ nó sững sờ...".

"Cháu nói gì vậy, dì nhắc lại cho cháu nghe".

– "Cháu khóc và nói: "Tức lắm, trời ôi! Đó đó... Ghê gớm quá... Cậu Minh Đường ôi!".

Tôi đỏ bừng cả mặt, ngó bà Hương rồi giả đò ngạc nhiên mà rằng: "Sao lại nói cái gì lạ vậy? Có lẽ trong lúc cháu mê, cháu nói bậy bạ".

"Bà Hương gật đầu nói nho nhỏ: "Cháu ráng tĩnh dưỡng cho mau mạnh, kể từ bữa nay, dì ở lại đây với cháu, dì sẽ săn sóc cháu, để khỏi phiền đến cô Huệ. Cháu cứ an lòng".

Mười giờ mai. – "Cô Huệ bưng xúp vào kêu tôi một cách rất ân cần rằng: "Cô giáo, cô hãy dùng nước xúp gà. Ăn một chút xíu thôi để cho khỏe".

"Tôi nói: "Cô hết lòng với tôi, tôi cám ơn cô lắm, nhưng trong mình tôi chỉ mệt mà không đói chút nào. Cô thức khuya quá, bây giờ có dì Hương đây, xin cô hãy đi nghỉ kẻo mệt".

"Cô mỉm cười, kéo ghế ngồi một bên tôi, lấy khăn lau mồ hôi cho tôi rồi nói: "Tôi thương cô lắm nên chỉ trông cho cô mau mạnh. Tôi không mệt, cô đừng lo. Cô dùng một vài muỗng đi...".

"Cô đưa xúp cho tôi, tôi gắng gượng húp vài muỗng rồi để xuống...

"Bà Cai và em Ngọc Liên bước vào... Em chạy lại cầm tay tôi.

"Bà Cai nói: "Tội nghiệp cháu Huệ quá, cháu mới quen biết mà thiệt hết lòng với chị em, ở như vậy mới phải".

"Cô Huệ cúi đầu, mặt hơi bừng đỏ... Tôi cầm tay em Ngọc Liên... Ngó em Ngọc Liên, thấy mặt em tôi bỗng động lòng nhớ em Kiều Nga, nhớ mẹ già đang đau đớn về cảnh nhà ngộ biến... Rồi hai hàng nước mắt tôi tràn ra.

"Bà Cai thấy thì hỏi: "Vì sao mà cháu khóc, vì sao mà cháu buồn? Cháu cứ nói thiệt cho dì biết".

"Tôi thưa: Thưa bà, cháu thấy nội nhà này ai cũng có lòng thương cháu, mà nhứt là bà. Cách bà ân cần săn sóc cháu, thiệt không khác chi là mẹ đối với con. Vì vậy cháu nghĩ nhớ tới má cháu ngày xưa mà mủi lòng rơi lụy".

"Bà Cai, bà Hương đều thở ra".

Mười một giờ mai. – "Ông Cai đi Trà Vinh về, có dắt ông Hương sư Dược xuống. Hai ông bước vào phòng thấy tôi nằm thiêm thiếp thì đều đứng nhìn. Bà Cai nói: "Cháu Loan hay sầu cảm lắm

nên cứ khóc hoài. Cháu vừa mới khóc đó; cháu nói vì cháu thấy nhiều người thương cháu nên cháu động lòng. Tôi khuyên lơn cháu hoài".

"Ông Hương bước lại ngó tôi, tôi mở mắt, vừa mới nói: "Thưa dượng xuống chơi" thì ông đã biểu phải nằm yên, không cho tôi nói, sợ tôi mệt".

*

Ngày 20 tháng 1 năm 1916

"Nhờ trong nhà hết lòng chăm nom và uống mười thang thuốc nên hôm nay tôi đã đi ra vườn được. Ngồi dưới bóng dừa, em Ngọc Liên đọc sách một bên. Ngắm cái cảnh cây cỏ mà tôi ngùi ngùi nhớ nhà: Nhớ mẹ già chắc cũng đang buồn bực, đau đớn như tôi.

"Trong nhà kêu, tôi dắt em Ngọc Liên vào thì bà Cai đưa cho tôi một bức thơ, biểu tôi đọc. Tay tôi cầm thơ chưa kịp đọc thì ông Cai nói: "Đó là thơ của con Lý mà con Ngọc Liên thường nói với cháu đó. Cháu đọc cho dì cháu nghe".

"Mặt tôi xanh như chàm. Tôi đọc:

"Sài Gòn, le 16-1-16

Thưa dì dượng,

Lâu nay cháu mắc công việc nhà đa đoan, vả lại nhơn ba cháu không được mạnh nên cháu ít có thơ thăm dì và dượng, thiệt là cháu lỗi lắm, cháu mong rằng dì và dượng rộng lòng dung thứ cho.

Hôm qua cháu có tiếp được thơ của anh Minh Đường ở bên Tây gởi về. Cháu xem chừng anh cháu lối này học dã hơn trước nhiều lắm. Anh cháu có gởi cái hình về. Mới đi có mấy tháng mà coi người đã khác nhiều. Cháu rất trông mong cho anh cháu học mau thành tài về nước, cho bỏ công của dì và dượng lo cho anh cháu bấy lâu nay. Cháu có xin phép bà cháu, đến kỳ làm tuần cho ông ngoại, cháu sẽ về đặng luôn dịp hầu thăm dì và dượng với chị Ngọc Liên.

Chị Ngọc Liên có đi học không?

Kính thăm dì và dượng cùng nội nhà đều bình an..

VÕ THỊ LÝ"

Bà Cai cười rằng: "Con Lý nó liến lắm. Để nó về đây ở một ít lâu chơi. Ba nó thì hiền lành mà sao sanh nó ra miệng lưỡi quá. Ngọc Liên con có thương em Lý không?".

"Em Ngọc Liên cười. Ông Cai nói: "Nếu vậy thì gần bữa đó biểu dọn dẹp phòng cho nó. Tánh nó khác người ta lắm. Con gái lớn vậy mà không biết dượng huyện, dượng đã hứa gả cho ai chưa?".

"Bà Cai cười rằng: "Tuy nó lớn nhưng mà tánh nó còn con nít lắm, nên ba nó chưa chịu gả cho ai hết. Lại còn điều nữa là gia thế lớn mà má nó thì mất rồi, chỉ có một mình nó, xem trong ngó ngoài; nếu gả nó đi thì trong nhà thiếu người, tôi có khuyên dượng cưới vợ bé, dượng nói để gả chồng cho nó rồi sẽ cưới".

"Tôi về phòng, ngồi suy nghĩ đến cái cảnh tôi. Nếu chị Lý về đây, thấy tôi ở nhà này thì chi cho khỏi tiết lậu chuyện của tôi ra; dẫu chị có thương tôi bao nhiêu đi nữa chắc cũng không sao giấu nhẹm được. Rằm tháng sau chị về, vậy thì còn hơn hai mươi ngày nữa... Chi bằng tôi tính bề đi trước là hơn. Tôi nhứt định đi... Ngó cái cảnh nhà này, nhìn em Ngọc Liên, nhắm hình cậu Minh Đường càng ngậm ngùi đau đớn... Ôi! Ai làm nên nỗi này? Cái thân tôi biết nương dựa vào đâu bây giờ? Lúc xưa quên rằng chị Lý kêu bà Cai bằng dì nên không lo đến, ngày nay nhớ lại thì đã muộn rồi. Bây giờ tính đi đâu? Lên Trà Vinh rồi qua Bến Tre... Ừ, phải kiếm nơi xa xa ở đỡ ít lúc, cho người người đều quên câu chuyện mình đã rồi mới có thể báo thù. Đã nhứt định thế nên tôi xếp áo quần va ly; thơ cậu Minh Đường thì đốt hết, còn quyển nhựt ký thì gởi trước qua Bến Tre...".

*

Ngày 2 tháng 2 năm 1916

"Trước khi ra khỏi cái cảnh nhà mà tôi yêu quí cũng như tôi yêu quí người thương của tôi, thì tôi không sao mà cầm được nước mắt? Muốn thay người thương, hầu hạ hai thân của người cho hết đạo mà không được. Cái cảnh ngộ thiệt éo le! Cái thân tôi, bên hiếu, bên tình đều chẳng ra sao, càng nghĩ càng thêm cay đắng... Tôi ngồi... Đang nghĩ vơ vẩn, thì con đày tớ nhỏ chạy vào kêu tôi qua cho bà Cai hỏi. Tôi bước qua, thấy bà ngó tôi một cách khác ngày thường thì lòng tôi sanh nghi. Tôi ngó bà, bà ngó tôi... Giây lâu bà

nói: "Cháu ơi, cháu ngồi xuống rồi cứ nói thiệt với dì, đừng sợ chi hết. Vậy chớ cháu có thấy đứa nào lấy hai chiếc nhẫn hột xoàn trong hộp của dì không?"

"Tôi ngó sững bà... Nước mắt tôi tràn trề... Miệng tôi nghẹn ngào nói không được. Cái hộp của bà để trong phòng bà, ít ai trong nhà dám rờ đến. Hồi hôm bà biểu tôi lấy đôi vòng đem chùi cho bà thì tôi còn thấy hai chiếc nhẫn ấy mà lúc ấy lối chừng tám giờ tối. Sao bây giờ lại mất; mà hễ bà nói là sự thiệt. Bà không hỏi tôi cách khác, là vì bà có lòng thương tôi, bà sợ tôi thẹn thuồng... Bà thấy tôi không trả lời thì nói nhỏ nhẹ rằng: "Dì không hiểu gì hết. Dì mất hột xoàn này giá chừng mươi ngàn bạc, dì không nói sao, nhưng dì muốn biết sự thật, dì chưa nói với ai hết".

"Tôi bước đến gần bà, lau nước mắt rồi thưa: "Thưa bà, nhứt sanh cháu không bao giờ làm những sự hèn hạ như vậy. Cháu xin thưa rằng cháu chẳng hề biết người nào lấy hai chiếc nhẫn ấy. Khi cháu chùi đôi vàng thì hai chiếc nhẫn ấy còn; còn nằm trong hộp rõ ràng!"

"Bà ngó tôi rồi ngồi suy nghĩ... Bà nói: "Không biết từ hồi hôm đến giờ có đứa nào vô đây không! Thôi cháu về nghỉ để dì nói với ba con Ngọc Liên xét kiếm lại đã...".

"Tôi về đến phòng, trong lòng bứt rứt khó chịu... tôi quì xuống chắp tay vái với Trời Phật, rồi kêu cậu Minh Đường: "Anh ôi! Anh có thấu nỗi khổ lòng của em đến thế này chăng? Anh có tưởng tượng được sự thẹn thuồng, sự đau đớn hôm nay của em chăng? Anh ôi, chắc không bao giờ anh hiểu rõ những nông nỗi này... Em đã quyết đi cho rồi, kẻo lôi thôi nhiều chuyện, em đâu có dè hôm nay xảy ra cớ sự nầy... Còn mười ba ngày nữa thì chị Lý về đến, trong mười ba ngày đây em biết làm sao mà tìm cho ra hai chiếc nhẫn này? Khổ lòng em lắm anh ôi! anh ôi!..." Tôi khóc nức nở... Sao mà oan gia đâu cứ lẽo đẽo theo một bên mình tôi hoài như vậy kìa!...

*

Ngày 2 tháng 2 năm 1916

"Trưa ấy tôi không ăn cơm, mà tôi cũng không đi ra khỏi phòng... Em Ngọc Liên vào, tôi để em ngồi một bên mà hỏi chuyện. Em nói:

"Má em cho xe đi kêu ba em về, không biết có việc gì... Má em cấm đầy tớ không cho đi đâu hết".

"Tôi nghĩ hoài mà không thể đoán ra được đứa nào gian ác như vậy: nó lại lừa khi tôi chùi vàng cho bà Cai mà lấy trộm của bà. Tuy bà thương tôi, nhưng bà có khỏi nghi ngờ cho tôi không? Nếu nay mai gì, tìm chưa ra được nhẫn mà tôi lại trốn đi, thì cái tiếng ăn cắp chắc là tôi phải chịu. Mà cái thế tôi không đi không được!... Nếu ở lại, khi chị Lý về tới rồi, tôi sẽ ra sao? Thiệt là khó liệu!

"Tới chiều, ông Cai về tra hỏi hết thảy đày tớ mà không ra mối gì, ông không hỏi gì tôi; ông nói với bà rằng: "Một mất mười ngờ, một ngờ mười tội; phải để thủng thẳng xem xét lại cho kỹ lưỡng đã...".

*

Ngày 5 tháng 2 năm 1916

"Đã ba hôm rồi mà tìm vẫn chưa ra hai chiếc nhẫn mất. Ông Cai bà Cai cứ im lìm, không nói không rằng:... Ông bà chỉ cho dò xét, chớ không nghi cho một ai... Tuy vậy mà tôi xem ý dường như chung quanh tôi đều là kim chích vào mình tôi cả... Bà Hương xuống, bước vào thấy tôi đang than thở một mình thì bà lại ngồi một bên mà hỏi tôi: "Dì nghe được tin bà Cai mất hai chiếc nhẫn, dì nóng lòng quá, nên đi ngay; ý cháu nghĩ thế nào? Chính dì thì dì buồn bực lắm, vì có cháu ở trong nhà nầy. Dì muốn mướn người dò kiếm cho ra, kẻo mang tiếng, nhưng biết ai mà mướn?".

"Tôi thưa rằng: "Cháu không thể nói sao được; cháu tức tối cho phần cháu lắm, đi đến đâu cũng gặp những chuyện không may! Dì thương cháu thì xin dì cứ tin rằng cháu chẳng bao giờ lại nhúng tay vào những sự nhơ nhớp ấy. Hôm trước cháu chùi vàng cho bà Cai cháu thấy rõ ràng hai chiếc nhẫn ấy còn ở trong hộp. Sáng lại nghe nói mất, cháu lấy làm lạ vô cùng. Cháu muốn hỏi cho ra nhưng khó lắm. Trong đêm ấy có những ai vào phòng bà Cai, cháu đâu có biết. Cháu xin thề với dì rằng nếu tay cháu có cầm tới hai chiếc nhẫn ấy, thì Trời đừng dung cháu".

"Bà Hương sa nước mắt mà rằng: "Chắc là cháu đã bị người ta nghi ngờ rồi, vì cháu có vô phòng, có thấy hai chiếc nhẫn ấy. Bà Cai không nói gì hết, nhưng dì nghe cháu nói sự thể thì dì chết điếng trong ruột. Biết làm sao bây giờ?"

"Tôi chỉ khóc với bà mà thôi...".

"Tuy là tìm chưa ra hai chiếc nhẫn nhưng tôi cũng phải đi... Tội nghiệp tôi quá, nếu ông Cai bà Cai không tin tôi, mà ngờ cho tôi thì tất sẽ cho người theo bắt tôi, như vậy thì còn gì là tôi? Suốt mấy ngày nay tôi khóc hết nước mắt.

"Trời ôi, cái cảnh tôi khốn đốn thế này mà sao trời không cứu tôi, để cho tôi phải chịu không biết bao nhiêu điều oan ức.

"Tôi viết hai bức thư từ tạ, một bức để cho ông Cai bà Cai và một bức để cho ông Hương sư bà Hương sư... trong thơ đại ý nói tại sao tôi phải đi, và tỏ lòng ơn nghĩa.

"Tôi viết thơ vừa xong, thì cô Huệ đến. Bộ cô coi hớn hở. Cô ngó tôi mà rằng: "Sao bữa nay trông cô hư quá vậy, mặt mày xanh hết cả... Có lẽ cô đau mới mạnh mà có chuyện chi không vui lòng nên mới mau hư như vậy.

"Tôi đáp: "Phải, cô đoán rất trúng: Vì vụ mất hai chiếc nhẫn của bà Cai nên tôi lo nghĩ quá mà sanh ra vậy...".

"Cô thở ra mà rằng: "Sự oan ức ở trong đời không phải là ít. Nếu tôi mà đứng vào địa vị cô, phải chịu tiếng ngờ vực như thế thì chắc tôi không sống được. Phải là người có chí kiên nhẫn lắm mới chịu nổi. Tôi ngó thẳng vào mặt cô mà mỉm cười thì thấy cô có ý bối rối.

"Tôi nói: "Chết thì hết chuyện, phải sống, phải chịu nhục trong một lúc mới được. Chịu nhục đặng tìm cho ra cái đứa nó hại mình; có vậy thì mới khỏi mang tiếng; nếu chết ngay thì ai còn biết mình ngay hay là gian. Chắc cô cũng biết, từ xưa đến nay, biết bao nhiêu là người bị oan ức; nhưng cũng không thiếu chi kẻ gian ác tránh không khỏi ngục hình. Kẻ gian thắng trong một lúc, song rốt cuộc thì sau cũng bị, vì kẻ gian cũng như cái bóng tối, hễ có ánh sáng là phải tiêu ngay".

"Cô Huệ thở ra mà rằng: "Cô nói rất phải, không còn ai cãi được, nhưng trong lúc mình chịu nhục, mình cũng đau đớn lắm chớ. Nếu cô buồn thì cô qua bên nhà tôi ở chơi ít ngày".

"Tôi cám ơn mà rằng: "Xin để thủng thẳng, lúc này tôi chưa muốn đi đâu, tôi chỉ muốn khóa chặt mình ở trong phòng mà thôi...".

"Cô Huệ về, tôi qua phòng cậu Minh Đường, khóc với tấm hình cậu một lúc. Khi ấy mới tám giờ tối. Ba giờ khuya, tôi bỏ mấy chiếc vòng, mấy sợi dây chuyền vào cái hộp nhỏ, để vô va ly với áo quần. Còn mười mấy đồng bạc giấy thì tôi bỏ trong túi áo. Tôi nghe trong nhà đã ngủ hết rồi, tôi mới bước qua phòng em Ngọc Liên. Tôi thấy em nằm trên giường, tôi bước lại hôn trên trán em. Tôi ngó sững em, hai hàng nước mắt tôi nhỏ cả vô mặt em, làm cho em giựt mình mở mắt. Em cười rồi ngủ lại.

"Tôi bước qua phòng tôi, đem hai cái thơ đã viết để trên bàn, rồi xách va ly, mở cửa sau mà ra đường. Hôm nay cũng chẳng khác gì hôm trước, trong lòng hồi hộp cũng lo sợ lạ lùng. Hai cái chơn run lặp cặp, bước không muốn được, mà hễ nghe hơi một tiếng chó sủa thì tôi kinh hồn. Tôi đi tuốt ra sông, vừa thấy có một chiếc ghe, tôi kêu ghé lại quá giang mà đi Bến Tre...".

*

Ngày 11 tháng 2 năm 1916

"Qua đến Bến Tre thì vừa bốn giờ chiều. Ghé vào bờ, tôi trả tiền ghe rồi xách va ly lên kêu xe kéo lại nhà dây thép. Tôi vào hỏi lấy gói đồ tôi gởi hôm trước rồi trở ra. Khi ra thì không thấy cái xe kéo đâu nữa. Tôi muốn kêu sơn đầm tìm kiếm, nhưng không biết số xe, và nghĩ lại thân tôi đang còn trốn lánh chưa xong, không dám sanh chuyện".

Thành Trai đọc quyển nhựt ký tới khúc này thì thương tâm quá, ứa nước mắt ra, không sao đọc tiếp được nữa.

Chàng cất tập nhựt ký đi rồi bước ra thì thấy Thiện Tâm và Nguyệt Thanh đang ngồi chơi ở ngoài thềm, chàng biểu bồi làm nước chanh uống, rồi hỏi Nguyệt Thanh: "Sao, cô đã khá chưa?".

Nguyệt Thanh gật đầu, đáp nhỏ nhẹ rằng: "Cám ơn ông. Em đã khá nhiều".

Nhơn đó Thành Trai xin từ giã để mai sáng về Sài Gòn, vì có việc rất cần cấp, không thể ở chơi lâu được nữa.

Sáng hôm sau Thiện Tâm và Nguyệt Thanh ra ga đưa Thành Trai... Khi gần bước lên xe, Thành Trai nói với Thiện Tâm rằng: "Không bao lâu nữa thì ta sẽ gặp nhau ở Sài Gòn... Ông ráng khuyên giải cô Nguyệt Thanh, đừng để cho cô buồn".

Dặn dò Thiện Tâm xong thì chàng chào Nguyệt Thanh rồi lên xe... Xe chạy... Nguyệt Thanh ngó theo, thở ra...

Thành Trai ngồi trên xe ngó lại cảnh Ba Ngòi mà trong lòng càng thêm cảm động.

Ngắm cảnh một lát lâu rồi chàng ngồi xuống, lấy nhựt ký của Nguyệt Thanh ra coi tiếp:

"Nghĩ lại cái thân mình chẳng khác cánh bèo trôi trên biển khổ mà kể còn linh đinh vất vả hơn nhiều; vì còn phải lo sợ trốn tránh, nghe ai nói gì cũng giựt mình thì còn trông chi tìm cho ra cái va ly nữa. Cũng may là quyển nhựt ký đã gởi đi trước, chớ nếu còn để trong va ly thì đã thôi rồi...!

"Tôi đi quanh ra chợ, trong ý muốn kiếm một chỗ để nương thân, nhưng chưa biết nơi nào thì bỗng nghe có tiếng kêu: "Bớ Loan! Cháu Loan à, dì đây!" Tôi giựt mình xây lại thì thấy dì Hương sư... Dì đứng bên cái nhà ngủ, dì lật đật bước lại, nước mắt dì tràn trề...

"Tôi sững sờ một lúc mới mở miệng được. Tôi hỏi: "Làm sao dì biết cháu qua đây mà đi theo?".

Bà nói: "Dì cũng không chắc là cháu qua đây, nhưng vì thầy thông dây thép Cầu Ngang nói cháu gởi sách gì qua bên này nên dì cứ đi kiếm thử. Cháu viết thơ để lại, ông Cai bà Cai coi rồi động lòng thương cháu lắm, mà nhứt là dì đây. Ông Cai bà Cai không hề có nghi cho cháu vì ông là người hiền đức trung hậu. Hồi sáng dì xuống, tình cờ mà gặp chuyện này, dì ngơ ngẩn sững sờ. Dì xin bà Cai đừng kiện cáo chi, để dì đi tìm cháu và xin bảo lãnh cho cháu. Bà Cai dạy rằng: "Chị tưởng tôi nghi ngờ gì cho nó sao? Không, tôi không hề nghi nó lấy của tôi, nhưng tôi nghi về sự khác. Cái sự nghi của tôi không thể nói ra được, vì vậy mà tôi đã nói với ba con Ngọc Liên bỏ qua chuyện mất của đi, và cũng nói đến chuyện nó trốn nữa. Cơ khổ cho nó, không biết nó có tiền bạc gì không mà đi như vậy, rồi nó sẽ làm sao ở dọc đường. Nếu chị thương cháu, thì chị lập tức qua Bến Tre tìm nó và cho nó một ít tiền, hay là chị

kiếm nơi nào gởi gấm nó. Nó đã nói trong thơ rằng vì có chuyện riêng rất quan hệ nên nó phải đi, vậy thì chắc sao nó cũng không trở về đây nữa. Hôm trước nó có gởi sách vở gì đi Bến Tre đó, chắc là bây giờ nó qua lấy, chị hãy đi theo nó".

"Bà nói rồi thì đưa cho dì hai trăm đồng bạc để cho cháu, nhưng dì không lấy".

"Tôi muốn quỳ xuống tạ ơn Trời Phật nhưng ngặt đang ở giữa đàng. Tôi theo bà Hương lên khách sạn. Lên đến nơi tôi ôm bà mà khóc ròng. Mấy lời bà dạy làm tôi cảm động quá. Tôi thưa rằng: "Thưa dì, cháu thật là lỗi lắm, vì không đến hầu thăm dì dượng, lạy dì dượng trước khi đi; cháu sợ dì dượng cản, cháu đi không được. Dì cũng biết rằng cháu tình ngay, và cháu không ngờ rằng lòng bà Cai lại rộng quá như thế. Song dầu không vì chuyện hai chiếc nhẫn, cháu cũng không ở lại được, vì có chuyện riêng buộc cháu phải đi. Nay cháu xin dì trở về nói với bà Cai rằng bụng cháu thì muốn ở nhà bà trọn đời, thờ kính bà hơn mẹ đẻ, nhưng vì sự cực chẳng đã làm cho cháu phải tránh. Một ngày bà sẽ rõ sự thật. Cháu xin dì trở về, cháu đã có tiền xài đây, cháu không dám lãnh của dì đâu".

"Bà ngó tôi mà rằng: "Sao vậy cháu? Dì không hiểu tại lẽ gì mà cháu phải đi, đó là việc riêng của cháu, dì không gạn hỏi làm chi; song dì muốn biết rằng cháu tính đi đâu bây giờ. Đồ đạc của cháu để đâu rồi? Dì không nỡ để cháu phải túng thiếu, và thương cháu về nỗi thân gái, dọc đường".

"Tôi không muốn cho bà biết sự tôi mất va ly, nhưng không thể giấu được; tôi phải tỏ thiệt. Bà liền nói với tôi rằng: "Nếu không có dì qua đây thì cháu tính sao? Thân con gái một mình ở xứ lạ có phải dễ gì đâu. Thôi để dì gởi cháu một chỗ tử tế. Nhà ấy cũng gần đây".

"Tôi thưa rằng: "Được vậy thì cháu đội ơn dì lắm, nhưng cháu xin dì đừng nói cho bà Cai biết; dì cứ nói là tìm không đặng cháu. Sau này có dịp thì cháu sẽ đến tạ tội".

"Bà biểu tôi đi theo bà, lên xe kéo đi quanh ra đàng sau một đỗi thì đến một sở nhà ngói, cất theo lối xưa... Bà gõ cửa. Chó trong nhà sủa; cửa mở ra thì thấy một đứa con gái nhỏ lối mười hai, mười ba tuổi bước ra. Bà Hương hỏi: "Tuyết, có má ở nhà không cháu?".

"Tuyết chấp tay chào bà và tôi rồi thưa: "Thưa có, má con đang ngồi phía sau; mời bác cứ đi vô". Bà Hương cười, nói với tôi: "Đây là nhà bà phủ Phạm. Ổng mất rồi, bà ở đây có một mình với con gái nhỏ bà. Cháu ở đây tiện lắm".

"Vào nhà trong thì bà Phủ lật đật chào mời tử tế. Bà nói: "Cha chả lâu quá! Trót năm nay chị mới qua thăm tôi. Chị làm gì bển mà không đi đâu hết vậy. Lúc này anh Hương có khá không? Nghe nói lóng này lúa được giá lắm phải không chị?".

"Tôi đứng nhìn bà Phủ... Bà tác chừng năm mươi, mặt còn đỏ tươi, con mắt bà sáng, tóc mới có vài ba sợi bạc. Cách điệu của bà rõ ra một bà quan. Bà lại hỏi tiếp: "Còn cháu nào đây?".

"Bà Hương ngồi rồi thủng thẳng đáp rằng: "Nó là cháu kêu tôi bằng dì đó. Mấy lâu nay tôi bận việc quá, nên không rảnh mà qua hầu thăm bà được, nhơn nay tôi muốn đem cháu tôi ở nhờ ở đây ít lâu, vì má nó mới mất, mà ba nó lấy vợ bé độc ác lắm. Nó trốn qua nhà tôi nhưng vì cha nó gay gắt, nên tôi phải đem nó qua đây, xin bà để cho nó ở đỡ".

"Bà Phủ cười mà rằng: "Tưởng là việc gì, chớ việc đó thì được lắm, chị cứ để cháu ở đây. Tôi cũng muốn có một người bằng trang cháu đây ở chung cho vui, nhưng tìm chưa được. Con Tuyết lúc này học khá lắm, tôi tính cho nó đi trường Nữ học đường, mà chỉ hiềm vì tôi ở nhà một mình buồn quá".

"Bà Hương nói: "Cháu tôi đây học cũng khá, nó sẽ chỉ vẽ cho con Tuyết được. Con Tuyết còn nhỏ, cho đi xa cũng khó lòng. Cháu nó còn dại lắm, ở đây nhờ bà dạy dỗ thêm cho. Tôi biết rằng nó có thể ở với bà mà sau này sẽ nên thân được".

"Hai bà nói chuyện với nhau vui vẻ lắm. Tôi lại nói chuyện với em Tuyết. Tối ấy, dùng cơm rồi, bà Hương đưa cho tôi hai trăm đồng, biểu may áo quần mà bận. Tôi từ chối không được nên phải bái lãnh.

"Ối! Biết làm sao mà trả được cái ơn của bà? Hạng người có hảo tâm như thế, thật khó gặp lắm thay! Ngày nào mà tôi được nở mặt mày để đáp ơn bà trong muôn một?".

*

Ngày 12 tháng 2 năm 1916

Sáu giờ sáng. – "Bà Hương về... Bà cầm tay tôi căn dặn rằng: từ nay cháu cứ ở đây, đừng đi đâu nữa, sợ dì không biết đường mà kiếm. Bà Phủ vốn là người tử tế, cháu nên ở với bà cũng như cháu ở với dì vậy. Cháu sẽ dạy cho con Tuyết nó học. Con nhỏ đó cũng dễ thương như con Ngọc Liên, mà cũng lễ phép lắm. Dì sẽ y theo lời cháu mà không nói gì với bà Cai hết".

"Tôi ứa nước mắt, chúc bà được mạnh giỏi để thấy cái ngày vui vẻ của tôi... Xe chạy rồi, tôi trở vào, em Tuyết hỏi tôi: "Chị Hai, chị năm nay bao nhiêu tuổi?".

"Tôi thấy mặt em tròn, mà xinh đẹp, hai má em trắng hồng hồng, coi rất dễ thương; tôi ngồi trên ghế cầm tay em mà đáp rằng: "Chị năm nay được mười tám tuổi. Em học lớp nào?".

– Em học lớp nhì.

– Nếu em muốn học với chị thì chị sẽ dạy cho. Chị lúc trước cũng có học chữ Tây khá...

– Em muốn học lắm chớ! Nếu chị dạy em thì em khỏi đi trường.

Bà Phủ nghe nói vậy thì cười rằng: "Cháu hãy lấy sách biểu em nó đọc coi thử mấy lâu nay nó học ra sao".

"Tôi biểu em đọc sách, rồi từ đó cố ý dạy cho em mau thông...

"Nghĩ sự đời mà buồn cười, té ra không làm cô giáo ở các trường thì lại làm cô giáo ở các nhà tư. Cái số mạng đã ghi cho mình làm nghề dạy trẻ thì dầu tới đâu cũng là dạy trẻ".

*

Ngày 20 tháng 2 năm 1916

"Cái phòng tôi ở trông ra ngoài vườn tôi rất ưng ý. Bữa nào tôi cũng ngồi dựa cửa sổ mà thêu và dạy em Tuyết học. Bà Phủ cũng có ý thương tôi lắm... Ngoài trời mưa lâm râm, cây cỏ đều đeo sầu, cảnh trông rất là thảm đạm: dựa cửa, tay thêu nhưng tâm trí thì để ở đâu đâu. Tôi ngồi bâng khuâng hồi tưởng những chuyện trước của tôi, nhớ tới mẹ, nhớ tới em mà càng đau lòng lưu lạc... Tôi buông cái khăn đang thêu xuống, đứng dậy chống tay vào gò má nhìn ra mấy cành lá gió đưa lã ngọn ở bên ngoài.

"Đang lúc tôi ngơ ngẩn bồi hồi thì bỗng nghe thấy tiếng đờn ai, sao mà não nùng ai oán quá!

"Tôi đứng lặng lóng tai nghe... Càng nghe ruột càng như vò chín khúc... Em Tuyết bước vào thấy tôi đang sờ sững thì em hỏi: "Chị Hai, chị làm gì mà đứng ngẩn ngơ vậy? Chị không ra nghe má em đờn cho vui".

"Té ra bà Phủ đờn hay như thế, tôi thiệt không ngờ. Tôi theo em Tuyết qua phòng bà thấy bà đang ngồi trên bộ ván mà đờn và vẻ mặt coi đăm đăm".

"Thấy tôi vô bà buông đờn xuống, biểu tôi ngồi ở cái ghế gần bên, rồi bà thở ra mà rằng: "Mỗi khi dì buồn thì dì đem đờn ra khảy... Cháu mới đến, cháu chưa biết được cái khổ tâm của dì. Bề ngoài ai cũng nói dì sung sướng, bởi vì dì mỗi năm thâu vào hơn tám chín ngàn giạ lúa; nhưng có ai hiểu cái cảnh trong nhà dì đâu. Cháu ôi, dì thiệt không may nên mới sanh ra một đứa con trai hoang đàng bất hiếu: nó không kể đến lời khuyên dạy của dì, chỉ ham xài phá ăn chơi. Một năm nó về nhà vài lần rồi lại đi mất, chẳng biết nó đi đâu. Cháu nghĩ như dì chỉ có một mình nó là trai thì dầu thế nào dì cũng không bỏ nó được, vì vậy nên nó càng ngày càng lộng. Dì muốn từ nó, không nhìn nó nữa, song nghĩ vì cái danh gia của ba nó khi trước nên dì không nỡ... Mỗi lần dì nghĩ đến cảnh nhà dì như vậy thì dì lại buồn".

"Tôi nghe bà tỏ thật câu chuyện nhà của bà cho tôi biết, tôi rất lấy làm cảm động. Ôi! thiếu niên mà như cậu con trai bà đó thì thiệt là đáng trách.

"Tôi nhơn đó cũng kiếm lời an ủi, để cho bà vui lòng và hỏi bà rằng:

– Vậy thì cậu Hai hiện bây giờ ở đâu?

– Nó đi Hà Nội rồi. Chưa biết chừng nào về, có lẽ ba bốn tháng nữa.

"Bà xoay qua ôm em Tuyết hôn, rồi ngồi nhìn tôi".

*

Ngày 28 tháng 2 năm 1916

Tám giờ mai. – "Em Tuyết đọc sách rồi, dắt tôi qua phòng bà Phủ. Bà thấy tôi vào thì biểu ngồi, rồi bà dạy tôi đờn; tôi vừa nhấn

vài ngón thì có đứa ở chạy vào đưa cho bà một bức thơ. Bà cầm xem rồi nói: "Đây là thơ của thằng con ngỗ nghịch đây. Cháu đọc đi cho dì nghe".

"Tôi vâng lời, xé bao đọc:

"Hanoi, le 15-2-16

Thưa má,

Con tính hôm nay về để hầu má và thăm em Tuyết nhưng rủi mang bịnh, nên phải vào nhà thương. Con biết rằng má giận con và trách con là quân ngỗ nghịch, không kể nhà cửa, không lo làm ăn, cứ nay đi xứ này mai đi xứ kia mãi. Con xin má tha tội cho con, con sẽ ăn năn sửa mình. Con ham đi chơi là vì con có tánh ưa quan sát chỗ này chỗ kia cho biết. Vả nhà ta có tiền, một năm thâu vào được mười mấy ngàn; con có cần gì phải làm: không đi xứ này qua xứ kia để học khôn thì uổng lắm. Thưa má, Hà Nội lóng này lạnh lắm, con bị đau nên phải ở lại ít lâu. Con có đi xem khắp cả, thấy nhiều nơi thiệt là đẹp. Nếu má được ra ngoài này đi coi những cảnh thiên nhiên như vịnh Hạ Long, chùa Hương Tích thì chắc là má sẽ vui lòng lắm.

Qua tháng tư tháng năm con sẽ trở về. Má gởi cho con ít tiền xài và mua thuốc uống. Có gởi thì xin má đề chỗ ở như dưới.

Thôi có bấy nhiêu lời kính thăm má và em Tuyết được mạnh giỏi.

Phạm Nhựt Kỳ chez D Wandich
5, rue des Radeaux, – **Hà Nội"**

"Bà nghe thơ rồi thở ra mà rằng: "Cháu thấy chưa? Đi vài ba tháng xài năm bảy trăm, hết rồi gởi thơ về xin, xin hoài xin mãi! Nếu nó học hành gì hay làm sự chi có ích, thì bao nhiêu dì cũng không tiếc; vì nó lấy tiền đem xài bậy, nên dì tiếc lắm".

"Tôi hỏi: "Vậy thì bà có gởi không?" Bà thở ra, chưa kịp nói, thì em Tuyết đã khóc mà rằng: "Má gởi tiền cho anh Hai xài, kẻo ở Hà Nội mà không có tiền thì chắc là anh con phải cực". Bà Phủ ôm em Tuyết rồi lắc đầu nói với tôi rằng: "Cháu coi tình anh em, nó còn biết thương nhau như vậy, huống gì tình mẹ con. Bỏ thì thương, mang thì nặng, dì không biết tính làm sao".

"Tôi suy nghĩ một lúc rồi thưa rằng: "Sao bà không viết thơ khuyên răn cậu. Cháu thấy lời lẽ trong thơ viết, thì biết rằng cậu cũng có học và là người khôn lanh, chắc còn có thế khuyên răn được".

"– Nó học đã khá, mà vì nó ham chơi, nên thi bằng cấp thành chung rớt. Nó tức mình không học nữa. Bây giờ nó đi hoài, vậy thì cháu nghĩ mà viết thơ giùm dì, biểu nó phải lo thân để cho dì khỏi phiền và gởi cho nó ba trăm đồng, dặn hễ nhận được tiền rồi thì nên thu xếp về ngay".

"Đoạn bà dắt tôi vào một cái phòng bấy lâu vẫn khóa cửa. Phòng này chưng dọn đẹp lắm, hai bên có sách rất nhiều và có lắm bức tranh đẹp. Giữa phòng có để một tấm hình lớn. Tôi thấy cái hình thì giựt mình, ngó sửng. Cái hình ấy giống hệt người mà tôi gặp ở dưới tàu hồi xưa; chính là bạn với người đã nói bậy, bị cậu Minh Đường mắng. Tướng người coi không phải hư hèn, mà sao lại không biết nghe lời mẹ; chắc là chỉ vì những bạn bè làm hư".

*

Ngày 29 tháng 2 năm 1916

Hôm nay tôi viết xong bức thư cho bà Phủ, để gởi cho cậu Phạm Nhựt Kỳ. Thơ như vầy:

"Con ơi,

Má đã được thơ con. Thấy con nói tiền không còn mà lại đau thì má buồn rầu hết sức. Má thường răn dạy con không nghe lời, cứ ham đua chúng bạn, không kể gì tới thân danh về sau này. Má không cấm con giao du, vì má biết rằng sự giao du cũng là cần để cho con học khôn; song con phải lựa bạn mà chơi mới được: chơi với người hay thì mới có ích cho mình; chớ bạ gặp ai cũng bạn, thì chắc là có nhiều sự hại. Đời bây giờ cái thứ bạn trà rượu là thiệt quá nhiều; có tiền thì chúng thân, chừng con nhẹ túi thì chúng trở mặt.

Nhà ta nhờ ông bà cũng có đồng tiền thiệt, song con nói vì có tiền mà không cần lo làm ăn thì con lầm lắm. Con phải nghĩ lại, và phải biết rằng những kẻ vô nghề nghiệp thì ai cũng khinh... Huống chi hiện nay cái phận sự của thiếu niên, phần đối với gia đình, phần đối với xã hội, đang có nhiều công việc cần phải lưu tâm.

Đến sự tiền bạc thì má không bao giờ lại tiếc con, nhưng má không vui lòng là vì thấy con hay xa xỉ, hoang phí, cho chúng ăn rồi chúng cười cho.

Con phải sớm tỉnh ngộ lại mà lo lập thân, vì tuổi một ngày một lớn, không lẽ cứ chơi bời lêu lổng mãi tới già hay sao? Nếu con mà để cho ông bà cha mẹ phải mang xấu vì con thì con thiệt là đứa bất hiếu.

Má nói sơ qua, mong rằng con sẽ hiểu nhiều. Chừng nào con biết ăn năn sửa mình thì má mới an lòng được.

Cùng với thơ này má gởi cho con một cái mandat ba trăm đồng để mua thuốc uống và làm tiền lộ phí mà trở về.

Vái ông bà cho con được mạnh giỏi.

Bà Phủ"

*

Ngày 20 tháng 3 năm 1916.

"Từ hôm tôi viết giùm thơ cho bà Phủ và gởi tiền cho cậu Nhựt Kỳ thì bà lại càng đem lòng thương tôi. Bà ngóng trông tin cậu ngày ngày. Bà và tôi đang nói chuyện thì em Tuyết cầm bức thư bước vào, mặt mày hớn hở. Em thưa với bà rằng: "Có thơ anh Hai gởi về đây má. Chắc là anh đã được thơ má rồi".

"Bà mừng quá, đưa thơ biểu tôi đọc...

"Hà Nội, le 21-3-1916

Thưa má,

Con bất hiếu này là Nhựt Kỳ xin cúi đầu lạy má, tha lỗi cho con. Con biết con là đứa hèn hư, ham theo chúng bạn mà làm cho má phải buồn rầu.

Con đọc mỗi lời trong thơ má thì mỗi thêm tỉnh ngộ ra và lấy làm hối hận vô cùng. Bấy lâu nay thiệt là con lầm, lầm vì gặp chúng bạn không tốt họ cám dỗ.

Xin má tin lời con, từ đây con sẽ ăn năn lo sửa mình để chuộc lại các lỗi xưa và không làm điều chi trái ý má nữa.

Con đã lãnh mandat ba trăm đồng rồi, đáng lẽ con thu xếp trở về ngay, song trong mình chưa được thiệt mạnh, không dám đi

đường bộ, sợ mệt, nên phải chờ tàu, mà kỳ tàu thì một tuần lễ nữa mới có. Nhưng dầu sao thì lối 25 tháng sau con cũng về tới nhà.

Cầu chúc cho má mạnh giỏi và em Tuyết học mau tấn tới.

Nhựt Kỳ"

"Bà Phủ nghe tôi đọc hết cái thơ rồi thì coi bộ vừa mừng, vừa cảm động. Bà cầm tay tôi mà nói rằng: "Nếu lần này mà con của dì chịu sửa đổi tánh nết thì ấy là nhờ công của cháu viết giùm thơ. Dì vẫn tưởng con dì là đứa bỏ rồi, không thể nào dạy được nữa, thế mà chỉ một cái thơ cháu viết, khiến được nó ăn năn chữa lỗi ngay, thật là phước nhà dì đang còn. Vả cháu nói có lý lắm, ai nghe cũng lọt tai".

"Tôi thưa rằng: "Cháu đọc thơ của cậu Hai, cháu biết cậu không phải là người hư, nhưng lâu nay cậu bị chúng bạn làm hại. Nay nghe lời nói phải thì cậu tỉnh ngộ liền. Cậu đã nhớ lại cái địa vị của cậu và cái phận sự của cậu, mà cậu lại là người có bổn lãnh tốt thì cậu biết ăn năn ngay. Thế thì bây giờ cậu bắt đầu ra khỏi cái hang tối tăm mà vào con đường sáng suốt đó".

"Bà Phủ mừng lắm...".

*

Ngày 15 tháng 4 năm 1916

"Em Tuyết học đã khá, em sắp thi bằng cấp sơ học. Tôi hết sức chăm nom cho em; mỗi mỗi tôi đều chỉ vẽ cho em rất kỹ".

"Ngồi cầm sách đọc lại những câu chuyện xưa mà nhớ lúc còn học ở trường... Nhớ bạn, nhớ thầy rồi lần lần nhớ đến nhà, đến em... Nhớ bao nhiêu ngậm ngùi bấy nhiêu... Mấy tháng trời chưa dám nói đến việc gì của mình! Má tôi hôm nay ra thế nào? Em Kiều Nga tôi hôm nay ra thế nào? Mà bên nhà Thuần Phong có kiện cáo gì má tôi chăng...? Ôi! Cái thân tôi là gái, sức không phải mạnh như Hạng Võ, tài trí không phải như Gia Cát Khổng Minh thì làm sao mà gánh vác cho nổi các công việc nặng nề này! Cầm một đạo binh ra trận không khó bằng điều khiển nghị lực mình để chống cự với các sự gian nan, để khám phá cho ra sự bí mật, mà trả thù chồng... Ngày hôm nay ngồi đây mà không rõ tình cảnh của những người thân ra thế nào mới là đau đớn lòng chớ! Đau đớn mà phải bóp

bụng chịu. Cậu Minh Đường học hành ra sao? Em Ngọc Liên có nhớ thương gì tôi chăng? Còn ông Cai bà Cai, ông Hương bà Hương nữa... Mỗi người đều chiếm hết một phần trí nghĩ của tôi.

"Tôi đang ngồi ngơ ngẩn bỗng thấy một người mặc áo quần nỉ đen, đội nón nỉ đen, đứng chấp tay sau lưng, nhìn tôi... Tôi giựt mình. Người ấy là ai, mà làm cho tôi phải kinh khủng đến thế...? Người ấy chính là người tôi gặp dưới tàu hôm xưa, người ấy là người bị cậu Minh Đường mắng hôm xưa đó. Tôi lật đật bỏ bức màn cửa xuống mà tay chơn tôi vẫn còn run. Tôi đang run, đang sợ, đang tức giận thì ở phía ngoài có tiếng bà Phủ nói chuyện với một người lạ. Tôi lóng tai nghe".

"Bà Phủ: "Sao lâu nay cháu không qua chơi, ba má cháu có mạnh không?"

"Người lạ: "Mấy lúc này cháu mắc đi Sài Gòn nên không rảnh. Hôm kia cháu về ba má cháu biểu cháu lên hầu thăm cô; nghe rằng Nhựt Kỳ đi Hà Nội chơi mấy tháng nay phải không cô?".

"Bà Phủ: "Nó đi chưa về, cô mới được thơ của nó hôm trước nói nó còn đau, nằm nhà thương. Vậy cháu mấy lúc này không được thơ của nó sao?"

"Người lạ: "Không biết vì cớ gì mà Nhựt Kỳ lại không gởi thơ cho cháu. Lối này coi bộ cô khá hơn lúc trước nhiều. Sao cô không qua thăm ba má cháu một bữa?"

"Bà Phủ: "Cô mắc nhiều công chuyện quá, cháu à. Phải chi cô rảnh thì cô cũng qua thăm anh chị, nhưng ngặt vì con trai cô đi khỏi mà con gái cô thì nhỏ dại quá, nếu cô đi thì ai coi nhà".

"Người lạ nói hơi nho nhỏ: "Cô nói không ai coi nhà, sao cháu mới thấy có con gái nhà ai trong phòng đó vậy? Có phải con nuôi của cô không?"

"Bà Phủ: "Không! Đó là con người ta gởi. Cháu ở chơi hay về?".

"Người lạ: "Cháu ở ít ngày chơi, vì không mấy khi được dịp qua hầu thăm cô. Mà con gái ai lớn quá vậy cô?"

"Bà Phủ: "Cô đã nói con của người ta, cháu của bà Hương sư Được bên Trà Vinh đó...".

"Tôi biết ngay người lạ ấy tức là người mới đứng ngoài vườn dòm tôi, mà tức là người đã nói nhục tôi ở dưới tàu khi trước. Tôi nhớ lại chuyện cũ tôi lại càng giận, nhưng tôi cắn răng nằm nghĩ. Nghĩ hết sức rồi khóc. Tôi biết rằng tôi cũng không thể ở yên đây được, vì oan gia nghiệp báo ở đâu đã đến đó rồi...".

"Đến giờ ăn cơm, tôi cực chẳng đã phải ra, mà trong lòng tôi không yên chút nào. Vừa bước vào phòng ăn thì tôi đã thấy người ấy ngồi trên ghế gần em Tuyết ngang mặt bà Phủ. Bà thấy tôi thì chỉ người ấy mà nói với tôi: "Đây là cháu kêu dì bằng cô ruột, con của ông Cai tổng Trần ở Rạch Giá tên là Thiện Tâm đó". Tôi cúi mặt chào... Bà lại nói với Thiện Tâm: "Cháu này dạy cho con Tuyết học mấy lâu nay đó".

"Thiện Tâm ngó tôi không nháy mắt, cho đến nỗi quên cầm đũa. Giây lâu cậu hỏi tôi: "Dường như tôi có gặp cô một lần ở đâu thì phải, tôi nhớ mạy mạy! Cô có nhớ không?"

"Tôi đáp một cách nghiêm nghị rằng: "Tôi chưa hề gặp cậu lần nào, có lẽ cậu lầm. Tôi ít khi đi đâu lắm".

"Em Tuyết ngó tôi rồi ngó Thiện Tâm mà coi em có hơi buồn...".

*

Ngày 26 tháng 4 năm 1916

"Em Tuyết thấy tôi buồn rã rượi cả ngày hôm qua thì em cứ ngồi một bên tôi, không chịu rời tôi. Em nói nho nhỏ với tôi rằng: "Em coi bộ chị buồn lắm, mà em cũng biết vì cớ gì chị buồn rồi. Chắc là vì anh Thiện Tâm phải không? Em không thương anh ấy được. Vì ảnh mà anh Hai em bị má em rầy la hoài. Bất kỳ đi đâu ảnh cũng rủ anh Hai em đi; tiêu xài tiền như nước. Thường thường ảnh lên đây ít khi ở lại lắm, vì biết rằng má em không ưa, vậy mà sao bữa nay lại đòi ở lại, rồi cứ đeo theo em mà hỏi thăm chị hoài, em phát ghét. Chị đừng buồn, có má em đó, ảnh không dám chọc ghẹo chị đâu".

"Tôi ngó em, rồi nói với em rằng: "Không phải chị buồn vì có cậu Thiện Tâm ở đây đâu. Chị có sự riêng của chị nên chị phải buồn, cũng như má vậy... Thiện Tâm hỏi em những gì?"

– Hỏi đủ thứ hết, mà em nói không biết, không biết! Hỏi chị ở đây mấy ngày rồi, chừng nào chị về, và chị có biết anh Hai em không? Em có biết gì đâu mà hỏi hoài, hỏi hoài, em rầu quá, nên em không thèm ra ngoài nhà nữa, để coi ảnh hỏi ai cho biết.

– Vậy má đi đâu rồi?

– Bữa nay có ảnh đó nên má em đi vô trong đồng hỏi mấy người tá điền năm nay có làm thêm ruộng không.

– Vậy chừng nào mới về?

– Nhiều khi đi đến hai ba bữa mới về, vì có mấy chỗ xa lắm... Hồi trưa má biểu dọn ghe đó, chị không nghe sao?

– Không. Chị mãi may áo nên không nghe gì hết. Tối nay em ngủ với chị, nghe em.

– Chớ ngủ với ai? Em muốn ở đây chơi với chị và học mấy bài cho thuộc. Chị đọc đích-tê cho em viết rồi sẽ đi ăn cơm.

"Tôi gật đầu, lấy sách đọc cho em viết xong thì đã đỏ đèn... Tôi chấm bài và giải nghĩa cho em nghe, không muốn bước ra ngoài nữa".

Bảy giờ tối. – "Đứa ở vào kêu ra ăn cơm, tôi bực bội muôn phần, đi ra phòng ăn mà dường như ai bắt đi đày vậy. Không phải là tôi sợ gì ai, nhưng hễ tôi thấy mặt kẻ vô liêm sỉ kia thì tôi càng căm tức. Vì nó mà tôi đem lòng thương Minh Đường, vì nó mà tôi ngày nay phải linh đinh trôi nổi... Gặp mặt nó đáng lẽ phải mắng nó, làm cho nó không còn ngó ai được, chắc cũng chưa hả, huống gì lại còn ngồi ăn với nó... Nhưng bây giờ cái cảnh ngộ buộc tôi nín nên tôi đành phải dằn lòng... Tôi dắt em Tuyết vào... Thiện Tâm chào tôi mà miệng chúm chím cười... Tôi lồng gan trên óc song cứ làm thinh mà cúi đầu chào lại.

"Tôi ngồi một bên em Tuyết... Thiện Tâm nói: "Sao cả buổi chiều nay cô không ra ngoài này nói chuyện cho vui mà cứ ngồi trong phòng hoài vậy? Tôi ngồi suy nghĩ mãi, tôi lấy làm lạ quá vì dường như tôi có gặp cô một đôi lần gì mà tôi quên lửng!"

"Em Tuyết nói: "Anh Ba, anh để cho chị em ăn cơm không? Sao mà nói chuyện hoài vậy? Để ăn rồi nói cũng được".

"Thiện Tâm cười rằng: "Em ăn đi, còn anh muốn nói chuyện thì anh cứ nói chớ... Em nhiều chuyện quá... Cô giáo, cô nhớ lại coi mà. Cô có gặp tôi lần nào không?"

"Tôi lắc đầu, đáp rằng: "Không, tôi không có gặp cậu lần nào hết... Tôi ở trong đồng, ít khi đi đâu gặp cậu sao được? Em Tuyết, ăn đi em, má gần về rồi phải không?"

"Em cầm đũa gắp nem, mà miệng thì nói nhỏ rằng: "Má gần về rồi, ăn cho mau đi chị... Em nhức đầu quá, rồi chị đem vô phòng nằm nghỉ, nghe chị".

"Thiện Tâm gạt ngang rằng: "Em phá đám hoài, để cô giáo ngồi ăn cho anh hỏi chuyện một chút mà. Đã mười hai mười ba tuổi, lớn sầm sầm gần có chồng rồi mà còn núng níu làm như tuồng trẻ nít mới nên ba. Có thằng Hai ở nhà nó đánh chết... Cô giáo, nếu vậy thì cô không gặp tôi lần nào sao? Cô nói cô ở trong đồng vậy chớ cô học ở đâu?"

"Em Tuyết giận, mà nói: "Anh này kỳ quá! Phải chi bà con anh em trong nhà thì anh muốn hỏi bao nhiêu thì hỏi, chớ người lạ mà anh hỏi hoài như vậy coi chướng lắm".

"Thiện Tâm cười lớn rồi nói nhỏ nhỏ rằng: "Thôi đi em, đừng có cổ lão quá! Cô giáo cũng là bà con ở trong nhà chớ xa lạ gì sao mà em nói vậy; em làm cho anh phiền quá. Anh muốn hỏi cho biết thì có hại gì".

"Em Tuyết nói: "Thôi, anh muốn hỏi gì thì hỏi, anh đã không biết sợ mích lòng thì thôi, em là em út, em không dám nói nữa".

"Em nói rồi chảy nước mắt, ăn không được... Thiện Tâm dỗ rằng: "Thôi, em đừng khóc làm gì, anh không nói gì nữa đâu. Em hãy ăn cho rồi, đừng ngồi khóc vậy mà nhịn đói đó!"

"Tôi biểu em ăn, em đứng dậy đi ra ngoài... Tôi cũng muốn đứng dậy đi, nhưng coi kỳ cục lắm, nên phải ép bụng ngồi lại... Em thấy tôi không đi thì em kêu: "Chị Giáo, chị vô xức dầu giùm cho em một chút, em đau đầu lắm".

"Tôi liền đứng dậy, Thiện Tâm nói: "Té ra cô cũng giận tôi sao? Tôi có xúc phạm gì đến cô mà cô giận tôi".

"Tôi nói: "Tôi có giận cậu đâu, chỉ vì em Tuyết nhức đầu nên tôi phải đem em vô nằm. Cậu cứ việc dùng cơm".

"Tôi đi thẳng về phòng thấy em Tuyết đã nằm trên giường. Em kéo tay tôi mà rằng: "Em không muốn chị ngồi ăn với ảnh vì em sợ sanh chuyện mà chị cũng không ăn được. Vậy chị có đói bụng không?"

"Tôi lắc đầu nói với em rằng: "Chị không đói bụng chút nào, chị no từ hồi chiều rồi. Còn em, em không ăn, em có ngủ được không?".

– Được, mà nếu khuya đói thì đốt đèn săng (essence) nấu nước khuấy sữa uống. Sao em nghe anh Thiện Tâm nói với chị mà em ghét quá. Chị có ghét không?

– Anh của em sao em lại không thương?

– Anh mà hoang đàng lắm. Cậu mợ em cưng ảnh nên ảnh xài tiền như nước. Ảnh lại rủ anh Hai em đi chơi hoài. Má em nói vì ảnh mà anh Hai em không biết nghe lời má em, làm cho má em buồn, em thương anh Hai em lắm, vậy nên mỗi khi anh Hai em đi với ảnh về mà bị má em rầy thì em tức ảnh lắm.

– Thôi, em đừng giận nữa... Anh Hai em bây giờ cũng đã đổi tánh rồi, em nghe thơ hôm trước đó thì đủ biết rằng không phải anh Hai em hư, Giận làm gì cho mệt.

"Em Tuyết tuy còn nhỏ tuổi nhưng hay cảm xúc và nhứt là em rất sáng trí nên hễ bất kỳ ai nói gì em cũng hiểu ý hết.

*

Ngày 27 tháng 4 năm 1916

Bốn giờ chiều. – "Bà Phủ chưa về. Tôi buồn không muốn ngồi trong nhà nên ra vườn chơi. Em Tuyết đi mua giấy... Tôi ngồi dưới gốc cây liễu, trên đám cỏ xanh, nhìn phong cảnh. Tôi ngắm cảnh, trí đang nghĩ vẩn vơ thì nghe có tiếng giầy ai đi đến. Tôi giựt mình đứng dậy, xoay lại thì thấy Thiện Tâm. Thiện Tâm cầm đóa hoa tường vi nơi tay, miệng chúm chím cười, chào tôi mà rằng: "Sao tôi xem sắc diện cô không được vui vậy? Hay là cô thấy có tôi trong nhà nên cô không muốn ở trỏng chăng? Tôi cũng là người nhà, có sao đâu mà cô e lệ... Hồi hôm tới bây giờ, tôi chỉ đợi cô Phủ tôi về đặng chào rồi đi".

"Tôi đáp rằng: "Không vui là vì tôi có sự buồn riêng chớ không phải tôi e lệ gì đâu".

– Nếu vậy thì cô không giận tôi há?... Tôi nói thiệt với cô rằng từ hôm tôi được thấy cô đến nay, chẳng giờ nào phút nào mà tôi quên cô được. Tôi chỉ mơ tưởng... Mơ tưởng nhiều sự êm ái lạ lùng! Nếu cô mà cũng có một đôi chút mơ tưởng như tôi thì thật là may cho tôi lắm.

"Tôi đỏ cả mặt, nói một cách nghiêm chánh rằng: "Xin cậu đừng nói vậy mà người ta cười: tôi là phận gái, lại ở trong nhà cô của cậu, vậy thì đáng lẽ cậu phải e dè một chút để cho cậu khỏi mang tiếng mới phải cho, có lý nào cậu lại dùng lời bướm ong như thế? Tôi xin cậu đừng nói nữa mà làm cho tôi phải thất lễ"...

"Thiện Tâm cười cách mơn trớn rằng: "Cô nói vậy thì tôi thất vọng lắm; dầu cô ở đâu mặc lòng, tôi không có thể dằn cái tình thương xuống được. Xin cô nghĩ lại"...

"Tôi bước trái qua một bên mà nói: "Cậu muốn nói gì thì nói trong nhà, cậu ra đây rủi bọn đầy tớ nó thấy thì còn gì là danh giá, còn gì là gia pháp? Cậu tránh cho tôi đi!"

"Thiện Tâm bước lại miệng thì nói: "Cô để cho tôi phân hết lời đã", tay thì chụp tôi... Tôi xô ra, mà cậu cầm hai tay tôi chặt quá... Tôi nói: "Nếu cậu không buông tôi ra thì tôi la lớn, cậu có chịu buông tôi không?".

"Thiện Tâm cười rằng: Tôi thương cô lắm. Cô muốn gì thì muốn, tôi sẽ sắm xe hơi cho cô, tôi sẽ sắm hột xoàn cho cô... Xin cô đừng từ chối".

"Tôi nói: "Thì cậu buông tôi ra đã, rồi sẽ hay, cậu làm bức tôi thà tôi chết chớ tôi không chịu nhục đâu!".

"Tôi liền thừa khi Thiện Tâm nới tay, vùng chạy thẳng vào nhà rồi nằm lăn trên giường mà khóc.

"Tôi suy nghĩ... Cái thù chồng, thù nhà chưa trả được mà nay lại thêm một cái thù này nữa thì phải tính làm sao? Không lẽ vì một cái thù này mà bỏ thù trước là cái thù cốt yếu của tôi. Tôi phải trả thù, tôi phải rửa nhục, vậy thì đối với Thiện Tâm tôi phải làm sao? Tôi phải làm sao cho nó đau đớn, ê chề, tôi phải làm cho nó

không còn mở mặt được nữa, tôi sẽ làm cho bất kỳ ai, cha mẹ anh em bè bạn, hễ thấy nó thì phải tránh xa... phải thị nó như là con thú vật!... Ừ phải làm như vậy! Tôi liền viết một bức thơ để lại cho bà Phủ, rồi định đến khuya thì đi Sài Gòn...

"Viết xong thơ thì em Tuyết về. Em thấy tôi ngồi sửng mà hai con mắt đỏ thì em hỏi: "Chị khóc phải không chị? Chắc là có việc xảy ra ở nhà phải không?".

"Tôi ôm em hun mà rằng: "Không có việc gì hết. Sao má đi lâu quá vậy em?"

"Em lắc đầu mà rằng: "Không biết vì sao bữa nay chưa về... Chắc khuya mới về...".

Mười giờ tối. – Em Tuyết ngủ rồi, tôi cầm bức thơ đã viết mà đọc đi đọc lại.

"Thưa bà,

"Cháu nghĩ cái thân cháu gặp rất nhiều cảnh khổ, nín cũng đau lòng, nói càng thêm hổ. Cháu không muốn nói gì hết, cháu chỉ xin bà xét cách ăn ở của cháu mấy lâu nay mà đừng trách phiền gì cháu thì cháu rất đội ơn. Bà là một người rất tử tế, đã đem lòng thương cháu thì cháu chẳng bao giờ muốn làm cho bà phải nhọc lòng, nhưng sự này là sự cực chẳng đã. Cháu không thể ở lâu đây được... Cháu xin từ giã bà và em Tuyết mà đi lánh mình một nơi; ngày nào cháu có thể về hầu thăm bà được thì cháu sẽ về... Vì sao mà cháu phải đi, vì sao mà cháu không ở đây được, xin bà hỏi cậu Thiện Tâm thì rõ. Nếu một ngày kia dì Hương cháu có qua hỏi cháu thì bà cứ đưa cái thơ này cho dì cháu xem... Cháu xin kính chúc bà được vạn an, mong cậu Nhựt Kỳ mau sửa đổi tánh nết, và em Tuyết học hành tấn tới luôn luôn.

TIỂU LOAN"

*

Ngày 28 tháng 4 năm 1916

Ba giờ khuya. – "Tôi không ngủ được chút nào! Tôi ngồi ngó em Tuyết mà khóc hoài, khóc hết nước mắt. Khóc cái cảnh khổ, khóc cái thân khổ, khóc cái đời khổ. Vì cớ nào mà cái thân tôi không khi nào yên ổn được kìa? Tôi chống tay vào gò má, ngó mấy cái giỏ mây

đựng áo quần mà càng thêm ngao ngán... Không biết ra khỏi nhà này rồi còn gặp chuyện gì nữa! Chắc là con đàng tôi đi đầy cả chông gai nên mỗi bước tôi đều mỗi bị vướng vấp. Ôi, có chông gai hay là có nguy hiểm gì đi nữa, tôi cũng không nề... Miễn sao tôi trả thù rửa nhục được thì thôi! Tôi liền rửa mặt, thay đổi áo quần, xách va ly ra kêu xe kéo lên bến đò đợi xe hơi... Xe chạy qua mấy quãng đồng mông quạnh; một tiếng chó sủa cũng đủ làm cho tôi giựt mình...".

Sáu giờ sáng. – "Xe hơi đến, tôi leo lên ngồi gần một người đàn bà trạc gần bốn mươi tuổi, mắt nhỏ, miệng hơi rộng, đầu trùm khăn cẩm nhung trắng, mặc áo quần đen, đeo dây chuyền nhận hột xoàn... Cô ấy thấy tôi thì chào và hỏi: "Cô cũng lên Sài Gòn sao?".

"Tôi đáp rằng: "Phải, tôi đi Sài Gòn thăm bà con".

"... Xe chạy... chạy rất mau, hai bên họ nói chuyện nghe ồn ào quá... Tôi ngồi ngó mong ra ngoài... Xe chạy đến Mỹ Tho, cô ấy lại hỏi tôi: "Cô thăm bà con ở Sài Gòn hay là Gia Định?"

"Tôi đáp rằng: "Ở Sài Gòn". Tôi lại im, không nói gì nữa... Mọi người ngồi trên xe đều ngó tôi chăm chú lắm, trong lòng tôi bấy giờ rối như tơ vò, có rảnh đâu mà nói chuyện được. Hễ mở miệng thì nước mắt muốn tuôn ra liền!

Ba giờ chiều. – Xe hơi đến Sài Gòn, xe kéo chạy đến bu quanh để lãnh đồ, nhưng tôi chưa biết tính đi đâu nên còn ngập ngừng. Trong bụng tôi tính đi xa. Nhưng bây giờ phải ở đỡ đâu một hôm đã, rồi mai sẽ ra xe lửa. Tôi đang ngập ngừng thì cô ngồi gần tôi đã leo lên xe kéo rồi mà còn biểu đứng lại hỏi tôi: "Cô muốn đi đâu thì biểu xe kéo nó kéo đi, hay là cô ngại gì thì về nhà tôi nghỉ chơi, rồi tôi sẽ đem cô đi. Có lẽ cô mới lên Sài Gòn lần này là lần thứ nhứt thì phải?".

"Tôi cám ơn cô rằng: "Quả vậy, nếu cô có lòng tốt thì nhờ cô chỉ đường và đem tôi đi".

"Tôi biểu xe kéo theo cô về một căn nhà rất rộng rãi ở đàng Legrand de la Liraye.

"Nhà chưng dọn đẹp đẽ, có giường ruột gà, có tủ sắt, có nhiều bức tranh tàu... Căn nhà ấy thông qua một căn nữa... Hai ba đứa gái nhỏ và một bà già xúm lại dẹp đồ cho cô, và bưng nước cho cô rửa tay rửa mặt. Cô biểu một đứa cất va ly tôi và đem thau nước cho tôi.

"Cô vui cười hớn hở... Cô nói: "Tội nghiệp quá, mới lên Sài Gòn lần đầu mà sao cô không nói với tôi trước. May không thôi chút nữa tôi đi rồi thì sao. Khó lắm, đờn bà con gái mà đi một mình ở đất này khó lắm. Vậy cô tìm ai ở đâu?".

"Bây giờ mới thật là khó, tôi không thể nói sao được, đứng ngó cô giây lâu rồi hỏi: "Vậy chớ cô ở đây một mình hay là có ai? Chắc là có thầy nữa chớ".

"Cô cười mà rằng: "Tôi không nói giấu gì cô, tôi không chồng con gì hết... ba đứa nhỏ này là em tôi và bà già kia là người ở. Tôi ở đây một mình mà thôi...".

"Tôi nghe cô nói thì lấy làm ngờ cái phẩm giá của cô và lấy làm lo cho tôi... Tôi ngó cô chăm chỉ... Cô hỏi: "Chắc cô lấy làm lạ phải không? Ở Sài Gòn nầy, sự ở một mình không lạ gì... Tôi vì có ba đứa em gái nhỏ và hai đứa em trai đang học trong trường Chasseloup; trong nhà tiêu xài lớn lắm nên tôi không thể đi lấy chồng được. Lấy chồng biết chồng có nuôi cho em mình ăn học được không? Tôi phải ở vậy để nuôi em cho khôn lớn. Cái thân tôi hư rồi, tôi không kể, chỉ trông sao cho bầy em tôi nên, là tôi được vui lòng. Nếu cô có sự gì thì cô cứ nói, tôi thật tình...".

"Bộ cô nói cười, xem ra không có ý lo lắng gì hết, mà mặt cô cứ tươi như hoa... Cô cởi dây chuyền, mở áo ngoài rồi dắt tôi qua bên phòng kia... Phòng này chưng dọn cũng sang trọng, nhưng chỉ có giường mùng, tủ đựng áo quần, một bộ sa lông rất đẹp và bốn năm cây đờn... Cô nói nhỏ với tôi: "Phòng này là phòng của mấy em tôi, phòng kia là phòng của tôi: tôi sợ mấy đứa nhỏ nó nghe nhiều tiếng bất nhã sau hư thân, nên tôi mới phân biệt như vầy... Hai đứa em trai tôi ít về lắm, chỉ chiều thứ bảy đến chiều chúa nhựt mà thôi. Vậy thì cô nghỉ bên phòng này, cô đừng ngại gì hết... Khi nào cô muốn đi tìm bà con tôi sẽ dẫn đi...".

"Tôi đứng nhìn mấy cái hình nho nhỏ trên bàn, biết mình đã đi vào một chỗ ô trược, nhưng lỡ sự đã rồi, chưa biết tính sao... Tôi nói: "Tôi chưa gấp tìm bà con ở đây, vì tôi còn phải đi Phan Thiết... Vậy thì tôi xin nghỉ đây một bữa, mai sẽ đi cho sớm. Tôi cám ơn cô lắm...".

"Cô ngồi trên ghế dài, dựa vào cái gối nhung ngó ngay vào mặt tôi. Tôi xoay qua ngó mấy tấm hình... Có lẽ cô thấy mặt tôi buồn lắm, hay là con mắt tôi đỏ lắm nên cô nói: "Cô có chuyện gì buồn lắm sao mà coi bộ cô không được tươi; hay là cô vào nhà tôi, nghe tôi nói chuyện tôi mà cô giựt mình? Tôi quả là người hư, nhưng lòng tôi vẫn trong sạch; tôi đã từng trải sự cực khổ nên tôi hay thương người, giúp người, bất kỳ ai cũng vậy. Tôi không giàu có nhưng nhờ người giàu có mà tôi khá nên có thể giúp ai được chừng nào, là tôi giúp chừng nấy... Cô còn nhỏ, tới chỗ xa lạ thì lo ngại, đó là lẽ tự nhiên. Tôi không có lòng quyến rũ gì cô đâu mà cô sợ; tôi muốn cho những người tốt cứ tốt. Thân tôi hư tôi cũng hổ lắm chớ; nhưng vì cảnh ngộ bắt buộc nên tôi phải ép lòng nuôi bầy em cho khôn lớn không phải là dễ gì, nhiều người đờn ông cũng không đương nổi. Hễ gánh nổi em thì cái thân phải khổ... Cô cứ nghỉ đây năm ba ngày rồi sẽ đi; cô có sợ mang tiếng thì đừng ra khỏi cửa".

"Tôi không biết nói làm sao, phải cám ơn cô rằng: "Cô nói bấy nhiêu lời tôi hiểu rồi... Tôi chỉ biết tôi đã vào nhà một người có hảo tâm mà thôi, còn ngoài ra tôi không kể gì hết. Cô chịu bán cái đời cô để mà nuôi em, thật là một sự ít có".

"Cô chỉ giường cho tôi nằm nghỉ rồi ra ngoài".

*

Ngày 30 tháng 4 năm 1916

"Tôi ở nhà cô Tư Xuân mấy ngày, chưa đi đâu cả, vì bị nóng lạnh. Thiệt như lời đã nói, cô Tư không muốn cho tôi mang tiếng, nên bất kỳ có ai đến hỏi cô sự gì về tôi thì cô đều gạt đi hết... Cô nói tôi là con một nhà thế gia ở trong xứ cô, tưởng cô lên Sài Gòn lấy chồng tử tế nên mới lợi nhà cô mà ở chơi. Cô lại ít tiếp ai ở trong nhà, cô cứ đi xe hơi mà thôi... Vì thế mà cũng không ai nói gì đến tôi. Tôi buồn thì xem mấy quyển sách và xem mấy đứa nhỏ học, suốt ngày tôi cứ ở trong nhà. Hôm qua cô có mời tôi đi xem hát, nhưng sau lại không đi nữa là vì cô sợ người ta thấy tôi đi với cô thì mang tiếng cho tôi. Cô khôn ngoan, lanh lợi mà cách tiếp đãi người thật là khéo. Phần nhiều lại nhà cô đều là các tay hào phú, danh gia.

"Tôi đang xem quyển "La dame aux camélias" thì nghe có tiếng xô cửa; tôi giựt mình ngó ra thì thấy một người còn thanh niên, tóc

chải xước, cách ăn mặc lịch sự bước vào. Người ấy thấy tôi bỏ quyển sách xuống thì chào tôi và hỏi: "Cô Tư đi đâu rồi?".

"Tôi đáp rằng: "Cô đi xuống nhà hàng may quần áo. Cô không dặn chừng nào về hết".

"Người ấy thấy tôi ngồi xuống, thì bước lại kéo ghế ngồi bên vách, chống tay vào gò má ngó cái hình tượng bằng cẩm thạch để bên góc nhà... Người ấy ngó sửng cái hình tượng ấy, không hề xoay qua phía tôi, dường như đang có chuyện gì phải suy nghĩ vậy... Giây lâu lại đứng dậy, chấp tay sau lưng mà đi tới đi lui, coi bộ xốn xang lắm... Tôi quên rằng tôi ngồi trong nhà của cô Tư Xuân... Tôi ngó sửng người ấy... Người ấy đi qua đi lại một hồi, rồi thở ra, sa nước mắt, quên rằng trong căn nhà ấy có tôi là người lạ, tưởng rằng chỉ có một mình mà thôi... Khi người ấy xây lại thấy tôi ngó thì có ý sượng sùng, đứng lặng một hồi lâu, không nói được nửa lời... Tôi càng lấy làm lạ. Người ấy vùng nói với tôi rằng: "Thưa cô, cô là ai? Cô có bà con gì với cô Tư Xuân chăng?"

"Tôi đáp rằng: "Tôi có quen với cô mà thôi chớ không phải là bà con".

"Người ấy sa nước mắt, ngó tôi mà nói: Đợi một đôi giờ đồng hồ thì chắc là trễ lắm rồi. Tôi không biết làm sao bây giờ. Nếu cô không ty hiềm nghi, xin cô cứu giùm tôi một phen... Tôi coi cô giống lắm".

"Tôi sợ mà hỏi: "Sao? Cậu nói sao? Có việc gì mà cứu cậu, tôi có thế gì đâu?".

"Cậu nói: "Tôi không giấu gì cô, tôi có đứa em gái một trạc với cô mà diện mạo cũng hơi giống cô... Nó bị lạc mất từ hồi tám tuổi. Nay má tôi đau gần chết, cứ ngày đêm kêu nó... Nếu bây giờ mà không có nó thì bịnh má tôi nguy lắm. Tưởng đến nhờ cô Tư tìm cho một người trang tuổi nó để đem về cứu má tôi, rủi lại không có cô Tư ở nhà... Việc cần cấp xin cô làm ơn cứu một mạng người, một mạng người đã đau đớn mười năm nay mà chưa thấy được mặt con".

"Cậu nói đến đó thì lại khóc thê thảm hơn nữa... Tôi cầm lòng không được nên kêu bà già dặn nói lại với cô Tư rằng tôi đi có việc cần, rồi liền theo cậu ấy lên xe hơi. Cậu ấy lại nói: "Bà nói rằng có cậu Hai Khánh đến mời cô đây, nghe không!".

"Xe chạy mau như gió, thẳng vào Chợ Lớn, ngừng lại trước một sở nhà ngói nguy nga... Cậu Khánh lật đật dắt tôi vào tới nhà sau; tôi thấy một bà già lối sáu mươi tuổi, mặt vàng như nghệ, hình vóc ốm gầy, nằm trên giường hơi thở hoi hóp... Bà nằm im như người sắp từ trần vậy... Khi cậu Khánh lại gần thì bà vùng khóc một cách rất thê thảm, rồi đưa tay ra, hỏi: "Bớ Nguyệt Hương... Nguyệt Hương! Con đâu rồi? Có con đó không?".

"Cậu Khánh nghe mẹ hỏi thì lật đật thưa nho nhỏ rằng: "Nguyệt Hương đã về đây má, má hãy mở mắt ra coi...".

"Đèn trong phòng leo lét, tôi thấy cái cảnh tượng bà thân của cậu Khánh như thế thì tôi động lòng nhớ đến má tôi... Có lẽ má tôi cũng như vầy, cũng sầu khổ như vầy... Tôi bất giác cảm động quá, vùng khóc lớn lên... Bà giựt mình mở mắt ngó tôi chăm chỉ... Tôi cứ khóc như là con thiệt của bà vậy! Bà ngó tôi một hồi rồi kêu: Nguyệt Hương! Nguyệt Hương! Lại đây với má con".

"Tôi bước lại... bà ôm mặt tôi, nhìn một hồi rồi khóc nức nở: "Con ơi! Con đi đâu làm cho má đau đớn khổ sở quá vậy con? Má tưởng má chết mà không được thấy con nữa".

"Câu nói rất đau đớn tự trong miệng một bà mẹ mà ra, làm cho tôi tưởng như là cảnh nhà tôi thiệt... Tự nhiên tôi thấy má tôi nằm gác tay lên trán, nước mắt tràn trề, kêu tôi liền miệng... Tôi cảm quá, quì xuống cầm tay bà thân cậu Khánh mà khóc, khóc cho đến nỗi ngất đi hai ba phen. Cậu Khánh thấy thế lấy làm lạ lắm, nhưng không dám nói gì; còn bà thân cậu thì rờ mặt tôi mà rằng: "Thôi! Con đừng khóc nữa... Má đã khá nhiều rồi".

"Tôi bèn kéo ghế ngồi một bên bà, chờ khi bà ngủ yên rồi tôi mới đi ra ngoài...

"Cậu Khánh mời tôi vào phòng ăn rồi đứng nói với tôi một cách rất cung kính rằng: "Má tôi đã khỏi nguy rồi, ấy là nhờ ơn cô đó. Tôi muốn quì xuống lạy cô một lạy mới xứng đáng với sự làm của cô hôm nay, nhưng tôi biết rằng cô không thể để cho tôi tạ ơn cách ấy... Xin cô ngồi rồi nói cho tôi biết vì cớ gì mà cô khóc dễ dàng quá như vậy. Nhờ cái giọt nước mắt của cô mà má tôi được sống. Khi tôi mời cô đi, tôi coi ý cô cũng có nghi ngại nên thấy cô trù trừ; nhưng bây giờ thì cô đã thấy rõ rồi đó".

"Tôi ngồi trên ghế, thấy cách cậu rất lễ phép; cậu cũng ngồi mà ngồi phía dưới tôi, tỏ ra ý kính trọng lắm... Tôi ngó quanh thấy đồ đạc chưng dọn tươm tất và sang trọng lắm mà cách chưng dọn khác hẳn mọi nhà.

"Tôi đáp rằng: "Cậu thấy tôi khóc như thế cậu lấy làm lạ lắm phải không? Có lẽ ai thấy cũng phải nói là lạ, vì đang khi không, làm sao mà khóc được? Tôi khóc được là vì tôi cũng có tâm sự, cũng có nhiều điều khổ não lắm nên khi tôi thấy bà thì dường như tôi thấy má tôi... Tôi nhớ má tôi, tôi biết cái tình cảnh một bà mẹ nhớ con là đau đớn như thế, nên tôi mủi lòng mà khóc thật tình... Khi cậu đến nói câu chuyện ấy, tôi nghi ngờ thật, tôi tưởng là cô Tư Xuân lập mưu gạt tôi, nhưng không đi thì không biết chơn giả, tôi phải đi".

– Nếu mà cô Tư Xuân gạt thiệt thì cô tính làm sao?

"Tôi rút lưỡi dao trong áo ra đưa cho cậu coi rồi đáp rằng: "Nếu cô Tư Xuân gạt tôi thì tôi sẽ ra khỏi nơi đó với lưỡi dao này".

– Vậy thì vì sao cô lại ở với cô Tư?

– Tôi gặp ở xe, tôi lầm, nhưng mà tự hôm ấy đến nay cô đối với tôi rất tử tế...

– Cô Tư Xuân không phải là người hư, tôi biết cổ vì cảnh ngộ nên phải ép lòng như vậy; cổ chỉ trông cho mấy đứa em mau thành thân đặng cải tà qui chánh... Tôi xin hỏi thật cô một điều, vậy thì cô quê ở đâu và bây giờ cô tính đi đâu?

– Tôi quê ở Cần Thơ, rủi nhà gặp biến cố lớn nên không thể ở lại xứ sở được. Tôi muốn kiếm một nơi nương thân để chờ cơ hội mà trả cái thù nhà... Nhưng hiện giờ chưa có chỗ nào cả.

– Nếu vậy thì xin cô ở lại đây với má tôi để cho tôi được an lòng mà đi tìm em tôi. Má tôi mà mạnh thì chắc là không chịu để cho cô đi đâu, vậy xin cô đừng từ chối mà tội nghiệp má tôi lắm.

"Cậu nói rồi mời tôi dùng cơm... Ăn xong tôi vào trong phòng bà thân cậu, còn cậu thì hối đầy tớ dọn dẹp phòng và sai người đi lấy va ly về cho tôi...

*

Ngày 1 tháng 5 năm 1916

"Tôi dậy sớm, qua phòng bà Huyện, tức là bà thân cậu Lê Trường Khánh, thì thấy cậu đã có ở đó rồi. Bà coi bộ đã khá hơn hồi hôm, nằm dựa trên hai cái gối tai bèo lớn... Bà hỏi mà con mắt vẫn nhắm: "Em ngủ phải không con? Nó khóc lắm mà". Cậu Trường Khánh thưa nho nhỏ rằng: "Thưa má em con đã dậy rồi, em con đã đến đó".

"Bà mở hé mắt ngó tôi rồi nói: "Thôi má cho phép con đi ngủ, má mừng trong lòng quá nên má đã bớt nhiều lắm...".

"Tôi thưa rằng: "Thưa má, xin má nằm nghỉ cho khỏe; vì con mà má phải đau đớn như thế, vì con mà má phải hao mòn như thế, con ngủ sao yên được?... Xin má để cho con ở đây hầu hạ má".

"... Tôi đóng nhiều vai tuồng! Nghĩ mà đắng cay cho thân phận... Làm cho bà Huyện, làm cháu bà Hương, mỗi một vai tuồng đều làm cho tôi biết thêm một cảnh ở đời, mà con mắt của hạng phòng khuê, cửa các không bao giờ thấy được...".

*

Ngày 6 tháng 5 năm 1916

"Bịnh bà Huyện một ngày một khá, hôm nay bà đã ngồi dậy được và đã ăn uống được... Bà thấy tôi thì bà biết cậu Trường Khánh lập thế cứu bà, nhưng bà cũng đã nguôi ngoai nhiều rồi... Cậu Trường Khánh thuật rõ tình cảnh của tôi cho bà nghe, bà ngó tôi rồi dạy rằng: "Con đã cứu được má trong lúc nguy cấp, vậy thì con cứ làm con má, con ở đây với má. Có mặt con chắc má có thể khuây khỏa đi được nhiều... Trường Khánh con ráng mà tìm kiếm em con về đây cho má...".

"Trường Khánh vâng lời và nói với tôi rằng: "Ngày nay cô đã là con của má tôi thì tôi và cô có tình anh em rồi. Anh em đối với nhau không nên không thật tình; vậy thì cô cứ tỏ thiệt tâm sự cô cho tôi biết, may ra tôi có thể giúp cô được, không biết chừng".

– Tôi cám ơn cậu lắm, nhưng xin cậu biết cho rằng tôi có một cái thù lớn lắm, không thể bỏ qua được. Tôi phải xa nhà cửa xa quê hương là vì tôi quyết tìm cho ra đứa thù để rửa giận: trong việc báo

thù này sẽ có người giúp tôi; xin cậu cứ đi tìm cô Nguyệt Hương cho trọn cái phận sự của cậu, còn mối thù của tôi thì cậu để cho tôi.

– Cô là thân gái, chỉ ở trong nhà hoài thì làm sao mà tìm được kẻ thù; chi bằng cô cứ nói rõ đầu đuôi, tôi sẽ nhơn một công hai chuyện mà lo giúp cô.

– Không thể được... Cậu có thương cái tình cảnh của tôi thì xin cậu chớ nói với bất kỳ ai một lời gì mà tôi đã nói với cậu... Muốn tìm cho ra kẻ thù của tôi thì cần phải kín đáo và công phu lắm. Chừng đôi ba năm nữa sẽ hay, việc không thể chấm dứt được vì tính gấp e sẽ thất bại.

– Thôi, tôi xin theo ý cô... Vậy xin cô thay mặt tôi ở nhà với má tôi, khuyên lơn má tôi trong lúc má tôi phiền não...

– Tôi đi đâu có gởi thơ về cho cô thì phải đề tên chi?

– Cậu cứ đề tên tôi là Nguyệt Thanh.

"Ngay buổi chiều, cậu Trường Khánh sắp đặt va ly rồi từ giã bà Huyện và tôi mà đi tìm em... Cảnh tôi đã buồn mà đến đâu cũng chỉ gặp buồn...".

*

Ngày 4 tháng 8 năm 1916

"Ở nhà bà Huyện mấy tháng nay không có gì lạ... lúc thì hầu chuyện bà, lúc thì khảy đờn... Bà thương tôi cũng như bà Hương, bà Cai, bà Phủ, và cô Tư thương tôi vậy... Tuy ở trong cảnh buồn nhưng gặp được những người biết thương, biết hiểu như thế nên cũng bớt buồn được chút đỉnh.

"Đang ngồi đọc sách cho bà nghe thì có thơ cậu Trường Khánh gởi về. Bà mừng lắm, đưa tôi đọc:

"Qui Nhơn, ngày 20 tháng 7 năm 1916

Thưa má,

Từ bữa ra đi tới nay con chưa gởi thơ về chắc má trông đợi con lắm. Con cũng biết như vậy, nhưng vì con còn phải dò hỏi khắp nơi, nhiều khi lại xa nhà dây thép quá, nên gởi thơ tín không tiện... Thưa má, nhờ con rao thưởng tiền nhiều nên hôm nay mới được một tin rằng có người lái buôn ở Phủ Phong vào Sài Gòn mua một đứa

gái nhỏ từ hồi mới tám tuổi mà hiện nay đã mười tám tuổi rồi... Người đem tin còn đang đứng đây... Con mừng quá nên lật đật viết mấy hàng về cho má hay trước, rồi con sẽ đi Phủ Phong ngay để chuộc em con. Hôm nay má đã khá chưa? Con biết rằng má vì buồn rầu thái quá nên mới sanh ra bịnh như thế. Nay kiếm đã gần ra em con, vậy là ngày đoàn viên sắp tới rồi.

Con chắc rằng có cô Nguyệt Thanh thì má cũng đỡ hiu quạnh.

Vắn tắt bấy nhiêu lời cầu chúc má được mau mạnh khỏe.

LÊ TRƯỜNG KHÁNH"

"Tôi đọc luôn bức thơ cậu gởi cho tôi:

"Cô Nguyệt Thanh,

Trong lúc tôi đang mừng được thấy má tôi lành mạnh và lại tìm ra được tung tích em tôi, thì tôi không sao mà không nhớ tới ơn cô được. Thiệt là lòng trời xui khiến cho nên má tôi mới còn có ngày nay.

Nay cảnh nhà tôi đã được tạm yên vui rồi, tôi nỡ lòng nào lại quên cái mối thù của cô mà không lo tính giúp...

Tôi xin nói thiệt tình với cô rằng bây giờ đối với cô tôi coi như tình cốt nhục, vậy tôi thề rằng sẽ vì cô mà trả cho được cái thù của cô. Tôi biết cô không phải là hạng người tầm thường, cô có chí cả, có nghị lực, song việc lớn mà sức đơn, một mình cô gánh vác sao nổi? Tôi không những muốn đáp ơn cô mà lại vì thấy sự bất bình không thể bỏ qua được. Bởi vậy tôi thành thiệt xin giúp sức với cô, cô đừng thoái thác.

Kính thơ
LÊ TRƯỜNG KHÁNH
Poste restante – Qui Nhơn."

"Bà Huyện nghe tôi đọc hết cái thơ thì thở ra mà rằng:

"Thằng Hai nó nói vậy cũng phải, nếu con quyết chí báo thù thì con nên để cho nó giúp con. Tánh nó khác hơn người lắm là nó không chịu bỏ qua những sự bất bình. Nó thấy ai lâm vào cảnh khó thì nó hay giúp đỡ. Con là con gái, khó lắm, làm sao mà báo thù cho được?".

"Tôi thưa rằng: "Con rất đội ơn cậu Hai đã có lòng giúp con, nhưng việc của con, trừ người tay chơn ruột thịt ra, thì phải tự con

làm lấy mới được... Có lẽ một ngày kia con sẽ nhờ cậu Hai, nhưng ban đầu thì phải cần có sức con trước. Nếu ban đầu mà không có sức con thì không sao làm xong được việc... Con cần phải nương náu với má ít lâu đặng chờ cơ hội đã".

– Nếu vậy thì việc trả thù của con khó lắm sao?

– Thưa má, khó vô cùng... Vì kẻ chủ tâm hại con là đứa rất nguy hiểm, nó đã làm những sự mà trí người ta không thể nào tưởng tượng ra được; nên có ai xen vào thì nó sẽ kiếm cách mà ám hại liền... Cần có người ruột thịt của con thì mới khỏi sợ sự nghi ngờ của nó.

"Bà ngó tôi một cách lạ lùng rồi than rằng: "Nếu như lời con nói thì khó lắm, con phải dè dặt lấy, kẻo nguy hiểm tới thân... Con là gái, làm sao mà đởm đương được việc tầy trời ấy! Má lấy làm lo sợ cho con...".

"Tôi an ủi bà rồi viết thơ trả lời cho cậu Lê Trường Khánh, đại ý cám ơn tấm lòng nghĩa hiệp của cậu và hẹn rằng sau này, khi phải cần tới thì sẽ nhờ cậu giúp sức cho".

*

Ngày 20 tháng 9 năm 1916

"Hôm nay có thơ cậu Trường Khánh gởi về như vầy.

"Phủ Phong, le 10-9-16

Thưa má,

Con đã tìm đến nhà của người lái ghe ấy rồi. Con tưởng rằng hễ đến nơi thì gặp em con liền, nào ngờ tên lái ghe ấy nói rằng nó có mua một người con gái ở Sài Gòn thật, nhưng lúc nó về đến Phủ Phong thì nó lại đem cho ông Phủ Nguyễn Mậu Lang ở An Nhơn, vì ông này không có con. Từ ấy nhẫn nay, nó chỉ tiếp được một cái thơ nói rằng ông Phủ Nguyễn đã về hưu trí rồi, chó nó không biết gì nữa... Con sững sờ... Con hỏi nó có biết tên người con gái ấy không, thì nó nói lờ mờ quá, vì hiện nay nó đang đau óc. Nó nửa sống nửa chết, khó hỏi rõ được. Con liền hỏi thăm ông huyện Bình Khê thì ổng nói ông Phủ Mậu Lang quê ở làng Minh Hương huyện Hương Trà ở Huế... Con lật đật viết thơ cho má rõ, rồi con sẽ đi Huế liền...

Xin má cứ an dưỡng cho mau khỏe, chuyến này con quyết làm sao cũng tìm được em con...

Trường Khánh"

"Bà Huyện nghe thơ, ngồi ngẩn ngơ rồi khóc. Bà than rằng: "Nguyệt Thanh ơi, nói vậy thì chắc là không tìm được con Nguyệt Hương rồi... Trời ơi! Sao trời nỡ giết tôi một cách đau đớn như vầy!... Thôi, còn chi mà mong nữa Trời!...

"Tôi khuyên bà rằng: "Xin má đừng buồn. Bây giờ đã biết rằng cô Nguyệt Hương ở Huế thì thế nào cậu Hai tìm cũng gặp; xin má an dưỡng cho khỏe, đừng nên buồn lắm mà lại sanh bịnh. Hễ bịnh tái phát thì khó lắm".

"Bà nhơn có tôi khuyên lơn, an ủi đêm ngày nên cũng khuây lần lần...

*

Ngày 26 tháng 9 năm 1916

"Ngày lụn tháng qua, thì giờ mau như chớp nháng, sao băng, lật bật mà tôi lìa mẹ lìa em, bỏ nhà bỏ cửa đã hơn một năm rồi... Trong một năm nay chẳng biết sự thay đổi trong nhà tôi ra sao! Càng nhớ đến thì càng thêm chua xót... Mỗi ngày thân tôi một biến đổi, cái nét mặt tôi bây giờ đã khác hẳn lúc xưa. Tuy là tôi khác, tuy là tôi ốm yếu hơn trước nhiều, nhưng cái nghị lực của tôi hình như lại càng mạnh mẽ, tưởng có thể phấn đấu với tất cả các sự trở ngại mà đi đến mục đích... Hằng ngày tôi hằng nhắc nhở tới chuyện xảy ra trong nhà tôi, để cho chẳng một phút nào, chẳng một giờ nào mà tôi quên được mối thù...

"Không biết lúc này anh Thành Trai học hành thể nào? Anh có biết các sự khổ lòng của tôi chăng? Có lẽ bác tôi đã báo tin cho anh tôi biết rồi, mà chắc ảnh đau đớn cho tôi lắm vì ảnh thương tôi... Ở Pháp, chắc ảnh cũng có biết cậu Minh Đường; mà dầu biết nhau đi nữa, cái tâm sự của mỗi người, ai có biết được đâu... Tôi ngồi cầm quyển "Bible" trên tay, đang ngậm ngùi than thở một mình thì bà Huyện kêu... Tôi chạy qua thì thấy bà hớn hở; bà cầm bức thơ và tấm hình một người gái thiệt là nhan sắc lịch sự... Bà cười mà rằng: "Con ơi má mừng lắm! Đây, hình con Nguyệt Hương đây.

Tuy là nó lớn hơn trước nhiều nhưng không thay đổi bao nhiêu... Con đọc thơ cho má nghe".

"Tôi nhìn cô Nguyệt Hương... vẻ đẹp đậm đà, gẫm ít ai bì kịp, mà đẹp ra vẻ hiền đức.

"Tôi giở thơ đọc:

"Huế, le 18-11-16

Thưa má,

Con không đánh dây thép là vì sợ má mừng quá... Con về tận nhà ông Phủ Nguyễn, gặp lúc ông đương đau nặng... Con đem câu chuyện của má mà tỏ lại cho ông nghe và xin ông thương cái tình của một người mẹ sầu khổ ngồi trông mong chờ đợi một đứa con đã thất lạc mười mấy năm trời... Ông liền cho kêu em Nguyệt Hương... Em thấy con em nhìn sừng một hồi rồi em vùng khóc lớn lên... Em nói rằng chẳng bao giờ em quên má, nhưng thất lạc từ lúc còn nhỏ quá, em dại nên không biết đàng về... Em thường xin ông Phủ đi vô Sài Gòn tìm má, song vì ông Phủ cứ đau hoài... Ông Phủ cũng là người nhơn đức, cảnh nhà ông rất thanh bạch... Ông thương em Nguyệt Hương lắm, ông không thể trả lại được trong lúc ông đang đau nặng. Con không nỡ nói nhiều. Con biểu em Nguyệt Hương chụp hình gởi về cho má và xin má đi với cô Nguyệt Thanh ra Huế ngay. Ngày nào đến, má đánh dây thép cho con ra ga rước.

Lê Trường Khánh"

"Tôi mừng cho bà đã được tin con, mà tôi lại đau đớn cho tôi, còn linh đinh trên biển khổ... Ngày nào tôi mới được viết một bức thơ báo tin cho má tôi biết rằng tôi còn sống, tôi sẽ về! Nhơn dịp này tôi cũng đi Huế chơi cho biết phong cảnh nước nhà... Bà Huyện sắp đặt nhà cửa giao cho một người quản gia rồi bà với tôi đi...

*

Ngày 30 tháng 11 năm 1916

"Xe chạy từ Tourane ra Huế, qua mấy cái hầm tối đen... Đến ga Thừa Lưu thì thấy cậu Trường Khánh đứng đợi... Cậu nhảy lên chào mẹ và chào tôi, rồi cười mà rằng: "Con vui lòng quá, là con đã tìm được em con. Cô Nguyệt Thanh, lúc này cô có được mạnh không?... Tôi coi cô sao thấy xanh quá vậy?".

"Tôi đáp rằng: "Tôi xanh không phải là tôi đau, cái xanh ấy là tự nhiên... Vậy thì bây giờ đã gần tới Huế chưa?".

"Còn ít ga nữa...!" Cậu đáp rồi thì ngồi vào trong toa...

"Chín giờ mười lăm, xe đến ga Huế, thì có một cái xe hơi để chực sẵn, một bên xe có một cô giống tạc tấm hình hôm trước, đang đứng ngó... Bà Huyện trông thấy, thì lật đật chạy lại ôm lấy cô mà khóc. Cô cũng khóc... Cậu Trường Khánh đỡ mẹ và em lên xe... Tôi ngồi một bên cậu ở phía trước, để phía sau cho bà và cô khóc với nhau cho hả tấm lòng thương nhớ trong mười mấy năm trường. Tôi trông phong cảnh đôi bên, thấy sông Hương xanh biếc, thấy thành lũy trơ trơ, mà mối cảm của tôi càng thêm lai láng... Xe chạy qua cầu Trường Tiền, trước là cầu Thành Thái, vòng qua chợ Đông Ba, xuống bến đò rồi đi thẳng qua Minh Hương...

"Xe về đến trước cửa ngõ vôi của một sở nhà ngói thì ngừng lại... Trong nhà đều chạy ra dòm... Cậu Trường Khánh và cô Nguyệt Hương đỡ bà Huyện vào... Ông Phủ bước ra chào... Mặt ông ốm nhỏ, con mắt sâu, râu dài suông đuột, tóc bạc như sương... Ông mời bà Huyện ngồi trên sập son, nói thủng thẳng rằng: "Nội nhơn tôi qua đời đã ba năm nay, trong nhà chỉ nhờ có con Nguyệt Hương nếu không có nó thì tôi không sống được... Tôi thương nó lắm. Tôi đã biết cái cảnh của tôi nên tôi cũng hiểu cái cảnh của bà, tôi không đành để cho bà đau đớn mà không cho con Nguyệt Hương nhìn bà. Bây giờ tôi muốn bàn với bà một điều, là để tôi lập gia cơ cho nó, rồi bà sẽ ở chung với nó để tôi được thấy nó thường, thì là lưỡng tiện. Bà nghĩ thế nào?"

"Bà Huyện nói: "Ông tính vậy cũng được, nhưng khó lòng quá, vì gia thế tôi lớn lắm, tôi không thể bỏ mà ở đây được lâu... Ông nuôi dưỡng con Nguyệt Hương mười năm nay, công phu lớn lao, tôi không thể trái ý ông nhưng nếu nó ở với ông thì tôi buồn, mà nó ở với tôi, thì ông cũng buồn... Thôi thì để tôi xuất tiền mua một sở nhà ở ngoài này. Còn việc nhà tôi, tôi sẽ giao cho con trai tôi...".

"Cậu Trường Khánh vâng theo ý bà nên chiều lại đi hỏi mua một sở nhà bên An Cựu và ba căn phố ở đường Paul Bert để mở hiệu buôn đề là **"Nguyệt Hương"**.

"Cô Nguyệt Hương mời tôi vô phòng cô... Phòng có chưng dọn khác cách ở Nam kỳ, nhưng đồ đạc cũng thế... Các thứ màn, trướng, ghế, giường, đều có khả quan lắm, cho đến từ tấm kiếng, từ cái hộp cũng vậy... Cô nói: "Anh của em có nói chuyện cô với em; em lấy làm cám ơn cô lắm, xin cô hãy cứ ở đây với em, khi nào cô định báo thù thì em cũng sẽ giúp cô một tay. Em tuy chưa gian nan lao khổ như cô, nhưng em cũng đã nếm qua sự đau đớn rồi. Em không biết tâm sự của cô, nhưng nghe anh của em nói thì em đã hơi rõ thấu".

"Tôi cầm tay cô mà rằng: "Có lẽ một ngày kia, tôi sẽ nói rõ cho cô và cậu Trường Khánh biết tâm sự tôi. Khi mà cô đã biết rõ ràng sự lao khổ và sự đau đớn của tôi, thì cô mới biết cái đời là độc hiểm, mà cái thân con gái lại lắm đoạn trường... Xin cô cứ để lòng cũng như cậu Trường Khánh vậy... Tôi xin nương náu ở đây ít lâu đặng lo tính việc báo thù".

*

Ngày 10 tháng 10 năm 1918

"Gần hai năm ở Huế cùng cô Nguyệt Hương kết bạn tri giao, tâm tình rất tương đắc nên cũng nguôi ngoai được ít nhiều.

"Xa nhà ba năm, cái án ngờ là tôi giết chồng nay không còn ai nói tới nữa vì cho là tôi đã chết rồi; vả hình dung tôi trong ba năm nay đã biến đổi đi nhiều, nên tính có thể trở về Sài Gòn để lo sự báo thù được. Tên tôi ngày nay là Nguyệt Thanh chớ không phải Kiều Tiên, thế thì trở về Sài Gòn sẽ là một nhơn vật khác. Có như vậy thì tôi mới có thể hành động được... Tôi nhứt định đi nên mời cậu Trường Khánh và cô Nguyệt Hương vào phòng, rồi tỏ thật hết câu chuyện. Cậu nói: "Nếu cô đã nhứt định đi thì tôi không dám ép vì điều đó là một điều cần phải làm. Trả thù rửa nhục là phận sự của cô, nhưng xin cô để tôi giúp cô một tay thì tôi mới an lòng được".

"Tôi lắc đầu mà rằng: "Không thể được... Cậu để tôi về Sài Gòn một mình; chỉ xin cậu giúp cho tôi một số tiền là đủ... Tôi sẽ dùng cái sức *đổ quán, xiêu đình* của tôi mà báo thù... Cậu và cô cứ giả tuồng như không biết gì, mà dẫu có ai nói sự chi giống tương tợ như chuyện tôi thì cũng đừng nên để ý...".

"Cô Nguyệt Hương thở ra mà rằng: "Em không thể cản cô được, nhưng em tưởng chừng cô đi một mình thì nguy hiểm lắm... Cô nên

cho anh em theo giúp đỡ cô thì mới khỏi lo. Anh em thật tình, xin cô chớ ngại".

"Tôi mỉm cười mà rằng: "Tôi không ngại gì hết, tôi vẫn biết cậu Hai là người chánh trực và khí khái, nhưng cũng vì một lẽ riêng nên tôi mới *không dám*... Thật là *không thể* phiền đến ai được. Tôi cũng muốn tỏ thật đầu đuôi câu chuyện của tôi cho cậu Hai và cô biết rõ, song chưa có thể tỏ ngay bây giờ được... Xin cô đừng nóng nảy, trước sau gì rồi cô cũng sẽ biết, vì tôi chắc rằng việc tôi làm sẽ thành. Cái công phu của tôi, sự nhẫn nại của tôi sẽ giúp tôi chiến thắng tất cả những sự khó khăn, và những điều trở ngại. Tôi sẽ làm đến nơi đến chốn. Tôi sẽ trị tội những đứa đại ác đại gian. Khi nào tôi cần phải có người giúp thì khi ấy tôi sẽ nhờ đến cậu Hai và cô".

"Cậu Trường Khánh cho lời tôi nói là phải nên không nói thêm nữa; cậu đưa giúp tôi số tiền năm trăm đồng. Cậu lại đánh dây thép mướn một cái nhà ở đường Lagrandière cho tôi, và lại nhờ tôi thỉnh thoảng về trông nom nhà cửa cho bà Huyện. Cậu còn phải đi Hà Nội thi bằng cấp tú tài".

*

Ngày 12 tháng 10 năm 1918

"Tôi từ giã ông Phủ, bà Huyện, anh em cô Nguyệt Hương rồi về Nam kỳ. Chuyến này trong trí tôi man mác lắm mà cũng hăng hái lắm. Tôi nguyện hết sức báo thù, quyết không để cho bọn gian ác được yên... Tôi ngồi xe lửa vào Tourane mà trong trí tôi đã vẽ thành một cái chương trình hành động trong sự báo thù. Cái sức tôi chưa có thể đi ngay đàng thẳng được, tôi phải dùng món lợi khí có đủ thế lực. Món lợi khí ấy phải là một *người mất hồn, đui tối,* không ngó trước xem sau mới được! Hễ món lợi khí ấy về tay tôi rồi thì trở nên ghê gớm lắm! Món lợi khí ấy là một người trong những người thù của tôi. Tôi đã có nói với cậu Trường Khánh rằng: *"Có nhiều điều người đàn ông không làm xong mà người đàn bà làm nổi. Người đàn bà có một cái sức của trời cho mạnh hơn thiên binh vạn mã, người đàn bà có thể dùng cái sức ấy mà đàn áp được lũ vô tri thức và trả được thù mình".* Bây giờ vì cái tình thế bó buộc tôi phải đứng một mình, nên trong lúc ban đầu tôi phải nhờ cái sức

ấy. Một người đàn bà mềm mỏng, hiền hậu sẽ là một thứ lợi khí rất ghê gớm dữ tợn trong sự báo thù. Tôi sống để mà trả thù thì tôi phải thế...".

*

Ngày 17 tháng 12 năm 1918

"Tôi về đến Sài Gòn... Dọn xong nhà thì tôi nhờ người nuôi cho tôi một đứa tớ gái để coi việc vặt và một người đàn bà để lo nấu ăn... Tôi thường viết bài đăng báo và làm nhiều thi văn, ký tên là Thủy Hoa... Nhờ đó mà tôi làm quen được với nhiều người có danh tiếng ở Sài Gòn... Có nhiều vị lại tặng tôi cái hiệu *"Nữ sĩ"*. Tôi giao thiệp rộng nên nhà tôi không bao lâu đã thành ra như một nơi nhà Cercle. Nhiều người quá yêu tôi, muốn cho tôi xin phép Chánh phủ lập ra một cái sa lông như những sa lông về hồi thập bát thế kỷ ở bên Pháp, song tôi không chịu. Tôi không có ý ấy.

*

Ngày 5 tháng 6 năm 1919

"Tôi đang ngồi đọc báo, thì nghe có tiếng gõ cửa... Tôi nói: "Ai đó, xin cứ vào".

"Cửa mở, tôi thấy một người ăn mặc rất sang trọng, đứng nhìn tôi sững sờ mà quên chào. Người ấy chính là Trần Thiện Tâm... Tôi mừng quá, hôm trước nhơn đã hỏi thăm ông Tuyết Sĩ, té ra nay lại gặp... Tôi chào, rồi mời ngồi chơi".

"Thiện Tâm kéo ghế ngồi, đốt điếu thuốc cầm nơi tay rồi nói: "Tôi xin lỗi cô, tôi nhớ rằng tôi đã có gặp cô một vài lần rồi... có lẽ cô quên tôi chăng?"

– Không, tôi không bao giờ quên... Hễ tôi có gặp ai một lần nào rồi thì nhớ mãi mãi... Từ khi tôi ở Huế về đây đến nay, tôi chưa hề gặp ông lần nào. Tôi thường có qua lại nhà ông Tuyết Sĩ, ông Cao Hải Tâm mà không lần nào được gặp ông.

– Tôi có biết mấy ông ấy, nhưng ít khi tôi tới nhà lắm. Hôm qua nhơn vì gặp ông Tuyết Sĩ, ông có giới thiệu cái danh hiệu của cô cho tôi và có hẹn với tôi lại đây, chắc một lát nữa thì ông sẽ lại. Tôi rất yêu văn của cô... Nếu thiệt cô chưa gặp tôi bao giờ, thì xin cô cho tôi biết cô quê ở đâu?

– Ba tôi người ở Gia Định, nhưng lúc trước cùng đi học với ông Kiêm rồi cùng ra làm việc ở Trung Kỳ mà cưới má tôi là người Thanh Hóa, nên tôi chỉ ở Huế, ở Vinh mà ít hay về Nam kỳ. Nay nhơn vì ba tôi mới qua đời nên tôi về xứ, nào dè tìm thân thích không được, tôi phải ở đây dùng ngòi bút mà tiêu khiển thì giờ.

– Nếu thiệt cô mới ở Huế vô thì ra tôi lầm. Tôi có biết một cô giáo ở Bến Tre lúc trước, hình dung giống cô như tạc, nhưng chỉ khác một chút là cô đó ốm nhỏ hơn. Tôi mới thấy cô thì tôi ngỡ là cô giáo ấy.

"Tôi nghe nhắc lại chuyện xưa thì trong lòng tôi nóng như lửa đốt, nhưng tôi dằn xuống, giả đò như không biết gì hết rồi nói nho nhỏ rằng: "Nếu vậy thì ông lầm... Tôi chưa hề biết Bến Tre lần nào, nghe nói tỉnh ấy còn giữ theo cách xưa nhiều, tôi muốn xuống chơi nhưng chưa gặp dịp... Ông làm gì và ở đâu?

– Tôi không làm gì hết... Cô nghĩ làm việc mỗi tháng một vài trăm mà thấm thía gì... Nhà tôi mỗi năm thâu vô hơn năm sáu chục ngàn gia, thiếu thốn gì mà phải đi làm việc. Tôi chỉ ở không, rộng chơn lắm, muốn đi đâu cũng được. Cô có em út gì không?

– Không, tôi chỉ có một mình, vì vậy mà nhiều khi buồn quá... Muốn kiếm con nghèo khổ nuôi một đứa cho vui mà chưa kiếm được... Vậy thì ông ở trên này hay là ông ở Bến Tre?

– Thường thường tôi ở trên này... Nhà ba với má tôi thì ở dưới Rạch Giá.

"Đang nói chuyện thì ông Tuyết Sĩ là Tổng lý báo Nông Cổ bước vào... Ông cười rồi nói: "Chào Nữ Sĩ... Chào ông Thiện Tâm... Té ra ông đến đây trước...".

"Tôi mời ông ngồi. Thiện Tâm nói: "Tôi có nói với ông rằng dường như tôi có thấy cô Thủy Hoa một đôi lần rồi, nay hỏi lại thì không phải... Cô không có xuống Bến Tre lần nào cả... Văn cô hay lắm, tôi lấy làm kính phục".

"Tuyết Sĩ cười rằng: "Vậy sao ông dám nói rằng ông đã có nói chuyện một vài lần rất thân mật rồi?".

"Thiện Tâm xanh mặt, nói nho nhỏ rằng: "Thôi đừng nhắc câu chuyện khùng của tôi... Cô Thủy Hoa, cô đã đi xem phong cảnh Nam Kỳ chưa?".

"Tôi đáp rằng: "Chưa hề đi đâu... Có lẽ rồi cũng đi lục tỉnh cho biết, nhưng mà còn lâu, bây giờ trong mình tôi yếu lắm, chưa có thể đi được...".

"Ấy là một lần gặp Thiện Tâm nữa, mà lần này không phải như mấy lần trước; lần này tôi lại muốn gặp... Thiện Tâm nghe tôi nói vậy thì ngó tôi mà rằng: "Bao giờ cô muốn đi chơi đâu thì xin cô cứ cho tôi hay, tôi sẽ để xe hơi tôi cho cô dùng... hay là cô chưa thông thạo đường đi các tỉnh miền Hậu Giang thì tôi xin dẫn đường cho cô".

"Tôi mỉm cười tỏ ý cám ơn... Ông Tuyết Sĩ nói: "Cô chưa biết chớ ông Thiện Tâm đây vốn có cái tánh mau lắm và hễ thấy có thể giúp gì cho ai được thì ông giúp liền không ngại gì hết".

"Tôi mời hai người dùng trà và hỏi mấy câu chuyện Nhựt trình... Thế là xong".

*

Ngày 8 tháng 6 năm 1919

Mười một giờ khuya. Đi xem chớp bóng về, chưa kịp cởi áo thì có xe hơi ai tới cửa; tôi ra xem thì thấy Thiện Tâm đã bước lên thềm... Thiện Tâm chào tôi và nói: "Hồi nãy tôi lại kiếm cô để mời cô đi chơi nhưng cô đi khỏi... Vậy nếu cô có vui lòng thì xin mời cô đi suối Xuân Trường chơi...".

"Tôi ngó ngay vào mặt Thiện Tâm mà đáp rằng: "Tôi cám ơn ông, tôi không thể đi được. Tôi còn phải nghỉ kẻo mệt, xin ông cảm phiền".

"Tôi vào nhà không mời... Thiện Tâm bước theo hỏi nho nhỏ rằng: "Coi dường như cô có bộ giận tôi. Thật tôi không có ý gì khác hơn là muốn cho cô vui lòng, xin cô chớ phụ".

"Tôi gật đầu nói: "Một lời nói cũng vui được chớ không cần chi khác. Hôm nay xin ông đi với các ông bạn, kẻo mấy ông đợi...

"Thiện Tâm cực chẳng đã phải kiếu tôi mà ra về".

*

Ngày 9 tháng 6 năm 1919

"Tôi đang ngồi viết bỗng tiếp được phong thơ của một đứa nhỏ đem đến. Tôi bảo nó ngồi chờ rồi mở ra xem:

"Cô Thủy Hoa,

"Xin cô thứ lỗi hồi hôm cho tôi, tôi thật tình quá! Tôi về nhà nghĩ hối hận vô cùng vì tôi biết rằng mời cô cách sỗ sàng như thế là rất vô lễ. Đối với một người như cô thì cần phải dùng lễ mà đãi mới xứng đáng, nhưng xin cô nghĩ tình mà tha thứ đi cho, thì tôi lấy làm may mắn lắm. Từ ngày tôi được biết cô, tôi bỗng nuôi một tấm cảm tình vô hạn. Tôi xin thú thật với cô rằng xưa nay chưa hề có ai đã làm cho tôi phải mơ tưởng. Tôi chỉ trông mong có một lúc nào, một khi nào mà tỏ tấm lòng tôi cho cô biết được thì tôi mới thỏa nguyện.

Tôi đánh bạo viết bức thơ này cho cô và xin cô biết cho rằng cái tình của tôi, tưởng không có bút nào tả ra cho đặng. Nếu cô chẳng bỏ, xin cô hồi âm cho tôi biết.

Trần Thiện Tâm"

"Tôi đọc rồi mỉm cười nói với thằng nhỏ đem thơ rằng: "Em hãy về thưa với ông Thiện Tâm rằng cô đã hiểu hết và cô cám ơn ông, nhưng lời ông xin đó, không thể tuân theo được".

*

Ngày 16 tháng 6 năm 1919

"Luôn ba bốn hôm nay Thiện Tâm không dám đến... tôi được tin của người tôi sai về tìm bà già ở Tân Ngãi và anh Hai Dần rằng bà già ấy mất năm ngoái, con anh Hai Dần hiện bây giờ đang ở Gia Định đánh xe ngựa mướn. Tôi liền cho người đi tìm và biểu ảnh đợi tôi, khi nào tôi kêu sẽ đến ở với tôi, mà giúp đỡ cho tôi...

"Tội nghiệp ảnh quá, ảnh thấy tôi thì không nhớ, nhưng khi nghe tôi thuật chuyện cũ lại thì ảnh mừng quá mà rơi nước mắt. Ảnh hỏi: "Nếu vậy thì bây giờ cô tính sao? Cô được tin nhà không?" Tôi lắc đầu kể sự gian nan cho ảnh nghe và nói: "Tôi tin anh lắm, tôi xem anh như ruột thịt vậy, anh đợi khi tôi dọn nhà lớn rồi tôi sẽ kêu anh. Anh về ở mà giúp tôi báo thù chớ không phải ở như mấy người khác đâu. Bao giờ tôi cũng nhớ cái ơn của anh cứu tôi

lúc nọ. Vậy thì anh có biết lúc này dưới nhà tôi ra sao không, anh nói cho tôi biết...

– Được lắm, cô cứ tin tôi. Tôi kín đáo cũng như một cái hộp đóng vậy; chẳng bao giờ ai dò tôi được đâu, mà tôi sẽ hết lòng giúp cô. Má tôi thương cô lắm, từ khi cô đi cho đến sau, má tôi hằng ngày hằng nhắc nhở và hằng cầu nguyện cho cô thoát khỏi tai nạn đặng lo sự báo thù. Đến khi má tôi đau nặng gần mất, má tôi cũng còn nói: "Tiếc quá, chết không được gặp lại cô Kiều Tiên để mừng cho cô và thấy sự báo thù của cô".

"Anh Hai Dần nói đến đó thì hai giọt nước mắt đã chảy dài trên hai má ảnh... Tôi cũng không cầm giọt lệ lại được... Ảnh nói tiếp: "Má tôi mất rồi tôi buồn quá nên bỏ nhà đi liền, chẳng kể đâu là đâu cả... Lên đây làm nghề đánh xe ngựa đã hơn một năm nay rồi... Mà thường thường tôi có về thăm dọ dưới nhà cô... Tội nghiệp, bà lúc này ốm o lắm. Bà cạo trọc đầu, đội mão quan âm, ngày đêm tụng kinh luôn, còn cô Kiều Nga thì lớn rồi. Cô cũng đằm thắm và đẹp đẽ như cô vậy... Cảnh nhà lối này trông buồn lắm, ít ai lui tới như trước...".

"Tôi nghe nói nhà tôi như thế, em tôi như thế, thì tôi đứt ruột đứt gan; tôi vùng úp mặt vào tay mà khóc... Khóc rồi tôi đưa cho anh Hai Dần bốn chục bạc, biểu về nhà ở, đợi tôi ít hôm, nhưng ảnh nằn nằn không chịu lấy... Tôi hỏi đến người con gái đã thế cho tôi lúc trước thì nay ra sao và hồi đó lính kín có đến lục lạo gì không thì anh Hai Dần mà rằng: "Có đem làng đến hỏi, nhưng cũng không ăn thua gì, vì vô bằng vô cớ... Nó giận lắm nhưng không làm gì được mà thằng đó bây giờ đã bị hai năm tù rồi: vì nó đi hăm dọa người ta... Còn người con gái đã thế cho cô (nó tên Ba Hoa) bây giờ cũng theo ở với tôi, vì tía má nó mất hết rồi... tôi thương nó có lòng ngay thẳng nên đem nó về nuôi, để sau định đôi lứa cho nó, song nó không chịu lấy chồng, nó muốn ở vậy mà giúp tôi thôi".

"Tôi hỏi: "Nó có thể tin dùng được không?".

– Nó mới thiệt là trung hậu đa! Nếu cô dùng nó trong nhà thì không bao giờ ai biết được một mảy may gì về các công việc của cô cả. Nó chẳng khi nào phản chủ mà nó lại thương cô lắm. Nó cũng biết cô vậy.

– Thôi, anh về biểu nó sắm sửa rồi bữa nào tôi kêu anh, anh sẽ dắt luôn nó đến ở với tôi. Được vậy là Trời giúp tôi báo thù đó, vì tôi không sợ ai nữa, tôi có những người hết lòng với tôi, giữ kỹ sự bí mật của tôi...

"Anh Hai Dần mừng lắm, từ giã tôi ra về. Tôi nghĩ cái tấm lòng của người nghèo khổ mà ngay thẳng và trung hậu như thế thì còn hơn người giàu có mà diên thị bối phi nhiều. Quả vậy! Nhiều người nghèo khổ, áo quần tả tơi mà nếu đừng dòm cái áo quần họ mặc thì thấy cái tấm lòng họ trong sạch lắm lắm...

*

Ngày 20 tháng 6 năm 1919

"Thiện Tâm nhơn vì câu trả lời của tôi mà tuyệt vọng nên buồn bực sanh bịnh. Bịnh lạ lùng hơn các thứ bịnh khác, Tuyết Sĩ lại năn nỉ với tôi đến cứu giùm cho va, tôi từ chối hai ba phen mà không được... Tuyết Sĩ nói: "Thiện Tâm tuy không phải là người đồng chí với tôi, nhưng kể về mặt làm *bạn chơi* ở đời thì ông ta khá lắm. Ông bị bịnh chưa mấy hôm mà người đã gầy mòn xanh xao, không muốn nói muốn cười gì với ai. Tôi lại thăm ông ta chỉ ngó tôi chăm chỉ rồi khóc, khóc hoài khóc mãi... Tôi hỏi ân cần lắm mới chịu nói: "Nếu không có cô Thủy Hoa thì tôi không sống được. Từ hồi nào, chẳng có ai làm cho tôi phải đến thế này được, mà không hiểu vì sao nay tôi thấy cổ, tôi không còn tưởng tới cái thân tôi nữa... Cổ chẳng tưởng tôi thì tôi không sống nổi". Cô thử nghĩ có đáng thương cho một cái tình như tình của ông Thiện Tâm chăng? "Tôi không dám nói sự giàu nghèo với cô; còn nói về ái tình thì ở đời tưởng ít khi có ai được một cái ái tình nặng như vậy".

"Tôi liền theo Tuyết Sĩ đến nhà Thiện Tâm... Đi thẳng vào phòng thì quả nhiên tôi thấy cậu đầu tóc chôm bôm, má lóp, nằm trên giường, day mặt vào trong vách mà khóc... Khi nghe tiếng giày, cậu xoay ra thấy tôi thì cậu ngồi dụng dậy, ngó tôi một cách rất bi thảm, dường như con chó bị người ta cột trói mà muốn xin thả ra vậy... Cậu ta chắp tay mà nói: "Cô Thủy Hoa, cô tha tội ngu dại cho tôi... Tôi đau đớn lắm... Xin cô thương tôi mà cứu giùm cái tánh mạng tôi... Tôi xin dâng tất cả sự nghiệp, tên tuổi của tôi cho cô, cô đừng xua đuổi tôi mà tội nghiệp".

"Tôi thấy Thiện Tâm bây giờ đã mờ tối rồi, đã quên hẳn sự liêm sỉ rồi thì tôi nói một cách rất nghiêm rằng: "Tôi không phải là người để cho ông giỡn cợt mãi, tôi cũng không phải là mơ ước của tiền như ai mà ông cứ đem sự tiền bạc ra nói với tôi... Ông không nên mơ tưởng sự gì khác mà uổng công vô ích. Ông cứ tự xử lấy và ở làm sao cho xứng đáng thì ông lại nhà tôi, tôi sẽ tiếp đãi tử tế... Mà may ra một ngày kia chưa biết chừng, ông sẽ được như nguyện; nếu ông hủy cái thân ông sớm thì không có ích lợi gì cho ông cả".

"Thiện Tâm đứng dậy nói một cách rất nhỏ nhẹ rằng: "Cô cho tôi được phép trông mong sao? Nếu vậy thì cô thật có độ lượng lắm... Chỉ một tiếng nói ấy cũng đủ làm cho tôi sống được rồi... Tôi xin cô ngồi... mà đừng chấp nhứt gì tôi nữa... À ông Tuyết Sĩ, tôi xin cám ơn ông lắm...".

"Tuyết Sĩ tức cười mà tôi thấy bộ tịch ấy tôi cũng muốn cười nhưng tôi giữ lại được. Thiện Tâm lên giường muốn ngồi mà mệt nên kiếu lỗi rồi nằm xuống... Giây lâu Thiện Tâm thở ra mà rằng: "Cô Thủy Hoa, cô đừng giận tôi mà tôi buồn lắm... Cô cho tôi sống với...".

"Tôi nói "Ông cứ nằm nghỉ, lúc nào ông mạnh rồi sẽ hay...".

*

Ngày 30 tháng 6 năm 1919

"Thiện Tâm đã mạnh, năm bảy phen đến cầu khẩn tôi, tôi ưng thuận mà có giao ba điều:

1. Tôi ở riêng một cảnh nhà.

2. Thiện Tâm không được ép uổng tôi điều gì cả.

3. Khi nào tôi hết chuyện buồn, tôi xin tính việc trăm năm... Và nếu Thiện Tâm cư xử không xứng đáng thì tôi sẽ cự tuyệt.

"Tôi cho kêu anh Hai Dần, con Ba Hoa về với tôi... Thế là đến đây tôi tạm ngưng quyển nhựt ký, để chuyên sự báo thù...".

Thành Trai đọc hết quyển nhựt ký rồi để xuống, nói một cách rất thê thảm rằng: "Té ra em Kiều Tiên dùng Thiện Tâm làm một món lợi khí để báo thù. Em giận, em ghét Thiện Tâm nên em cố làm cho Thiện Tâm điên đảo, đui mù không còn biết gì sự phải trái nữa, chỉ thờ em cũng như một vị thần linh vậy... Nếu báo thù cách

ấy thì ghê gớm và độc hiểm vô cùng. Em ta vốn đa cảm đa sầu mà thường đọc nhiều sách, hiểu nhiều việc, nên mới định ra một cái chương trình báo thù dữ như vậy... Ta không trách được, em ta chịu đau đớn trong bấy nhiêu lâu, nào có ai thương?... Còn vụ hai chiếc nhẫn của bà Cai nay ra sao?...".

Chàng lại chống tay vào cằm, ngó ra ngoài mà nghĩ... Lạ kìa, Thuần Phong bị giết một cách bí mật mà trong nhựt ký không có mối nào mà vạch cho ra kẻ sát nhơn cả... Thế thì ta sẽ hết sức mà truy tầm đứa thủ phạm này...

Ngọn đèn biển sáng. Tiếng xe hơi chạy. Ấy là hai cái đặc điểm ở Sài Gòn... Chàng đứng trên xe ngó mong ra xa xa đã thấy một góc sáng hừng, đã nghe tiếng xe hơi bì bọp... Chàng xách va ly, khoác áo mưa bước thủng thẳng ra cửa ga, kêu xe đi thẳng về nhà... Tắm rửa và dùng bữa xong, chàng lấy nhựt ký đọc qua hai lần nữa rồi nghĩ thầm... Việc bí mật này tất phải tốn lắm công phu, hao lắm tiền của mới khám phá ra được. Nếu em Kiều Tiên không gặp ta thì quyết rằng tự em, em không bao giờ báo thù được.

Ai giết Thuần Phong. Thuần Phong chết thì có ích lợi gì cho ai? Tìm được lời giải đáp câu này mới có thể truy nguyên ra được... Cái nhục nhà ta ngày nay chưa rửa được thì dẫu ta có làm sự gì vẻ vang cũng không vẻ vang gì. Kiều Tiên là em ta, chính là một gái có nết hạnh, có học thức mà phải linh đinh như cánh bèo, nghĩ thật cũng thảm thương. Năm năm trời nay, em ta ngộ bao nhiêu cảnh biến, chịu biết bao nhiêu sự đau đớn, mà kiên tâm nhẫn nại, không thua gì đởm lực con trai, thật rất đáng khen. Chịu đau đớn mà không phải lỗi tự em ta... Thương yêu một người tri kỷ là lẽ thường, huống gì em ta cũng chưa vì người tri kỷ mà làm sự gì đến nỗi tổn hại danh giá... Ta là anh, lẽ nào ta lại không hết sức, trước làm cho sáng sự mờ ám, sau là cứu lấy một cái đời rất đáng trọng của em ta? Học vấn để làm gì? Kiến thức để làm gì? Hai sự này há không phải là hai món khí giới giúp người ta khám phá tất cả những sự bí mật ở đời sao? Sự ám sát Thuần Phong là một sự bí mật, đã năm năm nay không ai quan tâm đến, chắc là đứa thủ phạm bây giờ đang nằm tréo cẳng mà hiêu hiêu tự đắc. Nó chắc rằng cái mưu kế sâu độc của nó không bao giờ ai thắng nổi... Người đời vì quỉ kế mà sung sướng, vì gian giảo mà vẻ vang thì hóa ra đời vô đạo. Kẻ

lập mưu gian để hãm hại người ngay mà không ai trị, thì còn gì là công lý? Một ngày kia nếu tất cả loài người đều ác độc, thì cái đời này chỉ là một vũng tội lỗi, không còn có nghĩa lý gì... Nhưng không! Chẳng bao giờ mưu gian được thắng, chẳng bao giờ cái màn hắc ám lại che được ánh sáng mặt trời mãi; những giọt sương buổi mai còn lóng lánh trên ngọn cỏ song đến khi có nắng thì ắt phải tiêu tan. Ta đã hiểu, đã biết sự bí mật thì ta phải làm, làm sao mà khám phá nó ra.

Chàng đứng ngay dậy, thay quần áo, bảo bồi mướn một cái xe hơi, nhứt định đi về nhà bà thân Kiều Tiên. Xe chạy vùn vụt, chàng ngồi dựa ngửa ngó mấy ngôi sao nhấp nháng trên trời mà suy nghĩ... Chàng nghĩ lại lúc chàng lên tám, cùng với Kiều Tiên học một trường, anh em yêu nhau mến nhau như anh em một cha một mẹ. Mới từ khi chàng thi đậu sơ học rồi cùng với Minh Châu qua Pháp là anh em xa cách cho đến ngày nay. Minh Châu về trước chàng hai năm, chàng còn phải ở lại để thi cử nhân luật khoa nên công việc ở nhà chàng cậy một tay bạn. Lúc trở về nghe Minh Châu thuật chuyện Kiều Tiên giết chồng, làm cho thím chàng là mẹ Kiều Tiên phải thế phát tu hành thì ruột chàng đứt từ đoạn... Thương em bao nhiêu lại giận em bấy nhiêu, nên chàng rủ Minh Châu đi chơi các xứ ngoài cho khuây khỏa. Song trong lúc đi du ngoạn chàng vẫn không quên chuyện nhà, nên chàng mới nghĩ ra cách viết **Mảnh trăng thu**, tả một người gái gặp cảnh sầu khổ, chịu lắm gian nan mà vẫn bền lòng như sắt đá, cố ý để tìm kiếm Kiều Tiên mà hỏi cho ra gốc ngọn.

Hôm nay trong lòng đã yên được một bề, song lại phải lo thêm nhiều nỗi. Tuy rằng biết em mình không phải đứa giết người, song làm sao mà chứng tỏ ra được? Tất phải gỡ mặt nạ đứa thủ phạm ra.

Xe qua đò, chạy một lúc nữa thì đến Vĩnh Long, chàng trả tiền xe rồi choàng áo mưa, đội mũ kết, xách va ly mà đi thủng thẳng... Đêm đã khuya chẳng có một bóng người, chàng đi riết đến nhà bà Phán... Chơn bước mà bụng hồi hộp, chàng đứng ngó quanh rồi lại đi... đi một đỗi thấy hai bên đàng nhà cửa thay đổi rất nhiều, nhìn muốn không biết đàng cũ... Chàng còn nhớ trước nhà Kiều Tiên có trồng hai cây mít nên chàng cứ để ý kiếm nhà nào có mít. Đi quanh vài ba con đàng nhỏ thì đến một sở nhà, trước có hai cây mít cao, nhành lá sum sê... Chàng đứng lại nhìn kĩ thì quả là nhà Kiều

Tiên... Cũng là một sở nhà ngói ấy... cũng là cái vách thành ấy... cũng là hòn non bộ ấy... Nhưng mà cái cảnh sao coi khác xưa nhiều.

Trong nhà còn thấy sáng đèn, ngoài bồn bông, các chậu kiểng lơ thơ; chàng trông thấy cảnh mà lòng thêm đau đớn... Chàng đang đứng ngẩn ngơ, thì con chó trong nhà chạy ra sủa dồ lên một tiếng... Chàng búng tay nghe trót trót và kêu tên "Sư tử... Sư tử" thì con chó ấy chạy lại ngoắt đuôi mừng. Chàng ngồi xuống, ôm con Sư tử mà vuốt ve nó... Chàng thấy Sư tử thì cảm động vô cùng, vì lúc nhỏ chàng và Kiều Tiên thường hay giỡn với nó. Chàng thở ra mà rằng: "Sư tử ơi! Mày có thương chủ mày không? Lúc trước chủ mày ở nhà thường săn sóc mày; nay chủ mày sầu khổ, linh đinh như đóa hoa trôi, mầy có biết không? Mày ở nhà, thường thường ở một bên cô mày mà sao mày không biết ai là kẻ giết chồng cô mày, báo hại cô mày? Tao thấy mày thì tao nhớ lại cảnh xưa lắm, vậy mày có thể giúp tao được chút gì chăng?".

Chàng khóc nước mắt rơi trên lưng con Sư tử... bỗng chốc thấy nó nằm lăn xuống mà kêu rống lên như tuồng cũng than khóc vậy. Con chó Sư tử này cao lớn và lông mọc rất dài nên Kiều Tiên kêu nó là con Sư tử. Nó vốn là loài chó giữ nhà, giống chó Tây nên mạnh mẽ lạ lùng. Lúc trước Kiều Tiên hay vuốt ve săn sóc nó. Nó khôn lắm, khôn cũng như người, chỉ khác là nó không biết nói.

Khi nó kêu rống lên thì nghe tiếng trong nhà mở cửa, một người con gái trạc mười lăm, mười sáu tuổi, bưng đèn ra hỏi: "Ai làm gì mà con Sư tử kêu vậy?". Thành Trai đứng dậy bước vào hỏi: "Em chưa ngủ sao? Thím có nhà không?"

Cô nhỏ ấy ngó Thành Trai một hồi mà không biết ai... Chàng nói: "Em quên anh rồi sao Kiều Nga? Anh là Thành Trai đây".

Kiều Nga mừng quá không nói rằng gì hết, để đèn trên bàn, chạy thẳng vào trong kêu mẹ, mà rằng: "Má ơi! Má! Có anh Hai con bác Phủ qua".

Bà Phán đầu đội mão quan âm, người ốm yếu, nét mặt âu sầu, bước thủng thẳng ra nhà trước. Bà thấy Thành Trai thì khóc nức nở. Thành Trai trông thấy tình cảnh thì động lòng, cũng không cầm được giọt lệ. Kiều Nga thấy mẹ và anh khóc thì cô xoay lưng lấy khăn lau nước mắt... Thành Trai thưa: "Thưa thím, cháu về nghe

câu chuyện của em Kiều Tiên cháu đau lòng vô cùng... Cháu thưa thiệt, xin thím chớ ngờ cháu. Cháu suy nghĩ, cháu phán đoán, cháu quyết chắc là em cháu không bao giờ làm sự ghê gớm ấy... Cháu lén ba má cháu mà qua hầu thăm thím và em Kiều Nga, xin thím đừng âu sầu lắm mà hao tổn tinh thần. Sự ngay gian một ngày một rõ, lẽ nào Trời đất chí công mà lại để cho người nhơn đức như thím phải chịu buồn rầu đau đớn mãi...".

Bà Phán lắc đầu, khóc mà rằng: "Cháu ơi! Thôi cháu đừng nhắc chuyện ấy lại làm chi cho thêm đau lòng thím. Đừng nói đến cái tên của đứa khốn nạn ấy nữa mà thêm nhục cho miệng cháu... Thím đã lạy Trời lạy Phật để đền cái tội lỗi không biết dạy con, mà chưa chắc đã hết tội được. Vì thím không bao giờ yên lòng".

Thành Trai ngó sửng bà hồi lâu rồi mới hỏi: "Nếu vậy thì thím cũng tưởng rằng con thím giết chồng sao?"

Bà lắc đầu đáp một cách rất buồn rầu rằng: "Thím *chắc* lắm chớ thím không *tưởng* gì hết. Lúc thằng Thuần Phong về xin cưới, thím có hỏi nó, thì coi bộ nó buồn bực lắm, nhưng thím không dè... Té ra gởi nó đi học cho nên người tốt mà hóa đi đem một sự nhục về cho nhà. Cũng vì tin nó nên để cho tự nó muốn làm gì thì làm... Thím nay phải chịu cái lỗi đó. Hồi nhỏ cháu thương nó lắm mà bây giờ có lẽ cháu cũng còn thương nó, nên lại muốn che cái tội cho nó. Thím không muốn giấu ai, thím muốn cho người ngoài biết rằng vì thím cho con đi học ở ngoài, thả cho nó theo chúng bạn, bị chữ tự do làm hại nên nay mới có cái họa nầy... Nếu ở nhà như thím, lo việc ruộng vườn như thím, thì có đâu đến thế? Thôi cũng không nên nhắc sự ấy lại làm gì... Cháu về bao giờ? Hôm trước nghe rằng cháu đậu cử nhân rồi phải không?

– Thưa phải, cái bằng cấp cử nhân thiệt không quí báu gì, nhưng cũng phải thi cho có, kẻo thiên hạ họ cười rằng học dốt, vì phần nhiều người còn lầm, cứ ngờ là có bằng thì mới là học giỏi. Cháu về đã lâu mà chưa qua thăm thím là vì mắc lo dò xét vụ ám sát đã xảy ra mà thiên hạ họ nghi cho em Kiều Tiên làm chủ động. Nay vì cháu đã gần tìm ra mối, cháu quyết là không phải em cháu giết chồng, nên cháu mới lại hầu thăm thím để thưa cho thím mừng...

Thưa thím, từ ngày ấy nhẫn nay bên nhà Thuần Phong có qua lại đây không?

– Không, mà sao cháu biết được con Kiều Tiên không giết chồng nó? Thiệt vậy không cháu?

Thành Trai thấy bà Phán hỏi mà có bộ hơi mừng, nên chàng cũng an ủi được lòng, chàng thưa: "Thưa thiệt, cháu dám chắc rằng em cháu không giết chồng, nhưng thím chớ nên nói cho ai hay, để cháu tìm kiếm cho ra kẻ phạm đã rồi, bấy giờ sẽ đem nó ra tòa mà rửa nhục cho nhà ta.

Bà Phán mừng quá, chấp tay lạy tạ Trời Phật... Kiều Nga chạy lại gần Thành Trai mà rằng: "Nếu quả vậy thì xin anh hết sức tìm kiếm cho ra mối, để gỡ oan cho chị em, sao chị em không dò hỏi gì hết mà lại đi trầm mình ngay như thế...".

Thành Trai mỉm cười mà rằng: "Cuộc đời xoay trở không biết sao mà nói cho cùng... Sự Kiều Tiên còn hay mất cũng chưa có thể định quyết được, nhưng mà theo ý anh thì Kiều Tiên chưa chết. Điều đó cần phải lâu ngày mới biết được. Tìm cho ra gian nhơn là cái phận sự của anh phải làm, em cứ an tâm. Bấy lâu nay em có đi học không?".

Kiều Nga đáp: "Không. Chỉ có học lúc trước với chị em mà thôi, từ lúc xảy ra biến cố, trong nhà, má em không cho em đi học nữa... Mà hễ em xin học thì má em khóc, cứ nói vì sự học mà chị em giao du với bọn gian ác nên mới sanh ra độc hiểm như thế... Em tin là chị em vô tội song không dám chắc vào đâu... Nay có anh đến đây em thiệt có nhiều hy vọng...".

Bà Phán tiếp nói rằng: "Cháu ơi, cháu thật rất có lòng, xưa nay vẫn không bao giờ bỏ bụng ai. Cháu đã thương thân thím góa bụa lại gặp phải cảnh nhục nhã này thì cháu nên làm sao cho thím chóng thấy mặt đứa giết rể thím và mưu hại con thím, để cho khi thím chết cũng được an lòng mà nhắm mắt. Ngày nay tuy thím còn sống, song chỉ sống cái xác tàn này mà thôi, chớ kỳ thật thím như người đã chết rồi, thím chẳng dám ngó mặt một ai.

Kiều Nga, con xuống biểu nấu cháo cho anh con ăn kẻo khuya mệt, và biểu thằng Lọ dọn phòng cho anh con nghỉ... Cháu ở đây ít ngày với thím cho vui".

Thành Trai thưa: "Cháu cũng muốn ở đây ít lâu để dọ xét cho kỹ việc ấy... mà thím phải dặn người nhà giấu đừng cho người ngoài biết rằng có cháu về. Mấy lúc này cái phòng của em Kiều Tiên có thay đổi món gì không?".

– Không, thím không cho ai rớ vào món gì cả, thím đóng cửa bỏ đó từ ngày ấy nhẫn nay... mà trong nhà cũng không ai dám léo vào phòng ấy. Cháu có muốn xem xét, thím biểu con Kiều Nga đưa chìa khóa cho cháu.

Thím cháu chuyện trò một hồi thì cháo đã dọn, chàng cũng đã mệt nên ngồi lại ăn ít chén uống một tách cà phê rồi kiếu mà về phòng. Kiều Nga dắt chàng vào một căn phòng bên chái đông. Phòng ấy dường như một cái phòng ở nhà khách sạn, có giường bằng đồng, có ghế bàn bằng sao, và một cái tủ kiếng đứng. Nguyên sở nhà ấy xưa ông Phán làm kiểu mới; có năm cái phòng trống để cho khách, chia làm hai phía, bên đông ba cái để cho khách đàn ông, bên tây hai cái để cho khách đàn bà, ở giữa lại có một cái phòng hình thuẫn, để làm phòng đọc sách, xem nhựt trình, rộng rãi lắm.

Kiều Nga để đèn trên bàn, ngồi trên ghế nói với Thành Trai rằng: "Hôm nay đã khuya quá, xin anh nghỉ cho khỏe, mai em sẽ dắt anh vào phòng chị Kiều Tiên em".

Thành Trai quăng áo mưa trên ghế, bỏ nón nỉ trên bàn, ngồi suy nghĩ một hồi rồi nói: "Thôi em đưa cái chìa khóa phòng Kiều Tiên cho anh, anh sẽ qua đó xem xét một mình tiện hơn. Em cứ đi nghỉ đi".

Kiều Nga vâng lời, trao chìa khóa cho Thành Trai rồi lui ra. Thành Trai mới cởi áo ngoài chưa kịp tháo giày thì con Sư tử chạy vào chồm lên trên mình chàng, cắn sợi dây nịt chàng mà kéo đi.

Con chó ấy đã già lắm, năm nay hơn mười lăm tuổi mà vẫn mạnh mẽ khác thường. Hình dạng nó to lớn hơn con chó đô của Tây: nó đi săn và lội lặn rất tài tình...

Thành Trai thấy nó kéo chàng thì chàng quì xuống một chơn, lấy tay rờ đầu nó và nói nho nhỏ rằng: "Sư tử ôi, lúc trước Kiều Tiên ưa mày, mến mày, săn sóc mày lắm, nay chủ mày bị tiếng oan mà mang nhục, mày không giúp được chủ mày sao?... Chủ mày chưa chết đâu! Chủ mày còn sống...".

Chàng nói đến câu ấy thì thấy con Sư tử có bộ vui mừng, ngoắt đuôi hai ba lần rồi kéo chàng đi. Chàng vuốt đầu nó mà rằng: "Khoan đã, hãy nằm xuống đó... Đợi ta mang giày cao su rồi ta sẽ theo mày". Con Sư tử liền nằm xuống. Chàng tháo giày da, mở va ly lấy một đôi giày cao su mang vào rồi, vỗ con Sư tử một cái, nó liền chạy trước, chàng theo sau... Con Sư tử chạy thủng thẳng, kê mũi sát đất để đánh hơi, rồi cất đầu lên cao chạy mau hơn. Thành Trai rảo cẳng chạy tuốt theo, ra sau vườn đến dưới gốc cây măng cụt thì con Sư tử ngừng lại. Chàng ngó con Sư tử xem thử nó làm gì. Sư tử hửi quanh một vòng rồi nằm xuống lấy hai chơn bươi đất... Chàng lại bươi giùm một hồi; cái lỗ ấy đã sâu gần nửa thước tây và lớn bằng trương cái mủng rồi mà không thấy chi. Con Sư tử hầm hử một hồi rồi hất đất văng tủa ra hai bên, dường như có ý tìm kiếm món gì. Chàng liền lấy tay bóp đất nát ngấu và mò dưới lỗ thì bỗng đụng vật gì nho nhỏ và cứng. Chừng đem lên phủi đất, lấy khăn chùi thì là một chiếc nhẫn vàng đã móp và hai lóng xương... Chàng lại hồ rửa rồi đưa cho con Sư tử hửi thì thấy bộ nó mừng, và ngoắt đuôi và liếm tay chàng. Chàng cũng mừng quýnh, vuốt lưng nó mà rằng: "Sư tử ôi, Sư tử! Mày cứu chủ mày đó. Nếu ta nhờ hai vật này mà tìm ra kẻ gian thì ta sẽ trọng thưởng mày... Con Sư tử ngoắt đuôi, chàng lấp đất lại tử tế rồi trở về phòng, lấy chiếc nhẫn ra xem... Con Sư tử nằm dưới chơn chàng. Chiếc nhẫn ấy bằng vàng y, trên mặt có chạm một nhánh mai nho nhỏ, có hai chữ V.L. Chàng xem rồi bỏ vào một cái hộp nhỏ, cất dưới tủ... Trong mình hơi mệt, chàng đóng cửa tắt đèn đi ngủ...

Đồng hồ gõ bảy giờ, chàng giựt mình thức dậy, qua phòng tắm, rửa mặt chải tóc rồi ra chào thím. Bà Phán dạy đem hột gà và sữa cho chàng dùng rồi hỏi: "Đêm cháu có ngủ được không?" Chàng thưa rằng. "Trong mình mỏi mệt nên nằm xuống thì ngủ liền... Cháu định hôm nay vào xem trong phòng Kiều Tiên, vậy xin thím cấm bọn đầy tớ không được léo lên nhà trên".

Bà Phán gật đầu mà rằng: "Cháu cứ tự ý muốn làm gì thì làm, không đứa nào dám léo lên đâu".

Chàng đứng dậy chào thím rồi trở về phòng lấy chiếc nhẫn ra xem lại... Xem một hồi rồi lại lấy đốt xương ra nhìn... Chàng nghĩ rằng: "Có lẽ sự bí mật này sẽ nhờ đốt xương và chiếc nhẫn này mà

khám phá ra được. Có lẽ con Sư tử biết rõ chuyện này... Tiếc thay con Sư tử không biết nói... Chắc là lúc đứa gian nhơn vào nhà thì bị con Sư tử biết nên nó phải cự lại với con Sư tử, chẳng may bị cắn đứt tay... Nhưng còn một sự này cũng lạ; ai chôn chiếc nhẫn và mấy ngón tay ấy? Sao con Sư tử không kêu lớn lên cho trong nhà ra tiếp?".

Chàng ngồi suy nghĩ mãi mà chưa ra; chàng liền bỏ hộp ấy vào túi áo rồi đi lại phòng Kiều Tiên. Chàng mở khóa một hồi lâu mới đặng vì khóa sét rồi, chàng vào trong rọi đèn lên thì thấy bàn ghế đầy cả bụi bặm, trên tường trên mùng, tơ nhện giăng cùng... Xấp tạp chí Illustration còn lật ngửa, áo quần còn bỏ cả trên giường. Giữa đất có một đám đen đen như mực, chắc là đóng máu Thuần Phong. Chàng kéo một cái ghế mây, lau bụi rồi ngó chung quanh... Gương lược phấn sáp vẫn còn để trên cái bàn nhỏ.

Cửa sổ vẫn đóng chặt, tư bề không có gì lạ... Chàng gục gặt đầu và nói thầm rằng: "Khi kẻ gian vào nhà Thuần Phong còn thức thì tất nhiên không có thể giết chàng dễ quá như vậy... Mà trong nhà không mất một món gì cả, vậy kẻ này không phải là trộm cướp... Đứa gian này chỉ cốt vào giết Thuần Phong! Thế là nó chỉ định tâm giết Thuần Phong mà thôi... Mà sao nó vào nhà dễ dàng như vậy? Mười phần chắc nó đã dùng thuốc mê nên mới dễ ra tay như thế... Phải, trong nhựt ký, em Kiều Tiên có nói em nghe như có mùi nhang, rồi một lát thì em mê... Thiệt là phải rồi không còn nghi ngờ gì nữa!" Chàng liền tắt đèn, đóng cửa lại và ngó chung quanh rất chăm chỉ. Chàng lại thắp đèn lên rồi bước lại một bên cái tủ đứng dựa vách phòng bên kia mà nhìn một hồi rồi kéo cái tủ ấy ra thì thấy sau lưng cái tủ có một cái cửa thông qua phòng kế đó mà đã có nhận ngang một cây sắt rồi, không thế nào mở ra được. Chàng liền qua phòng bên kia mở cửa ra xem... Phòng ấy cũng như phòng của chàng không khác chút nào... Chàng leo lên giường, lại cửa coi kỹ thì thấy cánh cửa có một cái mắt cây đen đen... Chàng lấy cây quẹt xoi thì té ra là một cục sáp đen gắn vào để thay cái mắt ấy. Chàng lấy cục sáp ra, coi thật tinh tường thì thấy cái lỗ ấy lớn bằng ngón tay út, không phải là một cái lỗ tự nhiên mà chính là một cái lỗ xoi bằng cái đục đây. Chàng lại lấy một cái khăn thắm nước chùi vào cái mắt

ấy thì thấy hơi lem luốc... Chàng mỉm cười, nhét sáp lại, bước qua phòng Kiều Tiên kéo tủ để y lại chỗ cũ rồi khóa cửa...

Chàng nói thầm rằng: "Té ra đứa gian này quả là một đứa thông minh và khôn khéo lắm. Nếu không có ý thì ai ngờ cái mắt cây ấy không phải là tự nhiên". Chàng thở ra mà rằng: "Sự thông minh xưa nay đã làm cho nhiều người được nên nghiệp vĩ đại, giúp ích cho nhân quần, mà sự thông minh lại cũng tạo thành ra những đứa gian tham rất ghê gớm. Biết bao nhiêu người lợi dụng sự thông minh của Trời phú cho mà làm những điều tội ác... Người có thông minh mà không có đức dục thì chính là một con quỉ phá hại đời, chỉ mong làm sự ích kỷ mà không tưởng đến sự hại chung.

Chàng ra nhà trước thấy thím và Kiều Nga đang nói chuyện, Kiều Nga hỏi: "Anh có tìm ra sự gì không?" Chàng gật đầu đáp rằng: "Cũng có sự đáng nên chú ý. Phàm trong những sự bí mật thì dầu một chút gì xem có hơi khác thường cũng phải cho là lạ, mà cần phải suy nghĩ cho ra lẽ: vì sao mà có? có để làm gì? Những con mắt đã quen xem xét sự bí mật, sự lạ lùng, hễ thấy có sự gì khác thường là chăm chú vào ngay. Anh cũng thích về sự khám phá những sự bí mật nên mới xem qua phòng Kiều Tiên thì anh đã thấy một vài sự lạ... mà chưa tiện nói ra ngay...".

Bà Phán chắp tay mô Phật. Kiều Nga nói: "Nếu vậy thì chắc nay mai gì anh cũng tìm ra được mối rồi!" Cô mừng quá mà òa khóc. Bà Phán dạy rằng: "Con đừng khóc mà má đau đớn lắm, con hãy để cho má yên tâm cầu khấn... Cháu ơi, thím nhờ cháu hết lòng, tìm kiếm cho ra lẽ sớm sớm một chút thì họa may thím mới có thể thấy được con Kiều Tiên. Thím nay chắc rằng nó chưa chết...".

Thành Trai thưa rằng: "Về sự còn mất thì xin thím cứ tin ở nơi Trời. Bây giờ chỉ lo tìm đứa đã ám sát Thuần Phong cho ra thì rồi muôn sự đều ra hết. Dầu em cháu còn hay mất thì cũng vẫn được trong sạch, không hại gì đến danh giá. Thưa thím, cái phòng gần một bên phòng Kiều Tiên đó là phòng ai? Đêm mà xảy ra vụ án mạng nầy thì ai nằm trong phòng ấy?".

Bà Phán ngẫm nghĩ một hồi rồi đáp rằng: "Thím nhớ rằng hôm ấy không có ai ở phòng ấy hết, vì thím đã đóng cửa lại. Phòng ấy gần phòng Kiều Tiên quá, để cho ai nằm thím e bất tiện".

– Vậy chìa khóa phòng ấy thím có đưa cho ai không?

– Không. Thím không đưa cho ai mà thím treo theo mấy cái chìa khóa phòng khác.

– Mấy đứa ở lúc ấy nay còn có mặt ở đây không?

– Thiếu thằng Tư Lực và con Liễu. Hai đứa ấy xin về làm ăn, thím cũng buồn nên không cầm bọn nó lại làm gì.

Chàng ngồi suy nghĩ một hồi rồi hỏi: "Vậy mà sau này thím có mướn thêm đứa nào chăng?"

– Có, thím mới nuôi thêm một đứa chừng ba bốn tháng nay.

– Thím cho kêu thằng ấy lên cho cháu coi thử.

Kiều Nga lật đật chạy ra sau kêu rằng: "Tám Lọ, lên cho bà biểu mau đi".

Thành Trai ngó lại thì thấy một đứa vạm vỡ, hai con mắt tròn vo, trán rộng, má bầu, miệng lớn, mũi to, mặc áo vải trắng, quần đen, tác độ mười chín hai mươi tuổi. Con mắt nó sáng như mắt con mèo lúc ban đêm, cái lưng nó lớn mà hai cái vai bằng, tướng coi mạnh dạn và lanh lợi lắm. Tám Lọ chắp tay chào rồi đứng một bên, mà con mắt ngó ngay vào Thành Trai dường như muốn tìm kiếm sự gì. Tuy cái ngó ấy mau thoáng qua như chớp, nhưng không tránh khỏi con mắt của Thành Trai. Bà Phán hỏi: "Mày đã sửa mấy chậu kiểng lại chưa?".

Tám Lọ thưa rằng: "Thưa, tôi đang mắc hốt đất trộn phân nên chưa sửa mấy chậu kiểng ấy đặng, để vài ngày nữa cho phân bớt hăng rồi mới trồng lại được. Còn mấy chậu kiểng phía sau thì tôi đã uốn nắn lại hết rồi, chỉ còn ít bữa nữa mở dây ra thì xong".

Thành Trai thấy Tám Lọ làm bộ lừ đừ song biết nó là một đứa lanh lợi. Chàng nói: "Hôm nay cháu về đây chơi, cháu muốn dùng một người lanh lợi để sai biểu, vậy xin thím cho thằng này hầu cháu".

Bà Phán biểu Tám Lọ rằng: "Thôi ra ngoài tắm rửa cho sạch sẽ rồi hầu cậu Hai ít bữa, mà phải dẹp cái miệng nói dóc lại nghe".

Tám Lọ nói: "Thưa bà, tôi mới thiệt là hơn ai hết. Tôi có nói dốc bao giờ. Để tôi hầu cậu Hai chắc là cậu Hai bằng lòng lắm". Tám Lọ vừa nói vừa chào rồi lui ra...

Thành Trai lại hỏi: "Thưa thím, từ ngày con Liễu và thằng Tư Lực đi đến nay, thím có biết bọn nó ở đâu không? Và làm việc gì?"

– Thằng Tư Lực nay làm sớp phơ cho ai trên Gia Định, còn con Liễu thì ở miệt Tân Định, nghe nói nó có lập một cái tiệm bán đồ ăn tây và lại có phòng ngủ nữa. Cách hai tháng con Liễu có về, nó khóc lóc với thím lâu lắm. Nó nói nó nhớ con Kiều Tiên; còn thằng Tư Lực thì đi biệt không thấy lai vãng. Có lẽ chủ mới nó bó buộc lắm nên không đi đâu được.

– Lúc trước còn ở với thím, tánh hạnh hai đứa ấy ra sao?

– Con Liễu thì dễ thương lắm... Nó tuy con nhà nghèo mà mặt mày dễ coi, lại nhờ con Kiều Tiên dạy vẽ cho, nên nó giỏi lắm. Nó khôn ngoan nên trong nhà ai cũng thương nó hết, sau khi con Kiều Tiên bị cái oan ấy thì nó buồn rầu lắm nó xin đi. Thím thương nó, có khuyên lơn nó ở lại thì nó nói nó thấy cảnh này bao nhiêu, nó càng đau lòng bấy nhiêu, nó không thể ở được; thím mới cho nó một trăm đồng, một cây kiểng vàng và hai bộ cà rá. Nay cách mấy năm mà nghe nó khá lắm, ấy là Trời giúp nó đó. Còn thằng Tư Lực thì lang bang lắm. Lúc ở với thím nó cũng siêng năng bặt thiệp, nhưng nó có tánh xảo trá, hay nói điêu ngoa khó tin được. Từ khi nó đi đến nay, không hề có một cái thơ nào gởi về mà cũng không đến thăm thím lần nào.

– Trong hai đứa đó, thím thương con Liễu mà ghét thằng Lực thì trong lúc ấy chắc việc gì thím cũng sai con Liễu phải không?

– Thím không ghét gì thằng Lực, nhưng thật điều gì thím cũng sai con Liễu.

– Vậy mà hai đứa nó có thuận nhau không?

– Thằng Lực ganh ghét con Liễu lắm, nhưng không dám nói... Sau khi xảy ra sự sát nhơn trong nhà rồi thì thằng Lực xin đi trước. Cách nửa tháng sau con Liễu mới đi, mà hôm trước con Liễu có nói với thím rằng có gặp thằng Lực. Thằng Lực muốn chọc ghẹo nó mà nó không chịu. Nó chê thằng Lực hoang đàng và gian giảo.

– Nhà ngủ của con Liễu hiệu gì đó thím?

– Hiệu Bá Lạc Viên ở góc đường Champagne và đường Paul Blanchy.

Thành Trai lấy bút chì ghi vào sổ tay rồi bỏ túi...

Chàng đứng dậy đi qua đi lại một hồi, ngẫm nghĩ mà rằng: "Theo như lời thím ta nói thì con Liễu không hiểu gì trong việc này; nó thôi ở là chỉ muốn ra khỏi vòng tôi tớ để lập thân mà thôi. Còn thằng Lực thì đáng nghi lắm, sao nó lại dám đến ghẹo con Liễu? Con Liễu ngày nay nghiễm nhiên là một bà chủ nhà ngủ, còn nó thì chẳng qua là một anh sớp phơ, sao lại dám trèo cao như thế? Nếu nó dám ghẹo con Liễu thì tức là nó đã sắm bộ hậu cũng oai lắm... mà nếu thiệt là sớp phơ thì tiền đâu mà oai?" Chàng nghĩ thế rồi đứng lại hỏi bà Phán: "Hai đứa đó bao nhiêu tuổi và hình dạng nó ra thế nào?

Bà Phán đáp rằng: "Thằng Lực thì lớn, từ trên đầu đến lưng dài hơn từ lưng đến chơn, hai tay dài như tay vượn, cái ngực nở, mặt hơi thỏn thỏn, con mắt sâu, hai gò má cao, cái mũi hơi gãy phía dưới con mắt tay trái có một cái thẹo mà hễ gặp ai thì nó thường hay ngó nghiêng nghiêng... Con Liễu thì trung trung người, mặt tròn, hai chơn mày dài mà đen, con mắt hơi nhỏ, mũi ngay, cái miệng cũng nhỏ mà tươi lắm. Gương mặt nó vui vẻ luôn.

Thành Trai nghe bà Phán tả hình dạng hai đứa ấy thì tức cười mà nói: "Sao thím nhớ rõ ràng quá vậy. Bây giờ hễ cháu gặp hai đứa ấy thì không làm sao mà bọn nó giấu diếm cháu được".

Bà Phán cũng tức cười mà rằng: "Chỉ vì ngày nào thím cũng nhắm hai đứa ấy, thấy bộ tịch mỗi đứa một khác, hình dung và tánh ý hai đứa trái hẳn nhau, nên thím nhớ kỹ lắm. Mà đừng nói gì hai đứa đó, dầu cho đứa nào ở trong nhà này mà đi đâu bao lâu đi nữa, thím cũng không quên".

– Mà mỗi đứa bây giờ chừng bao tuổi?

– Thằng Tư Lực năm nay... (bà tính lần ngón tay... mười chín... hai mươi... hai mốt) năm nay nó chừng hai mươi lăm tuổi. Còn con Liễu thì lối chừng hai mươi mốt, hai mươi hai tuổi.

– Vậy mà hôm xảy ra vụ án mạng ấy con Sư tử có ở nhà không thím?

– À, cháu hỏi thím mới nhớ... hôm ấy lộn xộn quá nên thím không coi chừng nó... nhưng khi cò lấy ăng kết và thầy thuốc khám tử thi rồi cho phép chôn và phái người đi kiếm con Kiều Tiên thì

thím mới biết là con Sư tử đi đâu mất. Thím xin phép giữ kỹ cái phòng con Kiều Tiên lại... Cả ngày ấy thím buồn bực nhục nhã quá nên khóc hoài... Tối chừng tám giờ thím đang ngồi trước bàn thờ của chú cháu mà khóc, bỗng thấy con Sư tử đi vào... nó đi từ bước, từ bước, dường như mang bịnh hay là bị ai đánh, con mắt đầy cả ghèn. Nó bước lại gần thím, cắn chéo áo thím mà kéo đi... Lúc ấy thím buồn quá, thím liền đánh đuổi nó ra. Nó không chịu ra, nằm xuống và hai chân đập xuống đất mà kêu la rầm rĩ... Thím thấy vậy lại càng thêm đau lòng nên khóc òa... Thím vuốt ve nó thấy máu dính trên lông nó thì ngỡ là nó lăn trên vũng máu... rồi thím lại nhớ tới rể thím, thím đau lòng quá, mới biểu đem nó đi tắm rửa... Song nó cứ kêu la mãi... Từ đấy nhẫn nay hễ khi nào nó nghe ai nói đến con Kiều Tiên, than thở về chuyện con Kiều Tiên thì nó kêu la rầm rĩ dường như tiếng người khóc... Vì thế mà mỗi khi có nó thì thím không dám nhắc đến tên con Kiều Tiên. Không biết sao mà nó khôn quá, lúc xưa nó trìu mến con Kiều Tiên làm sao thì nay nó trìu mến con Kiều Nga làm vậy. Hễ con Kiều Nga đau thì nó cũng đau, con Kiều Nga không ăn cơm thì nó cũng không ăn cơm... lắm lúc con Kiều Nga với nó khóc cùng nhau về sự con Kiều Tiên biệt tăm biệt dạng... Có một hôm con Kiều Nga đi mua đồ ngoài phố mà không nói trước cho nó hay, nó chạy luồng cả nhà trong nhà ngoài, rồi quanh vườn trầu qua vườn bông, kêu la rầm rĩ. Thím thấy vậy phải kêu nó lên mà nói rằng: "Con Kiều Nga đi phố mua đồ chớ không có sự gì lạ; bấy giờ nó mới chịu nằm yên. Khi Kiều Nga về thì nó mừng quá, chạy lại ngoắt đuôi và liếm dưới chơn... Cháu cũng biết là nó khôn lắm chớ, chắc là hồi khuya cháu có nhắc đến con Kiều Tiên với nó nên nó mới kêu rầm rĩ như thế".

Thành Trai gật đầu thưa rằng: "Nó khôn lắm, hồi khuya cháu mới nói đến Kiều Tiên thì nó đã kêu la nên em Kiều Nga ở trong nhà mới nghe thấy. Cháu chắc trong cái vụ này con Sư tử cũng là một *kẻ làm chứng*. Có lẽ cũng nhờ nó rồi đây cháu khám phá ra được sự bí mật".

Bà Phán nghe nói con Sư tử là một kẻ làm chứng, thì bà sụt sùi mà rằng: "Cháu ơi, phá sự bí mật thật là một điều rất khó, dầu cho con Sư tử khôn đến thế nào đi nữa, mà có thấy rõ kẻ sát nhơn đi nữa cũng không làm sao mà giúp cháu trong sự tra cứu được, vì

nó không biết nói". Thành Trai thưa rằng: "Thưa thím, nếu con Sư tử biết rõ kẻ sát nhơn và nó lại *biết nói* thì kẻ sát nhơn kia có tha cho nó sống đâu. Cũng nhờ không biết nói mà sống đến ngày nay, có lẽ sau này nó giúp cháu được nhiều... Con Sư tử tuy không biết nói mà còn biết thấy... *biết thấy* cũng đủ rồi. Một đám cỏ, một viên đá kia mà còn giúp cho người tìm ra không biết bao nhiêu sự bí mật trong trời đất thay, huống gì là con chó, chỉ thiếu cái lời nói mà thôi. Thím đừng cho ai biết đến câu chuyện này.

Bà Phán mủi lòng rơi lệ... Kiều Nga dắt con Sư tử lên... Bà vuốt ve nó, nó thấy bà khóc nó cũng có dáng buồn...

Một buổi sáng ấy Thành Trai không đi đâu cả, dùng cơm rồi lại vào phòng cho kêu Tám Lọ. Tám Lọ bấy giờ đã thay áo quần sạch sẽ, tóc chải láng, bước vào chào Thành Trai rồi đứng xớ rớ bên ghế. Thành Trai nằm trên giường ngó Tám Lọ mà rằng: "Buồn quá, không biết chỗ nào đi chơi cho vui?".

Tám Lọ chúm chím cười mà thưa "Ở đây không có chỗ nào vui hết, mà cậu muốn vui về sự gì?".

– Sự gì vui thì vui chớ biết sự gì mà nói.

– Thưa cậu Hai, có nhiều chuyện vui khác nhau lắm chớ... Có chuyện theo ý người này thì vui, mà theo ý người kia thì buồn nên tôi không biết ý cậu Hai vui về chuyện gì. Hễ cậu muốn vui thứ gì thì tôi sẽ tìm cho cậu thứ ấy được.

Thành Trai mỉm cười mà rằng: "Cậu cũng không biết thứ gì mà nói, vậy thì Lọ hãy kể thí dụ thứ gì vui người này mà buồn người kia cho cậu nghe thử".

Tám Lọ đắc ý nói: "Để Lọ tôi kể sơ một chuyện cho cậu *nhức gân* chơi!... Như có một cô nào môi son má phấn, cặp con mắt có tình, miệng có duyên ngồi một bên chuyện trò thì dẫu đêm dài cũng hóa vắn, cảnh sầu cũng hóa vui, thế mà lại có người không ưa thú ấy, thấy vậy thì ghét, muốn tìm nơi thanh tịnh để ngồi di dưỡng tinh thần... Lọ tôi tưởng cậu vô hạng người ấy nên nói là mỗi người vui một thú; dầu Lọ tôi muốn cho cậu vui cũng không được.

Thành Trai gật đầu mà rằng: "Phải, mỗi người có một tánh khác nhau. Từ lúc nào cậu vẫn không muốn những sự gì bận bịu về nữ sắc. Cậu có tánh muốn nghe ai kể chuyện của họ... Bây giờ

Lọ thử kể chuyện Lọ cho cậu nghe chơi... Cậu cho phép Lọ ngồi bên ghế mà nói cũng như mấy người kể chuyện xưa vậy, mà cậu chỉ muốn biết sự *thật* có để cậu học tâm lý của người cho thêm phần lịch duyệt chớ cậu không muốn nghe nói dóc.

Tám Lọ dạ, kéo ghế ngồi rồi thưa: "Kể nói chuyện bậy bạ thì Lọ nói dóc hơn ai hết, mà nói chuyện thiệt thì Lọ dại vô cùng; Lọ nói không thêm bớt chút nào, Lọ tôi mới đến ở với bà đây hơn ba tháng nay, chưa nói gì hết mà bà đã kêu là thằng nói dối. Lọ tôi sợ lắm nên làm bộ thiệt thà hoài... Thôi hôm nay Lọ tôi xin kể chuyện thân thể cho cậu nghe chơi.

– Ừ kể đi.

– Dạ, để Lọ tôi thuật cho cậu nghe, thuật như nhà đặt tiểu thuyết vậy.

"Một cái nhà lá nhỏ ở bên cái rạch con, trước có một đám mía, sau có mấy giồng khoai ở láng Nguyệt Lãng, hạt Trà Vinh; ấy là nhà của một người đàn bà đã già cả, đau bịnh ho ra máu... Tiếng ho khè khẹt cả ngày! Bà già ấy ốm lắm, chỉ còn xương với da, đi đâu cũng không nổi. Người ở gần đều kêu bà ấy là bà Ho... Bà ấy còn được sống là nhờ một đứa con nuôi, mười bảy mười tám tuổi.

Thằng này được người ta thường khen là chí hiếu, nhưng tánh nghịch ngợm chẳng ai bằng! Nó thường ngày đi làm mướn đem tiền về lo thuốc thang cho mẹ, còn cơm thì nó chỉ xin ăn mà thôi. Nó xin đâu được đó, vì nhiều người thương nó lắm. Nó làm việc rất siêng năng, mà nhờ có sức lực mạnh mẽ nên làm bao nhiêu cũng không biết mệt... Làm nặng như trâu, chạy mau như ngựa, ấy là những tiếng người ta thường hay khen nó. Nó vác nổi hai tạ gạo mà không hề đỏ mặt, chạy suốt ngày mà không hề mỏi chơn; gặp người trên nó biết kính nhường, gặp đứa võ phu nó không biết run sợ. Thằng nhỏ ấy chiều nào cũng ngồi một bên mẹ, lo từng chén nước, lo từ cái tăm! Nó chỉ vái thầm cho mẹ nó mạnh thì dầu cái xác của nó có nát nghiến ra tro bụi nó cũng không phiền.

Lòng nó như vậy mà bịnh mẹ nó cứ một ngày một tăng, đến nỗi phải ngồi suốt đêm không ăn không ngủ. Nó khóc lóc khẩn cầu

bao nhiêu cũng vô hiệu. Lắm người bảo nó không nên gần mẹ nó lắm mà sau nhiễm lấy bịnh lao thì cái đời phải bỏ. Nó không nghe, nó chỉ nói: "Làm con trọn hiếu, thì chẳng bao giờ Trời nỡ hại".

Chẳng bao lâu vừng trăng đã khuyết, quạ gáy nóc nhà, mẹ nó sắp từ cõi trần đau đớn mà an giấc ngủ thanh nhàn. Một đêm kia cách nay gần sáu bảy tháng, bà già ấy kêu nó lại gần mà rằng: "Con ơi, nay má đã không còn được bao hơi nữa, đã tâm nguyện mau mau nhắm mắt để cho con được thảnh thơi. Con đã vì má mà lo lắng, mà khổ cực mấy năm trời, má nằm một chỗ để báo hại con, lòng má không đành. Má mà nhắm mắt thì con mới có thể bay nhảy với đời được. Con thông minh, con kiên nhẫn, con siêng năng, con hiếu nghĩa, bốn điều ấy đủ làm cho con ngày sau được sung sướng vẻ vang. Vậy con hãy lẳng lặng mà nghe má nói... Con không phải là con má đẻ đâu. Mà ai là cha mẹ con thì má đây cũng không biết. Con đừng lấy làm lạ, má không phải mê sảng gì đâu, cái xác của má tuy đã tiều tụy, mà cái tinh thần của má còn tỉnh táo lắm... má còn nhớ... nhớ rõ ràng cái đêm ấy chính là đêm *mười hai tháng sáu năm sửu* (1900) má nằm trước cửa một cái chùa kia ở Gia Định.

Trời lạnh, ngủ mê, khi thức dậy thì thấy có một đứa con mới đẻ quấn trong cái mền trắng nhỏ để một bên má. Má bồng xem thì nó còn sống... Má chắc là con đẻ hoang, mẹ nó sợ xấu nên mới vứt bỏ... Má liền nuôi làm con... Trong cái mền ấy có một số tiền là sáu chục đồng! Má lại chắc người mẹ nó là con nhà có tiền, nhưng sao không mướn người nuôi mà lại đem bỏ... Đứa nhỏ khóc u oa ấy ngày nay là con đó. Vậy thì khi má nhắm mắt rồi con ráng làm ăn và đò lần tông tích của má ruột con, để mẹ con sum hiệp thì má rất vui lòng nơi chín suối..." Nói rồi thì bà mất.

"Thằng con không cha ấy khóc lóc thảm thiết rồi nghĩ cách chôn mẹ... Tiền không! Áo quần không! Biết tính làm sao? Lúc đang bối rối bỗng có người xô cửa bước vào... Người ấy chừng hăm hai, hăm ba tuổi, đẹp trai mà nghiêm nghị lắm. Người ấy hỏi vì làm sao khóc, nó liền thuật chuyện lại. Người ấy lấy một xấp giấy bạc đếm hai chục đồng đưa cho nó. Nó không dám lấy vì từ lúc nào nó vẫn chưa biết người ấy, chưa làm được sự gì ích lợi cho người ấy, nhưng người ấy nói một cách rất ân cần: "Không sao đâu mà em ngại, em ở

có hiếu với má em nên qua thương lắm, em cứ lấy số tiền này mà chôn cất má em, khi nào em làm ăn khá em sẽ trả lại cho qua cũng được".

"Thằng nhỏ ấy tức là Lọ đó".

Thành Trai nói: "Nếu vậy thì Lọ giỏi lắm, hiếu như vậy tức là động đến lòng trời... Sao nữa".

– Thưa cậu Hai, khi chôn cất má tôi rồi thì tôi đi tìm người ơn của tôi... Người ấy cho tôi một số tiền nữa, khuyên lơn tôi đừng nên làm một sự gì trái với lương tâm; nghèo mà ngay thẳng mới tốt. Tôi cảm động quá, từ tạ người rồi lên Trà Vinh làm mướn mấy tháng, nhưng coi mòi không khá nên tôi mới lên đây.

Thành Trai nghe nói người hào hiệp như thế thì sanh nghi nên nói: "Người ấy bây giờ ở đâu? Và làm gì?".

Tám Lọ ngó chàng rồi đáp: "Người Sài Gòn mà xuống thăm bà con ở Ba Động... Nghe nói buôn bán thì phải.

Thành Trai không hỏi về sự ấy nữa, ngồi dậy rồi nói: "Bây giờ Lọ tính ở đây hay là còn muốn đi nơi khác?".

– Thưa cậu, vì lúc này còn nghèo quá nên chưa dám lên Sài Gòn... Ở đây một ít lâu rồi tôi cũng phải tìm đi lần hồi kiếm nghề nghiệp khác làm ăn để dò hỏi gốc tích má tôi... Tôi vẫn có lòng tìm cha mẹ, lẽ nào ở yên đây được.

– Vậy thì em tính chừng nào đi Sài Gòn?

– Lúc này chưa tính được để thủng thẳng rồi sẽ hay. Mà sao ở đây tôi vui lòng quá, dường như là tôi được ở nhà với cha mẹ tôi vậy.

– Nếu em quả thật có lòng hiếu cảm như thế thì chắc là em sẽ tìm được cha mẹ em, nhưng qua nghĩ lại thì cũng lấy làm lạ cho cái tình đời lắm. Có lý nào một người đàn bà con gái lại dứt bỏ cái *núm ruột* của mình cho đành. Dầu sao nữa, cũng là con, vì lẽ gì lại vứt bỏ đi mà chẳng thương tâm. Cha mẹ đã nhẫn tâm như thế thì cũng chẳng nên tìm kiếm làm gì.

Tám Lọ sa nước mắt mà rằng: "Cậu nói vậy đau đớn tôi lắm, nhiều khi tôi cũng nghĩ đến sự nhẫn tâm ấy mà nghiến răng châu mày, nhưng tôi vẫn muốn tìm cho ra gốc tích để tôi hỏi làm sao mà lại có hạng người ghê gớm như vậy. Tôi hỏi cho biết, rồi tôi sẽ có

cách xử trí. Nào phải tôi muốn tìm cha mẹ nhẫn tâm ấy mà nương nhờ đâu.

– Em cũng không nên hờn trách cha mẹ, để thủng thẳng ngày sau sẽ biết rõ. Cứ gia tâm mà tìm kiếm đi.

Tối hôm ấy trời mưa lác đác, gió thổi rì rào, Thành Trai tắt đèn đứng dựa bên cửa sổ mà dòm ra ngoài. Chàng nghĩ những lời của Tám Lọ không phải là lời giả dối, nhưng chưa chắc là không ai sai biểu, mà nó đến ở trong nhà này... Dầu sao nó cũng chỉ vì đồng tiền mà thôi, chớ có biết gì khác đâu, ta cũng không cần phải chú ý lắm... Tuy trong tay ta đã có tang chứng hiển nhiên, nhưng đời rộng mênh mông, ta làm sao mà tìm ra được. Tìm cho ra người cụt nửa ngón tay là một điều *rất khó!* Đem con chó ra làm chứng là hai điều *rất khó!* Khám phá cho ra sự bí mật này có phải dễ gì!... Nếu đứa cụt ngón tay không đi đâu, chỉ ở trong nhà thì làm sao ta thấy được mà hòng bắt nó?". Chàng ngẫm nghĩ hồi lâu, dường như có ý thối chí. Nhưng bỗng chốc chàng lại tự bảo chàng rằng: "Thành Trai, ngươi không được thối chí. Bất kỳ một sự gì, hễ đã nhúng tay vào thì phải cố làm cho kỳ được. Đừng nên thấy sự khó khăn mà chán nản, phải biết rằng *sự khó khăn chính là cái để phấn khởi lòng người anh hùng* đó. Nay một sự bí mật đang phá hại cái danh giá cả dòng họ ngươi, đang vùi dập một người em gái ngươi, đang hãm hiếp những kẻ hiền lương vào vực sầu thảm mà ngươi không gia tâm khám phá ra, thì ngươi còn mong gì sự nghiệp về sau này! Người anh hùng không hề lui lại một bước nào! Ngươi phải biết như thế mà coi sự *chán nản* ở đời là một con *ma phá hoại*... Từ xưa đến nay, người sở dĩ mà hơn nhau là nhờ ở sự quả quyết, chí kiên nhẫn. Ngươi mới bước chơn ra đời, gặp một chút chuyện nhà mà không đởm đương thì sau này mong gì đởm đương những sự khác khó khăn hơn, nguy hiểm hơn! Đừng cho sự gì khó, là *làm không được*, bất kỳ điều chi, hễ đã có người nghĩ đến, làm đến, thì đều phải làm được hết".

Vừa lúc ấy thì thấy phía ngoài đàng có bóng người thoáng qua rất lanh... Chàng nhảy ngang qua cửa sổ chạy ra, mưa bay vào ướt mặt; chàng tìm quanh không thấy ai hết. Chàng lấy làm lạ, theo đàng nhỏ tìm kiếm một hồi cũng chẳng có tăm dạng người nào. Chàng tưởng thấy lầm cái bóng cây nên trở vào, không để ý gì nữa.

Đi đến phòng thì đèn tắt từ hồi nào, chàng qua cửa sổ đốt đèn lên thì thấy trước thềm có một phong thơ, ngoài bao đề:

"Trần Thành Trai
Hãy mở xem".

Chàng nhìn cái bao thơ một hồi, lật qua lật lại rồi mới bóc ra xem:

"Nếu ngươi biết khôn sớm và muốn yên thân thì mau mau trở về đi, đừng can thiệp tới vụ án mạng này nữa; bằng không chịu nghe lời ta thì ngày sau dầu có ăn năn cũng muộn. Ngươi và ta không thù oán gì nhau nên ta chẳng muốn hại ngươi, ta chỉ khuyên ngươi đừng can thiệp đến những việc đã bỏ qua rồi. Nếu ngươi còn cứ khăng khăng, đem mình vào lửa đỏ, nước sôi, thì tất nhiên có ngày cháy da phỏng trán... Hãy giữ hồn".

Thành Trai đọc xong, xếp bỏ vào túi áo, mặt vẫn nghiêm nghị, không đổi sắc chút nào. Chàng nhích mép cười: "Bọn vô lương tâm này tưởng những lời hăm dọa có thể làm cho ta sờn lòng. Bọn nó lầm lắm. Càng hăm dọa bao nhiêu ta lại càng hăng hái bấy nhiêu. Đố bây làm gì ta được thì làm! Một bước ta cũng không hề lui, để ta sẽ gỡ mặt nạ bọn bây cho bây biết... bọn này hèn nhát lạ lùng! Thật là một bọn *ăn đêm* như chim Ụt, chỉ nhờ lúc tăm tối mới dám ló ra. Ta cứ đi giữa ban ngày, trong ánh sáng, tha hồ cho bây ở trong tối tăm âm mưu ám hại. Ta xem sự nguy hiểm ở đời và mưu kế của lũ bây như trò chơi vậy".

Chàng liền đi thẳng xuống nhà dưới, lại phòng Tám Lọ... Chàng thấy Tám Lọ đang lum khum ủi áo quần. Chàng bước vào... Tám Lọ xoay lại chắp tay chào và hỏi: "Cậu muốn đi chơi sao? Để tôi ủi xong cái áo này rồi tôi sẽ đi với cậu".

Thành Trai lắc đầu, nhìn nó một hồi rồi hỏi:

– Nãy giờ em có đi đâu không?

– Không! Tôi mắc ủi áo quần.

– Vậy em có thấy bóng ai vào nhà không?

– Không.

– Vậy chớ con Sư tử đâu rồi?

– Trong phòng cô Ba.

Chàng liền lên nhà trên, lại cửa phòng Kiều Nga đòm vào lỗ chìa khóa thì thấy Kiều Nga đang ngồi thêu, con Sư tử nằm dưới chơn. Chàng về phòng lấy cái thơ ra xem lại. Nét chữ thấy không được tự nhiên. Xem xét kỹ một hồi thì thấy bất kỳ chữ *g* nào cũng một cái nghèo nhỏ trên đầu và phía dưới thì có một sổ, tựa như chữ số (5) viết tháu và nét đậm hơn. Chàng mỉm cười rằng: "Bọn nó tưởng là hăm dọa ta để cho ta sợ, ai dè nó lại đưa thêm tang chứng cho ta càng dễ tìm bọn nó. Như vậy cũng là một sự hay. Sao nó lại xẩn vẩn ở chung quanh đây làm gì kia? Quả là bọn nó còn sợ có người vào nhà này hỏi đến vụ án mạng trước. Bọn này cũng là tay có thế lực cả đây".

Chàng đang suy nghĩ bỗng thấy bà Phán hơ hãi chạy vào, mặt xanh như tàu lá... Chàng lật đật đứng dậy hỏi: "Chuyện gì mà thím hơ hãi dữ vậy?" Bà mếu máo nói rằng: "Cháu ơi, không biết chú cháu lúc sanh tiền có thù oán với ai không mà họ cứ theo đuổi phá hại thím và con thím hoài vậy! Cháu hãy đọc bức thơ này thì biết.

Chàng tiếp lấy, thấy rõ ràng một tuồng chữ với bức thơ của chàng mới được:

"Bà Phán Trần,

Vụ án mạng trong nhà bà nay không ai truy cứu nữa thế là bà đã có phước lắm rồi; sao bà không chịu ở yên nay lại rước thằng Thành Trai đến nhúng tay vào làm gì! Tôi bảo cho bà biết trước rằng nếu bà chẳng bỏ qua vụ này đi thì sẽ còn một cái án mạng khác xảy ra trong nhà bà nữa. Lúc xưa con gái lớn bà là Kiều Tiên đã biệt tin thì nay con gái nhỏ bà là Kiều Nga sẽ bị hại. Dẫu nay bà có làm thế gì đi nữa cũng không cứu sống được con Kiều Tiên mà lại còn phải mất thêm con Kiều Nga nữa thì bà có đành lòng chăng? Nội trong **hai mươi bốn giờ** *mà Thành Trai không ra khỏi nhà bà thì bà sẽ biết cách tôi xử trí với bà ra sao. Cái mạng của Trần Thành Trai cũng ở trong tay tôi, mà chỉ vì tôi thương nó còn thanh niên, còn có thể giúp ích cho nước nhà được, nên tôi chưa nỡ hại. Nhưng nếu nó không chịu nghe lời tôi thì nó sẽ ăn năn không kịp. Mấy lời cho bà hay mà giữ mình. Bà không tự liệu thì bà cũng sẽ theo con Kiều Nga vậy".*

Thành Trai đọc xong xếp thơ bỏ vào túi rồi kiếm lời an ủi bà Phán rằng: "Thím đừng lo sợ gì hết, nó chỉ kiếm lời hăm dọa mà thôi, chớ nó làm gì được? Cháu đã hiểu thấu đàng đi, nước bước của bọn vô lương tâm ấy rồi; trước sau gì cháu cũng bắt được chúng nó. Thím cứ yên lòng. Hễ nó hăm dọa mà sợ thì nó lại càng lộng thêm".

Bà Phán khóc nức nở một hồi rồi nói: "Thím chỉ sở cậy vào cháu mà thôi... Cái mạng thím thì thím không kể, nhưng thím lo sợ cho con Kiều Nga, nếu có bề gì mới liệu làm sao?"

– Thưa thím đừng lo, để cháu sẽ tính; cháu dám cam đoan với thím rằng Kiều Nga sẽ bình yên, không đứa nào dám động đến đâu.

– Thím tin cháu và trông mong nơi cháu lắm, nhưng không biết vì cớ gì mà thím cứ hồi hộp mãi. Thím chỉ sợ khi cháu đi rồi mẹ con thím không biết trông cậy vào ai, rủi sanh ra sự bất kỳ thì liệu làm sao?

– Xin thím cứ về nghỉ, để cháu dọ xem thử Kiều Nga, có can đảm không rồi cháu sẽ tính.

Bà Phán không biết làm sao phải lui ra. Thành Trai lại phòng Kiều Nga gõ cửa. Kiều Nga lật đật mở, mời chàng vào trong rồi hỏi: "Anh lại phòng em có sự gì chăng?"

Thành Trai ngồi, tay thì vuốt đầu con Sư tử, miệng thì nói một cách tỉnh táo rằng: "Cũng vì có chút việc quan hệ đến thân em nên anh mới đến bàn với em".

Kiều Nga ngó chăm chỉ Thành Trai. Thành Trai lấy hai bức thơ đưa cho nàng xem. Nàng đọc xong, thì má trắng hóa hồng đào, sắc mặt giận lắm. Nàng đưa thơ lại cho Thành Trai mà rằng: "Anh đừng lo gì về phần em hết, miễn anh cố sức truy cứu cho ra nguyên nhơn vụ án mạng này để rửa nhục cho chị em thôi. Nó hăm dọa như vậy, có làm cho em phải khiếp sợ đâu! Mà chắc gì nó hại được em. Em có con Sư tử này cũng đủ không sợ sự gì hết."

Thành Trai thấy Kiều Nga cứng cỏi và quả quyết thì mừng lắm. Chàng gật đầu mà rằng: "Anh biết em không sợ nên anh mới cho em xem hai bức thơ ấy... Vậy thì anh nhơn sự hăm dọa của nó mà trở về Sài Gòn để cho bọn nó đắc ý, rồi anh sẽ liệu cách mà xử với bọn nó... Em ở nhà bất kỳ có sự gì động tịnh, bất kỳ có ai hỏi thăm hay nói năng điều gì, em phải cho anh biết ngay, mà nhất là

em phải coi chừng thằng Tám Lọ. Hễ nó đi đâu, làm sự gì thì phải để ý đến luôn. Tối thì em thả con Sư tử trong nhà và hễ khi nào em có hửi mùi gì lạ mà thấy có hơi tức hay là ngột thì mau mau mở cửa ra, thế là tránh được thuốc mê của bọn nó".

– Em xin vâng lời anh.

– Còn một điều này nữa. Em không nên viết thơ thẳng cho anh, em cứ đề M. Thủy *Poste restante* Sài Gòn thì anh sẽ tiếp được. Điều ấy là anh phòng kẻ gian thừa khi anh vắng mặt đến trộm thơ của anh.

– Thế thì cẩn thận lắm, bọn gian phi làm sao mà qua mặt anh được.

– Em cũng nên cẩn thận, mà phải làm cách bí mật để cho bọn gian không biết đâu mà dò thì mới dễ cho công việc anh. Thôi em cứ y theo lời anh, sáng anh sẽ trở về Sài Gòn. Chàng chào Kiều Nga rồi trở ra thưa cho bà Phán hay sự chàng liệu định. Bà Phán bối rối lắm, chàng thưa: "Cháu phải làm như thế mới thắng được quân gian. Xin thím đừng lo gì về phần em Kiều Nga, cháu quyết là em có đủ can đảm. Cháu về đây là cốt xem xét một đôi lẽ, nay đã biết rõ rồi thì chỉ còn đi tìm kẻ gian nữa là xong".

Bà Phán gật đầu mà rằng: "Việc đã đến nỗi này, dầu cho có sự gì xảy đến bất trắc đi nữa, cũng phải chịu chớ biết sao. Thím chỉ trông cậy vào cháu, cháu ráng mà thông tin lành cho thím rõ".

Trên nhà đèn đã tắt, cửa đã đóng, ngoài trời vẫn còn mưa lâm râm. Tám Lọ xếp áo quần chồng lại một nơi, lấy một cái khăn lông lớn phủ lên, rồi khép cửa lại đem giấy mực ra viết một bức thơ. Viết xong bỏ vào bao dán lại, rồi tắt đèn đi ra nhà dây thép.

Và đi, và nói thầm rằng: "Mấy lúc trước không có gì lạ mà mấy hôm nay sao lại xảy ra lắm chuyện... Bức thơ này mà đến nơi thì chắc cậu mừng lắm. Thế này mới khỏi phụ lòng cậu tin cậy ta. Bà già này hiền đức, con gái bà nết na, nếu cậu ta mà được vào làm rể nhà này thì còn gì sướng bằng... Cũng lạ quá, cậu ta có quen biết gì với nhà này sao, mà trông nom ân cần như thế? Cậu ta không cho ta hay, nhưng ta đoán chắc là cậu ta muốn cưới cô Kiều Nga. Có lẽ cậu ta sợ cô có tình ý gì với ai nên biểu ta trông nom chớ gì! Phải, quả là cậu ta muốn cô Kiều Nga rồi! Ba bốn tháng nay có sự

gì lạ đâu. Nết na của cô thiệt đáng yêu lắm, nhưng hôm nay xem ra trong nhà có thay đổi nhiều... Từ hôm cậu Thành Trai về đến nay, bà và cô coi bộ vui vẻ hơn trước. Cậu này bí mật quá. Đến nhà thì nhằm lúc nửa đêm, mà cả ngày không đi đâu hết, lại còn cấm không cho đầy tớ lên nhà trên, xem ra thiệt có nhiều điều khả nghi lắm. Nghe nói cậu là con ông Phủ ở Cần Đước, chính là anh nhà bác của cô, mà sao từ trước tới nay không thấy tới lui lần nào. Cậu lại cứ đóng cửa ở trong phòng không chịu bước chơn ra ngoài, thế thì ở trong phòng làm gì? Bộ cậu thì ra người hiền hậu mà sao nghiêm quá, ít khi cười... Con mắt cứ chăm chỉ nhìn ta hoài, chắc là cậu nghi ta sự gì đây... Phải, cậu nghi ta nên hỏi dò ta mãi... Cậu tuy khôn lanh thiệt, mà làm sao cạy được miệng ta?".

Tám Lọ cười khúc khích một mình; vô nhà dây thép bỏ thơ vào thùng rồi quày trở ra. Đi chưa được hai cột đèn thì thấy có một người thọc tay vào túi quần, ở dưới bóng cây sầu đông (sầu đâu) bước ra đứng ngay trước mặt. Tám Lọ thấy người ấy cao hơn nó một cái đầu, vóc vạc mạnh mẽ, đội mũ kết sụp xuống không thấy rõ mặt, nó hỏi: "Anh chận tôi lại làm gì?".

Người đội mũ kết đáp: "Không có chuyện gì lạ, tôi biết anh là người biết chuyện nên đón anh để thương nghị với anh một việc có lợi, anh bằng lòng đi với tôi không?".

Tám Lọ ngạc nhiên đứng thủ thế rồi nói: "Anh muốn tôi đi đâu và anh muốn thương nghị với tôi sự gì thì cứ nói".

Người đội mũ kết lắc đầu, coi bộ không bằng lòng, nói: "Chỗ này không phải là nơi nói chuyện kín được. Anh đi với tôi xuống dưới bực sông Thương Chánh tôi sẽ nói cho anh nghe".

Tám Lọ đứng suy nghĩ, không biết người ấy muốn rủ nó đi đâu, hoặc đi trộm cướp chăng nên còn ngần ngại thì người ấy lại nói: "Không phải tôi rủ anh đi ăn trộm hay ăn cướp gì đâu mà anh sợ. Tôi muốn nói một sự có lợi cho anh lắm. Có lợi mà không nhọc công gì hết. Anh hãy theo tôi rồi tôi nói cho anh nghe".

Tám Lọ muốn biết người ấy nói sự gì nên đi theo. Đến sau bực bến, người ấy đứng lại hỏi: "Có phải anh là người ở trong nhà bà Phán Trần không?".

– Phải.

– Anh ở đó một tháng bao nhiêu tiền?

– Tám đồng.

– Bây giờ tôi muốn trả cho anh mỗi tháng 16 đồng mà chỉ nhờ anh một việc nhỏ mọn, anh có bằng lòng không?

– Việc gì?

– Anh chỉ nói cho tôi biết những sự gì xảy ra ở trong nhà bà Phán mà thôi. Còn hễ khi nào có nhờ anh sự gì khác thì khi ấy tôi sẽ thưởng riêng nữa.

Tám Lọ càng lấy làm lạ hơn, nghĩ thầm: "Sao mà nhiều người muốn biết những sự xảy ra trong nhà này vậy kìa?". Cậu ta cũng ân cần dặn là phải thông tin tức cho thường và nhứt là phải hết lòng chăm nom cho bà Phán và cô Kiều Nga, không được sai sót. Lại nói rằng nếu có người lạ mặt đến dòm hành nhà ấy, thì phải thông tin cho cậu hay liền, thế thì cậu vì sao mà lại châu tất như vậy? Còn người này cũng muốn biết việc nhà cô Kiều Nga, vậy thì người này cũng một trường với cậu ta sao? Lạ quá, thôi để ta hỏi dò xem".

Tám Lọ làm bộ dại dột hỏi: "Việc ấy dễ lắm có khó khăn gì mà phải tốn tiền cho tôi. Anh muốn biết việc gì xảy ra trong nhà chủ tôi, thì tôi nói cho anh nghe... Mà anh phải nói anh muốn biết để làm gì chớ!".

Người ấy nói: "Tôi vâng lời trên, không phải là tự tôi muốn biết, mà người trên dạy tôi rằng biểu sao hay vậy, không được hỏi đi hỏi lại, nên tôi cũng không hiểu. Nếu anh chịu thì nói phứt cho tôi biết để tôi về thưa lại...".

– Mà nếu khi nào tôi muốn đem tin cho anh thì làm sao?

– Thôi, anh cứ về đi, để tôi suy nghĩ đã, mai sẽ trả lời. Nhưng tôi nói cho anh biết điều này: anh không được nói cho một người nào hay hết, nếu anh trái lời thì anh sẽ bị hại. Nghĩ đi rồi sẽ trả lời cho biết.

Tám Lọ gật đầu, và đi và nghĩ: "Lạ lắm! Chưa khi nào mà thấy nhiều chuyện như bữa nay. Hồi nãy cậu Thành Trai hỏi ta có đi đâu không mà trong câu hỏi có sự bí mật lạ lùng... Nay thằng này hăm rằng hễ ta nói cho ai hay thì chết; thiệt cũng là khó hiểu...

nó tưởng mình sợ nên nó hăm! Lọ làm bộ vậy chớ Lọ có sợ đâu... Để tối mai ra nói bậy với nó ít tiếng rồi nắm đầu đánh một trận cho nó biết là Lọ không hề sợ ai dọa nạt!".

Tám Lọ về nhà không thèm nghĩ ngợi gì nữa, trùm mền ngủ một giấc đến sáng... Chừng khi nghe kêu tới tên mới dậy thì thấy Kiều Nga đang đứng trên thềm mà la: "Ngủ gì mà ngủ dữ vậy? lên xách va-ly cho cậu Hai ra xe".

Tám Lọ lật đật và chạy và nói: "Cậu Hai đi đâu sớm quá vậy?" Chạy lên thì thấy Thành Trai đội nón nỉ đen, mang kiếng đen, coi bộ oai nghi lắm... Tám Lọ chụp cái va-ly mà miệng thì nói: "Cậu Hai không ở lại chơi ít bữa, sao đi về gấp quá!".

Thành Trai cười rằng: "Buồn quá, về Sài Gòn chơi... Nếu Lọ muốn lên Sài Gòn thì lên chơi".

Tám Lọ làm bộ chu hú cái miệng đưa dài cái mặt ra rồi cười... Kiều Nga cũng tức cười mà rằng: "Anh có lập gánh hát thì Tám Lọ làm hề hay nhất hạng. Anh về Sài Gòn có chuyện gì thì cho em hay với".

Thành Trai nói: "Em cứ y theo lời anh dặn thì anh sẽ thông tin cho em biết. Thôi em ở lại... Thưa thím, cháu xin về".

– Cháu đi cho bình yên.

Dưới bóng cây Bồ đề gần bên cái hồ nuôi cá một người thiếu niên diện mạo rất khôi ngô, đang ngồi trên đám cỏ mà ngó mấy con cá đớp bọt nước... Một bên để hai ba quyển sách, một bên để một cái cần câu. Chàng lấy một viên sạn nhỏ liệng xuống hồ thì thấy cá quậy nổi sóng... Gió thổi hiu hiu, thấy cảnh chạnh tình, coi chàng như có ý buồn rầu lắm.

Chàng than rằng:

Em ơi, hồn em có linh thiêng xin chứng giám cho anh... Anh nguyện đem hết tài lực tìm cho ra sự oan ức của em để cho linh hồn em được thỏa... Em ơi, sao không chỉ đứa làm hại danh dự em cho anh biết để anh phân thây xẻ thịt nó ra. Em ơi, em có thấu tình cho anh không? Hay là em chưa chết?

Người thiếu niên ấy chính là Tạ Minh Đường. Chàng về nhà sáu bảy tháng nay, được tin cô Lý cho hay rằng Kiều Tiên đã trẫm mình thì chàng đau đớn xót thương lắm. Chàng biết là Kiều Tiên bị oan, nhưng mà đứa nhúng tay vào trong máu Thuần Phong thì chàng không biết. Chàng quyết rửa nhục cho người tri kỷ, quyết minh oan cho bạn đồng tâm... Chàng đang ngồi than thở bỗng đứa ở đem cho chàng một phong thơ. Chàng thấy dấu Vĩnh Long thì mừng lắm, bóc ra xem:

"Vĩnh Long ngày 20 tháng 7 năm 1920

Thưa cậu,

Hôm nay Lọ mới thấy được sự lạ trong nhà này! Số là Lọ chăm chỉ xem xét tất cả mọi việc nên nay Lọ mới biết rằng trong cái nhà này mà cậu biểu Lọ phải để mắt vào, có lắm sự bí mật lạ lùng! Mấy tháng nay Lọ chỉ thấy bà Phán hết tụng kinh lại khóc, hết khóc lại tụng kinh, còn con gái bà thì cứ âu sầu hoài, nhưng nay bỗng nhiên thấy có hơi vui vẻ. Sự vui vẻ ấy là do một người trai đem đến. Nghe đâu người ấy là con ông Phủ ở Cần Đước tên là Trần Thành Trai, anh nhà bác của cô Kiều Nga; cậu Thành Trai này diện mạo coi hơi giống Cậu, nhưng con mắt đen hơn và tuổi thì còn nhỏ hơn. Lạ nhất là cậu này đến một cách khác thường, đến nhằm lúc nửa đêm, lại cấm không cho bọn đày tớ lên nhà trên, nên trọn một buổi mai, Lọ không biết cậu ta làm những sự gì. Cậu Thành Trai này ít nói mà hễ nói thì câu nào cũng đúng đắn cả. Có cho đòi Lọ lên một buổi trưa, hỏi chuyện Lọ ân cần lắm. Lọ thuật chuyện của Lọ, còn việc cậu biểu lên ở thì Lọ giấu kỹ. Xin cậu cứ yên tâm. Trong nhà này có một con chó Sư tử và Lọ cũng đủ khỏi lo sự trộm cắp gì.

TÁM LỌ..."

Minh Đường đọc thơ rồi, gật đầu mà nói thầm rằng: "Tám Lọ là một đứa chắc chắn, có thể tin dùng. Trần Thành Trai là cháu kêu ông Phán bằng chú. Và đến nhà bà Phán cách ấy, thiệt có nhiều điều khả nghi, vậy ta cũng nên qua Vĩnh Long xem va tính làm sự gì. Bà Phán là nhà giàu, mỗi năm góp gần vài trăm ngàn giạ lúa, cái số tiền ấy dễ khêu gợi tấm lòng tham của người đời lắm. Nếu bà Phán không con thì tất nhiên cái gia tài ấy về tay con ông Phủ... Nay Thành Trai tìm đến thì ta cũng nên lo sợ giùm cho nàng Kiều

Nga. Bạn tri kỷ của ta còn mất không biết, ta nỡ nào ngồi khoanh tay mà ngó nhà bạn ta phải sự tai biến nữa sao? Ta phải qua Vĩnh Long mới được".

Chàng xếp sách, cầm cần câu đứng dậy thì thấy bà Cai và Ngọc Liên bước ra. Ngọc Liên lúc này tuy mới mười bốn tuổi nhưng coi đã lớn bằng con gái mười sáu mười bảy tuổi rồi... Gương mặt cô sáng tươi như hoa, ai trông cũng phải yêu phải mến... Bà Cai lúc này đã gần năm mươi tuổi mà người vẫn còn mạnh, tóc bà còn đen, nét mặt rất đề đạm. Bà đi lần đến trước mặt Minh Đường mà miệng thì nói với Ngọc Liên: "Mấy lúc này anh Hai con ít ngồi trong phòng sách mà cũng ít nói chuyện với con: cứ ra ngồi ngoài này hoài, con có biết tại sao không?" Ngọc Liên lắc đầu mỉm cười mà rằng: "Con không hiểu sao... Con muốn nói anh Hai con đem con qua Tây học mà không biết ý ba và má có khứng không? Con lại thấy anh con kém vui nên con không dám nói".

Bà Cai chưa kịp đáp thì đã đi đến chỗ Minh Đường đứng. Bà hỏi chàng rằng: "Minh Đường, sao mấy lâu nay má coi ý con không vui vậy? Hay là con có chuyện gì buồn mà không cho má biết? Má lấy làm lạ quá! Con đi Sài Gòn hôm trước có gặp con Lý không?

Bà ngồi trên ghế dài, cô Ngọc Liên cũng ngồi... Minh Đường dựa bên ghế, mắt đăm đăm ngó trên hồ, chẫm rãi mà thưa: "Thưa má con có chuyện gì đâu, chỉ vì con ưa chỗ tĩnh mịch để suy nghĩ, nên ít muốn nói chi với ai. Vả em Ngọc Liên cũng cần phải ôn bài vở lại để lên trường, nên con không muốn làm mất thì giờ của em. Con thường thấy má ngó con một cách lạ lùng, con không hiểu sao, hay là ở nhà có chuyện gì chăng?... Con không gặp mặt em Lý nhưng mà có được thơ của em".

Bà mỉm cười mà rằng: "Má biết con có sự buồn nhưng má không muốn gợi ra cho con buồn thêm; vì vậy mà má không nói gì hết. Có lẽ con buồn về nỗi gia thất chăng? Sao con không lại thăm con Huệ? Nó đi Bạc Liêu mới về hôm qua. Nó vẫn đợi con đó"...

Minh Đường nhíu cặp lông mày, thở ra... Ngọc Liên đứng dậy bước lại một bên Minh Đường nói nhỏ rằng: "Anh buồn, anh không chịu cho ai biết sự buồn của anh, nhưng má và em đã biết rồi. Hồi nãy má và em đứng trong nhà ngó ra, thấy anh khóc... Em biết anh

không ưa chị Huệ mà em đây cũng không thương... Má đã biết cái tính của anh nên má thường nói với ba về sự đó. Bên ông Hội đồng nhắc tới hoài mà ba và má cứ bàn ra thôi, vì đã hiểu tâm sự của anh. Thôi anh hãy về rồi em đưa cho anh coi mấy món này, chắc là anh sẽ vui..."

Minh Đường ngó Ngọc Liên rồi ngó bà Cai mà không nói gì hết... Bà Cai đứng dậy nói với Ngọc Liên: "Con dắt anh con về rồi lấy mấy bức tranh cho anh con coi...". Bà nói rồi thì đi tuốt ra phía sau vườn... Ngọc Liên thấy mẹ đi xa rồi thì móc túi lấy ra một miếng giấy xếp tư, đưa cho Minh Đường. Minh Đường để sách và cần câu xuống, mở ra xem thì té ra là một mảnh giấy của chàng viết đã năm năm về trước!

Mảnh giấy ấy ta đã thấy cô Huệ xem mà giận. Kiều Tiên đọc mà thương... Minh Đường cầm mảnh giấy, coi bộ cảm động lắm... chàng xoay lại thì nước mắt đã tuôn ra... Rồi chàng đi tuốt vào nhà. Ngọc Liên lật đật ôm sách bước theo mà miệng nói thầm rằng: "Tội nghiệp ảnh! Phải nói thật cho ảnh biết kẻo ảnh buồn quá".

Vào đến phòng sách thì thấy Minh Đường ngồi bên ghế dài úp mặt trong tay mà khóc... Ngọc Liên bước lại gần mà khuyên giải rồi nói tiếp rằng:

– Anh đừng có buồn để em đưa cho anh một ít dấu tích của người bạn mà anh thương.

Minh Đường vùng đứng dậy ngó Ngọc Liên rồi hỏi: "Em nói em biết em hiểu sự tình của anh, vậy chớ người anh thương là ai? Em thử nói cho anh nghe".

– Anh muốn biết thì qua phòng em, em sẽ nói cho anh rõ.

– Vậy thì em mau nói cho anh nghe, anh nóng biết lắm.

Ngọc Liên liền dắt Minh Đường qua phòng, chỉ mấy bức tranh thêu mà rằng: "Mấy bức tranh này chính là tự tay của cô giáo Loan thêu đó, cô thêu đặng để lại làm vật kỷ niệm".

Minh Đường nhìn mấy bức tranh, thấy thêu đẹp lắm, nhưng dầu đẹp bao nhiêu đi nữa, chàng cũng không thiết, vì mấy bức tranh không dính chi với chàng.

Chàng nói: "Em Ngọc Liên, em nói mấy bức tranh này của cô giáo nào đó thêu để lại làm kỷ niệm, cô giáo ấy với anh có ăn thua gì mà em nói với anh? Anh vẫn không biết cô ấy, thế là em đoán lầm rồi".

Ngọc Liên mỉm cười, cười ngậm kim mà hai má núng đồng tiền, ngó anh mà rằng: "Nếu anh nói như vậy thì thật anh vô tình lắm! Phải chi cô giáo hay được lời này thì chắc là cô trách anh nhiều... Sao anh lại biết là em hiểu lầm và đoán lầm? Em biết chắc nhưng mấy lâu nay em còn giấu anh; vậy thì anh hãy xem bức thơ này coi phải cái tuồng chữ của người thương anh không?

Ngọc Liên đưa bức thơ mà Kiều Tiên viết để lại lúc ra đi, cho chàng xem... Minh Đường thấy nét chữ của người thương, thì lòng hồi hộp, đến khi đọc xong bức thơ thì nước mắt tràn ra. Khóc mà chan chứa cả sự mừng, cả sự trông mong: "Té ra Kiều Tiên lại làm dâu nhà ta, thay ta mà hầu hạ cha mẹ ta, thay ta mà dạy dỗ em gái ta... Ôi! Thật đáng yêu đáng mến, đáng kỉnh đáng vì thay! Mà nàng lại đây không phải là chỉ có bấy nhiêu ấy, nàng lại đây là cốt để cho ta biết rằng nàng chưa chết, nàng không có tình gì riêng, nàng vẫn đinh ninh một dạ sắt son với ta mà thôi... Ủa, sao lại có những câu này?

Chàng đọc lại bức thơ:

"Ông bà mất hai chiếc nhẫn, hai chiếc nhẫn giá đáng mười ngàn mà chính là cháu có trông thấy trong hộp trước khi mất."

"Té ra có xảy ra sự này mà từ khi ta về tới nay không hề một ai nói cho ta biết cả, hay là ở nhà cha mẹ ta đã nghi ngờ cho nàng nên nàng mới không thể nương náu đây lâu ngày được, mà chiếc thân phải linh đinh... Tội nghiệp quá! Kiều Tiên ơi, anh đọc đến đây không sao mà cầm nước mắt được, không sao mà im đi, không kêu em mà than thở đôi lời được! Em ơi, cái số phận em lao đao nên mới gặp lắm sự rắc rối; chớ người như em, người mà anh đã để vào con mắt, in vào trong trí, tạc vào trong lòng, thì có bao giờ lại làm những chuyện ấy! Dầu trên có hẹp tình, em cũng nên vì anh mà đừng trách, em nghe".

"Cháu muốn tìm cho ra kẻ gian, nhưng bây giờ chưa thể được; và có nhiều lẽ làm cho cháu không thể ở đây cháu phải đi..."

"Sao nàng lại phải đi? Sao nàng không ở đây được? Có ai biết nàng đâu mà nàng nói như thế? Chắc cũng vì có một duyên cớ gì đây. Ai lấy hai chiếc nhẫn quí của mẹ mình mà làm cho nàng phải mang tiếng, điều này ta phải cần tìm cho ra sự thiệt mà cứu lấy cái danh giá của nàng... Em Kiều Tiên ơi! Em đừng lo gì hết, anh còn đây, anh chẳng bao giờ để cho ai đổ tiếng xấu cho em đâu".

"Cháu mong đến đây ở với ông bà, hết lòng kính ông bà; ấy bà bổn ý của cháu... Một ngày kia ông bà sẽ biết rõ và sẽ thương cháu hơn ngày nay.

Rõ ràng nàng đã muốn kêu cho thấu đến tấm lòng cha mẹ, nàng đã muốn tỏ thật cho cha mẹ ta biết rằng nàng là dâu, nàng đúc chí rèn lòng với ta, nhưng chỉ vì cực chẳng đã mà phải ra đi, chớ kỳ thật là muốn ở lại, ở lại để thay ta mà hầu hạ cha mẹ ta... Nhưng bây giờ dầu không biết rõ nàng, song một ngày kia, cơ mưu kẻ thù nàng đã bại lộ, nàng có thể ra mặt mà phân trần thiệt giả, thì chắc mười phần, cha mẹ ta nhớ lại chuyện cũ sẽ hối hận mà càng thương yêu nàng nhiều hơn!... Em Kiều Tiên ơi, em viết câu nào đọc nghe cũng thảm thiết... Anh chắc có một ngày kia anh sẽ kéo đứa thù của em ra tòa mà rửa nhục cho em...

Chàng đọc mỗi đoạn, ngẫm nghĩ mỗi đoạn thì lòng chàng càng thêm đau... Chàng xoay lại hỏi Ngọc Liên: "Lúc cô Tiểu Loan này ở lại đây dạy em học, em xem người ra sao?".

– Người lịch sự mà tánh tình tốt lắm. Cô thương em vô cùng. Lúc ấy em không hiểu, nhưng sau mới biết là vì anh.

– Sao mà sau em biết được.

– Là vì em Lý về chơi, thấy mấy bức tranh và mấy bài cô giáo viết cho em học thì lấy làm lạ. Lý mới đem ra thưa cho má biết rằng cái tuồng chữ ấy giống chữ một người chung tình của anh, mà nay gặp phải tai biến nên đã liều mình dưới dòng nước biếc... Má nghe vậy thì thương quá, cho người đi tìm, mà không gặp... Má lại còn e sợ nhiều nỗi nên cũng bóp bụng không dám nói với ai. Từ ấy nhẫn nay, má thương tiếc lắm.

– Mà má có ngờ vực gì cho nàng lấy hai chiếc nhẫn không?

– Ban đầu má có hỏi sơ sơ, nhưng sau má biết là không phải nên không nói gì...

– Không nói gì sao nàng lại bỏ mà đi?

– Có lẽ là vì nghe em Lý về nên sợ lậu chuyện mà đi trước.

Minh Đường ngồi suy nghĩ một hồi rồi nói: "Em nói phải. Anh quyết tìm cho được nàng, dầu phải trèo non, lặn suối, anh cũng không quản".

Lúc ấy bà Cai vừa bước vô; chàng thấy mẹ vội vàng đứng dậy chắp tay mà xin lỗi rằng: "Làm cho má phải buồn, con thiệt có lỗi lắm, xin má thứ dung..."

"Từ rày con đã biết nàng còn sống, nàng còn có ngày ra mặt được thì con không dám buồn như trước nữa".

Bà dịu dàng nói rằng: "Thôi con đừng nhắc tới chuyện ấy nữa; má đây đã biết rõ nết na của nó rồi... Má cũng vái trời cho nó mau gỡ được mối oan gia thì má mới vui lòng; má có nghi nó lấy nhẫn đâu, má biết rằng chỉ có một đứa ngó thấy nhẫn của má để trong hộp, nên nó mưu sự lấy đi, để làm nhục cho con giáo và để làm cớ đuổi con giáo ra khỏi nhà này... Má định chắc như vậy, nhưng vì chưa có tang chứng rõ ràng nên má chưa nói.

– Ai vậy má? Vì sao mà muốn làm nhục cho người ta?

– Con không biết sao? Ấy chỉ vì lòng ganh ghét mà thôi. Má không muốn nói tên đứa ấy ra.

– Má không nói con cũng đã đoán ra rồi, nhưng để sau sẽ hay. Bây giờ xin má cho phép con đi Vĩnh Long ít ngày.

– Ừ con cứ đi, để chiều má thưa lại với ba con cho. Mà con đi thì phải giữ mình cẩn thận.

Chàng mừng quá vào thay đổi y phục, từ giã mẹ và em, rồi ra lên xe hơi, tự cầm máy lấy mà đi.

Trong lúc ấy xe hơi của Minh Đường rong ruỗi trên con đàng gió bụi, thì Kiều Nga ngồi dựa ghế, ghé mắt ngó vào tấm tranh Nhựt Bổn treo trên vách, trí thì suy nghĩ vơ vẩn những đâu đâu.

Nàng nhớ ai, thương ai? Tự nàng, nàng không dám nói ra. Nàng than thầm rằng: "Trời ôi, sao trời nỡ cột vào tôi một cái mối tình lạ lùng như thế? Tôi ráng hết sức chống cự nó mà không làm sao chống nó nổi".

Đang lúc nàng còn như ngây như dại thì bà Phán bước vào. Bà thấy vẻ mặt nàng âu sầu thì bà lấy làm lạ mà hỏi rằng: "Sao vậy con? Có sự gì thì con nói thiệt với má đừng có giấu má làm chi".

Kiều Nga gượng gạo làm bộ tự nhiên mà thưa rằng: "Thưa má, con ngồi nghĩ đến thân phận chị con và cái gia cảnh nhà ta mà hóa ra buồn; cái thân của con được an vui bao nhiêu thì con lại thương cái thân của chị con sầu khổ bấy nhiêu".

Nàng nói rồi thì khóc; bà Phán cũng không cầm lòng được, hai mẹ con cùng khóc cả. Kiều Nga thấy vì mình mà mẹ phải buồn thì hối hận mà nghĩ rằng: "Té ra ta là một đứa con bất hiếu; cái vết thương tâm của mẹ đã gần lành rồi, nay ta lại làm cho lở ra nữa".

Nàng liền ôm gối mẹ mà thưa: "Con làm nhọc lòng mẹ, xin mẹ tha lỗi cho con".

Bà Phán vuốt tóc con mà rằng: "Con hãy dẹp sự âu sầu của con lại. Anh con đã nói như thế thì chắc là anh con có thể tìm ra được kẻ hại chị con, mà có lẽ sẽ nhờ đó chị con cũng có ngày được trở về quê nhà. Bấy lâu má hờn giận chị con bao nhiêu thì nay má lại thương xót bấy nhiêu, vì vậy nên hễ nghe đến tên nó thì má đã muốn khóc rồi... Thôi, con nghỉ đi".

Kiều Nga dạ, đưa mẹ ra rồi trở vào đóng cửa lại. Nàng ngồi ngẩn ngơ... Chữ tình thật đã lạ lùng! Một người con gái nhà có lễ giáo, xưa nay vẫn cấm cung trong chốn khuê môn, thế mà tự nhiên cái ái tình bỗng tìm đến! Nàng thương ai mà đến nỗi ngơ ngẩn, ngẩn ngơ như thế? Nàng vẫn biết rằng sự trộm thương ấy là một sự tội lỗi, nhưng nàng không thể nào mà không thương được... Ôi! Lạ lùng thay cho tấm lòng của con người ta!

Từ hôm nàng thấy Thành Trai đến nay không giờ nào phút nào mà nàng không nghĩ đến cái diện mạo, cái tư cách của chàng. Ban đầu nàng chỉ thầm khen chàng là một người trai xứng đáng với cái hy vọng của cha mẹ; nàng lại mừng thầm được một người anh... nhưng mà éo le thay! Ai xui lòng nàng lại nghĩ ra một sự khác? Nàng bỗng thương chàng... Chẳng những thương mà thôi, nàng lại say mê nữa!... Nàng là em chú bác với chàng, cùng một giọt máu cùng một dòng họ! Nàng biết rằng thương anh với tấm lòng ấy thì tội lỗi muôn phần, thế mà vẫn cứ thương... Nàng nói thầm rằng:

"Anh ta là một người đường đường chánh chánh, không phải kẻ tục tử phàm phu, ta quyết rằng anh ta chỉ thương ta là em, thế thì dầu ta có thương anh như *chi chi* đi nữa, ta cũng không làm sao mà hở môi ra đặng... Ai dám khai khẩu mà nói những chuyện trái luân thường cho được! Ta có tình với anh ta chỉ có trong lòng ta biết mà thôi... Kiều Nga ơi! Vì sao mà ngươi sanh lòng quái gở như vậy? Vì sao mà ngươi khác hẳn người đời? Trái hẳn với nếp nhà, cái tình thương của ngươi, phong hóa không dung được! Ngươi phải biết rằng sự thương ấy trái với luân lý xã hội, nghịch với lẽ cang thường; ngươi chỉ có đợi đến lúc nhắm mắt thì mới có thể nói ra được mà thôi!

Đúng tám giờ, Tám Lọ thắp đèn xong ngồi tréo cẳng mà ngâm Kiều... Càng rung đùi, càng tấm tắc khen hay!...

"Xưa sao phong gấm rủ là,
Rày sao tan tác như hoa giữa đàng".

"Ừ, cái thân nàng Kiều đến như thế cũng chỉ vì một chữ hiếu... Khi còn phong gấm rủ là nếu mà chỉ ngồi ăn hại, không làm được sự gì đền đáp công ơn cho cha mẹ, thì sự sung sướng ấy cũng chẳng qua là sung sướng nhục mà thôi... Cái thân của ta khác với cái thân của nàng Kiều, mà ta dầu xưa không phong gấm rủ là, nhưng ta chẳng kém nàng chữ hiếu; nàng bán mình chuộc tội cho cha, ta đây cũng đã liều thân mà cứu bịnh cho mẹ... Tám Lọ và nói, và cười, và xếp quyển Kiều lại, mở hộp lấy điếu thuốc đốt hút vài ba khói rồi lại tự nói thầm rằng: "Ở đời nghèo hay giàu, sang hay hèn, khác nhau không phải tự tiền của, mà tự ở lương tâm. Tiền của làm cho người ăn ngon mặc đẹp mà lương tâm làm cho người biết theo sự phải, tránh sự quấy.

Hôm qua, thằng đội nón kết biểu ta đem sự động tịnh trong nhà chủ ta nói cho nó biết thì nó sẽ cho ta mỗi tháng mười sáu đồng. Nó tưởng ta tham tiền, nó lấy đồng tiền làm mồi nhử ta... Để chút nữa ta sẽ hỏi nó cho rành rẽ, nếu nó nói không thông, ta sẽ đánh nó một trận chơi...

Đang nói lăng xăng thì nghe có tiếng xe hơi. Tám Lọ mỉm cười, lật đật đóng cửa lại rồi đi tuốt ra phố, thì thấy một cái xe hơi để dựa lề đàng... Xem rõ thì là xe của Minh Đường... Lọ mừng lắm,

ngó quanh ngó quẩn... Minh Đường đang ngồi uống rượu trong nhà hàng, thấy Tám Lọ ra thì kêu: "Lọ! Lọ!"

Tám Lọ bước lại gần nói: "Cháu bà Phán đã đi Sài Gòn hồi sớm rồi... Cậu nên lên Sài Gòn ngay mà dọ xem... Cậu ấy ở đàng Espagne số nhà 124".

– Em ở đây phải cho cẩn thận nghe. Thôi về đi, để rồi qua sẽ đánh dây thép cho biết tin.

Tám Lọ từ giã đi thẳng lại chỗ ước hẹn hôm qua. Minh Đường vừa sắp xoay lưng bước vào nhà hàng thì có một người thoáng ngang qua trước mặt chàng mau như chớp... Chàng chỉ thấy người ấy mặc một cái áo mưa, đội nón nỉ đen. Chàng vội trả tiền rượu rồi bỏ xe đó mà đi riết theo người ấy. Đến gần Bungalow thì người ấy nhảy lên một cái xe hơi rồi quay máy cho chạy tuốt, chàng lật đật trở lại xả máy xe mình đuổi theo.

Xe trước hiệu Fiat chạy mau như gió, xe sau đuổi theo, không kịp mà lại bị bụi, nên Minh Đường phải ngừng lại, phủi áo quần rồi cho xe theo xa xa. Xe Fiat chạy đến bến Mỹ Thuận, không có đò nên phải đứng chờ... Xe Minh Đường theo đến kịp... Mặt Minh Đường đầy cả bụi mà bị mồ hôi dầm dề nên lem luốc hết... Chàng vừa xuống xe thì đò cũng vừa ghé vô bờ... Cái xe trước xuống liền mà qua sông trước... Chàng tức mình quá, đứng ngó theo... Đò qua bên kia rồi thì có một cái đò khác đến, chàng vội vàng đem xe xuống... Qua sông rồi xe kia chạy trước, xe chàng theo sau. Chàng không kể bụi bặm là gì, cố theo cho kịp, xe ấy chạy rất mau... Khi đến gần Tân An, đàng vắng vẻ, cái xe trước liền ngừng lại đợi xe chàng. Chàng trông thấy liền cầm bánh chạy chậm lại để coi chừng... Xe chàng vừa tránh qua một bên thì người ngồi trên xe kia bắn một phát, cái bánh đằng sau của xe chàng xẹp xuống, nếu chàng không kềm kịp thì đã bị lăn xuống ruộng rồi!

Người trong xe kia cả cười rồi cho xe chạy. Minh Đường giận lắm nhảy xuống lấy đồ ra thay bánh xe mới... chàng thay bánh rồi cởi áo ngoài, lấy một cái khăn quấn quanh cổ; lên xe rượt theo. Chuyến này chàng quyết theo trị tội đứa vô lễ kia, dầu nó là ai cũng

không cần biết nữa. Xe đến Sài Gòn thì đã khuya lắm mà cái xe trước kia không biết đi về ngõ nào.

Chàng mệt quá, phần thì đói bụng, phần thì nhức đầu, nên lật đật lại mướn phòng Lục tỉnh mà nghỉ. Chàng tắm rửa, thay áo quần rồi nằm ngửa trên giường. Chàng lấy làm lạ, không hiểu vì sao mà người ngồi xe kia lại muốn cho chàng không theo kịp? Có lẽ nào tự nhiên mà họ lại chơi cách vô lễ ấy. Chắc cũng có một cái duyên cớ làm sao đó, chàng tiếc rằng chưa thấy được mặt người bắn xe chàng, nên muốn tìm thì thật cũng khó. Chàng nghỉ một lát đã bớt mệt, bèn đi lại nhà hàng cơm dùng bữa. Lúc này các rạp hát bội, các trường hát bóng đều vãn hết cả rồi. Người lại ăn cháo trong các tiệm thì bộn bộn. Chàng ngồi gần một cái bàn gần bên chỗ thâu tiền, ngó ra. Dùng được vài món thì thấy có một người thiếu niên tuấn tú, áo quần rất chỉnh tề bước vào. Người thiếu niên ấy ngồi ở một cái bàn cách bàn chàng chừng 6 thước. Chàng ngó chăm chỉ. Người ấy dựa ngửa, ngó mong ra ngoài đàng. Chàng dùng bữa xong, trở về phòng, trong lòng sanh nghi nên mở cửa sổ dòm xuống đàng. Chàng lại thấy người thiếu niên ấy ở trong tiệm bước ra, đứng trước lề đàng một lát rồi đi thẳng lên khách lầu. Chàng lật đật ra khỏi phòng, đóng cửa lại rồi qua một cái phòng kế đó đứng rình. Chẳng bao lâu thấy người thiếu niên đã lên thang lầu, đi qua đi lại ít vòng, ngó quanh ngó quất không thấy ai, rồi lại dòm vào lỗ chìa khóa phòng của chàng. Chàng mở cửa nhẹ nhẹ, bước ra toan để tay vào vai người ấy, thì người ấy đứng dụng dậy mà ngó chàng. Chàng hỏi: "Anh muốn tìm ai mà lại dòm vào phòng tôi? Ai cho phép anh tọc mạch như thế? Nếu anh không nói thiệt cho tôi biết anh là ai, thì anh ra không khỏi nhà này. Tôi nói trước cho anh liệu!"

Người thiếu niên ngó vào mặt Minh Đường, mỉm cười đáp rằng: "Tôi không cần ai cho phép tôi tọc mạch cả. Tôi tự cho phép tôi đó. Anh muốn tôi nói thiệt tôi là ai thì anh cũng phải nói thiệt anh là ai cho tôi biết đã. Tôi không phải đứa gian mà chính là người lương thiện".

Minh Đường cũng mỉm cười mà rằng: "Tôi không nói anh là kẻ gian, mà tôi cũng không biết anh có phải là người lương thiện hay không. Điều đó tự anh biết lấy. Tôi chỉ muốn hỏi anh vì sao mà anh lại dòm vào phòng tôi, và anh là người gì?"

– Tôi dòm vào phòng anh vì tôi có lòng ngờ vực, còn tôi là ai tôi đã nói cho anh biết rồi. *Tôi là người lương thiện!* Hai tiếng *"lương thiện"* ấy không đủ sao mà anh còn gạn hỏi. Cái tên tôi hay là cái danh phận tôi, cũng không ngoài hai chữ *lương thiện* kia mà.

Người thiếu niên ấy và nói và cười một cách rất kiêu ngạo làm cho Minh Đường nổi giận:

– Tôi nói cho anh biết, cử chỉ của anh như thế thật là mù mờ. Anh đã biết cái lỗi anh dòm vào phòng người ta chưa? Dòm ngó cách ấy hèn nhát lắm!

Người thiếu niên ấy đang cười, vùng nghiêng nét mặt lại mà rằng: "Anh cho là hèn nhát bởi vì anh chưa hiểu rõ. Hèn nhát có nhiều cách lắm, không phải là dễ nói đâu. Muốn tìm con sâu trong đống rác tất nhiên phải tự bươi đống rác ấy lên; muốn tìm đứa gian trong chỗ mờ ám tất phải đem thân vào chỗ mờ ám, muốn thấy được trong phòng đứa đáng nghi tất phải để mắt vào phòng ấy, vậy sao gọi là hèn nhát".

Minh Đường giận lắm, bước lại chụp người thiếu niên kia; người ấy không nhúc nhích mà miệng chúm chím cười nhưng rồi bỗng té xuống, tay ôm ngực và mặt đã thất sắc... máu ở ngực tuôn ra... Minh Đường giụt mình, nhìn lại thì thấy cái kéo sắt cắt móng tay của mình đã găm vào ngực chàng thiếu niên rồi... Chàng lật đật bấm chuông kêu bồi, biểu mau mau chạy đi rước thầy thuốc... Chủ nhà ngủ liền cho báo cò... Chỉ một lát cái nhà ngủ ấy đã đầy cả người...

Thầy thuốc rút cái kéo ra, băng bó rồi nói: "Không sao. Chưa đụng trái tim".

Cò kêu Minh Đường hỏi đầu đuôi thế nào, chàng vừa nói thiệt thì người thiếu niên kêu cò Poireau lại mà rằng: "Không có sự gì lạ, ông không cần lấy ăng kết làm chi cho nhọc... chỉ vì tôi vô ý nên té sấp trên cái kéo này... Nếu tôi khỏi chết thì thôi, nhược bằng có điều gì thì xin ông làm chứng cho rằng sự rủi ro này là tự tôi làm ra".

Cò Poireau không làm ăng-kết nữa, giao chàng cho quan thầy thuốc chở về nhà thương điều trị...

Minh Đường mục kích được cái can đảm của người thiếu niên ấy, lấy làm kính phục, rồi tự sự nghĩ rằng: "Diện mạo người này coi đã không phải là kẻ tầm thường, mà lời nói và cái gan ấy càng tỏ

ra là một hạng hơn người... Trong lúc ta nóng giận, vô ý làm cho người bị thương nặng, thật đáng hối hận suốt đời. Ta phải trông nom thăm viếng người mới được".

Chàng khóa cửa lại rồi đến nhà thương hỏi thăm, quan thầy thuốc nói không hề gì, chỉ nằm tịnh dưỡng chừng một tuần thì khỏi. Chàng xin phép vào thăm thì thầy thuốc nói chưa có thể được, để ít ngày nữa. Chàng đành phải lui về, trong lòng lấy làm bứt rứt lắm".

...Người thiếu niên bị thương ấy tức là người bắn xẹp bánh xe của Minh Đường, chính là Trần Thành Trai vậy. Khi ra khỏi nhà thím rồi, Thành Trai cũng lên xe về Sài Gòn nhưng trong lòng nghi ngại nên lên đến Mỹ Tho thì trở lại Vĩnh Long. Chàng rình chung quanh nhà không có sự gì lạ, nhơn thấy Tám Lọ đi phố thì chàng theo sau... Chàng nghe được vài tiếng của Tám Lọ biểu Minh Đường lên Sài Gòn thám dọ chàng, nên chàng muốn về mau để thám dọ Minh Đường trước; ấy là cái kế phản khách vi chủ. Chàng ngỡ Minh Đường là kẻ gian, và không biết có chàng chú ý; nào dè lại bị Minh Đường rượt theo... Chàng bèn nghĩ ra kế bắn bánh xe hơi kia cho xẹp đi là một sự vạn toàn... Về đến Chợ Lớn chàng lại tránh ở một chỗ mà chờ xe Minh Đường đến. Vì thế mà chàng biết rõ Minh Đường ở đâu và rồi mới có sự đã xảy ra...

Chàng nằm thiêm thiếp, mệt cũng không lấy gì làm mệt mà nhức cũng không lấy gì làm nhức, nhưng trong mình nghe yếu đi nhiều... Chàng như nửa thức nửa ngủ; nằm đến sáng... Lúc thầy thuốc vào rịt thuốc thì trong mình chàng đã hơi khỏe... Chàng muốn ngồi dậy nhưng thầy thuốc không cho. Chàng hỏi chuyện người trong phòng ngủ thì thầy thuốc đáp rằng: "Không có chuyện gì lạ... Hồi khuya người ấy có lại thăm nhưng tôi không cho vô. Ông nằm tịnh dưỡng ít hôm nữa cho thiệt mạnh rồi sẽ hay, không nên ngồi dậy gấp".

Chàng vâng lời... Chàng muốn viết thơ cho Nguyệt Thanh, mà chàng nghĩ bất tiện... Chàng muốn viết thơ cho Kiều Nga nhưng lại sợ rằng tin ấy sẽ làm cho thím chàng và em chàng lo lắng sợ hãi... Kế đó chàng phát nóng lạnh, phải nằm vùi luôn ba bốn ngày không biết gì cả...

... Minh Đường thường tới lui hỏi thăm, nghe nói vết thương chưa khỏi thì xốn xang trong lòng, ngồi đứng chẳng yên. Chàng tự trách sao không hỏi cho biết tên họ người thiếu niên ấy là gì để thông tin cho người nhà... Chàng bèn đến nhà thương vào thăm quan thầy thuốc, trước hỏi bịnh tình, sau hỏi tên họ cho biết. Quan thầy nói: "Ông ấy là ông cử nhơn luật, con nhà trâm anh, tên là Trần Thành Trai. Ông có dặn tôi mấy phen đừng cho nhà ông hay tin vì ông sợ cha mẹ ông buồn rầu.

Chàng nghe lời ấy lấy làm lạ lùng... Té ra người ấy là Trần Thành Trai! Chàng bấy lâu nay tưởng Thành Trai là một cậu công tử bột, là một kẻ phá gia nên chàng có ý khinh bỉ; nay chàng thấy rõ Thành Trai diện mạo khôi ngô, ăn nói chánh đính thì chàng lại đổi ngay ý tưởng... Chàng liền từ tạ lương y, về viết một phong thơ cho Kiều Nga... Chàng muốn xem thử nhà bà Phán có nghi ngờ gì Thành Trai không".

Trời tối đen như mực, Tám Lọ đi thẳng lại chỗ hẹn hôm trước thì thấy người đội nón kết đã đứng chực sẵn... Người ấy thấy Tám Lọ thì chào mà rằng: "Anh không sai lời, thật đáng là người làm việc lắm. Anh đã suy nghĩ chưa?"

Tám Lọ cũng chào lại rồi đáp: "Tôi đã suy nghĩ chín chắn rồi. Điều ấy không khó gì, nhưng mà ai sai anh đi việc này? Anh nói tên người ấy cho tôi biết thì tôi chịu liền, bằng anh không nói thì tôi quyết không chịu".

– Anh khờ quá, tôi đã nói rằng người sai tôi thương nghị với anh việc ấy là một người anh chưa từng biết bao giờ. Anh cứ theo lời tôi thì có lợi, sao anh lại còn nhiều chuyện?

– Anh nói lạ lắm; hễ giúp việc cho ai thì tất phải biết người ấy là người thế nào, và phải biết làm sự ấy có lợi cho ai chớ? Nếu cứ nhắm mắt mà làm càn thì là người ngu. Anh chẳng chịu nói cho tôi biết người ấy là ai thì thôi, anh về nói rằng tôi không chịu"...

Người ấy tưởng Tám Lọ chê ít tiền, muốn đòi thêm nên tìm lời dụ rằng: "Anh nóng nảy quá, thủng thẳng rồi sẽ gặp, sẽ biết chớ gấp gì. Người ấy không hề tiếc tiền với thủ hạ, dầu anh muốn bao nhiêu cũng được cả, miễn là anh trung tín thì thôi. Vậy anh muốn bao nhiêu cho xứng đáng cái công anh thì anh cứ nói đi".

Tám Lọ giả bộ khờ, hỏi: "Công gì? Làm sự gì thì nói rõ cho tôi biết chứ tôi không hiểu".

– Thì hôm trước tôi đã nói với anh rồi, còn gì nữa! Anh cứ thông tin về các việc động tịnh trong nhà chủ anh cho tôi biết là anh có tiền, chớ có khó lòng gì mà làm không được?

– Tôi hiểu rồi. Mà thông tin ấy cho anh làm gì?

– Làm gì mặc tôi, anh không cần phải hỏi.

– Nếu vậy thì dầu anh cho tôi một ngàn đồng tôi cũng không nói... Làm mà không biết việc làm của mình thì làm làm gì? Thôi, tôi xin kiếu anh.

Người ấy giận lắm xốc lại chỉ vào mặt Tám Lọ mà rằng: "Nếu mày không chịu nói thì có ngày mày sẽ chết. Mày không biết rể chủ nhà mày sao?... Tám Lọ nghe nói đến chuyện Thuần Phong thì mừng lắm, giả bộ ngơ ngáo mà rằng: "Ai dám làm gì tôi mà anh hăm dọa... Tôi không biết việc gì hết, tôi chỉ biết rằng không ai làm gì được tôi...".

– Vậy chớ anh không biết rể chủ nhà anh bị ám sát sao?

– Không. Tôi mới đến ở mấy tháng nay, tôi không biết việc trước. Nếu anh biết thì nói nghe chơi.

– Rể của chủ nhà anh bị ám sát trong đêm hiệp cẩn, con gái của chủ nhà anh nhảy xuống sông trẫm mình. Nếu anh từ chối thì có ngày anh cũng phải chết.

– Nếu vậy thì người sai anh dụ tôi tất là người đã ám sát rể chủ nhà tôi phải không?

Người đội nón kết không nói nữa, bất thình lình nhảy lại đánh Tám Lọ một thoi vào bụng ngã lăn xuống sông rồi chạy mất.

Tám Lọ không đề phòng, bị một thoi mạnh quá, té xuống nước, may gặp chỗ sâu lại không có cừ nên lội trở lên bờ được. Tuy là khỏi chết nhưng ướt như con chuột lụt và ở bụng cũng thấy hơi đau đau. Lọ giận mà biết rằng tìm không ra nữa nên trở về... Thay áo quần rồi nghĩ mà tiếc thầm... Ta nóng nảy quá, nếu ta khôn ngoan một chút thì ta dụ được thằng ấy rồi... Dụ được nó thì tìm ra được vụ án mạng... Ta khờ quá nên làm cho nó đã để ý rồi, bây giờ tìm nó sao được? Uổng quá! Thôi để đợi tin cậu ta rồi sẽ viết thơ cho

cậu ta hay... À, té ra bà chủ ta có một người con gái nữa mà vì chồng cô bị ám sát nên cô thủ tiết trẫm mình! Nếu vậy cả nhà này đều hiền đức... Mà vì sao lại có kẻ thù oán ám sát chàng rể đi? Hôm trước có nghe họ nói trong nhà có xảy ra một vụ án mạng mà không rõ án mạng gì, nay ta mới biết. Vậy thì thằng hồi nãy chắc cũng là một bọn với đứa ám sát rể chủ ta... Uổng quá! Phải chi ta lanh lợi thì ta chụp đầu nó, nó chạy đi đâu cho khỏi. Thôi từ rày về sau hễ có sự lạ thì ta phải coi chừng kẻo đã bắt không được kẻ gian mà có ngày lại thiệt mạng... Ta thường khoe khoang sức mạnh, hôm nay bị nó đánh một thoi gần bể bụng, nghĩ giận mà mắc cỡ quá... hay mấy tháng không làm việc nặng nề nên đã yếu đi rồi".

Nó ngó quanh quẩn không thấy vật gì nặng, liền bước qua nhà bếp thấy một cái cối đá để dựa ở vách, nặng ước chừng vài tạ... Lọ mừng lắm; xăn tay áo mà miệng nói lầm thầm rằng: "Để xách thử coi có nặng không! Chả! Sức lực này mà giỡ không nổi sao? Xưa kia người ta cử đảnh, bây giờ ta cử cối đá coi thử!

Nói rồi ngồi xuống, hai tay bưng cối đá giỡ lên nhẹ bổng như giỡ con diều giấy. Tám Lọ đi qua đi lại coi bộ đắc chí lắm. Đi ba bốn vòng, mặt không đổi sắc; Tám Lọ để cối đá xuống nhẹ nhẹ rồi cười rằng: "Xưa Hạng Võ cử đảnh thì cũng như Lọ này giỡ cối đá vậy chớ gì! Vậy mà tưởng làm việc nhẹ, chắc là giảm bớt sức mạnh, té ra mạnh vẫn mạnh. Hồi nãy mà ta biết trước thì ta đã chụp đứa thất phu ấy, nhồi nó một hồi như trái cầu cho nó biết. Thôi cứ mỗi bữa ta tập vài vòng như vậy chơi... Bây giờ đi viết thơ cho cậu ta đã...".

Bà Phán ngồi dựa bên ghế đang sắp đặt tờ khế vào trong một cái hộp cẩn. Kiều Nga ngồi một bên xem cái hình Kiều Tiên lúc đi thi... Nàng trông từ nét, nhìn từ vẽ... Con Sư tử nằm trước cửa liếm lông... Trong lúc đang êm lặng, bỗng nghe tiếng kêu ngoài ngõ "Coi chó! Coi chó! Ai trong nhà coi giùm con chó".

Kiều Nga tay cầm tấm hình, chơn chưa kịp xỏ vào dép, chạy lại nắm con Sư tử mà rằng: "Ai đó cứ đi vô, không sao đâu!".

Người đem thơ ở nhà dây thép cầm một xấp thơ bước vào, lựa một cái đưa cho nàng. Nàng liền lấy một *góc tư* mà cho anh ta... Bà Phán hỏi: "Thơ của ai đó con, đem lại đọc cho má nghe nào".

Nàng chưa biết thơ ai mà miệng thưa: "Có lẽ là thơ của anh Thành Trai con, vì có dấu nhà dây thép Sài Gòn".

Bà Phán mừng lắm nói: "Chắc rồi, chắc thơ nó đó. Chắc là tin mừng... Mấy bữa nay nhện cứ sa trước mặt má hoài, thiệt quả là điềm tốt."

Kiều Nga ngồi trên ghế mây nhẹ nhàng xé cái bao thơ dường như không muốn động đến mạnh. Nàng để bao thơ trên ghế, cầm bức thơ đọc nho nhỏ cho mẹ nghe.

"Sài Gòn, le 24-7-20

Thưa cô,

(Thấy chữ Sài Gòn thì trong bụng đã mừng... Ngó xuống hai chữ thưa cô thì lấy làm lạ... Bà Phán hỏi: "Sao không đọc luôn cho má nghe mà lại ngừng vậy, con? Đọc cho biết coi thơ chuyện gì". Nàng thở ra, đọc):

"Xin cô chớ ngạc nhiên về sự một người cô chưa từng gặp gỡ mà dám tự tiện gởi bức thư này cho cô... Người này vốn chẳng phải là kẻ mong làm gì quấy. Vì có một cái tin mọn, không ai biết mà cho cô hay, nên kẻ lạ này phải viết thơ... Xin cô chớ ngờ việc gì hết, người viết thơ này vẫn có một cái phận sự phải giúp đỡ cho nhà cô...

"Hôm trước có một người bị đâm một mũi kéo ở nhà ngủ Lục tỉnh trong lúc đêm khuya phải chở vào dưỡng đường điều trị. Hỏi ra thì người ấy là Trần Thành Trai, con ông Phủ ở Cần Đước, mà chính là anh nhà bác cô... Hiện nay còn nằm ở nhà thương Angier, bịnh tình không đến nỗi phải lo.

Nay kính."

Nàng đọc xong, ngồi sửng sờ một lúc, mặt mày tái lét. Bà Phán cũng hoảng, song phải gắng gượng, an ủi nàng rằng: "Con ơi, việc tuy là dữ mặc lòng, nhưng có lẽ rồi cũng hóa ra lành... Con không nên buồn quá mà làm cho má thêm rối trí".

Bà vừa nói vừa khóc, trông thiệt là thảm thương.

Nàng khóc mà rằng: "Má ôi! Anh Thành Trai cũng vì việc nhà ta mà ngày nay đến nỗi như thế nghĩ không đau lòng sao được? Con

vẫn biết anh con không chịu lui lại bước nào nên nay mới bị tai họa. Bây giờ anh con vào nhà thương, ai lo săn sóc cho, xin má cho phép con lên đặng trông nom thuốc thang cho anh con ít bữa".

Bà Phán nói rằng: "Con ơi, con nghĩ như vậy phải lắm, anh con vì nhà ta mà bị hại, con lên trông nom cho anh con cũng là lẽ tự nhiên, nhưng má lo sợ lắm. Má còn nhớ lời nó hăm dọa má, má còn nhớ đêm anh rể con bị giết. Má nhớ hết. Con ơi, má sợ lắm con à! Nếu vạn nhứt mà còn có điều gì thì thân má sẽ ra sao? Con ôi! Con thương má với, con đừng bỏ má".

Nàng gượng gạo lau nước mắt rồi nói: "Thưa má, con không bao giờ nỡ làm sự gì cho má nhọc lòng, hôm nay là sự vạn bất đắc dĩ. Vì nghĩ đến cái can đảm của anh con và cái cảnh nhà của bác con, nên không thế nào con ngồi yên được. Xin má cho phép con đi lên thăm anh con ít ngày, một là cho anh con biết rằng bao giờ mẹ con ta cũng thương anh, hai là không phụ tấm lòng tốt của anh. Trong lúc anh đau thì buồn bực, phận sự con phải đến an ủi, khuyên lơn cho anh khỏi chán nản".

Bà Phán cầm tay con mà rằng: "Con nói đã cạn lẽ, má không ngăn con làm điều phải, nhưng mà để con đi một mình thì má không an lòng, thôi má sẽ đi với con. Con hãy về nằm nghỉ, mai má sẽ tính".

Kiều Nga mừng lắm, trở về phòng. Bà Phán cho mỗi một người thân mật là Nguyễn Viết Sung đến để gởi nhà. Người này tuổi trên bốn mươi, trán lép, con mắt sâu mà sáng, mũi hơi gãy, râu mép đen, chính là người ông Phán, bà Phán tin cậy thuở nay. Mỗi sự gì trong nhà cũng đều phú thác cho một tay người này tất cả. Nhà y cũng khá, một năm thâu được năm bảy ngàn giạ, vợ mất sớm, chỉ có một con trai mới được bổ ra làm trợ giáo.

Nguyễn Viết Sung là người khôn khéo, giỏi cách thù phụng nên ai cũng phải tin dùng, song thiệt ra thì chính là một người rất nham hiểm. Khi nghe bà Phán cho mời thì Viết Sung lật đật sửa soạn khăn áo chỉnh tề đến ra mắt. Bà mời ngồi rồi nói: "Ngày mai tôi đi Sài Gòn có chút việc, tôi nhờ ông coi giùm nhà cho tôi ít bữa. Bên nhà ông đông đảo chớ bên này không có người tin cậy, vậy xin ông chớ từ".

Nguyễn Viết Sung suy nghĩ rồi hỏi: "Vậy chớ cô Kiều Nga đâu?".

– Nó cũng phải đi với tôi. Tôi biết ông là người chắc chắn nên mới dám phiền đến ông.

– Bà đã cậy đến tôi thì tôi không dám từ chối, xin bà cứ an lòng, tôi sẽ hết sức cẩn thận.

Tám Lọ đứng chùi ghế nghe Nguyễn Viết Sung nói bấy nhiêu lời thì nó nghĩ thầm rằng: "Cái mặt thằng này khó thương quá. Sao mà chủ ta lại tin dùng nó. Ôi! Cái mặt thằng này là mặt gian hùng. Thôi để thủng thẳng rồi sẽ hay".

Khi Nguyễn Viết Sung về rồi, bà Phán kêu Tám Lọ mà dạy rằng: "Mai ta và cô Ba đi Sài Gòn có việc, ở nhà phải lo làm cho tử tế, đừng nên bê trễ nghe. Ta đã cậy ông Hương Sung trông nom nhà cửa thì phải nghe lời ổng, chớ đừng sanh chuyện mà ta không bằng lòng".

Tám Lọ vòng tay thưa rằng: "Thưa bà cứ an lòng, bà đừng lo gì hết, tôi chẳng bao giờ để cho ai phải nói đến đâu. Tôi sẽ hết sức lo công việc, nhưng tôi xin nói thiệt, tôi không ưa Hương hào Sung chút nào".

Bà Phán nói nho nhỏ rằng: "Dầu sao cũng cứ giữ bổn phận, đừng nên mích lòng ai hết".

Trước phòng khám bịnh ở nhà thương Angier, một bà già lối năm mươi tuổi, mặt mày buồn hiu ngồi gần một bên người con gái mặt coi cũng âu sầu, lại có con chó cao lớn nằm dài dưới đất... Bà ấy là bà Phán đem con lên thăm Thành Trai. Hai mẹ con đợi hồi lâu mới có người phạm nhe (Infirmier) ra đưa vào phòng Thành Trai... Thành Trai hôm nay đã lành, chỉ nằm tịnh dưỡng nên thấy thím và em thì lật đật ngồi dậy chào. Con Sư tử mừng lắm, nhảy chồm lên giường ngoắt đuôi. Người phạm nhe ra đóng cửa rồi đứng núp lại rình nghe...

Bà Phán ngồi bên ghế nói: "Nghe tin cháu bị thương, con Kiều Nga nó buồn rầu lo sợ quá, thím phải an ủi mãi... Nó một hai đòi lên săn sóc thuốc men cho cháu ít ngày nên thím cũng đi luôn để thăm cháu... Sao? Trong mình cháu bữa nay đã khỏe chưa? Ở bên nhà anh chị có cho ai lên thăm không?".

Thành Trai thấy Kiều Nga cúi mặt, ngó con Sư tử mà có dáng mắc cỡ, chàng thưa: "Thưa thím, cháu rất đội ơn thím và em có lòng tưởng đến. Chẳng hay làm sao mà dưới nhà lại được tin cháu ở đây? Cháu không cho ai hay cả nên dưới nhà cha mẹ cháu cũng không biết. Cháu biết rằng không đến nỗi gì nên cháu không muốn làm nhọc lòng ai. Hôm nay cháu đã khỏi hẳn rồi, chỉ nằm vài ba ngày nữa thì ra nhà thương".

Bà Phán lấy thơ đưa cho chàng xem mà rằng: "Có người nào đây viết thơ cho con Kiều Nga nên thím mới biết...".

Thành Trai xem rồi thưa rằng: "Thưa thím, từ rày về sau thím đừng nên tin những thứ thơ này, nếu là thơ của kẻ gian thì chắc là chạy không khỏi mưu nó. Hễ khi nào thím tiếp được thơ cháu thiệt thì bấy giờ sẽ tin. Vì cháu biết đứa gian còn đang theo đuổi báo hại, nó chưa chịu thôi đâu".

Kiều Nga xoay lại ngó Thành Trai rồi hỏi: "Vậy thì anh có biết đứa nào đâm anh không? Mà em chắc là lũ gian thấy anh muốn khám phá sự bí mật của chúng nó nên mới toan hại anh; em sợ trong lúc yếu ớt thì hay sanh ra ngã lòng không được hăng hái như lúc thường, nên em mới tính lên đây cho anh có bạn".

Thành Trai mỉm cười mà rằng: "Anh cám ơn em lắm, em nghĩ như thế rất phải, vì bất kỳ ai hễ gặp lúc đau yếu thì hay thối chí, phải cần có bạn khuyên giải; nhưng anh không phải như phần nhiều người mỗi chút mỗi thối lui đâu, anh có đủ nghị lực để chống với mấy lúc ấy. Anh không bao giờ chán nản; hễ anh làm gì thì anh làm cho kỳ được... Anh bị đâm là tự anh lầm... Người đâm anh tức là người viết thơ cho em đó. Lời thơ ấy có lẽ là lời thật, vì anh đã thấy mặt người ấy, quyết không phải là hạng tầm thường... Cũng vì anh biết anh lầm nên anh đã nhơn trong lúc ăng kết, tự nhận lấy lỗi, để cho khỏi phiền lụy người ta... Thế mà người ấy cứ tới lui thăm hỏi anh mãi. Nếu người ấy là kẻ quyết hại anh thì sao lại xử với anh như thế?".

Kiều Nga ngẫm nghĩ rồi nói: "Người ấy vốn thiệt không quen với nhà em thì sao lại nói rằng *có cái phận sự phải giúp đỡ cho...* em không hiểu vì sao".

Thành Trai nhơn câu nói ấy tỏ ra vẻ vui mừng mỉm cười mà rằng: "Chắc cũng có một cái duyên cớ gì nên họ mới dám nói đường đột như vậy chớ".

Kiều Nga đỏ mặt, cúi đầu nói: "Thật là em *chưa hề* gặp người ấy lần nào; xin anh chớ vội cười em tội nghiệp... anh không thấu tấm lòng em nên anh mới nỡ nói câu ấy".

Thành Trai biến sắc mà rằng: "Nào anh có ngờ vực gì cho em đâu, anh nói câu ấy cũng là có một cái duyên cớ mà em chưa có thể hiểu được, có lẽ anh biết người ấy. Chừng anh ra khỏi nhà thương thì anh sẽ đi tìm liền...".

Bà Phán nói: "Thôi, thím để Kiều Nga lại nói chuyện với cháu cho vui, thím về nghỉ... Lát chiều con về nghe không con!".

Kiều Nga mừng thầm, đưa mẹ ra xe. Người phạm nhe lật đật tránh qua phòng khác, thay đổi y phục rồi cũng ra xe mà về...

Người phạm nhe ấy chính là Minh Đường. Minh Đường nghe trộm bấy nhiêu lời thì nửa mừng nửa hồi hộp... Mừng là vì chàng hơi rõ được lòng Thành Trai, mà hồi hộp là về nỗi nhà Kiều Tiên còn phải bị quân gian đeo đuổi, báo hại chưa thôi. Chàng nghe Thành Trai nói rằng có lẽ biết chàng thì chàng lại nghĩ đến Kiều Tiên.

Chàng mừng rồi lo, chàng nghĩ thầm: "Nếu mà quả Kiều Tiên còn sống, nếu một ngày kia Thành Trai tìm được kẻ gian, rửa được nhục cho nàng thì ngày ta ngó mặt nàng ta há chẳng... Ta đã là bạn tri kỷ của nàng thế mà mấy lâu nay việc nàng ta không tìm ra manh mối gì cả thì đáng hổ thẹn xiết bao! Thôi ta không nên gặp Thành Trai, ta đã thiếu chút nữa làm cho mất cứu tinh của Kiều Tiên thì ta còn gặp chàng làm gì... Ta phải ẩn mặt mà gia tâm tìm kiếm cho ra kẻ giết bạn ta thì ta mới chuộc được cái lỗi này".

Chàng suy nghĩ kỹ rồi thì trở về nhà ngủ, trả tiền phòng, đi tìm trọ tại một căn phố ở Dakao... Từ ấy đến sau bất kỳ đêm nào chàng cũng đi thám dọ khắp nơi.

Kiều Nga đưa mẹ về rồi trở vào phòng ngồi một bên giường Thành Trai... Trong lòng nàng khoan khoái lạ lùng, nàng quên rằng nỗi nhà đang gặp sự oan ức, nàng quên rằng chị nàng đang gặp phải cảnh gian truân... Nàng tưởng rằng lúc bấy giờ nàng sướng hơn tất cả mọi người. Nàng ngó Thành Trai một cách chứa chan cả tình

thương, đến nỗi làm cho Thành Trai cũng phải lấy làm lạ. Thành Trai hỏi rằng: "Mấy hôm anh đi rồi trong nhà có sanh ra sự gì chăng?".

– Thưa, không có sự gì cả, rồi đó hai người cùng nhau nói chuyện; hết chuyện gần tới chuyện xa, hết chuyện mới tới chuyện cũ...

Ngồi nói chuyện thét Kiều Nga quên về mà Thành Trai cũng quên đau... Đồng hồ gõ năm giờ, chàng giựt mình bèn thôi thúc Kiều Nga về kẻo thím đợi... Kiều Nga từ giã anh, dắt con Sư tử đi ra đến cửa còn xoay lại mà rằng: "Anh ráng tịnh dưỡng cho khỏe, mai em sẽ vô sớm".

Thành Trai gật đầu: "Em về thưa với thím rằng bữa nay anh đã khá nhiều".

Ngọn đèn chiếu sáng con đàng hẻm ở Tân Định làm cho ai đi ngang đấy cũng thấy một căn nhà trên có tấm bảng đề *"Chiêu Anh Quán"* người vào ra tấp nập. Những hạng người đến đó phần nhiều là các tay du côn, tự xưng là *anh chị* và bọn thợ ba son; một đôi khi cũng có mấy thầy, song ít lắm.

Hôm ấy nhằm tối thứ bảy nên *"Chiêu Anh Quán"* chật nứt cả người... *"Chiêu Anh Quán"* là một cái tiệm bán cơm, rượu, nem Thủ Đức lại có ca cải lương, và phía sau có năm bảy cái phòng, bày đồ hút đủ thứ. Ba chục cái bàn đầy cả người, áo bành–tô hở ngực, quần lãnh đen, lưng mang dây nịt da, người nào người nấy đều vạm vỡ. Phía trong có vài ba người con gái ngồi ca, ít người đàn ông ngồi đờn... Có người đưa ngực con rồng, có người xâm tay con cọp, cười nói ngả nghiêng, thật là *anh chị*.

Gần cửa có một người ngồi một cái bàn nhỏ, mặc áo trắng đội nón nỉ xám, ngó chăm chỉ các *anh chị*. Người ấy chỉ ngồi một mình, nét mặt coi nghiêm nghị mà dáng điệu không phải là một hạng với mấy người ngồi chung quanh... Vậy mà sao lại lạc đến nơi ấy? Ta nhìn rõ lại thì không phải là người lạc vào chốn ấy mà chính là người muốn đến. Người ấy là Tạ Minh Đường. Tạ Minh Đường đem thân vào những nơi ấy cũng chẳng lạ gì, chỉ là theo như câu của Thành Trai nói hôm ở phòng ngủ: *"Muốn biết được sự bí mật tất phải vào nơi hắc ám; muốn bẻ được hoa sen tất phải lội xuống hồ bùn!"*.

Chàng ngồi nghe từ lời, nhìn từ mặt, trông từ người.

Bên bàn gần đấy có một người cao lớn, con mắt tròn như cái vụ, lỗ mũi rộng, trên ngực xâm một cái búa, vỗ tay xuống bàn mà nói với người cũng bặm trợn, cũng ăn mặc một kiểu rằng: "Tư Lồi, em biết qua? Qua mà sợ thằng này, qua bãnh hay không thì em út ở Tân Định này cũng biết chớ, vậy mà lính kín dám theo qua hoài. Hôm trước qua đâm một thằng đổ ruột, qua đá một thằng bể hông, bọn nó la mã tà như mõ bể... Vậy nó mới thất kinh".

Người tên là Tư Lồi tiếp nói: "Anh Bảy bãnh lắm mà! Ai lại không biết anh Bảy! Vậy mà anh đánh nó rồi nó có theo anh nữa không?". Người kia cười lớn rằng: "Bọn nó chạy hết, không còn đứa nào dám theo nữa. Em Tư, bữa nay qua muốn đi Thủ Đức chơi em có đi thì đi".

Tư Lồi nói: "Anh Bảy đi làm gì cho mệt. Thủ Đức lóng này hết vui rồi, chi bằng ra sau này hút chơi còn thú hơn".

– Ừ được, để rồi ra sau hút chơi. Và nói và uống một ly cô–nhắc. Lúc tiếng ca đang thảnh thót, thì một người con gái mặc áo nhiễu trắng, tai chỉ đeo đôi bông chớ không chưng diện gì hết, trạc chừng mười bảy, mười tám tuổi ở trong bọn ca nhi nín ca, đứng dậy ghé lại bên thâu tiền, nói với bà chủ quán rằng: "Bây giờ mười một giờ rồi, để tôi về kẻo khuya quá".

Người con gái ấy làm cho Minh Đường trông thấy mà sửng sờ... Cái giọng nói ấy, cái hình dung ấy không khác nàng Kiều Tiên trong lúc chàng gặp ở dưới tàu chút nào cả. Con mắt long lanh, cái vẻ mặt hơi sầu ấy gợi cho chàng nhớ lại người xưa. Chàng nhìn chăm chỉ... Chàng lấy làm lạ là một kẻ ca nhi sao mà có được cái dáng điệu như thế. Chàng đang nhìn không nháy mắt thì nghe tiếng người mà tự xưng là *Anh Chị* đó la lớn rằng: "Con đĩ kia, hãy ca ít bài nữa rồi về. Mày về làm gì mà lật đật lắm vậy? Tao biểu phải ca, không thì tao đánh bể đầu!".

Người con gái ngó người ấy một cách khinh bỉ, mà mặt thì đã xanh như tàu lá, nửa muốn bước ra nửa còn dụ dự... Tư Lồi cũng nạt thêm rằng: "Anh Bảy Lộng biểu mày ca mà mày còn dụ dự à? Ca mau đi không thì chết bây giờ!".

Người con gái ấy nhíu hai lông mày lại, răng cắn lấy môi, không nói gì cả, chỉ đứng sửng. Tư Lồi bước lại chụp tay nàng kéo ra, toan đánh nàng thì Minh Đường đạp cái bàn về một bên, đến thoi Tư Lồi một thoi vào mặt té ngửa. Tất cả người trong quán đều cười rộ lên. Tư Lồi đứng dậy ngó Minh Đường chằm hằm rồi xốc lại hỏi: "Mày ở đâu mà dám lại đây làm ông hoành? Mày hãy tránh đi, nếu không thì đừng trách".

Minh Đường vòng tay đứng chận trước mặt cô ca ấy, nói dằn từ tiếng với Tư Lồi rằng: "Mày du côn há? Mày xưng hùng xưng bá để đi ăn cơm quán không trả tiền, hiếp đàn bà con gái cô thế, chận đường giựt của người ta trong đêm tối, như vậy đó là giỏi lắm sao? Mày sức lực như vậy, vóc vạc như vậy mà dám hiếp đáp một người con gái yếu ớt như kia, mà nghĩ là anh hùng sao? Tao không phải du côn, không phải anh chị mà tao muốn mày không được hiếp đáp con gái, đàn bà. Nếu mày không chịu xin lỗi cô này đi thì tao không tha mạng mày".

Tư Lồi giận lắm, bọn nó cũng toan xốc vào tiếp, nhưng bọn thợ ba son nói lớn rằng: "Ai muốn đánh thì đánh xích một với người ta, nếu ỷ đông mà đánh một mình thầy này thì chúng ta không chịu. Thấy ốm yếu hơn mà!"

Cũng nhờ bọn thợ ấy mà bọn Tư Lồi không dám áp lại. Tư Lồi thấy vậy xốc đến một mình cố đánh trả thù. Minh Đường thuận tay đánh một cái *bóc* vào hàm xai tay trái, rồi bồi luôn một cái vào hàm xai tay mặt, làm cho Tư Lồi té nhào xuống nằm như khúc gỗ. Chàng nhảy theo chụp tay kéo dậy bóp họng nó mà rằng: "Mày có chịu xin lỗi cô ấy không?".

Tư Lồi mặt ướm máu, bị bóp đau quá la hoảng rằng: "Ôi đau quá, đau quá! Thôi buông ra rồi tôi sẽ xin lỗi".

Minh Đường buông ra thì Tư Lồi muốn xẻ đất mà xuống, ngặt vì không biết độn thổ nên cực chẳng đã phải xin lỗi cô ca rằng: "Thôi tôi vô phép, từ rày tôi không dám động đến cô nữa!"

Bảy Lộng thấy vậy, đứng vùng dậy, cầm trong tay một cái chai rượu, nạt Tư Lồi rằng: "*Anh chị* gì mà xin lỗi con đĩ chó đó? Mày lui ra đi, để tao đánh thằng này cho nó biết, kẻo nó dám chửi *anh chị*".

Bảy Lộng mới bước ra khỏi bàn, Minh Đường đã húc đầu vào bụng nó một cái rất mạnh và lanh như chớp, làm cho Bảy Lộng không thể đỡ được, bị té sấp xuống dập mặt, xệ hàm, dậy không muốn nổi. Bọn thợ ba son đều cười lớn... Bảy Lộng lồm cồm ngồi dậy. Minh Đường chụp tay bóp một cái dường như cái kẹp sắt, làm cho Bảy Lộng bủn rủn tay chơn, miệng la như quạ: "Trời ôi... đau quá!"

Minh Đường cười cách khinh bỉ rằng: "Mày *anh chị* há? Sao mày không xưng hùng xưng bá đi? Chửa gì mà đã la không ngớt miệng vậy khi bị đâm bị chém thì sao? Mày phải biết rằng du côn hay là *anh chị* đều không phải là tự cái bộ vúc vắc, không phải là tự cái miệng, đánh phách, không phải tự con rắn con rồng nơi ngực đâu. Thôi tao tha cho mày lần này, lần sau đừng xưng *anh chị* như vậy nữa mà chết không ai thương".

Chàng toan thả tay ra nhưng chàng dòm lại thì thấy ngón tay út của nó cụt hết... Chàng cười: "Chắc lúc trước cũng vì mày xưng anh chị mà cụt hết ngón tay này chớ gì! Nếu không chừa thì tao sẽ cắt cụt ngón nữa".

Bảy Lộng nghe nói câu ấy thì biến sắc, mặt mày lơ láo. Vừa được thả ra thì nó hoảng hốt, lách mình chạy mất. Mấy người trong quán đều vỗ tay cười ngất.

Minh Đường xây lại thấy người con gái ca sợ run thì hỏi: "Cô sợ lắm sao?".

Nàng thưa rất dịu ngọt rằng: "Em không sợ cho em chút nào, em chỉ sợ cho thầy thôi".

– Cô ở đâu? Tôi xin đưa cô về đến nhà.

Nàng ấy thấy có người đông quá, không tiện nói gì nên phải vâng lời, chào chủ quán rồi đi trước. Minh Đường trả tiền rồi đi theo sau, đi đến con đường Champagne, nàng vào kêu cửa một cái nhà lá nho nhỏ.

Trong nhà còn thắp đèn, một bà già mở cửa hỏi: "Sao hôm nay con về khuya vậy? Chắc là bà chủ cầm lại phải không?"

Nàng bước vào nói nho nhỏ: "Có khách lạ, má ngồi để con xuống nấu nước".

Nàng đi tuốt xuống bếp, bà già ấy mời Minh Đường ngồi... Minh Đường toan chối từ nhưng chàng muốn nán xem thử nàng ấy là người gì mà giống như người thương của chàng, nên chàng ngồi. Cái nhà này tuy chật hẹp, nhưng sạch sẽ lắm, không có một món gì mắc tiền mà cách chưng dọn rất có thứ tự... Nàng ấy chế nước bưng lên mời chàng dùng rồi nàng thuật chuyện ở *Chiêu Anh Quán* cho bà già nghe. Bà già tạ ơn rằng: "Nếu không nhờ có thầy thì con già bị nhục rồi. Già không biết lấy chi mà đền ơn thầy cho xứng đáng... Vậy chớ thầy làm việc ở đâu mà sao thầy lại dám đánh bọn du côn ấy?"

Minh Đường đáp rằng: "Tôi không làm việc sở nào cả. Tôi không dung bọn du côn bao giờ. Hễ tôi thấy bọn nó hiếp ai thì tôi trị ngay, tôi không chịu để cho bọn nó ỷ chúng hiếp cô. Tôi muốn làm cho bọn nó bỏ cái tánh nết xấu xa ấy đi... Vậy thì cô đây là con bà phải không? Sao bà không kiếm công việc gì cho cô em làm, mà lại cho đi ca như vậy, rủi có sự gì té ra lợi không bổ hại?"

Bà già chảy nước mắt mà rằng: "Thật già không có ý bắt con đi ca hát, nhưng điều đó là tình cờ... Thầy thử xem già chừng bao nhiêu tuổi?"

Minh Đường nghe bà già hỏi hơi lạ thì đáp rằng: "Xem rõ thì chừng sáu mươi, mà còn muốn hơn nữa... Tôi coi cô này có vẻ đài các vậy mà sao lại đi làm nghề xướng ca? Cô lại giống hệt một người con gái mà tôi đã được gặp cách năm năm trước... Bà có thể cho tôi biết vì duyên cớ gì mà cô em lại đi ca như vậy không?"

Bà già ấy nghe chàng nói có gặp một người con gái giống hệt con bà thì bà ngó sửng chàng hồi lâu rồi mới thở ra mà rằng: "Xin thầy nói rõ cho già biết thầy ở đâu: nếu may mà thầy là người có thể giúp già được thì già sẽ kể cho thầy nghe một câu chuyện rất bí mật của cái đời già. Già đợi chờ cứu tinh đã mười mấy năm nay cũng như bà Lý Thần Phi đợi Bao Chuẩn vậy".

Minh Đường nghe bà già nói vậy và nước mắt ra ròng ròng thì lấy làm lạ hơn nữa... Chàng nói chẫm rãi rằng: "Tôi người ở Cầu Ngang về hạt Trà Vinh, tên là Tạ Minh Đường. Cha tôi hiện đang làm Cai tổng còn tôi thì qua học bên Pháp đã đậu bác vật, mới về

nước được vài tháng nay. Nếu quả là bà có sự gì uất ức thì xin cứ thuật lại cho tôi biết, tôi có thể giúp được bà thì tôi rất vui lòng..."

Bà già ấy ngồi một hồi, không nói một câu gì, mắt cứ ngó Minh Đường tròng trọc. Giây lâu bà úp mặt vào tay mà khóc rồi nói với nàng con gái rằng: "Con ơi, để má thuật lại một chuyện mà má chưa từng nói với con bao giờ... Chuyện ấy rất quan hệ cho cái đời của con". Nàng ấy ngó sửng bà già. Minh Đường nói: "Nếu có chuyện gì thì bà cứ nói thật cho tôi biết, tôi sẽ ráng mà giúp bà".

Bà già nói: "Ông mới nói rằng tuổi tôi hơn sáu mươi là vì ông thấy tôi đã già khúm... Nhưng thiệt thì tôi chưa đến tuổi ấy, tôi mới bốn mươi bảy tuổi mà thôi..."

Minh Đường nghe bà già nói mới bốn mươi bảy tuổi thì chàng lấy làm kinh ngạc mà càng ngó bà chăm chăm. Phải, bà già trông không phải là con người nữa, bà là một xương hay là một cái xác vậy... Tóc bà đã bạc trắng, mặt bà đã nhăn nhíu, thân hình bà đã khô khan rồi... Bà khóc mà rằng: "Ông lấy làm kinh ngạc thấy tôi già như vầy mà chưa đến sáu mươi tuổi phải không? Xin ông đừng lấy làm lạ, và thứ tội cho tôi. Ông ngồi xuống để tôi tỏ sự thật cho ông nghe... Mười bảy mười tám năm nay, lương tâm tôi không lúc nào yên, tôi chỉ vái Trời vái Phật cho được có một ngày đem hết những sự nặng lòng ra mà thú, đặng chuộc tội lỗi lúc xưa; nay may gặp được ông, thật là lòng Trời Phật xui khiến đó. Tôi đau đớn khổ sở mười mấy năm trường, thường ăn năn về cái tội lỗi... Thưa ông, ông đừng tưởng gì đứa có tội này, ông nên khinh bỉ nó... Thưa cô. Cô đừng kêu đứa có tội này bằng mẹ làm chi, cô cứ kêu nó là đứa giết người!"

Người con gái biến sắc, cầm tay bà già mà rằng: "Má nói mê nói sảng hoài... Xin má đi nằm nghỉ... Thưa ông, má tôi mấy năm nay đau bịnh ma quỉ gì không biết, thường khi cười khi khóc không chừng... Nhiều lúc thấy quì xuống van vái, xin Trời Phật tha thứ tội lỗi cho. Tôi vẫn lo lắng hết sức, nay bịnh ấy đã trở lại nữa, tôi xin ông bỏ qua những lời mê cuồng của má tôi".

Bà già lau nước mắt, khoát tay mà rằng: "Xin ông đừng tưởng là tôi điên, tôi không điên đâu, tôi vẫn tỉnh táo như thường... Cô

Kiều Nga, cô đừng kêu tôi bằng má mà tội lỗi thêm cho tôi, cô hãy kêu tôi là đứa sát nhơn...".

Minh Đường nghe kêu tên Kiều Nga thì giựt mình... Nàng ấy khóc nức nở ôm bà già mà năn nỉ rằng: "Má ôi! Má thương yêu của con ôi! Sao má nỡ nào kêu con bằng cô, má hờn con sự gì sao? Xin má đừng nghi con sự gì mà xấu hổ cho con lắm!... Quả là con nhờ ông này cứu khỏi tay bọn du côn, chớ con không dám dối má... Má tỉnh lại đi, con có phải tên là Kiều Nga đâu! Vậy má quên rằng con Liễu Chi còn đứng trước mặt má đây sao?".

Bà già cứ lắc đầu rồi nói với Minh Đường rằng: "Xin ông nói với cô Kiều Nga: tôi không điên; xin cô để cho tôi nói hết sự khổ tâm của tôi cho cô biết. Nếu cô không chịu để cho tôi nói hết thì không bao giờ cô tìm được cha mẹ chị em của cô".

Minh Đường biết bà già ấy vẫn tỉnh táo nên nói với người con gái rằng: "Xin cô cứ ngồi yên để nghe bà nói chuyện, tôi chắc là bà không điên. Người điên thì con mắt không còn có tinh thần như vậy đâu".

Nàng thở ra rồi ngồi yên. Bà già nói: "Lúc trước tên tôi là Lý Thị Minh! Thị Minh lúc xưa là một đứa rất lẳng lơ... Câu chuyện mà tôi sắp thuật lại cho ông và cô nghe đây cách đã mười bảy, mười tám năm rồi mà tôi còn nhớ như là mới hôm qua. Tôi quê ở Tây Ninh, con mồ côi, nhà nghèo, thường đi làm mướn cho nhà giàu để nuôi thân. Đến năm tôi hai mươi chín tuổi, tôi có cặp với một người đã có vợ con rồi... Người ấy là một người rất lanh xảo, rất nham hiểm tên là Nguyễn Viết Sung. Đứa gian xảo ấy dụ dỗ tôi, tôi thiệt thà dại dột không biết gì nên mới nghe lời nó, cùng nó đi lại vụng lén, được vài tháng thì có chửa. Tôi buồn rầu lo lắng vô cùng, một là sợ vợ nó hay, hai là sợ miệng người đàm tiếu... Tôi năn nỉ khóc lóc lắm nên nó đem tôi gửi một nơi... Chẳng bao lâu tôi sanh đặng một gái, tôi đặt tên là Liễu Chi. Con nhỏ xinh lắm... Viết Sung nói với tôi rằng có một thầy Phán kia rất giàu sang, cũng mới sanh một con gái đặt tên là Kiều Nga, giống hệt con tôi... Nếu đem con Liễu Chi tráo làm con nhà ấy thì sau này sẽ ngồi trên tiền của, và tôi sẽ được sung sướng muôn phần... Tôi xin thú thiệt rằng lúc ấy còn nghèo khổ lắm, tôi cũng tham giàu sang nên mới chịu theo lời nó

mà giao con cho nó. Đến nửa đêm nó bồng Kiều Nga đem về cho tôi và đưa cho tôi hai chục bạc biểu phải mau mau đi xứ khác lánh mình, rồi thủng thẳng nó sẽ tính thế theo tôi. Nó đem tôi về Sài Gòn, mướn một căn phố nhỏ cho tôi ở và hứa sẽ mua nhà cho tôi... Tôi tin nó lắm và lúc ấy tôi dường như say mê nó vậy. Nó cũng có nhiều tiền nên tôi tưởng thế nào nó cũng không bỏ tôi. Thế là cô này chánh tên là Kiều Nga chớ không phải Liễu Chi là con thiệt của tôi... Cô Kiều Nga! Cô đã rõ nông nỗi ấy chưa? Xin cô chớ hờn tôi tội nghiệp, nay tôi ăn năn lắm".

Kiều Nga nghe bấy nhiêu lời thì mặt đổ mồ hôi, nàng rung lặp cặp mà thưa rằng: "Tuy vậy mà mười mấy năm nay má nuôi con, thì con chỉ biết má chớ không biết ai nữa... Lẽ nào con lại tìm nơi giàu có mà bỏ má sao?"

Bà Thị Minh lắc đầu mà rằng: "Cô không nên nói vậy, tôi đã nghĩ kỹ lắm rồi, chính tôi là người đã làm hại cô, là người cô nên khinh bỉ, chớ không nên thương yêu. Cũng vì tôi mà cô phải đau đớn khổ sở, phải dầm mưa chải gió, lắm lúc phải nhục đến thân. Nếu tôi không đem cô đến chốn này thì hiện bây giờ cô đang sung sướng, chớ đâu có phải cực như vậy?"

Minh Đường mừng thầm: Chàng đã cầm được mối dây rồi, chàng hỏi: "Thôi, khoan nói sự ấy đã... Vậy thì từ ấy nhẫn nay bà có gặp Nguyễn Viết Sung không?"

– Không! Đồ sở khanh ấy chỉ lường gạt người chớ có thương tưởng gì ai... Nó đi rồi tôi đợi ngày đợi đêm mà cũng không thấy nó trở lại... Tôi buồn bực quá, trong mình lại đau yếu. Muốn đi kiếm nó song không dám, vì vừa sợ vợ lớn nó làm xấu, vừa sợ bị tội đồng lõa đánh tráo con. Tôi không biết làm sao được, cứ ôm con dại ngồi một chỗ ăn hoài thì sao cho khỏi thiếu hụt? Tôi nghĩ vậy nên lần lên đây mua cái nhà này để cho khỏi tốn tiền mướn... Lần hồi ở đây được vài năm, phải đi làm thuê làm mướn mà độ nhựt! Bấy giờ tôi tức mình lắm, nghĩ ăn năn thì đã muộn nên chỉ cắn răng chịu cực chịu khổ nuôi cô Kiều Nga cho khôn lớn để mà chuộc tội lỗi... Tôi vái Trời Phật giúp tôi, đừng bắt cô Kiều Nga đau, và để cho tôi có dịp giao trả cô về cho cha mẹ cô. May phước, cô Kiều Nga cũng ít khi đau. Lúc cô đã lớn, có người thấy thông minh đĩnh ngộ, mới dạy

cho học chữ và học ca đờn. Nhiều khi họ nài nỉ mua cô để cho tập làm đào hát cải lương mà tôi không dám vâng lời... Nay vì trong nhà túng quá nên tự cô muốn đi ca chút đỉnh để lấy tiền tiêu dùng, nhờ đó mà tôi khỏi thiếu thốn... Mỗi đêm cô đi ra thì tôi chỉ cầu khẩn cho gặp người thân thích nhìn cô, để cho cô được sung sướng, kẻo tôi là đứa vô lương mà cô ở với tôi chí hiếu, làm cho tôi càng đau đớn hối hận vô cùng... Hồi nãy tôi nghe ông nói có gặp người giống cô, vậy ông có biết người ấy hiện bây giờ ở đâu không?

Minh Đường ngồi ngó bà Thị Minh mà động lòng, chàng nói: "Nếu vậy thì có lẽ tôi sẽ tìm ra người bạc nghĩa ấy, và tôi cũng sẽ tìm ra được của ông thân bà thân của cô Kiều Nga đây nữa. Tôi vẫn biết chỗ ở của người mà tôi đã gặp, và tôi lại biết còn có một cô trùng tên Kiều Nga với cô đây mà người cũng tương tợ như cô đây..."

Bà Thị Minh mừng lắm nói: "Nếu vậy thì là con Liễu Chi của tôi rồi... Xin ông làm ơn cho tôi thấy mặt con tôi một chút... Xin ông làm ơn cho cô Kiều Nga được về với cha mẹ ruột thì Trời Phật sẽ ban nhiều hạnh phước cho ông".

Kiều Nga ngồi che mặt khóc ròng hồi lâu mới nói thỏ thẻ rằng: "Nếu vậy thì kẻ sâu độc kia đã làm cho ly tán mẹ con em để đem con nó vào hưởng phú quí. Trời Phật nào dung nó! Thưa ông, xin ông ráng sức giúp cho em trở về thấy được cha mẹ thì em xin kết cỏ ngậm vành ngày sau. Em không dám phiền sự cực khổ bấy lâu nay, ấy là số phận em phải như vậy, nhưng thấy cái mưu độc của người đời nghĩ mà rùng mình sởn óc... Thưa má, tuy là má đã làm sự không phải ngày xưa, nhưng bấy lâu nay má thương con như ruột thịt, vả lại má đã chịu đau đớn mười mấy năm trời rồi thì cũng đủ đền được tội lỗi. Dầu thế nào con cũng không bỏ má, má là một bà mẹ thứ hai của con, mà em Liễu Chi kia nếu vẫn còn trong sạch thì sẽ là một người em ruột của con vậy".

Thị Minh cầm tay Kiều Nga, khóc mà rằng: "Được vậy thì già này còn gì vui sướng hơn nữa! Già này được có ngày nay cũng đủ hả lòng rồi".

Minh Đường nhìn Kiều Nga một hồi rồi thở ra mà rằng: "Cô không nên đi ca hát nữa... Tôi biết cảnh nhà của cô nhưng lúc này

cô chưa nên về vội vì đang có biến cố lớn lắm. Cô phải nương náu ở đây ít lâu nữa và cứ tin rằng tôi không bao giờ nói dối ai, hễ tôi hứa một lời thì ngàn năm không sai chạy. Tôi hứa rằng tôi sẽ đem cô về nhà cô, và tôi sẽ đem cô Liễu Chi về cho bà cô... Cô đừng buồn gì hết một ngày kia cô sẽ biết cái lẽ vì sao mà tôi rất quan tâm về việc cô. Ấy là cái bổn phận của tôi đó... Liễu Chi hiện nay vẫn chưa biết nàng là giả. Mà nàng cũng nết na tài sắc không kém gì ai".

Chàng liền lấy trăm bạc đưa cho Thị Minh mà rằng: "Từ rày xin bà cứ dùng tiền tôi, đừng cho cô Kiều Nga đi ca nữa. Tôi xin chịu hết các món tiền tiêu xài trong nhà này từ nay cho tới khi cô Kiều Nga được đoàn viên. Nhứt là xin chớ nói việc này cho ai hay vì sợ trở ngại cho công việc của tôi đang mưu tính. Nguyễn Viết Sung còn sống thì nó không để yên cho bà đâu. Bây giờ tôi phải tìm nó đã... Thôi, tôi xin cho tôi kiếu".

Thị Minh cầm trăm bạc, muốn trả lại mà sợ mích lòng, bà còn dụ dự thì Kiều Nga nói: "Vô cớ mà nhận tiền của ông giúp thì em không an lòng được. Xin ông đừng giúp số tiền ấy thì em mới khỏi lo ngại... Ông đã cứu em, ông đã cho em hay rằng em sẽ tìm được cha mẹ là đủ rồi...".

Nàng nói chưa dứt thì Minh Đường liền tiếp lấy mà rằng: "Cô đừng ngại gì hết, tôi muốn cho cô đừng đi ca hát nữa, thì cô phải lấy tiền này mà dùng... Tôi từng giúp nhiều người rồi, hễ mà đã giúp thì bất kỳ sự gì, cũng là giúp cả. Một ngày kia cô tìm được cha mẹ rồi cô sẽ trả lại cho tôi cũng được, không sao đâu...".

Chàng và nói và từ giã ra về... Bà Thị Minh và Kiều Nga đều cảm động cái cử chỉ của chàng, mà tiễn chàng ra cửa...

Trong lòng Minh Đường mừng lắm, tìm được em của Kiều Tiên lại biết được câu chuyện rất bí mật trong nhà Kiều Tiên thì chắc sẽ khám phá được cái án mạng. Chàng muốn đến thăm Thành Trai mà tỏ thiệt sự gặp gỡ tình cờ ấy, nhưng đêm đã khuya nên chàng phải trở về, tính để đến bữa khác.

Đêm khuya canh tàn, lòng chàng thao thức, phần thì lo về sự khám phá vụ án mạng, phần thì thương nhớ Kiều Tiên, trăm mối tơ vò nằm không an giấc. Chàng nghĩ rằng: "Té ra Kiều Nga là nàng này người giống nhau mà cử chỉ cũng không khác gì bao nhiêu...

Cuộc đời nhiều nỗi éo le thiệt! Mưu kế của đứa gian sâu độc thiệt! Nó đã toan giựt cái phần gia tài này cho con nó thì nó còn thương gì danh giá Kiều Tiên mà không giết Thuần Phong để đổ tội cho Kiều Tiên?... Kiều Tiên em ơi! Dẫu em còn hay mất, em chứng cho tấm lòng anh, anh chẳng bao giờ quên em, mà chẳng bao giờ anh để cho danh giá em phải nhơ nhớp. Anh quyết thế nào cũng tìm cho ra kẻ gian mới nghe".

Trong lúc Minh Đường vào *"Chiêu Anh Quán"* thì Thành Trai đã ra khỏi nhà thương, đưa thím và em xuống tàu... Kiều Nga tay dắt con Sư tử, mắt thì trộm liếc Thành Trai, miệng thì nói nho nhỏ rằng: "Bất kỳ có sự gì, xin anh cũng cứ cho em biết, kẻo vắng tin anh, em không an lòng được... Nhứt là có sự gì xảy ra thì anh đừng giấu em, tội nghiệp".

Bà Phán cũng tiếp nói: "Cháu đừng lo gì về phần thím hết, cháu cứ gởi tin tức cho thường kẻo thím trông đợi lắm... Cháu cũng nên phải cẩn thận kẻo rủi ro thì khó lòng".

Thành Trai thưa: "Xin thím cứ an lòng, cháu sẽ vâng theo lời thím..." Bà Phán và cô Kiều Nga xuống tàu rồi thì chàng mướn xe lên *Bá Lạc Viên*... Xe chạy qua đàng Norodom, quẹo lại Paul Blanchy... Chàng nhìn mấy ngọn đèn điển, mấy dãy nhà lầu, mấy người qua lại mà trong lòng man mác... Đến *Bá Lạc Viên* chàng bước vào thì thấy hai bên ngồi ăn uống rất đông, đủ cả các hạng... Chàng lựa một chỗ sạch sẽ mà ngồi, rồi biểu pha cà phê... Trông thấy một người con gái tươi cười, tiếp đãi khách rất lanh lẽ lễ phép, thì chàng định chắc là con Liễu lúc xưa rồi. Chàng bước lại gần hỏi: "Cô có biết anh Tư Lực hiện giờ ở đâu không?"

Chủ tiệm ngó chàng rồi chúm chím cười mà rằng: "Tư Lực đang nằm hút ở đằng sau, nếu thầy muốn gặp thì tôi sẽ cho đứa dắt thầy vô".

Chàng gật đầu mà rằng: "Cám ơn cô lắm, tôi có chút việc riêng muốn hỏi va".

Chủ tiệm liền kêu một đứa nhỏ biểu dắt Thành Trai vô phòng hút. Đi qua bốn cái phòng mới đến một cái phòng nhỏ thì đứa trẻ ấy lấy tay chỉ mà nói với Thành Trai rằng: "Thầy cứ xô cửa mà vào, có đủ đồ rồi".

Chàng bước lại xô cửa thì thấy trên bộ ván gỗ có một người vậm vỡ đang nằm hút... Nghe tiếng xô cửa, người ấy giụt mình ngó ra và hỏi: "Đi đâu, muốn hút phải không?"

Chàng đóng cửa bỏ chìa khóa vào túi quần, đứng ngó vào cặp con mắt của người ấy một lát, làm cho người ấy khiếp sợ rồi hỏi: "Anh có phải là Tư Lực không?"

Người ấy nghe kêu trúng tên thì ngồi dậy đáp rằng: "Phải, thầy muốn hỏi tôi có việc gì chăng? Có sao thầy lại đóng cửa phòng lại?"

Thành Trai đứng dựa lưng vào vách, hỏi một cách nghiêm nghị rằng: "Anh có biết ai ám sát rể bà Phán Trần ở Vĩnh Long cách năm năm nay không?".

Câu hỏi ấy rất thình lình làm cho Tư Lực biến sắc, ngó chăm chỉ Thành Trai mà nói: "Thầy có phải lính kín không mà hỏi những chuyện ấy? Tôi không biết gì về vụ ám sát ấy cả".

Thành Trai nghiêm nét mặt nói từ tiếng rằng: "Tôi không phải là lính kín mà tôi lại có quyền hỏi anh hơn lính kín. Anh phải nói thật đi thì tôi sẽ châm chế cho, bằng không thì tôi giao anh cho ty mật thám, anh chết".

Ban đầu Tư Lực ngỡ lính kín thì sợ nhưng sau nghe không phải lính kín thì có khinh nên giả cười mà rằng: "Thầy nói vậy cũng phải, song tôi đâu có biết ai ám sát rể bà Phán đâu. Tôi ở nhà bà rất tử tế, ba bốn năm chẳng hề bị rầy la một tiếng, đến khi tôi không ở nữa thì tôi đi cũng minh bạch lắm, tôi có làm sự gì lỗi mà thầy đòi giao tôi cho sở mật thám?"

– Anh có làm sự gì hay không thì anh tự biết lấy, tôi không cần phải cãi với anh, nhưng tôi chỉ muốn anh nói thiệt với tôi thì tôi tha cho anh, nếu anh không chịu nói thiệt thì anh đừng trách tôi. Tôi biết vốn anh không chủ ý gì, nhưng anh chỉ tham tiền mà giúp cho kẻ gian. Sau anh thấy xảy ra vụ án mạng thì anh hết hồn, anh tìm chỗ ẩn mình mà thôi. Tôi biết rõ anh lấy chìa khóa, dắt người vào phòng nữa. Tôi có đủ chứng cớ buộc tội anh, nhưng vì anh vẫn là người làm nghe họ dụ dỗ nên tôi không nỡ hại anh, sao anh lại còn giấu diếm tôi.

Tư Lực mặt xanh như chàm, mồ hôi tháo ra ướt cả mình, tay cầm cái tiêm thuốc mà rớt hồi nào không hay... Tư Lực dòm chừng

cái cửa, nhưng đã đóng rồi nên biết là không thể ra khỏi, mới vùng đứng dậy, xốc lại trọn mắt nói với Thành Trai rằng: "Tôi không biết mà thầy cứ nói tôi biết thì lạ quá. Thầy có mở cửa cho tôi ra không thì nói?"

Thành Trai mỉm cười đáp rằng: "Tôi nói cho anh biết chẳng những biết mà thôi đâu, anh lại còn giúp bọn ấy giết Thuần Phong nữa. Tôi không mở cửa, anh muốn ra thì cứ mở lấy mà ra".

– Thầy cất chìa khóa rồi mà tôi mở sao được! Thầy có chịu đưa chìa khóa cho tôi không?

– Anh có thể lấy được thì cứ lấy... Nếu anh không chịu nói thiệt cho tôi biết thì anh không ra khỏi được chỗ này, vì anh sẽ phải đi xuống sở mật thám với tôi.

– Thầy liệu lấy, nếu thầy còn nói lôi thôi nữa thì thầy đừng trách. Thầy có mở cửa cho tôi ra không?

– Không?

Tư Lực giận lắm chụp cái ghế đánh vào đầu Thành Trai... Thành Trai gạt ngang ra rồi thuận tay đánh vào hàm xai Tư Lực một thoi mạnh quá làm cho Tư Lực xếu mếu, đứng không vững, té xuống đất nằm dài... Thành Trai nói: "Anh hãy đứng dậy, anh phải nói cho tôi biết vụ giết Thuần Phong... Hiện nay anh đã biết rằng anh không làm gì tôi được, mà tôi thì có thể làm hại anh dễ như trở bàn tay vậy. Anh nói thiệt thì tôi tha anh, tôi không sá gì anh đâu".

Tư Lực lồm cồm ngồi dậy, mặt mày bầm tím, biết thế cự không lại nên giả đò nói: "Chính là tôi không biết chuyện gì cả, nhưng hôm đám cưới tôi có nghi cho một người, nếu thầy để cho tôi đi dọ thì tôi sẽ cho thầy biết tin mà bắt nó. Hiện nó đang ở Sài Gòn".

Thành Trai gật đầu nói: "Anh đừng sợ gì hết, nếu anh dọ bắt được nó thì tôi không bỏ anh đâu".

– Thầy ở đâu và tên gì nói cho tôi biết để rồi tôi sẽ thông tin.

– Tôi là Trần Thành Trai ở đường Espagne số nhà 124.

Tư Lực lẩm bẩm cái tên và cái số nhà ấy mấy lần rồi nói: "Thật tôi không biết rõ sự ấy, nhưng có lẽ rồi cũng tìm ra được".

– Ừ, anh cứ ráng sức tìm đi.

Tư Lực bước ra rồi, chàng đứng lại ngó theo mà miệng chúm chím cười: "Mày muốn gạt tao, nhưng mày có nhúng vào sự này thì tao đố mày thoát khỏi tay tao...". Tư Lực đi tuốt ra ngoài trong lòng mừng lắm nghĩ thầm rằng: "Thằng này đã lầm ta rồi, thôi để ta tin cho bọn ta biết mà đề phòng... Đố mày làm gì mà bắt ta được".

Thị Liễu thấy Tư Lực mặt bầm tím thì vội vàng hỏi: "Sao vậy anh? Có chuyện gì không? Sao mặt anh bầm tím vậy?".

Tư Lực mắc cỡ không trả lời bỏ đi luôn. Thị Liễu đoán chắc là có chuyện gì, đang đứng suy nghĩ thì có một người bước vào, mặt tươi như hoa, cười mà rằng: "Cô Sáu chắc cô thấy mặt anh Tư Lực nên cô tức cười phải không? Tôi cũng hỏi ảnh vì sao, mà ảnh không thèm trả lời; bữa nay coi bộ ảnh có giận hờn gì ai". Thị Liễu mỉm cười rằng: "Cô nói phải đó, vì có một thầy nho nhỏ lại kiếm ảnh nói chuyện gì đó không biết mà ảnh bị bầm mặt rồi bỏ đi".

– Thầy ấy bây giờ ở đâu?

Cô hỏi chưa dứt lời thì Thành Trai đã bước ra... Cô mừng rỡ, chào: "Chào ông, ông lại chơi. Xin mời ông ghé lên phòng em".

Thị Liễu nói nho nhỏ rằng: "Thầy này đó". Cô ấy ngó Thành Trai mà cười, cười một cách rất dễ thương, rất có duyên... Thành Trai nhìn cô rồi nói: "Té ra cô ở đây sao cô Tám? Cô có biết Tư Lực đó không?"

Cô Tám gật đầu, nói nhỏ nhẹ rằng: "Thưa biết, té ra ông lên nói chuyện với Tư Lực há! Vậy mà em không hay. Mấy lâu nay em trông hoài mà không thấy ông đến, em buồn lạ lùng. Xin mời ông lên phòng em chơi".

Thành Trai muốn hỏi chuyện Tư Lực nên theo cô Tám lên lầu. Thị Liễu đứng ngó với theo mà nói thầm rằng: "Người sao xinh đẹp quá. Đàn ông mà con gái cũng không bì kịp... Coi sao lại hơi giống cô Kiều Tiên. Tội nghiệp cô quá!...".

... Vào đến phòng Thành Trai hỏi: "Tư Lực có phải ở đây không?"

– Không... Vài ba đêm mới đến một lần. Mời ông ngồi trên nệm này cho êm...

– Cám ơn cô. Cô thấy va hay chơi bời với ai không?

– Thường thường em thấy ảnh hay ăn uống với một người anh chị bên Tân Định, tên là Bảy Lộng.

– Người ấy ra sao?

– Người ấy vặm vỡ, trên trán có xâm một cái búa.

– Cô có thấy dấu gì khác ở hai bàn tay người ấy không?

– Em không chú ý.

– Tôi nhờ cô một việc. Từ rày về sau nếu cô có gặp người nào mà ngón tay áp út cụt hết thì cô cho tôi hay, tôi rất cám ơn cô.

Cô Tám cười miếng chi mà rằng: "Miễn ông biết rằng em hết lòng với ông là đủ rồi, em không dám mong sự cám ơn đâu. Nếu ông cần dùng đến em thì dầu bước vào trong đám lửa em cũng chẳng dám từ chối".

Thành Trai mỉm cười cầm tay cô mà rằng: "Nếu cô thiệt lòng với tôi như vậy thì tôi cảm ơn cô lắm. Cô giúp tôi được việc này thì cũng như là cô cứu tôi sống lại một lần nữa vậy, mà xin cô đừng cho Tư Lực biết".

Cô Tám không giựt tay ra, ngồi xích lại gần Thành Trai mà nói nhỏ nhẹ rằng: "Xin ông cứ tin vào em, em tuy là một đứa con gái giang hồ mặc dầu nhưng em biết người. Em không bao giờ dám đem sự lả lơi dối trá mà đãi ông, em biết ông. Em chỉ xin ông một điều này mà thôi..."

– Cô muốn điều gì thì cô cứ nói, sao lại nín đi?

Cô Tám kê miệng gần một bên tai Thành Trai mà rằng: "Em muốn ông đừng khinh bỉ em, mà thương em một chút".

Câu nói ấy làm cho chàng sững sờ, song chàng ráng làm bộ tự nhiên, ngó cô một cách hữu tình, cười chúm chím mà rằng: "Nếu chỉ có bấy nhiêu đó thì dễ lắm, cô không cần phải xin...".

Cô Tám nghiêng đầu qua một bên mà nói: "Thôi mà, ông cứ dối em hoài. Em biết rằng bất kỳ món gì ông cũng cho em được, nhưng mà *món thương* thì khó lắm. Ông chỉ nhạo em hoài, thiệt là tội nghiệp em lắm".

Thành Trai lấy tay đánh vào má cô một cái nhẹ nhẹ mà rằng: "Nhiều chuyện quá, tại sao mà cô lại nói câu ấy?"

Cô Tám làm bộ ngậm miệng cười lại, nhíu lông mày ngó chàng mà nói: "Ông đã chán biết rồi, còn hỏi làm gì nữa. Cái miệng ông cười nửa mép đó tức là cái khóe ông khinh bỉ chớ gì. Ông khinh bỉ em là gái giang hồ, là bọn đi chơi bời, nhưng vì ông còn thương hại nên không nỡ nói ra mà thôi. Em biết, em biết cái đời của em là cái đời bỏ đi, nhưng may một đôi khi được gần người như ông thì lấy làm vui lòng lắm. Ông biết vậy cho em, em cũng hả lòng rồi".

Thành Trai nghe câu nói ấy thì cũng động lòng thương, mà an ủi rằng: "Tuy cô nói như vậy là phải, nhưng tự tôi thì tôi tưởng rằng trong các cô đi giang hồ, có nhiều người vì sự cực chẳng đã mà phải nhắm mắt đưa chưn. Vậy chớ cô vì sao mà phải đi như vậy?"

– Thưa, em cũng như phần nhiều người con gái khác, là có tánh đua đòi. Em vốn con nhà nghèo mà lại mơ ước những gác tía lầu son, những áo hàng quần lãnh; những hột xoàn, bông vàng... Em thấy cô nào, chị nào mặc cái áo gì đẹp, đeo món gì quí thì em muốn lắm. Mà làm sao có được những món ấy? Nhà em nghèo, em thấy họ xuống ngựa lên xe, chơi bời sung sướng thì em thèm thuồng, khát khao lắm... Chỉ vì vậy mà em trốn cha mẹ em, ra đi chơi bời làm vợ khắp người ta... Em được người này kêu bằng cô, người kia kêu bằng chị khi ăn uống, lúc rượu trà, ai ai cũng ngọt ngào o bế; lúc nào cũng có người mời người rước, bao giờ trong lưng cũng có đồng tiền, muốn tiêu gì thì tiêu, muốn xài gì thì xài; không tốn mồ hôi nước mắt mà được như thế, há chẳng phải là sướng lắm sao! Em ra đời đã bảy năm nay, thật không còn một thứ gì là không nếm qua. Nhưng càng ngày, em càng thấy cái mặt trái đời nó nhơ nhuốc xấu xa không biết sao mà nói. Em gặp phần nhiều chỉ là bọn tục tử, chớ đời bây giờ chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa? Em đi giang hồ đây thiệt là vì lầm tưởng cái thân gái giang hồ là thân sung sướng.

Thành Trai cười mà nói rằng: "Té ra là cái bịnh ham sung sướng đã làm hại không biết bao nhiêu người. Ôi! Sung sướng như cách cô nói đó thật không phải là sung sướng. Ở nhà lầu, đi xe hơi, ăn miếng ngon, mặc áo tốt mà thường phải giựt mình tủi hổ với lương tâm, thì đâu có phải là sung sướng? Theo ý tôi, người biết ở phải và lo làm hết bổn phận thì mới là người sung sướng.

Như cô đây chỉ vì hiểu lầm, cho những cái khoái lạc về vật chất là sung sướng, nỡ cướp công cha mẹ, làm thiệt đời xuân xanh, thì nghĩ thật đáng tội nghiệp! Nếu cô còn chút lương tâm thì chắc cô phải ngẫm nghĩ câu:

Sống làm vợ khắp người ta,
Một mai thác xuống làm ma không chồng.

Mà tỉnh ngộ. Vả lại người con gái, xuân xanh chỉ có một lúc, khi hoa đã tàn, nhụy đã rữa, ong bướm chán chường rồi thì mới tính làm sao?"

Cô Tám nghe Thành Trai nói một hồi thì sa nước mắt mà rằng: "Ông dạy bấy nhiêu lời đã đủ cho em tỉnh ngộ lại rồi. Em đã biết sự ham sung sướng ấy là lỗi lầm lắm, nên em vẫn tính kiếm một nơi mà nương thân đặng ăn năn chừa lỗi, nhưng chưa gặp được nơi nào... Khổ cho em lúc này, chỉ là một cái hoa tàn, trôi giữa dòng sông không bờ không bến!...".

Thành Trai gật đầu an ủi rằng: "Nếu cô đã biết ăn năn thì chắc cũng sẽ có người ra tay tế độ... nhưng phải thật ăn năn mới được".

– Thôi bây giờ đã khuya quá, cô có chịu để cho tôi về không?

– Thôi, mà ông, em nào mà dám không để, nhưng nếu ông thương em một chút thì xin ông ở lại đây một bữa chơi, cho em được hầu chuyện thì em mừng lắm.

Thành Trai cũng thương tình nên nán lại ăn uống và chuyện trò với cô...

Trời vừa hừng sáng, Minh Đường đã thay đổi y phục thẳng đến nhà Thành Trai. Chàng chắc gặp được Thành Trai để tỏ bày tâm sự cho Thành Trai biết rồi hiệp sức nhau mà tìm cho ra Kiều Tiên. Trong lòng chan chứa cả hy vọng... đến nơi gõ cửa thì tên bồi chạy ra thưa rằng Thành Trai đi đâu từ hồi hôm chưa về. Chàng không biết làm sao, phải quày xe trở bánh... Xe chàng vừa chạy thì thấy Tám Lọ đi thơ thẩn trên lề đàng, chàng lấy làm lạ, ngừng lại kêu hỏi: "Sao em không ở dưới ấy mà lại lên đây làm gì?"

Tám Lọ chạy đến hỏi: "Cậu ở đâu? Cậu hãy đem tôi về nhà rồi tôi sẽ nói vì sao mà tôi đến đây cho cậu nghe".

Chàng cho Tám Lọ lên xe rồi chạy thẳng về nhà... Vừa mới bước xuống chàng đã hỏi: "Sao có chuyện gì cần kíp không?"

Tám Lọ lắc đầu mà rằng: "Không có chuyện gì cần kíp lắm, nhưng bây giờ tôi không thể ở với bà Phán được nữa. Bà tin dùng một đứa tôi không ưa mà nó lại có ý hãm hại tôi... Thiếu chút nữa thì bữa nay tôi ngồi tù rồi".

– Nguyên bà Phán mượn nó trông nom nhà cửa trong lúc bà vắng mặt; nó nhơn dịp ấy tìm cớ bắt khoan bắt nhặt tôi đến điều; nó lại muốn vu cho tôi ăn trộm đồ trong nhà mà đem tôi ra tòa. Tôi biết thế nên bỏ nhà lên đây tìm cậu. Tôi không ở thì coi bộ nó bằng lòng lắm vì nó ghét tôi. Cậu tính sao?

Minh Đường ngồi nghĩ giây lâu rồi hỏi: "Người ấy là người gì mà xấu như vậy?"

– Nó làm hương hào ở làng Thiên Đức mà chính là người tin dùng trong nhà bà Phán.

– Nó tên gì?

– Nguyễn Viết Sung.

Minh Đường nghe cái tên ấy thì nhớ lại câu chuyện bà Thị Minh, chàng mừng lắm.

Thôi, chính là nó rồi! Nó đổi con, nó giết Thuần Phong để giựt cái gia tài cho con nó... Nay nó đuổi Tám Lọ để cho nó bỏ thủ hạ của nó vào nhà bà Phán. Đã biết là nó rồi nhưng phải tìm cho đủ bằng cớ thì bắt nó mới được. Ta phải đi dọ một lần coi thử có chắc thiệt như lời bà Thị Minh chăng, và xem thử thằng Nguyễn Viết Sung ra thế nào. Chàng liền thuật chuyện đâm lầm Thành Trai cho Tám Lọ nghe rồi nói: "Em viết bức thơ trước làm cho qua nghi ngờ Thành Trai; nay qua mới biết Thành Trai là người giỏi lắm. Chàng cũng như qua vậy, chàng quyết lòng trông nom cho nhà bà Phán.

Tám Lọ cười lớn rằng: "Té ra vậy mà tôi không biết nên thấy sự bí mật lại sanh nghi... Còn một chuyện này nữa, theo ý tôi thì lạ lắm".

– Chuyện gì?

– Nhà bà Phán trước có một người rể bị ám sát và một người con gái chết mất hay là trốn biệt...

– Chuyện ấy qua biết đã lâu rồi mà cũng vì chuyện ấy nên qua mới cho em đến ở nhà ấy để mà trông nom giùm cho qua.

– Lại còn một việc này nữa, là có một người biểu tôi nếu chịu thông tin những sự xảy ra ở trong nhà bà Phán cho nó biết thì nó sẽ thưởng tôi mỗi tháng mười sáu đồng; bằng không chịu thì nó sẽ giết tôi như đã giết rể bà Phán vậy. Tôi không chịu mà không kịp đề phòng nên bị nó đánh té xuống sông, chút nữa bỏ mạng.

– Em có biết đứa ấy hình dạng thế nào không?

– Biết, nhưng chắc cũng khó tìm được. Mà có duyên cớ gì nên cậu mới trông nom cho nhà ấy vậy chớ?

– Để qua nói cho em biết, chắc là em sẽ ráng giúp qua đặng khám phá cho mau vụ này. Người con gái mà trốn đi biệt tích đó là bạn yêu của qua nên qua phải làm cho hết bổn phận để một là rửa nhục cho nàng, hai là họa may còn gặp mặt nàng được.

– Vậy mà tôi không biết chớ... vậy mà tôi nghĩ bậy bạ hoài... thiệt tôi u mê quá! Vậy cậu chưa tìm ra múi mớ gì sao?

– Cũng có tìm ra được ít nhiều rồi nhưng qua còn phải thương lượng với Thành Trai đã. Hôm nay đến tìm thì chàng đi đâu chưa về; thôi để chiều hay mai gì rồi sẽ hay. Em cứ ở đây qua sẽ liệu sau.

Tám Lọ ngồi một lát rồi vùng nói lớn rằng: "Cậu nghĩ tôi đáng giận không? Nhiều khi tôi muốn vặn họng những đứa ngang tàng mà tôi cứ sợ ở tù, tức mình quá. Vì hễ đánh ai thì chắc là họ chết liền! Sợ họ chết mà không dám động tới họ thì họ lại cứ làm phách".

Minh Đường mỉm cười mà rằng: "Nhẫn được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu, có chuyện gì tức mình. Nếu có đứa nào khinh khi bỉ báng mình thì liệu cách làm cho nó phải kinh sợ, chớ không nên đánh nó làm gì".

– Làm sao cho nó kinh sợ được. Tất phải đánh đau thì nó mới kinh sợ chớ!

– Không đánh mà nó cũng phải kinh sợ vậy... để qua thử xem một chút thì em biết.

Chàng nói vừa dứt lời thì chụp tay Tám Lọ bóp chơi một cái làm cho Tám Lọ bủn rủn cả người. Chàng buông tay ra, Tám Lọ cười ngất nga ngất nghéo rằng: "Phép ấy hay lắm! Phép ấy hay lắm!

Cái tay cậu nhỏ xíu mà sao cứng hơn sắt vậy? Cậu bóp một cái mà tôi tưởng đâu xương trong mình tôi đã gãy... Tôi mạnh lắm cậu à, mà tôi có bóp được như cậu đâu, cậu dạy tôi với".

Minh Đường cười rằng: "Muốn được như vậy thì tập lâu lắm chớ phải một ngày một bữa đâu. Em nói em mạnh, mạnh cách nào làm thử coi".

– Tôi mạnh thiệt mà, tôi không nói láo đâu. Giả tỉ như tôi muốn cầm hai chơn cậu mà dơ nổi cái mình cậu lên thì tôi cũng dơ lên được như là tôi cầm cái hộp quẹt vậy.

– Nếu vậy thì mạnh lắm... Để qua đứng cho em dở thử nghe.

Tám Lọ liền xăn tay áo ngồi xuống, hai tay cầm hai chơn Minh Đường dở lên nhẹ nhẹ, đưa cao quá đầu, mà đi qua đi lại như chơi. Minh Đường cười rằng: "Tám Lọ mạnh quá, thiệt là mạnh, thôi để xuống". Tám Lọ để xuống nhẹ nhẹ rồi cười rằng: "Cậu coi tôi mạnh như vậy mà nếu tôi đánh ai một thoi thì còn gì tánh mạng họ? Vì vậy mà tôi không hề dám động đến ai hết".

– Em tưởng mạnh vậy mà đánh được người ta sao? Sức mạnh mà không lanh lẹ cũng không làm gì ai nổi. Em mạnh nhưng mà cần phải tập để cho lanh lẹ nữa mới được. Nếu em đánh với ai mà em đánh không trúng họ, chụp không được họ thì sao?

– Cậu nói lạ quá, hễ đánh thì trúng chớ sao lại không trúng!

Minh Đường cởi áo ngoài ra, đứng dậy nói: "Thôi em giả đánh thử qua coi có trúng không".

– Không, tôi không dám... Mà đánh không mạnh tay được... Rủi trúng một cái thì làm sao?

– Cứ thử coi rồi biết.

Tám Lọ bất đắc dĩ phải nhảy đến đánh vào ngực Minh Đường, nhưng chàng né mình qua một bên mau quá làm Tám Lọ đánh hụt. Tám Lọ lại đánh một cái nữa, chàng vừa tránh khỏi lộn ra sau lưng, đá Tám Lọ nhẹ nhẹ mà gần muốn té sấp xuống... Tám Lọ đánh luôn mấy cái mà không trúng cái nào, mắc cỡ đỏ mặt, chu hú cái miệng lại mà rằng: "Thôi, mệt quá! Đánh không trúng cậu mà. Vậy mà tôi tưởng hễ đánh là trúng liền. Cậu biết *nghề* thì tôi đánh sao trúng được?".

Minh Đường cười mà rằng: "Biết nghề hay không cũng chỉ cốt ở sự lanh lẹ mà thôi. Để qua dạy cho em một vài cách đỡ gạt, và cách đánh lanh lẹ, phòng khi em gặp những đứa muốn gây ăn thua với em".

Chàng chỉ sơ cho Tám Lọ một hồi, Tám Lọ biết được cách đánh đỡ thì mừng lắm mà nói: "Cậu lanh lẹ thiệt, mà sao cậu biết được nhiều vậy?".

– Em không biết chớ qua luyện tập lâu lắm, bất kỳ là *nghề* gì, thấy là hữu dụng thì qua đều học cả. Những cách đánh đỡ này cần nên biết để giữ mình trong lúc nguy hiểm cũng hay.

– Thưa cậu, hay lắm chớ.

– Nếu em cứ luyện tập như cách qua chỉ cho thì ít lúc em sẽ lanh lẹ mà sẵn có cái sức mạnh ấy nữa thì càng tốt lắm.

Chiều hôm ấy Minh Đường và Tám Lọ lại nhà Thành Trai thì tên bồi hơ hãi nói rằng: "Có lính đến xét nhà lấy mấy tấm hình treo, cái máy đánh chữ và bắt Thành Trai vào khám lớn rồi, không hiểu về chuyện gì cả. Minh Đường lấy làm lạ đi tuốt đến tòa án, đưa danh thiếp xin vào ra mắt quan bồi thẩm. Quan bồi thẩm cho mời vào; chàng ngồi rồi hỏi: "Tôi không rõ vì cớ gì mà người bạn tôi tên là Trần Thành Trai lại bị bắt giam vào khám, vậy xin quan lớn làm ơn cho tôi biết".

Quan bồi thẩm nói một cách rất đề đạm rằng: "Chính tôi đây cũng chưa biết rõ, chỉ mới biết rằng người ấy bị họ tố cáo là có giao thông với đảng cách mạng bên Tàu để mua sự phản nghịch... Việc đâu còn đó, tôi sẽ hết sức tra xét cho rõ sự thiệt".

– Thưa ngài, chẳng hay chứng cớ ra thế nào mà người ấy lại bị tống giam ngay vào khám vậy?

– Điều ấy còn cần phải xét lại đã. Hiện bây giờ tôi chưa có câu trả lời. Ông cứ yên tâm, tôi nói rằng sẽ *tra xét* tức là cố tìm cho ra sự thiệt; nếu quả người bị cáo mà không có làm chuyện gì thì tôi sẽ thả ra ngay.

– Vậy xin ngài cho phép tôi vào thăm và đem đồ ăn cho người ấy.

Quan bồi thẩm ngồi suy nghĩ rồi nói một cách bất đắc dĩ rằng: "Tôi chưa có làm vui lòng ông được... xin ráng đợi vài hôm nữa".

Minh Đường không biết làm sao, phải từ giã quan bồi thẩm... Ra tới cửa lại gặp các nhà viết báo là Tuyết Sĩ, Cao Hải Tâm đến hỏi về sự bắt Trần Thành Trai... Chàng chào mỗi người rồi bước ra ngoài. Tám Lọ thấy mặt chàng buồn xo thì lật đật hỏi: "Có tin gì không cậu?"

Minh Đường lắc đầu mà rằng: "Có cũng như không... Xin vô thăm không được... Thôi để qua đi hỏi thầy kiện coi thể nào".

Tám Lọ nghe nói cũng buồn, rồi theo Minh Đường thẳng lại nhà trạng sư Ronin. Ông trạng sư này ở Pháp mới qua, có tài hùng biện lắm. Ông người dong dỏng cao, mặt xương thỏn, con mắt lớn mà sâu... Trạng sư đang ngồi xem một tập giấy tờ cao ngất, thấy Minh Đường tới thì lật đật bắt tay mời vào. Minh Đường thuật câu chuyện vừa nói với quan bồi thẩm cho Trạng sư nghe rồi hỏi: "Ông nghĩ thế nào? Nhờ ông vào thăm người bị cáo mà hỏi cho rõ ràng mới được".

Trạng sư Ronin cười rằng: "Tôi thường gặp những sự thình lình như thế này... Hễ ai đã bị nghi là cách mạng thì hay bị chuyện lôi thôi. Tôi đã thấy nhiều vụ như vậy. Thường chỉ một cái thơ nặc danh cũng đủ làm hại được người lương thiện. Để tôi coi dossier (giấy tờ) ra thể sao rồi mới có tính được".

– Vâng, điều ấy xin nhờ ông, chớ tôi không được phép vào ngục... Xin ông vào hỏi cho rõ ràng; tôi định chắc là có người mưu hại, vì bạn tôi vốn là một người tánh ngay thẳng, hay nói thiệt, tất có lắm kẻ tiểu nhơn thù hiềm.

– Tôi cũng biết như thế... Tôi chẳng những sẽ vì trách nhậm trạng sư mà tôi lại còn vì nhơn đạo, nhứt là muốn làm cho rõ cái thiệt tình của người Pháp chơn chánh đối với người Việt Nam.

Trạng sư Ronin và nói và biểu người giúp việc ghi tên họ Trần Thành Trai rồi đứng dậy nói: "Ông ngồi đợi một lát, tôi đi coi dossier ngay bây giờ".

– Vâng.

Trạng sư Ronin đi rồi, Minh Đường ra đứng nói chuyện với Tám Lọ. Tám Lọ hỏi: "Bây giờ chỉ trông cậy vào thầy kiện mà thôi sao cậu?"

– Chớ biết sao được?... Phải chi có thể vào thăm mà hỏi cho rõ chuyện thì dễ cứu lắm, nhưng ngặt tòa đang nghi nan nên chưa biết tính lẽ nào... Đợi một lát ông trạng sư về coi sao.

– Nếu vậy thì hễ ai bị oan cũng cứ phải vô khám sao?

– Thì vậy chớ sao, vì quan tòa còn phải xét coi có oan thiệt hay không.

Tám Lọ ngồi gục đầu trên xe suy nghĩ... Trạng sư Ronin về, vừa bước xuống xe thì đã nói: "Quả là bị người ta rơi thơ. Gớm ghê quá! Đứa tiểu nhơn rơi thơ ấy chắc là kẻ thù oán của Thành Trai. Quan biện lý có đưa cái thơ cho tôi xem... Tôi có vào khám thăm nhưng Thành Trai cũng như ông, không biết gì hết. Phải để thủng thẳng rồi tính".

Minh Đường buồn bực quá, phần thì việc Kiều Tiên chưa ra, nay lại thêm một vụ này trăm mối tơ vò gỡ làm sao xong!... Cực chẳng đã chàng phải từ giã ông Ronin mà về.

Tám Lọ cũng bực bội lắm, ngồi nghĩ rằng: "Mới rồi cậu ta nói vào khám thăm cậu Thành Trai thì mới biết được rõ ràng công việc, vậy thì ta phải tính làm sao chớ, không lẽ ngồi khoanh tay mà chịu. Họ cấm vào thăm! Ừ, họ cấm mà mình lại không làm sao vào thăm được à? Ta cứ lại cò bót, nói rằng ta muốn ở tù ít bữa thì được chớ gì!"

Tám Lọ nghĩ được kế ấy thì mừng lắm, lén trốn Minh Đường chạy thẳng lại bót quận nhì; vào trông thấy người ngồi chung quanh đông lắm, liền ghé ngồi theo họ. Một hồi thấy họ bị đòi vào hết chỉ còn một mình nó không ai kêu đến tên, nó bước lại kêu thầy đội bót mà rằng: "Tôi muốn nói với ông Cò một chuyện cần kíp, Thầy làm ơn dắt tôi vào".

Thầy đội hỏi: "Mày có giấy đòi không?"

– Không, nhưng mà tôi có việc cần kíp lắm. Thầy đội nghe có việc cần kíp thì lật đật vào báo cho ông cò hay, ông liền cho đòi Tám Lọ vào. Lọ thấy hàm râu cá chốt con mắt tròng đồng, mặt mày đỏ như lửa của ông cò thì đã rụt rè, sau nghe ông nạt rầm lên thì muốn nhảy qua cửa sổ mà về, nhưng vì muốn vào khám nên nán lại.

Ông cò hỏi: "Có chuyện gì sao không làm đơn thưa mà lại bổn thân đến, vậy thì nói mau đi".

Tám Lọ vòng tay nói: "Tôi xin ông mau mau bỏ tôi vào khám lớn kẻo tôi sắp làm một việc dữ tợn".

– Làm việc gì mà gọi là dữ tợn?

– Giết người, đốt nhà, ăn trộm, ăn cướp, bất kỳ gì cũng là làm được!... Ông phải lấy một cớ gì mà đem tôi vào khám ngay bây giờ.

Ông cò lấy làm lạ, ngó sửng Tám Lọ rồi nói: "Mày điên phải không! Nếu mày điên thì tao sẽ đem lên nhà thương Biên Hòa điều trị".

Tám Lọ la lớn rằng: "Không, không, tôi điên đâu mà biểu đem tôi bỏ vào nhà thương Biên Hòa. Tôi muốn vào khám lớn kia mà".

Ông cò cười rằng: "Mày không có cái tội gì hết thì làm sao mà bỏ vào khám lớn được?"

– Vậy sao tôi nghe người ta nói không có tội gì cũng bỏ tù được?

– Không bắt được tại trận nhưng có người khai và đủ chứng cớ thì bỏ tù được.

– Vậy thì tôi cũng vậy, ông cứ buộc tội tôi đi rồi bỏ ngay tôi vào khám lớn.

– Mày làm gì mà bỏ vào khám lớn? Có ai khai gì cho mày đâu mà làm tội mày được?

– Ủa sao vậy cà? Người khác khai tôi thì ông tin mà tôi tự khai cho tôi sao ông lại không tin?

Ông cò lắc đầu đấm bàn, la lớn: "Đuổi nó ra, nó điên mà đem nó vào đây làm gì? Mau mau đuổi nó ra ngoài!"

Thầy đội kéo ra, Tám Lọ giận hỏi rằng: "Tôi nghe nói ở tù dễ lắm, sao mà tôi xin ở tù lại không cho vậy?"

Thầy đội ngó Tám Lọ cười mà rằng: "Mày nói lạ quá, ai có tội gì thì mới ở tù, chớ mày khi không mà đi ở tù là nghĩa gì?"

Tám Lọ bứt tóc, gãi tai mà rằng: "Té ra mình không làm sự gì bậy thì ở tù không được à... vậy thì khó chớ dễ gì... mà thôi, thầy làm ơn bày vẽ cho tôi biết làm cách gì để vào khám lớn được".

– Khó gì mà vào không được?

– Đó, thầy lại còn nói "khó gì". Nếu không khó gì thì tôi vào đã từ hồi nào rồi... Không khó sao mà tôi xin không được?

– *Không có gì* nghĩa là chỉ có một cái duyên cớ chút đỉnh cũng đủ ở tù... Như là đánh lộn, móc túi...

– Thôi được, cám ơn thầy.

Tám Lọ chạy một mạch ra khỏi cửa, trong trí nghĩ thầm rằng: "Móc túi thì khó lắm vì mình không rành nghề mà lại gớm ghiếc nữa; chi bằng đánh lộn thì tiện hơn...". Nó ra tới ngoài đàng, ngó trước ngó sau quyết gặp ai thì đánh nấy... Vừa thấy một đứa cu–li xe kéo đứng bên lề đàng, Lọ liền chạy đến đánh một tát tai... Tên cu–li bửng lửng bơ lơ, hỏi: "Sao anh đánh tôi?"

Tám Lọ nói: "Vào thưa lại với ông Cò đi! Tao đánh mày đó!"

Người cu-li nói: "Thôi, anh lầm, tôi không thưa làm gì cho mệt". Nói rồi kéo xe đi... Tám Lọ kéo xe lại mà rằng: "Tôi không lầm, anh hãy vào thưa tôi đi. Tôi đánh anh đó".

Tên cu-li xe kéo lại ngỡ là thằng điên, giựt xe chạy như bay, làm cho Tám Lọ đứng ngơ ngáo một mình: "Lạ quá! Mình đánh nó mà nó không thưa... Sao vậy kìa? Hay là nó sợ?"

Đang ngơ ngáo thì thấy một tên bồi xách con vịt đi ngang qua, Lọ mừng quá chạy lại tát tai một cái mà rằng: "Thử lần này có vào bót không cho biết".

Tên bồi giận quá, hỏi: "Sao mày dám nghinh ngang vậy mày? Chuyện gì mày đánh tao?".

– Ừ, tao đánh cho mày đi thưa đó! Thưa đi!

Tên bồi giận đỏ mặt, kéo Tám Lọ: "Mầy vào đây với tao, để tao thưa mày cho mày coi!"

Tám Lọ chắc lần này làm sao cũng xong việc, mừng rỡ lắm nói: "Cứ thưa đi! Tao cầu cho mày đi thưa lắm chớ!"

Thầy Đội thấy tên bồi kéo Tám Lọ vô thì hỏi: "Sao đó?"

Tên bồi nói: "Tôi ở bồi cho bà đầm Malala sau trường kia, đi về ngang đây không biết vì cớ gì thằng này đánh tôi một tát tai đau quá, rồi nó lại thách tôi đi thưa".

Tám Lọ nói: "Phải, tôi đánh nó đó, nhờ thầy nói với ông Cò bỏ tôi vào khám lớn đi".

Thầy Đội vào trong giây phút ra kêu cả hai vào phòng giấy ông Cò. Ông Cò hỏi: "Sao hồi nãy đuổi mày mà mày còn trở lại đây làm gì?"

– Tôi đánh thằng này nên bị kéo về đây.

Tên bồi nói: "Thưa ông, tôi không làm gì nó mà tự nhiên nó lại đánh tôi, xin ông xét".

– Nó đánh mày nhiều không?

– Thưa nó đánh tôi một tát tai.

Ông Cò xoay lại hỏi Tám Lọ: "Sao mày lại đánh nó?"

Tôi muốn đánh nó vậy đó.

Ông Cò kêu thầy Đội biểu bắt phạt Tám Lọ bốn cắc, còn tên bồi thì tha về.

Tám Lọ la lớn rằng: "Tôi đánh người ta sao không bỏ tôi vào khám lớn lại phạt bốn cắc mà thôi?"

Thầy Đội nói: "Đóng tiền phạt đi mà về, đánh lộn lặt vặt thì phạt tiền chớ bỏ vào khám lớn sao được!"

– Vậy nếu tôi không đóng tiền phạt thì sao?

– Thì bỏ vào bót giam, bắt đi làm cỏ ít ngày.

– Bỏ vào khám lớn phải không?

– Không, bỏ vào bót này!

– Thôi, để tôi đóng tiền.

Nói rồi lấy bốn cắc bạc đóng tiền phạt rồi ra về, mặt buồn xo.

Đi về đến nửa đàng bỗng gặp một người đàn bà mặt đầy cả máu, đang kêu xe kéo... Tám Lọ mừng lắm chạy lại nói: "Cô, cô làm ơn đi với tôi lại Cò một chút".

Cô nọ đang khóc, ngước mặt ngó Tám Lọ rồi hỏi: "Lại Cò làm gì?"

– Cô lại cô nói tôi đánh cô đổ máu để cho cò bỏ tôi vào khám lớn, tôi muốn vào khám lớn.

Cô nọ lấy làm lạ nói: "Không, tôi đứng đây, sơ ý chạm vào nhánh cây chớ không ai đánh hết mà khai cho anh làm sao được?"

– Không mà, cô cứ khai cho tôi, nghĩa là cô làm ơn cho tôi đó, vì tôi muốn vào khám lớn giúp đỡ tay chơn cho cậu tôi.

– Vậy thì cậu anh có phải là Trần Thành Trai không?

– Phải! Phải đó, sao cô biết? Thôi, cô làm ơn cho tôi đi.

– Anh vô thăm cậu anh làm gì?

– Để hỏi cho rõ ràng vì sao cậu tôi bị bắt và có cách gì cứu ra được thì tôi trở ra mà lo tính.

Cô nọ mừng lắm nói: "Nếu vậy thì được, để tôi nói anh đánh tôi rồi ít bữa ra tòa, tôi rút đơn thì anh không sao hết, mà lại thăm được cậu anh; nhưng anh làm ơn nói tôi là cô Tám, xin có lời hầu thăm... Cũng vì tôi đi hỏi thăm ông Thành Trai và xin vào thăm không được, nên buồn, về ngồi đây khóc; khi đứng dậy đụng phải nhánh cây này".

Tám Lọ mừng quá nói: "Nếu vậy thì hay lắm, thôi cô mau mau đi với tôi đến cò kẻo chiều rồi".

Cô lật đật đi với Tám Lọ trở lại cò, thầy Đội thấy Tám Lọ thì nói: "Cũng là mày nữa, thôi bây giờ thì vô khám lớn rồi, không còn nói gì nữa... Hãy vô cho thầy thông lấy khẩu cung".

Ông Cò thấy mặt Tám Lọ thì nhíu mày, trợn mắt mà rằng: "Thằng này muốn vào khám lớn thiệt! Thôi hãy hỏi người đàn bà kia trước". Ông Cò hỏi... Thầy thông chép...

– Cô ở đâu?

– Ở góc đàng Champagne, tại nhà ngủ *Bá lạc viên*, số 12.

– Làm nghề gì?

– Thâu tiền nhà ngủ, và hàng cơm.

– Tên gì?

– Vương Thị Y.

– Mấy tuổi?

– Hai mươi sáu tuổi.

– Vì sao bị thằng nầy đánh?

– Tôi đang đi thì nghe thằng này kêu tôi là con đĩ chó, tôi giận quá chửi nó, nó lấy cây đánh tôi lỗ đầu.

– Có ai thấy không?

– Không biết có ai thấy không, lúc ấy tôi không để ý.

– Vậy mà thằng đó không chạy trốn sao?

– Nó bị tôi níu nó nên chạy không được.

– Thôi, cô vô nhà thương rịt thuốc, để khi nào tòa đòi sẽ đi hầu.

– Dạ...

Ông Cò lại kêu Tám Lọ hỏi:

– Tên gì? Họ gì?

– Không có họ, tên Lọ.

– Con ai?

– Cha mẹ chết lúc mới đẻ, không biết ai là mẹ cha.

– Làm nghề gì?

– Cầm bánh xe hơi, dọn dẹp nhà cửa, người kêu là đày tớ.

– Ở đày tớ với ai?

– Với con ông Cai tổng Cầu Ngang tên là Tạ Minh Đường, hiện đang ở tại đàng Albert ler số nhà 115.

– Tại sao mày đánh người đàn bà ấy?

– Tôi hỏi thăm nó, nó chửi, tôi đánh.

– Mày có thù oán gì với người đó không?

– Không thù oán gì hết.

– Thôi ra ngoài kia rồi vô khám lớn.

Tám Lọ mừng quá chắc chuyến này gặp được Thành Trai... Chừng 10 phút sau thì lính còng tay dẫn nó lên tòa rồi tống vào khám lớn.

Vào khỏi cửa khám lớn, trông chung quanh thấy tường cao, cửa sắt, Tám Lọ phát lạnh mình... Thiệt là một cái địa ngục ở miền dương gian! Xét áo quần, biên tên họ, cho một cái đính bài rồi dẫn thẳng vào trong một cái khám nhỏ... Cửa đóng lại một cái "đùng", Tám Lọ đứng ngó vào trong thấy chín mười người nằm la liệt ở trên nền xi măng... Kẻ thì gác tay lên trán mà thở dài, kẻ thì nằm dựa mình bên vách mà than khóc... mỗi người sắc diện một khác. Họ

thấy Tám Lọ vào thì xúm lại mà hỏi: "Bị vụ gì mà vào đây? Mai xử há?"

Tám Lọ thấy mấy người ấy ân cần lắm, dường như quen nhau đã lâu ngày, nay mới được gặp lại... Vài ba người đã hơi già, còn mấy người kia thì còn trai, nhưng toàn là người quê mùa cả, coi bộ nhút nhát sợ sệt lắm.

Tám Lọ nghe hỏi thì nói: "Tôi bị vụ đánh họ bể đầu, chưa xử. Ủa! Tôi có một người quen mà sao không thấy đây?"

Một người trai trẻ hỏi: "Người ấy ra sao?"

– Còn nhỏ, đẹp người...

– Phải, hồi trưa bắt vào đây rồi đem qua khám bên kia rồi.

– Sao họ lại không đem tôi qua bển?

– Chừng mai sáng thì có lẽ họ cho thay đồ xanh, đi chụp hình rồi mới qua bển.

– Sao mấy anh coi bộ sợ sệt vậy?

– Không quen, qua khám bển *anh... chị* họ hành?

– Không đợi mình làm gì nữa, họ thấy mình mới vô thì họ thị oai, hành chơi đã, rồi họ sẽ bắt mình làm tay sai của họ... Anh em tôi đang còn lo sợ nỗi ấy. Thiệt là ở tù mấy năm cũng không sợ, chỉ sợ *anh chị* họ hành thôi.

Tám Lọ muốn hỏi cho biết nên nói: "Sao mà họ lại hành cà? Mình không thưa kiện được sao? Xin mấy anh nói hết cho tôi nghe để tôi giữ mình".

– Phải, anh em phải chỉ biểu cho nhau chớ sao. Bọn họ ở trong này lâu, kết phe kết đảng để hà hiếp bọn mới vô. Mà bọn ấy thường hay khéo cư xử nên được lòng mấy *thầy chú*.

– Thầy chú là gì?

– Thầy chú tức là mã tà đó. Hễ từ đội trở lên là thầy, mà trở xuống là chú.

– Nói gọn cho dễ hiểu là ma cũ bắt nạt ma mới.

– Nó bắt mình đổi chiếu mới lấy chiếu rách, đổi áo quần mới lấy áo quần cũ, rồi lại bắt lau chỗ nằm, đấm bóp cho bọn nó ngủ, nếu sai chạy thì bọn nó hành hạ.

– Chỉ bấy nhiêu đó là hết sao?

– Chưa! Nó còn bắt làm ghế cho nó ngồi, làm chim cho nó bắn, làm ngựa cho nó cỡi... Nhiều chuyện lắm, kể không xiết được.

– Vậy là đủ rồi, tôi cám ơn anh lắm. Mấy anh tính qua bên đó, bọn nó hành thì mấy anh tính làm sao?

– Cũng bậm môi chịu chớ làm sao?

– Thôi, mấy anh hãy cứ yên; hễ mấy anh thấy bọn nó hành tôi được thì mấy anh phụng sự bọn nó. Nhưng trước khi bọn nó chưa hạ tôi được thì mấy anh khoan chìu lòn đã; tôi không muốn cho bọn nó ngang tàng như vậy. Tôi không chịu. Nó cũng tù, mình cũng tù, nó có quyền gì mà dám hành mình.

Mấy người ấy đều lắc đầu mà rằng: "Anh đừng làm lếu mà dại. Bọn nó đông lắm, không phải tầm thường đâu mà toan gây ăn thua. Mình cô thế thì phải chìu lòn cho rồi chuyện".

Tám Lọ biết mấy người ấy sợ lắm nên không nói gì nữa, tìm một chỗ nằm xuống nghỉ lưng... Hơi xi măng lên lạnh quá, chạy chỗ này qua chỗ khác, chỗ nào cũng như chỗ nấy, không có chỗ ấm. Muốn ngồi nói chuyện nữa mà coi bộ mấy người kia đã ngủ queo rồi. Tám Lọ túng thế phải ngồi dựa lưng vào vách mà nghĩ rằng: "Ta tự đem thân vào khám chịu cực khổ như vầy mà không biết có gặp được cậu Thành Trai không... Mà không biết có được ích gì không? Nếu được thì dẫu cho cực khổ bao nhiêu ta cũng không cần. Tội nghiệp cho cậu Thành Trai, người tướng học trò mà lâm vào chốn này, chẳng rõ có chịu nỗi không. Không biết những đứa anh chị kia có động đậy gì đến chăng? Nếu như cậu ta thì không lo gì ai ăn hiếp, nhưng ta xem cậu Thành Trai không bì sức mạnh với cậu ta được... Nếu đêm nay bọn nó hành cậu, thì cậu mới tính sao? Không lẽ chịu cho bọn nó đánh!"

Nghĩ tới nghĩ lui mãi, buồn bực ngủ không được, ngồi mãi đến sáng... Mấy người kia cũng đã dậy, đồng ngồi nói chuyện với nhau, đến 7 giờ bồi ron xuống kêu số mỗi người đi thay đồ xanh và phát cho mỗi người một chiếc chiếu... Vào khám bạt kê (parquet) thì người đông hơn bảy tám chục... Người trai nói chuyện với Tám Lọ hồi hôm mới bước vào đã bị một anh chị thoi một thoi vào ngực, lại bị đá bồi thêm một đá té nhủi xuống. Ông già người ấy động lòng, toan

la lên thì cũng bị một thoi... Tám Lọ chưa vô kịp mà thấy vậy, đang nổi xung thì vừa trông thấy Thành Trai cũng mặc áo quần xanh, tóc còn chải láng, bước đến chận người anh chị ấy mà nói một cách rất ôn tồn rằng: "Mấy người kia có khác gì anh mà anh bắt nạt họ? Mặt họ, mũi họ, tai mắt họ cũng như anh, nhứt là họ cũng cùng một nòi giống với anh cả, sao anh không biết thương họ?"

Cửa vừa đóng lại một cái rầm, tên anh chị ấy nói: "Cha chả, mày chưng sơ với tao sao? Thầy ông gì thì ở ngoài kia, chớ vào đây thì là tù cả. Nếu mày không chịu trở về chỗ nằm thì tao cũng đánh mày như mấy đứa kia vậy, chớ tha gì mầy".

Thành Trai mặt không sắc giận, vẫn cứ ung dung mà nói rằng: "Không phải là tôi muốn ăn thua gì với anh, cực chẳng đã tôi mới nói với anh mấy lời ấy... Anh xưng hùng xưng bá vậy có vinh gì không? Anh hùng gì mà kết phe kết đảng bắt nạt người cùng trong cảnh khốn khổ như mình! Tôi chỉ tiếc rằng mấy anh có được chút gan dạ mà đều là người lầm lạc cả. Nếu mấy anh biết rằng mấy anh cũng là một loại người đồng bị khốn khổ như ai, thì chắc là mấy anh không nỡ xâu xé nhau như vậy. Loại rắn loại rít còn không nỡ ăn thịt nhau, huống chi là loài người, sao lại dã man như thế?"

Người anh chị ấy xưa nay vốn xưng hùng xưng bá trong khám, ai ai cũng đều khiếp sợ. Tên va là Ba Lưu. Ba Lưu lúc ở ngoài cũng là một tay ăn cơm không trả tiền, đón đường giựt của đã quen, lúc bị vào khám thì mưu sự đầu này, mưu sự đầu kia, kết thành bè đảng để hùng hiếp mấy người khù khờ. Khi nghe Thành Trai nói như thế thì mắc cỡ, xấu với anh em, nên xốc lại giơ tay toan đánh Thành Trai. Thành Trai mỉm cười: "Tôi nói trước cho anh biết, hễ anh động vào trong mình tôi, đừng nói là động đau, chỉ trúng phớt phớt ngoài da, tôi cũng không để anh đứng yên đâu. Chẳng những là tôi làm cho anh phải bầm dập, mà tôi lại còn kêu ông Sếp xuống, tỏ hết các cách điêu xảo và sự ục ác của anh cho ổng nghe nữa. Anh có hiểu không?"

Ba Lưu nghe nói kêu ông Sếp thì đã rùng mình và hôm qua nghe nói Thành Trai là tay có thế lực, lại là người có học thức thì cũng hơi kiêng, nên còn dụ dự. Bè đảng của va thảy đều đứng sau lưng, chờ hô một tiếng thì là xử tội Thành Trai liền.

Ba Lưu xây lại thấy thế thì vững dạ, quyết chắc rằng dẫu ông Sếp có đến đi nữa, cũng có bọn nó làm chứng và chắc không ai dám hùa theo Thành Trai nên nói rằng: "Mày bảnh lắm sao? Nếu mày thiệt bảnh thì mày dám đánh tao trước đi?"

Lúc bấy giờ bọn phe đảng của Ba Lưu chỉ trông Ba Lưu đánh Thành Trai một cái để bọn nó tiếp mà hạ Thành Trai, còn có nhiều người mấy lâu bị bọn kia hiếp đáp thì lại trông cho Thành Trai hạ Ba Lưu để cho họ báo thù... Đôi bên hừm nhau như cặp gà đá độ vậy.

Tám Lọ đứng sau lưng Thành Trai, biết lúc ấy là lúc đáng ra mặt nên bước lên xá Thành Trai một cái mà nói rằng: "Xin cậu chớ tranh hơn thua với nó làm gì cho nhọc, để cho Lọ tính một cách này là tiện hơn cả".

Thành Trai thấy Tám Lọ thì lấy làm lạ quá... Tám Lọ lại nói: "Cậu không hiểu vì sao mà gặp Lọ ở đây nên mới ngó Lọ như vậy... Để lát nữa Lọ sẽ nói cho cậu biết... Xin để cho Lọ xử trí với mấy người này đã". Tám Lọ xoay lại kêu Ba Lưu mà nói rằng: "Anh xưng là anh chị ở đây, nhưng anh chưa biết hễ muốn làm anh chị thì tất phải làm sao kia mới được. Anh nói anh là anh chị sao anh lại còn đánh đập người ta? Mà thôi, anh chị hay không anh chị cũng mặc anh, sự ấy dẹp lại; nếu bây giờ anh làm được như tôi thì tôi xin với cậu tôi để cho anh làm anh chị, mặc sức anh muốn bắt nạt ai thì bắt nạt, không ai nói nữa".

Tám Lọ và nói và bước lại cầm một người cao lớn mập mạp, giơ lên khỏi đầu, đi tới đi lui trong khám, mắt thì ngó mấy người chung quanh... Ai nấy đều lắc đầu le lưỡi, khen rằng: "Thiệt là mạnh mẽ phi thường".

Ba Lưu thấy thế biết rằng không địch nổi, phải mơn trớn rằng: "Tôi cũng biết tôi quấy, nhưng ở khám này không vậy không được... Bọn nó dễ ngươi, không ai rầy la nổi thì thầy chú họ chửi, chịu không được. Thôi, anh để người ta xuống rồi lại nói chuyện chơi".

Tám Lọ thả người kia xuống, cười một cách đắc chí rằng: "Cũng may phước cho anh, nếu anh động vào mình cậu tôi thì nguy cho anh lắm". Bây giờ tất cả khám đều tôn kính Thành Trai như thánh như thần. Với những hạng người ấy không dùng lời lẽ phải trái mà

nói được, họ không biết nghe họ chỉ sợ đánh đau mà thôi. Tội nghiệp cho hạng người đó quá!

Ba Lưu mời Thành Trai và Tám Lọ lại chỗ nó nằm, Thành Trai kiếm lời khuyên răn nó rằng: "Nếu từ lúc nhỏ anh gặp được người hay thì bây giờ anh đâu có như này. Chắc từ lúc anh ra đời đến nay, anh gặp tinh những đứa chơi bời hoang đãng, mà quên cả phận sự đi".

Ba Lưu nói: "Anh em chúng tôi là bọn dốt nát, không có ai dạy bảo nên mới hung hăng quen tánh. Nếu được nghe những lời phải thì chắc không đến nỗi nầy... Xin ông tha lỗi cho tôi".

... Qua mười hai giờ, người đều ngủ hết, Tám Lọ mới tỏ thiệt tình, lúc đến nhà nghe tin thế nào, lúc đi xin ở tù thế nào, mỗi mỗi đều thuật hết và nói: "Cậu tôi muốn vô thăm cậu lắm nhưng không thể vô được, nên tôi phải liều mạng một lần vào để hỏi cậu cho rõ ràng, rồi sẽ tìm cách giải cứu".

Thành Trai cảm động lắm, chàng nói: "Can đảm như em thật là ít có. Nhưng hồi mai qua đã nói cho ông Trạng sư hay hết rồi. Vậy chớ cậu của em có phải là Tạ Minh Đường không?"

– Thưa phải. Cậu tôi vì con gái lớn bà Phán mà lo nghĩ đêm ngày.

– Qua đã có thể tìm ra được bọn gian, vậy nếu ra trước qua thì nói với cậu em về nhà thím qua, biểu Kiều Nga đem hai bức thơ qua giao cất hôm trước lên tòa mà đối chứng. Và em nhớ nói với cậu em rằng trong khi qua còn ở khám thì cậu em phải lập tức báo tin cho bạn qua là Phạm Minh Châu ở Huế, đàng Paul-Bert nhà số 5, đặng ảnh vô hiệp sức với cậu em mà tìm cho ra vụ án mạng. Hễ tìm ra án mạng tức là qua sẽ vô can.

– Có lẽ mai này cô Tám rút đơn thì tôi được tha ngay, cậu muốn dặn gì thì xin nói cho hết.

– Em về nói chừng ấy là đủ rồi. Em nhớ nói với cô Tám rằng qua cám ơn lắm và dặn cô ráng dọ thám cái đứa mà qua chỉ hôm trước đó.

– Vâng. Nếu tôi ra rồi mà bọn này lại dở ngón ngang tàng với cậu thì cậu liệu sao?

– Em chớ lo về sự ấy... Qua không để đến nỗi nó làm nhục qua đâu, qua đủ sức làm cho bọn nó phải kính phục, không dám lung lăng nữa... À, tại làm sao mà em không ở với thím qua nữa?

– Cậu Minh Đường biểu tôi ở đó là để trông nom cho bà Phán và cô Kiều Nga mà thôi chớ không sự gì lạ. Bà thì hiền đức, cô Ba cũng phước hậu nhưng chỉ vì bà tin dùng tên Hương hào Sung quá; nó được bà tin, giao nhà cho nó coi sóc thì nó toan hãm hại tôi. Nó lập tâm muốn phao cho tôi ăn trộm đồ trong nhà mà làm cho tôi ở tù nên cực chẳng đã tôi phải bỏ tôi đi.

– Em ra khỏi nhà bà Phán rồi thì nó không hãm hại nữa sao?

– Nó nói nếu tôi không ở đó nữa thì nó thôi.

Thành Trai lấy làm lạ, ngẫm nghĩ rằng: "Có sao tên Hương hào này lại muốn cho Tám Lọ ra khỏi nhà thím ta? Cử chỉ thằng này khả nghi lắm... Tám Lọ ở trong nhà có trở ngại sự gì cho nó chăng? Hễ ta ra khỏi chốn này thì ta sẽ truy cứu cho ra lẽ".

Chàng đang ngẫm nghĩ. Tám Lọ lại nói: "Tôi còn một sự lạ này nữa. Có một đứa lại dụ tôi thông tin cho nó biết những sự động tịnh trong nhà. Tôi không chịu nói. Thình lình bị nó đánh tôi té xuống sông".

– Em không chịu trước khi Hương hào Sung toan hãm hại hay là sau khi ấy?

– Thưa, trước chừng ba bốn bữa.

Thành Trai gật đầu mà rằng: "Thôi, ta đoán ra rồi... Em về nói với cậu em phải chú ý vào tên Hương hào ấy, bất kỳ nhứt cử nhứt động của nó đều phải biết cho đích xác rồi qua sẽ có cách bắt nó".

Tám Lọ dạ dạ mà hai con mắt mở không ra, Thành Trai thấy vậy nằm yên để cho nó ngủ...

Nghĩ đến nỗi Nguyệt Thanh trông ngóng mà chàng buồn muốn sa nước mắt. Chàng thở ra mà rằng: "Cái đời đầy cả những nỗi bất bình, không thể nào liệu trước được! Sự oan ức, sự khổ sở của người đời không biết đâu mà lường... Đang đất bằng bỗng nổi trận phong ba... Em Kiều Tiên đã là con nhà nề nếp, có học vấn trí thức, thế mà bỗng dưng mang tiếng giết chồng: tấm thân đành phú cho máy tạo vần xoay, nghĩ chẳng đau đớn lắm sao? Ta đây cố công khám

phá sự bí mật của lũ bất lương để trị tội chúng nó, lại thình lình bị sự oan khúc này, há chẳng đáng tức mình lắm sao? Song sự xảy ra như vậy, dẫu có buồn bực, tức tối cũng chỉ thêm khổ tâm mệt trí mà thôi chớ có ích lợi gì. Cái cử chỉ và cái thành tâm của Tám Lọ thật là đáng cảm. Minh Đường có phước có duyên thật. Bạn gái như Kiều Tiên, tôi tớ như Tám Lọ, quả là trên đời giả dối như đời nay, những của ấy thật là ít có".

Chàng nghĩ vơ vẩn mãi đến gần sáng mới chợp mắt được.

Minh Đường ngồi đợi Tám Lọ đến mười giờ tối mà không thấy về trong lòng lấy làm lo sợ, chẳng biết có xảy ra việc gì nữa chăng! Chàng ngồi không yên, lấy nón đội, cầm ba-ton đi thủng thẳng dạo mát...

Thị Minh đã đem sự bí mật trao cho chàng mà chàng chưa nghĩ được cách bắt Nguyễn Viết Sung nên trong trí chàng vẫn còn phân vân lắm... Cần phải góp nhóp tất cả chứng cớ lại rồi mới có thể bắt được nó. Mà góp tất cả chứng cớ thì khó lắm.

Và đi và nghĩ, chưa tính được cách gì cho hoàn toàn thì bỗng nghe sau lưng có tiếng kêu: Thành Trai! Thành Trai!

Chàng xoay lại thì thấy một người trẻ tuổi nét mặt sáng như gương, cách điệu rất là phong nhã, đương đứng nhìn ngẩn ngơ. Chàng biết người ấy lầm nhưng đoán là bạn của Thành Trai nên hỏi: "Ông kêu Thành Trai vậy chớ ông với Thành Trai có quen nhau không?"

Người ấy cất nón chào đáp rằng: "Tôi với Thành Trai vừa bà con, vừa bè bạn, mà lại là anh em nữa. Tôi ở Huế, tiếp được thơ của em tôi hối tôi về, tôi phải đáp tàu về ngay. Tôi mới tới đây hồi năm giờ chiều. Tôi không biết vì sao mà Thành Trai không ra đón, nên tôi đi tìm... Tôi trông sau lưng ông giống nó nên tôi mới kêu, thành ra lầm... Vậy ông có biết nó ở đâu, xin làm ơn chỉ cho tôi".

Minh Đường nghĩ bụng mừng rằng được thêm một người giúp sức thì công việc có dễ dàng hơn. Chàng đáp: "Rủi quá, Thành Trai mới bị bắt vào khám lớn hồi trưa...".

Người thanh niên ấy nghe Minh Đường nói thì sững sờ mà hỏi: "Ông nói thiệt chăng? Vì sao mà bị bắt?"

Minh Đường liền thuật sơ lược lại cho người ấy nghe rồi nói: "Người can đảm khi gặp sự hoạn nạn của bạn không nên sững sờ lo sợ mà rối mất trí... Ta phải tỉnh táo thì mới có thể lo phương giải cứu được. Nay Thành Trai đang bị hãm hiếp oan ức, ta phải tính thế gì làm cho tỏ rõ sự oan ức của chàng ra".

Người ấy cầm tay Minh Đường mà tạ ơn rằng: "Mấy lời ấy thật là chí tình, Minh Châu này rất kính phục".

Nội hai tiếng Minh Châu ấy cũng đủ làm cho Minh Đường kính trọng, vì lúc còn ở Pháp, Minh Đường đã được nghe danh Minh Châu là một người học sanh Việt Nam đã từng làm cho người ngoại quốc phải trọng vọng. Mấy phen Minh Châu diễn thuyết về các vấn đề xã hội ở Đông Dương được các báo, nhứt là các báo thuộc đảng xã hội cấp tiến ngợi khen lắm. Minh Châu lại là tay viết báo có tài, bất kỳ nói về vấn đề gì, lời nghị luận cũng đều xác thực và rành rẽ lắm. Lúc Minh Đường vào Đại học thì Minh Châu đậu cử nhân triết học rồi, Minh Đường vẫn ao ước gặp Minh Châu nhưng chưa có dịp, nay thình lình hiệp mặt nên rất là vui mừng.

Minh Đường cười: "Té ra cũng là anh em cả mà tôi không biết, xin miễn chấp, lúc tôi còn học bên Pháp, tôi đã được nghe tiếng ông... Thôi, xin mời ông về nhà trọ tôi, rồi ta sẽ nói chuyện nhiều".

Minh Châu cũng mừng rỡ mọi phần, rồi hai người cùng trở gót. Minh Đường nói: "Tôi cũng chưa được nói chuyện với Thành Trai lần nào, chỉ mới gặp nhau một lần, mà kỳ khôi lắm... Sau tôi muốn gặp lại để tỏ bày tâm sự, nhưng rủi chàng đã bị tống giam rồi".

– Sao gọi là gặp, mà kỳ khôi?

Minh Đường đem câu chuyện ở phòng ngủ Lục Tỉnh, cho đến khi rình ở nhà thương thuật lại cho Minh Châu nghe rồi nói: "Tôi lấy làm hối hận quá, nhưng sự đã lỡ rồi, vì thế tôi mới định đến để tỏ thiệt tâm sự tôi cho Thành Trai biết".

Minh Châu không hiểu gì hết, hỏi: "Mà vì cớ gì lại đuổi theo nhau, rình rập nhau như thế?"

– Vậy chớ ông không biết vụ án mạng ở nhà Kiều Tiên sao?

– Vụ án mạng ấy cách nay lâu rồi, có sự gì lạ nữa mà phải biết?

– Chính vì có nhiều sự lạ nên Thành Trai và tôi mới nghi ngờ nhau. Thành Trai và tôi đều cố ý khám phá cho ra sự bí mật, vì biết rằng Kiều Tiên bị oan.

Minh Châu mỉm cười một cách hoài nghi rằng: "Điều ấy không chắc được! Tôi tưởng chừng Kiều Tiên có thông gian với ai nên mới sanh ra vụ án mạng ấy, bây giờ càng bươi ra lại càng thêm nhục, chớ ích gì. Thành Trai cũng quyết rằng Kiều Tiên oan ức, mà nếu oan ức thì sao lại trầm mình đi?".

Minh Đường đứng dừng lại, vòng tay ngó ngay vào mặt Minh Châu mà rằng: "Sao ông lại nói câu ấy. Câu nói ấy thật làm thêm đau đớn cho người đã chịu sự đau đớn lắm rồi... Ông chưa biết Kiều Tiên, chớ tôi đã biết rõ lắm. Kiều Tiên là một người nết na đáng kính, chớ không phải là người thương Kiều Tiên đây, mà nàng cũng thương tôi. Nhưng chúng tôi thương nhau vì ái tình chơn chánh và cao thượng. Dẫu trước mặt ai hay trước mặt Trời Phật chúng tôi cũng vẫn lấy làm tự đắc là chúng tôi đối đãi với nhau một cách rất trong sạch, nghĩa là chúng tôi chỉ trao đổi cho nhau những lời ước hẹn mà thôi. Rồi tôi thì qua Pháp, nàng thì về quê, muôn trùng xa cách, vẫn yêu mến nhau trăm phần mà không để đến nỗi tổn hại danh giáo".

Minh Châu gật đầu nói thủng thẳng rằng: "Tôi cũng xin tin lời ông nói, và biết lòng ông yêu mến Kiều Tiên là thiệt, nhưng mười phần ông đã chắc Kiều Tiên cả mười chưa?"

– Tôi chắc cả một trăm phần kia! Tôi quả quyết rằng nàng chẳng bao giờ lại làm điều tội lỗi ấy; nàng chỉ bị quân vô lương gieo cho cái án ngờ mà thôi. Cái án ngờ ấy chính tôi đây sắp khám phá ra được! Trước kia, bất kỳ có một chút gì, Kiều Tiên cũng đều cho tôi hay cả... Tôi đã hết sức khuyên lơn, chỉ biểu sự *làm phải, phải làm* cho nàng biết. Nàng đã nghe lời tôi, nghĩa là nàng chỉ coi tôi là bạn, mà phải thờ Thuần Phong làm chồng. Cái tai họa xảy đến thình lình không phải là tự nàng! Nay tôi đã về đây, tôi quyết tìm cho ra hung thủ!

Minh Châu đứng ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói: "Lúc trước tôi cũng lầm như nhiều người khác, nghi cho tình nhơn của Kiều Tiên làm

sự ấy, nhưng nay nghe ông nói rõ đầu đuôi thì tôi mới hiểu và tỉnh ngộ".

Hai chàng về đến nhà, Minh Đường lấy mấy bức thơ của Kiều Tiên đưa ra cho Minh Châu xem và nói thêm rằng: "Ông xem hết tập thơ này thì mới biết Kiều Tiên không phải như hạng gái tầm thường. Kiều Tiên thiệt là một người có nết na, đức hạnh rất đáng kính".

Minh Châu không nói gì, ngồi xem tập thơ rồi cười mà rằng: "Quả thật như thế, nàng là một người có tình nhưng tình cao thượng... Vậy từ lúc ông về, ông có tìm ra được tông tích nàng không?"

– Tôi chưa tìm được, nhưng tôi nghe những lời của Thành Trai nói ở nhà thương thì tôi đoán rằng Thành Trai có gặp Kiều Tiên. Cũng vì có gặp nên mới chủ ý khám phá vụ án mạng bí mật này để cứu vớt danh giá cho Kiều Tiên. Tôi chỉ mong cho chàng sớm ra khám mà thôi.

Minh Châu gật đầu khen phải... Minh Đường lại nói: "Bây giờ tôi xin ông lo về việc Thành Trai, để tôi đi về Vĩnh Long dọ thám, như thế thì khỏi mất thì giờ... Và tôi dặn ông một điều nầy, là ông nên về ở căn phố đây để cho một đứa thủ hạ của tôi tin cậy khỏi phải thất lạc. Nếu nay mai gì có đứa đến xưng là Tám Lọ, thì ông nên tin dùng nó vì nó chơn thành lắm...".

– Làm sao mà biết rõ nó?

– Dễ lắm. Ông đứng ngay dậy, bảo nó lấy tay dở ông lên khỏi đầu, như dở được thì chính là nó mà nếu không được thì tức là đứa giả mạo.

– Cách thử ấy cũng kỳ khôi. Thôi được. Ông cứ yên tâm mà đi để tôi lo Thành Trai.

– À, còn một điều này nữa... Tôi đã cậy trạng sư Ronin lo việc từ tụng.

– Vâng, mà ông tính chừng nào thì đi?

– Khuya nầy. Bây giờ ông nên đi lấy đồ lại đây cho tiện.

Minh Châu nghe theo, lên xe đi với Minh Đường về nhà ngủ dọn đồ lại... Anh em cùng nhau trò chuyện, tâm đầu ý hiệp, mãi đến khuya mới đi ngủ. Năm giờ sáng, thì Minh Đường đã dậy từ giã bạn mà lên xe về Vĩnh Long.

Gió thổi hắt hiu, lá rụng lác đác, trời u ám, cảnh buồn teo, ngoài sân chỉ có mấy con chim con nhảy trên cây điệp, trong nhà chỉ một con chó già nằm dưới cái ghế mây... Chim vô tình kêu thảnh thót, chó hữu ý ngẩn ngơ: Kiều Nga ngồi một mình bên cửa mà thêu mặt gối... Mũi kim luồn đường chỉ, qua qua, lại lại, bỗng chốc bàn tay dịu dàng dừng lại... Kim gãy rồi! Kiều Nga cầm cây kim gãy mà thở dài... Nàng biết vì đâu mà đau lòng, vì đâu mà gãy kim, nhưng nghĩ khó bề than thở. Nàng buồn quá, toan đứng dậy thì thấy con Sư tử nhảy ra, sủa dồ lên một tiếng, nàng vội vàng chạy theo kêu nó lại thì xe hơi Minh Đường đã ngừng. Nàng tay giữ con Sư tử mà mắt thì ngó ra ngoài... Lòng những ước thầm cho cái tiếng sủa của con chó già, tiếng kèn của cái xe hơi xa đem cái tin mừng cho nàng. Nàng thấy lấp ló cái hình dạng Minh Đường, nàng ngỡ là Thành Trai, lòng nàng hồi hộp vui mừng... Một chốc sự vui mừng ấy hóa ra sự đau đớn vì nàng thấy không phải Thành Trai mà lại là một người lạ. Nàng lấy vạt áo lau mặt, làm bộ vô sự... Minh Đường đi thủng thẳng, ngó trước ngó sau, bước vào đến cửa lấy tay gõ: "Cốc cốc cốc".

Kiều Nga nói: "Ai đó, cứ vào!".

Minh Đường bước vào chào mà rằng: "Xin phép hỏi cô, chẳng hay bà có nhà không?"

Kiều Nga thỏ thẻ đáp: "Má em đi thăm người bà con chưa về, mời thầy ngồi".

– Không biết chừng nào bà mới về?

– Thưa, chiều má em mới về. Thầy ngồi chơi.

Đứa ở bưng nước trà lên, Kiều Nga rót một tách rồi nói: "Thầy muốn gặp má em, có chuyện gì chăng? Nếu có việc cần kíp thì xin thầy cứ cho em hay, má em về em sẽ thưa lại".

Minh Đường nhìn Kiều Nga ngồi ngần ngừ một hồi rồi nói: "Thôi, tôi xin ra ngoài đợi đến chiều rồi tôi sẽ trở lại. Cô làm ơn chỉ nhà ông Hương hào Sung cho tôi một chút".

Kiều Nga ngó Minh Đường một cách ngạc nhiên rồi nói: "Thầy đi lên phía trên kia, cách đây chừng vài cây số, có một sở nhà dựa đường, ngoài cửa có cây dương liễu thì là nhà Hương hào Sung đó.

Minh Đường cám ơn lui ra, rồi lên xe thẳng đến nhà Nguyễn Viết Sung. Chàng thấy dáng điệu Kiều Nga này cũng hơi giống dáng điệu Kiều Nga kia thì chàng nghĩ thầm rằng: "Lạ quá, con đứa nhàm hiểm sát nhơn kia mà sao xinh đẹp tuyệt trần, lại nói năng dịu dàng có khuôn phép lắm. Thiệt là mẹ cú đẻ con tiên! Ta cũng nên tiếc cho một người con gái như thế mà sao cha đẻ lại ghê gớm như thế kia. Nếu có một ngày mà nàng biết câu chuyện ấy thì nàng mới tính sao? Tội nghiệp quá, cái kiếp con người sao gặp lắm chuyện éo le như thế!". Chàng chưa nghĩ hết câu chuyện thì đã đến trước cửa ngõ có cây dương liễu rồi. Chàng xuống xe kêu cửa; trong nhà có một đứa nhỏ chạy ra mở... Chàng theo nó vào trong thì thấy một người mặt mày chẳm hẳm, râu mép đen rậm, đứng cở ở trước thềm. Chàng định chắc là Nguyễn Viết Sung, nên chào: "Tôi muốn hỏi thăm ông Hương, biết phải đây không?".

Nguyễn Viết Sung gật đầu đáp: "Phải, mời thầy vào... Trẻ đâu pha nước, bay... Mời thầy ngồi".

Minh Đường ngồi trên một cái ghế mây gần một cái bàn tròn bằng trắc, ngó chung quanh thấy liễn đối treo đầy. Trong nhà chưng dọn cũng sang lắm. Chàng không thiết gì cái tủ sao lồng kiếng, cái bộ ván gõ láng ngời, chàng chỉ để ý xem thử có gì bí mật chăng... Mà không có gì làm cho chàng phải để ý cả.

Nguyễn Viết Sung hỏi: "Thầy ở đâu lại chơi, và có việc gì không?"

Minh Đường ngó vào hai con mắt Nguyễn Viết Sung mà đáp rằng: "Tôi ở Cầu Ngang, con của ông cai tổng Phủ... Tôi có một việc muốn đến cậy ông giúp, tánh tôi thiệt lắm, muốn nói ngay, xin ông chớ chấp sự sỗ sàng của tôi".

– Không sao, tuy chưa quen biết nhưng tôi ít hay từ chối với ai... thầy cứ nói...

– Nếu được vậy thì tôi may lắm... Bấy lâu nay tôi có nghe rằng nhà bà Phán Trần ở đây phước đức lắm, mà bà có một người con gái nhan sắc mặn mà và có nết na, tôi vì chưa quen nên tới nhờ ông làm ơn giới thiệu giùm.

Nguyễn Viết Sung nghe nói là con ông Cai tổng Phú thì biết nhà giàu có lớn nhất ở hạt Trà Vinh nên có bụng mừng mà đáp

rằng: "Điều đó thì quả như vậy, nhưng vì sao mà thầy biết tôi quen với nhà bà Phán?".

Minh Đường cười rằng: "Tôi có hỏi thăm nhiều người ở đây, họ nói rằng nhà ông thân mật với nhà ấy, nên tôi mới đánh liều đến đây tỏ thiệt tâm sự với ông. Cha mẹ tôi đã tính đi nói nhiều nơi mà tôi chưa chịu nơi nào hết; tôi còn muốn chọn lựa. Nếu ông giúp tôi được thì tôi không dám quên ơn".

Nguyễn Viết Sung nói: "Tuy tôi chưa biết cậu lần nào nhưng tôi cũng không muốn từ chối... Song có một điều rất khó là con gái bà ấy chỉ muốn người có tài học mà thôi. Không thiết gì con nhà giàu, vì cô ấy con một, mà gia tài lớn lắm, tới mấy trăm ngàn".

Minh Đường cười rằng: "Tôi không giấu gì ông, tôi không phải muốn đem cái giàu lúa ruộng, tiền bạc mà khoe đâu, tôi chỉ muốn đem cái *tài học* mà kén vợ thôi. Tôi đã đậu Bác vật rồi".

– Nếu được vậy thì chắc là tôi giúp xong nhưng tôi chỉ muốn có ông bà lên nói một lời thì hơn.

– Tôi vẫn biết như thế, nhưng tôi muốn tự tôi chọn lựa trước, nếu vừa ý rồi tôi sẽ thưa với cha mẹ tôi sau. Tôi cũng là con *cưng* nên cha mẹ tôi cho tôi cái quyền ấy. Mà tôi nghe rằng bà Phán có hai người con gái kia mà!

– Phải, nhưng bây giờ chỉ còn có một mà thôi. Người con gái lớn đã trốn biệt tích từ lúc chồng chết rồi.

Minh Đường giả đò lấy làm lạ, ngó Nguyễn Viết Sung mà hỏi: "Con gái nhà nề nếp mà sao lại bỏ trốn đi đâu, chồng chết thì phải ở nhà thủ tiết chớ! Nếu vậy thì tiếng đồn có lẽ sai chăng?".

– Không, nhà ấy quả là hiền đức nhưng chàng rể không phải chết tự nhiên... Chàng bị người ta ám hại.

– Bị ám hại hồi nào vậy?

– Trong đêm động phòng.

– Rồi người vợ lại đi đâu và đi nhằm lúc nào?

– Cũng trong đêm ấy!

– Lạ thật! Chồng chết trong đêm ấy, mà vợ cũng trốn mất trong đêm ấy, thế thì chắc là chồng bị vợ ám hại chớ ai... Nhà như

thế mà gọi là hiền đức thì hiền đức nỗi gì? Tôi xin kiếu... Cám ơn ông.

Nguyễn Viết Sung thấy Minh Đường muốn về thì cầm lại mà rằng: "Cậu ngồi nán lại chơi, đi đâu mà lật đật quá vậy? Nhà ấy hiền đức thật, lời ấy không phải hư truyền đâu".

Minh Đường làm bộ thở ra, ngồi lắc đầu: "Tôi tưởng chắc là gặp nơi xứng đáng, té ra cũng không được toại lòng. Chị sao thì em vậy chớ khác gì... Mà cái án mạng ấy đã có ai tìm ra chưa?".

– Chưa! Khó tìm ra lắm vì mờ ám vô cùng. Người con gái nhỏ này hiền hậu lắm, không phải như người chị đâu.

– Ông vừa mới nói rằng nhà ấy hiền đức mà nay trong hai con lại một người vầy một người khác là sao?

– Mười ngón tay còn có ngón ngắn ngón dài thay, huống chi chị em trong nhà, có bao giờ tánh ý giống nhau hết được?

– Vậy thì đối với vụ án mạng ấy ông nghĩ thế nào?

– Tôi tưởng là có ai thù hiềm gì nên họ mới nhơn lúc lộn xộn mà ra tay. Việc ấy đã lâu quá rồi, không mấy ai nhắc lại nữa.

– Vậy thì trong đêm đó có ai ở nhà ấy không? Câu hỏi rất thình lình ấy làm cho Nguyễn Viết Sung sững sờ, ngồi điếng một lúc mới đáp: "Không".

– Ông là người thân mật trong nhà, sao đêm ấy lại không có ở đó?

– Đêm đó tôi đau nên không lại được.

– Uổng quá! Nếu có ông ở đó thì có lẽ biết được chút đỉnh về vụ án mạng. Sau đêm ấy ông có dọ hỏi sự thế ra sao không?

– Tôi cũng hết sức dọ hỏi nhưng mà mù mờ lắm, không rõ gì hết?

– Mà nếu bây giờ người con gái lớn bà Phán trở về thì sao?

– Dẫu có sống đi nữa cũng không dám ra mặt, vì tòa đã buộc cho nàng tội giết chồng rồi. Nếu ra mặt thì bị bắt liền.

– Nếu vậy thì tất cả gia tài về một tay cô em sao?

Câu hỏi này lại làm cho Nguyễn Viết Sung giựt mình. Giây phút mới làm bộ vấn thuốc rồi cười mà rằng: "Lẽ thì vậy rồi, hễ *chị* chết thì *em* hưởng một mình chớ sao?"

Minh Đường mỉm cười, đốt điếu thuốc hút rồi nói thủng thẳng rằng: "Lạ lùng thiệt! Tôi nghe chuyện này là không thể ngồi yên được. Câu chuyện sao mờ ám quá! Mà nếu như trong lúc trốn tránh, cô chị tìm ra kẻ gian tế đem ra trình tòa, đủ cả chứng cớ rồi trở về nhà thì sao?".

Hai con mắt Minh Đường lại ngó chăm vào hai con mắt của Nguyễn Viết Sung như con mèo ngó con chuột, làm cho Nguyễn Viết Sung tự nhiên biến sắc, phải cúi mặt xuống ngay... Minh Đường muốn thả lời trên đầu Nguyễn Viết Sung để đè dẹp va nên nói tiếp: "Tôi cũng mong cho cô chị ra mặt để xem thử vụ này ra sao. Nếu cô chị ra mặt, gỡ được cái tiếng giết chồng, làm cho mưu kế của lũ gian ác kia phải bại lộ thì nhà ấy mới thật là phước đức".

Nguyễn Viết Sung xám mặt ngồi giả hút thuốc, phà mấy hơi khói... Minh Đường lại cười: "Sự đời éo le, mà tánh tôi lại kỳ khôi, xin ông làm ơn cho tôi một điều này".

– Điều gì cậu cứ nói. Tôi liệu giúp được thì tôi giúp cho.

– Tôi nhờ ông nói lại giùm với bà Phán rằng nếu một ngày kia con gái lớn bà trở về xin bà gả cho tôi. Tôi muốn biết nàng ấy vì sao không trả thù chồng mà lại trốn đi.

Nguyễn Viết Sung cười lớn rằng: "Cậu nói chơi hoài! Nếu cô ấy ra mặt thì tức là đã tìm được kẻ giết chồng rồi!"

Minh Đường đứng dậy cười rằng: "Hôm nay tôi rất vui lòng được làm quen với ông, song tôi hơi thất vọng, vì tôi muốn một đàng mà lại đi một ngả... Thôi, để khi khác tôi sẽ xin trở lại hầu thăm ông".

Nguyễn Viết Sung bẽn lẽn, đứng dậy đưa ra cửa và nói môi miếng một vài tiếng đẩy đưa... Minh Đường lên xe. Nguyễn Viết Sung trở vào ngồi như người mất hồn, nghĩ thầm: "Giọng nói của người này lạ lắm, không biết vì ý gì? Nó làm ta thiếu chút nữa muốn điên.? Nó hỏi nhiều câu thình lình, khó trả lời cho trôi được. Hay nó là lính kín? Hay là quả con Kiều Tiên lúc này đang có ý tìm kiếm cách báo thù cho chồng? Ta không biết sợ ai, mà ta chỉ lo đàn bà con gái trong những sự báo thù... Đàn bà tuy yếu ớt nhưng

mà có mãnh lực ghê lắm. Nếu quả như lời thằng này thì thật tại ta vô ý, không đề phòng trước. Ta giết luôn nó đi thì... Mà không được, nếu giết luôn nó thì sao khỏi xảy ra lôi thôi lớn, pháp luật đâu có bỏ qua, chắc là khó dễ cho ta lắm. Để cho Kiều Tiên sống thì thêm một mối lo, còn nguy hiểm cho ta hơn là bọn trinh thám, vì nó dùng bọn trai làm vi cánh và vẽ đường... Thằng này là thằng nào? Sao mà bọn thanh niên lúc này hay gánh bàn độc mướn quá! Mới rồi là thằng Thành Trai, nay lại thêm một thằng Minh Đường nữa! Mà đứa nào coi bộ cũng lanh lợi và gan dạ lắm. Nó không hề biết sợ, thiệt là thêm lo cho ta nhiều. Ta phải làm sao mà trừ cho tuyệt mấy cái mối độc này. Thành Trai hôm nay đã ngồi khám lớn rồi, còn thằng này? Nếu nó chưa biết gì về sự ta làm thì ta còn có thế dụ nó mà làm hại nó được, nhưng chỉ sợ nó đã biết rồi mà thôi. Ta phải tính sao?"

Nguyễn Viết Sung đi qua đi lại rồi mỉm cười và gật đầu mà rằng: "Tuy là ta lo ngại như vậy chớ ai làm gì được ta! Ta dám đố cả bọn trinh thám, ta dám đố cả loài người, ai giỏi làm cho bại lộ mưu cơ ta thì ta cho là tài... Những bọn mưu trí tầm thường kia thì làm gì ta nổi, nhưng ta cũng cần phải trừ những đứa dám nhúng tay vào sự bí mật của ta. Thằng Tám Lọ kia, không vâng lời ta thì ta đã đuổi nó rồi... Còn thằng Minh Đường không sớm thì muộn cũng sẽ bị tay ta... Ngày nào con ta được hưởng cái gia tài ấy, ngày nào con ta làm chủ được cái sự nghiệp ấy, bấy giờ ta sẽ tỏ thiệt cho nó biết. Ở đời khôn sống mống chết, mạnh được yếu thua, ai biết đề phòng, hạ tay lợi hại trước thì người ấy được. Để cho bọn ngu, không kiến thức cứ kêu Trời kêu Phật đi, kêu muôn ngàn năm không làm gì ta được. Trời đâu? Phật đâu? Trời Phật chỉ ở tại trong lòng kẻ khờ nhát, kẻ hèn yếu, chớ với người cứng cỏi thì không có bao giờ. Ta chỉ thấy người làm nên rồi người phá đi mà thôi chớ có Trời Phật nào đâu? Ai khôn hơn ta thì thắng ta, ai dại hơn ta thì thua ta. Ta chỉ dùng trí khôn và tâm cơ ta mà làm cho con ta giàu có, sung sướng. Miễn là ta đạt tới mục đích, dầu có phải hại ai mà thành công ta cũng hại, ai chết kệ ai! Ở đời này mà đạo đức thì là đồ dại...".

Hương hào Sung lấy làm đắc chí, mỉm cười...

Minh Đường trở về nhà hàng, bộ vui vẻ lắm. Chàng thấy rõ cách lúng túng của Nguyễn Viết Sung rồi! Chàng biết Nguyễn Viết Sung nghe chàng là bực cự phú, nghe chàng đậu bác vật thì cố kén làm rể, cố đem Kiều Nga giả gả cho chàng. Chàng mừng lắm, nói thầm rằng: "Tao đố mày chạy đàng trời. Mày không bao giờ thoát khỏi tay tao. Mày sâu độc lắm, mày làm cho bạn yêu quí của tao phải khổ sở đau đớn, tao quyết không dung mày...".

Chiều ấy lối bảy giờ rưỡi tối chàng mặc áo quần nỉ đen, đi giày cao su đen mà lại nhà bà Phán. Chàng bước vào cửa, con Sư tử hầm hù nhưng không sủa. Chàng thấy trong nhà đèn thắp sáng mà êm lặng. Chàng gõ cửa... Cửa mở thì thấy Kiều Nga chào và nói: "Má em đã về... Em có thưa lại, má em dạy hễ khi nào thầy đến thì xin mời thầy ngồi đợi một chút vì má em đang tụng kinh".

Minh Đường ngồi trên ghế... Kiều Nga rót nước mời rồi lui lại ván ngồi thêu... Chừng mười phút thì bà Phán bước ra, chàng lật đật đứng dậy... Không biết vì sao mà chàng trông thấy cảnh nhà tịch mịch, bà Phán gầy ốm thì chàng mủi lòng sa đôi hàng lệ... Chàng giựt mình xoay mặt hóa ra quên chào.

Bà Phán thấy tình hình như thế thì lấy làm lạ, bà nói: "Mời thầy ngồi... Tôi về nghe con tôi nói lại, tôi có ý trông thầy, vậy thầy có chuyện gì, xin cứ nói, trong nhà tôi không có ai đâu".

Minh Đường giả dụi mắt, lấy khăn lau rồi mới thưa: "Câu chuyện này tôi chỉ xin thưa riêng một mình bà mà thôi... Xin cô coi chừng ở ngoài cho".

Bà Phán biết là có sự quan hệ nên biểu Kiều Nga ngồi coi chừng cửa rồi dắt Minh Đường vào phòng đọc sách. Bà ngồi một bên, mời chàng ngồi rồi nói: "Bây giờ thì không ai nghe lọt được, có sự gì thầy cứ nói".

Minh Đường nói thủng thẳng rằng: "Bà vẫn chưa biết tôi là ai mà chắc bà cũng không biết vì cớ nào mà tôi đến hầu thăm bà một cách bí mật thế này. Thưa bà, tôi chính là người đã viết thơ thông tin cho bà và cô Kiều Nga biết sự Thành Trai bị đâm hôm trước đó. Mà cũng chính tôi là đứa đã đâm Thành Trai...".

Bà Phán xanh cả mặt, sợ run cả người, ngó chàng mà muốn đứng dậy lùi ra ngoài... Chàng vẫn cứ ung dung nói tiếp: "Thưa bà,

bà chớ nên nghe thế mà vội nghi cho tôi là đứa mong làm hại nhà bà... Không! Tôi đã không phải thế mà tôi lại rất chủ ý trông nom phò trợ cho nhà bà. Xin bà đừng cười cách ấy. Xin bà đừng tưởng tôi là dối trá... Tôi không bao giờ nói dối. Tôi phải trông nom, và phấn đấu với bọn gian để bảo toàn danh dự cho nhà bà là vì một lẽ riêng mà tôi chưa tiện thưa ngay để bà biết... Một ngày kia, mà chắc không lâu, bà sẽ biết. Xin bà ngó vào cặp con mắt của tôi xem thử tôi có phải là đứa gian xảo dối trá không! Bà cứ tin ở tôi, rồi tôi sẽ thưa một điều rất quan hệ cho bà nghe".

Bà Phán ngó sững Minh Đường... nhìn từ lông mày con mắt, nhìn từ kẽ miệng cái môi, nhìn từ trên xuống dưới, không sót chút gì, bà biết là không phải kẻ tầm thường, bà nói: "Thầy nói đi... Tôi là đàn bà yếu ớt hễ nghe đến sự đâm chém thì rùng mình, thì nghi ngại, nhưng tôi tin lời thầy và tôi vái Trời Phật phò hộ cho người tử tế. Thầy đã có lòng tốt, chăm nom cho nhà tôi thì xin thầy lấy lòng tốt mà tỏ sự thiệt cho tôi biết".

Minh Đường vẫn cứ giữ thái độ nghiêm nghị, thưa từ tiếng rằng: "Thưa bà, xin bà biết cho rằng vì có cái duyên cớ riêng nên tôi phải trông nom cho nhà bà. Cái duyên cớ ấy, trước sau gì rồi bà cũng sẽ biết... Tôi đâm Thành Trai là vì tôi *lầm*, tôi tưởng Thành Trai có lòng tranh đoạt cái gia tài của bà mà mưu hại cô Kiều Nga nên tôi phải theo dò Thành Trai. Chẳng dè Thành Trai cũng nghi tôi mà trở lại dò tôi. Vì thế mà tôi đâm lầm Thành Trai. Sau tôi dò rõ là Thành Trai muốn khám phá vụ án mạng bí mật trong nhà bà mà phải tự làm ra người bí mật, bấy giờ tôi ăn năn thì đã muộn rồi nên khi đó tôi lật đật thông tin cho bà và cô Kiều Nga hay. Câu chuyện ấy đã qua rồi, bây giờ tôi chỉ hỏi bà vài điều và xin bà nhớ kỹ lại mà trả lời cho tôi biết, thì có lẽ tôi sẽ tìm ra kẻ gian được".

Bà Phán nghe đến đó mừng lắm, bỗng hết run sợ, bà nói: "Thầy cứ hỏi đi, tôi sẽ trả lời rõ ràng cho thầy nghe".

Chàng lấy khăn lau mồ hôi rồi hỏi: "Thưa bà, cách mười tám năm nay, bà có ở Tây Ninh không?"

Bà Phán ngẫm nghĩ rồi đáp: "Có, lúc đó ông thân con Kiều Nga đang làm thông ngôn Toa Bố".

– Trong lúc ấy bà đã có một người con tên Kiều Tiên lên sáu tuổi rồi, mà bà đang có thai một người nữa phải không?

– Phải, lúc ấy tôi đã gần ngày đẻ. Rồi thì sanh ra con Kiều Nga này đó.

– Lúc đó bà sanh ra cô Kiều Nga rồi mê sảng luôn mấy hôm phải chăng?

Bà Phán ngẫm nghĩ một lúc rồi lắc đầu, cãi rằng: "Không, tôi không đau gì mà mê sảng... Tôi mạnh mà".

– Vậy không có lúc nào bà mê man sao?

– Có, có một đêm, nghĩa là đêm thứ ba sau khi lâm bồn, không biết vì cớ gì tôi mê man như chết, mà ông già con Kiều Nga mắc đi Sài Gòn chưa về.

– Lúc bà tỉnh lại, bà có thấy sự gì lạ không?

– Không.

– Bà không thấy có mùi gì khác thường sao?

– À, à, có, có mùi gì thơm như mùi khói nhang tôi ngỡ là ai xông trầm.

– Vậy thì hôm mà Thuần Phong bị giết, bà vào phòng có thấy mùi nhang ấy không?

Bà Phán vỗ tay xuống bàn mà rằng: "Phải rồi. Phải rồi, hèn gì mà lúc đó tôi nhớ cái mùi ấy, mà không nghĩ ra đã thấy ở đâu. Phải rồi! Chính cái mùi ấy! Tôi vào phòng thấy rể tôi bị giết mà mùi ấy còn thoang thoảng chưa phai. Thầy làm sao mà biết những sự ấy?"

Minh Đường gật đầu dường như là ghi vào óc những câu trả lời ấy, rồi thưa rằng: "Tôi là người quyết rửa nhục cho nhà bà, tôi là bạn của Thuần Phong cho nên tự lúc nào, tôi vẫn đinh ninh một dạ, quyết dò hỏi cho ra, nên mới biết được...".

Bà Phán nghe đến tên Thuần Phong thì bà sa nước mắt mà nói: "Vậy thì thật là may cho tôi lắm. Sao bấy lâu nay thầy không đến đây cho tôi hay?"

– Thưa, bấy lâu nay tôi còn học ở bên Tây... Xin bà hãy dẹp câu chuyện ấy lại đã, để cho tôi hỏi hết mấy câu nầy... Bà thấy mùi ấy bà không nhớ lại cái đêm lúc trước sao?

– Không. Nếu có ai nhắc thì tôi nhớ, chớ đêm ấy tôi vừa sững sờ, vừa kinh hoảng lại vừa đau lòng thì còn làm sao mà nhớ ra.

– Vậy thì đã mười hai năm mà người ở Tây Ninh kia còn trở lại nhà bà nữa... Người ấy là ai bà có biết không?

– Không. Nếu tôi biết thì còn nói gì dông dài nữa, tôi bắt nó liền.

– Xin bà đừng nóng nảy, dầu cho bà có biết người ấy đi nữa, bà cũng không có phép bắt, vì không đủ bằng cớ. Hễ không đủ bằng cớ thì không làm gì được nó. Điều đó cũng xin dẹp lại đã. Bây giờ xin bà cho tôi biết cái đêm ấy ở Tây Ninh mà bà mê man đó thì có sự gì thay đổi trong nhà bà không?

– Không thay đổi gì hết.

– Xin bà hãy ráng nhớ lại cho kỹ... nhớ hết các điều lại... Bà không thấy sự gì đáng làm cho bà nghi ngại sao?

– Không! Tôi có nghi ngại gì đâu, tôi cho là tôi mệt, ngủ mê đi mà thôi.

– Xin bà ráng mà nhớ lại cho kỹ, điều ấy có quan hệ lắm. Vậy lúc bà tỉnh rồi bà không nhìn con bà sao?

Bà Phán ngồi ngẩn ngơ cả người, lấy làm lạ lùng quá; bà không hiểu vì cớ gì mà có người biết từng ly trong nhà bà. Bà ngó Minh Đường dường như là cố xem coi có phải ma quỉ hiện hình ra chăng?

Minh Đường thấy bà lấy làm lạ thì thưa rằng: "Thưa bà, xin bà chớ nghi ngại gì hết. Không phải tự nhiên mà tôi lại tọc mạch như thế đâu, cũng vì câu chuyện ấy có can hệ đến vụ án mạng nầy nên tôi phải cần biết cho rõ. Xin bà nhớ cho kỹ cái hình dạng con bà lại, nếu có sự đáng ngờ thì bà nên cho tôi hay".

– Nếu vậy thì thầy nghi rằng con Kiều Nga này không phải con tôi sao?

– Tôi chỉ xin bà nói cho rõ lúc bà tỉnh dậy bà có nghi ngờ gì chăng. Tôi muốn biết sự thật là cốt để tìm ra đứa gian, dám cả gan làm những sự đại ác. Chỉ có dựa vào sự thật là mới khám phá được vụ án mạng này ra mà thôi. Cô Kiều Nga này dẫu thế nào cũng là

con của bà nuôi nấng dạy dỗ từ lúc ấy nhẫn nay. Huống gì cô Kiều Nga vốn trong sạch, có nết na, chưa hề phạm tội lỗi gì, mà mưu kế kia nàng đều chẳng biết gì hết. Nếu bà không cho tôi biết rõ ràng thì không làm sao khám phá ra được vụ bí mật. Nếu không tìm ra đứa gian thì một là danh giá nhà bà không cứu vớt lại được, hai là con gái lớn của bà bị oan uổng suốt đời. Trong hai điều đó, điều nào cũng hệ trọng cả. Nếu không kiếm đặng hung thủ thì tôi không yên lòng, vì giọt máu oan hồn của bạn Thuần Phong kêu tôi phải báo thù, mà cũng kêu bà, kêu con bà phải giúp tôi...".

Chàng ngồi ngó bà Phán một cách buồn bực, bà nói: "Tôi không nghi ngờ gì thầy cả... Tôi chỉ vì chưa nhớ rõ lúc ấy thế nào. Mà con Kiều Nga này không phải con tôi sao? Cái mặt mày ấy, cái hình dạng ấy rõ ràng là con tôi chớ con ai".

– Tôi chưa nói rằng cô Kiều Nga phải con bà hay không, nhưng tôi chỉ xin bà cho tôi biết rõ cái đêm cách mười mấy năm nay, bà có nghi ngại sự gì chăng? Tôi chỉ chờ một điều ấy mà liệu định, phán đoán sự ngay gian. Tôi cũng chỉ chờ một điều ấy mà bắt đầu gỡ mối dây rối rắm. Nếu bà không chịu cho tôi biết rõ thì quyết sau này bà không bao giờ gặp mặt cô Kiều Tiên mà cũng không bao giờ biết được sự thiệt.

Nói đến câu ấy chàng hốt nhiên động lòng sa nước mắt... Bà Phán thấy thế không hiểu vì sao, tưởng là chàng nhớ bạn nên cũng áo não vô cùng. Bà ngồi nghĩ ngợi một hồi rồi nói: "Lâu quá, tôi còn hơi nhớ mại mại mà thôi. Tôi nhớ hôm ấy tôi ngủ mê man, sáng dậy thì tôi thấy con tôi lớn mau quá! Con tôi mới đẻ hai ngày mà lớn bằng con người ta bốn năm ngày. Tôi nhìn mãi xem lại thì cái dấu đỏ ở dưới cằm con tôi đã bay đâu mất rồi. Tôi cũng có lấy làm lạ nhưng tôi sợ lúc yếu ớt ngó lầm nên chẳng nghi ngại gì hết".

Minh Đường mừng quá, vì hôm trước chàng thấy phía dưới cằm cô Kiều Nga thiệt, có một cái dấu đỏ đỏ bằng cái chót ngón tay út. Chàng thưa rằng: "À không nghi ngại là lẽ tự nhiên, vì có ai tráo con làm gì, ai cũng thương máu thịt của mình, chớ ai lại thương con thiên hạ; có vậy mới gọi là bí mật, có vậy mới có chuyện lôi thôi, đau lòng. Mà khi bà tỉnh dậy bà không coi lại coi con gái bà mặc áo gì sao?"

Câu hỏi ấy làm cho bà nhớ rõ ràng lại câu chuyện mười tám năm về trước... Bà nhớ rằng lúc bà tỉnh dậy bà thấy con bà lạ nên bà mới kêu mụ vú lên hỏi thì mụ ấy cũng không rõ... Mụ lại nói không biết ai thay áo cho em nhỏ lúc nào: hồi hôm mặc áo màu huỳnh anh mà rồi sao lại hóa ra màu hường... "Nhưng không ai hiểu chi hết. Từ ấy nhẫn nay chưa hề có một ai nhắc đến chuyện ấy, mà nay thầy làm sao biết được?

– Thưa bà, một mình tôi thì không hiểu gì cả, nhưng có nhiều lẽ làm cho tôi biết được là vì trong lúc tôi cố ý báo thù cho bạn tôi, tôi đã may mắn gặp được nhiều sự dính dấp với vụ án mạng trong nhà bà. Hễ đã có dính dấp thì tất nhiên dò lần điều trước, tất là biết được điều sau ngay. Bà đã ngửi cái mùi thơm hai đêm ấy, cách nhau mười ba năm mà giống nhau, thì bà đủ biết người tráo con bà đêm xưa, tức là người vào phòng Kiều Tiên giết rể bà lúc nọ đó. Cái lẽ vì sao mà nó đeo đuổi nhà bà thì tôi chưa có thể nói ngay ra bây giờ được. Vậy xin bà đừng nói với ai, dầu cô Kiều Nga cũng vậy; để khi nào tìm ra kẻ thủ phạm rồi bấy giờ sẽ hay... Tôi xin nói để bà biết rằng hiện bây giờ Thành Trai đang bị bọn ấy rơi thơ, vu cho thông đồng với những phái cách mạng ta ở bên Tàu, nên đã bị tống giam vào khám lớn rồi.

Bà Phán thất sắc, chàng an ủi rằng: "Tuy vậy mà cũng không sao. Việc ấy đã có Phạm Minh Châu đỡm đương hết. Trước sau gì cũng được tha bổng vì cái thơ nặc danh ấy không đủ chứng cớ gì hết. Bọn gian chỉ muốn cho Thành Trai không thể gánh vác được việc nhà bà mà thôi. Tuy vậy chớ bọn nó muốn mà sao được?"

Bà Phán sa nước mắt mà rằng: "Chỉ vì chuyện nhà tôi mà cháu tôi thiếu chút nữa bỏ mạng; nay lại phải vào chốn ngục tù, nghĩ thiệt đau đớn quá! Thầy làm ơn lo cho cháu tôi ra khỏi khám cho sớm thì tôi không dám quên ơn.

– Thưa bà, tế hiểm, phò nguy là việc nghĩa vụ của tôi, tôi xin tận tâm kiệt lực mà lo lắng... Tôi xin cứu bà, lúc nào có tin mừng tôi sẽ xin cho bà hay.

Bà Phán ân cần lắm, bà rất cảm động, nhưng vì bà đã đau đớn, đã *quá* đau đớn rồi, nên bây giờ hễ ai nói sao bà cũng chỉ khóc, mà không nói gì được. Chàng đi rồi thì bà ngồi phịch xuống ghế ôm

mặt mà khóc. Kiều Nga thấy thế, chạy lại hỏi: "Có việc gì mà má không cho con hay? Có việc gì mà má phải khóc lóc vậy má? Má ơi, má cho con biết với. Người ấy là ai vậy má?"

Nàng nói chưa dứt lời thì nước mắt đã chảy tràn trề... Bà Phán nhìn nàng... Đáng lẽ bà thấy nàng thì kém bớt tình thương, nhưng không, bà vẫn cứ thương mà dẫu con đẻ của bà có trở về đi nữa bà cũng không lạt lẽo với Kiều Nga! Bà lấy tay vuốt tóc nàng mà rằng: "Người ấy là bạn của anh rể con đó, người ấy quyết giúp nhà ta mà tìm ra đứa gian. Anh Thành Trai của con đã vì bọn gian phao phản nên nay bị giam vào khám lớn rồi".

Kiều Nga nghe vừa hết lời thì điếng hồn, nước mắt tuôn ra, rồi té lăn trên ghế. Bà Phán đỡ con, ôm vào lòng ngó chăm chỉ, trong lòng đau đớn vô cùng... Bà ôm nàng mà ngó thôi, không khuyên dỗ gì được vì bà cũng khổ tâm.

Kiều Nga nằm im một lúc rồi kêu lên tiếng "Anh ơi!", kêu rồi khóc một cách thảm thiết. Con Sư tử chạy quanh cùng nhà kêu la rầm rĩ.

Cái cảnh bi thảm ấy tưởng chừng ai trông thấy cũng phải động lòng! Bà Phán quì xuống chấp hai tay vái Trời Phật; bà vừa vái vừa kêu như một người điên: "Muôn ngàn lạy Trời lạy Phật cứu lấy cả nhà tôi. Muôn ngàn lạy Trời lạy Phật xét nỗi oan ức cho cả nhà tôi, cứu lấy con tôi ra khỏi vòng lao đao, cứu lấy cháu tôi ra khỏi chốn ngục tù. Trời Phật chí công! Trời Phật rõ sự gian ác của loài người, xin Trời Phật thưởng phạt cho minh. Mấy năm nay cả nhà tôi đều bị oan khổ, nhục nhã, xin Trời Phật xét cho... Nam– mô-a-di-đà-Phật! Cứu khổ cứu nạn Quan thế âm bồ tát... Nam-mô-a-di-đà-Phật! Cứu khổ cứu nạn đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn Quan thế âm bồ tát..."

Bà vừa lạy vừa khóc và cầu khẩn vái van. Kiều Nga thì nằm thiêm thiếp, người đang mạnh giỏi mà bỗng chốc hóa ra mê man vì nàng bị cảm xúc trong lòng quá! Nàng lăn khóc trên ghế mây dài, thỉnh thoảng khóc lớn lên một tiếng rồi lại mê. Bà Phán càng thấy con bi thảm bao nhiêu thì bà lại càng đau đớn bấy nhiêu. Bà khóc... bà nói thầm rằng: "Dầu cho con ai đi nữa mà tình cảnh như thế, mà sầu cảm như thế, mà hiếu thảo như thế thì ta cũng thương yêu cả; huống gì là con ta nuôi mười mấy năm trời nay, cưng hơn vàng

hơn ngọc. Mà con của ta bây giờ thất lạc vào đâu? Trời Phật nỡ nào để cho tôi đau khổ mãi như vầy cho đành!...

Kiều Nga lăn khóc một hồi rồi gượng ngồi dậy, nhưng gượng không nổi, lại phải nằm xuống. Bà vừa kêu bọn đầy tớ gái vực nàng vào phòng, thì thấy Nguyễn Viết Sung đến.

Nguyễn Viết Sung mặt mày hơ hãi, chào bà Phán mà con mắt chăm chỉ ngó Kiều Nga và hỏi: "Có chuyện gì mà khóc lóc om sòm, làm cho tôi đi ngang qua phải giựt mình. Sao vậy bà?"

Bà Phán mời Nguyễn Viết Sung ngồi bên ghế, bà ngồi một bên chơn Kiều Nga, rồi thủng thẳng nói rằng: "Vậy chớ ông không biết sự đau đớn trong nhà tôi mấy năm nay sao? Lâu lâu nhớ lại con rể thì không biết lấy gì than thở cho bằng giọt nước mắt".

– Thường thường tôi đã khuyên giải bà hết sức mà bà cũng không chịu nghe... Bà buồn rầu cho lắm cũng vô ích, vì chuyện đã qua rồi. Bà thì già, mà cô Kiều Nga thì nhỏ quá, cả hai đều không khuyên lơn nhau được, chắc là sẽ sanh ra hại. Việc đó còn có đó, lâu lâu rồi cũng tìm ra kẻ gian, chớ mất đi đâu mà phải khóc lóc mãi...?

– Không mất đi đâu nhưng đợi hoài đợi mãi mà vẫn không thấy gì! Ông chưa gặp cảnh này, ông chưa biết sự đau đớn ra sao nên ông mới nói vậy, chớ hễ đã lâm vào thì không bao giờ nói như ông được.

– Vẫn biết là đau đớn, song không nên buồn bực như thế. Buồn bực mãi thì sanh bịnh... Cô Ba sao đó?

– Nó mới hay tin anh nó bị giam ở khám lớn nên nó khóc quá. Nó hay cảm xúc lắm...

Kiều Nga trở qua mở mắt thấy thấy Nguyễn Viết Sung thì nàng nhắm lại không nói một lời. Nguyễn Viết Sung ngó sững nàng mà lòng đau như cắt, cái bụng không đáy của va ít ai đo được mà cũng ít ai hiểu thấu. Ngồi im lặng một lát rồi bà Phán nói: "Tôi bây giờ chỉ còn có một mình nó mà thôi. Nếu nó không được khỏe mạnh thì tôi không yên lòng, nhờ ông rước giùm thầy thuốc điều trị cho nó".

Kiều Nga thưa nhỏ rằng: "Thưa má, con không đau gì hết, con chỉ mệt sơ mà thôi, xin má chớ phiền đến chú Hương. Con nằm nghỉ chừng vài mươi phút đồng hồ thì sẽ khỏe, không sao đâu má".

Bà Phán cầm tay nàng mà rằng: "Chú Hương cũng thương con lắm, để chú mời thầy cho, kẻo con biết đâu chứng bịnh của con mà nói".

Hương hào Sung cũng tiếp nói: "Cô Ba, cô tưởng vậy là không đau sao? Chứng bịnh bất thường ấy khó trị lắm đa. Để tôi đi mời thầy cho, nếu cô không chịu thầy Việt Nam thì tôi sẽ rước thầy nhà thương".

Kiều Nga nín lặng một hồi rồi nói nhỏ nhỏ rằng: "Chú thương cháu cám ơn, nhưng cháu biết chứng bịnh của cháu lắm. Cháu hiểu thấu trong trái tim của cháu. Cháu không có bịnh gì hết, chỉ cảm động quá mà hóa ra mệt mà thôi... Xin chú về nghỉ." Nàng nói rất dịu dàng, nhưng trong giọng nói ấy có nhiều chỗ làm cho Nguyễn Viết Sung phải chua xót. Nguyễn Viết Sung thấy Kiều Nga có ý ghét mình thì thở dài, nói không ra lời, chỉ ngồi nhìn... Kiều Nga lại thưa với mẹ rằng: "Thưa má đi nghỉ đi, bây giờ con buồn ngủ quá!"

Bà Phán đứng dậy mời Hương hào Sung ra ngoài...

Kiều Nga thấy Hương hào Sung đi rồi thì nói thầm rằng: "Không biết sao mà tôi không thể ưa được cái cách thức ăn ở của tên này! Con mắt chỉ ngó ngang, mà cái miệng của nó hễ nói là giả dối. Vậy sao mà nó ở được lòng nhiều người quá! Nó coi nhà có mấy ngày mà đã bày điều đuổi mất Tám Lọ là đứa làm việc siêng năng mà lại có lòng trung tín. Phải chi có Tám Lọ, ta biểu đi dọ thăm công chuyện của anh Thành Trai cho rõ ràng... Thành Trai ơi, anh hôm nay ngồi trong chốn tù ngục, anh có nghĩ đến tình cảnh của ai không? Anh có giận đời, trách đời chăng? Anh ơi đời ngu dại, trách làm gì, anh bao giờ cũng là anh, ai đổi chí anh được? Anh bao giờ cũng khí khái, cũng can đảm mà sao anh lại vô tình vậy anh! Em có lỗi với anh lắm, vì em cứ nghĩ những chuyện dị kỳ, xin anh chớ chấp em... Mà sao tôi không thể nào quên được kìa! Kiều Nga ơi, mi sắp điên rồi, Trời sắp phạt mi đó! Thôi, hãy chết mà ôm mảnh tình đi theo..."

Nàng không dám khóc lớn, chỉ úp mặt trên gối mà khóc thầm...

Hương hào Sung theo bà Phán ra ngoài, trong lòng bứt rứt khó chịu, muốn săn sóc Kiều Nga theo ý mình mà Kiều Nga lại không nghe... Té ra Kiều Nga có bộ lãnh đạm với mình, không biết rằng

mình vì nó bỏ cả Trời Phật luật pháp. Bà Phán thấy Hương hào Sung có dáng suy nghĩ thì hỏi: "Ông suy nghĩ sự gì đó? Ông đừng giận con Kiều Nga nghe, nó hay nói lôi thôi lắm".

– Không, tôi có giận đâu. Cô Ba còn nhỏ nên cô chưa biết nghĩ kỹ... Tưởng nói chuyện được vậy là không đau, chớ có biết đâu bịnh trong tâm mới thiệt khó trị... À, hồi nãy tôi có gặp một người còn nhỏ ở đây đi ra, không biết lại có việc gì vậy?

– Đó là bạn với rể tôi, mới ở Tây về đến thăm.

– Có nói gì không?

– Có hỏi thăm chuyện con Kiều Tiên, tôi buồn nên nói sơ qua vậy thôi.

– Có phải người ấy đem tin Thành Trai bị giam chăng?

– Phải.

Nguyễn Viết Sung gục gặt đầu, cười cách khó chịu rằng: "Bà nghe làm chi lời của mấy đứa lau chau ấy cho thêm mệt lòng trông đợi. Bọn nó chỉ hay nói miệng mà thôi, chớ làm gì nên thân. Bà coi như Thành Trai đó, chưa gì hết mà đã bị hại, thế thì đủ biết bọn thù của bà ghê gớm lắm".

– Tôi làm gì mà có bọn thù?

– Không thù hiềm gì bà mà biết chừng đâu họ không thù rể bà, hay là con bà. Tôi đã từng trải nhiều, tôi biết nhiều cách báo thù ghê gớm lắm. Chi bằng cứ giả đò im lặng rồi tôi xin tìm kẻ gian cho bà. Tôi thì ít ai nghi, chắc là thành việc hơn bọn nhỏ đó.

– Được vậy thì tốt lắm, mà tôi không muốn cho ông bị nguy hiểm... Ông nói bọn gian ghê gớm lắm, vậy thì ông cũng không nên chống cự với bọn nó làm gì.

– Vậy mà tôi không sợ... Tôi có thế giúp bà, một là trả ơn ông Phán hậu đãi tôi lúc trước, hai là tìm cho ra sự thiệt kẻo bọn gian cứ quen thói hại người... Tôi xin kiếu bà.

Nguyễn Viết Sung ra khỏi nhà, bà Phán dậy đóng cửa rồi vào phòng Kiều Nga, thấy nàng đang úp mặt mà khóc thê thảm. Bà buồn quá; bà vỗ vào vai nàng nhẹ nhẹ mà rằng: "Sao mà con cứ khóc hoài vậy con?"

Kiều Nga ráng ngồi dậy lau nước mắt mà thưa rằng: "Con khóc là vì những chuyện buồn cứ theo báo hại nhà ta mãi. Con buồn quá, không biết làm sao mà cứu anh con ra cho được, con tức tối lắm".

– Con cứ nghỉ đi, đừng khóc lóc nữa, má đã nhờ cậu Minh Đường, bạn của anh rể con lo rồi. Trước sau gì anh con cũng ra khỏi ngục, vì anh con vô tội.

– Con làm nhọc lòng má quá, xin má thứ tội cho con... Má về nghỉ đi kẻo khuya rồi.

– Mà con đừng khóc nữa nghe.

– Dạ... Mà xin má chớ nói một chút gì cho Hương hào Sung biết hết, con nghi lắm má à.

– Sao vậy, con?

– Vì coi bộ Hương hào Sung không thiệt tình. Mỗi khi nói đều có ý dọ hỏi gì đó, nên con nghi quá.

– Con đừng nghi bậy mà, Hương hào Sung từ lúc nào vẫn tử tế với nhà ta lắm, chớ không phải mới bây giờ đâu.

– Mười đời không chắc được má à. Vậy sao mà họ dám nói chị con giết chồng rồi trốn. Chị con không phải là người có đức hạnh sao?

– Ừ, con nói má nghe cũng có lý, thôi má không cho y biết chi hết. Thôi nghỉ đi nghe không con.

– Dạ!

Minh Đường đi ra khỏi nhà bà Phán rồi thì trở về nhà hàng, tính tiền xong, toan lên xe đi Sài Gòn thì vừa thấy ông thân chàng đi với cậu chàng đến...

Chàng vội vàng vái chào, ông Cai tổng nói: "Con đi luông tuồng như thế mà không có một cái thơ về để cho má con lo sợ mà sanh bịnh. Thôi hãy trở về ngay kẻo má con phiền lắm".

Chàng nghe mẹ đau thì thất sắc, cậu chàng là ông Huyện Quí trách rằng: "Cháu đã lớn mà không lo gì việc nhà cửa cả, lại còn đem sự buồn về cho cha mẹ, thiệt là lỗi lắm. Chị có nói với cậu rằng vì cháu tâm sầu nên để cho cháu đi chơi một đôi ngày cho cháu khuây; té ra cha mẹ thương yêu mà cháu lại không nghĩ. Thôi, về

đi kẻo chị hỏi hoài; con Ngọc Liên khuyên giải bao nhiêu cũng không được".

Chàng không biết nói thế nào, phải vâng theo lời cha và cậu mà trở về... Trong lòng thật nặng nề như chất mấy tạ sắt, phần thì lo sợ về bịnh mẹ, phần thì lo sợ về nỗi Thành Trai, phần thì thương nhớ Kiều Tiên, chưa có một điều gì yên cả... Bây giờ về hầu mẹ, phải đợi cho mẹ mạnh lại mới xin phép đi nữa được! Thật lâu lắm, về một giờ chàng coi bằng một năm. Chàng tính thầm mãi, ông Huyện hỏi rằng: "Coi bộ cháu có sự gì không được như ý chăng? Nếu cháu muốn điều gì thì nói thiệt cho cậu biết, cậu sẽ tính cho. Hay là muốn cưới vợ? Cậu tưởng chừng con Huệ con ông Hội đồng đó cũng xứng đáng lắm chớ".

Minh Đường thưa: "Cháu đội ơn cậu. Nhưng không phải cháu buồn về sự vợ con đâu. Cháu chưa muốn cưới vợ mà".

– Vậy thì cháu buồn về sự gì? Thôi ở nhà không làm gì thêm buồn, chi bằng xin đi làm việc cho vui. Coi như mấy ông Bác vật Canh nông bây giờ làm việc nhà nước cũng vinh quang lắm chớ. Người Việt Nam như vậy đã có được bao nhiêu đâu.

– Cậu dạy phải, nhưng cháu chưa muốn sung sướng một mình và hưởng lấy chút quyền lợi một mình trong khi nhiều người khác còn chịu cực khổ, vô học, dốt nát.

– Cháu nói vậy thì khó lắm. Sanh ra ở đời phải có kẻ trên người dưới, kẻ mạnh người yếu, kẻ giàu người nghèo chớ! Cháu học giỏi thì cháu làm lớn, người khác không học thì họ làm nhỏ chớ gì... Nếu cháu muốn cho ai cũng như nhau thì sao được.

– Cháu vẫn biết rằng ở đời người mạnh hơn kẻ yếu là lẽ thường, khi nào cũng thế, nhưng người mạnh không nên khinh kẻ yếu. Mình mạnh thì cũng phải nâng đỡ kẻ yếu cho cũng mạnh như mình mới hay.

Xe đến nhà, Minh Đường lật đật chạy vô thấy mẹ nằm trên giường. Ngọc Liên và cô Huệ ngồi một bên, còn bọn tớ gái đang lăng xăng. Cô Huệ thấy chàng thì đứng dậy chúm chím cười mà chào, chàng chào lại rồi đến bên giường kêu: "Má ơi, con đã về đây".

Bà Cai mặt vàng như nghệ, mở mắt thấy chàng thì thở ra mà rằng: "Má chiêm bao thấy nhiều chuyện ghê gớm nên giựt mình mà

sanh bịnh. Má thấy con dong ruổi trên con đàng đầy cả chông gai. Má thấy chung quanh con đều là yêu ma quỉ quái, rình rập con, toan lòng hãm hại... Con ơi, vì vậy mà má lo sợ cho con quá".

Minh Đường kéo ghế ngồi mà thưa: "Xin má nằm tịnh dưỡng cho khỏe, má đừng nghĩ đến chuyện gì hết. Con đã về đây rồi! Mà dẫu đi đâu cũng không sao?"

Ngọc Liên nói: "Anh cũng biết là vì ngày nào má cũng nói tới anh, lo sợ cho anh nên má sanh bịnh. Em hết sức khuyên giải mà má không bớt chút nào... Vậy thì anh đã dò hỏi ra được chút gì chưa?"

Minh Đường thấy cô Huệ nên nói: "Cũng có tìm ra ít nhiều nhưng công sự còn bề bộn lắm...".

Cô Huệ mỉm cười rằng: "Cậu đi tìm sự đó? Hôm qua tôi có đọc Tribune Indigène thấy có bài nói về chuyện ông cử Trần Thành Trai bị bắt giam ở khám lớn, sự có thiệt không cậu?"

– Thiệt. Đó là bọn thù mong hãm hại Thành Trai nên gởi thơ nặc danh vu cho chàng thông đồng với phái Việt Nam cách mạng ở Tàu.

– Chỉ một cái thơ nặc danh mà bị tống giam vào khám lớn sao? Tôi tưởng không có lẽ.

– Không tưởng được, sự gì cũng có lẽ cả. Một cái thơ há không đủ giết người sao?

Ngọc Liên nói: "Thôi, má đã ngủ rồi, anh đi thay áo đi... Lát nữa qua bên phòng sách sẽ nói chuyện".

Minh Đường lui ra, cô Huệ nói với Ngọc Liên rằng: "Xem diện sắc cậu Hai có bộ lo lắng lắm, mà không biết lo việc gì... À, cô giáo Loan đi từ hồi đó đến nay có tin tức gì không?".

– Không có tin tức gì hết.

– Vậy mà hai chiếc nhẫn mất rồi đã tìm lại được chưa?

Ngọc Liên nghe cô Huệ nhắc lại hai chiếc nhẫn ấy thì không dám ngồi trong phòng bà Cai, nàng kéo cô Huệ qua phòng sách, rồi mới nói: "Trước mặt má em, chị đừng nên nhắc chuyện ấy lại vì má em không muốn nhớ tới nữa. Mà chuyện hai chiếc nhẫn có ăn thua gì với cô giáo đâu!

– Sao lại không ăn thua, dường như là vì vụ mất hai chiếc nhẫn ấy nên cô giáo mới bỏ đi mà.

– Không, chị không biết; cô giáo đi là vì cô giáo muốn đi, dẫu có mất nhẫn hay không, cô cũng đi.

– Em thì nghĩ sao không biết, chớ chị nghi lắm. Nếu cô giáo đi mà có tin tức về thì là chuyện thường, còn bặt tin thì là chuyện lạ. Ông bà thương cô lắm, lẽ nào cô lại không tưởng đến, nhưng vì có sự gì làm cho cô thẹn thùa...

Cô Huệ mới nói đến đó thì Minh Đường đã bước vào... Chàng nghe cô Huệ nói xấu cô giáo Loan thì sắc mặt chàng đổi, tay chơn chàng run, chàng bước đến nói: "Xin cô đừng đổ tiếng cho bất kỳ ai. Má tôi mất của mà còn chưa dám nghi cho ai thay, huống gì cô là người ngoại cuộc".

Cô Huệ ngó chàng trân trân, nước mắt muốn chảy ra, mà hai môi đã tím rịm... Cô nói: "Không phải tôi muốn nói xấu ai, hay là đổ tiếng xấu cho ai, tôi bàn chuyện đời, vì tôi biết cô giáo. Tôi có chơi với cô giáo".

Minh Đường cười: "Có chơi với cô giáo nên cô mới nghi cô giáo há?... Tôi chưa biết cô giáo mà tôi còn chưa nghi cho cổ thay!"

Cô Huệ đứng dậy, bước lại gần Minh Đường mà rằng: "Cậu đừng giấu tôi. Cậu mà không biết cô giáo thì ai biết? Tôi hiểu hết rồi. Tôi biết hết rồi. Vậy chớ lúc xưa cậu nói với tôi thế nào mà bây giờ cậu hờ hững với tôi vậy?"

Ngọc Liên thấy cô Huệ giận, nên bước ra ngoài để cho hai người dễ tranh luận. Minh Đường ngồi trên bàn, bỏ thòng chơn xuống, ngó cô Huệ mà rằng: "Lúc trước tôi nói với cô thế nào, bây giờ tôi quên rồi, cô có nhớ thì nhắc lại cho tôi nghe với. Còn việc biết cô giáo hay không thì không ăn thua gì đến ai cả".

– Phải, có ăn thua gì ai mà ai nói làm gì cho mệt. Tôi tưởng cậu một lòng một dạ kìa, nên tôi mới... Mà thôi, nhắc lại làm gì cho thêm nhiều chuyện, tự ý cậu muốn sao thì muốn, tôi có dám xen vào làm chi.

– Tôi muốn cô nhắc lại câu nói của tôi lúc xưa, vì tôi đã quên rồi. Có lẽ tôi có nói gì đó nên bây giờ cô mới trách tôi được, vậy thì tôi nói làm sao?

– Tôi không muốn nhắc lại nữa. Cậu đã muốn quên thì cứ quên, lẽ đời thường như vậy, có lạ gì mà phải nói nữa.

Cô xoay lưng lại cười gằn rằng: "Người anh hùng, người kiến thức đối với một người con gái, cũng còn sai ngoa, huống gì với sự khác. Nói đó rồi quên đó, lại còn binh vực người khác mà mắng mình!"

Minh Đường đứng xuống, bước lại trước mặt cô Huệ, nói cách đúng đắn rằng: "Cô trách móc tôi như thế thiệt là lạ lùng quá. Tôi có hứa gì với cô đâu mà cô nói vậy? Từ lúc nào tôi vẫn coi cô như em trong nhà, tôi thân thiết với cô cũng chỉ vì chừng ấy mà thôi, sao cô lại nói tôi sai ngoa? Cô cứ nhắc lại những câu nói của tôi coi thử có điều gì đáng trách hay không?"

Cô Huệ cười cách cay đắng rằng: "Tôi không muốn nhắc lại, tôi muốn quên hết, quên hết cho rồi. Tôi quên mà để cho cậu được sung sướng, tôi quên mà để cho cậu được tiếng phải thì cũng nên lắm! Miễn cho cậu sướng thì được, chớ còn tôi là con gái, thế nào cũng xong".

Chàng nghe những lời nói chua cay ấy thì chàng tức lắm mà lại càng lấy làm lạ hơn nữa. Chàng ráng nhớ lại coi trước có nói một hai lời gì với cô không, nhưng không sao nhớ lại được... Có lẽ một đôi khi nói vô tình mà người hữu ý lại ghi nhớ trong lòng chăng? Chàng năn nỉ với cô Huệ rằng: "Cô làm ơn nhắc lại cho tôi biết, hoặc là có lúc tôi nói tự nhiên mà hóa ra hữu ý chăng. Nếu cô không nhắc lại thì cô có trách tôi bao nhiêu đi nữa cũng vô ích mà, vì tôi không hiểu gì hết".

Cô Huệ cười mà rằng: "Té ra cậu quên thiệt sao? Nếu quên thì tôi nhắc lại cho cậu nhớ; nhắc cho cậu nhớ chơi thôi, chớ không phải là nhắc mà mong gì đâu... Mấy năm trước, hồi cậu còn học trường Chasseloup, cậu về nghỉ Tết, gặp tôi đứng bên đàng coi họ bẫy chim, cậu chào tôi và nói chuyện với tôi. Tình thân mật đã có từ bao giờ rồi nên cậu nói ra ý thiệt lắm. Cậu nói: "Không biết sao mà mấy nay tôi ở trên trường tôi nhớ em quá, đến nỗi ngủ không được. Tôi mong mau mau đến lễ mà về nói chuyện với em... Lúc này em đã gần thi rồi phải không? Học ráng cho đậu rồi lên Nữ học

đường, chắc là gặp tôi...! Có lẽ không bao giờ tôi quên được lúc còn chạy bắt bươm bướm với em. Đầm ấm thay cho lúc còn nhỏ... Mà không biết ngày sau ra thế nào?... Có lẽ mấy câu nói này không phải của cậu mà tôi đã bịa đặt ra!"

Cô nói rồi cười, cười một cách rất đau đớn... Minh Đường nhớ lại thì có nhiều khi nói câu ấy lắm, mà nói một cách tự nhiên, chớ không có ý gì khác cả. Chàng chơi bời thân mật với cô Huệ từ lúc còn sáu bảy tuổi; chàng vẫn xem cô như em, nên hay nói chuyện thiệt, té ra cô thì đã có ý cùng chàng lâu rồi. Chàng thở ra mà rằng: "Cô đừng gay gắt làm gì, điều đó thật là cô nghĩ lầm. Tôi nói vậy là vì tình thiệt mà nói, chớ không có ý gì riêng cả. Cô thử nhớ lại biết bao nhiêu lần gặp cô, mà lần nào tôi cũng nói rằng không biết bao giờ được cái cảnh như lúc xưa, lúc còn chạy đồng này qua đồng nọ, bẻ bông bắt bướm cùng nhau. Tôi muốn gợi lại những cái cảnh êm đềm ấy, vì là trong đời người chỉ có một lúc vậy mà thôi. Tôi đối với cô có gì là sai ngoa đâu? Lúc trước tôi xem cô như em, bây giờ tôi cũng thương cô như em vậy, có khi nào tôi thay đổi đâu mà cô trách tôi nhiều lời, làm cho tôi phải buồn trong bụng... Nếu quả là cô có thương tôi thiệt tình đi nữa, tôi cũng không tội lỗi gì, vì tôi không biết. Tôi tưởng là cô thương như một người bạn, một người anh mà thôi. Từ lúc nào tôi vẫn không nghĩ gì khác".

Cô Huệ sững sờ ngồi xuống ghế ôm mặt mà khóc, không nói gì nữa... Minh Đường kiếm lời khuyên rằng: "Cô phải xét rằng tôi không bao giờ muốn làm cho ai đau đớn, sự này là tại cô. Cô chỉ hiểu lầm câu nói của tôi mà chuốc lấy sự sầu não. Vậy xin cô đừng khóc làm chi, và cứ tưởng như không có sự gì hết thì hơn".

Chàng tuy nói vậy chớ thấy cô Huệ khóc lóc thì cũng động lòng, nên đứng nhìn mà nhớ đến bạn xưa... Cô Huệ ngó mặt chàng mà rằng: "Nếu quả vậy thì tôi không còn trông mong gì nữa sao? Quả là cậu không có chút gì đoái tưởng đến tôi sao?"

Minh Đường vừa muốn trả lời thì thấy Ngọc Liên chạy vào kêu. Chàng bước ra ngoài... Ngọc Liên thấy cô Huệ khóc thì ngó sững một hồi, giây lâu mới hỏi rằng: "Sao mà chị khóc đó? Có chuyện gì không? Em muốn để cho chị nói chuyện nên em qua hầu má em, em không nghe gì hết. Thôi chị qua phòng em mà nghỉ".

Cô Huệ lau nước mắt, mà có bộ e lệ thẹn thùa, biết rằng cử chỉ của mình kỳ khôi lắm nên không muốn ở lại... Nhưng đêm đã khuya, đành phải qua phòng Ngọc Liên, ngủ với Ngọc Liên. Ngọc Liên thấy cô Huệ không muốn nói vì sao mà khóc thì nàng cũng không hỏi, nhưng nàng thông minh lắm, nàng đã hiểu hết rồi. Cô Huệ chống tay vào gò má nhìn bức tranh của cô giáo Loan thêu lúc trước mà đau đớn trong lòng... Đêm đã khuya, ngoài tiếng dế kêu ri rỉ, cô ngồi cô nghĩ mà cô ngơ ngẩn bồi hồi. Từ mấy lâu nay cô một lòng với Minh Đường, cô thương yêu Minh Đường cho đến nỗi thấy Minh Đường nói chuyện với ai cô cũng ghét người ấy, cô chỉ muốn cho Minh Đường đừng tưởng sự khác hơn là tưởng cô. Hễ cô thấy Minh Đường ngồi một mình, ngó mây bay gió thổi thì cô cho ngay là ngồi trông ngóng cô... Thế mà lúc còn cô giáo Loan, cô đã có một lần tức giận vì cô thấy mảnh giấy của Minh Đường để trong một quyển sách kia. Hôm nay Minh Đường lại tỏ thiệt cho cô biết tấm lòng của Minh Đường thì có khác nào như cô ở trên chót núi mà té xuống vậy. Cô thấy nét thêu rất tinh thần của cô giáo thì cô lại mơ màng thấy hình dạng cô giáo, nên cô lại càng bứt rứt xốn xang... Cô nằm xuống muốn ngủ, mà nhắm mắt thì thấy Minh Đường đứng dựa bên ghế xem cô giáo thêu, cô vùng ngồi dậy, mở cửa sổ mà ngó ra ngoài vườn.

Ngọc Liên cũng không ngủ vì hay chạy ra thăm chừng coi thử mẹ có yên giấc chăng, nên mỗi cử chỉ của cô Huệ nàng đều thấy rõ cả... Nàng biết cô Huệ quá thương Minh Đường, biết bất kỳ làm sự gì mà mua được lòng Minh Đường thì cô cũng dám làm cả; biết Minh Đường không thương cô Huệ nên nàng không dám xen vào khuyên giải gì hết...

Minh Đường lúc đang bị cô Huệ trách, nghe Ngọc Liên kêu thì nhẹ nhàng trong mình vì tránh khỏi được sự khó chịu. Chàng vào thì bà Cai hỏi: "Con Huệ nói gì với con đó?"

– Thưa má, không nói gì hết.

– Dường như nó có nói chuyện cô giáo Loan thì phải.

– Dạ có.

– Con đừng nghe nó. Giáo Loan bao giờ cũng là con gái thương của má, má không hề trách phiền nó sự gì.

Minh Đường mừng quá thưa rằng: "Má thật là một bà mẹ hiền, mà lại là một người đàn bà ít có. Má xét người trúng lắm".

Bà Cai mỉm cười mà rằng: "Má biết hết. Từ khi con Lý nhìn tuồng chữ của nó, thuật chuyện con gặp nó dưới tàu, thuật chuyện khi đi coi chớp bóng cho đến khi đọc nhựt trình thấy biến cố ở nhà nó mà tấm thân nó phải lưu lạc, rồi tìm tới đây mà nương náu thì má khóc hết nước mắt. Má muốn đi thăm bà Phán nhưng má sợ sanh ra nhiều chuyện, vì việc ấy chưa êm. Vì vậy mà má càng thương nó. Khi sau má có cậy bà Hương sư Được qua bên bà Phủ Lượng hỏi thăm nó thì té ra nó lại đi đâu mất rồi... Từ ấy nhẫn nay má buồn quá! Thôi con cũng không nên thương nhớ lắm, trước sau gì rồi cũng gặp".

Minh Đường nghe mẹ dạy hết nguồn cơn, thì mừng lắm mà thưa: "Nếu vậy thì khi nàng qua ở bên nhà bà Phủ Lượng má cũng có biết, vậy sao má không cho kiếm về?".

– Kiếm về sao được con? Con Lý về ở đây trót tháng nếu con Lý thấy, rủi có sanh ra sự gì thì má biết làm sao trả lời với con hôm nay. Nó khôn ngoan dè dặt lắm, dẫu có đi đâu cũng không sợ. Vậy mấy bữa rày con đi đâu?

– Thưa, con đi tìm những đứa gian đã giết bạn học con là Thuần Phong, để rửa nhục cho người thương của con.

– Con tìm đã ra chưa?

– Đã gần ra rồi, nhưng còn phải góp nhóp chứng cớ cho đủ rồi sẽ đem đứa gian ra tòa.

– Nếu được vậy thì má vui lắm, thôi để ít bữa nữa má khá rồi con sẽ đi... Lúc này má muốn cho con ở nhà với má. Bây giờ con đã chắc con giáo Loan còn sống thì con đừng có buồn nữa.

– Thưa má, con không dám trái ý má.

– Thôi, con ra nghỉ đi...

Minh Đường dạ, rồi thẳng qua phòng sách không thấy cô Huệ nữa, chàng liền lấy giấy mực viết thơ cho Minh Châu:

"Ông Minh Châu,

Thật là một sự không định trước được! "Hôm nay tôi về nhà bà Phán Trần, hỏi thăm công việc rất đích xác, có thể chứng chắc

"rằng kẻ gian tế đã mưu hại Thuần Phong mà làm cho Kiều Tiên phải bị tình nghi là giết chồng. Cái mưu kế ấy sắp đặt đã mười tám năm nay rồi! Kẻ gian ấy tôi đã tìm ra, chỉ còn đợi góp nhóp tất cả các bằng cớ để đem nó ra tòa mà thôi. Tôi muốn trở về thương nghị với ông, nhưng lại được tin má tôi đau nặng, tôi phải về nhà. Vậy thì xin ông ráng lo vụ ông Thành Trai, ngày nào có việc gì lạ ông báo tin cho tôi biết với. Nếu Thành Trai ra thì có lẽ việc nầy mau xong lắm. Tôi dọ được sự Kiều Tiên còn sống nhưng chưa biết thất lạc vào đâu. Thôi, xin chúc ông mạnh.

TẠ MINH ĐƯỜNG
Cầu Ngang"

Từ khi Thành Trai về Sài Gòn rồi thì Nguyệt Thanh cứ tưởng tượng cái cảnh êm đềm của nàng lúc xưa. Nàng nhớ đến Minh Đường thì thở ra mà nói thầm rằng: "Không biết ngày nay chàng ra thế nào? Có lẽ chàng đã quên ta rồi. Chàng có khinh khi ta là đứa gái vô liêm sỉ chăng? Không, có lẽ nào như thế. Chàng đã biết rõ ta là người biết trọng danh dự, bao giờ ta lại làm điều bất chánh ấy? Mà biết làm sao cho gặp được chàng bây giờ? Ôi! Năm năm nay tấm thân lưu lạc nầy còn được chút trong sạch là nhờ lòng Trời xót thương. Không biết em Ngọc Liên, em Tuyết, em Kiều Nga bây giờ ra sao? Ba em cũng gần đồng tuổi nhau. Ba em có nhớ tưởng gì đến ta chăng? Ta đã làm cho Thiện Tâm phải mờ tối, mà ta chưa làm cho nó đau đớn, ta quyết chưa thôi. Trước sau gì rồi nó cũng phải hóa ra một trò cười mới được. Thôi, bây giờ ta phải về Sài Gòn".

Nàng nghĩ như thế nên nói với Thiện Tâm rằng: "Thôi mai ta hãy về Sài Gòn, ở đây lâu buồn lắm".

Thiện Tâm mấy hôm nay buồn dã dượi, nay nghe được về thì mừng lắm, cười rằng: "Tôi cũng muốn về nhưng chỉ vì còn đợi em nữa mà thôi. Tôi có bao giờ muốn ở nơi mã loạn này đâu. Về Sài Gòn thì khác gì cá thả về nước, chim bay về trời".

Sáng hôm sau Thiện Tâm và Nguyệt Thanh cùng lên xe mà về... Nguyệt Thanh chưa biết chút gì về sự Thành Trai bị tống giam cả. Nàng chỉ mong có dịp thì lại hỏi thử chàng đã dọ ra được chút gì chưa...

Ở Sài Gòn thì Kiều Tiên đã có nhà tại đường Mac-Ma-hon; cái nhà chính tay Thiện Tâm mua cho nàng khi nàng hứa nhận lời Thiện Tâm. Nhà ấy có hai từng, chia ra phòng tiếp khách, phòng ngủ, phòng ăn rất phân biệt. Trước mặt nhà thì là một cái sân nhỏ đổ sạn, có một cái bồn bông rất đẹp và vài chục chậu kiểng rất xinh. Sau nhà thì là một cái vườn cây, mát mẻ lạ lùng... Cỏ trồng như nệm, dưới gốc cây đều để ghế dài. Sở nhà ấy vốn của một ông Trạng sư về Tây bán lại, giá sáu chục ngàn đồng. Nàng có ba người đầy tớ, một trai hai gái, nhưng nàng chỉ tin cậy có hai người còn một người đàn bà gần bốn mươi tuổi tên là Thị Lục thì nàng ít khi dùng đến. Thị Lục vốn trước ở nấu ăn cho Thiện Tâm sau theo lời Thiện Tâm qua ở với nàng... Nguyên vì Thiện Tâm được thấy nàng vài lần ở nhà Tuyết Sĩ, lại được đọc thơ nàng trong báo Nông Cổ nên mơ tưởng mãi mà sanh bịnh... nhờ Tuyết Sĩ nói giùm mấy lời mới được, nhưng nào có phải Nguyệt Thanh thương yêu gì đâu. Nàng vẫn có lòng khinh bỉ, lại muốn báo thù vì sự chàng vô lễ với nàng và hiếp bức nàng lúc trước nên nàng ừ, là có ý dùng Thiện Tâm làm món lợi khí cho nàng. Thiện Tâm thấy nàng chịu thì mừng lắm, xuất ngay sáu chục ngàn đồng ra mua sở nhà ấy, lại dâng vài mươi ngàn để nàng chi dụng. Chẳng những tốn bấy nhiêu đó mà thôi, Thiện Tâm lại còn sắm cho nàng nhiều món nữ trang rất trọng giá... Cậu chỉ muốn cho tất cả mọi người đều khen rằng cậu có một người bạn gái đẹp nhứt. Thế mà Nguyệt Thanh ít khi chưng diện, ít khi muốn đi đâu đã gần một năm nay, nàng cho người dọ khắp các nơi để truy cứu việc nàng... nhưng chưa ra mối nào hết. Nàng buồn bực lắm. Thiện Tâm thường khẩn cầu nàng, xin nàng chịu ừ một tiếng làm vợ thiệt thọ của cậu thì cậu sẽ đem cả gia tài, cả tên tuổi mà trao cho nàng... Nàng đã không ừ mà lại nói rằng: "Lúc trước em đã nói với ông rằng bao giờ em được yên vui bấy giờ em sẽ xử với ông một cách đặc biệt, nhưng em thường nói rằng nếu ông muốn sự trăm năm với em thì trước hết ông phải ở cho xứng đáng. Xin ông cứ đợi... Bây giờ em cũng thuộc về ông rồi, còn cầu gì nữa?"

Thiện Tâm không bao giờ dám trái ý nàng, nên phải cắn răng mà chịu...

Nguyệt Thanh về nhà được hai ngày thì nghe tin rằng Thành Trai bị giam vô khám. Nàng khóc lóc thảm thiết, trọn ngày không

bước ra khỏi phòng. Thị Lục thấy thế thì lật đật tin cho Thiện Tâm hay. Thiện Tâm đến xin lên khuyên giải, nhưng nàng biểu Thị Lục xuống nói rằng nàng mệt mỏi trong mình nên không thể tiếp được. Thiện Tâm mặt buồn xo, ngồi phịch xuống ghế thở ra mà rằng: "Ta đã tốn hao bao nhiêu tâm lực mà không được việc gì... Buồn quá!"

Thị Lục là một người đàn bà rất lanh lợi, rất miệng lưỡi, xưa nay thường nhổ râu ông này cặm cằm người kia, lại thêm có tánh tham tiền cũng như gà ham lúa. Thị Lục tuy ở gần Nguyệt Thanh nhưng ngoài những việc cần dùng trong nhà thì không làm thế nào mà dọ được tâm sự nàng. Thị Lục thấy Thiện Tâm ngồi bứt rứt thì thưa nhỏ rằng: "Cậu buồn lắm sao mà muốn khóc nữa đó? Dễ lắm mà tính không được sao?"

Thiện Tâm ngó Thị Lục và hỏi: "Tính gì mà dễ?"

– Tính sao cho cô thương cậu chớ tính gì!

– Khó lắm. Khó lắm. Không biết nàng ra làm sao, thương hay không cũng ít ai hiểu được. Mà tôi coi dường như không thương tôi, nếu không thương tôi thì phải có thương một người nào chớ, chị có biết không?

– Nếu tôi biết thì còn nói gì nữa, chỉ vì tôi không biết gì hết nên tôi cứ dọ mãi mà không được. Mà tôi cũng không hề thấy có ai đến đây, một đôi khi có ông Tuyết Sĩ, nhưng ông này cũng không phải là người cô tôi thương đâu.

– Nếu không thương ai hết thì sao lại như thế? Nếu chị mà giúp tôi nên việc thì tôi sẽ thưởng cho xứng đáng.

– Tôi cũng biết như vậy nhưng mà tìm không ra cách gì... à, chỉ có một cách... Mà cũng khó lắm.

– Cách gì mà lại khó lắm.

– Tôi suy nghĩ hết sức mới tìm ra được một chước này... Cậu nghĩ thử coi, mấy lâu nay cậu giữ câu thanh bạch mà không được gì, bây giờ cậu nên làm liều một lần... hễ đàn bà con gái mà chữ trinh mất rồi thì còn giữ gì nữa, tất phải chịu theo cậu... Cậu có thuốc mê không?

– Ừ, chị nói phải đó... để tôi đưa cho chị một chai thuốc mê, chỉ nhỏ vào trong cà phê hay là nước trà vài giọt thì nàng mê liền. Mà phải làm sao?

– Chiều nay cậu lại mời cho được cô tôi đi coi chớp bóng, để tôi ở nhà giấu cái chìa khóa cửa đi, hễ trong nhà tắt đèn, thì cậu cứ vào... thế là xong, sáng lại có biết ra nữa thì cũng đã rồi.

Thiện Tâm mừng lắm, cho Thị Lục một tờ giấy hai chục, cười rằng: "Trăm việc nhờ chị, hễ xong thì tôi sẽ thưởng nhiều... Cẩn thận nghe!..."

Nguyên Nguyệt Thanh có lòng nghi ngại Thị Lục nên nàng có nuôi hai người rất tin cậy mà bề ngoài nàng vẫn giả đò bạc đãi. Hai người ấy chính là hai người mà nàng đã mang ơn trong lúc nàng mới bắt đầu xông pha gió bụi... Hai người ấy là Hai Dần và Ba Hoa. Cả hai đều kín đáo và trung tín lắm, lại thương Nguyệt Thanh vô cùng. Mỗi khi nàng buồn thì hai người đều chẳng vui, thường thường than thở với nhau mãi. Thường khi Nguyệt Thanh gần đi ngủ thì Ba Hoa pha cho nàng một chén nước trà Long Tĩnh và một ít sữa... Thị Lục thấy thế nên muốn dùng dịp ấy để giúp tay trong cho Thiện Tâm. Cũng may khi hai người đang sắp đặt mưu kế với nhau thì Ba Hoa trông thấy. Tuy chẳng nghe được tiếng nào nhưng đoán chắc là có điều gì ám muội nên Ba Hoa chạy thẳng lên lầu thưa với Nguyệt Thanh rằng: "Thưa cô, tôi thấy Thị Lục to nhỏ gì với ông Thiện Tâm mà coi bộ kín đáo lắm".

Nguyệt Thanh vốn là người thông minh nên nghe qua thì đã đoán ra rồi; nàng vùng ngồi dậy cầm tay Ba Hoa mà rằng: "Cô cám ơn em lắm. Vậy thì em nên coi chừng nó, và nói với anh Hai phải cẩn thận; hễ thấy sự gì lạ thì mau mau cho cô biết. Nếu tối mai Thị Lục có biểu em để cho nó hầu trà khuya thì em cứ để cho nó hầu. Em giả ngủ đi, để mặc cô".

Ba Hoa vâng lời... Chiều mai lại Thiện Tâm đến... Thị Lục bước ra mở cửa thì Thiện Tâm đưa cho một cái chai nho nhỏ; Thị Lục lanh lắm tiếp lấy bỏ vào túi áo liền. Thiện Tâm nói: "Hãy lên thưa với cô rằng có ta đến".

Thị Lục lên báo tin, Nguyệt Thanh biểu mời lên. Thiện Tâm mừng lắm, bước từ hai nấc thang, lên đến nơi thì thấy Nguyệt Thanh ngồi trên một cái ghế mây lớn mặc áo nhiễu trắng, quần cẩm nhung trắng, hai tai chỉ đeo hai cái trầm mà thôi. Tuy là không trang sức lắm mà nước da ngổng, cặp mắt sao, xinh đẹp lạ thường làm cho

Thiện Tâm rung động tâm thần. Nguyệt Thanh chỉ cái ghế trước mặt mời ngồi mà rằng: "Hôm qua ông đến mà em mỏi mệt quá nên tiếp chẳng đặng xin ông miễn chấp. Vậy mấy hôm nay ông có đi chơi đâu không?".

Thiện Tâm nói: "Có đi chơi một hai chỗ nhưng không có em thì tôi cũng không muốn đi đâu cả... Tôi có gặp ông Tuyết Sĩ tại nhà hàng Cửu Long. Ổng có nói với tôi rằng ông Thành Trai mà mình gặp ở Ba Ngòi hôm trước đó đã bị họ vu oan mà phải vào khám lớn rồi. Ông kêu oan cho nhiều lắm, báo Vérité cũng vậy; mà chưa thấy tòa xử thế nào, tội nghiệp quá! Hôm nay em đã khỏe chưa?

Nguyệt Thanh thở ra mà rằng: "Sự oan ức ở đời biết đâu mà nói cho hết được. Sao ông không tìm coi có cách gì cứu cho ổng kẻo tội nghiệp. Em bữa nay khá hơn hôm qua nhiều".

Thiện Tâm cố nhắc đến Thành Trai là để dọ xem tình ý Nguyệt Thanh ra thế nào, nay thấy nàng biến sắc thì chắc là nàng có chút tình riêng gì với Thành Trai rồi. Chàng bỗng chốc muốn điên, trong lòng nóng như lửa đốt, nhưng ráng hết sức mà dằn lại rồi mỉm cười: "Tôi cũng muốn ráng cứu Thành Trai ra khỏi khám nhưng khốn khổ quá, tôi chưa hiểu vì có gì mà bị tống giam... Thôi, để thủng thẳng rồi sẽ hay. Bây giờ tôi chỉ xin hỏi em một điều này...".

– Ông muốn hỏi chi thì cứ hỏi đi.

Thiện Tâm toan nói mà miệng lại run phải cúi đầu xuống một lúc rồi mới gượng gạo hỏi: "Em có thương tôi chút nào chăng?"

Nguyệt Thanh nghe câu hỏi ấy thì nhíu hai chơn mày thở ra rất dài, nói nhỏ nhẹ mà êm ái rằng: "Lúc nào, hồi nào ông cũng chỉ hỏi em có bấy nhiêu lời... Em trả lời sao được! Em đã thưa với ông lúc ông mới biết em, rằng em *chưa có thể* thương ai được. Trong lòng em còn nặng như đá, nếu ông quả thương em thì tự ý ông chớ em chưa biết trả lời làm sao. Em xin ông chờ em, chờ đến một ngày kia em yên được nỗi lòng rồi bấy giờ em sẽ nói cho ông biết sự em có thương ông hay là không thương. *Ông đã nói rằng ông không cần gì cả, miễn là ông được gặp em luôn thì ông cũng đủ thỏa lòng... Ông muốn được làm bạn với em trong câu chuyện cũng đủ*. Thế sao cách năm ba ngày ông lại hỏi em có thương hay không. Em thưa thiệt rằng nếu ông không nhớ lời thì em xin trả lại tất cả những đồ

nữ trang ông đã mua cho em, rồi em đi nhà trắng kẻo mỗi khi nghe ông hỏi thì em đau đớn lòng quá".

Thiện Tâm nghe nàng nói như thế thì biến sắc, chưa kịp an ủi, nàng đã đứng dậy mở tủ ôm một cái tráp cẩn lớn để trên bàn mà rằng: "Đó là tất cả các món ông mua cho em đều ở trong cái tráp này. Cái giấy nhà cũng vậy, em xin trả hết lại cho ông".

Thiện Tâm vội vàng bưng cái tráp ấy để vào tủ rồi an ủi rằng: "Em phải nên hiểu tấm lòng tôi mà thứ lỗi cho tôi. Chính vì tôi quá thương em mà không bao giờ là tôi không nghĩ đến em. Có em thì tôi vui, không em thì cái đời tôi còn có thú vị gì nữa! Em nỡ nào mà nhơn một câu hỏi xuất tự thành tâm của tôi mà toan xô tôi xuống địa ngục sao? Cái món đồ này tôi đã tặng em thì tức là của em rồi, em không cần phải áy náy gì cả. Đừng nói của cải, em muốn cần dùng đến tánh mạng của tôi, tôi cũng xin dâng hết cho em... Gần một năm nay, tôi những cầu nguyện cho em bỏ sự buồn bực mà đoái tưởng đến cái tình tôi một chút, té ra cầu nguyện bao nhiêu cũng không hiệu quả gì cả... Thôi, xin em đừng giận mà tội nghiệp cho tôi".

Nguyệt Thanh ngồi lại, dùng lời rất ôn tồn mà rằng: "– Em cũng xin ông tha lỗi cho em vì em nghiêm khắc với ông có khi thái quá, nhưng nay em dường như cái cây khô đang đợi mưa, ông đã không chịu tưới nước cho, lại còn đổ thêm lửa vào thì em chịu làm sao được? Em xin ông biết cho rằng hiện giờ em không thể thương ai được, em phải đợi một ngày nào mà em trị tội được đứa làm cho em khổ sở như vầy thì ngày ấy em mới có thể trả lời ông hẳn hòi được. Ông cứ yên tâm như vậy".

Thiện Tâm thấy nàng bớt giận thì mừng lắm, an ủi rằng: "Tôi xin vâng theo lời em, dẫu em sai tôi vào nơi lửa đỏ tôi cũng chẳng dám từ nan, tôi vẫn ước mong mãi cái ngày em hồi tâm mà thương tôi... Thôi, em hãy đi xem chớp bóng cho vui".

– Ông có đi không?

– Đi chớ sao lại không. Tôi muốn em đi chơi chút đỉnh cho bớt buồn.

– Nếu vậy thì để dùng cơm rồi sẽ đi.

– Không cần gì, hôm nay vào Chợ Lớn ăn cơm Tàu một bữa chơi.

Nguyệt Thanh dòm ý Thiện Tâm thấy bộ mừng rỡ lắm, thì hiểu rằng sẽ có sự gì, nhưng nàng vẫn không lo sợ... Nàng không thay đổi gì hết, chỉ choàng thêm một cái áo nhung mà thôi...

Khuya mười một giờ về, nàng giả bộ hỏi: "Bây giờ ông muốn ở lại đây không?"

Thiện Tâm đáp một cách mau mắn rằng: "Nếu em cho phép thì may cho tôi lắm".

Nguyệt Thanh mỉm cười: "Thôi, em tưởng ông nên về nhà mà nghỉ thì tốt hơn".

Thiện Tâm cũng mỉm cười, bắt tay nàng rồi giả bộ ra về... Nguyệt Thanh lên lầu kêu Ba Hoa thì thấy Thị Lục chạy lên thưa rằng: "Con Hoa nó ngủ rồi, cô có cần dùng chi thì đã có tôi".

Nguyệt Thanh gật đầu mà rằng: "Chị rót một chén nước trà pha vào một ít sữa cho tôi. Để tôi vào rửa mặt rồi ra tôi uống".

Nàng bước vào phòng tắm, đứng ngó vào trong tấm kiếng dựng thì thấy Thị Lục mở nút một cái ve, nhỏ vào chén nước vài ba giọt rồi giấu vào trong túi áo... Nàng giả đò không biết gì hết, bước ra nói với Thị Lục rằng: "Bình thường tôi hay thương những người trung hậu, dẫu cho tốn kém với họ bao nhiêu tôi cũng không tiếc. Tôi thấy chị thật thà nên tôi tin cậy lắm".

Thị Lục tưởng nàng nói thiệt nên thưa: "Cô dạy phải lắm, hễ ai trung thành với chủ thì bao giờ cũng được chủ thương. Tôi ở với ai cũng hết lòng, chẳng bao giờ dám sai bổn phận".

Nguyệt Thanh bưng chén nước trà, nhấm một chút rồi lại cầm nơi tay mà rằng: "Chị hãy rót một chén hòa với sữa mà uống cho khỏe, bữa nay chị thức khuya quá... Con Ba khi nào cũng uống với tôi hoài".

Thị Lục cám ơn rồi rót một chén hòa với sữa toan cầm đưa lên miệng uống, nàng lại nói: "Chị chạy xuống lấy cho tôi cái muỗng cà phê".

Thị Lục không ngờ lật đật chạy đi thì Nguyệt Thanh tráo chén nước trà của nàng mà cầm lấy chén của Thị Lục. Thị Lục cầm muỗng lên coi bộ hớn hở lắm. Nguyệt Thanh lấy muỗng khuấy sữa rồi uống... Thị Lục cũng uống một hơi hết chén nước trà... Nguyệt Thanh giả

đò mệt, để tay lên trán bước vào khép cửa lại. Thị Lục mừng quá nói thầm rằng: "Thôi, để coi bữa nay còn giữ được không! Chắc cậu ta *khoái chí tử*".

Thị Lục dọn dẹp, bước về mới tới giường thì đầu nặng như đá, không kịp cởi áo ngoài, nằm vật xuống ngủ mê man như chết.

Thiện Tâm đợi đến hai giờ thấy đèn tắt hết thì mừng lắm, lần lên lấy chìa khóa mở cửa bước vào. Trong ngoài im lặng như tờ, cậu tuy hồi hộp mà mừng quýnh, lại mở cửa phòng Nguyệt Thanh thì thấy tối mò. Cậu nghĩ rằng Nguyệt Thanh mê man rồi nên cũng không cần gì phải e dè lắm, cứ bước thẳng lại giường... Rờ đụng cái gối dài, mùi nước bông bay thơm ngào ngạt, cậu toan bước lên thì bỗng nhiên đèn sáng trưng lên cả. Cậu giựt mình bước trở ra vừa thấy Nguyệt Thanh đứng trước mặt, ngó cậu một cách rất khinh bỉ. Thiện Tâm thấy tiên nữ sắp cầm lưỡi sấm sét đánh cậu mà cậu không biết tránh ngõ nào, nên đành phải đánh liều năn nỉ rằng: "Xin em tha lỗi cho tôi một lần này".

Nguyệt Thanh hỏi: "Vậy chớ ông đi đâu đó? Sao không kêu cửa mà lại đi liều vào như thế, rủi bọn tôi tớ nó lầm, tưởng là ăn trộm thì sao?"

Thiện Tâm thẹn đỏ mặt, cúi đầu xuống không biết nói sao... Nguyệt Thanh cười gằn mà rằng: "Người xứng đáng thì không bao giờ làm sự ám muội như thế. Em đã xin ông ráng giữ cho xứng đáng mà ông quên hoài". Thiện Tâm cực chẳng đã phải nói: "Chỉ vì trong một lúc điên cuồng nên tôi...". Nàng không để nói hết, nàng chận lại mà rằng: "Phải, chỉ vì trong một lúc điên cuồng nên ông mới biểu Thị Lục bỏ thuốc mê vào sữa để nhân dịp ấy ông phá hư cái thân của em phải chăng?"

Thiện Tâm đứng không muốn vững, ngó nàng dường như muốn hỏi tại sao mà nàng biết, thì nàng nói: "Ông lấy làm lạ phải không? Có lạ gì sự đó, Thị Lục chỉ sơ ý một chút mà thôi, vì vậy mà Thị Lục đã ngủ thế cho em rồi. Thôi, em cũng không chấp ông làm gì. Em tha lỗi cho ông đó, mà em cũng không nói với ai đâu. Xin ông cứ yên lòng trở về, mà từ rày sắp sau đừng có như thế nữa".

Thiện Tâm mừng quá, chạy lại toan cầm tay nàng, nàng giựt tay ra mà rằng: "Tuy là em tha lỗi cho ông lần này, nhưng ông đừng

vội cầm tay em... Để một hai ngày nữa cho nguôi ngoai câu chuyện đêm nay đã, rồi sẽ hay, thôi ông về đi, em mệt quá".

Thiện Tâm không dám năn nỉ nữa, chào nàng rồi lui cui đi... Nàng đưa xuống rồi vào khóa cửa lại... Hai Dần và Ba Hoa trong phòng tắm bước ra cười ngất nga ngất nghéo... Ba Hoa nói: "Bữa nay cậu về cậu tức mình lắm, cô gạt Thị Lục hay quá!"

Nguyệt Thanh thở ra mà rằng: "Trời Phật không nỡ để cho cô phải dơ bẩn tấm thân nên mới cho cô chút thông minh ấy... Mà muôn sự đều nhờ anh Hai và em... Cô không lo gì hết".

Hai Dần thưa: "Từ rày cô cũng nên cẩn thận kẻo tôi sợ cậu ta dở ngón khác thì khó lòng lắm. Cậu ta làm tới nước này là cậu ta đã một liều hai liều rồi, cậu không còn kể gì nữa".

Nguyệt Thanh gật đầu: "Tôi biết giữ lắm chớ không thì đã bị nhiều lần rồi... Tuy vậy mà cũng là nhờ có Trời Phật cả".

Thiện Tâm về đến nhà tức tối buồn bực nằm không yên giấc... Cũng muốn quên phứt Nguyệt Thanh cho khỏi những sự khinh bỉ mỉa mai, nhưng không thế nào quên được! Dẫu làm sao đi nữa cũng không thế nào mà xa nàng được. Càng thương bao nhiêu lại càng tức tối bấy nhiêu, quyết ý là nàng có thương một người nào khác, nên mới hờ hững mình như thế. Ai là người thương của nàng? Có phải Thành Trai không? Quả Thành Trai rồi. Không còn ngờ vực gì nữa! Càng nghĩ đến sự ấy bao nhiêu, lại càng tức tối bấy nhiêu. Thiện Tâm đi qua đi lại, trong lòng xốn xang khó chịu. Cậu nói lầm thầm rằng: "Của cải ta như thế, lẽ nào ta lại chịu để cho thằng Thành Trai ăn qua ta đặng sao? Không, ta quyết không chịu thua nó, ta quyết không để cho nó cười ta: ta phải làm sao cho nó không ngó ngay mặt Nguyệt Thanh được ta mới nghe... Mà bây giờ nó ngồi khám lớn rồi, để xem thử kết cuộc ra sao đã rồi sẽ hay. Ta phí biết bao nhiêu tiền của để mua một cái thương của Nguyệt Thanh, ta tốn biết bao nhiêu công khó để chuộc một tiếng cười cho Nguyệt Thanh, thế mà không biết vì cớ gì nàng cứ lãnh đạm với ta hoài! Ta giàu có mà ta cũng không đến nỗi xấu xa, sao nàng lại không thương ta?". Thiện Tâm bứt đầu bức óc, đi tới đi lui dường như mất cả trí khôn...

Trong khoảng tám giờ tối, Minh Châu ngồi đứng không yên vì phần thì lo sợ nỗi bạn, phần thì nghĩ nỗi chàng. Chàng chống tay vào gò má, ngó mấy tấm hình trên vách mà suy nghĩ vẩn vơ... Chàng đang tưởng tượng những cái cảnh êm đềm ở đế kinh, bỗng nghe tiếng gõ cửa. Chàng bước lại hỏi: "Ai đó".

Tiếng trả lời: "Tám Lọ đây".

Chàng vặn khóa kéo cửa ra thì thấy một người đàn ông và một người đàn bà... Người đàn ông tức là Tám Lọ, người đàn bà là cô Tám.

Tám Lọ thấy Minh Châu thì đứng nhìn sững, Minh Châu hỏi:

– Phải Tám Lọ đó không?

Tám Lọ đáp rằng:

– Thưa, tôi là Tám Lọ, còn cô này là cô Tám.

Minh Châu mời ngồi rồi nói:

– Ông Minh Đường vì có việc gấp phải về nhà, phó thác tất cả việc trên này lại cho tôi. Tám Lọ đi đâu về đó, làm cho ông Minh Đường trông ngóng hết hơi?

Tám Lọ còn nghi ngại nên ngồi ngó sững sờ... Minh Châu nói: "Em chưa biết ta là ai nên còn nghi ngại phải không?".

Chàng lấy thơ của Minh Đường đưa cho Tám Lọ coi và nói thêm rằng: "Em xem trong thơ đó cũng đủ biết là qua cần phải biết rõ em đi đâu và làm những sự gì".

Tám Lọ thấy hai chữ Minh Châu thì đã vui lòng, khi đọc hết bức thư lại càng mừng rỡ lắm, bèn đem tất cả câu chuyện xin ở tù mà thuật lại hết cho Minh Châu nghe và lấy tay chỉ cô Tám mà rằng: "Cô này đã giúp tôi vào thăm cậu Thành Trai đây. Cô cũng nguyện hết lòng giúp tôi để tìm ra những người mà cậu Thành Trai biểu dọ thám. Hồi chiều này tôi đi với cô đến Bá Lạc Viên hỏi thăm tên Tư Lực thì nghe chừng đâu nó đã đi về Vĩnh Long hai bữa nay rồi... Cậu Thành Trai biểu tôi thưa với cậu, tôi thông tin cho cậu biết, té ra cậu đã vô đây rồi thiệt là may mắn quá... Vậy thì đã có cô Tám đây lo dọ mấy đứa phe đảng của Tư Lực rồi, tôi xin về Vĩnh Long ngay để thông tin cho ở nhà bà Phán biết".

Chàng gật đầu mà rằng: "Nếu vậy thì em phải mau mau về cho cô Kiều Nga hay đặng lên đối nại vì nửa tháng nữa thì vụ Thành Trai sẽ đem ra tòa... Còn cô Tám có lòng tốt với em tôi như vậy, tôi cám ơn lắm. Từ nay tôi xin nhờ cô giúp cho một tay.

Các báo Tây, Nam đều đăng tin đến bữa 20 tháng 8 thì sẽ xử vụ Thành Trai và có bàn vầy bàn khác nhiều lắm.

Sáng bữa 20 tháng 8 cái quang cảnh ở tòa án náo nhiệt khác thường vì người đến xem đông quá. Trông trên hàng ghế ở sau ghế các Trạng sư thì thấy Phạm Minh Châu, Tạ Minh Đường, bà Phán và cô Kiều Nga; ở hàng kế đó thì cô Tám, Tám Lọ và mấy người lạ mặt... Còn mấy dãy ghế sau đều chật nứt cả... Thiện Tâm và cô Nguyệt Thanh cũng có tới mà ngồi ở tận góc. Các nhà viết báo như Lê Thành Tượng, Tuyết Sĩ, và mấy vị chủ báo Tây, đều đủ mặt.

Nguyệt Thanh choàng cái khăn đen che cả mặt, nhìn thấy mẹ và em thì muốn sa nước mắt... Nàng chăm chỉ ngó vừa thấy Minh Đường xoay lại, nàng run lập cập, cúi mặt xuống liền... Nàng nghĩ thầm rằng: "Hôm nay đủ mặt các người thương của ta mà ta không thể nhìn được, nghĩ mới là đau lòng!" Nàng nói thầm: "Không biết ngày nào ta được ra giữa tòa mà xem đứa giết chồng ta như ngày nay? Mẹ thì đã già, em thì đã lớn; còn Minh Đường thì không đổi thay duy có vẻ nghiêm, thì nay càng nghiêm hơn trước. Không biết ngày nay chàng có còn nhớ ta chăng? Không biết chàng ngồi đó mà có thấu nỗi lòng này cho ta chăng?"

Minh Đường thì nhìn khắp bốn phía, bụng nghĩ thầm rằng: "Nếu Kiều Tiên còn sống, còn đứng trên cõi đời này thì thế nào hôm nay nàng cũng có lại đây... Sao mà ta tìm không thấy?".

Các người ngồi trong cái phòng ấy trừ những người không biết Thành Trai, còn ai thì cũng có một nguyện vọng.

Minh Đường, Minh Châu thì trông mong Thành Trai ra khỏi chốn ngục tù để cùng hiệp sức mà khám phá cho ra vụ án mạng bí mật và tìm kiếm Kiều Tiên.

Còn nhiều người tuy chưa quen Thành Trai nhưng đã xem các báo, đã thấy cái tài học và cái nhân cách của Thành Trai thì đều

cầu khẩn cho Thành Trai được tha bổng. Duy có anh Thiện Tâm là mong cho chàng lại phải ở tù để Nguyệt Thanh khỏi về tay chàng... Nghĩ cũng tức cười cho cái máu ghen của phường ngu ngốc!

Đúng tám giờ lính dẫn Thành Trai vào... Mấy ngàn con mắt đều ngó chàng chăm chú.

Gần sau cửa lại có một ông lão mặc áo đen dài, bịt khăn đóng, râu sương suông đuột, đứng vòng tay nhìn. Mặt ông coi rất nghiêm, và phương phi lắm. Ông tức là thân phụ Thành Trai, chính là ông phủ Trần Thành Lộc vậy. Ông không có dáng buồn song có sắc giận. Gần một bên ông lại có hai người coi cũng oai nghi, một người mà ta đã gặp đứng sau nhà mẹ Tám Lọ và một người thì chưa gặp lần nào. Người này tác chừng hai mươi tuổi, mặt mũi rất khôi ngô.

Các quan tòa vào ngồi đông đủ cả rồi thì Trưởng tòa kêu tên Thành Trai... Thành Trai đứng dậy bước lại, cử chỉ rất tự nhiên... Hỏi tên họ, nghề nghiệp xong, quan tòa nói lớn rằng: "Anh bị người ta cáo giác rằng có thông đồng với đảng cách mạng bên Tàu, sự đó có không?"

Thành Trai nói: "Nếu tòa không hẹp lượng thì xin cho đọc bức thơ nặc danh ấy để tôi nghe, rồi tôi sẽ trả lời".

Quan Toa biểu trưởng tòa đọc:

"Kính cùng quan Thống đốc Nam kỳ,

Bức thơ này tuy không có tên ký nhưng xin ngài chớ coi là thường. Tôi cũng muốn ký tên để đối chứng, nhưng tôi lại nghĩ rằng nên để tự ngài tầm kiếm chứng có mà hành phạt kẻ phạm luật thì hơn. Tôi vốn là một người bạn của Trần Thành Trai, con ông phủ Trần Thành Lộc. Thành Trai hiện đang ở tại đàng Espagne số nhà 142, tôi có qua lại chơi thường nên tôi biết rõ tất cả các việc của va làm. Tôi không phải thù oán gì va mà muốn hại va, nhưng vì thấy va không hiểu thời thế, toan gây vạ cho giống nòi Việt Nam nên tôi mới dâng bức thơ này để ngài xét. Va học đã đậu cử nhân mà chẳng chịu làm việc với chánh phủ là va có ý phản đối chánh phủ, khi ở Pháp thì va kết giao với bạn quá khích và đã có qua kinh đô Moscou. Va thông đồng với bọn cách mạng ở ngoại quốc, nay lại muốn gầy dựng thế lực ngay ở trong nước nữa, để dễ bề nội ứng ngoại hiệp. Bởi vậy cho nên khi thì va đi Trung kỳ, khi thì đi Bắc kỳ, khi thì

về Nam kỳ là cốt để liên lạc và kiếm thêm đồng chí. Nếu ngài cho người lại xét nhà va thì sẽ thấy có hình bọn cách mạng và thơ từ nhiều lắm.

Kẻ viết thơ này không phải vì mong thưởng, mà chỉ cầu cho chánh phủ biết rằng không phải là tất cả người Việt Nam đều là cách mạng cả đâu."

Trưởng tòa đọc xong, Thành Trai nhích miệng cười rồi nói lớn rằng: "Xem nội trong cái thơ này cũng đủ thấy rõ kẻ đã viết ra là kẻ thù riêng của tôi. Tôi không có một người bạn nào hèn hạ như thế: tôi dám nói lớn giữa tòa rằng những bạn tôi đều là người có học thức lương tâm cả, không bao giờ lại làm sự hèn nhát ấy. Nói rằng tôi kết giao với bạn quá kích và có đi Moscou thì thật là một điều không hề có bao giờ. Không phải tôi sợ gì mà phải chối, song tôi không bao giờ đồng ý với bọn quá kích. Còn từ khi tôi ở Pháp cho đến khi trở về, ngay Nice tôi cũng chưa hề biết chớ đừng nói Moscou. Mà có phải dễ gì đi Moscou đâu! Lính mật thám ở Pháp tài nghề lắm, hễ có một ai ra khỏi ranh thì tức nhiên họ biết liền. Tôi không phải chữa mình, mà chính là nói thiệt đó. Tôi xin nói quyết rằng người viết bức thơ cáo giác tôi là đứa hèn mạt, bịa đặt ra chuyện vô lý, để cố làm hại tôi. Vậy bức thơ ấy không phải là một cái chứng cớ chánh đáng".

Quan tòa nói: "Sao trong nhà anh thấy treo đầy cả những hình Tôn Văn, Gandhi, Phan Châu Trinh và anh lại có thơ từ với bọn cách mạng?"

Thành Trai nét mặt vẫn điềm nhiên nói rằng: "Trong nhà tôi treo hình Tôn Dật Tiên, Gandhi và Phan Châu Trinh cũng như trong óc tôi ghi những lịch sử Napoléon ler, Bismark, Pierre Grand vậy, có khác gì. Những lịch sử các bực anh hùng đều là những món thực phẩm tốt cho thanh niên và cho tất cả hạng người. Tôi treo những hình ảnh ấy là vì tôi trọng anh hùng; đối với pháp luật tôi không có tội. Còn nói rằng tôi có gởi thơ cho các nhà cách mạng thì xin cho tôi xem những thơ ấy...".

Quan tòa biểu Trưởng tòa lấy xấp thơ đưa cho chàng xem. Ba bốn tờ đều là chữ đánh máy, không đề gởi cho ai, mà cũng không ký tên. Chàng xem rồi trao lại mà rằng: "Những bức thơ này đều

là giả mạo cả. Tôi xin Toa chủ ý vào một điều này; bất kỳ chữ C nào trong tờ giấy này cũng đều thấy mất cái đầu cả... Vậy sao Toa không đem cái máy chữ của tôi ra xem thử có quả vậy chăng?... Lời lẽ trong mấy tờ giấy này nhiều đoạn phi lý lạ thường, những người có trí thức một chút không bao giờ nói như vậy".

Người dự thính đều dợm vỗ tay nhưng quan Toa nói: "Nếu ai làm ồn ào thì tòa sẽ mời ra hết". Vì vậy mà ai nấy đều ngồi lắng lặng để nghe.

Trạng sư Ronin bước ra nói: "Xin phép các ngài cho tôi nói vài câu vắn tắt, để binh vực cho thân chủ tôi... Chính tôi xem thì thấy từ trên chí dưới của Trần Thành Trai đều cách mạng hết...".

Các nhà viết báo và các người ngồi nghe đều mỉm cười... Trạng sư Ronin đi qua đi lại nói lớn rằng: "Từ trên chí dưới đều cách mạng thật! Cái óc lúc xưa còn mù mờ ngày nay đã sáng lạn, cái miệng lúc xưa còn ngập ngợ ngày nay đã lanh lẹ... Mỗi mỗi trong mình Thành Trai đều thay đổi cả, thế cũng là cách mạng đó... Các ngài xưa nay xử biết bao nhiêu vụ, còn lạ gì thơ nặc danh. Đứa viết bức thơ này tức là một đứa hèn nhát. Kể những chứng cớ ra thì đều là giả mạo cả... Lấy những tấm hình treo trên vách mà cho là phản đối chánh phủ thì vô lý quá. Vậy thì chiếu vào luật nào mà buộc tội? Thà là tha một người có tội hơn là làm tội một người vô tội! Những bức thơ nặc danh chỉ nên liệng vô giỏ rác mà thôi. Tôi xin các ngài tha bổng cho Trần Thành Trai để tỏ sự công bình chánh trực của người cầm luật pháp thay mặt cho nước Pháp".

Quan biện lý đề hình đợi cho trạng sư Ronin nói dứt lời thì đứng dậy nói: "Luật tòa đặt ra để hộ vệ cho người thật, mà luật tòa cũng vì sự hộ vệ cho người mà phải trừng trị những kẻ đã trái với sự hộ vệ ấy. Trần Thành Trai đã có học luật mà sao không biết giữ mình, lại còn mong làm những sự trái với luật pháp, tức như là viết mấy bức thơ...".

Trạng sư Ronin chận lại mà rằng: "Xin ngài sửa lại một tiếng; xin ngài nói rằng: *tức là như đánh máy mấy bức thơ*... thì có lẽ đúng hơn".

Quan biện lý đỏ mặt, nói: "Phải, tức là như đánh máy mấy bức thơ cho các nhà cách mạng đó, thì là đã khuấy rối đến chính

trị, là muốn đánh đổ chánh phủ. Tôi xin các ngài thay mặt pháp luật nên trừng trị cho xứng đáng để ăn người khác...".

Trạng sư Ronin cười, xoay ngó các quan tòa rồi cãi một cách rất hùng hồn... Ai nghe cũng gọi là ông diễn thuyết chớ không phải cãi. Ông nói: "Buộc cho Trần Thành Trai có ý muốn đánh đổ chánh phủ mà lại lấy mấy tờ giấy vu vơ làm cớ thì thiệt là một sự lạ! Mấy tờ giấy đánh máy không có ký tên, không đề gởi cho ai thì sao gọi là thơ được? Ai gởi cho ai? Nếu không biết ai gởi cho ai thì quả là không phải thơ, ấy chẳng qua là các mảnh giấy vụn vặt mà thôi... Nếu các miếng giấy ấy chưa gởi cho ai thì chỉ mới một người biết; một người biết riêng sự muốn của mình, dẫu cho muốn đánh đổ chánh phủ thiệt đi nữa, cũng không thể được mà! Huống chi mấy mảnh giấy đây chưa biết là của ai; của Thành Trai hay là của kẻ khác? Điều này cũng cần phải xét lắm. Thường theo luật, hễ người bị cáo mà oan thì người tiên cáo phải tội. Nay tôi hỏi xin quan biện lý trả lời cho câu này: "Nếu xét ra quả Thành Trai bị cáo oan thì bắt tội ai là vu phản bây giờ?".

"Những chứng cớ để buộc tội cho Trần Thành Trai đều không ăn nhập gì cả, những chứng cớ ấy thảy đều là sự bịa đặt ra mà thôi. Vì tôi có xét được mấy chỗ: một là người viết thơ không ký tên; hai là những mảnh giấy không phải là những bức thơ gởi cho các nhà cách mạng; ba là trong những mảnh giấy chữ đánh máy chớ không phải chữ viết bằng tay. Nội trong ba điều ấy cũng đủ chứng rõ rằng Thành Trai vô tội. Tôi xin tòa tha bổng cho Thành Trai tưởng không phải là quá vậy".

Trạng sư Ronin nói vừa dứt lời thì thấy Kiều Nga đứng dậy đưa cho ông một xấp giấy và nói gì không biết, các quan tòa, các nhà báo, các người coi đều ngước cổ mà nhìn...

Ông nghe nàng nói và coi giấy rồi thì gật đầu, coi ra có ý vui vẻ lắm. Kế đó ông nói thêm với quan Tòa rằng: "Thưa các ngài, tôi có thêm đủ chứng cớ tỏ ra là Thành Trai vô tội. Tôi xin thưa để các ngài rõ rằng không phải vô cớ mà Trần Thành Trai có kẻ thù, Thành Trai không làm gì mà có kẻ thù riêng, chỉ vì tự nhà thím chàng, mà chàng mới có kẻ thù oán... Câu chuyện xảy ra ở nhà thím chàng cách nay đã năm năm rồi. Nguyên vì có kẻ thù oán giết con rể của

thím chàng là Lê Thuần Phong, làm cho con gái lớn của thím chàng bị tình nghi là giết chồng mà phải trốn biệt tích... Từ ấy nhẫn nay ai ai cũng ngỡ là cô ta giết chồng thật, nhưng không phải, cô ta vốn là một người con gái rất có nết hạnh, chẳng bao giờ làm những sự ghê gớm ấy. Trong lúc vụ án mạng xảy ra ở nhà thím chàng thì Trần Thành Trai đang học ở bên Pháp. Nay chàng về nghe được sự ấy, nên để ý suy nghiệm rồi quyết là không phải em họ chàng giết chồng, nên cố đi tìm cho ra kẻ thù, tìm cho ra đứa gian. Chẳng dè đứa gian biết được, mới gởi hai bức thơ nầy đây mà hăm dọa chàng và thím chàng. Nó tưởng được thơ dọa thì chàng sẽ phải sợ, không dám nhúng tay vào vụ án mạng bí mật ấy nữa. Té ra chàng không chút gì lo sợ, lại còn hăng hái trong sự tầm kiếm hơn nữa. Vì vậy mà chúng rơi thơ đặng hãm hại chàng".

Quan tòa đều lấy làm lạ, các người tự thính đều ngơ ngác, các nhà viết báo đều chúm chím cười, mừng được một bài thời sự ly kỳ... Nguyệt Thanh nghe trạng sư đem chuyện nàng khai ra giữa Tòa thì toát mồ hôi, ngồi không muốn vững nhưng cố hết sức tự chủ, làm ra dáng không biết gì đến câu chuyện ấy. Minh Đường thì lấy khăn lau mồ hôi hai ba lần mà trong mấy giọt mồ hôi ấy có lẫn mấy giọt nước mắt... Minh Châu thì ngồi sững sờ... Bà Phán thì ngơ ngẩn... Ông Phủ Trần thì sa nước mắt, chơn run lặp cặp phải dựa vào vách tường.

Trạng sư Ronin nói xong thì đưa hai bức thơ cho quan Tòa. Quan Tòa liền đem so với bức thơ nặc danh và mấy tờ giấy chữ đánh máy rồi nghĩ mười lăm phút để định đoạt.

Lúc ấy ông Phủ Trần bước đến trước mặt bà Phán mà nói rằng: "Nay tôi thấy sự thật đã rõ như vầy, tôi lấy làm đau lòng lắm... Nếu vậy thì tôi có lỗi với thím và cháu nhiều. Xin thím biết cho rằng tôi không phải ghét gì con cháu mà chỉ vì sự xấu hổ làm cho tôi không thể mở mặt với ai, và phải bặt đàng thăm viếng". Bà Phán chỉ khóc mà không đáp lại được. Nguyệt Thanh đứng xa run rẩy cả người, muốn chạy lại ôm mẹ và em để tỏ nỗi hàn huyên vì mấy năm lưu lạc nhưng không dám. Nàng đứng sau lưng Thiện Tâm... Thiện Tâm cũng run như nàng, run mà giận lắm vì chắc là Thành Trai sẽ được tha... Thành Trai lúc bấy giờ thấy đủ mặt cha,

thím, em và các bạn thì trong lòng hồi hộp lắm; chàng biết có Kiều Tiên mà không thế gì hiệp mặt Minh Đường được...

Mười lăm phút! Chuông rung! Ai về chỗ nấy, các quan Toa an vị rồi tuyên bố tha bổng Thành Trai.

Trạng sư Ronin bước đến bắt tay Thành Trai, khen rằng: "Ông tự cứu lấy ông đó! Biện bác như ông thì mướn thầy kiện cũng thừa. Tôi đã cãi rất nhiều vụ mà ít thấy ai có thái độ đĩnh đạc như ông." Thành Trai giới thiệu anh em cho ông Ronin biết... Khi xoay lại tìm Nguyệt Thanh thì chẳng thấy đâu nữa. Chàng thấy cô Tám và Tám Lọ đứng ngoài xa, chàng nghĩ tội nghiệp nên bước ngay lại cầm tay Tám Lọ và nói luôn với cô Tám rằng: "Cũng nhờ em Tám và cô hết lòng nên ngày nay tôi mới được như vầy. Tôi không bao giờ quên ơn đâu...".

Thành Trai còn đang nói chuyện với cô Tám và Tám Lọ, thì bỗng nghe một tiếng la chàng xoay lại, thấy Kiều Nga té trên tay bà Phán... Ông Phủ lật đật đỡ đem ra ngoài... Chàng liền chạy theo, Minh Đường và Minh Châu đem xe hơi đến chở nàng về nhà Thành Trai...

Tám Lọ đứng ngó cô Tám... Cô Tám cũng đứng ngó Tám Lọ... Cả hai đều sững sờ! Giây lâu cô Tám thở ra mà rằng: "Hôm nay tôi được vui lòng lắm mà lại cũng đau lòng lắm! Té ra anh và tôi chỉ có một phần nhỏ mọn trong sự giải cứu ông Thành Trai mà thôi, còn bao nhiêu thì về phần cô ấy cả. Cô ấy là em của ông Thành Trai phải không?"

Tám Lọ nói: "Phải, cô ấy là cô Kiều Nga em của cậu Thành Trai đó. Cô nói vậy chớ kể công lao làm gì! Mình thấy chuyện phải thì làm, không cần so đo công lớn công nhỏ... Mình làm việc nghĩa thì không nên kể công".

Cô Tám thở dài, sa nước mắt mà rằng: "Cô ấy là em của ông Thành Trai sao? Có lẽ nào, anh phải biết rằng con mắt tôi không phải là bị mây che đâu, không có một sự gì là con mắt tôi không thấy rõ. Tôi thấy rõ ràng lắm. Tôi ngó từng ly mà tôi cũng xem xét từ chút. Khi ông Cử lại cám ơn anh và tôi thì tôi thấy cô ấy cúi mặt nhưng con mắt vẫn chăm chỉ vào chỗ ta đứng... Khi ổng nói mấy lời thì tôi thấy cô ấy biến hẳn sắc mặt rồi té xỉu xuống. Tôi

lấy làm lạ lắm... Vì tôi đã từng biết sự đau đớn trong lòng đàn bà. Mà cũng vì tôi là đàn bà nên tôi mới biết đau đớn vậy. Anh không hiểu chớ tôi chắc trong lòng cô ấy cũng như tôi... Đã mấy phen tôi muốn té xỉu rồi!".

Tám Lọ lắc đầu mà rằng: "Thôi, cô đừng nghi bậy bạ như vậy mà tội lỗi lắm. Cô Kiều Nga là một người hiền đức lắm mà cô lại là *em* của cậu Thành Trai nữa thì có lý nào! Không, đừng có lấy bụng mình mà lường bụng người. Cô Kiều Nga mấy hôm nay đây chưa được mạnh, nay lại cảm xúc quá nên mới như thế chớ không có sự gì khác. Chỉ vì cô có lòng thương cậu Thành Trai nên cô thấy hễ *ai* là đàn bà mà ngó cậu thì cô đã ngờ cho người ấy có tình gì. Tôi tuy không hiểu lòng đàn bà thay đổi ra sao nhưng tôi chắc không có ý gì lạ".

Cô Tám thở ra mà rằng: "Anh nói như thế là chỉ coi theo lẽ thường chớ không thấu rõ nỗi lòng con người... Mà thôi nói lắm có ích gì đâu. Tôi hiểu thấu đâu đâu kia! Tôi vẫn biết cái thân tôi là cái thân bỏ rồi, nay dẫu có đau đớn bao nhiêu đi nữa thì cũng như cây khô gặp nắng mà thôi".

Cô nói chưa hết lời, nước mắt đã tràn ra chận lời nói của cô lại... Tám Lọ nhắm mắt mà rằng: "Sao lạ quá, thương thì để trong lòng chớ khóc lóc có ích gì đâu. Mà thương làm gì? Thôi để tôi đưa cô về nhà".

Cô Tám và Tám Lọ ra về... Trên thềm tòa án có một người mang kiếng đen mặc áo quần tây trắng ngó theo những người ra về mà nói thầm rằng: "Sao mà con ta lại như vậy kìa? Không biết nó là đứa thù của cha sao? Mà làm sao biết được, vì ta chưa hề nói gì, mà con ta sao nó lại ghét ta nghĩ cũng lạ thay! Thôi, con đừng ghét cha, cha chịu hết những sự đau đớn ở đời để cho con được sung sướng trọn, cha không cho con biết gì hết, con là Kiều Nga thì cứ là Kiều Nga... Ờ, nó đã ra khỏi ngục rồi! Nó đã trở về nhà rồi! Té ra nó đã không xấu hổ mà lại thêm danh giá. Ừ được, ta lại chịu sút bọn bay sao? Từ rày sẽ bắt đầu một trận tử chiến của bay với ta. Ta quyết làm cho bay thất điên, bát đảo ta mới nghe".

Người ấy liền lẻn ra kêu xe đi... Người ấy là ai? Chắc là các ngài đã đoán ra rồi, người ấy là Nguyễn Viết Sung.

Khi vực Kiều Nga lên giường thì nàng nằm thiêm thiếp... Ông Phủ, bà Phán, Minh Châu, Minh Đường và Thành Trai đều xúm xít ở quanh nàng... Nàng nằm một hồi, thở ra rồi lại khóc... Bà Phán ôm nàng mà rằng: "Con đau sao thì nói, má sẽ cho mời thầy thuốc đến. Con đừng khóc mà má buồn lắm. Anh con đã về đó, đang đứng ở trước mặt con kia".

Nàng nói nho nhỏ rằng: "Con không đau gì hết, xin má đừng mời thầy thuốc làm gì... Con chỉ mệt một chút mà thôi".

Thành Trai cúi xuống, an ủi mà rằng: "Em có đau chăng? Em ráng tỉnh dưỡng cho mạnh kẻo anh không yên lòng".

Nàng chúm chím cười, gật đầu...

Thành Trai thưa ông Phủ và mời hai bạn ra ngoài rồi đi sắm sửa thay đổi y phục... Chàng trang sức xong rồi ra chỉ Minh Đường mà thuật chuyện lại cho cha và bạn nghe.

Minh Đường nói: "Tôi cũng vì sự lầm ấy nên mới biết được cái gan dạ ấy, mà từ đó tới giờ lòng tôi vẫn không yên. Tôi chỉ chờ cho gặp dịp sẽ tỏ thật cho ông rõ, té ra Tám Lọ đã vào khám lớn trước mà nói hết rồi".

Ông Phủ hỏi: "Tám Lọ là ai, và sao lại vào khám lớn được?"

Minh Châu liền thuật chuyện lại... Thành Trai cũng nhắc chuyện trong khám, ai nấy đều cả cười và khen Tám Lọ lắm. Ông Phủ dạy rằng: "Tám Lọ ở như vậy thật đã trọn đạo, ở đời không được bao nhiêu người trung tín như vậy đâu. Vậy chớ nó đâu rồi".

Thành Trai thưa rằng: "Hồi nãy vì lộn xộn nên không biết nó đi đâu, chắc là nó đã về trên nhà ông Minh Đường rồi".

Minh Đường nói: "Tám Lọ thông minh lắm, uổng vì ở với ăn mày, không được học hành gì cả. Để rồi tôi sẽ tính cho nó, kẻo tội nghiệp cho tương lai của nó. Còn cô Tám thì làm sao mà lại tận tâm với ông Thành Trai quá vậy?"

Thành Trai cười rằng: "Cô ấy là tay chơi bời, xưa nay quen tánh bóc lột các hàng công tử, vậy mà từ khi gặp tôi thì lại biết ăn năn, mong sửa đổi tánh nết lại, nguyện không theo đàng cũ nữa. Hiện bây giờ mà còn ở Bá Lạc Viên là vì để giúp việc tôi mà thôi".

Thành Trai còn giấu sự gặp Kiều Tiên, Minh Đường còn giấu sự gặp Kiều Nga nên hóa ra công việc mỗi người còn bề bộn lắm... Chiều ấy, bà Phán và ông Phủ đem Kiều Nga về Vĩnh Long.

Anh em Thành Trai bấy giờ kết chặt giải đồng, quyết cùng nhau lo mưu kế mà truy tầm kẻ gian...

Từ khi Thành Trai ra khỏi khám rồi thì thường hay lui tới nhà Nguyệt Thanh. Thiện Tâm vì si tình, thấy vậy thì sanh nghi rồi nổi cơn ghen, cả ngày đi thơ thẩn ngoài đàng, miệng chửi mắng lầm thầm như đứa điên. Cậu nghĩ thầm rằng: "Hôm nay ta không về với Nguyệt Thanh làm gì, ta hãy lại nhà Thành Trai, kêu nó mà mắng một hồi cho bỡ ghét, ta mắng nó rồi thì chắc nó không dám đến nhà Nguyệt Thanh nữa, vì nhà Nguyệt Thanh tức là nhà của ta. Nó là người có học thì nó phải biết xấu hổ".

Cậu nghĩ vậy lấy làm đắc chí đi thẳng lại nhà Thành Trai gõ cửa... Tên bồi ra nói rằng Thành Trai đi ăn cơm với bạn tại nhà hàng *Cửu Long Giang*. Cậu mừng lắm, quyết chắc phen nầy làm cho Thành Trai phải xấu hổ đáo để... Cậu liền lấy khăn lau mồ hôi, lấy tay vuốt tóc rồi đi lại *Cửu Long Giang*... Bước vào thì thấy người đông lắm, ngồi chật cả các chỗ... Một bàn gần phía trong vách thì Minh Đường, Minh Châu và Thành Trai đang ngồi nói chuyện. Xưa nay Thiện Tâm phá tiền nhiều lắm nên vào ra các hàng, bồi bếp đều quen mặt. Mấy đứa bồi lật đật kéo ghế mời ngồi và hỏi lăng xăng: "Chà, lâu quá cậu Hai không lại chơi... Cậu Hai dùng món gì?"

Cậu lắc đầu, đi thẳng lại trước mặt Thành Trai, đứng ngó vào con mắt Thành Trai... Thành Trai đứng dậy, đưa tay và nói: "Ông ngồi dùng rượu với anh em tôi chơi cho vui", Thiện Tâm không bắt tay, chỉ đứng ngó trân Thành Trai với cặp con mắt đỏ hoét... Thành Trai lấy làm lạ mà lại mắc cở với mọi người trong nhà hàng, nên nổi xung hỏi gắt rằng: "Ông đã quen cái tánh ấy rồi sao? Tôi chào ông, sao ông lại trợn mắt ngó tôi mà không chào lại? Hay là ông muốn gây ăn thua với tôi? Tôi khuyên ông nên giữ lấy phép lịch sự vì có biết phép lịch sự thì con người mới lịch sự".

Thiện Tâm nghiến răng, điểm mặt Thành Trai mà rằng: "Ừ, mày lịch sự lắm! Vì mày lịch sự lắm nên mày mới chọc vợ bạn. Mày

đem cả cái tài miệng lưỡi của mày mà làm cho người thương của tao phải quên hết bổn phận, mày làm cho người ta mê mày, mày phá mất sự vui vẻ, sự đằm thắm trong gia đình người ta. Cái tội mày như vậy còn nói tao vô phép với mày sao?"

Tất cả người ngồi trong nhà hàng đều sững sờ. Minh Đường đứng dậy, giận lắm, chỉ mặt Thiện Tâm mà mắng rằng: "Mày là ai mà dám vô lễ như vậy? Mày làm mất thể diện của người! Mày có biết rằng với những người chứng ngồi quanh đây, ông Thành Trai có đủ bằng cớ mà kiện mày làm mất thể diện ổng không? Ta bảo cho nếu khôn hồn thì hãy đi ngay, bằng không ta sẽ cho mày một bài học xứng đáng".

Thành Trai kéo Minh Đường ngồi xuống rồi nhích mép cười một cách khinh bỉ rằng: "Mày có phải là bạn của ta đâu! Trong lúc mày đem những câu nhơ nhớp ấy phun vào ta thì mày có chứng cớ gì trong tay chăng? Mày dám cả gan nói xấu ta trước mặt công chúng như thế, chắc là vì mày điên rồi! Ta chọc vợ mày làm cho vợ mày bỏ mày lúc nào? Nếu mày nói không trôi, và không có bằng cớ thì đừng trông đi ra khỏi chốn này".

Thiện Tâm trong tay không có chứng cớ, đứng sững mà mặt thì tái mét... Thành Trai hỏi gắt rằng: "Sao mày không nói? Sao mày lại làm thinh? Nói mau đi!...".

Minh Đường nói: "Một đứa đã dám đem những câu nhơ nhớp ấy mà phun ra chỗ nầy thì còn nói với nó làm gì; hãy kéo ra đánh nó một trận rồi ngày mai đem nó ra tòa".

Thiện Tâm hoảng hốt mồ hôi tháo ra ướt dầm mình, nói tiếng được tiếng mất rằng: "Mày không dụ Nguyệt Thanh sao? Vì mày mà Nguyệt Thanh..."

Nói chưa dứt lời Thành Trai chụp mắng rằng: "Đồ khốn nạn! Sao dám đặt điều mà nói xấu cho một người đàn bà? Tự bao giờ mày hèn hạ thì bây giờ mày cũng vẫn hèn hạ, ta như thế này mà làm những sự tồi bại ấy sao?"

Chàng sấn đến giá tay toan đánh, bỗng thấy một người lấn vào, một tay kéo Thiện Tâm ra, một tay thì đỡ tay Thành Trai mà rằng: "Xin ông bớt giận, tôi biết ông không thể nhịn được, mà dẫu cho ai đứng vào địa vị ông cũng không thể tha thứ được. Tôi xin

ông nghĩ lại mà đừng chấp kẻ điên. Ông thử coi cái đầu chôm bôm, cái mặt tái mét, con mắt đỏ hoe kia thì ông biết rằng Thiện Tâm không phải là con người biết suy nghĩ nữa, chính là một con thú dữ trong cơn bị đạn đó. Ông không chấp người điên trong cơn lỗi lầm cũng như ông thứ cho người say trong khi sai sót vậy. Dẫu Thiện Tâm là người thế nào đi nữa, ông cũng nên biết rằng va chỉ vì quá thương mà đến nỗi nầy. Va đây còn phải *đền tội lỗi* của va".

Thành Trai thấy nét mặt người ấy nghiêm nghị, mà lời nói lại ôn tồn thì biết là một người đúng đắn, nên nói: "Dẫu cho điên dại thế nào cũng không đến nỗi đem sự nhơ nhớp ấy trút cả vào tôi ở giữa mặt công chúng. Tôi cũng biết va điên dại lầm lạc, tôi cũng biết va bị ái tình lung lạc, nhưng tôi không thể tha thứ được. Nếu va chẳng tự hối lại, chẳng xin lỗi thì tôi sẽ đem va ra tòa. Ấy là tôi nể ông lắm đó".

Từ khi Thiện Tâm vào gây với Thành Trai thì Minh Châu vẫn ngồi ngó một cách khinh bỉ, chẳng nói rằng một câu gì mà cũng không có sắc giận dữ như Minh Đường. Khi nghe Thành Trai buộc Thiện Tâm xin lỗi thì chàng khuyên rằng: "Sự phải trái không cần dùng *lời nói* mà tranh luận làm gì. Em không nên chủ ý vào sự xin lỗi lắm. Theo ý anh thì em nên quên tất cả câu chuyện hôm nay đi, thì một ngày kia em sẽ được rỡ ràng mà Thiện Tâm lại sẽ cám ơn em và kính phục em hơn. Em buộc một người điên xin lỗi trong lúc họ lỡ lời thì em nghĩ có ăn thua gì không? Những câu nói nhơ nhớp ấy ra khỏi miệng người thì bay mất chớ có động gì đến danh giá em đâu? Anh chỉ muốn như vậy, em nghĩ sao?"

Thành Trai và Minh Đường đều bắt tay Minh Châu mà rằng: "Mấy lời nói của anh thật đáng ghi vào óc".

Người kia cũng cầm tay Minh Châu, cảm tạ rằng: "Ông nói mấy lời làm cho tôi vui lòng lắm. Thế mới xứng đáng. Thôi xin kiếu mấy ông để tôi đem Thiện Tâm về rồi ngày sau sẽ còn gặp nhau".

Thành Trai toan hỏi thăm thì người kia đã kéo Thiện Tâm ra ngoài rồi. Thiện Tâm bây giờ quả như điên thật, không thấy gì hết mà cũng không nghe gì hết. Người kia đỡ lên xe, đem thẳng về nhà.

Anh em Minh Đường cũng đem nhau về, mỗi người đều có dáng suy nghĩ. Minh Đường ngồi chống tay vào gò má, ngó ngọn đèn điện

xanh một hồi rồi hỏi Thành Trai rằng: "Cô Nguyệt Thanh là ai? Người ra thế nào mà người ấy mê như vậy? Ông nói thử diện mạo cô ấy cho tôi biết".

Thành Trai giả bộ không biết gì lắm, đáp rằng: "Cô ấy nhan sắc ít ai bì kịp và cử chỉ nói năng rất lễ phép. Tôi gặp cô ấy và Trần Thiện Tâm ở Ba Ngòi một lần... Cô người ốm nhỏ, nét mặt thường có vẻ âu sầu".

Minh Đường thở ra mà rằng: "Từ ngày tôi về đến nay, hết sức truy tầm mà cũng không ra tông tích Kiều Tiên đâu cả... Đau đớn trong lòng quá, không biết tính làm sao".

Nói đến câu ấy thì Minh Đường nhỏ nước mắt, ngó Thành Trai... Thành Trai thấy vậy động lòng, cũng muốn tỏ thật cho Minh Đường biết rằng Nguyệt Thanh tức là Kiều Tiên nhưng lại sợ sanh ra lắm chuyện trở ngại cho công việc, nên chàng cũng giả đò thở ra mà rằng: "Tôi chắc là Kiều Tiên thác rồi, nếu không thì hôm xử tôi thế nào cũng có đến xem. Thôi ta không nghĩ đến sự ấy làm gì, ta hãy chung sức nhau mà tìm cho ra đứa gian thì rửa nhục cho Kiều Tiên mới được. Hễ rửa được nhục rồi thì bấy giờ ta sẽ biết nàng còn hay là mất, vì lúc ấy nàng chẳng còn sợ gì ai".

Minh Đường thở ra, ngồi ngó ngọn đèn mà không nói gì nữa. Chàng mơ màng, tưởng tượng cái hình dạng Kiều Tiên, tưởng tượng lại những cái cảnh gặp Kiều Tiên để cho khuây khỏa. Minh Châu cũng không nói gì, ngồi nhìn cái hình Nguyệt Hương... Thành Trai thấy hai bạn đều ngơ ngẩn tình duyên thì cười mà khuyên rằng: "Anh Minh Châu, anh vì chuyện gì mà cũng ngồi sững sờ như vậy? Hay là chị Nguyệt Hương cũng đi lấy chồng rồi! Thôi, tôi xin anh đi, đừng làm theo cách mấy ông đồ rung đùi ngâm thơ mà lụt mất tráng chí thanh niên đi... Mơ màng làm gì, mình đứng trong cảnh thiệt mà! Còn ông Minh Đường, ông không lo nghĩ gì đến sự đáng làm mà lại lo nghĩ mãi về sự còn mất của Kiều Tiên thì còn mong gì rửa nhục cho nàng được? Xin cứ vui vẻ, cứ nhẫn nại, cứ bền chí rồi việc gì cũng làm được cả".

Minh Châu và Minh Đường đều giựt mình, đứng dậy đi qua đi lại vài vòng rồi nói: "Cũng không muốn nghĩ gì những sự đáng buồn mà sao hễ ngồi thì lần lần nhớ ra cả. Đời con người mau như

bóng câu qua cửa sổ, sự vui cứ chen nhau mà làm cho người phải nghĩ ngợi hoài! Thôi, dẹp sự buồn mà lo về sự báo thù cho bạn là hơn".

Ba anh em đều cười với nhau... Minh Đường nói: "Bây giờ ta phải chia nhau mà làm mỗi người mỗi việc mới đặng... Để tôi trở về kêu Tám Lọ đi dọ với tôi; còn ông Thành Trai, ông đã tìm ra chút gì chưa?".

– Có, tôi đã tìm ra đứa giết Thuần Phong và một kẻ làm chứng rồi.

Minh Châu và Minh Đường đều ngó Thành Trai, Thành Trai nói: "Quả thiệt như vậy, nhưng bây giờ tôi chưa tiện nói, vì hễ bọn gian nghe được thì khó bắt lắm. Nếu có gặp đứa nào cụt ngón tay áp út thì nói cho tôi biết...".

Minh Đường chận lại hỏi: "Sao? Đứa cụt ngón tay áp út là gì? Có ăn thua gì trong việc này không? Tôi có gặp nó tại *Chiêu Anh quán*".

Thành Trai mừng quá nói: "Nếu vậy thì xong rồi. Ta phải tìm bắt thằng ấy cho được vì chính nó là đứa giết Thuần Phong. Tôi đã dặn cô Tám tìm nó rồi, vậy thì ông với Tám Lọ ráng bắt nó cho được, tôi sẽ đem chứng cớ ra. Tôi phải về Vĩnh Long ngay. Ông tìm được nó thì ông tin cho tôi hay... Minh Đường mừng lắm nói nhỏ với Thành Trai rằng: "Hễ tôi tìm được thằng Bảy Lộng, tên thằng cụt đó, rồi thì ông bắt ngay tên Nguyễn Viết Sung, đừng cho nó trốn... Bây giờ ông và ông Minh Châu về ở Vĩnh Long mà giữ thằng Nguyễn Viết Sung kẻo nó hay tin thì trốn mất".

Minh Châu lấy làm lạ, Thành Trai cũng ngạc nhiên hỏi: "Sao lại bắt Nguyễn Viết Sung? Nguyễn Viết Sung là người rất tin cậy của thím tôi, có ăn thua gì trong vụ này?"

Minh Đường đáp: "Chính nó là thủ phạm. Bây giờ không thể nói nhiều được, để đến ngày ấy sẽ biết... Tôi đã dọ ra mối rồi".

Thành Trai và Minh Châu không hỏi nữa, sửa soạn đi Vĩnh Long. Minh Đường từ giã hai bạn rồi trở về.

Hàng Tâm (tên người lạ mặt đã xin lỗi giùm cho Thiện Tâm) đem Thiện Tâm về đến nhà, vực lên giường nằm. Thiện Tâm nằm một hồi rồi ngồi dậy nói: "Ông Hàng Tâm ơi, sao trong mình tôi mệt mỏi lắm, có lẽ tôi sắp chết rồi chăng? Tôi không biết vì sao mà tôi

nghĩ vơ nghĩ vẩn, nghĩ những chuyện bậy bạ hoài... Ông có cách gì giải cứu tôi chăng?... Tôi tuy không cầm được chứng cớ trong tay, nhưng tôi dám chắc rằng Thành Trai là người tình cũ Nguyệt Thanh, xin ông chỉ vẽ cho tôi làm sao trị được thằng ấy thì tôi không dám quên ơn ông".

Hàng Tâm thấy bộ Thiện Tâm tội nghiệp lắm thì nói: "Tôi khuyên ông nằm ngủ cho yên một giấc, để sáng yên trí rồi sẽ hay. Bây giờ không nên nói đến chuyện ấy nữa. Để tôi đi tìm Nguyệt Thanh đã".

Thiện Tâm lắc đầu mà rằng: "Tôi nói rằng chính Thành Trai là đứa vô nghi...".

Mới nói đến đó thì cái cửa phòng bên kia mở toang ra. Nguyệt Thanh đứng dựa vách ngó Thiện Tâm rất chăm chỉ. Nguyệt Thanh hôm nay không phải như mấy hôm trước, Nguyệt Thanh đeo tất cả các món nữ trang của Thiện Tâm đã sắm cho, nét mặt lại tươi tỉnh, nên nhan sắc càng xinh đẹp lạ lùng, dường như một vị thiên tiên mới giáng hạ cõi trần vậy, làm cho Thiện Tâm run rẩy cả mình. Nàng bước đến, chào Hàng Tâm rồi xoay lại nói với Thiện Tâm: "Em đợi ông đã lâu lắm, không hiểu vì sao mà hôm nay ông lại chẳng cho em biết ông đi đâu... Em muốn tìm ông để đi chơi với ông, té ra ông lại đi một mình... Sao mà ông tệ lắm vậy?"

Thiện Tâm thấy nhan sắc Nguyệt Thanh như thế, nghe giọng nói Nguyệt Thanh như thế thì ngồi sững một hồi... Giây lâu mới sa nước mắt mà rằng: "Em nói thiệt chăng? Em đợi tôi phải không? Em lại đây từ mấy giờ?"

Nguyệt Thanh kéo ghế ngồi một bên giường đáp rất nhỏ nhẹ dịu dàng: "Em đến khi bảy giờ rưỡi, mà bây giờ đã mười giờ rưỡi rồi... Ủa sao ông lại khóc? Ai làm cho ông phiền lòng vậy?"

– Em đợi tôi ba giờ đồng hồ rồi sao? Tôi làm cho em đợi tôi ba giờ đồng hồ, dài dăng đẳng sao? Em tha lỗi cho tôi nghe... Mà nếu tôi có lỗi em có thứ cho tôi chăng?

– Ông có lỗi gì?

– Cũng vì tôi là đứa hay nghi lắm nên tôi cứ nghĩ vu vơ... Tôi sợ em không thương tôi...

– Sao ông nói lạ vậy? Em được ông thương, em được ông hậu đãi, có lý nào em sanh lòng gì khác? Ông đừng nghi lắm mà có khi phải sanh ra sự đau đớn nhiều... Ông mệt lắm phải không? Thôi, ông hãy nằm nghỉ đi để em về, ngày mai em sẽ lại thăm.

– Em về sao? Không, không, em ngồi lại đây một chút cho tôi nói chuyện... Có ông Hàng Tâm là người em thường khen đó, ông cũng muốn biết tấm lòng của em đối với tôi ra thế nào. Em ơi, em nói cho thiệt, em muốn cho tôi sống thì em cứ nói, bằng không thì em bỏ tôi đi, để cho tôi nhắm mắt cho êm, kẻo tôi đau đớn hoài, khổ lắm".

Nguyệt Thanh nhíu chơn mày ngó Thiện Tâm, rồi ngó Hàng Tâm mà rằng: "Sao vậy ông? Chắc là có chuyện gì xảy ra bất trắc nên mới có lời nói này. Xin ông tỏ cho tôi biết vì sự gì vậy?"

Hàng Tâm nói rằng: "Không có sự gì lạ. Hôm nay ông Thiện Tâm nghi rằng cô không có chút gì thương ổng, nên ổng hóa ra điên... Trong lúc điên cuồng không suy nghĩ gì cả đến tại nhà hàng mắng ông Cử Trai thậm tệ, nghi cho ông Cử có tình ý với cô. Nếu không có tôi đến giải hòa kịp thì chắc là sanh ra chuyện lôi thôi rồi! Cô nghĩ thử coi, người tai mắt với nhau mà sanh ra chuyện cãi nhau về một chút mọn nầy thì còn gì danh giá? Tôi biết cô là người chín chắn nên tôi muốn đến nói một lời... Họa may sau này mới khỏi sanh ra chuyện khác nữa".

Nguyệt Thanh thở ra mà rằng: "Ông Thiện Tâm vẫn hay nghi ngờ bậy bạ... Tôi như thế này mà lại có những chuyện kỳ khôi ấy sao? Mà sao lại không xem theo người; tôi tưởng chừng ông Cử Trai cũng không đến nỗi hèn đến thế... Ông Thiện Tâm, ông xem em thường quá, ông có nhớ đêm hôm trước không, nếu em không để cho ông sửa mình cho chính đính thì em đã xa ông rồi. Em mong cho ông trở nên xứng đáng mà ông lại cứ đem ông vào hang sâu vực tối mãi. Nếu ông còn nghi ngờ sự gì thì ông cứ tự ý xa em, em có bắt buộc gì đâu mà phải dở ra những cách ấy?... Ông mắng ông cử Trai tức là ông mắng em đó, vì ông tưởng em như là hạng tầm thường kia. Sao ông lại không biết rằng em thương ông...?".

Hàng Tâm nghe Nguyệt Thanh nói rất cặn kẽ thì đứng dậy bước ra nhà khách để cho Nguyệt Thanh và Thiện Tâm chuyện trò... Thiện Tâm vùng cầm tay Nguyệt Thanh mà rằng: "Sao? Em thương

tôi thiệt sao? Em nói lại một bận nữa cho tôi nghe kẻo tôi sợ tôi nghe lầm chăng?".

Cái bàn tay Nguyệt Thanh lúc ấy lạnh ngắt như đồng; nàng nhắm mắt, thở ra mà rằng: "Thiệt, em thương ông thiệt mà".

Thiện Tâm mừng quá đứng dậy, con mắt ngó con mắt Nguyệt Thanh mà rằng: "Em thương tôi sao em lại làm cho tôi đau đớn hoài... Em có bộ rất lãnh đạm với tôi mà rất đậm đà với mấy người khác... Em thương tôi thiệt phải không? Ừ, mà chắc là em mới thương tôi hôm nay, vì mấy lúc trước em không đeo đồ nữ trang của tôi sắm cho em... Em ơi! Thương tôi với kẻo tôi đau đớn lắm".

Nói rồi cúi đầu xuống nước mắt tuôn ra như mưa... Nguyệt Thanh nghiến răng, nhích miệng cười hơi rằng: "Em thương ông lâu rồi chớ phải một ngày một bữa gì sao? Mà từ rày về sau ông đừng xa em một bước nào cả thì em mới vừa lòng, không thì em buồn lắm".

Thiện Tâm mừng quá, níu tay Nguyệt Thanh muốn ôm nhưng Nguyệt Thanh xô ra nhẹ nhẹ mà rằng: "Ông đừng làm cách ấy mà em không vui... thôi ông nằm ngủ đi, để cho em về".

Thiện Tâm lật đật thả tay ra, không dám ép, liền kêu Hàng Tâm mà rằng: "Ông Hàng Tâm ôi, ông Hàng Tâm! Tôi bây giờ lại là một người sung sướng nhất trên đời rồi... Nguyệt Thanh thương tôi, và không muốn cho tôi đi đâu cả, ông nghĩ vậy đã sung sướng chưa?"

Hàng Tâm không nói gì hết chỉ ngó Nguyệt Thanh một cách lạ lùng rồi từ giã ra về... Nguyệt Thanh cũng nối gót đi ra thì Hai Dần đã đánh xe đến. Nàng hỏi nhỏ rằng: "Anh đã dọ rõ ràng chưa? Mai sáng này thì bà thân Thiện Tâm lên phải không? Sáu giờ mai anh đánh xe lại đón Thiện Tâm về nhà tôi nghe".

Hai Dần thưa rằng: "Quả như vậy, mai sáng này thì bà Hội đồng Lân với cậu Phạm Nhựt Kỳ và cô Lệ Tuyết sẽ đến chắc là vì ba bốn cái thơ trước thôi thúc cậu Thiện Tâm về mà không được, nên bây giờ lên đó chớ gì".

– Chớ sao? Nhưng dẫu cho có lên đi nữa, tôi cũng không cho gặp Thiện Tâm. Thiện Tâm đã khinh bỉ tôi thì bây giờ tôi lại làm cho tất cả các hạng người khinh bỉ lại... Còn việc kia thì sao?

Xe đã chạy dông về gần đến nhà, Hai Dần cho ngựa đi thủng thẳng, thưa rằng: "Tôi nghe ông Thành Trai còn đang tính kế để bắt đứa gian nhưng chưa rõ: còn ông Minh Đường thì vẫn cứ buồn bực mãi... Tôi sẽ theo dọ coi thử ra sao, vậy chớ cô chưa được thơ ông Thành Trai sao?"

– Chưa!

Xe dừng, Nguyệt Thanh vào, đi thẳng lên lầu cởi đồ ra mà miệng cười một cách cay đắng rằng: "Đồ ngu dại thô lỗ, mày còn quen cái tánh hà hiếp khinh bỉ kẻ gái cô thế nữa thôi. Ngày nay mày đã bắt đầu làm tôi mọi cho ta, mày đã bắt đầu đền tội lỗi của mày. Mày là đứa tao báo thù thứ nhứt, còn những bọn khác rồi sẽ coi ta... Mai đây mẹ mày lên tìm mày, mà mày có được gặp đâu; mày sẽ làm cho mẹ mày phải khổ sở... Không biết cậu Phạm Nhựt Kỳ ngày nay ra sao? Có sửa đổi tánh nết mà làm cho vui lòng bà Phủ chăng? Em Lệ Tuyết năm nay cũng lớn rồi, không biết học hành ra sao? Muốn thăm em quá mà không làm sao thăm được...

Nàng đang bỏ đồ vào tráp thì Ba Hoa chạy lên đưa một phong thơ bao xanh cho nàng. Nàng mừng lắm vì cái màu xanh tức là cái màu hy vọng. Nàng xé ra xem thì là thơ của Thành Trai, nhưng viết một cách ít ai hiểu được, chỉ có một nàng biết mà thôi.

"Cô Nguyệt Thanh,

Cô cứ có hy vọng. Nay mai thì sẽ thành công, bọn gian sắp ra mặt cả. Tôi phải đi Vĩnh Long, còn bạn cô thì ở Sài Gòn, mỗi người một việc, không để bê trễ được. Cô không nên trả thù cách độc ác lắm, chỉ nên làm cho đứa vô lễ ăn năn là hơn. Mẹ già em dại, còn cần sự đầm ấm êm đềm về sau. Thôi, chúc cô mạnh. Còn nhiều hy vọng..."

Nguyệt Thanh đọc qua mấy câu ấy mà có ý vui mừng lạ lùng. Nàng đốt thơ rồi nói thầm rằng: "Thủng thẳng rồi sẽ coi... Bây giờ xem mấy cái thơ của mấy người này đã".

Nàng ngồi bàn viết, lấy dao rọc từ cái thơ ra xem.

"Cô Nguyệt Thanh,

Hôm qua tiếp được thơ cô, chị em lấy làm cám cảnh lắm. Chị em khóc vùi vì những câu khuyên lơn của cô, và xem ý tưởng của cô thật đã cao xa thay! Chị em em chỉ nhìn nhau. Té ra cô cũng còn

nhớ đến những kẻ ở trong hai căn phố khả ố nầy! Té ra cô cũng là người rất trong sạch, rất cao thượng trên đời. Hai anh em vì về Bến Tre nên chưa được chia mừng với chị em... Hai anh em cũng ngậm ngùi như chị em em, mà chắc là không từ chối được. Chị em em muốn lại quì chấp tay cung tụng ân đức của cô nhưng vì lời cô căn dặn mà không dám. Tuy là không đến quì trước mặt cô thiệt, nhưng cô cũng có thể tưởng tượng được chị Xuân em quì trước hình ba em, còn em và Cẩm Lệ quì sau lưng chị Xuân em mà cầu nguyện... Chị em em cảm tạ ân đức Trời Phật lắm.

Thưa cô, em vẫn còn nhớ những lời vàng ngọc mà ngày cô ghé nhà em, lúc em còn nhỏ xíu, cô đã chỉ biểu cho em. Hằng ngày chị em thường nhắc nhở cô, có viết hai ba cái thơ cho cậu Trường Khánh mà không được tin trả lời, chị em buồn lắm. Phải chi mà chị em không cần phải ở Sài Gòn để lo cho em út thì chị em đã đi Huế chơi rồi... Riêng phần em, em được tin cô thì em mừng vô cùng. Em đọc mấy lời cô dạy em khóc hết nước mắt. Em biết rằng chị Tư em cực chẳng đã mới phải liều thân liễu yếu mà lo cho bầy em, chớ không phải là tham sự sung sướng như bọn khác. Em nghĩ mà đau đớn trong lòng quá, anh năm em có xin chị em về mua nhà ở chốn đồng ruộng mà hưởng chút thanh tịnh nhưng chị em không chịu, chị em dạy rằng mấy em chưa thành đạt, dẫu cho hai anh em đã đậu tốt nghiệp mà cái bằng cấp ấy cũng chưa ăn thua gì. Chị em đã thay mặt cha mẹ thì phải lo cho trọn phận sự, nghĩa là sức hai anh em muốn học tới đâu thì chị em lo đến đó. Nay cô đã cho món tiền, giúp anh em qua Pháp học cho thành tài thì chị em sẽ gởi hai em vào Nữ học đường rồi về mua nhà ở Bến Tre mà ở cho an phận...

Vậy xin mời cô chiều mai lên nhà em chơi để cho chị em em thăm một chút cho thỏa lòng.

Nay kính,
Em: DƯƠNG CẨM NHUNG"

Nàng cầm bức thơ nơi tay, ngó lên tấm tranh thủy mạc trên vách mà nói thầm rằng: "Tiền bạc để làm gì mà không giúp cho những học sanh nghèo đi du học? Thiện Tâm đem tiền vứt bỏ không biết bao nhiêu mà có ích gì đâu; nay ta chiếm giữ một phần tiền của Thiện Tâm, ta nên nhơn đó mà giúp cho những người có chí.

Hai em của cô Tư Xuân đều có tư chất mà hằng ngày thường than rằng nghèo, không thể triển chí được: nếu để cho chị lo mãi thì không an lòng, mà ra làm việc kiếm tiền, thì vào lòn ra cúi, thân mọn mãy bao giờ cũng mọn mãy. Người còn thanh niên mà nói được những câu ấy há chẳng là thân hữu dụng cho ngày sau sao? Ta giúp cho hai người triển được chí, thành được tài thì chẳng những ta vui lòng mà ngày sau mẹ ta em ta, Minh Đường, Thành Trai cả thảy cũng đều thỏa dạ. Trong bước linh đinh mà không bỏ mất thì giờ vô ích, trong lúc cầm được tiền bạc của người mà không xài lãng phí, biết quí đồng tiền, biết dùng đồng tiền thì cũng đỡ hổ với lương tâm. Cẩm Nhung mời ta lên chơi, mà ta chưa lên được... Thôi để ta viết thư lại cho em hay kẻo em trông đợi tội nghiệp".

Nàng giở bức thơ khác ra xem. Bức thơ này chữ viết rất non nớt vụng về tỏ ra một người đàn bà con gái ít hay viết, mà trong lúc viết lại cảm xúc quá nên nét chữ run. Nàng nhìn nét chữ một hồi, chưa đọc chữ nào mà đã than rằng: "Một người con gái hiền đức như vậy mà ở vào cái cảnh nhà nghèo khổ thì khó mà giữ cho trong sạch tấm thân được. Nhan sắc như hoa, mà đứng trong cảnh ấy thì tránh sao cho khỏi những hạng người như Thiện Tâm?... Nếu ta không đem nàng và bà thân nàng về ở đây thì ta vẫn không yên bụng. Ta chưa biết rõ tông tích nàng ra thế nào, nhưng không hiểu vì sao mà ta lại thương nàng... Nét mặt của nàng sao giống em Kiều Nga quá! Thôi, ta không nên bỏ qua những việc đáng làm".

Nàng liền đọc bức thơ:

"Thưa cô,

Em được thơ cô, đọc cho má em nghe rồi hai mẹ con em ôm nhau mà khóc mãi. Em chỉ gặp cô một lần, em không hiểu vì sao mà cô lại đoái thương lo lắng cho em như thế. Em cũng muốn vâng lời cô lắm, ngặt vì lúc này mẹ con em không thể nào bỏ cái nhà này mà đi đâu được. Còn ở đây tức là còn nhiều hy vọng, em có hy vọng về sự khác cô à... Xin cô chớ gởi tiền, đã có người giúp mẹ con em rồi mà người ấy đã hứa đem sự vui mừng lại cho mẹ con em. Cô là một vị thần cứu khổ, cô là một vị thuốc cứu tật, khi mẹ con em nghe được lời khuyên lơn của cô thì bỗng nhiên trong mình được nhẹ

nhàng... Để rồi em sẽ xin xuống hầu thăm cô mà cảm tạ cái ơn đức của cô. Một lời nói êm đềm quí hơn ngàn vàng!

Kính chúc cô được nhiều phước lộc.

LIỄU CHI"

Nàng cầm bức thơ, ngơ ngẩn hồi lâu: "Lạ kìa, em Liễu Chi này có hy vọng về sự gì? Ta cũng còn nhiều hy vọng, mà hy vọng của ta chắc ít ai có... Sao em lại nói rằng em không thể bỏ cái nhà ấy được, vì nếu bỏ cái nhà ấy thì tức là mất hy vọng. Nếu vậy thì cái nhà ấy cũng chiếm hết một phần quan hệ trong hy vọng của em. Em nói chưa rõ ràng, thôi để mai ta sẽ đến thăm em và hỏi chuyện em. Ai mà lại hứa đem sự vui mừng lại cho em? Người đời giả dối nhiều lắm, nếu ta không hỏi cho kỹ thì có lẽ em lầm. Nhan sắc em nguyệt thẹn hoa nhường, chắc gì lại không, có đứa muốn lợi dụng mà tiếng kèn tiếng quyển, để phá hại danh giá em? Ta phải lo vì ta cũng đã gặp những cảnh ấy rồi...". Nàng đứng dậy, tắt đèn bước lại cửa sổ dòm ra ngoài mà trong óc nghĩ ngợi muôn ngàn chuyện... Trót năm nay chẳng những là nàng lo cho nàng mà nàng lại còn lo cho nhiều người... Bất kỳ chỗ nào có ai nghèo khổ đau đớn thì nàng thân hành đến thăm viếng, giúp đỡ. Những người nghèo lang thang rách rưới thấy được nàng cũng như gặp cứu tinh... Ai lại không thương nàng, ai lại không kính nàng! Ôi, một tấm lòng quảng đại bác ái như thế há không đáng được sung sướng sao? Thế mà vẫn đau đớn, đau đớn cho người, đau đớn cho mình!

Nàng đứng nhớ lại chuyện xưa, trong lòng chan chứa cả nỗi sầu khổ... Thành Trai biểu nàng đợi, bảo rằng hy vọng còn nhiều... Ừ sống mà đợi, mà ước mong, song đợi đến chừng nào? Năm năm nay nàng đợi chờ, ước mong, cầu khẩn mà có thấy gì đâu!...

Nàng đang đứng ngẩn ngơ nhìn trụ đèn điện dưới lề đàng bỗng nàng giựt mình... Một người mặc áo quần đen, đội nón kết, hai tay thọc trong túi quần đứng dưới gốc cây ngó chăm chỉ lên trên lầu nàng... Người ấy là ai? Nàng không biết; nhưng nàng nghi lắm. Có lẽ cũng một bọm nào toan rình mò gì đây! Nàng liền bước xuống kêu Hai Dần mà rằng: "Anh mau mau ra cửa sau theo rình người mặc đồ đen đội nón kết đứng phía trước kia xem thử nó làm gì, rồi anh cho tôi hay".

Hai Dần vâng lời ra đi. Nàng trở lên lầu, dòm xuống cũng vẫn thấy người ấy đứng dưới gốc cây... Giây lâu người đội nón kết ấy lại đánh quẹt hút thuốc, rồi đi thủng thẳng qua lại trên đường... Càng đi lại càng lần đến gần bên cửa. Nàng càng thêm nghi... Một lát có một cái xe kéo đến, người ấy leo lên bảo chạy... Nàng cười rằng: "Ta khéo nghi nan vô lối quá, người ấy đi rồi, chắc là họ đợi xe kéo chớ không ý gì khác... Thôi để Hai Dần theo coi thử có chuyện gì không".

Nàng toan trở vào bỗng thấy cái xe ấy quày trở lại, đi thủng thẳng từ bước, từ bước. Người đội nón kết lại đánh quẹt hút thuốc một lần nữa... Nàng nghe tiếng chơn đi lên thang lầu... Nàng lật đật bước qua phòng khép cửa lại, dòm ra lỗ chìa khóa... Chẳng bao lâu thấy có dạng người đi nhẹ nhẹ... Nàng nhìn thật kỹ nhưng tối quá không thấy gì hết. Trong lòng nàng hồi hộp, không hiểu chuyện gì... Nàng đang run rẩy thì người ấy bóp cây đèn ló nho nhỏ... Nàng thấy rõ là Thị Lục thì nàng lấy làm lạ hơn nữa... Nàng xem thử nó làm gì... Thị Lục hốt hết thơ từ của nàng trên ghế, bỏ vào túi rồi tắt đèn bước xuống... Nàng giận lắm muốn ra bắt Thị Lục, để gởi nó đến tòa cho đáng tội vì nó đã chực hãm hại nàng một lần rồi, nhưng nàng lại nghĩ: Nếu bắt nó thì dễ mà lại không hiểu được sự gì khác, chi bằng cứ để cho nó đi, xem thử nó làm gì... Nàng ra dòm thì thấy Thị Lục đi tuốt ra đàng, thẳng lại cái xe kéo đưa xấp thơ cho người đội nón kết. Xe chạy, Thị Lục trở vào... Nàng vói trông thấy một người cỡi xe máy đạp đi theo xe ấy. Nàng biết là Hai Dần.

Nàng muốn kêu Thị Lục mà nàng lại thôi... Nàng chắc là Hai Dần sẽ biết được nhiều chuyện hay.

Nàng cứ im, vào phòng nằm thao thức mãi... Người đội nón kết ấy là ai? Vì cớ gì mà lại muốn xem thơ từ của nàng? Hoặc là người ấy là tay sai của Thiện Tâm chăng? Nàng không chắc sự gì cả nên ngủ không được... Nàng trông Hai Dần về.

Hai Dần ở với Nguyệt Thanh hơn một năm nay, đã đi thám thính không biết bao nhiêu chỗ. Nhơn được chút tánh chất thông minh và tấm lòng rất trung hậu nên thường làm việc không sai chạy. Người bẩm thọ được sức lực mạnh mẽ, bất kỳ làm gì cũng nổi mà quí nhứt là cái óc rất là mạo hiểm. Khi vâng lịnh Nguyệt Thanh

theo dọ người đội nón kết thì va lấy xe máy, đi ngõ sau ra phía trước, núp bên tường rình thấy Thị Lục đem thơ cho người đội nón kết thì giận lắm, nhưng không nói gì, cứ để cho Thị Lục vào rồi mới đạp xe theo người ấy... Đến nhà ngủ *Lương Hữu,* xe kéo để xuống, người đội nón kết trả tiền rồi đi tuốt lên lầu, Hai Dần cho xe đi chậm chậm chờ xe kéo đi ra đàng Charner rồi mới trở lại vào nhà hàng biểu đem xúp ăn... và ăn và suy nghĩ cái cử chỉ của người lạ lùng ấy... Muốn biết cho rõ người này tính làm sự gì thì phải đến tận nơi mới được. Hai Dần ăn xong toan mướn phòng ngủ để dọ thì người ấy đi trở xuống... Bây giờ lại khác hồi nãy, đầu đội nón nỉ đen, mặc quần Serge... Hai Dần cố dòm cho thấy mặt nhưng vì người ấy đi mau quá... Va muốn hỏi tên bồi nhưng lại sợ người ấy đi mất, mới lật đật trả tiền và chạy theo.

Người ấy không đi xe, thọc tay vào túi quần thả bộ ra đàng Catinat, đi thủng thẳng. Khi đến gần nhà hát tây thì đứng lại, bỗng có một cái xe hơi chạy đến... Người ấy bước lên, nói nhỏ với tên sớp phơ vài tiếng tức thì xe chạy như bay. Hai Dần đứng xa xa trông theo mà rằng: "Nó đi đâu mà gấp quá vậy kìa? Mình ăn mặc như vầy mà theo nó thì nó nghi, còn bỏ nó thì không hiểu nó đi đâu. Mình về thưa lại với cô làm sao bây giờ? Mà theo nó đến đâu? Thôi chi bằng trở về nhà ngủ hỏi thăm coi thử bọn bồi có biết chút đỉnh gì không, rồi về cho sớm vì mai còn phải đi rước Thiện Tâm... Hai Dần trở lại *Lương Hữu* thì cửa đã đóng, chỉ còn một cánh khép hơi hơi.

Xô cửa bước vào thì thấy một tên bồi nhỏ đang ngồi đọc truyện. Nó thấy Hai Dần thì hỏi: "Anh muốn dùng món gì?"

– Qua muốn hỏi em một chuyện... Vậy chớ người đội nón nỉ đen mới ra đó là ai?

– Cậu Ba Vĩnh Long đó. Cậu sang lắm. Anh hỏi cậu làm gì?

– Qua muốn hỏi thử cho biết cậu có *hảo ngọt* không. Nếu có thì qua đem mối giùm. Qua thấy sang quá nên muốn kiếm chút đỉnh xài chơi.

– Sang lắm mà không *hảo ngọt* đâu. Anh cũng biết bồi ở nhà ngủ lợi hại chớ; ai để cho anh tranh mất mối sao; nhưng mà từ hôm cậu lên đây, cậu chưa hề biểu kêu cô ả nào. Tôi có nói mại hơi mà cậu cười, cho tôi năm cắc và nói: "Tao không muốn những sự đó... Vì tao

lúc này nhiều việc, để khi nào rảnh sẽ hay". Anh biết những cậu như vậy rộng rãi lắm chớ, mà mình cạy không được nhiều, phiền quá.

– Cậu ấy ở đây bao lâu rồi?

– Một tuần nay. Cậu ấy đi hoài, ít hay ở nhà mà cũng ít hay tiếp ai. Lúc nào rảnh thì coi sách chơi mà thôi.

– Vậy thì không có ai lại thăm cậu sao?

– Tôi chưa thấy ai lại cả. Mà cậu thì hay đi thăm nhiều người lắm.

– Sao em biết hay đi thăm nhiều người?

– Tôi có hỏi một lần... Cậu nói đi thăm người quen.

– Cậu tên gì em biết không?

– Danh thiếp đề là Nguyễn Viết Luân.

– Ở Vĩnh Long phải không?

– Phải, vì ở Vĩnh Long nên người ta kêu là cậu Ba Vĩnh Long.

Hai Dần ngồi suy nghĩ, kêu lại trí nhớ mà không ra, vì chưa hề nghe đến tên ấy bao giờ: "Có hương hào Nguyễn Viết Sung, chớ Nguyễn Viết Luân là ai mà từ hồi nào mình không nghe đến tên kia. Ở Vĩnh Long các nhà giàu có như ông Phán Nuôi, thầy thông Thoại, bà Phán Trần, thầy thông Thiện, thầy thông Bường, mình đều biết cả mà! Nguyễn Viết Luân? Có ai tên ấy mà giàu có đâu kìa? Nếu người ta kêu là cậu Ba Vĩnh Long thì tức là giàu có lắm. Hay là ở ngã tư chăng? Thôi, cũng không cần gì biết tên, mình cần biết vì có gì mà người ấy lại thông đồng với Thị Lục để lấy thơ từ của cô mình mà thôi. Để rồi mình sẽ trở lại coi".

Suy nghĩ rồi Hai Dần cười: "Nếu vậy thì nghề làm ăn của mình không xong rồi. Thôi để khi khác sẽ hay, qua về nghe em".

Tên bồi cũng cười... Hai Dần lên xe tuốt về nhà thì đã bốn giờ khuya...

Sáu giờ, Nguyệt Thanh dậy trang điểm rồi bước ra ngoài giả bộ thất sắc kêu Hai Dần, Thị Lục và Ba Hoa lên mà rằng: "Hồi khuya có kẻ trộm vào nhà, ba người có biết không?"

Thị Lục cúi mặt xuống hỏi rằng: "Nó có lấy gì không cô? Thiệt tôi không hay gì hết".

Ba Hoa lắc đầu mà rằng: "Bữa nay sao tôi ngủ mê quá, không nghe gì hết. Có mất gì không cô?"

Nguyệt Thanh nói thủng thẳng rằng: "Kẻ trộm này lạ lắm, nó không chủ ý trộm tiền bạc, nó chỉ cố lòng lấy thơ từ của tôi mà thôi. Tôi nói cho mấy người biết rằng sự này là một sự lạ, tôi suy nghiệm chưa ra, vậy chớ có ai đoán được chút đỉnh gì thì nói cho tôi biết. Thơ từ của tôi không quan hệ gì ai, mà sao họ lại muốn lấy làm gì?"

Thị Lục giả cười mà rằng: "Chắc là có sự gì đó chớ khi không ai lại lấy thơ làm gì. Trong thơ cô có nói chuyện gì không?

Nguyệt Thanh ngó Thị Lục một cách khinh bỉ, rồi nói dịu dàng rằng: "Tôi không nói chuyện gì khác hơn chuyện này: Hôm trước có một người ở với tôi mà tôi vẫn xem như tay chơn, trở lại hãm hại tôi. Người ấy chỉ tham đồng tiền mà không tưởng tình thầy trò, mong dùng thuốc mê chế vào sữa cho tôi uống...".

Nói vừa đến đó thì mặt Thị Lục xanh ngắt như tàu lá, mồ hôi trán đổ ra như sương. Ba Hoa và Hai Dần đều chăm chỉ ngó... Nguyệt Thanh nói tiếp, giọng nói cũng dịu dàng như trước: "Nếu tôi không tinh ý, nếu tôi không biết nghi ngại thì cái thân của tôi đã vì đứa ở bất lương kia mà tiêu tan rồi. May mà con mắt của tôi thấy rõ nên mới tráo ly thuốc mê cho nó... Nó liền mê thay cho tôi. Nhờ vậy mà kẻ lục tử kia không thể vớ vào mình tôi được... Đó, thơ tôi nói như vậy đó, có quan hệ gì ai không?".

Lúc bấy giờ Thị Lục không nói gì đặng, cúi mặt không dám ngó lên mà tay chơn run rẩy, trống ngực đánh phình phịch. Nguyệt Thanh thở ra mà rằng: "Lẽ đời thường như vậy, dẫu có ở tử tế với họ bao nhiêu đi nữa họ cũng sanh lòng phản. Nuôi ong tay áo, phỏng ai có chịu được không? Tôi đã rộng lòng dung thứ cho đứa bất nhân ấy một lần rồi mà nó không nghĩ, nó lại còn lấy thơ từ của tôi nữa. Nếu tôi như ai, tôi đã bắt nó và đem nó ra tòa rồi, nhưng tôi không nỡ. Nó dại dột chỉ nghe theo lời người ta dụ dỗ mà quên rằng chủ nó sẽ bị người ta hãm hại nếu nó trung thành với người hơn là trung thành với chủ. Tôi muốn hành phạt nó cho xứng đáng nhưng tôi nghĩ rằng bỏ nó vào tù rạc, ở chung chạ với bọn giết chồng hại con

thì cũng tội nghiệp cho phận nó... Thôi, tôi nói sơ sơ vậy cho mấy người nghe, còn đứa nào có tịt thì biết lấy... Anh Hai Dần đem xe qua rước cậu đi... Còn Ba Hoa thì dọn phòng dưới nhà cho cậu nằm... Chị Lục lo nấu dọn cho ngon nhé".

Hai Dần và Ba Hoa đi rồi mà Thị Lục còn đứng sững chừng như người bị ai trồng vậy. Nguyệt Thanh nói nhỏ nhỏ rằng: "Thôi, chị hãy đi lo công việc đi, tôi không nỡ hại những ai đã ở trong nhà tôi đâu. Tôi không muốn cho người ngoài biết rằng trong nhà tôi có người bất lương".

Thị Lục không bước đi được, đứng một hồi rồi vùng té quị xuống, mặt tái như gà cắt tiết vậy... Nguyệt Thanh lật đật đỡ dậy, để nằm trên ghế dài của nàng, lấy dầu xức cho... Giây lâu Thị Lục mở mắt thấy Nguyệt Thanh ngồi một bên, mặt không có chút gì giận mà lại còn sầu thảm nữa thì vùng khóc lớn lên... Nguyệt Thanh an ủi rằng: "Chị ở với tôi cũng đã lâu rồi; chị cũng biết tánh ý tôi ra sao rồi, tôi chưa hề nói một tiếng gì mích lòng chị, vì công việc trong nhà đều ổn thỏa cả. Tôi thương người dưới tay lắm; nếu ai dụ dỗ chị mà chị nói lại cho tôi hay thì tôi thưởng chị không biết chừng còn nhiều hơn họ nữa. Chị đã được tiền mà chị lại còn được tiếng trung hậu. Có gì chị lại không chịu nói với tôi mà lại lo mưu ám hại tôi? Chị biết rằng tấm thân của tôi quí hơn tất cả vàng bạc, châu báu ở đời, tôi không hề vì của cải mà hủy hoại thân thể, sao chị lại vì tiền bạc mà muốn làm cho tôi hóa ra con người thất tiết? Chị làm không thành, tôi đã tha cho chị, nay chị còn trộm thơ từ tôi mà giao cho người khác nữa! Nhưng mà thôi, người nào cũng đều có lầm lỗi cả, chỉ quí tại mình biết ăn năn. Tôi thấy chị xanh mặt, tôi thấy chị khóc lóc, tôi biết rằng chị là một người tốt. Thôi vậy cũng đủ rồi: chị không nên khóc làm gì nữa".

Thị lục đứng dậy, thưa rằng: "Cô thật là một người rất quảng đại, xưa nay tôi chưa từng thấy bao giờ... Tôi xin cô tha tội cho tôi, tôi thú thật rằng tôi không có chút lòng gì mong hãm hại cô cả, tôi chỉ tham tiền mà thôi..." Nguyệt Thanh gật đầu mà rằng: "Tôi vẫn biết chị không có ý ấy nhưng chị làm một món lợi khí cho người. Chị không muốn hại tôi mà người khác muốn hại tôi. Vậy thì chị nói thiệt cho tôi biết người biểu chị lấy thơ tôi đó là ai và muốn làm gì. Chị đã biết rằng chị ở với tôi mà trở lại hại tôi là một điều tội

lỗi rất lớn, vậy thì chị cứ nói thiệt mà chuộc tội lỗi lại, tôi cũng sẽ tha thứ cho chị".

Thị Lục lau nước mắt, thưa: "Tôi cũng chẳng muốn giấu cô làm gì... Vốn tôi thì không biết người ấy, nhưng hôm trước tôi có gặp tại giữa đàng. Người ấy chào tôi và hỏi trước tôi rằng: "Có phải chị ở với cô Nguyệt Thanh chăng?". Tôi nói phải, thì người ấy lại nói: "Nếu chị muốn được một số tiền để ngày sau về buôn bán, một số tiền chừng năm ba ngàn đồng, thì chị nghe lời tôi". Cô nghĩ, thân hèn mọn như tôi mà nghe một số tiền lớn lao như vậy, làm sao mà không động lòng tham. Tôi có hỏi thì người ấy biểu tôi cho biết cô thường thường giao thiệp với ai, và lấy thơ từ cho người ấy thì người sẽ thưởng tôi. Tôi đã lỡ dại, nay thấy cô quả là một người khác thường nên không lẽ tôi lại cứ giữ cái tánh xấu ấy mãi. Tôi chưa biết người ấy tên gì".

Nguyệt Thanh ban đầu ngỡ là Thiện Tâm té ra không phải nên càng chú ý lắm. Nàng hỏi: "Vậy mà chị đã cho nó biết tôi giao thiệp với ai chưa".

– Chưa, tôi mới đưa xấp thơ mà thôi.

– Làm sao mà tin cho người ấy biết để đến đây?

– Tám giờ tối thắp hai ngọn đèn trong nhà bếp thì người ấy đến.

– Sao chị không hỏi người ấy vì sao mà muốn biết tin tức của tôi?

– Có hỏi mà người ấy chỉ nói rằng vì lúc trước có một người bạn gái giống cô, đi mất biệt đã lâu rồi. Nay muốn tìm lại nhưng không có dịp gặp cô vì cậu hay ghen lắm.

Nguyệt Thanh lấy làm lạ... Nàng chỉ có một Minh Đường, mà người hồi hôm thì cao lớn đẫy đà hơn. Cách đi đứng cũng không giống chút nào! Nghĩ tới cái hình dạng ấy thì nàng giựt mình... Ai mà biết nàng là người lúc xưa? Hay là những kẻ gian ác đã tìm tòi kẽ vạch ra rồi! Nàng nói: "Thôi, bây giờ chị cứ giả đò theo nó, bất kỳ nó muốn sự gì thì chị cho tôi hay, tôi sẽ tìm cho biết nó là ai. Chị đi lo nấu ăn đi kẻo cậu qua bây giờ".

Nói chưa dứt lời thì Thiện Tâm đã bước lên, mặt mày vui cười hớn hở. Nguyệt Thanh đứng dậy giả làm ra cách thân yêu lắm, chào

rằng: "Hồi hôm ông ngủ có được không? Em về nhớ đến mấy lời ông, em đau đớn quá. Thôi, bây giờ ông qua đây ở chơi với em ít hôm, em muốn đi chơi với ông, vậy ông có chịu không?

Thiện Tâm mừng quýnh, chạy lại gần một bên nàng mà rằng: "Thật là sung sướng nhất trên đời! Sao hôm nay em lại nói tinh những câu làm cho tôi không biết tôi là người nữa. Tôi tưởng tôi là Lưu Thần hay là Nguyễn Triệu chi đây nên mới lạc bước Thiên Thai như vầy. Em hay nói chơi lắm, hôm nay có thiệt không?"

Nguyệt Thanh mỉm cười mà rằng: "Sao lại không thiệt. Nhưng mà ông cũng phải giữ cho xứng đáng; nếu không thì em xin mời ông trở về. Thôi, đi xuống xem phòng cho biết".

Nàng vừa nói vừa đi trước, Thiện Tâm theo sau xuống tầng dưới qua khỏi phòng ăn thì đến phòng dọn cho Thiện Tâm ở. Phòng chưng diện rất đẹp đẽ nhưng chẳng món chi mừng rỡ bằng một bức ảnh của Nguyệt Thanh treo trước bàn viết. Hình ấy cao bảy tấc, nét vẽ rất sống sít. Thiện Tâm đứng nhìn sững cái hình, dường như thân cậu đã đến chốn bồng lai rồi. Giây lâu cậu mới nho nhỏ rằng: "Té ra cũng có ngày tôi được như vầy sao? Cũng có ngày em cho tôi ngồi nhìn tấm hình em một cách thong thả sao? Em ơi, tôi cảm động lắm, thiệt là em cứu tôi khỏi chết đó. Tôi xin ở đây, giữ xứng đáng để một ngày kia được gần gũi một bên em".

Nàng gật đầu thưa rằng: "Phải đó, ông ráng mà giữ mình cho xứng đáng, em bao giờ cũng muốn cho ông được sung sướng cả. Em sở dĩ mà nói với ông một cách lạt lẽo là vì muốn làm cho ông bỏ những tật xấu mà thôi. Đó, ông xem thử cái phòng này, em biểu treo bức ảnh em là ý muốn cho ông vui lòng. Mỗi khi sớm tối ông đều có bạn gần một bên ông".

Thiện Tâm chưa bao giờ được nghe những lời êm ái, dịu dàng ấy, nay bỗng nhiên mật rót vào tai thì bảo sao không quên cả gia đình, sự nghiệp. Ba Hoa vào mời ra dùng điểm tâm, Nguyệt Thanh nói: "Em biết ý ông lắm, ông thường ưa dùng món gà rút xương nên em đã chỉ cho chị Lục làm rồi. Ông ăn thử coi có được không?"

Thiện Tâm cảm ơn rằng: "Em đừng lo tôi lắm, ở đây mà ăn gì tôi cũng tự lấy làm sung sướng, chớ xa em thì dẫu ăn vàng tôi cũng không ngon".

Lúc đang chuyện trò vui vẻ, Hai Dần bước vào tay cầm một cái thơ đưa cho Thiện Tâm mà rằng: "Có người bên nhà cậu đem thơ qua đây".

Thiện Tâm tiếp lấy, để cái nỉa xuống, xé ra xem. Xem rồi thì nhăn mặt, chưa kịp nói gì Nguyệt Thanh đã hỏi: "Có chuyện gì mà cậu không vừa ý đó? Thơ ai vậy, cậu cho em coi thử".

Thiện Tâm đưa thơ cho Nguyệt Thanh mà rằng: "Thơ của má tôi. Má tôi đã lên Sài Gòn mà tôi không biết. Má tôi đau nữa".

Nguyệt Thanh không đáp lại, cứ giở thơ xem:

"Thiện Tâm ơi!

Cũng đã lâu ngày rồi con không về nhà. Con không thăm viếng mẹ nên mẹ phiền quá mà sanh bịnh. Con cũng biết là mẹ thương con, con muốn làm gì thì làm nhưng con cũng nên nghĩ mà thương mẹ. Mẹ nay đã già yếu rồi, không lẽ nối tóc hai đời mà đợi con, mẹ có viết cho con năm sáu cái thơ biểu con về cho mẹ nói chuyện nhà mà sao con lại không nghĩ đến. Con ơi! Đạo làm con có phải vậy đâu? Sao con không nghĩ công ơn cha mẹ nuôi nấng dạy dỗ mà đành bỏ phế nhà cửa, quên đứt mẹ già cho đành a con? Lắm khi trước bàn thờ cha con, mẹ khóc hết nước mắt, mẹ tủi cái cảnh nhà quá! Mẹ nghĩ mẹ vô phước, chỉ có một con mà lại không ra gì. Con chỉ mê say những đứa mèo đàng chó điếm, đồ trốn chúa lộn chồng mà quên mẹ, con chỉ đem thân vùi trong chốn bùn lầy. Nay mẹ đã lên tới đây, mẹ không muốn lại nhà con, mẹ ở tại Nam Việt khách lầu. *Con có đến cho mẹ nói một câu chuyện để nhắm mắt cho êm không. Hay là con cứ im lìm, tro tro như đá? Trả lời cho mẹ biết. Hãy đến lập tức kẻo mẹ trông.*

BÀ HỘI ĐỒNG LÂN"

Nguyệt Thanh đọc xong, tay thì xếp tư cái thơ lại mà miệng thì nói: "Bà thân ông đã rầy rà như thế này thì ông tính sao? Chắc là ông không thể ở đây được nữa; ông hãy dọn dẹp mà trở về Rạch Giá cho rồi. Bà nói phải lắm, làm con phải cho trọn hiếu; thôi ông về đi, ở làm gì với đứa mèo mả, gà đồng! Tôi sẽ đóng cửa nhà này lại mà ngày đêm cầu nguyện cho ông được sung sướng".

Thiện Tâm ngó Nguyệt Thanh một cách âu yếm lạ thường... Cặp con mắt đầy cả ái tình mà nói: "Em nói sao lạ vậy, tôi không rời em đâu. Má tôi không phải nói em mèo mả gà đồng đâu, đó là câu nói cũ mèm của mấy bà già. Tôi không thể bỏ em được".

Nguyệt Thanh thở ra mà rằng: "Cái thân em như cát bụi, ông không nên vì nó mà mang lỗi với mẹ già. Thôi, ông về đi, để cho em khỏi mang tiếng. Ông về, em mừng mà em chỉ lo là chưa chắc xa ông em sống được!"

Nàng nói câu chót một cách thê thảm lạ lùng làm cho Thiện Tâm ngẩn ngẩn ngơ ngơ... Giây lâu Thiện Tâm đứng dậy, cầm tay Nguyệt Thanh, nhìn vào mắt Nguyệt Thanh mà rằng: "Không, không, tôi không xa em được. Tôi không đi đâu hết. Tôi ở đây với em mà thôi. Em đừng lo, tôi ở đây".

Nguyệt Thanh giả đò mừng rỡ nói nho nhỏ rằng: "Ông nói thiệt chăng? Ông không bỏ em phải không? Dẫu cho một bước ông cũng không xa em phải không? Nếu vậy thì còn gì vui vẻ, sung sướng hơn nữa!"

Thiện Tâm nói: "Tôi nói thiệt. Tôi không đi đâu hết. Tôi cứ ở đây với em..."

Trong một cái phòng ở nhà ngủ *Nam Việt,* một bà già hơn sáu mươi tuổi, mặt nhỏ, da nhăn, tóc bạc, mình ốm nằm trên giường thở ra thở vào... Một bên có cô nhỏ tuổi lối mười sáu, mười bảy ngồi cầm quyển truyện *"Tam Quốc Chí"*... Bên ghế, có một người trai trạc chừng hăm sáu, hăm bảy tuổi, chống tay vào gò má bộ cũng buồn lắm. Cô nhỏ ấy một khuôn mặt với người trai này! Gương mặt hơi tròn, nước da trắng mịn như da trứng gà, cặp lông mày dài mà cong vòng như nét mực kẽ, cặp con mắt sáng, lỗ mũi ngay mà nhỏ xíu, rất cân với cái mặt. Người trai cũng vậy, mà nét mặt nghiêm nghị hơn và sứa thịt lớn hơn... Chuông đồng hồ gõ chín giờ! Bà già ấy xoay lại nói: "Nhựt Kỳ ơi! Đã trưa rồi mà sao không thấy thằng Thiện Tâm đến kìa? Hay là nó không có ở nhà. Cháu lúc trước thường đi chơi với nó, cháu cũng biết rằng nó không đến nỗi quá tệ như vậy. Mợ không hiểu vì sao, chắc là nó mê con nào đó. Mà dẫu

có mê say đi nữa cũng phải về thăm nhà chớ, sao lại được thơ mợ mà nó cũng không đến?"

Nhựt Kỳ để tay xuống bàn, xoay qua thưa rằng: "Tánh ảnh háo sắc lắm, cháu lúc xưa chút nữa cũng hư như ảnh, may cháu hồi tâm sớm, nên ngày nay mới được như vầy... Anh chẳng chịu nghe ai hết. Phải chi có cháu ở nhà thì có lẽ cháu nói nay một tiếng mai một tiếng được, nhưng hiềm vì cháu đi xa... Thôi để đợi một chút nữa, nếu ảnh không đến cháu sẽ đi kêu... Mợ đừng lo".

Lệ Tuyết nói: "Tánh ảnh kỳ khôi lắm, thường thường ảnh nói ảnh không mê ai hết, ảnh chỉ chơi cho vui mà thôi, vì ảnh quen chơi rồ. Bây giờ ảnh ở tại Sài Gòn mà mợ cho kêu, ảnh không đến thì chắc là ảnh mắc việc gì đó. Hay là ảnh đi đâu rồi".

Bà Hội đồng thở ra mà rằng: "Theo ý mợ thì mợ chắc là nó mê con nào nên không rời ra được. Nếu nó đi khỏi thì mấy đứa ở nói đi khỏi, chớ giấu làm gì".

Nhựt Kỳ lắc đầu, nói: "Sự này cũng lạ lắm, để rồi cháu sẽ dọ coi ra thế nào".

Chàng đứng dậy, lấy nón toan bước ra thì có một người bước vào... Nhựt Kỳ mừng lắm bắt tay chào hỏi: "Ông Hàng Tâm! Đã hèn lâu mới gặp ông... Có mợ tôi lên đây nữa... Em tôi đây... Hồi này ông ở Sài Gòn sao ông không khuyên răn Thiện Tâm giùm cho, để ảnh mê say gì đâu mà không thèm biết đến nhà cửa nữa...".

Bà Hội đồng mời Hàng Tâm ngồi rồi nói: "Té ra có ông ở trên này mà ông không coi ngó giùm cho tôi, để nó chơi bời sa đà, nay tôi kêu nó mà nó không lại. Ông nghĩ coi đã tệ chưa?"

Hàng Tâm ngồi bên ghế, nói thủng thẳng rằng: "Tôi đi xa mới về chớ không phải ở luôn Sài Gòn đâu. Nhưng chính mắt tôi đã thấy rõ ràng thì quả Thiện Tâm mê say cô này quá.. Tôi đã chủ ý quyết tính thế để cứu Thiện Tâm...".

Nhựt Kỳ lấy làm lạ hỏi: "Sao lại cứu Thiện Tâm? Nếu có mê say ai thì đã cho lấy nhau cũng được, miễn là đừng bỏ nhà thì thôi chớ có hại gì... Mà cô ấy là cô nào?"

– Thiện Tâm bây giờ không phải là người nữa. Thiện Tâm dường như đã quên hết sự phải rồi. Thiện Tâm ngày nay chỉ là một

cái máy, để cho cô ấy sai biểu. Tôi thấy cách thức của cô ấy rõ là một người đàn bà khôn ngoan mực thước biết làm cho người ta mê say đến mất trí... Cô ấy không thương Thiện Tâm chút nào, mà bề ngoài làm như là thương lắm, mến lắm. Cô có nói chuyện với tôi, tôi đã đoán được vài phần trong sự làm của cô rồi. Cô ấy là một kẻ thù của Thiện Tâm, chớ không phải là một người thương. Cô ấy sẽ làm cho Thiện Tâm mất cả phẩm giá, rồi đến phải chết một cách đau đớn...

Bà Hội đồng và cô Lệ Tuyết thảy đều rùng mình run sợ... Hàng Tâm nói tiếp: "Xin chớ tưởng rằng lời nói ấy là không thiệt, tôi nói sao thì đúng như vậy. Người nào có những sự uất ức tức tối trong lòng thì mới hiểu cách báo thù ghê gớm ấy. Tôi đang tìm cho biết cô ấy thù Thiện Tâm về sự gì"

Nhựt Kỳ nhìn sững Hàng Tâm, hồi lâu mới nói: "Ông nói quả không sai... Tôi cũng có tưởng như vậy. Nếu người đàn bà thương thì cứ để cho Thiện Tâm về thăm mẹ, chớ có lý nào mà lại nỡ làm tuyệt đường như vậy. Hễ người đã mê say thì bao giờ cũng không bỏ được, sợ gì mà phải ngăn cản?"

Bà Hội đồng sa nước mắt mà rằng: "Nếu vậy thì con tôi đã bị ma quỉ nó ám ảnh rồi còn gì. Không biết nó làm sự gì mà có tội báo oan gia như vậy? Ông nói ông có thể cứu nó thì ông cứu giùm mau mau cho kẻo chết mất... Con gì mà bất hiếu như vậy! Nó làm cho tôi mòn mỏi thân thể, hao tổn tinh thần... Chính là nó giết tôi đó".

Lệ Tuyết thưa rằng: "Xin mợ cứ nghỉ cho khỏe, để mặc cháu lo. Có khó khăn gì những chuyện nhỏ mọn ấy mà mợ phải khóc lóc cho nhọc. Dẫu cho người ấy là kẻ thù đi nữa, mình cũng tìm cách mà gỡ ra chớ họ có quyền gì mà muốn làm sao thì làm được? Cháu chắc cô ấy ngày trước đã bị anh Thiện Tâm sao đó nên nay mới trả thù cách ấy...".

Nàng nói đến đó rồi nhớ lại chuyện gì trong trí không biết mà nét mặt bỗng vui vẻ mà thưa rằng: "Cháu muốn biết cô ấy tên gì lắm. Có lẽ cháu sẽ kiếm cách gỡ rối cho mợ được".

Nhựt Kỳ nói: "Sao em lại dám nói câu ấy? Em là gái, em làm sao mà bì với những người như ông Hàng Tâm. Ông đã là một người đã lớn tuổi, có lịch duyệt mà còn chưa tính được thay huống chi em.

Em phải biết rằng cái sắc của một người đàn bà còn mạnh hơn là nước với lửa, chẳng phải dễ gì...".

Lệ Tuyết thưa: "Em cũng biết vậy, nhưng vì em có nghi ngại một sự riêng, nếu nghi ngại của em mà thật thì em cứu anh Thiện Tâm được. Vậy cô ấy tên gì và nhan sắc ra sao?"

Hàng Tâm nói: "Cô ấy đẹp lắm, đẹp một cách mơ màng. Ai muốn tưởng tượng sao cũng không được! Cô ấy đẹp như những bức tượng truyền thần. Người ốm nhỏ, nét mặt có vẻ sầu, mà cái đẹp lại ẩn ở trong, có cái miệng nói có duyên, dường như có cái sức buộc trói người vậy. Cô năm nay mới chừng hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi. Cô lúc trước viết báo để hiệu là Thủy Hoa, sau gác bút về với Thiện Tâm thì xưng là Nguyệt Thanh, còn tên thiệt thì không ai biết...".

Lệ Tuyết ngẫm nghĩ một hồi rồi nói: "Hình dung ấy thì phải rồi nhưng còn tên thì không phải. Mà hình dung khó thay đổi lắm, chớ tên thì dễ hơn. Thôi anh Hai đi với em lại nhà cô ấy, nếu quả là người em quen biết thì em sẽ có cách...".

Nhựt Kỳ hỏi: "Em nói mơ hồ quá. Em có quen với những hạng người ấy sao? Mà nếu có quen đi nữa anh chắc em nói cũng không được, vì người ta cố ý báo thù thì ai lại buông tha?"

Hàng Tâm nói: "Cứ để cho cô Ba liệu, như được thì tốt mà không thì tôi sẽ tính. Tôi chưa hiểu cái nguyên nhân sự thù này ra sao nhưng rồi trước sau gì tôi cũng hiểu. Tôi nghe bà lên nên tôi đến chào, xin bà nằm nghỉ cho khỏe, đừng lo về việc ấy nữa, rồi tôi sẽ tìm cách giải cứu... Thôi, cô Ba hãy đi lại nhà cô Nguyệt Thanh coi thử có tính xong không!"

Lệ Tuyết và Nhựt Kỳ đều đi với Hàng Tâm ra xe... Hàng Tâm nói: "Bây giờ đến đó thì tôi cứ giới thiệu là bạn tôi rồi sau sẽ hay. Còn như cô Ba gặp người quen thiệt thì êm hết".

Xe chạy đến nhà Nguyệt Thanh, Hàng Tâm xuống trước, bước vào mới đến cửa thì Hai Dần chạy ra thưa rằng: "Cô tôi đi khỏi rồi, xin ông mai sáng sẽ trở lại".

Hàng Tâm đứng ngó vào nhà thấy cửa đều đóng kín, chàng gật đầu xoay lại nói với Nhựt Kỳ và Lệ Tuyết rằng: "Cô Nguyệt Thanh không muốn tiếp khách. Thôi ta lại nhà Thiện Tâm".

Lệ Tuyết thở ra mà không nói gì hết... Xe quày lại thì trên cửa sổ có một người nhìn theo, mà nói thầm rằng: "Em Tuyết muốn lại coi mặt ta, nếu ta để cho em thấy và nghe lời em nói thì chắc là ta động lòng. Thôi em đừng phiền nghe. Cái tội của Thiện Tâm làm thì Thiện Tâm phải chịu... Một ngày kia em sẽ gặp chị".

Nguyệt Thanh trở vào kêu Hai Dần mà rằng: "Anh đem xe cho tôi đi Tân Định và dặn em Ba Hoa, hễ khi nào Thiện Tâm tỉnh thì nói rằng tôi đi chút xíu sẽ về... Mà chắc là mười hai giờ trưa cậu ấy mới dậy".

Hai Dần vâng lời kêu Ba Hoa dặn dò rồi đem xe ra. Nguyệt Thanh biểu lên đàng Champagne. Xe chạy... Nàng ngồi nghĩ thầm: "Liễu Chi nói rằng sẽ có người đem hy vọng đến cho nàng, người ấy là người nào? Ta xem nét mặt của nàng âu sầu, ta lại nhớ em Kiều Nga ta vô vùng. Nàng còn nhỏ, nàng chưa biết rõ đời, ta phải lo sợ cho nàng. Ta muốn đem nàng về chung với ta để cho ta bớt buồn mà nàng lại không chịu, nàng cứ nằng nằng ở giữ cái nhà ấy. Ta phải hỏi cho ra tâm sự của nàng, xem thử có giống ta chăng. Những sự đau đớn đều là chị em với nhau cả, phải cần nâng đỡ nhau mới được. May cho ta quá, Thị Lục đã biết ăn năn tức là ta có thêm được một tay sai nữa, mà lại là một tay sai bặt thiệp. Ta sẽ biết người đội nón kết là ai. Nếu thật không phải Minh Đường thì chắc là người thù... Anh Thành Trai về Vĩnh Long rồi, nếu không thì ta phải tin cho ảnh biết để ảnh ngăn ngừa bọn nó...

Xe chạy ra Catinat, qua Norodom, lại Paul Blanchy rồi thẳng lên Tân Định... Nàng ngồi nghĩ ngợi mãi, mà chẳng biết rằng sau lưng nàng có một người theo bên gót... Xe quẹo qua đàng Champagne chạy ngang *Bá Lạc Viên,* đến trước một cái nhà lá nhỏ mà độc giả đã thấy Minh Đường đi với cô Liễu Chi vào đó, thì ngừng lại... Liễu chi mở cửa thấy Nguyệt Thanh thì mừng lắm, chạy ra chào hỏi, mời vào. Nguyệt Thanh chào bà Thị Minh rồi ngồi trên cái ghế gỗ láng bóng như mun... Liễu Chi nói: "Chắc cô đã tiếp được cái thơ của em rồi, mà em cũng chắc là cô không nỡ chấp trách em, vì em cần phải ở lại đây. Cái nhà tuy xơ xác chật hẹp nhưng còn chứa chan nhiều hy vọng cho em. Em rất cảm động cái tấm lòng bác ái của cô, cô làm cho mẹ em khóc mãi, khóc đó tức là vui mừng".

Nguyệt Thanh nói: "Tôi muốn đem em về tức là tôi muốn làm cho tròn phận sự một người đàn bà có tiền của, có thể làm ích lợi cho đời đó. Hễ là đàn bà thì bao giờ thấy ai phải cảnh sầu khổ, đáng cứu giúp thì nên cứu giúp ngay... Tôi đã có gặp nhiều cảnh đau đớn lắm nên tôi hiểu đời nhiều. Tôi thấy em nói rằng em không thể bỏ chỗ nầy mà đi đâu được, vì đi khỏi chỗ nầy là mất hết hy vọng thì tôi biết em có tâm sự. Tâm sự của em thế nào tôi chưa đoán được, nhưng theo như câu nói rằng có người chịu đem hy vọng cho em thì tôi không biết em có sự trông mong chờ đợi. Tôi hỏi em vậy chớ tâm sự em ra thế nào mà em dám tỏ cho người khác biết. Người ấy là ai? Người ấy có thể làm cho em thỏa vọng được chăng? Điều ấy tôi chưa lấy gì làm chắc cả. Em phải biết rằng ở cái đời giả dối hay có người giả dối; vả em có chút nhan sắc thì chắc gì chẳng có người vì cái nhan sắc của em mà gạt gẫm em. Em không nên tin lắm".

Bà Thị Minh nghe nói đến đó, bà lật đật đáp: "Không phải là tự nhiên mà mẹ con tôi tin đâu, cũng vì có nhiều lẽ làm cho mẹ con tôi phải thuật câu chuyện riêng cho người ấy biết. Người ấy cử chỉ đúng đắn lắm, chớ không phải là hạng người thường. Liễu Chi, con hãy thuật câu chuyện con gặp ông bác vật cho cô nghe".

Nguyệt Thanh nghe hai tiếng *bác vật* thì đã chú ý rồi. Liễu Chi bèn đem tự sự thuật lại một hồi và nói tiếp thêm rằng: "Nếu không có ông Minh Đường thì thân em còn có ra gì nữa. Nhờ ông Minh Đường mà em ngày nay mới còn được trong sạch mà ngồi trông mong chờ đợi chớ không thì đã nhơ nhớp rồi".

Nàng nghe đến tên Minh Đường thì mặt nàng biến sắc, nước mắt muốn tuôn ra, nhưng nàng ráng sức dằn lại... Bà Thị Minh và Liễu Chi thấy vậy thì lấy làm lạ đồng hỏi: "Sao vậy cô? Sao mà mặt mày cô xanh lét vậy?"

Nguyệt Thanh gượng đáp rằng: "Không, không, tôi không sao, vì tánh tôi đa cảm quá nên nghe em thuật chuyện mà cảm động. Vậy thì ông Minh Đường đưa em về đấy rồi sao nữa? Em thuật hết cho tôi nghe".

Liễu Chi ngó bà Thị Minh... bà Thị Minh nói: "Với ai thì cũng không nên nói vì ông Minh Đường có dặn chẳng nên thổ lộ chơn

tình với bất kỳ ai, nhưng với cô thì tôi xin đem cả câu chuyện ấy mà thuật lại cho cô rõ. Cái đời tôi khổ sở nhiều bề lắm rồi, bà liền đem câu chuyện đã nói trước mà thuật lại một lúc làm cho Nguyệt Thanh nước mắt như mưa. Bây giờ bà Thị Minh và cô Liễu Chi không biết nói sao được cũng chỉ ôm mặt mà khóc cả. Nguyệt Thanh khóc rồi nhìn Liễu Chi một cách rất êm đềm, nàng muốn tỏ thật cho em biết nhưng nàng nghĩ khó lắm. Nay nói với bà Thị Minh rằng: "Thôi, dì đừng trách phiền nữa, ấy cũng là cái số mạng của Kiều Nga phải khổ sở như vậy. Tôi tưởng ai chớ ông Minh Đường thì chắc là ông sẽ đem sự vui vẻ lại cho dì và cho em được, ông là một người đúng đắn đã nói ra thì chẳng bao giờ sai chạy. Vậy thì mấy hôm nay ổng có trở lại đây không?"

Liễu Chi thưa: "Không, ổng chưa trở lại mà ổng có hứa rằng hễ ổng trở lại tức là có tin lành. Cô dạy như vậy thì em càng thêm vững bụng. Tuy cái diện mạo của ông tỏ cho em biết ổng là người hào hiệp nhưng em cũng vẫn lo ngại tiếng nói của ổng tuy đầm ấm dịu ngọt mà không an ủi em bằng tiếng nói của cô. Em nghe tiếng cô nói dường như em quên cả các nỗi cực khổ bấy lâu nay. Từ bữa em gặp cô thì hy vọng em lại càng nhiều; em chắc rằng thế nào em cũng tìm được cha mẹ, chị em. Vậy thì nay xin cô chớ trách em nữa, em muốn ở đây là vì cô đó".

Nguyệt Thanh gật đầu mà rằng: "Tôi cũng chắc nay mai gì đây thì em sẽ tìm thấy những người thân yêu của em mà em sẽ thấy đứa gian ác kia bị hành hình. Thôi, em sẵn có tiền của ông Minh Đường giúp thì em cứ tiêu xài... Lúc nào hết tôi sẽ gởi cho".

Nàng từ giã bà Thị Minh và cô Liễu Chi ra về. Liễu Chi đưa ra xe, nàng cầm tay sa nước mắt mà rằng: "Em ơi, cái thân con gái cũng như giọt sương buổi sáng, trong trẻo vô cùng em nên quí lấy. Chữ trinh của người con gái tức là một viên ngọc tốt của đời, hễ biết quí nó thì nó có giá mà không biết quí nó thì nó chẳng ra gì. Tôi cầu nguyện cho em mau mau tới ngày đoàn viên. Bất kỳ có sự gì, em cứ kêu tôi, tôi không bao giờ quên em đâu. Em nên nhớ mấy lời tôi dặn".

Liễu Chi động lòng sa nước mắt, không nói gì được, chỉ nhìn Nguyệt Thanh mà thôi... Xe chạy rồi mà Liễu Chi còn ngó với theo.

Nguyệt Thanh còn trông ngoái lại... Cảnh đời đau đớn biết bao nhiêu! Chị em gặp nhau mà không thể tỏ bày tâm sự cho nhau biết, chỉ biết khóc mà thôi. Nguyệt Thanh thở ra mà rằng: "Ta phải mau mau tin cho anh Thành Trai biết để bắt Nguyễn Viết Sung. Thật lòng thằng này độc hơn nọc rắn, nó thân thiết với nhà ta là cốt để mưu giựt gia tài của ta. Mưu nó đã độc hiểm thay! Ở đời, nếu không đủ chứng cớ thì ai mà biết được sự gian ác ấy. Con mắt của người làm sao mà ngó suốt qua tấm màn bí mật, giả dối ấy đặng. Mưu mày thâm như vậy thì cái họa của mày cũng thâm như vậy!... Nếu ta cho anh ta biết được sự này thì chắc là anh ta tìm ra đủ chứng cớ ngay. Nếu không phải lòng trời thì có đâu tìm được sự này. Té ra sự sung sướng của ta không phải ở trong lầu son các tía mà chính là ở trong cái lều tranh này! Em yêu quí ta không phải chỉ ở trong tòa ngang dãy dọc mà thôi đâu, lại còn ở trong chỗ nhà dột cột xiêu này nữa. Thế thì biết đâu mà dò xét cho cùng. Nhiều người hễ nghe ai hỏi bà con nghèo thì coi có bộ xấu hổ, mà hễ hỏi đến bà con sang thì lấy làm vinh hạnh, nghĩ thiệt đã ngu dại thay. Biết đâu những kẻ nghèo khổ mà giữ được tấm lòng trong sạch còn đáng quý hơn là lũ giàu có mà chỉ biết vùi thân trong chốn bùn lầy... Thế thì những ai, bất kỳ giàu hay nghèo mà ăn ở xứng đáng thì đều là chị em của ta cả... Ôi! Có lẽ thay, em Kiều Nga đa cảm đa sầu, biết hiếu biết thảo như thế mà lại là con của một kẻ đại ác! Nếu một ngày kia mưu gian bại lộ ra rồi mà em biết rõ sự này thì em sống sao được? Em vốn là người vô tội, lẽ nào ta lại không tính trước mà nỡ để cho em phải chịu đau đớn sao! Không, ta không nên giận đứa cha độc ác mà giết người con hiền lương; huống gì em cùng ta hồi nhỏ vẫn thương nhau lạ lùng. Ta phải tính sao cho trọn mới được". Nàng nghĩ đến đó thì nước mắt nàng lại tuôn ra... Nàng thở ra chống tay vào gò má ngó người qua lại đôi bên đàng... Nàng lại nói thầm: "Té ra Minh Đường vẫn đinh ninh một lòng vàng đá với ta, nay đã đậu bác vật rồi mà chẳng hề quên ta. Không biết em Ngọc Liên có thỏ thẻ chuyện gì với chàng không? Mà nếu chàng biết rằng cô giáo Loan kia tức là Kiều Tiên thì chàng mới nghĩ sao? Cô giáo Loan đã đi rồi, lại mang tiếng ăn cắp hai chiếc nhẫn hột xoàn, chàng có đau đớn giùm cho cô chăng?... Minh Đường ơi, tấm lòng em đau như dần, anh có thấu cho chăng? Em vẫn cũng một lòng với anh; nghĩ đến

sự anh cứu em của em ra khỏi chốn sầu thành thì em càng thêm cảm động... Anh ngày nay đã xứng đáng câu nói của anh trong đêm xem chớp bóng cách năm sáu năm xưa, em mừng vô cùng. Em cũng muốn gặp anh để tỏ bày tâm sự với anh nhưng em còn sợ nỗi bọn gian chưa bắt đặng, nếu bọn nó nghi nan thì thêm trở ngại cho việc báo thù... Anh ơi! Thôi anh hãy đợi một lúc nữa".

Nàng đang suy nghĩ, sụt sùi thì xe đã đến nhà. Vào hỏi Thiện Tâm thì cậu đang còn ngủ như chết. Nàng liền lên phòng viết một phong thư rất cặn kẽ, thuật hết sự nàng mới tìm ra, rồi sai Hai Dần tuốt về Vĩnh Long tin cho Thành Trai hay.

Khi xe nàng ra khỏi đường Champagne rồi thì có một người mặt tròn, mũi lớn, má bầu, miệng rộng, đội nón trắng, mặc quần áo trắng, áo an-ba-ga (albaga) trắng, đi giày da màu ma-rông ở trong đàng Monceaux bước ra. Người ấy đứng lại đánh quẹt hút thuốc, miệng cười chúm chím mà rằng: "Tao đố bây làm sự gì mà qua mặt tao được thì tao mới chịu thua bây. Tốn trăm bạc thiệt cũng đáng lắm! Té ra con Liễu Chi này ở đây mà bấy lâu nay tìm mãi không gặp. Còn con Nguyệt Thanh kia cũng khả nghi. Trối kệ, nó còn đó, không cần gì phải tính gấp, ta chỉ nên trừ con Liễu Chi này cho tuyệt thì thôi, không còn sợ gì nữa. Thôi ta hãy tìm Bảy Lộng và Tư Lực mới được".

Người ấy đi thủng thẳng lại *Bá Lạc Viên*. Thị Liễu trông thấy thì lật đật chào hỏi rồi mời vào. Người ấy ngồi dựa một bên bàn thâu tiền rồi hỏi: "Mấy hôm nay có Tư Lực trở lại đây không".

– Tư Lực vừa mới lại đó, có cả Bảy Lộng nữa.

– Bây giờ nằm ở đâu?

– Trên phòng số 3.

Người ấy liền đi thẳng lên lầu... Trong lúc Nguyệt Thanh lên xe về, người bí mật lại *Bá Lạc Viên* thì có một người nom theo. Người ấy đi giày cao su, mặc áo quần trắng, đội nón nỉ trắng... Người ấy tức là Tám Lọ đó, Tám Lọ mướn một cái nhà nho nhỏ ở gần đàng Monceaux để trông nom cho nhà bà Thị Minh và xem chừng những người đi lại. Tám Lọ thấy vóc vạc người bí mật ấy thì nói

thầm rằng: "Bộ thằng này sao giống đứa đội nón kết đánh ta té xuống ở Vĩnh Long vậy kìa? Sao nó lại đứng rình đây làm gì rồi lại bỏ đi? Ừ, thôi được rồi. Bữa nay mày gặp cậu Tám rồi đa. Mày sẽ coi cậu nghe".

Tám Lọ liền tiếp theo đến *Bá Lạc Viên* thì người lạ mặt đã lên lầu rồi. Thị Liễu thấy Tám Lọ thì hỏi: "Cậu Tám, cậu đi đâu đó? Sao mấy bữa nay không lại, để chị Tám trông vậy?"

Tám Lọ cười rằng: "Cô Tám đâu rồi? Có trên phòng không? Mấy bữa nay tôi mắc việc quá nên không lại được".

– Có, cô Tám mới lên phòng số 4 đó. Cậu cứ lên, mà trưa rồi, cậu có ăn gì không?

– Cô biểu ai làm cho một dĩa mì khô, vài tô cháo gà và một chai rượu chát trắng. Khi nào tôi kêu thì bưng lên.

Vừa nói vừa đi thẳng lên thang lầu thì vừa gặp cô Tám. Cô để một ngón tay trên miệng ra dấu biểu im rồi bước lại gần nói nhỏ rằng: "Có tên Bảy Lộng, cụt hết một ngón tay áp út. Nó đang nói chuyện với Tư Lực và một người lạ mặt trong phòng số 3".

Tám Lọ mừng quá, vào phòng số 4 mở cái tủ đứng, bước vào lấy áo bỏ xuống rồi ngồi kê tai vào vách nghe... Cô Tám đóng tủ lại, giả nằm ngủ trên giường... Sau lưng tủ ấy là một cái cửa đã bị đóng lại lâu rồi.

Tám Lọ nghe tiếng của người lạ mặt nói thì mừng lắm. Quả là tiếng của tên đã đánh nó dưới Vĩnh Long hồi trước, nó lóng tai nghe rất kỹ.

Người lạ mặt nói: " Anh Bảy, tôi đã nói rằng anh rành cái nghề ấy hơn ai hết nên tôi mới không quên anh. Hôm trước tôi đưa cho anh hai trăm, anh xài cũng chưa hết, vậy thì bữa nay anh đi một lần nữa, tôi sẽ cho anh năm trăm. Một lần này nữa mà thôi".

Nghe tiếng một người khác trả lời: "Cậu nhớ lúc trước chớ? Cậu hứa rằng cậu đã xông thuốc mê rồi không còn phải sợ gì nữa mà tôi cũng bị gần chết. Nay đi làm món này, tôi không sợ gì hết nhưng mà cậu chắc rằng không có hại gì sao?"

Tiếng người lạ mặt: "Có hại gì đâu! Tôi nói rằng anh chỉ mướn một cái xe đi với Tư Lực đến chờ trước cửa, khi nào tôi biểu vô vác

đồ ra thì anh cứ vô vác, chớ có ai làm gì mà hại với lợi. Bất kỳ sự gì đã có tôi rồi, tôi có để cho anh chịu chết sao".

Có tiếng của một người khác nữa: "Anh Bảy, cậu Ba nói vậy thì không sao hết. Mình chỉ có mướn xe, mình đem bộ hạ mình đến đó rồi mình chở đồ mà thôi, chớ không có sự gì khác nữa vậy anh còn sợ nỗi gì?"

Tiếng người kia: "Tao không sợ gì hết. Thôi được. Vậy thì mấy giờ?"

Tiếng người lạ mặt: "Mười hai giờ khuya. Đây nè một trăm đồng trước đây, mà đừng say sưa nghe không?"

Người kia nói: "Không, hễ cậu đã biểu làm việc gì thì không bao giờ bọn tôi dám uống rượu nhiều. Em Tư à, mày đi kêu Tư Lồi, biểu nó lựa một cái xe kiếng cho chắc chắn nghe. Mà biểu nó đem theo cho tao con *chó* lửa, kẻo tao sợ có xảy ra sự gì mà không có khí giới thì khổ".

Nghe có tiếng cười rằng: "Không biết vì sao mà lối này anh Bảy nhát quá, chút gì cũng sợ. Có chó lửa trong mình thì mau đi Côn Nôn lắm anh à".

Lại có tiếng rất nghiêm nghị như là tiếng của một vị Nguyên soái truyền lịnh cho quân: "Mười hai giờ phải cho đúng nghe!"

... Bấy giờ nghe tiếng mở cửa, rồi tiếng chơn đi ra. Tám Lọ mừng lắm, mở tủ chun ra mà cười... Cô Tám hỏi nho nhỏ: "Sao, có sự gì lạ không?"

– Nhiều sự lạ lắm. Thôi, chuyến này đố bọn nó chạy đâu cho khỏi. Quả là bọn này rồi.

– Thiệt không? Nếu quả là bọn nầy thì lập tức phải tin cho ông Minh Đường hay.

– Phải, cô xuống coi thử bọn nó đã đi chưa.

Cô Tám tuốt xuống lầu thì chỉ còn một mình Tư Lực đang uống rượu... Cô trở lên cho Tám Lọ hay và nói: "Bọn nó đi hết rồi làm sao mà tìm lại đặng. Mình phải đi báo cho ông Minh Đường hay chớ?"

Tám Lọ mỉm cười mà rằng: "Tôi đi báo bây giờ. Nhưng mà bọn nó có tránh khỏi đâu, vì tôi đã nghe rõ bọn nó nói với nhau làm sao rồi... Thôi xuống ăn mì đã".

Cô Tám lắc đầu: "Tôi mới ăn rồi, anh cứ xuống ăn đi".

Tám Lọ nói: "Bữa nay coi bộ cô buồn quá hay là cô cứ nghĩ đến cậu Thành Trai mãi mãi? Thôi, hãy dẹp cơn buồn lại một nơi, buồn làm chi cho mệt. Có nhiều khi mình muốn thương ai mà biết chắc là thương không được thì đừng thương".

Cô Tám thở ra: "Thôi, anh cứ lo chuyện anh đi, tôi buồn tôi đau đớn mà tôi thích. Người như tôi mà còn thương ai được, tôi cũng muốn đừng tưởng tới sự thương ai nữa mà không được. Tôi mong giúp ông Thành Trai cho xong việc rồi bỏ chốn này đi tìm nơi khác ẩn thân".

Tám Lọ cũng thở ra, từ giã cô Tám xuống dùng bữa, rồi đi thẳng lại nhà Minh Đường. Lúc bấy giờ Minh Đường đang ngồi xem một chồng thơ và nhựt trình mà mặt có vẻ vui... Tám Lọ thấy vậy thì mừng thầm bước vào thưa rằng: "Cậu Hai có tin gì mừng vui sao mà cậu hớn hở vậy?"

Minh Đường ngước lên thấy Tám Lọ thì mỉm cười mà rằng: "Qua có chuyện vui lắm... Mà sao em không ở coi chừng bên ấy lại về đây làm chi?"

Tám Lọ ngồi bên ghế, chúm chím cười: "Cậu có chuyện vui mà tôi cũng có chuyện vui vậy. Tôi lại để tin cho cậu một sự nầy... Cậu sửa soạn cho tề chỉnh để bắt bọn nó".

Minh Đường để xấp thơ trên bàn ngó Tám Lọ rồi hỏi: "Bắt bọn nào? Chắc em đã dọ rõ ràng rồi sao?"

– Tôi đã gặp cái thằng đội nón kết ở Vĩnh Long hôm trước đó rồi. Nó lại bàn việc ăn cướp với thằng Bảy Lộng cụt ngón tay áp út và thằng Tư Lực mà cậu Thành Trai biểu tìm bắt đó.

– Thiệt vậy sao? Nó đâu rồi?

– Bọn nó định khuya mười hai giờ nầy sẽ lại nhà cô Liễu Chi mà bắt cổ. Tôi nghe rõ được nên mừng lắm.

– Mười hai giờ này hay mười hai giờ khuya?

– A, mười hai giờ khuya, may không chút nữa lộn rồi...

– Sao em nghe được.

– Hôm nay tôi gặp nhiều việc lắm. Hồi gần mười giờ có một cái xe song mã đến nhà cô Liễu Chi. Tôi thấy cô Liễu Chi ra rước một người đàn bà... đàn bà mà con gái... Ôi! Đẹp đẽ một cách lạ lùng. Tuy cô Liễu Chi, cô Kiều Nga đều là hạng đẹp mà cũng không bì được người này... Chừng một giờ đồng hồ tôi thấy cô ấy trở ra với cô Liễu Chi. Hai người trìu mến nhau lắm, tôi thấy hai người khóc với nhau.

Minh Đường hỏi chận, mà trong giọng hỏi có hơi run rẩy: "Thiệt vậy sao? Thiệt người ấy khóc với cô Liễu Chi sao? Cô ấy hình dạng thế nào, ăn mặc ra sao?".

– Tôi đã nói người ấy đẹp lắm mà... Người trung trung không cao không thấp mà có hơi ốm một chút... Cặp con mắt, cái khuôn mặt như hình vẽ, không thể tả ra được... Mặc áo quần đen toàn, không chưng diện lắm.

– Rồi sao nữa.

– Mà tôi quên sự này... Cái xe của người ấy vừa đến nhà cô Liễu Chi thì tôi thấy thằng đánh thình lình tôi hôm trước cũng đến đó nữa. Nó diện sang lắm mà mặt mày cũng bảnh bao. Nó lại đàng Monceaux đứng bên góc phố để dòm vào trong nhà cô Liễu Chi cho dễ. Khi xe cô kia đi rồi thì nó lại *Bá Lạc Viên* tìm Bảy Lộng và Tư Lực.

Minh Đường mừng lắm, cầm tay Tám Lọ mà rằng: "Em giỏi lắm. Em giúp qua nhiều việc rất xứng đáng. Em thông minh như thế không nên không học. Em phải học để sau dùng làm nhiều việc khác lớn lao hơn. Thôi, em mau về Vĩnh Long tin cho Minh Châu và Thành Trai biết. Mười hai giờ khuya đến nhà cô Liễu Chi sẽ gặp qua".

Tám Lọ vâng lời ra đi...

Bóng đèn điện xanh xanh mờ mờ, Nguyệt Thanh ngồi chống tay suy nghĩ... Nhớ đến lời nói của Thị Minh, cử chỉ của Liễu Chi mà ngậm ngùi. Nàng có một tấm lòng khác người là tuy biết Kiều Nga không phải em nàng mà nàng không chút gì ganh ghét. Nàng biết Kiều Nga là con của đứa gian ác, trăm mưu ngàn kế để giựt

gia tài của nàng nhưng nàng vẫn thương. Mười mấy năm nay chung cùng một nhà, chị chị, em em, thế thì cái tình thương nhau đã khắng khít lắm rồi, không làm sao cởi ra được. Nàng muốn nghĩ một cách cho vẹn toàn, nghĩa là nàng muốn cho Kiều Nga đừng biết đến Nguyễn Viết Sung. Nàng đang suy nghĩ bỗng thấy một người trùm khăn đen, mặc áo quần đen ở ngoài cửa đi thẳng vào trong nhà nàng. Nàng lấy làm lạ, toan bước xuống kêu Ba Hoa ra hỏi người ấy thì đã thấy Ba Hoa chạy lên thưa rằng: "Thưa cô, có một người con gái muốn vào thăm cô, tôi chưa kịp hỏi thì người ấy đã đi tuốt lên đây rồi..."

Nguyệt Thanh xoay lại thì người con gái ấy đứng lên thang lầu nhìn nàng chăm chỉ... Nàng bước lại thì người ấy vùng khóc lớn lên rằng: "Té ra quả là chị rồi! Chị ơi, chị quên em rồi sao?"

Nguyệt Thanh biết là cô Lệ Tuyết thì thất sắc, nàng đứng sững một hồi rồi mới mời Lệ Tuyết ngồi mà rằng: "Em đi đâu mà đến đây một mình vậy? Em cũng biết rằng chẳng bao giờ chị quên em, chị chẳng về thăm em được là vì một duyên cớ khác. Lúc chị ra đi thì chị đã có viết một phong thơ để lại cho bà để tỏ nỗi khổ tâm của chị rồi. Mấy lúc nay em có đi học không?

– Có, em có đi học ở Nữ học đường. Ngày nào em và Ngọc Liên cũng nói đến chuyện chị mà khóc với nhau. Ngọc Liên có thuật chuyện chị và thương nhớ chị lắm.

– Vậy hôm nay em đi đâu đó? Làm sao em biết được chị ở đây?

– Chị ơi, em đau đớn lắm. Lúc xưa chị dạy em học, chị thường hay nói rằng em thông minh, em hiểu sự đời... Em vẫn biết chị là một người đàn bà khác thường nên em vẫn yêu mến kính trọng chị. Em vẫn biết chị ghét anh Thiện Tâm em lắm mà nay lại chung cùng với ảnh thì em run sợ vô cùng. Chị ơi, dẫu chị ghét giận ảnh bao nhiêu đi nữa nhưng chị cũng nên thương một người mẹ đau đớn khổ sở hiện đang nằm trông ngóng tin con".

Nguyệt Thanh nghe câu ấy thì cảm động lắm, nàng hỏi: "Sao em biết rằng chị ghét giận Thiện Tâm mà em đến nói như vậy?"

Lệ Tuyết lắc đầu mà rằng: "Ai thì không biết chớ em đã biết rõ ràng lắm... Chị là một người đàn bà, chị đã chịu đau đớn về cảnh nhà, chị không nên trả thù một cách thái quá như thế. Em vẫn biết

anh Thiện Tâm em có tánh hay liều mạng, không kể gì đến liêm sỉ nên đã làm sự không phải với chị nhưng bà mẹ già đang đau đớn chỉ trông thấy mặt con. Chị có sắt đá đâu mà nỡ điềm nhiên như vậy? Chị cũng là đàn bà. Em không kể gì Thiện Tâm, em đến đây chỉ xin chị thương lấy mợ em mà cứu lấy mợ em kẻo mợ em không sống được. Em chắc rằng chị không thể ngồi yên, để cho Thiện Tâm hóa ra một người giết mẹ, mà chịu mang lấy tiếng sâu độc ấy. Xin chị biểu anh Thiện Tâm em mau mau trở về thăm mẹ thì chị mới thật là người có lượng bao dung".

Nguyệt Thanh thấy Lệ Tuyết nói một cách rất thiết tha cầm lòng không đậu, nàng sa nước mắt mà đáp rằng: "Em nói đã hết lời, không lẽ chị chẳng nghe theo mà cứu một người đau khổ! Chị vẫn biết cách trả thù của chị là sâu độc song đối với Thiện Tâm phải vậy mới bỏ ghét cho. Em thử nghĩ cái thân phận chị đã linh đinh vất vả mà lại còn bị Thiện Tâm làm nhục thì không tức sao được? Thôi, em ngồi trong này để chị cho kêu Thiện Tâm lên".

Nàng khoác màn biểu Lệ Tuyết ngồi núp ở trong rồi biểu Ba Hoa xuống mời Thiện Tâm... Thiện Tâm lên. Nàng mời ngồi mà rằng: "Ông Thiện Tâm lâu nay ông đã biết tôi là ai chưa?"

Thiện Tâm nghe Nguyệt Thanh xưng tôi thì đã trái tai rồi mà nghe câu hỏi ấy thì lại càng trái tai hơn nữa nên ngó nàng một cách lạ lùng. Nguyệt Thanh nói chậm rãi rằng: "Ông lấy làm lạ phải không? Xưa nay tôi chưa hề hỏi ông câu ấy là tôi muốn ông đừng nhớ gì hết. Tôi muốn ông chỉ biết có tôi mà không có ai nữa. Nay tôi hỏi ông là muốn ông nhớ lại một vài chuyện trước. Ông có nhớ cách năm năm nay, ông đi dưới tàu, ông buông lời vô lễ trước mặt một người con gái không? Ông có nhớ lúc ở tại nhà bà Phủ Phạm, ông cố lòng chọc ghẹo một người con gái, và nhơn khi vắng vẻ không có ai, ông lấy sức mạnh mà ôm người con gái ấy không? Ông có nhớ vì ông mà người con gái ấy phải trốn lánh đi xứ khác không? Người con gái ấy là ai ông biết không?... Ừ, ông xanh mặt... Ông đã nhớ lại rồi... Người con gái bị ông làm nhục ở dưới tàu, người con gái bị ông hãm hiếp ở trong vườn bà Phủ đều là một người! Người con gái ấy là tôi đây...".

Thiện Tâm nghe mấy lời ấy như sét đánh ngang tai, cậu toan mở miệng nói thì Nguyệt Thanh đã chận mà nói tiếp rằng: "Bây giờ ông biết tôi là ai rồi! Tôi nói cho ông biết vì sao mà tôi lại chịu ở chung cùng với ông. Vì ông là người vô liêm sỉ, vì ông là người vô giáo dục, ông chỉ cậy có tiền mà coi đời không ra gì; ông tưởng rằng hễ có tiền thì bất kỳ sự gì ông muốn cũng được; vì những cớ ấy mà tôi muốn ở chung cùng với ông. Chung cùng với ông để mà cầm cái tánh mạng của ông trong tay, để làm cho ông thành ra một cái trò cười cho bõ ghét, kẻo ông tưởng rằng những người con gái mà ông đã làm nhục không làm gì được ông... Đáng lẽ ông còn phải đền tội lỗi của ông nhiều, nhưng bây giờ tôi suy nghĩ lại, và nhơn có lời em Tuyết, tôi không muốn cho một bà mẹ già vì trông đợi con mà phải đau đớn khổ sở. Tôi cũng có một mẹ già trông đợi tôi như vậy. Thôi, từ hôm nay ông đã biết rõ rằng tôi không có chút gì thương yêu ông, thì ông không nên tới lui đây làm gì nữa. Ông hãy mau mau đến nhà ngủ *Nam Việt* mà hầu thăm bà thân ông kẻo bà trông đợi. Nếu ông đã biết những tội lỗi của ông mà tự hối thì tôi cũng quên cả cái chuyện xưa".

Thiện Tâm lúc bấy giờ như người say mới tỉnh, đứng sững sờ một hồi lâu rồi vùng khóc òa lên... Giây lâu cậu lau nước mắt mà rằng: "Té ra cô muốn trả thù mà tôi không biết, tôi lại lầm cô là người thương. Dẫu cô có trả thù đi nữa mà cô để cho tôi được tới lui thăm viếng thì còn hơn là cô không trả thù mà cấm tôi đi lại. Những tội lỗi xưa tôi xin nhận hết, tôi xin cô đừng nhớ đến nữa... Tôi không dám mong sự gì khác hơn là được thăm viếng cô thường. Quả vậy, bây giờ tôi không còn biết tôi là ai nữa, trong đời tôi chỉ có cô là có thể làm cho tôi vui được mà thôi".

Nguyệt Thanh thấy Thiện Tâm khóc lóc năn nỉ cầu khẩn như thế thì nói: "Ông không nên khóc lóc làm gì cho mệt, miễn là ông ăn năn sửa đổi tánh nết là đủ. Tôi không cấm ông tới lui, nhưng tới lui cũng như mọi người khác vậy. Bây giờ có một điều cần kíp là ông phải mau mau đi hầu thăm bà thân ông kẻo bà buồn... Em Tuyết à, ra dắt anh em về nhà ngủ *Nam Việt*".

Thiện Tâm thấy Lệ Tuyết thì thở ra, Lệ Tuyết nói: "Có vậy anh mới biết! Bây giờ mợ đang trông đợi anh mà anh không đến an

ủi mợ sao? Từ rày anh đã khỏi tay cô giáo rồi thì anh cũng nên chừa cái tánh công tử bột đi".

Thiện Tâm nói: "Anh cũng trách anh lắm nhưng mà sự lỡ rồi, biết ăn năn thì đã muộn. Thôi, đừng nhắc những chuyện cũ lại làm gì mà anh thêm xấu hổ".

Nguyệt Thanh thôi thúc Thiện Tâm đi với Lệ Tuyết; Thiện Tâm cực chẳng đã phải vâng lời...

Khi ra khỏi nhà thì Lệ Tuyết nói: "Nếu không có em đến năn nỉ với cô Nguyệt Thanh thì chưa biết chừng nào anh mới thoát khỏi cái lưới ấy. Anh thiệt là có lỗi lắm".

Thiện Tâm lắc đầu mà rằng: "Em không đến năn nỉ thì may ra anh còn sống chớ đến năn nỉ thì chắc là anh chết. Anh về hầu thăm mẹ anh rồi anh chưa chắc còn sống được không! Anh biết rằng Nguyệt Thanh không thương anh, anh biết rằng Nguyệt Thanh oán ghét anh mà anh không thể xa Nguyệt Thanh được. Tuy nay anh đã biết chắc chắn rằng Nguyệt Thanh chỉ muốn trả thù mà chịu ở chung cùng với anh mà anh cũng không làm sao quên nàng được. Anh không hiểu tại sao. Anh cũng như người ghiền thuốc phiện vậy, hễ không thấy mặt Nguyệt Thanh thì anh buồn bực lạ lùng".

Lệ Tuyết thở ra mà rằng: "Sao anh không biết nghĩ gì hết vậy? Mợ thì già yếu chỉ mong cậy có một mình anh nỡ nào để cho mợ buồn rầu như thế? Ở đời thiếu gì người đẹp, phải một mình cô Nguyệt Thanh sao? Nếu mợ có bề nào thì có phải anh mang tiếng mê gái mà quên mẹ già chăng? Xin anh nghĩ lại.

Và đi và nói chưa hết câu chuyện thì đã đến phòng ngủ rồi... Trước cửa, Hàng Tâm và Nhựt Kỳ đang đứng đợi... Lệ Tuyết kêu Nhựt Kỳ mà rằng: "Em đã nói với anh rằng em sẽ đem anh Thiện Tâm về được, bây giờ đã quả như lời chưa? Anh xem thử bộ tịch ảnh kìa...".

Nhựt Kỳ và Hàng Tâm đến ngó ra thì thấy Thiện Tâm đi thất thơ thất thưởng như người say rượu... Nhựt Kỳ bước đến hỏi: "Cha chả! Đã hèn lâu mới gặp được anh, anh làm gì mà để cho mợ trông ngóng mãi như vậy? Thôi, anh hãy vào kẻo mợ trông".

Thiện Tâm không nói gì hết, bước vào phòng thì bà Hội đồng nói: "Thiện Tâm đó phải không. Ừ, con cứ chơi bời cho đã thèm,

đừng kể gì má nữa... Má bây giờ già yếu rồi, có làm gì được con đâu. Sao con không đi luôn đi, còn đến đây làm gì nữa?"

Bà nói chưa hết lời thì bà đã khóc như mưa, không thể nói được nữa... Thiện Tâm đứng ngó mà cũng không kiếm được lời gì an ủi mẹ. Cậu bấy giờ cũng như người mất trí vậy. Cặp con mắt cậu đỏ lòm...

Hàng Tâm thấy thế thì kéo cậu ngồi trên ghế mà rằng: "Ông Thiện Tâm, ông nhắm con mắt lại, ngồi nghỉ một chút. Ông nên quên hết những sự đã làm cho ông phải đau đớn mà nhớ lại cái cảnh êm đềm ở nhà... Ông phải biết rằng ở đời không ai thân thiết bằng cha mẹ, mà cũng không ai quí báu bằng cha mẹ. Một người có nhan sắc cũng đáng thương yêu thật nhưng sao bằng cha mẹ? Ông phải cân nhắc lắm mới được".

Thiện Tâm cũng không nói gì hết, bà Hội đồng lau nước mắt, nhìn cậu một cách thê thảm. Bà biết người ngồi trước mặt bà không phải là người có đủ trí khôn nữa, bà xoay lại hỏi Lệ Tuyết rằng: "Cháu tìm thấy nó ở đâu đó? Mà sao cháu đem nó về đây được? Không phải nó đã mê say đứa nào sao?"

Lệ Tuyết thưa rằng: "Quả có say mê thật nhưng bây giờ ảnh đã biết rõ lại rằng cô ấy không thương ảnh. Cô chỉ muốn trả thù sự ảnh làm nhục cô mà thôi".

Nàng lại đem những lời của Nguyệt Thanh nói mà thuật lại một hồi làm cho ai nấy đều ngơ ngác. Hàng Tâm gật đầu mà rằng: "Tôi đoán liệu không sai chút nào... Quả là cô Nguyệt Thanh muốn làm cho đã nư giận, nay mà cô để cho Thiện Tâm về đây thì đủ biết cô không phải là người ác độc, bây giờ phải đem Thiện Tâm về nhà quê một ít lâu, bạn với trăng thanh gió mát thì rồi mới quên được những sự này".

Thiện Tâm nghe Hàng Tâm biểu đem cậu đi về nhà quê thì cậu đứng dậy lắc đầu nói lớn rằng: "Không ai có quyền đem tôi đi đâu cả. Tôi không về nhà quê, tôi ở Sài Gòn mà thôi. Tôi không muốn đi đâu hết, tôi muốn ở Sài Gòn".

Nhựt Kỳ biết Thiện Tâm đã mơ hoảng rồi nên không cho Hàng Tâm gì nữa... Thiện Tâm đứng ngó chung quanh một hồi rồi ngồi xuống ôm mặt mà khóc.

Bà Hội đồng cũng khóc... Lệ Tuyết thưa rằng: "Xin mợ nằm tịnh dưỡng cho khỏe, ảnh đã về đây thì ảnh không đi đâu nữa. Tuy bữa nay ảnh còn ngơ ngẩn nhưng chừng một đôi hôm rồi ảnh sẽ tỉnh táo lại lần lần. Cháu tưởng chừng ai cũng vậy, hễ gặp đến cảnh ấy thì cũng phải mất trí khôn".

Nhựt Kỳ và Hàng Tâm để cho Thiện Tâm ngồi yên, hai người bước ra ngoài... Nhựt Kỳ nói: "Té ra Nguyệt Thanh là cô giáo dạy em Tuyết tôi lúc nọ, mà chính là người viết giùm bức thơ cho má tôi khuyên tôi. Cũng nhờ một bức thơ ấy mà tôi tỉnh ngộ. Tôi nhớ lại lúc xảy ra chuyện ở dưới tàu cũng có tôi nữa, nhưng tôi không nói gì hết... À, lúc ấy có Tạ Minh Đường binh vực cô giáo mà rầy Thiện Tâm... Cô giáo học chữ Pháp giỏi mà sao lại không nói đi nói lại câu nào cả? Cô để mãi đến bây giờ cô mới nói, thế mới biết đàn bà thù lâu thiệt. Má tôi vẫn nhớ cô lắm, để tôi mời cô về chơi cho má tôi mừng".

Hàng Tâm đứng ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói: "Nếu quả vậy thì cô Nguyệt Thanh còn phải trả thù nhiều người nữa chớ không phải một mình Thiện Tâm mà thôi đâu... Thôi, Thiện Tâm đã về đây thì đủ rồi, tôi xin đi Vĩnh Long có chút việc riêng".

Chàng bắt tay từ giã Nhựt Kỳ rồi lên xe mà trong trí nghĩ thầm rằng: "Mấy anh em Minh Đường sắp tìm ra bọn gian thì ta không thể trả thù như ý ta được. Có lẽ nào ta lại để cho nó chết một cách êm ái mà không làm cho nó phải đau đớn khổ sở sao? Thôi, ta phải ra tay trước mới được".

Mười hai giờ khuya, trời tối đen như mực nếu không có mấy ngọn đèn điện sáng ở xa xa thì người đi tất phải đụng đầu nhau... Một cái xe kiếng bịt bùng đậu tại đàng Champagne... Một người đánh xe đội nón nỉ trụp xuống gần hai con mắt ngồi dựa ngữa... Trong xe có hai người cũng đội nón che gần hết nửa mặt ngồi im lặng... Chẳng bao lâu có một người mặc áo quần đen, đi giày cao su, đội nón kết ở trong đàng Monceaux đi ra rồi lại gần người đánh xe mà nói nho nhỏ rằng: "Tư Lồi, lo sửa soạn đi, Bảy Lộng và Tư Lực đâu rồi? Biểu lấy bao đem vô đây".

Bảy Lộng và Tư Lực vâng lời xuống xe, vác bao theo người đội nón kết đi thẳng vào nhà Thị Minh. Người đội nón kết mở cửa, trong nhà im lìm không có một tiếng gì cả... Trên giường thì Thị Minh nằm ngủ mê man... Người đội nón kết bước lại lấy một cái chìa khóa dưới chiếu, mở cửa phòng Liễu Chi. Liễu Chi nằm trong mùng như người say chưa tỉnh...

Bảy Lộng thấy mặt Liễu Chi thì cười mà rằng: "Té ra con nhỏ bị Tư Lồi đánh ở *Chiêu Anh Quán* đây mà. Chà, cái mặt dễ thương quá... Mà sao nó cũng hơi hơi giống con nhỏ ở Vĩnh Long hôm trước kia?"

Người đội nón kết nói: "Đừng nói lôi thôi làm gì cho mất thì giờ, bỏ ngay nó vào trong bao mà đem lên xe cho rồi".

Tư Lực liền mở bao, để Liễu Chi vào rồi cột lại. Đoạn hai người khiêng thẳng ra xe... Người đội nón kết theo sau cười mà rằng: "Việc làm dễ như trở tay mà Bảy Lộng đòi đem *chó lửa* theo. Ta chẳng cần gì *chó lửa* mà ta chẳng bao giờ sợ ai. Hễ tính làm gì thì là làm được".

Bảy Lộng nói: "Cậu nói vậy chớ nhiều khi nguy hiểm lắm. Rủi gặp lính thì sao? Mình cũng phải cự chiến với nó mà thoát thân chớ".

Tư Lực cười rằng: "Anh Bảy nói phải lắm, nhưng việc gì không có cậu Ba kìa, chớ có cậu thì tôi không lo gì hết, vì bao giờ cậu cũng liệu trước hết".

Bảy Lộng và Tư Lực để cái bao lên xe rồi leo lên ngồi hai bên... Tư Lồi hỏi người đội nón kết rằng: "Bây giờ đi đâu?".

Người đội nón kết chưa kịp trả lời thì thấy lính từ trong căn phố đàng Monceaux kéo ra, và hai đầu đàng Champagne dồn lại vây kín cả bốn người. Bảy Lộng rút súng toan bắn thì có mật thám truyền chĩa súng vào xe mà rằng: "Nếu đứa nào nhúc nhích thì tao truyền bắn hết!... Hãy xuống xe mau đi".

Tư Lực xuống trước, Bảy Lộng xuống sau... Người đội nón kết biết cơn nguy nên đang nghĩ cách thoát thân nhưng cò mật thám đã đến gần một bên đưa súng vào mặt mà rằng: "Hãy đưa tay cho lính còng. Mày muốn trốn sao?"

Bảy Lộng nhơn dịp ấy rút súng lục nhắm ngay cò mật thám vừa chực bắn thì có một người nhảy đến lanh như chớp, chụp tay súng mà đưa lên trên không. Súng nổ... Cò mật thám xoay lại, người khác nhảy ra, để tay trên vai nó mà rằng: "Đừng chạy đâu mà uổng công, đã có tôi đón anh đây... Hôm trước anh đánh tôi té xuống sông rồi anh đi mất, nay mới gặp lại".

Và nói và dở bổng người đội nón kết lên. Người bắt Bảy Lộng là Tạ Minh Đường! Người bắt người đội nón kết là Tám Lọ. Ông cò mật thám truyền còng luôn cả Tư Lồi, Tư Lực rồi cười và tạ ơn Minh Đường rằng: "Nếu không có ông thì tôi đã bị thằng giặc này bắn chết rồi. Xin cám ơn ông. Bây giờ đem bọn nó về bót hay là đem đi đâu?

Minh Đường cũng cười mà rằng: "Đáng lẽ thì đem bọn nó về bót, nhưng tôi xin phiền ông đem lại nhà bọn tôi để tra hỏi chúng nó vài điều, vì chẳng phải chỉ có việc hôm nay mà thôi đâu; chúng nó còn phạm tội trong một vụ sát nhơn ở Vĩnh Long cách nay năm năm rồi, mà vụ này ly kỳ lắm".

Ông cò mật thám suy nghĩ một hồi rồi gật đầu mà rằng: "Vậy cũng được. Nếu quí ông có thể tra cứu ra được thì đỡ công cho tôi. Vậy thì xin ông hãy đi trước."

Minh Đường liền biểu bỏ bốn tên hung thủ lên xe, rồi mở bao đem Liễu Chi ra. Cô còn ngây ngất... Chàng liền biểu Tám Lọ đem bà Thị Minh và cô Liễu Chi thẳng vào nhà thương Angier. Chàng và ông cò lên xe hơi về nhà Trần Thành Trai...

Xe đến nơi thì đã có Minh Châu, Thành Trai, Bà Phán, Kiều Nga, Hàng Tâm, Tuyết Sĩ, Lê Thành Tượng, Cao Hải Tâm, Cô Tám, Thị Liễu, đứng đợi trước cửa... Ông cò và Minh Đường chào hỏi mọi người rồi đem bốn tên tội phạm vào. Bà Phán thấy mặt Tư Lực thì giận lắm, mắng rằng: "Tao nuôi mày rất tử tế, không có một chút gì mích lòng mà mày nỡ âm mưu giết rể tao và hại con tao".

Tư Lực cúi đầu không nói gì hết. Ông cò không hiểu gì hết, Thành Trai liền thuật sơ câu chuyện trước lại và nói thêm rằng: "Ông ngồi đây xem tôi tra hỏi nó về vụ ấy. Nó khai thiệt thì khỏi mất công ông vì tôi biết rõ vụ ấy hơn ông!".

Ông cò gật đầu, nói cách rất ôn tồn rằng: "Ông cứ hỏi đi. Tôi ngồi đây làm chứng cho".

Thành Trai hỏi Bảy Lộng: "Mày có nhớ đêm bữa mùng ba tháng 9 năm 1915 mày vào nhà bà Phán Trần ở Vĩnh Long để giết rể của bà không?".

Bảy Lộng lắc đầu mà rằng: "Không! Không hề vô nhà bà nào ở Vĩnh Long cả".

Thành Trai nói: "Đêm ấy mày và tên này *(Chỉ người đội nón kết)* theo Tư Lực vào nhà bà Phán phải không? Mày có chịu khai thật không? Tao có đủ chứng cớ".

Bảy Lộng cười rằng: "Mày nói có chứng cớ, vậy chứng cớ mày đâu, mày hãy đem ra đây".

Người đội nón kết không nói gì cả, chăm chỉ ngó Kiều Nga một cách lạ lùng... Thành Trai liền lấy chiếc nhẫn vàng và hai lóng xương tay đưa cho Bảy Lộng xem mà rằng: "Đêm ấy mày vào nhà bà Phán rủi bị mất hai lóng xương tay này và chiếc nhẫn này".

Bảy Lộng thất sắc nhưng cứ chối rằng: "Không, không có chiếc nhẫn ấy".

Thành Trai cười: "Ừ, tao đem người làm chứng ra cho mày biết thử mày còn chối làm sao được".

Chàng đi vào phòng dắt con Sư Tử ra; vuốt đầu nó mà rằng: "Đứa nào giết Thuần Phong thì mày hãy xé thây nó mà trả thù cho chủ mày". Bảy Lộng thấy con Sư Tử thì mặt không còn chút máu; con Sư Tử thấy Bảy Lộng thì sủa dồ lên rồi nhảy chồm lại mà cắn... Bảy Lộng la lớn rằng: "Thôi, đem con chó ấy đi, để tôi khai thiệt... Đem nó đi chỗ khác...".

Thành Trai nói: "Mày khai đi không thì tao thả nó ra bây giờ".

Bảy Lộng túng thế phải khai thiệt rằng: "Về việc án mạng ấy thì tôi không thù oán gì hết, nhưng tôi xưa nay là du côn, thường hay chém người mà ăn tiền. Lúc ấy tôi có gặp cậu này, cậu bàn tính với tôi, cho tôi năm trăm đồng nếu tôi giết tên rể bà Phán đây. Tôi nhơn trong cơn say rượu nên ừ bướng, sau tỉnh ra thì sự đã lỡ rồi, tôi không thể từ chối được vì sợ mất chữ *tín*. Tôi mới rủ Tư Lồi đây đi với tôi... Trong nhà đã sẵn có Tư Lực làm nội ứng nên tôi vào dễ

như không. Tôi thấy rể bà Phán nằm mê man dưới đất nên tôi chỉ đâm một con dao thì chết ngay. Tôi liền lau tay máu vào áo của con gái bà Phán rồi đi ra. Tư Lồi đi trước tôi đi sau, ra chưa khỏi thì con chó này giựt đứt dây chạy theo cắn tôi. Tôi không còn dao nên ôm nó, cố bóp họng nó nhưng nó mạnh quá, nó đè tôi xuống cắn đứt ngón tay áp út của tôi. Tôi tưởng chắc chết, may nhờ Tư Lồi chụp được một cái gậy đánh vào đầu nó làm cho nó té lăn ra, tôi và Tư Lồi mới trốn khỏi".

– Vậy là hết rồi sao?

– Hết.

– Vậy ai xông thuốc cho rể bà Phán mê?

– Chính là cậu này đây.

Thành Trai xoay lại hỏi người đội nón kết rằng: "Mày la ai mà mày dám cả gan làm những sự ghê gớm như vậy?".

Người đội nón kết mỉm cười mà rằng: "Thuần Phong với tao có thù, nên tao mưu giết chết, tao có chối đâu. Chính tao đã viết thơ hăm dọa mày và đã gởi thơ cho quan Thống đốc đầu cáo mày đó. Tao bị bắt thì tao chịu tội, mày chẳng cần gì phải hỏi lôi thôi nhiều chuyện. Tao là Mã Quân Lữ kêu là Nguyễn Viết Luân đây".

Thành Trai nói với ông cò mật thám rằng: "Thôi, vậy là gỡ được oan cho em tôi rồi, việc nhà tôi đã xong, bây giờ tôi xin giao cả bốn đứa này cho ông... Từ đây bọn nó thuộc về luật pháp".

Ông cò gật đầu... Minh Đường muốn đem chuyện Liễu Chi thuật lại cho tất cả mọi người nghe nhưng thấy có Kiều Nga nên lại ngập ngừng... Minh Châu bước lại cầm tay Thành Trai mà rằng: "Thật là tôi lầm lỗi nhiều. Tôi không bằng em".

Thành Trai nói: "Khoan đã, anh chưa nên gấp, việc đã xong đâu?"

Chàng biểu bồi mở rượu sâm banh đãi ông cò mật thám và tất cả anh em bà con... Ông cò dùng rượu rồi từ giã đem tội nhân về bót... Lúc này người nào cũng vui mừng cả... Bà Phán nói: "vậy mà bấy lâu tôi cứ trách con tôi, giận con tôi, ngày nay tôi mới được hả lòng một chút, nhưng con tôi, thì đã lưu lạc mất rồi. Nghĩ thật là đau xót quá..."

Minh Đường cũng ngồi ngẩn ngơ, mặt ủ dàu dàu. Thành Trai nói: "Xin thím chớ buồn chừng mấy phút đồng hồ nữa thím sẽ biết...".

Nói chưa dứt lời, đồng hồ gõ ba tiếng thì ngoài cửa có tiếng xe hơi đậu, Minh Đường dòm ra thì thấy ông Cai, bà Cai, ông Hương sư Được, bà Hương sư Được và Ngọc Liên vào... Minh Đường không hiểu gì hết nhưng thấy Thành Trai chúm chím cười thì biết chắc là Thành Trai đã cho mời. Chàng bỗng nhiên mừng vui lạ lùng, chắc bụng rằng sẽ có Kiều Tiên đến... Thành Trai mời vào giới thiệu cho mọi người biết nhau, rồi nói: "Xin đợi một lát nữa tôi sẽ có câu chuyện rất quan hệ muốn thưa với tất cả mọi người ở đây. Bây giờ xin mời dùng chén rượu đã".

Ai cũng lấy làm lạ... Bỗng lại nghe có tiếng xe hơi nữa... Minh Đường lại ra dòm thì thấy đều là người lạ cả, chỉ quen một mình Thiện Tâm mà thôi. Thành Trai lật đật giới thiệu: "Bà hội đồng Lân, ông Tú Phạm Nhựt Kỳ, cô Phạm Lệ Tuyết, ông Trần Thiện Tâm và cô Nguyệt Thanh".

Nghe đến tên Nguyệt Thanh, Minh Đường chăm chăm ngó rồi bỗng chốc chàng vui mừng lạ lùng. Chàng muốn nói gì đó nhưng lại nín... Mặt chàng đỏ... Bà Cai, ông Cai và bà Hương ông Hương đều lấy làm lạ lùng, ngồi nhìn sững Nguyệt Thanh. Nguyệt Thanh bước lại gần bà Phán, khóc mà rằng: "Má ơi! Xin má tha thứ tội lỗi cho con... Mấy năm trời con phải xa cách má là sự cực chẳng đã chớ lòng con đau đớn muôn phần... Xin má đừng bi lụy nữa mà con thêm đứt ruột...".

Bà Phán và Kiều Nga đều khóc ròng... Bà Cai, bà Hương thấy vậy cũng khóc. Tám Lọ, Hai Dần và Ba Hoa vừa đến nơi, lật đật chạy vào, trông thấy tình cảnh thì cũng đều ngậm ngùi...

Thành Trai mời hết thảy mọi người ngồi tử tế rồi lấy tập Nhựt Ký của Kiều Tiên ra đọc.

Ai nấy đều chăm chỉ nghe... Thành Trai đọc lại từng hồi làm cho mọi người đều phải mủi lòng rơi lụy, nhứt là bà Phán và Minh Đường. Đọc hết nửa giờ mới xong... Bà Phán ngó Minh Đường, Minh Đường cúi đầu...

Thiện Tâm đứng dậy nói với mấy anh em Thành Trai rằng: "Xin quí ông tha tội cho tôi hôm trước tôi có phạm đến danh giá ông Thành Trai là vì tôi điên. Tôi đã ăn năn lắm rồi..."

Thành Trai nói: "Nếu vậy thì tôi lấy làm vui lòng lắm... Từ rày ta sẽ là bạn mà không nhớ tới chuyện cũ mà chi".

Kiều Tiên thưa với mẹ, Thành Trai và Minh Đường lên lầu cho nàng nói một chuyện. Ba người kiếu lỗi, theo Kiều Tiên lên lầu... Nàng đem chuyện gặp Liễu Chi kể lại một hồi rồi thưa rằng: "Thưa má, nếu bây giờ đem sự thật ấy mà tỏ ra cho em Kiều Nga biết thì con chắc em không sống được. Con chắc Nguyễn Viết Sung còn thương em hơn là má và con thương em, vậy thì một người đến buộc va phải chết đi để cứu em Kiều Nga. Con không muốn làm cho em phải đau đớn vì em là người vô tội".

Minh Đường đứng dậy nói: "Lòng của em lúc nào cũng thủy chung, trước sau như một. Em tính như vậy anh kính phục bội phần. Kiều Nga không có tội tình gì mà để cho nàng phải đau đớn thì tội nghiệp lắm... Để anh buộc Nguyễn Viết Sung điều ấy cho, và anh sẽ vào nói trước cho Thị Minh và Liễu Chi biết".

Bà Phán ngó Minh Đường rồi lại ngó Kiều Tiên, sự vui lòng đẹp ý lộ ra sắc mặt... Thành Trai nói: "Thưa thím, ngày hôm nay là ngày vui vẻ đoàn viên, nhưng em Kiều Tiên còn một điều oan nữa chưa minh ra được là vụ hai chiếc nhẫn ở Cầu Ngang. Cháu coi ý em còn tức về việc ấy lắm".

Minh Đường nói: "Điều ấy nhỏ nhặt, hai chiếc nhẫn ấy mà tôi đã bỏ qua rồi... Thôi bây giờ hãy xuống nói việc Liễu Chi cho mọi người biết... Cứ nói là con sanh đôi một lần với Kiều Nga mà lạc mất từ lúc mới đẻ".

Bà Phán mừng lắm toan bước xuống thì Hàng Tâm cầm một phong thơ bước lên đưa cho Thành Trai mà rằng: "Thơ này là của Nguyễn Viết Sung gởi đến. Tôi phải bổn thân cầm trao tay cho ông kẻo sợ người khác thấy".

Thành Trai cầm thơ ngó Hàng Tâm, Hàng Tâm mỉm cười: "Chắc ông lấy làm lạ thì phải? Ông không nên lấy làm lạ. Việc mà cụ với hai ông và cô mới bàn tính đây thì tôi đã liệu định trước rồi và đã thi hành đúng như ý cụ với hai ông và cô muốn, nghĩa là tôi đã

buộc Nguyễn Viết Sung phải bỏ hết cả tiền của và cơ nghiệp lại cho Nguyễn Viết Chi (nó còn có một con trai tên là Nguyễn Viết Chi) mà đi xứ khác, để cho cô Kiều Nga được yên thân... Nó thương hai con nó lắm nên nó mới chịu viết phong thơ này đây và đã bỏ nhà mà đi rồi".

Thành Trai lại càng lấy làm lạ ngó chăm chỉ Hàng Tâm mà tỏ ra bộ chưa tin... Hàng Tâm hiểu ý nên nói: "Tôi chắc rằng ông chưa tin lời tôi. Chưa tin cũng phải. Việc này có ăn thua gì tới tôi mà tôi can thiệp vào và tại sao tôi lại làm như vậy? Tôi không giấu gì ông nữa, chính tôi đây cũng có cái tử thù: Một người đàn bà phải mang bịnh điên cuồng, chịu đau đớn trên hai mươi năm nay, cả một nhà bị nhục nhã cũng trong hai mươi năm nay đều là tại tên Nguyễn Viết Sung này cả... Tên thiệt nó là Mã Quán Thận... Nó nhơn lúc đêm hôm tăm tối dùng thuốc mê mà xông cho người đàn bà ấy mê đi rồi nó hãm hiếp, gây họa cho cả gia đình... Người đàn bà ấy chính là mẹ của Tám Lọ, là chị ruột của tôi. Thù của nhà ông thế là đã xong, nay xin ông để nó cho tôi. Tôi trả thù một cách khác. Tôi sẽ làm cho nó phải đau phải khổ gấp muôn phần nó đã làm cho chị tôi đau khổ".

Nghe Hàng Tâm nói rồi ai nấy đều sững sờ mà thở ra... Minh Đường nói: "Nếu vậy thì ông cứ để cho Nguyễn Viết Sung sống mà báo thù nhà. Điều ấy tự ý ông... Té ra một tên Nguyễn Viết Sung này mà phạm không biết bao nhiêu tội lỗi! Nó thiệt là một con quỉ.

Tám Lọ là một đứa rất thông minh, ông không nên nuôi sự oán thù ở trong trí nó mà hư mất nó. Phải làm cho nó biết thương, biết yêu, đừng thù, đừng oán ai thì ngày sau nó mới thành ra một người tốt được. Thôi, ông Thành Trai hãy đọc bức thơ, coi thử Nguyễn Viết Sung nói gì".

Thành Trai mở ra, đọc:

"Bà Phán,

Tôi không thể ở đây được nữa vì tội lỗi của tôi rất nhiều... Tôi xin bà hãy quên hết đi mà coi tôi như người đã chết. Tôi bỏ xứ này mà đi biệt tích, cũng như tôi bỏ cõi trần gian mà xuống chốn âm ty vậy. Xin bà đừng hại Kiều Nga, vì Kiều Nga không phạm một chút tội lỗi gì. Kiều Nga vẫn còn trong sạch. Tuy là con tôi, mà khác tôi

một vực, một trời. Tôi đi chuyến này là để cho Kiều Nga khỏi vì tôi mà phải chịu đau đớn. Tôi không muốn cho Kiều Nga biết một chút gì về những việc tôi đã làm. Làm nên thì nó sung sướng, làm không nên thì tôi chịu khổ...

Nay kính
NGUYỄN VIẾT SUNG"

Thành Trai đọc rồi, bà Phán và Kiều Tiên mừng lắm đồng nói: "Phải, nó làm quấy thì nó chịu tội chớ Kiều Nga có ăn thua gì? Ông Hàng Tâm cứ trị tội nó cho đáng kiếp.

Hàng Tâm gật đầu, nói chẫm rãi rằng:

– "Tôi sẽ trị tội nó một cách xứng đáng. Tôi sẽ làm cho nó chết không chết mà sống không sống!".

Thành Trai và Minh Đường biết Hàng Tâm nói sao làm vậy nên không nói gì nữa, liền đem bà Phán và Kiều Tiên xuống nói chuyện tìm được Liễu Chi là con gái đẻ sanh đôi một lượt với Kiều Nga mà bị thất lạc ngay từ lúc nhỏ... Ai nấy đều lấy làm lạ. Kiều Nga mừng lắm nói:

– "Vậy mà sao mười mấy năm nay con không nghe nói gì hết! Mai sáng má cho con với chị Kiều Tiên đi thăm. Chị Liễu Chi có giống con không?"

Bà Phán ngó Kiều Nga mà sa nước mắt, rồi đáp rằng: "Má cũng chưa thấy nhưng chắc là phải giống con chớ".

Bà Hương sư lúc bấy giờ vui mừng lắm, nói với bà Cai rằng: "Lúc trước tôi có nói với bà rằng nó không phải con nhà hạ tiện, chí quyết đến ở hầu hạ bà tức cũng là có một cái duyên cớ gì chớ chẳng không. Thế mà thiệt! Người như vậy mới xứng với Minh Đường".

Bà Cai cũng mỉm cười, trong lòng bà vui vẻ lắm. Ngọc Liên và Lệ Tuyết không rời Kiều Tiên, ngồi khít hai bên nàng mà nói nhỏ rằng: "Cô giáo, cô còn nhớ chị em em không?"

Kiều Nga cúi mặt... Ngọc Liên nói:

– "Chị có nhớ lúc đứng dưới gốc dừa, em đưa hình anh em cho chị xem mà chị khóc đó không?".

Kiều Tiên ngó Ngọc Liên mà cặp con mắt có ý năn nỉ Ngọc Liên đừng nói đến chuyện ấy nữa... Mỗi người đều nhìn Kiều Tiên mà tấm tắc khen ngợi..

Mười ngày sau. Vẻ trời êm đềm. Trăng thanh gió mát, trên cây líu lo tiếng chim hót, trong vườn mấy đóa hoa thơm, cái cảnh nhà bà Phán lúc này đã khác hẳn khi trước, cho hay cảnh cũng tùy người, trước thềm dưới bóng nguyệt, ông Phủ, bà Phán, và ông Cai, bà Cai ngồi nói chuyện rất vui vẻ... Xa xa trên mấy cái ghế đá dưới bóng cây một bọn sáu người, là Minh Đường, Thành Trai, Minh Châu, Kiều Tiên, Liễu Chi và Kiều Nga cũng đang xúm lại trò chuyện... Minh Đường nói về việc phát minh của chàng rồi kết luận rằng: "Tôi đã thí nghiệm một lần trót, được kết quả rất mỹ mãn. Sự phát minh nầy nếu đem ra ứng dụng vào nghề nông xứ ta thì số lúa gạo sản xuất mỗi năm sẽ tăng lên ít nhứt cũng gấp hai".

Thành Trai và Minh Châu thì nói đã trù tính xong việc lập một viện Tư thơ và một Học đường dạy thí, để cho học trò nghèo có chỗ mà học.

Kiều Tiên tỏ ý bằng lòng, vừa cười vừa nói rằng: "Có mấy việc nên làm thì bọn đàn ông họ giành mà làm hết rồi, chị em mình cũng phải kiếm việc chi có ích mà làm chớ... Hai em nghĩ sao?." Kiều Nga và Liễu Chi chưa kịp đáp thì Kiều Tiên nói tiếp: "Điều cần nhứt cho ta bây giờ là phải có trường dạy Gia chánh và các nghề nghiệp cho đàn bà. Rồi thì phải lo lập ngay hội *"Tiết kiệm"* để hạn chế sự xài phí quá độ của phần đông bạn gái ta. Mấy năm nay chị vẫn lưu tâm đến hai việc này và dặn lòng rằng sẽ hết sức làm, được tới đâu làm tới đó". Kiều Tiên xây lại nói với Thành Trai, Minh Đường và Minh Châu rằng: "Tôi đã thảo thành một bản dự tính lập trường và lập hội này, tôi sẽ đưa cho mấy anh coi, nếu có ý kiến gì hay thì chỉ biểu thêm cho để khỏi sai sót".

Ba người nghe Kiều Tiên nói xong thì cùng đáp: "Rất phục cái ý kiến hay của em, chúng tôi sẽ vui lòng giúp em đạt mục đích".

Kiều Nga và Liễu Chi nói với Kiều Tiên: "Thế là xong việc trường việc hội, còn việc của chị thì chị tính sao? Tội nghiệp anh Minh Đường! Năm năm trời xa cách mà có vậy thôi đâu? Lại còn

phải trải biết bao là nỗi đau đớn, lo sợ, nếu không phải lòng son dạ sắt, thì đâu có được ngày nay? Vậy chúng em tưởng chị nên trước vì nghĩa, sau vì tình mà tính gấp sự thành thân cho rồi đi. Sao chị lại còn nỡ bắt ảnh chờ đợi? Chị biểu bao giờ tìm thấy hai chiếc nhẫn chị mới chịu vu qui, vậy nếu không tìm thì chị tính làm sao? Anh Thành Trai có lẽ anh phải ráng điều đình thì mới xong việc này được".

Thành Trai mỉm cười mà rằng: "Hai em nói cũng phải mà em Kiều Tiên chưa chịu cũng phải. Ý em Kiều Tiên là chỉ muốn ở nhà một ít lâu với thím cho bỏ với mấy năm xa cách, chớ không phải vì hai chiếc nhẫn đâu... Nhưng trước sau gì rồi việc cũng xong".

Mọi người còn đang nói chuyện thì Tám Lọ chạy ra mời về dùng cơm...

Trong bữa tiệc hôm nay chẳng thiếu mặt một người nào và ai nấy đều tươi cười hớn hở; nói chuyện rất vui. Khi ăn xong, mọi người sắp đứng dậy thì ông Cai nói với bà Phán và ông Phủ rằng: "Nhơn dịp hôm nay đủ mặt tất cả bà con, tôi xin hỏi cháu Kiều Tiên cho con trai tôi là Tạ Minh Đường. Sự tình của hai trẻ ra sao, tôi chắc bà và ông cũng đã biết cho rồi. Vậy xin bà và ông thương chúng nó".

Ông Phủ cười rằng: "Tôi thì không phải nói gì nữa! Trước khi ông hỏi tôi đã chịu rồi".

Bà Phán nói: "Tôi cũng vậy, nhưng xin để sáu tháng nữa tôi sẽ cho trẻ vui qui, vì mẹ con phải xa cách lâu, tôi muốn cùng cháu hủ hỉ ít ngày".

Mấy người trong tiệc đều vỗ tay chúc mừng cho hai họ.

Kiều Tiên và Minh Đường đỏ mặt, ngồi cúi đầu.

Kiều Nga ngó Kiều Tiên và Minh Đường rồi xây qua ngó Thành Trai mà thở dài, con mắt nàng lại gặp con mắt cô Tám...

BỬU ĐÌNH – 1931

HUỲNH THỊ BẢO HÒA
(1896–1982)

Tên thật là Huỳnh Thị Thái, sinh năm 1896 tại quê xã Hòa Minh, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam; nay thuộc Đà Nẵng, trong một gia đình võ quan triều Nguyễn. Bà sớm tham gia các hoạt động xã hội và báo chí của nữ giới đương thời; cùng với các bà Đạm Phương, Như Mân... chủ trương Nữ công học hội *(1929), viết cho các báo* Nam Phong, Thực nghiệp dân báo *(Hà Nội),* Tiếng dân *(Huế),* Đông Pháp thời báo, Phụ nữ tân văn *(Sài Gòn)...*

Bà cũng là người phụ nữ đầu tiên viết tiểu thuyết bằng chữ Quốc ngữ: năm 1927 bà cho xuất bản tiểu thuyết Tây phương mỹ nhân *với lời tựa của cụ Huỳnh Thúc Kháng (1874-1947) và lời giới thiệu của nhà thơ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1888-1939). Hầu suốt cuộc đời bà sống ở quê hương – Bà mất ngày 8-5-1982 tại Đà Nẵng.*

Chọn Tây phương mỹ nhân, *chúng tôi muốn coi đây là một chứng tích của thể loại tiểu thuyết ở thời kỳ đầu thế kỷ XX, tác giả viết theo lối chương hồi ảnh hưởng lối viết tiểu thuyết Trung Quốc và nội dung còn lệ thuộc nhiều vào chuyện người thực việc thực.*

*

TÂY PHƯƠNG MỸ NHÂN

(tiểu thuyết)

BÀI TỰA
của cụ Huỳnh Thúc Kháng

Bỉ nhân từ nhỏ đến năm mười tuổi đầu mang một cái tiếng văn sĩ, mà tự xét bình sinh chưa có gì cho xứng chữ văn sĩ, làm người dân An Nam cũng mày, cũng râu, sinh gặp khoảng thế kỷ mười chín, hai mươi này, mà đành mang một cái lốt văn sĩ, đã lấy làm thẹn, huống chi văn sĩ mà không xứng, thì còn dương mày trợn mắt mà bình phẩm đến ai được. Thế mà cũng may, vì cái tiếng đó, đã mình buộc lấy mình, lại làm lụy đến người, đã mười mấy năm

nay không ai dám nhìn đến mỏ rồng[1] *vẫn là nghề ế, mà mất ngựa*[2] *thành ra sự may, đã khỏi mất thì giờ chạm nước vẽ mây, mà cũng dè chút công để giúp trong xã hội một đôi điều thật sự.*

*Gần mấy tháng đây, nhơn việc tổ chức nhà báo, ra ở Tourane**. *Một ngày nọ, bà Vương Khả Lãm tức HUỲNH THỊ BẢO HÒA, là một vị nữ sĩ ở Tourane, thường hay viết báo cùng ông ta đến thăm tôi. Trong lúc nói chuyện nói đến văn nữ giới hiện thời nước ta, bà nhân đưa ra một quyển tiểu thuyết của bà mới làm, cậy tôi đề bài tựa và nói: "Tôi con nhà học, cha làm quan đã về hưu, từ nhỏ có tánh ham học, mười mấy năm nay cái màn nữ học nước ta mới dở ra, thường hay sưu tập các sách các báo trước xem sau học, mà tánh thích nhứt là tiểu thuyết, nên đánh bạo dạn theo đòi, thử làm ra bản này, vẫn biết một nghề mới học, sao khỏi cho lẽ cạn lời thô, nên trước khi xem hỏi đời, xin một lời phủ chính của lão tiên sinh vậy".*

Tôi xem rõ đầu đuôi, lại xem cả toàn quyển, rồi tự nghĩ rằng: nữ giới nước ta, thuở xưa là xã hội vô học thế mà trừ những chuyện nữ kiệt như bà Trưng, bà Triệu, bà Phạm Thị Thuấn, bà Nguyễn Thị Kim là những bậc cân quắc anh hùng ít hay thường thấy. Còn ngoài ra khuê tú như Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Diệu Liên công chúa đều là nữ sĩ lòng gấm, miệng thêu, phun châu nhả ngọc, không kém gì bạn mày râu trong làng văn, đương thời đại nữ học thạnh hành, anh thư xuất hiện, thì trong phường khăn yếm mà có bọn Thái Văn Co, Tô Tiểu Muội cũng không lấy gì làm lạ. Bà là một người hay xem tiểu thuyết, vậy tôi xin kể qua chuyện tiểu thuyết.

Cái lợi khí truyền bá tư tưởng trong xã hội, tiểu thuyết là một thứ phổ thông rất dễ, mà trong nghề làm văn, tiểu thuyết là một thứ kết cấu rất khó. Nước Nhật, nước Tàu đương lúc canh tân, tiểu thuyết rất là thịnh hành, hoặc làm ra, hoặc dịch sách Âu Tây, có một cái sức mạnh ngấm ngầm, làm cho xã hội nảy được những tư tưởng mới, nay xem những bản danh tiếng như: "Giai nhơn kỳ ngộ", "Kinh quốc vĩ đàm" cùng các món Hiệp Tình, Trinh Thám vân vân, lời giống thô mà thật nhã, ý giống cạn, mà thật sâu. Việc giống nhỏ

---

1. Mỏ rồng: Đồ long chi kỹ, kỹ thành nhi vô sỡ dụng.
2. Mất ngựa: Tái ông thất mã, yên trị phi phước.

*. Tức Đà Nẵng ngày nay.

mà ảnh hưởng có quan hệ đến nhơn tâm thế đạo, tự con mắt người thường xem qua thì ai cũng hiểu được, không khác gì đàn bà con nít ngồi nói chuyện với nhau mà kỳ thực thì không phải những tay học thức rộng, lịch duyệt nhiều, cầm bút không viết được một chữ. Ấy chính vì thế mà tiểu thuyết mới thành ra một thứ lợi khí truyền bá trong xã hội, không kém gì nhật báo vậy.

Tiểu thuyết ở nước ta đang còn trong lúc nảy chồi mọc mống, trong đám mày râu cũng mới xuất hiện một đôi bản như "Quả dưa đỏ", "Cảnh thu di hận v.v... còn nữ giới thì thật chưa có. Nay bà đem cái thì giờ quý báu mà làm được bản này lấy cái học thức sở đắc mà ra công thêu dệt, để tự tạo cho thành một nhà văn trong nữ giới, cái công võ núi mở đường, thật không những ngọn cờ tiên phong cho đạo quân "nương tử"[1] trong làng quần thoa, mà cũng là tiếng trống trên thành phu nhơn[2] làm một tay nữ tướng quân kình địch cho đám mày râu trong trường văn trận. Bạo dạn thật! Khó nhọc thật!

Còn về thể tài gian giá cùng cách điệu văn chương, thì hiện trong nữ giới ta, cũng thật ít có, tôi không cần nói dài.

Tiến sĩ, Trung Kỳ Nhân dân viện, Viện trưởng
HUỲNH THÚC KHÁNG

MẤY LỜI TẶNG
TÂY PHƯƠNG MỸ NHÂN

Cuộc đi chơi năm Đinh Mão, qua Tourane, ở chơi nhà ông Vương Khả Lãm. Bà Vương Khả Lãm là HUỲNH THỊ BẢO HÒA là một người bạn độc giả của An Nam tạp chí và từng có văn lai cảo cho An Nam tạp chí khi xưa. Trong khi nói chuyện, bà có đem đọc cho tôi nghe một vở tiểu thuyết mới vừa soạn xong, tức là truyện ***Tây Phương mỹ nhân*** *đó.*

---

1. Nương tử quân: Người đàn bà có tài ví như một đạo quân.
2. Thành phu nhơn: Đàn bà có tài làm tướng ví như một cái thành chắc vững bền.

*Truyện **Tây Phương mỹ nhân** đó là câu truyện một người đàn bà tiết nghĩa ở phương Tây, chồng là người An Nam, là thực sự ở Tourane mới đây mà tác giả soạn ra làm tiểu thuyết. Ôi, nghĩ như nước ta khi xưa trọng luân lý, nhất là điều tiết nghĩa của đàn bà, đến như nay phong hóa suy đồi, trong xã hội đàn bà, trừ ra chẳng chắc được bao người, coi điều đó thật đã rẻ như bèo, nhẹ như bấc. Ai hay một người đàn bà ở phương Tây, như nàng Bạch Lan trong truyện đây, sinh trưởng ở nước tự do như Pháp, mà trọng điều tiết nghĩa cũng như người Á Đông khi xưa. Đó nếu là câu truyện một người Tây với một người Tàu, mà đàn bà nước ta cũng nên biết, huống chi bách niên giai lão với người mỹ nhân đó lại là người đàn ông An Nam ta, thời câu truyện thực đáng chép ra để người An Nam ta cùng biết. Truyện **Tây Phương mỹ nhân** có trọng giá nhất ở chỗ đó, còn ngoài ra, văn từ có phần lưu hoạt, cảm tưởng nhiều mối khích ngang, lại là vỏ tiểu thuyết thứ nhất của trong bạn quần thoa mới soạn ra. Vậy thời các bạn trong làng văn cũng nên công nhận là một cuốn văn đáng coi vậy. Nay có mấy lời tặng **Tây Phương mỹ nhân**, kính đưa trình bà Vương Khả Lãm.*

Viết tại Nha Trang ngày 2 May 1927
Tản Đà NGUYỄN KHẮC HIẾU

TIỂU DẪN

Đạo làm người phải lấy luân thường làm căn bản, từ thiên tử chi ư thứ dân ai ai cũng phải lấy luân lý làm trọng. Vì luân lý là gốc của gia đình, là trật tự của xã hội, một nước mà phong hóa suy thì nước kém, một nhà thiếu luân lý thì nhà hư, làm người mà không có luân lý thì không còn thể thống gì nữa. Cho nên trai thời trung hiếu, gái thời tiết hạnh là hai đức tốt đứng đầu trong muôn nết vậy.

*Câu chuyện **Tây Phương mỹ nhân** nầy vốn là chuyện thiệt xảy ra ở xã hội ta: nhơn có một người đàn bà ngoại quốc sinh trưởng ở nước tự do, kết duyên với một người nước Việt Nam ta, mà ăn ở có tiết nghĩa có thủy chung, thiệt xưa nay hiếm có. Lấy lẽ công bình mà phán đoán, thì một người có đức hạnh, có tài hoa hơn người,*

dầu cho ở nước nào, ở phương nào, cũng đáng quí trọng, vì là một cái gương chung cho hậu thế. Nên chi tôi không quản tài sơ trí mọn, góp nhặt nên lời, tô điểm nên văn, viết ra quyển truyện ***Tây Phương mỹ nhân*** *nầy và biểu dương cái gương tiết nghĩa ra để cống hiến chị em bạn quần thoa mua vui trong khi phòng thêu rảnh việc, gác gấm thư nhàn, cũng được vài hồi tiêu khiển, dẫu có ai khen cũng cám ai cười xin vâng.*

TRƯỚC GIẢ CHÍ

HỒI THỨ NHỨT
Cơn ngộ biến học đường lỡ bước
Lúc sa cơ phú hộ từ hôn.

Vải non quanh quất, gò đống ngổn ngang, bãi sắn xanh um, vườn dâu bát ngát. Trong một thôn kia diện tích cũng rộng, dân trong thôn chuyên nghề canh nông, cày trưa cuốc sớm làm kế sinh nhai, lác đác có vài nhà nuôi tằm dệt lụa, song cũng nhỏ nhen chưa lấy gì làm đại công nghệ. Còn nông vụ thì đầu mùa Đông cấy, cuối mùa Xuân gặt, mùa Thu thâu, tiết tháng hai tháng ba tiết Xuân mát mẻ, cảnh Xuân êm đềm, người hái dâu, kẻ gặt lúa, người bắt cá, người đốn củi ung dung sinh hoạt, vui thú thiên nhiên. Ngoài phạm vi cổng làng, không còn biết có thế giới cạnh tranh, khoa học tiến bộ, và công trình kỳ dị vĩ liệt phi thường của nhơn loại là gì nữa. Trong làng này có được vài trăm nóc nhà, đều là nhà tranh vách đất rời rạc lẻ loi, mỗi gia đình như riêng một cõi, không có gì là liên lạc với nhau cả.

Trong xóm kia có một cái vườn cây cối rườm rà, hoa quả sầm uất, chung quanh trồng tre kín mít, đàng trước có cửa nhỏ đi vào, hai bên đường đi trồng đào liễu phất phơ, hoa nở đỏ ối, ngoài vườn xoài, mít, thơm, cây trái lúc lỉu, xem rất ngoạn mục. Bên trong có cái nhà gỗ ba gian, ngoài sân có chuồng chim bồ câu, có hòn non bộ, có chậu cúc, tường vi, song lâu ngày nét vẽ đã phai, bầy chim kéo nhau bỏ đi hết, còn kiểng vật thì cằn cọi, hồ chậu thì sứt mẻ, mấy gốc mai già ủ rũ, đôi cành bông liễu phất phơ, xem có vẻ bi

quan mà thanh đạm lắm. Còn trong nhà bày biện sơ sài, giường tre ghế gỗ, buồng hẹp phên đơn, bên phía đông có cái bàn sách vở chồng đống, chữ nho chữ tây đủ thứ, bên cạnh có ống viết bình mực, song ngòi bút bị sét ăn, mà bình mực lâu ngày cũng cạn; hai bên để hai chiếc giường nhỏ làm ghế. Trên ghế có một cậu thiếu niên ước chừng 20 tuổi, mặt mũi khôi ngô hình dung nho nhã, đang ngồi xem sách, thỉnh thoảng đặt quyển sách xuống ra chiều nghĩ ngợi. Còn một người nữa thơ thẩn ngoài vườn, dáng người vạm vỡ tuổi ngoài 20 có lẽ. Nguyên hai người này là anh em ruột, anh là Nguyễn Minh Châu, em là Nguyễn Tuấn Ngọc, con một ông hương hộ giàu có trong làng, vốn không khoa cử, cũng dòng dõi thế gia, thuở ấu thơ anh em ra công đèn sách, cửa Khổng sân Trình, nhơn gặp lúc giao thời chữ nho không đắc dụng với đời, nên ông hương mới cho theo Tây học, Minh Châu tuổi đã trộng* nên để nhà lo việc ruộng nương, còn Tuấn Ngọc thì lên tỉnh học chữ tây. Tuấn Ngọc là người thông minh, học hành lại chăm lắm, mà sự học thì phiền phức, bài học lại lan man, nào cách trí địa dư, thêm đạm khí với khinh khí, làm mờ cả mắt, những tra địa đồ Phi châu, Úc châu mà hết ngày giờ, cặm cụi ngót tám chín năm trời, thì giờ qua như chong chóng, mãi đến 17 tuổi mới đỗ bằng Sơ học Pháp Việt. Tuấn Ngọc cố theo học cho thành tài mới nghe. Trong khi còn đang học dở dang, bỗng được tin nhà ông thân đau nặng, Tuấn Ngọc vội vã xin phép về thăm, về đến nhà chưa được mấy ngày, thì ông thân cậu từ trần. Tuấn Ngọc và Minh Châu xót thương khôn xiết, đoạn hai anh em lo tống táng ma chay xong, xem lại thì gia tài gần khánh kiệt. Tuấn Ngọc lấy làm lạ mới hỏi anh duyên cớ vì đâu.

Minh Châu nghe hỏi, kể lể trước sau rằng: số là em mắc lo kinh sử, cho nên cha mẹ không muốn cho em biết sợ buồn rầu mà trễ việc học hành, nay sự thể như thế anh còn giấu em làm chi nữa! Em ôi! Vì cha ta mắc tai bay vạ gió cho nên bán hết điền viên. Nguyên do vì một bữa kia, có người đi lỡ đường trời tối xin vào ngủ nhờ, cha mẹ thấy người đói rét thì thương xót cho ăn uống và ngủ lại đến sáng sẽ đi, ai dè người ấy mang bịnh đã lâu, phần đi đàng xa nên cảm lấy phong sương, nên đêm ngủ nhà ta rồi chết bao giờ

---

*. Đã trộng: đã lớn – tiếng địa phương.

không biết. Đến sáng ra người nhà thấy lâu không dậy, thì mới hay là chết rồi. Cha ta thấy vậy đi trình làng rồi làng họ phúc quan huyện về khám nghiệm. Một ngày lạ thói quan nha, làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền, thôi thì quan về khám, lại về tra, nào tổng, nào làng canh giờ rộn rực hàng 5, 7 ngày, những cung đốn rượu chè mà khổ, có thế mà thôi đâu, quan huyện ngài thấy nhà ta dư ăn, ngài mới dở túi tham lam ra đòi ăn hối lộ, biểu cha ta chạy dưng ngoài hai ngàn đồng, cha ta không chịu, ngài bằng buộc cho một tội sát nhơn đoạt tài, rồi đem giam chờ ngày làm án. Lời tục có câu: ở yên chẳng lành, đọc canh phải tội, là vậy đó. Nói chi xiết sự cực khổ, cha ta chịu gông cùm trăng trói, nỗi oan khiên biết tỏ cùng ai! Anh cũng muốn minh oan cho cha, nhưng châu chấu chống sao nỗi xe, phần thì sự khám nghiệm hàm hồ, quan họ muốn nói sao nên vậy, đi đâu họ cũng quan vị quan, ta phận hèn chống sao cho nỗi! Mẹ và anh biết thế không yên, ở đời phải lấy của che thân, nên cầm cố ruộng nương vườn đất được hai ngàn đem lễ quan và nha lại, lễ khắp mặt rồi cha ta mới được bước chân về nhà thì gia tài gần hết, còn lại cái nhà này là may, vì thế nên cha già nghĩ uất ức lâm bịnh mà bỏ mình. (Nói đến đây anh em đầm đầm châu lụy, kêu trời than trách, xỉ mạ phường ô lại tham quan, vì muốn cho vinh thân phì gia mà nỡ hại người lương thiện). Cha ta vì làm phước nên nỗi hại mình, vậy thì ở đời này ai muốn làm phước nữa? Than ôi! Công lý ở đâu! Mà xã hội ta khốc hại vì quân tham những ấy đến thế! Suy ra đời họ làm quan biết mấy mươi cô Kiều[1] bán mạng, cụ Nguyễn Du tả thiệt chẳng sai. Tuấn Ngọc than thở rồi lo thu xếp lên tỉnh quyết học cho thành tài, mong có ngày rửa hờn cho cha cậu. Tuấn Ngọc vào học được ít tháng chi, bà mẹ ở nhà ngày càng túng thiếu, không lo kịp tiền gởi trả tiền học vì của cải đã hết, mà tiền học phí thì nhiều, mỗi tháng ngót 10 đồng, lại thêm tiền mua sách vở nữa, nhà nghèo mẹ góa con côi, lấy chi mà cung cấp cho đủ, song Minh Châu cũng ráng vay mượn cầm đồ lấy tiền cho em ăn học. Ai ngờ số trời đã đến, tuổi thọ không chừng, bà Hương vì buồn rầu vất vả nên sinh bịnh. Minh Châu một mình lo liệu không kham, mới gọi em Tuấn Ngọc về nhà giúp đỡ và lo thuốc thang cho mẹ. Ai hay bà

---

1. Là Thúy Kiều trong truyện *Kim Vân Kiều* của cụ Nguyễn Du.

bịnh mỗi ngày một tăng, được ít tháng chi cũng bỏ cõi đời mà vui chơi tiên cảnh, thành thử Tuấn Ngọc cứ xẩn vẩn ở nhà nuôi mẹ, nên quá hạn nghĩ đã lâu, không xin phép. Sau khi Tuấn Ngọc an táng mẹ rồi, lại xin vô trường học lại, thì nhà trường không cho học nữa, vì luật phép nhà trường nghiêm lắm, mà Tuấn Ngọc nghỉ lâu nên bị xóa tên trong sổ. Tuấn Ngọc đành phải ôm giận trở về, phần thì mang công mắc nợ, và học hành lở dở từ đó giận thân tủi phận bèn bỏ nghề bút nghiên mà xây ra thực nghiệm, nhưng vì vốn liếng không có, đành phải làm ruộng với anh là Minh Châu cho qua ngày đoạn tháng, khi thong thả thì vun hoa tưới kiểng, lúc thư nhàn thì vịnh phú ngâm thơ cho tiêu sầu giải muộn. Tuấn Ngọc thường đọc chuyện Tây Hán, thấy Hàn Tín thuở chưa gặp thời chịu hàn vi nhục nhã, thường ngày câu cá sông Hoài, mỗi bữa ăn nhờ bà Phiếu Mẫu, lại bị đứa ác thiếu làm nhục giữa chợ, mà Hàn Tín cứ ẩn nhẫn qua thì, ngày sau gặp Bái Công, làm đến chức Nguyên nhung, dựng nên cơ nghiệp nhà Hán, lúc hàn vi cũng như mình vậy, xúc cảnh sanh tình, cậu ngâm bài thơ vịnh Hàn Tín rằng:

Ngày xưa quốc sĩ một không hai
Trong lúc trần ai ai biết ai.
Phiếu Mẫu dưới thành cơm đổi bữa
Thiếu niên giữa chợ nhục thây đời.
Chờ mưa ao cạn rồng thu móng
Đợi gió tầng không hạc lẫn mây.
Cuộc thế có co rồi mới duỗi
Tướng đàn bỗng chốc "ấn" trong tay.

Tại Nam thôn có nhà họ Lê là tay cự phú, nhà giàu, ruộng cò bay thẳng cánh, đất mấy trăm mẫu hoa màu, tiền chum thóc vựa dư để dư ăn, bề tiền cũng chẳng còn ao ước, ngón phong lưu đã trải mùi đời.

Nguyên phú ông trước vốn là bạn thân với ông thân sinh ra Tuấn Ngọc, phú ông nhận thấy Tuấn Ngọc học hành giỏi, tính nết đáng yêu, ông có người con gái út định gã cho Tuấn Ngọc lại côi cút khó khăn, nên ông định chờ em Tuấn Ngọc làm nên rồi mới cho cưới con gái ông, vì vậy cho nên Minh Châu có vợ rồi, mà Tuấn Ngọc còn chực phận giường Đông, chưa người nội trợ.

Ô qua thỏ lại, hạ hết thu sang, thấm thoát đã ba năm, anh em Tuấn Ngọc mãn tang cha mẹ rồi. Ngày kia, có hai người anh em bạn học, một người là Trần Háo Danh, một người nữa tên là Lý Đại Ngốc cùng ở một làng. Nhơn nghe nhà nước mở khoa thi thông ngôn một sở kia, cậu Trần Háo Danh con nhà có ăn, nhưng tài học thì bưa lắm*, song cậu cũng ao ước cái địa vị quan Tham quan Phán, mới định đem tiền đi lo lót với quan và thuê người làm bài gà cho để thi cho đậu. Còn cậu Lý Đại Ngốc vì quá tuổi không được thi, nhưng nhà vốn phong lưu, nhà ngói cây mít cậu chưa lấy làm toại chí, những mong mỏi một chút danh vọng con con, để sĩ diện với làng nước mới là mãn nguyện, hiềm vì cậu quá tuổi, mới định kiếm một sở tây buôn mà làm gọi là làm cho có tiếng với anh em. Lý Đại Ngốc mới cậy tay thầy thợ, mượn người dò la cho một chưn thơ ký sở thương mại kia, việc đã gần xong, họ đòi 300 đồng, nếu lo bạc đủ họ sẽ đưa vào làm không công 3 tháng, rồi sau mới được lương. Lý Đại Ngốc mừng rỡ vội về lấy bạc đem đi, lại gặp Trần Háo Danh rủ nhau vào thăm Tuấn Ngọc, gặp cơn gia biến, lỡ bề đèn sách. Trần Háo Danh mới khuyên Tuấn Ngọc rằng: "Quý huynh gặp cơn gia biến, việc học đến nỗi dở dang, không lẽ khoanh tay ngồi nhìn, thôi thì quý huynh nên lo lắng lấy ít trăm đồng, rồi đệ chỉ chỗ cho quý huynh ra thi ắt là sẽ đậu, một mai công thành danh toại, về làng ăn trước ngồi trên, tưởng cũng vẻ vang lắm vậy".

Tuấn Ngọc chưa kịp nói chi, Lý Đại Ngốc vội gạt đi mà rằng: "Trần huynh bàn như thế cũng chưa được hoàn toàn, tôi thiết tưởng như thi đậu rồi mà họ chưa bổ, còn phải ăn chực nằm chờ chưa biết đấy mấy năm. Chi bằng nghe lời đem tiền ra lo kiếm sở tây buôn mà làm, vì hễ họ bằng lòng thì ta có chỗ làm ngay, dẫu không lương mấy tháng mặc dầu, ta cứ ngày hai buổi đi về, thiên hạ kêu bằng thầy ký cũng đủ sung sướng rồi, chẳng hay hai anh nghĩ thế nào". Tuấn Ngọc nghe hai người bàn rồi, cười lạt mà nói rằng: "Cám ơn hai anh có lòng chỉ giáo, nhưng gia đình của Minh Châu từ khi ngộ biến, song thân lại sớm khuất suối vàng, nhà có hai anh em sớm khuya hẩm hút nuôi nhau, cũng muốn kiếm việc làm cho đỡ thiếu thốn, nhưng họ có dùng cái tài học của đệ thì đệ mới làm. Còn như

---

*. Bưa lắm: Kém lắm.

đem tiền của nhờ người ám trợ cho cầu lấy đỗ, hoặc cho lấy chỗ làm không lương, tôi dẫu nghèo, quyết không làm điều đê tiện ấy, vì nghĩ tự thẹn lắm; phận tôi đã đành, còn như hai anh ruộng cả ao liền, tiền chum thóc vựa, ở nhà cũng phong lưu chán đi, nếu chi hai anh muốn danh vọng với đời thì đem tiền ra kinh dinh buôn bán, chấn hưng các nghề nghiệp cho to, rồi hai anh ngồi nhà mà làm chủ nhơn ông, có phải là ung dung tự tại hay không, tội chi lại đem tiền ra luồn cúi để cầu lấy cái chức nô lệ ấy phỏng có danh giá gì, mà hai anh vụng suy làm vậy?"

Trần Háo Danh và Lý Đại Ngốc nghe mấy lời Tuấn Ngọc nói, đã chẳng nghe thì thôi, lại giận dỗi đứng dậy quày quả ra về, vừa đi vừa lầm bầm rằng người không tiền lại hay nói phách nghe chướng tai quá!

Tuấn Ngọc cười thầm rằng hễ trung ngôn nghịch nhĩ, phường háo danh ấy có nói cũng hoài hơi, người đời phần nhiều đều như Trần Háo Danh và Lý Đại Ngốc cả. Ôi! Biết bao giờ cho họ tỉnh ngộ, khinh ghét hư danh mà quay về với thực nghiệp!

Đến ngày thi, Tuấn Ngọc cũng ra thi, gặp Trần Háo Danh, hai người vô trường, Tuấn Ngọc lo làm bài còn Háo Danh cũng giả đò viết sơ sài che mắt thế gian, sự thiệt thì có người khác làm bài sẵn đưa vào, đến lúc quan chấm bài lại nhờ ngòi bút tư vị, lúc yết bảng lên quả nhiên Trần Háo Danh học dốt mà có mất trăm bạc nên đậu. Còn Tuấn Ngọc giỏi hơn và có bằng Sơ học vì không tiền lo nên phải hỏng. Tuấn Ngọc than rằng: lời xưa có nói "học tài thi phận" chẳng hay ở thời buổi kim tiền này có đúng nữa chăng? Than rồi mang gói về quê, trong lòng lấy làm khinh bỉ thói đời hơn nữa.

Nói về Lê phú ông vốn là tay trọc phú lại ham mến hư danh, nhà sẵn của mới đem tiền ra lo lót quan huyện sở tại họ Hồ, và quan Tổng đốc để xin hàm Cửu phẩm Bá Hộ. Hồ Tri Huyện là người tham lam, thấy Lê phú ông giàu có, bèn thừa cơ bóp nặn vơ vét cho đầy túi. Phú ông muốn được việc chẳng quản tốn hao, đem tiền tới lạy cho quan xơi mới thỏa. Tuấn Ngọc vốn là tiếng hứa rể con nên năng đi lại viết giùm giấy má đơn từ; Tuấn Ngọc vốn người khí khái thấy phú ông biển lận tham lam, lại hay xu phụ quyền môn, đổ tiền bạc ra mua lấy hư danh, thì hay can ông, khuyên ông đem món tiền

ấy mà làm trường rước thầy về dạy cho con dân nhờ đó mà học tập, thì chẳng những ích lợi cho xã hội nhơn quần, mà lại có danh giá nào bằng? Vì là danh ấy chẳng phải là hư danh thì vẻ vang biết mấy.

Lê phú ông từ khi thấy Tuấn Ngọc hỏng thi, trong lòng đã chán hơn cơm nếp nát, ý muốn bội ước không gã con gái nữa, song chưa có thể nói ra, nay nhơn dịp cậu hay nói thẳng xúc ý, ông càng thêm ghét mới sỉ mắng Tuấn Ngọc là đứa bất tài, nên ông từ hôn không gã con gái cho nữa. Tuấn Ngọc không lấy làm phiền lại cho việc phú ông từ hôn là may, vì biết mình thân phận hàn vi, nếu ham giàu kết nghĩa với nhà phú ông, thì chi cho khỏi bị họ khinh bỉ; ta đường đường một đứng nam nhi, mà mong nhờ vợ như thế chẳng nhục lắm ư, bèn tuyệt giao với nhà Lê phú ông không lui tới nữa.

HỒI THỨ HAI
Cuộc phong vân Âu địa chiến tranh
Chí hồ thỉ Nguyễn gia ứng mộ

Súng nổ vang trời, thây phơi chật đất, tàu bay phấp phới, hầm hố ngổn ngang, thành lũy lâu đài đổ nát tan tành, thủy lôi trái phá tàn hại khắp nơi, tàu chiến tàu ngầm tranh nhau trên mặt nước, máu chảy thành sông, thây chất thành núi. Trong dân gian con khóc cha vợ khóc chồng, cảnh tượng rất là thê thảm. Ấy là cuộc Âu chiến đại chiến tranh năm 1914, vì nước Đức ỷ binh ròng tướng mạnh, manh lòng tham bá chủ một phương, mới hiệp với nước Áo gây nên trận giặc đó, trước hết khiêu chiến với nước Pháp trong khi nước Pháp chưa kịp đề phòng nên phải lui quân, binh Đức thừa thắng kéo đến sông Mã Nê nhưng Pháp liều sống đánh nhau không lại bèn ra sức tranh hùng, lợi dụng cơ khí hóa học, chế tạo các thứ súng đạn, hơi ngạt, thủy lôi, để tàn sát lẫn nhau, lại thêm các súng trái phá kiểu mới, bắn một phát có thể hủy hoại một thành phố ra tro mất. Cuộc chiến tranh kinh thiên động địa làm vang động thế giới, dường như khiêu khích tấm lòng căm phẫn của liệt cường. Khi ấy có các nước Mỹ, Anh, Ý, Á châu thì có

Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ hiệp sức với liệt cường mà trừ quân Đức Áo, hài bên còn chống cự chưa phân thắng bại về ai.

Khi ấy nước Việt Nam cũng dự cuộc chiến tranh đó, vì chánh phủ Pháp thương thuyết với vua, rồi có chỉ dụ cho mộ lính để đem qua giúp Pháp, hễ ai ra ứng mộ thì được thưởng một số tiền 80$00, có hạng thì 45$00 và cho tiền chúng để lại cho vợ con, anh em. Đạo nghị định ấy ban ra thì khắp các tỉnh đâu đâu cũng có mộ lính, các nha môn đều có hiểu dụ cho dân biết, lại thêm các viên quan trung thành với chánh phủ bảo hộ và muốn lập công thăng chức, các ngài mới đem tài Trương Nghi, Tô Tần[1] ra diễn thuyết cho dân nghe. Nào là giúp nước Pháp thì được vinh hoa: phẩm hàm, mề đay, rủi có thác lại lập miếu phụng thờ, cái tài dỗ dân của các quan rất khéo, khiến cho hạng thanh niên cường tráng ra ứng mộ hàng mấy vạn người; những người ra mộ cũng có nhiều lẽ, nhưng phần nhiều bị cái mồi phú quý cái bả vinh hoa nó quyến rũ, hoặc ham tiền thưởng mà ra đi, còn kể chi là sống chết. Tóm lại, hạng người như vậy rất nhiều, chứ ít người có chí muốn ra nước ngoài cho rộng tầm con mắt, mà bắt chước cái văn minh Âu Mỹ, hoặc học lấy kỹ nghệ công thương, một mai đem về bồi bổ cho nước nhà, hạng người có chí thì ít, chỉ rặt những phường phí thân thể để cầu lấy chút lời con con, hoặc để vui chơi làm mãn nguyện.

Cái phong trào tuyển lính lan khắp mọi nơi, trong hương thôn nhiều người nao nức kéo ra ứng mộ, người nào quan thầy thuốc xem hợp cách thì đi, ai yếu đuối phải loại ra, người nào trúng tuyển thì cha mẹ vợ con khóc lóc, sợ chết bỏ thân nơi nước người, nỗi thảm khốc kể sao cho xiết.

Nói về hai anh em Minh Châu và Tuấn Ngọc nay được tin ấy, cũng muốn đi, nhưng còn lưỡng lự chưa quyết. Tuấn Ngọc từ khi bị Lê phú ông từ hôn lấy làm chán ngán thói đời, phần thì thù cha chưa trả, việc làm ăn cũng lắm nỗi long đong, nay nghe mộ lính sang Tây, mới nghĩ rằng; kiếp nam nhi đứng trong vũ trụ, công sanh thành đã không toàn chữ hiếu, nợ quốc gia không báo cho hết chữ

1. Trương Nghi và Tô Tần là hai người có tài biện thuyết (khéo nói) ở thời Chiến quốc Xuân Thu.

trung, chẳng là hổ thẹn với non sông lắm ru, đương còn nghĩ ngợi, bỗng nghe Minh Châu hỏi: "Bên Tây họ đánh nhau làm sao mà nhà nước mộ lính đem đi nhiều như vậy em hử?".

Tuấn Ngọc – Thưa anh, em thấy họ ở phố về nói chuyện rằng: "Nước Pháp bị quân Đức nó đánh, cho nên các nước thuộc địa như nước ta đều phải đem binh lính qua giúp, em muốn đi một chuyến cho biết, nhưng chưa hiểu ý anh thế nào nên em chưa dám nói".

Minh Châu – Trong việc chinh chiến xông pha mũi tên hòn đạn, đem thân đến đất nước người, vả lại anh em mình chưa quen nghề cung kiếm, sợ đi tới đó biết có sống mà quay về hay không?

Tuấn Ngọc – Thưa anh, đời nay họ đánh giặc dùng súng đạn chớ không phải như xưa mà đánh bằng gươm giáo, những lính mới mộ tập đi đứng cho có thứ tự và biết cầm súng là đủ. Nếu anh em ta có đi thì đừng lo chi sự lạ kiển [cảnh] nhớ quê, vì sinh làm trai thì tang bồng hồ thỉ, tứ hải vi gia, mà kiến công lập nghiệp với đời. Còn như quanh năm chí tối xẩn vẩn xó nhà, ngày lụn tháng qua không rời ba ông Táo, thì làm gì biết thiên hạ sự đặng, vả lại tử sanh là hữu mạng, người ta trăm tuổi ai cũng phải chết, song ta phải chết làm sao cho xứng đáng. Xưa đời nhà Hán bên tàu có ông Mã Viện là tay danh tướng thời ấy, khi ông 70 tuổi còn xin nhà Hán đi đánh giặc mong chết tại trận tiền làm vinh hiển, hơn là chết trên tay thê tử. Nhà ta từ gặp cơn gia biến em thôi học đến giờ, nếm trải mùi đời cay đắng, biết xã hội ta còn nhiều điều khuyết điểm, lòng uất ức vì nỗi bất tài, nay gặp cơ hội này anh em ta nên ra ứng mộ, đi tới nước văn minh, họa may lĩnh hội được ít nhiều, sau các nước họ khỏi cười ta là dã man hèn nhát, ý em như thế, chẳng hay anh lẽ nào?

Minh Châu – Lời em phân rất phải, nghĩ lại thiệt hiệp ý anh; chừ chúng ta đã quyết, em thì xếp bút nghiên theo việc cung đao, anh cũng quăng cày cuốc theo nghề binh lính; một mai đến nước văn minh coi thử họ có ức chế hủ bại như nước ta hay không! Sự sanh tử phó mặc rủi may, cơ vinh nhục biết đâu mà lựa chọn, thôi chúng ta thu xếp việc nhà ít bữa chi, cùng nhau thượng lộ.

Tuấn Ngọc mừng rỡ mà rằng: "Anh em đồng một ý, thiên hạ ít người có, vậy thì xin anh thu xếp việc nhà, còn em xin giấy má rồi khởi hành một lượt".

Cách ít bữa sau tại dinh quan công sứ, đồng hồ đánh tám tiếng, cửa tòa mở rộng, các ông thông ông phán vào bàn giấy làm việc, ngoài cửa tòa có một lũ đông người đứng chực đưa đơn tình nguyện; con nít đàn bà theo sau khóc khóc mếu mếu vì nỗi chồng con đi ứng mộ. Trong đám đông ấy có hai người thanh niên là Minh Châu, Tuấn Ngọc, hai anh em ra đầu đơn tại tòa, quan trên chấp đơn, theo lệ thường anh em Tuấn Ngọc tới phòng cho quan đốc tờ khám nghiệm, khám xong hai anh em đều trúng tuyển cả.

Vài ngày sau, có người gặp anh em Minh Châu, ăn mặc đồ binh, đầu đội mũ chào mào, chun quấn xà cạp, mang dày sơn đá lập cập, mình mặc bộ áo ka ki rộng xùng xình, hai anh em đã nghiễm nhiên là hai bác lính chào mào lững thững dạo chơi trên con đường giữa phố.

Từ đó anh em hằng ngày luyện tập, thức khuya dậy sớm ăn uống cam khổ, làm việc nặng nề; Tuấn Ngọc vốn là học trò, dài lưng tốn vải ăn no lại nằm, nay vô vòng binh lính công việc khó nhọc, nhưng Tuấn Ngọc bền chí kiên gan, cho mọi việc ở đời không có chi là khó. Song le khổ về một nỗi bác cai thầy đội ỷ quyền húng hiếp lên mặt làm oai, hơi sai một tý gì thì phạt thì giam, thậm chí dùng đến bảng súng chuôi gươm mà đánh vào lưng người đồng bào, mà chẳng chút thương tâm. Ôi! Gà cùng một mẹ bôi mặt đá nhau! Có người vì phải đòn mà mang bịnh, rủi có chết thì đổ tại ông trời, còn biết kêu vào đâu cho được. Minh Châu và Tuấn Ngọc cũng biết vậy chẳng nài khó nhọc nên chẳng bao lâu cũng quen lần, nhờ tập luyện mà gân cốt ngày một cứng, da thịt cũng nở nang, việc cầm súng chùi gươm đã thành thục. Kế được lịnh trên, anh em Tuấn Ngọc cùng các bạn đồng nghiệp đều xuống tàu sang Pháp.

Khi tàu sắp chạy, những người có cha mẹ vợ con theo đưa đón, kẻ than người khóc làm ầm ỹ bến tàu. Trương thị là vợ Minh Châu cũng theo đưa chun, cùng nhau than thở, nỗi thảm sinh ly dễ ai cầm lòng mà không ảo não?

HỒI THỨ BA

Chốn sa trường Tuấn Ngọc bị thương
Nơi bịnh viện Bạch Lan hộ thuốc

Sóng gợn lăn tăn gió nam hiu hắt, kim ô khe khắt, đất nấu trời nung. Khi ấy gặp tiết cuối xuân sang hạ, trời thanh biển lặng, tàu chạy sang Pháp cũng ít sóng gió; chuyến này đi có chở 800 lính mộ, lại thêm hành khách cũng đông, còn hàng hóa thì chất đống như núi. Trong tàu chật chội nên lính phải ở dưới hầm tàu; gặp lúc trời nóng bức, trong hầm thì chật hẹp mà chứa 7, 8 trăm con người, làm cho không khí bế tắc mất cả vệ sinh. Những lính, người nào, người nấy mặt mày đỏ lừng, mồ hôi nhỏ giọt, phần thì ăn uống thất thường, tấm thân cực khổ kể sao cho xiết. Có người sức yếu lâm bệnh nặng, thuốc thang sơ sài mà phải chết. Cho nên mỗi chuyến tàu chở lính từ Hải Phòng tới Sài Gòn thì sao cũng có đôi ba mươi người lính bị thiệt mạng. Nhưng may khi đến Sài Gòn thì sang tàu khác rộng hơn, và cho lính lên boong tàu, cho nên cũng đỡ bớt. Từ An Nam sang Tây tàu linh đinh mặt biển, nhiều khi phải ẩn tránh, nên ngót tháng rưỡi mới tới nơi. Khi tàu đến địa phận Âu châu bắt đầu từ Địa Trung Hải trở đi, quân Đức thả thủy lôi và cho tàu ngầm rình đánh tàu các nước Đồng minh, đi gần tới mấy chỗ nguy hiểm, thì trong tàu dự bị sẵn sàng, mỗi người đều đeo phao vào mình và thả tam bản xuống nước phòng khi rủi ro tàu bị chìm thì khỏi chết. Cũng một chuyến ấy có chiếc tàu Anh Cát Lợi chở lính Ấn Độ sang Âu châu, chiếc tàu ấy đi trước cách tàu Pháp chừng hai mươi hải lý thì đụng nhằm thủy lôi nghe một tiếng nổ to vang trời động đất, xem ra thì chiếc tàu Anh bị vỡ làm đôi và chìm lỉm xuống đáy biển, những lính và thủy thủ trong tàu kẻ thì chết, người thì trôi chới với giữa giòng, may gặp tàu khác tới cứu thì sống, không may thì chôn vào bụng cá. Còn đồ đạc rương hòm, cái nào rơi ra thì trôi lỉnh nghỉnh trên mặt nước, ai được mục kích cái cảnh tượng ghê gớm ấy thì kinh biết dường nào. May thay chiếc tàu chở anh em Tuấn Ngọc nhờ đi sau nên thoát khỏi nạn nghèo, lại cứu được mấy người Ấn Độ khỏi chết đuối nữa.

Đến Mạc Xây quan Thống Soái mới ra lịnh cho các lính thợ đi giúp việc các xưởng chế tạo binh khí, và đi sửa các chỗ bị giặc tàn phá. Nhơn thiếu binh tiếp ở mặt trận, quan Thống Soái mới cho lựa lấy những người mạnh mẽ và tập luyện giỏi rồi cho đi tiếp ứng và giữ các chỗ giáp giới nước Đức. Minh Châu thuộc về lính thợ phải đi Tu Long giúp việc trong xưởng máy. Còn Tuấn Ngọc được tuyển vào lính trận thì đi Vệ Đông để ra phòng giữ các chỗ hiểm yếu, vì thế cho nên anh em lại phân ly người một ngã.

Tuấn Ngọc tới Vệ Đông nhập vào binh ở đó, ngày ngày canh gác, chuyên việc tuần phòng. Lúc này quân Đức, Áo thế đương mạnh, việc chế các cơ khí, thì nước Đức phát minh ra nhiều thứ mới lạ, như là xe phá lũy, lại thêm các thứ hơi độc, hễ lúc ra trận thì thả hơi độc ra cho quân lính ngửi phải thì chết, quân lính phải đeo mặt nạ để giữ cho khỏi hơi độc ấy. Còn trên không thì có tàu bay liệng khắp các nơi để ném bom xuống, hại không biết bao nhiêu mà kể, nhứt là mấy chỗ gần mặt trận lại càng nguy hiểm hơn: quân lính phải đào hầm sẵn, mỗi khi có tin tàu bay giặc tới, thì hết thảy phải xuống hầm mà trốn. Tuấn Ngọc nhiều lần phải ở dưới hầm hàng mấy ngày. Có lúc thiếu lương thực quân lính phải nhịn đói nhịn khát, và thức luôn đêm luôn ngày; hai bên đánh nhau, bên tai nghe súng nổ đì đùng, trên đầu đạn bay qua vi vút, chung quanh thì xác chết ngổn ngang, trông rất nên ghê sợ. Trong quân thì lương thực thiếu thốn, quân lính chỉ ăn bánh khô uống nước lã để cầm thực mà thôi. Sự cực khổ không bút nào tả cho cùng. Nhứt là lính thuộc địa lại càng khổ hơn nữa, vì không quen khí hậu. Tại đó có đủ các thứ binh Tàu, Nhựt, Ấn Độ, Chà Và, các giống da trắng, đen, vàng, đỏ cùng nhau hòa giọt máu đào trong trường chiến trận; cái nạn đánh giặc chả nói làm chi, lại thêm khí hậu rét lạnh lắm. Nguyên nước Pháp thuộc về hàn đới cho nên mùa đông lạnh lùng rét mướt quá, tuyết sa xuống đầy đồng, làm cho nước các ao hồ đông lại, suốt mùa đông ít khi trông thấy mặt trời, cả ngày cứ mù mù mưa tuyết xuống trắng xóa. Nhà giàu thì kín cổng cao tường, lò sưởi áo lông cừu để ngự hàn, chứ như tấm thân quân lính thì lấy đâu cho có đủ, áo nỉ chăn dạ không đủ ấm, phần thì dầm sương giải gió, công việc nặng nề thì chịu sao nổi. Lính Tàu lính Nhựt thì còn khá, duy có lính da đen họ sinh trưởng ở miền nhiệt đới, chưa quen chịu lạnh

nay phải tùng chinh qua Pháp gặp lúc tuyết sa gió Bắc, thì khốn khổ cho họ biết bao! Có nhiều người ngủ một đêm tới sáng thức dậy thấy chết cứng từ bao giờ, là vì máu đông lại mà chết, trông rất thảm thương; những cảnh tượng ấy xảy ra hàng ngày trước mắt Tuấn Ngọc, không thể kể hết, ai có đi tùng chinh rồi mới biết.

Thành Vệ Đông gần chỗ giáp giới thường bị quân giặc tràn qua phá hại, và ném bom giết hại vô kể, nên sự canh giữ rất là vất vả. Tuấn Ngọc đòi phen xông pha hàng trận, tỏ ra người can đảm quan trên khen ngợi. Một ngày kia toán lính đi tuần bị giặc ném bom vào toán quân, nhiều người chết và bị thương. Tuấn Ngọc cũng bị mảnh trái phá bắn vào đùi và vai bị thương, nên phải khiêng về nhà bệnh viện; các chỗ thương tích phải mổ cho nên đau đớn nhức nhối, nằm mê man trong mấy ngày, hễ chợp mắt đi thì chiêm bao mộng mị, tỉnh giấc ra lại nghe những tiếng rên rỉ của bịnh nhơn, người bể đầu kẻ gãy tay, đem tới dưỡng bịnh tại đó, cái thảm kịch ấy diễn ra luôn luôn trước mắt, ai có lương tâm cũng phải chau mày xót ruột. Tuấn Ngọc vừa đau đớn, vừa trông thấy những cảnh bi ai, lại càng thêm mê mộng.

Một bữa Tuấn Ngọc cơn mê chợt tỉnh, mở bừng mắt dậy, bỗng thấy một nàng con gái phong lưu yểu điệu, tay cầm cốc sữa đứng bên giường, thấy Tuấn Ngọc tỉnh dậy, thì mỉm cười mà rằng:

– Cậu đã đỡ chưa? Hãy gắng uống chén sữa này cho đỡ mệt.

Tuấn Ngọc bữa ấy chỗ thương tích đã bớt, tinh thần tỉnh táo, nghe nàng con gái nói thì cầm lấy chén sữa và ngỏ lời cảm ơn, rồi chủ ý nhìn thì thấy người thiếu nữ đó: mặt trái xoan, mày lá liễu, da trắng như tuyết, môi đỏ như son, hàm răng trong như ngọc, mái tóc vàng như tơ, cặp mắt thu ba, miệng cười hoa nở. Trên mũ và tay áo nàng đều có dấu chữ thập đỏ. Tuấn Ngọc mới hiểu nàng là người trong Hồng Thập Tự sai đi giúp lính bị thương. Tuấn Ngọc lại nhớ lại từ hôm mới vào nhà thương thấy có một người con gái coi sóc thuốc men, song vì đau quá, mê man không biết; Tuấn Ngọc nhớ rồi mới vội vàng tạ ơn rằng:

– Kẻ võ sanh chẳng may mắc nạn, làm cho tiểu thơ nhọc công thang thuốc, hôm nay bịnh mười phần thuyên giảm, ơn chiếu cố biết lấy chi báo đáp cho cân!

Người thiếu nữ nói: Cậu sang giúp nước tôi trong cơn binh hỏa, chẳng may lâm phải nạn nghèo, việc thuốc men là phận sự của tôi, có ơn chi đáng kể; xin cậu đừng bận lòng ơn nghĩa, cứ an tâm thang thuốc cho mau lành là hơn. Nói rồi, người thiếu nữ vội chào mà đi, vì còn bận trông nom cho kẻ khác.

Người thiếu nữ đi rồi, Tuấn Ngọc nghĩ thầm khen rằng:

Người đâu trong ngọc trắng ngà
Nguồn đào[1] *lạc lối đâu mà đến đây?*

Cô này cốt cách phong lưu át hẳn con nhà trâm anh đài các, cô lại không nài khó nhọc, tình nguyện vô hội Hồng Thập Tự đi giúp người bị nạn, thiệt đáng khen! Rồi cậu lại nghĩ: con gái nước văn minh khí khái như thế đó, lúc nước nhà hựu nạn, tấm thân bồ liễu không mang gươm ra trận, nhưng cũng chung một nghĩa vụ là hiến thân cho nước. Đàn bà Âu châu thì như vậy, còn đàn bà con gái nước Nam ta, thì các cậu ấm cô chiêu dễ ai chịu rời lầu son gác tía, mà đi làm những việc cực khổ hèn hạ như thế để trả nợ quốc gia hay không? Chắc là không rồi! Vì các bà các cô quen ăn sung mặc sướng, quen ngồi một chỗ mà sai khiến tôi tớ, ngẫm cho kỹ thì tinh thần của họ vì chưa hiểu quốc gia là gì, nghĩa vụ là gì, thì làm sao cho có cái tư cách cao thượng ấy! Nghĩ đến đó lại động lòng nhớ nước thương quê; thù nhà chưa trả nợ nước chưa đền, nhìn đi ngắm lại quanh mình đều là người các xứ thuộc địa, ngôn ngữ bất đồng, nỗi niềm tâm sự biết than thở cùng ai?! Thật là:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

Trong nhà thương thì lính nằm dưỡng bịnh cũng nhiều, còn nữ khán hộ đều là các bà các cô trong hội Hồng Thập Tự cả. Tuấn Ngọc nhờ người thiếu nữ ấy săn sóc thuốc men, nên bịnh cũng lần lần giảm bớt. Đôi khi rảnh việc, người thiếu nữ thường nói chuyện, cho nên Tuấn Ngọc biết tên cô là Bạch Lan, trong các cô nữ khán hộ duy có Bạch Lan là người có tư cách hoàn toàn, lính các nước coi bình đẳng như nhau, không bắt chước như các cô kia đem lòng kỳ thị, một dạ khinh khi đối với kẻ vì nước mình mà hy sinh tính mạng.

---

1. Đời nhà Tấn có ông ngư phủ lạc đường vào đào nguyên gặp tiên.

Bạch Lan thấy Tuấn Ngọc đàm luận thế tình, hay hỏi về xã hội phong tục An Nam; Tuấn Ngọc vui vẻ mà tiếp chuyện; có lúc nói chuyện văn chương kinh sử, có khi ca tụng công nghiệp anh hùng, hai bên ý hiệp tâm đầu coi như tình bạn hữu vậy.

Cách vài tháng sau, Tuấn Ngọc lành mạnh như thường, chỗ vết thương tích không có tật nguyền chi cả. Tuấn Ngọc mới từ giã nhà thương và nàng Bạch Lan mà về nơi quân trại. Được ít lâu nước Pháp thắng trận sông Mã Nê, nước Đức bại trận lui lần về, cho nên việc tuần phòng cũng bớt vất vả. Nước Pháp khôi phục được hai tỉnh An Sắt, Lô Ren, công việc chấn chỉnh lại cần phải có nhiều người, nên có lịnh rút bớt quân ở Vệ Đông đem về An Sắt. Tuấn Ngọc theo đạo binh đổi về An Sắt, ở đấy cũng được thong thả hơn. Lại bắt được thư của Minh Châu gởi lại, mới hay Minh Châu còn làm thợ Tu Long, vì bấy lâu bị giặc giã thơ từ lạc hết cho nên tin tức vắng không, đến nay được thơ Tuấn Ngọc lòng mừng khôn xiết.

HỒI THỨ TƯ

Trong túi các xôn xao oanh yến
Trước lầu trang rộn rực tài hoa

Ở thành An Sắt có một vị quan Trung úy (quan hai) tên gọi Đạt Văn, tính vốn nóng nảy nhưng thương người, làm việc quan lâu năm lên chức Trung úy thì đến hạn về hưu, nhơn nhà nước thiếu người tạm hoãn lại để giúp thêm mấy năm nữa. Ông tư gia cũng đủ dùng, phu nhơn sinh được hai người con gái, cô lớn tên là Duy Liên có chồng ở Ba Ri săn sóc, còn cô thứ hai tên gọi Bạch Lan, tuổi vừa hai chín nhan sắc xinh đẹp, tính nết đoan trang. Bạch Lan tuy là sinh trưởng ở nước tự do, mà không lạm dụng chữ tự do như các người con gái khác. Cô trên thờ cha mẹ, việc thần hôn chẳng chút biếng khuây, còn vẽ phụng thêu rồng vẫn là một tay kim chỉ, tài sắc đã có một tánh hạnh lại gồm hai, chuyện bướm ong gác để ngoài tai, duyên hương lửa đợi người tri kỷ, cho nên chốn khuê phòng cô còn chờ, khách anh hùng chưa kẻ sánh vai, cô lại không như ai thấy giàu sang mà tối mắt. Trung úy và phu nhơn thấy con như

vậy thì cũng chiều lòng, nhơn gặp lúc nước nhà hữu sự, Bạch Lan xin phép cha mẹ tình nguyện vô hội Hồng Thập Tự đi giúp kẻ bị thương. Mãn hạn về nhà được ít tháng, thì Trung úy đổi về Án Sắt.

Khi Tuấn Ngọc đổi đến đó thuộc quyền trung úy coi sóc. Trung úy Đạt Văn thấy Tuấn Ngọc là người lanh lợi lại thêm chữ nghĩa giỏi giang, ông đem lòng yêu mà chọn làm thơ ký riêng cho ông, khỏi làm công việc nặng nề như lính khác.

Tuấn Ngọc vâng lệnh đến tư thất ông, đến nơi thấy một tòa nhà lộng lẫy, bày biện trang hoàng. Ngoài vườn trồng các thứ cây như sa lê, thái bình và các thứ hoa, trông rất thanh và rất tao nhã. Trong nhà có một phòng riêng để làm bàn giấy có quạt máy đèn máy đủ thứ. Từ đó Tuấn Ngọc ngày ngày lui tới làm các giấy má cho Đạt Văn, ông thấy cậu nết na thành thiệt thì tin cậy lắm. Nhưng Tuấn Ngọc không phải như ai thấy quan yêu mà lên mặt, cậu cứ giữ cho hết bổn phận mà thôi. Hết giờ làm về trại thì lại đọc sách và dạy giùm cho lính chưa biết chữ, đôi khi lại viết giùm tờ đơn trương thơ từ, cho nên anh em nghĩ tình cho quà bánh luôn, nên cũng phong lưu lắm. Tuấn Ngọc đến dinh trung úy, làm việc được ít bữa chi, tình cờ một bữa kia Tuấn Ngọc đi về vừa tới cửa ngỏ, bỗng thấy một chiếc xe ô tô đỗ xuống, trong xe bước ra một người đàn bà chừng hơn 50 tuổi, mặt mày phúc hậu, theo sau một cô con gái mặt hoa da phấn đi thẳng vào nhà. Tuấn Ngọc theo phép lịch sự cất mũ chào, hai người ấy đáp lễ. Tuấn Ngọc vừa bước đi mấy bước, bỗng thấy người con gái kêu lại và hỏi: "Có phải cậu Tuấn Ngọc đấy không? Chẳng hay cậu đến đây bao giờ thế?".

Tuấn Ngọc nghe hỏi nhìn lại thì ra người con gái ấy là cô Bạch Lan nữ khán hộ ở nhà thương ngày nọ, nhớ khi ở nhà thương nhờ ơn cô chiếu cố mới được lành mạnh, bấy lâu xa cách, chẳng biết vân mồng, tấm lòng hoài vọng, ai ngờ ngày nay gặp cô lòng mừng chi xiết. Nhưng lại lấy làm ngạc nhiên không rõ Bạch Lan có bà con chi với nhà trung úy, mà đến đây làm gì. Còn đương suy nghĩ, thì Bạch Lan mời vào nhà chơi. Tuấn Ngọc theo vào. Bạch Lan trình cho cha mẹ biết, cậu là người lính thuộc địa bị thương ở Vệ Đông, ngày cô làm khán hộ thấy cậu là người khẳng khái lại học giỏi, nên quen biết như tình bạn hữu. Ông bà nghe rõ cũng ngợi khen, và cho phép cậu khi thong thả đến hầu chuyện cho vui. Khi ấy Tuấn

Ngọc mới hay cô Bạch Lan là con gái quan Trung úy, mà bà già đó là thân mẫu lại càng thêm vui vẻ hơn. Câu chuyện hàn huyên chưa dứt, thì đã đến giờ điểm binh. Tuấn Ngọc vội vàng từ tạ ra về.

Từ khi gặp Bạch Lan thì gia đình Đạt Văn coi Tuấn Ngọc như người bạn của con mình (vì phong tục Âu châu không câu nệ sự con trai con gái làm bạn với nhau), nên cho phép đi lại chơi bời như khách vậy. Mỗi khi Tuấn Ngọc gặp ngày nghỉ thường đến chơi với Bạch Lan, có khi đàm luận về cách trí văn chương, có lúc lại cầm kỳ thi họa. Tuấn Ngọc bẩm tính thông minh, từ khi qua Tây học được nghề đánh đờn viôlông (violon) nên thường cùng nhau xướng họa, thật là tài tử giai nhơn ít ai bì kịp.

Một bữa kia đương vui câu chuyện Bạch Lan hỏi Tuấn Ngọc rằng: Tôi xem cậu là người tài hạnh kiêm toàn, sao chẳng ăn học cho thành danh lại đem thân vô vòng quân lính như thế?

Tuấn Ngọc nghe hỏi mặt có sắc buồn. Tôi vốn con nhà thi lễ, nghiệp bút nghiên cũng đã gắng công, hiện đã đỗ bằng Sơ học rồi, chẳng dám nói giấu tiểu thư: cha mẹ tôi vì bọn tham quan hà hiếp, làm cho khánh kiệt gia tài, cha mẹ tôi phiền mà chết, bỏ hai anh em tôi lại, anh tôi cũng ráng nuôi tôi ăn học, phiền vì học phí tổn nhiều quá lại thêm lệ luật nhà trường nghiêm ngặt lắm, hơi sai một tí gì thì phạt thì đuổi làm cho phải nửa chừng dở dang, sĩ không ra sĩ, nông không ra nông, duy có đem tiền mua một chức con con để làm sinh kế. Song le, tôi chán cái nghề nô lệ ấy, thà rằng ở nhà cày cuốc sinh nhai, cũng còn thong thả tự do hơn. Vừa khi gặp quí quốc có chiến tranh, vua chúng tôi hạ lịnh mộ lính đem qua giúp quí quốc, anh em chúng tôi mới ra ứng đặng qua quí quốc tùng chinh cho thỏa chí làm trai đó thôi.

Bạch Lan – Lịnh công đường bị người ta vu oan như vậy, sao cậu lại không đi minh oan, lại chịu làm thinh cho người hà hiếp, như thế chẳng là hèn nhát lắm sao?

Tuấn Ngọc – Tiểu thơ chưa rõ nên trách vậy cũng là phải, nhưng nước tôi là nước mất tự do, quyền sanh sát trong tay mấy anh mặt to tai lớn, họ muốn làm sao thì làm, tha hồ cho họ tham nhũng hoành hành, phận hèn mọn ngắn cổ kêu sao thấu! Cho nên

chước Đề Oanh[1] khó nỗi lo toan, hồn Tinh Vệ[2] ngậm ngùi khổ hải! Chớ có phải là hèn nhát đâu.

Bạch Lan – Nghe nói lấy làm bất bình vì nỗi ức chế và than thở cho cái thân thế cậu không may, rồi lại hỏi rằng: nếu trò đời đã vậy thì cậu ở nhà vui thú điền viên chẳng hơn sao! Tội chi lại băng ngàn lướt dặm đem mình vào chỗ rừng gươm núi đạn mà không sợ chết hay sao?

Tuấn Ngọc cười mà rằng: Người ta trăm năm ai cũng phải chết, đó là sanh tử lẽ thường, sống mà để lụy gia đình, hại xã hội, đến lúc chết là hết chuyện, không có cái danh gì để lại thế gian, thì sự sống chết ấy mới đáng sợ. Còn như sống mà giúp nước cứu dân, xả thân vị nghĩa, đến lúc chết còn lưu danh thanh sử, thì sự sống chết ấy có sợ gì, huống chi tôi làm trai tang bồng hồ thỉ, việc kiếm cung là bổn phận kẻ nam nhi, há có phải như bọn dung phu tục tử kia tham sanh húy tử, mà tiểu thơ khinh tôi như thế!

Bạch Lan nghe mấy lời khẳng khái, đá mới biết tuổi vàng, lấy làm kính phục mà rằng: Bây giờ tôi mới rõ cậu là bực trượng phu, thật là tôi trót lỡ lời, bụng dạ tiểu nhơn mà đo lòng quân tử, xin cậu chớ giận! Nói vừa dứt lời bỗng thấy con hầu Sa Nhi vào thưa rằng: "Có công tử Sĩ Vinh lại chơi".

Tuấn Ngọc ngó thấy một cậu thanh niên, dung nhan chải chuốt, y phục chỉnh tề bước vô, mùi nước hoa thơm nực mũi. Sĩ Vinh thi lễ chào. Bạch Lan liền giới thiệu Tuấn Ngọc với Sĩ Vinh, hai người chào nhau, Tuấn Ngọc mới rõ Sĩ Vinh là con trai quan Thượng thơ trí sĩ, nhà danh giá lắm.

Tuấn Ngọc thấy có khách vội cáo từ, Bạch Lan cầm lại, Tuấn Ngọc nể quá phải ngồi. Ba người đương nói chuyện, Sa Nhi cầm danh thiếp vào, Bạch Lan xem rõ, mới hay Mĩ Sen phú hộ đến thăm. Bạch Lan cho mời vào, bỗng thấy cửa phòng mở ra có một người bước vô, hình dung thì mũi nhọn mắt thau, mắt đeo kính một bên,

---

1. Nàng Đề Oanh xưa cha nàng mắc tội oan, nàng dâng minh oan cho cha, vua thương tình tha tội cho cha nàng.
2. Xưa có bà công chúa bị chết đuối, linh hồn hóa ra con chim Tinh Vệ tha đá lấp biển để trả thù.

râu Huê Kỳ, miệng ngậm xì gà, tay đeo nhẫn kim cương lóng lánh, thoạt nhìn ai cũng đoán là tay cự phú. Mĩ Sen chào Bạch Lan và công tử Sĩ Vinh, kế đến Tuấn Ngọc thì chàng ta chú ý diện mạo và y phục, vừa đưa tay chào một cách miễn cưỡng, rồi day lại hỏi cô Bạch Lan rằng:

– Người này xem như lính thuộc địa, cớ sao lại quen biết tiểu thơ?

Bạch Lan nói: Cậu đây quí danh là Tuấn Ngọc, vốn người An Nam sang tùng chinh, cậu đã từng ra trận bị thương, hồi đó tôi vào hội Hồng Thập Tự nên biết và quen. Nay cậu mới đổi nghề về đây, thân phụ tôi thấy cậu chữ nghĩa giỏi, nên cắt làm thư ký cho người vậy.

Mĩ Sen nghe rõ bĩu môi vác mắt ra dáng khinh khi, rồi lấy khăn, lau tay vì mới bắt tay cậu Tuấn Ngọc để tỏ lòng kỳ thị, đoạn bỏ nói sang chuyện khác, chớ không thèm nói chi với Tuấn Ngọc cả.

Sĩ Vinh đối với Tuấn Ngọc cũng ra chiều lạt lẽo, trách thầm Bạch Lan sao có giao du với người hèn hạ như vậy.

Tuấn Ngọc cũng biết ý hai người thấy mình thân phận thấp kém họ nên khinh dễ, chán biết thói đời trọng kim tiền, nên không muốn giao thiệp với họ làm chi, ngặt nể Bạch Lan nên phải ngồi mà thôi.

Trong chỗ sa lông ấy bề vật chất chẳng qua là mấy câu chuyện kháo, song bề tinh thần phân ra lắm hạng, khó tả cho hết được. Tuấn Ngọc tuy nghèo hèn mà Bạch Lan ân cần quí trọng, còn Sĩ Vinh và Mĩ Sen tuy giàu có sang trọng mà Bạch Lan lạt lẽo cầm chừng, đối với Tuấn Ngọc thì Sĩ Vinh và Mĩ Sen kỳ thị ghen ghét, đối với Bạch Lan thì quyến luyến say mê, mà Tuấn Ngọc xem đời có nửa con mắt. Nếu ai biết lấy con mắt nhà tâm lý học mà xem, chắc cũng tức cười lắm nhỉ!

Còn câu chuyện của khách cũng mỗi người một ý. Sĩ Vinh thì nói toàn những chuyện ăn chơi xa xỉ, bữa tiệc này, đám hội kia, bình phẩm cô này tình, cô kia bảnh... Còn Mĩ Sen nói rặt những chuyện làm giàu, nào là sắp sửa nay mai làm một tòa nhà nghỉ mát, lại sắp mua mấy chiếc ô tô, nào ông Bá tước này còn mắc nợ, ông Công tước kia khánh kiệt gia tài, đại khái câu chuyện toàn là ích kỷ hại nhơn thế cả.

Tuấn Ngọc ngồi nghe ngẫm nghĩ cười thầm rằng: Trước kia ta cũng ngỡ chỉ có nước Nam ta mới có những hạng trọc phú và công

tử bột ấy, suốt đời họ chỉ biết có một thân họ cho sung sướng, một nhà họ cho ấm no, ngoài ra thì không thấy họ bàn chuyện chi là ích quốc lợi dân, và nghĩ đến đồng bào xã hội gì cả. Ai ngờ ở nước văn minh cũng có lắm hạng người như thế. Ôi! Đi đến đâu cũng thấy nhan nhản những hạng người ấy, nghĩ thiệt lạ lùng!

Kết cuộc thì câu chuyện công tử Sĩ Vinh mời Bạch Lan tối hôm ấy dự cuộc khiêu vũ tại dinh quan nọ, còn Mĩ Sen mời dự tiệc tại khách lầu kia, nhưng Bạch Lan thảy đều từ chối, hai vị khách không thể nài ép, rồi đứng dậy cáo từ. Tuấn Ngọc cũng đứng dậy xin lui, Bạch Lan tiễn chơn ra khỏi cửa rồi mới trở vào.

Nguyên Mĩ Sen và Sĩ Vinh hai người vào hạng danh giá ở thành An Sắt, nhân mộ tài sắc Bạch Lan hàng ngày lui tới quyết tình gắn bó toan cuộc trăm năm. Vợ chồng ông Đạt Văn thì chú ý vào Sĩ Vinh hơn, vì thấy Sĩ Vinh con nhà thế phiệt danh giá, rắp tâm chấm rể Đông sàng, nhưng chưa biết ý Bạch Lan thế nào, nên chưa tiện bề liệu định.

Về phần Bạch Lan thì chê Sĩ Vinh là phường công tử bột, tánh hạnh chẳng ra gì, kiêu căng ỷ thế, tửu điếm trà đình. Còn Mĩ Sen vốn nòi trọc phú, tánh tình thô bỉ tư cách thấp hèn, đời người chỉ biết lấy kim tiền làm mục đích, ngoài sự làm giàu ra, thì còn có biết chi chi! Cho nên Bạch Lan không khứng sánh đôi, vì nghĩ rằng: Ai nỡ đem một đóa danh hoa, mà trao cho phường tục tử, dù cho phú quí chẳng qua một đám phù vân, vì thế nên chẳng thuận nơi nào. Ngờ đâu ông Tơ cắc cớ bà Nguyệt se dây, xui nên cơn binh hỏa đưa người Nam Việt, buổi loạn ly gặp gỡ khách ba sinh. Từ khi biết Tuấn Ngọc chí khí lỗi lạc, vì chưa gặp thời nên phải mai một anh hùng, bằng đem lòng yêu mến. Cho hay người yểu điệu khách anh hào, mắt xanh nàng đã lọt vào từ đây; yêu vì hạnh phục vì tài, là một tấm lòng yêu cao thượng há phải như thói thường mà học đòi "Trịnh Vệ"[1] quen thói "trong dâu"[2], đối với Tuấn Ngọc không điều chi trái lễ.

---

1. Trịnh, Vệ là hai nước ở đời Chiến quốc có thói dâm bôn.
2. Trai gái hẹn nhau trong vườn dâu mà tự tình.

Nói về Tuấn Ngọc từ khi lìa nước lìa nhà xông pha vào chỗ chiến trường. Bao quản vào sanh ra tử nhiều lần có công, nhưng nào ai biết đến! Thương thay! Dã tràng xe cát biển đông, nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì! Từ khi ở nhà thương Vệ Đông được biết cô Bạch Lan đến nay, lòng vẫn phục cô là bực hiệp nữ, trọng nghĩa khinh tài, tấm lòng băng tuyết, cho nên: trăm năm kia một chữ tình, đố ai thoát khỏi ngoài vành hóa nhi, bỗng đem lòng thầm yêu trộm nhớ, nhưng xét lại phận mình nghèo hèn ti tiện mà nàng là con nhà phú quí, tước bình còn lắm kẻ lăm le, ta đem lòng ao ước ví như cá trông sao, không thể nào thành sự được. Còn như theo thói trăng hoa học đòi chàng Sở, ta là người học thức lễ nghĩa khi nào làm điều ô danh đó, suy nghĩ đã cạn bất giác than rằng: Minh quân lượng tướng tao phùng dị, tài tử giai nhân tái ngộ nan, là một điều hận chung từ xưa đến nay vậy. Rồi lại tự nhủ lòng rằng: ta con nhà Nam Việt, quyết làm sao rạng tiếng Lạc Hồng, trách nhiệm ta là mang chuông đi đánh nước người, chẳng kêu cũng được vài hồi cho vang, lẽ nào ta lại đắm đuối vào chữ tình, mà quên điều nghĩa vụ, chẳng là hổ thẹn lắm ư! Nghĩ thế cho nên mối tình gác để bên lòng mà thôi.

HỒI THỨ NĂM

Phận thuộc quốc cam bề khinh dễ
Khách chinh phu nhiều nỗi thảm thương

Nhắc lại Sĩ Vinh và Mĩ Sen thấy vợ chồng Trung úy và Bạch Lan trọng đãi Tuấn Ngọc, trong lòng lấy làm tức tối, muốn kiếm chuyện gièm pha cho bõ ghét.

Ngày kia Sĩ Vinh đến chơi một mình, thừa cơ nói với Bạch Lan rằng:

Tôi xem Tuấn Ngọc là một thằng nghèo kiết An Nam, lạ chi chúng nó là đồ vô nghề nghiệp, túng thế mới qua nước ta để cầu no ấm, những hạng người ấy dẫu làm bồi cho chúng ta cũng không đặng, sao tiểu thơ lại trọng đãi nó lắm vậy?

Bạch Lan – Tôn ông là người có học thức sao lại khinh người như thế? Tôi nghĩ con người ta quí ở tài đức, chớ không quý ở tiền tài, nghèo mà có tư cách cao thượng, biết làm hết nghĩa vụ thì nên kính trọng hơn những hạng quyền cao chức lớn lắm bạc nhiều tiền, mà ố nhơn thắng kỷ, ghét ngỏ nghen hiền, trên đời chỉ biết có một thân một mình, ngoài ra chẳng ích chi cho ai, giàu mà phẩm cách hèn mạt như thế thì tôi cũng khinh thường mà thôi.

Ai ngờ Mĩ Sen nghe nói động lòng ngỡ Bạch Lan có ý chỉ trích mình nên tức giận đi về và nghĩ thầm rằng: Ta tưởng lấy tình thiệt mà bảo nó, chẳng nghe thì thôi, lại kiếm điều nói xốc, ừ được! Để ta làm cho thằng An nam ấy không tới lui thân cận được, coi Bạch Lan còn binh nó nữa thôi!

Còn Bạch Lan thấy bộ Mĩ Sen tức giận thì cười nói một mình rằng: người đời ít ai chịu nghe nói thẳng, ta nói lắm chỉ thêm mua oán gây hờn nào được ích chi! Nói xong thở dài rồi lấy sách ra đọc cho đỡ buồn.

Gặp buổi thừa nhàn, Trung úy Đạt Văn một mình lững thững dạo chơi trong công viên, xảy gặp Mĩ Sen bắt tay chào mừng niềm nở, hai người ngồi trên ghế xanh trong công viên ngoạn cảnh và nói chuyện.

Mĩ Sen thừa dịp kiếm lời gièm siểm cho Đạt Văn ghét Tuấn Ngọc cho đã tức, mới kiếm cớ hỏi Đạt Văn rằng:

– Thưa ngài, chẳng hay ngài thuê tên Tuấn Ngọc làm việc mỗi tháng bao nhiêu tiền?

Đạt Văn – Công sá gì, nó ở dưới quyền tôi muốn sai biểu làm chi cũng được, nhưng tôi lấy lòng tử tế mà cư xử với nó, tưởng cũng hiếm có vậy.

Mĩ Sen – Nó thân phận là lính, được ngài đoái thương, lại thêm tiểu thơ trọng đãi nữa, tưởng cũng là hạnh phúc cho nó lắm.

Đạt Văn – Tôn ông nghĩ lầm chớ có gì là hậu, chẳng qua tôi thấy nó chữ nghĩa khá nên cũng yêu, đó là lẽ thường, còn tiện nữ đôi khi rảnh việc nói chuyện với nó cho vui đó thôi, sao gọi là hạnh phúc được.

Mĩ Sen – Thưa ngài chưa rõ đó, tiểu thơ đối với người đó ra tình thân thiết lắm, đôi khi tôi đem lời khuyên ngăn thì tiểu thơ không nghe, và cho anh ta là người tài hạnh đáng trọng, xin ngài xét xem, nếu người đó quả là tài hạnh, thì can chi phải cực khổ sang đến nước ta làm chi. Tiểu thơ thấy nó giả hình bề ngoài thì lầm tưởng là bực quân tử nên khen ngợi, ngài đừng có tin lắm e có ngày lầm đó.

Đạt Văn vốn tính cả nghe nên khi nghe Mĩ Sen nói mấy điều, thì sinh lòng nghi ngờ cho Tuấn Ngọc, bèn trả lời rằng: Tôn ông nói cũng phải, thôi từ nay tôi phải coi chừng, và không cho con tôi làm bạn với nó nữa là hơn. Nói đoạn vái chào mà đi.

Mĩ Sen thấy Đạt Văn trúng kế mình thì lấy làm hớn hở đắc chí lắm, chắc là Tuấn Ngọc không thân cận với Bạch Lan được nữa, như vậy ta mới thỏa lòng; ừ mà nghĩ như Bạch Lan thiệt là người không thức thời vụ, ai đi một người giàu có tiền ngàn bạc triệu như ta mà không muốn, lại đi thân thiết với một thằng ngoại quốc mạt hạng, thiệt ta chưa thấy một người con gái nào dại như thế, công ta bấy lâu gắn bó, một phút bỗng vô tình, nghĩ thiệt đáng giận! Nay ta làm kế phản gián làm cho chúng nó nghi nhau, rồi ta sẽ liệu bề mai mối.

Sóng gió bất thường, lòng người dễ đổi, Đạt Văn từ nghe mấy lời dèm siểm của Mĩ Sen, thì đem lòng khinh ghét nghi ngờ, nhiều khi quở mắng Bạch Lan không muốn giao du với Tuấn Ngọc.

Bạch Lan không rõ duyên cớ vì sao mà thân phụ cô bỗng đổi tính. Tuấn Ngọc chưa có điều chi trái lẽ, nên nỗi phụ thân cô ghét bỏ làm vậy, cô lấy làm buồn nhưng không dám trái ý cha mẹ.

Đường đời hiểm trở, dạ thế khôn dò, đất khách quê người, một thân lận đận, Tuấn Ngọc thấy Đạt Văn tỏ lòng khinh bỉ đem dạ hiềm nghi, thường bới lông tìm vết kiếm chuyện la rầy, song nghĩ mình châu chấu chống voi sao nỗi, dầu cho ức hiếp cũng phải chịu.

Ai ngờ sầu kia chưa dứt, nạn nọ theo liền, một bữa Đạt Văn ngồi bàn giấy làm việc, mới lấy đồng hồ ômêga bằng vàng ra để trên bàn xem giờ, chưa kịp cất, thì nghe có khách, Đạt Văn lật đật ra đón khách bỏ quên đồng hồ lại đó còn Tuấn Ngọc mắc lúi húi làm việc nên không biết. Ai dè có kẻ nhẹ gót vô bàn thấy đồng hồ quí giá liền

luôn tay bỏ túi rồi rón rén bước ra, mà Tuấn Ngọc không hay chi hết, vì ngồi xoay lưng ra nên không thấy. Cách giờ sau, Đạt Văn tiễn chư khách ra cửa, rồi trở vô bàn giấy mới sực nhớ tới đồng hồ, tìm đi tìm lại thì không có, trong lòng sinh nghi mới hỏi Tuấn Ngọc rằng:

– Anh có thấy cái đồng hồ vàng ta để đây không?

Tuấn Ngọc – Thưa không, vì nãy giờ tôi chưa đi lại đó nên không biết.

– Thế thì có ai vào đây hay không?

– Thưa không?

– Thế thì đồng hồ ta đi đâu? Mới ban nãy ta xem giờ và để lại bàn giấy đây mà! Sao bây giờ tìm khắp cũng không có?

Tuấn Ngọc cũng ngớ ngẩn không hiểu mất vì đâu!

Đạt Văn lại còn nghi hơn nữa, bèn bảo Tuấn Ngọc rằng: Trong phòng duy có ta với anh, nếu có trót lấy thì đưa lại cho ta, bèn không ta sẽ đem ra sở cảnh sát, khi ấy đừng có trách ta.

Tuấn Ngọc nghe nói sửng sốt nói rằng: Xin Trung úy chớ có nghi oan cho tôi, tôi tuy nghèo nhưng không khi nào làm thói gian tham đê tiện ấy, vả từ ngày tôi vào hầu ngài đến nay chưa có điều chi gian dối xin ngài xét lại.

Đạt Văn mắng rằng: Thôi đừng giả bộ đạo đức, lên mặt nhơn nghĩa với ta nữa, vì người nước anh có tính gian giảo lắm, dầu anh có khéo nói cho mấy ta cũng không tin, nếu anh không lấy thì ai vào đây lấy của ta hử?

Tuấn Ngọc thấy Đạt Văn nghi quyết cho mình đã lấy làm tức giận, lại nghe mấy lời xỉ báng nói giống mình thì nộ khí xung thiên, đứng lên nói lại rằng: Chẳng hay ông có bằng cớ gì mà cả quyết cho tôi là ăn cắp của ông? Nếu tôi có lầm lỗi thì ông mắng tôi, can chi ông nói xấu cả nước tôi như vậy? Kìa những việc giết người lấy của, móc túi, lần lưng, lường gạt lẫn nhau hằng ngày xảy ra nhan nhản đó, thì nước nào nhiều ăn cắp hơn?

Đạt Văn thấy Tuấn Ngọc cự lại và mỉa mai mấy lời, tức thì bừng bừng nổi giận, giơ tay lấy súng lục treo trên vách xuống, toan bắn chết Tuấn Ngọc cho hả giận.

Tuấn Ngọc thấy sự thế nguy cấp, toan xông tới cự lại dầu sống chết cũng cam, chớ không thèm lạy lục kêu van như người hèn nhát.

Đạt Văn vừa giơ súng lên chưa kịp hạ thủ, bỗng thấy hai bàn tay trắng như ngà nắm lấy khẩu súng. Đạt Văn xem lại thì ra Bạch Lan tiểu thơ, vừa đỡ khẩu súng vừa thưa rằng:

– Xin phụ thân bớt giận, cho con trẻ thưa lại một lời, số là con đứng bên màn nghe rõ đầu đuôi, đồng hồ của phụ thân chưa chắc là Tuấn Ngọc lấy, vì chưa có bằng cớ, huống chi phụ thân nộ bất cập lượng, lỡ tay giết oan một mạng người sao cho khỏi hối hận, việc này chắc có kẻ gian vào lấy trộm, để con đem trình sở mật thám, chẳng bao lâu ắt rõ gian ngay, can chi phụ thân phải nhọc lòng như vậy.

Phu nhơn trong nhà nghe nói cũng chạy ra can gián, thêm những lời Bạch Lan nói có lý nên ông cũng nguôi dần, rồi ông viết giấy cho sở mật thám khai rõ cái đồng hồ hiệu ômêga bằng vàng số hiệu 1048 đáng gá 2000 quan bị mất cắp, tình nghi cho tên thuộc địa là Tuấn Ngọc, xin quan trên tra xét vân vân.

Sau Đạt Văn lại viết giấy cho viên quan cai quản đạo binh ấy bảo phải phạt Tuấn Ngọc tám ngày tù, vì tội vô phép với quan trên, rồi đuổi không cho Tuấn Ngọc làm thơ ký cho mình nữa.

Sở mật thám cho đòi Tuấn Ngọc lại hỏi không có bằng cớ chi nên cho về và phái người dò thám.

Tuấn Ngọc từ bị Đạt Văn nghi oan, trong lòng vừa tức vừa thẹn, phần thì sở mật thám đòi hỏi lôi thôi, phần thì bị quan binh phạt tám ngày tù, thương hại thay! Tuấn Ngọc vừa bị quan hành hạ, lại thêm chúng bạn nhạo cười rằng: "Chó đâu chó sủa lỗ không, chẳng thằng ăn trộm thì ông ăn mày".

Tuấn Ngọc buồn rầu xấu hổ, tiếng oan những muốn vạch trời kêu lên than rằng: Ôi! Tấm thân nô lệ đi đâu cũng là nô lệ! Trên đời ai khổ như ta! Cha mẹ ta vì làm phúc mà tàn thân bại gia, còn lại anh em ta cùng tưởng mạo hiểm xuất dương họa may làm nên công danh gì để về báo thù cho cha mẹ, nào hay tài mạng tương đố, có công mà không ai biết đến, trò đời lắm nỗi éo le! Nay lại bị người ức hiếp nghi oan suýt nữa thiệt đến tính mạng. May nhờ nàng Bạch Lan có con mắt biết người trong lúc trần ai, mà ra công giải cứu. Ai ngờ trong thế giới hoàng kim, lại có người tri kỷ. Ôi! Nghĩa trọng

tình thâm biết làm sao báo đáp! Ơn kia chưa trả, mối tương tư đeo nặng khối sầu, ôi! Ông tạo vẫn khéo trêu người chi lắm! nghĩ uất ức cũng muốn chết để dủ sạch nợ trần, không thiết sống làm chi.

Sau Tuấn Ngọc tự giác rằng: cõi đời là bể khổ, đời người là giống cá ở trong bể mênh mông vô hạn. Cho nên gặp cảnh nghịch chớ khá ngã lòng, vì người có tài thì hóa công hay thử. Thầy Mạnh Tử xưa có nói rằng: Tạo hóa sắp trao cho ai cái gánh nặng, thì trước hết đem giam vào cảnh khổ não, để rèn tài luyện trí, biết đâu những sự khốn khó ấy chẳng phải tài liệu để đào luyện cho nên ngọc lành thép cứng để gánh vác việc đời, thế thì cái khổ não ở đời là sự may mắn ta chẳng nên oán hận thôi. "Thiên sinh ngả tài tất hữu dụng, đa cảm đa sầu tổn thiếu niên". Kìa các bực hào kiệt buổi xưa dễ mấy ai khỏi vòng hoạn nạn, suy đó ta chẳng nên buồn rầu làm chi.

HỒI THỨ SÁU
Chơi ngoạn cảnh Bạch Lan ngộ nạn
Gặp bất bình Tuấn Ngọc giải nguy

Thiên bất dung gian. Cách vài tháng sau sở mật thám nhìn thấy cái đồng hồ ômêga bằng vàng số 1084 ở trong tay người kia, hỏi của ai bán, người ấy khai là mua của tên Cách Lôi, đầy tớ nhà quan trung úy Đạt Văn. Mật thám đòi Cách Lôi ra hỏi. Ban đầu Cách Lôi chối ngược chối xuôi, sau đem người mua ra đối chứng. Cách Lôi thấy sự hiển nhiên, biết không thể chối được mới cung khai rằng:

– Tôi vì theo anh em, quá vui rượu chè đàng điếm, tiền công tháng không đủ tiêu, mới đâm ra vay mượn mỗi tháng một ít lâu thành món nợ to rồi mấy chủ nợ thúc quá không biết lấy chi mà trả. Hôm đó tôi lén vào bàn giấy, Trung úy đi vắng, chợt trông thấy cái đồng hồ vàng để đó, còn tên thơ ký vô ý không thấy tôi, vì công nợ thúc ép quá, bất đắc dĩ tôi lấy cái đồng hồ bỏ túi rồi nhẹ bước đi ra. Sau thấy Trung úy nghi cho Tuấn Ngọc lấy, nên tôi yên tâm vì không ngờ cho tôi, mới đem bán cho người để lấy tiền trang trả công nợ. Ấy lời thiệt khai ngay, xin lượng trên tha thứ.

Quan tòa lấy khẩu cung rồi tống giam Cách Lôi và người mua vào khám để chờ ngày làm án. Đoạn cho mời Trung úy Đạt Văn tới nhận của, Đạt Văn nhìn quả là đồng hồ của mình, chừng đó mới ăn năn trót đã nghi oan cho Tuấn Ngọc, trong lòng hối hận vô cùng.

Nói về Bạch Lan thấy cha già đã tìm được của, và biết rõ Tuấn Ngọc hàm oan, muốn xin cha mẹ cho mời Tuấn Ngọc lại chơi để xin lỗi vì nghi lầm cho cậu. Nhưng ông vốn tánh kiêu kỳ không muốn mua lỗi với người dưới, còn Tuấn Ngọc từ khi mắc tiếng oan nên xấu hổ không lui tới chi nữa. Bạch Lan không biết làm thế nào, lấy làm buồn rầu lắm, lại thêm công tử Sĩ Vinh và Mĩ Sen phú hộ hằng ngày lui tới ngỏ ý cầu thân, thì càng thêm chán. Vì nghĩ hai người đó tuy là bề ngoài giàu sang, mà đức hạnh không có, lại thêm tính tình không hợp, việc vợ chồng là nghĩa bá niên, nếu mỗi người mỗi nết thì làm sao cho sắt cầm hòa hiệp. Bởi thế cho nên cô không thuận nơi nào, Trung úy và phu nhơn cũng không thể nào ép cho đặng.

(Tạo hóa cũng khéo trêu người, đã sinh Bạch Lan có tài, có sắc, có lòng trung trinh, nếu lại gặp khách vương hầu, duyên ưa phận đẹp, phong gấm xủ là, hạnh phúc trăm năm, một sân hòe quế, nhứt thế chi thần tiên thì cõi đời sao là bể khổ, làm chi có chuyện TÂY PHƯƠNG MỸ NHÂN này. Nhưng tạo hóa thừa trừ, vì nàng Bạch Lan đã được hết mọi sự tốt đẹp, bởi tay mỹ công tuyệt tác, cho nên sự phú quí phải kém đi. Bởi lẽ công bình của tạo hóa, cảnh ngộ ấy xưa nay thường có vậy).

Đang buổi trời xuân, vừng đông chói rạng, phe phẩy gió nam, lơ thơ cụm liễu, hớn hở trăm hoa khoe sắc thắm, thướt tha bóng liễu mượt màu xanh, khí trời ấm áp hoa cỏ xanh tươi, bên cụm rừng mé Nam kia có một nàng con gái mặt hoa da ngọc, cái vẻ tự nhiên càng nhìn càng đẹp. Đó là Bạch Lan tiểu thơ thong dong nhẹ bước, hô hấp khí trời trong sạch, ngắm cảnh mùa xuân: này là bãi cỏ xanh ngắt như tấm thảm nhung xanh, kia thác nước chảy, trắng xóa như căng lụa bạch. Cô ta ham vui vào quá trong rừng, đến một chỗ khe nước trong xanh, cỏ thơm man mác, hai ba cây bạch dương ngả bóng, một đàn yến hót líu lo, tiếng nước chảy hòa với tiếng chim kêu thành ra một thứ âm nhạc êm tai, khiến người nghe mát ruột vui lòng, thật cảnh chẳng quyến người mà người say vì cảnh. Bạch Lan thấy hai bên suối có nhiều hoa đẹp, mới cúi xuống định hái một ít đem

về dâng cho thân mẫu. Đương khi lúi húi hái hoa, thình lình trong đám cây rộng xông ra một người cao lớn, mặt đỏ, mũi khoằm, mắt sâu, râu rậm, người ấy lại gần chực bắt Bạch Lan, cô giựt mình ngó lại biết là mắc tay hung thủ, mới cố sức chống cự và la lên. Song chút thân liễu yếu, cự sao cho nổi đứa hung đồ. Dẫu vậy cũng quyết lòng thà chết, chớ không chịu nhục. Hung thủ thấy Bạch Lan chống cự và mắng chửi la lối thì tức giận và sợ lâu việc người ta hay được, mới rút súng sáu trong túi ra toan giết cho hả giận. Đang khi nguy cấp, may đâu có một chàng thiếu niên ở bên rừng nhảy ra, vừa khi tên ấy bóp cò súng người thiếu niên xuất kỳ bất ý đánh tên ấy một thoi giữa mặt, và luôn tay giựt lấy khẩu súng, hung thủ dẫu khỏe mạnh, song bất ngờ bị đánh giữa mặt đau quá, tay cầm súng không chắc bị người thiếu niên kia giựt mất khẩu súng. Hung thủ hầm hầm tức giận bỏ Bạch Lan quay lại đánh người thiếu niên. Chàng thiếu niên biết mình sức địch không lại, nhơn có súng nạp sẵn, mới không dám trì hoãn, bằng nhắm ngay ngực tên kia mà bắn một phát. Hồn đạn vô tình bay ra, hung thủ liền ngã lăn xuống đất, vùng vẫy mấy cái rồi hồn qui địa phủ. Bạch Lan lúc đầu sợ hãi bối rối, chưa nhận được là ai, khi thấy kẻ thù đã chết mới định thần nhìn lại thì ra chàng thiếu niên kia chính là Tuấn Ngọc. Bên này Tuấn Ngọc cũng nhận biết Bạch Lan, hai người lấy làm mừng rỡ, vì người cứu mình lại là người mình quen.

Bạch Lan tạ ơn rằng: trong khi nguy cấp, suýt nữa mạng vong. Nếu không gặp cậu cứu cho, thì ngọc nát vàng phai, cướp công cha mẹ thiệt thòi thanh xuân, ơn ấy sánh tày non biển, biết lấy chi báo đáp cho cân? Dám hỏi cậu đi đâu mà lại đến đây, nên thấy tôi mắc nạn mà cứu?

Tuấn Ngọc – Thưa tiểu thơ hôm nay nhơn ngày nghỉ, anh em ai nấy tìm cách tiêu khiển, phần tôi không muốn đua theo chơi bời rượu chè cờ bạc làm giảm giá trị con người, nên tôi cầm quyển sách lững thững đi vào rừng tìm chỗ bóng im cảnh đẹp ngồi coi sách cho tĩnh mịch. Vừa đến khu rừng phía bên kia, thấy hoa thơm gió mát, tôi liền ngồi dưới gốc cây, bất thình lình nghe tiếng kêu la văng vẳng, tôi mới tìm xem việc chi, khi gần đến đây, thấy thằng vũ phu ấy đang giơ súng chực bắn tiểu thơ, cũng vì nghĩ: "kiến nghĩa bất vi vô dũng giả, tâm nguy bất cứu mạt anh hùng" nên tôi quyết ra tay

trừ loài hung bạo, nghĩ mình tay không sức yếu, mới dùng mưu giựt súng mà trừ nó. Nào hay người lâm nạn lại chính là tiểu thơ. Chẳng hay tiểu thơ đi đâu có một mình, nên nỗi gặp quân cường bạo như thế?

Bạch Lan – Tôi vì hằng ngày Sĩ Vinh và Mĩ Sen lui tới làm bực tai chướng mắt, nên lấy làm buồn. Hôm nay thấy trời thanh cảnh lịch, tôi mới đi chơi cho khuây khỏa, không ngờ trong rừng có gian nhơn núp ẩn. Nếu không gặp cậu cứu thì ắt khôn toàn tánh mạng, ơn ấy xin ghi lòng tạc dạ.

Tuấn Ngọc – Chút ơn nhỏ mọn có đáng chi mà tiểu thơ nặng lòng như vậy. Dám hỏi Sĩ Vinh và Mĩ Sen, hai người một đàng là phong lưu công tử một đàng thì phú hộ đại gia, can cớ chi tiểu thơ lại chê bai như thế?

Bạch Lan – Nếu vậy thì cậu coi tôi như hạng con gái tầm thường kia, chỉ ham chuộng tiền của là vật báu bề ngoài, mà không xét đức hạnh bề trong hay sao? Hai người đó tuy là phú quí thật. Song đối với con mắt tôi thì không ra chi, lòng tôi quyết chọn người hiền sĩ mới đành gá nghĩa trăm năm, còn phú quí như đám phù vân, có đáng chi mà quan tâm vào đó.

Tuấn Ngọc – Đó là lời tôi nói thử. Đâu dám coi tiểu thơ là hạng người như thế. Từ khi tôi được biết tiểu thơ đến nay, cũng rõ tiểu thư là người trọng ngãi khinh tài, bỗng đem lòng kính ái. Nhưng xét mình tài hèn đức kém, dám mong cú đỗ cành mai, châu xem mắt cá, nên tơ lòng đòi đoạn, tấc dạ bâng khuâng, chẳng hay tiểu thơ có thấu tình chăng?

Bạch Lan – Nước nhà gặp cơn binh lửa, cậu từ cố quốc lặn lội sang đây, cùng hòa giọt máu đào, người tuy hai nước tình vẫn như một nhà. Nếu lấy giai cấp mà phân biệt, thì chẳng vô tình lắm ru! Chẳng dám dấu chi, tôi tự thấy cậu là người hào hiệp, lòng riêng riêng những kính yêu. Tôi vốn con nhà gia giáo, lỡ đâu thầm ước trộm giao, ai ngờ xảy ra gặp nạn, nhờ cậu cứu cho, hai ta ví không duyên không nợ thì việc cứu nạn hôm nay há phải ngẫu nhiên ư? Nếu cậu thiệt lòng yêu đến thì một lời thưa với song thân, xin vào gá nghĩa Châu Trần, thiết tưởng mới là chính đáng.

Tuấn Ngọc – Lòng tôi cũng muốn thế. Hiềm vì tài sơ trí thiển, biết lượng trên trông xuống phỏng chừng có thương, nếu việc không

thành lại mang một trò cười cho thiên hạ. Tiểu thơ có lòng đoái tưởng, xin đa tạ tấm lòng, còn việc tác hiệp khó bề trông cậy lắm.

Bạch Lan – Xin cậu chớ ngại, song thân tôi từ khi bắt được Cách Lôi mới rõ cậu là người ngay, đem lòng hối hận lắm. Đến nay lại biết việc cậu cứu tôi đây, ắt phải đem lòng thương đến.

Tuấn Ngọc – Lượng trên trông xuống, tiểu thơ đoái tưởng, trăm năm tính việc vuông tròn, thì hạnh phúc cho tôi. Nếu một mai trắc trở, cha mẹ chẳng thuận tình, thì tôi cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời!

Bạch Lan – Cơ sự này bởi ông Tơ cắc cớ, việc lá lay cũng tại trời xanh. Nếu không duyên nợ ba sanh, trăm năm nỡ để duyên lành về ai! Tôi về thưa thiệt với song thân, cho hai trẻ Tần Tấn vầy hiệp.

Câu chuyện đến đây Bạch Lan chợt nhớ đến cái thây người chết chưa rõ căn nguyên. Tuấn Ngọc nghe nói mới sực nhớ lại, cùng Bạch Lan đến xem, khi lục trong túi áo bắt được nhiều giấy má quan trọng, với một cái các đề tên Uy Vệ Linh lính mật thám Đức, thì mới rõ Uy Vệ Linh đi do thám việc quân cơ. Trong khi Uy Vệ Linh núp ẩn trong rừng, thấy nàng Bạch Lan đi có một mình, mới bắt làm tù binh toan bề hoa nguyệt. Ai ngờ ác giả ác báo, vì tham sắc mà bỏ mình. Tuấn Ngọc lại tìm thấy hai cái giấy báo tin cho quan Thống Tướng các việc mới dò được, cậu bằng cất kỹ để đem trình với quan trên. Xem xong, để tử thi Uy Vệ Linh lại đó. Đoạn cùng nhau đi về, khi đến cửa nhà Trung úy, Tuấn Ngọc mới từ giã mà về trại.

HỒI THỨ BẢY

Bày tâm sự Đông Tây kết nguyện
Dẹp lôi đình Âu Á nên duyên.

Khi Bạch Lan vào nhà, phu nhơn vội hỏi: Con đi chơi đâu mà lâu thế? Làm cho mẹ áy náy chẳng yên, lần sau con chớ có như vậy mà mẹ phiền lắm đó.

Bạch Lan nghe mẹ hỏi ứa ước mắt thưa rằng: Thưa con quá vui chơi, để nhọc lòng thân mẫu, con thật đắc tội đã nhiều, xin thân

mẫu rộng lòng dung thứ. Con mà chậm trễ đây chẳng qua gặp sự rủi ro, thiếu chút nữa không còn về đây trông thấy thân mẫu nữa!

Phu nhơn nghe nói cả kinh, vội hỏi dồn rằng có việc gì mà nguy hiểm thế hở con? Con khá nói rõ cho mẹ nghe. Bạch Lan chưa kịp nói, Trung úy ở ngoài bước vào nghe như vậy cũng hỏi tiếp xem sự gì cho biết.

Bạch Lan trình bày tự sự, khi ở trong rừng Tiểu Lâm, gặp tên Uy Vệ Linh là trinh thám Đức bắt và toan giết chết, may nhờ Tuấn Ngọc ở đâu lại thừa cơ giựt súng và bắn chết kẻ thù, cứu con thoát nạn...

Ông bà nghe rõ mới yên dạ, rồi tạ ơn Chúa trời và Thánh mẫu phù hộ cho con thoát khỏi tai vạ, và ngợi khen Tuấn Ngọc người can đảm nghĩa hiệp, lại khuyên bảo Bạch Lan lần sau chớ đi xa một mình như thế nữa.

Bạch Lan thấy cha mẹ ngợi khen Tuấn Ngọc mới luôn dịp thưa rằng: xin cha mẹ rộng lòng dung thứ, cho con trẻ bày tỏ nỗi lòng? Cơ sự nầy cũng bởi tại con quá chơi nên mắc nạn. Nếu không gặp Tuấn Ngọc cứu cho, thì con không sống được mà hầu dưới gối mẹ. Chàng đã có ơn cứu tử, sự giàu nghèo đó đáng kể chi, xin cha mẹ xét đến chút tình, cho con trẻ đền bồi ơn nặng.

Ông Đạt Văn nghe con nói rõ bỗng sinh nghi ngờ, mà rằng: điều con muốn đó, ta không thể nào theo ý con được, vì nhà ta danh giá, lẽ nào kén rể bần hàn, sao cho khỏi thiên hạ cười chê, sao con lại đành như vậy? Chắc là con nghe lời nó chuốt ngót bày mưu về dối ta rằng cứu nạn giải nguy để mượn ơn cầu thân đó chớ chi? Ta chừng này tuổi đầu há lại mắc mưu trẻ con hay sao? Ừ để ta gọi nó đến đây hỏi xem có gì bằng cớ mà nó dám bày đặt điều như vậy. Nếu quả thiệt thì cũng đáng làm con cái ta, nhược bằng man trá thì ta trị tội cho nó biết oai ta. Nói đoạn đứng dậy dùng máy nói gọi Tuấn Ngọc phải đến ngay cho ông hỏi.

Còn Bạch Lan thấy ông không tin cũng không dám nói nữa, biết mình sự thiết trước sau chi rồi ông sẽ rõ.

Giây lâu Tuấn Ngọc đến thi lễ chào ông. Đạt Văn hỏi: Từ ngày ta thấy anh con người khá giả, nên đem lòng hậu đãi, lẽ thì anh nên biết bổn phận mới phải, sao lại đem lòng quyến dỗ con ta, lại

bày đặt xuôi Bạch Lan về mạo điều ơn nghĩa để lừa dối, ta đây có phải ngu ngốc, để cho ai giả dối được đâu.

Tuấn Ngọc chưa rõ đầu đuôi, thấy Đạt Văn nói thế lấy làm ngạc nhiên mà đáp: Thưa ngài, tôi tuy phận quân lính mặc dầu, cũng biết điều liêm sĩ. Từ khi ngài có lòng chiếu cố, ơn tri ngộ vốn hết lòng báo đáp. Suy như việc mất đồ quí giá ngài có lòng nghi cho tôi, đến nay rõ lại thì người nhà ngài ăn cắp thì thôi, có điều gì man trá nữa mà ngài dạy làm vậy?

Đạt Văn nghe nhắc lại chuyện cũ có ý hổ thẹn, bèn hỏi tắt rằng: Ta nghe Bạch Lan nói anh giết Uy Vệ Linh là quân do thám Đức trong rừng Tiểu Lâm và cứu Bạch Lan, sự ấy có thiệt hay không và lấy gì làm bằng cớ?

Tuấn Ngọc – Thưa sự việc ấy thiệt đó. Chính tôi giết Uy Vệ Linh mà cứu tiểu thơ, hiện có các giấy má tôi vẫn còn giữ cả ở đây định trình quan trên. Nếu ngài không tin thì xem đây sẽ rõ. Nói rồi thò tay vào túi áo lấy các vật đưa ra cho Đạt Văn xem.

Đạt Văn tiếp lấy mở ra xem, thấy cái các đó có hình và đề tên Uy Vệ Linh và căn cước của tên ấy, và hai tờ trình định gởi báo tin cho quan Thống Tướng mọi việc đã do thám được và một khẩu súng sáu, với mấy tờ giấy bạc (marck) Đức nữa.

Đạt Văn xem đi xem lại đích thực rồi mới đổi giận làm mừng và nói: anh bắt được những giấy má này thì có công với nhà nước lắm. À, còn tử thi Uy Vệ Linh bây giờ ở đâu?

Tuấn Ngọc – Thưa còn tại rừng Tiểu Lâm. Nếu ngài muốn xem tôi xin đưa ngài vào đó mà xem.

Đạt Văn – Việc này ta phải trình lên quan trên và cảnh sát biết, phái người đi với ta vào đó mà xem mới được. Nói rồi dùng máy nói gọi tê lê phôn nói cho cảnh sát biết.

Buổi chiều hôm ấy, nào đại tá, trung úy, và cảnh sát với lính tráng rần rộ kéo vào rừng, Tuấn Ngọc và Bạch Lan đi theo chỉ chỗ. Khi đến bên suối, thấy tử thi Uy Vệ Linh còn nằm sóng sượt tại đó. Các quan khám nghiệm, rành rành sự đã quyết, ai nấy đều khen Tuấn Ngọc là người can đảm, lại hứa sẽ thưởng công xứng đáng (Xưa nay những lời hứa chưa chắc có công hiệu gì, song cũng đủ làm cho vui lòng kẻ mong mỏi).

Khám xong các quan truyền cho đem tử thi an táng vào nghĩa địa, rồi kéo nhau ra về. Còn Đạt Văn từ ấy mới đem lòng quí trọng Tuấn Ngọc, nên mời về nhà truyền dọn tiệc thết đãi, mừng Bạch Lan thoát nạn. Trung úy và phu nhơn ra tình yêu quí lắm. Khi ấy cũng có Sĩ Vinh công tử và Mĩ Sen phú hộ đến thăm và dự tiệc, hai chàng cũng tấm tắc ngợi khen, chớ không kỳ thị khinh dễ như trước (Trò đời thường thế, khi khen thì a dua mà khen, khi chê thì bắt chước mà chê, chớ không mấy ai biết suy xét mà khen chê cho xác đáng).

Tiệc gần mãn, đến khi uống sâm banh thì Đạt Văn và phu nhơn nói rằng: Bạch Lan con ơi! Mấy lời con nói cha nghĩ cũng phải. Việc vợ chồng là việc trăm năm, nay Tuấn Ngọc có ơn cứu tử, nên con bằng lòng kết duyên là sự rất chánh đáng, cha mẹ lẽ nào ngăn trở, mà không cho tùy ý con, kẻo sau oán trách cha mẹ.

Đạt Văn lại nói với Tuấn Ngọc: hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, việc nhơn duyên do bởi ý trời. Nay ta thấy cậu con người khẳng khái, muốn cho cậu gá nghĩa đồng sàng, sánh đôi với con ta, thì vợ chồng ta thấy con thảo rể hiền cũng vui lòng già đôi chút.

Tuấn Ngọc lòng mừng khôn xiết, đứng dậy tạ ơn. Thưa ngài và phu nhơn có lòng hạ cố, kẻ hèn mọn dám chẳng vâng lời, xin về liệu chọn ngày, muôn sự nhờ lượng trên chỉ bảo.

Đôi bên giao ước, tân khách chúc mừng, duy có công tử Sĩ Vinh và phú hộ Mĩ Sen trong lòng tức tối, uổng công gắn bó, nhọc lòng sắp kế bày mưu những mong cung Quảng ả Hằng, nay người ngọc bỗng về tay kẻ khác, trong lòng giận dỗi biết bao, tính ngồi lâu cũng ngượng liền cáo từ lui trước. Hai người trước săn sóc bao nhiêu, nay càng tức tối bấy nhiêu, túng thế kiếm điều chê bai cho bõ ghét.

Còn vợ chồng Đạt Văn từ đó coi Tuấn Ngọc như con cái, không còn đối đãi như trước nữa.

Mấy tháng sau chính phủ có giấy ban khen, và thưởng cho cái quân công bội tinh, Tuấn Ngọc và Bạch Lan lấy làm vẻ vang, vì cái huy chương ấy xứng đáng công nghiệp của mình, nên vui mừng lắm.

Số là Tuấn Ngọc có nhiều công lao, lẽ ra quan trên cho đóng lon đội trưởng, nhơn vì việc hôn nhơn mà Sĩ Vinh kết oán. Vì thấy Bạch Lan kết duyên với Tuấn Ngọc đem lòng ghét, nhơn hắn là con

quan mới cậy thế xúc xiểm quan trên, làm cho đường công danh của Tuấn Ngọc bị cản trở. Cha Sĩ Vinh làm quan thượng thơ, thế thường quan với quan họ tư vị nhau, mà hay làm chuyện ám muội, dầu cho trái với lương tâm họ cũng không kể làm chi, miễn là báo oán dùm cho nhau mới thỏa. Vì thế mà không cho Tuấn Ngọc lên chức, mà chỉ có một mảnh giấy khen cầm chừng mà thôi.

Cách ít lâu tại nhà thờ trong tỉnh dọn dẹp trang hoàng nến hoa rực rỡ, đàn nhạc réo rắc, tiếng chuông mừng nghe khắp gần xa. Đến giờ làm lễ, một đôi giai nhơn tài tử quì trước bàn thờ làm phép Giao, đó là Tuấn Ngọc và Bạch Lan vậy. Khi lễ xong họ hàng đều về dự tiệc tại dinh quan Trung úy Đạt Văn, trong bữa tiệc có đủ quan khách, và mấy người An Nam anh em bạn của Tuấn Ngọc nữa. Thôi thì giọng nói tiếng cười rất là náo nhiệt. Trước khi vào tiệc, một ông bạn của Đạt Văn đứng dậy đọc một bài diễn văn chúc mừng. Đoạn Tuấn Ngọc cũng đọc lại một bài cảm ơn hai họ, đọc dứt tiếng, thì khách vỗ tay như pháo nổ, khách đều nâng chén rượu chúc mừng cho tân lang và tân nhơn cầm sắt hòa hai, bách niên giai lão, còn Tuấn Ngọc với Bạch Lan thiệt là:

Trai anh hùng gái thuyền quyên
Phỉ nguyền sánh phượng đẹp duyên cõi rồng.

HỒI THỨ TÁM
Khách kiếm cung lui về cố quốc
Kẻ tào khang trở lại cô phòng.

Từ kẻ Âu người Á sum hiệp một nhà, chỉ Tấn tơ Tần se duyên phu phụ, người tuy hai nước mà ăn ở với nhau ít kẻ sánh tày. Nhưng bề sinh hoạt thì không được phong phú cho lắm vì tiền lương tháng của lính chẳng được là bao. May nhờ Bạch Lan biết tiết kiệm trong gia đình, lại giỏi nghề thêu dệt, thường chịu khó may vá thêu thùa, một là khỏi phí thì giờ, hai là giúp đỡ gia đình khỏi thiếu thốn, lấy chức nghiệp làm bổn phận, khỏi mang tiếng làm "ký sinh trùng" làm cho chồng con nặng gánh gia đình, xao lãng bề nghĩa vụ. Cô lại là người đức hạnh, tuy sinh ở nước văn minh

mà không lạm chữ bình quyền quá ư tự do như mọi người khác. Từ khi kết duyên với Tuấn Ngọc thì áo vải xiêm thô làm ăn tần tảo, đối với Tuấn Ngọc một mực kính yêu, ví chẳng khác nào nàng Mạnh Quang[1] bên Trung Quốc "cử án tề mi" vậy. Ở với nhau trên thuận dưới hòa, cô thì nữ công nữ hạnh, cậu thì bầu bạn cầm thi, cảnh gia đình thật là đằm thắm.

Qua năm sau Bạch Lan sinh được một người con gái, vợ chồng lấy làm mừng rỡ mới đặt tên là Tuyết Mai, công việc đời mỗi người riêng một bổn phận, ấy là:

Trai anh hùng phơi gan chiến địa
Gái trung trinh kết nghĩa tào khang.

Nay nhắc lại vợ Minh Châu là Trương thị ở nhà trên tay hai đứa con dại, cũng tưởng tới kỳ ba tháng lĩnh lương của hai anh em Tuấn Ngọc và Minh Châu để lại mà nuôi con. Ai ngờ gặp phải Hồ Tri huyện là người tham lam vô hạn, từ trước đã làm cho hai mẹ con Tuấn Ngọc tán thân bại gia rồi, đã đổi đi tỉnh khác, nhơn tiếc chỗ huyện đó béo bở dễ kiếm tiền, mới thầy thợ xin đổi trở về huyện này. Nay thấy hai anh em Minh Châu đi lính để tiền lại cho Trương thị ba tháng lĩnh một kỳ là 18 đồng. Hồ Tri huyện thấy đàn bà quê mùa dốt nát còn anh em Minh Châu thì đi lính chắc chết vì súng, không còn ai kêu nài chi nữa, nghĩ vậy mới đem lòng tham hạ bút làm điều đê tiện, mà mạo chữ ký rồi lấy tiền bỏ túi. Mỗi lần Trương thị đến lãnh thì dối rằng không có quan trên chưa gởi, Trương thị nhiều lần phải đi chầu chực mất công mà không được chi, sau lâu thua buồn cũng thôi. Còn quan huyện thi hành thủ đoạn ấy chẳng những một mình Trương thị mà còn nhiều người khác nữa. Nên mỗi kỳ quan mạo 5, 6 chữ ký thế là quan đút túi được bạc trăm rồi, tha hồ ăn chơi phung phí, hầu non gái đẹp nhởn nhơ! Thương hại thay Trương thị! Mẹ con đành chịu đói rách cực khổ, chạy ngược chạy xuôi, được bữa trưa mất bữa tối, mà không biết kêu vào đâu cho

1. Nàng Mạnh Quang con nhà giàu kén chồng đến 30 tuổi mới kết duyên với Lương Hồng là học trò khó, nàng ấy áo vải trâm gài thờ chồng rất mực cung kính, mỗi bữa ăn bưng mâm ngang mày (cử án tề mi là tích này).

được. Có nhiều lần gởi thơ cho Minh Châu song vì đường sá bị giặc ngăn trở, cho nên thơ từ bị lạc hết, cho nên Minh Châu không hay biết chi hết.

Mãi đến năm sau Trương thị mới bắt được thơ mới biết Minh Châu ở Tu Long. Trương thị mới nhờ người viết giùm một lá thơ kể hết nông nỗi ở nhà mẹ con khốn khổ, vì không lãnh được tiền lương... rồi gởi qua cho Minh Châu biết.

Minh Châu ở Tu Long làm trong xưởng máy, những việc khó nhọc nguy hiểm, như chế thuốc súng để làm đạn, vì nhiều hơi độc quá nên có kẻ mù mắt. Nhưng Minh Châu tốt phước nên qua khỏi không bị tật như họ. Song cực khổ vất vả cũng đã nhiều, phần thì thương con nhớ vợ, tin tức vắng không, mãi đến sau lâu lắm mới bắt được thơ của Trương thị kể nông nỗi ở nhà không lãnh được tiền, nên mẹ con phải thiếu thốn. Minh Châu thấy nói cho xiết buồn rầu vì nỗi nước đời nhiều nỗi u ẩn, ngọn đuốc công bình không soi thấu. Minh Châu không biết tính lẽ nào, mới viết thơ cho em là Tuấn Ngọc biết, tìm phương kêu cầu.

Nói về Tuấn Ngọc từ ngày cưới Bạch Lan, có thưa thiệt cho anh biết. Minh Châu cũng mừng rỡ bằng lòng. Song sơn xuyên cách trở, anh em cũng khó lòng lui tới viếng thăm, nên chỉ viết thơ cho nhau mà thôi. Nay được tin một mới biết tiền để nhà cho chị dâu mà chị không lãnh được. Tuấn Ngọc làm đơn kêu cứu với quan trên nhiều lần, song cũng không thấy hiệu chi. Sau Tuấn Ngọc mới viết thơ cho Minh Châu dặn giữ những thư từ ấy để làm bằng cớ, sau về nước hẳng hay.

Nhắc lại mặt trận độ này quân Đồng minh thắng trận luôn, còn quân Đức – Áo thì thua mãi. Kể từ lúc quân Pháp thắng trận sông Mã Nê đuổi binh Đức tới Vệ Đông, đến năm 1918 Đồng minh đại thắng trận Vệ Đông, binh Đức – Áo thế cùng lực tận mới xin cầu hòa, các nước Đồng minh ký tờ "đình chiến" ngày 11.11.1918, mà cuộc chiến tranh tới đây thì kết liễu. Nhân dân trong nước vui mừng khôn kể xiết, khắp nước Pháp mở hội ăn mừng trong ngày ấy rất long trọng vô cùng, từ ấy đến nay thành lệ, mỗi năm cứ đến ngày 11 tháng 11 Tây thì mở hội ăn mừng to lắm.

Giặc yên rồi chính phủ hạ lệnh phải bớt lính các nước về cho đỡ phí tổn, lính thợ ở Tu Long cũng cho về (chim hết thì bẻ ná). Được lịnh Minh Châu bèn viết thơ cho Tuấn Ngọc hay, và mình về trước để lo liệu việc cửa nhà, kẻo mấy năm xa cách chẳng làm nên công nghiệp gì. Tuấn Ngọc thấy thơ anh trong lòng ngùi ngùi chợt nghĩ mình một cảnh hai quê, tuy đã thành gia thất, nhưng tấm lòng nhớ nước thương quê không hề phai lợt. Song lẽ bổn phận làm người phải có luân thường đạo lý, vợ chồng là nghĩa tào khang, cha con là thiên chức phải cư xử cho tròn nghĩa vụ. Huống chi Bạch Lan là người chung thủy, nếu một mai mãn hạn lính thì làm sao đem vợ con về nước cho được. Nghĩ thế nên buồn rầu vô cùng. Sau Tuấn Ngọc nghĩ có một cách hễ mãn hạn, thì xin cho lại tùy tiện làm ăn bao giờ có dư giả sẽ đem vợ con về nước luôn, nghĩ rồi làm đơn xin gởi lên quan trên, thì được quan cho tùy ý. Tuấn Ngọc mãn khóa giao trả đồ quân phục lại cho nhà nước mà ra hai bàn tay trắng. Kể từ khi ra ứng mộ cho đến nay 4, 5 năm trời, trải qua bao gian nan nguy hiểm, xông pha vào chỗ muôn chết, mà không được một chút danh phận gì, duy có vài tấm giấy khen hảo mà thôi. Có phải là tài mạng tương đố hay là tài đức chưa đủ lập công, phải tốt lễ nhiều tiền và chịu lòn dua mị mới được? Công bình công lý chẳng qua là một câu đầu lưỡi đó thôi.

Tuấn Ngọc thôi lính ra ngoài kiếm việc khác mà làm. Nhờ có tài khôn khéo lại chữ nghĩa khá, nên tiền lương cũng đủ dùng, khỏi lo bề thiếu thốn. Khi ấy ông nhạc cậu là Trung úy Đạt Văn đã về trí sĩ.

Ai ngờ hóa công cay nghiệt, duyên phận long đong, hạnh phúc gia đình trời kia ghen ghét, xuôi nên một cuộc phân ly. Trải bao nhơn tình thế thái, làm cho gái thuyền quyên dãi dầu mưa nắng, trai anh hùng than vắn thở dài. Tuấn Ngọc từ khi ra làm ở ngoài cũng được phong lưu túc dụng, cùng nhau vui thú gia đình: khi thừa nhàn dạo gót xem hoa, lúc thanh tĩnh dưới hiên ngoạn nguyệt, công hầu danh tướng mà chi, an phận tùy duyên cũng là khoái lạc! Bỗng thiều quang thấm thoát chẳng bao lâu bị kẻ thù làm cho ly tán. Số Mĩ Sen từ khi cuộc nhân duyên không thành, đem lòng thù ghét, muốn kiếm thế làm cho phân rẽ. Nay thấy Tuấn Ngọc mãn hạn còn được ở lại, mới kiếm điều xuôi [xui] xiểm quan trên, bắt Tuấn Ngọc

phải về nước An Nam, vì có luật hễ ai hết hạn lính thì phải về nước tất cả. Tuấn Ngọc khi ấy thân cô thế nhược, không có ai binh vực cho nữa. Vì ông Đạt Văn đã về nghỉ rồi. Cho nên Mĩ Sen vận động ít lâu, bỗng có lịnh truyền cho Tuấn Ngọc phải về nước An Nam ngay. Tuấn Ngọc có kêu xin mà cũng không công hiệu gì, biết thế không xong nên buồn rầu quá sức.

Bạch Lan thấy vậy mới hỏi duyên cớ vì đâu?

Tuấn Ngọc không giấu được nói rõ rằng: có lịnh quan bắt phải về nước thì vợ chồng xa cách, nên buồn bực không biết tính làm sao!

Bạch Lan nghe nói rõ hai hàng lụy nhỏ khôn cầm, rồi nói: cậu về nước thì mẹ con tôi cũng đi theo, dầu vạn hải thiên sơn cũng không dám ngại, đó là bổn phận của tôi, can chi cậu phải buồn?

Tuấn Ngọc nghe mấy lời cám cảnh, nghĩ thầm, nhà ta nghèo, nếu nàng theo về thì e tấm thân bồ liễu sao khỏi lầm than, ta nỡ nào để nàng phải vì ta mà lụy, chi bằng khuyên nàng ở lại ta về ít tháng rồi kiếm thế trở qua, nghĩ thế nên khuyên giải rằng:

Nàng có lòng chung thủy xin đa tạ tấm lòng. Nhưng nàng nên biết rằng: nước tôi còn dưới quyền bảo hộ, người quí quốc họ sẵn lòng cầu thị và khinh rẽ chúng tôi, coi như là nô lệ. Nếu nàng theo tôi về nước, thì sao cho khỏi họ tìm cách làm cho ngăn trở và phân rẽ đôi ta. Phần thì nhà tôi từ khi phụ thân tôi bị người ta vu oan nên bán hết cửa nhà ruộng đất, gia tư trở nên thanh bạch. Còn nàng vốn là con nhà khuê các chịu sao được nỗi cơ hàn, nên tôi không muốn cho nàng phải vì tôi mà cực khổ, khuyên nàng hãy ở lại thần hôn định tỉnh, sớm khuya bầu bạn cùng con. Vả nàng đương bị thai ngắn, chẳng nên xông pha ngàn dặm, để tôi về ít tháng sẽ trở qua cùng nhau sum hiệp há chẳng hơn sao?

Bạch Lan – Vợ chồng là nghĩa tào khang, xa xôi bao quản nghèo nàn khó chi? Lẽ nào thấy cái quyền áp chế, tấm lòng kỳ thị của kẻ muông sói kia mà sợ hãi ngã lòng đâu. Nhưng ý cậu đã không muốn thế, thì xin vâng lời dặn mà ở lại, rồi ít tháng cậu trở qua, xin chớ sai lời hẹn ước!

Xin nàng hãy yên tâm chờ đợi, anh đây quyết chẳng sai lời. Còn đương than thở, thì Tuyết Mai ở đâu chạy vào. Vì lúc này Tuyết Mai đã nên 3 tuổi, biết đi biết nói bập bẹ, thấy cha mẹ sầu thảm

nước mắt chưa ráo, thì không hiểu chi cũng òa lên khóc, làm cho Tuấn Ngọc càng thêm xót thương, than rằng: hỡi trời xanh có thấu! Căm thay thế độc của đứa vô lương, làm ta chồng Nam vợ Bắc, đứa hài nhi này đã có tội tình chi mà cha một nơi con một ngả? Nàng Bạch Lan cũng đau đớn chua xót chẳng cùng.

Ngày giờ thấm thoát, đã tới kỳ tàu chạy. Bạch Lan sắm sửa hành lý cho Tuấn Ngọc. Trước khi đi Tuấn Ngọc đến chào ông nhạc là Trung úy và phu nhơn, xin gửi gắm vợ con, rồi ít tháng sẽ trở qua. Ông bà Đạt Văn cũng ngậm ngùi ái ngại, bèn an ủi Tuấn Ngọc chớ lo về vợ con, vì ông bà sẵn lòng chiếu cố. Đoạn Bạch Lan đem Tuyết Mai tiễn chưn xuống đến bến Mạc Xây, rồi kẻ về người ở, gạt lệ chia tay. Thật là:

Đau lòng tử biệt sanh ly
Kẻ về người ở xiết chi nỗi sầu.

Tàu kéo neo chạy rồi mà bóng mùi xoa còn phấp phới, nàng Bạch Lan đứng chờ cho tàu chạy khuất bóng mới chịu trở về.

HỒI THỨ CHÍN
Phạm tội tham Hồ Tri huyện bị cách
Báo thù vặt Lý Đại Ngốc tấn công

Mặt nước lao xao, lưng trời mây bủa, thấp thoáng chiếc thuyền ngư phủ, nỉ non khúc hát trạo phu, xa xa thấy dạng núi Hoành Sơn xanh ngắt, đoái nhìn kìa Nam Việt giang sơn, Tuấn Ngọc lòng mừng khôn xiết, tới nơi lên bờ vào trại lính, bữa sau trình giấy rồi quan trên cho về quê quán.

Khi về đến nhà Minh Châu ra đón, anh em gặp nhau vui mừng quá đỗi, bà con bạn hữu chạy tới hỏi han, mấy năm ly biệt ngày nay mới gặp nhau, cái tình gia hương cố quốc tả sao cho xiết! Nhưng vui kia đã bỏ sầu đong, mối tình khắng khắng bên lòng chẳng quên. Việc làm ăn lại theo nghề cũ: cấy lúa trồng dâu cho qua ngày tháng, đôi khi nhìn hình ngắm bóng, trăng lặn canh tàn, mối sầu vô hạn, đường đời hiểm trở, chút thân chìm nổi đã nên chi? Phương ngôn

có câu: "Bôn ba không qua thời vận" lời thiệt không sai. Ừ, mà ta phải như ai du thủ du thực, cho nên cùng đường lỡ bước. Song le ta đã cúc cung tận tụy với đời, mà không nên công nghiệp là do bởi ý trời. "Quân tử bất oán thiên bất vưu nhơn" gẫm cho kỹ thì giàu sang như bọt nước, có cũng thế mà không cũng thế, nợ phong trần biết nào xong! Cao lương mỹ vị mà áy náy lương tâm, sao bằng muối dưa thanh đạm mà hả dạ vui lòng. Sự công danh không làm bận chi ta, duy ta còn ân hận rằng: thù nhà ta chưa trả, kẻ thù còn hưởng giàu sang, lại thêm chồng Bắc vợ Nam, cha con đôi ngã phân ly, nghĩ tới càng thêm chua xót. Than ôi! Kẻ Việt người Hồ, biết bao thuở Châu về Hợp Phố!

Sau Tuấn Ngọc tự hối rằng: ta làm trai phải cho toàn chữ hiếu, cha mẹ ta vì Hồ Tri huyện ức hiếp đến nỗi bỏ mình. Bấy lâu nay ta ẩn nhẫn chưa có thể minh oan. Chừ ta phải ơn sinh thành lo báo đáp, thù cha mẹ chẳng đội trời chung. Vẫn biết tào khang là nghĩa trọng, sao bằng cốt nhục tình thâm. Hiềm vì kẻ kia còn mạnh thế, biết làm sao tính kế cho xong. Ừ, mà ta còn nhớ khi ở bên Tây, có được chị dâu ta nói sự không nhận được tiền tháng của hai anh em ta để lại, vì Hồ Tri huyện mạo chữ mà lấy đi. Ừ, để ta dò la cho kỹ, tìm bằng cớ cho đủ, rồi làm đơn kiện quan huyện, hễ quan trên mà công bình ra, thì tri huyện phải tội nặng. Ấy là ta báo thù cho cha mẹ ta đó.

Tuấn Ngọc đem chuyện bàn với Minh Châu, rồi hỏi lại Trương thị, quả thiệt từ khi hai anh em đi tây, để tiền lại cứ ba tháng mới lãnh một kỳ là 18 đồng, trong bốn năm trời kể hàng mấy trăm đồng bạc, mà Trương thị không lãnh được đồng nào cả. Vì quan huyện đoạt hết. Tuấn Ngọc tìm được chứng cớ đích xác rồi, anh em Tuấn Ngọc đầu đơn kiện quan huyện, việc tới tỉnh tới tòa, quan trên xét ra quả thiệt tri huyện man trá mới trị tội. Hồ Tri huyện biết lỗi, lo chạy mất nhiều tiền, nhưng vì tri huyện hà lạm quá nhiều điều trái phép, hiện có nhiều đơn kiện nữa, quan trên không thể làm ngơ che lấp được. Cho nên phải cách chức Hồ Tri huyện và đuổi về dân, và bổ quan huyện khác về thay, lại bắt trả những tiền ăn gian của Trương thị lại tất cả ngót 300 đồng (Thiện ác đáo đầu chung hữu báo vậy). Còn anh em Minh Châu, Tuấn Ngọc trả thù rồi lấy làm

thỏa lòng lắm, còn món tiền quan huyện trả lại, Tuấn Ngọc cho hết chị dâu để làm ăn.

Xong việc rồi lại hết sức tìm cách trở qua Tây, nhưng luống công vô ích, vì lúc này hết giặc nhà nước không cần dùng người nữa. Nếu muốn đi trừ phi có tiền nhà mới được. Nhưng tiền tàu mắc lắm, không có bạc năm bảy trăm thì không xong. Mà Tuấn Ngọc thì gia tư thanh bạch, món tiền to như thế thì làm chi cho có. Tuấn Ngọc ngẫm nghĩ lấy làm ghê cho thế lực kim tiền, vì có tiền thì được trung được hiếu, không tiền mất thảo mất ngay, sau chợt nhớ lại, khi trước có quen một người bạn làm bồi tàu thủy thường qua lại bên Pháp, người ấy tên là Lâm Nghĩa tìm cách giúp, chắc có lẽ được, vì Lâm Nghĩa, là người hảo tâm hay giúp đỡ anh em bạn hữu lắm.

Tuấn Ngọc từ giã anh chị ra phố hỏi thăm nhà, vừa may có kỳ tàu lại. Lâm Nghĩa về thăm nhà, lại gặp Tuấn Ngọc, anh em mừng rỡ câu chuyện gia đình, cùng nhau than thở. Lâm Nghĩa hỏi thăm Tuấn Ngọc đi Tây về có danh gì không? cưới vợ chưa? Được mấy cháu? Tuấn Ngọc nghe hỏi trúng tâm sự mới phân tỏ hết cho bạn nghe rằng mấy năm trời cực khổ mà không có công cán gì, và thú thiệt sự mình đã kết duyên với người Pháp là nàng Bạch Lan đã sinh hạ được một đứa con lên ba tuổi, lại nàng đương có mang. Nay quan trên bắt phải về bỏ con thơ vợ yếu, không thể dứt tình cho được. Nay muốn trở qua cho trọn niềm phu phụ, ngặt vì thiếu tiền lộ phí, muốn nhờ anh giúp cho một chưn phụ việc dưới tàu, dầu không lương hay là cực khổ thế nào tôi cũng ráng chịu, miễn là qua tới Mạc Xây thì thôi.

Lâm Nghĩa nói bây giờ mới rõ anh đã có vợ con bên Tây rồi. Ừ anh nghĩ vậy cũng phải, một ngày cũng nghĩa, tuy là người ngoại quốc mà người ta ăn ở với mình trọn đạo, thì ta cũng không nên đem lòng phụ rẫy. Nhưng rủi thay! Thường mỗi chuyến, thì tàu nó lấy thêm người phụ việc, mà chuyến này thì không, vì trong tàu đủ người và ít khách bộ hành, nên tôi không thể mà xin cho anh được. Nói đến đây Tuấn Ngọc coi bộ buồn rầu thất vọng. Lâm Nghĩa thấy vậy lại chau mày nghĩ ngợi một hồi rồi nói:

– À tôi có một kế nầy. Nhưng cực khổ vất vả lắm, biết anh có bằng lòng không?

Tuấn Ngọc – Cực khổ thế nào tôi cũng xin chịu, miễn qua được bên Tây thì thôi. Nếu anh giúp cho sau nầy vợ chồng đoàn tụ, thì ơn nầy tôi xin ghi lòng tạc dạ.

Lâm Nghĩa – Anh bằng lòng thì về thu xếp việc nhà cho mau vì tàu sắp chạy, rồi anh trà trộn theo cu ly khiêng đồ mà xuống tàu. Khi ấy tôi cho anh trốn vào một cái thùng không, chờ cho tàu chạy khỏi Sài Gòn rồi anh sẽ ra, tôi cho mượn quần áo giả làm bồi bàn lẩn lộn. Vì trong tàu nhiều bồi bếp chắc là quan tàu nó không biết, và tôi dặn anh em bạn đừng lậu mưu cơ, thì anh sẽ lên Mạc Xây vô sự. Chỗ anh em bầu bạn giúp nhau chút công anh đừng quản ngại gì, nếu bằng lòng thì nên thu xếp mau lên cho kịp.

Tuấn Ngọc nghe rõ mừng rỡ cảm tạ Lâm Nghĩa và xin y kế.

Tàu bắt đầu chạy thì quan tàu khám vé rồi hành khách ai về phòng nấy. Người nào say sóng thì nằm vùi, ai không say sóng thì đánh bài uống rượu cho tiêu khiển thì giờ, mà không ai biết trong cái thùng tô nô hết rượu để lẫn vào hàng hóa dưới hầm tàu, trong thùng có một người ẩn trốn, trong tay có chai nước và ít bánh khô, người đó là Tuấn Ngọc mà Lâm Nghĩa giấu vào đó. Tuấn Ngọc ngồi trong thùng, đói ăn bánh khô, khát uống nước trong chai cầm chừng, may nhờ cái thùng đã cũ mấy chỗ khe ván hở nên không bị nghẹt thở. Đến đêm khuya vắng vẻ thì Lâm Nghĩa lại vào đem Tuấn Ngọc ra ngoài cho thoáng khí.

Tuấn Ngọc núp trong thùng mấy ngày được vô sự. Chẳng may việc tiết lộ ra, vì có tên Lý Đại Ngốc, làm thơ ký trong tàu, hắn vốn là anh bạn học với Tuấn Ngọc ngày trước. Nhơn vì Tuấn Ngọc có tính nói thẳng, khuyên anh ta ở nhà mua bán kinh doanh đừng đem tiền mua nghề nô lệ. Từ ấy Lý Đại Ngốc đem bụng thù hận, sau anh ta gặp dịp xuống làm thư ký dưới tàu, thường đi lại Hải Phòng Sài Gòn, không may cho Tuấn Ngọc, vì Lâm Nghĩa dấu anh ta vào đó, bị Lý Đại Ngốc trông thấy, nên đem lòng ghen ghét, manh tâm cầm thú, phản bạn để tân công, và báo thù Tuấn Ngọc cho bõ ghét. Lý Đại Ngốc bèn đem việc ấy báo cho quan tàu, và chỉ chỗ cho quan tàu lại khám, quan tàu nổi giận bắt Tuấn Ngọc ra và bạt tai mấy cái rồi đem trình chủ tàu biết. Chủ tàu tra hỏi ở đó làm gì và ai đem vào đó?

Tuấn Ngọc khi đó vừa thẹn vừa giận, mắng nhiếc quân gian nịnh, lừa thầy phản bạn, để cầu lấy chút ơn riêng mà nỡ hại đồng bào như vậy, thì có khác chi loài cầm thú, mắng Đại Ngốc chán miệng rồi lại sợ liên lụy đến bạn hiền là Lâm Nghĩa, nên khai tránh đi rằng:

Tôi tên là Tuấn Ngọc vì nhà nghèo, muốn kiếm việc làm ăn, nhưng vì không có tiền mua vé tàu nên đành liều trốn vô đó để đi. Chẳng may quan bắt được tôi xin chịu tội, chứ không ai giúp và ăn tiền của tôi cả.

Quan tàu bèn đem Lâm Nghĩa ra đối chứng, song Tuấn Ngọc cứ điềm nhiên một mực chối không, quan tàu thấy hỏi không được cũng thôi, mới cho đem giam xuống hầm tàu, đợi tới bến sẽ giao trả về chốn cũ. Cách 10 ngày sau Tuấn Ngọc lại về quê nhà vì quan trên hỏi, thì Tuấn Ngọc cũng cứ khai như dưới tàu, quan trên xét giấy căn cước rồi cũng tin là thật. Tuấn Ngọc muốn đi vì không có tiền nên đi liều, bèn tha tội và cho về xứ. Khi ấy Tuấn Ngọc vô kế khả thi, không biết làm cách nào mà đi cho được, suy đi nghĩ lại không lẽ viết thơ biểu Bạch Lan gởi tiền cho thì hổ thẹn lắm. Vì đường đường một đứng trượng phu, mà lại cậy nhờ nhi nữ, thì đê tiện quá. Duy có một cách chịu khó làm ăn để dành tiền cho đủ làm lộ phí thì mới có thể đi được. Nhưng từ nay cho đến ngày đạt được mục đích ấy tưởng cũng khó khăn và lâu lắm. Sách có chữ: hữu chí cánh thành, phàm làm việc gì cũng phải kiên tâm bền chí mới nên. À, mà ta có hẹn với Bạch Lan rằng ít tháng sẽ trở qua, nếu để lâu như vậy ắt nàng nghi ta sai lời ước, âu là viết một bức thơ tỏ thiệt sự tình và khuyên nàng đừng đợi làm chi. Nếu nàng thật lòng vàng đá, một dạ thủy chung mà chờ đợi, thì ta sẽ trở qua. Còn như nàng thay dạ đổi lòng trao duyên nơi khác thì ta cũng không dám trách vậy. Nhứt định rồi cầm bút viết thơ, cất lên đặt xuống 5, 7 lần, sau mới quả quyết. Viết thơ xong, bỏ vào phong bì niêm phong tử tế, rồi đem đi bỏ thùng dây thép, từ đó ngóng trông tin tức, xem nàng trả lời sao cho biết.

HỒI THỨ MƯỜI

Loan duyên phụng vì ai chia rẽ
Nghĩa sắt cầm nên nỗi dở dang.

Đêm đông tịch mịch gió thổi tuyết sa, trong một nhà kia ở An Sắt, có một người thiếu phụ tựa ghế chau mày, mắt long lanh hạt lệ, ngọn đèn lờ mờ, đồng hồ kêu tí tách, ngoài cái tiếng giun kêu dế khóc, chốc chốc lại điểm tiếng thở dài, dường như ảo não xót xa. Bên cạnh người thiếu phụ có để cái giường con, trong có đứa bé nằm ngủ, người thiếu phụ này tức Bạch Lan và con là Tuyết Mai vậy. Từ khi Tuấn Ngọc đi về Nam Việt, thì Bạch Lan một mình bầu bạn với con thơ, mà:

Nỗi nhớ niềm thương tò vò chín khúc
Thành sầu núi thảm đòi đoạn tâm cang.

Cái nỗi rẽ thúy chia duyên, nàng những buồn rầu, làm cho mây tan tác liễu, mình võ vàng ve, bụi lấp gương loan, tuyết thâm chăn thúy. Nhưng cũng may nhờ chút con thơ nên cũng vui lòng đôi chút, còn bề lý sanh, thì nhờ có nghề thêu dệt đở thâu, lại nhờ chị là Duy Liên nhà giàu có ở Ba Ri thấy Bạch Lan là người cao tiết, chịu nghèo khó thì thương, nên thường gởi tiền bạc chu cấp. Bạch Lan nhờ đó cũng đủ tiêu dùng.

Ngày tháng thoi đưa, thoát chốc đã mấy trăng mà không thấy thơ từ chi của Tuấn Ngọc. Bạch Lan hằng ngày mong mỏi, cũng có viết thơ sang hỏi, song biệt tin nhàn cá, Bạch Lan lấy làm buồn rầu lắm. Một hôm trăng, thấy mây phủ chị Hằng, gương nga ủ dột, càng thêm khêu gợi mối sầu, bất giác than rằng: Trăng kia còn có khi tròn khi khuyết, ngươi đời có lúc hiệp lúc tan, đó là lẽ thường, tránh sao khỏi. Từ ngày chồng về cố quốc đến nay tin tức vắng không, gẫm lại phận mình bên tay con dại, bụng lại hoài thai, khi mưa nắng biết cậy nhờ ai? Còn thung huyên tuổi hạc đã cao, phận làm con chưa biết chút báo đền, lẽ nào để cha mẹ phải vì ta mà lo lắng. Nghĩ người thôi lại nghĩ mình, xa xôi có thấu chút tình chăng ai? Thôi thì ta cũng vái trời cho đặng vuông tròn, trăm năm quyết chẳng lòng son đổi dời.

Trung úy Văn Đạt và phu nhơn cũng nhiều khi han hỏi xem có được tin tức chi và Tuấn Ngọc bao giờ sang. Bạch Lan cũng kiếm cớ nói rằng vì đường sá xa xuôi nên thơ từ chậm trễ, xin cha mẹ cứ an tâm. Vì Tuấn Ngọc là người thủy chung chắc thế nào cũng sẽ trở qua cha mẹ đừng lo nghĩ làm chi cho thêm mệt tinh thần! Đó là Bạch Lan an ủi cho vui lòng cha mẹ, chứ thiệt ra thì cũng phiền lắm. Ôi! Nước non xa cách ngàn trùng, làm sao cho trọn thủy chung bây giờ?

Bạch Lan có một con nữ tỳ tên là Sa Nhi, bộ tịch thanh thản, tính nết thật thà, hằng ngày thấy cô chủ buồn rầu ủ dột, thì đem lòng thương cứ theo khuyên giải mãi. Bạch Lan thấy Sa Nhi có nghĩa như thế cũng vui lòng khuây khỏa.

Một chiếc xe đạp dừng trước cửa ngoài, người trên xe bước xuống, nách mang một cái cặp da bước lại gõ cửa. Sa Nhi nghe tiếng vội vàng chạy ra mở cửa, thì ra người sở dây thép lại đưa thơ. Sa Nhi nhận lấy phong thơ, đóng cửa trở vào vừa đi vừa ngắm, thì thấy phong bì hơi cũ, hình như bỏ hộp đã lâu ngày, trên dán con tem có hàng chữ Indochine. Sa Nhi bất giác mừng rỡ, vội vàng chạy vào vừa chạy vừa kêu Bạch Lan: cô ơi! Có thơ bên Đông Dương đây này! Cô khá mau mà ra xem!

Lúc ấy vừa tiết cuối thu sang đông, cảnh vật tiêu điều, cỏ hoa ủ rủ, lá vàng rơi xuống, ngọn gió Đông Phong như xâu xé lòng ai. Bạch Lan đang đứng ở trong vườn hoa mà ngắm cảnh buồn rầu ấy, cũng ví như thân thể mình vì tạo vật ghen ghét, cho nên nỗi hoa sầu liễu ủ, nhạn lẻ loan chia, biết bao thuở sum vầy mai trước? Còn đương than thở, bỗng nghe Sa Nhi gọi, mới hỏi rằng: Có việc chi mà gọi thế hở em?

Sa Nhi – Thưa cô xem đây thì rõ. Phong thơ này có phải là bức thơ cô đang mong đợi đó chăng? Bấy lâu nay con thấy cô buồn bã, lòng con luống những thương cô, hôm nay con lại vì cô mà mừng vậy.

Bạch Lan – Sa Nhi, em, diễu ta đó phải không?

Sa Nhi – Thưa cô, xem thử có phải đích thật là thơ bên An Nam hay không? Lẽ nào con lại dám diễu cợt cô hay sao?

Bạch Lan nghe nói hơi tin, bèn cầm lấy phong thơ nhìn kỹ quả thiệt nét chữ của Tuấn Ngọc. Trong lòng vui vẻ khôn xiết, mới vội mở ra xem thấy một bức thơ viết bằng chữ Pháp, văn dịch như sau này:

"Tam Kỳ le 12 Jun 1919

Nàng Bạch Lan rất yêu mến,

Từ ngày xa cách, lòng những nhớ thương, nghĩ đến Tuyết Mai, đòi đoạn can trường, phân rẽ hai đường, vì ai nên nỗi! Từ khi về tới cố quốc gia hương, thơ gởi thăm nường, có sao chẳng thấy tin tức hồi âm? Lòng những âm thầm, ngày đêm mong mỏi, hay nàng chẳng đoái chút ngãi sắt cầm, nghĩa trọng tình thâm, trả lời cho biết.

Sau này phân tỏ, nàng rõ tấm lòng, duyên kiếp long đong, khó bề tái hiệp. Lẽ đời bó buộc, Âu Á khác lòng, vì ta muốn trăm năm phải vào dân Pháp, phận hèn nhà nghèo, khôn phương lo liệu, cho nên cam chịu, phụ bạc với tình, kia hõi thiên công, khắt khe chi lắm, đôi lứa tây đông, xin nàng lượng xét, chờ đợi uổng công, lựa chốn trao thân, thờ mẹ nuôi con, cảm ơn muôn phần.

Giấy ngắn tình dài, láng lai hàng lệ.

Nguyễn Tuấn Ngọc ký"

Đọc hết bức thơ Bạch Lan còn ngẩn ngơ chưa tin, vì sự nghi ngờ mà xảy ra thì trí khôn phải sửng sốt như thế. Sau đọc đi đọc lại rõ ràng rồi, nàng bỗng thổn thức gan vàng, chứa chan giọt ngọc, những tưởng trăm năm sum hiệp, ai ngờ một phút bỗng lìa tan. Bạc tình chi bấy Ngưu Lang, tấm lòng Chức Nữ vì chàng mà nghiêng, cùng nhau trót đã nặng quyền, ôm cầm ai nỡ qua thuyền cho đang! Than rồi lại khóc, khóc rồi lại than.

Tuyết Mai lúc này hơi biết, thấy mẹ buồn cũng buồn, thấy mẹ khóc cũng khóc, làm cho cả nhà lấy làm lạ, không hiểu duyên cớ vì đâu, phu nhơn thấy vậy mới hỏi:

– Trong thơ sự thể làm sao mà con bi thương quá vậy.

Bạch Lan – Thưa thân mẫu, trong thơ trách rằng từ ngày cậu về không được tin tức chi của con, và than thở vì tình thế bó buộc không thể trở qua đây được nữa, và khuyên con nên cải giá. Thân mẫu ơi! nếu con mà nghe theo lời thì ta con là người trọng phú khinh bần, chẳng kể cang thường chi đạo, cho nên con buồn lắm.

Phu nhơn – Ở đời mấy kẻ thủy chung, phần nhiều là phường ham danh háo sắc, giả danh giả nghĩa, bội bạc vô liêm. Thôi, con đừng nên sầu thảm làm gì? Nó đã khuyên con cải giá, thì con tìm

chỗ xứng đáng mà trao duyên, đừng câu nệ tiểu tiết làm chi cho khổ thân. Kìa như người ta vợ chồng năm con bảy cái, mà họ còn có thể bỏ nhau trong phút giây được, huống nữa sự này là bởi chồng con nó phụ bạc, thì con cải giá là phải, không lẽ ai cười mà con sợ.

Bạch Lan – Thưa, thân mẫu dạy thế cũng phải. Nhưng ở đời nhiều người bội bạc, ít kẻ thủy chung, thiên hạ người ta đã thế, mà ta bắt chước họ thì có ra chi. Vã con xem như cậu Tuấn Ngọc không phải con người đen bạc, cậu sở dĩ viết bức thơ này là vì cảnh ngộ xuôi nên, chớ bản tâm không muốn thế, xin thân mẫu xét lại. Gái trinh chẳng lấy hai chồng, nếu Tuấn Ngọc không qua thì con nguyện ở vậy trọn đời mà thôi.

Phu nhơn thấy con nói quyết như vậy, cũng không biết nói sao, nên cũng đành mặc ý Bạch Lan vậy.

Từ khi được thơ Tuấn Ngọc, mà Bạch Lan ngày đêm ủ dột, châu chan nét liễu, đầm đìa giọt mai.

Tưởng là mai trúc lại vầy, ai hay quyết biệt là ngày đưa nhau. Thầm trách cái cường quyền kia thật là độc địa, vợ chồng đang đoàn tụ, bỗng phân rẽ hai nơi, lại thơ ta gởi cho chồng ta can có chi lại mất? Nghĩ cái xã hội Việt Nam cũng nhiều điều uất ức! Nếu bây giờ ta cải giá thì bất nghĩa, còn như ở vậy thì đôi ngã sâm thương cũng khó lòng lắm. Suy đi nghĩ lại có một lẽ chính đáng, là phận gái chữ tòng; âu là ta vượt bể theo chồng cho trọn đạo thôi, lẽ thường đã vậy ta dốc một lòng, dầu cho vượt bể trèo non, xông pha muôn dặm, chẳng dám từ nan, miễn làm tròn nghĩa vụ mà thôi, à chữ tình là vậy chữ hiếu thì sao? Âu là việc phụng dưỡng cha mẹ ta nhờ anh chị đỡ thay. Ôi! chữ tình chữ hiếu biết làm sao cho trọn vẹn được. Lại còn một nỗi khổ tâm, biết làm sao cho đủ tiền lộ phí, chi bằng ta thú thật với cha mẹ anh chị, tất thế nào cũng giúp đỡ ít nhiều. Nếu có thiếu thì ta bán bớt những đồ nữ trang thêm tiền vào cũng được, vì đi đường không nên đem đồ vàng bạc, chỉ làm mồi cho quân trộm cướp. Khi ta tìm được chồng ta thì ở luôn bên ấy mà làm ăn, tưởng cũng phải vậy. Chí đã quyết chí, còn đợi thưa với cha mẹ rồi khởi hành.

HỒI THỨ MƯỜI MỘT

Đường muôn dặm chi nài phận gái
Bể ngàn trùng bao quản thân cô

Dịp đâu may mắn lạ dường, Bạch Lan toan viết thơ cho chị Duy Liên, thì tiếp được điện tín ở Ba Ri gởi lại. Bạch Lan mở ra xem mới hay Duy Liên sắp về thăm nhà thì mừng quá, vội đem trình cha mẹ, ông bà mừng rỡ hối người sửa soạn để ra xe đón. Duy Liên về tới nơi, cả nhà mừng thăm hỏi lăng xăng, nhơn dịp đông đủ, Bạch Lan mới bày tỏ ý mình mà rằng:

Thưa, con hổ sinh phận gái, biết lấy chi báo ngãi sinh thành, việc lá lay cũng bởi trời xanh, duyên kim cải xe người Nam Việt. Nay chẳng may vợ chồng cách biệt, xin cha mẹ anh chị cho con vượt bể tìm chồng cho trọn đạo.

Rồi lại nói với Duy Liên rằng: cha mẹ sinh được có hai chị em ta, nay em phải sang Nam Việt, trong khi em xa vắng cha mẹ, việc thần hôn nhờ chị đỡ thay. Như vậy, trong khi mặt biển chưn trời, em cũng được yên lòng mà cám đội ơn chị lắm.

Duy Liên – Em vì bổn phận mà xa cách mẹ cha, việc sớm thăm tối viếng là phận sự của chị, xin em cứ yên tâm.

Còn ông bà Đạt Văn, khi mới nghe nói thì hết sức cản ngăn, vì e đàng sá xa xuôi, thân gái một mình, lỡ khi dặm trường trắc trở, biết lấy ai giúp đỡ tay chân, sau thấy Bạch Lan quyết chí cứ nài nỉ kêu van, biết thế ngăn trở cũng không ích chi, lại thêm Duy Liên cũng xin giúp cho em, ông bà bất đắc dĩ phải thuận theo mà rằng:

Lòng con đã quyết, cha mẹ không nỡ trái lòng tiết nghĩa của con, thôi cha mẹ cầu chúc cho con thượng lộ bình an, vợ chồng gặp nhau thì cha mẹ cũng vui lòng vậy.

Duy Liên cũng nói: Bạch Lan em ơi! em vì nghĩa vụ mà xa cách cha mẹ, chị dầu có thương em cũng không lẽ làm cho em gái trái nghĩa cang thường. Song le chị khuyên em bảo trọng mình vàng, trong khi đất khách quê người, khi em tìm được chồng thì em tin về cho cha mẹ và chị biết mà mừng, còn như em có cần tiền chi phí

chị sẽ giúp đỡ cho. Em ơi! chị chúc cho em đường trường mạnh giỏi như ý sở nguyện. Duy Liên nói đến đây thì khôn ngăn giọt lệ, làm cho cả nhà mũi long khóc theo:

Vì ai cốt nhục phân lìa,
Nhìn nhau luống những đầm đìa giọt châu!

Hồi lâu Bạch Lan mới thưa rằng: xin cha mẹ và chị đừng buồn rầu, làm cho con mang tội bất hiếu nhiều. Vả con ra đi cha mẹ và anh chị bất tất lo ngại, vì ngày nay khoa học phát đạt, thế giới văn minh, đàng xa muôn dặm trong một ngày có thể biết tin tức, thì con dẫu vắng mặt cũng như ở nhà, can chi phải phiền não. Duy có một điều cha mẹ anh chị cùng con ngày nay phân rẽ, biết bao thuở sum vầy, khiến con ruột tằm đòi đoạn, bao nỡ phân tay!

Rồi đó, mẹ con, chị em, bà cháu, than thở khôn cùng. Nhưng Bạch Lan đã quyết, nên xin giấy thông hành và thu xếp hành trang mọi việc xong xuôi, rồi đánh giấy ra Mạc Xây hỏi xem có tàu nào sang Đông Pháp, nếu có thì lấy vé trước.

Bữa sau nhận được giây thép trả lời có chiếc Porthos sắp chạy sang Đông Pháp có đi thì nên ra cho kịp vân vân.

Được tin chắc chắn rồi, Bạch Lan thu xếp đồ đạc, ông bà Văn Đạt và nàng Duy Liên cho một món tiền để mua giấy tàu, và hứa rằng khi nào cần dùng, thì đánh giấy về nàng sẽ gởi thêm. Bạch Lan cám ơn chị chẳng cùng, rồi đó Bạch Lan tính ra thì đủ tiền lộ phí, không phải bán nữ trang nữa.

Khi ấy Sa Nhi thấy Bạch Lan đi cũng đòi đi theo, để hòng đỡ tay chơn kẻo đàng xa mà cô có một mình tay mang con dại lấy đâu ai giúp đỡ.

Nhưng Bạch Lan không cho đi, và an ủi Sa Nhi ở lại. Vì sợ thiếu tiền tàu, cho nên thầy trò phải gạt nước mắt giã từ, thấm thoát hành kỳ đã tới, chị em bạn hữu đều đến viếng thăm đưa tiễn. Trong lúc bạn của Bạch Lan thấy nàng đi như thế, có người lấy làm ái ngại, vì đường trường nước người thì cho là một cuộc du lịch có lý thú, có kẻ lại chê bai là dại dột. Ấy là lời khen chê của miệng thế chưa chắc đã mấy người bình phẩm cho xứng đáng. Còn Bạch Lan có sá chi mấy lời bông lông mà chỉ biết mình làm hết bổn phận, thì vui vẻ với lương tâm, còn lời thị phi có kể làm chi, vì thói thường

dễ ưa thì khen, mà ghét thì chê, ít ai biết lấy lẽ công bình mà phán đoán.

Bạch Lan bái từ cha mẹ, anh chị, bằng hữu, rồi tay dắt Tuyết Mai bước lên xe, lúc bấy giờ thật là:

Ngậm ngùi thay lúc phân kỳ!
Người về tựa cửa kẻ đi dặm đường.

Duy Liên với con ở là Sa Nhi cũng theo đưa tới Mạc Xây, rồi gạt lệ giã từ. Xong rồi, Bạch Lan mua vé tàu hạng nhì còn Tuyết Mai còn nhỏ quá nên không mất tiền. Khi ấy Bạch Lan cũng tính đánh dây thép cho Tuấn Ngọc, nhưng quên không nhớ ở làng nào. Và trước kia gởi bao nhiêu thơ cũng lạc mất, bấy giờ đánh dây thép mà không bắt được, thì cũng vô ích, cho nên thôi không đánh nữa. Chuyến này Bạch Lan đi tàu ít khách, cho nên Bạch Lan và Tuyết Mai, mẹ con riêng một phòng rộng rãi. Tàu linh đinh mặt biển ngót tháng trời, tuy có ghé nhiều chỗ như Colombo, Singapour, nhưng Bạch Lan không thiết gì chỉ trông tàu mau tới nơi. Khi tàu đi ngang qua Địa Trung Hải thì bớt sóng và lâu rồi cũng quen nên không say sóng nữa. Trong tàu vô sự. Bạch Lan đem Tuyết Mai lên sân tàu cho thoáng khí, khi ấy đương mùa sóng gió, bốn bề u ám, mây phủ đầy trời, xúc cảnh sanh tình, Bạch Lan ngâm rằng:

Minh mông trời biển một bầu
Mưa sa gió táp dạ sầu không nguôi.

Trời đông tháng giá, gió bắc mưa phùn, trên Ải Vân mây phủ mịt mù, ngoài Bắc Hải sóng xao muôn lượng, một chiếc tàu to lớn như con Giao Long đang cỡi sóng lướt gió mà vào cửa, đó là chiếc Bô Tô ở Tây sang khi đến bến tàu bỏ neo xong hành khách lên xuống tấp nập. Trong ấy có một người thiếu phụ tay dắt một đứa con bé 3 tuổi đứng nhìn vô bờ dường như ngó ngẩn. Lạ thay! Một người đàn bà Pháp sang An Nam tất là một vị phu nhơn hoặc là nhà đại tư bản nào, sao không thấy ai đón tiếp, chỉ bơ vơ một mình với đứa con thơ? Ai xem cũng phải ngạc nhiên! Người thiếu phụ ấy là nàng Bạch Lan đã từ An Sắt qua tới nước Việt Nam để tìm chồng là Tuấn Ngọc. Số là trước khi xuống tàu Bạch Lan không đánh dây thép cho ai, vì ở An Nam nàng không quen biết một người nào nên mới thơ thẩn một mình như thế. Trông Bạch Lan khi ấy nửa mừng

nửa sợ. Những lo vì chưa biết đích quê quán Tuấn Ngọc ở tại làng nào, biết làm sao han hỏi. Thôi ta đã băng ngàn vượt bể đến đây, thì ta cứ hy vọng ở lòng kiên nhẫn của ta, chắc muôn sự không có gì là khó cả. Những lạ lùng bỡ ngỡ, đoái xem phong cảnh nhơn vật thật là đẹp mắt, rồi đó nàng đến ngụ tại một hàng cơm của người Pháp. Đến nơi nhà hàng thấy khách lạ, bồi bếp chạy ra tiếp rước đem hành lý đồ đạc vào phòng chỗ trọ yên rồi, Bạch Lan định nghỉ ngơi, rồi hôm sau đến yết kiến quan phủ tỉnh để thăm dò quê quán Tuấn Ngọc.

Bữa sau Bạch Lan dậy sớm, sửa soạn xong, định bước đến thăm vợ chồng chủ hàng, và hỏi cho biết nhơn vật trong xứ thế nào.

Hai vợ chồng người chủ hàng cơm nguyên đến xứ nầy đã lâu, buôn bán làm ăn, trở nên giàu có, cách tiếp khách rất là bặc thiệp. Khi chủ hàng thấy Bạch Lan đến thăm thì chào mừng hỏi han niềm nở mà rằng:

"Chẳng hay quí tánh phương danh là gì? Lịnh tôn ông phó nhậm tỉnh nào? Nay bà định du lịch chỗ nào? Xin ngỏ lời cho biết?".

Bạch Lan – Cám ơn ông bà đã hỏi: tiện danh vốn gọi Bạch Lan, nguyện kết duyên với một người An Nam, trước có tùng chinh bên Pháp. Nay mãn hạn, chồng tôi phải về quê quán, nên tôi đem con qua đây là chủ ý đi tìm chồng tôi. Trong khi đất khách lạ lùng, có điều chi chưa biết, xin ông bà chỉ bảo, tôi rất cám ơn.

Chủ hàng vốn nòi ti tiện, nhờ sang buôn bán đã lâu, nhờ đồng bang chiếu cố, đã trở nên đại phú, nghiễm nhiên làm chủ nhơn ông, nên sinh lòng kiêu căng. Khi nghe Bạch Lan kể rõ sự tình thì lạnh lùng mà đáp:

Cám ơn bà đã cho tôi biết chủ ý của bà. Nhưng tôi xin thưa thiệt rằng: bà lầm rồi! tên lính kia là người hèn hạ quê mùa, có xứng đáng chi mà đi tìm kiếm cho người ta cười.

Bạch Lan nghe mấy lời, đã rõ thấu tâm can. Song cũng dằn lòng mà rằng: Tôn ông nói thế là sai, nước Pháp ta rất quý "Tự do bình đẳng", vả sự nhân quyền tùy ý mỗi người, giàu sang nghèo khó có phân biệt làm chi. Vả lại người ta có công với nước ta trong hồi chinh chiến, tôi có kết hôn với người ta cũng là xứng đáng, có điều gì mà ai cười cho được.

Chủ hàng thấy Bạch Lan nói quyết nhứt tâm, thì cũng không dám nói ra nói vào nữa, chỉ biên tên nàng vào sổ khách ở ngụ mà thôi.

Bạch Lan biết chủ hàng chỉ biết làm giàu, nên không thèm nhiều lời vô ích. Rồi đó, nàng tìm đến dinh chủ tỉnh để chào và hỏi thăm xứ sở của Tuấn Ngọc.

HỒI THỨ MƯỜI HAI

Bọn nham hiểm bày mưu ngăn tiết phụ
Kẻ gian tà lập chí cợt giai nhân

Khi Bạch Lan tới dinh, lính vào thông báo, quan Chủ tỉnh nghe nói người đàn bà Pháp, thì có lòng kính nể, hối lính mời vào. Bạch Lan chào quan Chủ tỉnh rồi bày tỏ họ tên rằng: Tôi quê ở tỉnh An Sắt, chồng tôi tên là Tuấn Ngọc vốn người Nam Việt, khi trước có tùng chinh ở nước ta. Đến khi mãn hạn tuân lịnh trở về nước, cậu ta có hứa với tôi rằng sẽ trở qua. Từ ấy đến nay đã gần nửa năm, trông đợi hoài không thấy, nên phải băng bộ đem con đi tìm, quê chồng tôi thuộc về tỉnh này, dám xin ngài ra ơn tư giấy về quê hỏi giùm tin tức, thì tôi cảm ơn ngài vạn bội.

Quan Chủ tỉnh vốn chức trọng quyền cao, tác oai tác phúc cho thiên hạ, trước cũng ngỡ nàng Bạch Lan vợ một vị quan nào, nên có lòng tức tối, ai đi một người đàn bà Pháp sánh đôi với một người bản xứ ti tiện như thế, thì còn chi là thể diện. Mới tìm lời ngăn trở rằng: Cô là con nhà danh giá, sao lại kết duyên với một người An Nam hèn mạt như thế, tưởng cũng quá đáng. Huống chi nay nó đã về xứ nó, cô còn tìm kiếm làm chi, cho người An Nam họ cười thì thất thể diện chúng ta lắm. Tôi khuyên cô nên thôi đi, và tôi sẽ cấp tiền tàu cho cô về nước nhà là hơn.

Bạch Lan – Thưa ngài là người học thức, há ngài chẳng biết nước Pháp ta rất trọng cái tình "nhân đạo"? Dầu trong năm châu sáu giống ai cũng là người, nếu đem lòng khinh khi sao cho phải. Huống chi trong luân lý thì dẫu nước nào cũng vậy, làm người phải ăn ở cho có cang thường luân lý, cho nên tôi sang đây tìm chồng

tôi, đó là nghĩa vụ của tôi. Lẽ nào thấy nghèo khó mà đổi lòng, thiết tưởng một người con gái nước Pháp biết ăn ở bổn phận, thì cũng vẻ vang cho nòi giống, có phải tôi đi ăn cắp ăn trộm của người ta đâu mà ngài cho là làm mất thể diện cho các ngài được?

Quan Chủ tỉnh thấy Bạch Lan nói mấy lời nhằm lý, thẹn thùng không biết nói làm sao cho nàng đổi ý, mới định đánh lừa nàng chờ ở đó, rồi kiếm thế ngăn trở không cho đi, lâu ắt ngã lòng trở về nước. Tính kế rồi mới bảo Bạch Lan rằng: nếu cô không bằng lòng thì tùy ý, tôi cũng xin vì cô mà tư giấy về làng dò hỏi. Cô cứ yên tâm chờ đợi, hễ được tin gì tôi sẽ trả lời cho cô hay.

Mấy lời nói ngọt ngào làm cho Bạch Lan ngỡ là thiệt, vội vàng cảm tạ rồi trở về nhà hàng để chờ tin tức.

Quan Chủ tỉnh thấy Bạch Lan đi rồi, mới cho mời ông Gia Bi, nguyên làm cảnh sát trưởng lại để thương nghị. Cách một chặp thấy ông Gia Bi đi xe máy tới. Hai bên bắt tay chào nhau rồi, quan Chủ tỉnh thuật lại chuyện nàng Bạch Lan tìm chồng cho Gia Bi nghe và rằng: Tôi đã hết sức khuyên ngăn đừng tìm nữa, mà nàng ấy không nghe, nên tôi định bàn với ông có cách gì để ngăn trở việc ấy đi, kẻo người An Nam họ chê cười xấu hổ lây đến chúng ta nữa.

Gia Bi nghe rõ đầu đuôi, ngẫm nghĩ giây lâu rồi nói. Việc ấy xin quan để mặc tôi, vì tôi sẽ làm hết sức giữ gìn và cấm không cho ai đem đàng dẫn lối cho nàng biết chỗ ở của Tuấn Ngọc. Như vậy lâu rồi nàng không tìm được ắt phải ngã lòng mà trở về Pháp, ngài nghĩ thế nào?

Chủ tỉnh – Kế ấy thật diệu xin ông cứ việc thi hành, tôi giao tùy ý ông làm sao, cho nó đừng gặp nhau thì thôi.

Bàn định xong ai lui về dinh nấy mà lo liệu. Bạch Lan ở dinh quan về, chứa chan hy vọng, vì chắc rằng quan Chủ tỉnh sẽ giúp cho mau tìm được Tuấn Ngọc, nên cứ yên lòng mà đợi tin tức. Ngồi buồn mới lấy đồ ra may vá và nói chuyện với Tuyết Mai. Bỗng nghe gõ cửa, Bạch Lan ngó ra thấy một người Pháp lùn béo bước vào chào nàng và xưng tên là Gia Bi, hiện đương làm Cảnh sát Trưởng đến thăm.

Bạch Lan lấy lễ mà tiếp. Trong khi nói chuyện đại khái là Gia Bi hỏi nàng sang có việc gì? Bạch Lan cứ thiệt mà nói sự mình sang tìm chồng là Tuấn Ngọc...

Hồi lâu Gia Bi lại hỏi: Tôi xem bà ở đây nhà hàng chộn rộn, lại thêm có cháu bé thì không được tiện lắm. Tôi ước ao mời bà sang tạm trú nhà tôi ít lâu mà chờ tin tức. Vả lại tôi ở đây đã lâu am thuộc hết phong thổ, vậy để tôi xin hết sức thăm dò để tìm chàng Tuấn Ngọc giúp bà vậy. Chẳng hay bà nghĩ thế nào!

Ghê thay cái mặt giả danh giả nghĩa. Cái miệng thơn thớt ngọt ngào, tử tế vờ của quân độc hiểm, làm cho nàng Bạch Lan chưa trải nhân tình thế thái, chưa biết cái bụng độc ác của họ, nên trước còn từ chối sau thấy nói khéo quá tưởng là thiệt bụng tử tế có thể nhờ anh ta giúp được cho mau biết tin Tuấn Ngọc, nên mới nhận lời, rồi đó tính trả tiền và sang nhà Gia Bi tạm trú; thiệt là:

Bể sâu còn có kẻ dò
Lòng người nham hiểm ai đo cho cùng!

Còn Gia Bi thấy mình đắc kế, lòng mừng hớn hở, mới lo sắp đặt mưu kế: dặn bảo lính tráng hễ ai thấy Bạch Lan hỏi hay là thuê xe đi tìm Tuấn Ngọc, thì không ai được chở thuê hay là chỉ lối đem đàng. Nếu ai không tuân lời thì trọng phạt, dặn đâu đó rồi lấy làm thỏa chí. Vì chắc là Bạch Lan không tài nào mà đi cho được, mà quả đào tiên kia không bén tay phàm, còn thiên hạ không ai dám khinh dễ chúng ta nữa. Mưu thần đã sắp, dạ quỉ lại toan, Gia Bi bỗng nghĩ liền rằng: À, ta xem dung nhan nàng ấy tuy không nghiêng nước nghiêng thành, song cũng dư phần nhan sắc, nay ta đang thiếu người nội trợ, nếu được cùng nàng gá nghĩa phu thê, tưởng cũng thỏa lòng ao ước. Chi bằng ta cố làm cho nàng xa lìa người chồng An Nam ấy đi, mà kết duyên với ta, thì trước là bỏ quân nô lệ ấy khỏi thất thể diện đồng bào ta, sau nữa được việc cho mình cũng là nên lắm. Song le chẳng nên tiết lộ vội, kẻo nàng sinh nghi mà lỡ việc. Kế đã định rồi, từ đó chiêu đãi Bạch Lan rất là tử tế, duy có một điều Bạch Lan hỏi đến chỗ ở của Tuấn Ngọc thì Gia Bi cứ lần lừa mãi: chưa hỏi được. Bạch Lan có ngờ đâu Gia Bi lòng muông dạ thú, kỳ thị kiêu căng, nên cứ an lòng mà chờ đợi.

Một bữa kia quan Chủ tỉnh đòi Bạch Lan tới bảo rằng: Tôi đã hỏi khắp nơi rồi mà không ai biết cả, có lẽ Tuấn Ngọc lưu lạc xứ nào rồi, cố chờ đợi cũng vô ích, chi bằng cô trở về xứ sở là hơn.

Bạch Lan – Thưa quan, có lẽ người ta chưa tìm kỹ đó thôi, chớ chồng tôi quê ở tỉnh nầy, vì trước tôi có bắt được một cái thơ ngoài phong bì có đề chỗ rõ ràng, lẽ nào lầm được.

Chủ tỉnh – Người ta đã xem xét kỹ càng rồi mới trả lời cho cô như thế, nếu nàng không tin thì thôi, tôi cũng không biết làm thế nào được.

Bạch Lan – Thưa ngài, nếu ngài không thể nào giúp tôi được, thì xin để cho tôi tự do đi tìm lấy, khỏi phải phiền ngài và mất công chờ đợi.

Chủ tỉnh tưởng là nói gạt cho nàng ngã lòng mà thôi đi, ai ngờ nàng lại đòi đi tìm lấy, thì vội vàng ngăn rằng: không được đâu! Vì ở đây còn khá chứ ở thôn quê rất nhiều trộm cướp, vả lại đàng sá không thể nào đi xe được, thôi nàng hẵng bằng lòng chờ đó để tôi hỏi lại cho.

Bạch Lan thấy nói vậy cũng không biết nên thế nào, ngậm ngùi than thở. Từ khi ta đến đây xem ý người đồng bang ai cũng có phản đối việc của ta. Lạ thay! Tấm lòng kiêu căng của họ, có phải là bây giờ ta mới biết đâu, khi trước cậu Tuấn Ngọc có nói với ta rồi, nay họ có dèm pha cho mấy đi nữa, thì ta cũng không tin, vì chán biết cái dã tâm của họ rồi. Ôi! Ta băng ngàn vượt bể đến đây cũng tưởng tìm được chồng ta, ai ngờ gặp những kẻ làm ngăn trở như vầy: trách bấy cao xanh sao độc địa khéo trêu dệt ra chi cái chữ tình? Hay bởi tạo vật đố hồng nhan, khiến cho ta nhiều cay đắng. Mãi còn than thở, xe phút đã đến nhà, thì thấy Gia Bi đứng chờ, khi thấy Bạch Lan thì vội vã hỏi rằng:

– Chẳng hay quan Chủ tỉnh ngài dạy thế nào? Có được tin chi chưa?

Bạch Lan. – Quan Chủ tỉnh cho hay rằng: người ta trả lời rằng không có ai tên là Tuấn Ngọc ở tỉnh này cả. Tôi có xin phép ngài cho tôi tự do đi tìm lấy, thì ngài không bằng lòng và bảo là đường xa mà lại nhiều trộm cướp lắm, chẳng hay có cách nào đi lại được xin tôn ông làm ơn bảo cho tôi biết.

Gia Bi biết là quan Chủ tỉnh bày ra, vì hai đàng đã mưu với nhau rồi, nên khi thấy Bạch Lan hỏi, cũng nói thêm rằng: quan Chủ tỉnh nói thiệt đó, vì từ đây về nhà quê không có xe cộ chi, phần lại trộm cắp nhiều lắm, cô đi một mình sao được. Vả lại mấy hôm nay tôi và quan Chủ tỉnh hết sức tìm hỏi mà không có ai có tên Tuấn Ngọc cả, cho nên việc đi tìm tưởng không có hy vọng gì cho gặp nữa. Nay tôi có đôi lời thành thiệt bày tỏ cùng cô, xin cô nghĩ lại mà gác bỏ chuyện ấy đi. Vì tên Tuấn Ngọc kia là kẻ nghèo khổ quê mùa, thân thế chẳng khác tên cu ly kéo xe, còn cô là con nhà khuê các, sinh ở nước làm chủ tể họ là nước Pháp, lại hạ giá đi sánh đôi với một người Nam Việt như thế, thì hổ thẹn biết chừng nào, nên cô cho lời tôi nói là phải, mà chưa muốn về nước, thì ở đây thiếu chi người lương cao lộc hậu, chức trọng quyền cao, có kết duyên với họ mới là xứng đáng. Vì là vàng tìm vàng làm bạn, ngọc kiếm ngọc vầy duyên. Nếu cô bằng lòng thì tôi... nói đến đây lại chúm chiếm cười nói tiếp rằng: thì tôi xin vì cô mà kén hộ một người giai tế, cô nghĩ sao? Gia Bi cũng ngỡ đem lời chuốt ngọt làm xiêu động lòng vàng. Ai ngờ Bạch Lan nghe rõ bỗng nổi giận bừng bừng mắng rằng:

Bấy lâu tôi lầm tưởng anh có lòng tốt bây giờ mới rõ cái dã tâm anh toan đem ba tấc lưỡi làm cho người trái nghĩa cang thường, mong thỏa tấm lòng dục vọng, nói thiệt cho anh biết, tôi đây nào phải như ai tham vàng bỏ nghĩa, mà quyết tâm tìm cho được chồng tôi, dầu cho vật đổi sao dời, cũng không thay đổi tấm lòng. Còn các anh giả ngoan lừa dối thì sung sướng lấy thân, chứ đừng đem cái mồi phú quí ấy làm rác tai tôi, thôi từ đây tôi không thèm cậy nhờ anh nữa. Mấy lời nghiêm chánh làm cho kẻ đeo mặt nạ kia phải hổ thẹn vô cùng đành ngậm miệng không lời đối đáp.

Bạch Lan mắng Gia Bi rồi tức khắc dọn ra ngoài ở Hotel. Vì biết rằng người đồng bang xem ra ai cũng có lòng ghen ghét kiêu căng, khó lòng trông cậy được, chi bằng cố công tìm lấy, quyết cho tới chỗ quê chàng mới thôi. Lẽ nào thấy họ ngăn trở mà nản lòng, kìa như sa mạc Sahara người ta đi còn thấu, nguy hiểm như Bắc Băng Dương mà họ còn thám hiểm tới nơi, huống hồ chi một giải đất Việt Nam mà ta không tìm thấy người yêu hay sao? Nghĩ như thế trong lòng dường như có hy vọng mới định hỏi thăm người bản xứ cho biết đường đi nước bước thế nào, xa hay gần rồi đi cho thấu.

Nói về Gia Bi từ khi Bạch Lan giảng cho mấy câu luân lý, thì lòng thêm hiềm ghét, quyết lòng ngăn cấm nên mới dở thủ đoạn áp chế ra sai hai tên lính cảnh sát đi theo, hễ thấy Bạch Lan đi thì theo gìn giữ, và cấm không cho ai chỉ vẽ lối đường, hoặc xe nào kéo thuê thì bắt phạt, cố tình ngăn cấm không cho Bạch Lan ra khỏi địa phận ấy. Thương thay! Bạch Lan, đất nước lạ lùng, quê người bỡ ngỡ, khi không bị người ta giam lỏng, bước đi một bước có người theo canh giữ, hỏi không ai dám nói, thuê xe chẳng ai đi, nói ít ai hiểu, thành thử cứ quanh quẩn hoài ở thành phố, cũng không biết làm sao cho được. Ôi! Cường quyền áp chế không biết đến đâu? Dẫu cho bậc anh tài cũng phải bó tay, huống chi tấm thân nhi nữ biết làm sao đặng!

HỒI THỨ MƯỜI BA

Mượn xe kéo cô Tư giúp công
Đội lốt dê chàng Dương phải mắng.

Đất khách quê người, một thân gái trẻ, tay bồng con nọ bụng lại hoài thai, lần bước chông gai, biết ai thăm hỏi, bóng chim tăm cá vời vợi phương trời. Than ôi! Bốn bề phong cảnh, non nước Lạc Hồng, một tấc lòng son trăm chiều bối rối, khi thì buồn thảm, lúc thì sầu ưu, lòng riêng chán thế, tình nọ thương người, sầu mấy trăm mối, bời bời ngổn ngang! Bạch Lan để con là Tuyết Mai ngồi trong một cái xe nhỏ hằng ngày đi đâu thì dắt theo, thơ thẩn tìm chồng, tình cảnh rất đáng thương, khiến cho ai xem thấy và biết rõ tâm sự Bạch Lan thì cũng ái ngại, và ngợi khen là người tiết nghĩa, cho nên có nhiều người muốn xem cho biết mặt, mỗi khi đi ra ngoài thiên hạ theo coi như đám hội, có người thấy Tuyết Mai thì thương đem cho bánh trái luôn. Việc nàng tìm chồng đồn dậy trong thành phố, vì ai nghe nói một người đàn bà ngoại quốc mà chung tình với một người Nam Việt như thế, thật là trong đời ít có. Khi ấy có một cô kia biệt danh là Tư Hiệp, cô nên tính thùy mị, chữ nghĩa cũng thông, lại có lòng trọng nghĩa khinh tài, hay quí người có tài có hạnh. Cô Tư Hiệp nghe chuyện Bạch Lan trong lòng

ái mộ, mới tìm tới nhà hàng làm quen với Bạch Lan. Cho hay "bình thủy tương phùng" nàng Bạch Lan đối với người An Nam có cảm tình đặc biệt. Nay thấy Tư Hiệp, thì ý hiệp tâm đầu càng thêm thân thiết, thường khi hai người cùng nhau đàm luận, Tư Hiệp nhơn dịp kiếm lời hỏi thử Bạch Lan rằng:

Cô là người tài sắc, lại dòng giỏi trâm anh, ở bên quí quốc thiếu chi nơi gác tía lầu hồng, gieo lá đề thơ, mong cầu người ngọc, sao cứ lại làm bạn với một người tầm thường ở nước tôi vậy?

Bạch Lan – Cám ơn cô đã hỏi, dám giấu chi cô, việc nhơn duyên do tại trời, trước kia cũng nhiều nơi phú quí, rắp ranh bắn sẻ, ngấp nghé đề thơ, mà em không đành, vì em nghĩ: việc lứa đôi trọng ở đức hạnh, chớ không quí ở tiền tài, cho nên em không khứng trao duyên cùng phường tục tử, duyên trời đưa lại, vả cậu Tuấn Ngọc là người nghĩa hiệp có cứu tử cho em, cha mẹ em thấy vậy mới chọn làm giai tế, sự nhơn duyên cũng bởi tiền định mà nên vậy.

Tư Hiệp lại nói: Trước kia còn bên quí quốc thì chẳng nói làm chi, chớ nay cậu Tuấn Ngọc đã về quê nhà, thì công việc nông trang cày cấy, làm ăn vất vả, phần thì nghèo, nhà tranh vách đất, thức khuya dậy sớm, mà có sang đây giả như tìm được cậu ấy rồi, thì cái cảnh huống ấy, cô chịu làm sao cho đặng?

Bạch Lan – trước kia chồng tôi cũng có thú thiệt với tôi rằng: nhà vốn hàn vi, nhưng tôi cũng nghĩ người ta sinh ra ở đời mỗi người phải làm một việc, kẻ cày ruộng, người đi học, kẻ làm thợ, người đi buôn, nghề gì cũng hữu ích cho đời cả, quí hồ mình biết quí cái nghề của mình và làm hết phận sự là hơn, huống chi vợ chồng là ngãi tào khang, dầu cho có nghèo khó cho mấy đi nữa, tôi cũng không dám đem lòng phụ bạc.

Tư Hiệp nghe mấy lời vàng đá, càng thêm quí trọng mười phần, từ ấy giao tình càng mặn, thường lui tới chơi bời rất nên thân thiết.

Đây nói trong thành phố đó có một chàng tên Hồ Đại Dương, vào bực phong lưu giàu có cửa cao nhà rộng, nhưng phẩm hạnh chẳng ra gì, văn dốt võ nhát, nhờ vận may lại khéo luồn lọt, nên cũng dự phần danh vọng. Anh ta có tính hiếu sắc nhà đã mấy vợ

mà lòng chưa chán, ngày ngày tầm hoa hỏi liễu, hễ thấy người nào có nhan sắc thì bất cứ vợ con ai cũng buông lời trăng gió, đem thói nguyệt hoa mà quyến rũ, hoặc len lỏi cầu thân, rồi thừa dịp thả giọng kèn tiếng quyển mà trộm ngọc cắp hương, nhiều người lầm quá tin anh ta mà gia đình bại hoại, trai bỏ vợ, gái bỏ chồng, làm hư phong hóa, kẻ thức giả cho anh ta là một tội nhơn trong danh giáo. Ấy vậy căn tính là thế, mà câu chuyện nàng Bạch Lan tìm chồng lọt đến tai chàng Hồ Đại Dương bỗng đem lòng ước, muốn đến động đào mà xem mặt ngọc, một bữa chiều kia bóng tà dương còn thấp thoáng, mảnh kim ô đã xế non tây, chàng Đại Dương đi làm về, tình cờ gặp Bạch Lan tay đẩy xe Tuyết Mai đi thơ thẩn ngoài phố, phía sau có hai tên lính đi theo coi chừng, Đại Dương liếc thấy lòng mừng khấp khởi, bằng lân la mò đến làm quen. Nguyên Bạch Lan thường hay làm quen với người An Nam để họa may thăm dò tin tức của Tuấn Ngọc, nên khi thấy Đại Dương chào mình thì cũng ân cần đáp lễ và hỏi: "Chẳng hay quí tính đại danh. Xin ngài cho biết để tiện bề thưa gởi".

Đại Dương nghe hỏi, lòng mừng chi xiết, ngờ là tấm lòng thục nữ cũng xiêu anh hùng, vội vàng đáp rằng: Tiện danh là Hồ Đại Dương nhà vốn phú gia, ơn vua lộc nước, phận hèn cũng dự bực y quan, đã lâu nay nghe tiếng, hôm nay mới được thừa nhan, thật là hân hạnh.

Bạch Lan – Tôn ông dạy quá lời, gái hèn này làm gì đáng cho người hân hạnh. Tôi sang đây chủ ý tìm chồng tôi là Tuấn Ngọc. Nhưng lạ lùng bỡ ngỡ nên còn nấn ná đợi tin, nếu tôn ông có biết xin làm ơn chỉ bảo?

Đại Dương – Ngỡ là ai, chớ anh Tuấn Ngọc với tôi là chỗ anh em bạn hữu, quen nhau từ thuở còn đi học, cho nên tôi biết quê chỗ nhà anh ấy cách đây xa lắm. Thôi chị đừng đi làm chi, để tôi cho gọi anh ấy ra đây cho vợ chồng gặp nhau thì hơn.

Bạch Lan nghe nói mừng quá, vội vã cảm ơn rằng: tôn ông nghĩ tình bằng hữu mà giúp cho vợ chồng tôi được gặp nhau thì ơn ấy xin nguyện có ngày báo đáp.

Đại Dương vốn nói gạt nàng, ai ngờ nàng tin mà cảm tạ, cho nên lấy làm đắc ý vô cùng. Còn đương nói chuyện thì mặt trời gác

núi, bóng hoàng hôn như giục khách lui chun, Bạch Lan vội tạ từ đem Tuyết Mai về nhà trọ.

Hồ Đại Dương ngơ ngẩn đứng chờ cho nàng đi khuất, rồi mới chịu đi lên xe về nhà, trong lòng nghĩ ngợi rằng: Ta nói dối cho nàng tin đó thôi, hơi đâu mà cho người tìm kiếm Tuấn Ngọc làm chi cho mệt. Vả ta xem nàng ấy nhan sắc mặn mà, ước chi nàng chịu cùng ta kết tóc thì hay quá. Ừ, nghĩ như người ta giàu có làm vậy, nếu được người đẩm như măng ấy làm vợ cũng thỏa một đời, chi bằng ta dỗ nàng theo ta chắc có lẽ được. Suy như tên Tuấn Ngọc kia bần tiện như rứa mà nàng không chê thay, huống nữa ta giàu có sang trọng như vầy, lẽ nào nàng lại không ưng. Thôi để mai ta kiếm lời ướm thử xem ra sao.

Gió thổi bên mành, đầy thềm hoa rụng, trước song vò võ một mẹ một con, Bạch Lan ngồi buồn lấy kim chỉ ra khâu vá, còn Tuyết Mai ngồi bên cạnh soạn đồ ra chơi, thỉnh thoảng lại thỏ thẻ nói chuyện, hỏi hết cái này đến món khác. Mẹ con đương nói chuyện bỗng thấy Đại Dương mở cửa bước vào, xem ra y phục bảnh bao, mày râu chải chuốt, tay cầm hộp kẹo đưa cho Tuyết Mai cười nói ngọt ngào, mắt liếc đưa đẩy, Bạch Lan vô tình vì không ngờ bạn thân của Tuấn Ngọc, lẽ nào lại bụng dạ lang tâm, nên thấy Đại Dương thì vội hỏi. Chẳng hay quí hữu đã cho đi tìm cậu Tuấn Ngọc hay chưa?

Đại Dương nói dối rằng: Tôi đã cho người đi tìm ngay mà không có; hỏi thăm người ta nói rằng: Anh ấy từ khi đi Tây về được vài tháng rồi đi đâu không biết, nên tôi nói lại cho cô hay, vừa nói vừa cười rồi tiếp thêm rằng: Tung tích anh Tuấn Ngọc, thì tuyệt mù chẳng biết ở đâu, cô chờ đợi như vầy, có khác chi sao hôm chờ đợi sao mai, biết bao giờ cho gặp. Thương thay cho cô đầu xanh tuổi trẻ thiệt phận phòng không, chi bằng kiếm nơi khác trao thân, bên An Nam tôi đây không thiếu chi người xứng đáng. Chẳng dám giấu chi cô, từ khi trộm thấy dung nhan, bỗng đem lòng yêu mến, nếu đài gương soi đến, thì hạnh phúc nào bằng, nếu cô chẳng chê thì tấm lòng tôi xin hiến làm kỷ vật, xin cô vui lòng nhận cho.

Đại Dương còn đang toan tính, thì Bạch Lan đỏ mặt phừng phừng mà mắng rằng: Tôi tưởng anh là anh em bạn của chồng tôi,

nên chẳng đem lòng nghi ky. Nào hay anh lang tâm cẩu hạnh, dám đem lời ong bướm chực quyến dủ vợ bạn, làm người mà ăn ở không luân thường đạo lý, thì có thua chi loài cầm thú. Anh tự vấn tâm xem có đáng hổ thẹn không? Ấy cũng may là tôi không thèm những lời bất chính ấy, giá phải đàn bà khác, chi cho khỏi cái giọng ong ve của anh mà nhơ danh thất tiết. Tôi không phải hạng người đó, anh đừng có mang cái mặt vô liêm sỉ ấy tới mà làm trái mắt tôi nữa.

Hồ Đại Dương bị giảng đạo đức một hồi xấu hổ không biết nói thế nào, cắm mặt đi về một bước, từ đó không dám tới nữa.

Bạch Lan cự tuyệt Đại Dương rồi, hằng ngày tới dinh quan hỏi thăm, thì quan trả lời chưa thấy. Sau nàng khóc lóc xin quan để cho tự đi tìm lấy một mình, thì quan cũng không cho mà kiếm lời nói khéo để gàn trở. Thương thay! Nắng chẳng thương hoa, mây không tiếc nguyệt, sông mê bến nghiệt chìm nổi khách thuyền quyên, nàng Bạch Lan muốn đi mà không thoát, đành phải ở đó mà chờ, chẳng khác chi người bị giam lỏng vậy.

Ngày kia Tư Hiệp đến chơi. Bạch Lan mới than thở nỗi niềm hoạn nạn. Tư Hiệp nghe nói cũng động lòng rơi lụy, hồi lâu Tư Hiệp bỗng nghĩ được một kế bèn nói với Bạch Lan rằng:

Tôi thấy cô một lòng tiết nghĩa, mà phải nông nỗi ức hiếp làm vậy, nên tôi thương lắm. Vậy tôi có một kế này xin biếu cô, dầu cho ai có biết được thì tôi cũng cam chịu, miễn là giúp cô cho khỏi hang hùm mà vợ chồng gặp nhau thì thôi. Bạch Lan vội hỏi kế ấy thế nào?

Tư Hiệp nói nhỏ rằng: để tôi về thuê cho cô một chiếc xe cao su và dặn họ đến mai đem xe tới đây cho sớm, trước khi mấy người lính ấy chưa đến, rồi cô lén ra lên xe đi thẳng vào xứ Tam Kỳ mà tìm cậu Tuấn Ngọc. Cô đi khỏi rồi sau họ có biết cũng không làm chi được, nếu cô bằng lòng xin thu xếp sẵn mà đợi, tôi về thuê xe, tiền phí tốn tôi xin chịu.

Bạch Lan mừng nói: cám ơn cô có lòng thương, bày mưu giúp lại chịu tiền phí tổn cho nữa, thiệt là hảo tâm ít người có, vậy em xin y kế của cô mà đi, sau nầy chúng em gặp nhau, thì ơn cô em kết cỏ ngậm vành, không khi nào dám quên.

Tư Hiệp nói: Tình bầu bạn với nhau, chút ơn nhỏ mọn có đáng kể chi. Xin cô kịp lo sửa soạn, để tôi về thuê xe đem đến, cô phải

giữ gìn đừng tiết lộ với ai mà hỏng việc, chị em ta sau nầy còn gặp nhau, dặn dò rồi cáo từ.

Tư Hiệp đi rồi, Bạch Lan ngẫm nghĩ khen thầm rằng: ai bảo người An Nam là dã man, từ suy nghĩ như cô Tư Hiệp kia, tấm lòng tốt đã mấy kẻ dám bì, khen rồi lo sửa soạn sẵn mà chờ.

Nói về Tư Hiệp, về đến nhà cho người đi hỏi thuê một chiếc xe cao su đi xứ Tam Kỳ, giá cả yên rồi. Tư Hiệp dặn tên kéo xe đem đến chực tại hàng cho sớm, hễ thấy Bạch Lan lên xe thì đưa nàng tới Tam Kỳ. Ai ngờ việc ấy lộ ra bị Hồ Đại Dương nghe được. Hồ Đại Dương từ khi bị Bạch Lan sỉ nhục ở trong lòng vừa tức vừa thẹn, song không biết làm sao trả thù cho bõ, nay tình cờ biết việc Bạch Lan đi, bụng nghĩ thầm lập tâm đi mách việc ấy với Gia Bi, để cho Bạch Lan bị ngăn lại cho bỏ ghét. Nghĩ đoạn hối kéo xe lại nhà Gia Bi mách việc ấy, Gia Bi nghe được lật đật biểu lính sáng mai đến cho thiệt sớm, hễ thấy Bạch Lan đi thì giữ lại, nếu cái xe nào không tuân lịnh thì bắt phạt.

Bạch Lan ở nhà hàng không hay biết chi hết, cứ y lời Tư Hiệp. Nên sáng bữa sau đồng hồ vừa đánh năm tiếng, Bạch Lan dắt Tuyết Mai tay cầm va li ra cửa, thấy xe chực sẵn, vừa toan bước lên thì có 2 tên lính và một người đội ngăn lại rằng: có lịnh quan không cho cô được đi đâu.

Bạch Lan tức giận cự lại rằng: Tôi vốn là người vô tội, đi đâu ai ngăn cấm được tôi. Vả trước khi qua đây tôi có xin phép quan Giám Quốc rồi, tôi đi đâu quyền tự do của tôi, tôi có tội chi mà quan ngăn trở tôi, không cho tôi đi là ý làm sao?

Tên đội nói: – Chúng tôi phận làm tôi tớ, như thiên lôi sai đâu đánh đó, vì có lịnh quan dạy chúng tôi phải làm như vậy.

Bạch Lan không nghe vừa toan bước lên xe đi, tên đội kia thấy thế không biết làm sao mới dở thủ đoạn nạt lẫn nhau mà dọa tên cu li xe rằng: nếu ông không nghe mà chở cô đi, thì ông Gia Bi sẽ bỏ tù, rồi anh đừng trách tôi!

Tên kéo xe nghe nói hết vía quày xe lại không dám đi nữa, Bạch Lan lấy làm ngạc nhiên cho tư cách của những người ấy và mới biết cường quyền hiếp công lý thế, đành quay trở lại nhà hàng vậy.

HỒI THỨ MƯỜI BỐN

Trong lữ quán than thân bạc mạnh
Giữa công đường quyết chí quyên sinh

Bạch Lan từ khi phải lính cản trở, trở lại nhà hàng thì biết bao sầu tủi, thầm nghĩ: ta băng ngàn lặn lội, bao quản gian nan, để tìm chồng ta, ai ngờ đến đây lại bị người ta cản trở như vầy. Giận thay cho quân tàn bạo, chẳng chút lương tâm, nghĩ như gã Gia Bi kia nhờ sang đây, coi thiên hạ như rác, sao nó không biết nghĩ mà khinh thị chồng ta, cho rằng ta kết duyên với người An Nam là xấu hổ. Ôi nhơn đạo! Ôi Công lý! Thiên hạ cũng chẳng kể chi! Thương thay cho ta chút thân lưu lạc chìm nổi phong trần, xa trông non nước biết đâu tìm thấy bóng hương quan! Nếu bây giờ ta trở về thì uổng công khó nhọc bấy lâu, còn như ở lại thì họ giam lỏng như vầy cũng không được ích chi. Tới lui hai ngã khó phân, âu chi nữa ngày mai ta đến dinh quan, kêu sao cho được tự do, bèn như quan chủ tỉnh quyết tình ức chế, chẳng chịu nghe, thì chi ta liều một thác cho xong, linh hồn ta nguyện theo chồng cho thỏa. Nghĩ lại cha mẹ từ ngày xa cách, việc thần hôn cam lỗi đạo hằng. Cha mẹ ôi! Con nay gặp phải cảnh nầy đành là phụ ơn cúc dục, cướp công sinh thành:

Đoái trông muôn dặm tử phần
Hồn quê treo ngọn mây Tần xa xa.

Sáng bữa sau kim đồng hồ chỉ chín giờ, quan chủ tỉnh đang ngồi tựa án xem các giấy má đơn từ. Bạch Lan xin vào yết kiến, quan mời ngồi rồi hỏi cô định hôm nào về Pháp?

Bạch Lan – Thưa ngài nếu tôi chưa gặp chồng tôi thì tôi chưa có thể về được.

Chủ tỉnh – Tôi đã cho hỏi khắp các nơi mà cũng không ai biết, tưởng có lẽ Tuấn Ngọc đã bỏ xứ mà đi mất rồi, cô chờ đợi uổng công, chi bằng trở về nước nhà cho xong. Nếu cô không nghe lời, thì tôi có thể cưỡng bách cô phải tuân lịnh, vì chiếu theo phép luật thì tên ấy không có phép kết hôn với cô, mà tôi có thể bắt cô phải về Pháp.

– Đi hay ở là quyền tự do của tôi. Vả trước khi tôi sang đây tôi có xin phép quan Giám Quốc và có giấy thông hành tử tế, không ai có thể cưỡng bách tôi được. Còn như quan bảo tôi không có phép kết hôn với Tuấn Ngọc, thế thì các ông lấy vợ An Nam, thì có luật pháp nào cấm?

Chủ tỉnh nghe nói nghẹn họng. Song cũng gượng trả lời rằng: pháp luật mỗi xứ mỗi khác, cho nên ở đây thi hành một luật riêng, không có thể đem so sánh được.

Dầu cho luật pháp nào chăng nữa, thì vợ chồng có cưới xin tử tế, vả sự kết hôn là tùy ý riêng của mỗi người, trừ ra khi nào có sự ly dị, thì pháp luật không có thể can thiệp mà ngăn cấm ai. Theo lẽ công bình thì quan phải để cho tôi tự do đi đâu thì đi, lẽ nào quan lại cho ông Gia Bi sai lính theo gìn giữ, tôi có phải là người phạm tội đâu, mà quan ức hiếp như vậy?

Vì ông Gia Bi sợ cô làm bạn với người An Nam thì xấu hổ nên phải cho người đi coi chừng đó thôi.

Thưa ngài, người An Nam tuy là khác giống với ta, nhưng cũng là người có văn hiến, có lễ nghi, lại có công giúp nước ta trong hồi nguy biến. Tôi quí trọng họ cũng là phải, sao gọi là xấu hổ được? Vả mẹ con tôi từ quê nhà sang, phí tổn mất bao nhiêu tiền của, và cực khổ xiết chi, cũng mong cho vợ gặp chồng, cha gặp con, ai ngờ đến đây quan lại lấy cường quyền mà hiếp đáp, cố tình làm cho chúng tôi phải trở về như vầy, thì ức tình quá. Thà rằng tôi một thác cho xong, sống làm chi thêm khổ!

Bạch Lan miệng nói tay lấy khẩu súng lục ra, toan liều một thác cho khỏi cường quyền, làm cho quan Chủ tỉnh cả kinh thất sắc, vội vàng giựt lấy súng và khuyên giải rằng: xin nàng cứ yên tâm để tôi vì nàng mà hỏi lại trong vài bữa nữa sẽ hay.

Khi ấy trong tòa nhà có ông Hoàng Trung Trực, thấy sự ức hiếp thì bất bình, hôm ấy thấy nàng Bạch Lan đòi tự tử, ông khen là người tiết nghĩa ít có, nên ông đem lời can gián và khuyên quan Chủ tỉnh ra ơn tư giấy về làng đòi Tuấn Ngọc ra cho nàng vợ chồng gặp nhau kẻo tội nghiệp.

Chủ tỉnh còn dùng dằng chưa quyết, vì sợ mất lòng ông Gia Bi, và sợ người An Nam thấy đàn bà Pháp như vậy thì chê cười chăng?

Ông Hoàng Trung Trực thấy quan tỉnh hiểu nhầm như thế nên cắt nghĩa rằng: người An Nam tôi thấy đàn bà quí quốc ở thủy chung như vậy, thì ngợi khen lắm, khi nào lại cười chê mà ngài sợ.

Chủ tỉnh thấy tiếng Hoàng nói có lý, phần thì thấy Bạch Lan khóc than thảm thiết. Lạ thay! Tấm lòng sắt đá như quan Chủ tỉnh cũng phải động lòng, xưa nàng Đỗ Khương[1] khóc mà chuyển, huống nữa làm người như quan Chủ tỉnh lẽ nào đang tâm không thương người đồng xứ?

Quan Chủ tỉnh suy đi nghĩ lại không có thể làm trái lẽ công bình cho được, đành phải tư giấy về làng đòi Tuấn Ngọc phải ra hầu quan lập tức.

Nói về Bạch Lan giữa công đường đòi tự tử, sau thấy quan Chủ tỉnh khuyên can và tư giấy về xứ đòi Tuấn Ngọc ra, cho nên nàng cũng đành lấp thẩm quạt sầu mà chờ xem lời hứa của quan có công hiệu hay chăng.

Cách vài ba bữa chi quan Chủ tỉnh cho cầm tới một cái giấy, Bạch Lan mở ra đọc như vầy:

Cô Bạch Lan,

Tôi đã tư giấy về làng đòi Tuấn Ngọc,
Nay chàng đã đến, cô nên đến mà thăm.

Ký tên Chủ tỉnh

Xem hết mấy câu bất giác mừng quá vội vàng khoác áo ra đi tới dinh quan, nàng có ý nhìn trước xem sau không thấy Tuấn Ngọc đâu cả, lại thấy lão Gia Bi đến đây, Bạch Lan có ý nghi là quan Chủ tỉnh và Gia Bi bày ra để đánh lừa nàng, bèn hỏi lại quan xem sự thể làm sao?

Chủ tỉnh liền biểu người ra gọi Tuấn Ngọc vào, khi chàng vào đến nơi nàng Bạch Lan nhìn lại quả nhiên không phải Tuấn Ngọc

---

1. Xưa Hồ Quý Ly sai chồng nàng Đỗ Khương đi coi đắp thành quá hạn không xong. Hồ Quý Ly đem chôn sống chồng nàng dưới chưn thành, nàng Đỗ Khương được tin tới thăm khóc than rồi đập đầu vào tảng đá bên thành mà chết, tấm đá ấy bèn lõm xuống in như hình cái đầu nàng và tay, đến nay vẫn còn, người ta gọi là đá nàng Khương.

liền trình lại cho quan Chủ tỉnh biết: quan Chủ tỉnh lấy làm ngạc nhiên bèn hỏi lại người ấy có phải Tuấn Ngọc không?

Người ấy thưa rằng: Tôi tên là Nguyễn Minh Châu anh của Nguyễn Tuấn Ngọc, nhơn vì em tôi đi khỏi, mà có lịnh quan đòi nên làng bắt tôi phải ra hầu thế. Chẳng hay quan lớn đòi chúng con có chi dạy bảo?

Khi đó quan Chủ tỉnh và Bạch Lan mới biết là không phải thật, quan Chủ tỉnh bèn giới thiệu Bạch Lan với Minh Châu rằng: người này là vợ Tuấn Ngọc ở bên Pháp qua tìm chồng, vậy thì anh nên vô nói lại và biểu Tuấn Ngọc mau mau ra thăm kẻo nàng chờ đợi.

Bạch Lan biết là anh Tuấn Ngọc, nên cũng mừng rỡ hỏi han, xem Tuấn Ngọc đi đâu và có việc chi nên vắng nhà làm vậy?

Minh Châu trước còn chưa hiểu việc chi nên áy náy chẳng yên, sau hiểu rõ đầu đuôi và nàng Bạch Lan là em dâu mình, thì bỗng vui mừng mà rằng: Em tôi từ khi ở Tây về thường buồn rầu vì nỗi tào khang không trọn đạo, nó đã tìm hết cách trở qua nhưng không được, nhơn gặp anh em rủ đi buôn nên em tôi hùn vốn với họ, trong ít bữa nữa nó trở về mà hay tin em qua đây ắt là phải đến, xin cứ an tâm.

Câu chuyện chưa dứt, và nàng Bạch Lan chưa kịp nói chi. Bỗng thấy Gia Bi lại gần Minh Châu tay chỉ vào áo mà nói rằng: nút này ở đâu, mầy làm gì có?

Ai nấy nghe Gia Bi nói đều nhìn lại thì ra Minh Châu mặc áo có tra bộ nút lính. Còn Minh Châu thấy hỏi trả lời ngay; ngày trước tôi có đi lính mộ, khi mãn hạn về còn sót bộ nút này, tôi lấy tra áo mặc để làm dấu tích.

Gia Bi sẵn lòng hiềm ghét, vì trước đã thiên phương bách kế, làm ngăn trở không cho Bạch Lan gặp Tuấn Ngọc, mà uổng công vô ích, vì thấy Minh Châu gặp Bạch Lan lại nhận làm anh em thì càng thêm tức tối, nên vạch lá tìm sâu kiếm chuyện phạt chơi cho bõ ghét, bèn khép Minh Châu vào tội giả mạo, rồi cho lính bắt Minh Châu giam vào ngục. Thương thay Minh Châu ách giữa đàng mang vào cổ, khi không mắc phải lao tù không biết kêu vào đâu cho được.

Bạch Lan thấy vậy xót thương, bèn năn nỉ với Gia Bi xin tha cho Minh Châu, nhưng lòng độc ác của Gia Bi khi nào chịu nghe, rồi cứ y lời đem giam Minh Châu mất tám ngày tù mới tha ra.

Bạch Lan thấy sự thế như vậy đành phải gạt nước mắt xót thầm. Rồi nàng cố nài xin quan đánh giấy cho gọi Tuấn Ngọc ra, quan Chủ tỉnh biết thế không giấu được đành phải tư giấy về một lần nữa mà đòi Tuấn Ngọc ra.

Đây nhắc lại từ khi Tuấn Ngọc gởi thơ cho Bạch Lan rồi, mối sầu càng dập càng phiền thường than thở rằng: bước đường hai ngả nó làm cho hai ta ngàn trùng cách trở muôn dặm xa xuôi, thế mới biết biệt ly là một gánh sầu khôn tả xiết. Nhưng xét kỹ ra thì người đời phải có hiệp tan, tan hiệp là lẽ thường, huống chi ta sinh ra ở thời buổi nầy ơn nhà nước nghĩa vụ còn nhiều, vậy thì phải lo làm sao cho kịp người, kẻo mang tiếng là ăn hại xã hội. Ở thế kỷ thứ hai mươi nầy thì sĩ nông công thương thảy đều trọng cả. Thôi chừ ta văn không hay, võ không thành, âu là xây qua nghề thiệt nghiệp, họa may có ngày phấn chấn, rồi ta lo kinh doanh cho lớn, trước là giúp ích cho đời, sau nữa cũng nở mặt râu mày với thiên hạ. Còn Bạch Lan nếu phải là người son sắt, thì ta rước nàng về nước cùng nhau sum hiệp bách niên, để đáp chút tình ân ái. Nghĩ vậy Tuấn Ngọc mới quyết chí rủ anh em bạn hùn vốn để sang tỉnh khác mua đồ về buôn bán, Tuấn Ngọc gom tiền bạc, nhưng chẳng được bao nhiêu, sau nhớ lại trước ở bên Tây có mua một cái phiếu quốc trái vô danh mất 50 quan góp làm 25 tháng. Nguyên lúc đó Tuấn Ngọc dạy học kiếm được ít tiền để dành mua phiếu ấy, họa may có trúng số 1 triệu chăng. Song thời vận còn bĩ cho nên từ khi mua đến giờ ngót mấy năm trời không trúng chi cả. Tuấn Ngọc lấy làm ngã lòng mới định bán đi để lấy tiền làm vốn buôn bán, ai ngờ đem bán không ai mua, vì không ai hiểu cách trúng số ra làm sao nên không mua. Tuấn Ngọc không biết làm sao đành phải cất đó vậy.

Từ đó Tuấn Ngọc thường thường đi buôn bán, hàng 10 ngày nửa tháng mới về, cho nên khi quan trên tư giấy gọi, thì không có Tuấn Ngọc ở nhà. Làng họ thấy việc quan khẩn cấp nên biểu Minh Châu đi thay, ai hay Minh Châu khi không mắc nạn bị lão Gia Bi kiếm chuyện bắt giam mất 8 ngày mới tha.

HỒI THỨ MƯỜI LĂM

Còi một tiếng Nam Kỳ tiễn biệt
Cuộc trăm năm An Sắt đoàn viên

Người ta sinh ra ở đời, phú quí bần tiện cũng trong số mạng huống chi nhơn tình đã nhiều sóng gió cuộc đời lại lắm nỗi truân chuyên, Tuấn Ngọc từ khi trở về cố hương, thù nhà đã báo, tình duyên nợ chưa đền, sau mới xảy nghề buôn bán ngày tháng tiêu dao, bạn với thanh phong minh nguyệt vui cùng non nước cỏ hoa, cho khuây nỗi tình duyên trắc trở. Chuyến sau này Tuấn Ngọc mới đi được vài bữa, bỗng máy mắt nóng ruột bồi hồi như có chuyện chi, Tuấn Ngọc lấy làm lạ mà rằng; Phàm con người ta có một cái lương năng rất sáng láng, nhiều khi biết trước việc sắp xảy đến mà báo cho ta, vì lòng người bị vật dục làm mờ ám che khuất, khiến cho ta không đoán được đó thôi. Nay ta đi khỏi mới có mấy ngày ở nhà anh chị ta chắc xảy ra sự gì làm cho ta bồi hồi như vậy, thôi ta nên thu xếp mà về, kẻo anh chị ở nhà có việc chi chăng? Sau Tuấn Ngọc vội vã về nhà, thì Minh Châu đi khỏi đã ba ngày rồi, chị dâu Trương thị nói cho biết tự sự, kể lại tiếp được giấy gọi đích danh Tuấn Ngọc một lần nữa, Tuấn Ngọc không rõ việc chi, mới sửa soạn đến ngày mai đi sớm.

Gà vừa gáy sáng, sương hãy còn đọng, Tuấn Ngọc tất tả ra đi gặp xe điện, bèn lên xe đi cho mau tới.

Khi tới nơi vào hầu, quan Chủ tỉnh hỏi tên họ kỹ càng và xem giấy căn cước. Chứng nhận rõ là Tuấn Ngọc rồi hỏi rằng anh có biết nàng Bạch Lan ở thành An Sắt không?

Có Tuấn Ngọc chưa hiểu việc chi, nhưng cũng cứ thiệt khai rằng: nàng Bạch Lan ấy chính là vợ tôi, chẳng hay quan hỏi có chuyện chi?

Chủ tỉnh – Hiện nay Bạch Lan đương chờ anh, vậy nên mau mau đến thăm kẻo nàng mong đợi.

Tuấn Ngọc còn ngần ngại chưa tin, có lẽ nào nàng chắp cánh mà bay qua đây được sao? Đương còn nghi ngại, thì quan lại hối rằng: phải đi đến Hotel mà tìm nàng.

Chừng ấy Tuấn Ngọc mới tin là thiệt, trong lòng vui vẻ chi xiết. Tin đâu may mắn lạ nhường, nghe xong như cất sầu trường đổ đi. Vội vàng tìm đến nhà hàng, cho bồi vào báo tin. Bạch Lan nghe nói lật đật chạy ra, Tuyết Mai cũng theo đi. Khi trông thấy Tuấn Ngọc, nghĩ bây giờ là bao giờ, rõ ràng mở mắt còn ngờ chim bao, hai bên cha con vợ chồng gặp nhau mừng rỡ không bút nào tả xiết.

Lời tan hiệp nỗi hàn huyên
Mừng nầy đã bỏ ưu phiền khi xưa

Cùng nhau kể lể nông nỗi sau khi tương biệt cho đến lúc sang đây bị ngăn trở những thế nào, Bạch Lan lại trách Tuấn Ngọc sao có viết thư khuyên nàng cải giá, làm cho nàng sầu thảm khôn cùng, nên phải qua đây tìm chàng cho rõ.

Tuấn Ngọc mới tỏ thiệt cho nàng biết vì đã hết sức kiếm thế trở qua, nhờ anh Lâm Nghĩa bày mưu trốn ở trong tàu, chẳng may gặp quân vô lương là Lý Đại Ngốc đi báo quan tàu, việc phải tiết lộ, ra không đi được, nên tính làm ăn cho có đủ tiền trở qua. Nhưng sợ nàng mong đợi trách sai hẹn, lượng xét đừng chấp trách làm chi.

Bạch Lan lại đem chuyện Minh Châu bị giam, vì lòng tàn nhẫn của quân lang cẩu kiếm chuyện hành hạ, rồi trong ít ngày ắt phải tha, vì không có tội gì.

Tuấn Ngọc nghe rõ than thở rằng tấm thân nô lệ người ta muốn đối đãi cách nào lại chẳng được. Thương thay cho anh ta mắc nạn, cũng tại tôi đi vắng mà xuôi nên, rồi lại rằng: vợ chồng ta từ khi sâm thương hai ngã, những tưởng cái ngày sum hiệp còn lâu, nào hay nàng một dạ đá vàng, một lòng chung thủy, chẳng nài cực khổ bao quản gian nan, mà qua đây tìm kiếm tôi như vầy. Tưởng nàng Triệu Ngũ Lương[1] xưa cắt tóc, nàng Tô Huệ[2] hồi văn âu cũng vậy. Xét lại phần tôi tài sơ đức kém, hổ mình không đáng mặt trượng phu mà thôi.

---

1. Triệu Ngũ Lương nhà nghèo, chồng nàng là Thái Ung đi thi hỏng, ở nhà gặp năm đói khát nàng phải nhịn cơm, ăn cám, để nuôi cha mẹ chồng, khi cha mẹ chết nàng phải cắt tóc bán để làm ma, rồi khảy đàn tì bà kiếm ăn để đi tìm Thái Ung.
2. Nàng Tô Huệ vua sai chồng nàng đi lính lâu năm không về, Tô Huệ dệt một bức gấm thành một bài văn dâng vua, mà xin tha chồng nàng về.

Bạch Lan nói cang thường là nghĩa cả, phu phụ phải hết lòng, đã cùng nhau sống thác gởi thân, việc sang đây chẳng qua là bổn phận, can chi phải quá khen như vậy? Nay ơn trên cho chúng ta gặp gỡ nhau rồi, thì chúng ta đưa nhau về quê nhà, thăm bà con và anh chị, rồi vui hưởng đoàn viên, tưởng cũng yên lòng sở nguyện.

Tuấn Ngọc – Lời đó rất phải, hiềm vì nhà tranh vách đất, không đáng cho người ngọc để chun, nay nàng đã không chê lại tính cuộc trăm năm ở nơi tệ quốc, thì còn gì hơn nữa.

Nói về Gia Bi từ khi bắt Minh Châu giam được tám ngày, không biết mưu chi làm tội, nên bất đắc dĩ phải tha về. Minh Châu ở nhà ngục đi về, gặp Tuấn Ngọc và Bạch Lan mừng rỡ, rồi cùng nhau đề huề về chốn quê nhà, kẻo Trương thị ở nhà mong đợi.

Gà vừa gáy sáng, canh đã điểm năm, bóng kim ô thấp thoáng bên mành, gương ngọc thỏ vội vàng ẩn bóng. Minh Châu, Tuấn Ngọc, Bạch Lan, Tuyết Mai, đồng lên xe dong ruỗi dặm đường, lúc nầy đang lúc quí xuân, đào kia khoe thắm, liễu nọ phô xanh, dưới ao cá lội, trên cành chim kêu, phong cảnh rất là vui mắt. Ôi cũng cảnh ấy cũng người nầy, xưa sao sầu thảm nay sao vui vầy, tẻ vui cũng tại lòng người.

Bạch Lan hay chú ý về nhơn vật Việt Nam, nên thỉnh thoảng nàng gặp những người đàn bà đi buôn bán nặng nề, khó nhọc mà mặt vẫn vui vẻ như thường, thì sực nhớ lại khi còn ở bên Pháp đôi khi Tuấn Ngọc nói chuyện đức tính của người đàn bà Đông phương, đến nay mới biết là thiệt, nàng mới than thở rằng: thương thay tấm thân liễu yếu, phải ra công gánh vác những công việc nặng nề kia để giúp đỡ chồng con, lại lấy phục tòng làm bổn phận, sánh với đàn bà nước tôi ăn trắng mặc trơn trai lơ trắc nết, thế mà được xã hội tôn trọng, hễ hơi trái ý một tí gì thì viện luật pháp ra xin ly dị. Ôi! Cũng môi son, cũng má hồng, cũng chung một trách nhiệm với quốc gia, mà hóa công nở ghen ghét riêng chi chị em Nam Việt làm vậy?

Tuấn Ngọc – Nàng than trách như vậy cũng phải, nhưng cuộc đời biến đổi dâu bể đa đoan, trước kia đàn bà nước tôi họ còn biết lấy tam tòng tứ đức làm qui tắc thì cũng đáng khen thật! Từ khi tang thương biến cải, quí quốc sang nước tôi và đem gieo cái hạt giống văn minh, vun chồi Âu hóa chưa tới nơi tới chốn, làm cho

những kẻ hấp thụ cái văn minh dở dang ấy mà trai thì biến đổi cả luân thường, gái lại phá tan nền luân lý, gây lấy bao nhiêu là tội ác, làm di hại cho phong hóa biết bao! Cũng may là còn một số ít người ở chốn thôn quê là chưa nhiễm lấy thói hư ấy cho nên mới được vậy.

Mảng còn bàn bạc xe đã đến Faifoo thì dừng lại, vì từ đây về nhà quê đi xe không được nên phải tạm ngừng lại nghỉ ngợi.

Khi ở lại đó thì thiên hạ rủ nhau tới coi đông nức, vì ai ai nghe nói một người đàn bà ngoại quốc mà chung tình với một người An Nam như Tuấn Ngọc, thì lấy làm ngợi khen vô cùng. Tại thành phố đó có một người biệt danh là Trần Hảo Tâm, nhà giàu có, tính rất hào hiệp, hay yêu hiền trọng sĩ, nhơn vợ chồng Trần Hảo Tâm thấy Tuấn Ngọc nhà nghèo, y phục không được tề chỉnh, mới lấy 30 đồng bạc ra tặng Tuấn Ngọc để sắm sửa, Tuấn Ngọc thấy người hào hiệp chối từ không được, nên phải tạ ơn mà bái lãnh, còn nhiều người cho quà bánh kể không xiết.

Đang khi Tuấn Ngọc và Bạch Lan chưa kịp về nhà, ai ngờ có lính quan truyền cho Bạch Lan không được về quê An Nam vì sợ mất thể diện... lại truyền cho Tuấn Ngọc vì kết duyên với Bạch Lan thì phải là dân Pháp và phải ở nước Pháp mới được, vì có luật đã định, nếu không nghe thì phải ly dị, vì không được công nhiên mà ăn ở với nhau vân vân...

Tiếp theo tin ấy Tuấn Ngọc không dám cãi nên buồn rầu vô cùng, còn Bạch Lan thì nhứt định không nghe. Song Tuấn Ngọc hết sức can ngăn rằng: ở nước tôi không phải được tự do như nước Pháp, nếu không nghe, thì họa đến sau lưng, như thế chẳng ích chi mà lại thêm khổ cho nhau mà thôi, vả lại đàng sá quê mùa lặn lội, nếu nàng có lòng thì để tôi về nhà mời bà con ra cho nàng thăm cũng đủ, rồi sẽ thu xếp mà qua Pháp mới được, chớ ở đây thì không yên với họ.

Đem nhau về nước văn minh
Trăm năm duyên nợ thì không chuyện gì

Bạch Lan thấy sự thế như vậy biết làm sao, bất đắc dĩ phải nghe lời.

Tuấn Ngọc từ khi được lịnh quan trên truyền về nước Pháp, thì tự nghĩ rằng ta làm trai không báo đền nợ nước, nay lại phải di cư sang nước người như vầy, biết làm sao cho toàn mọi lẽ. Thôi bây giờ cha mẹ ta đã sớm khuất núi rồi, việc nhà thờ có anh chị ta mà lo lắng, và nàng Bạch Lan đã vì ta mà cực khổ theo sang đến nước ta như vầy, lẽ nào ta không cư xử cho tròn đạo nghĩa. Tính rồi mới về quê nhà nói lại cho anh chị là vợ chồng Minh Châu biết, rồi mời hai người họ là ông Tư Phan và ông xã Trinh với chị dâu là Trương thị ra thăm Bạch Lan. Khi tới nơi Bạch Lan mừng rỡ, chuyện trò, quí hóa vô cùng, không phải như ai thấy quê mùa mà khinh bỉ. Cho nên khi mấy người ấy ra thăm rồi về lấy làm khen ngợi.

Rồi đó Tuấn Ngọc thu xếp đồ đạc và từ giã bà con anh chị rồi cùng nàng Bạch Lan tính việc qua Tây. Song còn đợi giấy quan trên cho phép mới được, lại thêm Bạch Lan sắp đến ngày sinh nở, nàng tính ở lại đây có nhiều điều không tiện. Vì chung quanh đều là người hiềm ghét, nên bàn tính với Tuấn Ngọc, để nàng vào nhà thương Nam Kỳ mà chờ ngày sinh nở, còn Tuấn Ngọc thì đợi giấy và đi sau.

Trước khi Bạch Lan còn sợ kẻ thù làm sự gì khó cho Tuấn Ngọc, vì thân cô thế cô sợ khi nàng đi rồi, người ta tìm kế gì ngăn trở chăng! Nên trước khi đi vào Nam Kỳ Bạch Lan xin quan Chủ tỉnh sức trông nôm cho đến khi Tuấn Ngọc vào tới Nam Kỳ thì thôi, quan Chủ tỉnh thấy vậy cũng chiều lòng nhận lời và cam đoan như lời nàng xin như vậy.

Bạch Lan đi được ít lâu thì Tuấn Ngọc được giấy quan trên cho phép, Tuấn Ngọc liền vô Nam Kỳ, tới nơi đến nhà thương thăm, thì ra Bạch Lan sinh được một đứa con trai, Tuấn Ngọc mừng rỡ vô cùng, và ở lại ít lâu đợi cho Bạch Lan mẹ con cứng cáp rồi sẽ về Tây một lượt.

Trong khi ở lại Nam Kỳ có nhiều người An Nam thấy tình cảnh vợ chồng Tuấn Ngọc thì thương, nhất là Bạch Lan ai thấy cũng mến phục, cho nên nhiều người làm quen lắm.

Chẳng bao lâu Bạch Lan ở nhà thương ra mẹ tròn con vuông, mới sắm sửa sẵn đợi có chuyến tàu trở về An Sắt.

Một buổi chiều kia trời thanh cảnh tĩnh, thành phố Sài Gòn giai nhơn tài tử xe ngựa dập diều. Tại bến tàu đậu sát vào cầu,

hành khách kẻ lên người xuống rộn diệp, những xe vận tải hàng hóa đi lại ồn ào nhứt là ngày tàu sắp chạy, những khách đi tàu thì bà con anh em bạn hữu kẻ tiễn người đưa càng thêm náo nhiệt. Trên chuyến tàu sắp về Pháp, có hai người hành khách, một người đàn ông An Nam, một người đàn bà Pháp, tay bồng một đứa con thơ, bên cạnh lại có đứa con gái bé ước chừng ba tuổi. Hai người đó tức là Tuấn Ngọc với Bạch Lan đem hai con xuống tàu về Pháp.

Đem nhau về nước văn minh
Trăm năm cho trọn chữ tình thì thôi

Khi tàu bắt đầu chạy, trước còn chậm chậm, sau càng lâu càng xa bến, Tuấn Ngọc đứng tựa lan can nhìn lại nét mặt dàu dàu.

Chạnh lòng cố quốc gia hương
Đường kia nỗi nọ ngổn ngang trong lòng

Trong xã hội Nam Kỳ có nhiều người đi tiễn chưn còn đứng trên cầu nhìn theo, hồi lâu chiếc tàu đi khuất, trông ra nước mây man mác chỉ thấy một đám đen đen bập bình theo làn sóng, bất giác ngậm ngùi rơi lệ, có một người than rằng:

Nhớ ai ta những ngậm ngùi
Nhớ con người đẹp là người phương Tây.

Chuyện này đến đây là hết. Xin có hai bài thơ tặng như sau:

THƠ RẰNG

Tấn Tần hai nước chẳng giao binh
Giẹp chuyện can qua nói chuyện tình
Tơ đỏ người Nam chưn sớm buộc
Trăng già nước Pháp mắt càng tinh
Lan[1] *sanh đất trắng thêm thơm phức*
Ngọc[2] *ở ruộng chàm lắm tốt vinh*
Vượt bể tìm chồng mang bụng chửa,
Đoàn viên Việt Pháp thỏa ba sinh

*

1. Phương Lan sanh bạch địa.
2. Mỹ Ngọc chưởng lam điền.

Đoàn viên Việt Pháp thỏa ba sinh
Lăng liếu chi nhau lắm chữ tình
Vì nước làm trai đành giữ pháp,
Đẹp duyên nên gái phải quên sung[1]
Tây Nam hiệp lại người thêm mạnh
Vàng trắng chung nhau giống mói xinh
Mẫu quốc vững bền trong thế giới
Nam lai báo đáp ắt không khinh.

HUỲNH THỊ BẢO HÒA – 1927

CHUNG

1. CT soạn giả: Có lẽ chữ "sung" đặt vào đây do ý nữ sĩ muốn nói là "quên cuộc sống sung sướng vốn đã quen của Bạch Lan" nên ép vận. Nếu đó là chữ "mình" thì đúng niêm.

HOÀNG NGỌC PHÁCH
(1896–1973)

Bút hiệu Song An, sinh ngày 20-8-1896 tại làng Đông Thái, nay là xã Đức Phong, Đức Thọ, Hà Tĩnh. Tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Hà Nội (1922), ông làm nghề dạy học ở Bắc Ninh, là Hội trưởng Hội truyền bá Quốc ngữ và tham gia Việt Minh tại đây. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945 ông từng là Giám đốc Học khu Bắc Ninh, Giám đốc giáo dục khu XII, Giám đốc trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương. Sau hòa bình 1954 ông về công tác tại Ban Tu thư Bộ Giáo dục rồi Viện Văn học thuộc Ủy ban khoa học xã hội trước khi về hưu.

Hoàng Ngọc Phách viết tiểu thuyết Tố Tâm *năm 1922 trong kỳ nghỉ hè khi học Cao đẳng Sư phạm Hà Nội và đến năm 1925 thì xuất bản thành sách ở nhà* Cộng lực. Tố Tâm *là cuốn tiểu thuyết lãng mạn đầu tiên của thời kỳ hiện đại, mở đầu một giai đoạn mới của văn xuôi quốc ngữ Việt Nam. Mối tình sầu của hai nhân vật Đạm Thủy và Tố Tâm đã làm xúc động trái tim nhiều thế hệ thanh niên Việt Nam và có ảnh hưởng đến nhiều thế hệ cầm bút trước 1945.*

Ông mất ngày 29-11-1973 tại Hà Nội.

*

TỐ TÂM
(tiểu thuyết)

MẤY LỜI CỦA NGƯỜI CHÉP CHUYỆN

Nhiều khi anh em ngồi đàm luận về tân học ngày nay, ký giả thường nghe nói đến một bậc thanh niên tân tiến có tính tình, văn chương, tư tưởng, thường hay lạm dụng những tài liệu đó đem ra làm việc cho ái tình, ghẹo lòng người nhi nữ, vội thi hành những ý tưởng trong sách hay những cảnh mình tưởng tượng ra. Có lúc cố ý mà làm, cũng nhiều khi làm mà không tự biết, miễn là tìm được nơi thí nghiệm ý tưởng của mình và lấy được lòng yêu của người mà thôi, nên xảy ra lắm tấn bi kịch, thiệt cho mình mà khổ cho người, quấy rầy đến gia đình, xã hội.

Nguyên do những bực có văn chương tư tưởng như vậy, bên cái hy vọng to lớn về việc công ích, thường vẫn hay mơ màng những cảnh tuyệt vời của ái tình, cố tìm cho được một người cùng mình mà đi tới những cảnh mơ màng ấy, không nghĩ cho rằng phàm những cảnh viển vông phảng phất tự ta mơ tưởng mà vẽ ra trên đường đời cũng như giọt sương buổi sáng lóng lánh trên ngọn cây, như ánh nắng buổi chiều thướt tha trên đỉnh núi, xa trông thì đẹp lạ thường, nhưng tìm đến tận nơi thì tan đi hết, không còn thấy gì là đẹp nữa. Cho nên lúc hai người nam nữ rủ nhau mơ màng đi tìm những cảnh ấy, chợt gặp một quãng gai góc đầy đường, rẽ nhau lạc lối; hoặc vì lứa đôi trắc trở với người biết trước, hoặc vì duyên nài phận ép với người đến sau, mà diễn nên bi kịch, bởi một nỗi tính tình không hợp với người đến sau đó, hay lòng đã đem gởi đi cho người biết trước kia rồi, không lấy lại được nữa, nên thất vọng, ngã lòng, điều đau đớn đưa ngay đến. Thường cứ bảo tại tạo hóa không cho hưởng hết những cuộc đặt ra để giữ người nhưng lấy lẽ phải mà xét thì phàm việc gì không thường tất không vững.

Nếu người cùng mình đi thi hành điều mơ tưởng đó là một bậc thiếu nữ tầm thường, tính tình thấp hẹp, ý tưởng nhỏ nhen, để vào đâu cũng được, gặp cảnh nào cũng xong, thì cái hại không là mấy, nhưng gặp một hạng thiếu nữ cũng thích văn chương, cũng có tư tưởng, đã xem được vài chục bộ tiểu thuyết tây, đã viết được ít nhiều văn quốc ngữ, tính tình lại rất là đằm thắm, mà thường hay mơ màng những chuyện đâu đâu, ít khi nghĩ đến thực tình thế sự, thì thật là bị một "mũi tên tình ái sát nhân" vì bao nhiêu tinh thần đã bị thu hết, bị thứ văn chương hay, tả những tính tình lai láng, bị những ý tưởng lạ bày ra lắm cảnh tuyệt vời, khéo lựa chiều mà dần dần gieo trong lòng người thiếu nữ một thứ tình mài dũa riêng vào một khuôn khổ.

Ta nên biết, khi hai người nam nữ yêu nhau, đem đánh vào tinh thần vẫn đau lâu hơn đánh vào thể chất, vì lấy thể chất mà khiến thì cực nồng nàn, nhưng lại chóng tan, mà có thể lấy thể chất nọ thay thể chất kia được, vì thể chất thường giống nhau; tinh thần thì không thể, ảnh hưởng tinh thần hành động chậm nhưng ở lâu dần dần mà thấm vào gan óc khó gỡ ra được, dù có được cũng để vết về sau, suốt đời cứ vo vẩn bên mình mãi.

Mới đây, ký giả nghe được câu chuyện riêng của bạn vừa kể lại mà bạn là vai chính trong chuyện này, chuyện rất hợp với điều quan sát kể trên kia, nên ký giả chép ra đây, có ý muốn bày ra trước mặt bạn thiếu niên một việc hiển nhiên của tâm tình, liên lạc với nhau, có nguyên nhân, có kết quả. Chuyện tức là một cuộc hành động của các nguồn tâm lý của ái tình, phát hiện ra ngoài rất hợp với nội dung người trong chuyện, vì lúc xét một việc e về tâm lý phát hiện phải xét đến cả điều liên lạc chung quanh, đại khái như giáo dục ấy, tính chất ấy, tinh thần ấy, thì phải có tình ấy thì phải có hành động ấy v.v... Hành động đã hợp với nguyên nhân thì tất là phải theo vào một luật, mà việc bày ra không thể là việc lạ thường, chỉ là một mối riêng trong một mối khác của tâm lý mà thôi, nên ký giả chép ra đây để các bạn thiếu niên xét đoán, có lẽ cũng bổ ích cho những lúc bạn thiếu niên tự xét đoán đến tính tình mình tư tưởng mình.

Sau nữa, ký giả chép lại chuyện gọi tỏ lòng thương đôi lứa thiếu niên xô nhau vào bể ái, lôi kéo nhau đến nỗi kẻ bị trọng thương, người không cần sống, để đời thiệt mất một người thiếu nữ chung tình. Phàm một người thiếu nữ đã có tính tình đằm thắm biết chịu thiệt mình để khỏi lụy đến người yêu, lại biết thương một bạn gái khác chính là người "kình địch vô tội" của mình là một hạng người ít có, thật đáng quý mà cũng đáng thương. Tính tình ấy dùng vào đâu cũng là bậc trên cả, đem dùng với nhà thì thành con hiếu, đem dùng với nước thì thành tôi ngay, đem dùng vào cảnh vợ chồng đẹp đôi thì thành vợ thuận, vợ thuận tức là mẹ hiền. Nhưng tiếc thay! Chỉ vì quá mơ màng những ngoài vòng đời, lỡ lầm vào một cuộc tình ái, nên việc đời chếch lệch mà thành như mây tan, như khói tỏa, rút lại không được ích gì, cảnh huống ấy bọn thiếu niên nên lưu ý.

Ký giả không có gì thoa vẽ, mà cũng không quen đem đạo đức bình luận ái tình, ký giả xét là xét cái tình trạng của lòng người, chép cái hành động của tâm lý, còn lý luận luân lý phẩm bình xin để phần dư luận.

Ký giả chưa đến tuổi biết sáng tạo ra người trong truyện thì chỉ chép lại chuyện là hơn; nếu có bạn nào quá nghiêm mà trách ký giả sao tuổi còn non, người còn trẻ đã vội đem tách bạch những nỗi éo le bí mật của ái tình mà bày cả ra đây thì ký giả xin thưa rằng:

nếu những điều quan sát và lý luận kể trên kia là đúng thì lời trách ấy quá nghiêm, nếu mà sai, thì xin biết cho rằng ký giả vì những điều quan sát đó mà chép.

1922
HOÀNG NGỌC PHÁCH

1.

Kỳ nghỉ hè vừa đến, anh em bạn học trong trường Đại học về nghỉ đã gần hết rồi, chỉ những học sinh mới chiếm bảng hay sắp đi thi, còn ở lại. Quang cảnh nhà trường lúc đó, có vẻ ủ ê mệt nhọc như người lao động bấy lâu bây giờ sắp thiu thiu ngủ, tựa bên gốc cây me, hay dưới bóng cây bàng, tránh ánh nắng chang chang mùa hạ. Trong các buồng mới rồi rộn rịp những tiếng cười đùa, những câu tranh luận, bây giờ đã im phăng phắc như đứng thở hơi, mấy bức tường vôi hình như đương thầm thì với nhau những tính tình và cử chỉ của bạn thiếu niên mới về khỏi. Trong những câu chuyện của bức tường, ta chỉ đoán mà không nghe được, chắc điều hay cũng lắm, điều dở cũng nhiều, nhưng cái dở, cái hay đều có vẻ thú, là cái thú của quãng đời niên thiếu ở nhà trường. Buổi thanh niên là buổi hăng hái, lúc trong mình khí huyết bừng bừng, tư tưởng đương như ngọn suối sa vời, chưa định, chắc hy vọng phải to, hy vọng to thì cái dở cái hay, trong khi tính đường cho lên đến hy vọng, phải mạnh như nhau cả.

Ký giả có chút việc riêng phải ở lại trường; lúc sang chơi bên buồng những bạn tân khoa ở thì thấy bạn chí thân của ký giả là Lê Thanh Vân, biệt hiệu là Đạm Thủy, đương soạn hòm để vinh quy, ký giả ngồi xem bạn soạn. Áo quần không dùng sắc gì rực rỡ, chỉ toàn là màu trắng với màu đen, những vật gì cần dùng đến màu thặm thì chỉ thấy màu vàng nhọt và màu da giời, thật có vẻ thanh đạm. Sách vở phần nhiều là thuộc về khoa triết học, đại khái như tâm lý học, luân lý học, như xã hội học của Durkheim, Sư phạm khoa của Frébcel và Compayré v.v... và dễ thường đủ những bộ tiểu thuyết trứ danh của Bourget và Barrès.

Bạn tôi thích về các khoa ấy mà cũng đã nổi tiếng trong học đường. Hy vọng của bạn tôi muốn đem những khoa ấy mà so sánh

và tham bác với lý tưởng Á đông rồi lấy quốc văn mà diễn ra một thứ luân lý, sư phạm thích hợp với tính tình người Nam Việt.

Về khoa quốc văn thì Đạm Thủy lại có biệt tài, trong học đường, ngoài xã hội đã nhiều phen đắc thắng.

Các thư từ giấy má rất nhiều, để vào trong những phong bì to, cái thì để "Những điều trông thấy"; cái thì: "Ý tưởng của một bọn thiếu niên"; cái thì: "Việc năm 1918"; cái thì: "Bóng chim tăm cá" v.v... Lúc bạn tôi soạn đến một cái hộp nhật bản có khóa, ngoài đề chữ: "Mấy mảnh di tình" thì mặt bạn tôi có vẻ khác. Tôi giơ tay với lấy cái hộp thì bạn giữ lại và mỉm cười, nói rằng: đừng xem; cái vẻ cười ấy là cười nhách mép, cái cười chạy qua nét buồn, làm cho người ngoài trông thấy cũng am hiểu tình trong có sự bi ai. Ký giả liền hỏi có phải câu chuyện ngày trước anh bảo tôi đi xem đám cưới đó không?

Đạm Thủy bảo: phải.

Ký giả nói: vậy thì hay lắm, anh cứ đưa tôi xem, anh đã hẹn tôi mấy lần sẽ cho tôi biết hết. Nay nhân công việc nhà trường đã rỗi mà chuyện cũng đã qua rồi, vậy tiện đây, anh kể tôi nghe, hoặc tôi chia vui hay chia buồn cùng anh một lúc.

Đạm Thủy vừa soạn hòm vừa nói rằng: Tôi đã trót hẹn với anh thì tôi xin kể, vì anh là chỗ bạn chí thân, nhưng nói ra ai biết tưởng cũng không làm gì, việc riêng của mình thì chỉ để một mình mình hay, một mình mình biết, nói cho ai hay phỏng có ích gì; bắt người ta phải ngồi nghe những câu chuyện riêng của mình, tưởng là dở, mà hà tất phải cần cho ai biết đến tâm sự mình. Túng nhiên có ai hiểu thấu mà rỏ cho mình được một giọt nước mắt, thì nước mắt ấy có mát chỉ mát được một lúc, phương chi đời hay lấy cái ngoại diện mà cả gan kết đoán một việc phát nguyên từ trong những từng đáy bí mật của lòng người.

Ký giả nói: Anh nói vậy thì trách đời cũng khí quá nghiêm khắc một chút. Phàm ở đời những điều gì có thể chuyển động được một người thì tất chuyển động được nhiều người vì lòng nhân loại có những giây cảm giác giống nhau, duy chỉ nhiều, ít, khác nhau và cách cảm xúc hơn hay kém: đại khái như người có nghị lực nhiều thì đè được cái nhu cảm mà chôn sâu cái đau đớn của mình; người

không có nghị lực thì không dương được những nỗi đau lòng mà thành ra âu sầu ủ dột. Vả lại một câu chuyện bất cứ bởi tính tình bí mật hay bởi cảnh thế éo le mà xây nên, đã hợp những cái hoạt động của đời lại xếp thành ra một tấn kịch có thể lay chuyển được lòng người là người xem đến tất hữu ích, chỗ hay có ích về hay, mà chỗ dở cũng làm tránh được cái hại.

– Về phương diện nhân tâm thế sự không phải tôi vội trách đời là nguội lạnh quá đâu, ý tôi muốn nói rằng phàm trong lòng người ta có một chuyện đau đớn thì cứ để một mình mình biết mà thôi, không cần phải báo ai hay, ta cứ điềm nhiên mà chịu. Lúc đau đớn mà khóc than bi thảm mà muốn để kẻ khác phàn nàn cho mình một câu thế là con người non nớt. Tôi lấy câu thơ Vigny tiên sinh rằng: "khóc than, kiêu cầu, khấn vái đều là hèn" làm một câu kiệt tác mà giúp sức cho tôi trong lúc bi ai. Vả câu chuyện của tôi cũng như chuyện khác, thuộc về các loại "ái tình" mà thôi.

– Phàm chuyện hay phần nhiều chỉ bởi ái tình cả, *Kim Vân Kiều, Tây Sương ký, Trà Hoa Nữ, Lục Vân Tiên, Mai nương Lệ cốt,* v.v... có tiếng là chuyện hay chẳng qua là một pho tình sử, chép nhặt lấy lúc tan lúc hợp, cái vui, cái buồn, cái yêu, cái ghét, của loài người mà thôi. Nhưng cái yêu ghét, vui buồn đó để vào trong thứ người cao thượng, đặt ở quãng đường đời éo le, nên khiến người xem đến phải lấy làm cảm, làm hay mà phải phục tính tình người trong cuộc.

Đạm Thủy chực giả nhời thì ký giả lại tiếp nói luôn:

– Thôi, ta thuyết lý mãi cũng vô ích, anh đã hứa kể cho tôi nghe thì xin anh kể đi, dù về sau anh có phải phàn nàn rằng: ta trót nói thật với bạn ta một câu chuyện riêng thì nhời phàn nàn đó tức là lòng tử tế của anh ta đối với tôi rồi.

– Vâng, anh cứ ngồi xem hết cái hộp này, tôi soạn xong hòm sẽ kể hết anh nghe.

Ký giả mở hộp ra xem thấy đầy một hộp thư bỏ vào ba cái phong bì trên đề mấy chữ: "Tố Tâm di bút", ở dưới những phong thư ấy thấy mấy cái khăn thêu, hai chiếc nhẫn vàng, một cái kim vàng, đầu đính một đóa hoa lan nhỏ. Còn các gói giấy khác thì ký giả không mở đến. Lúc ký giả sắp mở thư ra xem, Đạm Thủy đã

soạn xong hòm đứng dậy bảo ký giả, ra ghế ngoài vườn hoa. Ký giả cầm cả cái hộp mà đi theo bạn.

Lúc ra ngồi ghế, Đạm Thủy hơi cau mặt, hai mắt dòm thẳng ngang giời rồi khoan thai mà nói rằng:

"Năm đó... tôi vào học trường Cao đẳng được hơn một năm thì về nghỉ tết Nguyên đán ở nhà quê bên tỉnh B, hôm 28 tháng chạp, xuống một ga kia còn phải đi bộ 13, 14 cây số, gặp hôm gió to, đường xấu phải lên xuống xe luôn, áo quần xốc xếch. Lúc đi đến một cái quán kia, mở ví giấy ra biên mấy chữ thì ví đã mất lúc nào rồi, tìm mãi không thấy nhưng biết rằng chỉ mới đánh rơi ở quãng đường này vì lúc xuống ga hãy còn ví. Tôi lấy làm buồn rầu bối rối lắm vì trong ví có nhiều giấy má cần. Kỷ vật quí của tôi không gì bằng mấy tờ giấy và quyển sổ trong ví đó. Lúc đi qua một huyện kia, tôi vào trình quan huyện, một là để mong có ai bắt được đem giả, hai là trong ví có nhiều giấy má cần, hình ảnh và danh thiếp, sợ có người lợi dụng đem làm điều phi pháp. Lúc vào công đường, quan huyện tiếp một cách rất nhã. Tôi cũng giữ một lối lễ phép lịch sự của người "vào hầu quan". Quan huyện hỏi tính danh và chức phẩm thì tôi cũng thưa thật là sinh viên ở ban Văn chương một trường Cao đẳng kia... Ngài có ý lấy làm thích vì nghe đâu ngài là một tay khoa cử giỏi văn chương, trước có học qua giáo ban và ở chân giáo thụ ra tri huyện. Ngài hỏi qua về việc học trong trường Cao đẳng rồi bàn về Hán học và quốc văn, về các nhật trình và tạp chí, tôi tiếp chuyện cũng trôi. Ngài có vẻ đắc ý. Ngồi độ nửa giờ, uống nước xong, tôi xin phép ra. Ngài khẩn khoản mà bảo rằng: "Thầy cứ về, rồi tôi sức cho tổng lý, có ai bắt được ví giấy phải đem lên nộp. Nếu tìm được tôi sẽ gửi đến tận trường giả thầy". Tôi cảm ơn rồi giở ra.

Quan huyện ra đến bờ hè thì giở vào, tôi chợt trông qua cửa tò vò nhà công đường thấy ở thềm nhà cầu trong tư thất mấy người thiếu nữ, đuôi gà tha thướt, đương xúm nhau lại làm bánh hay bổ cau gì tôi không rõ. Nghe thấy tiếng giày thì một người ngửng mặt lên nhìn, rồi lại cúi xuống ngay. Tôi nom thoáng hình như đã thấy đâu một vài lần, nhưng lúc đương ngẩn ngơ tiếc cái ví giấy nên không để tâm vào. Lúc lên xe, vẫn ngậm ngùi về cái ví, nhưng còn chút hy vọng là quan huyện sẽ sức cho dân xã, và trong ví không

có mấy đồng tiền chỉ nhiều giấy má thì người nhà quê bắt được tất đem giả.

Ra giêng tôi lên học, đương ngồi trong lớp thấy người "gác" vào nói có người nhà, lúc ra đến cửa chỉ thấy có một thằng bé con không quen mặt đứng đó. Tôi chưa kịp hỏi người "gác" thì thằng bé ấy đã hỏi tôi rằng: Bẩm thầy, có phải là thầy Vân không?

Tôi bảo phải, mày là người nhà ai? Hỏi gì?

– Thưa thầy, cậu con mời thầy ra chơi?

– Cậu nào?

– Bẩm cậu Tân con ở phố X... số nhà 58.

Tôi ngạc nhiên không hiểu là ai hỏi vì không quen cậu Tân ở phố ấy bao giờ. Tôi lại hỏi: "cậu mày bảo hỏi ai?" Nó nói: "hỏi ông Lê Thanh Vân học trường thầy giáo".

Vậy thì chính là mình rồi, tôi vẫn lưỡng lự lại hỏi rằng cậu mày có viết thư không? Nó nói: Bẩm có một mảnh giấy nhưng con bỏ túi lúc chạy đánh rơi đâu không biết.

– Cậu mày học ở đâu?

– Bẩm học ở trường con Tây gần sở ông Bảy.

– Cậu mày con ai?

– Bẩm con bà con.

– Bà nào?

– Bà lớn Án con.

– Bà Án nào?

– Bẩm con mới đến ở, con cũng chả biết.

Tôi thấy thằng bé này ngơ ngẩn, hỏi không ăn thua, định để ra xem ai hỏi. Tôi nghĩ vậy rồi bảo nó rằng:

– Sáng mai chủ nhật đúng 8 giờ thì tao sẽ ra, chiều hôm nay không ra được.

Thằng bé về, tôi vào lớp nghĩ mãi không biết ai hỏi chuyện gì, nhưng sắp có giờ học, chỉ mong cho đến sáng mai. Tôi đi hỏi mấy người bạn cùng ở phố ấy xem nhà 58 là nhà ai, thì chỉ thấy bọn họ dòm nhau mà cười, tôi ngạc nhiên lắm. Tôi hỏi người bạn cũng hơi

hơi thân, thường anh em vẫn gọi đùa là "Thổ công thành phố" thì bạn đó cũng cười mà nói: "58" mà không biết nhà ai à? hay bác lại hỏi dò tôi đấy? Tôi chợt nhớ đến tiếng "58" thường nghe nói luôn, nhưng tôi không để ý mấy. Thấy các bạn có ý cợt mình như vậy, thì không hỏi ai nữa, định chờ đến sáng mai.

Sáng chủ nhật quần áo chỉnh tề đi ra. Đến đầu phố X... thì tôi đỗ xe xuống, đi bộ dần dần xem số nhà, đến số 58 thì ra nhà ấy là một nhà quen mắt ở phố này, ngoài có bán hàng tấm, trông vào nhà trong thấy câu đối khảm, câu đối thêu, trên bức tường giữa có treo bức hoành sơn son đã hơi cũ, đề bốn chữ "Kiều mộc thế thần". Đồ bày thì cũng tủ chè khảm ghế bành tàu, nom ra quang cảnh một nhà hưu quan ở thành phố. Tôi tự bảo hắn đây là nhà "bà lớn Án" nên chỉ hỏi qua ngoài cửa rồi đi thẳng vào nhà. Đến cửa thấy một người thiếu nữ với một cậu bé con ngồi ở trường kỷ để sát tường cùng nhau đương xem một quyển sách gì không biết, thấy tôi đến, cô thiếu nữ chạy vào nhà trong, tôi trông thoáng hình như người mà tôi đã thấy ở huyện nọ, nên nghĩ ngay ra chuyện mất ví hôm xưa. Lúc ấy tôi không được xem rõ mặt là bởi tôi theo lối giao thiệp, vào nhà lạ tôi không muốn nhìn mặt con gái đàn bà, nhưng lúc nàng cất cái mình manh mảnh đi vào nhà, tay hất cái đuôi gà ra sau vai, và dém mái tóc lại, phô ra hai cái vẻ tương phản ở chỗ đám tóc đen tỏa trên cái gáy trắng, tôi trông thật có vẻ yểu điệu của một vị giai nhân. Cảnh tượng ấy làm cho tôi hiểu những vẻ cười của bạn hôm trước.

Cậu bé độ chừng 15, 16 tuổi người cũng manh mảnh, mặt trắng, da nhỏ, mặc tây phục bằng dạ tím, cổ áo có đính hai cành lá bằng kim tuyến nom rõ là một cậu bé học "Ly xê" nhưng đây là một đứa bé con ngoan, ít nói mà lễ phép.

Cậu bé mời tôi ngồi, tôi đoán chắc là cậu Tân, tôi nói rằng:

– Hôm qua có thằng bé vào trường bảo tôi ra chơi, cậu hỏi chuyện, chắc trong giấy cậu có nói rõ, nhưng thằng bé đánh rơi mất giấy, nên tôi vội ra hỏi lại cậu.

Cậu Tân nói:

– Vâng, chú Huyện tôi bảo rằng năm ngoái ông đánh rơi cái ví giấy, vào trình ở huyện chú tôi. Vừa rồi có người lý trưởng đem lên nộp, vậy chú tôi bảo đem lên giả ông.

Nói xong, mở cái tráp khảm con để ở bàn, lấy ví đưa cho tôi, vì bọc lại và niêm phong cẩn thận, tôi rất làm mừng, nhưng cứ điềm nhiên mà cầm lấy, vội gửi nhời về cảm tạ quan Huyện và cảm công cậu em mang hộ lên đây. Lúc tôi cầm ví xong, cậu Tân mời uống nước thì thấy một bà cụ ở trên gác xuống, và trạc 48, 49 tuổi, người đậm đà mà khổ mặt hơi rộng. Tôi đoán là bà Án nên đứng dậy chào. Bà cụ ngồi xuống một cái ghế bành mở tráp lấy thuốc lá hút, lấy khăn lau hai bên mép, lấy một tí sáp bôi vào môi, nom ra còn quan cách lắm. Bà cụ mời tôi uống nước và hỏi chuyện về quê quán cùng gia thân tôi, tôi nói thật cả thì bà cụ bảo có biết gia quyến tôi. Bà Án lại hỏi về việc học, hỏi có quen cậu X. ở cùng phố. Cậu V. con quan Tuần Lạng, cậu C. cháu cụ Thượng Trần, v.v... cùng học trường Cao đẳng. Bà cụ nói cả đến việc học cậu Tân và nói cậu bé mới được phần thưởng nhiều. Tôi xem chuyện đã khá lâu nên xin về, bà Án nói rằng:

– Thỉnh thoảng thầy ra chơi với em.

Câu nói có giọng đằm thắm, không biết là câu đưa đẩy, hay bởi lòng tốt yêu học trò đi học xa nhà. Lúc đi ra tôi ngó vào một cái bàn con để toàn nhật trình và tạp chí, thấy quyển tiểu thuyết của tôi xuất bản đã xộc xệch rách hết bìa ngoài, hình như đã có người xem nhiều lần lắm. Ra đến cửa cậu bé chào và nói rằng:

– Chúng tôi tuy mới được tiếp ông hôm nay nhưng vẫn biết tiếng ông, văn thơ của ông chúng tôi thích xem lắm. Nay gặp ông đây lấy làm hân hạnh, thật là không hẹn mà nên, từ đây mong được thừa tiếp ông luôn, vậy thứ năm này ông có thư thả mời ông quá bộ ra chơi.

Tôi cảm ơn bắt tay cậu bé tự nghĩ rằng cậu bé này còn ít tuổi mà nói năng gọn gàng văn hoa lắm, không biết nghĩ sẵn hay một câu giao thiệp đã dùng quen.

Chiều thứ năm tôi ra đã thấy cậu bé đi xe đạp đến chực ở cửa trường thấy tôi cậu vội hỏi ngay rằng:

– Hôm nọ tôi quên thưa chuyện với ông rằng chú tôi dặn hễ khi ông nhận được ví thì viết thư cho chú tôi biết vì chú tôi sợ bỏ quên thất lạc đi chăng.

Tôi nói:

– Tôi đã viết thư cảm ơn quan lớn rồi.

Hai chúng tôi cùng đi bộ ra đến bờ hồ thì cậu bé mời tôi lại nhà chơi, tôi có ý ngần ngại vì mới quen mà chơi luôn bất tiện, nhưng xem cậu bé có ý yêu tôi lắm, cách ăn nói chào mời tỏ ra một thứ quyến luyến, tự nhiên của trẻ con lúc yêu một người hơn tuổi; tôi nể lời cậu bé mà vào chơi nhà. Lúc đó nhà vắng cả. Ngồi nói chuyện uống nước, cậu Tân đem sách nhà trường cho tôi xem, cậu ấy học đã khá lắm. Xong chuyện học thì cậu đem tôi đi xem tranh vẽ và các bức ảnh treo. Nghe lời bình phẩm, cậu bé biểu tôi có biết chụp ảnh, cậu lên gác mang hòm ảnh xuống cho tôi xem. Lúc cậu Tân lên gác, tôi nhân đứng bên bàn để các báo cầm một quyển tạp chí xem, giở ngay vào trang có văn tôi đăng năm trước, nhiều giòng có nét bút chì gạch đánh dấu. Mở một quyển nữa, tôi tìm đến những bài thơ của tôi. Bên bài "Vịnh cảm Sầm Sơn" có chữ đàn bà viết bằng bút chì, chữ viết nhỏ quá mà dấu tay cầm đã mờ đi chỉ nhìn rõ mấy cậu rằng: "Đem non nước ấy vẽ thành bức tranh vân cẩu, ngọn bút kia...". Bên bài "Chơi thuyền Hồ Tây", thấy mấy chữ phê "Lai láng văn như sóng mấy từng" còn ở những bài khác của tôi cũng có chủ đề nhưng không trông rõ. Tôi đương có ý nhìn kỹ thì cậu Tân mang hòm ảnh xuống mở cho tôi xem, tôi giảng cho cậu em nghe các hạng ống kính và mỹ thuật trong cách làm ảnh, cậu Tân lấy làm thích lắm, vì cậu chỉ thích chơi ảnh và đàn "vi ô lông" (violon).

Đương nói chuyện thì người thiếu nữ đi ra, thoạt có dáng e lệ, nhưng lại giữ ngay vẻ tự nhiên như không, không phải như một vài hạng thiếu nữ khác, hễ thấy người lạ, nhất là thấy bọn tu mi thì đỏ má, cau mày, luống cuống, ngảnh mặt đi tỏ ra là ta định ý không nhìn, cái vẻ không tự nhiên ấy dù mình làm ra nghiêm chỉnh thế nào cũng tỏ rằng người lạ đứng trước mặt mình đó làm động đến cảm giác của mình, thế có phải là không muốn phô tính tình của mình ra mà thành người ta biết, ấy cũng là một chỗ yếu của lòng nữ nhi. Tôi nom khuôn mặt người thiếu nữ với cậu Tân thì biết ngay

là chị em ruột, cũng một nước da rất nhỏ cùng một khuôn mặt trái xoan, nhưng ở người chị là nữ nhi nên tay thợ tạo có sắc sảo mà dịu dàng hơn một chút: cái đường mũi hơi cao cao mà nhỏ thẳng xuống cái miệng xinh xinh, viền hai đường môi mỏng mà thăm thẳm, tạc ra cái vẻ mặt rất thanh tao tinh xảo, nhưng trên cái khuôn mặt mơn mởn tơ đào đó có một vẻ buồn cao xa kín đáo bởi ở đôi con mắt trong mà lại lờ đờ, tức là thứ mắt của người có tư tưởng mà hay mơ màng những chuyện viển vông. Cái khuôn mặt thiên nhiên đó để trên một tấm thân manh mảnh cao làm cho tôi bấy giờ mới trông thấy thứ đẹp thanh tú tĩnh mạc có cái vẻ thiêng liêng.

Lạ cho nhan sắc ở đời có thứ đẹp nồng nàn làm cho người ta ham muốn; có thứ đẹp thanh đạm làm cho người ta kính yêu như một bức nữ thần treo ở các nhà đạo giáo.

Người thiếu nữ ra ngoài cửa hàng một lúc rồi lại vào nhà trong, một lúc lại ra soạn trong tủ chè lấy bao chè mới đưa cho thằng nhỏ.

Tôi vẫn ngồi điềm nhiên nói chuyện với cậu bé, chuyện lân la mà biết được nhà chỉ có ba người; bà cụ, cô chị, và cậu em.

Lúc tôi ở đó ra về, lại chơi nhà người bạn cùng ở một phố, hỏi dò mới biết là nhà quan Án Nguyễn T. ngài mất về bệnh thổ huyết đã 5 năm nay, ngài được hai con, một gái một giai, người con gái năm nay 20 tuổi gọi là cô Lan hay là Nguyễn Thị Xuân Lan, tức là người thiếu nữ tôi nói chuyện, người con giai còn bé tức là cậu Tân, học lớp ba trường "Ly xê".

Cô Lan là con gái đẹp nhất phố, có tiếng là người văn hoa, mà lại giỏi nghề thêu thùa, bánh trái, nhưng phải tính hơi kiêu một chút, cách cư xử, ăn nói, tiếp đãi thì rất là lễ phép dịu dàng nhưng vẫn ngụ một cái ý ngạo đời. Cô ta lúc bé học chữ Nho: đến 15 tuổi, lúc quan Án mất, bà Án về Hà Nội, cô Lan đi học chữ Tây lấy được bằng Sơ học thì ở nhà buôn bán.

Từ lúc bà Án về Hà Nội, chung vốn buôn tơ lụa gia tư cũng khá, có nhà ở phố, có ruộng ở quê, một cái ấp độ chừng vài trăm mẫu nhưng bà khí vô tâm một chút mà cũng nãn việc đời, nhà cửa ít khi trông nom, giao cả cho cô Lan coi sóc, còn bà lúc chùa Hương – khi đền Kiếp, thỉnh thoảng lại thưởng mấy cuộc tổ tôm mà tiêu dao cùng tuế nguyệt vì bà hay đau yếu luôn. Quan Án còn có một

người em đương làm Tri huyện ở tỉnh B. (tức là quan Huyện tôi đến trình mất ví ngày nọ). Cô Lan với cậu Tân thường hay sang chơi bên Huyện. Nhà quan Án cũng thịnh nên hai người con thông minh mà tính nết hiền hậu cả.

Từ đó giở đi, chủ nhật, thứ năm nào tôi cũng đến chơi nhà cậu Tân, một là cái ơn giả ví, hai là bởi lòng cậu bé rất quyến luyến tôi, thường cứ đem hòm ảnh bắt tôi đi chụp các chỗ thắng cảnh ở hương thôn, ba là lòng tự nhiên cứ thích đến đó, hễ chủ nhựt nào không đến là không yên mà những lúc đi ra chơi thế nào cũng phải đi qua cửa một lượt. Tôi đến lắm thành thân, lúc rửa ảnh, lúc họa đàn, lúc giảng sách, chả mấy chốc mà tôi thành ra một ông giáo dạy tư.

Bà Án thấy thế vui lòng lắm mà rất quí tôi, tôi nói đến đây chắc anh mỉm cười mà hỏi rằng:

– Thế thì cô Lan ra làm sao? Vâng, cô Lan, cô Lan tôi xin kể nốt anh nghe, bây giờ mới đến giờ thú tội, giờ đau đớn của tôi đây.

Khi tôi đã quen biết nhà bà Án như vậy thì cô Lan cũng lấy chuyện tôi đến chơi là thường mà cũng coi tôi như một người anh hay người bạn, thường vẫn ra ngồi tiếp chuyện tôi luôn, rất thích nghe tôi thuyết lý và bình phẩm văn chương, vì cô Lan thích quốc văn lắm. Những văn thơ nàng làm thường đem cho tôi xem và nhờ chỉnh đốn lại.

Bao nhiêu những tản văn, vận văn của tôi nàng cũng mượn xem không sót quyển nào.

Thơ của nàng còn non nhưng cũng có câu được, tôi còn nhớ mấy câu tôi đọc anh nghe, anh có thể hiểu qua được hồn thơ và tính tình của nàng. Thơ tả tình có câu:

Phận liễu dám nguôi lòng sớm tối,
Tơ đào riêng thẹn mặt non sông.

Thơ đề ảnh (ngồi xem sách):

Tựa mình bên án xem người cổ,
Ẩn bóng trong gương ngẫm truyện đời.

Bài "Cảm tác" có câu rằng:

Trên đời nào biết ai tri kỷ?
Chung thủy bên mình chiếc bóng theo.

Tả cảnh có câu:

Ác tà tha thướt gác non tây,
Phơn phớt mầu đào nhuộm áng mây,
Thẳng cánh đàn chim bay nhác nhác,
Có về quê nội bảo ai hay,
Giữa dòng nước chảy mông mênh,
Bên sườn núi biếc treo tranh ác tà,
Cánh bèo, tầu lá, đài hoa,
Chảy theo giòng đục biết là đi đâu?
Giang san ai nhuộm vẻ sầu,
Con sông chảy thẳng dịp cầu bắc ngang,
Chiều chiều đứng tựa gốc cây,
Trông chim bay liệng trông mây lưng trời,
Trông xa, xa tít, xa vời,
Những non cùng nước, những đồi cùng cây.

Mấy bài tả cảnh này nàng viết lúc quan Án làm quan ở tỉnh thượng du, nàng ở lâu chỗ "xa nhân công" "gần tạo vật" trừ những lúc chơi đùa với chị em trong nhà, cả ngày chỉ "những non cùng nước, những đồi cùng cây" mà vơ vẩn ngắm "mây bay chim liệng", người đã thiên về tình cảm, lại để vào chỗ phong cảnh đìu hiu, thành ra tinh thần cũng phảng phất mơ màng như mây xanh lơ lửng giữa trời, như ánh vàng tha thướt đầu non vậy. Hoàn cảnh ấy không khỏi có ảnh hưởng về tính tình nàng sau này. Vả những người sinh trưởng ở chỗ cao sơn lưu thủy, thường hay có những cảm giác viển vông. Điều đó xét trong lịch sử với địa dư không phải là việc lạ.

Những bài thơ của nàng đại khái cũng thế cả, nhưng giọng còn bi ai hơn nhiều.

Văn chương đàn bà ta bây giờ phần nhiều thuộc về lối rất bi ai, giéo giắt, bởi nhu cảm thái đa, thành tinh thần nhược bại, nên lúc hạ ngọn bút viết là thở giọng sầu, tự trong lòng mà ra cũng có, mà chịu ảnh hưởng ở ngoài phần nhiều.

Tôi xem như tính tình cô Lan về sau này, tôi biết đàn bà hay chịu ảnh hưởng nhiều lắm.

Tôi hỏi nàng tập làm văn từ bao giờ và làm thế nào thì nàng nói rằng nàng vẫn sở thích quốc văn từ bé, nhưng không có ai dạy cả, theo hùa chị em bạn, nàng chỉ xem các tạp chí và các sách xuất bản, thấy câu nào hay thì chép vào một quyển sổ con, nàng đọc luôn đến thuộc lòng mà bao giờ cái giọng văn cũng phảng phất bên tai. Nhưng cái hay của nàng là cái giọng thơ nỉ non giéo giắt, giọng càng buồn bao nhiêu càng thích bấy nhiêu. Nàng ít thích về ý mà lắm khi cũng không hiểu ý nữa. Thế rồi nàng cứ góp nhặt những câu làm sẵn, như "Liễu ủ hoa sầu", "Năm canh giọt lệ", v.v... chắp bốn chữ sẵn làm đoạn trên, ba chữ thêm làm đoạn dưới, thành câu thơ bảy chữ hễ hợp vào cảnh hay tình mình tả, thế là thơ của mình, cho nên cảnh mùa hè mà cũng "sương sa gió thổi" đất *Việt Nam* mà cũng "tuyết phủ mây mờ"; Những bài thơ nàng làm ra như vậy đọc lên nàng nghe lấy làm thích lắm, mà giọng đó cứ vơ vẩn luôn trong óc, hễ trong lòng có một tí gì hơi buồn đem ngâm lên tự thấy tinh thần có một thứ cảm giác phảng phất bát ngát vô cùng. Về sau lúc các báo công kích thứ văn "bi ai" "vô nghĩa" thì nàng bỏ lối thơ này.

Nhân lại được ông cậu giỏi quốc văn dạy nàng viết văn luận thuyết và làm lối thơ chuộng ý hơn tứ, bắt nàng tự đặt lấy câu, tự nghĩ lấy tứ, mà hết sức tránh những sáo cũ. Từ độ ấy thì nàng viết lối văn này, nhưng lối cũ đã tiêm nhiễm từ xưa nên còn vướng lại.

Tôi thấy nàng có ý thích văn luận thuyết nên thường tôi hay đem đời sống ý tưởng tân học mà giảng cho nàng nghe, nàng cũng hiểu. Tư chất nàng rất tốt mà ý tưởng cũng cao.

Một hôm tôi bảo nàng cắt nghĩa câu: "Đàn bà sở dĩ quí là tại đàn bà là đàn bà" để xem lối quắt quéo này nàng có hiểu không. Nàng không phải nghĩ, giả lời gọn gàng rằng:

– Người ta sở dĩ quí đàn bà là bởi từ tâm, bởi những vẻ yểu điệu dịu dàng của hóa công ban riêng cho bên phụ nữ.

Nhiều khi tôi hỏi nàng một vài ý kiến về tâm lý và luân lý có lắm câu giả lời tôi lấy làm ngạc nhiên, nên nàng giúp tôi được nhiều điều trong việc quan sát về tính tình và giáo dục phụ nữ.

Từ đó, tôi với nàng thường hay đàm luận về văn chương, thế sự.

Nàng nhờ tôi đặt hộ hai chữ biệt hiệu để khi ký tên cho tiện. Nhân tên nàng là Lan, tôi tặng hai chữ "Tố Tâm"[1] nàng lấy làm vui mừng lắm.

Tôi xem chừng nàng quyến luyến tôi lắm, đã có khi nói đến việc nhà. Nàng thấy cậu em gọi tôi bằng anh thì nàng cũng gọi vậy, nên tôi gọi nàng bằng em cho tiện. Hai bên tuy không nói ra mà định nhận là anh em, lấy tình bè bạn ra mà đối đãi.

2.

Cuộc ái ân thân mật phát nguyên là thế, mà về sau luyến ái cho đến xảy ra một tấn bi kịch. Trong cuộc ái ân đó từ lúc phát nguyên cho đến lúc kết quả có thể chia ra hai hồi, tính tình hơi khác nhau.

Hồi thứ nhất là lúc hai bên yêu nhau mà vẫn phân vân e lệ, chưa biết tình yêu đó là thứ tình gì, chỉ biết quấn quýt nhau trò chuyện, mà xa nhau thì nhớ, vắng nhau thì buồn, nhưng cái buồn cái nhớ đó còn phảng phất như anh nhớ em, bố mẹ nhớ con, bạn bè nhớ nhau mà thôi, chưa có cái nồng nàn nam nữ nhớ nhau vậy.

Thời kỳ này là lúc những cử chỉ bề ngoài cho đến tính tình trong dạ lúc nào cũng ở trong vòng huynh đệ. Dù trong lòng có khi lửa tình chợt nhóm cũng phải nén xuống ngay mà không dám để lộ cho nhau biết. Hai bên cùng giữ ý như cách nhau một bức tường ngăn, chắc hai bên cũng có lúc muốn trèo qua tường mà không bên nào dám: nàng thì còn e mình là con nhà nề nếp, và phận đào tơ phải giữ ngọc gìn vàng. Còn tôi là nam nhi thì xử sự có được tự do hơn một tý, vả xưa này con giai tỏ tình yêu con gái một cách chính đính thì cũng là lẽ thường, nhưng nghĩ mình bởi đến chơi nhà nàng mà quen, chứ không phải là hai bên tương ngộ, vả tôi đã yêu nàng lắm, trong óc đã nẩy ra lắm chuyện mơ màng, nhưng vẫn sợ cái lòng tin cẩn của bà Án và lòng quyến luyến của cậu em. Đành rằng yêu một người thiếu nữ để mà yêu, mà quý, mà làm một người tri kỷ, không có một tý manh tâm nào là một việc thường của người

1. Các loài lan có thứ gọi là *Tố Tâm*. Trong lòng hoa trắng.

thiếu niên, nhưng trong lương tâm tôi vẫn có cái e lệ tự nhiên, và lúc đó tôi còn thích làm một ông anh, trong lòng có một cái thú của người thích điều quảng đại đem lòng nam tử mà che chở cho một người yếu ớt hơn mình.

Tuy nhiên, trong lòng tôi dần dần cứ thấy ái tình lấn mãi, tôi đoán trước rằng có một ngày kia nó chiếm hết lòng tôi, vì tôi cứ nghĩ đến nàng luôn, thứ nhất những lúc đêm nằm chưa ngủ hay lúc sáng sớm mới mở mắt ra, những lúc chiều giời mát mẻ hay là đêm vắng giăng trong, ngồi tưởng tượng ra những cảnh mơ màng của hai người yêu nhau đương vơ vẩn ở chỗ cao sơn lưu thủy, những điều tưởng tượng đó làm cho tôi thêm hớn hở khát khao. Theo tâm lý tôi vẫn hiểu rằng trí tưởng tượng làm cho lòng mê thêm mạnh, thế mà hễ nghĩ đến nàng tôi không thể đừng bày ra một thế giới bào ảnh, cho nên giời êm cảnh đẹp hay gợi lòng người trong cuộc ái tình, thứ nhất cho những người lòng đã thiên về tình cảm, lại sẵn có thứ óc văn chương, hồn thơ lai láng này. Tôi cũng vì sẵn thứ tính tình ấy nên mới vướng vào cuộc ái tình này. Những điều tôi kể với anh là do việc có chứng cớ hiển nhiên đã thí nhiệm rồi, đem so vào lý luận, chứ không làm lối thuyết lý trống không, như cách bắn súng chỉ thiên không tựa vào sự thực nào cả.

Tôi yêu nàng như vậy mà tôi vẫn giữ được kín, có nhẽ tại tôi là con giai, lại tự mình hiểu được việc mình làm nên cử chỉ điềm nhiên. Hay có nhẽ mắt quan sát của nàng không thể tách bạch được điều vô ý tôi thổ lộ ra trong lúc trò chuyện giữ gìn; còn nàng thì cũng yêu tôi lắm nhưng nàng không che kín được như tôi, nhiều khi nàng vẩn vơ bối rối hiện ra ngoài, mà lúc hiện hình đó không thể thoát được con mắt tôi. Tôi lại hay gợi những cảm giác bất kỳ mà hỏi nàng xem có thực yêu tôi không, vì xét tính tình chỉ xét lúc bất kỳ đó dễ hơn cả. Đại khái những lúc tôi đến, gặp nàng đang cúi đầu ngồi thêu, chẻ dưa, hay xem sách, bất thình lình ngửng lên thấy tôi thì nét mặt nàng có vẻ khác, có một "tia mừng" tự trong tâm chạy lên mặt thoáng qua hai con mắt và đôi gò má. "Tia mừng" ấy không ai ngăn được, thứ mừng này là mừng của đôi nam nữ yêu nhau được trông thấy mặt nhau, thứ mừng nó làm cho quả tim đập một lúc...

Những lúc tôi đến nàng săn sóc, chạy vào chạy ra có vẻ hớn hở như một đứa trẻ thấy đám rước sắp đến hay nhà mua vật gì đẹp mới mang về.

Nàng pha nước tôi uống, lấy giầu tôi ăn, mà bắt tôi phải ăn miếng giầu nàng đưa mới nghe. Câu hỏi thứ nhất là:

– Độ này anh có mạnh không? có hay sốt nữa không?

Nàng săn sóc sức khỏe tôi lắm. Câu thứ hai là:

– Anh có viết được bài nào hay không?

Nhưng, câu hỏi này có khi tôi biết là nàng hỏi lấy lệ cho có câu chuyện văn chương cho người chung quanh khỏi để ý, vì người ở đó cũng đông, trừ ra bà Án với ba chúng tôi còn người bán hàng và tôi tớ trong nhà nữa. Nhà có một con vú nửa con đỏ mà nửa vú già, người béo trắng và thâm thấp, đôi con mắt bé mà sắc, nói thì bao giờ nó cũng cười. Nhiều khi Tố Tâm mắng và tôi làm nghiêm mà nó cũng không bỏ hết tính nhí nhảnh ấy. Một hôm Tố Tâm đương nói chuyện với tôi thì chạy vào nhà trong có chút việc, khi nàng đi khỏi, con vú đứng đó nói với tôi rằng:

– Lúc nãy chị con kêu sốt, váng đầu, hỏi không buồn nói, mà bây giờ đã chuyện như pháo ran.

Tôi đoán là con vú nó hiểu ý, nhưng tôi làm ngơ không giả lời. Con vú này là một thứ vú tinh ranh, ở vào những nhà lắm thiếu nữ thì nó lấy được nhiều tiền của khách "tường đông nghé mắt". Nhưng câu nó nói đây là nói thật mà làm cho tôi thêm biết tính tình của Tố Tâm lúc bấy giờ. Nàng thích nói chuyện với tôi lắm, tôi đến bao giờ cũng ngồi nói chuyện thật lâu, hết văn chương đến luân lý, hết luân lý đến chuyện đời, có khi nói đến chuyện vẩn vơ đâu, thành ra lắm lúc quí hồ có câu chuyện mà nói với tôi là nàng vui lòng.

Nhiều lúc ngồi lâu quá thì nàng giục tôi về kẻo quá giờ vào trường, mà chính nàng lại tìm cách lưu tôi lại, được một vài phút cũng lưu.

Đại khái như là tôi đứng dậy cầm mũ thì nàng bảo để cho người đi gọi xe đã, có khi đến 15 phút mà không thấy xe. Tôi ra về thì nàng lại hỏi một câu chuyện gì đó, bắt tôi phải cắt nghĩa, hay tôi có nhờ mua hoặc làm hộ cái gì, thì đợi lúc tôi ra về nàng mới

hỏi lại. Thành ra từ lúc chuyển về đến lúc ra cửa có khi hàng giờ đồng hồ, nhưng tôi tự biết rằng trong lúc dùng dằng như vậy cũng tại tôi một nửa. Khi tôi ngồi lâu thì sốt ruột, nhưng lúc đứng lên cầm mũ thì lại muốn ngồi thêm, hình như tiếc mà không dứt về được, cho nên nhiều lần chủ nhật và chiều thứ năm cũng trôi vào trong câu chuyện kéo dài đó!

Bức tường ngăn càng ngày càng thấy lở dần. Lắm lúc tôi thấy lý thuyết của tôi nghĩ ra để giữ bức tường ấy được vững bền thì thường lại bị lý thuyết khác của lòng đánh đổ. Nhiều khi tôi làm việc gì khi quá bạo thì tôi lại tìm ngay được nhẽ phải mà tự thứ lỗi cho mình. Tôi chắc lòng nàng cũng như vậy, nhưng nàng không dám lấn mạnh như tôi vì tính tình đàn bà thuộc về thế thủ. Tuy vậy, nàng che kín đến đâu cũng bị lộ vì những lối quấn quýt, những dáng điệu vô tình, những câu vô ý, những lúc hai mắt nàng nhìn tôi có một nghĩa riêng mà nàng không biết, đủ làm cho tôi hiểu thấu tâm can. Lắm khi trong hai con mắt nàng nhìn tôi có vẻ thiết tha hình như kêu van tôi ngỏ lời trước đi cho nàng được thỏa, mà chắc lắm lúc trong con mắt tôi cũng kêu van nàng đừng làm cho tôi một ngày kia phải thú tội với nàng.

Dây liên lạc càng ngày càng chặt, tình thân ái càng ngày càng thổ lộ ra, không lẽ phải nào ngăn lại nữa.

Ôi! "lòng người ta có những điều phải mà chính lẽ phải không biết đến được".

Một hôm nàng nhờ tôi vẽ kiểu thêu khăn tay, tôi ngồi bàn vẽ, thì nàng cũng ngồi xem, cậu em ngồi bên cạnh, trong khi đang mải vẽ thì tôi thấy chân tôi hình như vật gì đè lên, nhân cái tẩy rơi, tôi cúi xuống nhặt thì thấy bàn chân nàng để lên trên giày tây tôi, tôi biết vậy mà không dám co chân lại, sợ nàng chợt biết thì ngượng cho nàng chăng, tôi chắc nàng vô tình tự nhiên mà để chân như vậy, nhưng điều vô tình đó là biểu hiện của cái hữu tình trong lòng nàng, mà chính nàng cũng không biết. Tôi hiểu ngay là ái tình nàng đã mạnh lắm rồi. Tôi thấy tính tình nàng như vậy, tôi nửa vui nửa buồn. Cái vui thì chả nói anh cũng hiểu, thứ vui vị kỷ đã chiếm được lòng một người nữ nhi, còn cái buồn thì do ở lương tâm mà ra. Tôi sợ cuộc ân ái này về sau làm lụy đến nàng, làm cho nàng chịu

những điều đau đớn, vì tôi không thể tính cuộc trăm năm với nàng, mà chắc nàng chưa biết đến câu chuyện đó.

Hẳn anh đã biết rằng gia thân tôi đã định cho tôi một nơi, đi lại đã ba năm nay rồi, chỉ đợi khi tôi xong công việc nhà trường thì lo bề gia thất. Nơi này thì không khi nào xê xích đi được, một là nhà cố hữu với gia thân tôi, hai là gia pháp nhà tôi còn nghiêm nhặt lắm, tình gia quyến tôi rất mạnh, gia đình đối với tôi có một nghĩa thiêng liêng làm cho tôi yêu kính, cho nên phàm những việc gì thuộc về gia quyến cũng đều có vẻ thiêng liêng cả.

Tôi nói vậy chắc anh cho tôi là người không chính đính, đã định bề gia thất rồi mà còn đem lòng yêu riêng một người thiếu nữ nữa. Nhưng, anh ơi! Nếu thật anh nghĩ như vậy thì anh không xét cái bí mật của lòng con người ta. Tôi xin tỏ anh rõ, tôi đối với người mà nhà đã định cho, đó chỉ kính mà chưa yêu, vì tôi chưa biết tính tình mà đến dung nhan cũng chưa được nhìn rõ, và lòng kính đó là do cái kính đối với gia quyến mà ra. Tôi coi người sẽ tính cuộc trăm năm kia như một bảo vật của nhà sẽ ban cho tôi, chứ trong lòng tôi chưa thấy cái gì là yêu cả, tôi coi như một người lạ vậy. Còn Tố Tâm là tự tôi biết người biết mặt, biết cả tấm lòng lại hợp tâm trí với tôi, ở gần tôi mà tỏ tình quyến luyến thì tài nào mà lòng tôi không thiên về nàng.

Một đôi giai gái quen nhau, hợp tính tình nhau mà lòng chưa vướng nơi nào cả, lại để gần nhau luôn mà chuyện trò thăm hỏi thì không sao khỏi sinh tình luyến ái được, dù muốn nhận là anh em hay bè bạn, muốn nói những thứ tình viển vông đâu cũng toàn là ảo tưởng cả. Duy cái cao thượng chỉ ở trong tình luyến ái vật chất hay tinh thần, lúc đã yêu nhau rồi thì khó mà ngăn lại được. Túng nhiên, anh có quá nghiêm mà hỏi tôi rằng tại sao người bảo yêu không yêu, người không cho phép yêu lại cứ yêu. Điều đó thì tôi cũng nhờ anh và những người tự xưng là đạo đức giảng hộ cái nỗi éo le này. Theo ý tôi thì tôi chỉ nói rằng: tại Hóa công nặn lòng người ra như vậy, chắc ai đã biết yêu qua, đã bị quả tim một vài lần làm thổn thức thì cũng nghĩ như tôi, còn ý những người chưa được yêu ai mà cũng chưa ai yêu đến thì nghĩ thế nào tôi không hiểu.

Nói tóm lại thì cái yêu cái ghét chính ở trong lòng người ta mà hình như ở đâu đưa đến ta, không thể bảo được, mà cũng không

ai bảo được, ai bảo được tôi xin gọi là ông tạo hóa con, cho nên đã yêu là yêu, đã ghét là ghét, lắm lúc muốn lấy lại tấm lòng mà không được, có lúc biết điều phiền mà vẫn bắt mình làm. Ôi nhân tâm! Ôi tạo vật! Nhờ ai giải hộ cái yêu cái ghét ở đời cho lòng người ta lắm khi khỏi vì ghét yêu mà sướng khổ!

Tình thế của tôi như vậy, lòng tôi đương rất yêu nàng mà nhẽ phải lại khiến tôi quên nàng, bắt tôi phải làm cho nàng cũng đừng yêu tôi nữa để tránh cho nàng một điều phiền lụy về sau. Vâng thì tôi cũng đành theo nhẽ phải, nhưng xét cho kỹ thì bởi lòng tôi yêu nàng một cách chân thật thủy chung nên tâm với trí tôi mới đánh nhau cả ngày như vậy. Tôi quyết viết cho nàng một bức thư nói với nàng rằng đến chủ nhật này tôi về thăm nhạc gia tôi có việc, để nàng hiểu ý là tôi đã định bề gia thất rồi, chắc nàng thất vọng mà tìm cách xa dần tôi. Tôi viết rồi lại xé, giùng giằng đến ba lần mới xong bức thư. Lúc đưa cho thằng bé mang đi rồi, tôi lại muốn chạy theo mà gọi lại. Thằng bé đi khỏi, tôi ôm đầu ngồi đến hàng giờ. Lòng người ta cũng kỳ quặc thật.

Cách mấy hôm sau tôi nhận được thư nàng, cầm lấy thư không dám bóc, tưởng như là một bức thư từ biệt mà sợ, lúc xé thư ra xem chỉ có mấy câu rằng:

"Kính gửi anh Đạm Thủy,

Thưa anh, em tiếp được thư anh em lấy làm vui mừng lắm, nhưng thấy chữ mà chả thấy người. Thứ năm này xin mời anh ra chơi, em mấy hôm nay hơi khó ở.

Kính chúc anh về nhà được mạnh, quý quyến bình an".

Xem xong thư, tôi không hiểu tính tình nàng ra sao cả, chiều thứ năm tôi ra chơi thì thấy mặt nàng hơi xanh, nhưng cách tiếp đãi cử chỉ không có chút gì khác thường cả, vẫn quyến luyến vui vẻ tươi cười. Nàng lại nói pha trò về chuyện cưới xin của tôi như một cô em gái nói đùa anh giai lúc anh mới đi xêu về.

Tôi thấy tính tình nàng như vậy, thấy nàng vẫn yêu tôi trong tình huynh đệ thì tưởng những điều quan sát của tôi là nhầm, tôi lấy làm chột dạ. Túng nhiên, quả nàng yêu tôi lối ấy, mà tôi lại nghĩ ra lối kia, chắc e lệ cho nàng mà tôi cũng ngượng lắm.

Nhưng không, anh ạ. Những điều quan sát của tôi không nhầm. Còn như tại sao bức thư của tôi không làm cho nàng đổi dạ thì về sau anh sẽ hiểu.

Nàng quả yêu tôi như tôi tưởng, chuyện tôi sẽ kể ra đây đủ làm chứng cớ mà cũng vì chuyện này nên chúng tôi xô đổ bức tường ngăn.

Một hôm, tôi đến bất kỳ để bảo cậu Tân chút việc cần cậu ấy hỏi. Lúc đến, tôi không thấy ai ở nhà dưới thì tôi cứ thẳng lên gác như mọi khi nhưng cậu Tân đi vắng. Giá có Tố Tâm đó thì tôi cũng dặn qua vài câu rồi xuống, vì từ khi quen biết đến giờ tôi vẫn giữ ý, không ngồi nói chuyện một mình với nàng ở trên gác bao giờ. Nhưng Tố Tâm cũng không thấy, tôi dừng lại chực viết mấy chữ để lại cho cậu Tân. Tôi lại bên bàn giấy thấy tráp may của Tố Tâm bỏ ngỏ, trong có những khăn thêu và mặt gối kết chỉ rất đẹp. Bởi tính thích quan sát mà thành ra tẩn mẩn, vả cũng bởi của người thân yêu nên tôi lục xem hết dưới đáy tráp, tôi thấy một mảnh giấy vẽ hai chữ V.L. giằng lại với nhau, tôi hiểu ý ngay. Đang ngậm ngùi với mảnh giấy ấy thì nghe có tiếng chân đi nhẹ, tôi quay lại thấy Tố Tâm, thì ra nàng thay áo ở trong buồng mà tôi không biết, ván gác đánh bóng, nàng lên gác thường đi chân không, nên nàng lại đến gần, tôi mới biết. Nàng thấy tôi xem mảnh giấy đó thì thốt nhiên giơ tay cầm chặt lấy tay tôi, một tay cầm lấy giấy, rồi lại bỏ ra ngay.

Mặt biến sắc, con mắt hoe hoe rồi ngồi phịch xuống ghế, gục đầu vào bàn mà khóc. Tôi thổn thức mà bối rối quá chừng, nói chỉ ra hơi và không thành tiếng. Cái thổn thức đó, ai đã qua lúc này như tội, ai đã phải giọt nước mắt đầu của ái tình bị đè nén bấy lâu, nó rỏ vào ruột mới hiểu được. Tôi nói không ra tiếng nên cầm lấy tay nàng mà lôi dậy, van nàng im đi, trong ngũ quan tôi hình như cũng lay động, một lúc tôi mới nói được một câu rằng:

– Thôi, em đừng khóc nữa. Những nỗi lòng em, anh đã hiểu cả rồi, anh xin chịu lỗi với em, anh đã làm cho em phải ngậm ngùi thương nhớ bấy lâu, anh làm cho em hôm nay phải bật lên mà khóc. Thôi, chẳng qua ái tình bắt buộc lòng ta như vậy. Em đứng dậy kẻo ai trông thấy bất tiện lắm. Đi em, đứng dậy đi em... anh van em...

Nàng đứng dậy kéo khăn lau mắt rồi lại bàn rửa mặt, gần đến nơi thì nàng quay lại, tôi hiểu ý là nàng không dám trông vào gương.

Tôi trông nàng có vẻ e lệ thì tôi từ biệt ra về, ý nàng muốn cầm lại để giải nghĩa mấy giọt nước mắt đó nhưng ngập ngừng không nói.

Lúc tôi bước chân xuống thang gác nghe một tiếng gọi: "Anh", nhưng tôi không muốn quay lại nữa.

Tôi ở nhà nàng ra trong lòng vẫn còn thổn thức, mấy giọt nước mắt vừa rồi hình như còn đương tý tách trong tim.

Tuy nói là hiểu rồi, nhưng cũng còn phân vân chưa biết rõ tại sao mà nàng đến khóc òa lên được...

Ôi! ái tình có lực gì mạnh vậy! Thôi, từ nay bức tường ngăn giữ ngày trước của hai bên đã đạp đổ đi rồi.

Tôi vừa đi vừa nghĩ, hai tay đút túi, lững thững quanh bờ hồ về trường.

3.

Sáng hôm sau người coi cửa trường đưa cho tôi một phong thư, nhìn chữ biết là thư nàng, trong lòng thấy chuyển động, lại tưởng là bức thư vĩnh biệt, mà những giọt nước mắt hôm đó là mấy chén rượu quan hà...

Đạm Thủy nói đến đó thì mở hộp lấy thư đưa cho ký giả mà nói rằng: "Thư đây, anh xem lấy, cho tôi nghỉ một tý". Đạm Thủy tựa lưng vào ghế, ngửa đầu ra đằng sau, tôi gọi "bồi" lấy nước.

Ký giả mở thư ra xem thấy chữ mềm mại, mà những nét dài lại cứng cát. Thư:

"Mấy lời thú tội của kẻ non gan,

Kính gửi anh Đạm Thủy,

Khổ lòng lắm anh ơi! Nói ra thì những ngượng nhời, mà để dạ cũng đến khô héo. Anh có biết em đem lòng yêu anh đã lâu, và anh đã làm cho em thổn thức mấy tháng nay rồi không? Em nói thế thì anh ngạc nhiên, nhưng thật vậy, từ khi em đọc văn thơ anh trên tờ báo thì em đem lòng yêu anh, em kính mến ba chữ tên anh như người bạn quý của em vậy. Em chưa biết người, biết mặt, em chỉ xem văn chương, tính tình, tư tưởng của anh mà em yêu, cái yêu kỳ thay, không biết có ai yêu lạ lùng thế không? Em đọc văn anh, em

tưởng tượng ra một người thiếu niên có tư tưởng khẳng khái, mà nghĩ như em đã được gặp anh đâu rồi. Em đọc đến văn thơ anh là trong người thấy phấn chấn, sinh ra một tình cảm phảng phất nhẹ nhàng như vơ vẩn ở chỗ không gian vậy. Em đọc văn anh em không nhìn tên cũng biết không thể lạc được. Có nhiều chỗ em xem không hiểu hết ý, nhưng cứ đọc giọng văn anh lên là em đủ biết, sao anh hợp tâm hợp trí với em làm vậy! Nhưng, lắm lúc em lại tự hỏi không biết văn với người có giống nhau không? Vì có lắm người văn chương, tư tưởng đem so với tấm lòng sai nhau nhiều lắm. Em lại sợ con mắt em còn non nớt, điều quan sát đã đúng với sự thực chưa, nên lòng kính yêu vẫn thăng, trầm, không đích.

Nhưng từ khi cơ giời run rủi, cái ví giấy của anh lạc vào nhà chú Huyện em thì em chắc dạ, mà đem lòng kính mến anh bội phần. Chuyện tình cờ đó em xin thuật lại anh nghe.

Một hôm em bỏ giầu cau vào tráp của chú em, em thấy một cái ví rất đẹp, em mở hé ra xem thấy danh thiếp của anh, em ngạc nhiên tự hỏi sao cái tên của người mình kính mến lại chạy vào nằm đây, em mở từng ngăn ví ra xem. Ngăn thứ nhất, để danh thiếp của anh và của các bạn, em biết hết những bạn anh là ai; ngăn thứ hai, để các ảnh của anh và giấy nhà trường cấp; ngăn thứ ba, có các mảnh giấy nhỏ hoặc bức thư thân tín, hoặc những câu quốc văn, Pháp văn anh mới viết xong hay còn viết dở; ngăn thứ tư, có quyển sổ con chép những điều anh quan sát hàng ngày và những ý tưởng lạ. Em đọc thư anh ngắm ảnh anh, xem giấy má của anh, em hiểu anh là người thế nào rồi. Em càng hiểu anh bao nhiêu thì lòng kính yêu lại càng mạnh lên bấy nhiêu, mà chắc anh thì cứ dửng dưng biết đâu trên cõi đời này có người yêu anh nhỉ ?

"Có khi em cả gan nghĩ đến chuyện tính cách gặp anh, mà cũng nhiều lúc em muốn viết thư cho anh để tiếp chuyện với một vị khách văn chương tri kỷ, để gọi tỏ lòng cảm phục văn anh, nhưng nữ nhi đâu đã dám làm những lối tối tân ấy.

"Em tưởng như gặp anh thì có thể đối diện mà tiếp chuyện anh được thế mà hôm anh đến chơi nhà, em vui mừng e lệ bối rối, phải chạy vào trong nhà. Mấy lần muốn ra chào anh một tiếng, mà hễ

ra cửa lại quay vào, hình như trong mình có sức gì mạnh bảo em phải ngồi yên.

"Lần thứ hai anh đến; em ở trong nhà ra chợt thấy anh thì tự nhiên người thổn thức, nên em phải đi thẳng ra ngoài cửa hàng nhưng em vẫn giữ được vẻ tự nhiên, tính em như vậy. Em ngồi một lúc lại muốn quay vào nhưng hễ đi qua anh lại phải đi thẳng. Ôi! lòng yêu với tính e lệ của người thiếu nữ hay xung đột nhau như vậy, đã làm cho em thổn thức biết bao phen! Nhưng tự khi em bắt đầu tiếp chuyện với anh, thì em đem lòng yêu quý anh như một người huynh trưởng vậy. Thật ý em chỉ định lấy tình huynh đệ mà thừa tiếp anh, giời chứng quả cho lời nói của em lúc này. Nhưng anh ơi! anh có ma lực gì mà lòng em một ngày một vướng vít khiến em hết sức giữ lấy mực xưa mà không giữ nổi, hễ xa anh thì nhớ nhớ, vắng anh thì buồn buồn, cuộc đời em không thể rời anh ra được nữa. Lòng em yêu anh là thế mà em vẫn phải nén lòng một cách khổ sở.

"Nhiều lần anh sơ ý để em hiểu rõ lòng anh, em tưởng như giá anh hở ra một câu thì em vái anh mấy vái. Em thấy cử chỉ của anh rất đứng đắn mà em sợ, em phục; em phục thì em lại yêu thêm, như trong người em vẫn có một sức tự đâu đưa đến bắt em không được nói ra trước. Ôi! cái thầm yêu trộm nhớ xót xa ấy đọng lại mà làm cho em phải khóc òa lên lúc anh bới thấy lòng em trên mảnh giấy. Thật cũng may mà cũng tủi cho em.

"Anh ơi! em hạ bút viết thư này cho anh nghĩ cũng tủi, nhưng lòng em thực, tình em ngay, nên em nói hết với anh: đối với người em yêu, em không thích dùng cách "kín hở". Em yêu anh bởi tâm tình tự nhiên, em biết yêu là yêu, còn những chuyện đời dính dáng chung quanh anh, em không thể nghĩ đến. Nên bức thư hôm nọ em coi cũng thường như bức thư khác của anh mà thôi. Em chỉ buồn vì một nỗi em quấy rối lòng anh và để phiền đến người sẽ cùng anh nên gia thất. Việc gia thất của anh em đã biết trước, biết từ lúc em quen anh được ít lâu. Em vẫn tự hiểu rằng: cuộc đời của em là đời vẩn vơ, ái tình của em là ái tình vô hi vọng, nhưng em đã đem lòng yêu anh thì em cứ biết yêu anh, em lấy tình luyến ái của anh em ta làm khuây khỏa, còn về sau nữa em phó mặc khuôn thiêng.

"Thôi, em không thể viết nữa mà anh cũng đừng bắt em nói nhiều.

"Mấy nhời tỏ tình anh biết, chắc anh cũng hiểu cho rằng: em thật lòng với anh mới viết đến những thư này.

Em anh:
TỐ TÂM bái"

Ký giả không phải là người trong cuộc mà xem xong bức thư này cũng hơi chút gợn lòng, gập thư lại thì Đạm Thủy vừa uống nước xong lại nói luôn rằng:

– Anh xem thư ấy cũng đủ biết Tố Tâm đã đến thời kỳ không rời tôi được.

Tôi tự hiểu rằng tình luyến ái đó sẽ có ảnh hưởng to cho cuộc đời hai đứa chúng tôi. Nhưng bây giờ thì không sao ngăn được nữa, trong cách dẹp ái tình không gì dở bằng đương đầm thắm mặn nồng mà đem ngăn lại, mà không gì vô ích bằng giảng đạo đức với người đương ham mê !

Từ khi hai bên đã thú nhận với nhau rồi, tôi ít đến nhà nàng lắm, vì tôi lấy làm ngượng, và lòng quyến luyến của tôi đã lộ ra khắp trong nhà, đến tai bà Án; nên bà ra ý gìn giữ Tố Tâm. Một vài khi tôi đến chơi, nàng ít ra tiếp chuyện. Chúng tôi thưa gặp mặt thì thư từ đi lại luôn, phần nhiều thì thư đàm luận, nàng viết cho tôi lắm bức thư rất hay. Cảm động nhất là bức thư hôm mồng ba tháng bảy, có nhẽ tại thư đến trúng vào lúc tôi mới ngủ dậy một mình ngồi tựa bao lơn trên gác, ôn lại giấc mộng lúc ban đêm mà tưởng nhớ nàng, nên thư hợp cảnh hợp tình mà làm cho tôi cảm động, xem đi xem lại đến thuộc lòng. Tôi đọc anh nghe:

"Trong buồng khuê nửa đêm hôm mồng 3 tháng bảy

Anh ơi! đêm hôm nay là đêm gì mà mưa gió âm thầm, góc trời đen nghịt, có phải mồng ba tháng bảy, là ngày ả Chức chàng Ngâu một năm mới thấy mặt nhau một lần không, anh nhỉ? Thảo nào mà chiều hôm nay em tiếp được thư anh, nhưng thư không phải là người, chỉ là lưu ảnh và bút tích của người mà thôi, còn chàng Ngưu và ả Chức là người cả, chả biết rằng Ngưu Lang Chức Nữ những khi xa cách nhớ thương bên sông sùi sụt có oán hận những người đem

sông Ngân mà chắn qua con đường ái ân không nhỉ? Người tiên thì không biết, chứ người trần thì phải đau đớn ngậm ngùi mà ngâm mấy câu rằng:

Quân tại Tương giang đầu,
Thiếp tại Tương giang vĩ.
Tương tư bất tương kiến,
Đồng ẩm Tương giang thủy.

Tức là sông Tương một giải nông sờ, bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia, đó anh ạ.

Thôi, chả nói chuyện xa cách nhớ thương này nữa, vì nói càng thêm gợi, gợi càng thêm buồn, mà cuộc gặp nhau vẫn khó bằng ba dịp cầu ô thước bắc trên sông Ngân".

Thơ nàng viết có mấy câu mà rất là lưu loát. Anh thử tưởng tượng ra một người thiếu nữ có văn chương, một mình trong buồng khuê lúc đêm thanh cảnh vắng, ngồi bên cái màn đào nửa vắt nửa buông. Ngoài hiên giời mưa sa tý tách, mở cửa sổ ra trông thấy giời mây u ám, chợt nhớ đến chàng Ngưu ả Chức đương cùng nhau giọt lệ vắn dài, nên "trông người lại ngắm đến ta" mà mượn bút tả tính tình lúc bấy giờ gửi cho người yêu của mình thấu tỏ, nên tính tình càng bi thiết lắm thay!

Có một điều anh đáng lưu ý là từ khi nàng yêu tôi trò chuyện thư từ luôn với tôi, thì giọng văn của nàng tập nhiễm giống y như giọng văn tôi. Cách lập ngôn, lối luận thuyết cùng một thể. Nàng chịu ảnh hưởng của tôi rất mạnh, từ câu văn nhời nói, cho đến cử chỉ tính tình cũng mài theo khuôn tôi cả. Tôi yêu gì là nàng yêu, tôi ghét gì là nàng ghét, tôi bảo nàng gì nàng cũng nghe, tôi cấm nàng gì nàng cũng chịu. Đến cả những thói quen, tập từ thuở nhỏ về lối đài các không hợp thời, hễ tôi chê là nàng bỏ dần dần được hết, thành ra tôi chủ trương được lòng nàng, được tính tình, và tư tưởng của nàng cả. Điều này làm cho tôi mơ tưởng đến một lối giáo dục tôi gọi là "giáo dục bằng ái tình", nghĩa là tôi định lấy ái tình mà truyền bá tư tưởng cảm hóa tính tình, rồi nhờ thói quen giữ lấy những điều đã truyền bá và cảm hóa được, tức như lấy ái tình làm quân đi chiếm đất, rồi luyện thói quen để về sau làm quân giữ

thành, vì ái tình là thứ quân nhất thời rất mạnh bạo nhưng khó bề sợ rằng quân tàn thì thành chiếm cũng mất.

Chúng tôi đã bước lên cái thời kỳ say đắm rồi, anh ạ. Thư từ không thể làm cho nguôi được nỗi nhớ thương, phải gặp mặt nhau, phải trông thấy nhau, phải cùng nhau trò chuyện để nghe những giọng cười, tiếng nói của nhau mới yên dạ, nhưng tôi không thể gặp luôn nàng ở nhà nàng nữa, anh nghĩ thế có buồn không. Lần cuối cùng tôi đến nhà nàng là rằm tháng tám. Nàng bày cỗ mời tôi ra xem, cỗ của nàng bày thì cũng như cỗ của các mỹ nhân khéo ở Hà thành, mà tháng tám năm nào cũng thấy ngần ấy thức. Trong đám cỗ của nàng, thích mắt nhất là cành hoa lan gọt bằng đu đủ rất tinh tế và bốn bát gạo nếp nhuộm các mùi giạt thành bốn chữ Đ.T.T.T. rất dụng công. Chị em bạn nàng đến xem cho là khéo lắm, xúm xít lại đoán mãi không hiểu nghĩa bốn chữ ấy là gì, chỉ hai đứa chúng tôi tự hiểu với nhau, nàng đưa mắt cho tôi thì tôi hơi mỉm cười một chút rồi lại điềm nhiên như không. Có một điều là nàng khờ là nàng không phòng lấy một câu mà giải nghĩa bốn chữ ấy để khi có người hỏi, sẵn mà giả nhời. Thành ra lúc chị em bạn đoán mãi không ra, hỏi nàng thì nàng có phần lúng túng, nhưng cũng giả nhời được rằng: Đ.T.T.T. là: "Đêm thu trăng tỏ". Tôi gật đầu mà khen nàng nhanh trí, nhưng chính ý nàng viết bốn chữ "Đạm Thủy Tố Tâm" chả nói thì anh cũng hiểu.

Tôi giữ tiếng cho nàng nên không đến nhà nàng, thế mà chúng tôi phải cần gặp nhau mà trò chuyện, nên những khi nàng rỗi việc gặp vào ngày tôi được nghỉ thì tôi rủ nàng và cậu em đi dạo chơi ở các vùng nhà quê chung quanh Hà Nội.

Hôm thì đi về lối cầu Giấy, đi qua đền Voi Phục, chùa Láng rồi đi quanh về ngã Tư Sở. Hôm thì đi quanh quẩn trong ấp Thái Hà. Lắm hôm lang thang trong các làng nhà quê, hay vơ vẩn ở giữa quãng đồng lúa chín, ngồi dưới gốc cây mà ngắm đồng lúa mông mênh bát ngát, trận gió ào lay động ngọn lúa như những làn sóng bể vàng, còn những bám tre lơ thơ ở giữa đồng thì tựa như những hải đảo có cây xanh; ngồi tưởng tượng hình như chúng tôi ngồi ở bờ bể. Có khi chúng tôi chạy hẳn xuống ruộng với những người gặt lúa. Tố Tâm đi ngắt từng bông lúa, chạy đuổi cào cào, châu chấu như một đứa trẻ ngây thơ rồi bắt tôi cầm một cách nũng nịu. Tính nàng

xưa nay vẫn trầm tĩnh nghiêm chỉnh, sao những lúc đi với tôi đây lại hớn hở nghịch đùa một cách ngây thơ? Nàng cứ chạy chơi như vậy hết ruộng nọ sang ruộng kia, lên bờ cao xuống bờ thấp mà dưới ánh nắng buổi chiều thu hơi nhạt nhạt, trông mặt nàng đỏ hồng hồng, giấp tý bồ hôi, dính mấy sợi tóc mây xõa xuống trán, nàng càng đẹp thêm lên. Tôi bản tính vẫn trầm mặc ít hay nô đùa, mà sao lúc này cũng đi theo sau nàng cười cợt. Người ta dù nghiêm chỉnh thế nào, lúc ái tình bằng bằng trong ruột cũng hóa ra trẻ thơ, làm những cái tỉ mỉ, nói những câu ngây thơ, hai người trong cuộc nghe thì cực thú mà lọt vào tai người ngoài thì nhiều câu rất vô nghĩa: Tôi tuy đùa nghịch mà vẫn lặng ngắm cái dáng điệu tự nhiên của khối tình trong sạch tự trong lòng nàng thổ lộ ra ngoài và bức tranh kiệt tác về người thiếu nữ bên cảnh thiên nhiên của Tạo vật.

Chúng tôi đi chơi như vậy, mệt thì ngồi xuống bờ cỏ, khát nước thì chạy đến những túp nhà tranh bên đường mua uống, có lắm khi mải vui đến chịu nhịn đói mà về, cũng có lúc gặp mưa to gió nhớn... Tôi còn nhớ một hôm tôi đi chơi với nàng ở giữa quãng đồng làng B. gặp cơn mưa rất to. Cậu em chạy trước ẩn vào được trong cái quán, còn hai chúng tôi chỉ có một cái ô đen mỏng mảnh của nàng cầm, thành phải cùng núp vào bên một cây to để lấy ô che cho đỡ ướt. Giời mưa càng dữ, sấm sét ầm ầm, tôi nhớ đến ngày bé học cách trí có dặn rằng lúc có sét không nên đứng dưới gốc cây to. Tôi vui câu chuyện nói với nàng thì nàng cười mà bảo tôi rằng :

– Túng nhiên sét đánh thì chết cả đôi chứ gì.

Tôi cho câu nói có ý vì, nhưng tôi không thích đàn bà nói gở... Mưa tạnh, nước ở đường chảy chưa hết, nàng phải bỏ giày đi chân, tôi thấy hai bàn chân trắng của nàng giẫm vào chỗ bùn lầy đen xám, mà tôi chạnh nghĩ đến mấy cành hoa rất đẹp rơi xuống đống rác ở gốc cây... thành động lòng thương nàng; nhưng trong lòng lại nẩy ra cái tự đắc là đôi bàn chân ngọc ngà do đã vì yêu tôi mà phải bùn lầy. Và ngắm cái vẻ tương phản của bàn chân trắng bên đám cỏ xanh thì tôi lại muốn nàng cứ đi thế mãi.

Nhiều hôm nàng về chậm thì phải quở, nhưng tôi xem như nàng đã đến lúc "ái tình xui làm liều" nghĩa là nàng coi việc về chậm đó là thường, không lấy làm ngại.

Ái tình có một cái ma lực mạnh quá, khéo xui dần dần người ta làm những việc bất thường, mình tưởng không khi nào làm được, và tính e lệ cứ mất dần. Lần thứ nhất còn giùng giằng, lần thứ hai đã hơi quen, lần thứ ba không thấy ngượng, cho đến lúc làm điều tối vô nghĩa lý mà không thấy hối hận nữa, cho nên những người lúc đứng ngoài cuộc, tưởng như mình không khi nào làm đến việc vô lý của kẻ mê đắm kia, thế mà lúc làm rút cục lại sai nhầm hơn nữa. Những người non nớt chưa biết đến truyện đời là gì, lòng chưa bị một chút đam mê nào cả, tôi không dám chắc suốt đời giữ được nguyên tính mãi.

Trong những cuộc ngao du như vậy, có một lần chúng tôi ngắm cảnh bể ở Đồ Sơn, và độ tình luyến ái của chúng tôi chưa vỡ lở đến tai bà Án, mà tôi chưa phải từ biệt nhà nàng.

Độ ấy vào tháng hè, bà Án yếu, quan thầy thuốc bảo đi hóng gió bể. Nhân tiện bà Án có một người chị là vợ một vị đại thần có nhà nghỉ mát ở Đồ Sơn, nên bà Án và hai con cùng ra đó nghỉ. Tố Tâm biết đích ngày bà Án đi thì bảo tôi biết trước. Tôi ra chơi hỏi chuyện thì cậu Tân rủ đi, tôi nhận nhời vì tôi có nhiều nhà quen ở Đồ Sơn, nên ra cũng tiện lắm.

Hôm đó, nắng quá nên chúng tôi đi chuyến xe lửa đêm, phải buổi trên xe hạng ba chật ních người, mà dưới hạng tư vắng hành khách nên ba chúng tôi cùng đi xuống ngồi hạng tư mở hé cánh cửa mà ngắm phong cảnh những quãng đồng thăm thẳm bóng giăng soi xuống mấy ruộng nước trắng xóa, hình như lẫn với chân mây và in cả một giời sao xuống gầm đất. Trên mặt nước phẳng lặng chỉ thấy lô nhô những đám tre bao bọc các xóm làng, ngọn gió nồm đưa phất phới.

Đêm càng khuya, giăng càng tỏ. Lúc nãy còn lơ lửng trên mấy hàng tre, bây giờ đã đủng đỉnh ngang giời. Bóng giăng xuyên qua cửa soi ngang vào chỗ chúng tôi ngồi. Mặt Tố Tâm một nửa biêng biếc xanh, một nửa mờ mờ trắng. Hồng nhan dưới bóng nguyệt, có một vẻ đẹp lạ thường, khiến cho người ngồi lặng ngắm, trong tâm thần cũng phảng phất thấy "cái đẹp ghê sợ".

Lúc xuống đến Hải Phòng đã có xe ô tô của bà dì Tố Tâm ra đón để đi luôn ra Đồ Sơn. Tôi ở lại Hải Phòng sáng hôm sau ra

sớm. Tôi ra ở nhà một người bạn, ngay bên cạnh nhà bà dì, thành ra tôi vừa là chỗ thân tình nhà bà Án, lại ở nơi quen biết với bà dì nên đi lại rất tiện. Cũng vì thế mà nhiều khi ở trên chỗ mặt bể bao la kia lại được nghe những cung đàn thánh thót của mấy vị khuê môn tân nhân vật, tức là các cô chị Tố Tâm.

Buổi chiều hôm ấy tôi gặp nàng ở bãi cát, chính là lúc vui nhất trong ngày đầu ở bãi bể Đồ Sơn. Trên mặt bể mênh mông, bát ngát, sóng cuồn cuộn từng lớp đuổi nhau, chạy giỡn vào bãi cát dài phẳng nước tóe trắng phau. Trên bãi cát dài hàng mấy nghìn thước, phất phới áo vàng, áo đỏ, áo trắng, áo xanh như bươm bướm lượn; trẻ con reo, tiếng sóng vỗ ồn ào như tiếng chợ đông người, có nhiều cô thiếu nữ các nhà đại phú hay đại gia cũng hớn hở vui đùa như thiếu nữ người Tây vậy. Trong đám các cô lại có điểm vào một vài tay "tân nam tử" hoặc anh em, hoặc "phò mã" cũng chơi đùa với các cô một cách thân mật lắm. Xem cũng vui mà ngắm cũng thường vậy. Trông ngần ấy cô thiếu nữ, cái đẹp của Tố Tâm lại càng rõ rệt mười phần làm cho Đạm Thủy thấy trong mình lúc đó nẩy ra một thứ kiêu căng, kiêu căng của ái tình, vì khi mà Tố Tâm dạo qua đó thì mười mấy đôi con mắt cũng nhìn theo.

Khi gần hết nắng thì những đám xanh đỏ lúc nãy đã hòa ra như một đàn cò mình đen chân trắng, lô nhô ở giữa làn sóng lờ lờ. Tố Tâm cũng theo mấy chị em con bà dì ra tắm, nhưng có mấy cô không quen mặc thứ áo tắm, "hở đùi" và lại hay e lệ, nên mặc cả áo trắng quần thâm, dắt tay nhau cứ từ từ lội xuống nước. Nước dần dần ngập lên, gặp sóng to thì phải nhẩy, nhấp nhô, xa trông có vẻ ngộ nghĩnh như người ngã xuống sông. Lúc lên áo quần tha thướt, dính sát vào mình, nom như mấy bức tượng ngà mới tạc, còn phủ tấm vải mỏng ở ngoài.

Đến đêm lúc người đã vắng, nàng lén ra để nói chuyện với tôi.

Bấy giờ phong cảnh lại càng thêm bát ngát. Trước chỗ giời cao bể rộng mình tự thấy mình bé nhỏ lạ thường, như gọn bụi, như mảy lông, lửng lơ không dính vào đâu cả. Trong lòng sinh ra một thứ kinh sợ, sợ cái tối vĩnh tối đại của Hóa công. Nhưng, có một điều chúng tôi tự thấy hơn cái vô cùng vô cực đó, là chúng tôi có tri giác biết Tạo hóa là to, có tính tình biết yêu nhau là sướng. Còn giời cao

bể rộng mấy muôn năm vẫn trơ trơ đó, ngọn sóng kia cứ việc ào ào suốt ngày nọ sang ngày kia, không biết mình là to lớn. Chúng tôi dạo quanh vài vòng trên bãi cát rồi ngồi xuống những mỏm đá nổi lên gần bờ. Lúc đó thủy triều lên mạnh; chúng tôi bỏ chân xuống nước cho sóng vỗ vào, thỉnh thoảng bị cơn sóng to đập vào đá, nước tóe bắn lên tận mặt. Lúc sóng vỗ dưới chân như vậy thì tôi nhớ đến chòm đá tả trong bài thơ "Le Lac" của La-martine tiên sinh mà hồn thơ lai láng, vô tình ngâm một câu rằng:

"Mênh mông mặt biển chân giời,
Nào ai Ngư phủ, đâu người Đào nguyên"

Tố Tâm đọc chữa lại rằng:

"Mênh mông sóng rọn chân trời,
Ấy ai du tử tức người Đào nguyên"

Trong khi đêm khuya cảnh vắng như vậy ở đó chỉ nghe tiếng thông reo bên bờ, tiếng sóng gầm dưới nước. Lặng ngồi mà ngắm quang cảnh, thì thấy trong lòng sinh ra một thứ cảm giác mơ màng như các con đồng ngồi trước điện nghe những tiếng đàn, tiếng hát, ngửi những mùi hương khói trầm thì ngà ngà say và thấy trong lòng khoan khoái vô hạn. Thứ cảm giác bát ngát ấy cũng làm cho chúng tôi tưởng tượng ra như vũ trụ chỉ có hai người mà thôi, bao nhiêu những thường tình eo hẹp, những thảm cảnh lôi thôi, bao nhiêu những tiếng khóc, câu cười, đường danh mối lợi ở chốn phồn hoa đã chìm đắm đâu mất cả, trước mắt chỉ còn thấy khói hương của ái tình đương nghi ngút bay trong đám tít mù, khiến cho hai người tương tri đó tưởng là đôi chim nhạn đương cùng nhau tung giời mà bay...

Đứng bên một thiếu nữ tài sắc tuyệt vời lại cùng tính tình tư tưởng với mình mà lặng ngắm chung cảnh thiên nhiên của Tạo vật thì ở đời tưởng không thú gì hơn. Một bên trời nước mênh mông một bên lứa đôi đằm thắm ái tình này, đối với cảnh vật ấy, gây nên lắm vẻ ly kỳ, biết bao nhiêu ngọn bút đã tê mê mà ca tụng!

Chúng tôi ngồi trên tảng đá cho đến lúc đêm khuya giăng lặn, gió thổi lạnh mình mới về.

Tờ mờ sáng sớm mai tôi ra bãi cát thời nàng cũng đã ra rồi, hình như suốt đêm nàng không ngủ. Lúc đó cả Đồ Sơn còn đương an giấc, mặt bể phẳng lặng, gió hiu hiu hơi gợn sóng lăn tăn. Ngoài

xa lơ thơ những chiếc thuyền đánh cá, buồm trắng phất phơ in vào mấy giặng núi mờ xanh ở bên chân giời hung hung đỏ. Trên bãi cát cũng phẳng phăng, chưa có một vết chân dẫm xuống; nước thủy triều lên ban đêm đã rửa sạch những ghét rác phồn hoa chiều hôm trước rồi. Chúng tôi bỏ giày lội xuống mấp mé mặt nước, đi đuổi bắt những con giã tràng, tức là một thứ cua rất bé cả ngày chỉ xe cát thành viên tròn, chất lại từng đống, một cơn sóng đến lại đánh tan đi. Tố Tâm cầm một giã tràng xem, vô tình đọc rằng:

"Giã tràng xe cát bể đông,
Nhọc mình mà chẳng nên công cán gì!

Tôi đáp rằng:

– Phải, cũng đáng thương cho giã tràng lắm nhỉ, nhưng biết đâu gần đây không có hai người cũng chịu một tình cảnh như giã tràng mà chả hay có ai hiểu thấu mà thương không?

Tôi nói vậy, thấy đôi mắt nàng thoáng qua một vẻ buồn, bên kia bể mặt giời cũng hé ánh nắng... hồng quân với khách hồng quần...

Chúng tôi chia tay ra về, nàng đi vài bước quay cổ lại bảo tôi rằng:

– Chiều ra, anh nhá.

Bao nhiêu những cảnh thú thanh cao vơ vẩn, ngày thường tôi xem sách mà khao khát, hay bởi thứ óc văn chương tưởng tượng ra, tôi cùng nàng đã đem thi hành mà được hưởng gần hết.

Phong cảnh thiên nhiên thì bao giờ cũng có, nhưng người cùng mình mà ngắm cảnh để cho cảnh nẩy vẻ thêm lên thì hiếm lắm. Tôi gặp được nàng đồng tâm, đồng trí với tôi lại sẵn một thứ cảm tính yêu cảnh thiên nhiên như tôi vậy.

Tôi nói đây chắc anh mỉm cười mà cũng nghĩ như nhiều người rằng phàm một người thiếu nữ lúc đã đến tuổi biết ái tình, lúc trong tâm can huyết mạch bằng bằng chạy, thì không hưởng được cuộc thanh cao như những cảnh tôi cùng Tố Tâm đã hưởng đó. Câu nói ấy tôi cũng biểu đồng tình, cho là đúng tâm lý và sinh lý lắm nhưng chỉ đúng cho một hạng người mà thôi, không thể lấy làm luật chung được, vì phải tùy theo tính chất từng hạng, hạng thiên về thể chất, hạng thiên về tinh thần, hạng ẻo lả, hạng béo đỏ, v.v...

Một nhẽ nữa là người ta ai cũng có cái dục tình tự nhiên của động vật. Dục tình ấy lúc giai gái yêu nhau tất lay động. Nhưng tránh được những quang cảnh, những thế tình có thể làm gợi được lòng dục, lại khéo lấy thú vui khác mà làm lảng đi thì không say đắm vào dục tình được. Phàm giai gái yêu nhau, nếu bởi lòng ham muốn về tình dục, khi mới trông thấy nhau đã tính ngay đến cuộc thỏa thích rồi, bao nhiêu những cảnh gợi dục như con mắt long lanh, màu da mơn mởn, như cái lưng cong đôi má đỏ, v.v... đã thu nhập tâm như cách anh hàng thịt đứng trước con thú đã tách bạch từng khổ thịt rồi, thì sao tránh khỏi chuyện bẽ bàng về sau được?

Nếu yêu nhau bởi đồng tính tình, tư tưởng, bởi phục nhau về việc, cảm nhau về tình, bởi những bức thư hay, câu chuyện thú, còn sắc đẹp chỉ là giúp thêm vào mà thôi thì có thể xa tình dục được.

Nhưng, anh ơi! bên cuộc chúng tôi yêu nhau đằm thắm như vậy, chúng tôi vẫn có một nỗi đau đớn trong lòng, chắc anh còn nhớ câu Tố Tâm viết trong thư rằng "đời của em là đời vẩn vơ, ái tình của em là ái tình vô hy vọng".

Tôi nghĩ mà thương nàng vô cùng. Phàm thường tình nam nữ yêu nhau cần có một cái hi vọng, đại khái như tính cuộc trăm năm để mà di dưỡng lấy ái tình cho trong sạch vẹn toàn. Ái tình của Tố Tâm là ái tình vô hi vọng, ngoài lòng yêu tôi, nàng không nghĩ một chuyện gì, chuyện trăm năm thì không hẳn, chắc anh đã hiểu vì sao rồi. Nhưng khi tôi bởi yêu nàng quá mà nói hở ra những nhời vàng đá, những cuộc sum vầy thì nàng vội gạt đi. Nàng cứ ân hận luôn về một điều là nàng làm phiền cho người sẽ cùng tôi nên gia thất, và lụy đến tôi sau này. Chắc lúc nàng đem lòng yêu tôi, thì nàng cũng mong đến chuyện sẽ được cùng tôi sum họp, nhưng khi nàng đã biết rõ tình thế của tôi thì nàng đành chịu thiệt mình mà không muốn làm phiền đến người bạn gái vô tội kia. Nàng vì yêu tôi mà không thể rời tôi, nàng cũng vì yêu tôi mà không chịu lấy tôi, cái thứ tính tình tương phản này làm cho nàng bối rối mà nàng cứ đành để chịu nỗi chua xót một mình.

Lòng đâu mà sẵn mối từ tâm người đâu mà cao thượng làm vậy! Có một điều này làm tôi rất buồn rầu khó nghĩ nữa là nàng có nhiều người đến giạm hỏi mà nàng không bằng lòng ai cả. Lúc

bà Án hỏi ý nàng thì nàng chỉ giả nhời rằng nàng xin ở nhà thờ mẹ cho đến lúc em khôn nhớn, em nên vợ nên chồng cho có người trông nom cửa nhà rồi nàng sẽ tính bề gia thất. Nàng cứ một mực như vậy thì nhà nàng cũng không dám ép vì các cụ đã biết rằng ép duyên hay để lỡ về sau nên cũng tạm im câu chuyện. Có một cậu mới đỗ "tú tài tây" mà nhà cậu là một chỗ cố tri với quan Án, lại có lòng theo đuổi mãi, ý bà Án muốn gả lắm, duy chỉ Tố Tâm không bằng lòng thôi. Tôi sợ về sau mang với nàng một điều lỗi suốt đời không khi nào gỡ xong, nên thường vẫn lấy nhời phải trái mà khuyên nàng vâng nhời giáo huấn. Bao nhiêu tài ngôn luận của tôi dùng ra muốn thắng ý nàng mà không thắng được. Nhiều khi tôi giảng đạo đức, thuyết nhân nghĩa thì nàng chỉ mỉm cười mà giả nhời một câu vắn tắt nửa thực, nửa đùa rằng:

– Em không muốn lấy chồng...

Tôi cũng nói cợt rằng:

– Em điên.

Nàng nói:

– Vâng, điên với anh.

Tôi xem chừng thuyết lý vô ích thì dùng cảm tình mà cảm lòng nàng, thì nàng chỉ khóc, tôi càng nói nàng càng nức nở khóc thêm, thành ra câu chuyện lại bỏ không bàn nữa.

Nhiều khi tôi hỏi nàng tại sao không tính cuộc trăm năm với ai cả, thì nàng nhất định không nói; nàng không nói thì tôi cũng hiểu rồi, nhưng tôi muốn biết câu giả nhời của nàng để tôi xoay phương diện. Tôi hỏi nàng không nói thì tôi làm ra bộ giận dỗi buồn rầu, nàng hỏi gì tôi cũng không thưa, mà cũng không nói gì với nàng cả. Tôi làm như vậy thì nàng khổ lắm, lúc tôi đứng dậy đi về, nàng đưa cho tôi một mảnh giấy có mấy chữ rằng:

"Em đã yêu anh thì không thể yêu ai được nữa, mà cũng không muốn yêu ai. Đã không yêu thì không lấy, vì sợ làm phiền cho một người nam nhi nữa".

Tôi xem mấy chữ lấy làm buồn lắm, nhưng bên cái buồn lại có cái thỏa, vì đã chiếm được lòng nàng.

Về độ ấy thì tôi bối rối lắm. Tôi yêu nàng quá, nên không thể rời nàng được nữa, mà chính tại tôi yêu nàng nên không muốn để cho nàng phải thiệt thòi vì tôi. Tôi nghĩ rằng giá nàng không biết tôi thì có phải nàng vui vẻ mà chồng chất bao nhiêu là hi vọng bên mình vì con người yểu điệu ấy, tính nết ấy thì làm gì mà chả gặp được một chỗ gửi thân êm ái, trăm năm mai trúc đề huề. Trong cuộc đời người con gái, hi vọng to nhất, êm ái nhất là hi vọng lấy chồng mà được hưởng cuộc ái ân đằm thắm. Hi vọng đó Tố Tâm đã đem tấm lòng quá yêu tôi mà đánh đổ đi. Thật là lỗi tại tôi, nhưng nghĩ kỹ ra thì tại Hóa công đặt trong lòng người một mối ái tình cay nghiệt buộc chết người vào những việc không muốn làm.

Trong khi lòng tôi bối rối như vậy, nhiều lần tôi đã dám nghĩ đến chuyện đem nàng đi trốn một chỗ thâm sơn cùng cốc, hay góc bể chân giời nào, không ai biết đến, để cùng nhau hưởng cuộc ân ái trăm năm, tôi sẽ đem hết sức mà kiếm đủ cho nàng được no ấm, đem hết tình mà âu yếm cho nàng được thỏa lòng không tưởng gì đến đời nữa, bỏ cả sách vở, công danh, mà mặc cho đời bình phẩm, bao nhiêu hi vọng định lập chút sự nghiệp cỏn con gọi là góp mặt với non sông đều đổ ụp như mấy lớp lâu đài nguy nga bị động đất.

Lúc tôi đương nghĩ như vậy, thì trong lòng bừng bừng lên như muốn thi hành ngay, nhưng tôi lại nghĩ đến nhà, nghĩ tình âu yếm của song thân tôi tuổi tác, nghĩ đến tình huynh đệ rất đậm đà thì tự nhiên có một thứ tính tình gì rất mạnh nó cản tôi lại. Thế mới biết hồn gia quyến là mạnh.

Tôi xin thú thực cùng anh rằng những cách tôi tưởng tượng đem nàng đi như vậy, mà không ngại đến ly hương biệt tộc là bởi tôi chịu ảnh hưởng ở các ái tình tiểu thuyết Âu Tây. Nhưng tôi xem tình gia quyến của tôi còn mạnh lắm, đánh đổ được những ảnh hưởng mới kia mà giữ tôi lại. Có khi tôi đem chuyện tôi định làm liều đó mà hở ý với Tố Tâm, thì tôi xét ra trong những lúc nàng mơ màng thổn thức nàng cũng nghĩ đến thế, nhưng nàng chợt tỉnh thì vội gạt đi, vì nàng cũng thương mẹ, yêu mẹ lắm, và bao giờ nàng cũng sợ làm phiền đến người sắp kết duyên với tôi và sợ làm phí mất một đời thiếu niên của tôi nữa. Lắm lần nàng thỏ thẻ với tôi rằng:

– Anh ơi! anh đừng nghĩ vơ nghĩ vẩn để em mang lỗi với anh. Em là phận gái, cái chức phẩm đối với đời, có cũng hay mà không cũng được, chả ai nghị luận gì, ai trách chi nữ nhi nan hóa, nhưng anh là bậc nam nhi hai vai nghĩa vụ, anh đừng làm như em mà giữ lấy một mối tình vô hi vọng, anh là người có văn chương, có tư tưởng, anh nên nhớ rằng cái thân anh không phải của một mình anh, anh phải làm việc cho nhà, cho nước, cho xã hội. Anh không thể lấy đời anh mà phí đi cho em. Làm nam nhi có hai chữ chung tình cũng không gọi là đủ được.

Anh ơi! anh nghe nhời em cho em được yên lòng, anh nghe nhời em ấy là tỏ lòng rất thương yêu em đó.

Tôi nghe nàng nói mấy câu ấy mà ứa nước mắt ra, tôi không hiểu sao mà khóc được, không biết là giọt lệ của người thiếu niên bị chạm vào đoạn lòng khẳng khái, yêu nước yêu nhà, hay giọt lệ thương bạn hồng nhan đã quá yêu mình chịu thiệt?

Có nhẽ cả hai thứ.

Nhưng lời nàng nói đó, tôi lấy làm phải mà chuyển động được lòng tôi: một là những câu ở miệng người yêu ra thì dễ lọt tai lắm, hai là nếu tôi thu được tinh thần nàng, làm cho nàng phải kính yêu, khép nàng vào trong khuôn khổ của tôi; quay giở lại tôi cũng chịu ảnh hưởng nàng chút đỉnh. Ý nghĩ trong mấy câu nàng nói thì thường tôi cũng nghĩ đến luôn, thế mà lúc đó nghe ra mới lắm, phải lắm. Mà thực vậy, mình cũng có chút học thức, vẫn khăng khăng theo đuổi sự nghiệp, về văn chương, giáo dục, thế mà nay bị xô đẩy vào trong bể tình, chìm đắm mãi, quên cả rằng có thể nhà mong, bạn đợi nước chờ về cái kết quả sự học của bạn thiếu niên đương lúc này, người còn hiếm của còn hiếm. Nghĩ mang lấy hai chữ thiếu niên mà thẹn mình, giận mình, ghét mình, mà tức lây đến cả Tố Tâm nữa, tưởng như có thể xa được nàng ngay, thế mà lúc thấy mặt nàng, lúc nghe nàng thỏ thẻ, hay nhận được bức thư tâm huyết gửi đến, cùng những lúc nước mắt nàng thấm ướt khăn tay, thì những điều nghĩ kia đã đi đâu mất cả. Tuy những câu đó lúc thử thời tan đi cả, nhưng về sau lúc xa cách nàng, vẫn đinh ninh bên góc dạ. Lúc tôi vì yêu nàng mà nghĩ đến những câu nàng khuyến khích thì nức lòng mà chăm chỉ học hành thêm.

Tôi kể tình cảnh bối rối của chúng tôi thế này thì chắc anh nghĩ rằng, nếu đã sợ để thiệt cho nhau, sợ làm hại nhau, thì sao không xa nhau ra để tránh cho nhau một điều đau đớn về sau.

Anh ơi! ấy là chỗ khổ tâm của chúng tôi đấy, anh đừng tưởng lúc yêu nhau đã dễ bỏ nhau như vậy đâu; cái thứ ái tình như ái tình của tôi với nàng không thể bỗng chốc đã lìa nhau ra được, chúng ta đã hết sức đè nén mà không sao được, vả chăng tôi không hiểu vì sao không muốn buông nhau ra.

Nhiều lần tôi muốn xa nàng để nàng tính cuộc trăm năm với người khẩn cầu nàng đó, tôi dùng đến cái lối gợi lòng ghen của nàng, tôi bỏ những thư từ, những ảnh hão vào ví tôi, định cho nàng xem, để nàng tức giận, vì nàng thường hay xem ví giấy của tôi, nhưng vô công hiệu. Nàng nói với tôi rằng:

– Anh bày trò như vậy chỉ làm cho em thêm yêu anh, mà em càng yêu anh bao nhiêu thì lại làm thêm đau đớn lòng anh em ta bấy nhiêu đó thôi.

Tôi xem kế "trẻ con" ấy không hiệu, thì tôi tìm những điều lỗi mà giả giận nàng không thư từ thăm hỏi gì cả cố nén lòng mà xa nhau, thì tôi rất khổ mà nàng lại đau đớn hơn, nàng buồn rầu không ăn không ngủ được, suốt đêm vật vã mà người sút hẳn đi.

Tính tình đã bối rối như vậy mà ở nhà nàng thì cứ giục nàng phải nhận lời vì nhà cậu B. tức là ông tú tân khoa tôi nói chuyện đó, có công theo đuổi mãi, không hiểu sao đã biết nàng không thuận mà vẫn đợi chờ. Bà Án nhận nhời, Tố Tâm cứ nhất định không chịu. Bà mối thì không hôm nào không đến nhà bà Án, thôi thì tha hồ mà khoe:

– Bẩm cụ lớn, cậu nó ngoan, cậu nó giỏi ạ... bẩm mới đỗ ở trường to nhất Hà Nội, bẩm nay mai làm ông Đốc, ăn tháng 2, 3 trăm bạc, bẩm tính hiền lành, cẩn thận, hà tiện, v.v...

Anh còn lạ gì các bà mối Hà thành này, nói kiến trong lỗ cũng phải bò ra, các bà đã làm nên cho nhiều người mà cũng đã làm hại lắm cô thiếu nữ. Tố Tâm mấy hôm ấy thật là khổ, phần thì bị mắng, phần thì bị mụ mối quấy rầy, thôi thì nói gần nói xa, vuốt ve nịnh hót mà chả nhẽ nàng là con người lịch sự, nề nếp, lại dùng nhời chua chát mà đối đãi với mụ hay sao, thành ra hễ mụ đến là nàng phải lẩn.

Nàng có một ông cậu tính sốt sắng thích cải lương, làm việc ở Hà Nội thấy chuyện lôi thôi bảo bà Án rằng:

– Con Lan nó không bằng lòng thì ép nó làm gì, bắt nó lấy rồi để chúng nó ghét nhau ư.

Bà Án giả nhời rằng:

– Tôi giờ yếu, sinh con ra nhớn lên thì tính đường dựng vợ gả chồng cho chúng nó, có người hỏi đến đáng gả thì gả đi, còn yêu với ghét là tự lòng nó và ở duyên giời, chứ tôi làm thế nào được, ai cũng không bằng lòng cả thì lấy ai.

– Thời buổi văn minh nó yêu ai cho nó lấy, tự nó chọn thì về sau hay dở nó phải chịu không còn oán hận gì nữa.

– Nào biết nó bằng lòng ai, con nhà gia pháp cha mẹ bảo thì phải vâng lời, có đáng gả mới gả, cha mẹ bao giờ chả muốn cho con hay, ai muốn đầy đọa con, và chúng nó còn trẻ người non dạ, đã trông rõ lòng người đâu mà kén chọn cho sành. Cứ bảo nó bằng lòng đi thì lấy, người ta nói: "yêu nhau quá đỗi nên mê, tỉnh ra mới biết kẻ chê người cười".

– Nhưng nó không bằng lòng thì làm thêm khổ nó mà lôi thôi chuyện về sau.

– Bây giờ nó không bằng lòng rồi lúc chúng nó ở với nhau nó phải bằng lòng.

– Không xong! Tùy từng đứa, tính con Lan này nó khác lắm.

Bà Án gạt đi nói rằng:

– Phải, tính nó khác! Vì cớ gì mà không bằng lòng tôi đã biết rồi. Tôi cũng nói thế thôi chứ tùy ý nó nghĩ sao cho phải thì nghĩ, sinh con ai nỡ sinh lòng. Bảo chả nghe thì thôi, mặc nó.

Tố Tâm ngồi trong buồng nghe mẹ nói như vậy thì rất khổ lòng. Ngổn ngang trăm đường nghìn nỗi, nằm cả ngày hôm ấy không dậy.

Nghe công việc như vậy tôi viết cho nàng bức thư này:[1]

---

1. Những thư trong chuyện này nhiều bức rất dài, nhưng người chép chuyện không muốn bớt đi vì sợ sai sự thực nên cứ nguyên văn mà trích ra.

Tố Tâm, em,

"Bấy lâu nay anh vẫn khuyên em về chuyện gia thất, nhưng anh ngồi nghĩ lại thì tưởng như chưa nói, vì những nhời anh nói chưa hết ý anh, chưa hết ý anh là vì trước mặt em anh không muốn nói, nói ra em chỉ khóc làm cho anh nghẹn lời vì vậy anh phải mượn bút thay người cho tiện.

"Anh không muốn vì anh mà em phải buồn rầu, đau đớn, vì anh mà phải tính quẩn lo quanh để phiền nhà là một, thiệt mình là hai.

"Lương tâm anh bảo không được để cái "phiền nhà, thiệt mình" ấy vì anh mà nên nỗi. Tuy xét kỹ ra thì anh không làm gì nên chuyện, anh chỉ tội lỗi vì quá yêu em mà thôi, nhưng than ôi! cái lòng yêu đó nó khéo bắt buộc người để khiến cho em phải buồn rầu mà anh phải lo nghĩ.

"Thôi cuộc đời dâu bể, lòng thủy chung ta cứ giữ cùng nhau, trước những công việc này, em phải sớm liệu mà vâng nhời giáo huấn để yên chuyện gia đình và yên lòng anh nữa.

"Em ơi! sinh ra gái mưa sa là phận, rủi may âu cũng sự giời, ai biết hay đâu mà tìm, biết dở đâu mà tránh, trước sau cũng một lượt, chả sớm thì chầy, một mình em ở đời như chiếc bách giữa giòng, chống sao cho nổi những khi mưa sa gió táp, chi bằng em theo cái lệnh "đặt đâu ngồi đấy" là hơn. Thôi em nghe nhời anh, nghe anh đi cho đôi đường cùng vẹn, mai sau này mà em được cảnh xum vầy êm ái thì là phần nhất, ví bằng gặp phải cảnh éo le thì em chỉ nên nghĩ rằng; ấy là vì ta đã kính yêu thân mẫu ta, không cần phải than thân trách phận, ta đem cái khổ một đời mà đền bù cái công sinh thành 20 năm khó nhọc cũng chưa gọi là đủ. Em chỉ nghĩ thế cũng đủ thỏa lòng. Vì: "Để nhời thệ hải minh sơn, làm con trước phải đền ơn sinh thành". Trong cách đền ơn đó không gì bằng nghe nhời giáo huấn những lúc khó khăn này.

Anh cũng biết những nhời anh nói ra đây làm cho em đau lòng, vì em có chút thủy chung khẳng khái, em muốn cùng anh suốt đời giữ lấy chữ chung tình, nhưng than ôi! Ở đời còn bao nhiêu là chuyện nó làm cho ta đau lòng mà ta vẫn phải ôm lòng mà chịu.

"Anh thiết tưởng điều đau đớn của em đó cũng như bát nước sôi, thì giờ sẽ đến dần mà làm cho bớt nóng, khi hơi đã lạnh mà

cái "quên" đã lấy nốt những điều còn sót ở trong lòng em, thì em có thể hưởng được cuộc đời rất êm ái, nào cửa nhà, nào con nào cái, sớm trưa sum họp cảnh gia đình, cùng ai âu yếm suốt trăm năm, như gấm, như tranh, như vườn đào mùa xuân, như hồ sen mùa hạ, có phải một đời khỏi nỗi cho vơ không? Người đời ai cũng vậy "chim khôn đỗ nóc nhà quan"... để gây lấy một cảnh gia đình trăm năm nương tựa.

"Mai sau này trong cảnh sum vầy vui vẻ đó có lúc nào chợt nhớ đến anh, thì em chỉ nghĩ rằng: ấy là người đã thương ta nên thực tâm muốn cho ta được hưởng cảnh này, thế là em chung thủy lắm rồi, mà anh cũng hả dạ.

"Ta yêu nhau, ta quý nhau, ta coi nhau như hạng người tri kỷ trên đời không thể có hai, thế nhưng cái bắt buộc của tình gia quyến tối thiêng liêng nó bảo ta phải bưng mắt ôm lòng mà chịu, biết nói sao đây. Thôi em yêu anh như thế cũng là yêu rồi, đừng yêu thêm nữa mà làm anh hối hận. Em nghĩ sao?

ĐẠM THỦY"

Tôi viết thư này muốn gửi rồi lại sợ không dám gửi, không dám gửi lại phải gửi. Nghĩ rằng nếu nàng theo thư này mà quên mình thì rồi mình làm sao nhỉ? Chắc rằng buồn rầu lắm. Thế mới biết lòng người có lắm tính tình tương phản, mà bên cái can đảm vẫn có cái tính sợ khổ tự nhiên, nên lúc gửi thư đi thì buồn tê buồn tái. Còn Tố Tâm bắt được thư không nói gì cả, nàng có khóc thầm hay không thì tôi không hiểu. Lạ cho nàng xưa nay tôi bảo gì cũng nghe, duy có chuyện này thì nàng dửng dưng mà lúc tôi thuyết lý thì nàng mỉm cười, lúc tôi động đến cảm tình thì nàng chỉ khóc.

Cách đó ít lâu, bà Án bị bệnh nặng, vào quãng đầu tháng chạp ta.

Đây mới đến đoạn bi kịch, anh ạ.

Tố Tâm bối rối vô chừng, một mình nàng ra vào săn sóc thuốc thang, nào chạy đây, chạy đó, trong lúc nhà ngày nào cũng tiu cảnh kinh keng. Tôi rất ân hận không giúp nàng được việc gì cả. Lúc tôi gặp nàng ngoài phố, thấy mặt nàng phờ ra thì tôi muốn đến gánh cả gánh lo cho nàng, nhưng không muốn đến luôn nữa. Tôi không

thể làm cái nghĩ vụ tự nhận là "ông anh" mà giúp nàng được ít nhiều công việc trong khi bối rối này. Có buồn không anh?

Bệnh bà Án ngày càng nặng, lúc mấy ông thầy thuốc ở Hà thành đã chạy cả, thì bà Án gọi Tố Tâm, hỏi nàng rằng:

– Bây giờ mẹ xem chừng không khỏi được, việc gia thất của con nghĩ thế nào, con nói cho mẹ biết để mẹ liệu. Cha con mất đi sớm, em con còn bé dại, chú con thì bận việc quan luôn, mẹ mà nằm xuống thì nhà cửa bộn bề lắm đó, con phải yên việc gia thất để mẹ chia ra cho các con yên phận và có người mà gửi việc học hành của em con, con nghĩ sao cho mẹ biết?

Tố Tâm nghe mẹ nói khóc nức khóc nở ngập ngừng thưa rằng:

– Xin mẹ cứ yên lòng mà thuốc thang cho khỏe, con xin vâng nhời hết cả, mẹ bảo sao con xin theo vậy.

– Nhưng bây giờ con nói thế, lúc đến việc, con làm ngăn trở thì lại phiền thêm.

– Bẩm không, mẹ bảo thế nào con xin vâng thế, con không dám làm điều gì ngăn trở trong chuyện cưới xin cả.

– Thế được. Con bảo em đi đánh dây thép cho chú Huyện, bảo mẹ yếu nặng chú sang ngay.

Nàng lui ra thì bà Án cho đi gọi mụ mối đến bảo cho lo cưới, định đến 12 tháng chạp thì làm lễ nghinh hôn, việc cho lo trong 3, 4 ngày.

Lúc đôi bên điều đình xong thì cho sắm áo, sắm màn, tắm hoa, kéo hột, thu xếp cửa hàng, trong nhà có vẻ rộn rịp, nửa cảnh buồn mà nửa cảnh vui.

Nhưng ai vui đâu chứ Tố Tâm thì buồn cả. Nàng như người vô hồn vậy, làm gì hỏng nấy, nói xong lại quên, tiền cầm trong tay mà kêu mất, áo để bên cạnh mà đi tìm.

Nhưng cứ điềm nhiên không dám thổ lộ ra một ý gì cả, sợ phiền đến mẹ.

Nàng cũng không cho tôi biết một chuyện gì về việc cưới; nàng viết thư chỉ bảo tôi đợi nàng ở đường Ô Yên Phụ. Lúc tôi gặp nàng thì nàng cười, nhưng vẻ cười xem ra tê tái mà mặt nàng kém sắc. Tôi lấy làm nghi vì mỗi lần mà gặp như vậy thì nàng hớn hở vui

cười như một cô bé sắp được đi xem hát. Chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện được một quãng, trên đường đê gió bụi lắm, nên chúng tôi phải rẽ xuống con đường Cổ Ngư một bên hồ Tây, một bên hồ Trúc Bạch. Nàng mở khăn tay đưa cho tôi một cái ghim vàng đầu có đóa hoa lan nho nhỏ rất tinh tế nàng nói rằng:

– Tặng anh đóa hoa này gọi là một chút di vật của người yêu anh, còn mấy bức ảnh của em đưa ngày trước thì anh bỏ đi kẻo về sau bạn gối chăn của anh nom thấy thì để phiền cho anh mà buồn cho bạn.

Tôi nói rằng:

– Cảm ơn lòng em, nhưng anh muốn em đề cho anh mấy câu để cái hoa này được thêm vẻ.

Tôi nói vậy rồi đưa bút máy và giấy cho nàng. Nàng vừa đi vừa nghĩ rồi kề giấy vào gốc cây mà viết mấy câu rằng:

Tặng ai một đóa hoa này,
Hoa ơi, hoa nhớ lấy ngày hôm nay.
Trên giời phấp phới mây bay,
Bên người có nước Hồ Tây soi lòng.

TỐ TÂM kính tặng

Tôi rất vui lòng mà nhận lấy. Mấy câu nàng thốt nhiên mà viết ra thì tả thật được tính tình, chứ không phải thứ văn nghĩ sẵn.

Nàng đưa mấy câu cho tôi, rồi giục tôi đi nhanh, gặp một cái xe sắt nàng gọi lại rồi bảo tôi rằng:

– Em có việc cần phải về ngay, anh cho phép em đi trước.

Tôi ngăn lại thì nàng nói:

– Thôi, anh để em đi.

Rồi nàng khóc òa lên mà nói rằng:

– Thôi, từ đây thì anh không thấy em đâu nữa! Nàng gục đầu vào vai tôi như sắp ngã xuống, tôi phải giữ lấy nàng, nước mắt nàng thấm ướt cả vai áo, đầm đìa chảy xuống tận ống tay và ướt cả "ca vát" vì nàng lấy lau mặt. Tôi lấy khăn lau nước mắt cho nàng, rồi dìu nàng lên xe ngồi sợ nàng ngã. Nàng lên xe thì bảo thằng xe chạy thẳng.

Tôi đứng ngẩn người ra muốn chạy theo xe nàng để gọi xe đưa đến nhà, nhưng chân không bước được nữa. Tôi ngồi xệp xuống đám cỏ vệ đường, vai áo và khăn tay vẫn đầm đìa nước mắt Tố Tâm...

Lúc đó giời đã gần tối, tôi trông phong cảnh Hồ Tây bấy giờ ủ dột lạ thường. Tôi nhớ khi còn học trường Bưởi, chiều chiều tan học, mấy anh em ra đứng bờ Hồ ném thia lia, thả thuyền giấy, cười đùa hớn hở, phong cảnh xem như cũng bỡn cợt với nhau. Mà hôm nay, vẫn da giời kia, vẫn mặt nước ấy, núi Tam Đảo vẫn lờ mờ đằng xa, chiếc thuyền ván vẫn từ từ qua lại, thân thế vẫn thân thế năm xưa, mà sao trông phong cảnh rất âu sầu hình như đương vì tôi mà thương người vừa đi đó.

Ôi! xưa thì thế mà nay thì thế, quãng đường đời có đi mới biết, biết ái tình, biết tư tưởng càng thêm để bận tấm lòng, những nhớ lúc thơ ngây chỉ ăn cùng ngủ và yêu gia quyến mà thôi, chưa biết đời là gì, xã hội những ai...

Tính tình tôi lúc đó thật khó tả, tôi chực lấy bút mà ghi lấy những chỗ éo le của lòng, nhưng bút Tố Tâm chưa giả, tôi ngồi mãi đến 7 giờ tối, kẻ qua người lại ai cũng nhìn tôi mà tôi không muốn nhìn ai cả, hình như toàn là kẻ nghịch thù với tôi, vì không ai biết mà sẻ hộ một chút buồn.

Tôi ngồi quên cả cơm tối, về đến trường thì đã vắng tanh cả, anh em bạn ăn cơm xong ra chơi cả rồi, tôi vào giường nằm không nghĩ gì đến việc ăn uống.

Đến sáng hôm sau tôi nhận được thư nàng gửi đến, tức là bức thư vĩnh biệt này:

"Kính gửi anh Đạm Thủy.

"Năm năm, tháng tháng, ngày ngày,
"Lần lần lữa lữa rầy rầy, mai mai.
"Kiếp sau xin chớ làm người,
"Làm cây thông đứng giữa trời mà reo!"

"Anh ơi, hiếu tình tương phản, em đã vâng lời mẹ em trong khi ngọa bệnh nguy cấp này, việc đã sẵn sàng cả rồi, đến 12 này sẽ làm lễ nghênh hôn. Em xin chịu tội vô tình cùng anh vậy, nhưng trong lòng trượng phu, quân tử có xá chi cái thân phận liễu bồ này. Tâm

sự em bây giờ có hoa đèn kia biết mà chắc anh cũng thấu hết rồi, em không phải nói dài nữa, và em cũng không muốn nói với anh làm gì, nói ra chỉ thêm phiền cho anh mà làm cho em tốn nước mắt, em chỉ muốn để đau đớn ngậm ngùi một mình mà thôi.

"Từ này là vĩnh biệt, ta chỉ thấy nhau trong giấc chiêm bao, tình xum họp cuộc truy hoan xin để chờ kiếp khác.

"Thôi, xin anh đừng tưởng nhớ đến em làm gì cho hao tổn tinh thần, anh nên cho là vận mệnh, mà nguôi dần nhớ thương là phải, anh có nghĩ đến em thì nên nhớ nhời em khuyên anh về công danh sự nghiệp để khỏi phí một đời tài hoa và khỏi thiệt đến nhà thì dù em có xa lánh cõi trần cũng được yên lòng nơi chín suối.

"Bức thư này là thư từ biệt, nhời nói cuối cùng của em. Rồi đây cánh hồng bay bổng, tin nhạn vắng tanh là cuộc đời bắt buộc, chứ em còn sống ở cõi trần này, còn tưởng nhớ đến anh, xin anh đừng nghĩ gì mà khổ tâm em lắm đó.

"Anh ơi, ai vui đâu tranh hết phần ta cả, cảnh tình này mấy lúc mà già. Thôi, từ đây gần xa anh dù nghĩ đến, nhớ thương thì cũng mua vui bán sầu.

"Giấy ngắn tình dài khôn tả hết, gửi mấy nhời kính lại tình quân xin tình quân soi xét cho người bạc mệnh.

Kính lạy
TỐ TÂM

"Tái bút. – Nhà đông người rộn rịp em phải thắp nến viết trong góc buồng, chữ lệch giấy nhàu, anh xem tạm mà thứ lỗi cho".

Thư nàng viết khó xem thật, những chỗ nhòe tôi đoán là nước mắt nàng rỏ xuống ướt thư.

Tôi xem xong thư, cả ngày hôm ấy không dậy được. Có một thứ cảm giác lạ lùng nó đè tôi xuống. Tôi nghĩ đến nhời từ biệt của nàng thì tôi tưởng tượng ra như sau lưng tôi giời đất sụt xuống mà thành ra một vũng tối thăm thẳm, như tôi đứng giữa bãi sa tràng. Có thế thật anh ạ. Tôi thấy thứ cảm giác lạ lùng lắm như tính tình của những người sắp từ trần, sợ cái khoảng không không mịt mù lạnh lẽo trước mình vậy.

Lúc này tôi hiểu rõ là lòng tôi thương nàng sô sát với lòng tôi tiếc nàng. Tôi thương nàng phải tơi bời rầu rĩ, phần thương mẹ phần yêu tôi, phần nghĩ đến chuyện đường kia nỗi nọ sau này mà kinh, vì những lúc bàn về thế sự, nàng vẫn nói với tôi rằng "phàm cảnh vợ chồng, hợp thì vui, không hợp thì thực khổ, như đày trong cái bể thảm, không biết đâu bờ bến mà kêu ai". Nàng chạnh lòng thương cảnh đó mà thường kể chuyện cho tôi nghe những chiếc thuyền đã bị chìm đắm trong bể này chỉ còn nhô lên một ngọn buồm con, khiến cho khách qua đường trông thấy phải than thầm cho cái mối vợ chồng đã sung sướng thì thật là sung sướng, mà đã đắng cay thì quá nỗi đắng cay! Tôi nghĩ rằng giá nàng không biết tôi thì chắc nàng không khổ tâm như vậy, mà bây giờ nàng được hưởng thú vu qui này một cách êm đềm vui vẻ như trăm nghìn cô thiếu nữ khác rất hớn hở lúc được về nhà chồng thì tôi muốn cho nàng quên hẳn tôi đi, để nàng được cùng ai trăm năm ân ái. Tôi có chút hi vọng chắc nàng sẽ được như vậy, là vì tôi vẫn hiểu đàn bà hay nông nổi, bây giờ nàng đương yêu tôi mà phải ly biệt thì buồn rầu đau đớn, nhưng ít lâu nữa lòng nhớ thương hơi nguôi nguôi thì âu duyên mới mà quên hẳn tình xưa. Vả nhân loại là giống ham mới, biết đâu người đến sau tôi đó không phải là người thanh niên tráng kiện "mơn mởn" khéo chiều chuộng mà đoạt được cả tinh thần và thể chất của nàng.

Điều đó tôi đã thấy nhiều, mà cách đối đãi đưa đẩy cho bằng lòng đôi bên, nhiều cô cũng khéo lắm!

Tôi nghĩ vậy nên vui lòng mà chính tôi nghĩ vậy lại càng thêm buồn bực. Tôi tiếc nàng, tiếc vì đóa hoa yêu quí của tôi mà lại rơi vào tay người khác, nghĩ đến khi bẻ cành cấu cuống thì thấy trong lòng hiện ra một thứ tính tình cạnh tranh, rồi tôi lại sợ nàng quên tôi mà không muốn buông nàng ra nữa. Trong bụng nghĩ rằng nếu nàng quên tôi thì tôi giận nàng lắm, thành ra khi tôi nghe chuyện gì dính dáng đến việc cưới nàng, đại khái như "Hỉ tín" đăng trong báo, hay những câu của các bạn bình phẩm nàng thì tôi không thể chịu được. Ôi! ái tình là gì mà sinh ra lắm vẻ kỳ quặc làm vậy.

Tôi cứ buồn rầu, nghĩ ngợi tình nọ xô xát với tình kia hàng ngày như vậy.

Tôi tiếp được thư từ biệt của nàng thì tôi cũng giả nhời bức thư từ biệt này:

"Tố Tâm, em,

"Hôm qua, em bỏ anh em về trước, làm cho anh vơ vẩn, bồi hồi, anh về nhà nằm suốt cho đến sáng hôm sau mới dậy, vừa tiếp được thư em, anh xem thư cảm động quá chừng, bát ngát đến giờ chưa hết. Nghĩ mà buồn cho ta, nhưng thôi nói sao cho xiết, cứ để mà xem, ta còn sống ở đời ta còn trông thấy lắm cảnh ghẹo người hơn nữa.

"Ôi! ai xui, ai khiến, ai bắt buộc lòng người để em phải nói đến chữ "khổ tâm" chữ "bạc mệnh"? Thôi chẳng qua ái tình run rủi để đem người ra mà diễn một tấn bi kịch trên đời, để phản đối với cuộc truy hoan trong khi dan díu. Giá trước kia anh em ta không quen biết thì em khỏi bận lòng. Nhưng em ơi, cái bận lòng đó là biểu hiện của ái tình cao thượng nó phân biệt người hay, người dở, người thấp, người cao đó, em ạ.

"Nghe những câu "cánh hồng bay bổng" "tin nhạn vắng tanh" của em viết như nghe tiếng quyên kêu, tiếng dế gọi, mà xui ai đến bãi sa trường. Ôi! biết làm gì, quen làm gì, gian díu làm gì cho tấm lòng thêm khắc khoải. Chả biết em xem thư này có thấy hết lòng anh chăng?

"Thôi, từ ngày 12 giở đi là ngày từ biệt của ngòi bút chung tình này. Bút ơi, ngươi đã vì ta mà tả những chân tình từ bấy đến nay, thì ngươi cũng vì ta mà giữ lấy những nhời chung thủy. Ta đã nói câu gì thì ta không quên, ta không quên vì ta là người chung tình, ta là người chung tình, nên ta buồn, ta buồn ai có biết chăng, ta vui ta chỉ mong rằng ai vui.

Người vĩnh biệt
ĐẠM THỦY

Tái bút. – Bao nhiêu thư từ của anh từ trước đến nay, em sẽ vì anh mà đốt đi cả. Anh biết thế là đau lòng, nhưng anh muốn tránh cho em một điều phiền lụy về sau. Nếu cảnh gia thất em hòa thuận thì thư đó sẽ là mối ngả nghiêng, nếu bất hòa thì thư đó sẽ là mối chia rẽ, mà bao nhiêu cái dở sẽ về phần em, anh dặn em những câu này, ấy là lòng chân thật, anh rất thương em đó. Em nên nghe anh."

Tôi gửi thư cho nàng rồi không biết tình cảnh nàng ra làm sao cả chỉ vì còn hai hôm nữa thì cưới.

Cửa nhà rộn rịp mà nàng chủ trương công việc trong nhà, lúc nàng đương bối rối buồn rầu như vậy, tôi không muốn hỏi đến nàng.

Tối hôm 11, tôi gửi mừng nàng mấy cành hoa lan buộc giải lụa tím và một đôi câu đối viết vào tờ giấy phơn phớt xanh, tôi không mừng nàng những đồ vàng bạc châu báu vì nàng đã dặn trước đừng mừng nàng gì cả, hễ mừng nàng là mỉa mai nàng một cách chua chát.

Lúc con bé mang lễ mừng của tôi đến đưa riêng cho nàng thì nàng gọi nó vào trong buồng. Con bé ấy nói chuyện với tôi rằng cành hoa thì nàng bỏ vào quả tròn, phủ vuông góc thêu, tôi đoán ngày hôm sau nàng sẽ mang hoa đi với nàng, câu đối và thư thì nàng bỏ vào túi áo.

Tôi đọc cả anh nghe:

"Duyên mới kể từ đây, yêu bạn gọi là mừng bạn nhá;

"Tình xưa dù nghĩ đến, thương nhau nên phải phụ nhau mà."

Còn bức thư tôi viết khí buồn quá, bởi lúc đó tôi thương tiếc nàng vả lại là bức thư cuối cùng của tôi.

"Mấy nhời vĩnh biệt gửi em Tố Tâm

"Ngày mai là ngày vui mừng êm ái trong đời em, vậy anh xin gửi đôi câu đối và mấy cành hoa đến mừng em, gọi tỏ tấm lòng thân ái trọn năm giời đã kết thành một mối thương tâm.

"Thôi, hôm nay là ngày từ biệt của ngòi bút chung tình này, từ đây sẽ vắng tanh tin nhạn, bao nhiêu chuyện tình xưa nghĩa cũ, sẽ theo mây bay gió thổi mà mơ màng như giấc chiêm bao... Những khi canh tà giăng xế, khi mưa sa trước cửa, khi gió thổi bên màn, khi em soi gương thấy bóng hay ngồi không mà ngẫm nghĩ một mình, nếu em nhớ đến ai xưa thì chỉ nói một câu rằng: ấy là người yêu ta ngày trước đã vì ta mà mừng, giận, vui, buồn, vì ta mà đành chịu là người không chung thủy.

"Em chỉ nói thế thôi, chỉ nghĩ thế thôi, rồi quên đi, quên đi mà, thương làm gì, nhớ làm gì, phẳng phất làm gì, cho tấm lòng thêm khắc khoải! Anh muốn em quên hẳn anh đi, để cho em có thể

hưởng lấy thú sum vầy trăm năm cùng ai thân ái. Thôi, mấy nhời gửi lại nói sao cho tỏ hết nỗi lòng".

Anh xem thư này thật bởi lòng tôi quá thương yêu nàng mà viết, thế mà vẫn có một vài câu chua chát, ấy cũng bởi lòng tôi tiếc nàng.

Sáng 12 là ngày cưới nàng, tôi định ra xem đám cưới vì có giấy mời, nhưng tôi biết chừng không thể đứng xem được, vì không thể đứng mà trông được những chuyện buồn rầu nó ghẹo mình.

Sáng sớm hôm ấy giời mưa phùn một hồi lâu mới tạnh, chiều giời ủ dột thật đúng với câu:

"Giời hôm mây kéo tối rầm,
"Rầu rầu ngọn cỏ, đầm đầm cành sương"

Vì thế hôm ấy tôi nhờ anh ra xem hộ, nên anh mới biết câu chuyện này của tôi, nhưng tôi chắc lúc ấy anh cũng tưởng là một việc thường, không nghĩ đâu đến tấn bi kịch. Hôm ấy, tiếc rằng anh có lòng chịu khó với bạn mà chậm quá nên chỉ thấy xác pháo đầy sân, vết xe lấm đất, trong nhà có một bà cụ đương nằm bưng mặt sụt sùi. Nếu anh ra sớm chắc được trông thấy vẻ mặt và tình cảnh nàng lúc bước chân ra.

Từ đó tôi không thấy tin tức gì như cách nàng mấy vạn dặm.

4.

Năm hôm sau, tôi gặp con vú hầu nàng, tôi hỏi rằng:
– Mợ Tú có mạnh không?

– Thưa thầy, chị Lan con yếu...

– Yếu làm sao ?

– Bẩm, chị con sốt ngay từ hôm 11. Mấy hôm nay không ăn được, ho luôn, mà ho làm sao ấy, con nghe trong nhà thì thào mời thầy thuốc, hôm nhị hỷ không về đằng bà con được, mấy hôm sau mới về, phải ngồi xe che kín.

Con vú nói có vẻ buồn, chứ không cười cợt như ngày trước nó nói chuyện cô nó với tôi.

Tôi lại hỏi:

– Bà lớn bớt chưa.

– Bà con uống thuốc ông lang bên huyện đem sang chữa, nay đã bớt nhiều lắm. Bà con đã dậy được.

Tôi vội việc nên không hỏi nhiều, chỉ thở dài một tiếng rồi quay đi.

Thời giờ thấm thoát đã gần đến tết Nguyên đán rồi, đã đến ngày tôi trông thấy nàng lần thứ nhất, lòng thương nhớ nàng vẫn không thể nguôi. Tôi cố dẹp lòng, tạm quên nàng đi, không hỏi gì đến tin tức nàng, không xem gì đến những dấu tích của nàng để lại, thế mà không sao quên được. Nhưng vẫn tuyệt vô âm tín, không biết gì đến nàng. Tôi phải giữ ý cho nàng, vì nàng bây giờ đã thuộc về cuộc đời khác.

Đến mùng năm tháng giêng, hôm ấy là ngày hội chùa Đồng Quang, tôi xuống Thái Hà xem hội, lúc bước chân lên xe điện thì chợt thấy nàng ngồi trong ghế hạng nhất cùng với một bà cụ già và một thiếu nữ. Nàng bịt một cái khăn tua đen, mặt xanh, sút đi đến bốn năm phần, in một vẻ buồn rầu kín đáo, cái vẻ mặt xanh, mắt lờ đờ thu vào trong cái khăn vuông đen, có một thứ đẹp thanh đạm lạ thường hình như phảng phất khí thiêng liêng, khó mà tả ra được. Tôi trông thấy mặt nàng thì nhớ đến một bức tranh vẽ bà hoàng hậu "Ơ-giê-ni" trong quyển Đại Pháp Sử ký của ông Malet soạn trong lớp Triết học. Bà cũng trùm một cái khăn đen, dung nhan bà cũng đeo một vẻ buồn cao xa kín đáo như vậy, thành ra về sau lúc tôi giở đến quyển sách ấy là nhớ đến nàng, có khi ngắm mãi không chán. Tôi đứng dòm mãi mà nàng không biết, vì xe đông người. Lúc nàng chợt trông thấy tôi thì nàng quay mặt đi, tôi lấy làm giận lắm. Lạ thay! tôi đã muốn nàng, đã bắt nàng phải quên tôi đi, thế mà nàng không nhìn mà lại giận, cho nàng đã quên tôi rồi, sau tôi cũng nguôi lòng mà cho nàng cũng như nhiều người thiếu nữ thường tình khác, tôi cho là nàng đã chịu thứ thuốc "lấy chồng" của tôi cho nàng uống để quên tôi, tôi lại mừng thầm là thuốc của tôi công hiệu.

Thôi thế càng hay, mà nàng xử vậy cũng phải, vì lòng tôi khỏi phải bận bịu đến nàng mà nàng cũng khỏi phải khổ về thương nhớ tôi nữa. Tuy vậy nghĩ đến tình tôi xử với nàng, lòng tôi thương yêu nàng ngày trước với lòng tôi đau đớn vì nàng mấy hôm nay thì tôi

lại bứt rứt, chỉ đứng chực cho nàng quay lại để thấy con mắt tôi ngạo nàng, nét mặt tôi làm ra điềm nhiên nguội lạnh, nhưng mãi lúc xe điện đến nơi nàng cũng không dòm tôi nữa. Tôi nhảy xuống trước để nàng phải trông thấy mặt tôi, nhưng lúc xuống nàng dương ô ra che về phía tôi đứng, nên tôi không trông thấy mặt nàng nữa.

Nghĩ mà căm tức vô cùng.

Tôi không vào chùa nữa, đi vào chơi nhà người bạn trong ấp Thái Hà.

Từ đó tôi nghĩ đến nàng, lúc thì thương, lúc thì giận, nhưng tôi vẫn vững lòng rằng nàng không thể quên tôi. Kỳ thay!

Cách đó nửa tháng tôi đương ngồi trong lớp thì nghe mấy người bạn bảo nhau rằng "58" chết rồi.

Bạn lại đeo thêm mấy câu bình phẩm rằng:

– Thiệt cho B. lắm nhỉ? Ái ân mới được hơn một tháng, rõ là cuộc đời giấc mộng!

Một người nữa đọc rằng:

– Mỹ nhân tự cổ như danh tướng, bất hứa nhân gian kiến bạch đầu[1].

Tôi nghe mấy nhời sét đánh bên tai, không thể ngồi lớp học, phải vào buồng nằm, nhưng chưa chắc tin có đích thực không, muốn cho người ra hỏi thì đã đến chín giờ tối rồi, bồi bếp về hết không sai ai ra được nữa. Tôi đương thổn thức thì có nhật trình đưa đến. Tôi vội ra lớp học lấy xem, thấy mấy dòng "ai tín" rằng:

"Bản quán tiếp được tin buồn bà... mất sáng hôm nay, đến đúng 8 giờ sáng mai thì đưa đám..."

Tôi tính từ "hỷ tín" 12 tháng chạp cho đến "ai tín" 18 tháng giêng được 36 ngày. Tôi buồn quá phải nằm xuống ghế, bạn ngồi gần hỏi, tôi nói là mệt, bạn phải đưa vào buồng nằm. Sáng hôm sau tôi lén ra, mặc quần áo ta rất sơ sài đến tận tang gia thì thấy xe tang đã để trước cửa, trong nhà có tiếng khóc bi ai. Tôi đứng lẫn với người đi xem. Lúc đưa áo quan nàng ra tôi trông thấy thì chân

---

1. Người đẹp từ xưa như tướng giỏi,
Không muốn nhân gian thấy bạc đầu.

tay run lên không đứng vững, phải ngồi lên một cái xe cao su. Một lúc đám đi, tôi cứ đón đường mà đợi, hai ba lần đi qua đám, tôi đã toan đi lẫn với người đi đưa, nhưng có nhiều người nhìn tôi hình như biết chuyện, tôi sợ làm bận đến linh hồn nàng, nên phải giở về, và đám ma đưa về tận quê nàng, ở gần Hà Đông, tôi không đi lâu được.

Tôi giở về cả ngày hôm ấy không ăn, đêm hôm ấy không ngủ; nào thương, nào nhớ, nào sợ, nào buồn, nào mơ màng, hối hận, tôi nhìn bốn góc tường, chỗ nào cũng hình như trông thấy nàng vơ vẩn. Có khi tôi nằm trong màn rõ ràng mở mắt mà thấy nàng đứng sau cửa kính nhìn tôi, tôi ngồi dậy chạy ra nắm lấy nàng thì đụng vào cánh cửa đứng dừng ngay lại.

Hôm sau, gặp ngày chủ nhật, sáng sớm tôi về Hà Đông thăm mộ nàng, xuống Ngã Tư Sở còn phải đi vào 3, 4 ki lô mét. Giời mưa, đường lội, gió bấc thổi vù vù. Tôi về đến làng theo những thoi vàng rắc hôm trước mà tìm đến chỗ nàng an giấc nghìn thu. Ở giữa quãng đồng không vắng vẻ, gió thổi, mưa sa, một nấm mồ nằm bên cái gò con cỏ úa, in vết trâu bò qua lại và dấu chân những người đưa đám mới đi. Bốn bề vắng lạnh, duy chỉ có tôi đứng chỗ một giời một đất với mộ nàng, xa trông những hạt mưa bay mờ mờ trắng, mấy hàng tre gió lướt đổ ngà ngà, những con chim bạt gió kêu bầy, mấy con bê lạc đàn gọi nạ... Tôi nghĩ đến lúc đi chơi với nàng ở các quãng vui bao nhiêu thì bây giờ lại buồn bấy nhiêu, nhưng vui kia chỉ vui một lúc, mà buồn này chưa biết đến bao giờ mới nguôi!

Tôi buồn rầu thương nhớ nàng như vậy, người mệt quá, ngồi xuống một đám cỏ vàng, bên cạnh mồ nàng mà viết mấy câu viếng. Viết xong, đọc đi đọc lại, tựa hồ nàng cùng nghe với tôi, như những lúc tôi đọc văn thơ cho nàng bình phẩm. Tôi xưa nay hay lấy khoa học mà cắt nghĩa cái chết, chết là hết, chết là tan như vạn vật trong vũ trụ vậy. Nhưng lúc đó bởi lòng tôi rất thương tiếc nàng, thấy nàng còn phảng phất bên tôi, tôi tưởng tượng ra như nàng nghe những nhời tôi vừa khóc nàng, mà cái chết lại hiện ra cho tôi là cách đổi đời mà thôi. Lòng tôi cũng muốn tưởng tượng ra như vậy, để được hô hấp lấy hương hồn của nàng. Người ta sở dĩ chuộng tôn giáo chỉ tại những lúc này.

Tôi ngồi bên mộ nàng đến hai giờ đồng hồ mới dậy. Lúc lên xe về người rất mệt mà tôi coi vẫn là thường. Tôi cứ quay đầu lại chỗ mộ nàng cho đến khi khuất mấy hàng tre không trông được nữa. Trong lòng nghĩ rằng, sau lúc tôi thăm có ai đến thăm nàng nữa không? Mẹ nàng thì già, em nàng còn dại, người tân lang của nàng có thật là người biết thương nàng không? Rồi đây, đường sá xa xôi, mỗi ngày một nhạt, có ai thăm viếng nàng luôn mà đem tấm lòng ấp lấy nấm mộ kia cho khỏi lạnh lùng vắng vẻ, hay rồi cũng dế đùn cỏ lấp, bốn mùa mưa gió giãi giầu mà thôi.

Nghĩ mà bát ngát.

Trước khi về, tôi cởi cái áo của tôi đắp lên mồ màng cho khỏi lạnh lùng vắng vẻ.

Còn một điều tôi ân hận nữa là không biết nàng yếu làm sao mà vội từ trần sớm thế? Hoặc là khí giời hung độc nàng cảm bệnh mà không gỡ ra hoặc là thương tôi mà mình hao sức kiệt, hoặc nàng giận duyên tủi phận mà tự mình vội hủy mình đi... Tôi lấy làm phân vân quá, nghĩ hỏi cho đích thực cũng khó lắm.

Tối hôm ấy tôi đi tìm con vú hầu nàng để hỏi chuyện, vì chỉ hỏi dò nó là biết được. Lúc tôi đi qua cửa nhà bà Án, con vú thấy tôi thì chạy ra. Tôi hỏi Tố Tâm chết về bệnh gì, nó nói rằng nó chỉ thấy sốt và ho ra huyết, không ăn không ngủ được, dần dần kiệt sức như ngọn đèn hết dầu. Lúc sắp chết tỉnh lắm, hỏi gì cũng biết nhưng không nói một câu gì cả. Suốt ngày cứ nhắm mắt nằm yên, lúc tắt nghỉ lầm bầm mấy tiếng như gọi ai, rồi thở dài một cái mạnh là về.

Con vú đương nói thì có người trong nhà đi ra, nó phải chạy vào. Một lúc tôi cũng vào nhà bà Án. Lúc đó không còn ngại gì đến chuyện trước, chỉ nghĩ thương tiếc Tố Tâm mà coi như một việc bổn phận phải đến thăm mẹ thăm em nàng, dù có bị bạc đãi cũng cam tâm. Nhưng lúc tôi vào nhà, bà Án thấy tôi thì khóc. Chả biết Tố Tâm có dặn lại gì không mà bà Án không nói gì cả. Cậu em vẫn thấy kính yêu như ngày trước. Tôi cũng ngạc nhiên. Tôi nhìn vào chỗ Tố Tâm ngồi ngày trước thấy bức ảnh nàng để trên bàn, khói hương nghi ngút, ngọn nến hắt hiu, tôi không sao mà cầm nước mắt được, nghĩ giọt lệ của thiếu niên cũng lạ, thật ít mà thật nhiều! Tôi đứng thẫn hồi lâu, không nói năng gì cả, mà cũng không hỏi gì đến

tình trạng Tố Tâm, một là sợ gợi phiền, hai là lúc đó khó mà biết ngay được. Tôi định để hỏi dần về sau. Lúc tôi về, ra đến cửa thì cậu Tân đưa cho một gói mà nói rằng:

– Em vâng nhời chị em gởi lại mà đưa cho anh cái gói này.

Tôi cầm cái gói, cảm ơn cậu em, hẹn đến thứ năm sẽ ra. Hai người cùng ứa nước mắt.

Tôi về mở gói ra xem thì thấy một hộp nhật bản, chính là hộp này đây. Trong hộp toàn là thư từ và những di vật tôi đưa cho nàng, còn cả từ cành hoa lan đưa hôm cưới đã khô đi rồi, duy chỉ bức ảnh của tôi là không thấy. Không hiểu nàng bỏ đi trước lúc cưới hay nàng đem chôn tôi với nàng? Nhẽ đoán này thì chắc hơn vì nàng không chịu bỏ đi một tý gì của tôi cả, từ những sợi chỉ buộc giấy cho đến giải lụa buộc hoa cũng còn nguyên cả. Dưới những di vật đó còn để một quyển sổ con đề mấy chữ "Nhời nói cuối cùng". Tôi mở xem thì ra quyển nhật ký của nàng chép chuyện từ lúc xa cách tôi.

Đạm Thủy đưa quyển sổ con cho ký giả rồi gục đầu vào vai ký giả bắt đọc cho nghe những ký sự, hình như bạn tôi muốn ôn lại những câu tâm huyết đó cũng như người đương buồn muốn nghe gẩy khúc nam ai:

"Ngày mùng 9 tháng chạp.

"Sau khi em đưa anh đóa hoa lan và nói cùng anh mấy câu từ biệt thì lòng em như cắt, tinh thần khác hẳn đi như người vô hồn. Hôm ấy em vội về ngay là ý em gặp anh chỉ để tặng anh một đóa hoa gọi là chút di vật của người sắp vĩnh biệt. Em ở làm sao cho phải. Ở nhà công việc bộn bề, me em thì ốm nặng. Em biết em dứt về như vậy, em để anh thương nhớ ở giữa quãng đường nhưng nếu em đứng lại mà tự tình với anh lúc nữa thì em đã làm con ma ở Hồ Tây rồi.

"Về đến nhà em viết thư từ biệt anh mà không sao viết được, cầm đến bút thì nước mắt tràn xuống ướt cả giấy, nhòe hết mực. Em viết mãi mới được một bức thư.

Ngày mùng 10

"Chiều hôm nay em tiếp được thư anh, thật là bức thư xé ruột, em đọc đi đọc lại nát cả thư. Anh ơi tính tình anh đằm thắm làm

gì, văn chương anh giéo giắt làm gì để xé tâm can em như vậy? Lòng em anh lấy hết rồi, hồn em anh thu hết rồi, sao anh gieo sâu trong tâm can em một mối tính tình đằm thắm làm vậy để em nhớ thương đau đớn thế này. Em đau đớn mà em phải cố gượng làm tươi cho yên lòng me em khi bệnh nặng, và để che mắt chị em ở các nơi về: họ tinh quái nghịch ngợm lắm, anh ạ. Các cô cứ lấy những chăn màn gối đệm mới mà giễu cợt em; các cô lấy thế làm thích. Phải, người con gái còn cảnh nào êm ái bằng lúc trông thấy những chăn bông màn xuyến, những hòm da phủ mảnh nhiễu điều bày chung quanh mình, nhưng các cô càng giễu cợt em bao nhiêu thì em lại càng khổ tâm bấy nhiêu, mà em vẫn phải làm vẻ mặt điềm nhiên, lấy cái cười chạy qua nước mắt mà đối lại...

Ngày 11.

"Chiều hôm nay em nhận được lễ mừng của anh, đa tạ lòng anh. Anh cũng khéo lựa vật mà mừng em như vậy, nhưng thấy lễ mừng của anh đưa đến, em lại đau lòng. Hoa của anh em bỏ vào quả trầu để ngày mai đi với em, còn thư với câu đối thật là hai con dao cắt ruột!

Thương nhau nên phải phụ nhau mà!

Quả thế, anh ạ. Ta chỉ vì thương nhau, không muốn để cho nhau thiệt nên đến tình cảnh này. Em xem thư và câu đối của anh, em phải gục đầu xuống gối, em mơ mơ màng màng hồn đi đâu mất; em không khóc được nữa, hình như em hết nước mắt rồi. Em nằm một tý thì có người vào gọi dậy để hỏi công việc. Em mệt quá đi mất, em sốt, em ho, anh ạ. Thế mà em không được nằm, em không dám nằm có khổ không anh? Ngày thì công việc liền tay không khi nào hở, đêm thì thổn thức nỗi lòng không khi nào yên. Em không thể nhắm mắt được.

Ngày 12.

Hôm nay em là bộ máy vô hồn, ai vặn thế nào xoay thế ấy. Bảo em đi thì em đi, bảo em đứng thì em đứng, bảo em lễ thì em lễ, bảo em chào thì em chào, không bảo gì thì em cứ đứng yên thế mãi. Các bà các cô bắt khổ em làm nhiều lễ bái quá mà bây giờ em cũng quên hết không biết là làm những gì. Em chỉ còn nhớ rằng lúc

em bước chân ra, me em khóc như mưa như gió, lúc em ra đến cửa, em tưởng như anh đương đứng ở một cái góc nào đó mà chào em bằng nửa miệng cười, em vẫn sợ cái lối mỉm cười chua chát của anh. Em nhớ cả rằng hôm ấy chiều giời ủ dột hình như cảm động đến tiếng than khóc của em.

Em vẫn còn sốt lắm, người mệt lử đi mà ngực tức khó thở.

Ngày 14.

"Hai hôm nay em vẫn còn sốt, không ăn không ngủ được. Em chợp nhắm mắt thấy anh, em mở mắt ra là tưởng đến anh, hình như tinh thần em anh đã thu hết cả. Em không sao mà ngủ đi được một lúc, nên đêm em cứ dậy viết mấy giòng này cho anh, vì em viết ban ngày không tiện, em đợi khi cả nhà ngủ lặng, chỉ còn một mình em với con vú nó ngồi với em trong cái buồng vắng vẻ này. Em ngồi kê vào gối mà viết. Em nhờ được cái bút này em lấy của anh hôm nọ nên để lại cho anh được mấy nhời tâm huyết này. Nhẽ ra thì em không viết cho anh những nhời này là phải, vì lấy cái thường tình của người không hiểu câu chuyện mà nghị luận thì em đã sang cuộc đời khác rồi, em phải cư xử làm sao cho trọn vẹn, không được tưởng gì đến anh để khỏi phạm vào cái vòng "bất tín". Và khỏi trái nhời anh.

"Nhưng không anh ạ anh xá tội cho em mà xin giời kia cũng chứng minh hộ. Em bao giờ cũng là gái duy nhất, em đã đem lòng yêu anh thì bao giờ em cũng yêu anh, em đã yêu anh thì không thể yêu ai được nữa. Từ khi em bắt lòng em không được tưởng đến cuộc trăm năm với anh, em vẫn yêu anh mà đinh ninh giữ lấy một mối tình vô hy vọng cho suốt cả đời em, để sau khi hương tỏa khói tan, em chỉ nghĩ một câu rằng ta đã biết luyến ái mà chữ chung tình đã được vẹn toàn là đủ thỏa. Em lại định rằng em không yêu thì không lấy ai cả, vì sợ để thiệt hại đến một người thiếu niên và cũng không có lòng nào mà yêu như vậy, nhưng giời không cho thế, phú cho em một tấm lòng rất yêu quí me em, lại để em vào lúc gia đình bối rối, nên em phải vâng nhời me em, thôi đành để nhắm mắt đưa chân vậy. Vì em có liều mình đi nữa thì lại để tiếng cho nhà, mà khổ cho me em lắm. Lúc em đã trót nhận nhời đi rồi thì em định rằng, nếu giời còn để em sống thì em đem hết nền giáo dục của em mà hầu hạ tân lang em như một người tôi tớ, hay là một thứ bạn mà thôi.

Tình cảm em như vậy, em bộc bạch hết anh nghe còn anh quở trách em hay kết án em những tội gì, em cũng xin vái giời mà chịu cả. Em có thứ cảm giác biết trước là em yểu, đời em không được bao lâu, nên việc đời xoay đến thế nào cũng được. Em cũng biết là phiền nhà tân lang lắm nhưng cũng chả còn mấy ngày, tân lang em cũng đỡ được cái nợ.

Ngày 15.

"Hôm nay người ta gọi là tứ hỷ, em mệt lắm vì mấy hôm trước em khái huyết, nhưng em cũng gắng dậy mà về thăm mẹ em và lễ nhà thờ, vì hôm mười ba em sốt lắm, và giời mưa to nên em không về được. Hôm nay giời cũng còn mưa đường lội, cảnh vật âu sầu hay là tại em buồn mà trông ra thế? Em ngồi xe che kín, lúc xuống cửa hình như ai cũng nhìn em mà em chả dám nhìn ai cả, nhất là chỉ sợ trông thấy anh. Me em đã bớt nhiều rồi, nhờ được ông lang bên huyện, chú em đưa sang chữa, thật là cải tử hoàn sinh. Giá ông chữa cho me em trước hôm mùng tám thì có phải ông cải tử được hai người không anh nhỉ ?

Ngày 18.

"Em vẫn không ăn không ngủ được. Hôm nay giời hơi có ánh sáng chiếu vào buồng em, em tính ra xa cách anh đã được mười ngày, mười ngày nhớ thương buồn bực. Em ngồi dậy trông qua cửa kính về phía trường anh, em chỉ thấy nóc nhà chi chít, mấy giẫy cây lá rụng bỏ phơ cành. Chắc anh chả nghĩ gì rằng có một người ngồi một mình trên gác, đau yếu buồn rầu đương trông anh nhỉ. Anh có thuốc gì làm cho em quên anh để ngủ một lúc không anh? Anh có thì anh gửi đến cho em, còn thuốc thang em uống hai ba thứ một ngày chắc chả làm cho em bớt được.

"Lúc trưa em tìm thấy trên bàn một gói thuốc lá của tân lang em lúc vào thăm em bỏ quên lại, em lấy hút. Anh ơi, cái thói đài các rởm của đàn bà hút thuốc lá mà anh bắt em bỏ ngày xưa, hôm nay em lại xin hút thấy tức ngực thêm mà em không muốn thôi. Lạ quá anh ạ, trong mình em không muốn kiêng một tý gì. Cửa bỏ ngỏ em cũng không bảo đóng, cơm đưa lên em cũng không muốn ăn, màn em cũng không cần buông, đèn em cũng không bảo tắt, giá đừng bắt em uống thuốc thang gì thì em lại dễ chịu lắm. Em không

hiểu sao, anh ạ. Có một điều em cẩn thận là em không lộ ra cho ai biết là em âu sầu mà cách xử với người nhà em vẫn phân minh lắm.

Ngày 28.

Mấy hôm nay tình cảnh em vẫn thế, bệnh có phần thêm. Cả ngày em chỉ trùm chăn, nằm mà nghĩ đường kia nỗi nọ buồn rầu thương nhớ anh mà thôi.

"Anh ơi, có phải hôm nay là ngày anh mất ví năm ngoái không, là ngày em chợt nom thoáng qua anh không? Cuộc kỳ ngộ vừa trọn một năm giời mà tình thân ái hình như cũ càng mấy thế kỷ. Hôm nay là ngày gì mà cái ví giấy của anh lạc vào nhà chú em, để em xem đến mà sinh tình luyến ái anh đến thế?

"Anh ơi, em một ngày một yếu, vẫn không ngủ không ăn được. Từ hôm nọ đến nay đã mời mấy ông lang rồi. Nhà thì bảo uống thuốc ta, tân lang em thì mời đốc tơ, một ông bạn học trường thuốc lại khuyên đưa vào nhà thương chữa cho tiện. Em muốn xin về bên mẹ em, nhưng bà Phán em không bằng lòng. Em nghĩ như thầy thuốc nào cũng vô ích cả. Nhưng bảo em uống gì em cũng uống; đắng cay, chua, chát thế nào em cũng uống như không, em không cau mặt chút nào, mà cũng không hề gắt đầy tớ lấy nửa tiếng. Tân lang em vẫn ra vào săn sóc, em vẫn kính mà không yêu, không hiểu sao vậy?

"Hôm nay là ngày hội chùa Đồng Quang. Người em hơi thấy có bớt. Me em cho người đến xin phép đi lễ chùa cầu an, bà Phán em lấy làm phải, sắm sang lễ vật cùng đi với em.

"Lúc em đương ngồi trên xe điện chợt nom thấy anh đứng đầu toa thì mặt và chân tay em hình như nóng lên, trong mình khác hẳn. Em vội quay đi không dám nhìn nữa, vì nhìn anh thì thế nào em cũng phải ứa nước mắt. Lúc đó mà khóc thì anh nghĩ tình hình ra sao? Nên em không nhìn anh nữa. Tuy vậy, em vẫn nhìn anh trong cửa kính, em biết anh vừa giận vừa buồn, em biết anh tưởng em quên anh, nên anh có dáng khinh bỉ cho là hạng người rất tầm thường, không hiểu nổi tính tình của anh, anh chực bắt em phải dòm nét mặt nguội lạnh ngạo đời của anh, để rửa cơn giận. Sao anh nghiệt thế, anh? Em đã chết từng đoạn ruột, trông thấy anh không dám nhìn, thế mà anh chả thương phận liễu nhược này, lại còn đem

lòng sắt đá của nam nhi ra mà chọi. Vâng, em biết đem lòng ra mà chọi thì bao giờ em cũng chịu thua, vì lòng nhi nữ chúng em không chịu được cái nỗi cắt gan ấy. Tuy vậy, em biết anh giận, em làm cho anh giận thêm, để anh ghét em là đứa vong tình mà quên hẳn em đi cho lòng anh khỏi bận bịu, để anh đem hết ái ân góp lại mà đắp vào cho người sắp cùng anh tính cuộc trăm năm. Quả lòng em như vậy, cho nên lúc xuống xe, em lấy ô che cho khỏi trông thấy anh, mà anh cũng đừng nhìn em nữa. Ôi! cũng một cái ô ấy mà xưa em lấy em che cho anh, nay em lại lấy ngăn anh, nghĩ mà đau lòng anh nhỉ? Lúc đi đã định đi xe cao su cả, nhưng nghe nói đường về ấp đương chữa, nên phải đi xe điện, có nhẽ là lòng giời muốn cho em được trông thấy anh một lần cuối cùng.

Ngày mùng chín.

"Anh ơi, hôm nay em lại thấy mệt lắm, em sốt hâm hấp và ho luôn. Mấy hôm trước em đã bớt, nên nhà mới cho em đi chùa. Em đi về lại ốm thêm. Lúc em nom thấy anh thì người ran lên như có sức mạnh, nhưng em về nhà thì bệnh lại tăng. Em xem tinh thần và thể chất em cùng kém lắm. Sáng hôm nay em lấy gương soi thấy mặt gầy gò xanh mướt, em ứa nước mắt một mình. Anh ơi, giá anh trông thấy em bây giờ thì anh không biết là ai nữa. Tố Tâm của anh hôm nay không phải là Tố Tâm ngày trước, vui cười hớn hở, chạy theo anh ở các quãng đồng, ngồi với anh trên bãi bể. Tố Tâm nay đã đào phai liễu ủ, sắp đến ngày gần đất xa giời. Ôi! xưa thì thế mà nay thì thế, đường kia nỗi nọ bởi vì đâu? Tài mà chi, sắc mà chi, tình ái mà chi, chẳng qua là những thứ bụi hồng dính vào đâu là khổ đó! Em nói vậy chứ em vẫn coi cái khổ là thường, em giơ hai tay mà đỡ lấy. Em vẫn chê những kẻ không điềm nhiên mà chịu những nỗi đau lòng của mình phải kêu ca cầu khẩn. Anh ơi em có một thứ cảm giác biết trước là em không thể sống được nữa. Hình như em đã thấy cái chết vơ vẩn trên nóc dưới thềm. Trong khi đàm luận, anh thường bảo em, chết là tan, chết là hết, sau khi chết không còn dính gì với cõi trần này; như mảnh ngói tan, như cành cây gẫy, gió mưa mục nát là xong...

"Nhưng không anh ạ, em tưởng tượng ra như chết rồi hãy còn vơ vẩn trên không. Em coi chết là thường lắm, em không sợ một

chút nào, em điềm nhiên mà chịu được chết, dửng dưng nhắm hai con mắt lại, ôm lấy cái khổ não bên mình. Em không cần than khóc lấy nửa tiếng, và em cũng muốn tưởng tượng ra là chết vẫn không tan để còn có hy vọng một ngày kia lại được gặp anh, và để cho cái chết có một chút ý vị. Anh ơi, tại anh đặt cho em hai chữ Tố Tâm nên em bạc mệnh, có phải không anh? Em nói bỡn đó chứ nếu em có phải vì anh mà bạc mệnh em cũng thỏa lòng.

Ngày 12.

"Kể từ hôm em bước chân về nhà chồng đến nay là một tháng, một tháng ốm đau buồn bực thật ngại cho em mà cũng phiền cho nhà tân lang em lắm. Công của chạy chữa cho em không biết lấy gì mà bù. Em vẫn biết thuốc thang không thể khỏi được, nhưng em không dám hở ý ấy ra. Em biết em không thể khỏi được, nên em cũng mong cho đến ngày tận số cho khỏi phiền đến nhà tân lang em.

"Sáng hôm sau tân lang em vào buồng em, tiếng giày đi rất mạnh; ngồi xuống cái ghế để bên giường em rồi lấy một bức thư ra giơ cho em xem mà hỏi rằng:

– Có phải thư gửi cho mợ không ?

"Em xem thấy nét chữ của anh, thấy tên em thì em lạnh người đi, nhưng em cũng định thần ngay mà giả nhời rằng phải. Bức thư ấy nguyên là thư vĩnh biệt của anh hôm nọ, em lấy xem, em bỏ quên trong áo gối. Lúc con vú tháo áo gối thì thư vương đi đâu mất. Em tìm không thấy nữa mà không dám hỏi người nhà, đành để cho mất. Tân lang em hỏi ai gửi. Em nói thật là thư vĩnh biệt của anh. Em nghĩ không giấu được nào mà lúc đó cũng không muốn giấu nữa, và em đã định rằng một ngày kia lúc bệnh em xem chừng nguy cấp không thể khỏi được thì gửi lại mấy nhời bái tạ tân lang em để đền bù cái công đeo đẳng và nghĩa kết duyên, để xa lánh cõi trần cho nhẹ bước. Nhân lúc này tân lang em đã hiểu rõ câu chuyện thì em lại thưa để bái tạ cho xong. Em nói rằng:

– Tôi được làm bạn với cậu bởi đôi bên bác mẹ bằng lòng mà cũng bởi ân xưa nghĩa cũ của hai nhà đi lại. Tôi không được biết cậu mà cậu cũng chỉ mới biết mặt tôi. Hai ta chưa có chút gì là thương yêu mà cũng không lòng gì ghen ghét. Tôi xin thưa thực cùng cậu rằng lòng tôi đưa gửi cho Đạm Thủy đã ba bốn năm nay

rồi, chỉ vì một chuyện riêng mà hai bên không thể kết duyên được. Tôi về hầu hạ cậu là bởi tôi phải vâng lời mẹ tôi lúc vạn tử nhất sinh, tôi thương mẹ tôi nên không dám trái lời, thành để thiệt đến cậu, tôi phiền đến cậu là tôi không thể yêu được hai người, mà cũng không lòng nào mà yêu như vậy; tôi cũng biết là tôi có lỗi, nhưng cậu là người có học thức hẳn cậu cũng biết cái nỗi éo le của lòng người, tôi vẫn muốn quên những chuyện xưa để xử với cậu cho đôi đường trọn vẹn, thôi thì hầu hạ cậu như một người tôi tớ, không dám nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng, cho trọn một đời tôi. Nhưng tôi chỉ khiến được lòng kính mà không khiến được lòng yêu. Lòng tôi thực thì tôi xin cứ thực mà thưa. Nếu cậu hiểu đến khuất tình của tôi, cho tôi là một thiếu nữ quá chung tình thì tôi xin cảm lòng, nếu xét theo lối thường đời cho là một gái nguyệt hoa thì tôi cũng vâng chịu: Bây giờ việc đã trót ra như vậy, tôi bái tạ cậu để cảm công trình đeo đẳng và nghĩa kết duyên bấy lâu.

"Em nói xong thì ngồi dậy để tỏ lòng cung kính nhưng tân lang em gạt đi không nhận, ngồi im một lúc nét mặt rầu rầu, rồi đứng dậy quay ra. Em xin lại bức thư thì tân lang em xé đi, rồi thủng thẳng bước ra, khẽ khép cửa phòng lại. Em không hề dám có chút tức giận nào cả. Em chỉ thương anh mà thôi. Em trông bốn mảnh giấy mà động lòng. Giá tân lang em mắng em, đánh em, em cũng không khổ tâm bằng thấy xé bức thơ vô tội ấy. Nhưng phải lắm anh ạ, nên em có dám phàn nàn gì đâu. Giá đến chuyện vùi hoa giập liễu nữa mới đúng với đời; ở đời đã mấy người sẵn mối từ tâm quảng đại, ý tưởng cao xa, xét việc đời tìm đến căn nguyên, khi đã hiểu thấu thì có thể xéo lên những thường tình ghen ghét, đạp đổ được những nhời bình phẩm nhỏ nhen. Em biết vậy nên em cứ điềm nhiên vẫn đành lòng mà nghe những tiếng mỉa mai, những nhời sỉ vả, dửng dưng ôm lấy nỗi lòng mà đợi ngày tạ thế, hoặc sẽ tan ra đất ra cát, hay sang một cõi đời khác nào. Anh cũng không nên ân hận gì đến chuyện ấy, vì lỗi tại em, em xin chịu cả.

Ngày 14.

"Đêm qua gió bấc thổi vù vù, cành cây rơi lác đác. Em muốn xem phong cảnh buồn rầu. Em ngồi dậy vịn vào giường đi ra mở cửa sổ. Em kéo chốt cửa thì gió to quá đẩy toang cánh cửa mà thổi

hắt vào em, em ngã ra bất tỉnh nhân sự. Lúc tỉnh dậy, nghe nói lại rằng khi bấy giờ con vú thức giấc dậy kêu lên, cả nhà chạy vào đỡ em lên giường thuốc thang mãi mới tỉnh. Cả ngày hôm nay em vẫn mệt lắm. Me em ngồi với em luôn. Em nghĩ đến nỗi nhà em mà khổ. Me em thì già yếu, em Tân còn ngây thơ. Em cũng muốn sống lại ít lâu cho me em có người giúp đỡ mà không thể sống được nữa. Thôi, em gửi cả cho anh, em nhờ anh chỉ bảo cho em Tân nó nên người, có một chút tính tình học thức, phải nhớ luôn là một người Nam Việt thiếu niên đừng đắm mê vào chỗ tư lợi nhỏ nhen quá. Em đã viết sẵn cho me em một bức di thư dặn dò các việc.

"Anh ơi, em mệt lắm rồi, em viết cho anh mấy dòng chữ này người lả đi mà em cũng cứ viết, không viết thì không nằm yên, giá thầy thuốc mà biết vậy thì chắc quở trách em, vì em không theo được như nhời dặn.

Ngày 17.

"Anh Đạm Thủy ơi, em không thể sống được nữa, đã đến lúc từ trần rồi. Em ho ra nhiều huyết quá. Thôi mấy dòng không thành chữ này là em chào anh đấy. Em chào anh, chào cả văn chương tư tưởng, chào cả non nước cỏ cây, những cảnh tuyệt vời của tạo hóa. Em xin nhắn với những cô thiếu nữ cùng một tính tình như em đừng theo em mà đi vào một lối. Muốn hưởng lấy cuộc ái ân đằm thắm trong cảnh vợ chồng thì tìm lấy mà biết sự thực ở đời, những chuyện viển vông mơ màng, toàn là một thứ rượu ngọt, ngon, thơm, mà rất công phạt, nhấp vào thì ngà ngà say, trong người thấy nhẹ nhàng phấn chấn, nhưng dần dần đốt cháy hết ruột gan người.

"Em xin gửi lại tất cả thư từ và những vật anh cho em, em tưởng mang đi với em, nhưng lúc em nhắm mắt rồi thì chả ai cho như vậy, mà để vật này lạc vào tay kẻ khác thì cũng phí đi mất. Anh giữ lấy cho em, gọi là một chút di vật lúc em sắp tạ thế. Em chỉ giữ lấy một cái ảnh của anh để đưa em một vài dặm đường về tiên cảnh.

"Rồi đây, sau khi hương tàn khói tỏa, có lúc nào anh qua chỗ em an giấc ngàn năm này, nhờ anh đề hộ vào gốc cây, tảng đá hay bức tường mấy chữ rằng:

ĐÂY LÀ MỒ MỘT NGƯỜI BẠC MỆNH
CHẾT VÌ HAI CHỮ ÁI TÌNH"

5.

Ký giả đọc xong thì Đạm Thủy thở một tiếng lấy khăn lau mắt mà nói rằng:

– Tôi xem hết quyển nhật ký thì thương tiếc nàng quá chừng, trong lòng như hối hận, không ăn không ngủ được mà thành bệnh. Thầy thuốc xem nói là đau tim. Chuyện thấu đến anh cả tôi làm điền chủ ở tỉnh mỗ. Anh tôi đến tận trường xin phép cho tôi về an dưỡng ở chỗ đồn điền đó. Nói là chữa bệnh nhưng thực ra thì anh tôi muốn vớt tôi lên khỏi chỗ bể tình. Anh cả tôi người trầm tĩnh mà lịch duyệt. Lúc lâm tuyền khi thành thị trong Nam ngoài Bắc đi đã nhiều. Anh tôi thấy tôi như vậy có ý thương hại buồn rầu chứ không có ý tức giận, mà giấu cả gia thân tôi nữa.

Trong mấy chủ nhật về nghỉ, anh tôi không hề đả động đến việc Tố Tâm. Những thư từ sách vở tôi mang về anh tôi cất đi hết cả. Những chuyện gì có thể gợi tình cảm như chuyện Kiều, Chinh phụ, Cung oán, và những tiểu thuyết bi tình anh tôi cũng giấu đi hết. Anh tôi bày ra ở bàn giấy gần chỗ tôi nằm những tranh ảnh hùng hiệp như là các đại trận của Napoléon khi còn trẻ, các thủ đoạn anh hùng của đại tướng Đông phương, những tiểu thuyết phiêu lưu của các bậc nam nhi khẳng khái, những sách thuật lại cuộc đời bần bách của các bậc hiền triết ngày xưa. Anh tôi cứ tự nhiên mà làm không cho tôi biết mà cũng không bảo gì tôi cả. Anh tôi lại bày ra cuộc săn bắn, chụp ảnh, đánh cờ, v.v... Những lúc ăn cơm đông đủ hay khi hai anh em ngồi uống nước chè tàu, anh tôi toàn nói chuyện gia quyến. Anh tôi nói gia thân tôi khen tôi ngoan và mong về sau làm được những gì, hàng ngày nhắc đến tôi luôn và tỏ tình nhớ tôi lắm. Anh tôi nói tự nhiên như người kể chuyện lại, không bình phẩm mà cũng không đả động gì đến việc học của tôi.

Những khi anh tôi bận việc mà thấy tôi ngồi thần một mình, thì khẽ bảo các cháu lại quấn quýt. Anh tôi vẫn biết tôi yêu trẻ con mà mấy hôm về đó tôi lại thích chơi với trẻ lắm. Cả ngày tôi chỉ quanh quẩn với chúng nó. Đứa ôm chân đứa kéo áo, bắt những "nu

na nu nống, chi chi chành chành" bảo làm gì tôi cũng làm, bắt đi đâu tôi cũng đi, đến cả chồng gạch làm đình làm chùa, hay bới cát xẻ sông đắp núi. Bởi trái lại cuộc đời chua chát, mà tôi thành như đứa bé ngây thơ.

Lòng tôi đã hơi dịu dịu nhờ được thang thuốc đầu của anh tôi khéo bốc, lấy cảm tình mà chữa cảm tình, không dùng lối thuyết lý sống sượng.

Anh tôi biết tôi nặng tình gia quyến, nên khéo đánh riết vào chỗ ấy rồi lấy thêm cảm tình khác mà chèn vào, sau cùng lấy lý luận mà giữ.

Anh tôi thấy lòng tôi đã tạm nguôi một chút thì nói đến việc đời. Anh tôi ngồi kể chuyện lại những cuộc mê đam ngày trước, những điều khờ dại ở trong cuộc ái tình và tách bạch những điều thiếu niên cho là xinh đẹp ra từng mảnh rất đáng sợ. Dần dần anh tôi hỏi đến chuyện Tố Tâm. Tôi kể thực hết cả. Anh tôi ngồi đạo mạo như một ông thầy tu nghe người xưng tội. Anh tôi nghe xong nói lại một cách rắn rỏi tỏ ra một người đã lịch duyệt chỉ bảo cho một cậu thiếu niên, lững chững trên đường tình. Giọng nói ung dung và không có vẻ gì là mắng dức.

Anh tôi kết luận đoạn này bảo tôi yêu Tố Tâm không phải là dở, hẳn vì tôi thực tình mà yêu, yêu có lúc say mê lảo đảo. Anh tôi cũng thương cho đôi lứa thiếu niên hại vì tình, nhưng anh tôi bảo tôi lạm dụng văn chương tư tưởng, bởi mơ màng một cuộc ái tình đằm thắm quá mà đem hết tài liệu của mình ra mà tách bạch từng mảnh lòng người yêu để biết hết những đoạn éo le của ái tình mới thỏa. Phiền một nỗi chính mình làm mà mình không tự biết, hay có khi biết mà bỏ qua quý hồ làm cho nàng yêu là được, nhiều khi lại viện những nhẽ rất đúng để tự thứ lỗi cho mình, mà bênh vực lấy tình ái. Về sau lúc đã quá, muốn lấy nhẽ phải mà bảo mình nhưng không bảo được nữa. Muốn đem những bức thư từ biệt rất cảm động, dùng những tính tình chân thật thiết tha mà gỡ ra, nhưng chính thế là buộc vào thắt chặt đến nỗi khổ mình mà thiệt người, không định làm hại mà thành hại. Túng nhiên Tố Tâm mà không chết thì cảnh vợ chồng của nàng cũng mất hết cả vẻ hay, mà gia đình về sau cũng nghiêng ngả, vì người đàn bà đã bị thương tích như vậy

thì có sống ở đời nữa chỉ chịu cuộc đời một cách đành lòng cho qua ngày qua tháng mà thôi. Tố Tâm là hạng thiếu nữ quá chấp nhất về tình lại hay mơ màng về văn chương tư tưởng khinh hẳn những việc thực ở đời. Tính tình ấy lại để vào một nơi hoàn cảnh giáo dục "giao thời" nên sa mãi vào cuộc ái tình kia không biết mà dừng bước lại thành cuộc đời tan tác một cách bi ai để lại bao nhiêu điều đáng ân hận.

Cuối cùng, anh tôi đánh vào chỗ lòng khẳng khái khéo nhặt những câu Tố Tâm nói mà thêm thắt vào, làm một bài khuyến khích rất hùng hồn cảm động. Anh tôi nói đến công danh sự nghiệp mà khéo chèn vào những câu thuyết lý rất cao xa, khiến tôi nghe phải cảm động, nức lòng như người chiến sĩ lúc ra trận nghe hồi trống hay dịp kèn quốc hiệu.

Anh ơi, tôi bây giờ lại để tâm vào việc học, xong được công việc nhà trường, lòng lại sốt sắng về những mục đích và hy vọng trước, là nhờ những câu giáo huấn rất hợp cảnh hợp thời và nghĩ đến những nhời khuyến khích của người vì quá yêu tôi mà thiệt phận. Hai điều đó cũng có vẻ thiêng liêng thay!

Nhưng anh nên biết rằng một việc như việc Tố Tâm với tôi không thể mất tích được, vì lòng tôi đã bị thương thì còn vết mãi mà, vết đó làm giảm mất nhiều cuộc vui trong đời tôi. Ngẫm như những lúc tôi được hưởng điều hoan lạc, nghĩ đến nàng thiệt phận thì lại chạnh lòng mà bây giờ nhiều khi trông cảnh nhớ người thấy dấu tích như hồn ai còn vướng vít...

Viết tại trường Cao đẳng Sư phạm
kỳ nghỉ hè năm 1925
Song An HOÀNG NGỌC PHÁCH

TAM LANG VŨ ĐÌNH CHÍ
(1901–1986)

Sinh năm 1901 tại Hà Nội, quê ở Bắc Ninh. Là nhà báo nổi tiếng từ trước Cách mạng Tháng Tám 1945, sở trường với thể phóng sự, tiêu biểu là tập phóng sự Tôi kéo xe *(1935). Ông từng làm chủ bút nhiều tờ báo nổi tiếng ở Hà Nội:* Tin mới, Cậu ấm cô chiêu, Dân chúng, Thần dân, Tia sáng... *Sau 1954 ông vào Nam và tiếp tục nghề báo cho đến 30-4-1975.*

Ông mất tại Sài Gòn ngày 7-1-1986.

Trước khi thực hiện các phóng sự Tôi kéo xe *(1935),* Lọng cụt cán *(1939),* Người ngợm *(1940)... theo bút pháp hiện thực phê phán, lên án chế độ thực dân phong kiến mục nát và cuộc sống lầm than khổ cực của lớp lao động nghèo thành thị, Tam Lang Vũ Đình Chí đã có những tiểu thuyết mang đậm phong cách lãng mạn như* Giọt lệ Sông Hương, Đời Hoàng Oanh *(1930).*

*

GIỌT LỆ SÔNG HƯƠNG
(MINH CHÂU LỆ SỬ)

(tiểu thuyết)

Khô héo lá gan cây đỉnh Ngự
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương!

Còm bây giờ đã đến cái thời gần đất xa trời, một bông hoa tàn cũng không còn mong có ngày nào lại tươi được nữa. Người ta thường bảo kiếp người là bể khổ, như em thì em cho là một nơi "hồ lệ đã đắm đuối biết bao người hồng nhan...

Từ hôm vào nằm chốn bệnh viện này đến giờ em chỉ còn mong có cái chết, đã mấy lần ngất đi mà chưa nhắm mắt được, thật là đau đớn vô cùng.

Lắm lúc mơ màng nghĩ đến cái quãng đời bảy tám năm trời về trước, lòng riêng lại như hiu quạnh, mà bâng khuâng thổn thức

về những nỗi cũ niềm xưa. Tuổi xuân chưa qua, bên mái tóc xanh những thấy bóng đâu đã xế, giải nước sông Hương đầy vơi giọt lệ, trong muôn năm nào ai thấu đến cái tâm sự của mình. Nước mắt năm canh, có lúc thấm ướt mấy lần chăn gối; tơ lòng trăm mối, cảm cơn gió lạnh mà động niềm hôm mai...

Em ngồi chép lại cái thảm sử của em đêm nay, ghi lấy những cảnh bi ai thống khổ trong quãng 11 năm trời là từ lúc tuổi mới lớn lên mười cho đến bây giờ đã ngoài 24 tuổi, cái quãng đời có đủ giác quan cảm xúc những cảnh huống về gia đình xã hội, cái quãng đời tai biết nghe, mắt biết thấy những chuyện tủi phận giận duyên, những điều lọc lừa giả dối, máu trong tim có lúc bừng bừng sôi nổi, mà sinh nên những cái quan niệm căm hờn ghét giận cho đời. Đời đối em bây giờ đã như những nơi vực thẳm hang khơi. Trong bóng tối không còn lấy được một tia ánh sáng, ánh sáng ấy là ánh sáng hi vọng, em thật đã tuyệt hết hi vọng ở đời rồi.

Những năm còn hãy thơ ngây, cái số đoạn trường đã tìm em mà lại, có mẹ không cha, bơ vơ phận gái, cánh hồng trôi nổi, bể trần đày đọa những ngày còn thơ...

Trong cái thời tuổi còn măng sữa, ngoài sự chơi đùa, ăn ngủ, khối óc non chưa biết cảm giác những cảnh huống quanh mình, có rõ đâu rằng bể thảm mông mênh, thân mình cũng là con thuyền vô định, rồi đây phong ba bão táp, lênh đênh trôi dạt biết là về đâu...

Kíp đến khi 8 năm đứng sững trên đầu, là lúc được hiểu biết được tình mẹ cảnh nhà, nghĩ đến bao giờ lại lâm li hai hàng nước mắt.

Người ta khi vui lại cười, lúc buồn thì khóc, chẳng qua cái hoàn cảnh nó kích thích mà hết khóc lại cười, đến như thân em trong quãng 14 năm nay, chưa từng được biết cái vui, mà những ngày vui chắc cũng không còn bao giờ trở lại.

Có khi em nghĩ: cái kiếp sống của em là kiếp lệ vì em sinh ra thật đã lỗi thời, đời người ta khi buồn còn có lúc vui, trong ngót 20 năm trời nay, em nghiệm ra rằng suốt một đời em, chắc không còn có ngày nào vui được. Chép cuốn lệ sử này, thật em đã viết bằng nước mắt, một thiên trường hận, cũng có người cho em là giống nhu nhược, không biết làm chủ sự đau đớn mà chỉ chuốc não mua sầu; nhưng mà: bể trần đã sóng lại sâu, lá hồng với một cánh bèo, cái

kiếp phù trầm thật không thể tự mình mình biết, cầu đoạn trường ai chưa qua bước, nào ai đã là người hiểu biết cái nông nỗi đoạn trường?

Đêm nay khắc vợi canh tàn, thân em như một "cây phong cầm" cảm ngọn gió đông mà muôn sợi tơ lòng rung nên những khúc đàn ai oán, đêm khuya gió lạnh, tiếng tơ càng thấy não nùng...; những đêm như đêm nay, cùng chung với mình một sợi tơ lòng, họa chăng chỉ có mình mình với bóng...

Khốn nạn đã ba tháng trời nay rồi, ai đem mình đến đây mà giam hãm, bệnh tình một ngày một trọng, lần canh tính khắc, cam ngồi mà đợi chuông chiều điểm tiếng sau cùng; bây giờ đời sắp sang canh, cảnh cũ tình xưa lại như bày ra trước mắt.

Người ta vẫn bảo: "Con chim sắp chết, tiếng hót bao giờ cũng thương"; em bây giờ thu lại cái tàn lực ngồi viết thiên bạc mệnh này, nỗi khổ lòng chỉ mong có người thương em mà biết tới, đến ngày bên đầu rừng tiếng chim thôi gọi, cái oan hồn em em đã bằn bặt xa vời, vị hôn phu của em ở chốn xa khơi, họa chăng mới biết đến cho em những tình thương đoạn thảm, trong bảy năm nay luống để lòng em tan nát, dạ em lạnh lùng.

Khốn nạn! Bích lang ơi! Bích lang ơi! một nhời gắn bó, hai ngả chia vời, anh vì ai đeo sầu mang hận ở nơi hải giác thiên thai, em thật vì anh mà ruột héo gan mòn ở trên giường bệnh.

Em bây giờ sắp chết, lưu lại trên trần mấy nét mực tàn, những nhời em nói đây, những chữ em viết đây, toàn là những tiếng vang của trái tim em, xa xôi góc bể chân trời, em còn mong ở chỗ tinh thần cảm cách. Em thật không dám xin anh lấy một hạt nước mắt, chỉ cầu anh hiểu biết cho lòng đau, có như thế họa chăng thác xuống suối vàng, em mới có thể nhắm mắt được.

Rồi đây ngàn trùng viễn biệt, âm dương đôi ngả cách vời, tấm thân bồ liễu này chẳng biết có được bóa "hòn đá vọng phu" hay làm "con ma không chồng" ở nơi chín suối...

Ôi Bích lang ơi! Ôi Bích lang ơi!

1.
NHỮNG NGÀY THƠ NGÂY

Giải về nghĩa cái "sống" Tây triết có câu rằng: "Sống tức là đợi cái phúc sau cùng của cái chết". Một câu ấy đủ biểu dương được hết những cái vô vị cùng sự lâu dài của đời người.

Than ôi, ba vạn sáu ngàn ngày, thật không thể ví được với cái bóng câu qua cửa sổ, thế mà trong sự sống, lại còn đeo bồng biết bao nhiêu cái đau cái khổ, thì quả đời người là cái hồ lệ, mà kiếp người không phải là kiếp phù du.

Những lúc ngây thơ, cái khổ với cái sướng chưa đủ sức cảm sâu được lòng người ta, cũng như nước ảnh in nhòa, chẳng bao lâu mà phai lạt.

Em không giống như trăm nghìn người khác, những ngày thơ dại đã có khối óc biết cảm, mà cái buồn thật là cái thiên tính của em. Tâm hồn buồn ấy hoặc vì hòa cảnh gây nên, hay tự trời kia bẩm sinh cho em, cái đó thật không rõ được.

Nhớ còn ngày lên tám, dưới mái học đường cùng với bạn bè lân la ngày tháng, tháng lại ngày qua, trí khôn đã rạn, lời thầy dạy giảng: Phải có hiếu với mẹ cha, phải vuông tròn với bạn bè, bất giác mà lòng thơ cảm động, vì từ thủa lọt lòng góp với thế nhân một tiếng khóc, trong 10 năm trời, tình thâm nghĩa thiết, chỉ có một mẹ một con, rắp đem những lời thầy dạy để thực hành, ngoài đứng mẹ hiền nào biết ai là đứng thân nghiêm đối với mình đã có cái công tác tạo?

Một buổi ở trường về, bước vào nhà thấy cái cảnh tượng thê lương, bên án sách mẹ chống tay ngồi nghĩ, nét mặt bấy giờ trông thảm đạm như bóng trời chiều mới xế, trong khóe thu ba, đầy vơi hàng lệ, khiến em nhìn đến mà thổn thức nỗi lòng.

Mẹ em thấy em, vội nâng tay gạt giấu hai hàng nước mắt. Khốn nạn, vì đâu mà thương cảm, mẹ em sao nỡ giấu em.

Em bước lại gần, muốn hỏi mà không lên tiếng, trong tâm thổn thức, rồi cũng rưng rưng nước mắt, từ ngày lòng thơ biết cảm, giọt lệ ấy mới là giọt lệ buổi đầu. Cái cảm giác ấy chắc mẹ em không rõ; cho em còn lúc tuổi thơ, thấy vui thì mừng, gặp buồn thì khóc,

có biết đâu rằng: một tấm lòng son em đã mấy lần sương tuyết, mà phôi phai cùng mưa gió chiều đông...

Rồi mẹ đỡ lấy sách em để một bên bàn, dắt em vào lòng, lấy vạt áo chùi nước mắt cho em mà nói:

– Buổi học chiều nay con về sao lại khóc, hay bài không thuộc, để thầy giáo phạt rồi.

Em sửng sốt trong lòng, cho những điều mình vừa trông thấy là lầm, ngửng lên nhìn thì nét mặt mẹ như có vẻ mừng, thấy em trông lên, sẽ mỉm cười mà hỏi:

– Con phải phạt, thầy đánh có đau không?

Những sự nghĩ ngợi trong mấy phút vừa qua ở óc em, bấy giờ đã như biến cả, em đỡ lấy vạt áo rồi thưa với mẹ.

– Thầy giáo có phạt con đâu mà con phải đánh, con khóc là vì con thấy mẹ buồn... mẹ ơi, sao mẹ lại dấu con?...

Nói rồi mà lòng phiên động, em không cầm được hai hàng nước mắt, mẹ em chừng cũng như xúc cảm, sẽ nâng đầu em dậy mà rằng:

– Con thương mẹ thì con phải học cho chăm, đời mẹ bây giờ chỉ trông vào có một mình con, thôi con đừng khóc nữa...

Em cầm vạt áo lau hai hàng lệ, trong tâm giới bấy giờ bồn chồn như mưa nguồn bão bể, bên ngoài bóng chiều đã xế, ngàn cây như nhuộm một màu sương...

Trong một buổi hoàng hôn, một mớ lửa lòng của người đời có khi như theo với bóng lửa kim ô mà tắt, cái hoàn cảnh quanh mình trông ra buồn tênh lạnh ngắt, người trong cảnh như không còn có cái sinh thú ở đời. Than ôi! Đời em có khác gì một đóa hoa rơi, sương nắng một ngày cũng làm cho nhị tàn cánh úa, nghĩ lại những lúc vườn xuân đua nở, mà riêng tiếc cho cái đời hoa.

Một năm sau, bấy giờ về tiết mùa hè, nhân một hôm ngồi với mẹ em, em giở sách ra hỏi nghĩa.

Đọc đến chữ "Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao" em ngừng lại mà hỏi mẹ:

– Cha mẹ sinh ra con, từ thuở nhớn lên, con không biết có cha mà chỉ biết có mẹ, cha con đâu, mẹ không cho con rõ, để con được biết cha con?

Nói rồi em ngửng lên nhìn, trên mặt mẹ em như thoảng qua có một nét buồn, rồi vỗ về em mà nói:

– Cha con đi xa từ lúc con còn trứng nước, đến nay ngày về cũng chưa định, đường xa dặm thẳng, mẹ muốn khi con khôn lớn sẽ có dịp đưa con đến viếng thăm, bây giờ con hãy thơ ngây, đường trường một mẹ một con, đi về không tiện. Tuổi con ngày nay chỉ biết cố chăm mà học, khi nào tiện dịp, mẹ sẽ bảo con.

Em ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói:

– Mỗi buổi đến trường học, con thường được gặp anh con, sao anh con không về cùng ở với mẹ?

Mẹ em đáp:

– Con thật rất dở, anh con còn đầu xanh tuổi trẻ, đang cần phải cố gắng học hành, mẹ gởi anh con ở một nơi cho tiện việc sách đèn; cha con đi xa, phận mẹ là đàn bà, anh con ở với mẹ bây giờ thì lấy ai mà sớm khuya dạy dỗ.

Nghe lời mẹ nói, em cũng yên lòng như thế, từ đấy em học hành chăm chỉ, những mong cho năm qua chóng lớn để cùng với mẹ em đến thăm viếng cha em.

Cái ngọn trào lòng thường khi như làn nước bể khơi chảy xiết ra ngoài rồi cũng có ngày tìm bờ mà đập lại; trong mấy năm sau, có nhiều lần em nghĩ tới, lại càng thấy như sóng gió trong lòng.

Giục giã mấy lần, mẹ đều tìm cớ mà thoái thác, từ đấy, em mang một tấm hồn buồn man mác, duyên cớ thật không rõ vì đâu.

Có khi ở nhà thấy cái cảnh quạnh hiu mà em mơ màng đến những ngày mai hậu, tưởng thân mình rồi ra như chiếc lá lìa ngàn, cánh hoa trôi rạt, một mảnh liễu bồ phải trầm luân trong vĩnh kiếp, trời cao bể rộng, không còn biết bến bờ là đâu.

Vì thế mà em mang bệnh, ngày ấy sang ngày khác, chỉ đợi những lúc cảnh vắng đêm tàn, bóng người thấy vắng là sụt sùi thổn thức; nước mắt đêm trường, tơ lòng tan nát, thân mai chịu được bao năm mà tàn!

Từ đấy, người em ngày một hao mòn, mẹ em tuy vẫn chăm nom săn sóc đến em, nhưng một cái hơi ấm áp của mẹ hình như không còn đủ cái sinh khí để nuôi em được sống, vì không lúc nào là lúc em không nghĩ đến cha em.

Một buổi kia đến thăm, mẹ em thấy em đang khóc. Em trông mẹ, lại càng rưng rưng nước mắt, mẹ em vội đỡ em dậy mà rằng:

– Con đau ốm thế nào, phải nói cho mẹ biết, nào có phải cái gánh nặng mà mẹ mang đỡ con được, mẹ có đau đâu mà mẹ biết bệnh con.

Em nức nở khóc mà nói:

– Con không đau đâu cả, con nhớ cha con lắm, mẹ cho con đến với cha con.

Mẹ em thấy em vì buồn mà mang bệnh, ngồi trầm ngâm một lát rồi cũng ràn rụa hai hàng nước mắt. Cái cảnh nhà em mãi đến bây giờ em mới được biết; chắc mẹ em nghĩ giấu em không được, nên mới nói rõ cả với em.

– Mẹ hôm nay ngỏ thật với con, trong tâm sự trăm điều cay đắng, con ơi, vì ai cảnh nhà tan nát, cái tội ấy thật tự ở mẹ mà cũng ở cả cha con.

Người ta, đã được hưởng thụ cái giáo dục gia đình, mà nhất là thuộc giòng giõi trâm anh, phận đàn bà ai không biết tiết trinh là trọng. Mẹ cũng là người có giáo dục, chỉ vì chữ tài chữ sắc mà mang lụy một đời.

Năm mẹ đôi mươi, chỉ thắm xe duyên, sớm kết hôn với một người họ Phan đối với mẹ cũng là chỗ môn đăng hộ đối. Vui chữ xướng tùy, cùng chung chăn gối, mấy năm sau mẹ sinh hạ được một lần. Đứa con ấy, chính là anh con, người con thường gặp ở trường, song con với anh con là chỗ khác cha cùng mẹ. Vì đâu mà nên nông nỗi thế? Vì đâu mà mẹ chịu tiếng một đời? Một tấm lòng đau trong 9 năm trời, lần này mới là đầu tiên mẹ nói cho con biết.

Chín năm trước đây, độ ấy mẹ còn được tiếng là hương trời sắc nước, tuy giang sơn nhà chồng đôi vai nặng gánh mà còn có người thả lá đề thơ, song trong đạo vợ chồng mẹ vẫn giữ được lòng trinh bạch. Không ngờ cái nhan sắc ấy, ngoài những chỗ quyền môn

thế tộc, còn có người có quyền lực hơn hết mọi người, thường lưu tâm đến trong sự giao tiếp, vô tình không biết mình đi vào chỗ cạm bẫy người trăng, con ơi, chân kia đã vướng phải vòng còn biết nói năng làm sao được nữa. Cái tâm sự của mẹ, nếu gặp một người chồng biết lấy cái nghĩa cao mà dung thứ, thì có đâu đến cảnh oanh yến lạc đàn, gia đình phải đến chia tan, cũng vì phong hóa của xã hội nhẹ ở bên tình mà nặng về bên lý. Đến khi tiếng kia vỡ lở, đối với con mắt người đời, mẹ phải chịu tiếng là gái thất trinh; từ đấy mới diễn ra những cảnh đoạn tuyệt tơ tình, lạc đàn tan nghé.

Có khi tủi phận thương thân mà đầm đìa châu lệ, nghĩ đến nỗi chồng con chia rẽ mà khô héo lá gan, đã mấy lần mẹ toan mượn nước sông Hương để rũ sạch nợ trần, nhưng chết như thế, sao cho đành lòng được.

Mỗi khi lên cầu Bạch Hổ nhìn theo dòng nước, ngọn nước trôi đi mà tâm hồn man mác, lòng riêng thấy như bâng khuâng ai oán, lại thẩn thơ giở bước ra về, nghĩ rằng thôi thì thân kia chẳng kể làm gì, nhưng còn cái thai nhi mình không có quyền được tự hủy đi như thế. Con ơi, trong 9 năm nay, thật mẹ đã nuôi con bằng lệ, con vì chịu nỗi thương tâm của mẹ mà kiếp hoa đau khổ một đời. Không có mang con, thì cõi trần còn đâu có mẹ ngày nay, mẹ thật không phải là người tham sanh úy tử.

Sau khi sinh hạ được con, đã có lần mẹ lại toan rủ nợ, song nghĩ đi thì thế mà nghĩ lại lại không đành, chẳng qua kiếp trước nợ nần nên kiếp này trời kia mới đọa đày như thế. Con nghĩ mà xem, lúc tuổi con còn măng sữa, có mẹ không cha, nếu mẹ liều thân mà lại chết đi, thì như thân con còn biết lấy ai là người nương tựa? Bởi thế mà tháng lại năm qua, nay lần mai lữa, một thân mẹ đeo sầu mang tủi để nuôi dạy cho con, mai đây con sẽ trưởng thành, ngày ấy là ngày mẹ con quyết liệt...

Nói đến đó mẹ em ngồi khóc, em nghe xong cũng ràn rụa hai hàng nước mắt, muốn an ủi mẹ mấy lời mà nói không lên tiếng, trong lòng bây giờ kích động, máu trong tim sôi lên như lửa đốt, em phải nâng tay để đỡ lấy trái tim.

Chua xót nỗi lòng, một con một mẹ, cảnh đời là thế, người đời như thế, thật nước đời lắm nỗi lạ lùng khắt khe.

Từ đấy mà đi, một vết thương tâm của em không còn mong có ngày hàn cho kín được, có khi máu theo nước mắt, nghĩ mình mình lại thương mình đòi phen.

Sự hoài bão trong mấy năm trời, bấy giờ đã tan đi như giọt sương buổi sáng, tuy vậy, đối với mẹ em, em thật không bao giờ dám đem lòng oán trách, em chỉ riêng trách có cha em mà thôi.

Em nghĩ đến bao nhiêu em lại thương xót đến mẹ em chỉ vì hai chữ sắc tài mà bị hãm hại trong vòng ác nghiệt. Người ta cho rằng sắc tài là cái cạm, nhưng cái cạm ấy không phải bọn tu mi bị mắc, khách mắc cạm lại chính là những khách hồng nhan! Than ôi, mẹ em chỉ vì hai chữ sắc tài mà di lụy cho em, đến nay em lại cũng vì hai chữ sắc tài mà một đời di hận, thế thì cái đời những khách hồng nhan đem so với chiếc lá bên đường, cánh bèo mặt nước, sự lênh đênh trôi nổi có khi còn gấp mấy mươi lần.

Mang bệnh ngót một năm, em phải từ biệt nhà trường tự ấy, những tưởng một mảnh thân tàn cũng chẳng qua được cái nỗi sớm còn tối mất, nào ngờ đâu oan trái lưu liên vẫn còn theo đuổi em sau mà đầy vò, mà đầy đọa; khốn nạn thay, thân em có khác chi cái sợi tơ mành, ngọn đèn trước gió, thế mà lửa đèn chẳng tắt, tơ mành còn vương...

Chẳng bao lâu thuốc thang bệnh cũng thuyên dần, em lại lành mạnh như thường, song một tấm lòng đau không mấy bao giờ nguôi được. Mẹ em nhân thấy em lành bệnh, lại gửi đến nhà thầy cho em theo học, rồi hàng ngày em lại được gặp mặt anh em.

Bấy giờ em lên mười tuổi, ngoài những giờ học tập ở trường, về nhà mẹ em còn dạy em thêu thùa bánh trái, rồi đấy, năm qua tháng lại, ngày xanh mòn mỏi, cũng trôi đi như làn nước sông Hương...

Lắm lúc nhàn sầu mẹ em cho em học mấy cung đàn những tiếng tơ đồng càng như run rủi em vào nơi thành sầu cõi thảm.

Con đường trần thế bày trước mắt em hãy còn xa lắc, mà nào có phải là giải đường bình thản, em trông ra biết bao gai góc ngổn ngang. Thân gái dặm trường, bơ vơ một bóng, người ta bảo: cố vượt qua những bước khó khăn thì đến được nơi cực lạc, như em, trải bao mưa nắng, bước đường về rút cục lại là chỗ trầm luân.

Năm năm sau, vào cái thời kỳ hoa nở trăng tròn, em đã trở nên một trang thiếu nữ, nào nét xuân sơn, nào là làn thu thủy, dung nhan kiều lệ được người đời tặng cho cái huy hiệu là hoa khôi ở đất kinh đô. Cùng một năm ấy, khoa thi Hương, anh em chiếm giải thủ khoa, nhân anh thôi học, em cũng về nhà, cảnh đời em lại đổi ra một phương diện khác.

Ngoài bốn chữ: công, dung, ngôn, hạnh, em chuyên học cả thi, họa, cầm, kỳ, năm nay em 16 tuổi, cái tên Minh Châu đã thành ra một người sắc tài gồm đủ. Mẹ em có tiếng về khoa cầm học, em cũng cùng một tính mẹ mà lấy đó làm sở trường, bởi thế nên người ngoài việc định tỉnh thần hôn, em thường mượn cây đàn làm bạn tiêu sầu giải muộn.

Có lúc tiếng tơ ai oán, nghe ra như khóc như than, ngay đến em cũng nhiều khi ảo não can tràng mà đầy vơi mạch thảm.

Có một lần đêm vắng, chốn phòng the em đang lựa dịp, mẹ em bước đến sau lưng mà em không biết, sau khi dạo xong mấy khúc, nghe thấy tiếng động em ngoảnh lại nhìn, mẹ em sẽ cười mà nói:

– Những khúc đàn như thế từ nay con nên bỏ đi mà đừng dạo nữa. Lựa chi những khúc tiêu tao, thực lòng mình cũng lao đao lựa người.

Em chỉ mỉm cười, cúi đầu mà không đáp, rồi cất lấy cây đàn tựa bên tủ sách, lòng riêng lạnh ngắt, nghĩ tiếp đến hai câu:" Rằng quen mất nết đi rồi, tẻ vui thôi cũng kiếp người biết sao?"

Mà thật thế, người ta nói: "Nghe tiếng đàn có thể biết được người nào có cái khí phách hùng trầm người nào có cái tính tình nhu nhược".

Khúc đàn của em là một khúc bạc mệnh vì chính em là người mệnh bạc ở trần gian.

Đêm khuya khắc vợi canh tàn.
Khăn hồng nâng gạt hai hàng lệ châu.
Tuyết sương chưa điểm mái đầu.
Bể trầm luân đã biết đâu là bờ...

2.
DẬP DÌU OANH YẾN

Bấy giờ về tiết mùa xuân, trên đầu cành đã giục giã tiếng oanh học nói, hoa đào năm ngoái, đông đi cũng đã tạ rồi, vườn xuân hồng tía đua tươi, khách yêu hoa hỏi ai người thương hoa?

Cái hi vọng về bước vị lai thật chưa bao giờ em từng mơ tưởng đến; người ta hoa xuân đua thắm, còn ôm một tấm lòng hoài bão về những sự chấp cánh liền cành, đến như thân em, lắm khi trông gương luống những giật mình, vì mệnh đã bạc thì nhân duyên tránh sao khỏi những điều nan trắc.

Cái vận mệnh của mình, tự mình đã biết trước, nên một mớ lửa lòng không ai dập vùi mà tự dưng tắt hẳn, ngoài những lúc dạo đàn đọc sách, thường khi kết bạn với giang sơn, phong cảnh, mặc người điểm phấn với tô son. Những mong tránh khỏi nợ nần, có ngờ đâu một sự gương lược biếng thưa cũng không làm giảm nổi cái vẻ đẹp thiên nhiên mà trời xanh đã buộc mình mang lấy.

Từ ngày thôi học, em ít khi giao tiếp với xã hội, nhà em tuy lắm khách giao du, nhiều người qua lại, mà tuyệt nhiên em không biết đến một ai, ngay thầy học em cũng nhiều bận đến chơi, song không được mấy khi diện kiến.

Suốt ngày ở trong phòng sách, người hạt Kim Long là nơi em ở, ít ai được gặp mặt, có người không biết lại cho là treo cao giá ngọc để đợi người mắt xanh.

Một hôm đang họa một bức ảnh ở trong phòng, mẹ em gọi ra nói chuyện:

– Con bây giờ đã khôn lớn, phải tìm nơi xứng đáng mà trao mối duyên lành, điều đó không những mẹ mong ước cho con, mà chính con cũng phải lưu tâm đến.

Gần đây quan tế tửu Nguyễn đại nhân có mượn người lại đánh tiếng với mẹ xin con làm bạn, chỗ ấy tuy là thầy học cũ con, song cũng là nơi xứng đáng, vả chăng đối với anh con, đại nhân lại có công tác thành cho đỗ đạt, mẹ chắc thế nào con cũng vui lòng ưng thuận, để báo đáp chút ân.

Em cười lạt mà đáp:

– Nguyễn đại nhân đối với con là hai thứ bậc khác, đại nhân là thầy học mà con là học trò. Sách dạy rằng "Thầy học cũng như cha", như vậy không lẽ nào thầy học con lại nhầm đến thế. Vả chăng con còn đôi tám xuân xanh, mà thầy học con đã niên cao tác cả, nếu đem kết duyên đôi lứa, thật con không đáng được một phần. Vả đối với anh con, tuy thầy có công tác thành, nhưng cái ân ấy là phần anh con phải mang, đáp ân thầy cũng phải nghĩ cho xứng lẽ. Về phần mẹ, con chưa được biết thế nào, song như con, con không dám thế...

– Con còn đầu xanh tuổi trẻ, việc đời cũng chưa từng trải được nhiều, mẹ khuyên con, con phải nên nghe mẹ. Con nói rằng báo đáp ân thầy phải nghĩ cho xứng lẽ, nhưng mà chấp kinh cũng phải tòng quyền, nào mẹ có mang con mà dâng cho thầy học của con đâu, việc cầu hôn là ở như thầy con mượn người đến nói. Trái ý thầy là phạm vào tội vong ân, con xưa nay đức hạnh hoàn toàn chắc không chịu mang cái tiếng xấu xa như thế. Trước khi nói, con cũng nên nghĩ kỹ, con bảo cái ơn tác thành của thầy học chỉ phần anh con phải mang, còn như con, mẹ hỏi ai dạy cho bây giờ con biết được năm ba chữ? Câu "nhất tự vi sư" con học mà con không nhớ, huống nữa chỗ thầy học con lại là nơi thanh thế, danh có, tiền có, mai đây con có về nhà chồng cũng vững được nơi nương tựa, khỏi phải chịu cảnh cơ hàn. Con với thầy học con, đôi tuổi có phần chênh lệch, nhưng mà lấy chồng là mong gặp được nơi yên ấm để gửi thịt trao xương, miễn rằng người mình gọi bằng chồng có bụng yêu thương quí mến mình, còn sự vừa lứa hợp đôi, cái đó là phần phụ cả. Ở đời này có ai được mười phần toàn vẹn, chỗ như thế con còn không cho là xứng đáng thì con mơ tưởng chỗ nào?

Em ngẫm nghĩ hồi lâu rồi thở dài mà hỏi:

– Những ngày theo đòi nghiên bút, con đã thấy thầy con có một thê hai thiếp, thầy con quá thương đến con mà ngỏ ý cầu hôn, vậy con dám hỏi mẹ khi con về nhà chồng thì đứng vào hàng thê hay hàng thiếp?

Mẹ em cười rồi đáp:

– Con dở lắm, bước sau thì lẽ tự nhiên là phải tôn trọng những người bước trước, song dù thê hay thiếp, cái tình âu yếm cũng do ở như người chồng. Thầy học con đã vì con mà cầu hôn tất lòng yêu thương không bao giờ phai lạt được. Vả lại người nào phận ấy, cả sông đông chợ con có lo gì, vậy con nên nghe mẹ.

Biết rằng những lời phân trần với mẹ chẳng chuyển được lòng, em bèn nói ra cách khác:

– Mấy lời mẹ dạy, con nghĩ ra thật chính đáng, thưa mẹ, cái công mẹ nuôi con đã lớn mà cái công thầy dạy con lại còn lớn gấp bội phần; việc thầy học cầu hôn con không dám từ nan con còn có một điều mong mẹ thương lại mà cho con được trình, từ nãy đến giờ lòng con vẫn lấy làm băn khoăn lắm. Cảnh nhà ta không may tan nát, sương hôm gió sớm, trong 16 năm trời dưới gối mẹ chỉ có mình con, anh con thì mãi bước công danh ít khi được gần gụi mẹ, thầy đẻ ra anh con từ ngày cùng với mẹ hai đường chia rẽ cũng không trông nom săn sóc đến nhà, một thân mẹ phải chịu sào, công trình ấy xiết bao vất vả. Ngày nay con khôn lớn lên là lúc mẹ được nhàn hạ, con lại sắp về nhà chồng, rồi đây nắng hạ sương đông, lúc sớm tối biết lấy ai quạt nồng ấm lạnh? Thân mẹ đã trăm cay nghìn đắng, nuốt bồ hòn mà gây dựng cho con, bây giờ rứt áo lên đường, thật con không đành dạ. Việc xuất giá xin mẹ hãy khất với thầy học con để đó, giăm ba năm nữa tưởng cũng chẳng muộn gì, như thế con cũng được vui lòng về chữ vu qui và được đủ bổn phận làm người vợ hiền con thảo.

– Con xử được như thế thật là chí tình mà chí hiếu, mẹ tuy lầm than khổ sở song cũng không phụ công nuôi dạy cho con. Con nói vậy mẹ cũng vui lòng mà thầy học con chắc cũng không khi nào từ chối.

Than ôi, một mớ lửa tàn vùi dập trong lòng đã mấy năm trời, nay vì câu chuyện cầu hôn cũng như ngọn gió thổi qua cho bùng dậy, suốt đêm hôm ấy em cố ngủ, song không sao nhắm mắt được vì lòng riêng những e cùng ngại mà bâng khuâng về nỗi nọ đường kia.

Cái tấn tuồng đời sao diễn ra lắm đoạn nực cười như thế. Cân đai áo mũ cũng mê mệt về tình, trên đầu tóc đã hoa râm sao còn bị con ma sắc dục dầy vò ám ảnh.

Nghĩ như thầy học em tuổi xuân đã qua, cái già sắp đến, bước đường đời chia ba đã đi hết hai phần, thế mà cũng hạ mình cầu hôn với em, sánh tuổi chửa bằng con, so ngôi thứ lại là chỗ học trò với thầy học! Nào có thế mà thôi, kể về hàng tôn tộc đôi bên còn có chút dây liên lạc, người ấy chính em phải gọi là ông chú vì đứng vào hàng thúc phụ cha em. Lấy cái địa vị ở xã hội, cái thứ bực trong họ mạc cùng cái niên kỷ mà so sánh, một người như vậy dù xấu xa đi chăng nữa cũng không bao giờ em phục làm chồng, thế mà nguyệt lão đa đoan, sau này cũng cố mang sợi tơ hồng trói chặt một lứa đôi như thế.

Ngoài sự cầu hôn của thầy học, trong đám vương tôn quí khách còn nhiều người bắn sẻ trông sao, vườn xuân ong bướm dập dìu, hầu hết toàn là hạng định đem cái thế lực kim tiền cùng cái phẩm trọng quyền cao mà toan hái bẻ bông hoa đầu mùa mới nở. Trong bọn người em kể trên đó có một quan Tổng đốc Đại thần, năm ấy niên hoa cũng ngoại ngũ tuần, một lần được gặp mặt em, bèn đánh tiếng muốn mua em về làm thiếp. Người môi giới nói với mẹ em rằng nếu thuận để em về sửa túi nâng khăn thì bạc tiền thách hỏi dù phải chất cao đến đầu em, ngài cũng sẵn có. Tiền của ấy là của nước mắt mồ hôi hay là đồng tiền phi nghĩa, cái đó em không dám biết, nhưng nghĩ lại chỉ tức cười cho thế tục, toan đem sản nghiệp mà đánh đổi lấy một đóa hoa cười.

Năm ấy ở kinh thành có lễ Nam giao, người ngoài Bắc trong Nam tấp nập đến xem, đông không biết đâu mà nói.

Kinh đô Huế xưa nay không phải là một nơi phồn hoa đô hội, tuy là chốn thủ phủ của đất Trung kỳ mà trên giải Hương Giang, dưới bóng Ngự Bình, trải bao gió Á mưa Âu vẫn còn giữ cái phong vị đời cận cổ. Dịp ấy nhân có lễ, cái cảnh tượng u tịch ngày thường đã biến thành một trường náo nhiệt, một nơi đua tươi khoe đẹp của tài tử giai nhân. Chính vào độ ấy có một bọn người vừa Bắc vừa Trung đến tận Kim Long tự xưng là phái bộ đấu xảo Marseille qua thăm Đế kinh, được biết tiếng em xin vào trình diện để chụp một tấm ảnh làm tiêu biểu cái "Đẹp" của giống người Nam Việt đem sang đấu xảo tại Marseille. Cái ngón lừa lọc ấy em nghĩ lại tức cười, mà nghe đâu việc này do một người Trung kỳ thủ xướng. Đọc những báo xuất bản ở Bắc kỳ thường được biết cái "thủ đoạn chụp ảnh

trộm" của các ngài ở xứ Bắc, các ngài vào đây nghe thấy tên em mà không biết mặt vì em không ra đến ngoài nên cũng khó hạ tay làm cái thủ đoạn kia được, bèn giả danh là phái viên này khác, cố lần mò đến nơi tường cao cổng kín để chụp ảnh lưu hình; sau hỏi ra mới biết trong bọn đó có cả con quan... mà có cả con các ông phú hộ...

Từ đấy tin hồng sứ điệp xôn xao, em nhìn lắm đã chán mắt, nghe lắm cũng buồn tai, nhân mượn được cớ giăng chưa tròn gương nên bao nhiêu đám khác cầu hôn em đều chối từ hết thẩy.

Cửa buồng xuân từ ngày khép cánh, lòng riêng riêng những ngậm ngùi. Lắm phen nghĩ thân mình như cánh hoa rơi, cảm ngọn xuân phong mà lệ châu tầm tã.

Gió sớm mây chiều, trông trời tựa cửa, qua xuân sang hạ, một mảnh u tình, cõi trần này mấy ai là kẻ mắt xanh, thân thế ấy đã dám đâu ký thác vào chỗ tình trường vì tự mình cũng chưa biết nơi nào ngọt bùi ấm lạnh!...

Thương hoa tiếc ngọc, chẳng qua là cái ngọn lưỡi của người đời, hoa xuân khi đã kém tươi nhị rữa hương phai, khách yêu hoa ai đã vì hoa mà khóc!

Nghĩ những việc vừa qua thật đáng khinh mà đáng ghét, trông bước đường về trước càng thêm sợ mà thêm khinh...

Tiếng oanh thôi gọi đầu cành,
Giật mình mình lại thương mình xót xa
Bể tình trôi dạt cánh hoa,
Hoa trôi nước chẩy biết là về đâu!...

3.
VƯƠNG VÍT TƠ LÒNG...

Gió bấc mưa dầm, trên mặt đường đã thấy những lá "sầu đông" theo ngọn gió qua rơi rụng, giải nước sông Hương một dòng trong vắt, trôi đi đi mãi không về, chân trời bóng nhạn vắng thưa, cảnh sắc mùa đông sao não lòng đến thế. Mưa dầm tuôn lệ, luống khóc cho chiếc nhạn sang nam, gió bấc lạnh lùng, những thương nỗi cánh hồng về bắc.

Giữa lúc ngày đông đằng đẵng, có tin ông ngoại em được bổ đi Lãnh Binh, chén rượu quan hà, cái cảnh sinh li của em lần ấy mới là lần thứ nhất.

Đoản tình tiễn biệt ngờ đâu vì ngày hôm ấy mà đời em sau này đã diễn ra biết bao nhiêu cảnh thương tâm, muôn sợi tơ lòng, cho đến bây giờ hãy còn vướng vít.

Hôm em theo mẹ lên đường, tiễn chân ông em ở ga xe lửa, chuyến xe chưa chạy, phải ngồi đợi ở phòng khách trong ga. Cùng ngồi chung một phòng lúc bấy giờ, có một người thanh niên trông nghiêm trang mà phong nhã. Đợi lâu xe lửa chưa đến, ông em bèn lại gần chàng để thăm giờ, nghe câu đáp mới biết chàng là người ngoài Bắc. Lân la câu chuyện chàng kể cho ông em nghe cái mục đích cuộc hành trình của chàng; chàng đến Đế kinh là để lên Nam Giao viếng mộ người bạn trăm năm mới qua đời ở đây hồi năm trước. Hôm ấy chàng đợi xe lửa để ra Bắc thu xếp công việc, rồi sắp đi xa. Trong khi ông em và chàng cùng chuyện trò, em chú ý nhìn thì trên vẻ mặt thanh xuân của chàng thấy biểu lộ ra một nỗi buồn vô tận.

Nói dứt câu chuyện, chàng vắt áo tơi khoác tay lên cái vali của ông em để cạnh, rồi rút mùi soa ở túi ra lau mồ hôi trên trán; chuyến xe lửa vừa đến, mọi người đều vội ra tàu, mẹ em và em mang hành lý giao lên xe, lúc cầm đến cái vali, em vẫn thấy chiếc áo tơi của chàng để đó. Em cầm cái áo ấy định tìm chàng giao giả, vừa bước lên xe được một bực đã thấy chàng chạy ra đón, vừa lúc sửng sốt, em nói với chàng:

– Đây còn cái áo ngài bỏ quên... nói chưa chưa dứt lời chàng đã giơ tay đỡ em rồi mang hộ cả cái va li của ông em mà nói:

– Cảm ơn cô, tôi vội cũng quên đi mất.

Còi tàu vừa giục, em bước xuống cùng với mẹ em còn đứng ở sân ga, lúc ngoảnh lên nhìn thì trong cái khung cửa toa xe lửa hạng ba thấy ông em và cùng ngó ra, chuyến xe bắt đầu chạy từ từ, chàng giơ tay lên, như tỏ một chút tình cùng mẹ em với em cùng lưu biệt.

Bấy giờ trong lòng em bỗng như thổn thức, bất giác mà sa hai hàng nước mắt, giọt lệ ấy là giọt lệ phân kỳ.

Con tàu khi đã chạy xa, trên bến xe lửa em còn tần ngần đứng nghĩ, trông theo một làn khói tỏa, tấc riêng riêng những chạnh niềm xa xôi.

Từ hôm trở gót ra về, bên án tuyết em lại miệt mài trong cuộc thơ văn cầm họa, có khi mãi thú văn chương mà quên cả cảnh trời đông tiết giá, có lúc mơ màng về cung đàn tay lựa mà ngồi nhẫn tàn canh, phòng không chiếc bóng với mình, những buổi sầu nhàn giục tấm lòng tưởng sau nhớ trước.

Thường những lúc đèn mờ canh vắng, hồi tưởng đến ngày sân ga chia biệt mà nhớ nhung người khách phương xa mình được biết mặt trong lúc vô tình. Cảnh mình nghĩ đã đáng thương, ai hay trong cõi hồng trần lại còn có người có những nỗi khổ tâm hơn mình nữa.

Khóc cảnh riêng mình, mắt chưa ráo lệ, thương người khách lạ, vướng vít tơ lòng, chẳng qua nhớ hão thương huyền, ai kia có biết rằng mình đã vì ai mà thương, mà nhớ!

Hơn hai tháng trời rồi cái hình ảnh người thanh niên em gặp trong buổi đó còn in sâu ở trong trí não em, có khi nhắm mắt mà nhìn, em lại tưởng tượng thấy như chàng đứng cạnh bên mình, nét mặt ủ ê thê thảm. Nhiều khi nghĩ đến nỗi mây tan bèo hợp, lại tự hỏi mình người kia mình còn được gặp gỡ nữa không, hỏi rồi mà lai láng bể lòng muôn dặm xa xăm, thấy nhau có chăng chỉ ở trong cõi mộng.

Em viết đến đây lại lấy làm tự thẹn vì can chi mà buộc lấy mình, nhưng chẳng qua bởi tại trời xanh, sinh ra em cũng phú bẩm cho em có đủ thất tình nên em không như mộc thạch mà vô tình được.

Than ôi, cung đàn năm trước, có tiêu ai oán cũng chỉ là tiếng khóc cho thân thể một cánh hoa trôi, những tiếng tơ đồng em lựa ngày nay lại là những tiếng oán hờn cho duyên kiếp.

Trộm nhớ thầm yêu một mình mình biết, năm canh mơ tưởng, một giấc mộng hồn, đầu tường thỏ thẻ oanh vàng bừng con mắt dậy xuân sang đông về.

Một hôm trong vườn đang dạo xem hoa qua dậu thưa em thấy thấp thoáng có bóng người đi lại. Thốt nhiên trong lòng thổn thức em nâng tay chận lấy trái tim, rồi định nhỡn mà nhìn thì người ấy chính là người thanh niên bấy nay em mơ tưởng. Còn đang bàng

hoàng như người trong mộng thấy chú dượng em đẩy cổng bước vào, chàng theo bước đi sau, cả hai người đều vô tình không trông thấy em đứng lánh ở cụm hồng gần đó.

Thẹn thùng e lệ, em vội giảo gót vào phòng trong, được tin có khách qua thăm, mẹ em ra tiếp ở phòng khách.

Tuy em tìm đường lánh mặt nhưng phòng bên vẫn để ý nghe tin, lúc chú em cùng chàng từ biệt ra về, em mới rõ rằng bữa chàng qua thăm là tự ở mẹ em mời đến.

Bèo mây hợp đến, em cho rằng sự run rủi kia cũng tại cao xanh; trong cái quãng đời tối tăm vô hạn của em, bắt đầu từ hôm ấy hình như mới có được một cái tia ánh sáng hi vọng. Vì đâu chàng lại nhà em, vì đâu mẹ em mời chàng đến? Sau khi nghe mẹ tường thuật, em mới hiểu hết ngọn ngành, nên càng vững trí rằng: muôn sự ở đời, đều do tiền định hết.

Chàng vào Kinh lần này có cái mục đích đến đây doanh nghiệp, trước khi ở Bắc lên đường, mẫu thân chàng có dặn khi tới Kinh phải đến thăm một người họ Phan để mượn làm hướng dạo.

Người họ Phan ấy chính là dượng và chú dượng em, đối với tổ mẫu chàng, trước kia đã chịu nhiều ân thâm nghĩa trọng.

Nguyên hồi 40 năm về trước, ông thân sinh ra dượng và chú dượng em được bổ làm Tổng đốc ngoài Bắc, vì một cớ riêng trong việc hành chính có kết tình giao hảo với nhà chàng, giữa lúc ấy thì sinh hạ được hai con, được ít lâu lại có lệnh gọi về nơi Đế khuyết.

Bấy giờ đang thời loạn lạc, vả chăng đường từ Bắc vào Kinh lại xa xôi muôn dặm, chưa có cách giao thông thuận tiện như bây giờ, nên khi hồi Kinh phải để dượng em nhờ mẫu thân chàng trông nom hộ. Dượng và chú dượng em bấy giờ còn bé thân mẫu chàng nhận làm nghĩa đệ mà trông nom săn sóc cho. Đến năm dượng em lên bảy tuổi thì có người trong Kinh ra đón cả về để thăm quê nhận họ.

Từ đấy đến bây giờ, đường đất xa xăm, quan sơn cách trở, chốc là bốn mươi năm, hai nhà tuy vẫn giữ được mối thâm tình mà chưa từng cùng tới lui thăm viếng. Lần trước chàng vào Kinh tuân lời mẫu thân có đến tìm dượng em và lưu lại đấy trong mấy tháng. Chẳng may nửa đường đứt gánh, người bạn trăm năm của chàng

thụ bệnh mà mất tại nhà thương, nửa vời trâm gẫy gương tan, chàng lại tính cuộc lên đường để trở về đất Bắc.

Một năm sau chàng vào Kinh viếng thăm mộ bạn; rồi kịp ra Bắc thu xếp công việc, lần ấy là lần thứ nhất em được gặp chàng ở sân ga.

Từ mấy muôn dặm quan hà, một cuộc trùng lai của người bạn, em biết trong cái thời khắc rất ngắn mà em vẫn hằng trộm nhớ thầm yêu, chắc không bao giờ có nữa.

Chàng bước ra đi xa,
Biết bao giờ lại về?
Thiếp tháng ngày trông đợi,
Ruột tầm như tơ chia!

Đọc bốn câu thơ ấy mà sầu thương chan chứa.

Sau cuộc viễn du không thành, chàng lại tìm vào Huế kinh để doanh nghiệp. Theo lời thân mẫu, chàng tìm đến ở với chú dượng em, đến nơi được một tuần, nhân một hôm mẹ em qua thăm chú em mà được gặp.

Nhớ lại tình lưu biệt mùa đông năm trước, mẹ em có mời chàng sang chơi nhà, vì đấy mà em được gặp gỡ người xưa, lòng khát vọng trong mấy tháng vừa qua, riêng về phần em rất nên cảm động.

Mẹ em nghe nhời chú em thuật lại chuyện ân tình hồi 10 năm về trước; mới biết chồng mình ngày thuở nhỏ chịu ân lớn của mẫu thân chàng, từ đấy đối với chàng, tỏ ra quyến luyến.

Nhà em, người đơn cảnh vắng, mẹ em bèn mời chàng đến cùng ở để được báo đáp cái tình cũ ân xưa, ba hôm sau ở nhà em chàng đã trở nên một người tân khách.

Cùng chung xum họp mà ít khi diện kiến, em thì màn đào rủ kín, mà chàng thường ngày phải đi quan sát tình hình công thương kỹ nghệ bên ngoài.

Có khi gặp mặt chàng em những thẹn thùng e lệ, tuy vậy trong sự giao tiếp vẫn có lễ độ, chàng cũng không vượt qua khuôn phép con nhà thi lễ, mà em, em cũng giữ được tư cách trong hàng ngọc diệp kim chi.

Ngày tháng thoi đưa, tình luyến ái càng thêm mật thiết; chàng nghiêm trang cẩn trọng, trong nhà, từ mẹ em cho đến gia nhân ai cũng tỏ lòng kính mến, mà riêng em, tình yêu đương lại gấp trăm phần. Có lần em đã nghĩ rằng: nếu khôn thiêng cho em được thờ người ấy làm chồng thì cái vận mệnh vị lai của em chứa chan biết bao nhiêu hạnh phúc!

Trong những ngày em du dương trên đường tình mộng, thầy học em thường vẫn qua thăm, mãi đến bấy giờ em mới có con mắt so sánh thầy với chàng, thật hai người có hai cái tinh thần khác hẳn. Càng đối chiếu, như thế bao nhiêu, lòng em càng bùi ngùi thổn thức, đối với em là một người vô tội, sao trời xanh nỡ đem lòng ghen ghét, mà rập vùi em trong cõi tình thương...

Ruột tằm trăm mối tơ vương,
Nước bèo nghĩ lại thêm thương nỗi mình.
Mộng hồn phảng phất năm canh
Biết duyên mình, biết phận mình ra sao?...

4.
BÈO HỢP MÂY TAN

Tháng lại ngày qua, ngọn trào lòng thường khi lên xuống, không bao lâu, cái tâm hồn của em hình như bị cái thần lực của chàng thu hết, xa chàng em nhớ, vắng chàng em buồn, em với chàng, chàng với em, đã như có sợi dây thiêng liêng ràng buộc.

Có lần chàng vào khảo sát ở miền Nam bộ Trung kỳ mất ba hôm vắng mặt, em tựa cửa phòng xuân, tính khắc lần canh mà nhỏ sa nước mắt.

Ngày chàng về, em được tin cũng không dám ra gặp mặt, sợ trong khi xúc cảm để biểu lộ nỗi lòng chăng. Khốn nạn thay! Tự em em lại dối em, một mối tình riêng, sao không đem ra bộc bạch cho mẹ em và chàng cùng biết? Nhưng là một người thiếu nữ ở cái xã hội Nam Việt, nhất lại là con nhà khuê các, cái luân lý gia đình và cái phong hóa xã hội còn giữ không thể cho vượt ra ngoài khuôn phép, vì thế, nỗi riêng em vẫn phải để trong lòng, chỉ ước rằng chàng ngỏ một lời tâm sự với em, nhưng ước nào có được. Chàng không

phải là người vô tình, sao không vì em mà cảm động? Than ôi cùng chung gang tấc, ai ngờ lại bằng mấy lần cách biệt quan sơn, em mến phục chàng về cái đức tính nghiêm trang bao nhiêu, lại luyến ái chàng về cái tính tình cao thượng ngần ấy.

Một hôm về mùa hè, trời mới bình minh em thơ thẩn ra vườn, tình cờ thấy dưới gốc lê một bông hoa rụng.

Em ngồi dưới gốc cây lê, thưởng hoa rồi khóc, bỗng sau lưng, cách giàn hồng có tiếng động, em ngoảnh nhìn lại thì vừa gặp chàng.

Chàng chú mục nhìn em, buồn rầu mà hỏi:

– Em sáng nay dậy sớm, sao lại ra đây ngồi khóc, hẳn có điều gì không được như ý chăng?

Em cúi nhìn bông hoa thẹn thùng mà đáp:

– Anh trông nhầm, em có điều gì đâu mà khóc...

Chàng không đợi nói hết, bước đến gần em:

– Trên gò má em hãy còn ngấn nước mắt, chắc em khóc về một câu chuyện thương tâm, sao em nỡ giấu anh, không nói cho anh biết.

– Nỗi lòng em, tiếc anh không hiểu hết, nếu anh rõ, chắc anh cũng phải khóc cho cái cảnh huống của em như em khóc cho đóa hoa lê vừa tàn buổi sáng.

Anh mới được biết em trong một thời gian rất ngắn, tâm sự em, anh chưa được biết, song nếu em có bụng tin cùng anh bộc bạch, anh dám chắc rằng trong mười phần đau đớn anh cũng gánh đỡ cho em được một đôi phần.

Em liền đem cái cảnh ngộ gia đình cùng câu chuyện tình duyên của em ra nói với chàng, nghe xong vẻ mặt chàng thoảng qua có một nét buồn, nhìn em hồi lâu thở dài rồi nói:

– Cái tâm sự của em không ngờ đắng cay đến như thế ấy, nhưng mà cõi trần thế là nơi khổ ải, thì có vui gì đâu cái kiếp con người. Mùi đời những đắng cùng cay, song biết tìm ra thì trong cái đắng cay còn có những vị ngọt bùi, mà muốn được nếm những vị ngọt bùi của đời người, phải biết tình yêu thương và sự tha thứ. Cảnh ngộ của em, em cho là khổ, vì em không có hai cái đức tính kia.

Những câu triết lý chàng nói cho em nghe, ngay hôm ấy em đem ra thực nghiệm, rồi dần dà em thấy thân em như được giải thoát, qua nơi khổ hải lên miền bồng lai...

Cái cõi đời tối tăm u ám của em thật đã vì chàng mà được thanh quang xán lạn, từ đấy, ở trí em không những không còn chút di tích gì cái cảnh đau lòng của cuộc đời dĩ vãng, mà trong tâm em, còn chứa chan biết bao nhiêu hi vọng mai sau.

Những sự e lệ thẹn thùng trong khoảng ba tháng trời về trước, vì chuyện khóc hoa lê rụng, đã biến thành một mối ái tình thân thiết, mẹ em thấy hai tình quyến luyến, cũng vui lòng cho đôi lứa nhân duyên.

Trước kia sở dĩ khuyên em nên nhận việc thầy học em cầu hôn là lo cho em trong sự kén chọn, nhỡ nhầm phải con đường cực khổ, vì thương em mà định đặt em vào một nơi yên ấm, đến bấy giờ thấy chàng cũng là nơi xứng đáng, lại là chỗ ân sâu nghĩa trọng nên có ý tác hợp cho em. Sau mẹ em đem ý kiến ngỏ với chú em, chú em cũng vui lòng đứng làm môi giới.

Một hôm nhân chú qua chơi, mẹ em cho mời chàng và gọi em lên hầu chuyện.

Em sáng ý biết trước nên không lấy việc hội kiến ấy làm ngạc nhiên, về phần chàng, em không rõ ra sao, song vẫn giữ cái thái độ rất bình tĩnh. Sau khi nghe lời chú em nói, chàng tỏ ý cảm động, nhìn em bằng đôi mắt yêu đương rồi thẹn thùng không nói, em cúi đầu bẽn lẽn, lệ tình đã như sắp tràn ra đầy mắt, vội đẩy cửa phòng sách bước vào.

Bước vào phòng trong rồi mà lòng em thổn thức, nửa mừng nửa cảm, không ngăn được hai hàng nước mắt bấy giờ đã sa xuống dòng dòng. Hai lệ ấy có khác gì những hạt mưa xuân tưới tẩm gội nhuần cho trái tim em bấy nay khô héo.

Suốt một ngày hôm ấy em không dám bước chân ra đến ngoài, chỉ những quanh quất trong phòng, hết đứng lại ngồi, mà cầu nguyện cho cái duyên tao ngộ.

Bữa ăn chiều, không thấy em ra, mẹ em vào phòng, nhìn em, chừng như hiểu ý rồi cười mà bảo:

– Con gái lớn thì phải lấy chồng, việc gì mà thẹn, chồng con nó đang đợi con ngoài ấy, ra mà ăn cơm đi.

Em gò má đỏ hồng, cúi lặng hồi lâu rồi đáp:

– Mẹ cứ ra trước rồi con ra sau.

Mẹ em cười, đi ra, em thì đứng dậy soi gương sửa lại đường ngôi mái tóc.

Em trông gương, thấy cái sắc đẹp của mình lại vừa mừng vừa thẹn, hai gò má bừng bừng thấy nóng, như vừa mới nhấp một li rượu hợp cẩn mà ngây ngất trong lòng.

Trí định đi ra mà chân không dám bước, còn đang lúng túng, chợt có tiếng mẹ em nói ở ngoài:

– Con bé rõ hay, hay là thẹn thì không ăn nữa...

Rồi tiếp đến mấy tiếng nhỏ nghe không được rõ, em lại càng lúng túng bội phần. Đang lúc ấy có tiếng người bước sang, em ngoảnh lên nhìn, thấy chàng đã vào đến cửa. Bấy giờ e lệ quá, mà em lại đứng ở giữa phòng, không biết làm gì cho đỡ ngượng, phải nâng vạt áo con mà cuối xuống.

Chàng biết em bẽn lẽn, đứng nhìn một lát, rồi đến gần em:

– Em sang ăn cơm để mẹ đợi mãi.

Em chỉ sẽ vâng một tiếng rồi đợi chàng đi trước, em rón rén bước theo.

Khi sang đến phòng ngoài, mẹ đã ngồi đợi, thấy em đến thì cười mà nói:

– Thấy chồng hiền chưa chi đã làm nũng, rồi trỏ vào cái ghế giữa bảo em: "Ngồi xuống đây".

Em ngồi xuống.

Trên bàn, thức ăn và cơm đã đầy đủ, mẹ em cầm đũa trước rồi đến chàng, còn em thì cứ cuối mặt ngồi yên, không dám làm gì cả.

Mẹ em nói:

– Ăn đi chứ hay là bắt chồng phải và cho.

Em càng thẹn, mẹ em lại nói với chàng: "Đấy con xem vợ con nó khó tính như thế, liệu con có chiều được không?"

Hình như chàng nhìn em, rồi cũng thẹn như em mà không nói. Bữa cơm hôm ấy em ăn được có hai lưng.

Về sau, ngày một quen dần, em và chàng không e lệ như trước nữa, chút tình quyến luyến, tuy chưa chăn gối, song cũng không khác vợ chồng, những lần chàng được thư nhàn thường vẫn cùng em chung phòng để họa đàn đọc sách. Có khi con thuyền mặt nước, em với chàng dạo chơi trên giải Hương Giang cầu phú tiếng đàn cũng có lúc não nùng cùng khóc, trăng tà sao lặn, đã nhiều phen chung giấc mộng hồn, lưng trời con nhạn kêu sương, những trông nhau mà cảm cho cảnh mùa đông sắp đến. Trên cầu Bạch Hổ, nhìn theo giòng nước, nước trôi man mác mà cùng thương cho nỗi: qua cầu nước chẳng trở về, cùng nhau ngọt sẽ bùi chia, thắm thoát đã hơn một năm trời xum họp; trong cái thời gian ấy, thầy học em có vài lần qua Kim Long thăm viếng, thấy em đối với chàng nồng nàn những tình âu yếm, lần đầu còn nhắc đến việc cầu hôn trước, mẹ em tuy vẫn hẹn, song tỏ ra vẻ lãnh đạm, nên sau cũng bẵng hẳn không thấy nói năng gì. Sự trái duyên em thật đã được thoát li, không còn lo ai ép liễu nài hoa nữa.

Nhưng mà ngày vui ngắn chẳng đầy gang, cái cảnh lạc thú gia đình hầu mới bầy xong, trời kia đã nỡ tay xóa hết, nghĩ lại cái quãng hơn một năm trời ấy đã như một giấc mộng dài, bừng mắt tỉnh ra chỉ còn lại những thương cùng tiếc.

Một buổi chiều mùa hạ, chàng đang ngồi trong phòng mưu tính các công việc, em thì tựa cửa dạo đàn, bỗng có một bức điện văn gửi đến. Em tiếp lấy xem, thấy ngoài mảnh giấy xanh có chữ Bích Quang tên chàng, em vội cầm đem lại. Chàng mở ra xem, nét mặt bỗng nhiên biến sắc, rồi thở dài mà ngồi yên.

Em cầm bức điện lần xem thì ra tin ngoài Bắc gửi vào giục chàng kíp về ngay, vì mẫu thân chàng đau nặng.

Em bấy giờ hoảng hốt, cũng không biết nói câu gì, chàng đẩy ghế đứng lên: đi bước một trong phòng, như có vẻ lo nghĩ.

Một lát, chàng đứng lại, nhìn em mà nói:

– Việc đến thế này, sớm mai thế nào anh cũng phải đáp tàu về, từ lúc được tin, anh nóng ruột lắm.

Em rơm rớm mắt, để bức điện tín xuống bàn, rồi ngảnh lại nói với chàng:

– Mẹ không may lâm bệnh, nhà có anh là lớn, dù sao anh cũng phải về. Anh cố săn sóc thuốc thang cho mẹ mau lành, còn việc nhân duyên của ta, anh cũng nên thừa dịp này mà thưa lại. Em cầu trời bệnh mẹ chóng qua để em được về hầu hạ dưới gối cho trọn đạo dâu con.

Chàng bước lại gần em kéo ghế ngồi, rồi bảo em ngồi xuống:

– Anh về Bắc lần này, đến bao giờ lại vào, cái đó cũng chưa biết đâu mà định, công việc của ta anh sẽ tuân lời mẹ để thưa lại với mẫu thân anh, song có một điều cần phải dặn em là em đừng thấy anh xa vắng mà buồn, công việc anh trong này, em sẽ thay trông nom cho anh những ngày anh vắng mặt.

– Em nghĩ lấy làm bồi hồi lắm, đời em nếu không có anh thì em đến chết mất, anh nói như vậy biết đến bao giờ anh lại vào, hay anh cho em ra theo để em thuốc thang hầu hạ mẹ.

– Em yêu anh mà nói như thế nhưng điều đó là quyền ở em, mà cũng không phải quyền anh. Việc nhà đang lúc ngổn ngang, anh cũng muốn có em để giúp anh trong những khi bối rối, song ở đây mẹ có một mình, nếu em ra đi thì việc thần hôn biết cậy vào ai được. Em nên ở lại là hơn.

Tối hôm ấy, mẹ em ở tỉnh về, chàng bèn đem tin thuật lại. Mẹ em lấy việc ấy làm ngần ngại rồi khuyên chàng cặn kẽ mọi lời, đoạn bảo em làm mấy thứ bánh mứt gửi chàng đem về làm quà ngoài Bắc, những thứ bánh mứt ấy, mấy bận trước gửi ra biếu thân mẫu chàng cũng tự tay em làm lấy cả.

Em vâng lời mẹ cặm cụi mãi đến khuya, khi làm xong vào phòng trông lên đồng hồ thì đã thấy kim trỏ một giờ sáng.

Chàng đang một mình xếp đồ đạc vào va li, thấy em vào, ngừng lại nói: "Không ngờ đêm nay em lại bấn đến thế, bây giờ việc đã xong chưa? Mấy lần trước gửi thơ vào, mẹ vẫn xem em bánh trái rất khéo và tỏ ý mừng sẽ có được người dâu hiền. Nếu việc em đã xong, em gói hộ anh ít đồ, rồi ta ngồi nói chuyện".

Khi các đồ hành lí thu xếp đâu vào đấy cả rồi, chàng bước đến gần bàn, khêu to ngọn đèn, nhìn em mà nói:

– Anh thật được biết em trong hơn một năm trời nay, xét đến tính tình thấy em hay đem con mắt bi quan mà nhìn đời, nên thường ôm lấy một tấm lòng phiền não đối với cái cảnh ngộ em vẫn cho làm đau đớn, em thật chưa có nghị lực mà phấn đấu để tìm đến một cái đích cao, anh riêng vẫn lấy điều đó làm buồn lòng và tiếc cho em lắm. Ngày mai anh bước chân lên đường, cuộc sinh li này không phải để cho em phiền muộn, nhưng mà sự thế đã đành như thế, anh chỉ khuyên em, nên gìn vàng giữ ngọc để anh ra đi cho được yên lòng.

Em đáp:

– Người ta nhìn đời bằng con mắt lạc quan hay bi quan, cái đó cũng tự ở như thiên tính – Em tức là người đã sẵn có tính buồn, trong cái quãng đời ngót 20 năm giời lại trải qua biết bao nhiêu nỗi thương tâm, anh bảo em coi đời bằng con mắt lạc quen sao được. Tuy vậy em cũng không phải là không có nghị lực, từ ngày biết anh lại được anh đem lòng thương mà dắt cho em đi vào con đường chính, cái tính trời kia phú bẩm, em đã thấy như gần bỏ được, không ngờ nay lại lâm đến bước đường li biệt, mà sự trùng phùng chưa biết định kỳ, anh xem như vậy có khác gì trên con đường chính đạo kia anh đương dắt em đi, nay bỗng dưng anh bỏ em mà đi trước. Tuy nhiên thân gái dặm trường, em cũng đem hết nghị lực bình sinh mà cố bước, sự gắng gỏi ấy có hàm súc cái tinh thần phấn đấu ở trong, như thế là anh đã cảm hóa được em ở phần hồn, đủ tỏ rằng em đối với anh có biết bao nhiêu cảm tình và biết bao nhiêu lòng yêu dấu. Bây giờ anh muốn em không buồn, cấm em không cho em khóc, cái đó là tự ở như anh... còn đến việc giữ ngọc gìn vàng, anh cứ yên lòng, cái trái tim em, em đã đem dâng tặng cho anh thì cái thân xác này đã dễ mà ai lấy được, hoặc giả nó có thuộc về tay người khác, chẳng qua cũng chỉ là cái vật có sác không hồn, như thế thì điều đó anh không đáng lấy làm gì làm quan ngại?

Chàng mỉm cười, nhìn em hồi lâu mà không nói, một lát, đứng dậy rồi lại gần chỗ em ngồi:

– Em ơi, những lúc như thế này sao chính lòng anh cũng thấy khổ... nhưng làm thế nào được bây giờ.

Rồi chàng kéo ghế ngồi lại cạnh em, cầm lấy tay em mà rầu rầu nét mặt. Em bấy giờ trong lòng ngây ngất, ngồi không được vững, bất giác nghiêng đầu vào vai chàng. Chàng nắm chặt lấy tay em, rồi cùng cúi ngồi yên lặng.

Vừa mở mắt nhìn thì hình như bị cái thần lực gì sai khiến, em vội kéo tay ra rồi đứng lên:

– Thôi canh đã khuya rồi mà sáng ra anh phải lên đường, anh nên đi nghỉ một lát cho đỡ mệt.

Chàng trông lên đồng hồ treo trên vách:

– Bây giờ cũng đã 4 giờ sáng mà 5 giờ đã phải ra tàu, có nằm nghỉ cũng không được bao lâu, anh muốn cùng em ngồi nói chuyện cho đến sáng.

Em cũng trông lên đồng hồ rồi nói:

– Đêm hôm nay sao mà chóng hết, em không ngờ bây giờ đã bốn giờ rồi. Từ nãy, chuông đồng hồ điểm, ta mải nói chuyện mà không nghe thấy. Anh cứ ngồi đây, cho phép em xuống nhà dưới, mấy thứ mứt làm lúc khuya, lãi ra hong có lẽ cũng đã khô rồi, em phải xuống gói, không không kịp mất.

Nói rồi em vội bước ra, tiếng gà gáy sáng bấy giờ đã mái ngoài giục giã.

Khi gói xong bánh mứt mang lên, chàng đã áo mũ sẵn sàng, ngồi nói chuyện với mẹ em, chừng như mới dậy.

Thấy em lên, mẹ em nhìn em mà nói:

– Từ bé đến giờ, đêm hôm qua mới phải một bữa vất vả, nhưng con gái cũng phải tập chịu thương chịu khó để nay mai về nhà chồng...

Chàng nhìn em, tỏ ra ý yêu thương; em nghe nhời mẹ nói càng thấy thẹn thùng, sau khi xếp bánh trái xong, em cúi đầu ngồi yên, không biết nói câu gì nữa.

Giữa lúc đó, có một người bước vào, trông lên là người lái đò quen mà mẹ em đã nhắn mượn thuyền từ tối hôm trước.

– Bẩm thuyền đã dọn sẵn, bây giờ cho đem hành lý ra trước thì vừa.

Mẹ em cho người ấy đi ra, rồi đứng dậy:

– Sắp đến giờ rồi, con xuống nhà sắm sửa mà tiễn chồng con lên đường, để mẹ xuống đánh thức gia nhân, bảo chúng chuyển đồ đạc xuống thuyền cho kịp.

Em xuống nhà dưới, thay khăn áo rồi lên, vừa gặp hai tên gia đồng khuân rương và va li ở nhà trên bước xuống. Em dẫn chúng ra bến ở ngay trước cửa nhà, bảo chỗ xếp hành lý xong, vừa toan bước lên đã thấy mẹ em và chàng cùng đến. Sau khi chàng bái biệt, mẹ em đứng trên bờ dặn với em:

– Đồ đạc phải trông coi cho cẩn thận, thôi đi mau rồi mà về.

Chàng cúi chào mẹ em, rồi bước xuống thuyền, bấy giờ trời mới hơi hửng sáng.

Người lái đò nhổ sào cho thuyền rời bến, một giải Hương Giang, nước xanh trong vắt, không bao lâu con thuyền đã lơ lửng ở giữa dòng sông. Khi qua cầu Bạch Hổ, hồi tưởng lại những ngày tháng trước, cũng cùng mặt nước con thuyền, cũng cùng nhịp cầu hóng mát, so lại với cảnh bây giờ, ai ngờ đã ra khác hẳn, khúc sông chia biệt, nước xuôi thuyền ngược, cũng không còn về nơi bến cũ bờ xưa.

Trong lúc em đang mộng du trên làn sóng biếc, chàng thì tựa bên mạn thuyền cúi nhìn dòng nước, trong lòng bấy giờ chừng như cùng chung với em một mối hoài cảm là nhớ nhung cảnh trước, mà mơ màng nỗi sau...

Cảnh bắc sông Hương vào lúc trời mới bình minh nó có cái vẻ tịch liêu vô hạn: tại tiễn đưa người vị hôn phu trong một bức tranh mờ sáng, nào non xanh, nào nước biếc, trông ra thảm cỏ hoa sầu, nước sông lai láng dòng châu, cảnh tiễn khách ở bến Tầm Dương trong lúc canh khuya, tưởng cũng chỉ thê lương đến thế.

Còn đang bâng khuâng ngẫm nghĩ, tiếng chèo đã thấy hơi khoan, em ngẫng nhìn lên thì đã gần đến bến ga xe lửa. Sau khi thuyền ghé bến, người chủ thuyền cắm sào bắc cầu cho khách lên bộ, hai tên gia đồng khuân rương, và va li lên, chàng đứng lại giơ tay đỡ lấy em, em vịn vào chàng rồi cùng bước lên trên bến.

Bến sông cách ga xe lửa chừng 50 thước, đến nơi trời hãy còn sớm, bấy giờ hành khách cũng vắng, lấy giấy xe lửa xong, em với chàng cùng vào ngồi đợi trong phòng khách.

Bước chân vào phòng lại chợt tưởng đến ngày mùa đông năm trước, cũng trong chốn này, buổi đầu gặp mặt, em còn thẹn thùng bẽn lẽn, chàng thì điềm đạm vô tình, cả cái cảnh chia phôi buổi ấy lại lần lượt diễn ra trước mắt em, như mới xảy ra mấy ngày hôm trước.

Thấy em ngồi không, yên lặng, chàng cười rồi bảo em rằng:

– Những chuyện đã qua nghĩ lại cũng không có ích, thì giờ còn ít, tưởng em nên ngồi nói chuyện là hơn.

Rồi chàng kể đến những việc chàng định quan sát trong lúc đi đường, cùng những công cuộc định thi hành sau khi trở lại.

Cách nửa giờ sau, chuyến xe lửa đã giồn toa sắp chạy, rương cùng đồ đạc, các người phu ga đã chuyển lên tàu, giở đồng hồ ra xem, chỉ còn năm phút.

Em cầm va li đưa chàng ra sân, một lát thì còi tàu đã giục. Chàng bước lên còn quay đầu nhìn lại, bấy giờ lòng em như bị trăm nghìn lưỡi dao cắt đứt, cố giữ mà không cầm được hai hàng nước mắt, lúc ấy đã sa xuống ròng ròng.

Em trông qua nước mắt nhìn theo, trong khung cửa toa xe lại thấy chàng tựa đó. Xe đã chạy rồi mà chiếc mùi xoa chàng cầm vẫy em, vẫn phất phơ theo gió, đến khi cả một đoàn xe ấy đã đi mất vào trong đám sương mù, trông xa thẳm chỉ còn trơ lại con đường sắt đá, sân ga cũng đã vắng tanh, em lủi thủi ra về, một bước đường đi là một khúc lòng tan nát.

Về đến bến, con thuyền đưa đi trong quãng mờ sáng vẫn còn cắm sào đỗ đấy đợi chờ, em giục cho nhổ thuyền về, chạnh cảnh cô đơn lại cho nỗi giữa dòng chiếc bách.

Cầu Bạch Hổ bắc ngang dòng nước, qua cầu từ đấy những ai; bến Kim Long ngày đợi tháng chờ một, ngày tựa ba thu đằng đẵng.

Đón gió Hương Giang, nào đâu là người cùng nặng với mình một lời thề thốt; con thuyền mặt nước, biết ai cùng chung với mình một giấc mộng hồn?

Đường về như giục con buồn,
Bèo mây tan hợp, ai còn thấy ai?
Vời trông nước thẳm non khơi,
Nước trôi trôi dạt, mấy giời dời tan...

5.
VÌ ĐÂU NÊN NỖI...

Gặp gỡ chẳng chiêm bao mà những nhời thệ hải minh sơn đêm xưa, đến nay đã thành mộng cảnh, thế mới biết đời người khi vui có ít, cuộc vui cũng hờ.

Bến sân ga từ hôm chia biệt, đất Kim Long giở lại gót hài, phòng văn lần lữa hôm mai, trông ảnh nhớ người, càng trạnh nỗi thành sầu lẻ bạn.

Một cuộc viễn hành, tuy em không được cùng chàng chung bước, nhưng muôn dặm quan sơn, tâm hồn em không lúc nào là rời chàng được, đường xa dặm thẳng, em những lần đốt tính ngày dõi theo chàng cho đến khi trở về Bắc Địa. Giờ nào đoàn xe lửa chàng đi đến Đông Hà, giờ nào chàng đáp ô tô tự Đông Hà đi ra tỉnh Nghệ, lại từ tỉnh Nghệ đáp xe lửa tới Hà Thành, đằng đẵng trong hai ngày đường, mỗi vòng bánh xe là thêm một đoạn đường xa cách.

Phòng the ngày tháng, bên trời tựa cửa chờ tin, có khi trông bóng chim hồng mà tuyệt mù giai âm không thấy đến.

Ngót một tháng sau, phương trời đã mòn con mắt, một buổi chiều kia bỗng tiếp được phong thư, vội mở ra xem mới biết của chàng, hai trang giấy trắng, chứa chan biết bao nhiêu tâm sự. Đọc rồi mà nhớ, nhớ đến không học mà cũng thuộc lòng mỗi dòng chữ viết của chàng là một tiếng vang của trái tim, bảo em không nhớ làm lòng sao được. Chép thơ ấy ra đây, em đã nhỏ sa biết bao nhiêu nước mắt, lệ tình chưa cạn, cái tâm sự của chàng có bao giờ em quên, các bạn xem bức thơ này tưởng cũng hiểu thấu nỗi lòng em, mà đừng trách em nhi nữ tình trường, lắm sầu nhiều cảm.

"Em Minh Châu,

Từ ngày anh kết bạn với sông Hương núi Ngự, lại gặp lúc nửa vời đôi yến lẻ đàn, càng nghĩ đến cuộc tình duyên mà càng não ruột

tâm trường, trong khoảng trăm năm, tưởng không còn cái hi vọng lứa đôi chắp cánh.

Không ngờ trên quãng đường trường, giữa lúc thân thế đôi vai, giang sơn một gánh, khuôn thiêng chẳng phụ tấc thành mà cho trên bến Hương Giang lại còn gặp gỡ được em, cái cảnh cô đơn anh tưởng đã thoát li từ đấy.

Đến khi tiếp được tin nhà, phận làm con, anh phải trở về sớm khuya dưới gối, lòng những mong bệnh mẹ qua ngày mau khỏi để cùng được với em trọn nghĩa tóc tơ, hay đâu bệnh tình ngày thấy tăng hơn, bấy nay vắng vẻ một mình, gặp những lúc này, lòng anh càng thấy sót xa bối rối.

Bởi vậy từ hôm chia biệt em đến nay, anh chưa từng có được lá thơ mảnh giấy, cũng biết rằng xa xôi em những nhọc lòng mong đợi, song, em có rõ đâu rằng: nỗi riêng ngày tháng anh những mong chờ hơn em.

Rồi đây, chẳng may anh phải bước chân vào chốn sầu thành mà chịu cảnh đầu tang tóc rối, việc trăm năm của ta lại trải qua biết bao lần trở ngại, bấy giờ cái trạng huống của đôi ta không biết rồi đến thế nào.

Anh đối với em một tấm lòng yêu dấu rằng vật đổi sao dời cũng không bao giờ phai được, lời vàng đá cùng nhau hò hẹn chữ sắt cầm anh nguyện xin tạc dạ ghi lòng, song về phần em, cái cảnh ngộ lại ra thế khác.

Hoa hòn nguyệt thẹn, cái sắc kia em đã tự cho là cái bả của những khách hồng nhan, thì rồi ra trên bước đường tình, biết có qua khỏi được những quãng trong gai xương tuyết? Em bây giờ có khác gì bông hoa tươi thắm, mà ngày xuân hoa nở có kỳ, niên hoa mòn mõi qua đi, hương sắc ấy được bao mà phai lạt?

Duyên kiếp lỡ làng, tình trong nan trắc, lân la ngày tháng biết có giữ gìn được với bầy bướm lũ ong.

Em yêu anh, em thương anh, mà gia cảnh không cho em được trọn sự yêu thương, như vậy anh chỉ trách ở phận anh mà không biết nói năng gì với em nữa.

Thôi, về việc ấy tự ở như em định xử, ý riêng anh, anh chỉ tin ở như duyên số mà thôi.

Non nước muôn trùng, mấy hàng tâm sự sau đây xin có lời trân trọng kính chúc mẹ được hai chữ "vạn an"."

Lá thơ ấy buổi chiều đến nơi thì ngay buổi tối lại tiếp được điện tín của nhà giây thép gửi lại. Mở ra xem thấy có ba chữ: "Mẹ từ trần" ở trên hai chữ Bích Quang.

Được tin xiết nỗi kinh hoàng, bấy giờ em cũng không biết làm sao được. Bức thư và bức điện văn ấy em cùng đưa cho mẹ xem, mẹ em chỉ thở dài mà không nói gì hết.

Đêm hôm ấy trằn trọc mãi đến gần sáng không ngủ được, em bèn dậy đốt đèn lên, viết thơ phúc đáp:

"Anh Bích Quang.

Tiếp được thơ anh buổi chiều, đến tối lại nhận được điện văn của anh gửi vào báo tin rằng mẹ ở ngoài đã tạ thế. Cái khổ tâm của em lúc ấy thế nào, không nói ra chắc anh cũng rõ, em chỉ xót cho duyên phận mong manh không được sớm cùng anh gắn bó, để những lúc như lúc này, chung nỗi đắng cay, mối sầu san sẻ, gọi là đền bồi lại chút tình ưu ái của anh.

Ngày nay mẹ đã từ trần, việc tang tóc âu đành là thế, đời người sinh ký tử qui, cõi trần ai chẳng qua chỉ là một nơi lữ quán, đã hay rằng lòng thương mẹ đạo làm con không bao giờ bỏ được, song giám khuyên anh phải coi mình là trọng để sau đây có đủ năng lực mà gắng gỏi trong bước tiền đồ.

Tiền trình anh hãy còn xa, lòng hoài bão cũng chưa có gì mãn nguyện, nếu tháng ngày chỉ đeo sầu ôm thảm, thì trăm năm thân thế, cũng là bỏ đi.

Còn hai chữ xướng tùy, anh cũng đừng nên nhọc lòng nghĩ đến, cái tâm hồn của em, em đã đem mà trao tặng cả cho anh, thì dẫu rằng sông cạn, đá mòn, ơn tri ngộ có bao giờ em quên được.

Anh ơi, cái tâm sự em thật có giời xanh riêng biết, khoảng mấy tháng giời nay, tính ra tuy cho là ngắn song tấm riêng em những nặng lòng vì anh.

Ví không gặp gỡ những ngày, thì thôi, đường đời xuôi ngược cũng như ai đi về. Song đã cùng trong cảnh khổ mà ta mới có nhau, một ngày li biệt, cảnh ngộ dẫu rằng thay đổi, nhưng đôi phen nghĩ lại, mơ màng tình cũ, âm thầm nghĩa xưa, thì lòng nào mà nỡ rứt lòng, phương chi một nhời đã chót thâm giao, anh chẳng nỡ phụ em thì thôi, em nào rứt tình anh được.

Bến Kim Long từ rẽ lối chia đường, em thường trông ngóng tin anh, mà ngót một tháng trời thật là tuyệt mù bóng chim tăm cá, khiến cho em tấm lòng biệt hận, tưởng không còn biết năm biết tháng biết ngày nào khuây.

Trong những ngày anh hoặc vì buồn, vì bận mà để cho em luống công rầy đợi mai chờ, anh đã biết đâu khi gió sớm lúc trăng khuya, bể trời lai láng hồn buồn, em chẳng cùng anh cùng hòa giọt lệ... cùng nhau chung khóc cuộc đời giở giang.

Anh ơi, chớ vội tưởng em còn có ngày vui mà quên anh được, thiết tưởng con người ta, một vết thương tâm khi đã thành cố tật thì dẫu ngàn vàng sẵn có để mua vui, mà cuộc đời rút cục trăm năm vẫn là tẻ. Em thực nhiều khổ lòng lắm, nhưng đã là hồng nhan mạnh bạc thì xá chi cái kiếp đọa đầy nữa anh?

Những buổi phòng văn tịch mịch, một mình ngao ngán cuộc đời, những đau thân chìm nổi, xót nỗi tang thương thì em lại ngậm ngùi nhớ đến anh là một người có cái tính tình lỗi lạc mà những muốn quan sơn muôn dặm, rút gần tấc gang, để cùng nhau san sẻ tấm phiền cho cuộc đời đỡ những nỗi thê lương hiu quạnh.

Đến bây giờ cái cảnh huống của anh đã biến ra thế khác, lần lữa hôm mai, đợi chờ ngày tháng, em biết mong anh cho đến bao giờ?...

Nhưng thôi, anh đã chẳng như ai khinh xuất hồ đồ, em có đâu giữ những thói thường tình nhi nữ, em chỉ nguyện rằng cầu Bạch bến Kim cao xanh kia đã cho anh với em có được chút duyên tao ngộ, thì nước non còn chắc những ngày tương lai.

Em viết đến đây, đêm khuya đã quá khuya rồi, anh xem thư xin xét tâm tình cho em là người hiện nay đang ở cảnh uyên chia, nhạn lạc".

Bút mực năm canh, máu theo nước mắt, mấy hàng tâm sự, viết rồi nghĩ lại đau lòng, nỗi riêng trăm hộc sầu đong, muôn sự tại trời thật trăm đường tránh không khỏi số.

Tờ mây gửi đi, hiu quạnh phòng thu em lại sớm chiều tựa cửa, đóa cúc tàn sương, bông mai đón gió, nay lần mai lữa, thơ đi chẳng thấy thơ về, dặm đường cách trở sơn khê, có lúc muốn mượn chim hồng để cao bay tìm bạn.

Những lúc về, ánh lửa thái dương dần dần xế bóng, cái nhiệt độ trong trái tim em càng thấy cao lên, nóng ruột nóng lòng, muốn khóc cũng không còn nước mắt. Những sự hoài bão bấy nay em đã thấy nhân thành mộng cảnh, chợt cơn tỉnh giấc, cũng như vừa chiêm bao.

Cách đấy bốn tháng sau, có người giúp việc trước cửa chàng đến báo tin với mẹ em rằng khi mẫu thân chàng tạ thế được ít lâu, chàng vì quá thương, khóc lóc đêm ngày mà hỏng cả hai con mắt. Mắt hỏng trong vòng một tháng, thì tiếp đến bệnh đau màng óc rồi qua đời. Người ấy lại khen chàng xưa nay vẫn là một người con chí hiếu.

Lúc đầu nghe chuyện, em còn bán tín bán nghi, sau nghĩ xem trong bốn tháng trời nay, mấy lần em viết thơ mà tin chàng không thấy gửi về, rồi tự em em cũng cho lời kia là lời nói thật.

Cái hy vọng của em đến bấy giờ mới thật là tuyệt vọng, thương người ngày trước, cũng chỉ còn biết khóc mà thôi.

Khốn nạn thay, biết nhau mới một năm trời, cái cuộc sinh ly ai hay là người tử biệt, nghĩa sắt cầm tuy chưa tròn vẹn song tình vàng đá cũng đã như kết tóc xe tơ, đến bây giờ nửa đường đứt gánh tương tư, nghĩ như thân em còn có mong một ngày nào lại ôm cầm bước sang thuyền khác nữa.

Lòng những rắp: thôi thì từ nay hoa thơm phong nhị, buồng xuân khóa kín then hoa, đường đời mặc khách đi về, lửa lòng ấy phó cho giọt nước cành dương tưới tắt...

Nào hay đau khổ nọ chưa qua, sầu kia đã đến, câu chuyện cầu hôn những ngày năm trước thầy học em lại đem đến khua động bên tai. Có lần em đã nghĩ hay là cạn lời mà cự tuyệt cho rồi, song ở cảnh gia đình bức bách thì quyền gả bán em còn phải tùy ở như lòng mẹ.

Mẹ em thấy thầy học em, bấy giờ đã hoán thăng tá lý thân hành đến tận nơi nói lại, những lúc nhà thanh cảnh vắng, thường ngọt ngào khuyên nhủ em nên biết phải mà nhận lời, nghe lắm cũng buồn tai, chịu không được, đã có lần em phải nói:

– Câu chuyện ấy, con thiết nghĩ mẹ không nên nói đến mới là phải, con bây giờ trên đầu còn có tang chồng, tuy không khăn áo, song đối với con cũng là một cái tâm tang, chồng con qua đời, ngọn cỏ chưa xanh thì việc cầu hôn kia con nhận là sao được.

Mẹ em đáp:

– Con nghĩ như thế thật là cố chấp, nếu Bích Quang còn sống thì không nói làm gì, huống chi chẳng may nó đã mất đi, trong việc kết ước với con từ trước đến giờ chưa có một chút gì gọi là nghi lễ, bây giờ con có lấy chồng đi nữa cũng không ai dị nghị được điều gì. Một mối duyên hờ mà con cam nhận là tình phu phụ, dù con chịu cư tang hay tâm tang chăng nữa, đối với đời con cũng không khỏi mắc tiếng là ương gàn, ngày xuân chín chục thiều quang, sao con nỡ bỏ hoài quang âm như thế.

Em cười mà nói:

– Chàng đối với con, trong việc kết ước tuy chưa có gì là nghi lễ, nhưng một cũng đã tiếng rằng, như con thì con cho cứ gì chung chạ gối chăn mới gọi là tình chồng nghĩa vợ, ý con vẫn định việc gia thất không bao giờ con để tâm đến nữa chỉ xin thờ chồng ở vậy mà thôi. Con nghĩ như thân con đắng cay trong mười mấy năm trời, cảnh ngộ gia đình sui nên mỗi đầu xanh cô khổ. Cái cảnh một đứa con thơ, bơ vơ không bố, trên đầu còn có một mẹ, chung quanh thân thích là ai, trông trước nhìn sau như con có khác gì một đóa hoa khô mọc trên cái nhánh cây cằn cõi. Đã tưởng gặp hạt mưa xuân thì bông hoa ấy cũng được chịu cái ân nhuần gội, có hay đâu gió mưa cũng khéo phũ phàng, một con phong vũ vô tình làm cho cánh hoa sắp mấy lần tàn tạ. Cái thảm cảnh của con đã diễn ra như thế, mẹ còn nỡ lòng nào ngắt bông hoa héo mà đem cắm vào cái bình nước đã cạn rồi, rồi ra bình rạn hoa phai, chẳng cũng chẳng cực hơn, con một đời không trọn vẹn. Cái kiếp của con đã là thảm kiếp, mẹ nên đoái lòng thương đến mà trông lại cho con.

Mẹ em ngồi lặng hồi lâu như có ý không được hài lòng, sau lại đổi ra nét mặt ôn hòa mà bài giải:

– Câu chuyện trước kia con cũng đừng nên nghĩ tới, việc vợ chồng chẳng qua là cái duyên trời, nào mẹ có phải ép uổng con đâu, nuôi con từ bé cho đến bây giờ được bằng ấy tuổi đầu, tình nghĩa mẹ con sao mẹ lại không thương không xót. Chỉ vì mẹ thương xót cho con gặp phải lúc cảnh nhà tan nát, ngắm trông gương trước mà mẹ phải tính toan lo liệu cho con. Cái nơi mẹ dắt con vào đây là nơi cửa ngọc thềm vàng, chứ phải đâu chốn hang sâu vực thẳm. Con biết cho mẹ rằng lòng mẹ bao giờ cũng vì con mà mang nặng, trước kia, khi Bích Quang mới đến, bên thầy học con cũng bằng hẳn tiếng tăm, mẹ thấy Bích Quang là người ngoan ngoãn hiền lành nên đã định lấy chỗ ấy cho con trao xương gửi thịt. Nếu mẹ như người khác mà quyết một lòng nài ép, thì có khi nào mẹ lại đứng tác hợp cho con với Bích Quang chẳng may lỡ giở, sự đó cũng ở như lòng trời, nay nó đã bỏ con mà chết đi rồi, con còn định đợi nước cắm sào đến ngày nào nữa. Nếu mẹ được như người ta không gặp phải cái cảnh huống thảm thương, lại có được con đàn cái lũ thì dù con có quyết lòng ở vậy, mẹ cũng chẳng nói làm gì; như cảnh mẹ bây giờ chỉ còn hi vọng có ở con, sao con nỡ lòng phụ mẹ. Thân mẹ muôn sầu nghìn khổ, mấy mươi năm trời chỉ là ngậm đắng nuốt cay, ngày nay chưa già cũng gọi già rồi, sao con chẳng thương lấy mẹ. Người ta vẫn nói: Trẻ cậy cha, già cậy con, cái cảnh con không cậy được cha khổ đến thế nào con cũng đã từng biết đấy, còn như mẹ, mái tóc điểm sương, có con mà chẳng được tuổi già trông cậy, thì thân mẹ không biết trời kia còn bắt đeo sầu mang khổ đến ngày nào?

Em nghe những nhời mẹ nói gan ruột như bào, lòng thương mẹ khiến em sụt sùi, nói không nên tiếng.

Sau khi đã lau ráo được hai hàng nước mắt, em lặng ngồi suy trước nghĩ sau mà cho rằng, thôi thì thân tàn chi quản dãi dầu, quyết bỏ chữ tình cho vẹn toàn đạo hiếu.

Em bèn thưa lại với mẹ:

– Đạo làm con, nếu là kẻ còn có lương tâm thì cái bổn phận trước nhất là phải báo đền ơn đức cúc dục, con thụ cái ơn giáo dưỡng của mẹ, nay cũng không đến nỗi đã lương tâm táng tận, vậy những

điều mẹ dạy, con xin vì mẹ mà thuận hết, không dám từ nan, song con xin thưa với mẹ rằng, như con bước chân ra về nhà người, không phải là mong gì cái miếng để con chịu chút tang chồng gọi là báo đáp chút tình của người quá bước.

Mẹ em đáp:

– Nghĩ việc gì chứ điều đó mẹ không thuận nhận, con thật có chung thủy lắm, để rồi mẹ sẽ bẩm lại với đại nhân.

Than ôi, sự đời như muối sát lòng, không ngờ một phen từ biệt ở bến sông Hương mà cảnh đời em lại còn xoay ra đến thế.

Cuộc đời dâu bể, tuyết sương lạnh tấm lòng son, lệ khô hai mắt đã mòn, cảnh cũ người xưa, tiếc bao nhiêu nữa cũng chỉ còn trong giấc mộng.

Nghĩ lại quãng đường của em từ mùa đông năm trước cho đến ngày tiễn đưa chàng ở bến tàu, tháng ngày vì vụt bóng câu, chẳng qua chỉ như giấc mộng đêm xuân cợt khách cô phòng trong những lúc canh tàn đêm lạnh. Bừng mắt tỉnh ra, kết cục vẫn là cuộc chia phôi tống biệt, mà người năm trước, cũng chỉ là người mình gặp trong cõi mộng mà thôi.

Cảnh đời em từ đây mà đi lại là tiếp nối cảnh đời ngày trước, cái đời đau đớn lạnh lùng, cái đời tuyệt vô hi vọng, lắm khi giấc cô miên muốn cho thấy mộng, mà mộng kia cũng chẳng tìm mình, những là mòn mỏi ngày xanh, gan ruột càng như thiêu như đốt.

Ngày tương lai tuy chưa đến, song ngồi mà tưởng tượng cũng đã phỏng đoán được trước rồi, bể trần bèo dạt hoa trôi sóng ngàn trùng, nào biết đâu là thuyền tế độ.

Tâm sự trăm năm, khó biết tìm người bày tỏ, thói thường ai cũng chẳng tham nhưng chốn phong lưu phú quí nên cho em là có phúc gặp được chỗ thanh nhàn; "chim khôn đậu nóc nhà quan", tai em thường được nghe câu an ủi ấy.

Thói đời như vậy, nói ra thời cũng bằng thừa, mối hận nghìn thu chỉ còn có thể giãi bày được với non xanh nước biếc.

Nhớ lại trên Nam Giao có mộ phần Lan Anh là người bạn trăm năm của chàng qua đời hồi hai năm về trước, những lúc nỗi buồn đau đớn, em thường lên đấy viếng thăm, trước mồ sùi sụt nỗi mình,

tấm riêng cũng thấy được nguôi dần đôi chút. Trong cái đám rừng người còn sống đã không biết lấy ai làm bạn thì chi bằng đến nơi ký táng những người đã khuất mà than thở niềm riêng, ở đây cảnh có thê lương, nhưng lòng mình còn thấy được đôi phần ấm áp.

Còn cái cảnh gì tê tái lòng người bằng cảnh một người hiếu phụ như em nửa đường lạc duyên, đầu xanh lẻ bạn, những lúc tiết đông ngày vắng thẩn thơ trên núi Nam Giao, một vùng cây cỏ tiêu điều, quanh mình chỉ thấy bao la những đồi cùng núi, ngàn thông gió thổi vẳng nghe như khóc như than, có lẽ ở chốn mộ địa cô tịch này, cái tiếng thông reo là những tiếng của tâm hồn cám cảnh đời người mà ngày đêm nỉ non than khóc. Nào tài tử giai nhân công hầu khanh tướng, xa mã rợp đường lọng tàn rợp đất, cuộc đời rút cục cũng chỉ đến một nấm đất vàng, tháng ngày trải với phong sương cùng với cỏ cây cùng chung mục nát.

Mỗi lần lên núi Nam Giao nghe tiếng thông reo mà siết bao hoài cảm, đến khi trời chiều xế bóng, lại bâng khuâng lần trước ra về, phòng the trằn trọc canh khuya, nghĩ nỗi đường xa mà xót thương vô hạn.

Thôi từ đây mà đi, người năm trước biết tìm đâu cho thấy mặt, tơ lòng tan tác, chắp sao cho được vẹn tuyền...

Ai đi để lạnh gương nguyền,
Cho duyên đằm thắm ra duyên bẽ bàng,
Bể trời mây nước mênh mang,
Trăm năm biết gửi can tràng vào đâu.

6.
CHÚT PHẬN CÁT ĐẰNG

Phần lữa tháng ngày, mai chiều vò võ trên đầu cành hoa đào tàn tạ, dưới bóng quyên gọi hè sang, đến khi sương bay bóng cúc võ vàng, cười với gió đông lại thấy hoa đào năm ngoái.

Dưới cầu nước chảy, thời giờ cũng man mác trôi theo, bên mình thoáng bóng bạch câu, một năm ấy như cuốn theo dòng nước, ngọn gió đông qua, tang chồng đã hết, hôn kỳ vừa định thôi thì cũng liều nhắm mắt bước ra, một liều ba bảy cũng liều, thân bạc mệnh âu

đành liều như thế. Cái cảnh đời em từ đây mà đi có khác gì con chim bạt gió, gặp trận cuồng phong phải cam chịu phận cành khô nương tựa cho qua ngày đoạn tháng mà thôi.

Người ta, cảnh đời có bạn là vui, như em ôm cầm bước xuống thuyền người, nỗi riêng nghĩ lại đau lòng khi sớm tối.

Núi hẹn non nguyền, thề xưa đã lỗi, cơ trời dâu bể, xui nên điều em còn mang lụy như ai. Người ta gia thất duyên hài trong đạo sắt cầm còn có những sự vui chung chăn gối, khi đi có bạn khi về đủ đôi, đến như em, chiếc thân nương náu cửa người, chút phận cát đằng còn biết đâu vui thú loan hoàng mà còn lòng nào nghĩ đến chuyện đèo bòng ân ái.

Chẳng qua tiền oan túc trái, một thân cát rập sóng vùi, cũng là phận hẩm duyên ôi, đem thân tuổi trẻ kết đôi bạn già, cho nên: ngày xuân gió táp mưa sa, còn như ai ham gì ngàn chung muôn tứ nữa.

Nghĩ những ai, hoa vừa phong nhị, tuần trăng mới đó tròn gương thề hoa nhắp cạn chén vàng mà duyên xuân còn chờ, tình xuân còn hẹn, thế mà em đã tuổi trăng tròn cũng hương cũng sắc, vì đâu đến nỗi bể tình trôi rạt cho uổng phí một đời xuân xanh?

Nhưng mà thôi, luận đến nghĩa vợ chồng thì "phi duyên trái bất thành phu phụ" ân ái đa mang rút cục chỉ là dấn mình trong bể lụy, chẳng qua lụy tình kiếp trước để vướng kiếp này, cho nên dẫu dở hay em cũng chỉ ngửa trông trời còn biết khóc biết than cùng ai được.

Đã đành rằng "ông bạn già" của em ngày nay là người có tâm địa tốt nhưng lứa đôi là thế tình cảm như kia thì lòng em biết bao giờ còn vui cho được.

Đời đáng chán thật! Lắm khi đoán trông non nước lại nghĩ đến cuộc đời vô vị của mình, mà ngán cho ngày xanh vùi rập đầu xanh, nghĩ duyên mình nghĩ phận mình càng thương!

Em nay tuy ngồi trong một cảnh gia đình, trước sau muôn tía nghìn hồng, dưới ngọn xuân phong, thi nhau đua nở: hoa vui hoa nở, hoa cười cùng xuân, mà riêng lòng em nào ai có nở. Mỗi khi để mắt trông hoa, một đóa hoa rơi nhị tàn cánh rã, là một khúc lòng tan nát của em.

Than ôi! Thế thái nhân tình, nghĩ lắm lúc lòng thêm tẻ ngắt, thói đời lửa dục, từ xưa đến nay đã thiêu đốt biết bao nhiêu buồng ruột lá gan, nghĩ phận đàn bà sinh ra vào một cái cảnh gia đình như mình, cái giá trị con người thật không còn một mảy may nào hết.

Đã chịu tiếng yếm mang quần vận là đã đeo sẵn lấy cái kiếp làm thứ đồ chơi cho thỏa lòng túng dục của bọn mày râu, không thế sao những chổ tước trọng quyền cao, những nơi bạc lắm tiền nhiều, một người đàn ông có đến năm bảy vợ. Vợ lẽ hay vợ cả, cái ngôi thứ trong gia đình ấy có khác, song xét cho kỹ cũng chỉ là một hạng nô lệ mà thôi.

Nghĩ xem trong những lúc ăn ở cười nói đứng ngồi, bất luận một điều gì cũng ở dưới quyền người đàn ông như thế mà chồng mà vợ, như thế mà nghĩa mà tình, thật là người đàn bà trước đã tự kinh, nên mới phải trúng một đời như vậy.

Cái sóng nam nữ bình quyền ngày nay đã tràn đi khắp thế giới, chỉ còn những dân tộc nào đàn bà con gái còn giữ cái óc nô lệ là không chịu ảnh hưởng mà thôi.

Ở nơi này, cái không khí chuyên chế còn, thì ngoài xã hội là sự áp chế trong đám kẻ cả với người hèn mà trong gia đình là sự áp chế của cha con chồng vợ. Trong một chốn đã mấy nghìn năm nay ngạt ngào cái không khí chuyên chế như thế, ngay đám tu mi nam tử cũng còn có nơi ra cúi vào luồn, huống hồ những bọn người, ta vẫn cho là loại yếu mềm tức là những người má phấn môi son, thì còn biết đâu mà hưởng ứng được cái tân trào kia nữa.

Không có thế sao những nước biết trọng nhân quyền, người đàn ông chỉ lấy được một vợ, mà ở nước mình thì người đàn bà dù làm "hầu" hay làm "lẻ" cũng đành; những chỗ phẩm ngọc giá cao thì khi về nhà người còn có lễ cưới xin, đến như bọn thường dân, dù có trong giá trắng ngần cũng chỉ là việc đôi bên mua bán.

Những người đã cam phận làm hầu làm thiếp thật không khác gì đứa ở con đòi mà lại biết ra một hạng đầy tớ không công nữa.

Những lúc người đàn ông ấm cật no lòng muốn thỏa cái nhục dục thì tìm đến mà gối tựa vai kề, xong trận mây mưa, bể ái nguồn ân cũng cạn, rồi một đóa hoa tươi cũng theo với năm qua mà cánh tàn hương lạt, còn biết ai là người tiếc lục với tham hồng. Cùng

trong chung chạ gối chăn mà không phải là đạo vợ nghĩa chồng, trong cuộc mây mưa mà cũng phân ngôi phân cấp. Cái người biết mình có giờ, yêu mình có lúc ấy có khi mình phải theo niên kỷ, theo phẩm tước mà tôn bằng cụ, bằng quan, đối lại với mình là người bóng tùng che chở cát đằng, người chỉ coi mình là "bộ máy sinh con" cái vật để thỏa lòng dục vọng.

Một ngày hai bữa đủ ấm áo no cơm, những công to việc lớn nhà chồng mình không có quyền được tham dự đến.

Con cái mình rứt ruột sinh ra mình cũng không được công nhiên nưng niu âu yếm, đến khi chúng khôn lớn chỉ được phép gọi mình bằng chị, bằng dì, quyền làm vợ đã mất, quyền làm mẹ cũng không còn, cái thân phận người đàn bà như thế có khác gì là nô lệ.

Cảnh em bước chân về nhà người tuy làm lẽ thứ tư nhưng về phần hình thức thật chưa đến nỗi thảm thương đến thế, song đôi phen nghĩ lại cũng thấy chua cay đau xót trong lòng.

Ở đời này biết bao nhiêu người cùng với em một hội một thuyền, chẳng hay có như em chung thân mang hận, mà căm hờn, mà oán giận cho thế tục không?

Than ôi, cái tục mãi nô ở các nước văn minh ngày nay đã không còn, sao ở nước Việt Nam là nước văn hiến trong cõi Á Đông, đối với một hạng chân yếu tay mềm vẫn giữ cái thói bán thịt buôn người như thế?

Những lúc suy xa nghĩ gần, thương người xót mình mà chứa chan hàng lệ, cũng từ phen đau đớn quá lại phải dịu lòng tìm câu tự an ủi: chẳng qua kiếp trần ai là kiếp lụy chung, đời người ai cũng khổ như mình, hoặc có kẻ bền gan mà không khóc.

Tuy nhiên nghĩ như thế song nào có được, ngọn trào lòng vẫn hôm mai lên xuống, rồi cái sầu cái khổ cứ lẩn quất bên mình, gan ruột lúc nào cũng nát như vò, lệ càng ngày càng lắm, người càng ngày càng khô, nếu thực có hồ chứa lệ thì hồ lệ năm nay lại đầy hơn năm trước; thân thể gầy mòn, tháng ngày hao hụt, cứ thế này mãi thì mấy lúc mà hương tạ hoa tàn...

Từ ngày bước chân về nhà chồng, từ biệt đất Kim Long ra ở quán Âm Hồn, lối cũ đường xưa, cảnh vui buồn năm trước cũng

không còn nữa. Đằng đẵng tháng ngày, thân nhàn tâm khổ, có khi nghĩ đến câu "ba sinh hương lửa" mà tê tái tấm lòng son.

Cảnh vừa tạm yên, ngày đi lại đến, được tin chồng thăng nhậm Án Sát tỉnh Quảng, em cũng phải buộc yên quẩy gánh lên đường, lần này là lần đầu xa cách quê hương, mới biết chữ *xuất giá tòng phu* là thế.

Đất khách quê nhà, hai đường chia rẽ, muôn dặm xa xăm, rừng thu bóng xế, nghe chim như động tấm lòng thần hôn.

Ngày thu chiếc bóng quan thành, phong cảnh vì ai, cỏ thảm hoa sầu nơi đất khách, đỉnh núi bơ vơ đàn nhạn lạc, trời hôm rã cánh, tưởng độ về mái cũ tổ xưa.

Ở Quảng hơn hai năm trời những ẩn tình của nhà chồng hàng ngày mắt thấy tai nghe lòng riêng lại càng trăm phần buồn tẻ, bấy giờ mới nghiệm biết rằng sống trong một chốn còn giữ cái thói chuyên chế, thì những chuyện cá chuối nuốt cá rô, cái cắt đánh cái sẻ là những chuyện xảy ra hằng ngày.

Bởi có cái quan niệm về xã hội về gia đình như thế, nên lên xe, xuống ngựa mà lòng em càng thấy đắng cay, miếng cao lương không thể no lòng hôm sớm được.

Cách đấy một năm, sau lúc lâm bồn em vì chán thế tục, xót cảnh mình mà mắc phải bệnh thổ huyết. Máu trong tim lúc nào cũng nóng như lửa đốt, da một ngày một xanh, người một ngày một gióc, cái buồn cái bệnh cùng xô nhau đến mà dầy vò mà cắn dứt cho tan nát một tấm thân thừa.

Giá những lúc như lúc này, trên tay không có một đứa con thơ thì em cũng liều không thuốc thang gì để sớm rũ sạch lụy trần cho qua đời hết kiếp, nhưng trời xanh cay nghiệt, đã giam hãm em vào cảnh buồn rầu đau ốm, lại còn bắt em phải mang thêm một gánh nặng trên vai, muốn chết đi mà nhắm mắt không rồi, kiếp má đào thật hãy còn nặng nợ.

Trên giường bệnh ngày đêm vò võ, tháng ngày thay đổi không còn biết trời đất là gì, tưởng rằng bệnh có thuốc rồi cũng chuyển đi, ai ngờ thuốc càng nhiều, bệnh tình lại càng thêm trầm trọng.

Một ngày hai lần thổ ra huyết, ngày ấy qua lại ngày khác đến, năm canh đêm vắng, sáu khắc ngày dài, huyết ra lệ cũng theo rơi mắt đã thâm quầng mà trái tim cũng héo.

Dặm đường về có lúc mộng hồn lẽo đẽo, lại thấy bày ra trước mắt cái cảnh núi Ngự sông Hương, sông sâu nỗi sóng đoạn trường, nước cũ bến xưa, nào thấy đâu là chiếc thuyền tình ngày trước?

Những lúc bừng mắt tỉnh ra, cái hoàn cảnh quanh mình thật là buồn tênh tẻ ngắt, trong phòng bệnh tối tăm u uất, ngày đêm thoi thóp một ngọn đèn tàn, ngoài bát nước, siêu thuốc và mấy thứ vặt vãnh để trên bàn, còn mọi vật như núp hình cả ở trong bóng tối.

Bên cạnh mình ngỗn ngang những chăn với gối, trông lên trên, sừng sững một cái đình màn, ngoài các tiếng động ở ngoài phòng bên, thỉnh thoảng lại thấy tiếng đứa con thơ oe oe kêu khóc.

Rồi tim lại thấy đau, ruột lại thấy xót, giá cứ mãi như thế này thì cũng đến chết, không chết về bệnh mà có lẽ chết vì buồn.

Quan ông có lòng thương, thỉnh thoảng cũng sang thăm, nhưng mỗi khi quan ở phòng bệnh ra thì bên ngoài lại thấy tiếng quan bà nheo nhéo. Những là: nó thì ho ra máu mà cứ đi lại cả ngày, đến lúc có lây, rồi lại đổ cho tại số. Những là: ăn kiêng ai bằng gái đẻ, thế mà thuốc chẳng chịu uống chỉ ăn như tằm ăn rỗi cả ngày có chết lại đổ cho chẳng gặp thầy, như thế thì thuốc nào cho lại.

Còn cái gì khổ lòng hơn là người nói trái mà mình không được cãi, các bạn nghĩ như vào cái địa vị em thì trái thế chứ trái nữa mà dám cãi ai. Thật trong bốn tháng trời, vẫn phải lấy sự ngậm bồ hòn làm ngọt.

Khốn nạn, người ta đi lấy chồng, những lúc long trời lở đất còn có người hầu hạ nưng niu, đến như em thật là cay cực trăm chiều, không lẽ có bệnh mà nhà chồng không cho uống thuốc.

Từ khi em liệt giường liệt chiếu đến giờ nào có biết gì là cơm với nước, chẳng qua những lúc đói lòng, rát cổ hết hơi mới được bát nước cháo loãng, chứ nào suốt ngày quà bánh gì cho cam, nhưng còn lạ gì cái thói đời này, gái lấy chung chồng, đã ghét nhau thì bồ hòn cũng méo. Thôi, cái số kiếp mình nó chẳng ra gì tưởng mình chỉ nên tìm đường tự liệu, mặc ai tiếng bấc tiếng chì. Nghĩ thế, em

bèn quyết định xin về uống thuốc ở nhà, không còn muốn lưu lại một ngày nào nữa.

Một hôm, quan Án vào thăm, em nói:

– Từ ngày tôi được quan lớn cho về hầu hạ, chẳng may mắc phải ốm đau luôn, ở đây thuốc thang đã nhiều mà bệnh không thấy thuyên, vậy xin quan lớn cho tôi về nhà dưỡng bệnh. Còn em nó đấy, quan lớn trông lại thương nó phận nào nó được nhờ phận ấy, tôi nhờ trời qua khỏi sẽ lại xin vào.

Chồng em đáp:

– Cô không may ốm đau, cái đó không phải lỗi ở cô mà cũng chẳng tại gì hết. Ốm thì phải dùng thuốc, còn như việc cô về, ý riêng tôi thì tôi không muốn, cô thử bẩm qua lại với bà lớn xem.

Rồi quan truyền cho mời bà lớn vào nói chuyện.

Bà kiêng không vào, mời quan lớn sang phòng bên, em lắng tai nghe, thấy quan nói:

– Con Tư xin phép cho nó về nhà dưỡng bệnh, tôi bẩm lại với bà, ý bà định thế nào bảo qua cho nó biết.

– Nó đã đòi về giữ cũng không được, vả chăng nó ở đây cũng không hợp, chi bằng cho nó ra ngoài ấy dưỡng bệnh khỏi lại bắt nó vào, như thế nó không còn oán, mình cũng đỡ bận.

Em bấy giờ như cánh hoa đã tàn, con mèo sắp chết, còn ai nghĩ đến làm gì, chi bằng được lời thì quyết ra về, cảnh vật này cũng chẳng còn lưu luyến gì mình nữa.

Ý đã định, em bèn cho sắm sửa đồ hành lý để hôm sau lên đường, đêm hôm ấy ông quan lại vào thăm, nhìn em hồi lâu rồi nói:

– Ngày mai cô ra về, tôi rất lấy làm ngại! Cô bây giờ đang bệnh mà đường sá lại xa xôi, giữa đường lỡ gặp phải sự không may, bấy giờ hối làm sao kịp.

Em đáp:

– Tôi bệnh tuy nặng song là tâm bệnh, cũng còn có đủ lực đi được, điều đó quan lớn cũng chẳng phải bận lòng.

Rồi chồng em giấu đưa cho em một chục đồng bạc để dùng làm tiền lộ phí.

Than ôi, mười tờ giấy bạc một đồng, cái giá thật là rất rẻ, đến bấy giờ em cũng phải gạt nước mắt mà cầm, từ ngày về nhà chồng, trong lưng không có lấy được một xu con, nếu không nhận thì làm gì ra tiền mà mua vé ô tô từ Quảng đến cửa Hàn, lại tiền giấy xe lửa từ cửa Hàn về Huế.

Tám giờ sáng hôm sau, em với một người nhà quan đáp ô tô đi, đến hai giờ chiều lên xe lửa.

Từ Hàn ra Huế, xe chạy qua 9 đường toại đạo, nhưng lúc vắt ngang sườn núi như một con rắn lớn lượn ở quanh đồi, một bên đường có khi là giải cát trắng tiếp với bể khơi, có khi là một vùng núi đá chạy xô ra ngoài bể lớn.

Em bấy giờ như con chim mới được sổ lồng, đang vỗ cánh bay cao bay trên khu rừng rậm, mắt được tiếp sức cái cảnh sắc thiên nhiên của tạo vật, ngực được hô hấp cái không khí trong sạch của đất trời, nghĩ lại ngày hôm qua, trong phòng bệnh còn như người bịt mắt bưng tai mà tiếc cho mình cái tự do đã mất.

Hai năm xa cách rồi đây lại thấy phong cảnh cố hương.

Mộng hồn gửi đám mây Hàng,
Chút thân lẽo đẽo theo ngàn bấy lâu.
Mối riêng tầm tã lệ châu,
Đoạn trường ai có qua cầu mới hay.

7.
ĐÂU? NGƯỜI CỬU NGUYÊN!

Về ở Kim Long được ngót một năm, cảnh cũ vườn xưa, đời em lại thấy như lui lại vào quãng 4, 5 năm về trước. Bệnh thổ huyết lâu dần cũng bớt, mà người cũng có da có thịt hơn. Chẳng qua bấy giờ được thư thái trong lòng, chứ thật ra, cái tâm bệnh ấy có khi nào rứt được. Cảnh đã quạnh hiu, tin chồng cũng vắng, con thơ xa cách, mấy dặm quan hà, gió mưa đã nhuộm màu thu, cám cảnh đơn hàn mà trạnh thương trẻ con.

Người ta có sinh con ra mới biết những nỗi ưu tư làm mẹ, ngẫm như đứa con thơ của em từ ngày sinh hạ, chốc đà mười mấy tháng trời, lọt lòng ra đã không có sữa của mẹ để nuôi, ngày trứng

nước cũng chẳng có hơi của mẹ để ấp, khi ngủ, khi ăn, lúc chơi, lúc khóc, bấy nay giao phó cả cho một người vú trông coi, sự chăn nuôi phải cậy ở tay người, biết rằng người có được như mình là chăm nuôi cẩn thận, hay chỉ sẵn cơm mà ăn, sẵn áo thì vận, con người quấy cũng mặc, con người đói cũng hay, học cái thói thường: bay chết kệ bay, tiền thầy bỏ túi.

Thương thay! Con còn thơ dại, đầu xanh đã tội tình gì mà mới ôm đầu mang tiếng khóc ra, giời kia đã nỡ đọa đầy như thế?

Càng nghĩ bao nhiêu lại càng tủi phận mình làm mẹ, con ơi, bước đường chia rẽ, vì ai cho cay đắng lòng con, tưởng nguồn cơn bấy nay lệ ứa hai hàng, ngẫm duyên kiếp lại tơ vò chín khúc.

Con ơi! Con cũng nên đoái lòng mà thương lấy những người hồng nhan bạc mệnh, đời người nào có được sung sướng gì đâu, bể trầm luân ngót hai mươi năm giờ trôi rạt cánh bèo, nợ son phấn biết bao giờ rũ sạch.

Ôm lòng đòi đoạn, tấm riêng ai biết cho mình, nỗi lòng này chỉ có thể táng gửi được ở nơi nước biếc non xanh, nên từ đấy em lại thường kết bạn với giang sơn phong nguyệt.

Một ngày mùa thu, chiều trời hiu quạnh, bóng ngựa xe đã vắng, tiếng huyên náo vừa êm, nhớ cảnh cầu Bạch sông Hương, em lại lần bước lên cầu để trông mây đón gió.

Sông xưa nước cũ, trãi qua mấy độ vơi đầy, khách chơi cầu ngày trước với ngày nay, so ra đã có phần khác hẳn.

Gương nước Trường Giang, cúi mình trông bóng, cái sắc khuynh thành năm xưa đã mất, mà một khối thương tâm vẫn còn vương vít trong lòng.

Bấy giờ tuần trăng vừa độ tròn gương, trên ngàn cây xanh đã thấy bóng Hằng Nga tha thướt, gió chiều sương nặng, em vừa toan giã cảnh ra về thì thấy trên sông trong đám sương nhòa, một cánh thuyền đang mải miết nhằm phía Kim Long bơi đến.

Rồi bỗng nhiên trong lòng thổn thức như mình có hẹn hò ai, mãi đến khi thuyền tới gần trông rõ mặt người, mới nhận biết những người đứng trên khoang thuyền phần nhiều là gia đình theo ông ngoại em bổ đi là Lãnh Bình đường ngoài hồi ba năm trước.

Em tất tả về Kim Long, xe tới nơi thì thuyền cũng vừa kề bến. Trong khi các người tùy hành còn tải đồ lên bộ, ông em vẫn nằm trong khoang thuyền, em hỏi gia nhân mới biết ông được về hưu trí. Em bước xuống vừa gặp lúc ông đang sắm sửa, thấy em có ý ngạc nhiên:

– Ông nghe nói cháu vẫn theo quan Án ở Quảng và mẹ cháu cũng vào chơi, sao bây giờ cháu lại ở đây?

Thấy ông nhắc đến việc ấy, em thở dài, chưa kịp đáp thì ông em lại hỏi:

– Mẹ cháu và cháu về kinh cũng không cho ông biết, nên ông được về hưu mà không gửi điện tín báo trước cho mẹ cháu hay. Thế mẹ cháu bây giờ đâu rồi, sao không ra đón ông một thể?

Em bèn kể cho ông nghe những nỗi đoạn trường từ khi vào Quảng cùng việc chơi cầu Bạch Hổ lúc ban chiều, thấy người đứng khoang thuyền là gia đình của ông em nên em phỏng đoán mà kíp về Kim Long chứ thật ra mẹ em cũng không biết nên không ra đón.

– Ông không biết mẹ cháu và cháu hiện ở Kinh nên lúc gặp Bích Quang ở chốn xe hỏa Đông Hà vào Huế vừa rồi, nhân chàng hỏi thăm, ông có nói cháu đã theo quan án về Quảng và mẹ cháu cùng vào chơi với cháu trong ấy.

Em sửng sốt trong lòng, ngạc nhiên mà hỏi: Ông nói chuyến xe lửa ông về có gặp Bích Quang sao? Không có lẽ như thế, dễ có khi ông nhầm. Có tin đích chàng chết ở Hà thành trước khi cháu về nhà chồng, như thế sao ông còn gặp được. Hoặc ông quên mặt chàng mà nhầm ra người khác...

Ông em cười:

– Cháu không được trông thấy nên không biết, ông tuy già nhưng đã đến nỗi lẫn đâu. Chính Bích Quang nói với ông rằng: định sớm mai đến thăm mẹ cháu, song nay nếu mẹ cháu và cháu không còn ở Kinh nữa, đó là chàng vô duyên với cảnh vật Huế nên chàng nói tới ga sẽ lên ngay Nam Giao thăm mộ vợ rồi mai trở ra.

Em bấy giờ như người loạn óc, đứng không được vững, nước mắt đã chạy quanh, song phải cố làm ra vẻ điềm nhiên mà nói:

– Đồ đạc đã khuân lên bến xong rồi, mời ông vào nhà cháu chơi, mẹ cháu có nhà, còn cháu đứng đây coi cho họ dọn đồ, một lát cháu sẽ về hầu chuyện.

Ông em nói:

– Cháu ở lại coi cho ông và bảo chúng khuân thẳng hành lý về nhà ông kẻo tối.

Nói rồi ông em bước lên bến đến thẳng nhà em, vừa lúc ông quay đi, em điều đình với người lái đò, nhổ sào kịp bơi thẳng đến bến ga và hứa lúc về, sẽ cho họ một số tiền lớn. Người lái đò ưng thuận, nhổ sào rồi đẩy cho thuyền xa bờ, bấy giờ trên mặt sông đã mù mịt sương thu, mấy dãy đèn điện xa xa trông lù mù như những ngọn đèn dầu thắp trong gian phòng khói tỏa. Cảnh vật chung quanh, nhìn không rõ hình thù gì nữa, trên trời một mảnh giăng mờ lạnh ngắt giữa mấy vừng mây bạc, trông như mặt một người con gái mới khỏi ốm, vừa tung chăn ở giường bệnh dậy xong.

Cảnh càng buồn, ruột càng thấy nóng, nghe mỗi tiếng mái chèo vỗ nước, như nghe thấy tiếng gọi cấp của người mình đi tìm. Rồi những tiếng nước đập mạn thuyền, những tiếng sóng xô nhau đến, hình như tiếng khóc than sùi sụt, tiếng nức nở tủi hờn, trước nghe còn thấy thương cảm trong lòng, nghe lâu thấy sởn hai vừng tóc.

Em cúi đầu tựa vào mui thuyền, nhắm chặt hai mắt, không giám ngửng trông lên. Được một lát lâu, tiếng nước êm dần, người lái đò đứng ở mũi thuyền nói to mấy tiếng:

– Thuyền tới bến, mời cô sắp sửa lên.

Em ngửng nhìn đã thấy sừng sững tòa nhà ga trước mặt, dưới ánh thanh quang mấy ngọn đèn điện, trông vắng ngắt buồn tênh. Đợi người lái thuyền cắm sào bắc ván xong, em bước rảo lên bến rồi thuê xe thẳng đến Nam Giao, trong lòng bấy giờ thấy phấn khởi vô hạn.

Đêm thu sương lạnh, thân gái dặm trường, đường lên Nam Giao lại là con đường vắng nhất ở Kinh, nếu lòng em không còn hi vọng gặp chàng thì dưới bóng giăng thu đâu có bóng em cái đêm hôm ấy?

Bởi thế nên đường sá xa xăm mà em không ngại, muôn sự đều chắc ở chàng, dặm trường bấy giờ chỉ muốn rút lại tấc gang để chóng

được gặp mặt người bấy lâu em vẫn tin rằng đã mất. Hai dãi sầu đông, muôn cành ngang giọc, con đường xa lắc, gió thổi lá rung, cỏ cây kia ngại nỗi đêm thư tưởng như cũng phải rùng mình, huống hồ một người thiếu phụ chất bồ vóc liễu như em mà giờ này còn dám xông pha nơi sương gió.

Lại tìm một người trước kia đã có tin rằng chết, bây giờ lại có tin còn sống, ở một nơi mộ địa, thì cảnh đáng kinh khiếp biết nhường nào; nhưng người mình tìm ấy là người mình yêu, yêu đến não ruột não lòng thì dù còn là người hay đã là ma, có gặp cũng không khi nào phải sợ. Huống nữa em bước chân ra đi, chỉ ôm một tấm lòng mong mỏi được cùng chàng gặp gỡ, nên sau lưng em hình như lúc nào cũng có vị thần ấy chính là cái tâm hồn của chàng cùng tấm lòng chung tình của em đó.

Vì thế mà em không sợ, xuống xe rồi em còn mải miết lên đồi, trong đám sương mù, chú hết mục lực để tìm bóng dáng một người, nhưng càng đuổi theo lại càng không thấy.

Rừng thông gió thổi, đầu cành thánh thót sương rơi, thoảng nghe tưởng bước chân người, nhận kỹ mới biết là giọt sương gieo nặng.

Khí giời càng lạnh bao nhiêu, lửa tâm lại càng thấy nóng, máu trong huyết quản như sôi lên sùng sục, lại càng dấn bước mà đi, lúc ngửng nhìn lên vừa thấy trước mặt có mấy chấm lửa nhòa, bước lại gần thì chính mồ Lan Anh ở đó.

Một nắm hương thơm thắp trên phần mộ, tàn tuy đã cao mà khói hương còn tỏa; trông trước nhìn sau, bốn bề quạnh quẽ trên mặt đất còn thấy mấy tần lá vàng đốt giở, chỗ giấy vàng chưa cháy, bấy giờ đã ướt đẫm những sương móc đêm thu. Dẫu lửa hương kia đã làm cho trái tim em vừa nóng, mà mảnh giấy vàng mới ướt lại khiến lòng em phải lạnh như mớ tro tàn, rồi người em giá ngắt như đứng giữa chỗ hồ tuyết bể băng, trơ trọi một mình, không còn biết phương hướng là đâu nữa.

Bao nhiêu khí hăng hái trong mình lúc vừa qua, bấy giờ đã toát ra mồ hôi cả, nghĩ rồi mà sợ, sợ đến nỗi không bước được bước đi, phải gượng ngồi bên cạnh mồ rồi bất giác đầm đìa hai hàng nước mắt. Một lát lâu, tâm thần đã định, em mới nhận biết rằng mình ra hơi chậm nên không được cái hạnh ngộ gặp chàng.

Tuần hương cũng đã vừa tàn, cảnh sắc lại càng thê lương lạnh lẽo.

Thôi, cái hi vọng trùng phùng bữa nay đã không còn nữa, có ngồi rốn lại tưởng cũng chẳng ích gì, nghĩ vậy em bèn đứng dậy đến trước mộ vái bốn vái rồi ra đi, bấy giờ tưởng đến bước đường về mà lòng riêng những trăm phần ngao ngán.

Trước đấy hai tiếng đồng hồ, em bước vào chỗ đất ký táng người chết thì lòng thấy như còn sống, đến bấy giờ trở lại nơi người sống mà thấy như chết hẳn trong lòng. Than ôi! Cõi trần thế với chốn sau hơn nơi trước. Khi xuống đến chân đồi, ngoảnh trông lại ngàn thông đã bị sương mù che khuất, gió đưa văng vẳng, chỉ còn thấy vi vút những tiếng thông reo.

Lúc ấy sương xuống đã nhiều mà chiếc xe vẫn còn chờ em ở đó, em lên xe cho kéo trở về. Đến bến ga lại nhổ thuyền đi, theo giòng nước xuôi về bến Kim Long, tới nhà đã gần 1 giờ sáng.

Mẹ em vẫn còn ngồi đợi, thấy em như có ý buồn, nghiêm nét mặt hỏi:

– Con đi đâu bây giờ mới về.

Em bèn đem chuyện lên Nam Giao thuật lại cho mẹ nghe, mẹ em cũng điềm tĩnh như thường, như không cho việc Bích Quang làm lạ.

Thấy thái độ của mẹ em như thế, em không khỏi không lấy làm ngạc nhiên, trong khi em chú ý nhìn thì mẹ em cười mà nói:

– Con đi đâu phải vội, muốn gặp Bích Quang thì sớm mai ra ga xe lửa cũng chẳng muộn gì, đường vắng canh khuya, tội gì mà xông pha sương gió.

Em khóc:

– Con nghe nhời của mẹ con dám chắc rằng việc Bích Quang trước kia mẹ cũng rõ, mẹ biết sao mẹ lại giấu con?

Mẹ em đổi ra vẻ mặt buồn, tần ngần hồi lâu mới nói:

– Câu chuyện Bích Quang chết ngày năm trước là tự mẹ và thầy học con bày đặt kế, thuê người nói ra như thế để chắp cho con một mối duyên lành. Bây giờ con đã thành gia thất rồi, nhân ông con lại vừa gặp Bích Quang vào đây nên mẹ không giấu nữa. Nhưng con đừng lấy thế làm hờn trách mẹ, trước sau mẹ vẫn nói rằng mọi

việc bày đặt là điều do mẹ nghĩ cho sự hạnh phúc của con cả. Bích Quang từ ngày ra về, được ít lâu thân mẫu chàng không may tạ thế, lại ít lâu nữa sang Pháp, du học; hồi còn ở Bắc Kỳ cho đến lúc chàng sang tới Pháp đều có thơ gửi về cho con nói cái cảnh ngộ, cái hành tung cùng chí nguyện của chàng, đến như việc nhân duyên thì xin hẹn sau khi đoạn tang, và chàng học hành thành tài, bấy giờ mới có thể nói đến được. Chàng thật không phải là người tệ bạc, song việc đời thường thay đổi mà lòng người đen trắng không chừng, mẹ e cho việc hôn ước của con cũng khó thành, nên quyết bỏ con đường khó khăn mà đưa giắt con vào con đường bình thản trước. Những ngày chàng còn ở đất Đế Kinh này, việc cầu hôn trước kia thầy học con cũng không nhắc đến, sau khi chàng ra Bắc, ngài lại ân cần đến nói bốn năm lần. Mấy bận đầu mẹ đã phàn nàn mà nói rõ sự tình, sau thầy học con vì cảnh ngộ của chàng, lại đem lòng thương mẹ cùng muốn cứu vớt đời con, nên mới bày mưu đưa tiền cho mẹ làm, tức là việc thuê người giúp việc của chàng nói phao lên rằng chàng vì quá thương mẹ, khóc đến hỏng cả hai mắt và được ít lâu thì bị bệnh đau màng óc mà chết.

Một mặt bao nhiêu thư tín chàng gửi đến cho con, ngài cũng vận động với một vài viên chức giữ lại không phát đi, chỉ khi nào tiện gặp mới giao, giả mẹ. Cái mưu sâu đó quả nhiên con bị mắc, tin chàng từ trần con cho là thật, Thầy con và mẹ mới được yên lòng vì chỉ có tiếng sấm sét ấy mới đánh đổ được sự cương quyết của con và khuya tỉnh cho con tan cơn tình mộng. Con thử nghĩ mà coi thân mẫu chàng qua đời, chàng lại rời bỏ quê hương sang Pháp du học, chim giời cá nước, như thế thì biết đâu mà chờ. Nào có thế mà thôi, cứ như những nhời trong thư chàng gửi thì sau khi đại đăng khoa chàng mới tính đến việc tiểu đăng khoa, điều đó lại là một sự trắc trở nữa. Ở một chỗ phồn hoa đô hội như kinh đô nước Pháp, giai nhân thục nữ thiếu gì, mấy năm giời sinh hoạt ở một nơi không khí tự do, biết đâu tâm trí con người ta không theo với thời gian mà thay đổi; chàng thì hai thân đã sớm khuất cả rồi, chắc gì khi công thành danh toại chàng chẳng tìm đến những nơi cao quý hơn, mẹ nghĩ như vậy mà mẹ buồn, vì những lẽ ấy nên mẹ phải ép lòng tính đưa con vào con đường trước.

– Bao giờ mẹ cũng thương con con biết lắm. Mẹ, con cũng không giám oán, mà chồng con, con cũng không dám trách, con chỉ oán trách có giời thôi. Bây giờ mọi việc đã lỡ rồi, có biết cũng không còn gì nữa, vậy những thơ của Bích Quang gửi về, xin mẹ trao lại giả con cho con được rõ.

– Nhưng thư tín ấy mẹ gửi đằng chú con, chứ cũng không giữ ở nhà, thôi đêm đã khuya mà con thì đau nên vào mà đi ngủ, đến sớm mai mẹ lấy sẽ giao giả lại con.

Sau khi mẹ đã bước vào phòng, đối ngọn đèn tàn, em chỉ còn ngồi mà khóc. Đời em sở dĩ cay đắng như có ngày nay, thật là tự ở mẹ em và chồng em lừa lọc.

Thôi thì những sự đã xẩy ra về trước, có muốn cứu vãn lại, cũng chẳng được nào, chi bằng bây giờ làm sao cho đến sáng mai còn gặp được nhau để tỏ bày những nỗi thương của mình từ ngày cùng nhau chia biệt.

Hôm ấy em thức đợi mãi cho đến sáng, mới tinh sương đã ra bến xe lửa tìm chàng, cảnh sân ga bây giờ vẩn còn vắng ngắt. Đi tản bộ trong sân ga chừng được nửa tiếng đồng hồ lúc ấy mới thấy lác đác vài ba chiếc xe kéo hành khách đến. Trông những bóng xe ca, lòng cảm thấy như có người cầm sợi giây thắt chặt, hết xe này đỗ lại đến xe khác, những khách trên xe bước xuống, hoặc có người giống, có người không giống, song đều không phải là chàng. Đúng năm giờ thì xe lửa bắt đầu khởi hành mà biết giờ trông lên đồng hồ nhà ga, kim đã chỉ 4 giờ 55. Các chuyến xe lửa Huế đi Đông Hà, những ngày thường, hành khách cũng không lấy gì làm đông, nhưng bữa hôm đó những người đến trưa cũng đã tất tả vội ra lấy vé.

Năm phút nữa..., rồi đến còn ba phút nữa, ruột càng thấy như bị quặn vò, những giây phút ấy thật là giây phút sau cùng của một người sắp chết còn hấp hối thở. Đến khi còn kém hai phút đầy 5 giờ, em muốn lôi cho kim đồng hồ đứng lại, ngực bấy giờ như khó thở, trái tim cũng như không đập nữa, hai mắt thấy hoa lên, mặt đất mình đứng trên, bổng như bỏ hẳn chân mình, mà cúi xuống là một quãng không vô tận. Giữa lúc như thế thì còi xe trong ga thổi rục, tiếng toa xe sôi động..., tiếng bánh xe lăn trên đường sắt..., rồi người em lạnh run lên, phải lấy tay bưng kín hai tai lại. Đầu thì

rỗng không như một cái hộp trống bên trong không đựng một vật gì, trong tai như có trăm nghìn tiếng kêu "vo", không khác một đàn ong vỡ tổ. Em vừa toan ngã thì tựa được vào cái trụ tường, rồi hai hàng nước mắt rưng rưng cũng không hiểu vì đâu mà mình khóc...

Thôi lần này thật tuyệt vọng, còn đứng đấy mà đợi chờ ai, nghĩ thế bèn rảo bước ra ngoài, lúc ấy cảnh vật đều như chạy vòng quanh mình cả.

Ra đến ngoài ga, thấy bên hè đường mấy chiếc ô tô còn đỗ, em hỏi dò tin tức thì những người giữ phần việc của hãng xe chở khách thuật lại rằng đêm hôm trước có một người thanh niên nói có việc khẩn cấp, đã thuê riêng một chiếc ô tô đáp thẳng ra Đông Hà. Cứ như hình dung ở lời thuật của bọn người kia thì người thanh niên ấy chính là Bích Quang, không còn nghi ngờ gì nữa.

Cái cuộc trùng phùng, không ngờ đến hôm nay em còn là người nằm mê trong khi say ngủ, tình xưa duyên cũ, nghĩ bao nhiêu lại ngậm ngùi bấy nhiêu...

Hợp tan trạnh nỗi nước bèo,
Giấc Nam Kha những khéo trêu cợt người,
Cuộc đời như giấc mộng dài
Tỉ vui thôi cũng là người trong mê...

8.
ĐƯỜNG VỀ HOÀNG TUYỀN

Cái bệnh ác độc kia lìa bỏ em chưa được bao hôm, nay lại tìm em mà đến. Từ hôm ấy, mỗi ngày một lần thổ huyết, mòn mỏi tháng ngày, triền miên với bệnh, có lúc muốn khóc mà không còn nước mắt, người cũng ngày càng khô héo dần đi. Mấy bức thư của Bích Quang năm trước ở Pháp gửi về, mẹ đưa cho xem, em cũng không có gan đọc hết.

Những lời hẹn ước trăm năm, những câu khuyên em nên giữ gìn vàng ngọc, lại đến những tiếng oán hờn chì triết trách em nỡ đem lòng tệ bạc, quên lời thề trước. Không có được một mảnh thơ sang, còn gửi cả trên mấy tờ giấy trắng gấp để trên đầu giường bệnh. Nét mực tuy khô nhưng còn vẽ rõ được cái cảnh đời dĩ vãng

có bao nhiêu nỗi ngậm ngùi đau đớn..., trông tiêu sơ như bức tranh cảnh cuối thu.

Hơi may hiu hắt tình thu nặng..., mặt nước khói mờ đầu non mây phủ, mưa Ngâu sắp sửa giờ tuôn lệ... đông tây ai kẻ khóc thu đây!, mà mình tỉnh say một kiếp đoạn trường, riêng đã gió vàng vật vã lòng thu tơi bời...

Em xem chừng như bệnh cũ của em trở lại lần này cũng không còn mong ngày nào lại khỏi, mắt đã thâm quầng, ruột gan càng rối, trái tim thì nóng như thiêu mà khối óc cũng bị mỏi, thật là cái triệu chứng sắp đến lúc phải lìa bỏ cõi đời.

Sợ chết đi để lụy đến người, em xin với mẹ em cho em vào nằm trong bệnh viện, nói thác rằng ở đó được yên tĩnh lại sẵn thầy thuốc, may ra còn có cơ cứu chữa được chăng.

Khốn nạn cho bông hoa đã đến lúc tàn, mấy giọt mưa sa có sức đâu mà tươi cho được...

Lần đốt tính ngày, ở trong chỗ "sầu thành" này đến hôm nay vừa tròn ba tháng, ba tháng giời đằng đẵng ở một nơi chung quanh mình toàn những người bệnh tật, làn không khí bên trong đã nặng, mà lòng mình thì thấy trống trải như một cảnh quán chợ lúc chiều hôm...

Thôi, mình chẳng chết về bệnh thì cũng chết về buồn, cảnh đời hôm nay đã sắp như lìa bỏ cả mình thì mình còn tiếc làm gì cái đời này nữa.

Giải nước Hương Giang, chan hòa biết bao giọt lệ, ngàn cây đỉnh Ngự, lá khô như héo buồng gan..., non sông kia trước mắt mình đã như vẽ ra mấy nét mực tàn, phong cảnh cố hương..., thôi! Từ đây ta xin từ biệt...

(Viết cuối thu năm Mậu Thìn)

Cuốn lệ sử này chép đến đây là hết, người nữ hữu của tôi là Lương Mai Khánh đưa tôi xem như có ý muốn cho tôi câu chuyện để viết ra một thiên tiểu thuyết ái tình.

– Sắc tài chung kiếp đoạn trường... Bạn thở dài như lo cho mình mà thương cho người trong cảnh.

Nghe xong một cung đàn ai oán, tôi không khỏi không lấy làm bồn chồn:

– Tâm sự trăm năm, nàng đã chép ra bằng nước mắt, đoạn trường một khúc, giọng tiêu tao đến thế là cùng; nhưng khóc cho thân đã chẳng phải là cách gỡ lấy thân, thì giọt nước mắt thu trước với thu này chỉ làm ngập tràn thêm "hồ lệ".

– Đời vui hay tẻ cũng do cái quan niệm riêng của từng người, nghĩ như Minh Châu, giữa dòng một cánh hoa trôi, tủi phận thương thân, bảo không khóc làm sao được. Mình chẳng nên lấy con mắt bi quan mà không đoái thương đến người quá vãng, vì trên những đường tơ đau đớn, biết đâu mình chẳng có phen lên giây lựa một cung đàn!

Nói rồi, bạn đưa tập nhật ký của Minh Châu cho xem một cuốn sách dày, chỉ có ba trang chữ viết:

Ngày 12 tháng chín,

Cuối thu năm Mậu Thìn, trên giường bệnh, nén cơn đau, viết mấy dòng này:

Tri âm bao ngả nước mây,
Trời tình man mác chất đầy tương tư.
Sông Hương năm tháng đợi chờ,
Tơ vương trăm mối, bao giờ gỡ xong.
Khóc than khôn xiết sự lòng,
Chứa chan lai láng non sông lệ tình,
Lệ kia, mình lại dắm mình
Chết đi một khối hận tình chưa tan...

(Ngày rằm tháng chín).

Cành hoa sắp héo, giọt lệ cũng khô rồi. Em cầm bút viết vào nhật ký hôm nay, trông quanh mình đã bao la một màu tử khí, biết cùng ai những ngày tháng sau này còn được có nhau nữa không?

Ngày 17 tháng chín.

Sống đã đau lòng, chết đi biết đã thoát khỏi đoạn trường hay không?

Em đến hôm nay còn vật vã trên giường bệnh, nhớ anh muốn gặp nhau trong mộng, nhưng mắt không nhắm nữa, mong gì còn thấy chiêm bao!

Anh ơi, đương lúc lá màn sinh tử buông rủ bên mình, em không khác gì một kẻ lữ hành giữa hai ngã đường, sống chết, mở mắt đây còn là sống, nhắm mắt đi đã chết rồi..., không ngờ cái phút sau cùng sắp hẹn hò em kia, mai đây sẽ là giới hạn cuộc đời đôi ta..., nghĩ đến thế mà đau lòng...

Anh than rằng: "Đời anh vì gặp em mà đeo một mối thương tâm". – Anh đã biết đâu: đời em chẳng vì gặp anh mà trăm năm tâm sự đã kết thành một khối tử tâm..., muôn mối u sầu cũng đành thôi, không gỡ được!

Bích Quang ơi em thật vì anh mà sống ở cõi đời này đã là người đứt ruột, chết về cõi khác, lại làm ma đoạn trường...

Em đau nặng lắm, một ngày ba lần thổ huyết, không chắc có qua khỏi được không, nhưng còn giây phút nào cũng gượng cầm bút, ghi lại cái tiếng vang của trái tim, nếu em chẳng may nhắm mắt đi, anh sẽ hiểu cho tấm lòng bảy tám năm giời, em không giây phút nào không nghĩ đến anh...

Anh ơi, đường tình muôn dặm mà non nước xa khơi, anh em ta dưới bóng sâm thương, hẹn hò ân ái, còn năm tháng nào gặp gỡ nhau đâu!

Bình nhật em nhớ anh, thường nương song ngắm cảnh chân trời mà nén châu reo lệ..., cũng có lúc muốn băng mình đến những nơi non xanh nước biếc ấy để đợi chờ gặp anh; nhưng anh ơi, chân trời thăm thẳm, hồ gần lại xa, em dẫu đi cho tới cùng đường cũng không bao giờ còn gặp anh được nữa!

Bút đã rời tay, viết không thành chữ.

Mảnh thư anh lúc nào cũng ở trong túi áo em – Sống cất đi..., nếu chết..., trước khi chết..., em sẽ đốt để tàn theo em.

Tam Lang VŨ ĐÌNH CHÍ – 1929

*

ĐỜI HOÀNG OANH
MỘT CÁI HẠI CỦA TIỂU THUYẾT

(tiểu thuyết)

Đã hơn hai mươi hôm nay rồi... Bây giờ vì một sự tình cờ oan nghiệt nên phải cầm ngọn bút sám hối mà viết mấy trang ký sự này. Đã hơn hai mươi hôm nay rồi... Còn sau nầy, cái tội ác của mình nó nặng thêm bao nhiêu nữa, cái lòng hối hận nó lai láng âm thầm đến bao nhiêu nữa, tự óc mình cũng không sao biết trước được...

*

Tôi năm nay đã ở niên học thứ tư. Một mình với Lê Quân ở dưới tôi một lớp được cử vào coi bệnh nhân phòng R ở nhà thương Bảo Hộ.

Một buổi sáng kia, trời đông lạnh ngắt, tôi sốt sắng vào phòng bệnh. Vừa bỏ cái áo ba đờ suy ngoài, đang bận khoác cái áo phủ trắng (blouse) vào mình, thì người khán hộ lại chào tôi, rồi nói:

– Thưa ông, mới có một người vào tối hôm qua.

– Người ta đau như thế nào, thầy có biết không?

– Bẩm ông, hình như lao thì phải. Người yếu lắm.

– Ở phòng nào?

– Phòng số 3.

– Được.

Khi đã xem lại các bệnh nhân cũ và cho thuốc đâu đấy rồi, tôi vội vào phòng số 3 để thăm bệnh cho người mới vào đó. Thoạt vào, tôi thấy một người đàn bà nằm trên giường mình phủ cái chăn bông nhiễu đỏ kín mít, chỉ hở ra một cái đầu bịt khăn vuông tùm hụp. Tôi lại gần giường, cầm lấy tờ giấy kê tên xem, thì thấy:

"Hoàng thị Oanh, 23 tuổi."

– Cô đau làm sao? Đau từ bao giờ? Bây giờ trong người thế nào?

Người thiếu phụ cố chống hai tay dậy để trả lời tôi, nhưng coi bộ mệt nhọc lắm. Tôi lấy làm ái ngại bèn bảo rằng:

– Cô yếu thế cứ nằm xuống cũng được.

Nàng thì cứ gượng ngồi, không nghe lời tôi, hình như câu nệ sự lễ phép quá. Vừa chống tay ngồi lên được thì nổi một cơn ho kiệt lực.

Tôi nhìn hồi lâu. Người tuy gầy nhưng không đến nỗi xương bọc da. Mặt tuy xanh nhưng còn đầy. Cặp môi đỏ thắm, hai mắt rất tinh thần. Mái tóc xanh mướt, tuy ốm đau mà không đến nỗi bù bịu, đã như có cái thiên tính ưa sự sạch sẽ, chải chuốt.

Nàng ngớt cơn ho, lấy khăn tay chùi nước mắt, nhìn tôi mà nói:

– Thưa thầy em đau đến hơn một năm nay. Mới đầu chỉ ho khúng khắng ho khan và sốt về đêm thôi. Ở nhà đã uống nhiều thuốc mà không thấy đỡ. Rồi cứ một ngày một gầy. Bây giờ ho cũng nặng hơn trước nhiều. Người ta bảo em có chứng lao.

Nói rồi như muốn lại ho, nhưng nàng gượng mà cầm lại được.

Xem bệnh xong cho nàng rồi, tôi bảo:

– Bệnh cô tuy thế, nhưng... không lấy gì làm lo. Khốn nạn! Cái nghề mình lắm lúc nó bó buộc mình phải nói dối. Người nầy bệnh lao đã rõ, tính mệnh người ta thế nào mình đã biết, mà còn khuyên người ta đừng lo!-Nàng nghe tôi nói thì đưa hai con mắt rất trong trẻo lên nhìn, mà hỏi:

– Thưa thầy, nếu có phải là bệnh lao xin thầy cứ cho em biết; thầy đừng giấu em, em có can đảm.

Tôi thấy bấy nhiêu tiếng, trong lòng bồi hồi, cúi đầu, gượng cười, mà đáp:

– Cô cứ yên tâm, không việc gì. Rồi cũng khỏi được...

Nàng thấy tôi cố ý không nói, thôi không hỏi nữa, chỉ cảm ơn tôi rồi nằm xuống, hai con mắt như đầy vẻ lo buồn.

Tôi ra khỏi phòng, ngồi kê các vị thuốc cho nàng uống. Vừa đặt quản bút xuống bàn, thấy một người thiếu nữ, khuôn mặt tương tự như người tôi vừa xem bệnh ở trong phòng, lại gần, chào tôi mà nói:

– Thưa ông, ông xem bệnh cho chị em. Bệnh tình ra làm sao, có thể khỏi được không ạ?

Tôi lấy làm băn khoăn quá. Cứ như cái địa vị mình và cái nghề mình, thì phải bưng tai đậy miệng lại. Cái khỏi của người ốm mình đã không chắc, đã không cho người ốm biết, còn nói với người này làm gì! Lúng túng chưa quyết trả lời thế nào, thì người thiếu nữ lại hỏi:

– Ông có lòng thương, xem bệnh cho chị em, xin ông thêm ơn cho em được biết bệnh tình của chị em một chút. Em lo lắm. Vừa nói vừa rơm rớm nước mắt, muốn khóc.

– Bệnh của cô Oanh thế nào, cô biết cũng vô ích. Miễn là cứ để cho nằm trong này ít lâu. Tĩnh dưỡng tinh thần, bồi đắp lại sức mạnh... Vả lại nữa, tôi cũng không có thể nói cho cô biết được bây giờ thế nào.

– Em vẫn biết hỏi ông như thế là trái và có lỗi lắm! Song xin ông cứ cho em biết.

Tôi thấy nàng khẩn khoản quá, và nom bộ cảm động vô cùng. Than ôi! Đứng trước một người nhi nữ có cái nỗi thương tâm như thế, ai là sắt đá mà cứ lặng im. Tôi đành không sao từ chối được. Hai mắt của người thiếu nữ như đã bắt tôi quên hết mọi điều. Tôi nói:

– Cô cố ý muốn biết, tôi cũng không giấu cô làm gì nữa. Nhưng xin cô hứa với tôi một điều sau nầy: Những điều tôi sắp nói đây, cô không nên nhắc lại cho bệnh nhân biết. Chắc cô cũng hiểu rằng: nếu cho người ốm biết cái bệnh khốn nạn này, thì chỉ làm cho người ta ốm thêm. Như thế không có bổ ích chút nào, mà còn ngăn ngừa đến cả sự lợi hại của thuốc nữa. Cô với cô Oanh, tôi chắc là chị em ruột xin phép cô bỏ quá cái lỗi thóc mách của tôi, hẳn cô muốn cho cô Oanh mau khỏi. Vậy cô phải nghe lời tôi mà giữ cho kín... cô có thể hứa với tôi được điều ấy không?

– Thưa ông, ông đã làm ơn bảo vậy, em đâu dám trái ý. Vậy xin ông cứ cho biết.

– Bệnh cô ấy chính là bệnh lao, mà lao đã nặng rồi. Bệnh lao đến như thế này,cái phần chữa lấy cho khỏi hẳn thì ít lắm, mà cũng không thể chữa là khỏi hẳn được. Bây giờ chỉ mong lấy rằng người ốm, ăn được, ngủ được, đừng tư lự gì, để lấy sức mà chống với bệnh,

như thế mới có phần đỡ được... rồi may mà khỏi được. Cần nhất là phải có đồ ăn cho bổ... Đây, những vị ăn tôi sẽ biên cho cô rõ, cô nên săn sóc lấy sự đó.

Tôi vừa nói vừa nhìn mặt nàng thì thấy đau đớn, có lúc như vuốt nước mắt mà nghe... Tôi lấy tờ giấy kê các vị thực phẩm, rồi đưa cho nàng.

Mấy hôm sau, một buổi sáng tôi vào phòng thăm bệnh cho nàng, thấy nằm ở trên giường xem sách, nom mặt có vẻ mạnh mẽ hơn hôm mới vào nhiều, tôi chưa kịp hỏi, đã cất tiếng chào tôi:

– Kính thầy, hôm nay ho và sốt em đã đỡ nhiều. Hôm qua ăn được hai lưng cơm và ngủ được một ít. Chỉ còn có mồ hôi trộm lúc khuya thôi.

Bụng tôi nghĩ rằng: Người này nếu cứ biết nghe lời mình như thế, thì có lẽ còn sống được, tôi bèn lấy lời an ủi, rồi xem lại bệnh cho nàng. Lúc đó tôi nhìn thấy cuốn sách nàng vừa đọc để ở trên mặt gối thêu; tôi cầm lấy xem, thì là cuốn Cung Oán. Tôi cười mà bảo:

– Cô xem cuốn này làm gì! Cô chỉ nên đọc những tiểu thuyết giải trí là hơn. Cuốn văn oán hận này đừng nên xem.

– Cảm ơn thầy có lời chỉ giáo. Nhưng em ưa tập văn này lắm. Nó thường là một cuốn sách đầu giường của em. Vả lại, thầy tính tiểu thuyết bây giờ xem có vị gì đâu. Trăm cuốn xuất bản không được lấy một.

Rồi lân la nàng kể cho tôi nghe rằng nàng có biết chữ Hán và thích văn nôm. Nhưng tôi thấy nàng nói nhiều có ý mệt thì tôi từ mà ra ngay. Ra rồi, ngồi ngẫm nghĩ mà thương hại nàng. Người thế mà thân thế. Lại riêng trách ông trời độc địa, nỡ mang cái ác bệnh mà đầy đọa một người hồng nhan.

*

Vài hôm nay, tôi thấy một sự rất lạ trong cách cử chỉ của nàng. Sáng nào tôi bước chân vào phòng bệnh, cũng thấy nàng đứng tựa ở cửa rồi. Mình khoác cái áo bông lụa thâm, đầu quấn cái khăn tưa đen. Mặt mày ra ý hớn hở. Một hôm tôi thấy thế, có bảo:

– Cô bây giờ tuy đã mạnh hơn trước, nhưng chớ nên coi thường mà nhọc mình như thế; nên vào giường mà nghỉ. Thì nàng chỉ mỉm cười mà vào ngay. Đó là một điều lạ thứ nhất. Còn điều này nữa tôi cũng lấy làm kỳ: Từ hôm nàng hơi mạnh, đi lại được như thường, mỗi buổi sáng tôi vào thăm, thấy cặp môi có son tô, hai má có phấn đánh. Tôi liền nghĩ thầm rằng: người này nằm đây còn làm dáng với ai mà tô điểm nữa. Song tôi lại nghĩ: Thường những người đàn bà biết tự trọng hay có tính ấy, hay lấy sự chải chuốt mà khoe khoang cái tư cách và cái nhan sắc của mình. Cái chải chuốt với cái tính làm dáng xa nhau cũng không mấy hột.

Lại còn điều thứ ba: tôi thấy ở trên đầu giường một chồng sách, vừa chữ quốc ngữ, vừa chữ Hán. Xem ra thì phần nhiều là tiểu thuyết quốc văn mới xuất bản, còn thì vài cuốn chữ nho. Nàng đang đọc giở một tập, tôi cầm lấy xem thì sách đã cũ, giấy có tờ đã nát. Chắc nàng đọc đi đọc lại đã nhiều lần. Ngoài bìa có bốn chữ đỏ: Tuyết Hồng Lệ Sử.

Tôi chưa xem cuốn văn này, vì Hán văn tôi không thông lắm. Nhưng ngày trước đã có một người bạn kể chuyện và bình cho nghe rất cẩn thận, nên cái cốt truyện thế nào tôi cũng đã rõ và còn nhớ lắm.

Hôm ấy tôi bảo nàng:

– Cô bỏ Cung Oán mà đọc cuốn này thì lại quá tội. Nàng hiểu ý, trả lời rằng:

– Thưa thầy, cuốn "Tuyết Hồng Lệ Sử" này với em có cái duyên nghiệp đã từ lâu... Giá thầy biết cái tâm sự và cái cảnh ngộ của em... Ấy nó là người bạn khuê phòng của em đó.

Khi nàng nói như thế thì nhìn tôi không chớp mắt, không khác nào một nhà trinh thám đang muốn dò xét cái tâm lý của kẻ tội nhân. Đôi mắt nàng bấy giờ sáng như hai ngôi sao, sắc như đôi mũi giáo; bao nhiêu trí khôn hình như thu cả vào đó.

Tôi nhìn nàng lấy làm nghi lắm. Bụng bảo dạ: Người này mọi khi như thế, sao mấy hôm nay như đổi hẳn đi. Mấy điều mình mới nghiệm vừa rồi với cái khóe mắt nhìn mình kia, với câu trả lời kia, có lẽ nàng cốt ý yêu cầu mình việc gì đây hẳn. Xưa nay phụ nữ họ đã mang tâm cơ mà tính một việc gì, thì người đối phó với họ thường hay dễ mắc, bấy giờ tôi hình như biết hết cái việc nàng định rồi.

Nhưng không để lộ ra nét mặt. Nhân làn khói thuốc lá tôi hút đang bốc lên ngùn ngụt, tôi lim dim mắt nhìn nàng mà nói:

– Chữ Hán cô thông như thế, hẳn cô cũng hiểu rằng: người ta lúc sầu mà lại bắt mình ngồi vào trong cảnh sầu, thì hại cho mình là thế nào, mà cô lại là người có bệnh.

Nói đến đây, tôi vội dừng lại, cặp mắt thu ba lóng la lóng lánh đã làm cho tôi mê mẩn tâm thần, nên lời nói với ý tưởng đã như không muốn liên tiếp nhau nữa, tôi phải dừng lại.

Lúc ấy nàng chỉ dương đôi lông mày và sẽ nhếch miệng cười mà đáp:

– Em vẫn biết vậy, song... muốn vui hồ dễ được nào?

Mấy tiếng sau cùng đó ngọt ngào như mật, nhọn như kim, êm ái như tiếng đàn, thấm thía mà ai hoài, làm cho tôi nghe mà chuyển động cả tinh thần và hình thể. Thôi nàng muốn khơi mào để dò xét lòng tôi đây. Lúc ấy tôi như sợ hãi, không biết xử trí làm sao, nên vội từ nàng mà đi ra. Nhưng tay vừa để vào cánh cửa thì nàng gọi tôi lại mà hỏi:

– Em thấy các thầy ở buồng khác ngày ngày thường có phiên gác. Sao từ hôm em vào đến giờ, chưa thấy phiên thầy. Em chỉ mong hôm nào thầy rỗi để em thưa nhỏ với thầy một câu chuyện... không biết như thế có phiền thầy không?

Tôi càng bồn chồn, lưỡng lự mà đáp:

– Có nhẽ ba hôm nữa mới đến phiên tôi. Vâng, cô đã chiếu cố hỏi đến, tôi xin liệu tìm chút thời giờ rỗi để tiếp chuyện cô.

Rồi tôi ra ngay, người như hoảng hốt. Mấy lời vừa hứa, toan muốn xóa đi, nhưng xóa sao được nữa.

Ngày hôm đó tôi lấy làm phân vân nghĩ ngợi suốt ngày:

"Quái! Người đàn bà này bệnh như thế, sao còn vô duyên mà mang lại cái ưu tư vào mình? Mà làm sao cách cử chỉ mấy hôm nay đổi hẳn, hay thấy cái đầm ấm nó trở lại trong mình bấy lâu đau khổ, mà nhớ nhung, mà hồi tưởng đến cái buổi tinh thần mạnh mẽ, mà tiếc mà thèm, mà muốn vồ vập để bắt nó trở lại với mình? Đàn bà lúc cầm gương soi, thấy mình mặt xanh vì bệnh, má lún vì duyên, ai là người không tiếc cái thời kỳ như trăng tròn, như hoa thắm,

người này vì thế mà trang điểm chăng? Hay vì thấy mình tiều tụy, sợ rằng chướng mắt người ngoài, mà trang điểm để giữ cho hoàn toàn cái tư cách và cái phẩm giá mình chăng?"– Lại nhớ đến mấy câu nàng vừa nói ban sớm, lại nhớ đến cái vẻ mắt, vành môi, tôi lại nghĩ rằng: Người này cũng là giống đa tình!...

Một câu nói cũng có thể cho mình đoán ra được hết: "Mua vui hồ dễ được nào". Câu đó hình như chan chứa một tấm lòng oán hận. Nhưng tuy oán hận mà còn biết bao nhiêu hy vọng trong lòng. Lại nhớ đến câu hỏi sau cùng của nàng để tìm chút thì giờ mà cho mình nghe câu chuyện nhỏ, thì lòng tôi lại bồi hồi. Câu chuyện nàng muốn cho mình nghe đó có lẽ là cái dây nó sắp buộc lấy mình. Hẳn rằng giận duyên, tủi phận, vì tình đã tan nát lòng xuân, mà bây giờ muốn thâu thập lại mảnh hoa tàn, mơ hồ đúc lại chữ tình ngày trước...

Ấy, cả ngày hôm ấy tôi cứ lông bông trong mấy điều nghĩ ngợi đó mãi, nhưng rồi tự hối ngay rằng: Người ta thường có kẻ tuy diện mạo, cử chỉ không được đứng đắn, mà lòng bao giờ cũng ngay. Mình bàn tính, đò xét người ta làm gì. Mình chỉ được là kẻ chữa bệnh cho người, mà không có quyền xét đoán tâm tình ai cả.

Nghĩ thế rồi tôi cũng bỏ qua, không bận lòng đến nữa.

*

Ba hôm sau, đến phiên tôi gác. Mấy câu hứa hôm nọ cũng quên bẵng đi mất. Tối đến, tôi vừa ăn cơm xong, thấy người nữ khán hộ coi đêm ở buồng ấy ra, mời tôi vào xem bệnh cho nàng, vì nàng nói lại sốt và ho hơn lên. Bấy giờ mới sực nhớ đến lời hứa hôm nọ. Tôi vội vàng chạy vào, nhưng trong bụng hoài nghi lắm.

Đến nơi tôi hỏi nàng ngay:

– Cô lại sốt và ho nhiều ư?

Nàng cứ nằm im, không hề đáp lại nửa lời, mà hai mắt nhìn tôi như có ý giận. Tôi xem nhiệt kế thấy sốt lên đến 39 độ rưỡi. Bấy giờ bao nhiêu sự tôi đã đoán mấy hôm trước hình như lại có chứng cớ thêm. Cái bộ giận dữ này tất có nguyên do: tôi hứa mà không lại, đến nỗi nàng phải cho người mời đến, đó là một cớ, hai nữa sốt tăng lên như thế là vì quá nghĩ chất huyên náo, nên suy nhược đến sức mạnh. Vi trùng trong người nhờ đấy mà hăng lên. Thôi! Người

này đã muốn đem sợi dây vô tình mà buộc vào mình rồi đây, không còn hồ nghi gì nữa. Nghĩ vậy, tôi cũng cứ điềm nhiên mà hỏi:

– Cô mệt lắm hay sao?

Nói thế rồi tôi cũng đứng sững ra, không biết tiếp thêm câu gì nữa.

Hồi lâu mới thấy nàng lên tiếng:

– Em bắt đầu lại sốt mạnh từ buổi chiều, chờ thầy vào để xin thuốc uống. Đợi lâu quá, sợ thầy quên không đến, em phải nhờ cô khán hộ ra mời.

Tôi cười và tạ lỗi:

– Tôi công việc nhiều lắm, hôm nọ có hứa với cô mà quên hẳn đi mất... Sao không cho gọi tôi ngay từ lúc chiều?

– Sao thầy dễ quên thế! Thầy có biết hai hôm nay, thầy không vào thăm bệnh cho tôi không?

Mấy lời sau đó làm cho tôi giật mình thảng thốt. Thôi người này muốn buộc lấy mình thật. Câu trách móc có vẻ nũng nịu và ý tứ ấy chẳng là cái cớ hiển nhiên đó ư. Chỉ trong mấy khắc đồng hồ mà ở óc tôi tự nhiên đã nẩy ra cái cảm giác khinh rẻ người ấy vô cùng. Tôi muốn hất hủi ngay và cho nàng một bài học tốt. Nhưng khốn nạn thay cho cái tính mình, không bao giờ là có chút cương nghị, nhu nhược mà nhất là ở trước bọn phụ nữ. Ấy, trong bụng bấy giờ như lửa, mà nét mặt phải cố cho được tự nhiên.

Không lẽ đối với một người đàn bà ốm o khổ sở như thế mà nhẫn tâm làm cho người ta phải thêm cái đau đớn tinh thần vào cái đau đớn xác thịt nữa sao. Mình hằng khuyên người ta đừng nên lo nghĩ, đừng nên âu sầu, mà lại làm cho người ta phải hổ thẹn phải xấu xa, khác nào đưa cho bệnh nhân một vị thuốc độc. Tôi suy tính như thế rồi chỉ gượng cười mà bảo:

– Mấy hôm tôi không vào thăm cô, có phải là tôi quên đâu. Tôi không quên, chỉ tại thấy cô đã hơi mạnh, và tôi thì bận việc nhiều.

Mấy hôm tôi không vào tôi đã nhờ ông Lê T... vào thay tôi rồi, như thế tưởng cũng là đủ...

Bấy giờ nàng lấy hai con mắt rất sâu sắc, mà nhìn tôi, như đó lời nói của tôi xem nó có phải ở tâm tôi mà ra không. Nhìn xong

có vẻ tin, nhưng vẫn chưa nguôi ý giận. Sau cùng nàng mời tôi ngồi xuống chiếc ghế ở bên cạnh. Tôi ngồi mà không nói được câu nào, như người phải tội ngồi nghe tuyên án mình vậy. Nàng cứ nhìn tôi rồi lại cúi xuống, chừng như đợi tôi nói trước, mấy lần có ý muốn nói mà lại dụt dè, nhưng thấy tôi cũng ngồi lặng, sợ cái tịch mịch sượng sùng ấy nó thêm dài nữa ra chăng, thì nàng vội thỏ thẻ:

– Hôm nọ em có ngỏ lời muốn đem câu chuyện tâm sự nói để thầy nghe. Hôm nay thầy đã chiếu cố đến... Nhưng nói ra em thẹn lắm, không biết rằng có vui ý thầy không?

Cả người tôi, lúc bấy giờ chỉ có cái tai để nghe, cái mồm để nói, còn tinh thần, tâm sự như đã chết lạnh cả vì mấy câu nói của nàng hồi nẫy. Cho nên chỉ nhách môi:

– Cô cứ nói, xin đừng ngại...

– ... Thầy khuyên em đừng nên đọc cuốn Tuyết Hồng Lệ Sử, hẳn thầy cũng có xem qua.

– ... Tôi chưa xem đến, nhưng được người anh em kể cho nghe cũng rành rọt...

– Vâng, thế hôm nay em xin hầu thầy về câu chuyện Tuyết Hồng.

Lời nói mềm mỏng, đắn đo, dịu dàng và chững chạc lắm. Tôi lấy làm buồn cười mà bảo mình rằng: Chị ả này nhiêu khê thật, muốn nói tâm sự thì cứ nói, còn giáo đầu làm gì?

Nàng trầm ngâm một lát, như muốn cân nhắc rồi mới nói. Vành môi lúc cười lúc lặng, chuyển động luôn.

Trong truyện ấy, thầy hẳn biết cái tâm sự của Lê Ảnh. Lê Ảnh mang một tấm lòng góa bụa buộc lấy một người tài hoa. Mỗi một đoạn là một tiếng khóc, mỗi một hồi là một trận đau, vì sao mà em mến cuốn tiểu thuyết đó? Em đọc đi đọc lại có đến mười lần, mà càng đọc lại càng thấm thía. Vì sao mà như thế. Khốn nạn! Giá thầy biết được hết cái tâm sự của em... Em đây cũng có thể tự mình xứng với người trong truyện được. Đời em với đời Lê Ảnh cũng không xa nhau là mấy. Nhưng nghĩ em còn xấu số và ít hạnh phúc hơn người ấy nhiều. Đôi phen nghĩ thế mà xót thầm, cái sướng kém người đã là khổ, mà đến cái khổ cũng không bằng người thì chua xót siết

bao... Nói đến đây, nàng nhìn tôi hồi lâu không chuyển mắt. Tôi thì cứ khoanh tay ngồi đó mà nghe. Quái lạ, bao nhiêu cái nộ khí trước đi đâu mất cả, chỉ còn cái lòng tò mò ở lại với mình. Tôi nghĩ rằng: Ừ, người này muốn giữ lấy chữ tình mà thử lòng ta. Cũng hơi phiền thật, nhưng mình đã không có lòng hất hủi, thì thử nghe câu chuyện xem nó đến đâu. Mình không để cho tà tâm nó xui mình là được rồi. Vả lại, người này ăn nói cũng có ý vị lắm. Nhân đây ta lại được lãi một buổi khảo xét về tâm lý đàn bà chớ thiệt gì, nàng thấy tôi cứ điềm nhiên như vậy thì cứ nói:

– Em kể dài giòng thế này, chắc rườm tai thầy lắm, nhưng em biết rằng thầy sẵn có tấm lòng quảng đại mà tha thứ cho em, nên em cũng không nề... Thầy ôi! Thật nhiều phen em chua xót can trường, chỉ muốn tìm trong thiên hạ lấy một người để vì em mà thương hộ, dù không được sướng nữa, nhưng được cái đau lòng có người chia sẻ, thế là lòng em được thỏa lắm rồi. Trần ai tri kỷ khó kiếm lắm thay, mặt nước cánh bèo, thương cho phận bạc. Nói đến đây em hổ thẹn vô cùng.

Nàng lại nghỉ, ho khan vài tiếng, rồi lại nhìn tôi, con mắt hình như đi đến gan phổi tôi vậy. Thốt nhiên như có cái ma lực gì nó bắt môi tôi phải động đậy, mà thành câu nói. Nhưng than ôi! Nói rồi mới biết rằng vô ý, một lời đã nói còn toan vớt lại được đâu.

– Cô đã không ngại, đem cái thân bệnh mà phó thác cho tôi, thì bổn phận tôi còn phải chữa đến cả tâm bệnh cô nữa. Cô chớ ngại. Cô cứ nói may ra có thể có ích cho cô được việc gì chăng?

Tôi nói thế thì nàng cúi đầu xuống mà mỉm cười. Nét mặt phản chiếu ra bao nhiêu vẻ vui mừng sung sướng, như muốn át cả thanh quang của ngọn đèn điện khí ở trên trần.

Bỗng nhiên như thế, rồi đang ngồi nàng bỗng vật mình xuống mà mê đi. Tôi giật mình vội cầm tay xem đến mạch, thấy tay giá như đồng, mà mạch nhỏ như sợi tóc. Cả cái máu nóng ở chung quanh người nàng đã như biến đi đâu cả. Tôi kêu người khán hộ lấy thuốc vào, tôi cho nàng ngửi, rồi tiêm cho nàng. Một chốc cái nhiệt độ trong người lại lại, nhưng nàng vẫn nằm lặng trên giường. Tôi thương tình, xê ghế lại cạnh giường, ngồi nhìn đợi cái tinh thần của người ốm trở lại, cũng không biết bên mình còn có ai nữa không.

Thật lúc ấy tôi mới được nhìn rõ mặt nàng. Mặt tuy xanh mà còn đẫy. Thân vừa phải, nhưng vóc người không biết thì cũng là cao. Trên hai mái tóc đen nhánh, dưới một cập lông mày thanh thanh mà cong cong. Cái đôi lông mày ấy tuy nhỏ mà không có gọt sửa gì, đuôi dài lắm, uốn xuống đến gần thái dương, ra ngoài đuôi con mắt. Đàn bà phương Đông ta có cập lông mày như thế thật hiếm lắm. Dưới lông mày hai con mắt hơi sâu, nhưng mi mắt đầy và to, như một quả bàng chín vậy. Sống mũi hơi cao. Hai má thon thon coi tuyệt nhã. Cằm dài, môi sắc như một nét vẽ thiên nhiên. Thật cả một khuôn mặt không có chỗ nào thô, duy đến cái mũi, tôi nhìn kỹ mới biết là cái tật quái gỡ của người này. Mũi nàng thì đẹp thật đấy, nhưng hai cánh mũi lại hẹp quá, hình như ai đã cầm kéo oan nghiệt cắt thêm hai nhát mà làm cho bé hẳn lại, tôi thường nhật hay thích xem tướng đàn bà, mà tôi thường nghiệm rằng, ai có cái mũi như thế là một người vất vả. Thật là một điểm thương tâm của người này. Rõ không khác gì một vết đen ở hòn ngọc trắng, một nốt cháy ở miếng gấm hoa, một cái cánh sâu trên bông hải đường đương nở.

Tôi còn đang ngắm nghía và nghĩ ngợi triền miên như thế thời có người đẩy cửa thật mạnh chạy sấn vào buồng, tôi giật mình đứng dậy. Thì ra người em gái nàng. Hẳn chừng lúc cô em vào để ngủ đêm với chị, nghe thấy ai nói bệnh chị như thế, nên hoảng hốt mà chạy vào. Người thiếu nữ nhìn tôi như cái chớp, rồi chạy lại gần giường ôm lấy người nằm đó mà thổn thức khóc, tôi vội đỡ dậy, bảo nàng rằng:

– Cô ấy đương ngủ, cô nên để yên.

– Thưa ông, chị em còn sống ư?

– Có việc gì đâu, cô đừng làm như thế.

Nàng vẫn như ngơ ngác, nhìn tôi rồi lại nhìn người ốm, muốn chừng không tin lời tôi.

– Thưa ông, các bà ấy ở ngoài kia (những người ốm khác) nói rằng chị em đã tắt hơi từ lâu rồi. Chị em ngủ thật đấy ư ông? Chị ôi, chị tỉnh chưa? Chị...

– Tôi đã bảo cô đừng nên kêu gọi, đừng nên làm xôn xao lên như thế mà! Nên để cho cô ấy nghỉ.

Tôi nói có ý gắt. Nàng không hỏi nữa, chỉ ngồi xuống cạnh giường mà nom người ốm.

Lúc đó bệnh nhân tỉnh dậy, mở mắt nhìn quanh khắp buồng. Nhìn thấy em nàng, nàng sẽ gọi:

– Hồng! Em đã vào đấy ư... rồi nhìn tôi mà nói:

– Cánh tay em đau lắm.

Tôi chưa kịp đáp thì người khán hộ đứng đấy đã trả lời:

– Ông vừa tiêm thuốc vào cánh tay cho cô tỉnh dậy đấy mà.

Nàng lại kêu đau, rồi nhắm mắt nằm im lặng.

Trong buồng bấy giờ ngoài chị em nàng chỉ có tôi. Tôi sẽ bảo cô em:

– Cô ngồi đây, đừng nên làm náo động, nên để cho cô ấy ngủ, người còn mệt lắm. Tôi phải ra. Nếu có gì cô cứ cho người ra phòng gác gọi.

Tôi vừa toan đi ra thì cô em nắm lấy áo tôi:

– Ông làm ơn ở lại với chị em đây một chút. Em ở một mình em sợ lắm...

Nói thế rồi kéo ghế cho tôi ngồi. Tôi không thể chối được, một là vì nể, hai là vì lương tâm mình, mà nói cho biết thì lại là vì cái tính nhu nhược của tôi. Tôi ngồi xuống, cô em cũng ngồi yên không thấy nói câu gì. Trong buồng yên lặng như tờ, hình như một cái phòng không có người ở. Thỉnh thoảng chỉ thấy tiếng thở dài của cô em; trong lòng nàng hình như bồn chồn nóng nẩy; chốc chốc lại ghé mặt vào tận má người ốm, rồi lại ngửng đầu nhìn tôi, có ý muốn hỏi, mà lại sợ. Cái giường vô tri vô giác kia cũng theo sự băn khoăn của cô em mà nhỏ to sột sạt. Người ốm ở trên giường như cũng bị cái sức lay động của chỗ mình nằm thỉnh thoảng hình như muốn cựa. Tôi thì với một cuốn sách ở trên đầu giường bệnh nhân mà đọc. Có lúc đọc suốt mấy trang, mà không biết là mình đọc cái gì, cũng không biết rằng sách đó là sách gì nữa. Chợt nghe thấy chuông đồng hồ nhà thờ đánh mười một tiếng, mới biết rằng mình ngồi đấy đã lâu. Tôi đứng dậy, bảo cô em rằng:

– Cô cứ ngồi mãi thế được ư? Nên đi nghỉ kẻo mệt. Cô có sợ, tôi bảo người nữ khán hộ vào đây ngồi với cô.

Vừa nói, tôi vừa toan bước chân đi, thì nàng đã bỏ chân xuống đất, níu lấy áo mà giữ tôi lại.

– Em không mệt. Chị em còn chưa tỉnh hẳn, em nhắm mắt thế nào được. Em muốn ông ngồi đây, vì có ông hình như em chắc chắn hơn ở người khác.

Lúc nàng nói thế hẳn nàng quên rằng tôi mệt mà tôi còn công việc ngày mai. Song trông thấy vẻ nàng lo lắng, nghe thấy lời nàng chân thực, thì cái mệt của tôi nó như đã có chân có cánh mà chạy mà bay đi đâu hết. Tôi lại ngồi xuống, lấy điếu thuốc lá cuối cùng ở trong túi ra mà hút. Cái vẻ trầm tĩnh như tăng thêm lên. Trong phòng lặng lẽ. Ngoài thì chỉ thấy tiếng cây gió chạy, lá thu xào xạc trên mặt đất sỏi, cùng những tiếng kêu tiếng hát, tiếng khóc, tiếng cười của mấy đứa điên ở trái nhà bên cạnh. Thuốc lá tàn, khói tỏa như u ám cả một gian buồng; cái khói man mác ấy, nhường như lẫn với cái buồn ở trong đầu tôi mà thấm thía đến tận góc tường trắng bạch. Có lúc cũng muốn nói một vài câu chuyện với cô em ngồi đó cho đỡ cay mắt, song nghĩ cũng không có chuyện gì.

Lại còn sợ động đến giấc ngủ của người ốm. Rồi lại nhìn đến người ở trên giường, nhìn rồi nghĩ ngay rằng: Người này làm sao thốt nhiên mê đi như thế? Hẳn vì một mối bí mật ở trong tâm giới chăng. Chắc vì sự cảm xúc gì mạnh nó xui nên như thế. Nỗi uất ức trong lòng nó đã là cái cơm thường của bản thân người này rồi, chắc không phải vì uất ức mà thế. Hay vì một sự hoan hỉ gì, thình lình xuất hiện ra ở trong óc làm cho quá cảm mà động đến trái tim chăng? Thường người ta trong lúc xúc động đến cực độ, thì máu về hẳn cả quả tim mà dễ ngất đi như thế. Mà đối với người ốm, cái sức huyền bí ấy lại càng dễ lắm. Tôi nghĩ mãi trong bụng thiên về lý đó. Xưa nay những người đa cảm hay có cái tật ấy, mà nhất là khi cái mối cảm ấy không tiết ra được. Uất bực quá hoặc thốt nhiên vui sướng quá, thường hay ngất đi. Tôi nhớ đến mấy câu chuyện của nàng vừa rồi, tôi cho rằng: Người này vì một chữ tình, muốn cùng mình xung đột, mà bấy lâu đó xét lòng mình vẫn thấy nó lãnh đạm, đến bây giờ có điều trúng ý, coi cái công cuộc trong bụng như một sự đại thắng, rồi cảm xúc quá mà ngất đi. Câu nói: "Bổn phận tôi là phải chữa đến cả tâm bệnh cô nữa... may tôi có ích cho cô được việc gì chăng...", hẳn là cái cớ cho nàng nghĩ đến cuộc thăng

đó. Tôi nghĩ vậy lại cười thầm: Nếu người này lại thiếu ý mà suy đến điều ấy thì lầm lắm. Câu tôi nói đó là muốn cho nàng biết rằng bệnh nàng ở xác thịt tuy nặng, mà ở tâm hồn cũng chẳng kém gì; phải tu bổ lấy sức óc, bỏ hết điều lo nghĩ ưu phiền, để giúp cho sức mạnh mới được. Chớ nào câu ấy có nghĩa bóng bẩy chi đâu. Thiệt là ở tấm chân tâm tôi mà ra. Nàng trông bóng đoán người, khỏi sao không lầm được. Càng nghĩ càng buồn cười cho cái nông nỗi của bạn nhi nữ, lại càng hối hận câu nói của mình.

Sau tôi thốt nhiên lại có một sự nghi nữa ở trong lòng. Nàng ngất hẳn đi như thế. Lúc em nàng vào, nàng đã tỉnh hẳn dậy, mà sao lại ngủ im ngay đi được? Mà sao ngủ như thế, còn như muốn cựa cậy luôn? Hẳn muốn mượn giấc nồng giả dối kia mà dò xét bụng mình, để xem cách mình cử chỉ với em nàng ra làm sao hẳn? Nếu người này lại có tính ghen nghi đến như thế nữa thì quá lắm. Khen cho nàng đã thuộc tâm tính đàn ông. Hẳn nàng cũng coi tôi như người khác, mà muốn có chứng cớ hiển nhiên để giải cho điều nghi của nàng chăng? Nhưng đến cái tình thì tôi được cái tư cách không như người khác. Phòng không với khách má hồng, ai là không có chút lòng ham muốn. Nhưng tôi lúc đó tuyệt nhiên là không nghĩ đến. Có phải là thần thánh gì đâu, lại cũng là vì lương tâm đối với người ốm đó thôi.

Nghĩ thế rồi tôi ngửng đầu lên nhìn người em nàng.

Thình lình bốn mắt gặp nhau, làm cho nàng ngượng mà cúi xuống. Tôi bấy giờ mới nhìn rõ cái dung nhan cô em. Khổ mặt, hình dung giống chị như đổ khuôn, nhưng đến cái mũi thì khác hẳn. Mũi thanh tú lắm, không có cái thâm tật như người chị. Mặt nàng được một vẻ khác chị là vui nhiều. Trên cái khuôn hoa đang có vẻ buồn rầu về cảnh ngộ, mà vẫn biểu lộ ra một tâm hồn sáng sủa như băng, như ngọc; so với người chị, thì nàng hẳn hạnh phúc nhiều hơn.

Đương khi tôi lấy sự so sánh cái tâm lý của hai người làm điều giải muộn như thế, thấy có tiếng guốc ở ngoài đi vào. Cửa buồng vừa mở, người nữ khán hộ lại gần tôi vừa nhìn xung quanh, như có ý tò mò xem cách cử chỉ của mấy người trong buồng – vừa nói:

– Thưa ông, có người mời ông sang phòng P... xem cho người đang đau bụng nặng.

Lúc đó chuông nhà thờ vừa đánh xong mười hai tiếng, tôi đứng dậy, cô em có vẻ lo. Tôi bảo người nữ khán hộ vừa vào rằng:

– Chị ở đây với cô ấy, tôi đi chốc rồi trở lại.

Đêm hôm đó tôi thức đến bốn giờ sáng. Người đau bụng quằn quại vừa gọi tôi, vì thủng dạ dày, sưng màng ruột, nên phải kíp mời quan y chánh đến mổ ngay. Mổ xong thì trời vừa muốn sáng, tôi cũng không trở lại phòng người ốm nữa, về buồng gác trùm chăn ngủ, người mệt như giần.

*

Sáng hôm sau lúc tôi đi vào buồng, lúc đó độ tám chín giờ thấy cô em lững thững chống ô đi ra. Nàng gặp tôi ở giữa lối đi, nom màng có vẻ mệt, song hớn hở lắm, tôi vội hỏi:

– Thế nào! Hôm qua cô Oanh bao giờ mới dậy? Bây giờ cô còn làm sao không?

– Thưa ông, hôm qua ông vừa ra khỏi thì chị em thức ngay. Chị em tỉnh lắm, nói chuyện mãi với em đến ba giờ sáng, chị em có bảo em ra tìm ông kể cho ông biết và cảm ơn ông.

Tôi đáp lễ, đi vào.

Vào buồng, hình như thấy có vẻ đầm ấm chớ không rầu rĩ như mọi ngày. Lê Quân đã thay tôi buổi sáng ở trong buồng, tôi vào cũng không có việc gì làm nữa, khi tôi đến phòng số ba, thì cửa đã mở, thấy nàng đã ngồi dậy, đang ăn sữa với bích quy (biscuit). Tôi toan ra thì nàng gọi lại:

– Mời thầy cứ vào. Đêm qua em làm bận thầy quá! Công cải tử hoàn sinh ấy biết sao trả ơn thầy được. Em thức dậy, em em nó nói, mới biết rằng thầy đã vì em mà thức gần một giờ khuya...

– Cô đừng nên lấy điều ấy làm ơn. Bổn phận tôi phải như thế.

– Mời thầy ngồi, (nàng chỉ cái ghế ở bên cạnh bàn) Hôm qua toan nói chuyện hầu thầy, thốt nhiên mê man đi như thế, thành ra chưa nói được câu gì...

Đến đây nàng thấy tôi có ý nhìn ra cửa buồng thì cười mà tiếp:

– Thầy bận việc thì em để hôm khác nói cũng được.

Câu nói thì thế mà miệng cười với vẻ mắt lại có ý bảo : "Em muốn cho thầy nghe câu chuyện ấy bây giờ". Tôi hiểu, và không muốn phật ý nàng:

– Không, tôi ra ngoài một lát rồi vào ngay. Cô ăn hết chỗ sữa ấy đi đã...

Nói rồi tôi ra.

Lần sau tôi vào, thấy nàng còn ngồi, trông mặt như có vẻ đợi. Nàng chờ tôi ngồi xuống rồi, sẽ lấy giọng mềm mại kể cho tôi nghe cái tiểu sử của nàng. Những lời nói thanh thoát là hay. Tôi nhớ không được hết nhưng còn chép được đại khái.

– " Em sinh ra đã lỗi thời, em sống lại vô duyên nữa. Thầy em khi mới ra tri huyện hạt H.B. thì sinh ra em. Ba năm sau, mẹ em sinh ra đứa em em đó rồi từ trần. Hơn hai mươi năm trời em sướng có, khổ có.

Lúc em lên năm tuổi, thầy em thấy em có thiên tư tốt, ngày ngày thường dạy em học chữ Hán. Em biết được một đôi chữ nho cũng là công của thầy em dạy cả, ngày qua tháng lại, mười tám cái xuân xanh đã đứng sững ở trên đầu. Bấy giờ thầy em đã ngồi ở phủ K...X... Vì tấm lòng thương tiếc cái linh hồn trong sạch của mẹ em, nên cũng không tìm người kế thất. Công việc trong nhà một tay em sốc vác. Tuy liễu bồ thơ dại mà nửa gánh giang sơn. Tiếng rằng không phải đầu tắt mặt tối, dầm sương dãi nắng gì, song việc nhà săn sóc, sớm tối chăm nom, thành ra cái vẻ đẫy đà lúc bé của em, cũng vì đấy mà hao mòn chút đỉnh. Em em thì tuy đã mười lăm mười sáu tuổi mà vẫn như đứa trẻ thơ cả ngày chỉ nô đùa nghịch ngợm, chớ không như lúc em bằng ngần ấy tuổi. Thầy em thấy em vất vả, có lòng thương. Một hôm bảo em rằng: " Con bây giờ đã lớn, không thể cứ như thế mãi được. Con gái đến tuổi phải đi lấy chồng, mà công việc của nhà thì không phó thác cho em con được. Mà rồi nó cũng phải về nhà người ta. Vậy thầy tính tìm một kế mẫu cho các con, để gánh đỡ việc nhà. Con nghĩ thế nào?" Em phân vân hồi lâu rồi đáp: "Con mới mười tám tuổi đầu, việc chồng con chưa lấy gì làm muộn. Con thì muốn quên việc ấy, ở nhà hầu hạ thầy... nhưng ý thầy đã định, con không dám khuyên ngăn.

Con mất mẹ con từ lúc nhỏ, nếu lại được người dì lành để âu yếm thì còn gì sung sướng bằng nữa."

Ba tháng sau chúng em đã có người mẹ kế. Người này tông tích thế nào, lúc về em cũng không được rõ. Nhưng mập mạp mà còn trẻ lắm, chỉ hơn em độ sáu bảy tuổi thôi. Mới về đã thấy trang điểm như người thành thị. Thế nhưng em đem lòng yêu mến ngay. Mà dì em cũng có lòng quý và thương em lắm. Dì em người tuy đẫy đà thế, mà nhanh nhẹn, tuy hay trang điểm mà chăm làm. Một hôm trong lúc chuyện trò âu yếm, mới cho chúng em biết rằng: "Này các cô, dì tuy là nhà trò thật – bấy giờ em mới rõ – nhưng các cô đừng nên lấy thế làm khinh dì. Các cô có lòng yêu, dì cảm tấm lòng các cô lắm. Mà thật, những người lưu lạc giang hồ như thế, chỉ nên lấy làm thương mà đừng nên lấy làm ghét. Đàn bà như cánh hoa, như hạt mưa, cái trôi nổi lênh đênh, ai là có muốn, nhưng duyên số lọc lừa, biết đâu mà định. Cái tiếng Bình khang vẫn là xấu lắm, nhưng chỗ Bình khang thật là chỗ để cho người không may lỡ bước mà vào trú ngụ mà luyện lấy một đoạn đời nữa, cho may mắn hơn. Cái xấu là ở người vụng tu đó mà thôi. Dì nấn ná đấy là cốt tìm lấy cái cảnh lương thiện như bây giờ, như thế cũng là đau lòng lắm lắm". Rồi dì em kể cho em nghe, tại làm sao mà dì em gặp bước phong trần, làm sao mà lại được như lúc bây giờ. Một lời nói em càng thương, em càng kính. Nào lúc vận nhà suy biến, quân bợm giỗ đi, nào lúc lớn lên trong vòng ca xướng, nào lúc cánh đào trôi nổi trên ngọn sóng bạc tình, nào lúc uất ức thói đời, quyết gan tỉnh ngộ. Lại còn cho em nghe đến cả cái căn nguyên vì đâu mà dì em cùng thầy em quyến luyến". Sau rồi em mới hiểu cái sức mạnh của thiên tính, nó vẫn là cái cốt ở đời người ta, ai đã có thiên tính tốt lành, thường suốt đời không đi lạc lối. Dì em thiệp lắm, phong trần như thế mà ai không thiệp, lời ăn tiếng nói, cân nhắc nặng nhẹ mà có vẻ ôn từ. Cả nhà ai cũng đem lòng mến. Thầy em như được một bảo vật, em cũng nhờ dì em mới được đôi chút lịch thiệp con con.

"Năm năm sau em đi lấy chồng. Em vào làm dâu thứ hai con quan án B... Cái thời kỳ làm dâu, thật là khổ sở. Chồng em thì đi học, một năm ở nhà được ba bốn tháng, thành thử gần suốt quanh năm, một gối một chăn, âm thầm với bóng. Nhưng đó có phải là cái khổ lắm cho em đâu. Mẹ chồng em là người ác nghiệt, mà chị chồng

em thì oái oăm, sát sói, thấy em sắc sảo mang bụng ghét ghen. Vì thế mà suốt ngày tiếng bấc tiếng chì, ỉ eo rầm rĩ, em thường làm cái bung xung cho gần khắp cả nhà. Ông thân sinh ra chồng em, thì nhu nhược nhút nhát, vợ bảo ngược rằng ngược, bảo xuôi rằng xuôi, run ráy như đứa tù tội. Có lúc thấy em bị hành hạ quá, cũng thương, nhưng động lên tiếng can ngăn, thì lại bị nữ quyền lấn áp, chỉ hậm hực mà thở dài. Chồng em thì tuy thương em đấy, nhưng có đâu ở nhà mà biết cái nông nỗi ấy cho em.

"Khốn khổ, điêu đứng như thế hơn một năm trời, chồng em vừa độ về nghỉ hè. Lòng riêng mừng rỡ, đã tưởng chồng về ắt hẳn biết tình cho, may mà có cơ sửa đổi được cái nông nỗi cay đắng cho mình. Nhưng cái oan nghiệp còn nặng. Chồng em về đã chẳng mang được cho em cái gì là hoan hỉ, lại còn đeo thêm cái bệnh mà hành hạ em. Cũng chỉ vì trong khi lưu học ở Hà Nội, đua anh em chúng bạn mà quá chơi, quá chơi mà lao lực, nên vướng vào cái bệnh tầy đình. Người xưa kia béo tốt, bây giờ trông chỉ còn xương. Đêm ngày ho, nhổ. Em thì trông nom, nâng giấc, mà vẫn không thoát khỏi cái hành hạ thường ngày. Chồng em cũng biết, nhưng không có lẽ vì em mà hờn mẹ, có lúc chỉ ứa nước mắt mà thở dài.

Nói đến đây nàng thổn thức, nước mắt rơi xuống hai má, tôi cũng dơm dớm muốn khóc, như đã lây theo mối ai cảm của nàng.

"Những lúc đêm về canh vắng, thường được nghe chồng em than thở cái nỗi khổ của em, khuyên dỗ cái lòng đau đớn của em. Cái tình vợ chồng lúc đó nó xúc cảm, thì bao nhiêu cái khổ, cái não em đã vội như quên đi hết cả. Em chỉ ôm lấy chồng em mà khóc thầm, để cảm tấm lòng quý hóa ấy. Em còn nhớ cái đêm cuối cùng kia, khi bệnh tình chồng em đã quá, gọi em lại gần đau đớn, mà bảo em rằng: "Tôi vô phúc mà phải chứng lao, biết là hối lắm, nhưng đến thế này cũng không sao được. Đời tôi, tôi không thương, mà tôi cũng không thương ai nữa. Chỉ riêng thương mợ đã khổ vì tôi. Cảnh gia đình nhà tôi, là cái ngục thất cho mợ. Tôi bó tay mà nhìn thật đau lòng lắm. Có lẽ bệnh tôi tăng chóng lên như thế này cũng chỉ vì thế. Tôi chết đã đành rồi, nhưng mợ... tóc còn xanh, đời còn dài, con chưa có, một mình ở lại trong chốn đau đớn thê thảm này, tôi nghĩ đến mà đứt từng khúc ruột. Lấy gì mà đền bồi mợ đây! Tôi nhắm mắt mà không muốn. Nhưng cũng không còn gượng lâu được

nữa... Tôi qua đời rồi, thì mợ ra làm sao? Thôi kiếp này đã phụ đến đời mợ ở dưới cửu tuyền... Nhưng sau khi tôi chết, mợ nên tìm cách mà trở lại nhà, như thế mới bớt khổ cho mợ được. Ba năm tang tóc, mợ có vì tôi mà còn yêu, còn quý linh hồn tôi nữa, thì không nói làm gì. Nhưng... không lẽ tôi bắt mợ đã vì người sống mà khổ thân nữa hay sao. Cái quyền cải giá, thôi xin tùy như tâm mợ...". Em còn nhớ, mấy lời đó như ghi như khắc vào óc em. Mà khi nghe thấy chỉ gục đầu xuống ngực chồng em mà khóc. Nhấc đầu dậy nhìn người thì hai con mắt tinh anh kia đã không còn ánh sáng nữa. Em ngất đi.

Vì buồn, vì nghĩ, vì lao lực, cho nên em vừa để tang chồng vừa mang bệnh ốm. Em liệu ở nhà chồng em thì cũng chả mong gì, nên xin phép về nhà dưỡng bệnh. Thầy tính bây giờ mình như con mèo sắp chết, cánh hoa gần khô, xin về nhà mình, ai còn tiếc còn giữ lại làm gì nữa. Em về nhà, thấy cảnh gia đình cũ, lại vui sướng mà mạnh mẽ như xưa. Em Hồng nó bây giờ đã lớn, nhưng vẫn còn tính trẻ. Cả ngày chỉ chơi với nghịch. Ấy bây giờ nó đã đổi đi đến bảy tám phần. Trước thật không ai chịu được... Nhưng chẳng qua số em vất vả nên cảnh ấy cũng không được bền. Một năm sau nữa, thầy em và dì em lại trúng bệnh tả mà qua đời cả. Thầy em mất trước dì em mười ngày, gia đình suy bại, cảnh vật âu sầu. Lưng trời trận bão đâu đâu, cái cảnh vườn tàn lúc bấy giờ chỉ còn trơ lại có hai cây liễu rủ. Chú em làm phán sự ở phủ Thống sứ Hà nội, được tin ấy vội về lo liệu hết cho và thu xếp cho hai chị em em lên ở trên này. Từ đấy em em thì đi học, còn em thì cũng theo thím em tập nghề buôn bán. Nhưng trong lòng còn đầy những sự đau đớn mới mẻ như thế, công việc nào là khuây được nỗi buồn. Những lúc đêm dài nằm nghĩ, nào nhớ, nào thương, rồi đau, rồi sốt. Người một ngày một mệt, bệnh cũ lại tái phát. Lắm lúc em nghĩ: bệnh này hẳn của chồng em để lại. Em không oán hận gì. Chỉ trách rằng sao nó chẳng mau mau trọng hệ lên để cho em chóng được thấy mặt người nơi chín suối. Nên cũng chẳng thang thuốc làm gì.

Lời nói của nàng chua như chát, hai con mắt trước kia đầy lệ nay đã như không, phản chiếu ra cái vẻ thâm trầm mà quả quyết.

"Chú thím em thấy em không khỏe mạnh mà lại có vẻ như oán hận, thì chắc là hiểu lầm lòng em mà khuyên em đi lấy chồng. Em gạt đi thì chú em tận từ bảo em rằng: "Mày có lòng trinh tiết

với chồng mày như thế, ai chả biết là hay là phải. Nhưng chấp kinh còn phải tòng quyền. Giá mà chồng mày có trọng đãi mày, thì bảo rằng mày còn có chỗ trông chỗ cậy. Nhưng họ như thế, mày nghĩ làm gì. Đời mày mới được vài bước, không lẽ cứ như thế cho đến già. Đàn bà phải tìm một chỗ mà nương thân, có chồng nhờ chồng, rồi có con nhờ con. Con nghĩ chú thím nói có phải không. Có phải là chú thím ghét bỏ con đâu, có bao giờ lại bảo con điều dở. Khuyên con thế là muốn cho con khỏi khổ về sau này đó thôi. Mới 22, 23 tuổi đầu, đời con còn dài lắm. Mà cứ khăng khăng định cho đến chết như chiếc thuyền không lái, như thế không ngu lắm sao. Con nghĩ cho kỹ." Lòng em ngày đó đương coi đời người như chốn tù ngục chỉ để cho chúng sinh đau đớn mà thôi, nên cũng chưa lúc nào bận óc nghĩ đến việc cải giá. Em cho rằng: một đời chồng, cái khổ như thế, tưởng cũng đã là quá cho thân mình rồi, còn mong chi thêm nữa.

Sau xét kỹ lời chú em nói mới tỉnh ngộ ra, rồi cho mình là lầm. Làm thân một người đàn bà – mà nhất là như em không cha không mẹ sống ở đời cốt phải lấy một chỗ mà tựa vào. Nhìn nam nhìn bắc, nhìn đông nhìn tây, thấy mình như cây thông non trên ngọn núi cao. Biết mong nhờ vào ai được. Hay bảo rằng còn mụn con thơ cho nó như cái mốc trên đường đời của mình, để vì nó mà sinh hoạt, để mong nó làm cái giải thưởng cho công quả của mình. Nào có gì như thế đâu. Nếu cứ khư khư với hai chữ thủ tiết gàn dở của mình chẳng là ngu độn lắm sao! Em em thì nó đã lớn, đã nhờ ở chú thím em rồi, em cũng không còn phải lo đến nữa. Chắc nói thế thầy cũng cho làm lạ. Nhưng vì em quên chưa cho thầy hay rằng: chú thím em vì hiếm hoi, nên khi còn mồ ma thầy em, đã xin và nhận nó là nghĩa nữ. Nghĩ đến việc cải giá thì em lại lấy làm uất ức, đã có phen tự bảo rằng: Mình bây giờ không còn vương víu vào ai nữa, cái chết chẳng là kế vẹn toàn ư? Đầu cành đáy nước, tấm lòng trong sạch này, may được còn nguyên.

Song mỗi khi nghĩ đến cái chết em lại sợ. Nào có phải không có can đảm mà tự sát đâu; nhưng trong cái đời em vừa sống đó, chính ở trước mắt em và ở ngay trong gia đình em, em đã thấy bao nhiêu là cái chết gớm ghê độc địa rồi. Như thế tưởng quen với cái chết mới là phải. Nhưng người ta đã được mục kích cái lúc hấp hối

của những người máu mủ mình, của những người thương yêu mình rồi, thì ai là người nghĩ đến cái chết mà không ghê, mà nhất là lại mang thí nghiệm một cái chết thê thảm vào mình mình. Vả lại, trong nhà em biết bao nhiêu là người đã chết một cách thảm đạm kia là gì. Chả để cho người đời mỉa mai rằng: nhà ấy tiêu tan oan nghiệt như thế, chắc là lối trước ăn trộm chuông chùa, giết người lấy của... Khốn nạn đã không lấy được tiếng thơm cho tiên tổ, còn để cho người nghi thế làm gì. Thôi đành là phải sống. Nhưng sống thì phải vì đời, đã vì đời tất phải yêu đời.

Em nghĩ vậy nên quyết bỏ hết cái tâm sự thủa xưa, để đem mình vào cõi đời mới mẻ. Em ham đọc sách cũng là từ đấy. Mà cuốn "Tuyết Hồng Lệ Sử" này oan trái với em cũng từ đấy.

Tôi càng nghe càng có ý phục nàng, càng thêm cảm động. Nàng nghỉ một chốc lại nói:

– Lời khuyên của chú em thật là cũng theo vào lẽ đó. Nhưng bây giờ em đã không còn cái thanh giá năm 18 tuổi nữa, mà mong lấy một người bạn cho vừa lòng, khó biết bao nhiêu. Vì thế cái uất ức lâu lâu lại trở lại, cái chán lại như xui cái buồn, cái bệnh trở về. Cái gì đã ở sâu trong óc mình rồi, dù có lấy dũa mà mài, lấy dao mà đẽo, cũng không sao lấy hẳn nó đi được. Cỏ nội xanh um, phát đi, đào đi, cái rễ kia vẫn ở sâu dưới đất, lâu lâu chỉ một trận mưa nhỏ là đủ làm cho mầm lại nẩy lên.

Thưa thầy, cái lệ sử của em là thế, mà bây giờ cái cảnh huống của em, vẫn thường là thế. Một vật gỗ hơ mãi vào lửa nóng, nó chỉ dần dần mà khô đi, rồi cháy đi, chớ đem nó vào đám nhà cháy mà thiêu nó, chỉ một lần là thành ra tro hẳn. Em đây cũng không khác gì miếng gỗ đó. Cái bệnh em bây giờ nó nặng hơn xưa, cũng chỉ tại đám lửa cháy thình lình của lòng nó đốt từng cơn đó thôi... Bây giờ biết tìm lấy ai mà chữa cơn hỏa tai ghê gớm ấy...

Nàng nói câu sau có ý rụt rè mà đo đắn lắm. Tôi nhìn thấy nàng cúi xuống, cái buồn ở mặt như đi đâu hết cả, hai tay thì vò xé cái bìa trong cuốn sách nàng cầm. Câu ấy là có ý đợi tôi trả lời, mà thử lòng tôi hẳn. Tôi nghĩ như thế, tôi đoán như thế. Sau thấy tôi cứ ngồi yên thì lấy một cặp mắt rất tình tứ mà nhìn tôi:

– Thế thầy định chữa cái tâm bệnh cho em thế nào?

Trời ôi, hai chữ tâm bệnh nàng vừa nhắc đó, làm cho tôi phút chốc người tựa như nung. Một bầu nhiệt huyết ở trong ngực như bị một cơn lửa nóng của mặt trời, tự nhiên sôi lên mà bốc cả lên mặt, tôi thẹn quá. Thật là nàng đã xéo lên mình rồi, không còn tý gì hồ nghi nữa. Tôi vừa thẹn vừa giận lại vừa cảm, nên cứ đứng trơ như gỗ. Muốn nặng lời mà không nỡ, muốn ra mà không đành. Cái nhu nhược đã như úp đậy cả lấy mình mình. Tôi không nói làm sao thì nàng cũng cứ im, như hẳn đã biết câu ấy nó xúc cảm tôi đến thế nào. Thật không khác gì người cầm con dao chém kẻ thù, chém một nhát mạnh quá, mà không dám chém thêm nhát nữa, vì đã lượng được cái kết quả của thủ đoạn mình rồi. Trong mấy khắc đồng hồ đó, ở ngoài thì im phăng phắc như bãi tha ma trời tối, mà ở trong đầu tôi thì huyên náo như chốn sa trường, như súng nổ quân kêu, như xe bay ngựa chạy. Tôi bất đắc dĩ hỏi nàng:

– Tôi không hiểu cô nói ra làm sao?

Câu hỏi ấy không cảm động nàng chút nào cả; tôi chỉ thấy nàng lại nhìn tôi, bằng con mắt ban nẫy, rồi cập môi chuyển động kết nên một nụ cười, nghiêng đầu cúi xuống, mấy ngón tay chưa thôi vò xé mảnh giấy vô tình. Nàng ngả đầu về phía trong, chỉ phơi một bên má ra ánh sáng. Lửa tâm chừng cũng bừng bừng, nên cái vẻ má xanh ốm kia phút đã tuyệt phần diễm lệ, như một bông hồng ở dưới ánh mặt trời buổi sớm. Tôi nhắc lại:

– Cô vừa nói câu gì, thật tôi không hiểu.

Nàng lại nhìn tôi, con mắt như muốn thay lời nói: "Em không phải nhắc lại. Thầy đã hiểu rồi. Còn bắt em nói hai lần làm gì." Con mắt ấy lại như chiếu ra một vừng tia sáng.

Nồng nàn mà tha thiết, kêu van như người có tội, sai khiến từ thuật thôi miên. Tôi như tê tái cả người, tê tái chỉ vì cái thẹn. Câu nói kia làm cho tôi thẹn một phần thì cái yên lặng ấy và cách cử chỉ ấy làm cho tôi thẹn đến mười phần. May làm sao có người nữ khán hộ vào gọi tôi, nếu không thì tôi phải đến thành điên mất.

– Thưa ông, có ông Ch... ở buồng D... tìm ông.

Người khán hộ, vừa nói vừa trông; thấy chúng tôi có mỗi người một vẻ kỳ khôi như thế thì dương mắt ra mà nhìn như một sự gì lạ vậy. Tôi đang trong lúc khó khăn. Mà nghe thấy câu ấy, thật y

như có người đến đánh tháo cho mình ra ngoài vòng chướng ác, tôi quay gót ra ngay.

*

Ra đến phòng ngoài, Nguyễn Quân (Ch...) nhìn tôi mà hỏi:

– Đã có việc gì, mà mồ hôi thế kia?

– Không, có gì đâu.

Bấy giờ, đưa tay lên mặt mới biết rằng đã cảm động một cách khác thường.

Câu chuyện lúc xong... Nguyễn Quân đi rồi, một mình ở lại, tì hai khuỷu tay xuống bàn, ôm đầu ngồi lặng. Khi đó, cái cảnh ở trong phòng số 3 lúc nẫy, thốt nhiên lại hiện cả ra trước mắt. Những tiếng người ốm vừa nói còn mồn một ở bên tai. Nom thấy, nghe thấy như thế lòng lại phiền muộn vô cùng. Làm sao trong thế gian này lại có những sự não lòng đến thế. Người kia đã nghi trong mình có bệnh lao, mà còn muốn lấy một chữ tình làm điều giải muộn cho bệnh của mình, chả cuồng lắm dư! Mà theo như ý định của nàng nữa, muốn lấy tôi làm người giải kết cuộc đời cho nàng, làm người cứu khổ cho nàng, thì chẳng điên lắm dư! Tôi nghĩ có lúc tôi phàn nàn cho người đàn bà ấy, có lúc lại bỉ cái cách cử chỉ của nàng. Sao người ấy, đã thông minh thế, đã có khi biết nghĩ đến những điều ngoan tốt như thế, đã có cái tâm hồn sạch sẽ như thế, mà lại suy tính đến những việc hoang đường, xấu xa như thế, rồi tôi chất vấn tôi mấy điều sau này:

Một là mình có thể cứ để cho nàng yên chí mà xoay với mình mãi không? Nàng đã muốn cùng mình thả một chữ tình để cầu lấy một cái hạnh phúc nhỏ, mình có thể cứ im lặng mà cho cái kịch kia nó diễn dài ra nữa không? Thực không thể nào được. Tại làm sao? Là vì tôi chỉ có bụng thương nàng mà không có bụng yêu nàng chút nào cả. Đã không yêu một người, mà người ấy cứ bắt mình yêu thì làm sao được. Tôi đối với nàng, với lòng nàng làm sao tôi lại vô tình như thế? Một là cái lương tâm đối với người tôi đang chữa bệnh. Hai là nàng đã là một người quả phụ. Ba là nàng có bệnh lây. Nói rút lại là không có một lẽ gì có thể làm cho tôi nghĩ đến mối ái tình ấy được. Mà sao việc này còn cứ trái lòng tôi mãi thế. Nhớ đến câu

của cổ nhân: " Những điều cặm cụi mà tìm thì nó trốn đi mất cả, những việc không muốn, nó theo đuổi mình luôn." Nhớ đến, tôi lại thương cho tôi mấy phen đã vì tình mà héo ruột khô gan. Đến bây giờ trái tim nhỏ kia còn thoi thóp động đậy ở trong ngực, là chỉ để trả chút nợ huyết khí, chớ còn hơi sức đâu mà cảm vì tình, mà thương vì sắc. Cũng có lẽ những điều thất vọng xưa kia nó đã vò xé lòng tôi lắm, nên bây giờ, mỗi lần tôi thấy chữ tình, tôi lại tưởng tượng như nó có nanh có vuốt, có bả nọc gớm ghê. Tôi không còn có ý định gì với cuộc tình ái cả cũng vì thế nữa. Một lẽ sau cùng ấy cũng đủ là cái mối thất bại cho lòng nàng. "Những điều không muốn nó theo đuổi mình luôn". Thế thì cái việc này nó đuổi theo mình đến bao giờ đây? Tôi nghĩ mà tôi sợ, tôi sợ rồi tôi lại nghĩ đến điều thứ hai.

Nếu mình đã không có lòng yêu, thì cứ nên nói ngay cho nàng biết, chớ còn lưỡng lự mà nhu nhược làm gì. Nhưng tấm lòng con người ta, ai là không có chút tự kiêu. Bây giờ lấy lời suồng sã, giận dữ mà hắt dập đi, thì sao khỏi không làm cho người ấy đau đến lòng tự kiêu người ta được. Vả chăng với nàng là một người phụ nữ, lấy cách dã man ấy mà xử thì còn gì là cái độ lượng từ bi. Nào có thế mà thôi đâu. Bệnh người ta thì nặng, nếu đem lời cay độc mà uất ức người ta thì có khác gì cầm mũi dao nhọn mà rạch vào vết thương rất trọng. Đau đớn cho lòng người ta bao nhiêu.

Hai điều ấy làm cho tôi nghĩ ngợi phân vân không biết làm sao được. Tôi càng lấy làm buồn bực. Cả ngày hôm đó như vẩn như vơ. Có lúc nghĩ đến mà băn khoăn choáng váng. Sau tôi nghĩ ra một cách, là từ nay trở đi tôi không nên vào phòng người ấy nữa. Như thế may mà yên ổn được chăng?

*

Ngày hôm sau tôi bảo Lê Quân:

– Cái bệnh lao ở phòng số 3, tôi nhờ anh trông nom hộ – Bây giờ đã mạnh mẽ hơn lúc mới vào nhiều. Anh chăm chút cho người ta. Nếu có gì khác anh bảo tôi.

Lê Quân nhận lời. Mấy hôm sau tôi tuyệt nhiên không nghĩ gì đến người ấy nữa. Được năm hôm như thế, thì Lê Quân phàn nàn với tôi rằng:

– Người anh bảo tôi trông coi ấy, phiền lắm anh ạ. Rõ khó tính quá. Mỗi lần tôi tiêm thuốc là kêu đau. Có khi không bằng lòng, xin thôi. Mà như có ý ác cảm với tôi lắm. Tôi giao trả anh đấy!

Tôi cười... Lê Quân nhìn tôi một lúc lâu, cũng cười, cười một cách tinh quái, rồi nói:

– Mọi lần anh tiêm sao không thấy kêu? Mà tôi động đến là họ như có ý không bằng lòng rồi. Quan bác có thuật gì mà mát tay thế? Em muốn biết lắm.

Tôi nghiêm nét mặt trả lời:

– Ông lại muốn không bẩn tay chớ gì, tôi khó nhờ ông được việc gì.

Lại chỉ thấy Lê Quân cười thêm:

– Vâng, quan anh quở, em xin chịu. Em chỉ tiếc rằng không tốt số như anh thôi.

Thôi rồi Lê Quân có ý nghi mình rồi, mà có khi biết chuyện mình rồi. Cũng không nên giấu ông ta nữa mà, nói cho phải hơn, thì cũng không nên không cho ông ta rõ. Vì rằng giấu giếm thì có sự gì ta đâu mà giấu giếm. Vẫn hay rằng không giấu thì thiệt hại đến danh giá của một người đàn bà, nhưng không nói, thì cũng không được. Tôi với Lê Quân là chỗ chí tình, có thể lấy cách giả dối mà đối đãi làm sao được. Vả lại cái phiền cái bực ở trong lòng tôi bấy giờ như ngọn nước lên, chỉ muốn tìm chỗ tràn ra cho bớt. Lê Quân vẫn thường là cái đồng không để tiêu thụ cái nước tràn hòa của lòng tôi mỗi cơn sóng gió. Trước kia, tôi coi câu chuyện này không có lẽ nào đến nỗi như bây giờ, cho nên cũng không muốn để Lê Quân biết làm gì. Tôi nay, cảnh ngộ đã khác, nó ám ảnh bức bách tôi mãi, Lê Quân đã nghi, cũng nên cho ông ta biết chuyện, may ra ông ta có phương kế gì mà giải thoát được cho không. Nhưng trong bụng vẫn phân vân chưa hẳn là nhất định...

– Phiền thật anh ạ! Anh đừng nên nghi sằng cho tôi. Tôi không giấu anh đâu, khi nào rỗi, tôi sẽ cho anh rõ hết...

Bấy giờ Lê Quân đã đổi bộ vui đùa ra bộ trầm tĩnh như có vẻ ái ngại cho tôi.

– Tôi hiểu. Thôi lúc nào rỗi, anh cho tôi nghe.

Nói thế rồi, Lê Quân cứ để yên mặc tôi nghĩ ngợi như không muốn đem khêu câu chuyện ấy cho bực lòng tôi nữa.

Cũng hôm ấy, có một chuyện làm cho tôi nghe thấy mà tức giận vô cùng. Khi Lê Quân để tôi ở lại một mình trong phòng buồng đó, tôi đang ngồi nhìn mấy bức tranh về Giải phẫu khoa, ở trong cuốn sách, thì nghe thấy ở phòng bên hữu phòng số 2. Cái phòng nhỏ tôi đang ngồi đây là buồng giấy, cho các học sinh, thì một bên giáp vách với buồng số 2 và một bên cạnh buồng số 3. – Buồng số 2 này rộng hơn buồng số 3, nên thường để cho những người bệnh nhẹ có thể nằm chung với nhau được – Cùng cười cùng tiếng nói ồn ào. Thỉnh thoảng tôi lại hình như nghe thấy nói đến bên tai tôi. Tôi tò mò lắng tai nghe thấy:

– Cô ấy được thầy T... săn sóc thế thì chả mấy lúc...

Rồi có tiếng cười theo.

– Thầy ấy lành và hay thẹn nhỉ!

– Quái mấy hôm nay không thấy vào đấy nữa, hay lại lôi thôi gì hẳn.

– Chắc thầy ấy ghét. Đàn bà đâu mà ốm đau thế còn son với phấn.

– Nhưng cũng chả nên trách đàn bà mà thôi, chắc là...

Ấy là mấy câu tôi nghe được. Còn những câu khác thì nhỏ quá hoặc bị tiếng cười lấp đi. Nhưng thế, tôi cũng có thể đoán ra rằng họ đương bình phẩm tôi và người ốm ở buồng số 3.

Tôi giận, nhưng nghĩ vô lý, nên cũng mặc. Miệng người ta thường thế, thóc mách nhảm nhí là cái thói quen của những hạng ngồi không, cấm đoán làm sao được, đàn bà lại càng hay có cái thói ấy, thì cũng không lấy gì làm lạ. Chỉ trách mình không may mà bị ám và bị nghi lầm thôi.

Nhưng về sau, tiếng nói và tiếng cười, mỗi lúc mỗi to. Tôi nghe lấy làm khó chịu quá. Đã hình như họ quên rằng không còn có người khác nữa. Tôi bèn gọi người nữ khán hộ. Cũng có góp chuyện ở đấy mà hỏi:

– Cái gì mà rầm rầm ở bên ấy thế?

Lúng túng sợ hãi, người nữ khán hộ chưa kịp trả lời, tôi bảo ngay:

– Ra bảo những người nằm bên ấy rằng im đi. Mình khỏe còn có người khác ốm nặng hơn, phải để yên tĩnh cho người ta nghỉ. Đừng ào ào như cái chợ con thế.

Một chốc thấy im lặng. Tôi ngồi nghĩ đến mấy câu vừa nghe thấy đó, lại tự trách mình không biết xử trí, đến nỗi mua lấy cái nghi của thiên hạ vào mình. Hẳn rằng họ thấy mấy hôm nay tôi không vào phòng số 3 nữa mà họ ngờ vực cho tôi sự gì khác chăng. Hay người nữ khán hộ mấy lần thấy tôi ở một mình với nàng trong giờ lâu mà bày chuyện nói về tôi hẳn. Nghĩ quanh nghĩ quẩn lại buồn bực. Thật đàn bà khó xử thật. Người ta nói: "Cai quản một đoàn quân lớn không khó bằng trông một người đàn bà". Lời nói không ngoa vậy.

*

Sáng hôm sau, Lê Quân không vào nữa, tôi lại phải đến thăm bệnh cho nàng. Hôm ấy nàng thấy tôi, có ý ngơ ngác lắm. Trên mặt vừa có bẻ giận mà vừa có vẻ mừng, nhưng vẻ giận nhiều hơn. Nàng cứ nằm yên mà không chào hỏi tôi như mỗi lần khác. Tôi thì cứ điềm nhiên, lấy lời ôn từ mà hỏi han cẩn thận. Sau nàng cũng trả lời lại, nhưng hình như một việc gì bất đắc dĩ. Nàng chỉ phàn nàn rằng lại ho thêm lên và mấy chỗ tiêm còn đau lắm. Tôi đứng đó cũng hơi lâu, toan đi ra thì nàng nói rằng:

– Em ở đây lâu mà bệnh vẫn như cũ, buồn lắm. Em muốn ra ngoài uống thuốc, nhưng chả biết có khỏi được không.

Rồi nàng lấy ở trong túi ra một tờ giấy đưa cho tôi.

– Có người mách em vị thuốc kê ở trong giấy này, thầy xem uống được không?

Tôi cầm giấy nhìn, thì ra tên một vị thuốc mới (spécialité). Các thứ thuốc mới này nhiều lắm: nó cũng là những vị cốt yếu đó thôi. Các nhà bào chế chỉ pha trộn, thêm thắt các thứ khác vào cho dễ uống, cho đẹp mắt rồi để vào lọ cho sạch, rồi cho nó một cái tên mới kỳ quặc, cốt là làm cho lạ tai lạ miệng những người ốm mà kiếm tiền. Trăm cái mới được một cái hay, còn thì phảng phất lắm. Tôi

xem rồi mỉm cười. Giá tôi là một kẻ hay tự phụ, thì hẳn lấy việc này làm một việc mất danh giá cho tôi, vì nàng làm như thế là có ý bảo rằng những thuốc kê cho nàng uống từ trước đến giờ đều là vô hiệu cả, và nàng cho tôi là chưa đủ tư cách để chữa bệnh nàng. Nhưng tôi chỉ cho là một sự nhẹ dạ của nàng mà thôi, vì tâm tính nàng tôi đã hiểu lắm. Nên trả lời rằng:

– Thuốc này ở đây cũng có, chỉ khác rằng nó ở gói giấy mà thôi. Cô mua làm gì. Phí tiền vô ích.

Lúc đó chợt có em nàng vào, câu chuyện dừng lại, tôi mở cửa đi ra.

Nhân đây tôi nói tại sao tôi với một người đàn bà có chồng mà tôi cứ dùng tiếng cô mà gọi mãi. Điều ấy cũng không lấy gì làm lạ.

Ở nước ta, đàn bà có chồng mà còn trẻ tuổi, tiếng cô vẫn còn lấy mà gọi được. Vả lại lúc nàng mới vào, tôi cẩu thả không coi kỹ tờ giấy khai tên, mà tôi cũng không hỏi rõ là nàng đã có chồng chưa, vì thế mà lầm mãi. Sau thành ra tiếng quen, có lúc quá giận muốn nói: "Bà vừa nói gì thật tôi không hiểu" Cũng không thể bỏ cái tiếng cũ được.

*

Hai ba hôm sau nữa, cũng không có điều gì lạ. Mỗi khi tôi vào, nàng chỉ tìm chuyện vặt mà nói, mà hỏi. Tôi tự bảo tôi rằng: " Ừ, người này đã biết bụng mình rồi. Cứ thế này thì ta yên lắm". Tôi bèn bỏ hết sự nghi ngờ, bụng lấy làm khoan khoái lắm.

Một hôm nàng lại mời tôi vào. Lúc đó tôi đang đọc sách. Vừa cầm sách vừa vào buồng. Nàng xin tôi nghe bệnh lại cho. Tôi để sách xuống giường nàng mà nghe. Một giờ đồng hồ sau, khi ra ngoài rồi tôi mới nhớ đến biết rằng đã bỏ quên cuốn sách trên giường nàng. Vội cho người vào lấy.

Lúc mở cuốn sách, thì thấy một tờ giấy gập làm tư, đầy những chữ. Tôi lấy làm lạ quá, giở ra xem thì thấy có tên tôi. Thôi, thơ này hẳn là của nàng viết cho tôi đây. Người bỗng thảng thốt, bụng vẫn phân vân... Đọc hay không đọc? Hai điều nghĩ đó cứ tranh lộn mãi ở trong đầu tôi, nhưng rồi đến sau, cũng không hiểu làm sao, đôi mắt tôi không thể rời được mảnh giấy ra nữa và như bị mấy

dòng chữ mềm mại yếu ớt kia nó làm mê man và cứ dắt đi mãi mãi, mà rồi đến xem hết lá thơ.

Thơ rằng:

Thầy T... nhã giám.

Thưa thầy.

Thấy mảnh giấy này ở trong cuốn sách, hẳn thầy giận và khinh em lắm... Trước khi hạ bút, có phải em không nghĩ đến điều ấy đâu. Ngọn lửa tâm hun, lắm lúc mực khô trên bút, mối tình tơ nhạt, nhiều khi má đỏ bên đèn... Nhưng lòng kia đã bảo đường đi, thì chân nọ thôi liều cứ bước. Có phải định tâm mà viết hay là nhẹ dạ mà làm, em mong rằng thầy sẵn lòng quảng đại mà đừng coi em như một đứa thất giáo: em cảm tạ vô cùng.

Thầy ôi,

Vô duyên gần nửa đời người,
Nghĩ thân bao siết ngậm ngùi cho thân:
Theo đòi học thói Văn quân,
Tiếng đàn Tư mã biết gần hay xa;
Nghĩ mình như mảnh tàn hoa,
Hương thừa còn được bao mà dám mong.
Đeo mang đôi mảnh má hồng,
Còn thêm vương lấy tấm lòng bi ai;
Nghĩ từ tiếng khóc ra đời,
Chua cay kể đã bao mùi thế gian;
Bây giờ hoa đã gần tàn,
Vừng trăng gần khuyết, dung quang còn gì;
Biết đời nên cũng thôi đi,
Làm sao đeo mãi tình kia cho buồn;
Nhưng mà chót đã gieo khuôn,
Bột không nên bánh cũng còn tiếng tăm;
Đã mang lấy cái thân tằm,
Không vương tơ nữa cùng nằm trong tơ.

Cái thảm sử của em thầy chắc còn nhớ, cái thân thế em thầy cũng hẳn đã tường. Tấm thân góa bụa, một đóa hoa thừa, nghĩ lắm lúc lấy làm hổ thẹn; thế mà còn theo đòi Trác thị, chẳng là cuồng

dại lắm dư. Em xưa là một kẻ lắm tình cảm và dễ cảm tình. Lúc mới 15,16 tuổi, trong óc đinh ninh được người chồng quý, có đủ tư cách mà âu yếm tấm lòng thơ, thì dẫu làm hi sinh cho thần tình ái nữa, cái đời cũng chẳng tiếc gì. Nhưng ông xanh ác nghiệt, hay trêu tức má hồng. Vì một chữ hiếu đã làm cho em tan nát lòng xuân, xót xa ngày trẻ. Rồi cho đến lúc chăn riêng gối lẻ, một mình vò võ canh dài, thương cho duyên phận tanh hôi, bạn xa xa một góc trời với ai. Đến khi chồng em bệnh đòi trả nợ cho đời, thì lại thương cho phận dập vùi hồng nhan.

Từ đó lắm khi buồn bực xót xa, em đã vài lần nghĩ đến nỗi gửi thân cửa bụt cho nhẹ nợ hồng quần, hoặc nơi cành cây đáy giếng cho thoát khổ trần ai, nhưng thương thay cho cái tấm lòng trần tục của em, cái óc hèn yếu của em, ngọn nước cành dương dễ mà đã sạch, cành nọ giếng kia khôn phải là nơi kết quả đoạn trường. Hẳn còn nặng nợ thuyền quyên, trời còn bắt khổ cho đến kiếp xưa.

Túc trái tiền oan, nợ đời chưa hết, khôn mà thoát khỏi tơ tình. Nghĩ thầm xót giấu, tủi phận thương thân, cái bệnh vô tình còn thêm vào nữa, để vò xé cái mảnh thân thừa như con sâu nọ nhấm đục bông hoa gần héo.

Người buồn cảnh có vui đâu, mỗi điều trông thấy càng đau đớn lòng, cái thân như miếng than hồng, gió oan quạt mãi do không còn gì. Như thế rồi bệnh cứ ngày một nặng thêm lên, mà lòng đau không hề có giảm.

Em ở nhà chú thím em vì bệnh tình như thế, sợ phiền lụy đến người chăng, nên quyết vào đây chữa bệnh. Trước là đỡ bận cho chú thím em, sau là mang cái thương tâm này táng gửi vào nơi sầu thảm. Cái khỏi em thật có mong mà không có chắc. Nghĩ rằng bệnh ấy người nay cũng đã tri âm lắm đấy.

Từ ngày vào đây, nhờ công thầy chăm nom, lại được nghe lời chỉ giáo,không biết làm sao bệnh em như sắp hết, rồi trong đầu nẩy nở ra biết bao hi vọng chứa chan.

Bao nhiêu cái u sầu thảm đạm trước kia, nay đã thành ra những cảnh sinh ca hoan lạc. Ấy tại vì đâu? Hay ông hóa công kia, vì đã quá tay vùi rập, bây giờ thương lại phận hèn mà cho em được hưởng chút xuân tàn nữa chăng?

Thân em như phòng tối, bóng thầy như ánh sáng mặt trời, em như bông hoa sắp héo, thầy như trận vũ cập thời. Thật là phúc tinh của em đó. Mỗi khi được thấy bóng người qua cửa, cái sốt trong mình phút biến hẳn đi, như cơn đại nhiệt được trận thanh phong vậy. Cái giấc mộng năm 16 tuổi, lại thốt nhiên hiện cả trước mắt, mà lòng lại vui mừng.

Em viết đến đoạn này thật là chứa chan lòng thẹn, biết có khỏi mang điều nhơ nhuốc hay không? Nhưng em vẫn chắc ở thầy là một người em có thể đem gửi tấm lòng này được, nên em đánh bạo mà viết. Hẳn thầy không nỡ hắt hủi và khinh bỉ một người khốn nạn như em bây giờ. Thật căn bệnh em chính là ở tâm bệnh em, thầy đã muốn chữa đến cội rễ nó, hẳn thầy không nỡ giết em nào... Văn Quân, Tư Mã, Lê Ảnh, Mộng Hà, há không phải rằng duyên kiếp. Đến bây giờ em tự ví với hai người thảm nữ đó, biết có ai là người vì em mà Tư Mã Mộng Hà...

Bút không theo ý, đến đây em viết chẳng thành câu... Nghĩ mình càng lấy làm dơ dáng, nhưng thầy hẳn không nỡ vì chút ý nhỏ mà để thẹn lòng này."

Thôi thì
Tấm thân từ đến sau này,
Tử sinh còn đội lượng người bao dong;
Hẹp gì hạt muối bể đông,
Xin thương lấy mảnh má hồng với nao;
Thơ này biết đến cho nhau,
Tái sinh làm kiếp ngựa trâu đền bồi.

H.O.

Thật là ác nghiệt quá. Đã tưởng rằng mình làm như thế nàng hiểu ý mà thôi đi. Có ngờ đâu thơ này lại thành nên kết quả. Nàng viết đoạn trên, tôi có ý thương, xem xuống đoạn dưới, tôi có ý giận. Thật nàng cũng đã khéo. Từ từ khêu mối thương tâm. Đợi cho lòng tôi cảm kích rồi rút lại chuyện bó buộc, tưởng cũng đã diệu lắm. Song nàng có hiểu đâu rằng với tôi thì lại là lầm. Trong bụng tôi bấy giờ nóng hơn lửa đốt. Những lời khẩn khoản đã không siêu nổi lòng tôi, mà còn làm cho tôi tức giận vô cùng. Lần này cái nộ khí thật đã xung thiên, tôi như hoa cả mắt, không còn chút gì là trí

khôn và lương tâm nữa. Tôi cầm mảnh giấy vào tận buồng đến trước nàng mà hỏi:

– Cái thơ này có phải cô viết cho tôi không?

Nàng thấy tôi đột ngột chạy vào, lại nghe tôi hỏi như thế, mặt nàng biến sắc, nhìn tôi một cách như sợ hãi, không nói câu gì. Tôi lại đưa gần lá thơ vào tận nàng mà hỏi:

– Có phải cô viết không?

Nàng vừa thẹn thùng vừa e sợ ấp úng trả lời:

– Vâng! Em viết!

Nói rồi nhìn tôi có ý muốn cười gượng, nhưng chừng lúc ấy mặt tôi có vẻ giận dữ quá mà nàng sợ, nên lại cúi xuống, tôi ném lá thơ xuống giường mà bảo rằng:

– Cô coi tôi là người như thế nào, mà cô viết cho tôi như thế. Cô vào đây là cốt chữa bệnh, hay cốt làm việc khác. Như thế thì cô lầm lắm! Từ giờ xin cô phải cẩn thận mới được!

Nói rồi tôi ra ngay, không hề quay cổ lại nữa. Ra đến ngoài, khoanh tay đứng tựa vào bên cửa nhìn ra hàng rào, trong bụng như tơ vò rối, lại những phàn nàn cho mình: lá thơ kia đọc đến làm gì cho đến nỗi đến điều như thế? Nghĩ quanh nghĩ quẩn, thốt nhiên mà giọt lệ tuôn rơi. Làm sao mà tôi khóc? Trời ơi! Cái giận kia nó đã uất súc tôi quá độ làm cho quên hết cả điều bổn phận, mất cả nhân cách của mình, đến nỗi đùng đùng sỉ vả nàng. Cũng một lời nói, cớ gì phải dùng cách hành động như kẻ vũ phu. Thật là vì xấu hổ mà tôi đến phải khóc. Quân tử nan lệ, phải lắm. Mình rõ thô mãng, hối hận biết chừng nào.

Nước mắt rơi xuống, ướt thấm cả mảnh áo trước ngực. Thình lình người em gái nàng vào, thấy tôi mặt có vẻ buồn, mà đầy nước mắt, thì nhìn tôi, như lấy làm lạ lắm. Tôi càng thẹn, không lẽ lúc ấy đem giấu mặt đi đâu được. Nàng chào, tôi gượng tươi nét mặt mà đáp lại...

Bây giờ vì một sự tình cờ oan nghiệt thế, nên phải cầm ngọn bút sám hối viết mấy trang ký sự này. Còn sau này cái tội ác mình nó đến thế nào nữa, cái lòng hối hận nó lai láng âm thầm ra bao nhiêu nữa, tự óc mình cũng không sao biết trước được.

Chỉ xin ông trời kia biết hộ tấm lòng mà tha thứ cho tôi. – Còn như với nàng cũng xin nàng nghĩ lại mà đừng cho cái giận dữ của tôi là một điều độc ác. – Đến tôi, tôi xin cạn nguyệt với thần lương tâm rằng: từ nay về sau, tôi hết sức lấy cương nghị mà trấn áp cái tính nóng nẩy vô ích kia đi. Như thế biết rằng có đủ để mà chuộc tội?

*

Lòng hối hận, càng như ngọn nước thủy triều, lai láng thấm thía ở trong óc tôi. Hôm sau khi tôi đang ngồi nói chuyện với Lê Quân ở buồng ngoài (là buồng lớn nhất) thấy có tiếng giầy lệt sệt đi ra. Tôi biết ngay rằng nàng, vì tiếng giầy đi có ý vị và trững trạc lắm, tôi nghe đã quen tai. Tôi biết vậy mà không ngẩng đầu lên nhìn nàng, phần tôi thẹn về cách cử chỉ ngày hôm trước, phần e sợ rằng có một tấn kịch mới nữa sắp xuất hiện ra chăng? Lúc nàng đến sát tận bên cạnh bàn chúng tôi ngồi, thì hình như có cái sức mạnh vô hình gì bắt tôi phải đưa mắt lên nhìn nàng.

Hôm ấy nàng không có phấn son ở trên mặt. Nom người có vẻ tiều tụy, hai mắt thâm trầm nhìn tôi một cách rất lạnh lẽo. Cặp môi kiêu ngạo của nàng sẽ hé ra mà nói rằng:

– *Tôi* ở đây đã lâu lắm, mà bệnh không thấy lui, xin *ông* làm giấy cho phép *tôi* ra.

Câu nói lạnh lẽo, tiếng hơi cao, chừng nàng muốn nàng cho cả mấy người ốm ở gần đấy nghe rõ, tôi không biết nói câu gì, chỉ:

– "Được" một tiếng. Rồi thấy nàng vào.

Lúc đó mấy người ốm nhìn nhau mà cười, tôi hiểu ngay, lòng lại càng thẹn, Lê Quân ngồi đấy đưa mắt nhìn tôi, rồi cuối xuống mà tủm tỉm cười, tôi cũng cười gượng rồi đứng dậy đi ra sân. Lê Quân theo tôi ra, hai người cùng đi thong thả ở trên đường sỏi. Trầm ngâm hồi lâu, Lê Quân hỏi:

– Sao hôm nay người ấy có vẻ giận dữ như thế? Anh đã cự tuyệt rồi phải không? Nhẹ cho anh lắm!

Rồi Lê Quân thỉnh cầu tôi kể lại chuyện cho nghe, tôi đem đầu đuôi minh bạch nói cho Lê Quân biết, sau cùng Lê Quân bảo tôi rằng:

– Anh làm thế thì khí ác quá. Đối với một người đàn bà mà như thế thì ác thật! Anh thường than rằng anh vô tình, bây giờ tôi mới rõ...

– Tôi đáng trách thật, đáng phạt lắm. Vô tình tôi xin nhận tội, mà ác độc không ở tâm tính tôi. Thực là ngoại cảnh nó sui nên như thế.

– Vô tình là câu khẩu thiệt của anh, mà có lẽ đa tình mới thật chân tình anh vậy. Một ngọn lửa lòng của anh, tôi đã được biết hết. Một câu văn, một bài thơ là dàn dụa những bi tình, những hận tình ai oán như cung đàn gợi thảm. Anh thường lấy tôi làm tri âm, bụng anh há tôi chẳng biết. Cái vô tình là cái chứng mối ở cái bệnh đa tình của anh mà ra đó thôi. Vì tấm lòng quá cao thượng, tình trường không gặp tri âm, cho nên vẫn khát khao, khao khát mà chưa thỏa mãn. Cái thời buổi này đã vì lao động, thực hành mà sinh hoạt, thì cái tình tuyệt đích của con người ta phỏng còn có làm sao được nữa. Hơi đồng ngùn ngụt, mùi lợi danh bát ngát, chỉ cái bề ngoài là có giá trị, mà còn được bao nhiêu cái tình tứ siêu việt ở trong óc người đời. Mà nhất là ở trong óc những đám người thường, không biết cái tình cao thượng, cái tình êm ái là gì.

Lòng anh bây giờ như lá liễu héo, còn đâu mà đú đởn với gió xuân. Thật là vì quá nhiều tình mà anh nên một người vô tình vậy. Tôi trách anh bao nhiêu lại càng phàn nàn cho anh bấy nhiêu.

Duyên nợ tám năm trong giấc mộng,
Cúc lan hai đóa nát lòng xuân.

Hai câu của anh tôi còn nhớ. Cái chuyện vô duyên của anh tôi nào quên. Bây giờ anh có vô tình cũng là phải lắm. Người ta, hễ đã theo đuổi công cuộc gì một cách sốt sắng, mà năm lần bảy lượt, tay vẫn hoàn không, thì mấy người là chả đem lòng chán nản. Đã chán nản, đã coi cái công mình như không có một chút may mắn gì, thì thường đem lòng lãnh đạm mà đối đãi với đời. Danh nhân ẩn biệt há không phải là những mặt phong trần. Chữ tình cũng vậy. Đã bị nó duồng dẫy, điêu đứng mình nhiều phen rồi, thì mình hẳn đem lòng ghét nó và sợ nó. Ghét là cái cực điểm, nhưng anh thì chưa đến cái cực điểm ấy. Lòng anh mới như hòn than nguội, chớ chưa

đến nỗi như đống tro tàn. Cái vô tình của anh tôi hiểu lắm. Thật không phải ở thiên tính, mà ở cảnh ngộ sui khiến đó thôi.

Khi Lê Quân nói những lời trên đó, tôi chỉ lắng tai nghe, hai mắt đăm đăm nhìn đường đá sỏi, trong lòng tê tái mà êm đềm, không khác gì người say nha phiến, Lê Quân rứt lời, tôi sẽ cười, vỗ vai ông ta mà nói:

– Tri âm đến thế mới là tri âm! Anh ạ, chữ tình cay độc lắm. Nó làm cho mình điêu đứng lao đao. Mấy lời anh nói lại khiến cho tôi nhớ, nhưng mà thương tiếc cái thời giờ quý báu của tuổi xuân vô cùng. Đáng tiếc lắm! Đáng tiếc lắm! Cái lúc lòng mình như mớ lửa mới nhóm lên hăng hái, đang nồng nàn, đang trong sạch, thì tiêu phí một chữ tình. Cái nhiệt huyết đáng lẽ phải đem làm thang tiến thủ cho cái học thức, làm đồ ăn mà di dưỡng cho cái sỹ khí, để rửa hờn cho tiên tổ, để lấy lãi cho non sông, có ngờ đâu vì một chữ tình mà phung phí gần hết. Vẫn hay rằng đời không có tình là cuộc đời vô vị, cuộc đời không hoàn toàn. Song tiếc thay mình khí quá lầm. Đã không làm chủ nó, lại còn làm nô lệ cho nó. Bọn thiếu niên như mình mấy ai là không chung cái bệnh thần kinh ấy. Nghĩ đáng tiếc mà đáng thương. Mà cái vật đó làm cho mình mê man đi đó, có được cái hương thơm, cái tính quý báu gì đâu. Nó thường chỉ là bông hoa có sắc mà thôi. Có vật chất mà không tinh thần. Anh ơi! Cái tình của tôi thật có như lời anh nói. Nó chỉ là hòn than đang đỏ lửa mà tưới nước vào cho tắt đấy thôi. Cho nên tôi vẫn lấy làm sợ nó mà kinh khủng cho tôi vậy. Biết rằng từ đây đến sau này cái khối than lạnh đó, có bền gan mà giữ được nguyên hình không? Hay lại có người độc ác đốt lửa tưới dầu vào mà nó phải cháy lên cho đến tiêu tan đi mất. Cái tình của tôi như thế. Bây giờ tôi chỉ muốn giữ lại cái hình thể hiện đương của nó, không muốn cho nó tiêu tan đi mà cũng không muốn cho nó hoàn nguyên lại, mấy điều xử sự của tôi đối với nàng thật là do bởi lòng lãnh đạm mà ra. Tôi vẫn lấy làm hối. Giá anh ở địa vị tôi, anh cũng phải đến như thế. Mấy lần tôi đã hình như cho nàng biết cái lòng nguội lạnh của tôi. Ai ngờ đâu nàng như bưng tai đậy mắt, làm nhiều sự đến nỗi cả một buồng ai cũng có ý ngờ vực cho tôi. Cái thanh danh của tôi đã có phen nguy biến. Anh tính thế, còn yên mãi làm sao được.

Lê Quân khuyên tôi nên bỏ tính nóng. Tôi cảm ơn mà vui vẻ vô cùng, như đã trút được một gánh nặng.

*

Ngày 11 tháng năm 192...

Bụng tôi vẫn đinh ninh rằng tấn kịch ấy với tôi đến đấy là xong, cái tội ác của tôi đến thế là hết. Nào hay đâu oan trái lưu tiên, đến bây giờ còn theo tôi mãi mãi. Hay trời xanh kia muốn làm nan khổ lòng tôi để bù với cái ác nghiệt của tôi ngày nọ. Thôi, sự đời như đêm tối, muốn tránh dễ được nào, âu lại mặt trời soay sở.

*

Mười một giờ sáng hôm sau, lúc tôi ở nhà thương ra, thấy một người thiếu nữ, chống ô đi lại trước mặt tôi. tôi nhìn kỹ mới biết là em gái người có bệnh ở buồng số 3 ngày trước. Nàng cuối đầu chào tôi rồi e lệ mà nói rằng:

– Thưa ông, chị em bây giờ ốm nặng lắm! Có lẽ không sống được mấy nỗi nữa, cho nên lại muốn vào nằm nhà thương, nhưng sợ rằng ông không còn ở buồng ấy nữa, nên chưa dám vào. Chị sai em vào tìm ông: được gặp ông đây em lấy làm may lắm!

Tôi nghe nàng nói, tôi lấy làm ái ngại. Bụng thì vẫn phân vân. Nghĩ rằng: "Nàng lại muốn vào, mà lại muốn cho mình chữa, chẳng là lạ lắm sao. Nhưng nhân dịp này mình nên nhận lời, để chuộc cái tội ác ngày trước." Nghĩ thế, tôi nói:

– Tôi vẫn còn làm ở phòng ấy. Cô Oanh bây giờ đau nặng lắm ư? – Cô cứ đưa vào.

– Cảm ơn ông, nhưng ông có thể làm ơn lại xem cho chị em được thì hay lắm.

– Mai vào, tôi xem cũng vậy! Cô cứ đưa vào.

– Vâng, nhưng trước khi vào, chị em muốn được thừa nhan ông để thưa với ông vài điều. Nếu không được thế, thì chị em không dám vào.

Tôi nghĩ một lúc rồi nói:

– Thế thì sáu giờ chiều hôm nay tôi sẽ lại.

– Vâng! Nhà em ở phố hàng Đ... số nhà...

Hôm nay nhằm ngày thứ năm cho nên tôi được ra buổi tối. Vừa xong buổi học chiều. Tôi vội lên xe ra thẳng hàng Đ...

Giời tháng mười, ngoài đường bấy giờ đã tối. Đến nơi thấy người em nàng đứng cửa có vẻ đợi. Tôi vào đến trong nhà thấy một ông cụ, tóc đã bạc, đến trước tôi thi lễ mà nói:

– Thưa ngài, con cháu từ khi ở nhà thương ra, cứ một ngày một ho thêm mãi lên. Bây giờ chỉ còn xương bọc da. Xin phiền ngài xem giúp xem bệnh cháu thế nào.

Rồi cụ mời tôi vào ngồi nhà trong, tôi phần thì vội, phần thì nóng nẩy, nên mới được một tuần trà, tôi xin ông cụ để được vào thăm nàng. Ông cụ vội dẫn tôi lên gác, nhưng người em gái nàng đứng đó hình như biết rằng tôi với người ốm hẳn có câu chuyện kín nên nói rằng:

– Chú đau chân vừa khỏi, mà thang lại giốc, thôi để con đưa ông lên cũng được.

Ông cụ bèn xin lỗi tôi để con em nàng đưa lên, mà có vẻ bằng lòng lắm. Cô em quay lại tôi:

– Mời ông lên gác đây.

Tôi theo cái thang cuốn trèo lên. Đến trước một cái phòng kia, cô em theo sau tôi, vội chạy đến mở cửa, để tôi vào một mình, còn thì đứng lại bên ngoài. Cái buồng đây cũng rộng. Có cửa kính cửa chớp như lối tây. Đèn điện rọi ánh thanh quang qua cái chụp đỏ, làm cho buồng hơi có vẻ tối. Mới thoạt vào tôi nhìn thấy một người nằm trên ghế ngựa chùm khăn kín ngầm ngập. Đó chính là nàng. Thấy tôi vào thì hé một bên chăn, lên tiếng chào tôi.

– Cảm ơn thầy có lòng chiếu cố đến em. Bệnh em bây giờ lại nặng hơn trước. Ba bốn ngày không ăn một chút gì. Ho càng ngày càng nhiều. Thường thổ ra huyết luôn: em muốn vào nhà thương lần nữa, vì bệnh em là bệnh lây, ở mãi nhà thật phiền lụy cho chú thím em lắm, song phân vân mà chưa vào, là sợ thầy đã đi coi việc ở buồng khác. Lúc đó tôi nhìn mặt nàng hở ra ngoài chăn, tôi lại thở dài. Cái mặt đẫy đà thủa trước, bây giờ hom hem nhợt nhạt. Hai gò má nhô ra, cái sống mũi cao lên, cái cằm nhọn hoắt. Hai mắt thâm quầng mà sâu hoắm. Trên trán hai mái tóc xanh mướt, nom như gián vào da. Dưới ánh đèn cả cái khuôn mặt kia trông giống như một cái mặt người chết.

– Bây giờ cô gầy lắm. Lại ho ra máu nữa. Thế cô thổ huyết luôn mấy lần rồi?

– Bận này là sáu. Sáng hôm nay máu ra ước đầy một chén lớn.

– Như thế cô vào nhà thương thì phải lắm. Cô cứ vào. Tôi còn làm việc ở buồng ấy.

Nàng nhìn quanh buồng, không thấy có ai, mới sẽ lên tiếng rằng:

– Vâng, em được lời hứa của thầy em mới giám. Câu chuyện ngày trước nói đây không tiện xin đợi khi vào, hẳn thầy còn nghĩ đến. Lần này em muốn là muốn tạ lỗi cùng thầy.

Đồng hồ trên vách vừa đánh sáu tiếng, tôi nghe lại phổi cho nàng rồi cáo từ ra về.

Đêm hôm ấy trời lạnh như cắt, tôi nằm trong màn thốt nhiên thức giậy, rồi trằn trọc mà không ngủ được. Lại nghĩ đến nàng, rồi mà thương mà hối hận. Bây giờ được dịp, phải tính sao mà chuộc tội mình đây.

Ngày 30 tháng chạp năm 192

Chín giờ sáng, thấy một chiếc xe cao xu dương mui, bịt kín cánh gà áo tơi, đỗ trước phòng bệnh, sau xe có một người thiếu nữ theo vào, tôi biết ngay là nàng.

Tôi sai người khán hộ giọn lại gian buồng số 3 (từ đấy vẫn bỏ không) cho nàng ở. Tôi vào nhìn thấy nàng hình dung tiều tụy quá mà lòng tôi sót thương ái ngại. Một người mà hai lá phổi đã bị con trùng ác độc kia nó châm nát cả một phần trên đi rồi, thì còn làm thế nào cho lâu dài được nữa.

Tôi nghe bệnh rồi, lấy lời êm ái mà khuyên giải. Nàng thì nằm xuống giường, cũng không muốn nói, vì cái bệnh đi xe với cái ốm ấy làm gì không chuyển đến sức mạnh đã suy nhược rồi. Em nàng cũng chỉ đứng nhìn tôi, có vẻ buồn.

Ngày 1er và 2 tháng chạp năm 192

Hai hôm nay nàng đỡ mệt, không thấy thổ huyết nữa. Tôi thì bận nhiều công việc, cũng không nghĩ đến truyện trước, vả lại cũng không có gì là đáng viết ra đây cả.

Ngày 3 tháng chạp năm 192

Hôm nay tôi phải gác. Chừng như nàng biết vậy nên buổi sáng có ngỏ ý muốn nói chuyện. Lần này tôi vui lòng nhận ngay, không có ý ngần ngại như độ trước.

Chiều đến, tôi có nhờ người bạn cùng gác với tôi trông nom việc nhà thương hộ, rồi tôi lững thững đi vào buồng nàng. Thấy tôi đến, nàng ngồi dậy, mời tôi ngồi mà nói:

– Hôm nay ấm giời, trong mình em thấy giễ ở, lại nhân tiện được ngày thầy gác, em muốn phân trần với thầy vài lời...

Nàng hình như muốn nói nữa mà không tiện lời, nên ngần ngừ nhìn tôi, tôi hiểu ý, liền đỡ lời:

– Những truyện ngày trước cô không nên nghĩ đến làm gì nữa. Mà cô cũng đừng lấy làm giận tôi. Bây giờ cô đã tin lòng tôi mà lại vào đây, tôi nghĩ đến việc trước còn lấy làm hối hận. Mong rằng cô hiểu được bụng cho tôi thì may lắm.

– Thưa thầy, thật là vì câu truyện ấy, nên em mới mời thầy vào đây, mà cũng muốn cho câu truyện ấy có giải kết mà em lại vào đây.

Tôi nghe câu ấy, nghe thấy hai tiếng giải kết, người tôi bỗng lạnh như tiền. Hai tiếng ấy lạnh lẽo, hình như ngọn gió quỷ ở địa ngục đưa lên, thấm vào đến chân lông buồng phổi tôi vậy. Tôi nhìn đến nét mặt nàng, thì thấy một vẻ tiêu điều sâu sắc, như người cố tâm làm một điều gì khốn khổ mà phải dùng đến một cái năng lực gớm ghê. Bao nhiêu tinh thần đem cả ra đôi con mắt. Nét mặt thì như bầy hết cái ốm ra ngoài, nước da xanh nhợt, quầng mắt thâm sì. Cái mặt tiều tụy đó với đôi mắt tinh anh kia không khác gì cái buồng người chết tối om mà ai đã thắp lên hai ngọn nến.

Tôi càng nhìn nàng bao nhiêu, tôi càng sợ cho nàng bấy nhiêu. Thật là bông hoa sắp lúc hết đời. Một lúc nàng cất tiếng ảo não mà nói:

– Ngày hôm nay có lẽ là cái ngày cuối cùng của đời em. Thật ra thì bây giờ em đã ở dưới đất cho sâu bọ nó ăn rồi, còn đâu mà hầu truyện với thầy nữa. Đáng lẽ em chết đã lâu rồi. Thế mà còn giai giẳng cho đến ngày nay, là vì hồn oan chưa có chỗ để tiết ra khỏi cái thân thể tội tình này đó thôi. Thân thể là cơ quan, hồn là

chủ động. Hồn kia chưa muốn dứt, thì thân thể ấy đã chết đi làm sao được. Mà nhất lại là cái kiếp oan hồn...

Tôi nghe đến đấy, người tôi càng thấy bơ phờ, lòng tôi càng thấy tê buốt, mà hồn tôi càng thấy lạnh lùng. Chao ôi! Có khác nào ngồi xem kẻ khác chết vì mình không. Tôi cứ cúi đầu lặng ngắt.

"Cái lịch sử, cái tâm sự của em về phần trên, thầy đã rõ cả... Từ khi bị thầy làm nhục, nỗi lòng em thầy chưa được tường. Thân em nào là khổ sở, nào là bệnh tật, có được như người ta đâu mà đủ có một cái tinh thần trong sáng. Người ốm hay mê, kể cũng hay vậy. Cho nên trong lúc em đau em thật sự mung lung như người bơi lội ở trong cái bể u mê vậy, làm sao mà em làm như thế. Một tháng trời nay, âm ỷ đêm ngày, em nghĩ mãi mới hơn thành mối. Bước đời, gặp phải người chồng yếu mệnh, cái tình thiếu niên trong sạch của em, thường lai láng như bát nước đầy. Có ngày nó phải ràn rụa ra mà rơi đi mất. Cái ngày ấy là cái ngày mới được gặp thầy đó. Vì đâu mà em đem bụng mến thầy? Vì tấm lòng thầy có thể biết thương người được, vì rằng nhìn thầy em lại hồi tưởng đến chồng em. Câu đó thật sằng, xin thầy bỏ quá. Mang cái tên, cái đời, cái hồn của người chết cho câu chuyện như thế này, thật em là một người có tội lớn. Nhưng tội với người chết đã có từ lâu rồi, mà em cũng sắp phải chết, tưởng xuống suối vàng mà sám hối, mà xin tội cũng không còn lâu dài gì nữa. Thật vậy, thầy là người thứ hai và người cuối cùng ở trên đời mà em yêu đó. Thật là một sự lạ lùng. Em trông thấy thầy là em nhớ đến chồng em, vì thầy với chồng em khuôn khổ mặt giống nhau lắm. Hẳn thầy cho làm lạ. Nhưng không phải em bịa đặt mà để nhẹ lỗi mình đâu. Em thấy thầy lúc nào, em khuây khỏa lúc ấy, vì rằng những lúc chồng em đau yếu, em săn sóc thuốc thang mà bây giờ em ốm, lại được một người như chồng em trông nom chạy chữa, thật là hả dạ vô cùng. Có khi nghĩ quẩn em tưởng tượng rằng: "Hay chồng em khôn thiêng mà hiện về đó". Em như một người giữa đường, không còn ai âu yếm nữa. Thấy người ta chung quanh mình lúc ốm đau thì có chồng, có con, có cha, có mẹ. Đến như cái thân mình vò võ, ngoài đứa em thơ, ai là thân thích, ai là xót thương. Được thầy chăm chỉ cho uống thuốc, bảo lời êm, thì bao nhiêu cái mối ái ân vô chủ kia, đã hình như nước chảy gặp được hố sâu, đổ dồn vào đấy cả. Vì thế mà bệnh em có lúc lui

đi, đời em có khi trẻ lại. Thầy đừng lấy cái phấn son năm cũ làm cái thói trăng hoa. Thật là nhớ cái tuổi xuân xanh, muốn cho thiều quang trở lại với mình, mà em tô điểm. Có khi nghĩ kỹ mới biết là dơ. Nhưng người ta ai muốn cho mình già, mình xấu. Cái mãnh lực của ái tình lúc ấy không rõ vì đâu, nó đã hiện đến rồi cứ bịt mắt em mà sô đẩy em đi mãi. Đã nhiều phen muốn tránh nó, nhưng thầy còn nhớ cái tâm sự em lúc sợ cái chết là thế nào. Cho nên có lúc lại còn muốn giảo chân mà bước nữa. Vì thế càng ngày càng thấy lòng kính yêu thầy nó càng lan mãi ra như giọt dầu trên mảnh giấy, bèn đánh liều viết mảnh thơ trước cho thầy. Ấy cả đời em dễ nó là cái thơ thứ nhất của thần ái tình đó. Nào em có biết viết thơ như thế bao giờ đâu. Cái tình của em những ngày trong sạch, chỉ là cái tình thường thường của đàn bà mà thôi, nghĩa là tìm lấy một người chồng để mà yêu suốt đời là đủ. Mà đàn bà người mình, có ai là có giáo dục về khoa viết thơ đâu. Em cũng chỉ như vạn người khác mà thôi. Cái học thức cỏn con không bao giờ có hề dùng làm việc ấy. Về sau này cái phong trào nó ảnh hưởng đến tấm lòng đau của em quá, mà em lại hay có tính bắt chước, cho nên cũng theo ngay, như cho đấy là sự giải buồn. Mà nào có ngờ đâu cái mảnh thơ kia kết quả đến như thế... Sau khi thầy hắt hủi em đó, lòng em như chết đến chín phần. Đêm nằm nghĩ tủi lòng, dơ phận, khóc suốt năm canh, nước mắt thấm lạnh đến thái dương, đến gáy. Nghĩ đến mà thẹn thùng mà xấu hổ quá. Giá chết ngay đi được em cũng chẳng tiếc gì đời. Sau, em giận bao nhiêu, em lại oán thầy. Em oán thầy như oán người tử thù của em vậy. Lúc ấy muốn cầm dao nhọn kề đến cổ thầy, muốn mang thuốc độc cho thầy nhắp, muốn lấy một sự đê nhục khác mà trả thù. Thật là cuồng dại vô cùng...

Về đến nhà, cái giận với lòng tủi họp nhau lại mà tăng mãi bệnh em lên. Có đêm âm ỷ sốt, đau đớn lòng muốn cắn lưỡi mà chết. Nhưng số còn nặng nợ, dễ đã được nào.

Một đêm, em em nó kể chuyện rằng: ngày em ở trong này, (trước hôm em xin ra) một hôm nó vào, nó thấy thầy khóc ở bên cửa. Em nghĩ ra mới biết là chính sau khi thầy đã sỉ vả em. Thưa thầy, tuy em oán giận thầy đấy, nhưng lúc ở nhà thường thường vẫn nhắc đến truyện, đến thầy luôn, hình như làm thế thì khuây khỏa được lòng đau vậy. Em nghe truyện, em mới hối hận vô cùng.

Thật vì em mà thầy phải khóc, vì em mà để não lòng thầy, em không còn quyền nào mà oán thầy nữa. Chết đi sao yên. Tại thế em quyết lại được gặp thầy trước khi em chết. – Em kiệt lực lắm rồi, em thấy em sắp chết mà phải chết. – Cũng may là còn được mang đôi chút tâm sự để tạ tấm lòng thầy, như ý em sở nguyện..."

Đến đây, coi bộ nàng mệt lắm, tay trái với cái gối kê lại gần ngực, tỳ vào rồi ho một trận lâu. Còn tôi bấy giờ thì hình như một vật bằng gỗ; chẳng biết là mình ngồi hay đứng; thân thể, chân tay cũng như không có, chỉ có cái tiếng bập bùng của mạch máu bên thái dương là có thể bảo tôi biết rằng tôi còn sống đó thôi. Nước mắt che mờ cả nhỡn giới. Có lúc thẳng thốt như tỉnh cơn mơ, thì chỉ nghiến chặt đôi hàm răng, cúi đầu nhắm mắt mà lặng nghe nàng nói, lệ thường nhỏ xuống, tưới ướt cả hai bàn tay để tì trên đầu gối.

Ngớt cơn ho, nàng chùi nước mắt, nhìn tôi:

"Bây giờ tâm hồn em, em cũng đã cho thầy biết hết cả rồi, còn một việc nữa là xong nợ với đời... Nhưng trước việc chết còn một việc nữa... Em nghĩ đến không biết nó thành không, hay lại như em khi trước. Em em... con Hồng đó, em thương nó lắm, chỉ ước rằng, đời nó. Không lại như đời em... Thưa thầy, nếu thầy..."

Đến đây thì nàng lại lên cơn ho, ho mạnh hơn lần trước. Rồi thình lình choáng váng, gục đầu ra cạnh giường mà thổ ra máu, lai láng cả mặt đất. Tôi giật mình, đứng dậy mà đỡ lấy nàng. Khi huyết đã thôi không ra nữa thì người nàng đã không còn tinh thần nữa rồi. Hai mắt lờ đờ nhìn tôi, mặt mày sám ngắt. Tôi khẽ đặt nàng nằm xuống. Thì thấy tay nàng rung rẩy thò xuống dưới đệm giường một cách khốn khổ, lấy ra một cái bao giấy lớn và dầy, rồi như có ý đưa cho tôi. Nhưng sức đã kiệt, tay đưa chưa khỏi mặt đất, gói giấy nặng nề đã rơi xuống vũng máu ở trên mặt đất. Tôi từ từ để đầu nàng lên gối. Cái sinh khí đã bỏ nàng mà đi rồi. Than ôi một cánh hoa tàn, tóc nàng rối bời, thưa mỏng và ướt những mồ hôi, như dính bệt vào cái da trán trắng bạch. Mắt thì còn mở trừng trừng như nhìn vào mặt tôi, nhưng không còn cái tinh thần của người sống nữa. Trên miệng, máu và bọt còn như muốn ứa thêm ra, ri rỉ chảy đỏ thẫm cả một bên má. Cái gối trắng đỡ đầu nàng cũng đã ướt đẫm.

Thật là hồn đã lìa người. Tôi đứng sững trước tử thi đôi mắt đăm đăm nhìn người bạc mệnh, thấy người hối hận và đau đớn vô cùng. Ái ngại thay! Tôi bèn lấy tay vuốt mắt cho nàng, sửa lại mái tóc nàng, và lấy khăn mùi xoa của tôi mà lau sạch mặt cho người chết. Than ôi? Đối với người quả phụ ấy sống tôi đã là kẻ tội nhân, khi thác lại còn là người vô tình sao nữa! Song rồi tôi đứng mà nhìn nàng hồi lâu, như muốn đem cả cái chất óc mình làm miếng sáp mềm để in giữ lấy cái hình ảnh một người đoạn trường mặt phấn. Nhìn lâu quanh quẩn, nghĩ đến mấy đoạn tâm sự của nàng, nhớ đến mấy việc ác tâm của tôi, tôi lại đầm đìa nước mắt. Lúc đó tôi muốn khóc thật to để tạ từ cùng người đã khuất. Song chỉ thổn thức ở trong lòng, cắn răng mà nuốt lệ. Nước mắt tôi đầm đìa giỏ giọt xuống tận mặt nàng, làm cho ướt cả đôi má đã sám xanh lạnh ngắt. Nước mắt này để rửa sạch cái mối thương tâm ở trên mặt nàng đây. Cái bụng hối hận mỗi một phút như tăng mãi lên, sau cùng tôi không dám nhìn mặt nàng nữa. Mắt tôi vì thế mà để vào bao thơ rơi trên vũng máu. Bấy giờ mới nhớ ra rằng gói đó là nàng có ý đưa cho tôi trước lúc từ trần.

Tôi bây giờ như một cái quyền lực gì nó sui khiến, bèn từ từ cúi xuống mà nhặt lên thì cả cái bao bì thơ đã thấy đầm đìa những máu. Tôi lau sạch đi thì thấy ở ngoài có mấy chữ như sau này:

Sau khi tôi chết, xin đưa gói này cho
Ông V.T... học sinh năm thứ tư Trường Thuốc

H. TH. OANH.

Tôi nghĩ ngợi hồi lâu mà chưa dám mở. Mãi sau lúc bóc ra thì thấy cuốn sách chữ Hán, ấy chính là cuốn T.H.L.S nàng vẫn thường đọc. Rồi đến mấy tờ giấy viết đầy những chữ. Tôi nhận kỹ thì thấy một lá thơ đã cũ, chính là lá thơ nàng đã viết cho tôi ngày trước; rồi đến một phong thơ kín nữa. Ngoài hết có một lá thơ mới viết. Tờ nào cũng hoen cả như ai đã phơi nó ra mưa.

Ngày 28 tháng 11 năm 192

Thầy T...

"Thơ này là cái thơ thứ hai mà là cái thơ cuối cùng em viết cho thầy. Hồi em đến đây là gần hết. Thầy nên vì người chết mà đọc, đừng nên vì kẻ sống mà không xem.

Bụng em muốn được nói chuyện cùng thầy một lần cuối nữa, nhưng sợ chẳng được nào, nên em viết đây, hoặc khi chết trước lúc gặp thầy, cho được giải hết cùng thầy cái tâm sự chua sót của em.

Đời em thế nào thầy đã biết, nông nỗi em thế nào thầy cũng nghe qua. Em vì chồng mà mang bệnh, em vì thầy mà chết. Nhưng không phải nói thế là oán hận thầy đâu.

Từ gặp thầy ở nơi phòng bệnh, một tấm lòng xuân tàn héo lại thấy tươi cười. Bụng vẫn ước ao rằng được thầy biết đến cái tâm tính đau đớn của người quả phụ mà kết làm đôi bạn tinh thần. Vì thế không sợ chi cười, dám đường đột làm những sự hổ thẹn cho danh giáo, không ngờ thầy quá nghiêm, lấy cái quá thẳng mà vùi dập tấm lòng của em. Nghĩ kỹ lại em kính phục thầy lắm, mà càng giận em là nhẹ dạ vô cùng. Thôi nói dài vô ích. Em mang lỗi cùng thầy lắm. Làm sao thế? Vì một người thừa như em này mà để bận tiếng và lòng trong sạch của thầy. Em chết đi là phải lắm, không còn ân hận gì nữa, chỉ tiếc cái bụng thành thực của em thôi. Cái số em thế, nên phải gặp những bước như thế. Nhớ hai câu Kiều:

Đã đầy vào kiếp phong trần,
Cho thanh cao, mới được phần thanh cao.

Thì em lại tự khuyên em vậy.

Nhưng chết đi em còn quý cái bụng thầy lắm. Bao nhiêu công thầy chăm chút cho em khi ở phòng bệnh, bao nhiêu lời quý hóa của thầy đã vì em mà khuyên bảo, em biết lấy gì mà trả lại cái ơn ấy bây giờ. Cái ơn ấy to như thế, cái đời ngắn ngủi của em có thế này thôi, lo làm sao cho toàn được. Mà cái hơi cuối cùng kia, nó đã như sắp muốn bỏ em mà đi rồi.

Cuốn sách em gói lại đây, nó là người bạn quý của em đó. Em yêu em quý nó cũng không kém gì em quý em yêu thầy, em chết đi, ai sẽ làm chủ nó đây. Em lại nghĩ đến thầy. Em đã vì nó mà tốn bao nhiêu nước mắt, chả lẽ cũng để cho nó tiêu ma mai một đi như cái xác thê thảm của em này ư? Em xin phó thác nó cho thầy. Em xin thầy vì em mà yêu lấy nó.

Lê Ảnh ơi! Người sau kẻ trước, oan trái má hường, một phường bạc mệnh, một phường vô duyên. Ai vì Mộng Hà mà chết, chết vẫn ngậm ngùi. Duyên kia không chót, là vì một chút con thơ. Chuông

danh giáo bên tai khí muộn, lòng đeo mang chót đã nặng rồi. Hồn thơm người chín suối, con trẻ, cha già, còn may mà giữ được bước chân sau lại. Nhưng than ôi, tình kia thu hết hồn rồi, cái đời còn lại nghĩ thời sao đây. Dứt ra ắt phải thay vào công cuộc em, chồng cũng lỡ. Lê Ảnh ôi, ta với ngươi, cảnh ngộ có gì khác, thương rằng ta chẳng bằng ngươi. Ngươi xuống suối vàng mang còn ít hận, ta lìa trần thế, tủi nặng bằng non.

Thầy ơi, cái hi vọng của em thế này là hết. Em muốn dẫm vết chân một người bạc mệnh mà cũng không xong. Đau đớn trong tâm biết ngần nào! Cuốn sách kia xin thầy giữ lấy, đừng ghét nó mà từ.

Còn bức thư con này nữa, em nhờ tay thầy đưa lại cho con Hồng và nhân đây em lại thưa cùng thầy một điều này nữa, thế là em nhắm mắt yên rồi.

Em em, tuy nó đã là nghĩa nữ của chú em, quyền gả bán em không còn nữa, nhưng suốt trong đời em, em chỉ ước ao cho nó không đến nỗi như em, cho nó được một người chồng có đủ tư cách mà âu yếm nó, cho nó nhờ vả ở đời. Em vì thế mà vẫn hằng lo nghĩ. Nhưng nào em có biết ai. Thôi thì em lại theo gương Lê Ảnh, mong rằng nó sẽ thay em để đền bù cái lỗi nặng của em lúc sinh thời. Mòn gan nát óc, kế ấy nào biết có thành. Em lại mong ở thầy nữa. Một khi ở chốn tuyền đài, nhìn lên được thấy ý mình đã có hiệu quả, em sẽ vui lòng mà cười.

Lá thơ này tất cũng như lời khi em còn sống, xin thầy cứ đưa cho nó. Nhưng chỉ sợ ở bụng thầy thôi.

Thôi, em xin vĩnh biệt thầy, mong rằng thầy đừng vì em mà phải nghĩ, phải hối nữa, kiếp sau trâu ngựa xin đền.

Mấy hàng trân trọng xin xét soi cùng

H.TH.OANH tuyệt bút.

Tôi đọc xong, thấy ở trên tay còn lá thơ nữa. Cho em nàng đây. Tôi nghĩ mà đau đớn vô cùng, không biết nàng tâm tính thế nào mà nghĩ đến chuyện không đâu như thế.

Chất óc vừa bị tấn thảm kịch mới rồi xúc động, tôi càng nghĩ càng thấy rối. Đành gập thơ bỏ vào túi áo, lau nước mắt hoen ở trên

mặt, rồi đi ra. Tôi vội bảo người khán hộ vào buồng dọn dẹp lau chùi lại cho sạch sẽ, rồi ngồi đợi em nàng vào.

Cả một phòng bệnh, nghe thấy tin nàng chết, mà chết một cách như thế, người nọ chỉ ngơ ngác nhìn người kia, như một điều quái lạ. Vì rằng tấn kịch thê thảm ấy sẩy ra ở trong buồng một cách rất tĩnh mịch, trừ tôi, không ai còn biết nữa. Người khán hộ đến phải hỏi tôi rằng:

– Cô ấy chết lúc nào, thưa ông?

– Thầy cứ vào trông nom cho người ta dọn đi, hỏi lôi thôi làm gì.

Lúc đó mấy người ốm đã tò mò chạy cả vào nhòm nom rồi trở ra thì thào cùng nhau những truyện gì chẳng biết...

Tôi muốn ở lại trong buồng người chết mà đợi cô em vào. Song sợ nhìn đến mặt tử thi mà cảm xúc lộ ra ngoài, thì không tiện. Nên tôi ra đứng ngoài cửa phòng mà đợi.

Một lúc lâu, tôi thấy em nàng vào. Tôi gọi lại mà bảo:

– Cô Oanh vừa mất lúc nẫy rồi. Đây, lá thơ để lại cho cô đây! Nàng nghe thấy thế, không buồn cầm mảnh giấy tôi đưa cho nàng nữa, nức nở khóc, bỏ tôi đứng lại mà bước giảo vào phòng. Tôi phải theo với, bấy giờ nàng mới cầm lấy mà đi.

Tôi lững thững ra về buồng gác, nằm soài lên giường, bên lòng ngổn ngang trăm mối. Khốn nạn cho đời hồng nhan! Làm sao mà lại có người khổ tâm đến nhường ấy! Lúc sống đã ước ao những cái mộng tưởng trong tiểu thuyết mà không thành, khi sắp chết còn muốn làm một công cuộc trong tiểu thuyết nữa. Tiểu thuyết hại cho nàng biết chừng nào! Tiếc cho nàng thông minh trí tuệ, vì một chữ tình, vì tấm lòng hay cảm mà khổ hết một đời. Cuốn Tuyết Hồng Lệ Sử, là mũi dao, là giải lụa, là chén thuốc tiêu sinh cho nàng đó. Nghĩ mà ghê thay!

Ngày 4 tháng 12 năm 192

Tôi đem truyện ngỏ nốt cho Lê Quân biết. Lê Quân cũng than cho nàng và hỏi ý kiến tôi về cái mộng thứ hai của nàng. Tôi trả lời:

– Việc đó tôi cho là hão. Cái duyên của em nàng, cái tình của nàng, chỉ có tự em nàng làm chủ lấy được thôi. Còn đến tôi, thì tôi thật không nghĩ đến, mà cũng không có phép nghĩ đến.

Lê Quân nói đùa rằng:

– Anh không nghĩ đến, thế em nàng nghĩ đến thì anh liệu ra sao?

Tôi chua chát mà đáp:

– Cuộc đời mà đến như thế nữa, có khi anh với tôi phải đến không có óc nữa mới sống được... Nhưng không! Anh chưa biết người em nàng đó. Nếu lấy chữ "Mộng" hay chữ "Tiểu thuyết" mà tặng cho nàng thì phải lấy chữ "Chân" và chữ "Chính-kinh" mà tặng em nàng mới được. Người ấy anh chưa biết. Người thông minh ý tứ và có phúc tướng nhiều lắm. Có khi nào lại theo gót người bạc mệnh kia. Anh sợ nàng nghĩ đến việc ấy, tôi thì tuyệt không... tôi chỉ còn sợ nàng nghĩ đến mà oán tôi thôi.

Đến chiều, cất đám nàng. Tôi nghĩ thương tấm lòng nàng và trách tấm lòng tôi, nên cũng gọi là vài bước tiễn nàng đến huyệt.

Còn cuốn sách nàng giao cho tôi, và cái khăn tay giây máu kia, tôi cũng đưa cho Lê Quân xem rồi cho cả vào một cái hộp gỗ kín mà niêm phong lại như một vật báu, cũng chẳng ngại gì con trùng lao độc địa kia có thể sinh sự được với tôi hay không.

Ngày 8 tháng 12 năm 192

Hôm nay nhận được phong thơ, nom ngoài bì không biết của ai gửi đến. Chữ thì chữ đàn bà. Mở ra xem thấy:

... Nhã giám,

Em xin mượn bút thay linh hồn chị em ở nơi chín suối, cảm tạ ông bấy lâu đã vì chị em mà khó nhọc.

Nghe nói rằng sau khi chị em mất, ông đã nhủ lòng thương mà cho chị em được nhắm mắt lìa trần. Em lại xin cảm tạ riêng tấm lòng ấy nữa.

Lá thơ chị em để lại cho em, mà lại vì tay ông, em đã được xem hết. Xem xong mới biết ý định của chị em. Ý định ấy hẳn chị em cũng đã cho ông biết.

Chắc ông phải cười vì chị em là một người lạ lùng, vì chính em, em cũng phải cười như vậy.

Nên em cũng không giám nghĩ đến!

Chỉ xin cảm tạ ông đã vì chị em mà lắm lúc khổ tâm, Bây giờ chị em đã ở dưới dất sâu rồi, có tội xin ông cũng quên đi, cho hồn chị em được mát mẻ.

HOÀNG THỊ HỒNG
Kính bút

Tôi xem xong, trong lòng có sự hoan hỉ. Hoan hỉ một lúc rồi lại bùi ngùi, vì lá thơ đó nhắc lại cho tôi mấy điều hối hận chua xót.

Mà trong thơ có ý châm chích tôi nữa, như ý tôi đã đoán. Song nghĩ nàng oán là tự nhiên.

Vội viết trả lời rằng:

Cô Hồng,

Mấy lời cảm tạ, thật tôi không giám nhận. Xin chúc cô được hạnh phúc nhiều.

Kính thư

Đến đây là kết cục câu chuyện thương tâm của người bạc mệnh, là kết quả cái tội ác của tôi. Tôi viết thiên ký sự này, cầu rằng linh hồn người ở dưới cửu nguyên biết đến, cho tôi được sám hối cùng.

V.T

Tam Lang VŨ ĐÌNH CHÍ – 1930

CHUNG

ĐẶNG TRẦN PHẤT
(1902–1929)

Sinh năm 1902 tại Hà Nội, quê làng Trung Tựu, xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, Hà Nội, trong một gia đình nho học. Ông có bằng tú tài tại trường Albert Sarraut (Hà Nội). Từ 1926 là nhân viên bưu điện tại Viêng Chăn (Lào) và mất tại đây vào tháng 6-1929. Sinh thời, ông là cộng tác viên báo Nam Phong *và* L'Indépendance Tonkinoise *và tác giả các bộ tiểu thuyết* Cành hoa điểm tuyết *(1921),* Cuộc tang thương *(1922) và* Những nỗi dọc đường *(tác phẩm này bị thất lạc).*

Tuy cuộc đời và nghề văn của Đặng Trần Phất quá ngắn ngũi, ông chỉ xuất hiện trên văn đàn chưa đến chục năm, văn chương với ông vốn chỉ là "tay trái" ngoài công việc của một nhân viên nhà nước, nhưng cái mới, cái độc đáo của ông trong các tác phẩm Cành hoa điểm tuyết *hay* Cuộc tang thương *thì độc giả không thể không công nhận.*

*

CÀNH HOA ĐIỂM TUYẾT

(tiểu thuyết)

MẤY NHỜI NÓI ĐẦU CỦA TÁC GIẢ

Một xã hội hay hay dở cũng bởi về đạo đức, phong tục.

Phong tục dở, đạo đức nguy vong, là cái cơ một xã hội sắp đến lúc suy đồi vậy, bởi vì bao giờ lòng người còn biết theo cái lẽ đoàn-thể-tối-yếu biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, thì nhiên hậu đạo đức mới còn, phong tục mới hay, xã hội mới khỏi vong bản.

Nước ta trải mấy nghìn năm theo cái luân lý Á Đông, gây dựng gia đình, ra xã hội, mở mang đường đạo đức, đào luyện được bao nhiêu nhà lỗi lạc xuất chúng, hoặc về đạo đức, về văn học, về chính trị vân vân, lại nhờ cái tư tưởng bên Âu châu truyền bá cho ta, Âu Á giao thông, chẳng phải là một cái hạnh phúc cho ta ru?

Nhưng về phương diện phong tục luân lý nước nhà, nhiều nhà trí thức đã phải công nhận rằng đương buổi giao thời, người nước mình thường nhiều người hiểu lầm cái phong trào tự do bình đẳng, giữ theo cái thái độ quá ư vô tình với đường đạo đức, rẻ rúng phong hóa, ngoài xã hội, trong gia đình, thường thấy thói kiêu bạc, phóng đãng của người mình hiển hiện ra hàng ngày, đâu xa!

Ôi, luân thường đảo ngược, đạo đức suy đồi, phong tục suy vi là ba cái trở lực của con đường văn minh tiến bộ nước ta sau này vậy...

Bởi thế bên Âu châu, nói ngay như nước Pháp là một nước rất trọng đường tư tưởng, đường đạo đức thường thấy xuất hiện ra biết bao nhiêu nhà văn sĩ, lấy ngòi bút mà tả rõ cái tình trạng một xã hội về phong tục, về tâm lý con người, như A.Daudet, Paul Bourget là hai nhà làm tiểu thuyết có tiếng về phong tục (moeurs), về tâm lý (psychologie)... Những tiểu thuyết của các tiên sinh thật như ngọn đèn pha lê chiếu thấu tới chốn hang hầm tối tăm đọc qua tưởng tượng như trông thấy cả cái đoàn thể một xã hội về đường phong tục, luân lý vậy... Nước ta từ xưa đến nay chưa có mấy quyển tiểu thuyết nói rõ về phong tục, phần nhiều là những tiểu thuyết dịch ở sách người ta, ảnh hưởng không mạnh, mà cái kết quả về đường luân lý giáo dục không được to tát, vì sách là sách nước người, phong tục là phong tục của người ta, dẫu hay hay dở, cũng không can dự gì đến ta vậy.

Sao bằng của mình mình theo, còn gì hơn?

Nước ta, may nhờ được cụ Nguyễn Du để lại quyển Kim Vân Kiều *làm cái gương soi chung cả nước về phong tục đạo đức, bởi thế mà truyện* Kim Vân Kiều *đã thành một cái cột vững vàng chống giữ cái nhà Việt Nam này, làm cho người ta khi đọc đến, cái lòng cảm động như chứa chan giọt lệ, truyện sâu xa, cảm động như thế, có ảnh hưởng cho đường luân lý biết bao nhiêu...*

Một nhà văn sĩ Thái Tây đã có câu nói: "Muốn cho người ta yêu mình, không gì bằng làm cho người ta biết cảm bụng mình!" Thế thì những truyện cảm động ai oán như truyện Kim Vân Kiều *chẳng phải là tình nhân loại tương ái ru?...*

Bởi vậy ký giả, không hiềm tài sơ học siển, hiến độc giả chư quân tử một quyển tiểu thuyết về phong tục này, lời lẽ quê mùa, may

ra có lọt được đến tai các ngài, ấy là cái may mà thôi, còn khen chê, hay hay dở, kẻ thơ sinh đà đâu dám!

Tiểu thuyết này rất cảm động, những người chủ động trong truyện trải cái cảnh ngộ rất ai bi, ký giả nghĩ muốn dễ cảm hóa lòng người, không chi bằng cái buồn, cái thảm, cái khổ, như truyện Kim Vân Kiều *trên kia đã nói, có phải dễ làm cho lòng người cảm động bao nhiêu, cái thân thế hồng nhan bạc mệnh của cô Kiều ai là người không ngậm ngùi thương tiếc?*

Ước mong rằng các ngài sẽ lượng biết cho.

Hanoi, Avril 1921
ĐẶNG TRẦN PHẤT

ĐOẠN THỨ NHẤT

1.

Ngày 16 tháng chạp năm ngoái, ký giả còn nhớ hôm ấy có về chơi Hà Nội, nhân lúc rảnh rang công việc, buổi chiều gần tối, đi thăm người bà con ở ngõ Phủ Doãn. Lúc bấy giờ giời đông rét mướt, gió bấc lạnh lẽo, mưa dầm hiu hắt, nên khi bước ra cửa đi, thì chân tay run rẩy, mình mẩy lạnh buốt như đá. Trong mình tuy có mặc nhiều áo, lại thêm ngoài khoác cái ba-đờ-xuy (pardessus) mà vuốn [vẫn] rét. Nhìn mấy dãy phố phường chung quanh, thì mấy nhà đã đóng cửa ngay từ lúc xế tối, còn vài nhà tuy mở cửa, mà trông vào trong, ngọn đèn leo lét, thỉnh thoảng nghe tiếng nói cười, còn một vài nhà khác, thì chỉ thấy im lìm, tiếng nói cười lúc ban ngày, có nhẽ đêm đông đã hầu như tan hết cả vào mảnh chăn ấm áp. Ngoài đường kẻ đi người lại cũng ít, một vài ông ăn bận quần áo tây đi bước một trên hè, cổ ba-đờ-suy dựng lên đến gáy, tay đeo găng[1] thọc sâu vào tận đáy túi, một vài người kéo xe đi thong thả trên đường, đêm đông cùng nhau than thở nỗi cơ hàn, cảnh ấy tình đây thêm chán ngán... Liền gọi một cái xe cao su đến,

1. Găng (gant) là bít tất tay.

mặc cả xong lên ngồi, lúc bấy giờ mới nghe trong mình hơi đỡ lạnh. Còn người xe ra sức chạy, xe chạy êm như ru, ngồi trên xe trong lòng khoan khoái vô cùng, trông người xe kéo mình đương chạy mà lại ngậm ngùi thương, nghĩ mình sung sướng mặc dầu, nhưng kẻ kia phải khổ, vì nỗi đời bó buộc, phải đem thân giãi gió dầm mưa, kiếm manh áo bát cơm về cho lũ thê nhi ở nhà, những nghĩ cái cảnh cơ hàn của người kéo xe này mà trong lòng lại ngậm ngùi thương.

Cũng trong một giờ ngày, kẻ thì sung sướng trong chốn lầu son gác tía, chăn gấm đệm bông ấm áp, vợ con quây quất chung quanh, vui vẻ biết bao, nhưng còn kẻ, tử phần xa khơi, bạn bè cách trở, chốn lữ thứ giang hồ khổ sở, lại những kẻ cô thân đất khách, vì thời vận hẩm hiu, mà nỗi lầm than, tình khốn khổ như những đêm đông này thì ảo não bao nhiêu, khiến cái cảm tình của ký giả cũng vì đồng loại mà như chan như chứa, những nghĩ về cái cảnh ngộ của người phu xe mà buồn.

Những nghĩ như thế, mà không ngờ người kéo xe nhanh chân đã kéo quá một phố kia, hẹp hòi trông bằng nửa con đường nhớn ở các phố to, nhà ngói nhà gianh lơ thơ dăm ba chiếc thấp lụp sụp trông rất tiều tụy. Cả phố ấy, nhà đều đóng cửa cả rồi, duy còn một nhà, trông vào trong vẫn còn thấy thắp đèn, cửa mở rộng, bên cạnh có kê một cái chõng to vừa bằng nửa cái sập gụ của ta, nằm trên chõng có một người đàn bà đương ẵm đứa bé con. Người đàn bà ấy trông người mảnh dẻ, mặt trái soan, da trắng trẻo, mình chỉ mặc một cái áo cánh bông cũ, cái quần lĩnh thâm đã bạc trông xa chỉ thấy hơi hơi đen; còn thằng bé con ẵm thì co quắp nằm bẹt trong lòng, cái tã con che đậy mình mẩy nó ngắn mà rách, nên da thịt thằng bé hở cả ra ngoài. Thảm thay! đêm đông giời rét, mà mẹ con người này như thế!...

Vừa nghĩ vừa nhìn hai mẹ con, lại nhìn vào trong nhà thì thấy một cái phản kê giữa nhà, bên cạnh một cái hòm đã cũ, một vài cái thúng đựng quần áo mụn dẻ, tường đen vàng úa, mạng dện chăng, dưới đất trông ẩm thấp bẩn thỉu lắm.

Ấy cái đời của hai mẹ con người này khổ đến thế, nào ai là khách qua đường mà không ngậm ngùi thay cho nỗi cơ hàn mẫu – tử đôi người đây.

Người ấy tuy không ăn mặc gì đẹp, nhưng dung mạo trông rất thanh nhã, hai con mắt trông tối hữu tình. Tôi vừa liếc mắt nhìn thì thấy người kéo xe hỏi:

– Này thầy, thầy có biết chuyện người đàn bà này không? Thật là một câu chuyện rất éo le về nhân tình đời nay.

Tôi nghe, lấy làm lạ chưa hiểu sao, thì người xe lại nói: "Một đời người này thật là lắm đoạn thảm thê, cũng chỉ vì hồng nhan bạc mệnh, duyên Thúy Kiều vội gặp gã Sở đánh lừa mấy sui nên nông nỗi như ngày nay. Trải mấy đời chồng rồi, nhưng nghĩ bao nhiêu càng thêm căm giận những phường bạc nghĩa, mượn mồm lưỡi, đồng bạc trắng mà đánh lừa má phấn, khiến cho biết bao nhiêu người nữ lưu, duyên phận dở dở dang dang, tấm thân bồ liễu đã hầu như biết bao lần chìm nổi trên sông Tiền Đường rồi. Ôi nói bao nhiêu thêm tức, thêm giận...

Người xe vừa thuật đến đấy thì im, mặt đỏ bằng lên. Tôi vội vàng giục: "Đầu đuôi thế nào xin anh kể rõ tôi nghe, tôi muốn biết chuyện người này để làm một quyển tiểu thuyết, làm gương cho đời!"

"Thôi được, nếu thày có ý nhiệt tâm mà muốn nghe rõ chuyện người này thì tôi xin kể. Vậy thầy hãy tạm ra chỗ bán hàng nước đầu phố đây để tôi hút điếu thuốc, rồi tôi sẽ thong thả kể hết thầy nghe...". Tôi gật đầu, rồi theo người xe... Ra đó, ngồi một lúc người xe ấy mới bắt đầu thuật chuyện.

2.

Nguyên người này vốn dòng dõi con nhà tử tế. Người cha khi trước có làm giáo thụ tỉnh B.N. Bà mẹ cũng là con nhà sang trọng, người hiền hậu, phúc đức. Hai ông bà sinh được có mỗi một mình cô ta là gái mà thôi. Quan giáo vốn là người tài cao học rộng, bụng dạ ngay thẳng lương thiện, nên trong trường ngài dạy học cũng đông, học trò nhớn nhỏ được hơn một trăm người, ai ai cũng có bụng mến ngài. Thường nhiều nhà phú gia điền chủ có con học ngài, tết nhất vẫn khiến con đem lễ vật đến biếu ngài rất hậu, nhưng ngài không hề lấy của ai. Nhất thiết từ chối hết cả, dẫu một bao chè, một đồng bạc ngài cũng không nhận. Học trò nhiều

người mến ngài quá, muốn cho ngài nhận lễ vật, thì lại vào to nhỏ với phu nhân, nhưng phu nhân cũng là người bụng dạ giỏi, tiếng là đàn bà mà cũng không có bụng tham lam gì đến của hối lộ bằng tiền bạc cả. Quan giáo dạy các học trò rất chuyên cần, ngài tin ở cái đạo truyền bá học thuật tư tưởng và giáo dục luân lý vậy. Ngài thường nói với các trò:

"Tôi bình sinh dạy các anh chỉ lấy sự chuyên cần thành thực chân dốc làm gốc; tôi mong cho các anh nên người có đức hạnh, có tài năng. Cái nghĩa vụ tôi là rèn tập dạy bảo các anh nên người khá giả mai sau, làm vẻ vang cho nhà họ, cho tôi mà thôi. Các anh có bụng yêu tôi, thì xin đừng lấy tiền bạc lễ vật mà cho tôi; tôi vốn ưa thanh liêm, không ưa hối lộ. Ví dù tôi có làm quan to tát, thì tôi cũng không bao giờ quên cái nghĩa vụ của tôi đối với dân, với nước. Các anh nên biết cho như thế, mới phải!".

Nhời quan giáo nói làm cho các học trò đều cảm động, tin phục vô cùng. Từ đấy tiếng thanh liêm đồn đại xa gần; nhiều người được cảm ơn đức ngài lắm.

Ở tỉnh ngài dạy học có quan án người rẽ ngang được làm quan, nên cách giao thiệp hách dịch lắm; các quan phủ huyện điều chạy mặt. Tết nhất ai cũng phải đem lễ vật đến đưa người, kẻ ít người nhiều, không ai là không có, duy có quan giáo nhà thanh bạch cho nên không bao giờ đưa lên được. Lắm khi có việc vào quan tỉnh, thì lại bị mấy cậu lính ra vòi tiền, ngài không có, thì chúng nó lại không cho vào. Ngài nghĩ rằng không có lễ vật đưa lên các quan tỉnh ngày tết nhất thì thật không hợp cách, nên đã không có, thì phải vào hầu nịnh nọt cho qua loa, may ra có được yên chăng? Ấy bởi ngài nghĩ như thế, nên ngài phải lên tỉnh, mà mỗi lần lên, thì lại mỗi lần về không. Từ đấy ngài lấy làm lo sợ lắm, vì sợ quan trên không bằng lòng thì chắc là làm khó cho ngài, có nhẽ không được làm quan nữa. Mà quả thế thực. Quan án tỉnh này vốn ghét ngài là bẩn, là kiệt, lại nữa khi ngài mới để cô con gái này (tên là cô Bạch Thủy) thì quan Án có mượn người hỏi xin ngay ngài cho cậu con người, chờ đến khi nhớn sẽ cưới. Nhưng quan giáo vốn người cương trực, giòng nho gia, nên không chịu nhận nhời quan án, bởi thế từ đó quan án đem lòng hờn giận hoài, hằng lo mưu hãm hại...

Quan giáo nghĩ cách ở đời như thế mà ngài đem bụng chán ngán rầu rĩ, vì ngài nghĩ lại "ở bầu thì tròn" thời nào theo thời ấy; nay ngài đã không theo được, thời sao được? Nên ngài thường than thở với phu nhân. (Lúc đó cô Bạch Thủy đã lên mười). Phu nhân thấy ngài lo rầu thái quá, thường can ngăn khuyên giải luôn luôn:

"Ông ơi, dẫu sao ông cũng phải nhịn nhục cho qua ngày tháng. Nếu có điều gì chẳng may ra nữa thì vợ chồng ta sẽ về quê mà lo bề cày cấy. Nhà mình cũng được năm sáu chục mẫu ruộng, tưởng làm ăn cũng đủ được no ấm. Lo chi?"

Quan giáo thấy phu nhân khuyên lơn chiều chuộng hết lòng, nên cũng vui mà quên dần đi.

Lần hồi ngày tháng thoi đưa, năm ấy nhằm ngày tết mồng 5 tháng 5, quan giáo cùng phu nhân và cô Bạch Thủy đương ăn cơm, thì nhận được tờ tư ở tòa sứ tỉnh đưa về.

Tờ tư rằng:

"Nay quan tỉnh xét quan giáo làm việc quan không chuyên cần, hay ăn tiền của học trò, không lo dạy học, thì từ hôm nay phải triệt hồi, hẹn phải chở gia quyến về quê hương ngay, để nhà nước bổ người khác đến thay!"

Tin đâu sét đánh bên tai. Quan giáo xem xong tờ tư, mặt mày biến sắc, chân tay run rẩy, nín lặng hồi lâu, rồi mới toan hỏi, nhưng chưa nói được thì khí oan uất lên đến cổ, rồi ngài té siêu ngã xuống đất mà bất tỉnh nhân sự. Phu nhân sợ hãi, vội vực ngài vào trong giường, đặt nằm đâu đấy; lúc đó ngài mới mở mắt mà nhìn chung quanh, chỉ thấy phu nhân và cô Bạch Thủy thì ngài buồn bã, mà khóc ròng. Ngài bèn gọi phu nhân lại gần, rồi dặn phu nhân rằng:

"Tôi liệu trong mình, biết là khó sống được mà bầu bạn với phu nhân và chăm nuôi dạy bảo con. Ấy vậy, sau khi tôi chết thì phu nhân phải thu xếp cửa nhà, rồi mẹ con cày cuốc làm ăn nuôi lẫn nhau. Phu nhân phải chăm nom mà dạy bảo lấy con, cho được nên đứa nết na hiền hậu, mai sau nó khôn lớn rồi, thì liệu xem có chỗ nào tử tế, con nhà nào nết na học khá, thì gả nó cho người ta. Tôi chắc con nó là đứa biết nghĩ tình mẹ con, không bao giờ quên phu nhân đâu. Sao nó cũng phụng dưỡng phu nhân cho trọn đạo. Còn tôi với phu nhân vợ chồng mấy mươi năm sum họp, cũng tưởng

là ở với nhau đến trăm năm, không ngờ đâu giời xui tôi phải chết trước phu nhân, tưởng cũng là số phận tôi có ngần ấy mà thôi. Vậy xin phu nhân, mẹ con khuyên nhủ nuôi nứng lấy nhau, chớ thương sót tôi làm gì lắm mà hao tổn tinh thần!"

Xong, ngài lại gọi cô Bạch Thủy lại gần bên giường mà dạy bảo ân cần. Cô Bạch Thủy lúc này thấy cha thế, không dừng không khóc được, nên hai hàng nước mắt cũng chảy giòng giòng, trông rất thương. Quan giáo ẵm cô ngồi bên cạnh khóc mà dặn rằng:

"Con! Bây giờ con còn bé, dẫu có nói con nghe thì chắc con cũng không biết được, nhưng trước khi cha không được trông thấy con, con không được trông thấy cha nữa, thì cha phải giối lại vài lời với mẹ con và con. Cha tưởng như cha làm quan giữ một bụng thanh liêm cần mẫn mà vận hạn ngày nay chẳng ra gì, thì đủ biết muôn việc cũng tự lòng giời bắt sao phải chịu vậy.

Phận gái như con, mới bằng ngần này mà đã bồ côi sớm, thì cũng là khổ lắm đó. Nay còn hai mẹ con con ở lại, thì phải hết bụng yêu nhau, con nên khuyên giải và phụng dưỡng mẹ con cho phải đạo làm gái hiền, con thảo. Bao giờ con khôn lớn biết làm lụng đỡ đần mẹ con thì con phải lo săn sóc trông nom cày cấy làm ruộng, giồng lúa, giồng khoai. Khi nào xem cách buôn bán có dễ, thì nói với mẹ con cho con ít vốn ra Hà Nội lập một cửa hàng nhỏ mà buôn bán. Cố mà tập tành lấy tính toán sổ sách, giữ gìn lấy nết na đứng đắn, chứ đừng bắt chước các con nhà khác theo thói giăng hoa, chỉ ưa son phấn điểm trang. Con phải biết chỗ tỉnh thành đô hội là nơi đàn điếm ăn chơi, những phường công tử xổ xiên bạc bẽo, ve vãn láu lỉnh không thiếu chi, những hạng các cô phấn son thừa thõi, giang hồ du đãng không phải ít, nên tránh những thứ người ấy cho xa, vì những phường trên bộc trong dâu, thời ai có cầu làm chi?

Chớ thấy của mà tham, chớ thấy làm nên mà đã trọng, bởi vì cha thấy chán nhà giàu có, có con làm nên danh giá mà cũng hư hỏng, tính hạnh cốc láo chơi bời phóng túng càn dỡ, những người chồng mà như thế, thì dẫu vợ có được nhờ vả nhưng cũng khổ.

Cha chỉ cầu cho con lấy được người chồng hiền lành nết na, biết lo làm ăn, dẫu chẳng làm nên gì, nhưng mà nó biết thương yêu con, quý trọng mẹ con thì còn hơn.

Ấy cha dạy bảo con có mấy điều đó, con nên nghĩ mà ghi nhớ vào lòng!"

Quan giáo nói xong liền gắng gượng ngồi dậy tìm hết sổ sách văn tự giao cả cho phu nhân. Xong đâu đấy, thì ngài lại nằm xuống giường, hai mắt lim dim, hơi thở còn hoi hóp, đủ biết bệnh thế ngài nguy lắm rồi. Ngài tự liệu cũng chẳng còn mấy chốc mà nhắm mắt, nên nghĩ đến vợ con thì thương xót lắm, chỉ nhìn phu nhân và cô Bạch Thủy rồi lắc đầu mà thôi.

Từ đó căn bệnh ngài trầm trọng, thuốc thang điều trị nhiều nhưng càng ngày càng nặng. Một hôm cả nhà đương ngồi xúm chung quanh ngài, ngài rên la rầm rĩ hốt nhiên kêu to lên một tiếng rồi tắt hơi. Cả nhà khóc lóc, phu nhân và cô Bạch Thủy lo tống táng ngài xong bèn thu xếp đồ đạc về nhà quê ở huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông.

3.

Thấm thoắt được 6 năm.

Làng quan giáo ở vốn là một làng nghèo, số đinh ít, ruộng thì xấu, đất cũng không được tốt. Quan giáo vốn cũng cày cấy được ngót sáu mươi mẫu, nhưng hoa lợi một năm cũng không thu được là bao nhiêu. Nên phu nhân lại bán một phần nửa đi, lấy tiền mà làm một cái nhà con, cùng mua một cái vườn con giồng giọt các thứ hoa quả để chi dụng ăn uống, hoặc đem bán. Cái nhà phu nhân mới làm đây rộng hẹp được độ ba gian, đằng sau có ao, trước mặt có vườn nhỏ. Hai mẹ con phu nhân ở đấy lần hồi cày cấy cũng đủ ăn; vì nhà ít người ăn tiêu, nên lâu dần cũng để ra được ít nhiều tiền bạc. Lúc này cô Bạch Thủy đã 16 tuổi, người trông nhỏ nhắn thanh nhã, mặt trái xoan trắng trẻo, mắt sắc, tay chân mềm mại, lại thêm đức hạnh ôn hòa, thảo thuận, nên ai cũng khen. Phu nhân thấy con gái thế, bụng cũng mừng thầm.

Bèn nghĩ muốn cho cô một ít vốn ra Hà Nội buôn bán, sau nữa để cho cô nhân dịp này mà kén chồng tài giỏi, nương gửi tấm thân mai sau. Nên một hôm gọi cô mà bảo rằng: "Nay mẹ để ra được ba bốn trăm bạc, muốn cho con ra Hà Nội để học buôn bán và tìm chút rể xứng đáng, không biết con có bằng lòng chăng? Nếu con bằng

lòng thì nhân tiện mẹ có quen bà đồ T. ở phố hàng Bút cũng buôn bán có cửa hàng, để mẹ nói với bà ta xin cho con dọn hàng chung vào đấy; bây giờ hẵng buôn bút, giấy, son, mực xoàng rồi sau có nhiều vốn sẽ mở luôn cửa hàng buôn to bán nhớn cũng chẳng muộn chi?"

Cô Bạch Thủy nghe phu nhân nói liền mủi lòng rơi lụy: "Mẹ muốn vậy, nhẽ nào con không vâng lời mẹ. Song bây giờ cha con đã mất, còn có hai mẹ con ta thì con muốn ở với mẹ trọn đời mà thôi, con không muốn đi đâu sất!"

– Con nói dở lắm, con là con gái thì phải lấy chồng, còn mẹ thì già cả, sống chết nay mai, có nhẽ đâu sống được mãi mà ở với con. Con có bụng hiếu hạnh với mẹ, thì mẹ cũng đẹp dạ, nhưng con phải nghe nhời mẹ như thế, thì mẹ mới khỏi buồn về con... Con cứ yên lòng ra Hà Nội buôn bán, rồi thỉnh thoảng mẹ ở nhà quê ra thăm con, như thế cũng gặp nhau luôn, lọ là phải ở chung chạ với nhau sao?

Phu nhân vừa nói vừa vuốt ve cô, càng thấy con càng thương càng yêu. Cái tình mẹ ấy, con ấy lúc này có khác chi mẹ con người Giới Tử Thôi đời Chiến quốc không?

Cô Bạch Thủy thấy mẹ nói hết lời, nên cũng thương mẹ mà bằng lòng ngay: "Thôi thì mẹ đã muốn vậy, con cũng xin vâng". Phu nhân cả mừng bèn sắm sửa quần áo đồ đạc và đổi bạc đổi tiền cho cô 400$[1] ra buôn bán ở Hà Nội.

4.

Thế là từ đó cô dọn hàng buôn bán ở nhà bà đồ T. là người bà con quen biết với phu nhân. Bà đồ này là người đảm đang sắc sảo, nên buôn bán cũng giỏi, cô Bạch Thủy nhờ ở đó bà ta dạy bảo cách thức, nên chẳng bao lâu cách mua hàng, bán hàng cũng thạo. Lại thêm cô là người có tư chất thông minh, ăn nói dịu dàng lanh lợi nên hàng họ tuy có ít mà ngày nào bán cũng chạy. Khách mua hàng nhà quê kẻ chợ thấy cách cô chào mời tử tế, nên đều mến cô mà chỉ đổ xô vào mua cả hàng của cô, chưa được vài

1. Ký hiệu đồng bạc (piastre) thời Pháp.

tháng mà vốn liếng cô cũng được kha khá, có thể đem ra mà buôn to tát được.

Nhưng cô là người kiên nhẫn bụng dạ giỏi, dẫu chắc ở cái tài mình buôn được lời được lãi, mà cũng không hề đem lòng nghĩ ngợi đến cách ăn mặc sa hoa, chơi bời đua ganh với các chị em. Chỉ ngày ngày ngồi cửa hàng, đến tối lại lui vào trong nhà xem xét, tính toán sổ sách mà thôi. Đất phồn hoa cũng lắm bọn thoa quần thường lui tới chuyện vãn với cô, lắm khi muốn rủ rê cô đi xem hát, đi chơi chỗ nọ chỗ kia, nhưng cô không chịu, một niềm từ chối. Vì cô hồi tưởng lại những lời quan giáo thân sinh ra cô, lúc quy tiên dặn lại, thì cô lấy làm lo sợ, lắm lúc chiều mát đứng cửa, khách ong bướm thường qua lại dập dìu, trai anh tuấn lắm phen lui tới, mà mắt xanh vẫn cúi, cặp lông mày chưa dưng dửng với ai, chỉ ngày qua tháng lại, gót sen lui tới trong nhà, trong phòng loan một mình một bóng mà thôi.

Có lúc rảnh rang một mình buồn, đêm khuya canh tàn, mà giấc hòe chưa nhắp, thì lại giở chuyện Kiều ra ngâm nhởi nhẽ bi thảm, cho hay cái cảnh "Tự cổ hồng nhan đà bạc mệnh" của cổ nhân đã đặt ra mà ví vào cô Kiều cũng sâm si mường tượng đến cảnh cô, mai sau thân bồ liễu biết là về ai? Hay lại đem mình ngọc cho ngâu vầy, mà phó mặc tấm thân này cho các gã Tràng Khanh, Tống Ngọc? Hay Phan An chửa gặp mà má hồng lần lữa, rồi lại về tay anh trọc phú, chú công tử bột, gã Sở Khanh nào?

Huống chi đất phồn hoa, những phường đểu giả bạc nghĩa không ít, nữa lại bị chúng làm nhục, nào có biết thương chút phận thuyền quyên, hay cũng lại như ai để lưu danh thiên cổ mà mang danh tài sắc Thập Nương[1]? Hay rồi lấy chú Lý Sinh[2] bất nghĩa? Hay rồi

---

1. *Mang danh tài sắc Thập Nương* đây là ý nói mang danh tài sắc mà phải vào lầu xanh như Thập Nương.
2. Lý Sinh là một chàng công tử hào hoa chơi bời, chép tường truyện trong *Kim cổ kỳ quan,* mê một ả thanh lâu là Đỗ Thập Nương, hai bên lấy nhau, Thập Nương là gái chung tình, xuất tiền của của mình mà chuộc thân, rồi theo Lý Sinh về quê nhà. Ngờ đâu Lý Sinh tham tiền, toan bán nàng cho người bạn. Nàng giận lắm, bèn đổ hết vàng bạc xuống sông rồi đâm đầu theo tự tử. (Xem rõ ở truyện *Kim cổ kỳ quan*).

không gặp kẻ thương hoa tiếc ngọc như Tần Lang?[1]... Cô ơi! ký giả với cô vốn không quen biết, nhưng nghĩ chuyện của cô, thật vì thương bạn hồng quần như cô, mà phải liều viết giải mấy nhời thành thực đây với cô, cũng muốn rằng cô am hiểu nhân tình thế thái ngày nay mà lấy mắt xanh chọn đá thử vàng!...

Từ ngày cô Bạch Thủy ở Hà Nội buôn bán, thấm thoắt được ngót hai năm giời. Lúc đó cô đã 18 tuổi, nhan sắc trông tuyệt đẹp, xa gần đều nức tiếng; nhiều chỗ mượn người đến hỏi, mà cô lắc đầu không thuận đâu cả. Bởi thế chuyện nhân duyên từ đấy bẵng hẳn đi. Cô cũng không nghĩ ngợi gì đến, chỉ chăm chút về cái cửa hàng mà thôi, vì cô đinh ninh rằng người tài tử phong nhã sẽ gặp cô ngay, không nhẽ hoa thơm mà đến nỗi sa phải vũng bùn lầy... Sớm trưa, cái lòng hy vọng cô tất được mãn nguyện. Lo chi? Người tài sắc?

5.

Trước cửa hàng cô có nhà quan phủ Nguyễn, nhà rộng ngoài cho người thuê bán hàng. Quan phủ này là người khoa mục xuất thân, vốn giòng thế phiệt; cái nhà này nguyên của cụ cố để ra ngài để lại, bây giờ ngài phải đi trấn nhậm tại phủ Đ thuộc tỉnh P.Y... nên chỉ có phu nhân ở đấy trông nom cho cậu con cả ngài đi học mà thôi. Công tử tên là Liễu Oanh, tuổi mới 19, mặt mũi khôi ngô, dáng người phong nhã, cặp mắt sáng như gương, lại thêm đi đứng khoan thai, ăn nói lễ phép, nên quan phủ ngài yêu thương, phu nhân thì quí lắm; chiều chuộng hết sức, muốn sao được vậy. Cậu là người thông minh học rộng, nên lúc đó tuổi chưa cao, mà tài hoa nổi tiếng con giòng, năm xe kinh sử làu thông, người như thế, ai chả khen, ai chả phục. Bởi thế mà chưa hỏi vợ, đã có người muốn gả con; nào người thì làm mối cho cậu lấy con gái quan Thượng Mỗ, nào người thì đánh tiếng gọi gả con cho cậu, nhưng cậu

---

1. Tần Lang tên là Tần Trọng là một gã bán dầu (chép tường trong truyện *Kim cổ kỳ quan*) người rất chung tình, vào chơi một ả kỹ nữ có danh tiếng tốt đẹp tên là Hoa Nô, đương đêm, nàng ngủ nôn mửa ra, chàng lấy vạt áo mà hứng... (Xem rõ ở truyện *Kim cổ kỳ quan*).

chưa bằng lòng đâu, vì cậu nghĩ muốn cho đại đăng khoa đã rồi sẽ tiểu đăng khoa cũng chẳng vội chi!

Thường cứ ngày ngày hai buổi cậu đi học. Cậu chăm lắm, mới sáng sớm đã thấy cắp sách đi học, đi lối con đường phố Kiến, rẽ ra hàng Buồm là trường học của quan đốc Phan mở ra dạy học trò. Học trò cũng đông, nhưng nội trường không có ai học bằng cậu; kỳ bình văn nào cậu cũng được giải, kể kinh nghĩa, văn sách cùng phú lục, thì cậu lại có phần giỏi lắm. Quan đốc Phan chấm bài cậu không bài nào là không khuyên tít. Ngài khen cậu lắm, lại thấy cậu người đẹp, thêm nết na, nên thường chỉ cậu mà bảo học trò: "Cậu cũng như Phan An Nhân ngày xưa, người như cậu, con nhà đại gia thế phiệt lại thêm bác học kỳ tài, lo gì chả đắt vợ. Vậy cậu chớ lo chi chuyện ấy, sớm trưa cậu sẽ gặp người quốc sắc?"

Người quốc sắc? Cậu vẫn mơ tưởng tìm tòi lắm, nhưng nàng Ban, ả Tạ có mấy ai? Kể như các con nhà hàng phố, thì được của hỏng người, mà phần nhiều chỉ giàu lỏi, chứ nào có ra con nhà khuê các nết na, chẳng qua chỉ biết soi gương đánh phấn, vẽ mày bôi môi mà thôi, chứ được mấy người xứng đáng hiền thê nội trợ. Cậu tuy ở chốn đô thị phiền hoa đông đúc, các tiểu thư có thiếu chi, nhưng vì cậu nghĩ như thế, nên mắt xanh chưa để ai vào, tỉnh thành biết bao người, nhưng trước mắt cậu đã hầu như một chốn am thanh cảnh vắng, ngoài con đường học vấn, dễ thường bè bạn không có ai?

Nên cậu tuy vẫn chăm học, mà lắm lúc nghĩ cũng buồn. Lạ gì cái thói con giai lớn đến tuổi lấy vợ, thì cũng hơi khó chịu một tí, huống chi cậu lại là người văn sĩ, cái cảm giác về tình nó run rẩy rất lạ, nó cảm sâu vào tận lòng thơ, mà làm cho vì ái tình mà ngây, vì má phấn mà si, vì cặp lông mày, đôi môi sơn mà ngơ ngẩn, mà ngơ ngẩn vì...

Bạch Thủy tiểu thơ lúc này đối với Liễu Oanh công tử có một cái oai quyền rất lạ. Những khi chiều mát, độ vào khoảng năm giờ, hàng họ dọn dẹp xong rồi thì tiểu thơ rửa mặt, rồi vấn đầu vấn tóc, xong ra đứng cửa. Đường phố xe đi xe lại rập rình, khách đi về tướp nượp giữa đường cát bụi tối tăm, ầm ầm tiếng xe, rộn rộn tiếng người. Trông xa, trông gần, trai tài tử chen chân nối gót nhau mà đi đầy đường chật phố.

Tiểu thơ đứng ngoài cửa lúc này, tựa như ngành dương liễu đứng im, mỗi lúc động đậy mình mẩy, thì như ngọn gió hiu hiu khẽ lay ngành lá, cái đuôi gà phấp phới, cái khăn bằng ca-sơ-mia nâu, cái áo trắng dài vải dầm, cái quần lĩnh thâm cạp điều đen nháy, cái mũi giày tròn nhọn, mỗi lúc trông thấy lại ngắm đến cặp mắt khi cúi khi lên, khi bên phải, khi bên trái, hàm răng đen nháy khi miếng giầu, khi hơi cười, cười nụ, khi hơi nói, nói gượng, đôi má phấn lúc thường thì trắng như ngà, lúc có khách qua, thì lại hơi đo đỏ.

Cô đẹp lắm thật, cho nên nhan sắc cô thường khi Liễu Oanh công tử phải để mắt vào, mà ngắm nghía nhìn không mỏi mắt. Cửa đối cửa, mặt đối mặt, giai tài gái sắc cùng nhìn cùng no, nhưng cái no này là no, no ốm, là no, no đau, cho nên mỗi lúc Liễu Oanh nhìn cô từ trong bức mành mành mà trông sang bên hàng, thì trong bụng như bị một cái ma lực nó sắp đưa đi chơi chốn vực sâu thăm thẳm. Người đó là người nào mà khiến cho ta càng nhìn càng ưa, càng ưa càng chết trong lòng? Nào duyên nợ ba sinh? Biết cùng ai gắn bó? Từ đấy công tử đem lòng mơ tưởng hoài, ra vào không yên, mỗi lúc nhìn tiểu thơ thì thấy cái khổ vô hình, nó ngấm ngầm trong lòng, nhìn mà muốn ôm chặt vào lòng, mà muốn hỏi: "Cô có biết cho?"

Ngày đêm thổn thức, một bóng một hình, chỉ một mình trên gác kín, chồng sách phập phồng, câu đối liễn treo từng hàng trên vách, hết nằm lại ngồi, hết đi lại đứng, mỗi lúc nhắc mình, mỗi lúc cựa mình, mỗi lúc mở mắt, mỗi lúc nhắm mắt, lúc nào cũng thấy khó chịu trong người, ai hay cái sắc nó dễ làm cho say người? Ai hay câu thơ "Nhân diện bất tri hà xứ khứ" nó tưới sầu tưới thảm vào gan, mà gợi bao nỗi thương tâm trong dạ?

Lúc này công tử cầm quyển sách như người còn mê ngủ chưa tỉnh, gật gật gù gù, say say tỉnh tỉnh, mắt nhắm mắt mở, mặt mũi buồn so, dễ thường trong bụng công tử lúc nào cũng nghĩ đến bốn chữ: "Cô có biết cho?"

6.

Cách hai hôm sau thì Liễu Oanh nhuốm bịnh sốt rét; mình mẩy lạnh ngắt, nằm bệt trên giường thiêm thiếp chẳng cựa cậy chi cả. Thằng bé con hầu cậu, thấy bỗng dưng cậu ốm, không

hiểu làm sao, vội vàng xuống nói với phu nhân. Phu nhân cả kinh, không biết hung dữ thể nào vội vàng chạy lên gác, trông thấy cậu đương nằm trên giường thì lại ôm lấy cậu mà khóc ròng:

"Căn bệnh con làm sao nói cho mẹ biết?"

Công tử nghe tiếng mẹ nói, vội vàng mở mắt, rồi nhắm nghiền lại, song lắc đầu một cái... Phu nhân thì ôm chặt lấy con, coi bộ lo rầu sợ hãi lắm, người tuổi già tóc bạc, cũng vì con mà hạt lệ đầm đìa thì đủ biết cái lòng mẹ ở với con yêu dấu biết bao?

Công tử chỉ nằm im. Lâu lâu một lúc, mới thở dài mà nói với phu nhân rằng: "Chết mất thôi, mẹ?"

Chết! Ôi chết! Bỗng dưng mà lại chết, con đi mẹ ở sao đành? Nay phút chốc vì ai nên nỗi? Lúc này cái ái tình người mỹ nhân mạnh bằng mấy cái ái tình của mẹ với con. Phu nhân nước mắt chạy quanh, hơi thở hồi hộp, tay chân run rẩy, ngồi cạnh cậu mà săn sóc trông nom, bụng nghĩ, bụng cảm để cả vào cậu, cậu thì nằm lìm, mắt nhắm nào có hay mẹ vì thương con mà ngồi bên cạnh, chỉ lăn hết bên nọ, lăn hết bên kia mà đem tinh thần mộng du bên trước cửa. Tiếng phu nhân gọi: "Con ơi!" thì tiếng công tử khe khẽ gọi "Cô ơi!". Mà cô đâu?

Phu nhân cùng kế, không biết làm sao. Mời hết các thầy thuốc đến, mà các thầy cũng vô kế khả thi.

Đau ruột, sót lòng phu nhân bèn khóc mà bảo cậu rằng:

"Nay mẹ được có một mình con là giai, nếu con có điều gì, thì mẹ biết làm sao. Hay con có ước muốn gì cứ nói với mẹ, mẹ sẽ liệu phương tìm kế làm cho con được vừa lòng".

Làm cho con được vừa lòng, công tử nghe câu ấy mà tỉnh ngay người ra. Liền cười mà sẽ nói với phu nhân rằng:

"Nay mẹ đã hỏi, con xin thú thật, con đây chẳng phải đau ốm thật, chẳng qua trông thấy cô con gái bán hàng trước cửa, nên đem bụng yêu mến, muốn lấy được cô ấy mà thôi. Vậy xin mẹ nói với cha hộ con, nếu cha bằng lòng thì từ nay con xin hết sức chăm học để trọn hiếu với mẹ cha!"

Phu nhân nghe công tử nói liền thuận ngay. Từ đó công tử lành mạnh như xưa. Còn phu nhân thì nhất diện [một mặt] viết

giấy lên phủ cho quan ông nói về việc ấy, nhất diện mượn người quen biết mời bà đồ T. sang nói chuyện. Khi nghe bà đồ này nói cô ta là người tài sắc nết na, thì phu nhân mừng lắm, bèn nhờ ngay bà ta đánh tiếng làm mối dùm cho cậu, khi nào xong sẽ hậu tạ bà.

Bà đồ T. thấy vậy cũng bằng lòng ngay, vì liệu môn đăng hộ đối, hai trẻ cũng tốt đôi nên vui lòng mà nhận lời. Được vài hôm, thì có giấy quan phủ viết về cho phu nhân rằng bằng lòng hỏi cô Bạch Thủy cho cậu; cách ít lâu sau bà đồ cũng đem tin lại rằng bà giáo thân mẫu cô ta cũng thuận gả. Tin vui đã đến, nỗi buồn hết ngay, công tử lúc này mặt mũi nở nang. Phu nhân thương trẻ nên muốn cưới dâu ngay, liền lại đánh giấy cho quan phủ xin phép về lo cưới cho cậu. Quan phủ nhận được giấy, liền xin phép về ngay.

Xong đâu đấy, thấm thoắt đến ngày cưới; cô Bạch Thủy trước có buôn bán nên khi về nhà chồng, vốn liếng, cũng được ngót một nghìn, lại thêm của bên nhà chồng cho riêng nữa thêm một nghìn thành ra hai nghìn.

Hai nghìn! Con gái mới về nhà chồng mà có ngay hai nghìn thế cũng là nhiều vốn đấy!

Từ ngày cô lấy cậu, cậu lấy cô, thì vợ chồng cả ngày cứ bám chặt lấy nhau, không dời nhau ra một bước, cậu mê cô, cô yêu cậu, trong vợ chồng trẻ xưa nay ai chả thế?

Phu nhân thì lo nghĩ muốn dọn cho cô một cửa hàng ngay ngoài nhà mình cho khỏi phải thuê cửa hàng khác tốn tiền. Liền không cho người thuê ngoài ở nữa, rồi bảo cô dọn ra đấy buôn bán để mình trông nom và ban bảo cho nhân thể, sau nữa để hầu hạ cậu khi khuya sớm cho cậu khỏi buồn đi chơi nhảm. Còn bà giáo là mẹ cô thì vẫn ở nhà quê cày cấy thỉnh thoảng cũng ra Hà Nội thăm rể và con gái. Kể từ lúc cậu mợ lấy nhau đến giờ tính được ngót một tháng, vợ chồng yêu quí nhau rất mực, cậu coi mợ như vàng, mợ coi cậu như ngọc, mợ dỗi một cái là cậu đủ hết hồn, cậu giận một tí là mợ đủ kinh tâm. Cái cười của mợ là cái quí của cậu, cái học của cậu là bụng ước của mợ, nhưng mợ muốn thế, nào có được thế, cậu vưỡn [vẫn] không học cho, cậu chỉ theo mợ thôi, mợ ngồi hàng, cậu cũng sán bên cạnh. Lắm lúc mợ tức mình gắt, cậu sợ nể, chạy lên gác, rồi chốc lại thấy xuống. Ô hay! Mợ thấy tình hình cậu

như thế, thì lấy làm buồn vì muốn rằng cậu sẽ chuyên cần sách vở để còn lập công danh cho mình nương tựa mai sau, chớ cứ thế này mãi thì bao giờ gặp ngày thái lai? Lắm phen mợ hết lòng khuyên giải cậu, thì cậu lại nhăn nhở mà không buồn nghe. Cùng chẳng đã, mợ phải thưa lại với phu nhân, phu nhân thương dâu nên la rầy mắng mỏ cậu thì cậu cãi lại. Phu nhân chẳng biết làm sao, đành phải chịu, mợ thì chỉ nghĩ về buôn bán mà thôi, cậu thì vẫn đâu vào đấy, sách một nơi, bụng một chỗ, ngồi gần sách, nhưng sách là mợ, ngồi gần mợ tức cũng là học sách. Mợ là quyển sách bùa mê của cậu. Cậu mê mợ quá lắm rồi. Mợ cũng biết cậu mê mợ lắm, nhưng biết làm sao? Vẫn muốn cậu chuyên cần học hành, nhưng cậu không học thì làm thế nào được? Lấy chồng ai chẳng muốn chồng hay, nhưng nay hương mầu thế thì chắc gì mai sau làm nên được? Thôi thì số kiếp con người, phải sao chịu vậy; bây giờ chỉ còn có mong về cái cửa hàng buôn bán để nuôi thân mà thôi. Mong chi cậu làm nên nữa?...

7.

Ngày tháng vùn vụt, phút chốc đã hai thu. Mợ Cả có mang đến tháng sinh được một cậu con giai. Ông bà được một chút cháu lấy làm mừng lắm. Còn mợ Cả từ ngày có con, thì lại có phần thêm lo lắng hơn nữa, phần lo rầu chồng, phần lo rầu con thơ. Mẹ con này rồi sau này không biết ra làm sao, chớ mẫu chồng ấy, bố ấy thì làm trò trống gì được? Còn cậu ấm thì vẫn cứ thế, tiếng rằng không chơi bời gì với ai, chỉ quanh quẩn ở trong nhà thôi, nhưng lúc nào cũng bám vào vợ, chả học hành gì sốt. Đàn ông mà như cậu Cả này trên đời không phải là ít, nhưng cứ thế mãi thì phỏng có làm nên danh vọng gì không? Hay lại ngồi không mà nhờ vợ? Ý cậu Cả có nhẽ cũng muốn thế đó, cho nên lần lữa ngày qua tháng lại mà cậu nhất định không mó đến quyển sách nữa. Có nhẽ cậu chắc ở lưng vợ rồi, còn mợ thì biết có chắc làm ăn được mà nuôi cậu không? Ấy cái cảnh vợ chồng cậu Cả nhà này như thế, nghĩ mà chán thay!

Một hôm cậu Cả nhận được thư quan phủ viết về bảo đã lo cho được làm thông phán ở dinh quan thượng tỉnh N.Đ., thì phải

thu xếp mà đi làm ngay, không được lần lữa, mà chậm thì nhà nước bổ người khác. Cậu xem thư xong, buồn lắm. Phút chốc xa vợ con mà đi một mình một chỗ còn gì khổ bằng, nữa lại vợ chồng mới lấy nhau được mấy năm. Nhưng không thể cưỡng nhời bố được, vì quan phủ đã nhất quyết bắt cậu phải đi, không đi không được. Ngài là người nghiêm khắc lắm, cưỡng thế nào được? Cậu Cả nghĩ thế, nên mặt mày buồn so. Liền đưa thư cho vợ xem xong rồi bảo rằng:

"Nay thầy đã bắt tôi phải đi, thì sao tôi cũng phải vâng lời nghe theo. Nhưng tôi thương nhớ mợ lắm, bỏ đi không đành chút nào? Vậy nếu tôi có đi rồi, thì mợ ở nhà phải lo mà chăm nom lấy con và buôn bán, thỉnh thoảng gửi thư cho tôi hay".

Mợ Cả nghe chồng nói, hai hàng nước mắt rưng rưng. Tuy mợ cũng muốn cho cậu lập chút công danh với đời, và không muốn cậu ở nhà nhưng nay thấy cậu phải đi xa, vợ chồng đương âu yếm biết bao nay phải cách nhau, cảnh ly biệt này có nhẽ buồn lắm! Từ nay lấy ai là người bầu bạn đêm hôm? Chăn thúy vũ cùng ai đắp lạnh?

Mợ nghĩ thế nên ngậm ngùi cũng rơi lụy, liền ôm cậu mà thỏ thẻ rằng: "Cậu đi thế bao giờ cậu về với mẹ con tôi?"

– Sớm trưa thế nào tôi cũng xin phép quan trên mà về thăm song thân, nhạc mẫu, và mẹ con mợ!

Vợ chồng tự tình với nhau ròng rã mấy hôm. Đâu đấy xong, mợ Cả liền thu xếp hòm xiểng, va li quần áo cho cậu, nào may thêm áo mới, nào vá áo rách, nào mua đồ ăn thức uống. Đồ hành lý xếp đặt đâu vào đấy, cậu bèn từ giã bà con thân thích, xong lại dặn dò mợ kỹ càng. Lúc này cậu Cả ruột như dao cắt, nhìn vợ mà nước mắt rưng rưng. Còn mợ Cả thấy chồng sắp đi, nên ẵm con ra cho cậu bế. Lúc này thằng bé con thấy cậu, cứ nằm bệt trong lòng cậu mà khóc mùi, dỗ mãi không nín, tựa hồ nó cũng biết nhớ cậu.

Cậu Cả thấy vợ thế, con thế, vợ thì mặt hoa mày liễu, trong khóe mắt đầm thấm hạt mưa xuân, một giọt rơi xuống má là một cái đau đớn cho cậu, còn con thì nước mắt giàn giụa, hết ho lại sịt, oe oe chẳng dứt, khiến cho cậu mối tình vấn vương... Nhưng cậu đã vì lời cha mà đi, cái trách nhiệm mang trong mình không phải là nhỏ, nên phải nhất quyết mà ra đi.

Ra ga lấy vé, lên tàu, xong đâu đấy, còi tàu mấy tiếng, tàu bắt đầu chạy, chở cậu Cả xuống tỉnh N.Đ. là tỉnh cậu được bổ làm việc quan.

ĐOẠN THỨ HAI

1.

Kể từ lúc cậu Cả xuống làm việc tại tỉnh N.Đ. đến giờ tính đốt ngón tay được ngót một tháng rồi.

Cậu phải thuê một cái nhà ngoài phố, ở chung mấy cậu ấm Hai con cụ lớn tuần, đương làm quan tại tỉnh H.Y. Cụ tuần đây cũng là người quen biết bạn bè chơi bời với quan phủ, ngài với quan phủ là bạn đồng khoa với nhau, nên khi cậu cả này gặp cậu ấm Hai thì thân thiết với nhau ngay. Song cậu phải xa nhà, xa vợ, thì cậu buồn bã không nguôi, ngoài những giờ vào dinh quan thượng làm việc quan, thì cậu lại về nhà, ngồi buồn xem sách giải khuây, ngoại giả không còn giao du thân mật với ai sốt. Quan thượng thấy cậu là con nhà gia lễ, lại chữ nghĩa thông thái nên đem bụng yêu, thường khi gọi cậu vào dinh cho ăn cơm, rồi ngài lại khuyên lơn cậu nên hết sức làm việc quan cho chăm chỉ; cậu Cả được ngài yêu mến có bụng mừng, cậu định dịp nào tiện sẽ xin đổi về tỉnh gần nhà, để thường khi được đi lại thăm nom vợ con.

Ở tỉnh N.Đ. được ít lâu càng nhớ nhà. Lắm hôm cậu ngồi thừ người ra mà chả muốn làm gì cả. Chập tối nhà nhà đóng cửa, phố xá vắng tanh, ngọn đèn bên đường lập lòe trông xa chỉ thấy hút vai thầy phán cùng một vài người đi chơi đêm. Nghĩ những lúc này cậu một mình trong chốn xa lạ thì lại hồi tưởng vợ con ở nhà bấy giờ đương yên giấc mơ màng, có nhẽ cũng nghĩ nhớ đến cậu, mà cậu thì ruột tầm chín khúc vò tơ, hồn mây phảng phất, những đăm đăm con mắt hai hàng chứa chan, rượu trường đình lại nhớ lúc hàn huyên mấy cuộc vui, giữa trong gia tộc sum vầy, ở một nơi đô hội lớn lao, nhân vật đông đúc... mà nay vợ xa chồng, chồng xa vợ, con thơ nào biết mặt cha, tình cảnh này biết rằng than vãn với ai?

Tưởng cậu cả lúc này trong ruột như dao cắt. Người có cậu ấm Hai làm bạn tâm tình, nhưng bạn tâm tình thường đi sớm về trưa luôn luôn, có ở nhà đâu những lúc này?

Cậu ấm Hai này người còn trẻ tuổi, cũng sâm si bằng tuổi cậu cả, nhưng chơi bời phóng túng quá, vì cậu cũng là con cụ lớn tuần. Bà phu nhân lại chiều con, nên nay đi làm xa, thì thường cứ tháng gửi bạc trăm cho cậu tiêu. Một hôm cậu đi chơi về thấy cậu Cả đương ngồi rầu rĩ, thì lại gần vỗ vai, cười mà bảo rằng: "Cậu buồn sao chả đi chơi, tội gì cứ cả ngày ngồi nhà thế thì chịu sao được? Đi, cậu đi với tôi, rồi anh em mình sẽ kiếm cách tiêu khiển cho vui". Cậu Cả trước còn không muốn đi, sau bị cậu ấm Hai ép lắm, nên phải mặc áo ra đi. Cậu ấm Hai bèn dắt vào chơi một nhà rộng rãi, đi qua hai gian mới đến gian sau cùng, thì thấy có một giường chạm nhớn, chiếu cạp điều giải, trên có ba người nằm đương nói truyện và hút thuốc phiện với nhau, khi cậu ấm Hai dắt cậu này vào thì ba người kia đều đứng cả dậy nhường chỗ cho hai cậu ngồi. Cậu ấm Hai tức thì cởi áo dài ra, rồi mời cậu Cả ngồi, xong đưa cho người nhà đi mua 1$ thuốc phiện. Mấy người kia thấy hai cậu ngồi rồi, cùng ngồi ghé theo bên cạnh. Cậu ấm Hai lấy tay chỉ từng người cho cậu Cả biết: "Ông này là quan tham B., ông này là quan phán C., ông này là quan bát P.". Xong đâu đấy, cậu bèn chỏ cậu Cả mà bảo với ba người kia rằng: "Cậu này là bạn thân với tôi, bây giờ cùng làm việc với tôi ở dinh quan Thượng đây, cậu là con cả quan phủ Nguyễn bây giờ hiện ngài đương ngồi tri phủ phủ Đ. ở tỉnh P.Y.".

Mấy người kia nghe nói đều chăm chú nhìn cậu. Một người hỏi: "À thế ra cậu là con quan phủ Nguyễn đấy, mà chúng tôi không biết!"

Người nữa, lại hỏi: "Tôi nghe cụ lớn nhà ta sắp được ký bổ Án sát, có phải không cậu?"

Chuyện văn một hồi, thì thuốc phiện đã mua về. Cậu ấm Hai liền để bàn đèn lên giường; khay khảm, đèn pha lê, giọc đồi mồi, tiêm móc bằng bạc, tẩu bằng sứ, nào kéo, nào cái để nạo, nào lọ dầu lạc bằng chai bia to tướng, hoa đèn trông sáng trưng, mùi thuốc phiện thơm nực mũi, mỗi cái sèo sèo, là một câu chuyện như pháo ran, mỗi giọt thuốc rỏ xuống là một câu văng tục, khi tiếng cười

dòn, khi câu chửi nặng, mỗi một hớp hãm thuốc là phì ra một đám khói, thơm tho và ngon làm sao? Cậu Cả ngồi gần đó, cũng đã ngửi mùi thơm, biết hưởng cái thú; hai mắt cậu chăm chỉ nhìn ngọn đèn, mũi cậu thỉnh thoảng lại hắt hơi một cái, mỗi cái hắt hơi lại ngáp như buồn ngủ... Cậu ấm Hai hút xong, liền tiêm một điếu, đưa giọc mời cậu: cậu cố từ không hút:

"Quả tôi không quen hút!"

Cậu ấm Hai lại mời: "Thì cậu thử hút chơi một điếu xem sao? Như tôi hút luôn mà còn chẳng sợ nghiện, huống chi cậu, thì việc gì?"

Mấy người kia thấy thế cũng nói: "Phải việc quái gì, nghĩa là anh em vui chơi dăm ba điếu, phiện vài khói vừa vui vừa tỉnh người ra, chớ có hại gì?"

Mấy người cố ép cậu Cả, cậu Cả từ chối không sao được, nên phải cầm giọc:

"Tôi vô phép các ngài!"

Xong cậu kéo hơi dài, rồi đưa lại cậu ấm Hai. Từ đấy giở đi, cậu Cả cứ thường thường cùng cậu ấm Hai ra đấy hút. Lúc nào buồn, không hút thấy khó chịu, lại phải hút, được ít lâu thành ra nghiện, phải mua bàn đèn về nhà để cứ sáng chiều hút hai bữa, rồi đi làm việc quan cho tiện khỏi mất thì giờ ra phố...

Cậu ấm Hai và cậu Cả thành ra hai người bạn nghiện hút từ đấy...

2.

Một hôm giời hè nóng nực, cậu Cả đương nằm hút trong giường, quần vén tận bẹn, cởi trần trùng trục, đầu tóc bù xù, vừa thọc tay gãi nách, vừa cầm tẩu hút, trong mình cậu lúc đó khó chịu lắm, thì vừa thấy cậu ấm Hai đi chơi về, vào thấy cậu đương phiện, liền cười mà bảo rằng: "Này cậu, hôm nay đỏ quá, tôi mở một cái mà được hơn một trăm!" Cậu Cả đương nằm hút, thấy nói thế vội vàng hỏi ngay: "Ở đâu... đâu thế? Bảo tôi... để tôi đi đánh?" Cậu ấm Hai khẽ ghé tai nói mấy câu một lúc, rồi hai cậu cùng rủ nhau đi đến một nhà, trông rõ thì chính cũng là nhà mà hai cậu lần trước đã vào hút. Vào đến trong cùng, thì thấy dưới đất

giải hai cái chiếu cạp dài, cỗ bài, cái đĩa, bốn con xóc đĩa để giữa, người ngồi xúm quanh hai bên, nào ông ăn mặc tây, nào ông ăn mặc quần áo ta, áo xa tây nhẫn vàng, nào bà mặc ca-sơ-mia, vòng xuyến chật tay, nào cô mặc áo lụa quần lĩnh thâm cạp xanh, vòng đeo chít cổ, mỗi người trước mặt có một đống bạc hào, ông thì kề bà, bà thì dựa vai ông, cô thì ghé tai cậu, cậu thì ghé tai cô, cười cười nói nói, thì thì thầm thầm, trông người mà ngốt, trông bạc mà choáng mắt... Lúc đó đương xóc cái, cậu cả và cậu ấm Hai vào thì thấy họ đương đắt to. Cậu Cả liền mở ví lấy ra một tờ giấy bạc 5$ rồi đánh: "Chẵn 5 đồng này!"

Người xóc cái giao: "Bán chẵn 5 đồng!"

Người khác nói: "Đắt".

Đến lúc mở hóa ra lẻ, cậu Cả thua. Liền đánh luôn mấy cái nữa cũng thua, thua luôn một lúc bốn cái chẵn. Cậu lúc này đã chột, không dám đánh nữa bèn quay ra về nhà, nằm dài trên giường buồn tanh buồn ngắt. Rồi thường thường cậu cứ đi đánh gỡ mãi, càng gỡ càng thua, hết tiền nhà đến vay thêm cậu ấm Hai, không đủ lại phải vay thêm người ngoài, chịu lãi rất nặng. Chẳng bao lâu số nợ của cậu cả gốc lẫn lãi lên tới 600$. Cậu Cả lo lắm, tiền hết không còn một xu, mà ngày nào cũng phải hút, nay nếu không có tiền thì lấy gì mà hút, lấy gì mà giả nợ? Nhưng lo thì lo vậy, chứ cũng chả còn làm sao được! Trời ơi! Biết làm sao bây giờ? Một đằng cậu ấm Hai cứ thúc:

"Nếu cậu không giả tôi ngay, tôi sẽ đầu đơn ra tòa kiện cậu!"

Cùng chẳng đã cậu phải đánh giây thép về bảo mợ Cả gửi tiền lên giả nợ cho cậu.

Mợ Cả tiếp được giây thép, xiết nỗi kinh hoàng, nhưng chồng mình không nhẽ để người ta thưa gửi, nên đành phải năn nỉ vay hết chỗ nọ chỗ kia để giả cho cậu. Cậu Cả nhận được tiền của mợ, khác nào như được bay lên giời, liền đem tiền giả nợ đâu vào đấy, rồi thề không chơi cờ bạc nữa. Nhưng quen nết chiều nào cũng đi, ở nhà một tối thì không sao chịu được, nên không đi cờ bạc thì lại phải vào nhà cô đầu ngồi hát suông cho đỡ buồn.

Ở tỉnh này, có nhà cô đầu Tú là lịch sự hơn cả; trong đó có một cô tác chừng 17, 18 người nhan sắc mà thơ ca cũng hay, lại biết

đánh đàn kéo nhị, tên gọi là Tú Anh. Nguyên nàng là con nhà nghề xuất thân vào chốn hồng lâu từ thuở nhỏ nên các khóe bóc lột đưa đón quan viên thạo lắm. Nay cậu Cả vào chơi nhà nàng, thực là được ý nàng lắm, vì nàng này tuy có nhan sắc, mà bụng dạ rất tham lam, chỉ làm mầu làm mỡ với quan viên nặng túi mà thôi. Nàng thấy cậu Cả vào hát, thì vội vàng ra chào mời đón rước ân cần: "Chả mấy khi cậu vào nhà em, mời cậu xơi nước, xơi thuốc!", miệng thì nói, mắt thì đưa đẩy cậu Cả, tay thì cầm quạt quạt cho cậu: cậu đang buồn bực, được gái tốt trước mắt, lại giọng ca véo von bên tai, những là khúc tỳ bà, điệu Hành Vân, Sang Nam, khi lên bổng, khi xuống trầm, làm cho mê mẩn tâm thần. Thôi thì má phấn hôn hít, quần lĩnh sát bên cạnh, con mắt sắc, lông mày ngài, miệng cười tươi, thử hỏi cậu ấm có phải là gỗ mà không động lòng? Thôi bao nhiêu truyện ưu phiền mất hết, vợ con một xó nào cần chi ai? Người yêu của cậu bây giờ không phải là mợ Cả nữa, mà là nàng Tú Anh, mà là thìa rượu đầy vơi, khúc đàn cao thấp, giọng hát véo von, đôi mắt đưa đẩy kia...

Ký giả nghe đến đây, xin ngừng bút mà bày tỏ cùng cậu mấy điều, tự biết chả chắc có lọt tai cậu bằng giọng oanh thỏ thẻ, khúc hát véo von, miệng cười hoa nở, mắt sắc như giao không, nhưng xin nói với cậu rằng như những lúc này cậu đương mê mệt say đắm trong vòng tửu sắc, thì có nhẽ hai mẹ con mợ Cả ở nhà đương lo rầu vì gia đạo, mà chưa biết có được lúc nào tươi cười vui như cậu? Có nhẽ lúc này mưa sầu gió thảm trong gia tộc cậu mà cậu có màng chi tá!...

3.

Mợ Cả từ khi chồng đi làm đến giờ, thơ từ tin tức, không nhận được, mãi đến hôm thấy giấy chồng viết về bảo bỏ tiền ra giả nợ cho chồng, mới hay chồng mình đi làm, bây giờ lại quá đam mê chơi bời cờ bạc, cho đến nỗi mang công mắc nợ. Tin ấy làm cho mợ héo hon trong ruột, mợ ngày đêm khóc lóc, lắm lúc nghĩ đến chồng mà ôm con khóc nức nở không ra lời. Thật từ ngày cậu đi làm đến giờ thì mợ ngày đêm lo nghĩ về buôn bán, đêm quên ngủ, ngày quên ăn, gánh giang sơn nặng trĩu hai vai mà lòng sắt đá

không hề thay đổi, lúc rảnh rang thì đường kim mũi chỉ may vá, khi nhàn hạ thì chơi đùa với con, phận bèo bao quản tuyết sương, nào hay mưa gió thường thường mãi chăng?

Than ôi! Như mợ Cả này thì cũng đáng thương thay, nhớ chồng, thương con, lo buôn bán, cảnh như thế, có lúc nào được vui chơi như một vài cô sẵn của chồng làm, ra tay ăn mặc chơi bời cờ bạc cho thỏa lòng mơ ước, hoặc lại cậy của mà khinh chồng...

Từ ngày phải giả nợ cho cậu mất mấy trăm bạc, thì mợ buôn bán cũng không được đắt hàng như khi trước nữa. Sau lại tiếp được mấy cái giấy của chồng bảo gửi mấy chuyến tiền lên để tiêu và giả nợ, chuyến thì năm chục, chuyến thì ba chục, chuyến thì hai chục tất cả cũng mất đến bảy tám chuyến gửi tiền cho như thế, thành ra vốn liếng của mợ buôn bán trước có mấy nghìn, nay phải chồng phá phần nửa. Còn buôn gì được? Bán gì được? Tư bản có ít, lấy đâu mà buôn to? Mợ bèn bàn định với người chị em nhà giàu buôn bán to cũng như mợ, muốn bỏ tiền ra buôn phẩm, may lúc nào cao thì lãi nhiều. Bàn định chắc chắn, mợ bèn bỏ hết cả vốn liếng buôn bán còn lại bao nhiêu đem ra buôn phẩm... Ngờ đâu năm ấy phẩm lại hạ, thành ra lúc bán thì lỗ to. Mợ Cả vận hạn chẳng may, nên phát ốm người từ đấy, lo rầu thái quá, nhan sắc có giảm đi ít nhiều, mắt khóc quá mà đỏ ngầu trông rất thương.

Hôm ấy nhằm ngày trung thu, chiều mát mợ ăn cơm chiều xong, liền ẵm cậu con giai ra đứng cửa chơi. Trông thấy các nhà bầy cỗ cho con vui vẻ, thì mợ lại buồn, lại nghĩ đến cảnh ngộ đương thời, vì chồng mà lâm ly giọt lệ, khiến cho lúc này đứng cửa, trông thấy các nhà chị em bây giờ giàu có, buôn bán rầm rầm thì lại nghĩ mà tủi thân. Trông diện sắc mợ lúc này như một cánh hoa đương tươi tốt mà trận gió to làm cho tan tác tả tơi các cánh vàng nhị thắm, có nhẽ cảnh trung thu tháng 8 này, người vui vẻ tết ngắm giăng tròn, thì mợ lại âu sầu tết, ngắm chị hằng ủ rũ...

Khi mợ đương ẵm con đứng ngoài cửa chơi, thì chợt có một chiếc xe cao su chạy qua, trên xe có một người ăn bận quần áo tây, trông rất lịch sự. Người ấy tác chừng 30 dở lại, mặt mũi vạm vỡ, dưới cằm hơi có tý râu, thấy mợ Cả đứng đó thì người ấy nhìn mãi,

tựa hồ như chú ý mà ngắm một bức tranh cảnh gì vậy. Thờ ơ, mợ Cả vừa ngẩng mặt lên thấy người đó, thì cả thẹn liền chạy vào nhà.

Người ấy liền cho xe đi lên trên... Nguyên chàng trẻ tuổi này tên là Bạc Sở, vốn cũng giòng dõi con quan, trước cũng có theo đòi học trường Sĩ hoạn mấy năm, nhân vì chơi bời học dốt, nên thi mãi không đỗ. Ông bố tham của nên cưới cho chàng ta một người vợ con nhà giàu ở nhà quê. Người vợ này rất xấu, nhân chàng chỉ tham của mà lấy thôi. Từ ngày lấy rồi thì chàng nhờ được vợ nhiều vốn, nên ăn chơi phóng túng có phần hơn xưa, lại có tính hiếu sắc, hễ thấy con gái đẹp thì phải lòng ngay. Nên khi trông thấy nhà mợ Cả này thì chàng ngó hoài, không nháy mắt, âm mưu định ve vãn chim chuột. Chàng hỏi dò la mãi, biết có bà đồ T. cũng ở phố ấy bèn đến nhà bà ta mà nói hết đầu đuôi. Khi bà đồ mới nghe nói thì không chịu. Bạc Sở liền mở ví lấy ra một cái giấy bạc 20$ mà nói với bà rằng:

"Đây gọi là có chút quà đưa bà, nếu bà nói giùm mà mợ ta bằng lòng bỏ cậu ấy mà lấy tôi, thì tôi sẽ xin hậu tạ bà sau này nhiều lắm". Bà đồ T. trông thấy cái giấy bạc đã choáng mắt, liền chịu ngay:

"Thôi cậu đã muốn vậy, để tôi thử phân trần lợi hại cho mợ ta nghe xem sao đã. Tối mai này tôi sẽ sang nói cho mợ ta nghe, thì độ 9 giờ tối cậu đến".

4.

Tối hôm sau vào khoảng bảy giờ, mợ Cả đương ngồi ẵm con cho bú trong nhà, thì thấy bà đồ T. sang. Mợ liền đứng dậy mời bà ngồi chơi, pha nước uống, chuyện vãn được một lúc thì bà đồ T. liền hỏi mợ Cả rằng:

"Độ này mợ buôn bán có đắt hàng không? Cậu cả có hay về không? Cháu vẫn chơi đấy chứ?

Mợ Cả nghe hỏi, rầu rầu sắc mặt mà đáp rằng:

"Cám ơn bà có bụng thương mà hỏi đến, hàng họ độ này ế lắm, buôn lỗ bán kém, cháu mất công, mất nợ nhiều lắm, cậu nó thì từ ngày ấy đến giờ không thấy về, còn cháu nó thì vẫn chơi!"

Mợ nói xong cúi đầu xuống ngẫm nghĩ mặt có vẻ buồn phiền.

Bà đồ T. biết ý liền giả lờ không biết:

"Chết chửa! Thế mà tôi không biết đấy, bây giờ mợ nói, tôi mới sực nhớ độ nọ mợ buôn phẩm lỗ và phải giả nợ cho cậu ấy mấy trăm. Tội nghiệp thì thôi, cậu ấy đã chẳng nghĩ thương vợ, thương con ở nhà, lại còn đam mê cờ bạc làm gì cho đến nỗi mắc công mắc nợ để..."

Nói đến đó thì im, rồi làm bộ thở vắn, than dài. Mợ Cả thì ngồi im cúi đầu xuống, lâu lâu bà đồ T. lại nói:

"À mợ này, bây giờ ngồi buồn nhắc chuyện xưa. Sáng hôm nay tôi có ngồi nói chuyện chơi với thầy Bạc Sở làm thông phán ở phủ Toàn Quyền, thầy ấy có nói với tôi rằng trước đây thầy đã có hỏi mợ nhưng bà không thuận. Nay thầy ý mới ngót 30 tuổi, mà vẫn chưa lấy ai. Gớm! Người đẹp đẽ và khôn ngoan làm sao? Nghe đâu cơ nghiệp của thầy ta bây giờ cũng có 5, 6 cái nhà ở Hà Nội!..."

Mợ Cả nghe nói ngửng mặt lên hỏi bà đồ:

– "Bà nói người nào thế?"

– "Thầy Bạc Sở làm thông phán phủ Toàn Quyền, người ăn mặc tây đẹp đẽ, mà trước có hỏi mợ, mợ không biết ư? Hôm nọ mợ đứng cửa, thầy ta có đi qua trông thấy mợ mà mợ quên rồi hay sao?"

Mợ cả nghe nói xong, cứ ngồi lặng im. Bà đồ T. lại nói:

"Người đâu mà chí thú cẩn thận được như thế, đã chả ăn chơi gì, được đồng tiền nào lại để dành để dụm đồng ấy... Ấy thầy ta thấy cô, thầy ta vẫn thường tiếc mà than thở thương thay cho cô là người tài sắc mà mắc phải nỗi lầm than cay đắng!"

Đương nói chuyện, thì chàng Bạc Sở ở đâu đến, mình bận quần áo phô-tít-so, đầu rẽ thật mượt, trông vạm vỡ phong nhã lắm. Mợ Cả trông thấy thẹn đỏ mặt, vừa toan đứng dậy thì bà đồ T. liền kéo tay xuống mà rằng:

"Mợ dở lắm, thầy ta là người bà con với tôi, ai đâu xa lạ mà mợ ngại!" Bà nói xong kéo ghế lại gần bên bà, rồi mời Bạc Sở ngồi. Lúc này dưới ánh đèn pha lê sáng trưng Bạc Sở ngắm hình dung mợ Cả, thì thấy quả nhiên vẫn còn xinh đẹp khác thường, thật là mặt hoa mày liễu, má phấn môi son, tuy khóe mắt hơi sâu, da mặt

hơi vàng, nhưng trông cũng còn phong lưu mặn mà lắm... Mợ Cả lúc này không dám ngẩng mặt lên, nhưng thỉnh thoảng cũng liếc nhìn Bạc Sở, thấy mặt vuông tai lớn, trắng trẻo tinh nhanh, đầu chải bóng lộn, răng trắng như ngà, cổ đeo ca vát có đính cái ghim vàng, tay đeo cái đồng hồ đeo tay vàng, chân đi giày da vẹc ni bóng nhoáng. Người đâu gặp gỡ? Lúc này mợ Cả ngẫm nghĩ đến cậu Cả thì bây giờ xấu xa nhem nhuốc, vừa chơi bời kiết cáu, sao bằng người này giàu có sang trọng. Bạc Sở ngồi đó, lại có ý thỉnh thoảng giở ví ra xem, rồi làm bạc kêu loảng xoảng trong túi; còn mợ Cả thì thỉnh thoảng lại ngẩng mặt lên nhìn chàng ta. Trong ba người ngồi đó mà vẫn im hơi lặng tiếng, chỉ chốc chốc lại nghe tiếng đồng bạc rổn rang, cùng trông thấy khói thuốc lá xì gà của Bạc Sở mà thôi. Ôi, mỗi cái tiếng đồng hồ tích tắc là một cái giây nói vô tình của Bạc Sở và mợ Cả ngồi đó, lúc này mặt đối mặt mà làm thinh, làm thinh mà trong bụng còn hồi hộp, còn e lệ, nói ra ngại lời, gái tham tài, giai tham sắc, lúc này chỉ tỏ cho nhau cái con mắt chung tình mà thôi.

Bà đồ T. thấy tình hình hai người thế, bèn giả dạng đi ra ngoài, rồi để hai người đó. Bạc Sở hiểu ý liền láy bà một cái, rồi ngồi xuống. Mợ Cả thì cứ gục đầu ngồi im, coi bộ thẹn thùng lắm. Bạc Sở càng trông mợ Cả bao nhiêu càng nồng tấm yêu, bèn lên tiếng hỏi mợ Cả rằng:

"Tôi nghe thấy nói cậu Cả nhà mợ độ này chơi bời cờ bạc, mang công mắc nợ nhiều lắm, nghe đâu có người đã kiện, cậu phải ngồi tù..."

Ngồi tù rồi... Mợ Cả nghe nói vừa ngửng mặt lên nhìn, chưa kịp hỏi thì Bạc Sở lại nói luôn:

"Tôi lại nghe nói cậu ấy hại vì lấy một người nhà trò thì phải".

Bạc Sở nói bấy nhiêu điều, làm cho mợ Cả mặt mày đổi sắc, mày liễu dựng ngược, hạt lệ trong con mắt từ từ mà rỏ xuống trên yếm mợ:

"Ngồi tù rồi... Hại về nhà trò... Trời ôi, không biết nhà vô phúc đến thế nào mà sui tai hại đến thế? Ngờ đâu bây giờ..."

Mợ Cả vừa kêu vừa khóc; Bạc Sở ngồi đó cũng cảm động sốn sắng không yên. Chàng liền khe khẽ nói với mợ Cả:

"Mợ ơi, những đồ vô ơn bạc nghĩa thì mợ thương tiếc làm chi, mợ thương cậu Cả mà giả nợ cho bấy nhiêu lần nhưng cậu Cả có biết thương mợ đâu, nếu cậu Cả có bụng tưởng đến mợ thì khi nào lưu luyến lấy nhà trò mà không đoái hoài đến mẹ con mợ. Thôi chẳng qua đời bây giờ toàn là những kẻ phụ nghĩa bạc bẽo cả. Mợ chớ khóc hoài mà vô ích, như mợ có bụng thương..."

Nói đến đó, Bạc Sở nín hơi nghẹn cổ không nói được một tiếng, song cố làm gan mà tán:

"Như mợ có bụng thương tôi là đứa tài sơ đức bạc, thì tôi nguyện đem mẹ con mợ ra khỏi vòng khổ ải này, tôi trước cũng đã hỏi mợ, nhưng vì không xong, nên từ bấy đến nay tôi chưa lấy ai. Nay gặp được mợ đây thật là duyên giời xui khiến, để cho tôi được ngồi hầu chuyện mợ mà bộc bạch với mợ vài nhời.

Mợ ơi! Kẻ chung tình ở đời bây giờ có mấy, mà những phường không biết thương hoa tiếc ngọc bây giờ thì nhiều, mợ chả xem biết bao trai bỏ vợ hay sao? Như mợ bây giờ còn xuân xanh nhan sắc thế mà ở một mình hiu quạnh sao đành, có khác chi bông hoa tươi tốt mà đem bỏ trong buồng ẩm thấp tối tăm. Vẫn biết gái chính chuyên lấy một đời chồng, nhưng mợ già cả xấu xa gì mà không gặp người tri kỷ, có nhẽ nào mới ngoài hai mươi tuổi mà đã mang tiếng là có chồng mà cũng như không chồng.

Mợ ơi, nếu mợ không chê tôi là kẻ xấu xa thô bỉ, mà cùng tôi kết ngãi đá vàng, thì tôi nguyện cùng mợ sắm sanh lễ vật, vầy đoàn du xuân thưởng nguyệt, vợ chồng đưa nhau vào chốn non xanh nước biếc mà an nhàn di dưỡng tinh thần cùng sống với nhau đến trăm năm. Tôi đây chẳng phải như ai, mà không dạ thương người bạc mệnh!"

Mợ Cả nghe Bạc Sở nói xúc động tâm tình bèn khóc nức nở không ra tiếng. Lúc này Bạc Sở cầm lòng không đậu liền rút cái mùi soa trong túi áo tây ra, rồi một tay để vào vai mợ, một tay khẽ lau nước mắt cho mợ; mợ Cả thẹn nhưng cũng có bụng với Bạc Sở rồi, nên khi thấy thế thì cứ làm thinh mà chịu...

Bạc Sở làm ra bụng hết lòng thương yêu mợ, rồi nói với mợ rằng:

"Đấy mợ thử nghĩ mà xem; bây giờ mợ buôn bán thì thế, mà cậu ấy thì thế, nếu mợ cố tình theo thờ mãi người chồng bạc nghĩa

chơi bời như thế thì sau này mợ sẽ phải khổ biết bao? Nếu mợ ưng lòng mà chung thân với tôi, thì mợ được sung sướng. Tôi cũng được gia sản để lại 5, 6 cái nhà ở Hà Nội, rồi tôi bán một vài cái lấy tiền để cho mợ làm vốn buôn bán. Lúc bấy giờ sẵn tiền sẵn của, mặc mợ lên xe, xuống ngựa, ăn sung mặc sướng!..."

Mợ Cả nghe Bạc Sở nói bùi tai, thì mười phần đã xiêu lòng hết chín rồi, bèn hỏi lại Bạc Sở:

"Đã hay cậu nói thế, thì tôi cũng ưng thuận, nhưng cậu định liệu ra làm sao bây giờ?"

Bạc Sở nói:

"Bây giờ thì chỉ có mợ phải thu xếp, trốn nhà đi theo tôi, rồi tôi thuê một cái nhà mợ ở tạm, sau này tôi sẽ bán bớt một cái nhà đi mua lấy một cái nho nhỏ ở tỉnh khác, rồi mợ buôn bán thì tiện hơn... Hôm nay là ngày 25 tháng 2, vậy thì đến ngày mồng 1 tháng 3, sao mợ cũng phải đem đồ đạc đến tại săm Hàng Lọng mà tìm tôi, rồi sẽ liệu sau..."

Dặn dò kỹ lưỡng đâu vào đấy rồi, Bạc Sở liền mở ví đưa cho mợ hai cái giấy bạc 5$, rồi cười mà bảo mợ Cả:

"Đây tiền để mợ chi tiêu vặt vãnh và đi xe!"

Mợ Cả nhận lấy đưa mắt nhìn Bạc Sở..., Bạc Sở cũng liếc mắt trông mợ.

5.

Từ hôm ý giở đi, mợ Cả trong lòng khoan khoái, không còn buồn bã nghĩ ngợi gì như khi trước nữa. Mợ chỉ đinh ninh rằng lúc nào bước chân ra đi với Bạc Sở là lúc bắt đầu vào nơi Cực Lạc. Trong tưởng tượng mợ lúc đó đã hầu như một kho vàng bạc châu báu... Lúc nào cũng như trông thấy cái sắc rực rỡ chói lọi của kim tiền nó dòi dọi trước mắt như muôn đạo hào quang xung lên trên chốn sầu thành u uất. Ôi, còn gì sướng cho bằng ăn mặc xa hoa, lên xe xuống ngựa, kẻ hầu người hạ đông đúc, ngồi trong lầu son gác tía! Đời người có thế, sống cũng mong có thế mà thôi, nào hơi đâu mà nghĩ xa nghĩ gần, tiết nghĩa mà chi, sau trăm năm cái cỏ xanh rì, ngồi tưởng đến xuân tình thôi cũng hết... Đời người là

cái chi chi? Chẳng sung sướng, ai có hơi đâu mà hoài cái xuân sắc cho ngâu vầy...

Mợ cả càng nghĩ bao nhiêu, càng thấy vui vẻ bấy nhiêu, tức thì mợ dọn dẹp cửa nhà, sắp đặt đồ đạc, nào chăn, nào gối, nào quần áo hòm thúng mấy cái, đâu đấy xong rồi chỉ ngồi nhà chờ đến ngày thì ra đi...

Một hôm mợ đương ngồi gói ghém ít mụn để bỏ vào va li đem đi, thì hốt nhiên thấy cậu Cả ở ngoài cửa đi vào... Mợ Cả lúc này đổi sắc, tay run lập cập, cứ nhìn cậu cả mà không nói được. Còn cậu cả lúc này về nhà trông thấy vợ thì xiết bao mừng rỡ, nhưng thấy vợ cứ trông mình mà lườm hoài, thì lấy làm lạ, không hiểu làm sao... Lại thấy nhà cửa bừa bãi, hòm siểng đồ đạc để chồng chất cả ra giữa nhà thì lại càng lấy làm lạ lắm, liền hỏi mợ Cả:

"Mợ định dọn dẹp thôi không bán hàng nữa hay sao? Mà đi đâu?..."

Mợ Cả cứ đứng ngay không nói. Cậu hỏi gặng đôi ba lần mợ cũng cứ im. Cậu lúc này gắt:

"Sao hỏi mãi không nói, là nghĩa gì?"

Mợ trừng mắt nhìn cậu. Cậu cũng giương mắt nhìn mợ. Nhưng tuy thế, cậu cũng không phải là hờn giận gì mợ mà trợn mắt với mợ, chẳng qua muốn lấy cái con mắt anh hùng mà nạt mợ để may mợ có sợ mà lòi tiền ra cho cậu tiêu không, vì chủ ý cậu về cũng là muốn ngửa tay xin mợ mấy chục để giả nợ và tiêu pha thôi. Nay thấy bộ mợ giận dũi [dỗi] lườm nguýt cậu, thì cậu đã nhụt mất vài phần hách khí bèn mềm mỏng vừa cười vừa nói với mợ rằng:

"Vợ, chồng mới gặp nhau thì vui mừng là phải, không biết tôi có điều gì mà mợ phải hờn giận như thế?"

Hỏi, mợ cũng cứ im. Cậu Cả lại nói:

"Nay tôi xin phép về được có hai hôm, vậy mợ thu xếp đưa cho tôi 50$ để tôi giả nợ và tiêu pha ít nhiều!"

Mợ Cả nghe nói, mặt mày đổi hết, bây giờ trông ra người tức tối thù hằn gì ai; mợ liền trợn ngược mắt nhìn cậu:

"Mợ mợ cậu cậu gì, không ai có tiền đâu mà báo mãi, đi đâu thì đi, từ nay đừng về mà trông thấy tôi nữa!"

Cậu Cả nghe vợ nói, tức lắm, vì cậu, vì tiền mà phải về, nay lại vì về mà tiền không có, lại phải vợ đuổi. Vừa thẹn vừa giận, liền cả tiếng mắng mợ Cả:

"Đồ chó, mày tưởng mày làm ra tiền mà mày khinh được ông sao? Ông bảo nếu không đưa ông, thì đừng có..."

– Đừng có, thì mày làm gì? Tao đây bây giờ không có vợ chồng gì với mày nữa, bảo cho mày biết...

– À, con này to mồm lớn tiếng thật!

– To mồm lớn tiếng thì mày bỏ tao ra, thì mày đừng nhận tao làm vợ mày nữa, có thế thôi, mày muốn gì nữa!

Cậu Cả lúc này giận quá, phát run người lên, còn mợ Cả cũng tức giận bồi hồi, vừa nhìn cậu vừa nói:

"Tao với mày bây giờ không có vợ chồng gì nữa, thì mày phải làm giấy mà bỏ tao ra, để tao đi lấy chồng khác[1]..."

Cậu Cả lúc này mới ngẩn người ra, biết vợ đã có ngoại tình với người khác rồi, chắc bây giờ cũng chả thiết gì mình nữa, thôi thì thói đời điên đảo cũng liều ở vậy một mình cho xong, vợ như thế thì lại càng thêm buồn trong gia đạo:

"Ừ, muốn bỏ... thì bỏ..."

Rồi đó, hai cậu mợ bèn làm giấy bỏ nhau. Sau khi Toà án đã kết giấy ly hôn rồi, thì cậu Cả liền đem con quay về ở với quan phủ. Lúc này quan phủ đã về hưu trí ở nhà quê. Còn mợ Cả thì sắm sửa thu xếp đâu đấy, đến ngày mồng 1 thuê xe ra săm Hàng Lọng để tìm Bạc Sở. Vừa hay Bạc Sở mới đến. Hai anh chị bèn dọn dẹp trong săm sạch sẽ, rồi ở luôn đấy. Bạc Sở cứ sớm tối đi về, còn mợ Cả cả ngày chỉ ngồi trong săm một mình... Lúc buồn thì hai anh chị rủ nhau đi xem hát, khi thì ô-ten (Hotel) khi rạp chớp bóng, giòng giã [ròng rã] như thế được hơn một tháng, gió tựa hoa kề, trận cười suốt đêm, miệt mài say đắm trong vòng ái tình, cuộc truy hoan...

---

1. Đoạn này xin các ngài xem truyện cũng hiểu biết cho rằng hiện đương thời cái tài lợi nó làm cho người cải lòng đổi dạ, ngay trong gia đình bây giờ thường hay xảy ra nhiều cái thảm kịch như vợ chồng cậu cả Liễu Oanh nói trong truyện này, vậy xin các ngài châm chước cho.

6.

Một hôm chiều mát, mợ Cả đương ngồi trong săm, mở cửa sổ nhìn ra ngoài đường, thì thấy Bạc Sở ở đâu đi về, tay có cầm một cái hộp con. Khi thấy mợ Cả, thì Bạc Sở mừng rỡ, cười mà bảo mợ rằng:

"Này là hộp nước hoa thơm nhất hạng 35 quan tôi mua cho mợ, còn đây là cái nhẫn vàng tây tôi làm su-vơ-nia (souvenir) cho mợ. Mợ cất và giữ lấy!"

Mợ Cả mừng lắm, ngắm nghía hộp nước hoa và cái nhẫn vàng tây, rồi cất vào tủ, song cười mà bảo Bạc Sở:

"Cậu mua làm gì cho mất nhiều tiền thế!"

Bạc Sở thấy mợ cười, liền ôm lấy mợ rồi nói:

"Tôi mới thuê được một cái gác ở phố Hàng Cót đồ đạc tôi có mua sẵn cả rồi, chiều hôm nay tôi sai người đến đón mợ và đưa mợ đến".

Chiều hôm ý mợ cả dọn dẹp đến ở nhà mới. Cái gác này cũng rộng rãi sạch sẽ, trên gác có kê một chiếc giường lò xo có bánh xe, một cái tủ đựng quần áo, một cái bàn kiểu đời Louis XV và bốn chiếc ghế dựa bằng mây, một cái gương to treo giữa, và một cái bàn la-va-bô để mợ cả soi gương rửa mặt, nào phấn, nào xà phòng ca đum, nào sáp bôi đầu, nào lược đồi mồi gài đầu, nào lược ngà chải đầu, đủ cả không thiếu chi. Cạnh giường lại có kê một chiếc bàn viết, nào lọ mực, nào quản bút, nào hộp giấy viết thơ, nào truyện *Kim Vân Kiều, Nhị độ mai, Song phượng kỳ duyên* để mợ Cả dùng, khi nào muốn gửi thơ từ cho ai hoặc xem truyện giải muộn. Mợ Cả trông thấy chỗ ở sạch sẽ và đồ đạc sang trọng như thế, nhìn mà choáng mắt.

Thấm thoắt được một năm, mợ Cả trong mình có mang, đến kỳ sinh được một cậu con giai. Bạc Sở lúc này thấy mợ mới sinh sản, mặt mày xanh lét, người gầy gò, da mặt bủng, tinh thần mệt mỏi, lại nuôi con lấy, nên đêm ngày bận bịu, lúc ru ngủ, lúc cho bú, khi thuốc thang mụn nhọt lở ghẻ, cái nhan sắc khi xưa thay đổi thành bẩn thỉu gớm ghê, cổ yếm cáu ghét, áo quần nhem nhuốc, mặt mũi bơ phờ, đầu tóc rũ rợi, nên chàng ta có ý chán.

Lại thêm từ ngày lấy mợ ta về thì tiêu pha sắm sửa tốn kém, mỗi tháng Bạc Sở phải cho mợ ta ít ra cũng hơn một trăm, thì làm gì cho đủ, vì chàng ta nguyên không phải có đi làm lụng gì mà có lương, chẳng qua chỉ ăn cắp tiền của vợ mà chơi bời phóng túng thôi. Nay cu cậu nghe chừng sạt về mợ ta mất nhiều nên có ý không mặn mà như trước nữa, bởi thế mà tiền nuôi vú nó cũng không cho mợ Cả nữa, thành ra mợ Cả bây giờ phải mẹ con nuôi lấy nhau, tình cảnh rất nên thê thảm. Trước thì bữa cơm ăn, bữa nào cũng thịt quay, thịt gà, đồ nấu, sáng dậy thì sữa bò, cà phê, tối đến chè mạn ướp sen uống, ra đến cửa thì gọi cao su, khi rạp hát, khi chớp bóng, sung sướng kể sao cho xiết...

Đến nay thì không được như thế nữa, quần sồi áo vải, ăn rau uống chè hột, ba xu xe sắt xin cũng khó, huống hồ còn tiền bạc cho nhiều mà đi chơi như trước nữa. Lắm lúc thằng bé con sài ghẻ, mợ Cả có hỏi xin Bạc Sở tiền mua thuốc, thì Bạc Sở lại mắng không cho, tình cảnh mẹ con rất nên khốn khổ. Đồ đạc sang trọng khi trước Bạc Sở cũng lần lần khuân đi hết, chỉ để lại một cái giường gỗ soan, một bộ bàn ghế thường và vài cái hòm tạp nho nhỏ thôi.

Chàng cứ khi đi khi về, có khi đi chơi đến ba bốn hôm mới thấy về đến nhà, hễ về thì gắt gỏng om sòm, mợ Cả có hỏi thì chàng quắc mắt nhìn...

Từ đó xem chừng Bạc Sở nhạt nhẽo với mợ ta lắm. Có khi hàng một tuần lễ chàng đi đâu không thấy đến, mẹ con mợ Cả cùi cụi một mình, đêm hôm cửa ngõ trống không, mẹ con chỉ ôm nhau nằm trên giường, con còn nhỏ nằm phục bên nách mẹ mà ngủ, còn mẹ thì mặt ủ mày rầu, nhìn ngọn đèn tờ mờ để giữa nhà, mạch sầu chan chứa, canh khuya một bóng, tơ lòng đòi đoạn, nữa lại xa nghe tiếng giun, tiếng dế, cái cảnh tình như gợi bao mối ưu tư nghĩ than thân, lại trách giời, rồi mà chuông đồng hồ tí tách đánh 12 giờ, tắt đèn đi nghỉ, lúc này Bạc Sở nơi nao, mà mẹ con dần dọc suốt đêm, cảnh ngộ luống thương người bạc mệnh, đành mang cái tài sắc mà chỉ theo chiếc thuyền bào ảnh! Ôi thôi!

Cũng cùng một cái nhà thuê ấy, dưới nhà có nhà bà phán Soay, chồng làm việc ở phủ Thống Sứ, bà ta cũng quen biết với mợ Cả, thỉnh thoảng cũng có lên gác trò chuyện với mợ ta. Một hôm bà

phán lên chơi mợ Cả, ngồi nói chuyện được giây phút, khi nghe mợ Cả nói rằng Bạc Sở đi chơi đã bảy tám hôm chưa thấy về, mà độ này xem ra tính nết hay gắt gỏng lắm, thì bà phán Soay ngạc nhiên bảo mợ cả rằng:

"Thế ra mợ không biết gì ư? Tôi nghe thấy nhà tôi nói chuyện cậu ý sắp lấy một cô vợ tây đấy?"

Mợ Cả nghe bà phán nói cả kinh. Lấy ai? Cô vợ tây nào? trong bụng mợ Cả trước cứ chắc rằng chàng ta là người chung tình thương hoa tiếc ngọc lắm, ai ngờ bây giờ vỡ lở mới biết là đứa bạc nghĩa. Nhưng trót mình đã sa cơ nhỡ bước, dại rồi còn biết khôn làm sao đây, bây giờ có hối cũng không kịp nữa. Huống chi mợ Cả bây giờ chỉ còn trông cậy vào có Bạc Sở, nếu bỏ mà ra đi thì đi đâu, lại quay về chồng cũ, thì mặt mũi nào, và biết chồng cũ có thương mình nữa chăng? Thôi nước đã đổ xuống đất, thì làm sao mà bốc lại cho đầy, âu là cứ nhắm mắt mà đưa chân, tới đâu hay đó. Mấy nhời bà phán Soay nói làm cho mợ Cả ngày đêm lo nghĩ, mặt mày ủ rũ. Lúc này tinh thần mợ lung mung phảng phất, nằm không yên, lúc nào cũng giật mình máy mắt hình như cả cái linh hồn đã sắp mộng du ra bãi tha ma mà gặp chồng cũ. Chồng cũ bây giờ đâu, con của chồng cũ bây giờ còn sống hay đã nhớn bằng nào?

Ấy cứ mỗi lần mợ mở mắt mà trông ngọn đèn, hoặc nhắm mắt mà ngủ, thì là nghĩ như thế, đêm hôm canh dài, tiếng sáo vo vo, nào hay đâu bể thảm mênh mông, cái khổ đã đến cực điểm, tài sắc những lúc này thì có làm gì?... Nghĩ vẩn vơ, vơ vẩn thế, thành đêm nào mợ ngủ cũng không ngon giấc, lắm lúc buồn, giở cái gương con ra soi, thì than ôi, cái da trắng nay đã sạm, nào mắt, nào mồm, nào tóc, nào chân tay bây giờ nhìn kỹ lại thì xấu xa và kém xưa nhiều lắm. Mợ ngạc nhiên lấy làm lạ: "Ta chưa già mà... mới ngoài hai mươi sao đã hết xuân"?

Ôi, cái xuân của mợ nay đã hầu như là già lắm rồi.

Ngọc lành nhiều vết, hoa thơm dã nhị, ong bướm ra vào từ đây còn mấy?... Thôi thì thôi, "nhất phiến u tình nan tận hoại, thời huy thanh lệ phốc chu lan", mong chi cái phận hồng nhan, duyên kiếp từ nay còn màng chi tới nữa!...

Mợ Cả càng nghĩ nguồn cơn bao nhiêu, càng than thân trách phận bấy nhiêu.

Một hôm nhằm ngày rằm, mợ gửi con bà phán Soay ẵm, xong đi lên chùa Quan Thánh xin một quẻ thẻ, đi mãi đến chiều mới về, lúc về đến nhà thì thấy bà phán Soay chạy tất tả ra đưa thằng bé cho mợ ẵm, rồi bảo mợ rằng:

"Lúc mợ mới đi được một chốc thì tôi thấy cậu ấy đi về lên gác giây lát rồi đi ngay".

Mợ cả vội vàng lên gác, đặt con xuống giường, vừa mở cửa để hóng mát, thì nhác thấy một cái phong bì thơ để trên bàn, nhìn kỹ thì chính là chữ Bạc Sở viết cho mình.

Thơ rằng:

Mợ Cả,

Tôi phải lên Phú Thọ đòi nợ, độ bảy tám hôm thì tôi về, nếu đến hôm ấy không thấy tôi về, thì mợ đi tàu lên đó vào hàng cơm gần nhà la-ga (gare) mà tìm tôi.

Nay thơ: Bạc Sở.

Mợ Cả đọc đi đọc lại cái thơ Bạc Sở, lẩm bẩm một mình:

"Lạ quá, nếu có đi sao không chờ bảo cho biết, lại viết vắn tắt có thế, là làm sao?" Song mợ cũng nán mà chịu khó chờ đợi, nghi nghi, hoặc hoặc, mấy ngày ngồi đứng không yên. Đến ngày thứ tám, quả không thấy Bạc Sở về, qua ngày thứ 9 cũng thế. Mợ Cả lo sợ, vì nếu Bạc Sở đi mất thì mợ biết trông cậy vào ai? Liền xuống vay bà phán dưới nhà 10$ để lấy tiền lộ phí lên tỉnh Phú Thọ. Rồi ẵm con thuê xe ra ga Hà Nội, lấy vé xong, lên ngồi trên toa hạng tư, thì hành khách đã thấy chật ních trong ngoài. Mợ Cả vừa lên ngồi được một lát thì tàu chạy, đồng hồ ngoài ga vừa đúng 9 giờ 30 phút. Ngồi ròng rã trên tàu, mãi đến gần một giờ tàu mới đến ga Phú Thọ, bước chân xuống đất bỡ ngỡ, chỉ trông thấy hành khách người tay nải, người gồng gánh, chen chân chật ních, len nhau mà đi vào trong tỉnh.

Mợ Cả hoảng hốt, trông chẳng biết đâu vào đâu, thấy người ta đi vào, thì cũng bắt chước đi vào. Giời nắng nực, mình mẩy mồ hôi nhễ nhại, mặt mũi nhem nhuốc, nước mắt nước mũi đầm đìa,

trên da mặt lấm tấm đen những than tàu, còn thằng bé con mợ ẵm ở trên tay thì đầu đầy cứt trâu, ruồi đậu đầy cả, ánh nắng chiếu vào trông rõ những mụn nhọt, mủ mê gớm chết. Mợ Cả vừa đi đến cửa ga thì thấy người đội xếp đứng đó, liền lên tiếng hỏi:

"Thưa thầy ở đây có hàng cơm nào gần ga không?"

Người đội xếp nhìn mợ Cả, nhăn nhăn nhở nhở nói:

– Có, đi đi!...

Mợ Cả bước chân đi vào trong thì thấy một đám phu xe đã để xe chực cả ở bờ hè đón khách về tỉnh. Khi thấy mợ thì chúng đổ xô lại mời lên xe:

– Đây, đây, cô đi xe vào tỉnh!

Mợ Cả dùng dằng chưa muốn lên xe vội, người xe lại mời:

– Cô lên xe vào tỉnh!...

Mợ Cả nghe người xe mời, liền mặc cả:

– Hai xu vào hàng cơm gần ga!

Khi xe đỗ ở hàng cơm, mợ Cả xuống xe, giả tiền xong thì thấy trong nhà hàng có bà cụ ra mời:

– Cô về buổi trưa chưa xơi cơm sáng, xin mời cô vào xơi chén nước... rồi ăn cơm!...

Mợ Cả nhìn bà cụ, chào xong, mợ liền hỏi bà:

– Thưa bà, bà có thấy ông phán nào ăn mặc quần áo tây, người trạc độ 30 vào trọ đây không?

– Không, không có ai!...

Mợ Cả liền đi sang nhà hàng cơm khác, hỏi đến bốn năm nhà nữa, cũng chẳng thấy đâu, lúc bấy giờ mới chưng hửng người ra. Bạc Sở nhà cửa thế nào? Quê quán ở đâu? Mợ Cả từ ngày theo nó cũng không rõ... cho nên bây giờ mới tỉnh ngộ mà hơi chột dạ, bèn kể đầu đuôi cho bà lão bán hàng cơm gần đấy, thì bà lão nói:

"Ai biết đâu người vu vơ mà tìm được, các hạng người như thế ở Hà Nội cũng không phải là ít, cô ạ!"

Ấy mới chết! Mợ Cả nghe bà cụ nói điếng cả người!... Nhưng biết làm sao? Đành phải chờ đến chuyến tàu 2 giờ lấy vé xong, lên tàu về Hà Nội.

7.

Mãi đến 6 giờ chiều, tàu mới đến Hà Nội. Mợ Cả vừa đi vừa về một ngày nên mệt mỏi nhức đầu khó chịu, lúc xuống ga, liền thuê xe về nhà ngay. Khi về đến nhà thì thấy bà phán Soay hốt hoảng chạy ra cửa:

"Mợ vừa đi ban sáng thì thấy cậu ấy đến nói với tôi rằng: mợ đã gặp cậu, bây giờ cậu đến dọn dẹp đồ đạc của mợ, và giả tiền nhà rồi mợ về ở với cậu". Ấy mới chết nữa! Chuyến này rầy to! Mợ Cả chạy lên gác xem thì thấy đồ đạc hòm tủ mất hết, chẳng còn một cái gì sốt:

"Khổ chưa! Giời ơi là giời!"

Mợ chạy ngược chạy xuôi, hết cào tai gãi má, đến nhăn nhó mặt mày. Bây giờ làm thế nào? Đi đâu? Ở đâu?

Trong bụng mợ lúc này xốn xang nóng nảy, vừa bồn chồn vừa đau đớn càng nhìn cái gác trống không, lại càng như con dao vô hình đâm vào ruột; mợ bèn lập tâm quyết định đi xe luôn về huyện Thanh Trì, là quê bà Giáo.

Bèn ra cửa gọi xe, mặc cả đâu đấy lên ngồi... xe chạy lạch cạch trên con đường cái, rẽ ra con đường Khâm Thiên, rồi đi thẳng đường Ấp về Hà Đông.

Trời mới tối, giăng soi bên giời, cảnh quê hương chỉ thấy bát ngát gò đống ngổn ngang, cùng ruộng lúa xanh rì, xa xa chỉ thấy đen sì một sắc đen đen, trông con đường dài thăm thẳm dài đăm đắp trước mắt, chốc lại vài cái lá trên cây rụng xuống đường, gió thổi rào rào một cái...

Cả cái cảnh tịch mịch đêm hôm làm cho mợ ấm trong dạ ngổn ngang mà lại thêm lo thêm sợ. Đêm khuya đường xá một mình, biết đâu là chẳng gặp phải quân gian đồ ra cướp bóc, mỗi lúc qua một cái quán, thấy các tuần canh ra đón xe hỏi đi đâu, là mợ phát hoảng người lên.

Mợ càng sợ, càng giục xe chạy cho nhanh. Xe chạy mãi, chạy mãi đến nửa đêm mới đến làng. Trời tối đen như mực, trông xa không rõ mặt người, chỉ nghe thấy tiếng chó sủa trong làng, và nhìn thấy mấy túp nhà lá lụp xụp, cùng mấy rặng tre cao chót vót mọc đầu làng.

Lúc này mấy bác tuần phiên canh ngoài điếm còn thức, đương sì sục hút tí tách cái điếu cày, khi chúng thấy mợ vội vàng vác hèo vác giáo chạy ra. Mợ sợ quá kêu: "Cướp, cướp" thì chúng vừa đến sừng sộ hỏi: "Đi đâu?"

Mợ bèn kể hết đầu đuôi, và hỏi thăm nhà bà giáo. Trong bọn đó nghe nói đều ngẩn người ra không biết chi cả, sau có một đứa nghĩ mãi rồi đột nhiên hỏi mợ:

"Bà giáo nào, hay bà giáo T. có con gái gả cho con ông phủ nào đó... Nếu phải bà ý thì bây giờ bà đã chết rồi, còn cái nhà ở thì bà cũng bán rồi, bây giờ người khác người ta tậu cái nhà ấy, lấy đất để xây lò mổ trâu bò!"

Đã chết rồi! Chết bao giờ, mợ Cả vừa nghe được tin ấy, khác nào sét đánh ngang giời. Bây giờ mới thật khổ, một mình chốn đường trường quãng vắng, vậy thì biết liệu làm sao? Âu là ta lại ra phố hàng Bút mà tìm hỏi bà mẹ chồng ta, rồi ta năn nỉ xin người dung thứ và thâu nhập ta, họa may người còn nghĩ lại mà cho ta về chăng? Nhưng đêm đã khuya, đi ra tỉnh bây giờ cũng không kịp nữa. Đành phải ở nán lại, chờ cho đến sáng. Mợ bèn kêu van xin mấy người tuần cho mẹ con mợ và người kéo xe đụt gió ở điếm chờ đến rạng ngày sẽ đi sớm. Mấy người tuần thương tình nên cũng ưng chịu. Mợ ôm thằng bé con vào lòng rồi nằm bệt xuống đất, cả ngày đi vất vả mệt mỏi, nên mới đặt lưng thì đã thiu thiu ngủ quên đi mất, cho mãi đến gà gáy sáng, lúc bấy giờ mợ mới dậy lên xe ra Hà Nội, tìm về phố hàng Bút.

8.

Lúc đến phố hàng Bút, thì đã hơn 9 giờ. Hàng phố đông đúc, kẻ mua người bán tấp nập. Mợ ta vào nhà bà Phủ hỏi thăm, thì thấy nhà đóng cửa, không có cửa hàng bày ra như

trước nữa. Gõ cửa thì trong có một người đàn ông bước ra... Mợ cả nói rõ sự tình trước sau, thì thấy người ấy nhìn mợ một lúc, rồi nói: "Mợ về chậm quá! Quan Phủ phải bệnh mất được mấy tháng trước, còn bà Phủ cũng mất luôn tháng sau.

Cậu Cả Liễu Oanh thì con sài mới chết, nên cậu phẫn chí đã xin nhà nước đi sang Pháp rồi". Tin buồn đã qua, tin khác lại tiếp đến, làm cho mợ ấm đầu như búa bổ, ruột tợ dao đâm, bèn cả tiếng khóc ròng: "Giời làm khổ tôi!...".

Kêu được một tiếng thì mặt mày đổi nét, hai mắt lờ đờ, sắp muốn té xuống đất. Lúc này người đàn ông thấy tình hình mợ thảm thiết thế, liền hỏi mợ rằng:

"Thế mợ còn quen biết bà con nào ở đây nữa không?".

"Có, tôi nhớ có quen một bà dì ở phố hàng Nón, nhà cũng giàu có".

"Vậy thì sao mợ không lại đấy mà xin ở nhờ!".

Mợ Cả nghe người đàn ông ấy nói, liền cám ơn, xong từ tạ rồi gọi xe xuống hàng Nón, hỏi thăm vào nhà bà dì. Lúc này bà dì mợ Cả đương ngồi trong nhá đánh tổ tôm với mấy bà khác, khi nghe thấy người vú vào nói có mợ là cháu bà đến, bà nhăn mặt gãi tai, nói với mấy bà kia rằng:

"Không biết con này nó đến đây làm gì?".

Vừa nói xong thì mợ Cả đã ẳm con vào đến nhà trong, bà này trông thấy mợ ta: khăn lấm, tóc rối, áo vá, quần rách thì coi bộ ghét lắm, bèn cả tiếng mắng mợ mà bảo rằng:

"Đồ đĩ! Con nhà hư! Mày đi theo giai đến bây giờ mới về, còn trông thấy tao làm gì, bước ngay lập tức; đây tao không dung những của như thế! Mợ Cả cứ nép vào một bên vừa khóc lóc vừa kêu van, kêu van hết hơi bà dì cũng chẳng động lòng... Bèn chào bà đi ra cửa thuê xe thẳng ra bờ sông. Trèo lên cầu sông Doumer đứng ngắm dòng nước, thuyền bè san sát đậu bên bờ, đứng trên mà nhìn xuống sông thì bao la rộng rãi, giải nước cuồn cuộn trông ghê cả mình: "Thà chết cho xong! Sống làm gì!!!". Mợ cả vừa ôm con – vừa nhìn đáy nước, bao nhiêu nỗi ưu phiền trong bụng mợ lúc này đã hầu như chỉ hy vọng cả vào cái chết, cái chết yên lòng. Trông thấy nước sông chảy cuồn cuộn, con thuyền chìm nổi mà mợ muốn như đã sắp

gieo mình từ trên cao xuống dưới, phó mặc tấm thân cho chiều nước ngược xuôi. Ôi, cái sức mạnh của dòng nước kia khá làm cho ta mát dạ đẹp lòng! Có nhẽ từ nay ai người như ta, cũng nên ra đây mà quy y cửa giời, nhà Phật, mong thoát ly chốn bụi trần, mà cầu đội bát hương! Hỡi ôi, chết chết, chết mà thoát cái khổ, cái sầu, cái đau đớn! Chết mà rửa được tiếng xấu, khỏi thẹn với lương tâm! Vậy thì nên chết! Nhưng mợ Cả vốn không sao mà quyên sinh được, vì mợ còn chút con trai, nên muốn cho nó nhớn để lập tự cho nhà chồng, nay mợ chết mà bỏ nó, thì ai nuôi cho? Hoặc hai mẹ con cùng đưa nhau xuống sông thì ngày sau bên nhà chồng biết lấy ai phụng thờ, giữ hương đèn cúng lễ ông cha? Con này dẫu không phải là con chồng, là con Bạc Sở, nhưng cũng là mợ đẻ ra, bây giờ bỏ đi là tội nghiệp biết bao? Chẳng thà để nuôi cho nó khôn lớn rồi cho nó lấy họ nhà chồng cũ thì hay hơn!

Bởi mợ nghĩ thế nên dùng dằng không muốn tự vẫn nữa, chỉ nhìn con, nhìn dòng nước mà khóc mùi, tiếng khóc thê thảm, giữa lúc gió thổi cây rung, cảnh hoàng hôn thảm đạm thê lương, ai nghe mà chẳng động lòng...

Thời may, lúc bấy giờ có một người con gái tuổi độ 20, nhân lúc một mình thơ thẩn trên cầu, nghe thấy tiếng mợ khóc thì lại gần hỏi hết đầu đuôi, rồi bảo mợ rằng:

"Tôi nghe mợ nói chuyện tôi cũng thương tâm, lòng không nỡ để một người bạn hồng quần, một thuyền một hội với mình sa cơ vào nơi nước biếc rêu xanh".

Than ôi, từ cổ hồng nhan đa bạc phận, cái xuân xanh, cái tài, cái sắc là cái gương bạc mệnh của bạn nữ lưu như chúng ta, chúng ta là cái mồi dử của các gã ong bướm, thân bồ liễu dẫu yếu mềm, nhưng con tạo ỡm ờ, biết lấy ai là người tri kỷ, chơi hoa mà biết tiếc hoa? Như tôi với mợ đây mà gặp nhau, cũng như hai người bạn cùng chung một thuyền bơi trên sông to sóng cả, những lúc nguy hiểm thời phải hết lòng hết sức giúp đỡ lẫn nhau, tuy ở đời, thân mình đã là sa cơ nhỡ bước, mà đường duyên phận ông tơ chưa dứt hẳn thời mợ hẵng tạm nương náu chờ nghe tin tức cậu Cả ấy ra làm sao? May ra vợ chồng lại đoàn viên một nhà, tình vợ nghĩa chồng lại đằm thắm như lúc mới gặp nhau thời đó là nợ ba sinh

mình còn được hưởng phúc, mợ sẽ đem cái tài sắc làm bạn với cậu ấy cho hết lòng, thờ chồng nuôi con cho hết đạo, cái danh hiền phụ đi truyền hậu thế, thời ai chẳng phải khen?".

Chớ bây giờ nước đã đánh phèn, muốn trong cũng lỡ ra rồi không sao được. Mợ mà tự hủy mình đi, thời có ích chi, con thơ để lại cho ai, có phải là mang ác vào mình, mà lỗi đạo cùng chồng sau này, vì chồng mợ sang bên Pháp quốc sống thác chưa tường sao nỡ đành tâm không nghĩ giả nghĩa cho chồng vội đem thân bồ liễu chôn nơi dưới đất, nỡ lòng nào không nghĩ đến những lúc vợ chồng mới lấy nhau, đầu gối tay ấp, biết bao tình ân ái, bỏ đi không nghĩ đến sao nên?"

Mợ Cả nghe nói cũng đã hồi tâm im một lúc rồi hỏi:

"Cô bảo thế tôi rất cám ơn, nhưng chẳng biết bây giờ tôi đi đâu? Mà cô là ai xin cho tôi biết, để mai sau nếu tôi có được vẻ vang thì tôi sẽ đến nhà mà tạ lại ơn lòng đã chỉ bảo điều hay!"

Người con gái ấy nói: "Tôi tên là Huệ Lan, năm nay cũng đã 20 rồi, bởi lúc còn bé song thân sớm lên cõi tiên, một thân lưu lạc, họ hàng không có, cho nên phải vào xóm Bình Khang tập hát đã 3, 4 năm nay rồi. Tôi ở đây cũng là một sự bất đắc dĩ, một cái khổ, nên cũng không phải là quyết lưu luyến mãi chốn này đâu, chẳng qua cô thân đất khách thì phải mượn chốn ca lâu này làm nơi túc xá chờ nghe tin tức xem bên họ còn ai quen thời đến nương nhờ. Tôi cũng biết chen chân vào với các chị em nhà nghề, chỉ cho khỏi miệng thế mỉa mai là đồ móc túi bom xu, tự nghĩ cũng lấy làm nhục nhã lắm, như những lúc quan viên đến hát, nào chị em người thì liếc, người thì đưa mắt cười cười nói nói, ôm ôm bế bế, mà mình nghĩ thẹn quá không sao như họ được. Nếu không thế thì Cửu Má lại la rầy mắng mỏ...

Chả biết làm sao, chỉ mình biết cho mình mà thôi, nghĩ đến đường duyên phận lúc nào thì thật là ngao ngán, thật là đời bây giờ duyên hờ hững thì nhiều, ai cũng nói có tình tri kỷ, mà tri kỷ đến lừa lọc nhau là hết, bọn chị em thời lả lơi vờ vĩnh, duyên ông bám duyên bà, đến đồng bạc trắng là xong, còn bọn nam nhi họ, thời phần nhiều không như các cụ nho ngày trước cho hát là một

cách chơi phong nhã nữa, họ cũng chỉ chơi cho hoa tàn, chơi cho liễu chán hoa chê, thế rồi là thôi.

Thật trong các hạng tu mi nam tử, ít khi gặp được người văn chương tao nhã, biết câu chuyện bạc mệnh của chị em mình... Thôi thời đã liều ba bảy cũng liều, mợ cũng là người ngày nay nhỡ bước, thời hãy tạm ở cùng tôi nương náu ít lâu, chờ xem sau này sẽ liệu, chớ bây giờ mợ đi đâu được. Nếu mợ bằng lòng thế, thì đứa con mợ để tôi gửi người bà con đem về nhà quê nuôi hộ, mỗi năm cho người ta ít quà bánh nhì nhằng, gọi là đền công dưỡng dục... Mợ có nhan sắc, lại có chữ nghĩa, vào đây thì chả sợ không bằng ai?"

Mợ Cả nghe nói mặt mày ngơ ngẩn, bụng bảo dạ: "Bây giờ đến nông nỗi phải đi hát nuôi thân thời nhục lắm, tiếng thơm của bố biết lấy đâu đắp điếm cho tròn như ngày xưa, nhưng đã đến nguồn cơn này thì đi đâu cho được, phải đành ở tạm đây ít lâu xem đã... Thôi cho hay hồng nhan bạc phận, cũng liều nhắm mắt đưa chân, mà xem con tạo xoay vần ra sao?".

Mợ nghĩ thế cho nên bảo cô Huệ Lan: "Thôi được, cô bảo thế tôi cũng xin vâng, vậy trăm sự nhờ cô chỉ vẽ, thân tôi đã đến nước này, cũng đành ngậm đắng nuốt cay với giời!".

...

Huệ Lan bèn đưa mợ ra mắt Cửu Má...

Mụ này nguyên trước cũng là cô đầu ở tỉnh N... cách giao thiệp, ngón lẳng lơ làm cho nhiều tay công tử mất cửa, mất nhà, bấy giờ trở về già rồi thì lại lấy lẻ một ông Chánh tổng... Mụ nhờ trước có đi hát, được quen nhiều các chị em, cho nên mới lấy ít tiền của cụ Chánh lập nhà hát riêng ở Hà Nội. Các chị em ở với mụ cũng được tất cả bốn người, đến mợ Cả nữa là năm... Mụ nghe Huệ Lan nói chuyện mợ Cả, lại thấy hình dung mợ có vẻ phong lưu nhan sắc thì mụ có ý mừng... Bèn lập tức xuất tiền ra may cho mợ Cả một cái áo suyến sài gòn trơn, một đôi giày mới để lấy bộ cánh chào mời tiếp đãi các quan viên. Cửu Má bèn đổi tên cho mợ mà gọi là Chúc Lan.

Từ đó mợ ở yên đấy, ăn mặc không phải lo, nhưng lắm phen nghĩ cũng cực thân, là vì cách tiếp đãi chào mời khách, mợ không quen cũng không chịu được những cách lả lơi ong bướm của họ; Cửu Má thường kiếm lời khuyên nhủ mợ, nhưng mợ không nghe, một

niềm khép kín buồng loan mà mặc cho ong bướm đi về một ai, không màng chi tới. Cửu Má thấy vậy lấy làm giận lắm, bèn cả tiếng la rầy, nhiều khi mụ nổi tam bành mụ lên, nói mợ Cả nhiều câu rất cay đắng, mợ Cả phải bấm bụng chịu không hề hở răng than vãn với ai.

Tuy vậy mà cửa hàng Cửu Má khách Tràng Khanh thường đua nhau lũ lượt ra vào, vì vốn biết nhan sắc mợ, lại thấy người con nhà thi thơ, văn chương có, nên bọn họ lấy làm mến lắm, tuy mắt xanh nhiều tay chưa lọt mà những bực hào phú phong nhã thường hát có chầu chi tới vài ba chục là thường, không kể những chầu hát các quan chơi tới 4, 5 chục.

Thương ôi mảnh sắt vào lò,
Bấy lâu nay biết giày vò đến đâu.

Chúc Lan ơi, mợ Cả ơi, thật mợ đã đem cái tài cái sắc làm gương cho khách hồng quần soi chung, thương thay người bạc mệnh!

ĐOẠN THỨ BA

1.

Thỏ bạc ác tà, cánh chim bằng vùn vụt, ngựa lồng qua cửa sổ, nghĩ cái thời giờ trong thế gian một ngày một nhanh, mặt giời mọc lúc nào, xế chiều lúc nào, đêm lúc nào là mỗi lúc cái tuổi xuân xanh của con người ta đi một độ vào cái cảnh già cỗi, hồi tưởng đến lúc này thời trong dạ lại thê lương, ngẫm cái quá khứ thời xiết nỗi buồn rầu, tưởng tượng cái tương lai thời xiết bao kinh hoảng... Non xanh nước biếc, mây đen mà cái quang cảnh trời thu cũng làm ủ dột chúa xuân, cỏ cây rầu rĩ dưới sắc trời ảm đạm, bạn thiếu niên như chúng ta, ai là người có sẵn lòng ký ức, nghĩ tới cái quá khứ mà không bồi hồi lo sợ than vãn cái tương lai. Lòng cảm động như thế, huống hồ là người nữ nhi, có văn chương, sẵn sầu cảm, nhiều nỗi ưu tư như Chúc Lan (là mợ Cả) đây, cái cảnh ngộ đã lịch lịch trên bàn tay, dòng lệ trắng đã hai hàng đầm đìa

nơi khóe mắt, mỗi khi trông trời nhớ cảnh, tưởng tượng non sông như một chốn giang hồ lữ thứ của con người bạc mệnh...

Hỡi ôi, như cô Chúc Lan tuổi mới ngoài hai mươi, hoa xuân làm chi đến nỗi rã nhị phai mùi, mày liễu ủ dột, nửa tình, nửa cảnh đã như tắm gội giọt nước cành dương, tưởng như cô, đầu xanh có tội tình gì mà thân phận đã lầm than đến thế... Kể từ lúc cô bước chân vào xóm Bình Khang, thật là ăn không biết mùi, ngủ không biết ngon, đêm năm canh hồn bướm phất phơ, ngày sáu khắc bâng khuâng giấc điệp, nghĩ đến những lúc có khách khứa đến nhà mà lấy làm lo sợ, bụng phập phồng như người sắp phải cái nguy gì vậy... Cô vốn rất sợ phải chào mời vồn vả các quan, vốn rất không ưa cách lả lơi kề hoa tựa nguyệt, quàng vai bá cổ, vốn không quen cách khéo léo đưa đẩy của các cô nhà nghề, vì cô vốn con nhà giáo dục từ bé đến lớn, không ra khỏi ngoài vòng nữ tắc, thời làm sao hiểu biết và quen được những cách của chị em xóm Bình Khang? Hôm ý là hôm thứ bảy Cửu Má bèn gọi mấy cô nhà nghề cùng cô Chúc Lan mà bảo rằng:

"Hôm nay có ba ông khách sang trọng hẹn đến tối lại hát nhà ta thì các cô phải sắm sửa ăn mặc cho lịch sự mà tiếp đãi, bọn này nghe nói hát chầu nào cũng chi sang lắm". Mụ nói xong tức thì sai một thằng nhỏ con trải một cái chiếu cạp điều ra giữa nhà, để tráp trầu, khay thuốc lá, khay chè sẵn sàng cả ra giường, giữa ngọn đèn điện dủ cái a-ba-dua (abat-jour) bằng ren sáng tỏa khắp một góc nhà. Trông rõ thì thấy cảnh giường có kê một cái tủ gụ, ngoài hai mặt kính trong có mấy bao chè tàu, vài cái ảnh... Trong buồng gần đó là phòng ngủ, diềm màn đỏ, chăn cạp sanh gối bông...

Chăn ấm, gối mềm, đàn hay, riệu ngọt, miếng ăn ngon, gái lịch, cuộc vui nào phong nhã cho bằng nữa, nhân sinh còn có cái thú gì hơn cái thú hoa kề nguyệt lả nữa...

Các cô nhà nghề thì nghe Cửu Má nói vội vàng chạy vào trong buồng để trang điểm, cô thì lấy áo hoa hiên mặc, cô thì ca-sơ-mia nâu, cô thì ca-sơ-mia đen, cô thì áo xuyến quần lĩnh mới, khăn sa tanh mới, trâm vàng cài, bao nhiêu bộ cánh để dành dở ra hết, nào vấn khăn đánh phấn, bôi môi, một lúc mà trông các cô khác cả đi... Cô nào có nhân tình sang trọng, thời có vòng, có hột đeo chíu chít

cả cổ lẫn tay, nào nhẫn mặt, nhẫn ma-dê trông chói lòa sắc vàng ở trên mấy ngón tay nuồn nuột...

Duy có cô Chúc Lan là không ăn mặc gì cả, cứ ngồi xem các chị em mà thôi. Đương lúc các cô ăn mặc thời có một cô ý hẳn có nhân tình kéo cho một hai đôi xuyến, ngắm nghía mãi rồi hỏi cô bên cạnh:

"Thế nào, chị xem hôm nay tôi có khá không? Hay là để tôi đi mượn cái áo sa-tanh của chị S. vậy?

"Thôi chị còn ai hơn được nữa, còn khéo vờ vĩnh, có chúng tôi thì..."

"Không thật, tôi dám đâu bì kịp với các chị...".

Đương nói thì nghe tiếng Cửu Má gọi:

"Nào các cô đâu cả, ra chào các quan đi!".

Mụ vừa nói xong, thời mấy cô ở trong buồng chạy ra tranh nhau nói: "Chào ba quan". Rồi ngồi cả ở giường.

Ba ông này đến hát nhà này lần này là lần thứ năm rồi cho nên đi lại với các chị em quen thuộc lắm. Một ông mặt hơi đen, trán cao, mũi to, mồm rộng, dưới cằm hơi để râu, đầu đội khăn xếp, mặc áo sa tanh, đi giày vàng, mắt đeo kính gọng vàng, tác chừng ngoài ba mươi, một ông thì ăn bận quần tây, đầu rẽ vắt cả lên, chải mượt, mặc bộ laine màu hơi xam xám, ngoài khoác cái áo tơi (imperméable) chân đi giày hai màu trên trắng dưới đen, mặt mũi nhẵn nhụi, chưa có râu tuổi độ 25, 26. Hai ông này cũng có nhân tình với các chị em nên đến lúc đến nhà, thời đôi nào vào đôi ấy: cô P. thì ngồi cạnh ông ăn mặc ta, còn cô Đ. thời tựa vào ông mặc quần tây, nhời tan hợp, nỗi hàn huyên của hai cặp nhân tình thật vui hơn tết, tiếng cười khanh khách... Còn mấy cô kia, cùng cô Chúc Lan thấy các ông không hỏi đến, thì cứ ngồi thừ ra, cô nọ thì thầm với cô kia, một lúc rồi tan hết... Cô Chúc Lan lúc này thấy các chị em lảng cả, muốn đứng dậy đi, thì thấy ông thứ ba cầm tay kéo lại:

"Chả mấy khi tôi đến, chưa gặp cô lần nào, vậy cô ở đây chuyện trò với tôi".

Cô toan đứng dậy không chịu nhưng nhác nhìn ông này thấy người ăn mặc nho nhã, phải dạng con nhà thi lễ, tiếng nói nhỏ nhẹ,

mặt mũi sáng sủa, mi thanh mục tú, thật là người lương thiện nên không có ý sợ hãi, bèn vội vàng ngồi xuống đấy...

Nguyên người này tên là Bùi Sinh là con một nhà phú hộ ở chốn tỉnh thành, thuở nhỏ có theo đòi chốn cửa Khổng sân Trình mấy năm, nhưng công danh không gặp, mấy phen trường ốc, vậy ông thân sinh mới cưới vợ cho về để buôn bán trông nom nhà cửa ruộng nương. Từ ngày ông thân sinh mất đi thì chàng ta buôn bán ngày một phát đạt, gia tư ngày một phong túc, lại nhờ được người vợ khôn ngoan, nên trong nhà ăn sung mặc sướng, vợ chồng lên xe xuống ngựa không ai bằng.

Người vợ họ Hà... là con một ông đồ dạy học, ông mất sớm còn mẹ già cày cấy buôn bán ở nhà quê, nàng ta là người rất khôn ngoan, công việc tề gia nội trợ lo liệu đâu vào đấy, trên có ngăn nắp dưới có thứ tự, thật là một người rất đáng khen. Ở chốn phồn hoa là đất ăn tiêu xa phí mà nàng một niềm tiết kiệm, gắn bó từng li không như các bà khác chỉ quen chơi bời ăn mặc, lấy cách trang điểm làm cái mộng tưởng một đời người phụ nữ. Bùi Sinh thấy vợ thế cũng kính phục, những lời nàng khuyên nhủ thường không dám sai, cho nên từ ngày hai vợ chồng lấy nhau đến bây giờ đã được đến 5, 6 năm, con cái được đôi ba đứa rồi, mà trên thuận dưới hòa, vợ chồng không bao giờ to tiếng với nhau...

Hà thị vốn biết chồng là người hiền lành, nhưng tuổi còn trẻ, cái lòng dục đương hăng hái, chi cho khỏi vướng chân vào vòng hoa nguyệt, cho nên đã hết sức ngăn cấm chồng không hề cho đi đâu, như thế cũng được vài năm, hễ động chồng định đi đâu là nàng làm mặt giận, cho nên chàng kiêng nể lại thôi. Nhưng lấy điều làm bực tức lắm, vì ăn ngày hai bữa lại ở nhà ro ró, không có lẽ lúc nào vợ chồng cũng bám chặt lấy nhau, cũng có lúc phải mua vui cảnh ngoài, chơi bời hát xướng cho thư thái tinh thần chứ!

Chàng vốn cùng ông ăn bận áo sa tanh là Trần Quân, cùng người ăn mặc quần áo tây là Mỗ Sinh là ba người bạn đồng học thuở nhỏ, cho nên tình anh em đi lại chơi bời thân thiết lắm. Trần Quân cũng có cửa hàng buôn to bán lớn, nên kể cũng là một nhà phú gia ở đất Hà Thành, cách chơi bời thạo lắm. Chàng vốn ưa chốn hồng lâu cho nên một hôm đã cố kéo Bùi Sinh cùng đi với mình.

Bùi Sinh vốn xưa nay chưa hề ra khỏi nhà, nay được bước chân vào một chốn chơi bời phong nhã thế này, lẽ nào chẳng hám chẳng mê, thật là mừng như chim sổ lồng, lại được bay liệng tự do trên chốn trời rộng mênh mông...

Từ đấy đã biết cái thú xóm Bình Khang là thế nào, cho nên lăm le nhiều lần đã muốn đi, nhưng lại bị Hà thị giữ riết nên không được đi đến đâu...

Một hôm Hà thị có việc phải về quê nhà, liền giao chìa khóa hòm tủ cho chàng và căn dặn chàng rằng:

"Tôi có việc phải về quê mấy hôm, thì cậu ở nhà trông cửa ngõ, bảo ban chúng nó coi sóc cẩn thận, kẻo độ này trộm cắp nhiều lắm, sểnh ra thì mất đồ mất đạc ngay. Vậy cậu nên giữ gìn, tiền chợ búa tôi xin giao cả cho người nhà nó giữ, nó mua bán còn thừa bao nhiêu, tôi về nó sẽ tính mấy tôi, còn cậu cần tiêu pha việc gì thì cứ mở tủ mà lấy tiền, chìa khóa tôi giao cho đấy".

Bùi Sinh nghe vợ nói phải đi những mấy hôm mới về, thì bụng mừng rỡ lắm, vì không có ai ngăn cấm mình nữa, bèn cho người mời Trần Quân và Mỗ Sinh đến nhà đánh chén. Trong lúc ba anh em đương chén tạc chén thù, thì Trần Quân gợi lên:

"Tôi nghĩ như anh em mình giời cho có của, có con, gia tư cũng khá, đồng tiền cũng dư dật, thế mà không nhân lúc này chơi bời cho phỉ chí thì cũng là uổng lắm. Vậy hôm nay đông đủ, ta kéo nhau lên hàng Giấy, tôi nghe nhà số... mới có một cô đầu người rất phong nhã, lại con nhà trâm anh, thi thư giỏi, ta thử đến đó xem sao!".

Bùi Sinh và Mỗ Sinh nghe nói, liền nhận lời đi ngay. Ba người liền gọi ba cái xe cao su kéo thẳng đến nhà cô đầu.

Vì lẽ đó nên Bùi Sinh mới thừa dịp mà biết được cô Chúc Lan (tức là mợ Cả khi xưa); chàng vốn là người đã nhiễm cái thú tửu sắc rồi, cho nên đến lúc trông thấy cô ta mặt hoa da phấn lưng ong, mình mẩy mềm mại tiếng nói ôn hòa thì phải lòng ngay, bụng đã muốn cùng cô tính cuộc trăm năm, lấy làm tiểu thiếp rồi...

Kịp đến lúc lại nghe cô than vãn với mình những nguồn cơn bỏ cậu Cả, lấy Bạc Sở bị lừa, cho nên mới phải đem mình vào nơi ca quán, thời Bùi Sinh lại càng ái ngại thương tâm lắm...

Chàng liền nói với cô Chúc Lan rằng:

"Tôi nghe chuyện cô nói, thật lấy làm thương xót lắm, muốn hết sức đùm bọc cô, dẫu rằng vợ Cả có rồi, nhưng nếu cô ưng thuận mà biết cảm cái bụng tôi quý hóa cô thì tôi xin lấy cô để một chỗ, tiền nong mỗi tháng xin đưa cô đủ tiêu, ăn mặc may vá gì tôi xin chịu. Nếu cô bằng lòng thế thì tôi sẽ nói với Cửu Má một tiếng là xong ngay...

Cô Chúc Lan nghe chàng nói, bụng còn ngần ngại chưa biết làm sao, không biết chàng nói thật hay nói dối, là người tử tế hay lại như Bạc Sở ngày xưa, bụng bảo dạ:

"Nếu thật được như thế thời ta cũng nên nghe".

Bèn trả lời Bùi Sinh rằng:

"Vâng cậu nói thế tôi sẽ biết vậy, xin để hai ngày nữa, tôi nghĩ thế nào, sẽ thưa lại cậu biết".

"Vậy thì hai ngày nữa tôi sẽ đến đây".

"Vâng!".

Khi Bùi Sinh về rồi thời cô liền hỏi thăm bạn là Huệ Lan về gốc tích chàng ta, thấy Huệ Lan nói chàng là người đứng đắn tử tế thời cô mừng lắm.

Hai hôm sau Bùi Sinh quả nhiên y hẹn đến, thời cô Chúc Lan ra chào hỏi và tỏ ý xin nghe... Bùi Sinh mừng rỡ, vội vàng nói chuyện với Cửu Má, và cho mụ 50$ tạ lại cái công mụ nuôi nấng cô mấy tháng. Cửu Má được tiền mừng rỡ, thuận ngay. Thế là từ đấy cô Chúc Lan (tức mợ Cả) lại lấy lẽ Bùi Sinh...

Bùi Sinh nguyên có Hà thị ở nhà rồi nên không dám đem cô về, phải thuê nhà ở phố... cho cô ở... Cô nhân dịp bèn đánh giấy tìm đứa bé con gửi người nuôi ở nhà quê ra, rồi hai mẹ con thu xếp đồ đạc ở đấy... Bùi Sinh lại cấp cho cô 300$ bạc vốn để mở ngôi hàng tạp hóa... Chàng thường mỗi tuần lễ vài ba lần lại thăm cô, như thế được hơn một tháng, không có tiếng tăm gì... Chàng nói dối Hà thị rằng mới vào cái hội buôn to, mỗi tháng phải đóng 50 đồng, trong 5 năm thời thu lãi được vài trăm, và mỗi tuần lễ chàng phải lại hội ba lần để tính toán sổ sách. Trò liền [đàn] bà nhẹ dạ dễ tin, lại

nghe nói buôn bán có lời có lãi, thời còn nghi ngại gì nữa, nên mặc ý để cho Bùi Sinh đi sớm về trưa.

2.

Đây lại nói chuyện Trần Quân tuy từ ngày cùng Bùi Sinh chơi bời quen biết với nhau, tiếng gọi rằng bạn bè cùng học với nhau ngày bé, nhưng chàng là người không tốt, chơi bời chỉ muốn cầu tư lợi, mà không muốn thiệt thòi của mình... Chàng thấy Bùi Sinh từ ngày đi hát với chàng không chịu bỏ tiền ra thết chàng được chầu nào, cho nên đã có ý không bằng lòng... Đến nay lại thấy chàng lấy cô Chúc Lan thời chàng định bụng ton hót với Hà thị để nhân dịp vay mấy chục...

Một hôm chàng biết Bùi Sinh đã đi chơi lại nhà cô Chúc Lan, liền lẻn vào chơi tìm Hà thị để nói chuyện, nhằm lúc Hà thị đương ngồi một mình khâu. Chàng thấy Hà thị ngồi đấy có một mình thì đã biết Bùi Sinh đi vắng, nhưng cũng giả bộ không biết, hỏi:

"Thế nào, anh tôi đâu, mà chỉ có một mình ở nhà?".

"Ấy, thưa chú, nhà tôi vừa đi lại hội, tính sổ sách, độ nửa đêm mới về".

– Thế mà tôi không biết, chẳng hay anh tôi đi lại hội nào thế chị?

Hà thị nghe hỏi chưng hửng người ra không biết nói lại làm sao, chỉ nói: "Không biết, thấy nói chơi hội buôn, thì biết thế mà thôi!".

Trần Quân nghe Hà thị nói, liền cười mà đáp lại:

"Thôi, anh ấy nói dối chị đấy chớ có hội nào đâu!".

"Vậy chớ nhà tôi đi đâu chú có biết không?".

... Đi...

Hà thị lại hỏi luôn: "Đi đâu?...".

Trần Quân thấy hỏi riết, liền khẽ thủng thẳng nói:

"Đi một chỗ, nhưng chị thuê tôi gì, tôi mới nói!".

– Chú cứ nói, rồi chú muốn gì tôi sẽ giúp cho.

– Chả nói giấu gì bà chị, em nay túng tiêu mấy chục vậy xin bà chị cho em vay!

– Chú cứ nói lôi thôi, thôi chú có nói thì nói đi, chớ tôi chả có tiền đâu cho chú vay!

Trần Quân thấy nói, liền làm mặt giận, đứng phắt ngay dậy:

"Tôi tưởng chị là người biết điều, can ngăn chồng cho khỏi chơi bời hại tiền tốn của, và tôi cũng nghĩ vì tôi với anh ấy là chỗ quen thuộc thân mật, cho nên tôi mới muốn cho hay, mới bảo chị. chớ người khác ai hơi đâu mà nói.

Nghĩ là chỗ tử tế, tôi mới hỏi vay chị, chị đã nói thế thì thôi, rồi sau này chị sẽ biết anh ấy mất có bạc nghìn chớ không?"

Hà thị nghe nói đến câu mất có bạc nghìn, thời ruột nóng như lửa, muốn cho Trần Quân nói ngay, liền mở tủ lấy tiền rồi đưa cho Trần Quân vay 50$, xong giục:

"Đây tôi cho chú vay, vậy chú nói đi".

Trần Quân được tiền rồi nhưng còn dùng dằng, để cho Hà thị giục mãi mới nói:

"Tôi nghe người nói chuyện với tôi rằng anh ấy mới lấy một người vợ cô đầu để riêng một chỗ, thuê nhà ở phố... nhưng không biết có phải không? Vả người cô đầu này tôi biết, thật là một ả giang hồ, nhiều tay mất bạc nghìn về nó, tôi e cho anh ý lắm, nên mới bảo cho chị biết, chị liệu mà ngăn cấm anh ý sao cho bỏ được nó ra, không thì còn khổ về nó".

Hà thị nghe nói mặt mũi tái mét ngay đi, lâu lâu mới nói:

"Thảm nào, từ ngày ấy đến giờ, không mấy đêm là không đi!" Lại thở dài: "Hừ! Chồng như thế, có thảm không, mẫu thế này thì tôi cũng đến...".

Trần Quân lại tiếp:

"Thật đàn ông lắm người không biết nghĩ, làm khổ cho vợ!".

Hà thị lúc này ngồi yên, ruột tợ dao cắt, càng nghĩ càng tức, chỉ muốn mau mau chóng đến giờ chồng về, để mà cấu xé một thôi cho bõ. Trần Quân ngồi một lúc, chán cũng kiếm lời từ chối mà về ngay. Còn một mình Hà thị ngồi buồn, bèn lấy thúng mụn ra vá

chờ chồng về... Chán chê mãi đến 12 giờ đêm, mới nghe tiếng chồng gõ cửa. Hà thị liền gọi một đứa người nhà ra mở cửa. Bùi Sinh vừa vào thấy Hà thị liền hỏi:

"Sao mợ thức khuya thế, chưa đi ngủ?".

Hà thị cứ ngồi im, chẳng nói đi nói lại..., thấy hỏi đến 2, 3 tiếng lúc bấy giờ mới lườm chồng:

"Thôi đừng có hỏi vờ làm gì, đi theo đĩ thì đi đi, đừng có về đây mà gọi mợ mợ với cậu cậu làm gì".

– Ai theo đĩ, nói mới lạ chứ!

– Lại còn được mồm mà chối, không biết thiệt hại bao nhiêu về con đĩ rồi, giời ơi!

Bùi Sinh biết chuyện đã lộ, nhưng cũng cố cãi:

"Ai bảo mợ thế, nói cho tôi biết để tôi lôi nó đến đây cho tường minh bạch. Người ta đi làm vất vả, về nhà lại được vợ eo sèo, chịu sao được".

Mồm thì nói, nhưng liệu vợ đã biết rõ... Liền lẳng lặng một mình đi ngủ trước, còn mợ cả nhân giận chồng cho nên ngủ giường khác, nằm chung với người vú em trong buồng.

Lúc này, trong nhà yên lặng, chuông đồng hồ đánh 2 giờ rồi mà hai vợ chồng nằm không yên giấc, tựa hồ như bị cái bóng nó đè, vợ cũng chỉ trông cho mau sáng, chồng cũng cho mau sáng để thi hành cái công việc, cái diệu kế của mình...

Bùi Sinh nằm một mình trên gác, không sao ngủ được, lòng lo sợ cho cô Chúc Lan không yên, sợ rằng sáng mai vợ mình tìm đến làm rầy rà cô, lo lắng không được ở cùng cô nữa, nghĩ đi nghĩ lại nghĩ tới nghĩ lui, không biết làm sao. Không biết ai nói? Không biết làm sao mà Hà thị lại biết được? Đó cũng là một điều rất lạ, vì trong mấy anh em đi với mình, không có lẽ mách với vợ mình như thế!

Nhưng thôi, câu chuyện đã lộ rồi, thời ta cũng nên lo liệu làm sao cho yên... Bây giờ biết nói làm sao cho Hà thị khỏi nghi? Biết bảo Chúc Lan làm sao? Không có lẽ để nàng phải khổ vì sự Hà thị đánh ghen với nàng! Làm thế nào bây giờ? Bùi Sinh nghĩ quẩn quanh mãi thế, cả đêm mà không ngủ được, vừa lúc sáng sớm, nhằm lúc Hà thị đương ngủ, liền bảo đày tớ đun nước sôi uống, rửa mặt

mũi xong đi... Chàng đi được độ nửa giờ rồi, thì Hà thị dậy, hỏi đầu đuôi, biết chồng đã đi từ sáng sớm, tức thì nàng cũng ăn mặc, xong thuê xe đi luôn...

3.

Giời mới sáng, mặt giời mới mọc đàng xa, ngoài nhà còn đóng cửa, chỉ có một vài hàng cháo sôi rao các phố, những nhà buôn bán thời chỉ có vài nhà là đương sắp mở cửa, còn những nhà khác thì cửa ngõ vẫn đóng chặt, kẻ ra người vào chưa thấy ai... Hà thị nghe thấy Trần Quân bảo rằng Bùi Sinh thuê nhà cho Chúc Lan ở phố hàng N. thời bây giờ thuê xe đến phố ấy, chớ cũng không biết số nhà bao nhiêu mà tìm... Nàng còn đương phân vân đứng giữa phố, thời chợt trông thấy một người trong cái nhà tây to trước mặt đi ra, liền chạy lại hỏi: "Thưa ông, ông làm ơn chỉ giùm cho tôi nhà cô Chúc Lan là cô đầu ở hàng Giấy mới lấy Bùi Sinh ở đâu?".

Người ấy nghe hỏi dừng chân lại nhìn Hà thị rồi bảo:

"Có phải nhà cô đầu mới lấy ông họ Bùi được hơn một tháng nay, thời nhà kia kìa, ngoài có mành mành treo cửa ấy".

Miệng nói, tay chỉ, Hà thị nom theo, thì thấy cái nhà tây hẹp, hai tầng, ngoài có cái mành mành cạp điều treo kín cả, nàng liền lại đấy, thì thấy đóng cửa, bụng nghĩ thầm có nhẽ Bùi Sinh sợ ai biết nên đóng cửa, bây giờ làm thế nào gọi cửa mà vào được, vả tiếng mình thì chồng biết, vậy liệu làm sao? Nàng bèn nghĩ một kế, giả làm tiếng người láng giềng sang mượn đôi thùng gánh nước, nghĩ lấy làm đắc kế, liền lên giọng khác:

"Mở cửa".

Thì nghe trong nhà có hỏi "Ai đấy!". Tiếng hỏi rõ giống tiếng Bùi Sinh. Thời còn nghi ngại gì nữa. Hà thị lấy làm sốt ruột lắm, nhưng cũng phải giả lờ đáp:

"Tôi ở bên láng giềng sang mượn cô đôi thùng gánh nước!"

Vì làm sao mà Hà thị nói thế? Là bởi vì nàng thường khi qua phố này, thấy nhà cô Chúc Lan đây cùng nhà bên cạnh thỉnh thoảng vẫn có con đỏ đi lại mượn đồ đạc, cho nên mới nghĩ ra cái mưu ấy, ai ngờ lại trúng. Hà thị vừa nói buông lời, thời thấy cửa mở, trông

rõ thấy Bùi Sinh, còn người đứng đằng sau là Chúc Lan, xuân xanh trạc độ ngoài 20, mình ngọc tóc mây, óng ả một người có nhan sắc. Hà thị trông thấy Bùi Sinh giận tái người đi: "Còn già mồm mà chối nữa thôi, đẹp mặt cho cậu, người như thế mà đi phải lòng con đĩ!".

Nói xong lại nhìn cô Chúc Lan, thật quả là sắc nước hương giời, trách nào mà chồng mình chẳng ưa, đem so mình với người thật là hai đàng cách xa, nên nàng càng nhìn cô càng giận, càng tức. Còn cô Chúc Lan khi thấy Hà thị thời đã sợ run, không dám nhìn lên, chỉ cúi đầu đứng im một chỗ.

Hà thị mặt mày đỏ như gấc, hoa chân múa tay mắng:

"Con đĩ kia, mày cướp chồng bà, mày bòn rút của chồng bà bao nhiêu rồi! Bước ngay đi con đĩ, bà không chứa mày nửa ngày!".

Bùi Sinh thấy vợ mắng Chúc Lan thế, cũng không dám can, chỉ đứng mà nhìn. Cô thì vừa tủi thân, nghe những lời Hà thị nhiếc móc mà hạt châu lai láng, như cánh hoa đầm thấm những sương móc sáng mùa đông.

Hà thị mắng chán chê một lúc rồi kéo Bùi Sinh về.

Hai vợ chồng đi rồi, còn một mình Chúc Lan, lúc này cô trong người bàng hoàng, tinh thần phảng phất như mê như tỉnh, càng nghĩ đến thân thể mình bao nhiêu, càng cám cảnh duyên ôi phận hẩm hiu bấy nhiêu. Đóa hoa tươi, khi giãi gió, khi dầm mưa, trách chi mà chẳng chóng tàn!... Cách năm thỏ bạc ác tà, đoạn tràng lúc ấy nghĩ mà buồn tanh!

Hà thị ghen tuông như thế, mà Bùi Sinh là người sợ vợ, còn có thể làm chi được mà che chở cho cô nữa? Ở sao yên, mà đi thì đi đâu? Bây giờ chỉ còn cách có vốn đi buôn bán, kiếm lấy mà ăn, nhưng bao nhiêu vốn Bùi Sinh cho đã hết từ bao giờ, hàng họ bán không chạy, ăn tiêu một ngày một nhiều, có để dành được đâu đến bây giờ?

Nghĩ tới nghĩ lui, thật khó khăn, bốn phương non nước quê người, chân mây mặt bể ai người đoái thương?

Vậy thì đi đâu, ở với ai, ai nuôi, ai quen biết?...

Hay lại đâm vào xóm Bình Khang, nhưng cô vốn là người không quen nghề nghiệp, không thạo các khóe tình mà lả lơi như các chị em, thời làm sao?

May sao ở bên láng giềng có một bà lão, thường có đôi khi đi lại chuyện trò với cô, hôm nay thấy cô bị Hà thị rầy rà làm khó, thời đã biết rõ, bèn sang mà bảo cô rằng:

"Đến nông nỗi này thì cô cũng không thể ở được đâu, thôi đành bỏ Bùi Sinh không thì không yên với Hà thị. Nếu cô bằng lòng nghe lời tôi thì tôi sẽ đưa cô ở lại may vá cho bà Án T. ở phố M. ăn bà ta nuôi, còn tiền tháng bà ta cũng cho mười hai đồng, lần hồi như thế cũng xong. Chớ hoài công đâu mà bám chặt lấy Thúc Sinh, lại mắc tay Hoạn Thư, thời chẳng khổ lắm sao?"

Chúc Lan đã cùng kế, được bà cụ bảo mấy điều, khác nào như người mở mắt cho ra chỗ sáng sủa lập tức xin nghe mà dặn bà cụ rằng:

"Cụ có lòng thương tưởng đến con, muốn cho con được yên thân, thời con cảm tạ cụ vô cùng. Vậy cụ để con thu xếp ít quần áo, đến chiều xin mời cụ sang bên này, rồi cùng đi mấy [với] con".

Bà cụ về rồi, Chúc Lan liền lấy bút mực viết ngay một phong thư, niêm phong tử tế, để trên bàn gửi Bùi Sinh.

Thơ rằng:

"Cậu Bùi Sinh,

Tôi được gặp cậu là người thủy chung tử tế, được nâng khăn sửa túi, nương nhờ bóng tùng quân, thân bồ liễu đã mấy phen dãi dầu với nắng mưa, mà lại gặp duyên lành, thật nghĩ lấy làm cảm tạ ơn cậu, ví dù phải làm thân trâu ngựa đền bồi cũng cam.

Như ngày nay nên nông nỗi thế này, cũng vì Hà thị ghen tuông, tôi tự xét chút phận con con, không có thể cùng cậu vẹn cuộc trăm năm, cũng biết rằng là người phụ bạc, sao nên, nhưng thôi, lòng tôi ăn ở cùng cậu đã có giời xét soi.

Vậy xin cậu đừng đoái tưởng đến thân hèn này làm chi nữa, để cho hai mẹ con tôi đi tìm nơi trú ngụ, kiếm ăn mà nuôi lẫn nhau. Giấy ngắn tình dài, duyên hội ngộ xin đành kiếp sau. Xin cậu soi xét cho phận tôi được yên nơi đất khách.

Nay thơ: Chúc Lan".

Cô viết xong, giao cả thìa khóa cửa cùng các đồ đạc trong nhà cho con nhài ở mấy cô, xong, đến chiều cùng bà cụ láng giềng, lại nhà bà án T...

Mãi đến sáng hôm sau Bùi Sinh mới đến, tiếp được giấy, bụng buồn rầu không xiết, hỏi không biết cô đi đâu. Chàng lấy làm thương cảm vô cùng, muốn tìm cô cho ít tiền lộ phí, nhưng không biết cô đi đâu. Nên đành phải về nhà, Hà thị từ đấy giữ riết không cho bước chân ra khỏi nhà.

4.

Nhà bà án T. ở đầu phố hàng M. nhà làm theo kiểu nhà tây, cao hai từng, trên gác dưới nhà rộng rãi.

Bà lớn vốn là con nhà thi thơ, thuở nhỏ cụ ông cụ bà mất sớm, năm 18 tuổi mới lấy quan án, lúc ấy ngài hãi còn học trò... Cách năm năm sau ngài thi đỗ Cử nhân được bổ làm giáo Thụ, lần lần làm mãi tới Án sát, tất cả ngài làm quan mất hơn hai mươi năm, kinh lịch một vài phủ huyện, am hiểu dân tình phong tục cho nên nhà nước cũng khen ngài là một tay giỏi về chính trị. Ngài vốn cũng là bực phú gia công tử cho nên đến lúc xuất chính làm tới đường quan, lại nhờ được phu nhân là người đảm đang nên chả mấy lâu mà ngài giàu có, phu nhân một tay gánh vác công việc trong nhà, tậu ruộng, buôn ngô, mỗi năm xuất nhập tiền nong có kể bạc vạn. Phu nhân có tậu được 4, 5 cái nhà ở Hà Nội cho thuê... Quan án thất lộc sớm, kể từ ngày ấy nay đã hơn 10 năm rồi, mà phu nhân một lòng thủ tiết nuôi con. Phu nhân người trông đậm đà phúc hậu, năm nay tuổi ngoài 40, người sinh được một cô con gái đặt tên là Bảo Tuệ tuổi 18, 19. Hai mẹ con ở với nhau rất mực yêu thương nhau, cảnh gia đình như thế mà phu nhân vẫn lấy làm buồn, vì rằng người không có con giai, muốn kiếm một chút rể cho vui vẻ trong nhà, thời nhiều chỗ đã dạm hỏi tiểu thơ mà phu nhân xét ra không được xứng đáng, nên cô Bảo Tuệ vì thế chưa lấy ai. Phu nhân nghĩ mình đã già, nghĩ cái cảnh một mẹ một con hiu quạnh thời lấy làm buồn, mới định mượn người đến ở may vá giúp và bầu bạn với tiểu thơ, trông nom đỡ việc nhà. Hôm ý hai mẹ con vừa ăn cơm chiều xong, còn đương xỉa răng uống nước, thời thấy người nhà nói có bà cụ phố hàng N. đưa người đến ở may vá. Phu nhân gật đầu bảo cho vào, một lúc thấy bà cụ đưa cô Chúc Lan đến chào phu nhân. Phu nhân mời ngồi đâu đấy, lấy giầu nước khoản đãi, một

lúc mới hỏi chuyện cô Chúc Lan. Cô cũng đem hết đầu đuôi kể hết phu nhân nghe, phu nhân nghe rõ, vội vàng chạy lại vỗ vai cô, mừng mừng rỡ rỡ mà nói rằng:

"Chết nỗi, thế ra cô là con gái bà Giáo... Ai ngờ bây giờ đến nông nỗi thế này, giá mà tôi biết sớm thời đâu đến nỗi phải đi như thế. Vốn tôi với bà giáo thân sinh ra cô là chị em bạn thân, vì lâu ngày, mỗi người ở một nơi, cho nên không đi lại chơi bời được mấy nhau đó thôi!

Ai ngờ ngày nay, lòng giời run rủi, cô lại gặp tôi là chỗ bà con quen biết, vậy thì hay lắm, cô ở đây bầu bạn với em nó, chị em gặp nhau còn vui gì hơn. Để ít lâu nghe ngóng tin tức cậu Cả sang tây thế nào, tôi sẽ nói cho mợ được đoàn viên hội họp với cậu như xưa.

Phu nhân nói xong liền bảo cô Bảo Tuệ trông nom làm cơm cho cô ăn uống, xong đâu đấy bà cụ về, còn một mình cô, tay ẩm đứa bé, ngồi hầu chuyện phu nhân. Phu nhân là người trung hậu, có lòng thương cảm người nghèo khổ cơ cực nên khi nghe cô thuật chuyện đầu đuôi thì thở dài than văn hoài... Chuyện trò độ 1 giờ, thời chuông đồng hồ đánh 11 tiếng. Phu nhân bèn dặn dò con dọn đẹp chỗ ngủ cho cô, chăn chiếu mùng màn giũ quét sạch sẽ. Bảo Tuệ tiểu thơ thấy cô người dung mạo đoan trang, ăn nói dịu dàng, đi đứng tề chỉnh nên đem lòng mến lắm, mới gặp một lần mà xem ý hai người đã thân mật quyến luyến nhau. Chị em chuyện văn một lúc, rồi cô Bảo Tuệ đi nghỉ, còn một mình cô Chúc Lan cả ngày lo sợ rầu rĩ, người vốn đã yếu, nên nằm trên giường không sao ngủ được.

Lúc này đã nửa đêm, trong nhà ngủ hết, ngoài đường kẻ đi người lại cũng hơi vắng, thỉnh thoảng mới nghe tiếng xe chạy, còn chung quanh thời phẳng lặng, canh khuya chó sủa, dế kêu, cảnh êm đềm tịch mịch chốn cô phòng làm cho cô ngậm ngùi chua xót không tài nào ngủ được. Liền ngồi dậy, mở cửa ra đằng sau, là cái vườn rau của phu nhân mới làm, trồng toàn các thứ rau, cùng một vài cây hoa hồng...

Gương nga vằng vặc, hào quang chiếu rọi, cảnh trên không rộng rãi mênh mông, làn mây từ từ kéo che phủ, mặt giăng lúc sáng lúc mờ, đứng dưới mà nhìn lên cao, trông thấy bầu giời cảnh vật như bao bọc cả vũ trụ, hàng trăm hàng nghìn vì tinh tú vằng vặc

giữa khoảng trời xanh, trông như mấy ngọn đèn pha lê lập lòe trên chốn sầu thành u uất... Có lúc ngọn gió đưa lại, thoảng một cái rồi im, trông thấy cây hoa ở vườn thấp thoáng dưới bóng giăng, rõ ràng muôn nghìn sắc vẻ tươi nghỉ cảnh trời đất lúc này, đối với cảnh buồn của Chúc Lan, thời chẳng là làm nặng nề ảo não cho cô lắm ta?

Ôi, vừa mấy năm về trước, cũng giăng, cũng gió này mà cảnh ngày xưa là cuộc hàn huyên vui vẻ, mẹ con vợ chồng sum họp, đến ngày nay là cảnh tử biệt sinh ly của con người hồng nhan, những lúc này Tử Phần muôn dặm, thơ cá tin nhà vắng vẻ, một vùng cỏ thảm hoa sầu nơi đất khách, cả cái cảm tình, cái sầu tình, cái ái tình chẳng thà đem phó mặc với non sông, nhưng non sông đã phụ khách hồng quần, nghĩ nguồn cơn chẳng đau lòng lắm ru? Nào những lúc còn mẹ con sum họp, nào những lúc gặp gỡ duyên lành, nào những lúc lo nghĩ, nào những lúc bỏ nhà ra đi, muôn dặm xa xôi, đường trường quãng vắng tấm thân gột rửa bao giờ cho xong? Tạo hóa có hiềm chi khách má đào, ghét chi kẻ tài sắc, mà mỗi lúc trong mình như vướng cái giây oan nghiệt, gỡ không sao dứt...

Thương ôi, non nước quê người, quê người một thân. Tình xưa nghĩa cũ bây giờ còn đâu. Chúc Lan cô ơi, những lúc này, tơ lòng đòi đoạn ra làm sao?

Lúc này cái tư tưởng cô quay cả về cái ký vãng. Đã hay rằng cô bây giờ gặp bà con, có chỗ nương thân được yên rồi, nhưng hồi tưởng đến lúc nào, cùng cậu Cả vợ chồng còn đoàn viên hội ngộ mấy nhau, mà bây giờ một thân lẩn núp, một mẹ một con, còn cậu Cả thời từ ngày ấy đến nay không biết lưu lạc nơi nào? Còn sống hay đã chết rồi? Có còn họ hàng thân thích gì hay không? Nghĩ bao nhiêu lại ngậm ngùi bấy nhiêu.

5.

Giời cao thăm thẳm, bể rộng mông mênh, con thuyền nan một lái giữa dòng sông, con người ta ở đời còn có cảnh gì khổ hơn cảnh giang hồ lưu lạc, một mình trên khách địa tha hương, nhưng bực anh hùng sẵn tấm lòng hồ thỉ, thời bốn phương non nước cũng là quê nhà, nhưng lại còn những bực anh tài, vì cảnh tử biệt sinh ly mà phải đem thân đi đó đi đây, thời lòng sầu thảm biết bao?

Kể từ khi cậu Cả bỏ mợ ấy mà đi đến giờ, một thân cùi cụi, không họ hàng, phần thì một đồng một chữ không có, cơn nghiện lắm phen làm cho nửa chết nửa sống, nhưng cũng may nhờ cậu biết đôi ba chữ, nên được làm thơ ký cho một nhà phú hộ ở tỉnh H.D. lương tháng cũng được ngót 20$. Nhờ đó mà cậu được đủ ăn, lắm lúc nghĩ tới nhà cửa thời tấm lòng thổn thức không an.

Xuống tàu rồi trông xa chốn ven giời, mây xanh che phủ, một màu nước lóng lành, xa là núi, gần là mấy rặng tre hiu hắt, chiếc tàu cứ từ từ đi, ngoảnh mặt lại trông Đồ Sơn càng ngày càng xa... Quê cha đất tổ, lòng xa bao xiết nhớ nhung!

Cậu Cả vốn người yếu nên khi ở trên tàu say sóng, người lắc lư, rức đầu, được mấy ngày thì phát bịnh sốt rét, may nhờ có người bạn cùng đi với cậu là ông M. cũng là người làng cậu, hết lòng săn sóc thuốc thang cho, nên được ít lâu bệnh thế cũng nhẹ dần, cách vài hôm sau thì khỏe hẳn, nhưng vốn cậu yếu mà sóng bể làm nghiêng ngửa chiếc tàu, cho nên người lúc nào cũng lảo đảo, còn cậu thì như người mê man, đầu lúc nào cũng rức như búa bổ...

Đêm hôm một mình, trông ra ngoài đầu tàu một khoảng trời rộng rãi, tối um, xa xa như một vùng hắc khí bao bọc lấy mấy ngọn núi, thỉnh thoảng lại nghe tiếng sóng ùa vào tàu, chiếc tàu nghiêng hẳn đi... những lúc bấy giờ lại nghĩ đến nhà đến cửa, đoái thương mấy hàng cách trở, cảm cái cảnh người tựa cửa mong con nay đã về cảnh tiên!

Đi bảy ngày tới Singapore, 12 ngày tới Colombo, nghỉ độ một đêm xong lại qua Hồng Hải (mer rouge), hơn một tháng trời ròng rã, làm bạn với sóng gió, may cũng bình an vô sự.

Mãi đến ngày 36 vọi xa thấy tỉnh Marseille, cậu Cả cùng các người bản xứ lúc này đua nhau đứng mũi tàu để xem dần dần tàu tới nơi, trông ra khác hẳn với bến tàu xứ ta, thật là bến to tàu bè như mắc cửi, phố xá rộng rãi, lâu đài san sát, xe đi ngựa lại như bươm bướm, ngắm cái quang cảnh một chốn thành thị âu tây, mà lượng biết cái văn minh một nước phú cường là thế nào...

Cậu Cả cùng các người bản xứ lúc này ngắm quang cảnh tỉnh, không hề nháy mắt, nhưng họ vui vẻ, mà cậu thì buồn rầu, tấm

lòng lại tưởng nhớ đến nỗi nhà khi xưa, thôi bây giờ gánh tình đã sẻ, thời còn chữ công danh mong sao cho trọn vẹn...

...

Kịp đến lúc hồi hương rồi, thời cậu Cả chưa được bổ, cho nên phải thuê nhà ở riêng một mình, vốn cậu người đã yếu, cho nên trong một năm xa nước, phần thì lao nhược, phần thì đi tàu say sóng, phần thì thương cảm lo nghĩ quá mà người sút hẳn đi, thỉnh thoảng lại thổ ra huyết. Các anh em thấy cậu thế, thường khuyên cậu nên giữ gìn thân thể chớ quá lo nghĩ, sợ rằng không thọ được, thì cậu thở dài mà nói:

"Như tôi có chết, cũng cam tâm chả còn ước mong gì nữa, tôi cũng là người đã biết trọn nghĩa vụ của tôi. Nam nhi chi chí khí, thế cũng là đủ rồi, tang bồng hồ thỉ, cần chi phải công danh hiển hách, sống lâu mà làm chi!".

Những người cùng đi với cậu thấy cậu thế, biết căn bệnh cậu sắp lúc nguy vong rồi, song không hề nói ra, sợ cậu lo rầu sinh hại.

Tin tức những người sang Pháp, về đến xứ Bắc, ngay ngày hôm tàu đỗ Hải Phòng thời các báo đã đăng rõ tường tận tên những người hồi hương, cho nên khi cô Bảo Tuệ xem nhật trình thấy có nói rõ tên chồng cô Chúc Lan (là mợ Cả) thời vội vã bảo cô lập tức.

Cô lấy làm mừng rỡ lắm, mừng là mừng cậu còn, chưa mất, lân la hỏi dò la chỗ cậu ở, mãi mới tìm thấy liền viết cho cậu một cái thơ tự sự như sau này:

"Cậu Cả!

Từ ngày vợ chồng xa cách, xong rồi mỗi người một nơi, tôi hằng hỏi thăm tin tức cậu, bấy lâu bặt tin nhàn cá, tôi lấy đều làm lo sợ, không an, đêm năm canh nghĩ những lúc vợ chồng sum họp, xiết bao tình nặng, nghĩa sâu mà không ngờ cảnh đoàn viên nên cảnh phân ly, chữ chung tình đôi ngã luống lênh đênh.

Lắm phen tôi nghĩ, biết mình lỗi lầm, vì chút tài lợi mà phụ phàng cùng cậu, nhưng hối thì đã muộn lắm, dẫu cậu có lượng tình cũng là con người đơn bạc rồi, nói sao cho lại... Thôi thôi, lòng tôi cay đắng, bây giờ chỉ còn mong đợi ngày quyên sinh, một giây oan nghiệt cho hết má đào...

Nhưng trộm nghe: con người ta hiếu tình không vẹn, thời dẫu có chết cũng thẹn mặt dưới cửu tuyền, nên từ đấy đến nay, tôi một mình hết lòng săn sóc con thơ, mong chờ sau này nó trưởng thành để nối dõi cậu, cùng là gặp mặt cậu một phen, giải hết nguồn cơn cay đắng, thời dẫu nhắm mắt cũng đành tâm.

Than ôi, gương vỡ khó lành, nhưng giây tình ràng buộc, tôi cùng cậu nay phải lìa nhau, há chẳng phải là một cái khổ cho đôi ta lắm ru?

Sau khi cậu tiếp được thơ này nên giả lời cho tôi biết.

Nay thơ: Bạch Thủy[1]"

Cái thơ này viết bỏ giây thép, cho nên hôm sau mới đến nhằm lúc cậu Cả Liễu Oanh đương nằm xem sách, nhận được thơ giở ra xem, xem đi xem lại, nước mắt chứa chan. Cậu cũng tưởng mợ đã tuyệt mệnh rồi, ai ngờ còn sống đến bây giờ, những chuyện năm xưa, bây giờ cậu hồi tưởng đến khác nào như một cơn gió to làm lạnh lẽo nỗi lòng, càng nghĩ càng lấy làm thảm thê trong bụng. Lỗi ấy bởi vì ai, chẳng phải tại cậu quá chơi bơi hút sách, công nợ be bét ư? Đến nông nỗi phải giả hết nợ cho chồng, nếu mợ Cả không bíu lấy Bạc Sở, không nghe lời Bạc Sở, thời chết rồi còn gì, biết lấy ai mà gửi thân cho được?

Ôi con tạo hóa éo le, con ma cờ bạc, ông thần dục tình, đã làm khổ ta, đã làm cho ta vợ chồng khổ sở vì ngươi, thôi nói làm chi nữa thêm buồn!

Bây giờ thơ mợ gửi đến cho cậu, không lẽ cậu không giả lời cho mợ để mợ đến giáp cậu. Cậu nghĩ thế nên viết thư gửi cho mợ, trong thơ nói rằng:

"Tiếp được thơ mợ, tôi lấy làm động lòng thương cảm lắm, thôi lỗi xưa xin bỏ, mời mợ lại chơi ngay, cho tôi được gặp. Nay thơ".

Mợ cả tiếp được thơ vội vàng ăn mặc thuê xe lại phố... là nhà cậu Cả Liễu Oanh mới thuê, tìm vào nhà, thời thấy cậu đương nằm trên giường, mặt mũi buồn bã võ vàng, trông kém xưa nhiều lắm.

---

1. Khi trước tên cô là Bạch Thủy, mãi đến lúc vào xóm Bình Khang mới cải tên là Chúc Lan.

Cậu thấy mợ vào liền ngồi dậy, xem chừng mệt nhọc lắm. Hai hàng nước mắt lúc này chứa chan, mợ thấy cậu thế không cầm lòng được cũng giọt lệ tuôn rơi lã chã... Mợ với cậu lúc này chỉ nhìn nhau mà khóc, không nói được nữa, một lúc cậu cả mới nức nở ôm lấy mợ rồi nói:

"Mợ ơi, như bây giờ tôi gặp mợ đây, thật là giời còn thương tôi, muốn cho tôi còn được trông thấy mợ lần này nữa... Để cho mợ phải đem thân lưu lạc, cũng là tại tôi. Tôi nghĩ như tôi là một đấng nam nhi, không làm gì cho vợ được sung sướng, để cho vợ vì mình phải khổ, thời chữ tình khuyết, để cho cha mẹ vì buồn phiền về con, đến nỗi sớm ly trần là tội rất bất hiếu.

Làm người mà hiếu tình không trọn vẹn thời là người bỏ đi, không nên mở mặt đứng trên đời nữa...

Bây giờ gặp mợ đây, tôi xin tạ lỗi cùng mợ và xin mợ chớ nghĩ tới những chuyện năm xưa tôi đã quá phụ bạc với mợ mà cho tôi được đành tâm nhắm mắt dưới suối vàng, ấy là lòng mợ đã thương tôi".

Nói đoạn kêu to lên một tiếng, hộc ra một cục máu, rồi tắt hơi, năm ấy cậu mới có 38 tuổi. Mợ Cả ôm lấy chồng mà khóc, xong nhờ cậy bà án T. lo giúp việc làm ma cho cậu, để thằng con Bạc Sở mà mợ nuôi ngày nay giữ giòng họ Nguyễn.

Chiều hôm sau, ngoài đường phố... một cái đám ma rất đông người đưa đi có đủ cả quan tây, quan ta, người đi buôn, người làm việc đều đi nghiêm chỉnh giữa đường sau cái nhà táng... Đám ma đi về lối Cầu Giấy Hà Đông là quê của Liễu Oanh công tử.

Sông sầu núi thảm, cảnh quê hương đón khách về tiên.

...

Ma chay cho cậu Cả xong rồi, thời mợ cả ở thủ tang chồng ở nhà bà án T. Đoạn tang, thời cô Bảo Tuệ lấy chồng, bà án T. cũng mất ngay năm sau. Cái nhà phu nhân vẫn hay ở nay thuộc về vợ chồng cô Bảo Tuệ...

Nhờ được tiền vốn ít nhiều mà mợ Cả tảo tần để ra trong mấy năm cư tang chồng ở chung với bà án T. cho nên bây giờ mới thuê nhà riêng cho con nuôi may thuê vá mướn lần hồi cũng đủ ăn tiêu.

...

Người xe nói xong thở dài: "Câu chuyện này nghe rất bi thương, thầy nên chép làm truyện để ghi tích lại đời sau! Thôi giã thầy, tôi đi kéo chỗ khác".

Người xe đi rồi, tôi đứng lại hồi lâu, bụng thương cảm vô cùng, nhìn người đàn bà ấy, nước mắt cũng phải chứa chan, mãi nửa đêm mới về nhà, nghĩ cuộc đời mà ngao ngán.

Phú Thọ, 12 Janvier – 17 Avril 1921
ĐẶNG TRẦN PHẤT

MỤC LỤC
TẬP I (1887-1932)
Quyển 2

• Lời dẫn tập I (1887-1932) 5

1. TẢN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU (1889-1939) 9
   + Giấc mộng con (tập 1 và 2, tiểu thuyết, 1917-1932) 9
2. BỬU ĐÌNH (1903-1931?) 88
   + Mảnh trăng thu (tiểu thuyết, 1931) 88
3. HUỲNH THỊ BẢO HÒA (1896-1982) 363
   + Tây phương mỹ nhân (tiểu thuyết, 1927) 363
4. HOÀNG NGỌC PHÁCH (1896-1973) 441
   + Tố Tâm (tiểu thuyết, 1925) 441
5. TAM LANG VŨ ĐÌNH CHÍ (1900-1983) 506
   + Giọt lệ sông Hương (tiểu thuyết, 1929) 506
   + Đời Hoàng Oanh (tiểu thuyết, 1930) 562
6. ĐẶNG TRẦN PHẤT (1902-1929) 610
   + Cành hoa điểm tuyết (tiểu thuyết, 1921) 610

VĂN XUÔI LÃNG MẠN VIỆT NAM
(1887-2000)

TẬP I (1887–1932)
Quyển 2

*

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
62 NGUYỄN THỊ MINH KHAI – Q.1 – TP.HCM
ĐT: 8225340 – 8296764 – 8220405
FAX: 84.8222726 – EMAIL: nxbtphcm@vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc TRẦN ĐÌNH VIỆT
Biên tập:
Phó giám đốc HOÀNG MAI
Sửa bản in:
Phòng văn học NXB
Bìa + Biên tập mỹ thuật:
NGỌC ANH – VĂN ĐƯỢC
Vi tính:
CẨM HÀ

In 1500 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Xí nghiệp in FAHASA.
Đóng xén tại DNTNSX NGÔI SAO – ĐT: 8640798.
Giấy đăng ký KHXB số: 81–2005/CXB/64–65/THTPHCM
ngày 2/11/2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2005.



Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập I **1887–1932**

... Giai đoạn 1887 đến 1932 là giai đoạn mở đầu cho dòng văn học chữ Quốc ngữ của Việt Nam và, cũng là giai đoạn mở đầu cho dòng văn học lãng mạn. Mặc dù vậy, những tác phẩm lãng mạn thời kỳ này đã sớm khẳng định chỗ đứng của mình trong văn học Việt Nam. Nhiều tác phẩm như những bản tình ca, hấp dẫn, cuốn hút độc giả từ đầu đến cuối. Và ở đấy cũng không thiếu những tráng ca và bi ca... mà dư vị ngọt ngào và đắng cay còn lại cho đến thế kỷ 21.

Vietnamese Romantic Prose 1887–2000

Volume I 1887–1932

The period from 1887 to 1932 is the initial stage of the literary current using *chữ quốc ngữ* (Vietnamese romanised script) and also that of the romantic prose current. Though in their initial stage, the romantic literary works in this period have soon got a footing in Vietnamese literature. Many works manifesting themselves as arresting love songs capture the readers' attention from cover to cover. And quite a few bittersweet epics and elegies still remain until the 21 century.

0109913

GIÁ: 102.000đ